Digitized by Google

Digitized by Google

Digitized by Google

Digitized by Google

Digitized by Google

Digitized by Google

Digitized by Google

V5
H63
v. 1996
no. 1
MAIN

Tạp chí Cộng sản

The Library - UC Berkeley
Received on: 06-05-96
Tap chi cong san : C quan ly luan va chinh tri ca dang cong san Viet-Nam

1
1-1996

Digitized by Google

Một số hình ảnh, trong buổi kỷ niệm

Digitized by Google

Tạp chí Cộng sản

CƠ QUAN LÝ LUẬN VÀ CHÍNH TRỊ CỦA
TRUNG ƯƠNG ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

Số 487

BỘ BIÊN TẬP : *1 Nguyễn Thượng Hiền, Hà nội - Dây nói : 252061 - 252062*
Cơ quan thường trú tại miền Nam : *19 Phạm Ngọc Thạch, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh - Dây nói : 225768*

MỤC LỤC

KỶ NIỆM 65 NĂM TẠP CHÍ LÝ LUẬN - CHÍNH TRỊ CỦA ĐẢNG RA SỐ ĐẦU (1930 - 1995) VÀ 40 NĂM RA ĐỀU KỲ (12.1955 - 12.1995)	● Lời chúc của Tổng bí thư Đỗ Mười ..... 3 ● Thiếp mừng của Đại tướng Võ Nguyên Giáp ..... 4 ● Phát biểu của Đồng chí Đào Duy Tùng : "Mãi mãi xứng đáng là ngọn cờ tư tưởng và lý luận của Đảng" ..... 5 ● Lễ kỷ niệm 65 năm Tạp chí lý luận của Đảng ra số đầu và 40 năm *Tạp chí Cộng sản* ra đều kỳ 8
NHÂN KỶ NIỆM 50 NĂM QUỐC HỘI NƯỚC CHXHCN VIỆT NAM (1946 - 1996)	VŨ MÃO - Từ tư tưởng độc lập tự do đến sự ra đời Quốc hội đầu tiên của nước Việt nam mới ..... 11 HẢI ANH - Bộ luật dân sự đáp ứng yêu cầu cuộc sống và nguyện vọng của nhân dân 15
TIẾN TỚI ĐẠI HỘI ĐẠI BIỂU TOÀN QUỐC LẦN THỨ VIII CỦA ĐẢNG	TRẦN ĐÌNH HOAN - Phương hướng cơ bản giải quyết việc làm ở nước ta hiện nay ..... 21 PHAN VĂN TIỆM - Tiếp tục sắp xếp và đổi mới doanh nghiệp nhà nước ..... 25 TÔ HUY RỬA - Con đường tiến lên chủ nghĩa xã hội "xuyên qua chủ nghĩa tư bản nhà nước" ở Việt nam 30
NGHIÊN CỨU - TRAO ĐỔI	PHẠM VĂN KHÁNH - Nhân quyền Việt nam ..... 35 NGUYỄN CHƠN TRUNG - Hợp tác xã trong nền kinh tế thị trường theo định hướng xã hội chủ nghĩa 39
THỰC TIỄN - KINH NGHIỆM	LƯU NGỌC PHẢI - Một số vấn đề về doanh nghiệp công nghiệp nhà nước ở Thanh hóa ..... 43 LÊ BỬU - Phát triển thể dục thể thao phục vụ sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước 47
SINH HOẠT TƯ TƯỞNG	VŨ LÂN - Xã trưởng "chơi ngông" 51
THẾ GIỚI : VẤN ĐỀ, SỰ KIỆN	VÕ THỦ PHƯƠNG - Bức tranh thế giới năm 1995 53
QUA SÁCH BÁO NƯỚC NGOÀI	XÉC-GI-Ô RA-MI-RÉT - Tính hiệu lực của chủ nghĩa Mác trong thời đại hiện nay 57
TÌM HIỂU KHÁI NIỆM	Cá nhân. Pháp nhân. Quyền nhân thân 60
TIN HOẠT ĐỘNG LÝ LUẬN - THỰC TIỄN	Hội thảo khoa học : *"Đổi mới để phát huy vai trò chủ đạo của doanh nghiệp nhà nước"* 61

Bìa 1 : *Đồng chí Đào Duy Tùng trao tặng bức trướng của BCH TƯ Đảng cho Tạp chí Cộng sản*
Ảnh : XUÂN LÂM

Digitized by Google

СОДЕРЖАНИЕ

• По случаю 65 - летия со дня выхода первого номера партийного теоретического и политического журнала (1930-1995) и 40-летия его постоянной публикации (Декабрь 1955ого года - декабрь 1995ого года)* • Поздравление Генерального Секретаря КПВ До Мыой • Рукопись поздравления Генерала Во Нгуен Зала - • Речь Тов. Дао Зуй Тунга : "Всегда достойн быть идейным и теоретическим знаменем партии" • Церемония по случаю 65-летия со дня выхода первого номера партийного теоретического журнала и 40-летия постоянной публикации журнала "коммунист" • По случаю 50-летия Национального Собрания СРВ (1946-1996)* ВУ МАО - От идей о незави - симости и свободе к рождению Первого Национального Собрания Нового Вьетнама. ХАЙ АНЬ - Гражданский кодекс отвечает требованиям жизни и желаниям народа • К 8^{ому} всенациональному съезду партийных представителей * ЧАН ДИНЬ ХОАН - Основные ориентации в решении безработицы в нашей стране на данном этапе. ФАН ВАН ТЬЕМ : Дальнейшая перестановка и обновление государственных предприятий - ТО ТХУ РЫА - Путь к социализму "через государственный капитализм" во вьетнаме • Исследование - Обмен мнениями * ФАМ ВАН ХАНЬ : Права человека во Вьетнаме. НГУЕН ТЬОН ЧУНГ - Кооперативы в рыночной экономике с социалистической ориентацией • Мир : проблемы события * ВО ТХУ ФЫОНГ - Мировая панорама 1995ого года.

CONTENTS

• *On the 65th anniversary of the First Issue of the Party's politico-theore-tical review (1930-1945) and the 40th anniversary of its regular publication (12.1955 - 12.1995)* * • The congretulation of Secretary General Đỗ Mười. The card of congratulation by Gen. Võ Nguyên Giáp • The speech of comrade Đào Duy Tùng : "Always deserve to be the flag of ideology and theory of the Party" • The ceremony celebrating the 65th anniversary of the first issue of the Party's politico-theoretical review and 40th anniversary of the regular publication of the Communist Review • *On the 50th anniversary of the National Assembly of the Socialist Republic of Vietnam (1946-1996)* * VŨ MÀO - From the thoughts of independence and freedom to the birth of the first National Assembly of the new Vietnam. HẢI ANH - The civil Code meeting the demands of life and aspirations of the people • *Towards the 8th National Congress of Party's Delegates* * TRẦN ĐÌNH HOAN - Main directions to dealing with the unemployment in our country at present. PHAN VAN TIỆM - Continuing to rearrange and renovate State-run enterprises. TÔ HUY RÚA The path to socialism "through State capitalism" in Vietnam • *Research - Exchange of Views* * PHẠM VAN KHÁNH - The Human Rights in Vietnam. NGUYỄN CHON TRUNG - The cooperative in the market economy under the socialist orientation • *The World : Its problems and facts* * VŨ THỤ PHƯƠNG - The panorama of the World in the year 1995.

SOMMAIRE

• *65e anniversaire de la parution du premier numéro (1930-1995) et 40e anniversaire de la parution mensuelle (décembre 1995-décembre 1995)* de la Revue théorique et politique du Parti. • Félicitation du Secrétaire Général Đỗ Mười - Carte de félicitation du Général Võ Nguyên Giáp • Intervention du Camarade Đao Duy Tùng : "Soyons à jamais digne d'être le porte-drapeau idéologique et théorique du Parti" • Cérémonie de commémoration • *A l'occasion du 50e anniversaire de l'Assemblée nationale de la R.S.V (1946-1995)* * VŨ MÀO - De la pensée sur l'indépendance et la liberté à la naissance de la première Assemblée nationale du Vietnam nouveau. HẢI ANH - Le code civil satisfait les besoins de vie et l'aspiration du peuple • *Vers le VIIIe Congrès national du Parti* * TRẦN ĐÌNH HOAN - Des orientations fondamentales dans le création des emplois au Vietnam à l'heure actuelle - Phan Van Tiem - Continuer à réaménager et rénover les entreprises d'État - TÔ HUY RÚA - Le chemin vers le socialisme "traversant le capitalisme d'État" au Vietnam • *Etudes - Echange de vues* * PHẠM VAN KHÁNH - Droit de l'homme au Vietnam - NGUYỄN CHON TRUNG - Les coopératives dans l'économie de marché suivant l'orientation socialiste • *Le Monde : problèmes, événements* * VÔ THỤ PHƯƠNG - Le panorama du monde de 1995.

SUMARIO

• *65 aniversario de la primera publicación de la Revista teórica-política del Partido (1930 - 1995) y 40 aniversario dela publicación periódica (12/1955 - 12/1995)* * • Felicitación del Secretario General Đỗ Mười • Tarjeta de felicitación del General Võ Nguyên Giáp • Palabras del camarada Đào Duy Tùng : "Siendo siempre el banderín ideológico y teórico del Partido" • Acto del 65 aniversario de la primera publicación de la Revista teórica del Partido y 40 aniversario de su publicación periódica • *50 aniversario de la Asamblea Nacional de la República Socialista de Vietnam (1946-1996)* * VŨ MÀO - De la ideología de independencia y libertad a la creación de la Primera Asamblea Nacional del Vietnam nuevo. HẢI ANH - El Código Civil, una respuesta a la exigencia de la vida y la aspiración del pueblo • *Hacia el Octavo Congreso Nacional del Partido* * TRẦN ĐÌNH HOAN - Orientaciones básicas para resolver el problema laboral en Vietnam actual. PHAN VAN TIỆM - Continuación de la organización y renovación en las empresas estatales. TÔ HUY RÚA - El camino hacia el socialismo "por conducto del capitalismo de Estado" en Vietnam • *Estudios - Intercambios* * PHẠM VAN KHÁNH - El derecho humano vietnamita. NGUYỄN CHON TRUNG - La cooperativa en la economía de mercado a la orientación socialista • *El Mundo : Problemas y acontecimientos* * VÔ THỤ PHƯƠNG - El panorama mundial de 1995.

目錄

●紀念黨的理論——政治雜誌創刊65周年(1930年至1995年)紀念雜誌按期發行40周年(1955年12月至1995年12月) ★ 杜梅總書記賀詞 ● 武元甲大將賀詞 ● 陶維松同志發言：〈永遠要與黨的思想理論旗幟相稱〉 ● 黨的理論——政治雜誌創刊65周年以及〈共產雜誌〉發行40周年紀念會 ● 越南社會主義共和國國會50周年紀念日(1946年—1996年) ★ 武卯：〈從獨立自由思想到越南國會的誕生〉 ● 海英：〈〈民事法〉滿足了人民生活及其願望的要求〉 ●迎接黨八大會議的召開★陳亨歡：〈解決我國就業問題的基本方向〉 ● 潘文漸：〈繼續調整和革新國有企業〉 ● 蘇輝若：〈越南"穿過國家資本主義"向社會主義邁進的道路〉 ●研究—交換★范文慶：〈越南的人權問題〉 ● 范貞忠：〈按社會主義定向的市場經濟中的合作社〉 ●世界：問題--事件★武守方：〈1995年世界一覽〉

Digitized by Google

Lời chúc của Tổng bí thư ĐỖ MƯỜI

Tôi thân ái chúc mừng nhân dịp Kỷ niệm 65 năm ngày Tạp chí lý luận của Đảng cộng sản Việt nam ra đời và xin tặng các đồng chí mấy câu sau đây :

Sáu nhăm năm cờ Đảng giương cao
lấy lý luận Mác - Lê làm vũ khí
Bảy chục triệu đồng bào đứng dậy
đem tư tưởng Bác Hồ chỉ lối đến tương lai

Thân ái,

ĐỖ MƯỜI

Tổng bí thư
Ban chấp hành trung ương
Đảng cộng sản Việt nam

15.12.1995

Digitized by Google

Thiếp mừng của Đại tướng Võ Nguyên Giáp

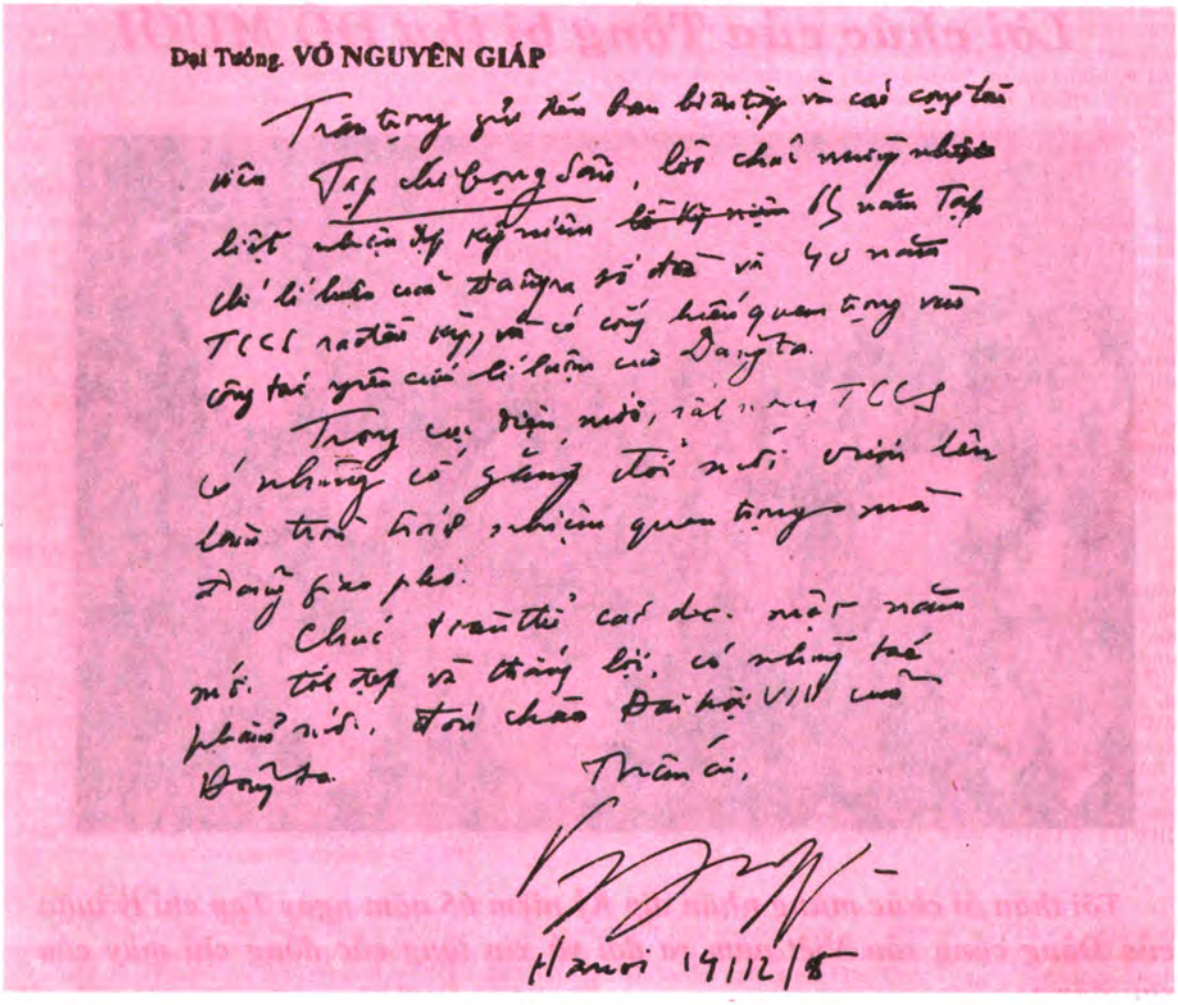

Đại Tướng VÕ NGUYÊN GIÁP

Trân trọng gửi đến ban biên tập và cán bộ công tác trên Tạp chí Cộng Sản, lời chúc mừng nhiệt liệt nhân dịp kỷ niệm lần kỷ niệm 65 năm Tạp chí lý luận của Đảng ta và 40 năm TCCS ra đời (1960), và có cảm tưởng quan tâm của công tác viên của lý luận của Đảng ta.

Trong cuộc đổi mới, tạp chí TCCS có những cố gắng tới nữa vượt lên làm tròn hơn nhiệm quan trọng mà Đảng giao phó.

Chúc thành công tốt đẹp. một năm mới tốt đẹp và thắng lợi, có những tiến bộ mới, tới chào Đại hội VIII của Đảng ta.

Trân ái,

Hà nội 14/12/95

LỜI CẢM ƠN

Trong dịp kỷ niệm 65 năm Tạp chí lý luận của Đảng (1930 - 1995), Bộ biên tập *Tạp chí Cộng sản* nhận được điện, thư, thiếp, lẵng hoa, tặng phẩm chúc mừng, và sự giúp đỡ nhiệt tình, thiết thực của nhiều cơ quan Đảng, Nhà nước, đoàn thể, các ngành, viện nghiên cứu, trường đại học, các báo, đài... ở trung ương và địa phương ; nhiều cá nhân trong nước và nước ngoài.

Chúng tôi xin chân thành cảm ơn sự quan tâm sâu sắc và những tình cảm quý báu của các đồng chí dành cho Tạp chí lý luận chính trị của Trung ương Đảng. Đây là sự động viên, khích lệ to lớn đối với chúng tôi.

Yêu cầu của cách mạng đang đặt ra cho công tác lý luận những nhiệm vụ quan trọng và nặng nề. Tập thể Bộ biên tập Tạp chí Cộng sản sẽ cố gắng nhiều hơn nữa, phấn đấu hoàn thành tốt nhiệm vụ để xứng đáng với sự tin cậy và lòng mong mỏi của các đồng chí và bạn đọc gần xa.

BỘ BIÊN TẬP TẠP CHÍ CỘNG SẢN

Digitized by Google

MÃI MÃI XỨNG ĐÁNG LÀ NGỌN CỜ TƯ TƯỞNG VÀ LÝ LUẬN CỦA ĐẢNG*

ĐÀO DUY TÙNG *

Thưa các đồng chí,

Tôi rất phấn khởi đến dự lễ kỷ niệm 65 năm Tạp chí lý luận của Đảng ra số đầu và 40 năm Tạp chí xuất bản đều kỳ. Nhân dịp kỷ niệm trọng thể này, thay mặt Trung ương Đảng, tôi xin gửi đến các đồng chí cán bộ, nhân viên trong Bộ biên tập và toàn thể các cộng tác viên, thông tin viên, anh chị em công nhân Nhà in của Tạp chí những lời chúc mừng nồng nhiệt nhất.

Như các đồng chí đã biết, Đảng ta rất coi trọng công tác lý luận. Chỉ mấy tháng sau khi thành lập Đảng, Bác Hồ và Trung ương Đảng đã cho xuất bản tạp chí *Đỏ*, tạp chí lý luận đầu tiên của Đảng.

Tiếp theo tạp chí *Đỏ* là *Tạp chí Cộng sản* (1931), tạp chí *Bôn-sơ-vic* (1934 - 1936), *Tạp chí Cộng sản* (1941), *Tạp chí Cộng sản* (1943), Tạp chí *Sinh hoạt nội bộ* (1947- 1950), *Tạp chí Cộng sản* (1950), Tạp chí *Học tập* (1955 - 1976) và *Tạp chí Cộng sản* (1977 đến nay).

Trong hai cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ xâm lược, mặc dù ở xa Trung ương, mặc dù phải khắc phục rất nhiều khó khăn, thiếu thốn, nguy hiểm, Trung ương Cục của Đảng ở miền Nam đã xuất bản tạp chí *Nghiên cứu* (1951 - 1953) và tạp chí *Tiền phong* (1962 - 1975).

Như vậy là Tạp chí lý luận của Đảng đã có bề dày lịch sử 65 năm, trong đó có 40 năm ra liên tục đều kỳ hằng tháng. Quá trình phát triển của Tạp chí gắn liền với quá trình cách

★ Bài phát biểu tại Lễ kỷ niệm 65 năm Ngày thành lập *Tạp chí cộng sản*

* Ủy viên Bộ chính trị, Bí thư thường trực.

Digitized by Google

mạng và quá trình phát triển tư tưởng lý luận của Đảng ta.

Trong suốt 65 năm qua, Tạp chí lý luận của Đảng, dù với tên gọi này hoặc tên gọi khác tùy theo từng thời kỳ, đã không ngừng phấn đấu để trở thành ngọn cờ tư tưởng và lý luận của Đảng. Trong từng chặng đường phát triển của lịch sử Đảng, đặc biệt là những lúc cách mạng chuyển giai đoạn, Tạp chí đã góp phần vào công tác lãnh đạo và chỉ đạo của Đảng, làm sáng tỏ đường lối, quan điểm tư tưởng của Đảng, bồi dưỡng trình độ lý luận và chính trị cho cán bộ, đảng viên ; kịp thời phê phán các quan điểm tư tưởng sai trái, tăng cường sự nhất trí trong Đảng và động viên phong trào hành động cách mạng của nhân dân. Có thể nói, trong các thời kỳ, Tạp chí đã hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao, góp phần vào thắng lợi chung của cách mạng, của kháng chiến, của sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Huân chương Hồ Chí Minh, phần thưởng cao quý mà Đảng và Nhà nước đã tặng thưởng cho Tạp chí năm 1985 là sự khẳng định những đóng góp to lớn của Tạp chí.

Trong thư gửi Bộ biên tập Tạp chí ngày 3-12-1985, đồng chí Trường Chinh đã nói rõ : "Dưới sự lãnh đạo chặt chẽ của Trung ương Đảng, *Tạp chí Cộng sản* đã cố gắng kết hợp lý luận Mác - Lê-nin với thực tiễn cách mạng Việt nam để tuyên truyền đường lối, phương châm, chính sách của Đảng và Nhà nước ta một cách sâu sắc. Tạp chí đã góp phần nâng cao trình độ lý luận và chính trị của cán bộ, đảng viên, động viên phong trào hành động cách mạng của quần chúng. Đông đảo cán bộ trong Đảng và ngoài Đảng coi Tạp chí là tài liệu tin cậy để học tập, nghiên cứu đường lối, chính sách và quan điểm của Đảng và Nhà nước ta. *Tạp chí Cộng sản* xứng đáng là ngọn cờ lý luận của Đảng cộng sản Việt nam".

Trong công cuộc đổi mới do Đảng ta khởi xướng và lãnh đạo, *Tạp chí Cộng sản* đã tiếp tục phát huy được truyền thống và những ưu điểm nói trên, đồng thời có những bước tiến mới. Nội dung của Tạp chí được chuyển hướng để bắt kịp những yêu cầu của giai đoạn mới. Nhiều lĩnh vực quan trọng của công cuộc đổi mới đã được Tạp chí đề cập dưới ánh sáng của tư duy mới đúng đắn. Tạp chí đã tập trung làm sáng tỏ và tuyên truyền rộng rãi những quan điểm của Đại hội VI, Đại hội VII và của Hội nghị đại biểu giữa nhiệm kỳ ; các nghị quyết của Ban chấp hành trung ương, Bộ chính trị, Ban bí thư ; các chủ trương, chính sách lớn của Nhà nước. Vận dụng chủ nghĩa Mác - Lê-nin và tư tưởng Hồ Chí Minh vào hoàn cảnh cụ thể của nước ta, Tạp chí đã lý giải, phân tích và bước đầu tổng kết một số vấn đề nóng hổi của công cuộc đổi mới, đã nghiên cứu và giới thiệu kinh nghiệm của các điển hình tiên tiến. Tạp chí đã phê phán những quan điểm sai trái và những hiện tượng tiêu cực trong xã hội, bảo vệ chủ nghĩa Mác - Lê-nin, bảo vệ quan điểm và đường lối của Đảng, củng cố niềm tin và định hướng chính trị, tăng cường đoàn kết thống nhất trong Đảng và trong nhân dân. Tạp chí đã góp phần trang bị cho cán bộ, đảng viên và đông đảo bạn đọc những nhận thức mới, đúng đắn.

Tạp chí cũng đã có những cải tiến về hình thức. Bài viết ngắn gọn, thể loại đa dạng, trình bày và in ấn đẹp hơn. Từ tháng 7-1995, Tạp chí đã ra mỗi tháng 2 kỳ, mang đến cho bạn đọc những thông tin kịp thời hơn. Trong hoàn cảnh cơ chế thị trường, nhiều loại báo và tạp chí xuất hiện và dĩ nhiên có sự cạnh tranh, *Tạp chí Cộng sản* vẫn tăng được số lượng phát hành, được bạn đọc tin cậy. Trung ương Đảng đánh giá cao những thành tựu của Tạp chí trong sự nghiệp đổi mới. Những thành tựu đó trước hết là do sự nỗ lực bản thân của Bộ biên tập, đồng thời có sự đóng góp to lớn của đội ngũ cộng tác viên, và sự ủng hộ, phối hợp của các cấp, các ngành trong việc in ấn, phổ biến, phát hành tạp chí. Thay mặt Ban chấp hành trung ương Đảng, tôi nhiệt liệt biểu dương những đóng góp tích cực đó của các đồng chí.

Tuy nhiên, bên cạnh những mặt tốt nói trên, Tạp chí cũng còn một số hạn chế và nhược điểm. Nhìn chung, chất lượng lý luận và tính chiến đấu của Tạp chí chưa cao, chưa ngang tầm nhiệm vụ. Không ít vấn đề nóng hổi của cuộc sống chưa được Tạp chí đề cập kịp thời. Các bài tổng kết thực tiễn, điều tra phát hiện nhân tố mới chưa nhiều. Việc phê phán các nhận thức lệch lạc, chống lại những luận điệu xuyên tạc có lúc chưa kịp thời và chưa có sức thuyết phục cao.

Digitized by Google

Thưa các đồng chí,

Hiện nay, cách mạng nước ta đang chuyển sang thời kỳ phát triển mới. Toàn đảng, toàn dân ta đang ra sức nắm bắt thời cơ, đẩy lùi nguy cơ, giữ vững ổn định chính trị, đẩy mạnh công cuộc đổi mới, tiến hành công nghiệp hóa, hiện đại hóa, đưa đất nước ra khỏi nghèo nàn, lạc hậu, vì mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội.

Những nhiệm vụ cách mạng lớn lao đó đặt ra cho công tác lý luận những yêu cầu rất quan trọng. Bộ chính trị đã có nghị quyết về công tác lý luận và nghị quyết "Về một số định hướng lớn trong công tác tư tưởng hiện nay". Cùng với các cơ quan lý luận và tư tưởng khác, *Tạp chí Cộng sản* phải quán triệt và thực hiện tốt những nội dung của các nghị quyết đó.

Ở đây tôi muốn nhấn mạnh thêm một số điểm.

Hiện nay có nhiều vấn đề lý luận và thực tiễn cần nghiên cứu, nhưng vấn đề cốt lõi nhất phải tập trung là vấn đề gì ? Trong bài phát biểu khai mạc tại Hội nghị Trung ương 9 (khóa VII) vừa rồi, đồng chí Tổng bí thư Đỗ Mười đã chỉ rõ : "Đó là vấn đề *tiếp tục bổ sung, phát triển quan niệm về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta.* Cũng có thể nói, *đây là vấn đề tiếp tục cụ thể hóa mô hình xây dựng chủ nghĩa xã hội trong thời kỳ quá độ ở Việt nam dựa trên nền tảng chủ nghĩa Mác - Lê-nin và tư tưởng Hồ Chí Minh*". Đây là một định hướng rất cơ bản, đề nghị các cơ quan lý luận - tư tưởng tập trung đi sâu, làm sáng tỏ.

Từ vấn đề cốt lõi nói trên, chúng ta cần cụ thể hóa vào từng ngành, từng lĩnh vực công tác, vào từng mặt hoạt động để phân rõ đúng, sai ; điều phải làm, điều nên tránh. Mặc khác, trong sự nghiệp đổi mới, ở không ít địa phương và ngành đã có những việc làm tốt, sáng tạo, đã có những kinh nghiệm hay đòi hỏi được phát hiện, tổng kết, để tìm ra những mô hình cụ thể cho từng lĩnh vực, từng địa phương và cơ sở. Làm như vậy cũng tức là chúng ta vận dụng chủ nghĩa Mác - Lê-nin và tư tưởng Hồ Chí Minh vào thực tiễn đất nước, lấy sự phong phú của thực tiễn làm nội dung nghiên cứu lý luận để rồi dùng lý luận soi sáng cho thực tiễn phát triển ngày càng tốt hơn. Đó là cách tốt nhất để làm cho chủ nghĩa Mác - Lê-nin, tư tưởng Hồ Chí Minh mãi mãi là vũ khí tinh thần của chúng ta, dẫn dắt chúng ta đạt những mục tiêu đã định.

Trong điều kiện phát triển kinh tế hàng hóa nhiều thành phần vận động theo cơ chế thị trường, mở cửa giao lưu quốc tế, dân chủ hóa xã hội, bên cạnh mặt tích cực, cuộc đấu tranh về tư tưởng, văn hóa cũng sẽ diễn ra ngày càng phức tạp. Có những thế lực nhân cơ hội này tăng cường hoạt động chống phá chúng ta về mặt tư tưởng. Họ đang tìm mọi cách để phủ nhận thành tựu cách mạng, bôi nhọ lịch sử, xuyên tạc đường lối đổi mới của Đảng và Nhà nước. Công tác lý luận - tư tưởng phải có sức phản công kịp thời, sắc bén. Trên lĩnh vực lý luận - tư tưởng, sự thỏa hiệp và lùi bước sẽ mang lại những hậu quả rất xấu.

Là cơ quan lý luận và chính trị của Trung ương Đảng, *Tạp chí Cộng sản* có trách nhiệm tham gia tích cực vào những nội dung nói trên của công tác lý luận. Những công việc đó lâu nay các đồng chí đã làm, nhưng nay cần tiếp tục làm một cách khẩn trương, sắc sảo và có hiệu quả thiết thực hơn. Trước mắt, cần cụ thể hóa những công việc đó vào nội dung kế hoạch phục vụ việc tuyên truyền Đại hội VIII của Đảng.

Là một tờ báo, Tạp chí cần quan tâm hơn nữa đến việc thu hút ngày càng đông đảo bạn đọc. Đi đôi với việc làm cho nội dung bài vở ngày càng sát cuộc sống, ngày càng sâu sắc, có tính lý luận và tính chiến đấu cao, Tạp chí phải chăm lo cải tiến cả các khâu khác, từ việc tìm ra nhiều thể loại mới hợp với chức năng Tạp chí cho đến việc in ấn đẹp hơn, phát hành nhanh, rộng hơn.

Thưa các đồng chí,

Có thể nói, chưa bao giờ công tác lý luận của chúng ta đứng trước những khó khăn và phức tạp như hiện nay ; nhưng cũng chưa bao giờ công tác lý luận có cơ hội đóng góp sáng tạo rộng lớn bằng lúc này. Trong không khí vui mừng của buổi lễ kỷ niệm hôm nay, tôi xin chúc *Tạp chí Cộng sản* có những bước tiến mới, ngày càng xứng đáng là ngọn cờ tư tưởng và lý luận của Đảng ❑

Digitized by Google

LỄ KỶ NIỆM 65 NĂM TẠP CHÍ LÝ LUẬN CỦA ĐẢNG RA SỐ ĐẦU VÀ 40 NĂM TẠP CHÍ CỘNG SẢN RA ĐỀU KỲ

TRONG không khí tự hào và tràn đầy phấn khởi, sáng 15-12-1995, tại hội trường lớn Bảo tàng Hồ Chí Minh, Hà nội, Bộ biên tập *Tạp chí Cộng sản* đã tổ chức trọng thể lễ kỷ niệm 65 năm Tạp chí lý luận của Đảng ra số đầu và 40 năm ra đều kỳ.

Đến dự có các đồng chí : Đỗ Mười, Tổng bí thư của Đảng ; Võ Chí Công, cố vấn BCH TƯ Đảng ; Đào Duy Tùng, Ủy viên Bộ chính trị, thường trực Ban bí thư ; Vũ Oanh, Ủy viên Bộ chính trị, Bí thư trung ương Đảng; Nguyễn Đức Bình, Ủy viên Bộ chính trị, Bí thư trung ương Đảng ; Tố Hữu, nguyên Ủy viên Bộ chính trị, Bí thư trung ương Đảng. Đến dự có nhiều đồng chí Ủy viên Trung ương Đảng : Lê Xuân Trinh, Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng chính phủ ; Phan Diễn, Chánh văn phòng Trung ương Đảng ; Phạm Hưng, Chánh án tòa án nhân dân tối cao ; Phan Ngọc Tường, Bộ trưởng, Trưởng ban tổ chức cán bộ của chính phủ ; Trần Hoàn, Bộ trưởng Bộ văn hóa thông tin ; Đặng Văn Thân, Tổng cục trưởng Tổng cục bưu điện; Hữu Thọ, Tổng biên tập báo Nhân dân ; Đỗ Phượng, Tổng giám đốc Thông tấn xã Việt nam ; Cù Thị Hậu, Phó chủ tịch Tổng liên đoàn lao động Việt nam ; nhiều đồng chí lãnh đạo các bộ, ban, ngành, đoàn thể ở trung ương ; lãnh đạo Bộ quốc phòng, Bộ nội vụ, Hội nhà báo ; đại diện một số tỉnh ủy, quận ủy, huyện ủy như : Hà nội, Vĩnh phú, Hải hưng, Hà tây, Nam định... ; lãnh đạo các cơ quan nghiên cứu lý luận ; lãnh đạo các báo, tạp chí ở Hà nội ; các đồng chí cộng tác viên, các cán bộ lão thành, cùng đông đảo cán bộ, biên tập viên, nhân viên của Bộ biên tập và Nhà in Tạp chí Cộng sản.

Đại tướng Võ Nguyên Giáp không đến dự được đã gửi thư chúc mừng. Các đồng chí Bí thư tỉnh ủy Nghệ an, tỉnh ủy Hà tĩnh gửi điện chúc mừng. Nhiều tỉnh ủy, địa phương, đơn vị, cơ quan, đoàn thể, các ngành, viện, trường đại học và các báo bạn... đã gửi lẵng hoa, thiếp chúc mừng.

Ông Ban dít, Chủ tịch danh dự Hiệp hội nhà báo ASEAN, Hiệp hội nhà báo Thái lan cũng có thư chúc mừng gửi Bộ biên tập Tạp chí.

Đúng 9 giờ, buổi lễ kỷ niệm trọng thể bắt đầu. Đồng chí Nguyễn Phú Trọng, Ủy viên Trung ương Đảng, Tổng biên tập đọc diễn văn nêu quá trình phát triển và trưởng thành của Tạp chí ; những nội dung, phương hướng phấn đấu và biện pháp thực hiện trong thời gian tới để Tạp chí tiếp tục phát huy truyền thống vẻ vang của mình, mãi mãi xứng đáng là ngọn cờ tư tưởng và lý luận của Đảng.

Tạp chí lý luận - chính trị của Đảng có lịch sử phát triển 65 năm, ra đời từ ngày đầu khi Đảng cộng sản Việt nam thành lập và do Bác Hồ trực tiếp sáng lập, phụ trách. Qua từng thời kỳ cách mạng, để phù hợp với nhiệm vụ cách mạng và công tác tuyên truyền giáo dục của Đảng, Tạp chí có những tên gọi khác nhau như : Tạp chí *Đỏ*, Tạp chí *Cộng sản*, Tạp chí *Bôn-sơ-vic*, Tạp chí *Sinh hoạt nội bộ*, Tạp chí *Học tập*... trong đó có năm lần lấy tên là *Tạp chí Cộng sản*, nhưng tất cả đều là cơ quan lý luận - chính

Digitized by Google

trị của Đảng, do Chủ tịch Hồ Chí Minh, các đồng chí Tổng bí thư, Bộ chính trị, Ban bí thư trực tiếp lãnh đạo, chỉ đạo.

Nhận thức sâu sắc vị trí, vai trò của mình trên mặt trận chính trị - lý luận của Đảng, mấy chục năm qua, các thế hệ cán bộ, biên tập viên, công nhân viên của *Tạp chí Cộng sản* đã phấn đấu không ngừng về mọi mặt, hoàn thành tốt nhiệm vụ chính trị được giao, đạt được những thành tựu cả về nội dung chất lượng và số lượng phát hành Tạp chí, về bồi dưỡng đội ngũ cán bộ, xây dựng và mở rộng đội ngũ cộng tác viên, chăm lo xây dựng Đảng và các đoàn thể vững mạnh. *Tạp chí Cộng sản* đã vinh dự được Đảng và Nhà nước tặng thưởng Huân chương Hồ Chí Minh và nhiều huân chương cao quý khác.

Tự hào với những thành tích đã đạt được, nghiêm khắc với những thiếu sót và bất cập của mình ; thấy rõ trách nhiệm to lớn, nặng nề trong thời gian tới, tập thể cán bộ, biên tập viên, nhân viên của *Tạp chí Cộng sản* nỗ lực phấn đấu vươn lên ngang tầm với yêu cầu, nhiệm vụ của công tác tư tưởng - lý luận trong thời kỳ mới.

Thay mặt Ban chấp hành trung ương Đảng, đồng chí Đào Duy Tùng đã phát biểu ý kiến, biểu dương những bước trưởng thành, những đóng góp to lớn của Tạp chí trong sự nghiệp cách mạng nói chung và những thành tựu trong công cuộc đổi mới nói riêng. Đồng chí nói : "Trung ương Đảng đánh giá cao những thành tựu của Tạp chí trong sự nghiệp đổi mới. Những thành tựu đó trước hết là do sự nỗ lực bản thân của Bộ Biên tập, đồng thời có sự đóng góp to lớn của đội ngũ cộng tác viên, và sự ủng hộ phối hợp của các cấp, các ngành trong việc in ấn, phổ biến, phát hành tạp chí". Đồng chí cũng đã chỉ ra một số hạn chế và nhược điểm như : "Nhìn chung chất lượng lý luận và tính chiến đấu của Tạp chí chưa cao, chưa ngang tầm nhiệm vụ. Không ít vấn đề nóng hổi của cuộc sống chưa được Tạp chí đề cập kịp thời. Các bài tổng kết thực tiễn, điều tra, phát hiện nhân tố mới chưa nhiều".

Trước yêu cầu và nhiệm vụ mới đang đặt ra cho công tác lý luận của Đảng ta những vấn đề mới mẻ, nhiều thuận lợi nhưng cũng không ít khó khăn, Đồng chí chỉ ra những phương hướng nhiệm vụ mà Tạp chí phải làm, nhấn mạnh những đòi hỏi để Tạp chí tiếp tục phấn đấu vươn lên, ngày càng xứng đáng là ngọn cờ tư tưởng và lý luận của Đảng (xem toàn văn bài phát biểu của Đồng chí Đào Duy Tùng đăng trong số này).

Cả hội trường vang lên những tràng vỗ tay hồi lâu khi đồng chí Đào Duy Tùng trao tặng *Tạp chí Cộng sản* bức trướng mang dòng chữ : "**Ban chấp hành trung ương Đảng cộng sản Việt nam tặng Tạp chí Cộng sản nhân kỷ niệm 65 năm ngày thành lập (1930 - 1995)".** Đồng chí Nguyễn Phú Trọng, thay mặt tập thể Bộ biên tập và anh chị em cộng tác viên đón nhận món quà lưu niệm cao quý này của Ban chấp hành trung ương Đảng.

Là người trực tiếp cùng Bộ chính trị, Ban bí thư thường xuyên chỉ đạo công tác của Tạp chí, hôm nay đến dự lễ kỷ niệm trong niềm vui về sự trưởng thành và những đổi mới của Tạp chí lý luận - chính trị của Đảng, đồng chí Tổng bí thư Đỗ Mười trong thiếp chúc mừng Tạp chí đã viết :

"Tôi thân ái chúc mừng nhân dịp kỷ niệm 65 năm ngày Tạp chí lý luận của Đảng cộng sản Việt nam ra đời và xin tặng các đồng chí mấy câu sau đây :

Sáu nhăm năm cờ Đảng giương cao
lấy lý luận Mác - Lê làm vũ khí
Bảy chục triệu đồng bào đứng dậy
đem tư tưởng Bác Hồ chỉ lối
đến tương lai".

Lời chúc mừng của đồng chí Tổng bí thư vừa đọc xong, cả hội trường lớn vang dậy những tràng vỗ tay kéo dài. Tiếng kèn quân nhạc nổi lên. Một không khí phấn khởi, tin tưởng và tươi vui, hiện rõ trên nét mặt của mỗi người.

Tiếp đó, thay mặt Bộ biên tập, đồng chí Nguyễn Phú Trọng đã phát biểu, cảm ơn sự

Digitized by Google

quan tâm sâu sắc của Trung ương Đảng, Bộ chính trị, Ban bí thư, của đồng chí Tổng bí thư Đỗ Mười, đồng chí Đào Duy Tùng, hứa quyết tâm thực hiện lời căn dặn của Trung ương, cũng là những đòi hỏi của nhân dân, của bạn đọc.

Cũng tại buổi lễ kỷ niệm trọng thể này, đồng chí Vũ Tiên, nguyên phó tổng biên tập, thay mặt cho các đồng chí đã nhiều năm công tác, gắn bó với Tạp chí, hiện đã nghỉ hưu, lên phát biểu ý kiến, bày tỏ tình cảm cũng như niềm phấn khởi trước những bước phát triển và trưởng thành về mọi mặt - nhất là về nội dung, chất lượng của Tạp chí trong những năm qua. Đồng chí nói : "Tuy về hưu, nhưng là một cán bộ cũ của Tạp chí, chúng tôi luôn luôn quan tâm theo dõi sự phát triển của Tạp chí và phấn khởi khi thấy Tạp chí đã có những bước tiến rất đáng kể về mọi mặt...

Đối với những người về hưu chúng tôi, Tạp chí luôn là nguồn sống, nguồn tin tưởng, nguồn cảm hứng và động viên trong cuộc sống đời thường, trong những năm còn lại của cuộc đời. Chính vì lẽ đó, chúng tôi rất biết ơn Trung ương Đảng đã giáo dục, dạy dỗ. Chúng tôi cũng chân thành cảm ơn các đồng chí cộng tác viên, các anh chị em đang công tác ở Tạp chí đã đem tài năng, trí tuệ và sức lực của mình để làm cho Tạp chí xứng đáng là ngọn cờ lý luận của Đảng...

Chúng tôi tin rằng, dưới sự lãnh đạo của Trung ương Đảng, với ban lãnh đạo và đội ngũ cán bộ, nhân viên, cộng tác viên hiện nay, Tạp chí sẽ ngày một phát triển tốt đẹp hơn, xứng đáng với sự tin cậy của Đảng, sự mong mỏi của đông đảo bạn đọc cả nước. Đó là niềm tin và cũng là lời chúc của chúng tôi trong buổi lễ trọng thể này".

Đồng chí Chu Thái Thành, thay mặt cho đội ngũ cán bộ trẻ của Tạp chí, nói lên niềm tự hào, phấn khởi và vinh dự được làm người cán bộ biên tập của cơ quan lý luận - chính trị của Đảng ; đồng thời hứa quyết tâm phấn đấu rèn luyện về mọi mặt để xứng đáng với truyền thống vẻ vang và góp phần cùng tập thể của cơ quan Tạp chí hoàn thành tốt nhiệm vụ chính trị trong giai đoạn cách mạng mới.

Buổi lễ kỷ niệm 65 năm Tạp chí lý luận của Đảng ra số đầu và 40 năm *Tạp chí Cộng sản* ra đều kỳ đã được tổ chức trọng thể, trang nghiêm, thiết thực và có ý nghĩa, để lại nhiều ấn tượng tốt đẹp cho mọi người.

PV.

Từ tư tưởng...

(Tiếp theo trang 14)

tư tưởng nhà nước của Hồ Chí Minh. Đó là quốc hội đại đoàn kết, độc lập dân tộc và thống nhất Tổ quốc, quốc hội của dân, do dân và vì dân. Quốc hội nước Việt nam dân chủ cộng hòa như Chủ tịch Hồ Chí Minh nói, là " Quốc hội dân chủ đầu tiên ở vùng Đông Nam châu Á, cũng là Quốc hội đầu tiên của các nước thuộc địa cũ được độc lập tự do" (15).

- Chủ tịch Hồ Chí Minh là nhà tư tưởng cách mạng lớn, người tổ chức thiên tài, người sáng lập Đảng cộng sản Việt nam, sáng lập Mặt trận đại đoàn kết dân tộc, sáng lập Nhà nước, kiến tạo Quốc dân đại hội và Quốc hội nước Việt nam dân chủ cộng hòa, hướng cơ quan quyền lực nhà nước cao nhất vào những quyết sách lớn của đất nước.

Truyền thống và kinh nghiệm sáng tạo của Quốc hội Việt nam trong 5 thập kỷ qua vô cùng phong phú, có giá trị khởi nguồn sáng tạo cho Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt nam đang vươn lên tầm cao mới trong sự nghiệp đổi mới vì một Việt nam dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, văn minh, xây dựng Nhà nước pháp quyền của dân, do dân và vì dân, mang đậm bản sắc dân tộc và dấu ấn của thời đại ❑

(15) Hồ Chí Minh : *Toàn tập*, Nxb Sự thật, Hà nội, 1989, t 8, tr 694

Digitized by Google

TỪ TƯ TƯỞNG ĐỘC LẬP TỰ DO ĐẾN SỰ RA ĐỜI QUỐC HỘI ĐẦU TIÊN CỦA NƯỚC VIỆT NAM MỚI

VŨ MÃO *

Tư tưởng *độc lập dân tộc gắn với chủ nghĩa xã hội* là nội dung cốt lõi của tư tưởng Hồ Chí Minh, là xu thế khách quan của cuộc cách mạng Việt nam. Phấn đấu vì độc lập tự do, giải phóng dân tộc, giải phóng xã hội và giải phóng con người, là sự nghiệp của toàn dân, của khối đại đoàn kết dân tộc.

Năm 1930, trong *Cương lĩnh chính trị* đầu tiên, Đảng ta đã đề ra chủ trương chiến lược làm cách mạng tư sản dân quyền và cách mạng ruộng đất để đi tới xã hội cộng sản. *Cương lĩnh* nêu rõ phải đấu tranh, "làm cho nước Việt nam được hoàn toàn độc lập" và "Việt nam tự do". Vì vậy, Đảng phải thu phục cho được đại bộ phận giai cấp công nhân và dân cày ; liên lạc chặt chẽ với tiểu tư sản, trí thức, trung nông ; lôi kéo, hoặc ít ra cũng trung lập hóa phú nông, địa chủ và tư bản bản xứ, nhằm thực hiện khối đại đoàn kết toàn dân để đánh đổ đế quốc Pháp và phong kiến.

Chiến tranh thế giới thứ hai bùng nổ, ách áp bức của thực dân Pháp và phát xít Nhật đối với dân tộc ta nặng nề hơn bao giờ hết. Trung ương Đảng và Chủ tịch Hồ Chí Minh đã nêu cao nhiệm vụ giải phóng dân tộc, thực hiện đại đoàn kết dân tộc trong một mặt trận thống nhất rộng rãi, nhằm thực hiện hai điều cấp bách và nóng bỏng mà toàn dân tộc đang mong ước đã được ghi trong chương trình của Việt minh năm 1941 là :

"1. Làm cho nước Việt nam được hoàn toàn độc lập,

2. Làm cho dân Việt nam được sung sướng, tự do" (1).

Trung ương Đảng và Chủ tịch Hồ Chí Minh chủ trương : sau lúc đánh đuổi được Pháp - Nhật, chúng ta sẽ thành lập một nước Việt nam dân chủ mới. "Chính quyền cách mạng của nước dân chủ mới ấy không phải thuộc quyền riêng của một giai cấp nào, mà là của chung cả toàn thể dân tộc, chỉ trừ có bọn tay sai của đế quốc Pháp - Nhật và những bọn phản quốc" (2) ; "Chính phủ ấy do quốc gia đại hội cử ra" (3).

Tháng 10-1944, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã gửi thư kêu gọi các đảng phái và các đoàn thể ra sức chuẩn bị họp Đại hội đại biểu toàn quốc để bầu ra một cơ cấu tổ chức đại biểu cho sự đoàn kết chân thành và hành động nhất trí của toàn thể quốc dân, đủ lực lượng và uy tín lãnh đạo công cuộc cứu quốc, kiến quốc và giao thiệp với các hữu bang.

Giữa tháng 8-1945, phát xít Nhật đầu hàng Đồng minh, thời cơ ngàn năm có một cho dân tộc ta vùng dậy giành chính quyền đã đến. Song nguy cơ can thiệp và xâm lược mới của các thế lực đế quốc và tay sai cũng đang xuất hiện. Tình thế vô cùng khẩn cấp, không thể chậm trễ. Ngày 16-8-1945 *Đại hội đại biểu*

* Ủy viên Trung ương Đảng, Chủ nhiệm Văn phòng Quốc hội

(1) *Văn kiện Đảng* (1930 - 1945), Ban nghiên cứu lịch sử Đảng trung ương xuất bản, Hà nội, 1977, t 3, tr 446

(2), (3) *Văn kiện Đảng* (1939 - 1945), Ban nghiên cứu lịch sử Đảng trung ương xuất bản, Hà nội, 1977, t 3, tr 197, 224

Digitized by Google

quốc dân đã họp ở Tân trào, nhất trí tán thành chủ trương Tổng khởi nghĩa của Đảng, thông qua 10 chính sách của Mặt trận Việt minh và bầu ra *Ủy ban dân tộc giải phóng Việt nam* tức chính phủ lâm thời của nước Cộng hòa dân chủ Việt nam do đồng chí Hồ Chí Minh làm chủ tịch.

Ngay sau Đại hội, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã gửi thư kêu gọi đồng bào cả nước : "Hãy đứng dậy đem sức ta mà tự giải phóng cho ta". Người cũng đã gửi thư cho Liên hợp quốc yêu cầu thực hiện lời hứa long trọng của mình là tất cả các dân tộc đều phải được hưởng dân chủ và độc lập ; và gửi thông điệp cho Chính phủ Pháp yêu cầu công nhận Chính phủ Việt minh, đồng thời nêu các điều kiện về mối quan hệ giữa Việt nam với Pháp. Hồ Chí Minh cũng đã nhân danh Ủy ban dân tộc giải phóng gửi thông điệp cho các nước Đồng minh.

Cuộc Tổng khởi nghĩa Tháng Tám năm 1945 nhanh chóng giành được thắng lợi trong toàn quốc, đánh đổ chính quyền của Nhật và tay sai, thành lập chính quyền cách mạng từ trung ương đến cơ sở.

Ủy ban dân tộc giải phóng được cải tổ và mở rộng, mời thêm một số nhân sĩ tham gia, càng tiêu biểu cho khối đại đoàn kết dân tộc một cách rộng rãi. Đó thực sự là một chính phủ quốc gia thống nhất giữ trọng trách chỉ đạo toàn thể quốc dân, đợi ngày triệu tập quốc hội để cử ra một chính phủ cộng hòa chính thức.

Ngày 2-9-1945, Chủ tịch Hồ Chí Minh đọc *Tuyên ngôn độc lập*, long trọng tuyên bố trước thế giới : "Nước Việt nam có quyền hưởng tự do và độc lập, và sự thật đã thành một nước tự do độc lập. Toàn thể dân tộc Việt nam quyết đem tất cả tinh thần và lực lượng, tính mạng và của cải để giữ vững quyền tự do, độc lập ấy" (4).

Thắng lợi của Cách mạng Tháng Tám là thắng lợi của tư tưởng độc lập tự do, của chiến lược đại đoàn kết dân tộc được động viên và tập hợp bằng các hình thức tổ chức đúng đắn và sáng tạo độc đáo. Đó là Việt nam độc lập đồng minh gọi tắt là Việt minh, và Quốc dân đại hội Tân trào.

Việt minh là một tổ chức Mặt trận đoàn kết dân tộc tiêu biểu, hoàn chỉnh, đánh dấu một mốc son lịch sử vĩ đại của Mặt trận dân tộc thống nhất trong cách mạng Việt nam. "Hai chữ Việt minh, trong cả một thời kỳ dài, làm nức lòng đồng bào cả nước, hai chữ Việt minh còn mãi trong lịch sử, chói lọi nét vàng" (5).

Quốc dân đại hội Tân trào là một sáng tạo độc đáo của Chủ tịch Hồ Chí Minh và của Đảng ta trong việc phát huy quyền làm chủ của nhân dân để quyết định vận mệnh lịch sử của dân tộc. Đây là sự vận dụng, phát triển và thực hiện từng bước tư tưởng dân quyền ngay trong tiến trình đấu tranh giành độc lập tự do. Pat-ti, một sĩ quan tình báo Mỹ, đã phải thừa nhận rằng : Đảng cộng sản và Chủ tịch Hồ Chí Minh tổ chức Đại hội quốc dân nhằm "làm cho mọi người thấy rõ được cả tính chất hợp pháp lẫn sức mạnh để giữ được vai trò lãnh đạo và đà phát triển của phong trào (6).

Quốc dân đại hội Tân trào mang tầm vóc lịch sử của một cơ quan quyền lực dân tộc cao nhất được hình thành dưới ánh sáng của tư tưởng độc lập tự do và chiến lược đại đoàn kết của Chủ tịch Hồ Chí Minh. Sự kiện đó đánh dấu "một tiến bộ rất lớn trong lịch sử tranh đấu giải phóng của dân tộc ta từ ngót một thế kỷ nay" (7).

Chính quyền cách mạng vừa mới ra đời đã phải đối phó ngay với một tình thế vô cùng hiểm nghèo như "ngàn cân treo sợi tóc". Cuộc cách mạng dân tộc của nhân dân ta tiếp diễn trong một tình thế mới. Để hoàn thành nhiệm vụ thiêng liêng ấy, Đảng và Chủ tịch Hồ Chí Minh đã nêu cao khẩu hiệu "Dân tộc trên hết", "Tổ quốc trên hết" và vạch ra nhiều chủ

(4) Hồ Chí Minh : *Toàn tập*. Nxb Chính trị quốc gia, Hà nội, 1995, t 3, tr 557

(5) *Đầu nguồn*. Nxb Văn học, Hà nội, 1975, tr 173

(6) Archimedes L.A. Patti : *Tại sao Việt nam ?*. Nxb Đà nẵng, 1995, tr 146

(7) Hồ Chí Minh : *Sđd* t 3, tr 553

Digitized by Google

trương, chính sách đúng đắn để bảo vệ và xây dựng chính quyền cách mạng. Một số tổ chức chính trị, xã hội lần lượt được thành lập : *Hội liên hiệp quốc dân Việt nam* (5-1946), *Tổng liên đoàn lao động Việt nam* (5-1946), *Đảng xã hội Việt nam* (7-1946), *Hội liên hiệp phụ nữ Việt nam* (10-1946). Mặt trận đoàn kết dân tộc thống nhất quốc gia được tăng cường làm cơ sở vững chắc cho công cuộc bảo vệ và xây dựng nhà nước cách mạng Việt nam.

Đảng ta đứng đầu là Chủ tịch Hồ Chí Minh rất coi trọng và có nhiều biện pháp hữu hiệu để tập hợp, sử dụng nhân sĩ, trí thức, nhân tài của đất nước, phục vụ nhiệm vụ kháng chiến và kiến quốc. Ngay cả Bảo Đại sau khi thoái vị cũng được mời làm cố vấn Chính phủ lâm thời theo sắc lệnh số 23/SL do Chủ tịch Hồ Chí Minh ký ngày 10-9-1945.

Một trong những nhiệm vụ quan trọng hàng đầu là phải hoàn chỉnh và chính thức hóa cơ quan quyền lực dân tộc tối cao của nước Việt nam dân chủ cộng hòa, tức là phải "xúc tiến việc đi đến Quốc hội để quy định hiến pháp, bầu chính phủ chính thức" (8). Ngày 3-9-1945, trong phiên họp đầu tiên của Chính phủ lâm thời, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã đề nghị Chính phủ tổ chức càng sớm càng hay cuộc Tổng tuyển cử với chế độ phổ thông đầu phiếu. Ngày 8-9-1945, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã ra sắc lệnh số 14/SL về tổ chức Tổng tuyển cử để bầu Quốc hội.

Thực hiện sắc lệnh số 14, ngày 6-1-1946, cuộc Tổng tuyển cử bầu Quốc hội đã diễn ra thắng lợi trong cả nước. Thắng lợi của Tổng tuyển cử bầu Quốc hội đầu tiên của nước ta là "kết quả của sự hy sinh, tranh đấu của tổ tiên ta... là kết quả của sự đoàn kết anh dũng phấn đấu của toàn thể đồng bào Việt nam ta, sự đoàn kết của toàn thể đồng bào không kể già trẻ, lớn bé, gồm tất cả các tôn giáo, tất cả các dân tộc trên bờ cõi Việt nam đoàn kết chặt chẽ thành một khối, hy sinh không sợ nguy hiểm tranh lấy nền độc lập cho Tổ quốc" (9).

Quốc hội khóa I do nhân dân bầu ra gồm 333 đại biểu đại diện được cho cả ba miền đất nước, là một Quốc hội dân tộc thống nhất cả nước, của sự đoàn kết chân thành giữa các đảng phái yêu nước và cách mạng (Đảng cộng sản, Đảng dân chủ, Đảng xã hội), các đoàn thể nhân dân, các tôn giáo, các dân tộc thiểu số, các nhân sĩ trí thức, kể cả sự có mặt của cựu Hoàng đế Bảo Đại. Dưới sự lãnh đạo của Đảng, Quốc hội đã giữ vững và giương cao ngọn cờ dân tộc, dựa chắc vào sức mạnh của khối đại đoàn kết toàn dân, thống nhất được các lực lượng yêu nước và cách mạng. Do hoàn cảnh hiểm nghèo của đất nước năm 1946 Đảng ta đã kịp thời đề ra những sách lược mềm mỏng, khôn khéo, nhân nhượng, hòa giải có nguyên tắc như mở rộng thêm 70 đại biểu Quốc hội cho hai đảng chính trị đối lập (Việt quốc và Việt cách) không qua bầu cử. Chính phủ liên hiệp kháng chiến thành lập (3-1946) gồm đại diện của Đảng cộng sản, Đảng dân chủ, Việt quốc, Việt cách và những người không đảng phái. Cố vấn đoàn do cố vấn tối cao Vĩnh Thụy (Bảo Đại) đảm nhiệm và Vũ Hồng Khanh làm phó chủ tịch kháng chiến ủy viên hội.

Đây là một thắng lợi của cuộc đấu tranh nhằm hạn chế và làm thất bại từng bước âm mưu chống đối của đảng đối lập, buộc họ phải "đồng tình và hợp tác" để thống nhất quốc gia, tiến hành kháng chiến chống Pháp và xây dựng đất nước.

Kỳ họp thứ hai của Quốc hội cuối năm 1946 là một kỳ họp dài ngày, sôi nổi và dân chủ thảo luận, có khi gay go, song đi đến thống nhất trên tất cả các vấn đề quan trọng. Không khí của kỳ họp này đã hoàn toàn phản ánh sự thống nhất ý chí và hành động theo tiếng gọi cao cả và thiêng liêng - Tiếng gọi của Tổ quốc : Dân tộc trên hết ! Tổ quốc trên hết ! Đoàn kết, đoàn kết, đại đoàn kết dân tộc !

---

(8) *Văn kiện Đảng* (1945-1954), Ban nghiên cứu lịch sử đảng trung ương xuất bản, Hà nội, 1978, t 1, tr 28

(9) Hồ Chí Minh : *Toàn tập*, Nxb Sự thật, Hà nội, 1984, t 4, tr 103

Digitized by Google

Quốc hội đã lập Chính phủ mới, một chính phủ toàn dân đoàn kết và tập hợp nhân tài, không phân biệt đảng phái. Quốc hội đã biểu quyết thông qua Hiến pháp nước Việt nam dân chủ cộng hòa với 240 đại biểu tán thành trên 242 đại biểu dự họp. Hiến pháp ghi rõ : *"Nhiệm vụ của dân tộc ta trong giai đoạn này là bảo toàn lãnh thổ, giành độc lập hoàn toàn và kiến thiết quốc gia trên nền tảng dân chủ"*(10).

Hiến pháp Việt nam được xây dựng trên những nguyên tắc :

- *"Đoàn kết toàn dân, không phân biệt giống nòi, gái trai, giai cấp, tôn giáo.*

- *Đảm bảo các quyền tự do dân chủ.*

- *Thực hiện chính quyền mạnh mẽ và sáng suốt của nhân dân"* (11).

Với những nguyên tắc đó, Hiến pháp khẳng định : Chính thể "Nước Việt nam là một nước dân chủ cộng hòa.

Tất cả quyền bính trong nước là của toàn thể nhân dân Việt nam, không phân biệt nòi giống, gái trai, giàu nghèo, giai cấp, tôn giáo"(12).

"Đất nước Việt nam là một khối thống nhất Trung Nam Bắc không thể phân chia"(13).

Quốc hội (khóa I) đã điều hành đất nước theo điều 23 của Hiến pháp năm 1946. Dưới sự lãnh đạo của Đảng, do Chủ tịch Hồ Chí Minh đứng đầu, dựa vào khối đại đoàn kết toàn dân, Quốc hội đã thực hiện trọng trách của mình là kháng chiến và kiến quốc, trong đó nhiệm vụ hàng đầu là kháng chiến (1946 - 1954), bước đầu xây dựng miền Bắc và đấu tranh chống Mỹ và chính quyền tay sai ở miền Nam (1954 - 1960) ; thực hiện nhiều chính sách to lớn ích nước lợi dân.

Lịch sử nhà nước dân tộc và cách mạng Việt nam mãi mãi ghi đậm nét : "Quốc hội ta đã hết lòng vì dân, vì nước đã làm tròn một cách vẻ vang nhiệm vụ của những người đại biểu của nhân dân" (14).

Tìm hiểu về sự ra đời và hoạt động của Quốc hội (khóa I)-cơ quan quyền lực dân tộc cao nhất của nước Việt nam dân chủ cộng hòa, nay là Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt nam, chúng ta có thể rút ra một vài nhận xét :

- Quốc hội nước Việt nam dân chủ cộng hòa là thành quả đấu tranh giải phóng dân tộc của nhân dân Việt nam trong gần 9 thập kỷ, đặc biệt là 15 năm đấu tranh trực tiếp dưới ngọn cờ độc lập tự do của Chủ tịch Hồ Chí Minh, dẫn đến sự ra đời của nước Việt nam dân chủ cộng hòa và tiếp theo là 14 năm kháng chiến và kiến quốc, bước đầu xây dựng miền Bắc và đấu tranh vì sự nghiệp thống nhất đất nước. Chỗ dựa, sức mạnh của Quốc hội là khối đại đoàn kết toàn dân, là nền văn hiến lâu đời của dân tộc được giữ gìn và phát triển từ thế hệ này đến thế hệ khác. Động lực, mục tiêu, sức mạnh cách mạng và khoa học của Quốc hội là đấu tranh vì độc lập tự do dưới sự lãnh đạo và tổ chức của Đảng cộng sản, của lãnh tụ thiên tài Hồ Chí Minh.

- Từ *Đại hội quốc dân Tân trào* quyết định tổng khởi nghĩa, thông qua 10 chính sách đối nội và đối ngoại của Việt minh, bầu ra Ủy ban dân tộc giải phóng tức Chính phủ lâm thời nước Việt nam mới, đến tổng tuyển cử tự do trong cả nước để bầu Quốc hội lập hiến, thành lập Chính phủ thống nhất, là một điểm độc đáo, sáng tạo của Chủ tịch Hồ Chí Minh, của Đảng trong việc kiến lập Nhà nước pháp quyền dân tộc và dân chủ, tạo dựng cơ quan quyền lực nhà nước cao nhất của nước Việt nam trong tiến trình khởi nghĩa giành chính quyền, được toàn dân ưng thuận và bầu cử chính thức ngay sau khi cách mạng thành công.

- Xét từ cơ sở tư tưởng truyền thống Việt nam, mục tiêu, đường lối, nhiệm vụ cách mạng, hoàn cảnh ra đời, cơ cấu thành phần đại biểu đến hoạt động thực tiễn, Quốc hội khóa I là quốc hội lập hiến và lập pháp theo

(Xem tiếp trang 10)

(10), (11), (12), (13) *Hiến pháp Việt nam*, (năm 1946, 1959, 1980 và 1992) Nxb Chính trị quốc gia, Hà nội, 1995, tr 7 - 8

(14) Hồ Chí Minh : *Toàn tập*, Nxb Sự thật, Hà nội, 1989, t 8, tr 697

Digitized by Google

BỘ LUẬT DÂN SỰ ĐÁP ỨNG YÊU CẦU CUỘC SỐNG VÀ NGUYỆN VỌNG CỦA NHÂN DÂN

HẢI ANH

NGÀY 28-10-1995, Quốc hội khóa IX tại kỳ họp thứ 8 đã thông qua Bộ luật dân sự đầu tiên của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt nam. Sau việc ban hành Hiến pháp năm 1992, đây là một trong những sự kiện nổi bật trong hoạt động lập pháp không những của Quốc hội khóa IX, mà còn của cả lịch sử lập pháp của Nhà nước ta.

Bộ luật dân sự của ta gồm *Lời nói đầu*, 7 phần và 838 điều đã thể hiện được quan điểm cơ bản của Đảng và Nhà nước ta về pháp luật dân sự.

Kế thừa, phát triển pháp luật dân sự Việt nam và cụ thể hóa Hiến pháp năm 1992, Bộ luật dân sự đã quy định địa vị pháp lý, quyền và nghĩa vụ của các cá nhân, pháp nhân và các chủ thể khác trong các quan hệ, giao lưu dân sự ; xây dựng chuẩn mực pháp lý cho cách ứng xử của các chủ thể khi tham gia quan hệ dân sự. Bằng những quy định như vậy, Bộ luật dân sự bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của cá nhân, tổ chức, lợi ích của nhà nước, lợi ích công cộng ; bảo đảm sự bình đẳng và an toàn pháp lý trong quan hệ dân sự, góp phần tạo điều kiện đáp ứng các nhu cầu vật chất và tinh thần của nhân dân, thúc đẩy sự phát triển kinh tế - xã hội.

I - SỰ ĐÒI HỎI PHẢI CÓ BỘ LUẬT DÂN SỰ

Từ sau năm 1986, công cuộc đổi mới toàn diện đất nước do Đảng ta khởi xướng và lãnh đạo đã mang lại nhiều nhân tố mới cho sự phát triển, cho cuộc sống và giao lưu dân sự trong nhân dân. Nhà nước ta đã ban hành nhiều văn bản pháp luật mới về dân sự để thể chế hóa đường lối của Đảng trong các lĩnh vực kinh tế - xã hội, nhằm phát huy mọi tiềm năng của các thành phần kinh tế, phát triển nền kinh tế hàng hóa nhiều thành phần vận động theo cơ chế thị trường có sự quản lý của nhà nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa, và thực hiện việc mở rộng quan hệ kinh tế với các nước trên thế giới. Tuy nhiên, việc ban hành nhiều văn bản pháp luật đơn hành, dưới những hình thức pháp lệnh, nghị định và các văn bản dưới luật khác, đã dẫn tới tình trạng tản mạn, trùng lặp, mâu thuẫn, thiếu đồng bộ, làm cho người dân rất khó tra cứu, áp dụng. Mặt khác, trước tình hình phát triển kinh tế - xã hội của nước ta hiện nay, nhiều quy định trong các văn bản pháp luật dân sự hiện hành không còn phù hợp với tình hình thực tế. Bên cạnh đó, nhiều vấn đề cơ bản trong giao lưu dân sự chưa được pháp luật điều chỉnh. Điều này đã gây không ít trở ngại cho việc thực hiện các quyền và nghĩa vụ dân sự của các cá nhân, tổ chức, cơ quan nhà nước và cho việc giải quyết tranh chấp dân sự, nhất là hoạt động xét xử của tòa án.

Thực tế nói trên đã đặt ra yêu cầu cần phải tiến hành công tác pháp điển hóa và đổi mới một cách cơ bản pháp luật dân sự, phù hợp với yêu cầu của công cuộc đổi mới, với tình hình và xu thế trong nước cũng như quốc tế hiện nay, để đáp ứng nguyện vọng của nhân dân. Công tác soạn thảo *Dự án Bộ luật dân sự* đã được đưa vào chương trình và được tổ chức triển khai từ năm 1980. Tuy nhiên, chỉ sau khi có Hiến pháp năm 1992 và nhất là từ kỳ họp thứ 5 của Quốc hội khóa IX (tháng 6-1994) thì công tác soạn thảo dự án trên mới được thúc đẩy và tiến hành khẩn trương.

Digitized by Google

Nhìn lại quá trình xây dựng Bộ luật dân sự, có thể nói : Bộ luật dân sự thực sự là một thành tựu của quá trình hoạt động lập pháp dân chủ, khoa học và công phu của Nhà nước ta. Việc xây dựng Bộ luật dân sự đã thu hút nhiều thời gian và công sức của các cơ quan của Chính phủ, Quốc hội, Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức thành viên của Mặt trận. Dự án Bộ luật dân sự cũng đã được các tầng lớp nhân dân, các ngành, các cấp thảo luận dân chủ. Việc lấy ý kiến của nhân dân đã được tiến hành sâu rộng trong phạm vi cả nước với thời gian gần 8 tháng. Có thể nói, sau Hiến pháp, thì đây là bộ luật được lấy ý kiến của nhân dân với thời gian dài nhất từ trước đến nay. Các tầng lớp nhân dân, các ngành, các cấp thông qua các cuộc hội nghị, hội thảo khoa học, thông qua báo chí hoặc bằng thư góp ý kiến, đã tích cực đóng góp hàng chục ngàn ý kiến cụ thể để hoàn chỉnh dự án bộ luật. Các ý kiến đóng góp này đều đã được xem xét, tiếp thu một cách nghiêm chỉnh. So với dự thảo được trình Quốc hội xem xét, thông qua, thì dự thảo được công bố lấy ý kiến của nhân dân chỉ còn 98 điều được giữ nguyên, có tới 38 điều lược bỏ, hơn 600 điều sửa đổi, 159 điều mới bổ sung. Quốc hội khóa IX đã dành nhiều thời gian tại các kỳ họp thứ 5, thứ 7 để xem xét cho ý kiến chỉnh lý. Riêng tại kỳ họp thứ 8 vừa qua, Quốc hội đã dành tới 20 buổi thảo luận, cho hàng trăm ý kiến để chỉnh lý và thông qua Bộ luật.

Như vậy, việc ban hành Bộ luật dân sự thực sự xuất phát từ đòi hỏi của thực tiễn công cuộc đổi mới đất nước và từ nguyện vọng của nhân dân. Bộ luật là sự phản ánh quá trình phát triển của đất nước, của pháp luật dân sự từ khi thành lập nước đến nay.

II - QUAN ĐIỂM CƠ BẢN VÀ NỘI DUNG CHỦ YẾU CỦA BỘ LUẬT DÂN SỰ

Về **quan điểm cơ bản**, Bộ luật dân sự của ta đã :

- Quán triệt và thể chế hóa Cương lĩnh, Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội và các nghị quyết của Đảng ; cụ thể hóa Hiến pháp năm 1992 ; bảo vệ lợi ích của giai cấp công nhân, nhân dân lao động và của cả dân tộc ; bảo đảm tính dân tộc và hiện đại.

- Bảo đảm tiếp tục giải phóng mọi năng lực sản xuất, khuyến khích mọi thành phần kinh tế, mọi tầng lớp dân cư sống và làm việc vì sự nghiệp phát triển đất nước, vì mục tiêu dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, văn minh.

- Xây dựng các chuẩn mực pháp lý cho cá nhân và tổ chức khi tham gia quan hệ dân sự nhằm tăng cường sự quản lý bằng pháp luật của nhà nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa, thể hiện truyền thống đoàn kết, tương thân, tương ái của dân tộc ta.

- Góp phần hạn chế tranh chấp, tiêu cực trong các quan hệ dân sự, làm lành mạnh các quan hệ xã hội ; bảo đảm dân chủ và công bằng ; giữ vững ổn định, phát huy tinh thần phấn khởi, đoàn kết trong nội bộ nhân dân ; mỗi người vì cộng đồng và cộng đồng vì mỗi người.

- Khắc phục tình trạng tản mạn và không đầy đủ của pháp luật trong lĩnh vực dân sự và tạo cơ sở pháp luật thuận tiện cho quá trình áp dụng, Bộ luật đã thực hiện pháp điển hóa một bước theo hướng điều chỉnh toàn bộ các quan hệ dân sự ; nhưng đồng thời có cân nhắc vấn đề gì chưa thể đưa ngay vào được Bộ luật, để lại tiếp tục nghiên cứu và bổ sung trong quá trình thực hiện.

Về **nội dung chủ yếu**, tuy Bộ luật dân sự của ta mang tính chất, hình thức và quy mô của một văn bản pháp điển hóa, nhưng đã bao quát được hầu hết các quan hệ pháp luật dân sự ở nước ta, gồm các phần về chủ thể là cá nhân, pháp nhân, hộ gia đình, tổ hợp tác ; về tài sản và quyền sở hữu ; về nghĩa vụ dân sự và hợp đồng dân sự ; về thừa kế ; về chuyển quyền sử dụng đất ; về sở hữu trí tuệ và chuyển giao công nghệ ; về quan hệ dân sự có yếu tố nước ngoài. Có thể nói, Bộ luật dân sự của ta đã tập trung giải quyết được *ba* vấn đề cốt lõi,

Digitized by Google

đó là *quyền nhân thân*, chủ yếu liên quan mật thiết đến đời sống tinh thần ; *quyền sở hữu* và *các quyền khác về tài sản*, chủ yếu gắn liền với đời sống vật chất và những chuẩn mực pháp lý ứng xử trong giao lưu dân sự.

1 - *Quyền nhân thân, một bộ phận quan trọng của quyền con người về dân sự*

Quyền con người về dân sự là vấn đề trung tâm của Bộ luật dân sự. Quyền này đã được đề cập trong Hiến pháp nước ta năm 1992. Điều 50 của Hiến pháp năm 1992 quy định : "Ở nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt nam, các quyền con người về chính trị, dân sự, kinh tế, văn hóa và xã hội được tôn trọng, thể hiện ở các quyền công dân và được quy định trong Hiến pháp và luật".

Tiếp theo Hiến pháp năm 1992, Bộ luật dân sự là văn bản pháp luật quy định đầy đủ nhất quyền con người về dân sự. Mục tiêu vì quyền con người về dân sự đã được khẳng định ngay trong *Lời nói đầu* và trong các nguyên tắc cơ bản và nhiều điều khoản cụ thể của Bộ luật. Quyền con người về dân sự được quy định trong Bộ luật dân sự bao gồm các quyền nhân thân, quyền sở hữu, quyền thừa kế và các quyền khác đối với tài sản, quyền tham gia các quan hệ dân sự. Các quyền con người về dân sự trong Bộ luật dân sự, về cơ bản, đã phản ánh được các mặt của cuộc sống, giao lưu dân sự thường nhật của người dân trong xã hội Việt nam hiện đại.

Điều đáng chú ý là Bộ luật dân sự *không chỉ* quan tâm tới các quyền về tài sản và các quyền nhân thân gắn với tài sản, *mà còn* chú trọng đến các quyền nhân thân không gắn với tài sản. Đây là một điểm *mới* trong pháp luật dân sự của nước ta. Bộ luật dân sự đã dành 20 điều trực tiếp quy định về quyền nhân thân. Đó là các quyền đối với họ tên ; quyền thay đổi họ tên ; quyền xác định dân tộc ; quyền của cá nhân đối với hình ảnh ; quyền được bảo đảm an toàn về tính mạng, sức khỏe, thân thể ; quyền được bảo vệ danh dự, nhân phẩm, uy tín ; quyền đối với bí mật đời tư ; quyền kết hôn ; quyền bình đẳng của vợ chồng ; quyền được hưởng sự chăm sóc giữa các thành viên trong gia đình ; quyền ly hôn ; quyền nhận hoặc không nhận cha, mẹ, con ; quyền được nuôi con nuôi và được nhận làm con nuôi ; quyền đối với quốc tịch ; quyền được bảo đảm an toàn về chỗ ở ; quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo ; quyền tự do đi lại, cư trú ; quyền lao động ; quyền tự do kinh doanh ; quyền tự do sáng tạo.

Nhiều quyền nói trên là sự cụ thể hóa các quyền cơ bản của công dân đã được quy định trong Hiến pháp, như quyền của cá nhân được bảo đảm an toàn về tính mạng, sức khỏe, thân thể, quyền đối với bí mật đời tư... Một số quyền nhân thân như quyền đối với họ tên, quyền xác định dân tộc, quyền của cá nhân đối với hình ảnh, là những quy định mới, trong đó việc thừa nhận quyền xác định dân tộc là một quyền nhân thân đặc thù của pháp luật dân sự nước ta, hoàn toàn phù hợp với nguyện vọng của đồng bào các dân tộc Việt nam ta.

Cùng với việc quy định các quyền nhân thân, Bộ luật dân sự cũng đã quy định khá đầy đủ các biện pháp bảo vệ các quyền đó, mặc dù các quyền đó cũng đã được pháp luật về hình sự, pháp luật về tố tụng hình sự và các quy định pháp luật khác bảo vệ. Về mặt dân sự, khi quyền nhân thân của một cá nhân bị vi phạm thì người đó có quyền yêu cầu người vi phạm hoặc yêu cầu tòa án buộc người vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm, xin lỗi, cải chính công khai trên các phương tiện thông tin đại chúng ; yêu cầu người vi phạm hoặc yêu cầu tòa án buộc người vi phạm phải bồi thường thiệt hại về vật chất và thiệt hại về tinh thần (Điều 27 của Bộ luật dân sự).

Cũng lần đầu tiên, Bộ luật dân sự nước ta quy định trách nhiệm bồi thường thiệt hại về tinh thần bên cạnh trách nhiệm bồi thường thiệt hại về vật chất. Điều 310 của Bộ luật quy định : "Người gây thiệt hại về tinh thần cho người khác do xâm phạm đến tính mạng, sức khỏe, danh dự, nhân phẩm, uy tín của người khác, thì ngoài việc chấm dứt hành vi vi phạm, xin lỗi, cải chính công khai, còn phải bồi thường một khoản tiền cho người bị thiệt hại". Việc bồi thường thiệt hại cụ thể được

Digitized by Google

quy định tại Điều 614 và Điều 615 của Bộ luật.

Một trong những điểm nổi bật về quyền dân sự của công dân, đó là việc Bộ luật dân sự quy định trách nhiệm bồi thường thiệt hại của các cơ quan nhà nước. Điều 623 quy định cơ quan nhà nước phải bồi thường thiệt hại do công chức, viên chức của mình gây ra trong khi thi hành công vụ. Điều 624 xác định trách nhiệm của cơ quan tiến hành tố tụng : "Cơ quan tiến hành tố tụng phải bồi thường thiệt hại do người có thẩm quyền của mình gây ra trong khi thực hiện nhiệm vụ điều tra, truy tố, xét xử, thi hành án".

Đồng thời với việc bảo vệ quyền nhân thân của cá nhân, Bộ luật dân sự (Điều 26) cũng quy định : "Không ai được lạm dụng quyền nhân thân của mình xâm phạm đến lợi ích của nhà nước, lợi ích công cộng, quyền và lợi ích hợp pháp của người khác. Mọi người có nghĩa vụ tôn trọng quyền nhân thân của người khác."

2 - *Quyền sở hữu tài sản là một vấn đề trọng tâm của Bộ luật dân sự*

Vấn đề tài sản và quyền sở hữu tài sản, về cơ bản, đã được xác định rõ trong các văn kiện quan trọng của Đảng ta và đã được thể chế hóa trong nhiều văn bản pháp luật, trước hết là trong Hiến pháp năm 1992.

Trên cơ sở các chế độ sở hữu đã được Hiến pháp năm 1992 quy định là sở hữu toàn dân, sở hữu tập thể và sở hữu tư nhân, Bộ luật dân sự đã xác định *các hình thức sở hữu cơ bản* được nhà nước công nhận và bảo vệ, bao gồm : sở hữu toàn dân, sở hữu của tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, sở hữu tập thể, sở hữu tư nhân, sở hữu của tổ chức xã hội, tổ chức xã hội nghề nghiệp, sở hữu hỗn hợp, sở hữu chung. Bộ luật dân sự đã thể chế hóa chủ trương của Đảng và Nhà nước ta là khuyến khích, tạo điều kiện phát triển và bảo vệ mọi hình thức sở hữu hợp pháp. Các chủ sở hữu thuộc mọi hình thức sở hữu đều bình đẳng trước pháp luật, vốn và tài sản hợp pháp của họ đều được pháp luật bảo vệ. Không ai có thể bị hạn chế, bị tước đoạt trái pháp luật quyền sở hữu tài sản của mình. Chỉ trong trường hợp thật cần thiết vì lý do quốc phòng, an ninh và lợi ích quốc gia, nhà nước mới trưng mua, trưng dụng có bồi thường tài sản của cá nhân, pháp nhân hoặc các chủ thể khác theo quy định của pháp luật.

Bộ luật dân sự cũng *đề cao việc bảo vệ tài sản thuộc sở hữu toàn dân*. Sau khi khẳng định những quy định của Hiến pháp năm 1992 về những loại tài sản thuộc sở hữu toàn dân, Bộ luật có những quy định rất chặt chẽ trong việc chiếm hữu, sử dụng và định đoạt các loại tài sản này. Khác với các loại tài sản thuộc các hình thức sở hữu khác, Điều 255 khoản 2 Bộ luật dân sự quy định : "Người nào chiếm tài sản thuộc sở hữu toàn dân không có căn cứ pháp luật, thì dù ngay tình, liên tục, công khai, dù thời gian chiếm hữu là bao nhiêu cũng không thể trở thành chủ sở hữu tài sản". Đối với đất đai là một loại tài sản đặc biệt thuộc sở hữu toàn dân, Bộ luật dân sự đã dành riêng một phần quy định về các điều kiện, nội dung, hình thức chuyển quyền sử dụng đất phù hợp với pháp luật đất đai ; quy định về thừa kế quyền sử dụng đất, trong đó có nói rõ về điều kiện của người được nhận thừa kế quyền sử dụng đất theo pháp luật và theo di chúc. Đó là những quy định rất đặc thù của pháp luật dân sự nước ta. Việc cụ thể hóa các quyền của người sử dụng đất trong Bộ luật dân sự đã đáp ứng được mong muốn của đông đảo quần chúng nhân dân, đồng thời bảo đảm được sự quản lý thống nhất của Nhà nước ; bảo đảm đất được sử dụng đúng mục đích, đúng thời hạn được giao ; hạn chế tối đa việc chuyển đất nông nghiệp sang dùng vào mục đích khác ; đồng thời bảo đảm các quyền của người sử dụng đất hợp pháp được thực hiện thông suốt, không bị ách tắc trong giao lưu dân sự.

Song song với việc bảo vệ và khuyến khích phát triển các hình thức sở hữu, Bộ luật dân sự cũng quy định rõ *nghĩa vụ của chủ sở hữu* trong việc thực hiện quyền sở hữu của mình. Chủ sở hữu được thực hiện mọi hành vi theo ý chí của mình đối với tài sản, nhưng không được làm thiệt hại và ảnh hưởng đến lợi ích của nhà nước, lợi ích công cộng, quyền

Digitized by Google

và lợi ích hợp pháp của người khác. Bộ luật dân sự cũng bổ sung nhiều quy định cụ thể có ý nghĩa quan trọng trong đời sống xã hội, liên quan trực tiếp đến cuộc sống hằng ngày của mỗi người dân, như các quy định về nghĩa vụ của chủ sở hữu trong việc bảo vệ môi trường ; tôn trọng, bảo đảm trật tự, an toàn xã hội ; tôn trọng ranh giới giữa các bất động sản ; tôn trọng quy tắc xây dựng ; nghĩa vụ của chủ sở hữu trong việc thoát nước mưa, nước thải ; quyền sử dụng hạn chế bất động sản liền kề...

Bộ luật dân sự dành một phần riêng để quy định về *quyền sở hữu trí tuệ*. Bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ bao gồm quyền tác giả và quyền sở hữu công nghiệp có ý nghĩa quan trọng đối với quyền tự do sáng tạo của cá nhân, tạo điều kiện và khuyến khích việc nghiên cứu khoa học, kỹ thuật, phát minh, sáng chế, sáng kiến cải tiến kỹ thuật, hợp lý hóa sản xuất, sáng tác, phê bình văn học, nghệ thuật và các hoạt động văn hóa khác.

3 - *Các nguyên tắc, chuẩn mực ứng xử trong giao lưu dân sự*

Trong điều kiện phát triển kinh tế - xã hội hiện nay của nước ta, pháp luật dân sự cần phải tạo môi trường và bảo đảm sự phát triển lành mạnh, đúng hướng cho các giao lưu dân sự theo đường lối đổi mới của Đảng. Bộ luật dân sự đã quán triệt quan điểm này, quy định rõ các nguyên tắc, chuẩn mực pháp lý cho cách ứng xử của các chủ thể khi tham gia quan hệ dân sự, và đây cũng chính là một trong những nhiệm vụ quan trọng nhất của Bộ luật dân sự.

Bộ luật dân sự đã xác định rõ các nguyên tắc cơ bản trong việc xác lập, thực hiện quyền và nghĩa vụ dân sự. Đây là những nguyên tắc cơ bản thể hiện quan điểm chỉ đạo xuyên suốt toàn bộ Bộ luật dân sự, là chuẩn mực ứng xử của các bên trong quan hệ dân sự, như nguyên tắc tôn trọng lợi ích của nhà nước, lợi ích công cộng, quyền và lợi ích hợp pháp của người khác, nguyên tắc tuân thủ pháp luật ; nguyên tắc tôn trọng đạo đức, truyền thống tốt đẹp v.v.. Các nguyên tắc cơ bản này đã thể hiện bản chất của pháp luật dân sự nước ta. Chẳng hạn về nguyên tắc tôn trọng đạo đức, truyền thống tốt đẹp, Điều 4 Bộ luật dân sự quy định : "Việc xác lập, thực hiện quyền, nghĩa vụ dân sự phải bảo đảm giữ gìn bản sắc dân tộc, tôn trọng và phát huy phong tục, tập quán, truyền thống tốt đẹp, tình đoàn kết, tương thân, tương ái, mỗi người vì cộng đồng, cộng đồng vì mỗi người và các giá trị đạo đức của các dân tộc cùng sinh sống trên đất nước Việt nam.

Đồng bào các dân tộc thiểu số được tạo điều kiện thuận lợi trong giao lưu dân sự để từng bước nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của mình.

Việc giúp đỡ người già, trẻ em, người tàn tật trong việc thực hiện quyền, nghĩa vụ dân sự được khuyến khích".

Phù hợp với tính chất của giao lưu dân sự trong nền kinh tế hàng hóa theo cơ chế thị trường, Bộ luật dân sự chú trọng các nguyên tắc đặc trưng của quan hệ dân sự, nhất là quan hệ hợp đồng, như nguyên tắc tự do, tự nguyện cam kết, thỏa thuận, nguyên tắc bình đẳng, nguyên tắc thiện chí, trung thực, nguyên tắc khuyến khích hòa giải và cấm dùng vũ lực hoặc đe dọa dùng vũ lực trong việc giải quyết các tranh chấp dân sự. Bộ luật dân sự đã tạo được một khuôn khổ pháp lý trong đó các chủ thể có thể tự do thực hiện các giao dịch dân sự, lựa chọn cách ứng xử để đạt được mục đích, đáp ứng các nhu cầu của mình, đồng thời tôn trọng lợi ích của nhà nước, lợi ích công cộng, quyền và lợi ích hợp pháp của người khác.

Bên cạnh việc đề cao nguyên tắc tôn trọng quyền tự định đoạt và thỏa thuận của các bên trong quan hệ dân sự, Bộ luật dân sự cũng có những quy định bắt buộc các bên phải tuân theo nhằm bảo đảm sự quản lý của nhà nước đối với một số giao dịch dân sự nhất định. Cụ thể, đối với hợp đồng mua bán nhà, Điều 443 Bộ luật dân sự quy định : "Hợp đồng mua bán nhà ở phải được lập thành văn bản, có chứng nhận của Công chứng nhà nước hoặc chứng thực của Ủy ban nhân dân có thẩm quyền" ; đồng thời Điều 444 quy định : "Các bên của

Digitized by Google

hợp đồng mua bán nhà phải đăng ký trước bạ sang tên nhà ở tại cơ quan có thẩm quyền". Các quy định về đăng ký, chứng thực, cho phép đối với các hợp đồng thuê nhà ở, hợp đồng thuê khoán tài sản, hợp đồng chuyển quyền sử dụng đất, hợp đồng chuyển giao công nghệ... cũng là những quy định mà các bên tuyệt đối phải tuân theo.

Một điểm rất đáng chú ý là, Bộ luật dân sự có những quy định nhằm bảo vệ quyền lợi của cá nhân, hộ gia đình nghèo, người lao động, người tiêu dùng. Chẳng hạn như : quy định việc tổ chức chính trị - xã hội có thể bảo lãnh bằng tín chấp cho cá nhân và hộ gia đình nghèo vay tiền tại ngân hàng hoặc tổ chức tín dụng để kinh doanh, làm dịch vụ ; quy định về quyền ưu tiên mua nhà, quyền ưu tiên thuê tiếp của bên thuê ; quy định về mức lãi suất vay do các bên thỏa thuận nhưng không được vượt quá 50% của lãi suất cao nhất do Ngân hàng nhà nước quy định đối với loại cho vay tương ứng ; quy định việc giải thích giao dịch dân sự phải theo hướng có lợi cho bên yếu thế về kinh tế, nếu bên mạnh thế về kinh tế đưa vào giao dịch dân sự nội dung bất lợi cho bên yếu thế về kinh tế, v.v..

III - ĐỂ BỘ LUẬT DÂN SỰ THỰC SỰ ĐI VÀO CUỘC SỐNG

Việc xây dựng và ban hành Bộ luật dân sự là một công việc khó khăn và tốn nhiều công sức, nhưng để Bộ luật phát huy tác dụng trong cuộc sống còn đòi hỏi phải làm nhiều công việc cụ thể, thiết thực. Trước hết, trong các tổ chức của Đảng, các cơ quan nhà nước, Mặt trận Tổ quốc Việt nam và các tổ chức thành viên của mặt trận cũng như trong các cộng đồng dân cư ở cơ sở cần có đợt sinh hoạt, tìm hiểu Bộ luật dân sự. Các cơ quan, tổ chức có trách nhiệm như Ủy ban trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt nam, Bộ tư pháp, Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Văn phòng Quốc hội... cần phối hợp với Ban văn hóa - tư tưởng trung ương tổ chức biên soạn tài liệu, giới thiệu cho cán bộ, đảng viên và toàn dân nắm vững những quan điểm, chủ trương, chính sách của Đảng đã được thể chế hóa trong bộ luật. Mỗi cán bộ, đảng viên và mỗi người dân cần hiểu biết đầy đủ về các quyền và nghĩa vụ dân sự của mình để xử sự theo đúng quy định của bộ luật.

Các cơ quan hữu quan cần triển khai thực hiện tốt Nghị quyết của Quốc hội về thi hành Bộ luật dân sự. Cụ thể, trên cơ sở Bộ luật dân sự, rà soát lại các văn bản pháp luật có liên quan để kịp thời sửa đổi, bổ sung cho phù hợp. Khẩn trương xây dựng các văn bản quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành bộ luật, đặc biệt là cần sớm xây dựng và trình Quốc hội thông qua bộ luật tố tụng dân sự. Các cơ quan tòa án, viện kiểm sát thi hành án và các cơ quan khác có liên quan đến việc thi hành Bộ luật dân sự, cần tổ chức tập huấn, nâng cao trình độ, nghiệp vụ cho các cán bộ của mình để áp dụng đúng các quy định của Bộ luật dân sự. Đồng thời, cần kiện toàn các cơ quan quản lý nhà nước liên quan đến việc đăng ký quyền sở hữu, công chứng, đăng ký thế chấp, cầm cố tài sản ; sớm nghiên cứu thành lập các tổ chức bán đấu giá, định giá tài sản, tổ chức hòa giải ở cơ sở... để bảo đảm thực hiện đầy đủ các quy định của bộ luật.

*
* *

Sau 50 năm thành lập nhà nước Việt nam dân chủ cộng hòa và sau 50 năm kể từ ngày Chủ tịch Hồ Chí Minh ký sắc lệnh đầu tiên liên quan đến pháp luật dân sự, chúng ta đã có được Bộ luật dân sự đầu tiên của Nhà nước cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt nam. Thực hiện tốt Bộ luật dân sự sẽ cho phép chúng ta đạt được ý tưởng cao đẹp và nguyện vọng của nhân dân ta mà bộ luật đã ghi nhận, đó là góp phần bảo đảm cuộc sống cộng đồng ổn định, lành mạnh, giữ gìn và phát huy truyền thống đoàn kết, tương thân tương ái, thuần phong mỹ tục và bản sắc văn hóa dân tộc hình thành trong lịch sử lâu dài xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt nam, góp phần xây dựng nền kinh tế hàng hóa nhiều thành phần theo cơ chế thị trường có sự quản lý của nhà nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa, thực hiện mục tiêu dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, văn minh ❑

Digitized by Google

PHƯƠNG HƯỚNG CƠ BẢN GIẢI QUYẾT VIỆC LÀM Ở NƯỚC TA HIỆN NAY

TRẦN ĐÌNH HOAN *

VIỆC làm cho lao động xã hội là một trong những vấn đề xã hội có tính toàn cầu, là mối quan tâm lớn của nhiều quốc gia. Mở rộng việc làm là một trong những nội dung cơ bản nhất của chiến lược phát triển xã hội từ nay đến năm 2000 và 2010, được toàn thế giới cam kết trong Tuyên bố và chương trình hành động toàn cầu Cô-pen-ha-ghen, tại hội nghị thượng đỉnh ở Đan-mạch tháng 3-1995.

Thực hiện nghị quyết Đại hội VII của Đảng, 5 năm qua nền kinh tế nước ta liên tục có tốc độ tăng trưởng khá, đã tạo được những tiền đề cần thiết đi vào thời kỳ phát triển mới. Cùng với những tiến bộ về kinh tế, đời sống nhân dân được ổn định và từng bước được cải thiện, công ăn việc làm có những chuyển biến tích cực : nhà nước đã ban hành nhiều quy chế, chính sách, luật pháp tạo môi trường thuận lợi để người lao động tự tạo việc làm, tự do thuê mướn lao động theo nhu cầu sản xuất kinh doanh. Hằng năm, ngoài các chương trình hỗ trợ của Nhà nước về việc làm, chúng ta đã huy động thêm nhiều nguồn vốn khác trong và ngoài nước để tạo thêm nhiều chỗ làm việc mới, góp phần làm giảm sức ép về việc làm ở khu vực thành thị từ 12% năm 1991 xuống còn 6,2% năm 1994. Tuy nhiên, Việt nam vẫn còn là nước nghèo và chậm phát triển. Do điểm xuất phát quá thấp, nhìn chung nền kinh tế còn bị mất cân đối nghiêm trọng và chưa ổn định ; cơ sở hạ tầng yếu kém ; thiếu vốn rất lớn ; công nghệ lạc hậu. Dân số chưa được kiểm soát chặt chẽ ; tỷ lệ tăng dân số và lao động vẫn còn ở mức cao. Đất nước vẫn còn đứng trước nguy cơ tụt hậu xa hơn so với các nước xung quanh với những hậu quả nghiêm trọng về công ăn việc làm và các vấn đề xã hội khác. Bởi vậy, việc làm đã và đang là vấn đề xã hội vừa cơ bản lâu dài vừa cấp bách trước mắt, là vấn đề gay cấn và nhạy cảm nhất hiện nay đối với từng gia đình, có thể dẫn đến những "điểm nóng" mà nếu không được giải quyết tốt có thể trở thành vấn đề chính trị.

I

Trong số dân Việt nam hiện nay, người dưới 15 tuổi chiếm khoảng 45%. Tỷ lệ tăng dân số tự nhiên hằng năm vẫn ở mức cao (trên 2,2%). Điều đó chứng tỏ số dân ở ta còn tiếp tục tăng trưởng. Điều này tất nhiên ảnh hưởng không lợi cho sự phát triển kinh tế - xã hội (do bình quân số người phải nuôi dưỡng trên một lao động sẽ cao hơn, và do đó việc giải quyết nhu cầu về việc làm, giáo dục, y tế và các nhu cầu xã hội khác cũng sẽ khó khăn hơn). Nguồn lao động ở nước ta hiện nay đã khá dồi dào. Hơn nữa, hằng năm vẫn tăng ở mức cao : khoảng 3,4 - 3,5%, như vậy mỗi năm có thêm hơn 1 triệu thanh niên bước vào tuổi lao động. Dự tính, phải đến năm 2000, tỷ lệ trên mới giảm xuống còn 2,8%. Vì vậy, dù tăng trưởng kinh tế (GDP) ở ta có ở mức cao (hiện nay bình quân là 7,8% năm, đến năm 2000 có thể trên 10%), thì về cơ bản nước ta hiện nay và trong những năm tới vẫn dư thừa lao động.

Số lao động chưa có việc làm ở thành thị hiện nay rất lớn, đặc biệt là ở một số thành phố lớn, khu công nghiệp tập trung. Trong số người chưa có việc làm thì 80% là thuộc lứa tuổi thanh niên ; họ phần lớn là những người chưa có nghề, thiếu vốn để tổ chức làm ăn ; số còn lại là những người đã qua đào tạo ở các trường chuyên nghiệp và dạy nghề, là

* PGS, PTS kinh tế, Ủy viên Trung ương Đảng, Bộ trưởng Bộ lao động thương binh xã hội

Digitized by Google

người bị mất việc từ khu vực nhà nước, là bộ đội xuất ngũ, là lao động từ nước ngoài trở về, là người hồi hương...

Nông thôn là nơi tập trung 80% dân số và lao động, nhưng do cơ cấu kinh tế và lao động rất lạc hậu, kinh tế hàng hóa còn ở trình độ thấp, chủ yếu là tự cung tự cấp và thuần nông (84%), do đó nạn thiếu việc làm rất phổ biến và nghiêm trọng. Việc làm với năng suất lao động rất thấp và kém hiệu quả, dẫn đến dư thừa rất lớn về lao động. Trong điều kiện đất đai canh tác bình quân trên 1 lao động rất thấp (0,3 ha/1 lao động), nếu làm thuần nông, sẽ dư thừa *ít nhất* 1/3 lao động ; có nơi dư thừa 1/2 lao động. Nhiều xã ở vùng đồng bằng sông Hồng với 20 nhân khẩu trên 1 ha thì dù năng suất lúa 10 - 12 tấn/ha/năm, giỏi lắm cũng chỉ đủ ăn sau khi trừ chi phí và thuế. Nếu mùa màng thất bát thì nhiều gia đình lại lâm vào cảnh khó khăn.

Cùng với việc chuyển sang nền kinh tế hàng hóa nhiều thành phần, việc giải quyết việc làm ở nước ta đứng trước những mâu thuẫn, thách thức lớn :

- Mâu thuẫn giữa nhu cầu việc làm ngày càng lớn với khả năng giải quyết còn rất hạn chế, trong khi tiềm năng phát triển kinh tế và tạo mở việc làm rất lớn nhưng chưa được phát huy, *chưa gắn lao động với tiềm năng đất đai và tài nguyên thiên nhiên*. Đáng chú ý nhất là tiềm năng về đất ở Tây nguyên, Đông Nam bộ, miền núi phía Bắc, ven biển, hải đảo (còn khoảng 3 - 4 triệu ha đất có khả năng nông nghiệp chưa được sử dụng, 9 triệu ha đất trống, đồi núi trọc, hệ số sử dụng đất bình quân mới 1,4 lần...).

- Mâu thuẫn giữa lao động và việc làm ngày càng gay gắt khi chúng ta phải điều chỉnh cơ cấu kinh tế vận hành theo cơ chế thị trường có sự quản lý của nhà nước. Việc tổ chức lại lao động trên phạm vi toàn xã hội, điều chỉnh cơ cấu lao động cho phù hợp với cơ cấu mới của nền kinh tế, tất yếu dẫn đến hiện tượng dư thừa lao động. Xu hướng tách và đẩy lao động khỏi việc làm rất lớn (trước hết là lao động ở khu vực nhà nước, ở các hợp tác xã tiểu, thủ công nghiệp). *Đó là sự không phù hợp giữa cơ cấu lao động cũ và cơ cấu nền kinh tế đang chuyển dịch.* Trong quá trình điều chỉnh này, chúng ta vừa thiếu đội ngũ lao động kỹ thuật, lao động chất xám, lại vừa thừa khá lớn lao động phổ thông, làm cho năng suất lao động xã hội thấp. Từ đó, dẫn đến các dòng di chuyển lao động lớn, hiện tượng chảy máu "chất xám" ngày càng tăng (chủ yếu từ khu vực quốc doanh ra khu vực ngoài quốc doanh và sang các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, các văn phòng đại diện nước ngoài có thu nhập cao hơn) và sự dịch chuyển lao động từ nông thôn ra các thành phố lớn, các đô thị ngày càng tăng là những vấn đề nổi cộm cần giải quyết.

- Mâu thuẫn trong bản thân vấn đề việc làm *vừa* là vấn đề kinh tế - xã hội cơ bản, lâu dài, có tính chiến lược, *vừa* là vấn đề cấp bách trước mắt. Nó có ý nghĩa về kinh tế, lại là vấn đề xã hội phức tạp. Vấn đề cấp bách trước mắt, là việc làm cho một số đối tượng thanh niên mới lớn, bộ đội xuất ngũ, lao động hợp tác trở về, người hồi hương, đối tượng tệ nạn xã hội. Ở thành thị, vấn đề này nếu không được giải quyết tốt sẽ là mầm mống gây ra những "điểm nóng" làm mất an toàn xã hội, thậm chí làm mất ổn định về chính trị.

- Mâu thuẫn giữa nhu cầu giải quyết việc làm rất lớn với trình độ tổ chức quản lý chưa theo kịp yêu cầu của cơ chế mới, với hệ thống sự nghiệp giải quyết việc làm còn phôi thai, đội ngũ cán bộ làm dịch vụ việc làm còn yếu kém.

Trên cơ sở các dự báo về phát triển nguồn lao động và nhu cầu giải quyết việc làm từ nay đến năm 2000 và xa hơn, *vấn đề lớn nhất đặt ra trong lĩnh vực lao động - việc làm hiện nay là làm thế nào để có được một lực lượng lao động phù hợp với yêu cầu mới của nền kinh tế thị trường*. Muốn vậy, trước hết phải tạo ra một đội ngũ lao động có chất lượng cao, đáp ứng được yêu cầu của công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, góp phần ngăn chặn nguy cơ tụt hậu xa so với các nước xung quanh. Nói cách khác, cần tiến thẳng vào *công nghệ cao*, tạo ra việc làm có năng suất cao, tiến tới bảo đảm cho người lao động có thể tự do lựa chọn việc làm phù hợp với khả năng của mình. Mặt khác, cũng cần đặc biệt quan tâm đến yêu cầu về *toàn dụng lao động*. Tức là, chú ý phát triển tối đa các vùng, lĩnh vực và ngành nghề

Digitized by Google

mới, lựa chọn và áp dụng công nghệ thích hợp, sử dụng nhiều lao động, để nhiều người có việc làm, nhất là những người thuộc nhóm xã hội dễ bị tổn thương (phụ nữ, vị thành niên, người nghèo, người tàn tật...).

Để giải phóng tiềm năng lao động trong nền kinh tế hàng hóa nhiều thành phần, *vấn đề quan trọng nhất là phải quan tâm đến lợi ích chính đáng của người lao động và giải quyết hài hòa mối quan hệ lợi ích giữa cá nhân, tập thể và nhà nước.* Phải thay đổi chuẩn mực và thang giá trị đánh giá cống hiến của người lao động cho xã hội, đồng thời trả đúng với giá trị lao động sáng tạo của họ. Phải coi trọng, bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ và giá trị vật chất do người lao động sáng tạo ra theo luật pháp, nhằm nâng cao chất lượng cuộc sống, mưu cầu hạnh phúc cho bản thân và có đóng góp một phần cho xã hội.

Giải quyết việc làm *theo nghĩa rộng* bao gồm những vấn đề liên quan đến phát triển và sử dụng có hiệu quả nguồn nhân lực. Quá trình đó diễn ra bắt đầu từ vấn đề giáo dục, đào tạo và phổ cập nghề, chuẩn bị cho người lao động bước vào cuộc đời lao động, đến vấn đề tự do lao động và được hưởng thụ xứng đáng giá trị mà lao động sáng tạo ra. *Theo nghĩa hẹp*, giải quyết việc làm chủ yếu hướng vào mục tiêu và đối tượng thất nghiệp, thiếu việc làm hoặc chưa có việc làm, phải coi tự tạo việc làm của người lao động trong các thành phần kinh tế là chính, chống ỷ lại vào nhà nước và hành chính hóa sự nghiệp này.

II

Mục tiêu 5 năm 1996 - 2000 trong lĩnh vực việc làm là bằng sự cố gắng của nhà nước và của dân tạo thêm 6,5 triệu chỗ làm việc mới, hạ tỷ lệ thất nghiệp và không có việc làm xuống dưới 5%.

Phương hướng *cơ bản* có tính chất chiến lược để thực hiện mục tiêu trên hướng tới việc sử dụng có hiệu quả nguồn lao động và giải quyết việc làm ở nước ta là thực hiện tốt chiến lược phát triển kinh tế - xã hội, tổ chức lại toàn bộ lao động xã hội để phát huy tiềm năng các thành phần kinh tế ; kết hợp giải quyết việc làm tại chỗ là chính với phân bố lại lao động theo vùng lãnh thổ, xây dựng các vùng kinh tế - xã hội dân cư mới để gắn lao động với đất đai và tài nguyên của đất nước, đồng thời mở rộng sự nghiệp đưa lao động đi làm việc có thời hạn ở nước ngoài, phát triển việc làm ngoài nước. Tổ chức đào tạo, đào tạo lại đội ngũ lao động hiện có và phổ cập nghề nghiệp cho lao động xã hội, trước hết là cho thanh niên, nhằm hình thành đội ngũ lao động có cơ cấu, số lượng và chất lượng phù hợp với cấu trúc của hệ thống kinh tế mới và yêu cầu của thị trường lao động. Đa dạng hóa việc làm, trên cơ sở đó mà đa dạng hóa thu nhập, phát triển các hình thức tổ chức sản xuất kinh doanh phong phú và đa dạng trong mối quan hệ đan xen giữa các thành phần kinh tế (kinh tế quốc doanh, kinh tế tập thể, kinh tế cá thể, hộ gia đình và kinh tế tư bản tư nhân); coi trọng khuyến khích các hình thức thu hút được nhiều lao động và phù hợp với quy luật phát triển nền kinh tế thị trường ở nước ta (xí nghiệp nhỏ và vừa, khu vực phi kết cấu, việc làm phi nông nghiệp, hình thức thanh niên xung phong, bộ đội làm kinh tế...).

a) *Đối với khu vực thành thị* : Phương hướng rất quan trọng là phải gắn với chương trình phát triển các doanh nghiệp quy mô lớn, nhất là ở các địa bàn có điều kiện lập các khu chế xuất, khu công nghiệp tập trung, phát triển các tập đoàn sản xuất mạnh của nhà nước ở các vùng hoặc trên phạm vi cả nước, các công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn, các dự án thu hút vốn đầu tư nước ngoài để tạo việc làm có giá trị kinh tế cao và giá trị lao động cũng cao, phù hợp với tính chất đặc thù của lao động ở thành thị. Theo hướng này, phải đặc biệt quan tâm đến đào tạo và hoàn thiện kỹ năng nghề nghiệp cho người lao động thành thị ở trình độ cao, thông qua việc phát triển các trung tâm huấn luyện cao cấp ở một số địa bàn trọng điểm. Một hướng quan trọng khác là phải phát triển các lĩnh vực, ngành nghề có khả năng thu hút được nhiều lao động và phù hợp với đặc điểm của lao động ở thành thị. Trong đó, phát triển khu vực phi kết cấu, các doanh nghiệp nhỏ và vừa hoạt động trong lĩnh vực sản xuất kinh doanh và dịch vụ là hướng cần được đặc biệt quan tâm. Đồng thời, phải coi gia công xuất khẩu là một quốc sách; lợi dụng tối đa ưu thế của nước ta là lao động rẻ, dễ tiếp thu kỹ thuật và công nghệ mới, lại

Digitized by Google

có nguồn nguyên liệu trong nước, tại chỗ dồi dào. Vì vậy, hướng phát triển gia công xuất khẩu là phải đa dạng hóa mặt hàng, trước hết là các mặt hàng có công nghệ sử dụng được nhiều lao động như may mặc, da giày, gốm sứ, lắp ráp điện tử, xe gắn máy... và mở rộng thị trường, nhất là thị trường ở các nước phát triển và đang phát triển, trong đó coi trọng thị trường khu vực châu Á - Thái bình dương. Phát triển các cơ sở dịch vụ công cộng và sự nghiệp nhà ở trong các thành phố, thị xã sẽ tạo ra rất nhiều việc làm cho thanh niên thành thị, đặc biệt là ở một số thành phố lớn (như Hà nội, TP Hồ Chí Minh, Đà nẵng, Hải phòng...), các khu công nghiệp tập trung (kể cả khu chế xuất). Khai thác tiềm năng kinh tế vùng ven thành phố, thị xã, trong mối quan hệ và liên kết kinh tế giữa nội - ngoại thành là hướng quan trọng tạo việc làm cho lao động ở thành thị. Theo hướng này, cần hình thành các vành đai cung cấp và tiêu thụ sản phẩm giữa thành thị và nông thôn, đồng thời chuyển những cơ sở sản xuất công nghiệp thích hợp từ nội thành ra ngoại thành, tạo ra những cụm kinh tế vệ tinh của các thành phố, thị xã. Mặt khác, hình thành hệ thống dịch vụ con thoi giữa nội, ngoại thành để giải quyết việc làm cho lao động ở thành thị.

b) *Đối với khu vực nông thôn* : Để giải quyết việc làm cho lao động ở nông thôn, từ nay đến năm 2000 phải làm thay đổi và chuyển dịch cơ bản cơ cấu kinh tế và cơ cấu lao động ở nông thôn theo hướng giảm dần số hộ thuần nông, giải phóng đất đai, khắc phục tình trạng diện tích đất nông nghiệp bình quân đầu người quá thấp như hiện nay. Đa dạng hóa ngành nghề, thực hiện người nào giỏi việc gì làm việc ấy, trên cơ sở giao đất ổn định lâu dài cho các hộ gia đình, đồng thời bằng cơ chế, chính sách và luật pháp, tập trung dần ruộng đất, tạo điều kiện cho các hộ gia đình có khả năng sản xuất, kinh doanh nông sản hàng hóa. Đa dạng hóa việc làm và đa dạng hóa thu nhập phải trở thành hình thức phổ biến trong nông thôn, đặc biệt là phát triển mạnh mẽ việc làm phi nông nghiệp, xí nghiệp nhỏ ở nông thôn.

Khuyến khích phát triển các hình thức hợp tác tự nguyện ở quy mô trên hộ gia đình (hợp tác liên gia đình, nhóm hộ, hợp tác xã kiểu mới), đồng thời có chính sách và cơ chế khuyến khích những người có vốn và kỹ thuật mở rộng hình thức sản xuất kinh doanh theo kiểu nông trại (với quy mô từ 10 đến 50 và hàng trăm héc ta) ở các tỉnh miền trung, miền núi Tây nguyên và Đông nam bộ là hình thức tổ chức lao động, giải quyết việc làm có hiệu quả và phù hợp với nền kinh tế thị trường. Phát triển mạnh mẽ các ngành nghề phi nông nghiệp, sử dụng nhiều lao động ở nông thôn, nhưng cần ít vốn và hướng vào xuất khẩu, như xí nghiệp nhỏ ở nông thôn và công nghiệp gia đình ; khôi phục và phát triển các nghề truyền thống có giá trị kinh tế cao, các làng nghề gắn liền với việc đô thị hóa nông thôn, hình thành các thị trấn, thị tứ (đặc biệt là trên các trục đường giao thông). Giải quyết việc làm cho lao động ở nông thôn phải hướng vào những vùng có khả năng thu hút được nhiều lao động. Từ nay đến năm 2000, phải khai thác thêm và sử dụng có hiệu quả 3 triệu ha đất trống, đồi trọc, diện tích hoang hóa, thông qua các chương trình dự án phủ xanh đất trống, đồi núi trọc, khai thác các vùng Đông Nam bộ, Tây nguyên... các dự án lấn biển, khai thác kinh tế biển và các đảo. Các hướng trên phải kết hợp với các dự án di dân, xây dựng các vùng kinh tế - xã hội dân cư mới để phân bố lại lao động giữa các vùng và làm giảm sức ép về việc làm. Để giải quyết việc làm theo các hướng trên đây, phải tạo ra được thị trường vốn đa dạng trong nông thôn dưới nhiều hình thức khác nhau. Cần có sự hỗ trợ vốn trực tiếp của nhà nước, của các tổ chức quốc tế, phi chính phủ, của cộng đồng. Bên cạnh ngân hàng nông nghiệp, cần có tín dụng cho người nghèo ; khôi phục và phát triển các hợp tác xã tín dụng, làm thử các ngân hàng cổ phần trong nông thôn. Mặt khác, Nhà nước cần có chính sách và cơ chế khuyến khích đối với các hoạt động kinh tế phi nông nghiệp khác, nhất là đối với các hoạt động kinh tế phi kết cấu ở nông thôn, để giải quyết dần tình trạng thiếu việc làm trầm trọng và việc làm thu nhập thấp ở nông thôn hiện nay, hạn chế việc di chuyển lao động từ nông thôn vào các thành phố, thị xã quá mức, gây thêm khó khăn cho các thành phố trong việc quản lý lao động và quản lý xã hội ❑

Digitized by Google

TIẾP TỤC SẮP XẾP VÀ ĐỔI MỚI DOANH NGHIỆP NHÀ NƯỚC

PHAN VĂN TIỆM *

THỰC tế 10 năm đổi mới vừa qua cho thấy, đường lối phát triển kinh tế nhiều thành phần có sự quản lý của nhà nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa do Đại hội VI của Đảng đề xướng là một đường lối phù hợp với quy luật khách quan. Đường lối đó đã là động lực góp phần làm nên các thành tựu kinh tế trong 10 năm qua và chắc chắn cũng sẽ là động lực góp phần vào thắng lợi của sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước trong giai đoạn tới.

Trong quá trình thực hiện đường lối đó, chúng ta đương nhiên phải sắp xếp lại và đổi mới thành phần kinh tế nhà nước, hệ thống doanh nghiệp nhà nước (DNNN). Thật ra, ngay từ những năm cuối thập kỷ 60 đầu thập kỷ 70, ở miền Bắc, Nhà nước ta đã tiến hành việc tổ chức lại sản xuất và cải tiến quản lý DNNN mà cho tới gần đây chúng ta vẫn quen gọi là xí nghiệp quốc doanh. Sau khi nước nhà thống nhất, số DNNN tăng gấp bội. Tính đến cuộc tổng kiểm kê ngày 1-1-1990, cả nước đã có cả thảy 12 300 DNNN. Chúng được phân bố rộng khắp trên các địa bàn, có mặt ở mọi ngành, mọi lĩnh vực kinh tế, và thuộc sự quản lý của chính quyền ở mọi cấp.

Sau Hội nghị lần thứ 6 BCH TƯ Đảng khóa IV (năm 1979), nhà nước ta bắt đầu thực hiện một số chủ trương về đổi mới chính sách kinh tế và cơ chế quản lý kinh tế, kể cả đối với các DNNN. Nhưng do quan niệm phổ biến lúc đó phát triển kinh tế trước hết là phát triển kinh tế quốc doanh, phát triển các doanh nghiệp do chính nhà nước thành lập và trực tiếp quản lý, trực tiếp kinh doanh, ngân sách doanh nghiệp không tách mà gắn liền với ngân sách nhà nước, nên không ít DNNN thành lập mà không có căn cứ kinh tế tối thiểu.

Đến đầu thập kỷ 90, cùng với công cuộc đổi mới kinh tế, các chính sách, chế độ, cơ chế quản lý chuyển qua một giai đoạn thực thi cơ chế thị trường khá toàn diện. Các DNNN cũng bắt đầu chuyển qua cơ chế mới. Để DNNN tiếp tục phát triển, đứng vững và đi lên, Nhà nước ta chủ trương sắp xếp lại lực lượng và đổi mới hoạt động của hệ thống kinh tế này. Từ cuối năm 1991 đã tiến hành sắp xếp tương đối toàn diện và áp dụng một loạt chính sách đổi mới kinh tế vĩ mô, chế độ quản lý DNNN.

Cuộc sắp xếp doanh nghiệp theo Nghị định 388/HĐBT (11-1991) kéo dài trong 3 năm, kết thúc vào cuối năm 1994, là một mốc lớn về tổ chức lại hệ thống DNNN trong suốt các giai đoạn hình thành và phát triển của DNNN ở nước ta. Cuộc sắp xếp này dựa vào các quy chế thành lập và giải thể DNNN bước đầu được thực hiện theo trình tự pháp luật.

Đến cuối năm 1994, số DNNN đã giảm từ 12 296 xuống còn khoảng 6 300, trong đó có gần 2 000 doanh nghiệp do trung ương quản lý (chiếm 29,3%) và hơn 4 000 doanh nghiệp do địa phương quản lý (chiếm 70,6%). Như vậy, số DNNN đã giảm 45%. Số doanh nghiệp bị giải thể, chuyển hình thức sở hữu (khoảng hơn 2 000 doanh nghiệp) hoặc sáp nhập thành doanh nghiệp

* GS, TS, Ủy viên Trung ương Đảng

Digitized by Google

lớn hơn (khoảng 4 000 doanh nghiệp), đều là những doanh nghiệp nhỏ và quá nhỏ, thuộc nhóm dưới 100 lao động và dưới 500 triệu đồng vốn, phần lớn do cấp huyện quản lý, đã ngừng hoạt động hoặc thua lỗ kéo dài, trên thực tế đã lâm vào tình trạng vỡ nợ, phá sản.

Các DNNN sau khi sắp xếp lại nhìn chung có số vốn lớn hơn, khả năng cạnh tranh được cải thiện. Bình quân mỗi doanh nghiệp có khoảng 8 tỉ đồng. Trong cơ cấu vốn của DNNN, phần vốn tự bổ sung (biểu hiện mức tích tụ thực tế của doanh nghiệp) bước đầu được quan tâm hơn. Năm 1994 so với 1990, phần vốn này trong tổng số vốn đã tăng từ 19,4 lên 24,5%, trong đó doanh nghiệp trung ương tăng nhanh hơn : từ 18,9 lên 24,5%. Số doanh nghiệp này tập trung nhiều nhất ở các ngành : *công nghiệp* (34,6%), *thương nghiệp* và *dịch vụ* (26,7%), *xây dựng cơ bản* (16,2%) và *nông - lâm nghiệp* (10,1%).

Việc sắp xếp lại các DNNN đã góp phần thay đổi một bước cơ cấu vốn và lao động của doanh nghiệp, có tác động nhất định đến quá trình tích tụ và tập trung. Số doanh nghiệp dưới 100 lao động giảm đi, còn số doanh nghiệp có từ 500 đến 1000 lao động tăng lên. Vốn bình quân mỗi doanh nghiệp cũng tăng từ 3,3 tỉ lên 9,5 tỉ đồng.

5 năm qua, kinh tế quốc doanh đã có tốc độ tăng trưởng GDP gần gấp rưỡi so với bình quân toàn nền kinh tế và gần gấp đôi so với kinh tế ngoài quốc doanh. Nếu so với những năm trước thì sự tăng trưởng trong những năm 1991 - 1994 có tốc độ khá, ổn định và thường xuyên được nâng lên, giảm được nhiều khoản bao cấp và vay nợ nước ngoài. Tỷ trọng DNNN trong GDP từ 32,4% năm 1990 tăng lên 36,7% năm 1994. Riêng trong công nghiệp, tỷ trọng này trong các năm tương ứng tăng từ 64,6% lên 69,3%. Thu nộp ngân sách của các DNNN tăng nhanh, bình quân 3 năm 1991 - 1993 tăng 48,2%, trong đó công nghiệp tăng 68,8%, thương nghiệp - dịch vụ tăng 38,2%. Phần đóng góp của các DNNN vào ngân sách nhà nước năm 1995 là 49%. Các DNNN chiếm tỷ lệ áp đảo về xuất nhập khẩu và thu hút vốn đầu tư nước ngoài. Tính đến tháng 5-1995, trong số 1 368 dự án đầu tư được cấp phép (với số vốn đăng ký là 14 535 triệu USD), thì các DNNN chiếm 98% số dự án (với 99% số vốn đăng ký).

DNNN chiếm giữ toàn bộ cơ sở hạ tầng sản xuất và tuyệt đại bộ phận cơ sở hạ tầng xã hội. Đây là "đỉnh cao kinh tế" trong tay nhà nước, tạo khả năng thực tế cho việc định hướng phát triển lực lượng sản xuất xã hội và định hướng cơ cấu kinh tế và bảo đảm tốc độ tăng trưởng theo kế hoạch của nhà nước.

Hiệu quả sử dụng đồng vốn được cải thiện một mức nhất định : lãi tăng, lỗ giảm. Tỷ suất lợi nhuận so với doanh thu tăng từ 3,61% năm 1990 lên 5,0% năm 1994.

Nhiều doanh nghiệp đã mau chóng thích ứng với điều kiện mới, đa dạng hóa sản phẩm, đáp ứng được yêu cầu của thị trường, chuyển từ tình trạng sa sút nghiêm trọng có nguy cơ phá sản sang làm ăn có lãi, tăng được việc làm cho công nhân trong doanh nghiệp, có thu nhập ngày càng cao.

Đội ngũ các nhà quản lý và công nhân kỹ thuật đã bước đầu thích nghi được với môi trường và điều kiện kinh doanh mới. Gần 90% số giám đốc các DNNN có trình độ từ đại học trở lên so với 52,8% ở các công ty trách nhiệm hữu hạn, 70% ở các công ty cổ phần, 13% ở doanh nghiệp tư nhân và 10% ở các hợp tác xã.

Mặc dù đạt được các kết quả quan trọng nêu trên, các DNNN còn bộc lộ nhiều tồn tại và yếu kém.

DNNN qua sắp xếp vẫn chưa thoát khỏi tình trạng nhiều về số lượng nhưng nhỏ về quy mô, yếu về sức cạnh tranh ; còn có sự dàn trải không cần thiết, vượt quá khả năng nguồn lực (vốn và cán bộ quản lý) nhà nước hiện có. Theo số liệu thống kê, đến cuối năm 1994 vẫn còn 46,1% số doanh nghiệp có số lao động dưới 100 người và 49,2% số doanh nghiệp có mức vốn dưới 1 tỉ đồng.

Digitized by Google

Việc sắp xếp lại các DNNN vẫn chưa khắc phục được các nhược điểm về cơ cấu. Nhiều doanh nghiệp tuy được đăng ký lại nhưng vẫn nằm trong tình trạng manh mún, dàn trải, trùng lắp, thậm chí vẫn thuộc diện hoàn toàn không cần thiết phải có mặt DNNN (như các cơ sở cắt tóc, sửa chữa đồ dùng sinh hoạt, quán trọ, quán giải khát... ở ngay các đô thị, trung tâm kinh tế). Vốn do chủ sở hữu đầu tư dù có tăng lên hằng năm, nhưng để đáp ứng được số DNNN hiện có, nhất là số DNNN kinh doanh có lãi, còn quá ít. Sự xơ cứng về cơ cấu đã hạn chế rất lớn đối với việc phát huy vai trò chủ đạo của hệ thống DNNN.

Tình trạng thiếu vốn của các DNNN là phổ biến và nghiêm trọng. Về vốn lưu động, phần lớn DNNN mới chỉ được bảo đảm 10% so với yêu cầu tối thiểu nhà nước cần đầu tư lần đầu là 30%. Nhiều DNNN không vay được vốn trung và dài hạn để đầu tư chiều sâu, mở rộng mặt hàng và quy mô sản xuất ; họ phải vay vốn ngắn hạn với lãi suất cao để đầu tư, do đó sản xuất kém hiệu quả, khó hoàn vốn và khó trả nợ khi đến hạn, lâm vào tình trạng tiền phá sản.

Trình độ công nghệ ở các DNNN cũng còn lạc hậu. Theo tài liệu khảo sát nhiều doanh nghiệp thuộc 7 ngành, thì máy móc thiết bị, dây chuyền sản xuất ở đây lạc hậu so với thế giới từ 10 đến 20 năm ; mức độ hao mòn hữu hình từ 30% đến 50%, thậm chí 38% số này đang ở dạng đợi thanh lý. Trong các xí nghiệp liên doanh, trừ một số dây chuyền nhập vào là tương đối hiện đại (hiện đại thì cấp công nghệ vẫn thuộc loại 2-3), còn phần lớn công nghệ vẫn ở trình độ thấp so với các nước trong khu vực. Nhiều doanh nghiệp sau khi được sắp xếp lại vẫn tiếp tục làm ăn thua lỗ, cần được giải thể, nhưng chưa biết tìm nguồn nào để thanh toán nợ nần và giải quyết chế độ cho công nhân viên chức, do đó các doanh nghiệp đó vẫn tồn tại nhưng hầu như không hoạt động, chờ biện pháp xử lý. Điều đáng quan tâm là số nợ hàng chục ngàn tỉ vay trong và ngoài nước mà nghĩa vụ thu, trả chủ yếu nằm ở số khá đông DNNN. Do tình trạng nợ nần khá phổ biến, lại dây dưa khó đòi, khó trả, nên tài chính ở DNNN rất khó lành mạnh hóa, cản trở sự phát triển hơn nữa hệ thống doanh nghiệp này.

Năng suất lao động trong hệ thống DNNN quá thấp. Theo kết quả điều tra, xét về mặt hiện vật, năng suất lao động của ta về *chế biến dầu thực vật* chỉ bằng 10% mức của thế giới ; về sản xuất *các sản phẩm dệt, giấy, may, nhựa* chỉ bằng 30% - 40% mức của thế giới ; về *thi công cầu đường* chỉ bằng 1/20 mức của Pháp. Với một công suất, sản lượng tương đương như ở một số nước công nghiệp phát triển, các doanh nghiệp trong một số ngành ở ta (kể cả các ngành công nghiệp thuộc loại tương đối hiện đại) cần tới một số lao động nhiều hơn tới 10 - 20 lần.

Về mặt quản lý, các DNNN bộc lộ nhiều điểm yếu. Vẫn chưa xác định được thật cụ thể ai là *chủ đích thực của vốn nhà nước*. Việc quản lý vốn còn cứng nhắc và phân tán. Việc quản lý và sử dụng vốn khấu hao cơ bản không ổn định. Cơ chế quản lý vốn nhà nước ở các DNNN cho đến nay hầu như không có luồng luân chuyển ngang để người được giao vốn chủ động tìm địa chỉ đầu tư theo hiệu quả kinh doanh với tín hiệu của thị trường. Chế độ phân phối lợi nhuận, lập và sử dụng các quỹ không có tác dụng khuyến khích tái đầu tư, làm tăng nhanh vốn sản xuất ; mà ngược lại, tạo điều kiện tăng phần mềm của thu nhập, gây sự chênh lệch quá đáng giữa các doanh nghiệp, giữa một số ngành. Chế độ lương khu vực sản xuất kinh doanh (cán bộ quản lý, bộ máy gián tiếp và cả công nhân) chưa được thực hiện thống nhất, và cũng chưa có sự phân biệt giữa DNNN hoạt động công ích và DNNN hoạt động kinh doanh theo cơ chế thị trường. Việc tái đầu tư vào các doanh nghiệp tạo ra lợi nhuận không được khuyến khích đúng mức và thiếu cơ chế bắt buộc tái đầu tư ; vai trò đầu đàn, tiên phong về công nghệ mới ở các DNNN cũng không hình thành rõ nét.

Digitized by Google

Tóm lại, trong 3 năm (1991 - 1993) thực hiện chủ trương sắp xếp lại, các DNNN đã phát huy tốt hơn vai trò chủ đạo trong nền kinh tế theo định hướng xã hội chủ nghĩa, khắc phục được một bước quan trọng các mâu thuẫn và nhược, khuyết điểm do cơ chế cũ để lại. Song để có thể phát triển hơn nữa trong giai đoạn đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa sắp tới, hệ thống DNNN còn nhiều vấn đề về cơ cấu, cơ chế quản lý cần được tiếp tục tháo gỡ và đổi mới.

*
* *

Để tiếp tục thực hiện thắng lợi nhiệm vụ sắp xếp lại và đổi mới hệ thống DNNN, cần làm sáng tỏ một loạt vấn đề có ý nghĩa lý luận và phương pháp luận chỉ đạo quá trình này. Dưới đây là một số vấn đề, theo tôi, có ý nghĩa khá quan trọng.

Một là, *trong giai đoạn sắp tới* (ít nhất là trong vài ba thập kỷ thực hiện công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước), cần khẳng định *cơ cấu kinh tế nhiều thành phần vẫn là cơ cấu tạo được động lực mạnh cho quá trình phát triển lực lượng sản xuất xã hội ở nước ta.* Trong cơ cấu đó, hai thành phần *có ý nghĩa quyết định* là : *kinh tế nhà nước* (trong đó bộ phận hợp thành quan trọng là các DNNN), và *kinh tế tư nhân* (trong đó bộ phận quan trọng là kinh tế tư bản tư nhân).

Ở đây, có *hai* thiên hướng theo tôi cần tránh, vì không phù hợp với quy luật khách quan của giai đoạn phát triển hiện nay và vài ba thập kỷ nữa. Thiên hướng *thứ nhất* là muốn phát triển mạnh thành phần kinh tế nhà nước, hệ thống DNNN, tức là muốn "quốc doanh hóa" thật nhanh, sớm thực hiện cơ cấu *một thành phần kinh tế* là thành phần kinh tế nhà nước, đưa tỷ trọng của thành phần này lên 70%, 80% thậm chí 90% GDP. Thiên hướng *thứ hai*, thực chất cũng là muốn thực hiện cơ cấu một thành phần kinh tế nhưng *theo hướng ngược lại* bằng chủ trương *tư nhân hóa toàn bộ nền kinh tế*. Cả hai thiên hướng nói trên đều là *trở lực*, chứ không phải động lực cho sự tăng trưởng, cho việc thực hiện nhanh nhất, tốt nhất mục tiêu hợp lòng người, được tuyệt đại bộ phận nhân dân ta đồng tình ủng hộ : "dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, văn minh". Trong sự phát triển của chủ nghĩa tư bản hiện đại, của kinh tế thị trường, ở các nước công nghiệp phát triển cũng như ở các nước đang phát triển, *không đâu có một cơ cấu kinh tế thuần khiết là tư bản tư nhân*, vắng bóng vai trò và vị trí của tư bản nhà nước, kinh tế nhà nước (tất nhiên nhà nước ở đây là thuộc giai cấp cầm quyền). Với "*định hướng xã hội chủ nghĩa*" mà lại dựa trên cơ sở "*cơ cấu kinh tế tư nhân chiếm ưu thế*", thì cái định hướng đó chẳng qua chỉ là "bánh vẽ" tồn tại trên giấy ! Không một người trung thực nào có thể chấp nhận cái khẩu hiệu "hữu danh vô thực" đó. Tuy nhiên, cũng khó mà đồng tình với ý muốn nhanh chóng "quốc doanh hóa" nền kinh tế ở nước ta. Cơ cấu sở hữu vốn trong các doanh nghiệp hoạt động hiện nay ở ta như sau : sở hữu nhà nước 68,4% ; sở hữu tư bản nước ngoài : 25,3% ; sở hữu các công ty tư nhân, công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty cổ phần : 6,3%. Như vậy, rất cần phải tiến hành dự báo sự phát triển của các thành phần kinh tế. Chỉ có trên cơ sở đó, chúng ta mới có thể hoạch định tốt các chính sách trung hạn và dài hạn, bảo đảm cho các DNNN, cho sở hữu nhà nước phát triển đúng hướng trong các ngành và lĩnh vực của nền kinh tế.

Hai là, nền *kinh tế có cơ cấu nhiều thành phần phải có sự quản lý của nhà nước của dân, do dân, vì dân* ; do đó, hệ thống doanh nghiệp thuộc sở hữu nhà nước là sức mạnh vật chất không thể thiếu để nhà nước đó thực hiện các mục tiêu theo định hướng của mình. Không nhà nước nào không chăm lo cho sức mạnh vật chất, nền tảng kinh tế của mình. Tuy nhiên, do khác nhau về bản chất giai cấp, nhà nước ở các xã hội có chế độ chính trị khác nhau sử dụng sức mạnh vật chất do các DNNN và toàn bộ hệ thống kinh tế nhà nước tạo nên theo những mục tiêu không giống nhau. Cần lưu ý lực lượng kinh tế do nhà nước nắm, không chỉ bao gồm hệ thống DNNN, mà còn bao gồm : hệ thống ngân sách quốc gia, dự trữ quốc gia ; các quỹ quốc gia thuộc sở hữu nhà

Digitized by Google

nước ; ngân hàng nhà nước và các ngân hàng thương mại do nhà nước sở hữu hoàn toàn hay sở hữu ở mức chi phối. Ngoài ra, đất đai và các tài nguyên thiên nhiên khác đang là đối tượng khai thác, bộ phận khá lớn cơ sở kinh tế hạ tầng thuộc sở hữu nhà nước, cũng đều là lực lượng kinh tế nhà nước. Cùng với sức mạnh vật chất đó, nhà nước còn có trong tay sức mạnh của kiến trúc thượng tầng, của luật pháp... để chi phối định hướng phát triển của nền kinh tế.

Ba là, *trên cơ sở khẳng định sự tồn tại và vai trò chủ đạo của kinh tế nhà nước, không nên quan niệm vai trò đó phải thể hiện ở từng DNNN hiện có.* Sắp xếp lại hệ thống DNNN hoặc hệ thống sở hữu nhà nước là nhằm làm cho toàn bộ hệ thống kinh tế nhà nước mạnh lên, tăng được sức chi phối của nhà nước. Không thể coi việc tuyên bố phá sản hay giải thể một số DNNN, chuyển một phần sở hữu trong các DNNN sang các hình thức sở hữu khác (của tư bản trong và ngoài nước, của người lao động trong nước v.v.), là làm yếu, ảnh hưởng xấu đến vai trò chủ đạo cần có của hệ thống DNNN và kinh tế nhà nước. Hơn nữa, sức mạnh chi phối của nhà nước là ở quy mô và chất lượng của sở hữu nhà nước trong nền kinh tế, chứ không nhất thiết phải thể hiện ở quy mô kinh doanh trực tiếp của nhà nước, ở kinh tế quốc doanh, xí nghiệp quốc doanh như lâu nay ta vẫn hiểu.

Bốn là, có hai vấn đề cần khẳng định khi sắp xếp lại và đổi mới hệ thống DNNN trong giai đoạn sắp tới :

1 - Phải hết sức quan tâm mở rộng và tăng cường khả năng chi phối của nhà nước thông qua tăng cường lực lượng vật chất - sở hữu nhà nước trong tất cả các ngành, lĩnh vực hoạt động kinh tế theo cơ chế thị trường. Ưu tiên trước hết là ở những ngành, lĩnh vực mà các thành phần kinh tế khác trên thực tế là chưa muốn làm hoặc không muốn làm, không đủ sức làm, và nếu nhà nước không tham dự đến mức chi phối thông qua sở hữu cần thiết thì doanh nghiệp đó, ngành đó, lĩnh vực đó sẽ phương hại đến hoặc cản trở sự phát triển của lực lượng sản xuất, đến tính chất độc lập tự chủ, chủ quyền kinh tế của đất nước.

2 - Cơ cấu phù hợp có khả năng làm động lực tăng trưởng, phát triển, giải phóng mọi lực lượng sản xuất xã hội, là cơ cấu kinh tế hỗn hợp chứa đựng nhiều hình thức sở hữu cùng tồn tại trong nền kinh tế, trong từng ngành, lĩnh vực và từng doanh nghiệp hoạt động theo cơ chế thị trường, chịu sự chi phối của các "luật chơi" trên cùng một "sân chơi" của kinh tế thị trường. Trong cơ cấu kinh tế hỗn hợp như vậy, sở hữu nhà nước chiếm 100% đối với các doanh nghiệp thuộc các ngành cung cấp cơ sở kinh tế hạ tầng quan trọng nhất cho toàn bộ nền kinh tế, thuộc các lĩnh vực trực tiếp phục vụ quốc phòng, an ninh quốc gia, một số ngành dịch vụ công cộng đặc biệt quan trọng. Còn đối với các doanh nghiệp thuộc các ngành và lĩnh vực khác, thì sở hữu nhà nước không nhất thiết phải tham dự hoặc chỉ cần tham dự ở mức đủ để hướng các ngành và lĩnh vực đó phát triển sao cho phù hợp với cơ cấu chiến lược kinh tế trong từng thời kỳ.

Năm là, một phương hướng sắp xếp cơ cấu sở hữu trong giai đoạn phát triển kinh tế sắp tới là *thực hiện cổ phần hóa một bộ phận DNNN hiện có, thành lập các công ty cổ phần sở hữu hỗn hợp nhà nước và tư nhân.* Chủ trương làm thử việc cổ phần hóa DNNN đã được thực hiện trong hơn 3 năm qua (từ khi ban hành Quyết định 202/CP), nhưng đến nay mới triển khai được ở 8 DNNN, trong đó mới có 5 doanh nghiệp chuyển sang hoạt động theo luật công ty cổ phần với các tỷ lệ đóng góp như sau : cổ phần nhà nước chiếm 20 - 40% ; cổ phần của công nhân viên chức trong DNNN cũ chiếm 20 - 80% ; cổ phần bán ra ngoài xã hội chiếm 20 - 30%. Về các chỉ tiêu phát triển và hiệu quả kinh tế, đóng thuế cho nhà nước, chỉ sau vài năm hoạt động, các công ty cổ phần này đã tỏ ra hơn hẳn thời kỳ còn là DNNN. Song do số DNNN tự nguyện làm thử việc cổ phần hóa còn ít, hơn nữa

(Xem tiếp trang 59)

Digitized by Google

CON ĐƯỜNG TIẾN LÊN CHỦ NGHĨA XÃ HỘI "XUYÊN QUA CHỦ NGHĨA TƯ BẢN NHÀ NƯỚC" Ở VIỆT NAM

TÔ HUY RỨA *

KHÁC với quá trình lịch sử - tự nhiên của các nước từ chủ nghĩa tư bản phát triển lên chủ nghĩa xã hội, quá trình của các nước lạc hậu đi lên chủ nghĩa xã hội bỏ qua chế độ tư bản chủ nghĩa là quá trình lịch sử - tự nhiên "rút ngắn". Quá trình ấy không trải qua giai đoạn phát triển chủ nghĩa tư bản như một chế độ thống trị xã hội nhưng lại phải sử dụng phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa thông qua hình thức chủ nghĩa tư bản nhà nước.

Con đường này chính Mác và Ăng-ghen đã đề cập tới trên cơ sở phân tích tính quy luật phát triển của xã hội và những điều kiện của thời đại. Quy luật phát triển chung của các hình thái kinh tế - xã hội không hề loại trừ mà còn bao hàm sự phát triển phong phú của mỗi dân tộc, những con đường phát triển đặc thù của mỗi nước trong các thời đại khác nhau. Mác cho rằng : "Một xã hội, ngay cả khi đã phát hiện được quy luật tự nhiên của sự vận động của nó... cũng không thể nào nhảy qua các giai đoạn phát triển tự nhiên hay dùng sắc lệnh để xóa bỏ những giai đoạn đó. Nhưng nó có thể rút ngắn và giảm bớt được những cơn đau đẻ"(1). Lịch sử xã hội hiện đại đã và đang phát triển trong sự phong phú đa dạng đó.

Chủ nghĩa tư bản đã đẩy nhanh vượt bậc sự tăng trưởng kinh tế, nhưng ngày càng tỏ ra không thể chấp nhận được trong việc giải quyết những vấn đề tiến bộ xã hội, đáp ứng nhu cầu nhân bản hóa các mối quan hệ của con người. Sự phát triển của lực lượng sản xuất hiện đại sẽ vượt qua chủ nghĩa tư bản để tiến lên hình thái kinh tế - xã hội cao hơn là chế độ xã hội chủ nghĩa, đúng như quy luật phát triển chung mà Mác - Ăng-ghen từng phát hiện. Song, chính sự phát triển không đều của chủ nghĩa tư bản, sự quốc tế hóa sản xuất và sự tự điều chỉnh được ở mức độ nào đó của chủ nghĩa tư bản đã làm cho cách mạng xã hội chủ nghĩa chưa thể nổ ra và giành được thắng lợi ngay tại quê hương của nó là các nước tư bản phát triển, mà lại tạo khả năng để giai cấp vô sản ở các nước lạc hậu về kinh tế sớm giành chính quyền và bước vào con đường quá độ tiến lên chủ nghĩa xã hội.

Lê-nin cùng với Đảng cộng sản bôn - sê-vich đã lãnh đạo nhân dân Nga tiến hành cuộc Cách mạng Tháng Mười vĩ đại, đưa nước Nga tiến lên chủ nghĩa xã hội từ một nước tư bản trung bình. Chính Người đã biến những giả thuyết của Mác và Ăng-ghen thành hiện thực và từ thực tiễn cách mạng nước mình để chứng minh, phát triển một bước quan trọng học thuyết về chủ nghĩa xã hội khoa học. Chủ nghĩa xã hội đã bắt đầu được xây dựng ở một nước kém phát triển, đứng vững trong vòng vây của chủ nghĩa đế quốc và sau đó đã mở rộng thành một hệ thống thế giới có ảnh hưởng quan trọng đến xu hướng phát triển của nhân loại. Ngày nay, do nhiều nguyên nhân, chủ nghĩa xã hội thế giới rơi vào khủng hoảng và bị đổ vỡ một mảng lớn. Ở các nước lạc hậu về kinh tế, con đường tiến lên chủ nghĩa xã hội không còn sự hỗ trợ trực tiếp của hệ thống xã hội chủ nghĩa thế giới như trước kia. Song, điều đó hoàn toàn không có nghĩa chủ nghĩa xã hội không còn lại gì cả, con đường đi lên chủ nghĩa xã hội chỉ là hoang tưởng ! *Chủ nghĩa xã hội ngày nay vẫn là*

* PTS. Giám đốc Phân viện báo chí tuyên truyền, Học viện chính trị quốc gia Hồ Chí Minh

(1) C.Mác và Ph.Ăng-ghen : *Tuyển tập*. Nxb Sự thật, Hà nội, 1982, t 3, tr 201

Digitized by Google

cứu cánh, là tương lai tươi sáng của nhân loại. Con đường tiến lên chủ nghĩa xã hội từ các nước lạc hậu vẫn tiếp tục mở ra, đã và đang thu được những thành quả ban đầu. Dù không có sự hỗ trợ của một nước xã hội chủ nghĩa đi trước, các nước lạc hậu hiện nay vẫn có thể, bằng các con đường khác nhau, vận dụng được những thành tựu văn minh của nhân loại để đẩy nhanh sự phát triển của mình, tạo ra những tiền đề kinh tế - kỹ thuật của chủ nghĩa xã hội. Con đường phát triển "xuyên qua chủ nghĩa tư bản nhà nước" để tiến lên chủ nghĩa xã hội mà Lê-nin vạch ra, ngày càng tỏ rõ giá trị thực tiễn to lớn.

Thực tiễn những năm 20 ở nước Nga là sự thử thách ghê gớm đối với Lê-nin trong việc thực hiện con đường xây dựng chủ nghĩa xã hội. Với tinh thần biện chứng cách mạng, Lê-nin đã thực hiện cuộc cách mạng trong quan niệm mới về chủ nghĩa xã hội. Trên cơ sở đó, Người tìm ra con đường độc đáo để đưa nước Nga mới ở trình độ phát triển trung bình tiến lên chủ nghĩa xã hội - khi chưa có một nước xã hội chủ nghĩa nào đi trước. Người chỉ rõ : "Trong một nước tiểu nông, trước hết các đồng chí phải bắc những chiếc cầu nhỏ vững chắc, đi xuyên qua chủ nghĩa tư bản nhà nước, tiến lên chủ nghĩa xã hội[2]. Đó là một tất yếu, bởi lẽ phương thức sản xuất xã hội chủ nghĩa không thể du nhập từ bên ngoài vào, mà phải là kết quả phát triển tự nhiên của nền kinh tế vốn có của nước Nga. Song, phương thức sản xuất ấy lại không thể ra đời trực tiếp từ nền sản xuất nhỏ, lạc hậu. Chủ nghĩa xã hội chỉ ra đời trên những tiền đề vật chất kinh tế nhất định đã được chủ nghĩa tư bản tạo ra. Đi lên chủ nghĩa xã hội từ một nước kinh tế kém phát triển như nước Nga, phải biết vận dụng mọi hình thức kinh tế để đẩy nhanh sự phát triển, tạo ra những tiền đề vật chất cho chủ nghĩa xã hội. Để làm được điều đó, nước Nga phải trải qua một thời kỳ mà nhà nước chuyên chính vô sản đã dùng đến "bàn tay" của giai cấp tư sản ở một mức độ và trong một thời kỳ nhất định, lợi dụng phương thức làm ăn của nó, để cho giai cấp này "cày xới", làm giàu mảnh đất sẽ sinh sản ra chủ nghĩa xã hội. Chủ nghĩa tư bản nhà nước trong điều kiện nhà nước thuộc về giai cấp vô sản, hiểu theo nghĩa rộng, là quan hệ khách quan giữa nhà nước vô sản với các quan hệ kinh tế tư bản chủ nghĩa. Thực chất đó là một hình thức *trung gian, quá độ* giữa quan hệ sản xuất tư bản chủ nghĩa và quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa. Vì những quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa chưa thể ra đời và không thích hợp với cơ sở vật chất - kỹ thuật của nền kinh tế tiểu nông lạc hậu, nên chủ nghĩa tư bản nhà nước là hình thức kinh tế phù hợp hơn cả với nó. Ở nước Nga lúc đó, thực hiện chủ nghĩa tư bản nhà nước là chủ động xây dựng một hình thức quan hệ sản xuất phù hợp với trình độ lực lượng sản xuất, tạo ra động lực to lớn nhằm đẩy nhanh sự phát triển kinh tế, huy động mọi tiềm năng đất nước, làm năng động hóa các thành phần kinh tế dân tộc, đẩy mạnh sản xuất hàng hóa, ngăn chặn xu hướng tự phát tư bản chủ nghĩa của những người sản xuất nhỏ ; đồng thời, có thể mở cửa tiếp thu những thành tựu lực lượng sản xuất hiện đại ở các nước tư bản phát triển. Lê-nin từng nói : "Chủ nghĩa tư bản là xấu so với chủ nghĩa xã hội. Chủ nghĩa tư bản lại là tốt so với thời trung cổ, với nền tiểu sản xuất, với chủ nghĩa quan liêu do tình trạng phân tán của những người tiểu sản xuất tạo nên" [3]. Hơn nữa, chủ nghĩa tư bản nhà nước mà Lê-nin chủ trương thực hiện, hoàn toàn không giống với thứ chủ nghĩa tư bản độc quyền nhà nước tàn bạo ở các nước đế quốc chủ nghĩa. Chủ nghĩa tư bản nhà nước, theo quan niệm của Lê-nin, là một thứ chủ nghĩa tư bản đặc biệt, chủ nghĩa tư bản ở một nước mà nhà nước thì nắm trong tay giai cấp vô sản và những đỉnh cao của nền kinh tế thì nằm trong tay nhà nước xã hội chủ nghĩa. Chủ nghĩa tư bản ấy chịu sự kiểm soát, giám sát của nhà nước xã hội chủ nghĩa. Nó không dẫn đất nước đến chủ nghĩa tư bản mà tạo điều kiện cho đất nước tiến

(2) V.I.Lê-nin : *Toàn tập*, Nxb Tiến bộ, Mát-xcơ-va, 1978, t 44, tr 189

(3) V.I.Lê-nin : *Sđd*, t 43, tr 276

Digitized by Google

lên chủ nghĩa xã hội. Lê-nin khẳng định : "Chủ nghĩa tư bản nhà nước sẽ là một sự cứu nguy đối với chúng ta ; giá như chúng ta thực hiện được chủ nghĩa tư bản nhà nước ở nước Nga rồi, thì bước quá độ lên chủ nghĩa xã hội hoàn toàn là đã dễ dàng, đã nắm gọn trong tay chúng ta rồi, bởi vì chủ nghĩa tư bản nhà nước là cái gì có tính chất tập trung, được tính toán, được kiểm soát và được xã hội hóa"(4)

Rất tiếc những mong ước và chính sách đó của Lê-nin vì nhiều lý do đã không được thực hiện đến nơi đến chốn ở nước Nga xô viết. Sau khi Lê-nin mất, con đường phát triển "xuyên qua chủ nghĩa tư bản nhà nước" đã được thay thế bằng mô hình chủ nghĩa xã hội nhà nước trong sự phát triển kinh tế xã hội ; còn cơ chế kế hoạch hóa tập trung cao độ thì thay thế cho cơ chế kinh tế hàng hóa - thị trường dưới sự điều tiết của nhà nước. Chủ nghĩa xã hội theo mô hình quản lý tập trung cao độ ở Liên xô lúc đầu cũng có những tác động tích cực nhất định, nhưng do không được điều chỉnh cho hợp lý, nên dần dần đi vào trì trệ, khủng hoảng. Kẻ thù của chủ nghĩa xã hội đã vin vào đây để phủ nhận sạch trơn lý luận về chủ nghĩa xã hội và hệ tư tưởng Mác - Lê-nin. Một số người cộng sản nửa vời không tỉnh táo, không phân tích một cách đúng đắn nguyên nhân đổ vỡ chủ nghĩa xã hội ở Liên xô, đã tỏ ra hoang mang dao động, vội vã đổ lỗi cho các vị tiền bối, a dua với các học giả tư sản phê phán chủ nghĩa xã hội và con đường tiến lên chủ nghĩa xã hội mà Lê-nin đã bỏ bao công sức khai phá và kiến thiết. Lịch sử đã và đang bác bỏ những luận điệu sai lầm và nóng vội của họ.

Những tư tưởng đổi mới về chủ nghĩa xã hội theo con đường của Lê-nin đang thể hiện sức sống mạnh mẽ trong công cuộc đổi mới kinh tế - xã hội ở Việt nam. Nhờ công cuộc đổi mới được tiến hành theo tư duy mới về chủ nghĩa xã hội mà Đảng ta kế thừa được từ di sản lý luận của Lê-nin, cách mạng Việt nam trong những năm vừa qua đã đạt được những thành tựu quan trọng trên con đường tiến lên chủ nghĩa xã hội. Từ một nền kinh tế trì trệ tự cấp tự túc, chúng ta đã chuyển sang phát triển kinh tế hàng hóa nhiều thành phần, đa sở hữu ; từ cơ chế kế hoạch hóa tập trung cao độ sang cơ chế thị trường có sự quản lý của nhà nước. Điều đó đã làm cho nền kinh tế nước ta sôi động hẳn lên, nhịp độ phát triển cao hơn, đời sống nhân dân lao động được cải thiện một bước. Nhiều tiềm năng kinh tế của đất nước đã được phát huy, lợi ích của các chủ thể kinh tế được chú trọng, làm tăng động lực cho sự phát triển kinh tế. Mặt khác, chúng ta cũng thực hiện bước chuyển từ nền kinh tế còn khép kín do điều kiện lịch sử, sang xây dựng nền kinh tế mở cửa với bên ngoài. Điều đó đã giúp chúng ta tranh thủ được vốn, công nghệ tiên tiến, học hỏi được kinh nghiệm quản lý kinh tế và quản lý xã hội của các nước phát triển. Đảng ta đã và đang cố gắng thực hiện những quan điểm cơ bản của Lê-nin về con đường tiến lên chủ nghĩa xã hội của một nước có nền kinh tế chậm phát triển trong điều kiện mới của thời đại hiện nay.

Tất nhiên, điều kiện của thời đại mới khác nhiều so với thời của Lê-nin. Lúc này, chủ nghĩa tư bản đã bộc lộ rõ ràng mọi khả năng, những mâu thuẫn và hạn chế của nó. Chủ nghĩa xã hội đã có những thành tựu to lớn, rồi gặp khó khăn và thoái trào, nhưng cũng đã đúc rút được nhiều kinh nghiệm quý giá. Loài người đang bước sang thời đại văn minh mới, đẩy tới một bước sự quốc tế hóa sản xuất, tạo cơ hội thuận lợi để mọi dân tộc có thể lợi dụng, tiếp thụ những thành tựu văn minh của nhau nhằm đẩy nhanh sự phát triển của dân tộc mình. Công cuộc đổi mới của Việt nam đã đáp ứng được yêu cầu phát triển khách quan của đất nước, bắt kịp được cơ hội mới của thời đại. Do vậy, chúng ta đã đứng vững và đi tiếp trên con đường tiến lên chủ nghĩa xã hội trong hoàn cảnh Liên xô tan vỡ, Mỹ tiến hành bao vây cấm vận, kẻ thù không lúc nào ngừng nghỉ tiến công chủ nghĩa xã hội.

---

(4) V.I. Lê-nin : *Sđd*, t 36, tr 311

Digitized by Google

Song, con đường quá độ "rút ngắn" tiến lên chủ nghĩa xã hội ở các nước, đặc biệt ở những nước kinh tế nông nghiệp lạc hậu như nước ta, không ít chông gai. Nền kinh tế nhiều thành phần dưới sự quản lý của nhà nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa ở nước ta đang có nhiều vấn đề cần giải quyết trong bước phát triển mới. Chẳng hạn, các hình thức khác nhau của chủ nghĩa tư bản nhà nước vẫn còn nhiều mặt chưa định hình rõ nét, vẫn còn thiếu cơ chế, điều kiện cụ thể để phát triển và phát huy hết mặt tích cực của nó. Kinh tế nhà nước dù có tiến bộ song vẫn còn kém hiệu quả nên chưa thực hiện tốt vai trò chủ đạo của mình. Cơ chế kinh tế thị trường đã bộc lộ nhiều tiêu cực, có nơi, có lúc làm suy thoái đạo đức, làm gia tăng các tệ nạn xã hội như : tham nhũng, mại dâm, ma túy... làm rạn nứt các quan hệ tình cảm gắn bó lâu đời giữa các thành viên trong cộng đồng vốn là đặc trưng của các xã hội phương Đông. Đi vào cơ chế mới, nếu chúng ta không khắc phục được những tiêu cực kể trên, sẽ không tránh khỏi nguy cơ chệch hướng xã hội chủ nghĩa, rơi vào đường mòn của chủ nghĩa tư bản. Do đó, muốn đi lên chủ nghĩa xã hội bỏ qua chế độ tư bản, chúng ta chỉ còn một giải pháp duy nhất là tiếp tục công cuộc đổi mới theo hướng Lê-nin đã vạch ra, khắc phục cho được những mặt tiêu cực của cơ chế thị trường, những tác động ngược chiều của chủ nghĩa tư bản nhà nước. Để có thể vận dụng các hình thức khác nhau của chủ nghĩa tư bản nhà nước một cách có hiệu quả trong công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội ở nước ta, theo tôi, cần đảm bảo cho được những điều kiện chủ quan sau đây :

Thứ nhất, phải có Đảng cộng sản mạnh về trí tuệ và tổ chức, có đường lối chiến lược cách mạng đúng đắn phản ánh đúng quy luật phát triển khách quan ; có phương thức lãnh đạo dân chủ ; có đội ngũ đảng viên gương mẫu, luôn biết tự làm giàu trí tuệ mình bằng những hiểu biết cần thiết.

Thứ hai, Nhà nước xã hội chủ nghĩa Việt nam phải thật sự là người đại diện cho giai cấp công nhân và nhân dân lao động. Đó là nhà nước của dân, do dân và vì dân ; một nhà nước pháp quyền, có hiệu lực quản lý cao, đội ngũ cán bộ quản lý giỏi, hạn chế thấp nhất bệnh quan liêu, tệ tham nhũng. Nhà nước phải nắm chắc được các công cụ quản lý vĩ mô để quản lý và điều tiết nền kinh tế thị trường có hiệu quả, đặc biệt là các công cụ tài chính, tiền tệ, giá cả... Thành phần kinh tế nhà nước phải được đổi mới nhanh chóng để tiến hành kinh doanh có hiệu quả trong cơ chế thị trường, vươn lên chiếm lĩnh các vị trí then chốt của nền kinh tế, thực hiện tốt vai trò chủ đạo trong sự phát triển nền kinh tế quốc dân.

Nắm chắc những nguyên tắc cơ bản bảo đảm định hướng xã hội chủ nghĩa, trên cơ sở kinh nghiệm thực tiễn những năm qua, chúng ta có thể hình dung trên những nét lớn, **các hình thức của chủ nghĩa tư bản nhà nước** cần được vận dụng trong điều kiện cụ thể ở nước ta như sau :

1 - *Hình thức liên doanh giữa kinh tế nhà nước với thành phần kinh tế tư bản nước ngoài* để phát triển sản xuất, mở rộng kinh doanh và xuất khẩu, nhập khẩu những mặt hàng được phép. Do các thành phần kinh tế tư bản trong nước chưa phát triển, nên đây là hướng rất quan trọng để tranh thủ vốn, tiếp thu công nghệ, kỹ thuật và kinh nghiệm quản lý kinh tế tiên tiến trên từng lĩnh vực cụ thể ở các nước tư bản phát triển. Nhà nước cần vận dụng các quy luật kinh tế để tính toán và soạn thảo những chính sách thu hút đầu tư tư bản nước ngoài sao cho vừa hấp dẫn nhà tư bản vừa đảm bảo lợi ích quốc gia. Trong ký kết hợp đồng liên doanh, cần nắm những khâu cơ bản để nhà nước có thể chi phối ở tầm vĩ mô đối với hoạt động sản xuất kinh doanh của cơ sở liên doanh liên kết. Quá trình liên doanh phải là quá trình kinh tế nhà nước dần dần chiếm ưu thế. Đến thời hạn cuối của hợp đồng, nhà nước ta có thể mua lại bằng các hình thức thích hợp, các cơ sở vật chất kỹ thuật đã có. Chúng ta nên chọn liên doanh với các nhà đầu tư của các nước phát triển, có

Digitized by Google

nền văn minh cao. Điều đó giúp ta đón trước để theo kịp trình độ khoa học và công nghệ tiên tiến của thế giới, tránh tình trạng tiếp nhận toàn công nghệ và kỹ thuật đã lạc hậu để rốt cuộc vẫn luẩn quẩn đi sau các nước khác.

2 - *Hình thức liên doanh, liên kết giữa kinh tế nhà nước với các công ty tư nhân, với các hợp tác xã trong lĩnh vực nông nghiệp và các lĩnh vực khác.* Sự liên kết này có thể dưới dạng góp vốn hoặc cho vay vốn với lãi suất ưu đãi, cung cấp vật tư, đảm bảo những điều kiện về khoa học kỹ thuật, về xuất nhập khẩu vật tư, sản phẩm, về môi giới để mở mang phạm vi hoạt động của các cơ sở đó với bên ngoài. Các thành phần kinh tế này là lực lượng rộng rãi, rất năng động nhưng phân tán, nếu có sự liên kết, tạo điều kiện của nhà nước, họ có thể hoạt động một cách có tổ chức hơn ; thông qua sự điều tiết của nhà nước, họ có thể phối hợp với nhau ở mức độ nhất định để sản xuất, kinh doanh các mặt hàng thiết yếu cho xã hội. Sự liên kết của nhà nước sẽ đóng vai trò quan trọng thúc đẩy các thành phần kinh tế này từng bước đi lên theo hướng công nghiệp hóa hiện đại hóa, tạo tiền đề cho sự hình thành các hình thức kinh tế hợp tác xã hội chủ nghĩa sau này.

3 - *Hình thức liên kết giữa nhà nước với tư bản tư nhân trong nước để liên doanh với tư bản nước ngoài.* Đây là hình thức liên doanh, liên kết tay ba, tay tư, làm ăn trên một số lĩnh vực đòi hỏi phải có sự hợp tác nhiều mặt, cần nhiều chủng loại vật tư kỹ thuật và công nghệ. Ở loại hình này, kinh tế nhà nước xã hội chủ nghĩa thường chiếm tỷ trọng về vốn ít so với tổng các thành phần tư bản tham gia liên doanh. Nhà nước chi phối loại hình này bằng cách chỉ cho phép các thành phần tư bản làm ăn ở một số lĩnh vực không phải là trọng yếu của nền kinh tế quốc dân, hoặc trên lĩnh vực nào đó mà kinh tế nhà nước nắm các khâu trọng yếu như cung cấp nguyên liệu quý hiếm, tạo địa bàn khai thác cho liên doanh.

Ngoài các hình thức trên, các hình thức khác của chủ nghĩa tư bản nhà nước sẽ còn phát sinh và hình thành dưới chế độ chính trị ở nước ta từ trong thực tiễn công cuộc đổi mới và sự hội nhập vào cộng đồng thế giới. Vì vậy, cần có thái độ trân trọng đối với những sáng kiến của cán bộ và quần chúng từ trong thực tiễn sinh động đã dám nghĩ, dám làm, sáng tạo ra những hình thức mới. Mặt khác, phải hết sức thận trọng, cảnh giác trước những âm mưu "diễn biến hòa bình" của chủ nghĩa đế quốc và các thế lực phản động chống phá chủ nghĩa xã hội. Chúng ta cần phân tích một cách khoa học, dự kiến các khả năng phát triển của tình hình trong quá trình vận hành các hình thức của chủ nghĩa tư bản nhà nước. Cần nhìn thấy cả cái lợi và cái hại ; cần phân biệt một cách nhạy cảm ranh giới giữa đúng và sai, giữa cách mạng và phản cách mạng. Bởi vì, trên thực tế rất khó xác định những tiêu chí để phân biệt các ranh giới đó, cho nên để phân biệt cần đối chiếu "mục đích thực tiễn" với "động cơ bên trong" của vấn đề, như Lê-nin từng mách bảo những người cộng sản trước đây. Và cái để chúng ta có thể đối chiếu, so sánh, phân biệt giữa hành vi cách mạng và phản cách mạng là phải dựa vào sáu định hướng lớn mà Đảng ta đã tổng kết và rút ra từ trong thực tiễn của mười năm đổi mới.

Rõ ràng, chủ nghĩa tư bản nhà nước là một hình thức mới của đấu tranh giai cấp, nó không kém phần gay go ác liệt so với cuộc đấu tranh giành và giữ chính quyền. Đó là cuộc đấu tranh để tạo ra sự phát triển nhảy vọt của nền kinh tế đất nước và bảo đảm cho sự phát triển đó theo đúng định hướng xã hội chủ nghĩa. Ý thức sâu sắc được điều đó thì chủ nghĩa tư bản nhà nước không còn đáng ngại đối với những người yêu chủ nghĩa xã hội ở nước ta. Chúng ta tin tưởng vững chắc ở con đường Đảng ta và Bác Hồ đã lựa chọn và kiên trì phấn đấu để chủ nghĩa xã hội trở thành hiện thực sống động trên đất nước ta ❑

Digitized by Google

NHÂN QUYỀN VIỆT NAM

PHẠM VĂN KHÁNH *

KHI đất nước ta, dân tộc ta bị nô dịch bởi ngoại bang, nhân dân bị áp bức, bóc lột, nhân quyền bị xâm phạm và tước đoạt thì vấn đề lớn nhất, cơ bản nhất là phải đấu tranh giành lại những quyền tối thiểu của con người mà trước hết là quyền có Tổ quốc để dân tộc được độc lập, con người được sống tự do.

Khi đã chiến thắng ngoại xâm, dân tộc có quyền tự quyết, đất nước được độc lập thì quyền con người lại có những nội dung mới. Đó là quyền mưu cầu hạnh phúc và quyền có được một cuộc sống sung sướng, ai cũng có cơm ăn, áo mặc, ai cũng được học hành. Nghĩa là, cùng với dân tộc độc lập là dân quyền tự do và dân sinh hạnh phúc. Thật vậy, nếu dân tộc đã được độc lập, đất nước đã thống nhất mà con người vẫn đói khổ, cơm không đủ ăn, áo không đủ mặc ; trong xã hội, con người không có tình thương yêu đùm bọc lẫn nhau, không được học hành để nâng cao dân trí, phát triển toàn diện cá nhân... thì độc lập, tự do cũng không có ý nghĩa gì.

Vì vậy, đối với cách mạng Việt nam, ngay từ đầu, trong *Cương lĩnh chính trị* năm 1930, Đảng ta đã xác định : sau khi hoàn thành nhiệm vụ của cách mạng dân tộc dân chủ, sẽ đưa cách mạng Việt nam tiến lên chủ nghĩa xã hội không qua chế độ tư bản. Vấn đề độc lập dân tộc và chất lượng của nhân quyền gắn rất chặt với chủ nghĩa xã hội. Khi đã giành được độc lập dân tộc thì chỉ có đi lên chủ nghĩa xã hội mới giữ vững được độc lập dân tộc, chủ quyền quốc gia, mới đem lại cuộc sống ấm no, hạnh phúc cho nhân dân lao động ; quyền con người mới được tôn trọng, bảo đảm và phát triển. Nếu không đi lên chủ nghĩa xã hội mà đi theo chủ nghĩa tư bản thì sớm muộn đất nước ta sẽ lại bị lệ thuộc, nhân dân lao động sẽ lại rơi vào cảnh bị áp bức, bóc lột, nô dịch ; quyền con người không những không được bảo đảm, tôn trọng mà còn bị xâm phạm, bị tước đoạt.

Mặc dù hiện nay, chủ nghĩa tư bản đã tự điều chỉnh, cố làm dịu mâu thuẫn nội tại, song chủ nghĩa tư bản không phải là tương lai của loài người, càng không thể là một chế độ xã hội bảo đảm tôn trọng con người, quyền con người, nhất là với số đông là nhân dân lao động. Sự bất bình đẳng, nhất là về kinh tế, giữa tuyệt đại đa số dân cư với một số ít những nhà tư bản, sẽ còn tồn tại và ngày càng sâu sắc, do đó sẽ không thể nào có được sự bình đẳng về các quyền lợi khác, trong đó có quyền con người. Ngay ở một số nước tư bản phát triển mà họ vẫn tự xưng là "chiến sĩ tiên phong bảo vệ nhân quyền" thì sự phân biệt chủng tộc vẫn rất sâu sắc, thậm chí còn được pháp luật bảo vệ.

Xã hội mà chúng ta đang xây dựng là xã hội xã hội chủ nghĩa. Đó là một xã hội mà nhân dân lao động thật sự làm chủ. Chủ thể của xã hội là nhân dân lao động, nó chi phối toàn bộ các nhân tố chính trị và kinh tế, mục đích và động lực của công cuộc xây dựng và phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội. Đó là một xã hội vì con người và từ con người ; là xã hội luôn luôn tôn trọng và không ngừng phát huy vai trò nhân tố con người ; là xã hội con người được giải phóng

* PTS triết học, báo *Nhân dân*

Digitized by Google

khỏi áp bức, bóc lột, bất công, có cuộc sống ấm no, tự do, hạnh phúc, có điều kiện phát triển toàn diện cá nhân.

Như vậy, so với các xã hội bóc lột lao động và áp bức giai cấp thì đây là bước nhảy vọt về chất, đáp ứng và thỏa mãn được nguyện vọng *đầu tiên* của người lao động trên con đường giải phóng con người : trước hết, giành được quyền chính trị, được làm chủ xã hội ; và sau đó, giành được quyền kinh tế, được lao động và hưởng thụ thành quả lao động mà mình cống hiến cho xã hội. Xã hội càng phát triển, sẽ tạo ra những điều kiện về kinh tế, chính trị và pháp luật để bảo đảm và thực hiện quyền con người theo nguyên tắc : những gì là quyền con người, quyền công dân, thì thuộc *trách nhiệm* của nhà nước ; những gì là nghĩa vụ, trách nhiệm của công dân, của con người đối với xã hội, thì thuộc *quyền* của nhà nước. Quyền con người, quyền công dân và việc bảo đảm, thực hiện và phát triển quyền đó trong thực tiễn như thế nào, trở thành một tiêu chuẩn cơ bản để xác định mức độ trưởng thành, phát triển của xã hội mới.

Trong hoàn cảnh cụ thể của Việt nam, con đường dẫn đến tự do chân chính của mỗi cá nhân trong cộng đồng dân tộc không những phải thông qua cuộc đấu tranh lâu dài chống phong kiến, thực dân, đế quốc, giành các quyền dân tộc cơ bản, mà còn phải thông qua công cuộc xây dựng và lao động quên mình để biến các quyền có được thành hiện thực. Không có con đường nào khác. Ngày nay, chúng ta phải tập trung thắng nghèo nàn, lạc hậu, đồng thời bảo vệ vững chắc độc lập dân tộc và chủ quyền quốc gia, phát huy thành quả cách mạng, phấn đấu làm cho dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng và văn minh. Chỉ có như vậy thì các quyền dân chủ, tự do của mỗi cá nhân mới có thể được phát huy, mới tạo ra khả năng và điều kiện "bảo đảm quyền con người được sống trong hòa bình, độc lập, tự do ; được quyền làm chủ đất nước, làm chủ xã hội, làm chủ bản thân mình ; được quyền có cuộc sống ấm no, bình đẳng và hạnh phúc". Đi tới mục tiêu đó, rõ ràng phải là một quá trình phấn đấu gian khổ, lao động và đấu tranh, không phải dễ dàng và nhanh chóng. Bởi vì quyền không thể vượt quá khả năng hiện thực, không thể thoát ly tình trạng và trình độ phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội.

Hiện nay, việc bảo đảm quyền con người ở nước ta vẫn còn một số vấn đề bức xúc cần giải quyết. Song, không vì thế mà có thể phủ định những thành tựu về nhân quyền mà chúng ta đã đạt được. Vấn đề nhân quyền đang là một trong những mũi nhọn mà các thế lực thù địch tập trung xuyên tạc, bôi nhọ, chống phá ta nhằm phủ định những thành tựu của công cuộc đổi mới mà chúng ta đã đạt được, phủ định vai trò lãnh đạo của đảng cộng sản. Chúng buộc phải thừa nhận những thành tựu về kinh tế của nước ta nhưng vẫn cố tình vu cáo Đảng cộng sản Việt nam cực quyền, đàn áp dân chủ ; rằng ở Việt nam nhân quyền bị vi phạm nghiêm trọng ; rằng trình độ dân trí của người Việt nam rất thấp do đó họ bị mất quyền nhưng vẫn không biết mình có những quyền gì để đấu tranh đòi lại. ..

Mọi người đều đã biết, công cuộc đổi mới đất nước do Đảng ta khởi xướng và lãnh đạo đã đạt được những thành tựu to lớn và quan trọng.

Về kinh tế, chủ trương phát triển nền kinh tế hàng hóa nhiều thành phần, xóa bỏ cơ chế hành chính bao cấp, chuyển sang cơ chế thị trường có sự quản lý của nhà nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa, đã thực sự phát huy tác dụng, thúc đẩy được lực lượng sản xuất xã hội phát triển, khắc phục được tình trạng trì trệ, bảo thủ, làm cho nền kinh tế có sự khởi sắc và tăng trưởng. Cơ chế mới, với sự khuyến khích các thành phần kinh tế phát triển, đã phát huy được sức mạnh của cả cộng đồng và sức mạnh của mỗi cá nhân. Quyền kinh tế của con người

Digitized by Google

cũng có sự đổi mới, đó chính là việc thực hiện đầy đủ quyền tự chủ về kinh tế của con người, cho con người. Môi trường xã hội và môi trường pháp luật đã tạo ra sự bình đẳng cho các thành phần kinh tế, không còn sự phân biệt như trước đây.

Cùng với đổi mới về kinh tế, chủ trương *dân chủ hóa toàn diện* các lĩnh vực của đời sống xã hội từ chính trị, xã hội đến tư tưởng, văn hóa, cũng đã tạo nên động lực và sức mạnh cho sự phát triển xã hội, giải phóng tiềm năng sáng tạo của con người, thực hiện quyền con người. Tư tưởng Hồ Chí Minh về dân chủ là dân làm chủ và dân là chủ, được thể hiện và thấm nhuần trong quá trình thực hiện dân chủ hóa và đổi mới về chính trị, trong việc bảo vệ và phát triển quyền con người. Trong những nội dung của dân chủ hóa, có việc đổi mới hệ thống chính trị, trong đó xây dựng nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa được coi là trọng tâm. Nhà nước đó với một nền pháp luật mạnh để bảo vệ quyền của dân, bảo đảm cho dân thực hiện được quyền và nghĩa vụ công dân, bảo đảm và thực hiện quyền con người. Từ năm 1988 đến năm 1994, nêu cao quan điểm cơ bản về việc bảo đảm và bảo vệ, phát triển các quyền con người và quyền công dân, Nhà nước ta đã ban hành 55 luật, 64 pháp lệnh, 251 nghị định. Tổ chức và hoạt động của bộ máy nhà nước đã được đổi mới một bước cả về lập pháp, hành pháp và tư pháp. Phương thức lãnh đạo của Đảng đối với Nhà nước có những đổi mới trên cơ sở phân định rõ chức năng lãnh đạo của Đảng, do đó đã khắc phục được sự áp đặt, bao biện làm thay của Đảng đối với Nhà nước.

Đảng chủ trương đổi mới hệ thống chính trị trong đó trọng tâm là xây dựng nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt nam. Trong việc xây dựng nhà nước pháp quyền, vấn đề nhân quyền được coi trọng cả về lý luận và thực tiễn, được tổ chức và thực hiện ở tất cả các khâu lập pháp, hành pháp và tư pháp, trong đó các quyền tự do kinh doanh, quyền sở hữu, quyền bất khả xâm phạm về thân thể và nhà ở, các quyền về chính trị... đều được cụ thể hóa trong nhiều văn bản pháp luật và được bảo đảm thực hiện bằng các biện pháp tổ chức của nhà nước và xã hội.

Công cuộc đổi mới đất nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa thực sự là sự giải phóng to lớn những tiềm năng sáng tạo của xã hội và phát huy nhân tố con người. Sự tăng trưởng kinh tế và sự phát triển về văn hóa, xã hội đã tạo điều kiện vật chất và tinh thần cho việc bảo đảm và thực hiện quyền con người, cho những biến đổi tích cực về dân sinh, dân trí, dân quyền. Cùng với thực hiện dân chủ hóa trên tất cả các mặt của đời sống xã hội, những chính sách của Đảng và Nhà nước ta đối với con người và những biện pháp chống tham nhũng, tiêu cực, quan liêu, tăng cường vai trò của luật pháp trong đời sống xã hội... đã tạo ra những xung lực mới cho việc phát huy nhân tố con người trong sự nghiệp xây dựng, phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội, bảo vệ đất nước, đồng thời cũng tạo ra những khả năng, điều kiện cho mỗi con người tự do sáng tạo và phát triển, thực hiện được quyền lớn nhất của mình là quyền mưu cầu hạnh phúc.

Tất cả những điều nêu trên là sự thật hiển nhiên không chỉ được nhân dân ta thừa nhận, mà còn được nhiều nước trên thế giới khẳng định. Dù có muốn đổi trắng thay đen thì sự thật vẫn cứ là sự thật.

*
* *

Xuất phát từ quan điểm coi quyền con người vừa có giá trị phổ biến toàn nhân loại, vừa có giá trị đặc thù của các dân tộc, quốc gia, Đảng và Nhà nước ta không chỉ khẳng định mạnh mẽ sự tôn trọng và bảo vệ quyền con người, mà còn làm hết sức mình để bảo đảm và thực hiện quyền con người trong thực tế. Đảng và Nhà nước ta đã ban hành nhiều chủ trương, chính sách khuyến khích,

Digitized by Google

động viên mọi người dân làm giàu, phát triển mọi năng lực sản xuất, phát triển kinh tế, khắc phục mọi khó khăn do thiên tai và hậu quả của chiến tranh, vượt qua đói nghèo, lạc hậu, nâng cao chất lượng cuộc sống. Trong lĩnh vực hợp tác quốc tế về quyền con người, cùng với cộng đồng quốc tế, Đảng và Nhà nước ta cũng chăm lo giải quyết những vấn đề liên quan trong điều kiện và khả năng cho phép. Ngay đối với Hoa kỳ, một nước đã từng xâm lược Việt nam, gây cho dân tộc và nhân dân ta biết bao đau thương, tổn hại về người và của, nhưng với truyền thống nhân ái, chúng ta vẫn làm hết sức mình, hợp tác giúp Hoa kỳ tìm kiếm hài cốt và tung tích người Mỹ chết và mất tích tại Việt nam.

Cần chủ động và tích cực đấu tranh chống các luận điệu của một số nước phương Tây và những lực lượng thù địch vu khống, bôi nhọ Việt nam. Họ luôn rêu rao rằng chúng ta đối xử vô nhân đạo với những tù nhân là những người trong chế độ cũ ; rằng ở Việt nam quyền con người bị vi phạm nghiêm trọng. Từ đó, họ đòi chúng ta phải thay đổi chế độ chính trị, thực hiện đa nguyên chính trị, đa đảng đối lập v.v.. Những điều họ nói hoàn toàn không có cơ sở và với dụng ý xấu. Sau chiến tranh chống Mỹ ở Việt nam, không hề có sự tắm máu như một số người dự đoán. Những người của chế độ Sài gòn cũ bị giam giữ, cải tạo, chỉ chiếm 3% trong tổng số ngụy quân ngụy quyền, và sau một thời gian học tập, họ đã được hưởng quyền tự do, được đối xử bình đẳng như mọi công dân khác. Trong thời gian bị giam giữ, cải tạo, họ vẫn được hưởng những quyền con người. Chúng ta không biện bạch cho những hạn chế của việc thực hiện bảo đảm quyền con người cũng như những sai lầm, khiếm khuyết trong quá trình cải tạo, xây dựng đất nước. Song, đó là điều khó tránh khi phải xây dựng chế độ xã hội mới từ một điểm xuất phát rất thấp, ở một nước vốn là nông nghiệp lạc hậu lại bị chiến tranh ác liệt tàn phá kéo dài. Điều cơ bản là những sai lầm, khuyết điểm đó hoàn toàn không phải xuất phát từ bản chất của chế độ xã hội mới, của Đảng và Nhà nước ta, như những lực lượng thù địch với cách mạng Việt nam từng xuyên tạc.

Thực hiện đổi mới, khắc phục và sửa chữa những sai lầm và khiếm khuyết của cơ chế hành chính bao cấp, Đảng ta chủ trương mở rộng và phát huy dân chủ nhưng phải giữ vững định hướng xã hội chủ nghĩa. Dân chủ phải gắn liền với giữ vững kỷ cương phép nước. Mở cửa, hội nhập với thế giới nhưng phải giữ vững độc lập dân tộc và chủ quyền quốc gia, không cho phép ai lợi dụng tự do dân chủ để quấy rối cuộc sống hòa bình, công cuộc xây dựng, bảo vệ Tổ quốc, đi ngược lại lợi ích của nhân dân và dân tộc Việt nam. Hội nhập với đời sống chính trị, kinh tế, văn hóa thế giới, chúng ta tôn trọng những quan niệm và giá trị phổ biến về quyền con người, đồng thời cũng tôn trọng những đặc thù về quyền con người ở các quốc gia dân tộc khác nhau. Chúng ta không chấp nhận sự áp đặt của nước nào đó và của ai đó về tiêu chuẩn quyền con người cũng như quan niệm về tự do, dân chủ. Càng không cho phép bất kỳ ai lợi dụng vấn đề nhân quyền để can thiệp vào công việc nội bộ, xâm phạm chủ quyền và an ninh của chúng ta ❑

Digitized by Google

Hợp tác xã trong nền kinh tế thị trường theo định hướng xã hội chủ nghĩa

NGUYỄN CHƠN TRUNG *

Về nhận thức

Chế độ hợp tác, về bản chất, là chế độ kinh tế dân chủ. Lê-nin đã nói rõ ý nghĩa của chế độ kinh tế hợp tác đối với việc phân phối và phát triển sản xuất hàng hóa nhỏ trong nền kinh tế quốc dân như sau : Hợp tác xã tiêu dùng là sự tập hợp công nhân và nông dân, nhằm mục tiêu cung cấp và phân phối những sản phẩm cần thiết cho họ. Hợp tác xã sản xuất là sự tập hợp những người nông dân hoặc thợ thủ công, nhằm mục đích sản xuất và tiêu thụ các sản phẩm vừa nông nghiệp (chẳng hạn rau, sản phẩm sữa...) vừa phi nông nghiệp (sản phẩm công nghiệp đủ mọi loại, đồ bằng gỗ, bằng sắt, bằng da...).

Cách đây gần 70 năm, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã viết về hợp tác xã trong tác phẩm *Đường cách mệnh* :

"Mục đích.

Tuy cách làm thì có khác nhau ít nhiều, nhưng mục đích thì nước nào cũng như nhau. Mục đích ấy thì trong lời tuyên ngôn của hợp tác xã Anh đã nói : "Cốt làm cho những người vô sản giai cấp hóa ra anh em. Anh em thì làm giùm nhau, nhờ lẫn nhau. Bỏ hết thói tranh cạnh. Làm sao cho ai trồng cây thì được ăn trái, ai muốn ăn trái thì giùm vào trồng cây".(1)

"Lý luận.

Tục ngữ Việt nam có những câu "Nhóm lại thành giàu, chia nhau thành khó" và "Một cây làm chẳng nên non, nhiều cây nhóm lại thành hòn núi cao". Lý luận hợp tác xã đều ở trong những điều ấy".(2)

Mấy cách hợp tác xã.

Hợp tác xã có 4 cách :

1. Hợp tác xã tiền bạc (hợp tác xã vay mượn hay hợp tác xã tín dụng) ;

2. Hợp tác xã mua ;

3. Hợp tác xã bán ;

4. Hợp tác xã sinh sản.

Trước khi nói rõ những hợp tác xã ấy là thế nào, chúng ta phải biết rằng :

a) Hợp tác xã khác hội buôn, vì hội buôn lợi riêng, hợp tác xã lợi chung.

b) Hợp tác xã tuy là để giúp đỡ nhau, nhưng không giống các hội từ thiện. Vì các hội ấy có *tiêu đi* mà không *làm ra*, và giúp đỡ bất kỳ ai nhưng có ý bố thí, hợp tác xã có tiêu đi, có làm ra, chỉ giúp cho người trong hội, nhưng giúp một cách bình đẳng, một cách "cách mệnh" ai cũng giúp mà ai cũng bị giúp."(3)

"Cách tổ chức.

Không phải làng nào cũng phải lập mỗi làng mỗi hợp tác xã. Cũng không phải mỗi làng phải lập cả mấy hợp tác xã. Cũng không phải có hợp tác xã này thì không lập được hợp tác xã kia. Chẳng qua theo hoàn cảnh nơi nào lập được hợp tác xã nào, và có khi hai hợp tác xã - mua và bán - lập chung cũng được.

Nếu nhiều nơi đã lập thành hợp tác xã như nhau, thì các hợp tác xã ấy nên liên lạc với nhau, thế lực càng mạnh hơn...

Hợp tác xã chỉ có hội viên mới được hưởng lợi, chỉ có hội viên mới có quyền, nhưng những việc kỹ thuật như tính toán, xem hàng hóa, cầm máy v.v., thì có phép mướn người ngoài.

---

* Ủy viên thường trực Ban quản lý các khu chế xuất TP Hồ Chí Minh

(1) (2) Hồ Chí Minh : *Toàn tập*, Nxb Sự thật, Hà nội, 1981, t2, tr 249

(3) Hồ Chí Minh : *Sđd*, t 2, tr 250

Digitized by Google

Đã vào hội thì bất kỳ góp nhiều góp ít, vào trước vào sau, ai cũng bình đẳng như nhau."(4)

Từ những ngày đầu khi vạch ra đường lối cách mạng, Bác đã nghĩ đến việc xây dựng lại đất nước khi cách mạng giải phóng dân tộc thành công. Và khi đất nước đã giành được độc lập, Bác hết sức quan tâm đến hình thức phát triển kinh tế, trong đó đặc biệt quan tâm đến hợp tác xã. Điều đó một lần nữa khẳng định tầm quan trọng của hợp tác xã, mà theo Lê-nin, đó còn là hình thức kinh tế của CNXH.

Ngày nay, Đảng ta chủ trương phát triển nền kinh tế nhiều thành phần, trong đó kinh tế hợp tác là một hình thức được hết sức khuyến khích. Trong Báo cáo chính trị của Ban chấp hành trung ương Đảng tại Hội nghị đại biểu toàn quốc giữa nhiệm kỳ (tháng 1-1994) đã nêu rõ : "Đổi mới kinh tế hợp tác xã, phát huy vai trò tự chủ của kinh tế hộ xã viên. Nhà nước giúp đỡ, hỗ trợ và hướng dẫn phát triển các loại hình kinh tế hợp tác trong các ngành và lĩnh vực của nền kinh tế, trên nguyên tắc tự nguyện, cùng có lợi, quản lý dân chủ, kết hợp được sức mạnh tập thể và sức mạnh của hộ xã viên...

Tiếp tục nghiên cứu đổi mới và thúc đẩy các hình thức kinh tế hợp tác trong tiểu thủ công nghiệp, tín dụng, thương nghiệp - dịch vụ. Hợp tác xã có thể kinh doanh tổng hợp nhiều ngành nghề, trên nhiều địa bàn, không bị ràng buộc bởi ranh giới hành chính."(5)

Về mục tiêu và định hướng phát triển:

1. Dựa trên nguyên tắc *tự nguyện, cùng có lợi, quản lý dân chủ* để tổ chức lại các loại hình hợp tác phù hợp với quy luật kinh tế thị trường theo định hướng xã hội chủ nghĩa ở các ngành nông nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, giao thông vận tải, mua bán, tín dụng...

2. Thông qua hình thức hợp tác để huy động, tập hợp đông đảo các tầng lớp tiểu chủ, tiểu thương ở thành thị và hàng triệu tiểu nông ở nông thôn đi vào quỹ đạo quản lý của nhà nước, tạo thành lực lượng kinh tế xã hội rộng hơn, thành chỗ dựa quan trọng của nhà nước XHCN, củng cố liên minh công nông trong điều kiện mới. Đó cũng là lực lượng quyết định cho sự nghiệp đổi mới nông nghiệp và nông thôn ở hoàn cảnh một nền kinh tế mà sản xuất nhỏ là phổ biến như Việt nam.

3. Đồng thời thông qua kinh tế hợp tác xã, góp phần khắc phục những khuyết tật của cơ chế thị trường như : tình trạng cạnh tranh theo kiểu "cá lớn nuốt cá bé", tệ đầu cơ, chèn ép người lao động ; tạo điều kiện xây dựng một xã hội có tình người hơn. Khắc phục tình trạng phân hóa giàu nghèo, tạo điều kiện cho người lao động cải thiện được cuộc sống ngày càng tốt hơn, làm cho xã hội ngày càng công bằng hơn. Tạo ra sức đề kháng chống lại khuynh hướng chạy theo lợi nhuận đơn thuần, điều hòa được yếu tố kinh tế và xã hội trong quá trình sản xuất kinh doanh.

Như vậy, xây dựng kinh tế hợp tác xã là góp phần quan trọng vào việc phát triển kinh tế xã hội theo định hướng XHCN.

Về nội dung hợp tác xã trên các lĩnh vực :

1. Hợp tác xã tiểu công nghiệp, thủ công nghiệp, giao thông vận tải. Đối với các loại hình hợp tác xã này, tập thể hóa về tư liệu sản xuất và xây dựng các hợp tác xã theo phong trào hợp tác hóa như trước đây là không còn phù hợp. Kinh tế tập thể không chỉ gắn chặt với kinh tế quốc doanh mà nó tồn tại độc lập (cùng với những thành phần kinh tế khác) trong nền kinh tế thị trường có sự quản lý của nhà nước.

Cần phân biệt và xác định rõ kinh tế tập thể với kinh tế hợp tác. Kinh tế hợp tác là sự hợp tác về lao động, công nghệ, vốn liếng, thiết bị, để cùng sản xuất một công đoạn sản phẩm hay một sản phẩm hoàn chỉnh trên nguyên tắc xã viên cùng tự nguyện góp vốn, cùng quản lý dân chủ và cùng có lợi. Còn kinh tế tập thể chung chung

(4) Hồ Chí Minh : *Sđd*, t 2, tr 254

(5) *Tạp chí Cộng sản*, số 2-1994, tr 18 - 19

Digitized by Google

như trước đây quan niệm là sự tập thể hóa về tư liệu sản xuất và tập thể hóa về lao động.

Về phía nhà nước, tôi nghĩ cần ban hành quy chế nhằm cụ thể hóa các biện pháp củng cố và phát triển kinh tế hợp tác ; tăng cường công tác quản lý nhà nước và nâng cao trách nhiệm của các sở, ban, ngành, tạo điều kiện cho kinh tế hợp tác hoạt động có hiệu quả. Tiếp tục giải quyết dứt điểm các tài sản của nhà nước trước đây tạm giao, cho thuê, hỗ trợ cho khu vực hợp tác xã. Xem xét những đơn vị sản xuất có thị trường xuất khẩu ổn định, mặt hàng truyền thống được xuất nhập khẩu trực tiếp giống như các đơn vị hoạt động theo luật công ty và luật doanh nghiệp tư nhân, chứ không phải xuất ủy thác như hiện nay.

Cho làm thử việc thành lập quỹ phát triển hợp tác xã. Quỹ này do các thành viên hợp tác xã đóng góp, hoặc các nguồn viện trợ phi chính phủ, các quỹ tài trợ của nước ngoài nhằm khuyến khích phát triển kinh tế hợp tác. Phải có một bộ máy quản lý vững chắc và để có bộ máy ấy phải tiến hành tổ chức đại hội hội đồng liên minh hợp tác xã ở cấp tỉnh, thành phố nhằm kiện toàn tổ chức và hướng dẫn chính sách, đào tạo tay nghề, tạo mối quan hệ giữa kinh tế hợp tác với các thành phần kinh tế khác.

2. *Hợp tác xã nông nghiệp* : Thực tế cho thấy, cần đổi mới hoạt động của hợp tác xã nông nghiệp cho phù hợp với thực tế và với nhu cầu sản xuất ; trước hết cần chỉ đạo chặt chẽ đổi mới những hợp tác xã nông nghiệp đang hoạt động có hiệu quả trên cơ sở nguyên tắc : tự nguyện, cùng có lợi và quản lý dân chủ.

Xây dựng các hợp tác xã kiểu mới với nhiều hình thức từ thấp lên cao, từ một khâu đến nhiều khâu với nhiều qui mô, hình thức sở hữu khác nhau ; không phân biệt và phụ thuộc địa giới hành chính ; từng bước nâng lên thành những hình thức hợp tác toàn diện theo xu hướng hợp tác xã kiểu mới. Trong khi làm không nôn nóng áp đặt và phải lấy hiệu quả làm thước đo. Để quá trình hợp tác được thuận lợi và đạt hiệu quả kinh tế cao trước mắt cần tiếp tục nghiên cứu thúc đẩy và tạo điều kiện cho các hình thức hợp tác dịch vụ đa dạng.

Khuyến khích phát triển tối đa kinh tế hộ gia đình ; bổ sung, hoàn thiện các chính sách và luật pháp, tạo môi trường pháp lý cho kinh tế hộ phát triển đúng hướng ; sớm hoàn thiện việc giao đất và cấp giấy phép quyền sử dụng đất cho nông dân. Thực hiện tốt công tác khuyến nông đến tận hộ nông dân. Chuyển giao vốn đi liền với việc thông tin về thị trường đến từng hộ nông dân. Trên cơ sở đẩy mạnh việc thành lập quỹ bảo trợ nông sản của nhà nước, cần có chính sách bảo hộ nông sản đối với nông dân.

Tích cực xây dựng hợp tác xã tiểu thủ công nghiệp ở nông thôn để tận dụng lao động nhàn rỗi, góp phần nâng cao đời sống nông dân. Phát triển quỹ tín dụng nhân dân để hỗ trợ cho các tổ chức hợp tác cũng như kinh tế hộ gia đình. Phát huy vai trò nông hội tham gia vào các hoạt động trên.

Nghiên cứu và ban hành sớm luật về hợp tác xã nông nghiệp.

Đi đôi với việc xây dựng cơ sở vật chất - kỹ thuật cho nông nghiệp, chú trọng việc xây dựng đời sống văn hóa, phát triển y tế, giáo dục, nhằm nâng cao dân trí, đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế hợp tác ở nông thôn.

3. *Hợp tác xã mua bán* : Tôi đề nghị cần hoàn thiện các mô hình đã được khẳng định là tốt hiện nay ; đồng thời phát triển rộng rãi hợp tác xã mua bán. Muốn vậy trước hết về mặt tổ chức, cần xây dựng liên hiệp hợp tác xã mua bán cấp tỉnh, thành phố thành một liên hiệp thực sự như một tập đoàn kinh tế - xã hội đủ sức tồn tại và phát triển trong điều kiện kinh tế thị trường nhằm làm chỗ dựa cho hệ thống hợp tác xã mua bán các cấp. Có quy hoạch sắp xếp tổ chức trên cơ sở có sự phân công và hợp tác của các đơn vị với liên hiệp tỉnh, thành phố ; tổ chức lại liên hiệp hợp tác xã mua bán quận,

Digitized by Google

huyện, phường, xã theo xu hướng tập trung liên phường, liên xã, hoặc cấp liên hiệp hợp tác xã toàn quận, huyện.

Xây dựng một cơ chế hoạt động của hợp tác xã theo hình thức *hợp tác xã cổ phần* để điều hành thống nhất, năng động và có hiệu quả. Quy hoạch đào tạo và bố trí lại đội ngũ cán bộ sao cho đáp ứng yêu cầu phát triển trong cơ chế thị trường.

Về loại hình và mạng lưới hợp tác xã mua bán : Ngoài hợp tác xã tiêu thụ trên từng địa bàn dân cư, chú trọng tổ chức hợp tác xã mua bán của những người tiểu thương.

Nội dung hoạt động chủ yếu của hợp tác xã mua bán hiện nay là bán lẻ hàng hóa tiêu dùng cho sinh hoạt hàng ngày. Mạng lưới bán lẻ ở các khu dân cư, ở các chợ cần tổ chức chị em tiểu thương theo ngành hàng vào các hình thức mua bán chung, tiến đến thành lập hợp tác xã của những người mua bán nhỏ. Mạng lưới bán lẻ ở trung tâm thương mại và đường phố lớn cần chú ý đầu tư để có thể kinh doanh tổng hợp, hoặc chuyên ngành ; đồng thời tổ chức hợp tác xã ở cả nội và ngoại thành.

Để củng cố và mở rộng hợp tác xã mua bán, theo tôi trước hết phải bảo đảm thống nhất nhận thức trong nội bộ đảng và chính quyền các cấp về vai trò, vị trí quan trọng và sự cần thiết của hợp tác xã mua bán. Xây dựng lại điều lệ, quy chế phù hợp tình hình kinh tế thị trường theo dạng cổ phần. Vận dụng các hình thức huy động vốn cả hình thức liên doanh, liên kết, cổ phần hóa, khai thác nguồn vốn trong nước và ngoài nước. Nghiên cứu làm thử việc bán cổ phần trước hết cho cán bộ công nhân viên và xã viên. Có phương án thành lập quỹ điều hòa vốn để hỗ trợ giữa các hợp tác xã mua bán với nhau. Khai thác các khả năng làm đại lý hàng hóa cho các công ty xí nghiệp trong nước và cả ngoài nước. Chú trọng xây dựng hợp tác xã mua bán ở nông thôn thông qua việc phối hợp với đoàn thể và các ngành. Cần phát huy vai trò đoàn thể phối hợp với liên hiệp hợp tác xã mua bán từ thành phố đến quận, huyện, phường xã nhất là vai trò của nông hội và hội liên hiệp phụ nữ. Nhà nước cần sớm ban hành Luật hợp tác xã mua bán.

Về biện pháp thực hiện chung đối với hợp tác xã ở các lĩnh vực :

Tôi cho rằng, để tháo gỡ được cơ chế huy động và sử dụng đồng vốn, cách tốt nhất là theo *cơ chế cổ phần* trên cơ sở có chính sách thỏa đáng cho cổ đông để khuyến khích họ bỏ vốn ra làm ăn. Phương thức hoạt động của hợp tác xã tiểu công nghiệp, thủ công nghiệp, giao thông vận tải, dịch vụ và hợp tác xã mua bán, cần thực hiện theo cơ chế *hợp tác xã cổ phần*, hợp tác về vốn nhưng ở qui mô nhỏ. Nên thực hiện nguyên tắc biểu quyết không theo cổ phần mà theo cổ đông. Mọi cổ đông đều bình đẳng trong bầu cử. Đó là chỗ khác nhau giữa cổ phần hóa công ty xí nghiệp và hợp tác xã cổ phần. Còn hợp tác xã nông nghiệp thì chủ yếu hợp tác về lao động, kỹ thuật, dịch vụ, hợp tác về vốn ở chừng mực nhất định cần thiết (phần lớn vốn dựa vào hợp tác xã tín dụng nông thôn).

Hình thành hệ thống tổ chức đồng bộ từ trung ương xuống cơ sở, đồng thời mở rộng sự hợp tác quốc tế về tổ chức hợp tác xã để trao đổi kinh nghiệm. Cần nghiên cứu ứng dụng thí điểm hình thức mua chung, bán chung đối với hợp tác mua bán.

Nhà nước cần có chính sách thỏa đáng để hỗ trợ cho kinh tế hợp tác như : chính sách miễn giảm thuế, lãi suất tín dụng hợp lý, trợ giá nông sản v.v.. Tăng cường cán bộ có năng lực phẩm chất để đủ sức hoạt động và huy động tối đa khả năng tiềm tàng trong nhân dân.

Chú trọng xây dựng Đảng và các đoàn thể trong các tổ chức hợp tác xã với nội dung và phương thức hoạt động sao cho vừa bảo đảm vai trò lãnh đạo của tổ chức đảng và vai trò tiên phong của đảng viên về mọi mặt, vừa có nội dung hoạt động thiết thực theo cơ chế mới ❑

Digitized by Google

Một số vấn đề về DOANH NGHIỆP CÔNG NGHIỆP NHÀ NƯỚC Ở THANH HÓA

LƯU NGỌC PHẢI *

DO điều kiện địa lý tự nhiên, cơ cấu và phân bố dân cư, hệ thống các doanh nghiệp nhà nước ở Thanh hóa có những đặc thù so với các tỉnh khác. Các doanh nghiệp ở Thanh hóa được bố trí phân tán, rải rác trên các vùng dân cư và vùng nguyên liệu. Phần lớn các doanh nghiệp có quy mô vừa và nhỏ, thiết bị công nghệ lạc hậu, chủ yếu phục vụ cho nông nghiệp và khai thác tiềm năng địa phương như chế biến nông, lâm, hải sản, khoáng sản, sản xuất vật liệu xây dựng và hàng tiêu dùng trên thị trường đông dân cư, nhưng sức mua còn thấp. Công nghiệp chế tạo, công nghiệp gia công lắp ráp bằng công nghệ hiện đại hầu như không có. Những đặc thù đó làm cho doanh nghiệp nhà nước ở Thanh hóa có khó khăn hơn so với các địa phương khác khi nền kinh tế chuyển sang cơ chế thị trường.

Thời gian qua, hệ thống doanh nghiệp nhà nước ở Thanh hóa không ngừng được đổi mới cả về số lượng và chất lượng. Quá trình đổi mới đó đã làm xuất hiện không ít những doanh nghiệp nhà nước với mô hình quản lý mới làm ăn có hiệu quả. Đồng thời cũng làm bộc lộ nhiều doanh nghiệp theo mô hình truyền thống làm ăn kém hiệu quả ; có không ít vấn đề bức xúc cần giải quyết, như : vấn đề nhiều cơ quan chủ quản, quyền sở hữu tài sản và quyền quản lý điều hành doanh nghiệp, vấn đề vốn nhà nước còn bị phân tán ở các ngành, các vùng, chưa phát huy hiệu quả, nhiều doanh nghiệp nhà nước sản xuất thua lỗ kéo dài .v.v..

Ở Thanh hóa, hằng năm doanh nghiệp nhà nước tạo ra 30,4% GDP và 73,6% tổng nguồn thu trong tỉnh. Riêng doanh nghiệp công nghiệp nhà nước đã tạo ra giá trị GDP 78,1% so với toàn bộ công nghiệp trong tỉnh và chiếm 16,2% tổng GDP của tỉnh. Các xí nghiệp công nghiệp nộp ngân sách 90,8% so với toàn bộ doanh nghiệp nhà nước và bằng 67,1% tổng thu ngân sách toàn tỉnh.

Sau khi được tổ chức, sắp xếp lại, số lượng xí nghiệp quốc doanh giảm đi nhưng sản lượng công nghiệp vẫn tăng qua các thời kỳ. Tỷ trọng công nghiệp quốc doanh tăng dần từ 53,9% (năm 1986) lên 78,3% (năm 1990) và 82,2% (năm 1994) ; trong đó tỷ trọng quốc doanh địa phương trong toàn bộ công nghiệp của tỉnh tăng dần từ 25,2% (năm 1986) lên 30,2% (năm 1990) và 33,4% (năm 1994) so với tổng giá trị công nghiệp toàn tỉnh. Xét riêng công nghiệp địa phương thì tỷ trọng quốc doanh tăng dần từ 48,9% (năm 1986) lên 58,26% (năm 1990) và 65,27% (năm 1994).

Tốc độ tăng GDP bình quân của công nghiệp trên địa bàn Thanh hóa ở giai đoạn 1986 - 1990 là 6,6%, giai đoạn 1990 - 1994 là 10,7%. So với yêu cầu phát triển trong những năm tới, tốc độ tăng trưởng như vậy vẫn còn thấp nhưng bước đầu có thể được coi là đã có xu hướng tốt, vững chắc và góp phần quan trọng vào việc xác lập và chuyển dịch cơ cấu kinh tế của tỉnh.

Nếu xét thuần túy khâu nộp ngân sách trong cơ cấu công nghiệp vùng (năm 1994), công nghiệp trung ương chiếm 75,76%, còn công nghiệp địa phương chiếm 24,24%. Nếu phân theo 31 ngành cấp II của công nghiệp thì mức đóng góp tài chính xếp theo thứ tự là : công nghiệp sản xuất các sản phẩm từ chất khoáng phi kim loại là 67,9%, công nghiệp thuốc lá 16,2%, công nghiệp thực phẩm và đồ uống 9,3%, công nghiệp giấy và sản phẩm từ giấy 6,4%... Các ngành còn lại có số nộp ngân sách không lớn.

* PTS kinh tế, Giám đốc Sở công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp tỉnh Thanh hóa

Digitized by Google

Số liệu trên cho thấy, vai trò chủ đạo của công nghiệp vùng (khối quốc doanh) trong các doanh nghiệp nhà nước trên địa bàn, cũng như việc tạo ra lượng tài chính lớn trong ngân sách địa phương và xác lập một cơ cấu kinh tế tiến bộ để có sự tăng trưởng với tốc độ cao và ổn định là vô cùng quan trọng.

Những năm qua, việc đầu tư cho ngành công nghiệp (cả trung ương và địa phương) mang lại hiệu quả cao nhất, đáng chú ý là công ty xi măng Bỉm sơn, công ty đường Lam sơn, công ty thuốc lá Thanh hóa, xí nghiệp bia Thanh hóa v.v... là những đơn vị đóng góp chủ yếu cho ngân sách, cũng là những đơn vị sử dụng nhiều nguồn vốn, trong đó chủ yếu là vốn ngân sách. Bên cạnh đó, có hàng loạt xí nghiệp công nghiệp khác ít được đầu tư vốn, vì thế khó có thể so sánh tỉ suất đồng vốn giữa chúng với nhau.

Qua nghiên cứu các số liệu nói trên, có thể thấy tốc độ tăng GDP, cơ cấu GDP, cũng như cơ cấu nộp ngân sách của các doanh nghiệp nhà nước, phụ thuộc nhiều vào cơ cấu bố trí vốn sản xuất. Trong việc bố trí vốn sản xuất lại phụ thuộc vào cơ cấu nguồn vốn, nhất là nguồn vốn ngân sách chiếm tỷ trọng lớn. Việc đánh giá các chỉ tiêu trên ở từng ngành sản xuất nói chung, cũng như ngành công nghiệp nói riêng, không mấy dễ dàng. Đó là chưa kể đến hàng loạt các chính sách khác như : mức trích khấu hao cơ bản, lãi suất tiền vay tín dụng ngắn hạn, dài hạn, biểu thuế từng ngành hàng, tỉ giá xuất nhập khẩu v.v. nên việc đánh giá hiệu quả ở từng doanh nghiệp cũng rất khó khăn.

Theo báo cáo kiểm kê ngày 1-1-1990 thì số lượng thiết bị máy móc của các xí nghiệp công nghiệp mua sắm trước năm1965 chiếm 8,3%, thời kỳ 1965-1975 chiếm 38,3%, thời kỳ 1976 - 1985 chiếm 35%, và từ 1986 trở về sau chiếm 18,3%. Giá trị còn lại của tài sản cố định khối công nghiệp quốc doanh chiếm 32% tổng giá trị kinh tế quốc doanh toàn tỉnh.

Thiết bị đã lạc hậu, việc sử dụng công suất thiết bị, máy móc lại đạt thấp (khoảng 40-60% so với công suất thiết kế) ; trong đó thấp hơn cả là xí nghiệp sản xuất sứ gốm, các xí nghiệp cơ khí (30%), sản xuất phân bón (trên 10%). Một số xí nghiệp sử dụng thiết bị máy móc đạt hiệu quả và công suất cao như các xí nghiệp chế biến thực phẩm và các xí nghiệp sản xuất vật liệu xây dựng thì phần lớn lại là các xí nghiệp mới đầu tư.

Do tình trạng thiết bị như trên nên sản phẩm làm ra nghèo về chủng loại, thấp về chất lượng. Tính chung, khoảng 90% số xí nghiệp quốc doanh có sản phẩm làm ra đảm bảo được chất lượng tối thiểu ; 17,3% số xí nghiệp có khả năng tham gia xuất khẩu và làm hàng xuất khẩu. Nhưng nếu xét tỉ trọng khối lượng sản phẩm sản xuất ra thì chỉ có 7,8% đạt tiêu chuẩn xuất khẩu.

Đối với các doanh nghiệp công nghiệp trên địa bàn, giai đoạn 1991 - 1994, bình quân 1 đồng vốn mỗi năm tạo ra được 1,580 đồng doanh thu và 0,0712 đồng lợi nhuận (đứng sau ngành thương nghiệp dịch vụ và xây dựng cơ bản), nhưng chỉ tiêu nộp ngân sách từ 1 đồng vốn lại là 0,339 đồng (đứng hàng thứ nhất).

Năm 1994, trong 61 doanh nghiệp công nghiệp thì có 34 doanh nghiệp (trung ương 5, địa phương 29) có lãi, chiếm 55,7% ; 21 doanh nghiệp (trung ương 1, địa phương 20) thua lỗ, chiếm 34,4% ; và 6 doanh nghiệp hòa vốn. Một số doanh nghiệp nhà nước thua lỗ kéo dài chưa được xử lý.

Nguyên nhân chính của tình trạng trên là do các doanh nghiệp công nghiệp nhà nước đang phải gánh một lực lượng lao động quá nhiều, kỷ luật lao động kém, kỹ năng lao động không thường xuyên được nâng cao, làm cho năng suất lao động vốn đã thấp lại càng thấp hơn. Đội ngũ cán bộ phần lớn trưởng thành trong cơ chế quản lý cũ, chưa được đào tạo và đào tạo lại. Điều đó phần nhiều có nguyên nhân từ cơ chế kinh tế và quản lý doanh nghiệp nhà nước, chưa tạo nên động lực khuyến khích cả người quản lý lẫn người lao động, vừa gò bó vừa buông lỏng ; trách nhiệm và quyền lợi không rõ ràng, dẫn đến tư tưởng ỷ lại, trông chờ vào sự bao cấp của Nhà nước qua tín dụng (tín dụng dài hạn, lãi suất ưu đãi) và qua cấp bổ sung vốn lưu động của ngân sách. Một số chế độ chậm được sửa đổi như tỷ lệ khấu hao, chính sách tín dụng đầu tư (doanh nghiệp nhà nước vay vốn đầu tư trung hạn để đầu tư chiều sâu thời hạn quy định từ 18 đến 36 tháng phải hoàn trả cả gốc và lãi. Trong khi đó nguồn vốn để trả nợ chủ yếu lấy từ nguồn khấu hao, nhưng mức khấu hao lại quy định từ 8 đến 10 năm ; trường hợp đặc biệt thì cũng không được khấu hao quá 20% kể từ năm 1996). Do điều

Digitized by Google

bất hợp lý đó nên các doanh nghiệp nhà nước gặp nhiều khó khăn trong việc trả nợ vốn vay ngân hàng và không có vốn để tái tạo, đầu tư tài sản cố định mới. Chính sách khấu hao cơ bản như vậy đã hạn chế việc đầu tư thay thế thiết bị công nghệ mới, hạn chế việc "trẻ hóa" doanh nghiệp và kìm hãm việc ứng dụng các tiến bộ khoa học công nghệ mới. Chính sách khấu hao ấy không còn phù hợp với doanh nghiệp công nghiệp nhà nước trong cơ chế thị trường.

Đối với vốn lưu động, theo tinh thần Quyết định 378/HĐBT (nay là Chính phủ) ngày 16-11-1991, thì doanh nghiệp nhà nước được ngân sách cấp 30% vốn lưu động. Nhưng trên thực tế nhiều doanh nghiệp ở Thanh hóa chưa được cấp đủ số vốn lưu động theo quy định và không được bổ sung vốn lưu động tương ứng với kế hoạch mở rộng và phát triển sản xuất của doanh nghiệp. Vì vậy, để duy trì sản xuất, các doanh nghiệp buộc phải hoạt động chủ yếu bằng vốn vay tín dụng lãi suất cao, cho nên tiến hành sản xuất kinh doanh khó có lãi, hiệu quả thấp.

Mặc khác, các doanh nghiệp nhà nước ở địa phương quy mô nhỏ, khả năng tài chính yếu, hoạt động độc lập, không có khả năng nhận được sự hỗ trợ nhiều mặt của công ty mẹ (tập đoàn) như các doanh nghiệp nhà nước trung ương, nên hầu hết các doanh nghiệp nhà nước ở địa phương phải tự xoay xở biệt lập như một doanh nghiệp tư nhân. Đây là một trong những nguyên nhân làm cho sản xuất kém hiệu quả, đẩy một số doanh nghiệp nhà nước ở địa phương tới nguy cơ phá sản.

Một khó khăn nữa là chính sách thuế của nhà nước chậm được đổi mới, chưa bảo đảm công bằng trong sản xuất và lưu thông. Khung thuế vẫn còn chứa đựng nhiều bất hợp lý, cần được sửa đổi và tăng yếu tố khuyến khích người sản xuất. Thuế lợi tức còn cao là trở ngại cho các nhà sản xuất muốn tái đầu tư từ nguồn lợi tức của mình.

Nguyên nhân chủ yếu làm cho khu vực kinh tế này kém hiệu quả là do cơ chế quản lý tài chính chưa gắn người sản xuất với kết quả sản xuất kinh doanh. Có thể nói những tồn tại của doanh nghiệp nhà nước nói chung, doanh nghiệp nhà nước ở Thanh hóa nói riêng, không xuất phát từ bản chất của kinh tế quốc doanh mà do nguyên nhân từ nhiều phía, trong đó vấn đề lớn nhất là cơ chế vận hành chưa thực sự thoát khỏi tình trạng bao cấp của cơ chế cũ.

Từ lý luận về vai trò chủ đạo của doanh nghiệp nhà nước trong nền kinh tế nhiều thành phần, từ thực trạng và những vấn đề đang đặt ra cần giải quyết của doanh nghiệp công nghiệp nhà nước ở Thanh hóa, việc nghiên cứu, vận dụng để đổi mới và phát triển thành phần kinh tế này là nhiệm vụ cấp bách, có ý nghĩa chiến lược để đưa nền kinh tế phát triển đúng hướng. Phải làm cho doanh nghiệp nhà nước nói chung, doanh nghiệp công nghiệp nhà nước nói riêng, thực sự là điển hình về kinh doanh có hiệu quả cao (cả hiệu quả kinh tế và hiệu quả xã hội), là nơi đi đầu trong việc đầu tư và hiện đại hóa kỹ thuật - công nghệ để tạo ra sản phẩm chất lượng tốt, có năng suất lao động cao. Doanh nghiệp nhà nước phải là nơi thực hiện sự công bằng xã hội và phát huy được tài năng sáng tạo của con người.

Để có thể thực hiện được điều đó, doanh nghiệp nhà nước phải đổi mới đồng bộ, từ phương thức quản lý vĩ mô nền kinh tế đến việc sửa đổi phương thức tổ chức quản lý vi mô trong nội tại từng doanh nghiệp. Tiến hành rà soát để thu hẹp lượng doanh nghiệp nhà nước là một bước cần thiết để xây dựng mô hình tổ chức quản lý thích hợp đối với các doanh nghiệp. Nhà nước cần có chính sách tập trung nguồn vốn cho các doanh nghiệp nhà nước, khuyến khích quá trình tích tụ, tập trung vốn, hình thành các doanh nghiệp nhà nước mạnh về quy mô, khả năng tài chính, chất lượng lao động thì mới có đủ sức đổi mới, hiện đại hóa công nghệ, thực hiện vai trò chi phối và dẫn dắt các thành phần kinh tế khác. Việc hình thành các doanh nghiệp nhà nước lớn, các công ty lớn phải trên cơ sở hợp tác, tự nguyện và cùng có lợi, chứ không theo kiểu "cộng lại" để tăng số lượng và quy mô một cách máy móc. Theo tôi, hầu hết các doanh nghiệp công nghiệp nhà nước ở Thanh hóa hiện nay có thể xin gia nhập các tổng công ty, tập đoàn trung ương. Ở tỉnh chỉ nên giữ lại các doanh nghiệp nhà nước công ích, các doanh nghiệp nhà nước sự nghiệp và hoạt động đoàn thể theo chính sách chung thống nhất từ trung ương đến cơ sở.

Các doanh nghiệp công nghiệp nhà nước ở Thanh hóa trước mắt cùng với việc không

Digitized by Google

ngừng đổi mới phương thức quản lý vĩ mô, các hệ thống chính sách, cần nhanh chóng sắp xếp, củng cố hệ thống các doanh nghiệp nhà nước theo hướng thu hẹp về số lượng và tăng quy mô, chất lượng quản lý. Đây là hai quá trình vừa đối lập vừa thống nhất với nhau. Một mặt là tiến hành đào thải, giảm bớt những doanh nghiệp nhà nước không cần thiết ; mặt khác tăng cường sức sống ở các doanh nghiệp thấy cần tồn tại và phát triển. Hai quá trình này nhằm xây dựng loại hình doanh nghiệp nhà nước có hiệu quả và đảm đương được vai trò chủ đạo trong nền kinh tế nhiều thành phần, là công cụ để hướng dẫn, điều tiết thị trường, chi phối các thành phần kinh tế khác.

Trước mắt, đối với các doanh nghiệp công nghiệp nhà nước cần tập trung đầu tư tiền vốn bằng con đường ngân sách, tín dụng ưu đãi, ưu tiên mặt bằng xây dựng, ưu tiên chính sách tài chính, chính sách thuế, chính sách về thị trường, lựa chọn người quản lý đủ năng lực và tuyển dụng lực lượng lao động có trình độ kỹ thuật và kỷ luật lao động cao. Cho phép các doanh nghiệp lớn thu nhận những doanh nghiệp nhỏ để tăng quy mô. Cho phép các doanh nghiệp kinh doanh theo hướng đa dạng hóa ngành nghề và sản phẩm để tạo ra hiệu quả kinh tế tổng hợp ngày càng cao.

Đối với các doanh nghiệp nhỏ, nếu thấy có điều kiện để phát triển, có tình hình tài chính lành mạnh, mà không có nhu cầu tự nguyện xin gia nhập các doanh nghiệp khác thì nên cho tồn tại độc lập để từ đó tiếp tục đầu tư phát triển thành doanh nghiệp lớn. Những doanh nghiệp công nghiệp nhà nước nào do không có phương hướng phát triển, do mất cân đối về tài chính, sản xuất kinh doanh thua lỗ triền miên thì cần phải kiên quyết giải thể để tăng cường phần tài sản, mặt bằng còn lại cho xí nghiệp nhà nước đang tồn tại nếu có nhu cầu thiết thực. Trường hợp cán bộ, công nhân viên của xí nghiệp có nhu cầu mua để tổ chức lại sản xuất kinh doanh, thì đề nghị nhà nước có chính sách ưu tiên, chuyển nhượng sở hữu theo giá trị hiện còn (không cần thiết phải đánh giá lại) để khuyến khích phát triển sản xuất công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp.

Đối với các doanh nghiệp công ích, chính sách tài trợ của nhà nước, nên bằng con đường hỗ trợ vốn ngân sách, vốn vay ưu đãi, các nguồn vốn tài trợ nhân đạo cho đầu tư kinh doanh, không nên cấp ngân sách bù lỗ. Như vậy sẽ làm tăng quyền tự chủ của doanh nghiệp, tránh tư tưởng ỷ lại, trông chờ.

Để mở rộng quy mô sản xuất, đổi mới công nghệ các xí nghiệp công nghiệp nhà nước cần có sự hỗ trợ thông qua các công cụ quản lý vĩ mô như : cấp vốn khoa học ; cấp vốn thông qua tín dụng ưu đãi ; miễn giảm thuế cho sản phẩm của công nghệ mới ; thực hiện chế độ khấu hao phù hợp với dự án sản xuất kinh doanh do doanh nghiệp xây dựng (được hội đồng thẩm định thông qua và cấp nhà nước có thẩm quyền phê duyệt) ; có chính sách cụ thể về huy động vốn bằng hình thức trái phiếu để tạo vốn cho đầu tư.

Đối với các doanh nghiệp thành lập mới, có dự án khả thi đã được cấp thẩm quyền phê duyệt thì nhà nước cần có chính sách cho vay vốn ưu đãi vận dụng linh hoạt luật thế chấp tài sản quy định hiện hành (vì doanh nghiệp mới thành lập không có tài sản để thế chấp), hoặc tỉnh phải đứng ra bảo lãnh để các doanh nghiệp có thể vay được vốn của các ngân hàng trong và ngoài nước, hoặc mua thiết bị trả chậm của các tổ chức nước ngoài.

*
* *

Đổi mới và phát triển hệ thống kinh tế nhà nước nói chung, doanh nghiệp nhà nước nói riêng, là quá trình vận động theo các quy luật biện chứng để giải quyết các mâu thuẫn nội tại, là sự đấu tranh giữa các mặt đối lập để phủ định, loại bỏ những cái lỗi thời, lạc hậu đang làm kìm hãm sự phát triển của lực lượng sản xuất, đồng thời là để thực hiện định hướng xã hội chủ nghĩa. Vấn đề mấu chốt hiện nay là làm thế nào để nâng cao vai trò làm chủ của người lao động, trách nhiệm và quyền lợi của người quản lý điều hành sản xuất, xóa bỏ nạn tham nhũng, lãng phí trong doanh nghiệp và trong hệ thống kinh tế nhà nước. Hệ thống chính sách của nhà nước phải vừa mang tính bình đẳng cho tất cả các thành phần kinh tế, nhưng trên một số mặt như : đầu tư ban đầu, vốn cho sản xuất kinh doanh, phải có chính sách ưu tiên cho thành phần kinh tế chủ đạo này ❑

Digitized by Google

Phát triển thể dục thể thao phục vụ sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước

LÊ BỬU *

CHỈ sau hai năm thành lập lại Tổng cục thể dục thể thao với chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức bộ máy cụ thể, ngày 24-3-1994, Ban bí thư Trung ương Đảng đã ra chỉ thị về công tác thể dục thể thao trong giai đoạn mới, giai đoạn bắt đầu chuyển sang thực hiện công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. Chỉ thị nhấn mạnh : "Phát triển thể dục thể thao (TDTT) là một bộ phận quan trọng trong chính sách phát triển kinh tế xã hội của Đảng và Nhà nước nhằm bồi dưỡng và phát huy nhân tố con người". Đây là mục tiêu cao cả mà nền TDTT Việt nam hướng tới. Điều đó có nghĩa là TDTT nước ta phải mang tính nhân văn sâu sắc, nâng cao thể chất, thể lực, ý chí của từng con người Việt nam, cải tạo nòi giống, góp phần bồi dưỡng và phát huy tối đa nguồn lực con người với tư cách là nhân tố có ý nghĩa quyết định thắng lợi của sự nghiệp đổi mới đất nước. Nền TDTT còn góp phần xây dựng con người Việt nam mới, phát triển toàn diện, hoàn thiện nhân cách, đạo đức, lối sống ; tạo không khí vui tươi, lành mạnh trong sản xuất và sinh hoạt, nhằm tăng cường sự ổn định xã hội. Nền TDTT Việt nam phải mang đậm đà bản sắc văn hóa dân tộc, đồng thời kế thừa, tiếp thụ có chọn lọc những giá trị tốt đẹp của nền TDTT nhân loại, giao lưu và hội nhập với nền TDTT đó, nâng cao dần vị trí của dân tộc Việt nam trên trường quốc tế, củng cố tình hữu nghị giữa các dân tộc trong khu vực và trên thế giới. Với định hướng đúng đắn đó, những năm gần đây phong trào TDTT nước ta đã có **những bước phát triển đáng khích lệ** cả về chiều rộng lẫn chiều sâu.

1- *Hoạt động TDTT tự nguyện của quần chúng, nhất là lực lượng trẻ ở cơ sở, được mở rộng.* Số người tập luyện TDTT thường xuyên tăng : năm 1990 có gần 3 triệu người (chiếm 4,5% dân số) ; năm 1995 tăng lên 5,2 triệu người (chiếm hơn 6% dân số). Hình thức tập luyện đa dạng, phong phú... quy tụ tới gần 40 môn thể thao hiện đại và thể thao dân tộc. Các cuộc thi đấu thể thao quần chúng theo các đơn vị tỉnh, quận, huyện, ngày càng thu hút được nhiều đối tượng tham gia. Đặc biệt, vài năm gần đây, các cuộc thi bóng đá, bóng chuyền mang đậm tính phong trào và sắc thái địa phương với đơn vị thi đấu là xã, đã phát triển rầm rộ ở các tỉnh đồng bằng sông Cửu long, miền Trung, các tỉnh phía Bắc... Đã phát triển rất nhanh nhu cầu thanh niên nam nữ (kể cả trung niên) tập thể dục hình thể, thể dục thẩm mỹ trong những câu lạc bộ võ thuật, câu lạc bộ thể dục thẩm mỹ với lưu lượng hàng trăm người. Những cuộc thi đấu võ thuật, thi khỏe, đẹp và thời trang toàn quốc đã lôi cuốn sự chú ý của đông đảo quần chúng.

Ở nhiều nơi, hình thức tổ chức cụm văn hóa - thể thao hoạt động có hiệu quả, tạo ra thế mới phù hợp hơn, khai thác sự đóng góp hỗ trợ và thúc đẩy lẫn nhau trên cùng một địa bàn.

Những cuộc thi đấu, biểu diễn TDTT có sức hút hàng vạn người như đua xe đạp liên tỉnh, đua thuyền, hội vật, chạy việt dã... diễn ra sôi động ở ngoài trời với không gian rộng lớn, là một nét mới của phong trào.

Đỉnh cao của hoạt động TDTT quần chúng là đại hội TDTT các cấp, từ cơ sở đến quận, huyện, tỉnh, thành phố, ngành ; từ cuối năm 1994 đến năm 1995 có hơn 2 466 000 người tham gia. 6016/8554 xã phường, 1238/7254 trường học, 544/644 quận, huyện,

* PGS, PTS, Bí thư Ban cán sự Đảng, Tổng cục trưởng Tổng cục thể dục thể thao

Digitized by Google

thị xã, 52/53 tỉnh, thành phố và 3 ngành quân đội, công an, giáo dục - đào tạo trong cả nước đã tổ chức được đại hội TDTT.

2 - *Các môn thể thao phát triển và đạt được một số tiến bộ.* Ngành TDTT bước đầu hình thành hệ thống đào tạo tài năng thể thao. Các đội dự tuyển và đội tuyển quốc gia hằng năm được tập trung thường xuyên với lưu lượng tới 400 vận động viên, sẵn sàng tham gia các cuộc thi đấu quốc tế trong nước và ngoài nước.

Hình thành hệ thống đào tạo vận động viên trẻ theo chương trình mục tiêu của ngành với trên 1 500 vận động viên của hàng chục môn thể thao được phân bố cho 28 tỉnh, thành phố, ngành trong cả nước. Bên cạnh đó, nhiều nơi như Hà nội, TP Hồ Chí Minh, Quân đội, Công an, Hải phòng, Thanh hóa, Hải hưng v.v.. vẫn chủ động kế hoạch đào tạo vận động viên trẻ theo thế mạnh của mình, tạo nguồn cung cấp vận động viên xuất sắc cho địa phương và quốc gia.

Số môn thể thao mới được phát triển thêm khá nhanh. Nếu năm 1990, chỉ có 18 môn thể thao được tổ chức thi đấu với quy mô toàn quốc thì đến 1995, số đó đã lên tới 25.

Thành tích thể thao có sự tiến bộ đáng kể. Năm 1990, cả nước chỉ có gần 1 500 vận động viên đạt thành tích cấp kiện tướng và cấp 1, hơn 20 kỷ lục quốc gia bị phá thì năm 1995 đã có gần 3 000 vận động viên đạt thành tích cấp kiện tướng và cấp I. Chỉ tính riêng trong Đại hội TDTT toàn quốc lần thứ III (năm 1995), các vận động viên đã phá được 43 kỷ lục quốc gia (9 kỷ lục bơi, 12 kỷ lục lặn, 16 kỷ lục điền kinh và 6 kỷ lục bắn súng). Trên cơ sở đó, thành tích thi đấu quốc tế cũng tiến bộ nhanh : năm 1993, các vận động viên Việt nam đạt được 110 huy chương các loại trong các cuộc thi đấu quốc tế tại khu vực Đông - Nam Á, châu Á và thế giới ; năm 1994 đạt được 150 huy chương. Đội ngũ vận động viên giành được thành tích xuất sắc trong các cuộc thi đấu quốc tế chính thức ngày càng nhiều, đặc biệt là trong các môn võ u-su, tây-cuôn-đô, ca-ra-tê-đô, bắn súng, cờ vua, cờ tướng v.v..

Tuy nhiên, nhìn thẳng vào thực trạng hiện nay, so với yêu cầu và tiềm năng sẵn có, phải thừa nhận rằng ngành TDTT còn bộc lộ không ít vấn đề phải giải quyết, trong đó có vấn đề có thể giải quyết từng bước, có vấn đề rất nóng bỏng, rất cần phải giải quyết ngay. Dưới đây là **một số hạn chế, yếu kém** mà ngành đang quan tâm khắc phục :

- Quy mô, chất lượng và hiệu quả giáo dục thể chất trong trường học còn rất thấp, hầu như chưa có tác dụng đối với việc nâng cao sức khỏe, thể lực, giáo dục ý chí, đạo đức và tính tổ chức kỷ luật cho thế hệ trẻ ; chưa tạo được nền móng cho phong trào và cho việc phát hiện, tuyển chọn các tài năng thể thao.

- Phong trào TDTT tự giác trong các tầng lớp nhân dân bước đầu có tiến bộ, song hoạt động TDTT ở nông thôn, vùng sâu, vùng xa, đồng bào dân tộc còn rất hạn chế, thu hút người tập quá ít, hoặc chỉ tổ chức sôi nổi nhất thời trong các dịp lễ hội, chưa trở thành thói quen tự giác của người dân.

- Về thể thao thành tích cao, các môn thể thao chủ yếu chưa được phát triển đồng bộ ; lực lượng vận động viên trẻ, kế cận còn quá mỏng. Qua các cuộc tranh tài quốc tế như *Olimpic, SEA Games, Asian Games*, tính trên số huy chương giành được, Việt nam còn đứng ở vị trí quá thấp so với các nước trong khu vực và trên thế giới. Thành tích ở một số môn chứng tỏ sự tụt hậu khá xa của ta.

- Cơ sở vật chất, khoa học, kỹ thuật còn nghèo nàn và lạc hậu. Các trang, thiết bị phục vụ công tác đào tạo và nghiên cứu khoa học TDTT hầu như chưa có gì.

- Diện tích đất được bố trí làm sân bãi, công trình TDTT phục vụ quần chúng nhân dân tập luyện rất thiếu thốn, đặc biệt là cho đối tượng học sinh trong nhà trường các cấp. Theo số liệu tổng điều tra toàn quốc về cơ sở vật chất TDTT tháng 5-1995, bình quân diện tích đất tập luyện TDTT cho 1 học sinh phổ thông chỉ có 1,027 m^2, thấp hơn nhiều so với tiêu chuẩn quy định của Bộ xây dựng là 3,5 - 4 m^2/học sinh. Mặt khác, tổng diện tích đất dành cho TDTT trong cả nước bị lấn chiếm, sử dụng vào mục đích khác, lên tới 451,92 ha, càng hạn chế sự phát triển của ngành TDTT.

Digitized by Google

- Hệ thống tổ chức bộ máy ngành TDTT còn yếu, nhất là ở cấp cơ sở, cấp huyện. Đội ngũ cán bộ TDTT vừa thiếu, vừa yếu, lại chậm đổi mới về tri thức, lề lối và phong cách làm việc. Số lượng giáo viên thể dục trong trường học thiếu nghiêm trọng. Tính chung cả nước, bình quân gần 2 000 học sinh mới có 1 giáo viên chuyên trách TDTT. Để bảo đảm tiêu chuẩn 1 giáo viên TDTT/350 học sinh, cả nước còn thiếu gần 20 000 giáo viên nữa.

- Nhiều cấp ủy đảng, chính quyền còn chưa quan tâm đầy đủ đối với công tác TDTT, cá biệt có nơi còn coi TDTT chỉ là một hoạt động vui chơi, giải trí đơn thuần.

Tóm lại, mâu thuẫn lớn nhất mà ngành TDTT đang phải giải quyết là *yêu cầu* thì rất cao (về phát triển phong trào TDTT quần chúng, nâng cao trình độ thi đấu của thể thao thành tích cao để tránh nguy cơ tụt hậu và đuổi kịp các nước trong khu vực) nhưng *khả năng* thì lại rất hạn chế (cả về quy mô phong trào, mặt bằng trình độ và những điều kiện về cơ sở vật chất, con người v.v.). Bên cạnh đó, trong điều kiện cơ chế thị trường và mở cửa, đang xuất hiện những vấn đề mới trong lĩnh vực TDTT mà ngành không thể không đặc biệt chú ý để giải quyết kịp thời và thích đáng như các vấn đề : thể thao chuyên nghiệp ; kinh doanh quảng cáo, dịch vụ, tài trợ TDTT ; các hình thức hợp đồng chuyển nhượng vận động viên ở trong nước và ra ngoài nước v.v.. Mặt khác, cần chủ động đề phòng và ngăn chặn những khuynh hướng tự phát, lệch lạc do chạy theo cơ chế thị trường một cách đơn giản ; do những động cơ vụ lợi, chạy theo đồng tiền, dẫn đến xa rời đường lối, quan điểm về TDTT của Đảng, mất cảnh giác, để cho các thế lực thù địch lợi dụng hoạt động TDTT nhằm thực hiện âm mưu "diễn biến hòa bình".

Từ tình hình trên, ngành TDTT xác định **phương hướng, nhiệm vụ phát triển TDTT 5 năm (1996 - 2000)** với **mục tiêu tổng quát** là : *tạo được bước tiến và những tiền đề về quy mô và chất lượng cho TDTT Việt nam bước vào thế kỷ XXI, phục vụ đắc lực nhiệm vụ kinh tế - xã hội của đất nước, trước hết là góp phần chuẩn bị thể lực, ý chí con người Việt nam để tham gia có hiệu quả vào công cuộc công nghiệp hóa, hiện đại hóa và bảo vệ đất nước.*

Muốn làm được điều đó, *trước hết* phải tạo bước phát triển mới về phong trào TDTT quần chúng, tập trung vào lực lượng thanh, thiếu niên, học sinh ; mở rộng hoạt động TDTT trong các lực lượng vũ trang, công nhân viên chức và một bộ phận nhân dân (chỉ tiêu phấn đấu là 10% dân số tham gia tập luyện TDTT thường xuyên). Thực hiện giáo dục thể chất trong tất cả các trường học với chất lượng cao hơn (đạt 50% trường học các cấp bảo đảm yêu cầu giáo dục thể chất, 10% số trường có hoạt động TDTT ngoại khóa thường xuyên).

Thứ hai, hình thành hệ thống đào tạo tài năng thể thao quốc gia ; củng cố và nâng cao chất lượng một số trung tâm đào tạo vận động viên cấp cao ; mở rộng đào tạo vận động viên trẻ với chất lượng mới theo chương trình mục tiêu của ngành ; rút ngắn khoảng cách so với các nước trong khu vực về thành tích một số môn thể thao hiện có ; tham gia và đạt kết quả trung bình trở lên trong các hoạt động thể thao ở Đông Nam Á, đạt một số thành tích cao ở châu Á và thế giới.

Thứ ba, ổn định tổ chức quản lý nhà nước về TDTT các cấp, mở rộng các tổ chức xã hội về TDTT, đưa công tác kế hoạch hóa vào nền nếp. Hoàn thành quy hoạch về cơ sở vật chất TDTT trên phạm vi toàn quốc, xúc tiến xây dựng một số công trình TDTT trọng điểm ở các cấp ; tiêu chuẩn hóa xây dựng các trung tâm TDTT cấp huyện, cấp tỉnh... Mỗi tỉnh có các công trình TDTT cơ bản : sân vận động, nhà tập và thi đấu v.v..

Thứ tư, đổi mới và nâng cao chất lượng đào tạo cán bộ ; tăng cường về số lượng và chất lượng cán bộ, ưu tiên đào tạo đáp ứng yêu cầu giáo viên TDTT trong trường học các cấp (mẫu giáo, phổ thông cơ sở và phổ thông trung học...). Tiếp thụ và ứng dụng những thành tựu khoa học và y học thể thao, những công nghệ và kỹ thuật tiên tiến liên quan đến TDTT.

Để phát triển TDTT đồng bộ và đúng hướng theo các nhiệm vụ và mục tiêu trên, ngành TDTT đã và đang triển khai thực hiện **các biện pháp** sau :

Digitized by Google

- Nâng cao nhận thức, quán triệt đường lối chính trị, kinh tế, xã hội, an ninh quốc phòng và quan điểm, đường lối TDTT của Đảng và Nhà nước trong các cấp ủy đảng, chính quyền, đoàn thể và nhân dân. Tiếp tục triển khai có hiệu quả Chỉ thị 36/CT-TW của Ban bí thư Trung ương Đảng và Chỉ thị 133/TTg của Thủ tướng Chính phủ tới từng đối tượng, cơ sở.

- Liên kết, phối hợp với các ban, ngành từ trung ương tới các địa phương để tận dụng, khai thác mọi tiềm năng của xã hội hỗ trợ, giúp đỡ cho TDTT. Ngành TDTT tiếp tục phối hợp với ngành giáo dục - đào tạo, Quân đội, Công an, Đoàn thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh, Tổng liên đoàn lao động Việt nam... nhằm đưa nội dung hoạt động TDTT thích hợp vào chương trình của từng ngành ; tăng cường phối hợp hoạt động liên ngành theo các chương trình cụ thể ; tổ chức tổng kết, rút kinh nghiệm thường kỳ để nâng cao hiệu quả phối hợp.

- Ổn định hệ thống tổ chức ngành TDTT ; kiến nghị Chính phủ duy trì ổn định tổ chức bộ máy quản lý nhà nước về TDTT trong 10 năm tới : cấp trung ương là Tổng cục TDTT ; cấp tỉnh, thành phố là Sở TDTT ; cấp quận, huyện là Trung tâm TDTT ; mở rộng các hình thức câu lạc bộ TDTT ở xã, phường. Xây dựng thử các câu lạc bộ thể thao bán chuyên nghiệp và chuyên nghiệp về các môn bóng đá, bóng chuyền và một số môn khác.

Hình thành hệ thống tổ chức xã hội năng động, có thực lực : củng cố các liên đoàn, hiệp hội từng môn thể thao ; xây dựng quy chế làm việc, quan hệ phối hợp, nâng cao hiệu quả điều hành các hoạt động thể thao.

- Phối hợp chặt chẽ với hệ thống thông tin, tuyên truyền để phát triển TDTT. Đổi mới công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ nhằm từng bước bảo đảm về số lượng, nâng cao phẩm chất, trình độ chuyên môn, đáp ứng yêu cầu mới. Đẩy mạnh công tác nghiên cứu, ứng dụng khoa học kỹ thuật phục vụ yêu cầu phát triển TDTT của ngành.

- Trên cơ sở tổng điều tra cơ sở vật chất TDTT toàn quốc, xây dựng quy hoạch cơ sở vật chất, công trình thể thao quy mô quốc gia (gồm hai khu liên hợp thể thao quốc gia tại Hà nội và TP Hồ Chí Minh, 3 trung tâm huấn luyện thể thao quốc gia, 2 trường đại học TDTT) ; quy hoạch cơ sở vật chất TDTT tại các tỉnh, thành phố được xác định là trung tâm các khu vực ; kế đến quy hoạch tới các tỉnh, thành phố, quận, huyện, thị, xã, phường trong cả nước. Trong đó, chú ý quy hoạch sân bãi tập luyện trong hệ thống trường học.

- Hình thành hệ thống đào tạo vận động viên các cấp gồm vận động viên ở các tỉnh, thành, ngành đến các trung tâm tập huấn quốc gia ; nâng cao thành tích các đội dự tuyển, đội tuyển quốc gia. Từng bước hoàn thiện hệ thống thi đấu toàn quốc để nâng cao thành tích và phục vụ có kết quả chương trình thi đấu của các đội tuyển quốc gia ; đồng thời hết sức chú trọng phát triển hệ thống thi đấu thể thao quần chúng.

- Xây dựng hệ thống kế hoạch TDTT từ trung ương đến địa phương để đảm bảo yêu cầu quản lý vĩ mô và hiệu quả đầu tư. Phối hợp với các ngành liên quan ban hành các chế độ, chính sách nhằm kích thích, động viên các đối tượng công tác TDTT phát huy năng lực phục vụ cho sự nghiệp TDTT.

- Triển khai thực hiện nghiêm túc Chỉ thị 01/TCTDTT của Tổng cục TDTT "Về tăng cường giáo dục chính trị, đạo đức, phong cách và đấu tranh chống tiêu cực trong hoạt động TDTT". Phát huy, động viên lòng yêu ngành, yêu nghề, sự nhiệt thành, nỗ lực làm việc của đội ngũ cán bộ, huấn luyện viên, vận động viên, trọng tài... cả nước.

Tương lai nền TDTT nước ta nếu chỉ trông chờ riêng ngành TDTT chắc chắn không thể làm nổi. Đó thực sự là sự nghiệp của mỗi người dân, của toàn xã hội, đúng như Chủ tịch Hồ Chí Minh đã dạy : "Mỗi một người dân yếu ớt, tức là cả nước yếu ớt, mỗi một người dân mạnh khỏe tức là cả nước mạnh khỏe.

Vậy nên luyện tập thể dục, bồi bổ sức khỏe là bổn phận của mỗi người dân yêu nước"(1)❑

(1) Hồ Chí Minh : *Toàn tập*, Nxb Sự thật, Hà nội, 1984, t 4, tr 122

Digitized by Google

"Xã trường chơi ngông"

VŨ LÂN

KHÔNG biết từ đời nào và với lý do gì mà cái xã ven sông này lại có tên là Kiều. Có nhiều cách giải thích khác nhau về cái tên ấy, nhưng có một cách giải thích có vẻ có lý và được nhiều người chấp nhận hơn cả. Người ta bảo rằng vùng đất này nguyên là bãi bồi của một con sông. Ngày xưa những người từ trong đồng ra đây khai phá bãi bồi có thêm một nghề nhờ sông nước. Đó là nghề kều những thứ trôi nổi trên sông, nhất là vào mùa nước lớn. Họ kều từ củi, rác, bèo tây, tre gỗ, bè mảng đến súc vật và cả xác người chết từ đâu đó trôi qua. Đôi khi từ những "sản phẩm" này mà họ thu được một món tiền chuộc kha khá. Dần dần dân cư đông lên, đất cũng được bồi rộng ra, làng Kều được tách thành một làng mới. Làng cũ được gọi là Kều nội, làng mới là Kều ngoại. Cái nghề kều tuy không còn phổ biến nữa nhưng nó được giữ lại bởi cái tên tục của làng. Dần dần trên các văn bản, giấy tờ, xã này được gọi chệch đi là "Kiều" cho văn vẻ, còn trong đời thường vẫn có người quen gọi là làng Kều hay xã Kều.

Làng Kiều trước đây nghèo lắm. Ngay cả vào những năm được mùa thì dân làng Kiều vẫn bữa đói bữa no. Có những gia đình phải ăn rau má, quả sung, chuối xanh luộc thay cơm. Không phải dân ở đây lười mà ngược lại, quanh năm họ "đầu tắt mặt tối" nhưng vẫn đói... Quê hương như vậy cho nên số thanh niên có chút khả năng, có chút kiến thức đều thoát ly cả. Thời chiến đã đành mà thời bình, trong xã cũng chỉ đếm được vài người học hết phổ thông.

Ấy vậy mà dăm năm nay, bộ mặt, đời sống làng Kiều đổi thay trông thấy. Nhờ chính sách đổi mới của Đảng và Nhà nước ta, nhờ sự đầu tư, giúp đỡ của tỉnh, của huyện, dân làng Kiều đã tạo nên bước ngoặt lịch sử. Bắt đầu, họ xây đắp con đê quai, ngăn không cho nước sông tràn vào tàn phá. Sau đó xây cống, làm mương máng dẫn dòng nước đỏ nặng phù sa vào tưới cánh đồng. Đường sá, nhà cửa, cơ sở hạ tầng của làng ổn định và được xây cất nhiều hơn. Cơ chế khoán mới đã làm người dân ngày đêm chăm chút mảnh đất của mình. Đồng thời họ cũng không quên công sức của chủ tịch xã, người "mở đường" đi tiên phong trong việc làm giàu. Anh có tên là Cao (người cao hơn mét bảy), nhưng vì trong huyện có hai người làm chủ tịch xã đều tên là Cao cho nên người ta quen gọi anh là "Cao Kều" (Cao làng Kều). Thật là tiện và lại có ý nghĩa.

Cao vốn là bộ đội, sau khi xuất ngũ thì xin vào làm ở một nông trường trên mạn ngược. Mấy năm sau, xem ra kinh tế cũng chả khấm khá hơn, anh về làng gần vợ gần con và quyết chí làm giàu. Thời gian đầu anh lên tỉnh, lên thành phố nhờ người quen giới thiệu gặp được các chuyên gia mách bảo cho cách làm ăn. Sau đó về làng, anh bắt tay ngay vào việc "chuyển dịch cơ cấu kinh tế", vay vốn trồng cây đặc sản ngắn ngày, nuôi ếch, ba ba... đem ra thành phố bán. Dần dà có tiền, anh cùng mấy người khác góp vốn đi mua đá vận chuyển theo đường sông về nung vôi, làm gạch, vừa để bán vừa lấy nguyên vật liệu xây dựng. Có điện về, chủ tịch xã tìm thầy, kén thợ, mở cơ sở chế biến lương thực, thực phẩm, vừa phục vụ bà con trong làng vừa làm hàng đem bán nơi khác. Việc liên lạc bằng điện thoại mở ra cũng tạo điều kiện thuận lợi cho làng Kiều có được những thông tin từ thành phố và đáp ứng được những gì mà thành phố

Digitized by Google

cần. Cứ như thế, làng Kiều vừa nhanh nhạy nắm bắt được nhu cầu của thị trường vừa tận dụng được tiềm năng "trên bến dưới thuyền", nhanh chóng "ăn nên làm ra". Cuộc sống văn hóa, tinh thần của làng Kiều tĩnh mịch yên ả khi xưa, nay sôi động và phong phú hẳn lên. Và cũng vì công lao đóng góp cho xã, anh Cao đã được bà con tín nhiệm bầu làm chủ tịch xã hai khóa liền. Tới nay anh vẫn là vị chủ tịch xã trẻ khỏe, năng động, có "máu" làm giàu và luôn trăn trở với những ý đồ lớn. Thỉnh thoảng người ta lại thấy chủ tịch xã diện Com-plê, thắt ca-ra-vát, xịt nước hoa, cưỡi xe DREAM lên tỉnh, thành phố tìm manh mối làm ăn. Nghe đâu các anh trên huyện muốn khóa này đưa Cao vào huyện ủy và cho đi đào tạo, chuẩn bị cán bộ cho lâu dài.

Thế mà đột nhiên trong làng lại loang ra những tin đồn rằng chủ tịch xã Kiều có tên trong "sổ đen" của công an thành phố vì lối sống sa đọa, trác táng, chơi ngông. Còn các cơ quan có trách nhiệm của huyện và tỉnh lại nhận được những lá đơn tố cáo giấu tên có cùng một nội dung : yêu cầu điều tra, xem xét những hoạt động mờ ám, thiếu trong sáng của chủ tịch Cao mỗi lần lên thành phố. Có đơn còn yêu cầu bãi miễn chức chủ tịch xã, cách chức phó bí thư đảng ủy và khai trừ Cao ra khỏi đảng.

Nghe dư luận xôn xao lại nhận được tin tố cáo, nếu như vào thời điểm khác, đối tượng khác thì cũng cho qua, nhưng vì sắp bước vào "mùa đại hội", hơn nữa Cao lại là người nằm trong dự kiến cơ cấu huyện ủy khóa tới, cho nên huyện quyết định phải nhanh chóng làm rõ đúng sai. Đoàn kiểm tra của huyện ủy được chia làm hai hướng : một lên thành phố, một về xã Kiều xác minh dư luận và thẩm vấn Cao. Sau một thời gian thẩm tra, xác minh, mọi vấn đề quanh chủ tịch xã Kiều đã được sáng tỏ :

Trong quá trình lên thành phố tìm manh mối làm ăn, nhờ người mách bảo giúp đỡ, Cao quen biết rồi thân thiết với một số người trong đó có nam, có nữ. Sau mỗi phương án làm ăn đạt hiệu quả, nhờ những thông tin bổ ích kiếm được tiền, Cao thường kéo những người này ra một nhà hàng để chiêu đãi. Những bữa ăn như vậy cả chủ và khách đều vui hết mình.

Gần đây, nhà hàng, nơi mà Cao thường lui tới có biểu hiện trốn lậu thuế và làm dịch vụ mát-sa trá hình nên bị công an, chính quyền địa phương đình chỉ kinh doanh. Khi kiểm tra các hóa đơn, giấy tờ, sổ sách, người ta thấy trong đó có cả danh thiếp của chủ tịch xã Kiều (đó cũng là chuyện thường tình).

Còn ở xã, trong quá trình lãnh đạo, Cao có bất đồng ý kiến và va chạm với một số người. Đồng thời với thói "ghen ăn tức ở", không muốn người khác hơn mình, một số người tìm cách "ngáng chân", "hạ bệ" vị chủ tịch đang được tín nhiệm cao trong nhân dân. Họ cho người theo dõi mọi hành động của Cao và tìm "gót chân Asin" của chủ tịch xã. Khi nắm được tin nhà hàng nơi Cao hay qua lại rơi vào bê bối, họ đã "tát nước theo mưa", tung tin bịa đặt, làm đơn tố cáo. Đoàn kiểm tra của huyện về xã làm việc chẳng có tổ chức hay cá nhân nào ở làng Kiều nhận làm đơn tố cáo mà cũng không ai có chứng cứ rõ ràng và thuyết phục. Hỏi người nào cũng được trả lời "nghe dư luận". Đa số dân làng Kiều thì cho rằng đó chẳng qua là chuyện bịa của những kẻ ghen ăn tức ở, độc mồm độc miệng nhằm "đánh trượt" vị chủ tịch xã vào cấp ủy trong dịp đại hội đảng bộ sắp tới.

Vụ kiện được khép lại, chủ tịch xã Kiều vô can. Bọn trẻ mỗi lần gặp Cao thường đùa : Xin chào vị "xã trưởng chơi ngông !".

Chuyện trên đây là một thực tế sinh động chắc cũng giúp ích phần nào cho những cán bộ làm công tác "nhân sự" trong mùa đại hội đảng các cấp đã và đang diễn ra trong cả nước ❑

Digitized by Google

BỨC TRANH THẾ GIỚI NĂM 1995

VÕ THỦ PHƯƠNG

TRƯỚC mắt chúng ta là bức tranh thế giới năm 1995. Họa sĩ vẽ tranh là tập thể khổng lồ hơn 5 tỉ người sống trên khắp hành tinh. Mỗi thành viên lớn trong "tập thể họa sĩ" này đều muốn vẽ bức tranh theo gam mầu của mình, nên mầu sắc bức tranh thật pha tạp, kỳ ảo, sáng tối đan xen lẫn lộn. Như những người đam mê hội họa, chúng ta thử lùi ra xa để ngắm nhìn toàn cảnh bức tranh thế giới năm 1995 và bình luận về nó.

So với năm 1994 và những năm trước đây, thế giới năm 1995 có *những thay đổi nhanh chóng và mạnh mẽ hơn trong lĩnh vực khoa học kỹ thuật, đặc biệt là khoa học thông tin*. Sự thay đổi này đã dẫn đến những thay đổi khác trên các mặt kinh tế - chính trị - xã hội : phân công lao động sâu hơn và cơ cấu kinh tế chuyển dịch mạnh hơn ; đội quân sản xuất nông nghiệp giảm xuống mức thấp chưa từng thấy ; khu vực dịch vụ tăng nhanh (ở Mỹ, dịch vụ chiếm gần 90% nền kinh tế) ; các nước đang phát triển chuyển từ công nghiệp khai khoáng sang công nghiệp chế biến. Quy mô sản xuất thay đổi : phi tập trung hóa, sự can thiệp của nhà nước giảm. Với sự bùng nổ thông tin, với hàng triệu máy tính được nối mạng cung cấp cho con người đủ loại dữ kiện, một câu hỏi về vai trò của nền dân chủ đại nghị ở phương Tây đã được đặt ra : liệu có cần các ông nghị nữa không khi mà người dân giờ đây có thể tiếp xúc trực tiếp với nhà nước bằng máy tính, không cần qua phần tử trung gian ? ! Rõ ràng đây là một áp lực của khoa học kỹ thuật lên thể chế chính trị.

Một đặc điểm nữa của thế giới 1995 là *quá trình toàn cầu hóa đã đạt được một bước tiến dài* mà không một nhà dự đoán nào có thể lường trước được. Nếu như năm 1994, vấn đề liên kết đại khu vực mới chỉ có trong ý tưởng, thì năm 1995 đã triển khai chương trình nghị sự về liên kết xuyên Đại tây dương. Các khối kinh tế xúc tiến chương trình liên kết nhanh và đi vào những bước cụ thể.

Từ những nét chung đó về bức tranh thế giới năm 1995, chúng ta tiếp cận dần từng mảng cụ thể : kinh tế, chính trị và xã hội.

Kinh tế thế giới năm 1995.

Theo kết quả điều tra kinh tế xã hội của Liên hợp quốc, kinh tế thế giới hiện đang ở giai đoạn ổn định nhất trong nhiều năm qua. Lạm phát vẫn ở mức kiểm soát được. Với một đánh giá dè dặt hơn của nhóm dự báo kinh tế (OEF - Anh) thì kinh tế thế giới đang trải qua "một bước chững lại, chứ không phải bước suy thoái". Dù căn cứ vào cách đánh giá nào thì người ta cũng có thể thống nhất rằng kinh tế thế giới năm 1995 phát triển khả quan với tốc độ tăng trưởng 3,3 - 3,4%.

Đặc điểm nổi bật của nền kinh tế thế giới năm 1995 là tăng trưởng trở thành hiện tượng phổ biến, lan rộng ra nhiều nước. Trên

Digitized by Google

thế giới chỉ còn chưa đầy 33% số nước là rơi vào tình trạng tăng trưởng chậm hoặc giảm sút (bằng nửa của năm 1994). Các nước đang phát triển vẫn có tốc độ tăng trưởng cao (trên 5%).

Đặc điểm khác là dưới ảnh hưởng mạnh mẽ của sự phát triển tin học, các mối liên kết kinh tế toàn cầu tiến triển rất nhanh, trong khi đó chính sách và biện pháp kinh tế của các quốc gia không thích ứng kịp, làm hạn chế sự phát triển kinh tế của thế giới nói chung và của từng quốc gia nói riêng. Đây cũng là một căn cứ để giải thích vì sao ở một số nước những đòn bẩy kinh tế kém tác dụng, một số vấn đề kinh tế xã hội như thất nghiệp, giữ vững nhịp độ tăng trưởng... không được giải quyết kịp thời.

Năm 1995 là năm đầu tiên Tổ chức thương mại thế giới (WTO) đi vào hoạt động (từ tháng 1) thay thế cho GATT. Với sự ra đời của WTO, thương mại thế giới tăng 7%, thuế quan giảm trung bình 4%, tổng sản phẩm xã hội tăng 300 tỉ USD/năm. Sự kiện này mở ra một khung hợp tác toàn cầu, hình thành một "luật chơi" chung cho toàn thế giới ; hạn chế một bước hành động độc đoán của những nước phát triển đối với các nước đang phát triển trong lĩnh vực kinh tế ; tạo điều kiện thuận lợi về giá cả cho các nước xuất khẩu nông phẩm, hàng dệt (những nước này mỗi năm có thể thu lợi thêm 2% GDP do WTO mang lại). Bên cạnh đó WTO cũng gây ra những khó khăn cho các nước đang phát triển : quan hệ ưu đãi đặc biệt dần dần bị chấm dứt ; ở thế bất lợi vì hầu hết còn ở trình độ kinh tế kém phát triển, khả năng cạnh tranh kém, chưa chuẩn bị kịp cho "mở cửa".

Về mặt tiền tệ, tài chính quốc tế. Năm 1995 là năm đồng đô la Mỹ tiếp tục sụt giá so với các đồng tiền khác như đồng Mác (Đức) và Yên (Nhật). Sự kiện này phản ánh xu thế cơ bản và lâu dài của thị trường tiền tệ thế giới - xu thế suy giảm vai trò của Mỹ. Nếu như trước đây Mỹ chiếm hơn 50% nền kinh tế thế giới thì nay chỉ còn 25%, thâm hụt thương mại của Mỹ năm 1995 có thể lên tới hơn 170 tỉ USD. Tuy nhiên dù sụt giá, đồng đô la vẫn giữ vai trò quan trọng trong nền tài chính quốc tế. Năm 1995 cũng là năm mà nền tài chính quốc tế gặp nhiều khó khăn, mất ổn định do bị ảnh hưởng từ cuộc khủng hoảng tài chính tại Mê-hi-cô và sự đổ vỡ của Ngân hàng Bê-rinh (Anh)...

Chính trị toàn cầu năm 1995.

Năm 1995 là năm mà các nước lớn và nhiều nước trên thế giới gặp khó khăn trong đối nội.

Các nước Tây Âu đã phục hồi kinh tế, nhưng vấn đề thất nghiệp còn rất gay gắt. Dự tính tỷ lệ thất nghiệp ở Tây Âu là 7,5%. *Ở Mỹ*, vào dịp chuẩn bị đón Giáng sinh, hàng vạn nhân viên nhà nước phải nghỉ việc tạm thời. Tình trạng thất nghiệp cao đang là áp lực mạnh mẽ đối với các nhà quản lý vĩ mô ở các nước này.

Năm 1995 là năm hết sức chật vật đối với tổng thống Mỹ Bin Clin-tơn trong việc xử lý các vấn đề đối nội cũng như đối ngoại. Sự kiện Clin-tơn hoãn chuyến đi Nhật nói lên phần nào những vướng mắc giữa tổng thống Mỹ với Quốc hội Mỹ do Đảng cộng hòa kiểm soát. Chắc chắn từ nay đến khi bầu cử tổng thống (năm 1996), Bin Clin-tơn còn gặp nhiều khó khăn hơn nữa.

Ở Nhật, với đợt suy thoái kinh tế kéo dài, dù mới gượng lại được hồi tháng 6 vừa qua, chính trường vẫn còn rất nhiều khó khăn, phức tạp : nhân sự thay đổi, thiếu ổn định, uy tín chính phủ xuống thấp. Cuộc khủng hoảng chính trị ở Nhật bản bắt nguồn từ cuộc khủng hoảng và suy thoái kinh tế - nó bộc lộ những mặt hạn chế của cơ cấu và bản thân nền kinh tế Nhật bản.

Tại *Pháp*, Đảng xã hội thất cử, phái hữu lên nắm chính quyền cũng đang gặp đầy rẫy khó khăn : sự phản đối liên tiếp của nhiều nước đối với việc Pháp tiến hành các vụ thử vũ khí hạt nhân ; những cuộc đình công lớn

Digitized by Google

chưa từng thấy (kể từ năm 1968) làm tê liệt không ít hoạt động bình thường ở nước này.

Nam Triều tiên với những vụ bê bối, tham nhũng lớn, khiến các cựu tổng thống phải ra tòa, bị tống giam hoặc bị đe doa hầu tòa. Tại Ý chính trường xao động chưa yên...

Năm 1995 cũng khắc đậm một vết đen trong tâm trí loài người bởi những hành động khủng bố trắng trợn với quy mô lớn. Vụ nổ bom ở Ô-cla-hô-ma gây nên nỗi bàng hoàng trong dân chúng Mỹ. Vụ đầu độc bằng khí sa-rin của giáo phái A-um tại ga xe điện ngầm ở Nhật khiến mọi người phải đặt ra dấu hỏi lớn về tình hình an ninh và đạo đức xã hội ở đây. Phải chăng một trong các lý do dẫn tới khủng bố, bạo lực ở các nước tưởng như rất ổn định này, là sự bế tắc về tư tưởng và đạo đức xã hội, là cơn sốc gây ra bởi sự biến đổi của thế giới với gia tốc lớn ?

Bùng nổ mâu thuẫn giữa các nước lớn là một trong những đặc điểm chính trị quốc tế của năm 1995. Quan hệ giữa Mỹ và Trung quốc xấu đi sau việc Lý Đăng Huy đi thăm Mỹ và sau những đụng độ trên lĩnh vực kinh tế. Đây là hệ quả của mâu thuẫn chiến lược mang tính toàn cầu của hai nước. Quan hệ Mỹ - Nhật cũng gặp nhiều khó khăn. Cuộc chiến tranh thương mại giữa hai nước bắt đầu từ tháng tư và kéo dài suốt nhiều tháng mới được giải tỏa. Đã thế, phong trào chống Mỹ tại Nhật lại dấy lên mạnh sau vụ 3 lính thủy Mỹ hãm hiếp một nữ sinh. Hàng loạt cuộc biểu tình đòi Mỹ rút các căn cứ quân sự ra khỏi Nhật diễn ra tại nhiều nơi : Gi-nô-oan, Tô-ki-ô, Ô-ki-na-oa... Cuộc biểu tình ở Ô-ki-na-oa có 50 ngàn người tham gia và đây là cuộc biểu tình lớn nhất kể từ năm 1972, khi hòn đảo này chính thức được trả lại cho Nhật.

Cùng với sự phát triển mạnh mẽ của xu thế toàn cầu hóa và khu vực hóa, năm 1995 cũng đánh dấu sự khởi sắc của phong trào các nước không liên kết. Sau sự tan rã của chế độ xã hội chủ nghĩa ở Liên xô và Đông Âu, thế giới không còn hai cực đối đầu, trước tình hình đó nhiều người đã suy luận : Phong trào không liên kết chắc không còn đất hoạt động. Nhưng trong năm 1995, với Hội nghị lần thứ XI được tổ chức tại Cô-lôm-bi-a. Phong trào không liên kết đã khẳng định lại vai trò của mình trong thế giới ngày nay. Phong trào đã đặt ra và chung sức giải quyết nhiều vấn đề : tăng cường sự hợp tác giữa các nước đang phát triển ; tích cực tham gia việc hoạch định các chính sách chung ; bảo vệ quyền tự quyết dân tộc ; góp phần giữ vững hòa bình, ổn định... Nhìn chung, tại các nước đang phát triển, nền kinh tế có tốc độ tăng trưởng khá và đang dần dần ổn định ; cải cách kinh tế có những chuyển biến nổi bật kể từ năm 1994 và tiếp tục trong năm 1995 ; cải cách kinh tế là hướng đi đã được khẳng định ở các nước này. Tình hình chính trị ở các nước đang phát triển trước mắt còn tiềm ẩn những xáo trộn và nguy cơ bất ổn định. Nhưng hòa bình, ổn định và phát triển vẫn là các tiêu chí chủ yếu chi phối bước đi của các nước này.

Năm 1995 là năm mà việc giải quyết các xung đột có nhiều tiến triển tốt với sự tham gia tích cực của Liên hợp quốc và các cường quốc. Xung đột ở Nam tư (cũ) đã đi vào bước ngoặt với hội nghị hòa giải ở Đây-tơn. Vấn đề Bắc Ai-len cũng được đưa tới bàn đàm phán... Xu hướng giải quyết vấn đề xung đột đã được khẳng định và mở ra triển vọng mới cho hòa bình và ổn định. Tuy nhiên, tìm kiếm hòa bình là quá trình còn nhiều khó khăn và chứa đầy bất trắc. Hòa bình ở một số nơi là nền hòa bình được áp đặt từ bên ngoài. Các mâu thuẫn bên trong dẫn đến xung đột chưa được giải quyết tận gốc trong khi mâu thuẫn giữa các nước lớn tham gia giải quyết xung đột vẫn còn nhiều và có phần gay gắt, nên nguy cơ xung đột bùng nổ trở lại là hiển nhiên nếu như quá trình giải quyết không được tiếp tục một cách khéo léo.

Năm 1995 là năm kỷ niệm lần thứ 50 ngày thành lập Liên hợp quốc. Trong suốt

Digitized by Google

chặng đường của mình, Liên hợp quốc đã đạt được nhiều thành công lớn, có những đóng góp đáng kể cho tiến bộ của nhân loại. Tuy nhiên, với bối cảnh quốc tế phức tạp như hiện nay, Liên hợp quốc không thể là cơ quan có khả năng giải quyết mọi vấn đề ; bản thân Liên hợp quốc cũng còn những mặt hạn chế cần phải điều chỉnh để theo kịp sự biến đổi nhanh chóng của thế giới.

Việt nam trong lĩnh vực đối ngoại.

Năm 1995 chứng kiến những thắng lợi to lớn và quan trọng của Đảng và Nhà nước ta trong lĩnh vực đối ngoại :

- Bình thường hóa quan hệ ngoại giao Việt - Mỹ

- Gia nhập khối ASEAN

- Nâng quan hệ Việt - Trung lên một bước phát triển mới

- Ký kết Nghị định hợp tác với Liên minh châu Âu

Với những thắng lợi này, chúng ta đã tháo gỡ được hoàn toàn thế bao vây cấm vận từ nhiều năm nay, có thêm quan hệ và phát triển quan hệ với các nước cả về bề rộng và bề sâu, tạo thêm thuận lợi cho quá trình hội nhập của nước ta với thế giới.

Thử nhìn vào tương lai.

Còn 5 năm nữa là nhân loại bước vào thế kỷ XXI. 5 năm tới sẽ là thời gian phát triển sôi động hơn nhiều so với 5 năm đã qua, bởi không một quốc gia nào muốn chậm chân trong cuộc đua tranh tiến vào thế kỷ XXI. Đây là 5 năm chứa đựng không ít vận hội và thách thức mới. Với sự phát triển từng ngày, từng giờ của khoa học, công nghệ thông tin và sự xâm nhập của nó vào mọi lĩnh vực ; với sự phát triển nhanh hơn của các mối liên kết kinh tế (siêu đại khu vực, đại khu vực, tiểu khu vực, liên kết đa giác, liên quốc gia...), các thể chế kinh tế thế giới chắc sẽ luôn bị lạc hậu và chạy theo đuôi sự phát triển. Phân công lao động trên thế giới chắc cũng sẽ diễn ra ở mức độ rộng và sâu hơn. Cơ cấu kinh tế do đó cũng sẽ chuyển dịch mạnh hơn nhiều so với những năm đã qua. Như vậy, vấn đề quản lý ở tầm vĩ mô đối với các quốc gia phát triển sẽ khó khăn hơn nhiều. Bởi trong thế giới công nghệ cao, các công ty siêu quốc gia chi phối hoạt động kinh tế chủ yếu, nên cơ sở kinh tế của quốc gia có chiều hướng tuột ra khỏi tầm kiểm soát của chính phủ ; thị trường quốc gia dần trở nên ít quan trọng hơn so với các thị trường tiểu khu vực, khu vực.

5 năm tới, các mối liên kết kinh tế chồng chéo, đan xen, sẽ tăng gấp bội. Chúng ta sẽ chứng kiện một bối cảnh toàn cầu mới phức tạp, được hình thành từ các khu vực, các tập đoàn, các tổ chức phi chính phủ ; từ các tôn giáo và các phong trào chính trị. Tính phụ thuộc lẫn nhau ngày càng nổi trội, đến mức, ngay cả những nước hùng cường nhất cũng sẽ bị ràng buộc bởi những cam kết với bên ngoài.

Những năm sắp tới, giai đoạn khép lại thế kỷ cũ, mở ra thế kỷ mới, sẽ là thời kỳ rất sôi động. Chúng ta cần chuẩn bị sẵn sàng đối mặt với một thực tế có nhiều thử thách nhất nhưng cũng có nhiều cơ hội nhất, một thực tế chắc chắn chứa nhiều hấp dẫn trong lịch sử văn minh nhân loại ❑

CÙNG BẠN ĐỌC

Do giá giấy và công in tăng, để giảm bớt sự bù lỗ của ngân sách Đảng, bắt đầu từ tháng 1-1996, giá bán mỗi số *Tạp chí Cộng sản* là 3000 đ.

Digitized by Google

TÍNH HIỆU LỰC CỦA CHỦ NGHĨA MÁC TRONG THỜI ĐẠI HIỆN NAY

Lời người biên tập : *Ngày 7-7-1995, tuần báo* **Giải phóng**, *tiếng nói của hàng vạn chiến sĩ cách mạng đã từng đấu tranh kiên cường chống các chế độ độc tài quân phiệt ở nhiều nước Mỹ la tinh trước đây, hiện đang cư trú ở Thụy điển, đã đăng bài của nhà hoạt động cách mạng lão thành* **Xéc-gi-ô Ra-mi-rét** *với đầu đề trên. Kèm với đầu đề là tiêu đề với dòng chữ to :* ***"Chủ nghĩa Mác vẫn có hiệu lực... Chủ nghĩa xã hội là câu trả lời duy nhất có giá trị để giải quyết những vấn đề của xã hội hiện tại trong khuôn khổ của chủ nghĩa tư bản".***

Chúng tôi xin lược dịch bài báo để bạn đọc tham khảo.

Trước kia và hiện nay, chủ nghĩa Mác luôn luôn là một căn cứ quyết định cho các tổ chức cách mạng Mỹ la tinh mỗi khi đề ra đường lối và chiến lược của mình. Ngày nay, khi muốn thành lập một lực lượng cánh tả để giải quyết các vấn đề hiện đại, điều trước tiên là cần hiểu rằng chủ nghĩa Mác được phân tích một cách khoa học và cơ bản vẫn là lý luận xã hội có hiệu lực trước tình hình thế giới hiện nay.

Điều đó cần được giải thích dưới ánh sáng của các quy luật khoa học, sự tiến triển của những kiến thức khoa học và từ thực tế khách quan.

Thật vậy, người mác xít cần phải nhận thức được rằng chủ nghĩa Mác mang tính khoa học, rằng đó là một công cụ phương pháp luận của những khoa học xã hội, giúp cho việc nghiên cứu thực tế và tìm phương hướng trong cuộc đấu tranh cải tạo xã hội.

Chủ nghĩa Mác vẫn giữ nguyên giá trị. Điều cần bàn là xây dựng lại (hoặc phát hiện mới) các luận điểm của Mác nhằm giải đáp những thách thức của thời đại hiện nay. Chính vì vậy, dù ra đời cách đây một thế kỷ rưỡi, các luận điểm của chủ nghĩa Mác vẫn giữ trọn với sự trẻ trung, tươi xanh và tính chất cải tạo của nó.

Lý luận mác xít về mối liên hệ

Lý luận này là nền tảng của tư tưởng mác xít. Nó được vận dụng vào những vấn đề xã hội rộng lớn, điều đó làm cho lý luận trở thành công cụ hiệu nghiệm để điều tra, phân tích các hiện tượng khác nhau của tình trạng người bóc lột người. Nó cũng rất cần thiết trong việc đề ra các giải pháp khắc phục sự bóc lột đó.

Mối liên hệ mang tính khách quan là ở chỗ các sản phẩm như của cải vật chất và tinh thần, quan hệ xã hội là do con người tạo ra theo những mục đích nhất định. Nhưng đến lượt nó, trong những điều kiện cụ thể, chính những sản phẩm đó lại tác động mạnh mẽ đến con người một cách khách quan, khiến họ cảm thấy cuộc sống của mình như "xa lạ" với điều kiện xã hội. Nhận thức đó dẫn con người đến chỗ không quan tâm đến những diễn biến của xã hội, đặc biệt về mặt chính trị.

Lý luận mác xít về con người

Đây là một sự đóng góp đáng kể về sự phát triển tư tưởng xã hội. Bởi vì một khi lấy con người làm trung tâm, vấn đề con người sẽ trở thành những luận cứ quan trọng cho lý luận và thực tiễn cách mạng. Thế mà, con người với tư cách một cá thể xã hội đã bị các trường phái triết học khác đặt vào hàng thứ yếu.

Sự phát triển của con người đã được chủ nghĩa Mác giải thích như một sản phẩm tự thân, đồng thời cũng là sản phẩm sáng tạo của lịch sử và xã hội. Lịch sử do con người tạo ra và cùng với các điều kiện để xã hội tồn tại, con người tự sáng tạo ra bản thân mình như

Digitized by Google

một sản phẩm của những mối quan hệ xã hội. Tiến trình lịch sử này tác động đến khái niệm về nhân văn, trên phương diện con người trong sự phát triển xã hội và trong sự tìm kiếm hạnh phúc, đáp ứng đầy đủ nhu cầu và nguyện vọng của mình.

Lý luận mác xít về xã hội

Lý luận về con người và xã hội, về giai cấp xã hội là những điểm xuất phát mà chủ nghĩa Mác đã cống hiến cho chúng ta trong sự phân tích đời sống xã hội. Toàn bộ lý luận đó vẫn giữ nguyên giá trị của nó. Đồng thời, đó cũng là lý luận mang tính chiến đấu nhất. Các nhà tư tưởng tư sản tập trung mũi nhọn tấn công vào chủ nghĩa duy vật lịch sử, vào khái niệm hình thái kinh tế - xã hội, lý luận về giai cấp và đấu tranh giai cấp. Các ngành khoa học xã hội, đặc biệt là khoa học về lịch sử hay chính trị, không thể tách rời với tư tưởng của Mác về xã hội.

Lý luận mác xít về cách mạng

Tất nhiên, lý luận mác xít về phát triển xã hội gồm nhiều yếu tố. Vì vậy, ta nên xem xét riêng biệt những khái niệm mác xít về *nhà nước, cách mạng xã hội* và *cách mạng xã hội chủ nghĩa.*

Đây là lý luận mà giai cấp tư sản chống đối mạnh nhất. Lý luận của Mác đã đem lại nhiều hiệu quả đấu tranh chống các thế lực xét lại cánh hữu và giáo điều chủ nghĩa đang khống chế nhiều đảng và phong trào cách mạng. Bất chấp mọi sự chống đối, các luận điểm của chủ nghĩa Mác hiển nhiên vẫn còn sức sống.

Lý luận của chủ nghĩa Mác về nhà nước và hai nhiệm vụ xã hội của nó cho thấy rõ : dù nhà nước là một thể chế áp đặt bởi ý chí của một giai cấp, tuy vậy nó cần thiết để bảo đảm sự liên tục của các cơ cấu xã hội thông qua việc "khống chế các mục tiêu" và cai quản công việc của cộng đồng.

Lý luận về cách mạng xã hội, về bản chất và hình thức của nó như Mác đã phân tích trong các tác phẩm của mình, hơn hẳn mọi khái niệm khác về vấn đề này, bởi vì lý luận của Mác nhằm mục đích giải phóng con người.

Cuối cùng, lý luận về cách mạng xã hội chủ nghĩa (không đồng nghĩa với "chủ nghĩa xã hội hiện thực") là lý luận cho thấy rõ mọi tiền đề cần thiết để đi đến thắng lợi.

Chủ nghĩa Mác tiếp tục có hiệu lực

Trong các vấn đề liên quan đến những luận điểm nêu trên, nổi bật trong cuộc bút chiến hiện nay có vấn đề *nền kinh tế thị trường tự do và kế hoạch hóa nền kinh tế.*

Luận điểm mác xít về nền kinh tế kế hoạch hóa vẫn tiếp tục có hiệu lực và cần thiết hơn bao giờ hết, bởi các mối quan hệ kinh tế hiện nay đã vượt khỏi biên giới các quốc gia và bởi những khả năng kỹ thuật cho phép kiểm soát các trường hợp xuất hiện bằng kế hoạch hóa. Ngày nay không còn tồn tại "thị trường tự do" trong nền kinh tế, ngoại trừ sự tồn tại trong đầu óc những kẻ tuyên truyền nó. Thị trường vận hành song không được "tự do", vì nó bị 500 tập đoàn tài phiệt tư bản quốc tế (đa quốc gia hoặc siêu quốc gia) khống chế. Các tập đoàn này sử dụng kế hoạch hóa với nghĩa sít sao của nó.

Đúng là chủ nghĩa tư bản tài phiệt đang đứng trên đỉnh chóp, nhưng không phải trên đỉnh chóp của "thị trường tự do" mà trên đỉnh chóp của nền kinh tế kế hoạch hóa được tổ chức một cách hoàn hảo. Nó hoạt động như một tổ chức độc quyền, để lại đằng sau "thị trường tự do" cho những nhà buôn nhỏ.

Hiện nay, kế hoạch hóa là một tất yếu mà không chỉ riêng những tập đoàn lớn mới tập trung sức vào. Trước đây, những các-ten và tờ-rớt thời kỳ "tư bản tài phiệt" của Hin-phéc-đinh (đầu thế kỷ XX) mà trong tác phẩm của mình, Lê-nin căn cứ vào đó để viết lên những nhận định về chủ nghĩa đế quốc... so với các tập đoàn tư bản hiện nay thì quả là rất nhỏ bé.

Nhà nước ở các quốc gia lớn cũng đang kế hoạch hóa nền kinh tế của mình. Ngày nay, tại các nước phát triển, đâu còn tồn tại thứ thị trường tự do như hồi cuối thế kỷ XIX, một loại thị trường mà bọn "tự do kiểu mới" đang cố gây ảo tưởng cho các nước lạc hậu.

Ở các nước này hiện nay, chỉ có chủ nghĩa tư bản độc quyền và chủ nghĩa thực dân kiểu

Digitized by Google

mới. Trong sợi xích khổng lồ ấy, "Chi lê hiện đại", giữ vai trò như thế nào ? Một đất nước nhỏ bé, tài nguyên thiên nhiên ít, sản phẩm công, nông nghiệp chủ yếu là đồng và hoa quả mà giá trị xuất khẩu của nó được giai cấp thượng lưu và trung lưu tiêu xài xa xỉ. Dân chúng chỉ còn lại có bánh mỳ và món dân túy của những kẻ mang danh "xã hội tự do kiểu mới".

Hai lần dối trá

Có thể nói một cách chắc chắn rằng thật là dối trá nếu cho rằng ý tưởng về tự do kiểu mới là biện pháp để giải quyết cuộc khủng hoảng kinh tế ở những nước "xã hội chủ nghĩa hiện thực" trước đây. Đưa hình ảnh các nước phát triển như một hình mẫu của nền kinh tế thị trường tự do, đó là một sự dối trá. Song đó không chỉ là sự dối trá duy nhất. Còn một sự dối trá nữa là : ở các nước có nền "thị trường tự do" ấy, người ta không hề đưa ra công thức : để kinh tế tự do phát triển theo sự điều khiển của "bàn tay vô hình". Trái lại, người ta vạch kế hoạch chi tiết, tỉ mỉ và có hiệu quả cho con đường phát triển của mình và coi đó như một cách điều trị hiện đại.

Mục tiêu thực tế

Sự khinh mạn và dối trá đó của chủ nghĩa tự do kiểu mới đã gây ra nhiều hậu quả bi thảm về kinh tế xã hội ở các nước Mỹ la tinh. Thực tế bị nhào nặn. Sự tuyên truyền về ý tưởng tự do kiểu mới không chỉ nhằm khuất phục các dân tộc và đặt ách đô hộ thực dân mới lên đầu họ mà còn hy vọng thông qua việc điều khiển chính trị, che giấu mục tiêu rất cụ thể : làm tiêu tan chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa Mác.

Các nhà tư tưởng đại bịp của thời đại chúng ta là những tên trí thức gắn hữu cơ với chủ nghĩa tư bản và "các chuyên gia" của Ngân hàng thế giới, của Quỹ tiền tệ quốc tế và của các tổ chức quốc tế khác được các tập đoàn siêu quốc gia tài trợ. "Sản phẩm" tư tưởng của họ được đem bán ở Ba lan và Mê-hi-cô, ở Nga và Ác-hen-ti-na, ở U-ru-goay và Phi-lip-pin...❑

ĐỖ NHƯ CHUNG
(Lược dịch)

Tiếp tục sắp xếp...

(Tiếp theo trang 29)

đó lại là các doanh nghiệp nhỏ, hoạt động dịch vụ là chủ yếu, nên tính chất điển hình, đại diện không rõ nét. Nguyên nhân làm chậm trễ quá trình thực hiện chủ trương cổ phần hóa có nhiều, song trước hết là do quan niệm về cơ cấu sở hữu trong nền kinh tế nhiều thành phần, về vai trò chủ đạo của doanh nghiệp nhà nước, còn chưa thống nhất; không ít người vẫn còn e ngại thực hiện cổ phần hóa (dù chỉ đối với số ít DNNN và dù tỷ lệ cổ phần nhà nước vẫn giữ vị trí chi phối) sẽ làm suy yếu kinh tế quốc doanh, suy yếu định hướng xã hội chủ nghĩa. Ngoài những lý do không khó khắc phục về kỹ thuật, nghiệp vụ, thủ tục, quy trình, v.v., có một lý do cần đặc biệt lưu ý. Đó là việc thực hiện cổ phần hóa không tránh khỏi vấp phải lực cản do đụng tới lợi ích cục bộ, bản vị của người quản lý (giám đốc) và một bộ phận công nhân biên chế tại các DNNN, đặc biệt ở các doanh nghiệp vốn "ăn nên làm ra", xưa nay vẫn sống an toàn và được nhiều bổng lộc nhờ chế độ bao cấp. Tôi cho rằng, với nhận thức thống nhất về cơ cấu sở hữu và vai trò chủ đạo của DNNN như đã trình bày trên đây, việc cổ phần hóa một bộ phận DNNN không những không làm giảm mà còn phát huy vai trò chi phối của sở hữu nhà nước trên nhiều lĩnh vực, nhiều ngành và doanh nghiệp hơn so với hiện nay. Điều quan trọng là bằng con đường cổ phần hóa thực hiện một cách chủ động theo một quy hoạch đúng đắn về cơ cấu sở hữu, chúng ta sẽ làm cho một bộ phận đáng kể DNNN hiện nay tăng thêm sức sống nhờ thu hút thêm được nguồn lực, nguồn vốn của các thành phần kinh tế khác, của các chủ sở hữu khác trong và ngoài nước. Đó cũng là một giải pháp huy động vốn và giải phóng hơn nữa lực lượng sản xuất trong giai đoạn đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước ❑

Digitized by Google

CÁ NHÂN, PHÁP NHÂN, QUYỀN NHÂN THÂN

• **CÁ NHÂN**. Khái niệm về mặt *khoa học* được hiểu như là *chủ thể của các quan hệ và hành động có ý thức*. Về mặt *xã hội*, được hiểu như là *hệ thống các đặc tính bền vững của một xã hội, một cộng đồng trong đó cá nhân là thành viên*.

Mặc dù cá nhân được đề cập ở nhiều góc độ khác nhau (sinh hóa học, vật lý học, xã hội học...), nhưng có thể khẳng định rằng cá nhân chỉ xuất hiện khi bắt đầu có sự nhận thức và tự nhận thức. Cá nhân luôn là chủ thể nghiên cứu của triết học, tâm lý học và xã hội học...

Triết học Mác - Lê-nin cho rằng cá nhân là một tổng hòa các mối quan hệ xã hội. Từ đó có thể rút ra kết luận : các đặc tính vốn có của cá nhân không phải là bẩm sinh, mà xét cho cùng, do sự quy định của chế độ xã hội hình thành trong lịch sử. Cá nhân bao giờ cũng là sản phẩm của một chế độ xã hội nhất định. Dưới *chế độ xã hội chủ nghĩa*, mối quan hệ qua lại giữa cá nhân và xã hội có đặc trưng là sự kết hợp hài hòa giữa lợi ích cá nhân và lợi ích xã hội. Mác và Ăng-ghen cho rằng sự phát triển tự do của mỗi người là điều kiện cho sự phát triển tự do của mọi người.

Trong *tâm lý học*, cá nhân được xem như một con người riêng biệt với những đặc điểm riêng về tính cách, trí tuệ, tình cảm. Tính chất, khí chất, năng lực con người và cả những đặc điểm diễn biến của các quá trình tâm lý là thuộc về các đặc tính tâm lý của cá nhân. Trong khi các trạng thái tâm lý (cảm xúc, động cơ hành vi, v.v.) không ngừng thay đổi thì tư chất hay bộ mặt tâm lý của cá nhân có phần không thay đổi. Sự thay đổi về tư chất tâm lý của cá nhân là hậu quả của những thay đổi diễn ra trong đời sống con người, kết quả của quá trình giáo dục của xã hội. Cá nhân là một tổng thể gắn bó những nét bên trong và bên ngoài của con người, qua đó mọi tác động từ bên ngoài được phản ánh. Cái chủ quan cá nhân (cảm xúc, ý thức, nhu cầu), không tách rời với quan hệ khách quan giữa con người với hiện thực xung quanh.

Trong *luật học*, cá nhân là chủ thể của các quan hệ tài sản và nhân thân phi tài sản. Nhưng để tham gia vào các quan hệ pháp luật cụ thể, cá nhân phải có *năng lực pháp luật* và *năng lực hành vi*. Năng lực pháp luật của cá nhân có từ khi cá nhân đó sinh ra và chấm dứt khi chết. Năng lực hành vi của cá nhân là khả năng của cá nhân, bằng hành vi của mình, xác lập và thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình. Năng lực hành vi của cá nhân được chia thành năng lực hành vi của *người thành niên* và năng lực hành vi của *người chưa thành niên*.

• **PHÁP NHÂN**. Là một tổ chức được cơ quan nhà nước có thẩm quyền thành lập, cho phép thành lập, đăng ký hoặc công nhận ; có cơ cấu tổ chức chặt chẽ ; có tài sản độc lập với cá nhân và tổ chức khác ; tự chịu trách nhiệm bằng tài sản của mình ; nhân danh mình tham gia các quan hệ pháp luật một cách độc lập.

Từ thời La mã cổ đại đã có các tổ chức như phường hội, nhà thờ, xưởng thủ công..., là những tổ chức không có tài sản riêng, mà chỉ có tài sản chung do các thành viên đóng góp theo phần. Khi tổ chức bị tan rã, tài sản chung đó sẽ đem chia và trả lại cho các thành viên theo phần mà họ đã đóng góp. Trong các quan hệ pháp luật, các tổ chức này không thể tham gia như một chủ thể độc lập, vì vậy không có tư cách pháp nhân. Dưới *chế độ phong kiến*, do phân công lao động tiếp tục phát triển, các tổ chức nói trên hình thành ngày càng nhiều nhưng vẫn chưa có tư cách pháp nhân. Chỉ tới *chế độ tư bản*, do nhu cầu cạnh tranh, cần tham gia như một chủ thể độc lập vào các quan hệ dân sự và thương mại, các tổ chức kinh tế mới tìm cách củng cố địa vị của mình bằng phương tiện pháp lý. Cũng vì vậy, khái niệm "pháp nhân" dần hình thành ở thời kỳ này và được pháp luật công nhận là "chủ thể của luật dân sự, thương mại".

Pháp nhân có thể được thiết lập theo sáng kiến của cá nhân, của tổ chức kinh tế, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị-xã hội, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội-nghề nghiệp, quỹ từ thiện, hoặc theo quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền. Việc thiết lập phải tuân theo thủ tục do pháp luật quy định. Pháp nhân phải có tên gọi, có trụ sở, điều lệ và cơ quan điều hành. Pháp nhân có thể đặt văn phòng đại diện, chi nhánh ở nơi khác với nơi đặt trụ sở của pháp nhân. Nó có thể chia nhỏ, hợp nhất hoặc sáp nhập theo quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền, hoặc theo thỏa thuận của các thành viên trong tổ chức có tư cách pháp nhân đó.

Pháp nhân bao gồm các tổ chức sau :

a) *Các cơ quan nhà nước, đơn vị vũ trang*. Đây là các tổ chức được nhà nước giao tài sản để thực hiện chức năng quản lý nhà nước, hoạt động văn hóa, xã hội bằng kinh phí do ngân sách nhà nước cấp.

b) *Các tổ chức chính trị, tổ chức chính trị-xã hội*. Đây là các tổ chức tự quản lý, sử dụng, định đoạt tài sản thuộc sở hữu của mình nhằm thực hiện mục tiêu chính trị, xã hội theo điều lệ. Các tổ chức này chịu trách nhiệm dân sự bằng tài sản của mình, trừ tài sản mà theo quy định của pháp luật không được sử dụng để chịu trách nhiệm dân sự.

c) *Các tổ chức kinh tế*, bao gồm : doanh nghiệp nhà nước, hợp tác xã, công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty cổ phần, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài và các tổ chức kinh tế khác. Các tổ chức kinh tế này chịu trách nhiệm dân sự bằng tài sản của mình.

Digitized by Google

d) *Các tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp.* Đây là các tổ chức được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cho phép thành lập, chuẩn y điều lệ ; có hội viên là các cá nhân hoặc tổ chức tự nguyện đóng góp tài sản hoặc hội phí nhằm phục vụ nhu cầu chung của hội viên. Các tổ chức này chịu trách nhiệm dân sự bằng tài sản của mình. Khi thôi hoạt động thì tài sản được giải quyết theo quy định của pháp luật, chứ không chia cho các hội viên.

e) *Các quỹ xã hội, quỹ từ thiện.* Đây là các tổ chức được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cho phép thành lập, hoạt động vì mục đích khuyến khích phát triển văn hóa, khoa học, từ thiện và các mục đích xã hội nhân đạo khác, không vì mục đích thu lợi nhuận. Tài sản của quỹ được quản lý, sử dụng và định đoạt theo quy định của pháp luật và phù hợp với mục đích hoạt động của điều lệ.

• **QUYỀN NHÂN THÂN**. Là một trong hai nhóm quan hệ xã hội do luật dân sự điều chỉnh, có tính chất phi tài sản, không mang giá trị kinh tế, không chuyển dịch được từ chủ thể này sang chủ thể khác.

Quan hệ nhân thân có các loại :

a) Quan hệ về uy tín, danh dự, tên gọi của công dân và các tổ chức xã hội, tổ chức kinh tế, cơ quan nhà nước ..

b) Quan hệ về quyền tác giả đối với các tác phẩm chính trị-xã hội, văn hóa giáo dục, văn học nghệ thuật, khoa học-kỹ thuật.

c) Quan hệ về quyền tác giả đối với các sáng chế, giải pháp hữu ích, kiểu dáng công nghiệp.

Luật dân sự khôi phục danh dự, uy tín của công dân, của tổ chức khi bị xâm phạm ; còn luật hình sự thì trừng trị những người có hành vi xâm phạm quyền nhân thân của công dân và các tổ chức ❑

HỘI THẢO KHOA HỌC : "ĐỔI MỚI ĐỂ PHÁT HUY VAI TRÒ CHỦ ĐẠO CỦA DOANH NGHIỆP NHÀ NƯỚC"

Trong hai ngày 4 và 5 tháng 12 năm 1995, Ban kinh tế tỉnh ủy Thanh hóa tổ chức cuộc hội thảo khoa học : "*Đổi mới để phát huy vai trò chủ đạo của doanh nghiệp nhà nước ở tỉnh Thanh hóa*". Tới dự hội thảo có các đồng chí lãnh đạo tỉnh ủy và ủy ban nhân dân tỉnh, một số nhà khoa học công tác ở trung ương và địa phương, các nhà quản lý, các giám đốc trên địa bàn tỉnh.

Hội thảo đi sâu thảo luận ba vấn đề lớn : 1) Làm rõ thêm quan niệm về vai trò chủ đạo của doanh nghiệp nhà nước (DNNN) ; 2) Đánh giá thực trạng DNNN ở tỉnh Thanh hóa trong thời gian từ khi đổi mới nền kinh tế đến nay ; 3) Phương hướng đổi mới và phát triển DNNN trên địa bàn Thanh hóa.

Vấn đề thứ nhất : Làm rõ thêm quan niệm về vai trò chủ đạo của DNNN. Các đại biểu dự hội thảo đều thống nhất đánh giá DNNN có *vị trí, vai trò* làm nòng cốt trong sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, mở đường hỗ trợ cho các thành phần kinh tế phát triển ; bảo đảm việc cung ứng những hàng hóa, dịch vụ công cộng cần thiết ; làm công cụ để nhà nước điều tiết và hướng dẫn nền kinh tế, khắc phục khuyết tật của cơ chế thị trường, thực hiện chính sách xã hội.

Đa số các đại biểu đều nêu ý kiến cần phân biệt hai khái niệm *kinh tế quốc doanh* và *kinh tế nhà nước*. Có đại biểu còn cho rằng, sự phân biệt giữa kinh tế quốc doanh và kinh tế nhà nước sẽ giải tỏa được về tâm lý khi sắp xếp lại DNNN. *Kinh tế quốc doanh* chính là hệ thống các DNNN. *Kinh tế nhà nước* bao gồm nhiều hình thức như ngân sách nhà nước, dự trữ quốc gia, ngân hàng, kho bạc... cùng hệ thống DNNN. Các đại biểu nhấn mạnh vai trò chủ đạo của kinh tế nhà nước với nhiều hình thức chứ không phải duy nhất hệ thống DNNN.

Khi phân tích về kinh tế nhà nước ở Thanh hóa, có nhiều ý kiến cho rằng mỗi tỉnh đều nằm trong thể chế kinh tế thống nhất của toàn quốc, vấn đề chủ đạo của DNNN được xây dựng chủ yếu ở tầm vĩ mô của cả nước thông qua hệ thống luật pháp, chính sách được ban hành ở trung ương ; cấp tỉnh chủ yếu là tạo điều kiện thuận lợi để thực hiện thành công chính sách đó và doanh nghiệp nhà nước cấp tỉnh, chứ không phải (và không thể) thực hiện yêu cầu chủ đạo như doanh nghiệp nhà nước trung ương. Vì vậy không nên quan niệm nhất thiết mọi DNNN địa phương phải thực hiện vai trò chủ đạo.

Vấn đề thứ hai : Đánh giá thực trạng DNNN ở Thanh hóa trong thời gian từ khi đổi mới nền kinh tế đến nay. Các đại biểu nhất trí cho rằng : mặc dù số lượng DNNN giảm nhưng quy mô hoạt động vẫn tăng. Năm 1994, DNNN sáng tạo ra 30% GDP nhưng đóng góp 74% tổng thu ngân sách nhà nước của tỉnh. DNNN đã sáng tạo ra một bộ phận quan trọng hàng hóa cho nhu cầu thị trường, đáp ứng yêu cầu của nhà nước để bảo đảm các cân đối vĩ mô, cung ứng các dịch vụ công cộng cho xã hội. Đạt được các thành tựu trên là do các doanh nghiệp đã biết đổi mới công nghệ, nâng cao chất lượng sản phẩm, đáp ứng yêu cầu thị trường ; đội ngũ cán bộ quản lý năng động, sáng tạo, có năng lực và trình độ tổ chức kinh doanh, nhạy bén nắm bắt cái mới phù hợp với chuyển biến của kinh tế thị trường. Song các đại biểu cũng đồng tình với ý kiến cho rằng, phần lớn các DNNN hoạt động có hiệu quả là các doanh nghiệp được nhà nước đầu tư vốn lớn, ở những ngành có lợi thế khai thác nguồn tài nguyên thiên nhiên và độc quyền về thị trường tiêu thụ.

Digitized by Google

Về những hạn chế và tồn tại của DNNN, các đại biểu chỉ rõ : DNNN nhiều về số lượng nhưng lại nhỏ về quy mô, còn có sự dàn trải không cần thiết, vượt quá khả năng nguồn lực của Nhà nước hiện có ; việc sắp xếp các DNNN trong những năm qua chưa khắc phục được các nhược điểm về cơ cấu. Ở Thanh hóa có gần 43% số doanh nghiệp đã đăng ký lại vẫn bị thua lỗ ; tình trạng thiếu vốn của các DNNN là phổ biến và trầm trọng ; trình độ công nghệ lạc hậu ; hiệu quả kinh tế thấp, mức sinh lợi của đồng vốn thấp, doanh nghiệp do địa phương quản lý còn thấp hơn ; năng suất lao động trong hệ thống DNNN rất thấp.

Nguyên nhân của những hạn chế tồn tại trên có nhiều, song đa số các đại biểu cho rằng : *Thứ nhất*, nhận thức về DNNN và vai trò chủ đạo của nó còn chưa đầy đủ và có phần thiếu nhất quán ; vừa có biểu hiện muốn duy trì tràn lan, thiếu cân nhắc kỹ hiệu quả kinh tế - xã hội, vừa có tư tưởng coi nhẹ kinh tế nhà nước, muốn tư hữu hóa toàn bộ tư liệu sản xuất để đi theo con đường tư bản chủ nghĩa. *Thứ hai*, quản lý nhà nước đối với doanh nghiệp nói chung và DNNN nói riêng đang có những bất cập. Luật lệ, chính sách của nhà nước ban hành chưa đầy đủ và thiếu đồng bộ, buông lỏng sự quản lý, để sơ hở gây thất thoát vốn liếng và tài sản công, đồng thời lại vừa gò bó và can thiệp quá sâu vào hoạt động kinh doanh, cản trở việc phát huy quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm của doanh nghiệp. *Thứ ba*, trình độ tổ chức quản lý, trình độ nghiệp vụ kinh doanh của cán bộ quản lý chưa tương xứng với yêu cầu đổi mới doanh nghiệp, thiếu sự năng động sáng tạo để thích ứng nhanh nhạy với thị trường. Tinh thần làm chủ sản xuất kinh doanh của người lao động trong các doanh nghiệp nhà nước là vấn đề cần có biện pháp giải quyết.

Vấn đề thứ ba : Phương hướng đổi mới và phát triển DNNN trên địa bàn tỉnh Thanh hóa. Các đại biểu đều thống nhất cho rằng tư tưởng chỉ đạo trong sắp xếp các DNNN là : sắp xếp DNNN phải luôn luôn gắn với xây dựng, củng cố các DNNN ; sắp xếp lại DNNN không phải là làm cho kinh tế quốc doanh yếu đi mà phải làm cho nó mạnh lên, giữ vai trò nòng cốt, hướng dẫn và nêu gương. Trên cơ sở nhận thức đó, các đại biểu đã có nhiều ý kiến đóng góp cụ thể. Tập trung lại có ba hướng cơ bản sau :

1) *Phân loại để xác định các DNNN cần củng cố và phát triển.* Hầu hết các ý kiến cho rằng số lượng DNNN hiện nay trên địa bàn tỉnh là quá nhiều, cần phân loại các doanh nghiệp để giữ lại các doanh nghiệp *thực sự cần thiết*. Đó là các doanh nghiệp trong các ngành kinh tế then chốt ; các doanh nghiệp mà sản phẩm phục vụ cho nhu cầu công ích, các thành phần kinh tế khác chưa thể làm hoặc không muốn làm ; những doanh nghiệp đang sản xuất kinh doanh đạt hiệu quả cao, tạo ra nguồn thu lớn và ổn định cho ngân sách, tạo nhiều việc làm với thu nhập cao cho người lao động.

2) *Xử lý kiên quyết, dứt điểm các đơn vị không cần thiết hoặc không đủ điều kiện duy trì hình thức DNNN.* Cụ thể là cần có biện pháp cho giải thể, nhượng bán hoặc thanh lý tài sản của các đơn vị thua lỗ kéo dài ; chuyển đổi hình thức sở hữu như cổ phần hóa ; sáp nhập để tập trung vốn cho các DNNN cần thiết.

3) *Đổi mới cơ chế quản lý để phát huy vai trò chủ đạo của DNNN.* Đồng thời với việc sắp xếp lại khu vực DNNN, cần đổi mới mạnh mẽ cơ chế quản lý nhằm tháo gỡ khó khăn vướng mắc, tạo môi trường pháp lý và kinh tế thuận lợi cho DNNN liên tục phát triển. Đó là hình thành phương án tổng thể về sắp xếp lại và phát triển khu vực DNNN ; cải tiến các chính sách tài chính, tín dụng đối với các DNNN ; đào tạo và bồi dưỡng đội ngũ cán bộ quản lý ; tăng cường sự lãnh đạo của Đảng, phát huy quyền làm chủ của người lao động trong các DNNN.

NGUYỄN VŨ BÌNH
thực hiện

QUẢNG CÁO

BM PLASTCO
BÌNH MINH

CÔNG TY NHỰA BÌNH MINH
BINHMINH PLASTICS CO. (BMPLASTCO)
- ỐNG VÀ PHỤ TÙNG CÁC LOẠI
- BÌNH PHUN THUỐC TRỪ SÂU
- NÓN BẢO HỘ LAO ĐỘNG
- SẢN PHẨM NHỰA KỸ THUẬT

309 NGUYỄN ĐÌNH CHI (HẺM 97 MINH PHỤNG) PHƯỜNG 9, QUẬN 6, TP. HCM - ĐT : 559873 - 554524 FAX : 84.8 - 558814

Digitized by Google

CÔNG TY VẬT TƯ VÀ DỊCH VỤ KỸ THUẬT - TP HỒ CHÍ MINH

MATIMEX COMPANY

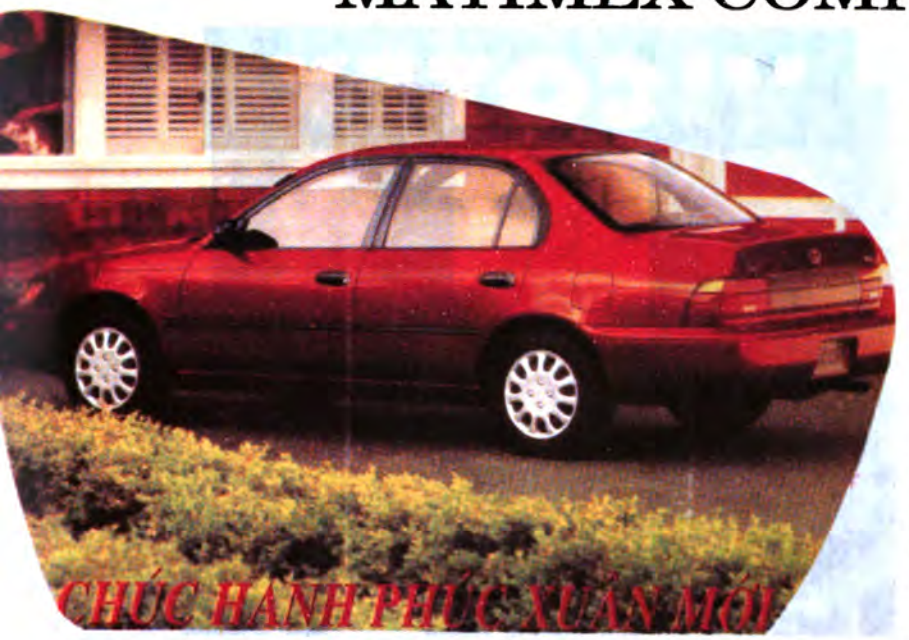

"Trong những nỗ lực của lãnh đạo CTy và các chuyên viên nghiệp vụ, mọi ngân sách và các chế độ nhà nước, CTy thực hiện nghiêm chỉnh. Là 1 doanh nghiệp năng động, CTy giữ được uy tín cao với các thị trường trong và ngoài nước, thể hiện ở các mặt hàng chất lượng, ở thời gian giao nhận và thực hiện hợp đồng, kể cả những thị trường mới. Các bên đối tác đánh giá cao trách nhiệm và uy tín của Matimex . Trong các hoạt động XNK trực tiếp và các dịch vụ vật tư, kĩ thuật rất cần thiết hiện nay..."

I. TRỤ SỞ CHÍNH :
Số 49-57 Đông Du. Quận 1, TP Hồ Chí Minh
Điện thoại : 299193 - 299195 - 222044
Fax : 84-8-223082
Telex : 813139 MATIM.VT

II. TÀI KHOẢN :
- Tiền Việt Nam : 012.A.01621/15 Ngân hàng Công Thương Việt N TP. Hồ Chí Minh.
- Ngoại tệ : 362.111.37.0.1707 Ngân Hàng Ngoại Thương TP.HCM

III. NGÀNH NGHỀ SẢN XUẤT KINH DOANH :
- Xuất nhập khẩu trực tiếp và kinh doanh vật tư, thiết bị, phụ tùng loại tư liệu sản xuất, tư liệu tiêu dùng.
- Tư liệu sản xuất : các loại vật tư kỹ thuật.
- Tư liệu tiêu dùng : các loại xe máy, hàng điện máy.
- Sửa chữa, lắp ráp các loại xe, máy và làm các dịch vụ kỹ thuật kh
- Liên doanh, liên kết với các tổ chức kinh tế và cá nhân trong, ng nước về mọi lĩnh vực kinh doanh sản xuất.

IV. CÁC ĐƠN VỊ TRỰC THUỘC :
1. Cửa hàng số 1 : 49-57 Đông Du. Q.1, TP.HCM
   Điện thoại : 298136
2. Cửa hàng số 2 : 48-50 Đồng Khởi. Q.1, TP.HCM
   Điện thoại : 223904
3. Cửa hàng số 3 : 26 Đồng Khởi. Q.1, TP.HCM
   Điện thoại : 295813
4. Cửa hàng số 4 : 239 Xô Viết Nghệ Tĩnh, Q.Bình Thạnh, TP.HCM
   Điện thoại : 993383
5. Cửa hàng số 5 . 02 Đường 3/2. Q.10, TP.HCM
   Điện thoại : 659658
6. Cửa hàng số 6 : 108 A Đường 3/2. Q10, TP.HCM
   Điện thoại : 653414
7. Cửa hàng số 7 : 32 Ký Con. Q.1, TP.HCM
   Điện thoại : 294923
8. Xí nghiệp 3-4 : 87 Ngô Tất Tố. Q.Bình Thạnh, TP.HCM
   Điện thoại : 995837
9. Xí nghiệp Phú Lâm : 66 An Dương Vương. H.Bình Chánh. TP.HCM
   Điện thoại : 750074
10. Kho Phú Lâm : 66 An Dương Vương. H Bình Chánh. TP. HCM
    Điện thoại : 750074
11. Kho 232 : 232 Nguyễn Tất Thành. Q.4, TP. HCM
    Điện thoại : 725652

* **Giám đốc :** *Nữ cử nhân kinh tế* **NGUYỄN THỊ LỆ CHÂU**

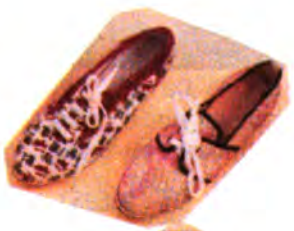

Bita's
BINH TAN PTE.,LTD.
22 ĐƯỜNG ÂU CƠ
PHƯỜNG 17
Q. TÂN BÌNH
TP. HỒ CHÍ MINH

Tel : 641082 444173
Fax : 84.8.642803

"Doanh nghiệp có hơn 700 CN thành thạo và gắn bó. Sản phẩm của Bita's được chấp nhận và uy tín cao ở các thị trường. Gần hai triệu sản phẩm của năm 95' là 1 chứng minh cho cố gắng của lãnh đạo và cán bộ ở đây - Nhất là trong khó khăn về vốn đầu tư, mặt bằng nhà xưởng và sức ép của hàng ngoại nhập..."

Digitized by Google

CÔNG TY DỆT VIỆT THẮNG

VIGOTEX

CHUYÊN SẢN XUẤT VÀ KINH DOANH

* Sợi các loại (4000 tấn/năm)
* Vải mộc và thành phẩm (30 triệu mét/năm)
* Hàng may mặc xuất khẩu (3 triệu SP/năm)

• Đặc biệt công ty hiện đang có bán các sản phẩm mới, cao cấp sau đây tại thị trường nội địa :

- Vải KT SILK, TACRON, KT XỐP, GABARDIN NHUNG, KT XỐP NHUNG. Với tất cả các loại màu sắc và mẫu hoa được in trên máy in lưới quay hiện đại của Nhật Bản.
- Các loại vải COTTON, T/C nhuộm màu và dệt sợi màu (Ghingham, Chambray...) để may hàng xuất khẩu.
- Từ tháng 1/1995 Công ty có hợp tác sản xuất KHĂN TRẢI BÀN CAO CẤP CHỐNG BẨN (không dính cà phê, nước mắm) bằng nguyên liệu 100% cotton dưới nhãn hiệu TEFLON của Công ty DUPONT (Mỹ)

XIN LIÊN LẠC :

+ Văn phòng ĐT : 966953
+ Giao dịch TP.HCM : P.XNK ĐT : 291120
+ Cửa hàng giới thiệu sản phẩm & giao dịch 60 Hàng Trống, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội. ĐT : 0142.46105
+ Cửa hàng 922 Nguyễn Trãi ĐT : 551182
+ Cửa hàng số 10 cư xá Đồng Khánh ĐT : 563968
+ Cửa hàng : G6. C2 Chợ Tân Bình
+ Cửa hàng 116 Đỗ Ngọc Thạch, Quận 5
+ Cửa hàng 36 Phan Bội Châu, Quận 1

Rất hân hạnh được phục vụ Quý khách hàng.

Digitized by Google

XÍ NGHIỆP DƯỢC PHẨM TRUNG ƯƠNG 2

CENTRAL PHARMACEUTICAL FACTORY Nº2

DOPHARMA

Giám đốc : LÊ NGỌC PHAN

PTS Dược khoa

Thiết bị sản xuất thuốc

Xí nghiệp dược phẩm TW2, Bộ Y Tế được thành lập từ năm 1960 (tên giao dịch là DOPHARMA) là một trong những đơn vị đầu ngành của Liên hiệp các Xí nghiệp dược Việt Nam. Hiện nay Xí nghiệp có 550 cán bộ công nhân viên, trong đó có hơn 100 chuyên viên kỹ thuật bao gồm Phó Tiến sỹ, Dược sỹ, Kỹ sư, Kỹ thuật viên và được trang bị những máy móc thiết bị hiện đại để sản xuất các loại thuốc có chất lượng cao.

Xí nghiệp chuyên sản xuất các loại thuốc tiêm, dịch truyền, thuốc viên, thuốc tra mắt, thuốc nhỏ mũi, các loại thuốc Mỡ, Cao xoa, Xiro, Rượu thuốc phục vụ trong nước và xuất khẩu.

Trên 80 chủng loại thuốc được lưu hành trong cả nước và được người tiêu dùng ưa chuộng. Trong đó :

1- Thuốc Tiêm : 100 triệu ống một năm bao gồm thuốc chữa bệnh và các Vitamin.

2- Dịch truyền : 150.000 ống 250ml gồm thanh huyết mặn đẳng trương, Glucoza đẳng trương và ưu trương.

3- Thuốc Viên : 1500 triệu viên một năm dưới dạng viên nén, viên bao, viên nhộng chủ yếu là Vitamin, thuốc kháng sinh và các biệt dược điều trị các bệnh chuyên khoa.

4) Các hoạt chất hóa thực vật và bán tổng hợp : Vinblastin, Rutin, Artemisinin, Palmatin, Becberin, Strycnin, Codein, Tetrahydropalmatin chiết xuất từ cây thuốc và bán tổng hợp, dùng làm nguyên liệu sản xuất thuốc.

CALMEZIN :

Thành phần : Paracetamol 300mg
Chlopheniramin 3 mg

Là loại thuốc viên chữa cảm sốt, chống dị ứng, mẩn ngứa, làm giảm xuất tiết nước mắt, nước mũi trong cảm cúm.

Trình bày : Viên nén hoặc viên nang ép vỉ.

COĐERIN :

Thành phần : Codein phosphat 10mg
Ephedrin Hydrochlorid 10mg
Chlopheniramin Maleat 2 mg

Là loại thuốc viên dùng để chữa các bệnh ho và hen khác nhau như ho do viêm phế quản có tiết đờm, do viêm họng, viêm phổi, viêm thanh quản và trong các trường hợp ho gà, ho do dị ứng. Do có tác dụng dãn phế quản, giảm tiết, giảm viêm đường hô hấp, giúp cho người bệnh dễ thở nên có tác dụng chữa hen tốt.

Trình bày : viên nén ép vỉ.

Digitized by Google

VIBEX

VIBEX XÍ NGHIỆP LIÊN HỢP BÊ TÔNG XÂY DỰNG HÀ NỘI

ĐỊA CHỈ LIÊN HỆ :

- 132 PHỐ ĐỨC CHÍNH - BA ĐÌNH - HÀ NỘI
  TELEX : 293386 - 294021
- ĐÔNG NGẠC - TỪ LIÊM - HÀ NỘI
  TELEX : 3.43390 - 361997 - 361998
  FAX : 84.43.44283

Sản phẩm đạt chất lượng quốc tế :

* Cột điện ly tâm, ống cấp nước bê tông... các loại
* Sản xuất và cung cấp bê tông tươi đến chân công trình
* Chuyển giao công nghệ tiên tiến sản xuất các sản phẩm bê tông
* Thực hiện tư vấn đầu tư và thi công xây dựng công trình công nghiệp và dân dụng

Ảnh 1 - BÙI VĂN NOÃN - Tổng Giám đốc VIBEX
Ảnh 2 - Nhà máy bê tông Chèm thuộc VIBEX

VIBEX đã có mối liên hệ hợp tác với nhiều doanh nghiệp trong và ngoài nước như Pháp, Singapo, Hồng kông, Nhật bản v.v..

VIBEX RẤT HÂN HẠNH ĐƯỢC ĐÓN TIẾP MỌI QUÝ KHÁCH

IN TẠI NHÀ IN TẠP CHÍ CỘNG SẢN CHỈ SỐ 12651-ISSN 0866-7276 GIÁ : 3000Đ

Digitized by Google

H63
v. 1996
no. 3
MAIN

Tạp chí Cộng sản

3

2-1996

The Library - UC Berkeley
Received on: 04-09-96
Tap chi cong san : C quan ly luan va chinh tri ca dang cong san Viet-Nam

Digitized by Google

Lời Chủ tịch Hồ Chí Minh

*** "Với tất cả tinh thần khiêm tốn của người cách mạng, chúng ta vẫn có quyền nói rằng : *Đảng ta thật là vĩ đại !...***

***Đảng ta vĩ đại thật.* Từ ngày bị đế quốc Pháp xâm chiếm, nước ta là một xứ thuộc địa, dân ta là vong quốc nô, Tổ quốc ta bị dày xéo dưới gót sắt của kẻ thù hung ác. Trong mấy mươi năm khi chưa có Đảng, tình hình đen tối như không có đường ra.**

Từ ngày mới ra đời, Đảng ta liền giương cao ngọn cờ cách mạng, đoàn kết và lãnh đạo toàn dân ta tiến lên đấu tranh giải phóng dân tộc, giải phóng giai cấp. Màu cờ đỏ của Đảng chói lọi như mặt trời mới mọc, xé tan cái màu đen tối, soi đường dẫn lối cho nhân dân ta vững bước tiến lên con đường thắng lợi trong cuộc cách mạng phản đế, phản phong...

***Đảng ta vĩ đại,* vì ngoài lợi ích của giai cấp, của nhân dân, của dân tộc, Đảng ta không có lợi ích gì khác".**

(Trích bài nói tại lễ kỷ niệm 30 năm ngày thành lập Đảng)

*** "Đảng ta có thể tự hào là người kế tục những truyền thống vẻ vang của dân tộc ta, là người mở đường cho nhân dân ta tiến lên một tương lai rực rỡ...**

Thành công của Đảng ta là ở nơi Đảng ta đã tổ chức và phát huy lực lượng cách mạng vô tận của nhân dân, đã lãnh đạo nhân dân phấn đấu dưới lá cờ tất thắng của chủ nghĩa Mác - Lê-nin."

(Trích Diễn văn khai mạc Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ III của Đảng)

MỪNG ĐẢNG, MỪNG XUÂN, ĐẨY MẠNH PHONG TRÀO THI ĐUA HƯỚNG TỚI ĐẠI HỘI VIII CỦA ĐẢNG !

Digitized by Google

Tạp chí Cộng sản

CƠ QUAN LÝ LUẬN VÀ CHÍNH TRỊ CỦA
TRUNG ƯƠNG ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

Số 489 — THÁNG RA HAI KỲ

BỘ BIÊN TẬP : *1 Nguyễn Thượng Hiền, Hà nội - Dây nói : 252061 - 252062*
Cơ quan thường trú tại miền Nam : *19 Phạm Ngọc Thạch, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh - Dây nói : 225768*

MỤC LỤC

XÃ LUẬN - Đảng ta 3
*** Di sản vô giá của một học thuyết đầy sức sống 7
NGUYỄN THỊ BÌNH - Phát triển nhanh để đưa đất nước tiến lên chủ nghĩa xã hội 16
Y NGÔNG NIÊ KĐĂM - Thực hiện tốt hơn nữa chính sách dân tộc của Đảng 19
NGUYỄN THỊ HẰNG - Tệ nạn xã hội - nỗi lo không của riêng ai 22

TIẾN TỚI ĐẠI HỘI ĐẠI BIỂU TOÀN QUỐC LẦN THỨ VIII CỦA ĐẢNG

LÊ VĂN TOÀN - Tổng quan nền kinh tế Việt nam qua 10 năm đổi mới 26
NGUYỄN PHÚ TRỌNG - Hiểu thế nào về bản chất của Đảng ta ? 31
NGUYỄN QUANG DU - Tăng cường bản chất giai cấp công nhân và tính tiên phong của Đảng 36
XUÂN HẢI - Mối quan hệ giữa đổi mới, chỉnh đốn và tăng cường bản chất giai cấp công nhân của Đảng 39

THỰC TIỄN - KINH NGHIỆM

ĐỖ PHƯỢNG - Báo chí Việt nam trong dòng chảy xã hội 42
NGUYỄN THỊ MINH - Tây ninh : 5 năm khởi sắc 46

NGHIÊN CỨU - TRAO ĐỔI

TRẦN ĐỨC - Các loại hình kinh tế hợp tác trong nông thôn 51
TỪ SƠN - Nhìn lại và suy ngẫm về hoạt động văn hóa, văn nghệ hiện nay 53

THƯ GỬI BỘ BIÊN TẬP

NGUYỄN ĐỨC - Bức thư ngỏ đầu xuân 57

THẾ GIỚI : VẤN ĐỀ, SỰ KIỆN

LÊ TỊNH - Về mục tiêu của Trung quốc tới năm 2000 và 2010 58

TÌM HIỂU KHÁI NIỆM

Quy chế tối huệ quốc. Chế độ ưu đãi thuế quan phổ cập 61

Bìa 1 : *Đón xuân mừng Đảng* — ***Tranh : VƯƠNG KIM CHI***

Digitized by Google

СОДЕРЖАНИЕ

ПЕРЕДОВАЯ - Наша партия. *** Бесценное наследство жизнеспособной теории. НГУЕН ТХИ БИНЬ - Ускоренное развитие - основа продвижения страны к социализму. Й НГОНГ НЬЕ КДАМ - Лучше реализовать политику национальностей партии. НГУЕН ТХИ ХАНГ - Социальные болезни - забота всех. ЛЕ ВАН ТОАН - Обзор вьетнамской экономики за 10 лет обновления. НГУЕН ФУ ЧОНГ - Как понять сущность нашей партии? НГУЕН КУАНГ ЗУ - Приумножать присущие рабочему классу свойства и повышать передовую роль партии. СУАН ХАЙ - Отношение между обновлением, перестановкой и развитием рабочего характера в партии. ДО ФЫОНГ - Вьетнамская пресса в течении общественной жизни. НГУЕН ТХИ МИНЬ - Провинция Тайнинь - 5 лет нового подъема. ЧАН ДЫК - Типы экономической кооперации в деревне. ТЫ ШОН - Обозрение и размышление над современной культурой и искусством. ЛЕ ТИНЬ - О целях Китая к 2000 и 2010 годам

CONTENTS

EDITORIAL - Our Party. *** - Priceless heritage of a doctrine full of vitality. NGUYỄN THỊ BÌNH - Rapid development for our country to advance to the socialism. Y NGHÔNG NIÊ KĐĂM - For a better implementation of the Party's policy on ethnic issues. NGUYỄN THỊ HẰNG - Social evils - not a worry of someone special. LÊ VĂN TOÀN - Panorama of Vietnamese economy after 10 years of renovation. NGUYỄN PHÚ TRỌNG - How to understand the nature of our Party ? NGUYỄN QUANG DU - Promoting the essential characteristics of the working class and enhancing the advancing position of the Party. XUÂN HẢI - The relationship between the renovation, the Party's rectification and the promotion of the essence of the working class. ĐỖ PHƯỢNG - The Vietnamese Press in the social currents. NGUYỄN THỊ MINH - Tây Ninh - 5 years of its flourishing. TRẦN ĐỨC - About the forms of economic cooperation in the countryside. TỪ SƠN - A retrospection and reflection on current activities in the fields of culture, literature and arts. LÊ TỊNH - The targets of China by the year 2000 and 2010.

SOMMAIRE

EDITORIAL - Notre Parti. *** Héritage inestimable d'une théorie pleine de vitalité. NGUYỄN THỊ BÌNH - Un rapide développement pour faire avancer le pays vers le socialisme. Y NGÔNG NIÊ KĐĂM - Réalisons mieux la politique du Parti à l'égard des nationalités. NGUYỄN THỊ HẰNG - Des fléaux sociaux - notre souci commun. LÊ VĂN TOÀN - Un regard rétrospectif sur l'économie du Vietnam à travers 10 ans de renouveau. NGUYỄN PHÚ TRỌNG - Comment comprendre la nature de notre Parti ? NGUYỄN QUANG DU - Renforçons la nature de classe ouvrière et le caractère avant-gardiste du Parti. XUÂN HẢI - Sur la relation entre le renouveau, la rectification du Parti et le renforcement de sa nature de classe ouvrière. ĐỖ PHƯỢNG - La presse du Vietnam dans les courants sociaux. NGUYỄN THỊ MINH - Tây Ninh : 5 ans de relance. TRẦN ĐỨC - Sur les formes de coopération économique à la campagne. TỪ SƠN - Un regard rétrospectif et des réflexions sur les activités culturelles, littéraires et artistiques à l'heure actuelle. LÊ TỊNH - Sur les objectifs de la Chine jusqu'à l'an 2000 et l'an 2010.

SUMARIO

EDITORIAL - Nuestro Partido. *** La herencia sin valor de una vivida doctrina. NGUYỄN THỊ BÌNH - Por un rápido desarrollo para llevar el país hacial el socialismo. Y NGÔNG NIÊ KĐĂM - Ha de observar mejor la política de nacionalidades del Partido. NGUYỄN THỊ HẰNG - Los vicios sociales - una preocupación de todos. LÊ VĂN TOÀN - El panorama de la economía vietnamita trás 10 años de la renovación. NGUYỄN PHÚ TRỌNG - ¿Cómo se entiende de la naturaleza de nuestro Partido ? NGUYỄN QUANG DU - Consolidar la naturaleza de la clase obrera y el carácter de vanguardial del Partido. XUÂN HẢI - La Relación entre la renovación y el perfeccionamiento y consolidación de la naturaleza de la clase obrera del Partido. ĐỖ PHƯỢNG - La prensa vietnamita en la corriente de la sociedad. NGUYỄN THỊ MINH - Provincia de Tay Ninh : cinco años del florecimiento. TRẦN ĐỨC - Las formas economicas de cooperacion en el campo. TỪ SƠN - Una mirada retrospectiva y reflexiones sobre las actividades culturales y artisticas y la actualidad. LÊ TỊNH - El objeto de China para el año 2000 y 2010.

目錄

●社論：《一個充滿生命活力學說的無限寶貴的遺產 ——越南共產黨》● 阮氏平：《不斷迅速發展，使我國邁進社會主義》● 依儂尼哥：《更好地實現黨的民族政策》●阮氏姮：《社會弊病，不僅只是誰的憂慮》● 黎文全：《越南經濟革新10年總覽》● 阮富仲：《應如何了解我黨的本質》● 阮光游：《加強工人階級的本質及黨的先鋒作用》● 杜鳳：《在社會潮流中的越南新聞報刊、雜誌》● 阮氏明：《西寧五年來已有起色》● 陳德：《農村中各類型經濟合作模式》● 徐山：《回顧及對文化、文藝活動現狀的思考》● 黎進：《有關中國2000年至2010年的目標》

Digitized by Google

XÃ LUẬN

ĐẢNG TA

1 - Ngày 3-2-1930 đi vào lịch sử Đảng ta và đất nước ta như một mốc son chói lọi, đánh dấu bước ngoặt vĩ đại trên con đường giải phóng dân tộc, giải phóng giai cấp công nhân và nhân dân lao động vì mục tiêu độc lập, tự do, dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng và văn minh.

Đảng ta ra đời là hiện tượng hợp quy luật, phản ánh điều kiện khách quan và chủ quan đã chín muồi trong dòng vận động của lịch sử dân tộc cũng như trào lưu chung của cách mạng thế giới. Sự lãnh đạo của Đảng đối với xã hội là một tất yếu khách quan. Không phải ngẫu nhiên mà lịch sử trao cho Đảng ta sứ mệnh thiêng liêng đó.

Trước năm 1930, ở Việt nam đã có nhiều đảng và phong trào ra đời và đã từng thử nghiệm vai trò là lãnh tụ của quần chúng. Các tổ chức này và lãnh tụ của họ không thiếu gì đức tính dũng cảm, hy sinh quên mình, nhưng do có những hạn chế về thế giới quan và hệ tư tưởng nên rút cuộc bị thất bại và tan rã.

Từ năm 1930 trở đi, trên vũ đài chính trị nước ta cũng xuất hiện một số đảng phái khác (như Việt quốc, Việt cách, Đại việt...) song những đảng này đã phản bội lại lợi ích dân tộc, cam tâm làm tay sai cho đế quốc thống trị nước ta.

*Theo chủ trương tập hợp rộng rãi các tầng lớp nhân dân để làm cách mạng của Đảng ta, **Đảng dân chủ** và **Đảng xã hội** cũng đã được thành lập, nhưng đều đứng trong hàng ngũ Mặt trận yêu nước và đều tự nguyện thừa nhận sự lãnh đạo của Đảng cộng sản.*

Như vậy, khác với tình hình nhiều nước trên thế giới, ở nước ta ngay từ khi mới ra đời, Đảng cộng sản đã là người duy nhất lãnh đạo cách mạng. Đó hoàn toàn không phải là sự áp đặt chủ quan ý muốn của Đảng mà là sự giao phó của lịch sử thông qua quá trình sàng lọc hết sức nghiêm khắc. Nhân dân ta bằng sự thể nghiệm xương máu của mình đã có dịp đối chiếu, so sánh các cương lĩnh và hoạt động của các đảng, các phong trào để rồi cuối cùng "chọn mặt gửi vàng", thừa nhận Đảng cộng sản là đội tiên phong chân chính và duy nhất của họ.

Có được điều đó là vì ngoài lợi ích của giai cấp công nhân, nhân dân lao động và dân tộc, Đảng ta không có lợi ích nào khác. Có được điều đó còn là do Đảng ta đã biết kết hợp nhuần nhuyễn tính giai cấp và tính nhân dân trong việc hoạch định đường lối, chính sách và trong tổ chức chỉ đạo thực hiện. Nhờ thế mà Đảng đã phát huy được sức mạnh to lớn của nhân dân để làm nên những chiến công hiển hách. Chỉ có Đảng ta - đảng do Chủ tịch Hồ Chí Minh sáng lập và rèn luyện, đội tiên phong chiến đấu dày dạn kinh nghiệm của giai cấp công nhân, nhân dân lao động và của cả dân tộc, được vũ trang bằng chủ nghĩa Mác - Lê-nin, tư tưởng Hồ Chí Minh và những truyền thống tốt đẹp của dân tộc, tập hợp trong đội ngũ của mình hàng triệu người con ưu tú của dân tộc, gắn bó với nhân dân - là lực lượng duy nhất có khả năng lãnh đạo nhân dân hoàn thành cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân triệt để và từng bước vững chắc đi lên chủ nghĩa xã hội.

Digitized by Google

Chủ tịch Hồ Chí Minh khai mạc Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ III của Đảng (5-9-1960)

Ngoài Đảng cộng sản, ở Việt nam không có một đảng của giai cấp hoặc tầng lớp nao khác có thể đảm đương nổi vai trò đó.

Lịch sử 66 năm qua đã như vậy, hiện nay đang như vậy và sau này vẫn sẽ là như vậy.

2 - Nắm vững tình hình thực tế và những quy luật khách quan đang vận động trong hiện tại, dự báo chính xác những diễn biến của nó trong tương lai là vấn đề cực kỳ khó. Song Đảng ta cơ bản đã làm được. Trải qua tiến trình hơn sáu thập kỷ hoạt động và lãnh đạo cách mạng, ở những thời điểm quan trọng quyết định, Đảng đã đề ra được đường lối, chủ trương đúng đắn và sáng tạo, dự báo được những tình huống sẽ xảy ra để từ đó chuẩn bị những tiền đề cần thiết cho việc xử lý tình huống đó. Chẳng hạn :

Cuối những năm 30, đầu những năm 40 của thế kỷ này, bằng sự phân tích chính xác tình hình kinh tế, chính trị, xã hội trong nước và cục diện thế giới, Đảng ta khẳng định: những thời cơ thuận lợi cho một cuộc tổng khởi nghĩa đã tới gần và thành công của cách mạng là điều chắc chắn. Cách mạng Tháng Tám năm 1945 đã chứng minh điều đó.

Khi chính quyền dân chủ nhân dân non trẻ vừa mới được thành lập, còn phải đương đầu với biết bao khó khăn thử thách, thực dân Pháp trở lại gây chiến tranh, lực lượng quân sự chênh lệch quá lớn và hoàn toàn bất lợi cho ta, nhưng do nắm vững quy luật khách quan, hiểu rõ ý chí và nguyện vọng của nhân dân, Đảng ta đã vạch ra được đường lối kháng chiến đúng đắn là : toàn dân, toàn diện, trường kỳ kháng chiến ; và không hề

Digitized by Google

chủ quan, Đảng ta đã khẳng định : "ta nhất định thắng, địch nhất định thua", "kháng chiến nhất định thắng lợi". Chiến thắng lịch sử Điện biên phủ (năm 1954) đánh sập chủ nghĩa thực dân cũ của Pháp là minh chứng hùng hồn cho điều đó.

Ngay sau khi hiệp định Giơ-ne-vơ được ký kết, đế quốc Mỹ đã hất cẳng Pháp, nhảy vào miền Nam nước ta, hòng biến miền Nam thành một thuộc địa kiểu mới. Dưới ách thống trị của đế quốc Mỹ và bè lũ tay sai, miền Nam thật sự biến thành địa ngục. Xuất phát từ tình hình thực tế ở cả hai miền Bắc và Nam, Đảng ta đã chủ trương : Tiến hành cải tạo và xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc, làm cho miền Bắc trở thành hậu phương vững chắc của cách mạng miền Nam ; kết hợp đấu tranh quân sự, chính trị với đấu tranh ngoại giao để tạo nên sức mạnh tổng hợp. Với đường lối cách mạng đúng đắn, khoa học của Đảng, chúng ta đã làm phá sản chiến lược Ai-xen-hao trong những năm 1954-1960; đánh bại "chiến tranh đặc biệt" của Mỹ trong những năm 1960-1963 và "chiến tranh cục bộ" trong những năm 1965-1968 ; làm thất bại hoàn toàn "học thuyết Ních-xơn" trong những năm 1969-1973 ; đánh bại âm mưu lấn chiếm vùng giải phóng của Mỹ và bè lũ tay sai trong những năm 1973-1975 ; cuối cùng làm cuộc tổng tiến công "thần tốc, táo bạo, bất ngờ" mùa xuân 1975, giải phóng hoàn toàn miền Nam thống nhất Tổ quốc.

3 - Ngày nay, trong công cuộc đổi mới, dưới sự lãnh đạo của Đảng, chúng ta đã đạt được những thành tựu to lớn và có ý nghĩa quan trọng như : Đẩy nhanh nhịp độ phát triển kinh tế - xã hội, lần đầu tiên hoàn thành vượt mức nhiều mục tiêu chủ yếu của kế hoạch 5 năm ; tạo ra được một số chuyển biến tốt về mặt xã hội ; tiếp tục giữ vững ổn định chính trị, củng cố quốc phòng, an ninh ; thực hiện có kết quả nhiều đổi mới quan trọng về hệ thống chính trị ; phát triển mạnh mẽ quan hệ đối ngoại, phá thế bị bao vây, cô lập, tham gia tích cực vào đời sống của cộng đồng quốc tế... Đến nay, tuy còn không ít khuyết điểm, yếu kém, và có một số mặt chưa được củng cố vững chắc, chúng ta vẫn có thể nói nước ta đã ra khỏi khủng hoảng kinh tế - xã hội, bước sang một thời kỳ mới, đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa ; con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta ngày càng được xác định rõ hơn. Điều cực kỳ quan trọng là qua thực tiễn lãnh đạo công cuộc đổi mới, từ những thành tựu và thiếu sót, Đảng ta đã rút ra được một số bài học kinh nghiệm để tiếp tục lãnh đạo đưa sự nghiệp cách mạng của nhân dân ta từng bước đi lên. Đó là : phải giữ vững mục tiêu xã hội chủ nghĩa trong quá trình đổi mới ; phải xử lý đúng đắn mối quan hệ giữa đổi mới hệ thống chính trị và đổi mới kinh tế, kết hợp chặt chẽ ngay từ đầu đổi mới kinh tế với đổi mới chính trị ; đổi mới kinh tế, xây dựng nền kinh tế hàng hóa nhiều thành phần, vận hành theo cơ chế thị trường phải đi đôi với tăng cường vai trò quản lý của Nhà nước ; mở rộng khối đại đoàn kết toàn dân, phát huy sức mạnh của toàn thể dân tộc ; tranh thủ sự đồng tình, ủng hộ và giúp đỡ của nhân dân thế giới đối với sự nghiệp chính nghĩa của nhân dân ta, kết hợp sức mạnh của dân tộc với sức mạnh của thời đại ; giữ vững vai trò lãnh đạo của Đảng, coi xây dựng Đảng là nhiệm vụ then chốt.

Sắp tới, trong quá trình phấn đấu thực hiện những mục tiêu và nhiệm vụ công nghiệp hóa, hiện đại hóa, chúng ta cần nắm vững và quán triệt sâu sắc những bài học đó. Đặc biệt cần chú ý xử lý tốt các vấn đề sau đây :

- Phát triển kinh tế nhiều thành phần, vận dụng cơ chế thị trường là để xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội chứ không phải để đưa đất nước đi vào con đường tư bản chủ nghĩa.

Digitized by Google

- Đương đầu với những âm mưu và thủ đoạn "diễn biến hòa bình", chúng ta nhất định phải giữ vững ổn định chính trị, giữ vững chế độ và độc lập chủ quyền của đất nước.

- Hội nhập vào thị trường khu vực và thế giới trong khi trình độ kinh tế của ta còn thấp, phải cố gắng giành thắng lợi trong cuộc cạnh tranh trên thị trường ; tranh thủ vốn bên ngoài nhưng phát huy được nguồn lực bên trong, bảo đảm phát triển kinh tế, trả được nợ, không bị lệ thuộc nước ngoài.

- Lãnh đạo đất nước trong điều kiện mới, đứng trước những nhiệm vụ khó khăn, phức tạp, hằng ngày đối mặt với sự tác động của những nhân tố tiêu cực, Đảng ta nhất định phải giữ vững được bản chất giai cấp công nhân, nâng cao tầm trí tuệ, khắc phục sự thoái hóa, biến chất, phát huy phẩm chất cao đẹp của người đảng viên.

Làm được như vậy, chúng ta sẽ giữ vững được định hướng xã hội chủ nghĩa, đổi mới mà không đổi màu, hội nhập mà không hòa tan.

4 - Một sự trùng hợp ngẫu nhiên và thú vị : ngày Đảng ra đời cũng là những ngày nhân dân ta nô nức đón xuân và chuẩn bị Tết cổ truyền của dân tộc. Mùa xuân trên đất nước ta là mùa đẹp nhất. Miền Bắc hồng tươi những nhành đào, miền Nam vàng rực những nhành mai. Trong đêm giao thừa đầm ấm và hết sức thiêng liêng, đồng bào cả nước, những người Việt nam sống ở nước ngoài hồi hộp, náo nức chờ nghe lời chúc mừng năm mới của Bác Hồ - vị cha già dân tộc trước đây và của các đồng chí lãnh đạo Đảng và Nhà nước ta ngày nay. Điều đó trở thành món ăn tinh thần không thể thiếu được của mọi người dân Việt nam yêu nước. Đảng gắn với mùa xuân. Và, mùa xuân bao giờ cũng là biểu tượng của sự tốt lành.

Đảng ta sinh ra trong lòng dân tộc. Đảng lãnh đạo nhân dân và dân tộc, được nhân dân và dân tộc đùm bọc, nuôi dưỡng, chở che. Đảng - giai cấp - nhân dân và dân tộc đã thật sự kết thành một khối vững chắc. Đảng luôn luôn dựa vào dân, tin dân, lấy dân làm gốc. Dân tin Đảng, theo Đảng làm cách mạng và coi Đảng là của chính mình. Khi nói với nhau, người dân Việt nam thường gọi : Đảng ta ; khi nói với người nước ngoài, người dân Việt nam thường gọi : Đảng chúng tôi. Khối đại đoàn kết dân tộc Việt nam dưới sự lãnh đạo của Đảng cộng sản Việt nam là bền vững không gì phá vỡ được. Mọi mưu toan của các thế lực thù địch hòng chia rẽ Đảng ta với nhân dân và dân tộc ta đều chỉ là ảo tưởng.

Năm nay, chúng ta kỷ niệm ngày thành lập Đảng trong không khí toàn đảng đang sôi nổi tiến hành đại hội đảng bộ các cấp và tích cực chuẩn bị tiến tới Đại hội toàn quốc của Đảng ; toàn dân đang náo nức chuẩn bị đón Tết, mừng xuân và hướng về Đại hội Đảng. Đại hội VIII của Đảng là một sự kiện chính trị trọng đại. Đại hội có nhiệm vụ kiểm điểm 5 năm thực hiện Nghị quyết Đại hội VII ; tổng kết 10 năm đổi mới ; đề ra mục tiêu, phương hướng, nhiệm vụ, những giải pháp lớn đẩy mạnh sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước ; bổ sung và sửa đổi Điều lệ Đảng.

Thiết thực chuẩn bị cho Đại hội VIII, chúng ta phải có những hoạt động nhằm phát huy tinh thần độc lập tự chủ, ý chí tự lực tự cường, trí tuệ và năng lực sáng tạo của toàn Đảng, toàn dân đóng góp vào thành công của Đại hội ; tạo nên sự nhất trí cao về chính trị, tinh thần trong toàn xã hội, nâng cao niềm tin vào sự lãnh đạo của Đảng, thúc đẩy phong trào quần chúng thi đua lập thành tích chào mừng Đại hội, quyết tâm phấn đấu thực hiện thắng lợi các nhiệm vụ do Đại hội VIII đề ra ❑

Digitized by Google

DI SẢN VÔ GIÁ CỦA MỘT HỌC THUYẾT ĐẦY SỨC SỐNG

Lời BBT : *Để đáp ứng yêu cầu của cách mạng nước ta trong giai đoạn mới, thực hiện Quyết định số 38-QĐ/TƯ ngày 23-10-1992 của Ban bí thư Trung ương Đảng, Nhà xuất bản chính trị quốc gia xuất bản* ***Toàn tập C.Mác - Ph.Ăng-ghen****. Đây là một bộ sách đồ sộ hiếm có và hết sức quý báu trong lịch sử tư tưởng nhân loại và văn hóa thế giới từ xưa đến nay. Chỉ riêng khối lượng tác phẩm, số trang viết và quy mô rộng lớn của các vấn đề đặt ra đã đủ cho mọi người ở mọi thời đại, dù có thiên kiến đến mấy, cũng phải kinh ngạc, khâm phục. Việc dịch và xuất bản* ***Toàn tập C.Mác - Ph. Ăng-ghen*** *có ý nghĩa rất quan trọng đối với chúng ta, tạo điều kiện cho chúng ta nghiên cứu toàn diện, trực tiếp, tận gốc rễ toàn bộ di sản vô giá của học thuyết Mác. Đây là một sự kiện lớn trong đời sống tinh thần của Đảng và nhân dân ta.*

Hội đồng xuất bản ***Toàn tập C.Mác - Ph.Ăng-ghen*** *đã viết bài giới thiệu bộ sách, phân tích những nội dung cơ bản và ý nghĩa vĩ đại của học thuyết Mác.*

Tạp chí Cộng sản *xin trân trọng giới thiệu những nội dung chính yếu của bài viết quan trọng này.*

Từ những năm 20 của thế kỷ này, chủ nghĩa Mác - Lê-nin đã đi vào Việt nam và ngày càng được truyền bá rộng rãi. Thông qua Nguyễn Ái Quốc và nhiều chiến sĩ cách mạng tiên tiến lúc đó, học thuyết cách mạng và khoa học ấy đã thâm nhập phong trào công nhân và phong trào yêu nước, tạo nên bước ngoặt căn bản của cách mạng Việt nam với sự ra đời của Đảng cộng sản vào năm 1930. Sức sống của chủ nghĩa Mác - Lê-nin đã được thể hiện trong toàn bộ tiến trình đi lên của Cách mạng Việt nam, với đường lối và phương pháp cách mạng đúng đắn của Đảng cộng sản, với hành động sáng tạo của giai cấp công nhân và các tầng lớp nhân dân Việt nam, đưa đến những thắng lợi có ý nghĩa lịch sử to lớn của sự nghiệp giải phóng dân tộc, của những khai phá đầu tiên chưa có tiền lệ trong lịch sử để đưa một đất nước nghèo nàn lạc hậu đi lên con đường xã hội chủ nghĩa, bỏ qua chế độ tư bản chủ nghĩa.

Những người cộng sản và các tầng lớp nhân dân Việt nam được Đảng và Chủ tịch Hồ Chí Minh giáo dục, rèn luyện trong thực tiễn đấu tranh cách mạng lâu dài, đã biểu thị thái độ trân trọng đối với các di sản kinh điển mác xít, xác định niềm tin vững chắc vào một học thuyết đã trở thành nền tảng tư tưởng và kim chỉ nam cho hành động của Đảng, của cách mạng. Niềm tin ấy không ngừng được củng cố, nâng cao cùng với trình độ nhận thức và vận dụng của Đảng, của mỗi người trong hoạt động cách mạng thực tiễn, và đặc biệt quan trọng là cùng với những thành quả cách mạng ngày càng to lớn, qua đó những nguyên lý của chủ nghĩa Mác - Lê-nin đã được kiểm nghiệm và chứng minh.

Sự vận động của đời sống xã hội ở nước ta cũng như trên thế giới đang đặt ra biết bao vấn đề mới mẻ, phức tạp đòi hỏi phải có sự lý giải thuyết phục, có căn cứ khoa học để định hướng cho hành động cách mạng của nhân dân ta, đánh giá đúng xu thế chung của tình hình thế giới,

Digitized by Google

đưa sự nghiệp đổi mới không ngừng tiến lên phía trước.

Với sự ra đời của Liên xô và hệ thống xã hội chủ nghĩa thế giới, chủ nghĩa xã hội khoa học đã vượt ra khỏi phạm vi lý thuyết, trở thành một thực tế xã hội có quy mô thế giới. Dù cho có những khuyết tật như thế nào thì cái thực thể xã hội đó đã in dấu ấn thời đại mới lên toàn bộ các sự kiện lịch sử của thế kỷ này. Chế độ xã hội mới đã tỏ rõ sức sống của mình trước hết ở chỗ chỉ trong một thời gian ngắn đã biến Liên xô từ một nước tư bản phát triển thấp trở thành một nước xã hội chủ nghĩa hùng cường về chính trị, kinh tế, văn hóa, khoa học kỹ thuật, đủ sức đánh bại mọi loại kẻ thù, bảo vệ tổ quốc xã hội chủ nghĩa, cứu loài người khỏi thảm họa phát xít, tạo điều kiện cho phong trào giải phóng dân tộc giành được thắng lợi, mở đường cho nhiều nước đi lên con đường xã hội chủ nghĩa. Cùng với Liên xô, các nước xã hội chủ nghĩa khác cũng đã đạt những thành tựu to lớn : xóa bỏ chế độ áp bức bóc lột, khai phá con đường mới, phát triển sản xuất, đưa nhân dân lên địa vị làm chủ, xây dựng tình hữu nghị giữa các dân tộc. Những thành tựu của chủ nghĩa xã hội hiện thực càng có ý nghĩa to lớn, vì đã đạt được trong một thời gian lịch sử tương đối ngắn, trong điều kiện chủ nghĩa đế quốc không ngừng bao vây về kinh tế, phá hoại về tư tưởng, thực hiện âm mưu diễn biến hòa bình, đảo chính phản cách mạng từ bên trong và tiến hành uy hiếp, can thiệp, xâm lược từ bên ngoài.

Hơn 70 năm qua, chủ nghĩa xã hội hiện thực đã trải qua một chặng đường dài khai phá, thử nghiệm và đã có những cống hiến lịch sử đối với con đường đi lên của nhân loại. Tuy nhiên, bên cạnh những thành tựu, chủ nghĩa xã hội hiện thực cũng bộc lộ những yếu kém, đã vấp phải những sai lầm, thậm chí đã phải chịu những tổn thất nặng nề. Mà thất bại đau đớn nhất là sự sụp đổ nhanh chóng một mảng lớn các nước xã hội chủ nghĩa Liên xô và Đông Âu.

Từ sự sụp đổ này, chủ nghĩa Mác - Lê-nin đã đứng trước những chống phá gay gắt chưa từng thấy. Các thế lực chống đối làm rùm beng lên về sự cáo chung của chủ nghĩa xã hội, sự kết thúc của chủ nghĩa Mác - Lê-nin. Trong bối cảnh đó, một bộ phận nhân dân và những người cộng sản đâm ra hoài nghi, bi quan, dao động, giảm sút lòng tin, thậm chí có người xa rời con đường cách mạng. Chính vì vậy, nhận thức lại cho đúng chủ nghĩa Mác - Lê-nin, chủ nghĩa xã hội, để trên cơ sở đó tiếp tục con đường đi lên chủ nghĩa xã hội, bảo vệ và phát triển chủ nghĩa Mác - Lê-nin đã trở thành yêu cầu cấp bách của cuộc sống.

Lấy chủ nghĩa Mác - Lê-nin và tư tưởng Hồ Chí Minh làm nền tảng tư tưởng và kim chỉ nam cho hành động, Đảng ta đã lãnh đạo giai cấp công nhân, nhân dân lao động và cả dân tộc giành được thắng lợi trọn vẹn trong cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân và đưa cả nước quá độ lên chủ nghĩa xã hội, bỏ qua chế độ tư bản chủ nghĩa. Với đường lối đổi mới được đề ra từ Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VI, được bổ sung, phát triển trong Đại hội lần thứ VII, Đảng đã lãnh đạo nhân dân vượt qua nhiều bước hiểm nghèo và đã giành được những thành tựu rất quan trọng trong công cuộc đổi mới, đưa đất nước chuyển vào một thời kỳ phát triển mới đầy triển vọng, như Hội nghị đại biểu toàn quốc giữa nhiệm kỳ của Đảng đã khẳng định. Tuy nhiên, bên cạnh những thuận lợi và thời cơ cần được khai thác, tận dụng, vẫn có những thách thức cần vượt qua, những nguy cơ cần phải đẩy lùi. Nghị quyết 09 của Bộ chính trị chỉ rõ : "Ngày nay, khi sự nghiệp đổi mới càng được mở rộng và phát triển theo chiều sâu, những biến đổi trên thế giới càng lớn, những vấn đề mới được đặt ra ngày càng nhiều, đòi hỏi phải làm sáng tỏ để tìm ra lời giải đáp thì việc nghiên cứu lý luận gắn với tổng kết thực tiễn càng trở nên quan trọng và cấp bách. Khi các thế lực thù địch ra sức tấn công nền tảng tư tưởng của Đảng nhằm đẩy chúng ta đi chệch hướng thì đấu tranh để bảo vệ, phát triển và vận dụng sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lê-nin, tư tưởng Hồ Chí Minh càng là vấn đề quan trọng, trở thành nhiệm vụ hàng đầu trong công tác chính trị, tư tưởng và lý luận của Đảng, của toàn dân ta."

Sự nghiệp đổi mới và cuộc đấu tranh trên mặt trận tư tưởng lý luận có liên quan mật thiết với nhau, làm tiền đề cho nhau. Càng làm sáng tỏ những vấn đề lý luận và thực tiễn của đổi mới, vạch trần mọi luận điệu xuyên tạc, chống phá, thì càng tăng thêm lòng tin của các tầng lớp nhân dân vào sự lãnh đạo của Đảng, vào con đường đi lên chủ nghĩa xã hội của đất nước, từ đó càng đẩy mạnh công cuộc đổi mới để giành những thành tựu ngày càng to lớn hơn. Ngược lại, công cuộc đổi mới càng giành được thành tựu thì càng chứng minh tính đúng đắn và càng làm phong

Digitized by Google

phú thêm đường lối của Đảng cũng như chủ nghĩa Mác - Lê-nin, tư tưởng Hồ Chí Minh, càng làm thất bại mọi âm mưu và hành động chống phá của các thế lực thù địch và phản bội trên mọi lĩnh vực, trước hết là lĩnh vực tư tưởng lý luận. Lý luận phải trở thành thực tiễn và thực tiễn lại làm phong phú thêm lý luận, hơn lúc nào hết, điều đó đang được thực hiện trong thời kỳ hiện nay.

Nhiệm vụ đấu tranh để bảo vệ, vận dụng sáng tạo và phát triển chủ nghĩa Mác - Lê-nin và tư tưởng Hồ Chí Minh được đặt ra với toàn Đảng, toàn dân, nhưng trước hết là đối với những cán bộ lãnh đạo, quản lý, những người làm công tác tư tưởng, lý luận và khoa học xã hội - những người có trách nhiệm chủ yếu và những chiến sĩ chiến đấu trực tiếp trên mặt trận tư tưởng lý luận. Nhiệm vụ này đòi hỏi chúng ta phải nghiên cứu sâu sắc, toàn diện và có hệ thống hơn những di sản tư tưởng lý luận của Mác, Ăng-ghen, Lê-nin, Hồ Chí Minh với tinh thần đổi mới tư duy như Đại hội lần thứ VI của Đảng đã đề ra. Tinh thần ấy đòi hỏi chúng ta phải khắc phục những lệch lạc chủ quan, duy ý chí, giáo điều theo những câu chữ chết cứng hoặc theo những lệch lạc của người khác, phải kiên quyết chống khuynh hướng xét lại nhằm xóa bỏ học thuyết cách mạng của chúng ta. Tinh thần ấy đòi hỏi chúng ta phải trở về với chính di sản tư tưởng lý luận của các nhà kinh điển, với thực chất biện chứng, cách mạng và khoa học của học thuyết, với tất cả những điều kiện lịch sử cụ thể đã hình thành nên hàng loạt những luận điểm quan trọng, cũng như những bổ sung, phát triển mà chính các ông đã đưa ra trước những thay đổi của thực tiễn, đặt những luận điểm của các ông trong cả một hệ thống, một chính thể, chống lối cắt xén từng mẩu dẫn đến hiểu sai lạc tư tưởng của các ông. Đó là tinh thần phê phán cách mạng, phê phán và tự phê phán như Mác, Ăng-ghen, Lê-nin đã thực hiện. Đó cũng chính là tinh thần độc lập tự chủ, sáng tạo mà Chủ tịch Hồ Chí Minh và Đảng ta đã tổng kết và đã trở thành định hướng cho hoạt động của tư duy, cũng như cho hoạt động thực tiễn của Đảng và nhân dân ta.

*
* *

Những ai đã nghiên cứu các tác phẩm của C.Mác và Ph.Ăng-ghen, đã tìm hiểu cuộc đời 65 năm của Mác và 75 năm của Ăng-ghen (dù điều này chỉ là tương đối và còn phải tiếp tục mãi) thì đều thấy rõ cuộc đời và sự nghiệp của hai con người này đã in dấu ấn đặc sắc của những thiên tài sáng tạo, những vĩ nhân, những khối óc bách khoa, những con người khổng lồ. Nếu trong các tác phẩm của Mác và Ăng-ghen đã chứa đựng tính khoa học sâu sắc nhất kết hợp chặt chẽ với tính cách mạng triệt để nhất, thì trong toàn bộ hoạt động thực tiễn của hai ông lại hội tụ đầy đủ nhất những phẩm chất của các nhà bác học kiệt xuất hòa quyện với những phẩm chất của các nhà cách mạng mở đường. *Các ông đã đem tính cách mạng vào trong khoa học và tính khoa học vào trong cách mạng. Tính cách mạng và tính khoa học là đặc trưng bản chất của học thuyết, cũng là bản thân con người các ông*, điều mà không một nhà khoa học, một nhà cách mạng nào trước kia làm được.

Trước Mác và Ăng-ghen, những giai cấp bóc lột thống trị đã độc quyền về chính trị và kinh tế, do đó họ cũng độc quyền về văn hóa, về nghiên cứu khoa học, về việc đưa ra những học thuyết chính trị - xã hội. Các học thuyết ấy đã chi phối đời sống xã hội trong những thời kỳ lịch sử lâu dài. Quần chúng lao động bị dìm trong cảnh tối tăm, bị gạt ra khỏi chính trị và văn hóa. Nếu có ai trong số những người bị áp bức, bóc lột nói lên sự phẫn nộ, phản kháng đối với các giai cấp thống trị thì đó cũng chỉ là những ý tưởng rời rạc, tự phát, không đủ sức chống lại các học thuyết của các giai cấp thống trị, càng không thể làm chỗ dựa cho cuộc đấu tranh của họ muốn giải thoát khỏi chế độ áp bức bóc lột. Rốt cuộc, nếu không chấp nhận học thuyết của các giai cấp thống trị thì trong số đông quần chúng lao động lại đặt niềm tin vào tôn giáo để hy vọng về cuộc sống tốt đẹp ở thế giới bên kia, hoặc mơ tưởng quay trở về một thời hoàng kim hư ảo, một quá khứ đã được lý tưởng hóa để mong tìm thấy niềm an ủi, mà thực chất là cam chịu những gì đè nặng lên cuộc sống của họ.

Cũng có thể tìm thấy những tiếng nói lên án chế độ bóc lột, cảm thông số phận những người cùng khổ, từ phía những người không phải là cùng khổ, với mong muốn cải thiện chế độ hiện tồn. Người ta có thể đưa ra học thuyết này, học thuyết khác, nhưng tất cả vẫn không giúp gì được cho quần chúng lao động, hoặc lại mê hoặc họ bằng những biện pháp cải lương, nửa vời, hoàn toàn không thể thay đổi hiện trạng xã hội.

Digitized by Google

Có thể khẳng định rằng không thể tìm thấy một học thuyết chính trị - xã hội nào trong những học thuyết đã có cho đến thời Mác và Ăng-ghen đã vạch ra được con đường giải phóng triệt để cho nhân loại cần lao, giải phóng triệt để cho con người. Điều ấy chỉ có thể tìm thấy được ở học thuyết của Mác và Ăng-ghen. Mác và Ăng-ghen xây dựng học thuyết của mình không phải xuất phát từ những mong muốn chủ quan hay những suy nghĩ tư biện. Các ông đã phát hiện thấy những mâu thuẫn đối kháng không thể điều hòa được trong lòng xã hội tư bản, khám phá ra những quy luật vận động của chủ nghĩa tư bản do đòi hỏi của phong trào đấu tranh của quần chúng lao động, mà tiêu biểu là giai cấp vô sản ở các nước tư bản phát triển ở đầu thế kỷ XIX. Đây là thời kỳ có nhiều tiến bộ mới về khoa học kỹ thuật, về lực lượng sản xuất xã hội và những biến động lớn trong lòng chủ nghĩa tư bản cũng như trong phong trào công nhân.

Vào những năm 20 - 30 của thế kỷ XIX, cuộc cách mạng công nghiệp đã làm thay đổi hẳn bộ mặt của chủ nghĩa tư bản ở nhiều nước châu Âu - nền đại công nghiệp cơ khí đã trở thành phổ biến ; những máy móc lớn được đưa vào các công xưởng tư bản chủ nghĩa đã làm cho hàng loạt công nhân bị mất việc làm, những người lao động bị bóc lột tàn bạo hơn, hàng loạt thợ thủ công và thương nhân bị phá sản. Bắt đầu từ năm 1825, những cuộc khủng hoảng kinh tế nổ ra càng làm tăng thêm những nỗi đau khổ của người lao động. Nhưng cũng chính nền đại công nghiệp cơ khí đã tập trung công nhân vào công xưởng lớn lại làm cho ý thức giai cấp được thức tỉnh, thúc đẩy họ đoàn kết đấu tranh chống lại chủ tư bản, trong từng nhà máy rồi đến từng ngành nghề, sau đó mở ra những quy mô rộng lớn hơn. Bắt đầu xuất hiện những tổ chức đầu tiên của công nhân, như các công đoàn, các hội tương tế, các hội bí mật v.v.. Trong các nước tư bản tiên tiến nhất lúc đó ở châu Âu như Pháp và Anh, giai cấp vô sản đã bước lên vũ đài lịch sử, trực diện đấu tranh chống chủ nghĩa tư bản. Những cuộc khởi nghĩa đầu tiên của giai cấp vô sản, trước hết là của những người thợ dệt ở Li-ông nổ ra trong những năm 1830 -1834 đã làm cho giai cấp tư sản hoảng sợ. Cuối những năm 1830, phong trào Hiến chương ở Anh ra đời, đánh dấu sự xuất hiện của một phong trào chính trị đầu tiên có tính quần chúng và có tổ chức của giai cấp vô sản.

Từ sự phản kháng có tính chất tự phát của quần chúng lao động, mơ ước về một chế độ xã hội công bằng tốt đẹp hơn, chủ nghĩa xã hội không tưởng đã ra đời từ cuối thế kỷ XVIII đầu thế kỷ XIX với những đại biểu nổi tiếng là Xanh Xi-mông, Sác-lơ Phu-ri-ê, Rô-bớt Ô-oen. Cuối những năm 30, chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa cộng sản không tưởng đã trở thành quen thuộc và được phổ biến rộng rãi trong công nhân. Những trào lưu xã hội chủ nghĩa và cộng sản chủ nghĩa lúc này rất đa dạng với nhiều màu sắc và tên gọi : chủ nghĩa xã hội tiểu tư sản, chủ nghĩa xã hội phong kiến, chủ nghĩa xã hội bảo thủ hoặc tư sản, chủ nghĩa xã hội vô chính phủ v.v.. Nói chung, những đại diện của các thứ chủ nghĩa xã hội này lại muốn đi theo con đường cải lương, không thấy được vai trò của giai cấp vô sản trong cuộc đấu tranh chống chủ nghĩa tư bản. Tình hình ấy đã làm cho đầu óc công nhân bị nhiễu loạn : những cuộc tranh cãi về các học thuyết xã hội chủ nghĩa đã thường xuyên nổ ra trong công nhân nhiều nước Tây Âu, đặc biệt là ở Pháp.

Giai cấp vô sản và quần chúng lao động đang cần phải có một học thuyết cách mạng, một lý luận khoa học để chống lại mọi học thuyết phản động, gạt bỏ được các học thuyết sai lầm, để làm nền tảng tư tưởng vững chắc, định hướng đúng đắn cho cuộc đấu tranh quyết liệt đang diễn ra, phù hợp với những quy luật phát triển của xã hội. Những tiền đề cần thiết cho sự ra đời một học thuyết như vậy đã chín muồi.

Giai cấp vô sản và quần chúng lao động đã tìm thấy học thuyết ấy ở Mác và Ăng-ghen, những con người mà tầm vóc trí tuệ và phẩm chất có thể đáp ứng yêu cầu phong trào đấu tranh của mình và của toàn xã hội cho một tương lai tốt đẹp hơn... Hai ông đã được định vị như những vĩ nhân, đã xây dựng nên một học thuyết cách mạng và khoa học, vì sự nghiệp giải phóng giai cấp vô sản và quần chúng lao động, vì sự nghiệp giải phóng nhân loại và con người. Nếu học thuyết của các ông đã tìm thấy vũ khí vật chất ở giai cấp vô sản và quần chúng lao động, thì giai cấp vô sản và quần chúng lao động đã tìm thấy vũ khí tinh thần ở học thuyết của các ông.

Con đường xây dựng học thuyết của các ông không bằng phẳng, thênh thang, càng không phải là con đường vương giả, mà là con đường đấu tranh cực kỳ gian khổ với những khó khăn trong cuộc sống, với những hiểm nguy trong

Digitized by Google

hoạt động cách mạng thực tiễn, trước những thế lực đương quyền, với những trận chiến quyết liệt trên mặt trận tư tưởng, lý luận, học thuyết kéo dài suốt cuộc đời các ông.

Trước khi xây dựng học thuyết của mình, Mác và Ăng-ghen đã tiếp thu nền văn hóa mà lịch sử đã để lại. Hai ông đã chịu ảnh hưởng của những tư tưởng dân chủ cách mạng rất phổ biến trong những năm 30, triết học duy tâm của Hê-ghen, sau đó là triết học duy vật của Phơ-bách. Nhưng, từ việc không ngừng nâng cao trình độ hiểu biết và các lĩnh vực tri thức chủ yếu mà nhân loại đã có cho đến thế kỷ XIX, tiếp thu với tinh thần phê phán triết học cổ điển Đức, kinh tế chính trị Anh và chủ nghĩa xã hội Pháp, nghiên cứu những thành tựu của khoa học tự nhiên và kỹ thuật, phân tích sâu sắc chủ nghĩa tư bản và trật tự xã hội đương thời, đặc biệt trực tiếp tham gia phong trào đấu tranh của giai cấp vô sản, Mác và Ăng-ghen, với thiên tư đặc biệt vốn có, đã nhanh chóng chuyển từ thế giới quan duy tâm sang chủ nghĩa duy vật biện chứng, từ lập trường dân chủ cách mạng sang lập trường cộng sản chủ nghĩa để hình thành nên học thuyết của mình. Học thuyết của các ông từng bước được xây dựng hoàn chỉnh trong cuộc đấu tranh về tư tưởng, lý luận ngay trong phong trào công nhân, nhất là trong cuộc đấu tranh của giai cấp vô sản và quần chúng lao động chống giai cấp địa chủ phong kiến quý tộc và sau đó là giai cấp tư sản đã thống trị ở nhiều nước châu Âu trong thế kỷ XIX.

Vừa là những nhà cách mạng mở đường, vừa là những nhà khoa học sáng tạo ra một học thuyết mới, Mác và Ăng-ghen đã triển khai hoạt động trên ba lĩnh vực : báo chí, nghiên cứu khoa học và hoạt động thực tiễn trong phong trào cách mạng của giai cấp vô sản và quần chúng lao động. Những hoạt động của các ông không phải chỉ với tư cách những người tham gia, mà quan trọng hơn, quyết định hơn là với tư cách những chiến sĩ tiên phong, những người lãnh đạo, những người khai phá. Những hoạt động của các ông trên cả ba lĩnh vực gắn bó chặt chẽ với nhau, không tách rời, nhiều việc được tiến hành đồng thời, vừa nhằm xây dựng học thuyết, vừa đưa học thuyết vào cuộc sống, và chính cuộc sống lại kiểm nghiệm những luận điểm của các ông, đòi hỏi các ông phải bổ sung, phát triển học thuyết hơn nữa. Như các ông đã khẳng định, nếu cuộc sống là quá trình vận động và phát triển không ngừng thì *học thuyết của các ông là học thuyết về sự phát triển, học thuyết của sự phát triển, trong đó có sự phát triển của bản thân học thuyết* do các ông xây dựng.

Mác và Ăng-ghen đã cùng chia sẻ quan điểm, cùng đề ra học thuyết, và phải có Ăng-ghen thì quyển II và quyển III của bộ *Tư bản* mới có thể đưa ra xuất bản được. Nhưng với phẩm chất của một người cộng sản và một nhà khoa học chân chính, Ăng-ghen đã nói : "Mác đứng cao hơn, trông xa hơn, nhìn khái quát được nhiều hơn và nhanh hơn tất cả chúng tôi. Mác là thiên tài, còn chúng tôi nhiều lắm cũng chỉ là những người có tài thôi. Không có ông thì học thuyết của chúng tôi còn xa mới được như bây giờ. Vì vậy học thuyết đó có quyền mang tên của Mác"(1).

Nếu tư duy của hàng triệu, hàng triệu con người đã bị chinh phục bởi trí tuệ lớn của các ông, thì con tim của họ cũng bị chinh phục bởi tâm hồn và nhân cách lớn mà các ông đã thể hiện trong toàn bộ cuộc đời cực kỳ sôi động và phong phú của mình. Song *điều quan trọng nhất* là ở chỗ, như V.I. Lê-nin từng chỉ ra : "Sức hấp dẫn không gì cưỡng nổi đã lôi cuốn những người xã hội chủ nghĩa của tất cả các nước đi theo lý luận đó, chính là ở chỗ nó kết hợp tính chất khoa học chặt chẽ và cao độ (đó là đỉnh cao nhất của khoa học xã hội) với tinh thần cách mạng, và kết hợp không phải một cách ngẫu nhiên, không phải chỉ vì người sáng lập ra học thuyết ấy đã kết hợp trong bản thân mình những phẩm chất của nhà bác học và của nhà cách mạng, mà là kết hợp trong chính bản thân lý luận ấy, một sự kết hợp nội tại và khăng khít. Thật thế, nhiệm vụ của lý luận, mục đích của khoa học được nêu thẳng ra ở đây là giúp đỡ giai cấp những người bị áp bức trong cuộc đấu tranh kinh tế đang thực sự diễn ra" (2).

*
* *

Toàn tập C.Mác - Ph.Ăng-ghen là tập đại thành những di sản vô giá về tư tưởng, lý luận và phương pháp trên cả ba bộ phận cấu thành của chủ nghĩa Mác : triết học, kinh tế chính trị và chủ nghĩa xã hội khoa học, những giá trị bền vững đã đi vào kho tàng văn hóa văn minh nhân

(1) C. Mác và Ph.Ăng-ghen : *Toàn tập*, t 21, tr 301 (bản tiếng Nga)

(2) V.I. Lê-nin : *Toàn tập*, Nxb Tiến bộ, Mát-xcơ-va, 1978, t 1, tr 421

Digitized by Google

loại và đang soi sáng bước tiến tất yếu của lịch sử trong thời đại chúng ta. Nói đến những giá trị bền vững của chủ nghĩa Mác, trước hết phải đề cập những nội dung cốt lõi dưới đây :

1. Từ những thành quả của chủ nghĩa duy vật triết học ở thế kỷ XVII, XVIII nhất là của triết học cổ điển Đức ở cuối thế kỷ XVIII và đầu thế kỷ XIX, Mác đã *xây dựng nên triết học mới không chỉ để giải thích thế giới, mà còn nhằm cải tạo thế giới. Đó là chủ nghĩa duy vật biện chứng và chủ nghĩa duy vật lịch sử.* Đây thực sự là một cuộc cách mạng to lớn nhất trong lịch sử triết học. Trước Mác và Ăng-ghen, trong cuộc đấu tranh trường kỳ của các trường phái, trào lưu triết học, nhân loại đã biết đến nhiều nhà duy vật và biện chứng lớn, đánh dấu những bước tiến của tư duy triết học của con người trên đường tìm tòi chân lý. Thế nhưng tất cả những nhà triết học tiến bộ đó do sự hạn chế của những điều kiện lịch sử khách quan và chủ quan đều chưa thể đem lại cho loài người một thế giới quan hoàn bị, triệt để cách mạng và khoa học. Ở các vị đó ta thường bắt gặp tính không nhất quán, duy vật khi giải thích vấn đề này nhưng lại duy tâm khi giải thích vấn đề khác, duy vật nhưng lại siêu hình, không biện chứng hoặc biện chứng nhưng lại đứng trên lập trường duy tâm. Điều quan trọng nhất là tất cả các nhà duy vật trước Mác và Ăng-ghen đều dừng lại ở lĩnh vực tự nhiên và khi chuyển sang nhận thức các vấn đề thuộc lĩnh vực xã hội họ đều không tránh khỏi rơi vào chủ nghĩa duy tâm.

Như vậy, Mác đã đẩy chủ nghĩa duy vật thế kỷ XVII, XVIII lên phía trước để trở thành chủ nghĩa duy vật biện chứng ; ông đã đảo ngược phép biện chứng của Hê-ghen, đặt nó đứng trên đôi chân duy vật, chứ không phải đứng bằng cái đầu duy tâm như trước. Còn mở rộng học thuyết ấy từ chỗ nhận thức giới tự nhiên đến chỗ nhận thức xã hội loài người thì cùng với Ăng-ghen, Mác đã đuổi chủ nghĩa duy tâm ra khỏi cái hang ổ cuối cùng của nó, điều mà trước các ông chưa ai làm nổi.

Phép biện chứng duy vật không phải chỉ đơn giản là phương pháp mà, như đánh giá của Lê-nin, là "học thuyết về sự phát triển, dưới hình thức hoàn bị nhất, sâu sắc nhất và không phiến diện, học thuyết về tính tương đối của nhận thức của con người, nhận thức này phản ánh vật chất luôn luôn phát triển không ngừng"[3]. Hàng loạt các quan điểm rất cơ bản về mối liên hệ phổ biến của các sự vật, hiện tượng ; về vận động và phát triển, về mâu thuẫn, về nguồn gốc và sự phát triển của nhận thức, về thực tiễn v.v. đã được lý giải cặn kẽ và được chứng minh một cách khoa học.

Mở rộng chủ nghĩa duy vật triết học vào nhận thức xã hội, Mác đã thực hiện một bước ngoặt có tính cách mạng trong toàn bộ quan niệm về lịch sử nhân loại, chỉ ra các quy luật phát triển của *xã hội loài người, từ một hình thái kinh tế - xã hội này sang một hình thái kinh tế-xã hội khác cao hơn.* Ăng-ghen đánh giá quan niệm duy vật về lịch sử là phát kiến vĩ đại thứ nhất của Mác[4]. Lê-nin đã coi "chủ nghĩa duy vật lịch sử của Mác là thành tựu vĩ đại nhất của tư tưởng khoa học" và "triết học của Mác là một chủ nghĩa duy vật triết học hoàn bị, nó đã cung cấp cho loài người và nhất là cho giai cấp công nhân những công cụ nhận thức vĩ đại"[5].

Quan niệm duy vật về lịch sử đã đặt nền tảng phương pháp luận cho khoa học lịch sử và các khoa học xã hội nói chung, làm cho các khoa học này thực sự trở thành khoa học. Nó cung cấp cho con người phương pháp kiến giải lịch sử một cách khách quan, chân thực, đúng như bản chất vốn có của nó. Nó đã khắc phục được hai sai lầm lớn nhất trong lịch sử triết học đã có từ trước, đó là : không thấy điểm xuất phát là hiện thực khách quan và vai trò của chủ thể sáng tạo là con người.

2 - *Phát kiến vĩ đại và cũng là thành tựu vĩ đại thứ hai của Mác là lý luận về giá trị thặng dư trong chế độ tư bản chủ nghĩa*[6]. Mác đã tiếp thu, bổ sung và phát triển lý luận về giá trị lao động của các nhà kinh tế chính trị cổ điển mà tiêu biểu là A-đam Xmít và Đa-vít Ri-các-đô. Đằng sau quan hệ trao đổi hàng hóa, Mác không chỉ nhìn thấy quan hệ giữa vật với vật, mà còn tìm thấy quan hệ giữa người với người, đã phát hiện ra quy luật vận động riêng của phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa và xã hội tư bản nói chung, chỉ rõ địa vị của giai cấp vô sản trong chế độ tư bản chủ nghĩa. Với phát kiến này, Mác đã vạch trần "bí mật" của xã hội tư bản, đó là sự bóc lột giá trị thặng dư sức lao động của những người lao động làm thuê. Chiếm đoạt giá

(3) V.I.Lê-nin : *Sđd*, t 23, tr 53

(4) Xem C.Mác và Ph.Ăng-ghen : *Tuyển tập*, Nxb Sự thật, Hà nội, 1983, t 5, tr 662

(5) V.I.Lê-nin : *Sđd*, t 23, tr 53 - 54

(6) Xem C. Mác và Ph.Ăng-ghen : *Sđd*, t 5, tr 662

Digitized by Google

trị thặng dư là mục tiêu của các nhà tư bản, là bản chất của chủ nghĩa tư bản, là đầu mối của những mâu thuẫn đối kháng không thể điều hòa giữa giai cấp tư sản và giai cấp vô sản, là vấn đề không thể giải quyết được trong lòng phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa, dựa trên chế độ chiếm hữu tư nhân tư bản chủ nghĩa về tư liệu sản xuất. Từ sự phân tích những mâu thuẫn trong bản chất kinh tế - xã hội của chủ nghĩa tư bản, Mác đã tìm thấy những căn cứ khách quan để luận chứng về tính tất yếu lịch sử của chủ nghĩa xã hội nhất định sẽ thay thế chủ nghĩa tư bản, điều mà sau này Lê-nin đã nhiều lần nhấn mạnh tới sự lựa chọn không thể khác của lịch sử các dân tộc.

"*Lý luận về giá trị thặng dư là viên đá tảng của học thuyết kinh tế của Mác*", đánh giá đó của Lê-nin đã nói lên đầy đủ ý nghĩa cực kỳ to lớn của vấn đề này.

3 - Từ những tư tưởng xã hội chủ nghĩa và cộng sản chủ nghĩa đã xuất hiện vào cuối thế kỷ XVIII sang đầu thế kỷ XIX, trên cơ sở khám phá ra những quy luật cơ bản của lịch sử phát triển xã hội loài người, đặc biệt là qua phân tích một cách khoa học những mâu thuẫn cơ bản của chủ nghĩa tư bản, Mác và Ăng-ghen đã tìm thấy những luận cứ để *làm cho chủ nghĩa xã hội từ không tưởng trở thành khoa học.*

Chủ nghĩa xã hội không thể thực hiện được bằng sự thuyết phục giai cấp tư sản về mặt đạo đức, mà tìm thấy cơ sở và động lực trong cuộc đấu tranh của giai cấp vô sản, những người lao động làm thuê chống giai cấp tư sản. Sự phát triển từ chủ nghĩa tư bản lên chủ nghĩa xã hội tất yếu phải bằng cuộc cách mạng xã hội chủ nghĩa, tức là cuộc đảo lộn cách mạng thực sự, giai cấp vô sản phải giành lấy chính quyền, "trở thành giai cấp dân tộc, tự mình trở thành dân tộc", đưa quần chúng lao động cùng với giai cấp vô sản lên địa vị làm chủ nhà nước, làm chủ xã hội. Cuộc cách mạng ấy được tiến hành bằng hình thức nào là tùy thuộc vào tương quan lực lượng giữa giai cấp tư sản và giai cấp vô sản đoàn kết với những giai cấp và tầng lớp lao động khác trong cuộc đấu tranh quyết liệt giữa hai bên, đồng thời cũng còn tùy thuộc vào những điều kiện lịch sử cụ thể của mỗi nước, với mối quan hệ quốc tế khi đi đến cuộc cách mạng xã hội chủ nghĩa.

Ở đây cần phải nhấn mạnh rằng, vấn đề giai cấp, đấu tranh giai cấp, như chính Mác nói, không phải là phát minh của các ông ; các nhà sử học tư sản đã nhận ra các hiện tượng đó từ thế kỷ XVIII. Cái mới của các ông là ở chỗ đã chứng minh rằng giai cấp và đấu tranh giai cấp chỉ gắn với những thời đại lịch sử nhất định của xã hội loài người ; rằng cuộc đấu tranh giai cấp trong xã hội tư bản tất yếu dẫn đến chuyên chính vô sản để thay thế cho chuyên chính tư sản ; rằng bản thân chuyên chính vô sản cũng chỉ là bước quá độ để đi tới một xã hội không còn phân chia giai cấp - xã hội cộng sản văn minh.

Như vậy là từ lý luận duy vật lịch sử và học thuyết giá trị thặng dư, *Mác đã phát hiện ra vai trò và sứ mệnh lịch sử của giai cấp vô sản.* Đây cũng là một phát kiến vĩ đại có ý nghĩa lịch sử toàn thế giới. Kết luận đó là kết quả của một sự phân tích khách quan khoa học trên cơ sở những điều kiện kinh tế của nền sản xuất tư bản chủ nghĩa, cũng như sự vận động của những điều kiện chính trị - xã hội đã tạo nên các quan hệ giai cấp và đấu tranh giai cấp trong xã hội tư bản. Mác đã nhìn thấy giai cấp vô sản là giai cấp cách mạng nhất do gắn với nền sản xuất hiện đại ; là giai cấp có khả năng đoàn kết tất cả các giai cấp và tầng lớp lao động chân tay và trí óc, là giai cấp có lợi ích thống nhất với lợi ích cơ bản của nhân dân lao động và cả dân tộc. Giai cấp ấy nếu được giác ngộ, để từ một giai cấp "tự nó" biến thành giai cấp "vì nó" nhờ tiếp nhận lý luận khoa học, được tổ chức lại và có Đảng tiền phong của mình, xác định được đường lối chiến lược, sách lược đúng đắn thì nhất định sẽ giữ được vai trò lãnh đạo cách mạng và hoàn thành được sứ mệnh lịch sử của mình. Thực tiễn phong trào công nhân và phong trào cộng sản trong thế kỷ vừa qua, kể cả khi thành công cũng như lúc thất bại, đã hoàn toàn chứng minh cho quan điểm đó.

Mác từng nói tất cả những gì có liên quan đến con người đều không xa lạ với ông. *Chủ nghĩa Mác chính là chủ nghĩa nhân đạo hiện thực,* chứ không phải thứ chủ nghĩa nhân đạo không tưởng hoặc giả nhân giả nghĩa với những tuyên bố về đủ điều tốt đẹp cho con người, nhưng không bao giờ được thực hiện và cũng không thể thực hiện được. Chủ nghĩa Mác thực hiện chủ nghĩa nhân đạo đích thực bằng con đường phủ định biện chứng đối với chủ nghĩa tư bản và xây dựng một xã hội phát triển cao hơn, giải phóng giai cấp công nhân, nhân dân lao động, các dân tộc bị áp bức và giải phóng con người

Digitized by Google

khỏi tình trạng tha hóa mà chủ nghĩa tư bản đã đẩy tới. Chủ nghĩa Mác đã vạch ra con đường để thực hiện khát vọng nhân đạo chủ nghĩa mà bao thời đại, bao thế hệ đã đặt ra ; đó là con đường thực tiễn, bằng hành động cách mạng của giai cấp công nhân, của nhân dân lao động, của các dân tộc bị áp bức trên cơ sở khoa học.

Để hiểu được học thuyết của Mác - Ăng-ghen, như Lê-nin đã nói, chúng ta phải nắm vững "bản chất" và "linh hồn sống" của nó là phép biện chứng, phải đặt những luận điểm của các ông trong những điều kiện lịch sử cụ thể khi các ông đưa ra những luận điểm ấy ; phải xem xét những luận điểm của các ông trong cả một hệ thống chứ không thể tách rời nhau ; hơn nữa, cần phải gắn những luận điểm ấy với những kinh nghiệm lịch sử cụ thể. Có vận dụng đúng quan điểm lịch sử cụ thể, quan điểm hệ thống và quan điểm thực tiễn trong việc nghiên cứu những di sản mà các ông để lại, chúng ta mới hiểu đúng học thuyết của các ông.

Sự hình thành và phát triển học thuyết của C.Mác và Ph.Ăng-ghen gắn liền với sự vận động của chủ nghĩa tư bản, sự phát triển của khoa học và kỹ thuật, của các lực lượng sản xuất xã hội, gắn liền với thực tiễn đấu tranh của giai cấp công nhân và quần chúng lao động chống chủ nghĩa tư bản, với cuộc đấu tranh tư tưởng lý luận đã diễn ra trong suốt cuộc đời các ông. Bản chất cách mạng và khoa học của học thuyết của các ông không những được thể hiện trong tinh thần phê phán cách mạng đối với mọi học thuyết sai lầm và phản động, mà còn ở tinh thần tự phê phán để tự điều chỉnh, tự bổ sung, thậm chí tự phủ định luận điểm này hay luận điểm khác khi luận điểm ấy không còn phù hợp với thực tiễn. Các ông không bao giờ cho những sản phẩm tư duy của các ông là tuyệt đỉnh của trí tuệ nhân loại, là những tín điều để mọi người sùng bái, là những lời giải vạn năng, những liều thuốc linh ứng có thể áp dụng nguyên xi cho mọi tình huống của cuộc sống, mà là kim chỉ nam cho hành động, là công cụ để nhận thức và cải tạo thế giới. Học thuyết của C.Mác và Ph.Ăng-ghen đem lại cho tất cả các đảng cộng sản, các đảng cách mạng, cái nền tảng tư tưởng vững chắc, những điểm tựa lý luận và phương pháp luận cực kỳ quan trọng để suy nghĩ độc lập và tìm tòi những giải pháp sáng tạo cho các vấn đề do lịch sử đặt ra hôm nay.

Thời đại sản sinh ra Mác, Ăng-ghen và học thuyết của các ông đã xa cách chúng ta trên 150 năm. Thế giới đã chứng kiến biết bao đổi thay và cả những đảo lộn lớn mà các ông không thể dự kiến hết được. Có thể có những luận điểm cụ thể nào đấy của các ông không còn phù hợp, một số dự đoán nào đấy của các ông đã tỏ ra không đúng. Đó là điều dễ hiểu, bởi vì các ông không phải là những vị thánh tiên tri về mọi chuyện của tương lai. Nhưng, học thuyết của các ông trong căn bản vẫn là những giá trị bền vững, di sản tư tưởng lý luận của các ông để lại còn được nhiều thế hệ, nhiều thời đại nghiên cứu, tìm thấy ở đấy những chỉ dẫn không thể thiếu được trên con đường đi lên của nhân loại. Những giá trị ấy vẫn đang rọi sáng con đường đổi mới của chúng ta, con đường phục hồi phong trào xã hội chủ nghĩa thế giới, con đường đấu tranh cho thắng lợi của hòa bình, độc lập dân tộc, dân chủ và tiến bộ xã hội trên phạm vi toàn thế giới.

*
* *

Không phải chỉ có chúng ta mới khẳng định những giá trị bền vững của chủ nghĩa Mác - Lê-nin. Đã có nhiều người cộng sản các nước, nhiều đảng cộng sản và công nhân lên tiếng vạch trần những luận điệu xuyên tạc, phủ định chủ nghĩa Mác - Lê-nin. Ở các nước Đông Âu và Liên xô cũ, rất nhiều người cộng sản đã vượt qua những cơn choáng váng ban đầu, đang tập hợp lực lượng để tiến hành cuộc đấu tranh nhằm bảo vệ và phát triển chủ nghĩa Mác - Lê-nin, đấu tranh để phục hồi chủ nghĩa xã hội, dù có phải làm lại từ đầu. Đông đảo các tầng lớp nhân dân ở các nước ấy ngày càng tỉnh ngộ, đã thấy mình bị lừa dối, bị phản bội, đang phải chịu đựng những hậu quả bi thảm của sự sụp đổ, đã làm mất đi những gì mà chủ nghĩa xã hội hiện thực từng đem lại cho họ, dù nó đã có không ít khiếm khuyết, sai lầm. Cùng với sự tỉnh ngộ ấy, họ càng tham gia mạnh mẽ hơn vào cuộc đấu tranh cho chủ nghĩa xã hội, một chủ nghĩa xã hội đúng với tinh thần của Mác, Ăng-ghen, Lê-nin.

Đối với các nước đang thực hiện cải cách, đổi mới để tiếp tục đưa đất nước đi lên chủ nghĩa xã hội thì lẽ đương nhiên cần phải khẳng định chủ nghĩa Mác - Lê-nin và vận dụng sáng tạo học thuyết ấy cho phù hợp với những điều kiện lịch sử cụ thể của mỗi nước và những biến đổi của thế giới để giành thắng lợi cho sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội.

Digitized by Google

Ngay ở các nước tư bản chủ nghĩa phương Tây, dinh lũy lâu đời của chủ nghĩa tư bản, nơi chủ nghĩa tư bản có bộ mặt "hiện đại" và khá hấp dẫn, vẫn có những đầu óc tỉnh táo, những người có lương tri vẫn khẳng định Mác và chủ nghĩa Mác. Người ta thừa nhận Các Mác là một trong những nhà tư tưởng lớn, một vĩ nhân đã đi vào lịch sử nhân loại, đã đặt ra những vấn đề mà loài người luôn luôn phải trở lại với ông, những tư tưởng của ông vẫn "dễ dàng tìm thấy sự tán thưởng trong cuộc đấu tranh kinh tế và xã hội ở các nước tư bản chủ nghĩa". Người ta vẫn thấy "không thể có một tương lai, dù thế nào lại không có một tinh thần của Mác", "những quan điểm của Mác vẫn có sức mạnh hết sức to lớn", ông sẽ vẫn là "nhà tư tưởng của thế kỷ XXI" v.v.. Những đánh giá khách quan đó của những người đang sống trong xã hội tư bản chủ nghĩa, những người thuộc một hệ tư tưởng hoàn toàn xa lạ với chủ nghĩa Mác - Lê-nin đáng để cho những người từng đi theo chủ nghĩa Mác - Lê-nin gần cả cuộc đời nay lại muốn quay lưng với lý tưởng xã hội của mình phải suy ngẫm.

Trước những biến động, những đảo lộn lớn diễn ra nhiều nơi trên thế giới, đặc biệt là trước sự sụp đổ của chế độ xã hội chủ nghĩa tại Đông Âu và Liên xô, một số người ở nước ta đã dao động, giảm lòng tin ở chủ nghĩa Mác - Lê-nin và tư tưởng Hồ Chí Minh ở mức độ này hay mức độ khác. Một số cá biệt muốn xét lại toàn bộ học thuyết của Mác - Ăng-ghen và Lê-nin cũng như con đường mà Hồ Chí Minh và nhân dân ta đã lựa chọn. Thậm chí có kẻ phản bội đã công khai "sám hối", cho rằng cả đời mình đã tin theo một học thuyết sai lầm, đã đi theo một con đường không đúng và bây giờ chỉ có chủ nghĩa tư bản là chân lý tuyệt đích. Có kẻ về thực chất cũng là từ bỏ chủ nghĩa Mác - Lê-nin và tư tưởng Hồ Chí Minh nhưng vẫn còn "mặc cảm xấu hổ" hoặc mưu toan "lập lờ đánh lận con đen" họ muốn lựa chọn một con đường thứ ba, con đường không thể có trên thực tế, con đường xã hội dân chủ hoặc một chủ nghĩa xã hội phi mác xít nào đó. Những thủ đoạn cắt xén, xuyên tạc, vu khống đã quá quen thuộc từ lâu lại được tung ra hòng gieo hoang mang, hoài nghi ở người này người khác. Bằng cách đó, họ muốn tạo nên một sự diễn biến từ bên trong xã hội ta, trước hết là diễn biến về nhận thức tư tưởng, từ đó hy vọng dẫn đến những diễn biến về các mặt khác.

Những luận điệu của số người này thực ra không có gì mới. Phần lớn họ chỉ lặp lại những gì mà các thế lực thù địch và phản bội đủ loại, cũ và mới, đã từng chống chủ nghĩa Mác - Lê-nin, chống đảng cộng sản từ trước đến nay đã nói và viết. Không ít người trong số đó chắc chắn đọc Mác - Lê-nin chưa được bao nhiêu, nhưng vẫn lớn tiếng phản bác một học thuyết, mà tầm hiểu biết của họ không thể vươn tới. Một học giả tư sản, với sự uyên bác được phương Tây thừa nhận, đã đưa ra một lời khuyên rất có ý nghĩa : "Sẽ luôn luôn sai lầm nếu không đọc kỹ và thảo luận Mác". Đối với những người đọc Mác chưa được bao nhiêu, nhưng đã cuồng nhiệt phê phán, "bác bỏ" bằng những bài viết, những "luận cương", "tuyên bố", "tuyên ngôn" v.v. thì chắc chắn không phải họ sai lầm theo cách hiểu thông thường.

Chủ nghĩa Mác là một học thuyết đầy sức sống, bởi lẽ nó luôn luôn gắn liền với thực tiễn phong trào cách mạng, thực tiễn vận động của lịch sử, của sự phát triển của khoa học kỹ thuật, với cuộc đấu tranh tư tưởng lý luận hết sức gay gắt, quyết liệt. Trong lịch sử một thế kỷ rưỡi tồn tại, không chỉ một lần người ta định "chôn vùi" chủ nghĩa Mác, nhất là khi phong trào cách mạng ở nơi này, nơi khác bị tạm thời thất bại. Tuy nhiên, chủ nghĩa Mác vẫn sống và lại tiếp tục phát triển mạnh mẽ hơn. Sức sống của chủ nghĩa Mác được quyết định trước hết bởi tính cách mạng và khoa học của nó, bởi những quy luật khách quan mà nó đã khám phá, bởi những nguyên lý cơ bản của nó là sự phản ánh đúng hiện thực khách quan. Sức sống đó còn được quyết định bởi những người cách mạng và các đảng cộng sản nắm vững học thuyết Mác với tính cách là nền tảng tư tưởng và kim chỉ nam cho hành động để suy nghĩ độc lập và để giải quyết một cách sáng tạo những vấn đề lịch sử cụ thể mà cuộc đấu tranh của mỗi nước và của thời đại đặt ra. Sức sống của chủ nghĩa Mác là ở chỗ nó chính là cuộc sống, là cây đời xanh tươi chứ không phải lý luận xám xịt. Thực tiễn đã và sẽ còn mang lại ngày càng nhiều cơ sở để chứng minh cho sức sống của chủ nghĩa Mác, và công cuộc đổi mới của Việt nam đang là một minh chứng có giá trị, đóng góp vào cuộc đấu tranh chung nhằm bảo vệ và phát triển chủ nghĩa Mác - Lê-nin, tư tưởng Hồ Chí Minh trong thế giới đầy biến động này. ❑

Digitized by Google

PHÁT TRIỂN NHANH ĐỂ ĐƯA ĐẤT NƯỚC TIẾN LÊN CHỦ NGHĨA XÃ HỘI

NGUYỄN THỊ BÌNH *

CÔNG cuộc đổi mới đất nước do Đảng ta tổ chức và lãnh đạo trong 10 năm qua đã đạt được những thành quả quan trọng : chấm dứt cơ bản được nạn đói, thất học ; đời sống nhân dân được cải thiện rõ rệt ; một bộ phận dân cư giàu lên ; Nhà nước bước đầu đã có tích lũy để tạo cơ sở vật chất, kỹ thuật cho công nghiệp hóa, hiện đại hóa và chăm lo mở mang phúc lợi (văn hóa, giáo dục, y tế), chăm lo cho người có công với cách mạng và những người nghèo, có hoàn cảnh khó khăn. Trên đà này, tiếp tục giữ được tốc độ tăng trưởng cao, ổn định về chính trị, thực hiện tốt các chủ trương của Đảng và Nhà nước, không những về kinh tế mà cả về văn hóa, giáo dục, xã hội thì chắc chắn đất nước ta sẽ tiến lên nhanh chóng, theo đúng định hướng xã hội chủ nghĩa.

Tuy nhiên, nền kinh tế thị trường cũng sản sinh nhiều hệ quả tiêu cực, như : sự phân hóa giàu nghèo diễn ra gay gắt, lối sống xa hoa, vụ lợi, chạy theo đồng tiền... Ngoài ra, do thiếu hiểu biết và do năng lực quản lý, điều hành còn hạn chế đã làm cho nền kinh tế nước ta đứng trước những khó khăn và lúng túng trong việc hoạch định đường hướng phát triển. Trước tình hình đó, một số người có sự phân vân về hướng đi tới. Những người tâm huyết đang trăn trở, băn khoăn về việc chúng ta sẽ lựa chọn một phương án như thế nào để chớp lấy *vận hội*, phát triển nhanh mà không rơi vào *nguy cơ* chệch hướng xã hội chủ nghĩa.

Trước hết, cần khẳng định sự cần thiết phải tận dụng cơ hội để phát triển nhanh. Trong thời đại cách mạng khoa học kỹ thuật ngày nay, có thể nói nước nào cũng đứng trước thách thức, và buộc phải vượt qua để phát triển. Đối với những nước nghèo thì sự thách thức càng lớn. Nước ta là một trong số ít những nước nghèo thuộc "thế giới thứ ba", nhờ chính sách đổi mới của Đảng mà từng bước ra khỏi khủng hoảng kinh tế xã hội. Chúng ta cần tranh thủ thời cơ để mau chóng trở thành một nước công nghiệp phát triển, có đủ sức mạnh để bảo vệ nền độc lập dân tộc và đi theo con đường mình lựa chọn. Vấn đề đặt ra là : làm sao thực hiện được sự phát triển kinh tế theo cơ chế thị trường, mở cửa hội nhập, đồng thời giữ vững định hướng xã hội chủ nghĩa ?

Nhìn lại các chủ trương, chính sách của Đảng trong đổi mới kinh tế, chúng ta nhận thấy rằng, chúng ta luôn đứng vững trên lập trường dân tộc và giai cấp : chủ trương phát triển nhiều thành phần kinh tế nhưng vẫn coi kinh tế quốc doanh là chủ đạo ; chủ trương phát triển kinh tế đi đôi với tiến bộ xã hội, không để cho sự phân hóa giàu nghèo dẫn đến tình trạng đối lập giai cấp ; mở rộng hợp tác quốc tế trên cơ sở đảm bảo chủ quyền dân tộc... Nhưng nếu các chủ trương đó không được thực hiện tốt hoặc để xảy ra những lệch lạc kéo dài, cũng có thể đi chệch định hướng xã hội chủ nghĩa ngay từ lĩnh vực kinh tế. Bên cạnh đó, nếu không khắc phục được những tiêu cực như tệ nạn tham nhũng, buôn lậu và tình trạng thoái hóa, biến chất trong một bộ phận cán bộ, đảng viên, thì sẽ làm suy yếu chế độ, và đây là miếng đất tốt cho những hoạt động diễn biến hòa bình của các thế lực thù địch. Cái khó của chúng ta là, con đường xã hội chủ nghĩa mà chúng ta lựa chọn còn mới mẻ, việc va vấp, mắc lầm lỗi nhất thời là điều khó tránh khỏi. Do vậy phải xem xét thận trọng trong từng bước đi, kịp thời chấn chỉnh những lệch lạc, bảo đảm không xa rời mục tiêu. Nghị quyết Đại hội VII đã nêu rõ cần có sự quản lý của Nhà nước để có thể giữ định

* Phó chủ tịch nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt nam

Digitized by Google

hướng đúng đắn trong khi phát triển kinh tế theo cơ chế thị trường. Vai trò lãnh đạo của Đảng và trình độ quản lý của Nhà nước cần được phát huy cao độ để bảo đảm vận hành cơ chế thị trường có hiệu quả, đồng thời bảo đảm sự phát triển đúng hướng. Nhờ dựa vào dân, lấy dân làm gốc theo tư tưởng Hồ Chí Minh và vận dụng sáng tạo học thuyết Mác - Lê-nin, Đảng cộng sản Việt nam đã đề ra được cương lĩnh xây dựng chủ nghĩa xã hội trong thời kỳ quá độ phù hợp quy luật khách quan và được thực tiễn chứng minh là đúng đắn (tất nhiên những hình thức, mô hình phát triển cho từng giai đoạn, từng bước đi cụ thể còn cần được tiếp tục nghiên cứu, thử nghiệm).

Một điều đáng quan tâm là trình độ hiểu biết và năng lực điều hành của chúng ta còn bất cập với nhiệm vụ. Do đó, đổi mới nội dung quản lý, trước hết là quản lý nhà nước, nâng cao năng lực của bộ máy quản lý đất nước về mọi mặt, trở thành yêu cầu số một của nhiệm vụ giữ định hướng xã hội chủ nghĩa trong khi phát triển kinh tế theo cơ chế thị trường.

Đặc trưng quan trọng phát triển kinh tế theo cơ chế thị trường là giảm sự can thiệp trực tiếp bằng hành chính, mệnh lệnh của nhà nước vào các hoạt động kinh tế nhưng lại đề cao vai trò của nhà nước trong việc chỉ ra phương hướng, tạo môi trường thuận lợi cho kinh tế phát triển, thúc đẩy tăng trưởng kinh tế, hỗ trợ các doanh nghiệp trong lúc khó khăn và kiểm tra, giám sát hoạt động của mọi thành phần kinh tế căn cứ vào luật pháp, chính sách.

Chủ trương xóa dần vai trò chủ quản của các bộ đang được thực hiện là một bước đổi mới công tác quản lý nhà nước. Chủ trương này cần đi đôi với cải cách các thủ tục hành chính và thay đổi nội dung quản lý nhà nước đối với doanh nghiệp. Các cơ quan quản lý nhà nước cần cung cấp thông tin, hướng dẫn doanh nghiệp trong việc lựa chọn phương hướng kinh doanh, đối tác làm ăn và thị trường tiêu thụ để hạn chế những tổn thất mà doanh nghiệp phải chịu vì những rủi ro trên thương trường. Thay đổi nội dung quản lý nhà nước như trên đòi hỏi nâng cao trình độ của cán bộ quản lý cả về chuyên môn lẫn đạo đức, phẩm chất cách mạng.

Nhà nước cũng cần hỗ trợ doanh nghiệp khi cần thiết nhằm giúp họ ra khỏi khó khăn hoặc có thêm điều kiện phát triển. Trong liên doanh kinh tế với nước ngoài, nếu cán bộ quản lý có trình độ hiểu biết và năng lực điều hành thì có thể lựa chọn các phương án đầu tư đúng hướng, là tiền đề cho việc thu được hiệu quả kinh tế cao, tạo được nhiều việc làm cho người lao động, quyền lợi của người lao động trong các xí nghiệp liên doanh, xí nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài được bảo đảm. Nhưng ngược lại, nếu như cán bộ quản lý được giao những trọng trách mà lại kém năng lực quản lý hoặc phẩm chất cách mạng thì chúng ta sẽ chịu thua thiệt nhiều bề... Thực tế điều này đang diễn ra ở nhiều địa phương. Hay như vấn đề cạnh tranh được coi là một động lực phát triển kinh tế theo cơ chế thị trường, nhưng trong khi liên doanh kinh tế với nước ngoài, nếu không có sự theo dõi, quản lý sẽ dẫn đến việc nhà nước không kiểm soát được quá trình này, gây tổn thất về kinh tế, mà có khi cả chủ quyền quốc gia cũng bị xâm phạm.

Để làm trọn chức năng tạo môi trường thuận lợi cho kinh tế phát triển, nhà nước cần xây dựng và hoàn chỉnh luật lệ ; kiểm tra, giám sát việc thi hành luật. Mặc dù chúng ta đã có nhiều cố gắng nhưng đến nay các chủ trương, chính sách của Đảng về kinh tế, chính trị, xã hội chưa được thể chế hóa một cách đầy đủ. Sắp tới cần tiếp tục đầu tư nhiều thời gian và trí tuệ vào lĩnh vực này để cho nhân dân và cả người nước ngoài thấy rõ các hành lang pháp lý mà họ cần tuân theo, đồng thời để mọi người yên tâm hoạt động. Tuy nhiên, luật lệ không thể hoàn chỉnh ngay một lúc và không thể tránh được hết kẽ hở ; nó phải được bổ sung, sửa chữa để theo sát tình hình thực tiễn. Cuộc sống cho thấy các biểu hiện tham nhũng, buôn lậu, đầu cơ, trục lợi, lũng đoạn thị trường... phần lớn nảy sinh từ các kẽ hở của luật pháp và sự tiếp tay của bộ phận những người thi hành công vụ. Chính vì vậy, cùng với việc ban hành các thể chế, luật pháp, việc nghiên cứu điều chỉnh, bổ sung nó cho phù hợp với cuộc sống cũng là một yêu cầu tất yếu để bảo đảm cho đất nước phát triển theo đúng định hướng. Ở đâu và lúc nào nếu cách điều hành chưa tốt, chưa phù hợp thì ở đó sẽ nảy sinh những khó khăn vướng mắc, những

Digitized by Google

tiêu cực làm trì trệ sản xuất, làm rối, chậm nhịp độ phát triển kinh tế, thậm chí gây nên sự xáo trộn trong xã hội và tâm lý hoang mang trong nhân dân (cơn sốt xi măng, cơn sốt gạo là những ví dụ). Vì vậy, tăng cường hiệu lực quản lý điều hành kinh tế xã hội của Nhà nước đi đôi với nâng cao năng lực lãnh đạo, tổ chức của Đảng là điều kiện tiên quyết cho việc xây dựng một nền kinh tế phát triển theo đúng định hướng xã hội chủ nghĩa. Đảng cần chú trọng đặc biệt đến việc vạch ra đường lối, chiến lược đúng, bố trí các bước đi thích hợp, kịp thời nghiên cứu, đề xuất các chính sách, chủ trương sát thực tế. Kinh nghiệm chỉ ra rằng, việc đề ra đường lối đúng tuy rất quyết định nhưng nếu đường lối đó không được tổ chức thực hiện tốt trong cuộc sống thì kết quả sẽ rất hạn chế. Do đó, một công việc quan trọng hơn của Đảng là tăng cường công tác kiểm tra, giám sát việc thực hiện đường lối, chủ trương trong cuộc sống, ở cả lĩnh vực quản lý nhà nước và kinh doanh.

Đảng cần chú trọng bồi dưỡng, đào tạo cán bộ để có đủ người có đức, có tài bố trí vào các vị trí then chốt. Ở bất kỳ lĩnh vực nào, đảng viên cũng phải là những người biết giữ gìn phẩm chất, đạo đức, làm giàu chính đáng, nhưng không quên những việc làm nhân nghĩa, không chạy theo đồng tiền mà coi thường lợi ích của cộng đồng, bài trừ tệ nạn tham nhũng, quan liêu và các thói hư tật xấu khác đang làm xói mòn phẩm chất đạo đức của người cán bộ cách mạng. Có như thế, phát triển kinh tế nhanh theo cơ chế thị trường mới không làm phương hại đến định hướng xã hội chủ nghĩa.

Thời gian qua, chúng ta phải tập trung vào phát triển kinh tế để có sự tăng trưởng nhanh, đưa nước ta thoát ra khỏi khủng hoảng. Nay đất nước đã ra khỏi khủng hoảng kinh tế, đã đến lúc cần quan tâm đúng mức việc kết hợp hài hòa giữa nhiệm vụ phát triển kinh tế và giải quyết những vấn đề xã hội. Vì vấn đề xã hội không những chỉ là mục tiêu mà còn là điều kiện, và là động lực của sự phát triển.

Bản chất ưu việt của chế độ ta, nhà nước ta là luôn quan tâm chăm sóc đến lợi ích của con người, của nhân dân. Chúng ta khuyến khích mọi người dân, bằng sức lực và trí tuệ của mình, làm giàu cho bản thân, cho đất nước, nhưng chúng ta cũng đòi hỏi mọi người phải sống và làm việc theo luật pháp. Tôn trọng nhân phẩm, đạo đức và truyền thống dân tộc không phải chỉ là nhiệm vụ của cá nhân, mà còn là nhiệm vụ của nhà nước, của cộng đồng.

Với tư cách là người quản lý xã hội, Nhà nước cần ban hành những cơ sở pháp lý cho những chuẩn mực xã hội, xác lập những cơ chế quản lý xã hội, trước hết trong lĩnh vực văn hóa, giáo dục, làm cho cuộc sống của nhân dân ngày càng tốt hơn ; những giá trị đạo đức, phẩm chất con người, những truyền thống văn hóa dân tộc được giữ gìn và phát huy ; ý thức độc lập tự chủ, tôn trọng pháp luật, sự tự do và bình đẳng trong lao động, học tập của mỗi người được đề cao. Nhà nước và các tổ chức xã hội cần hướng nhiệm vụ đó vào gia đình - tế bào của xã hội, coi gia đình là đơn vị tổ chức thực hiện. Người xưa có câu "tề gia, trị quốc, bình thiên hạ" không phải không có lý khi quan niệm sự bình ổn của gia đình là cơ sở của sự bình ổn xã hội.

Các tổ chức xã hội cũng cần xác định đầy đủ nhiệm vụ của mình, cùng với nhà nước và gia đình giáo dục, đào tạo con người - công dân để đảm đương các công việc xây dựng và giữ gìn đất nước. Có như thế, cùng với việc làm cho dân giàu, nước mạnh, mục tiêu xã hội công bằng, văn minh mới được thực hiện ; và chỉ có trên cơ sở giải quyết tốt các mục tiêu xã hội mới hy vọng có một sự tăng trưởng kinh tế bền vững, sự ổn định chính trị cần thiết.

Nói đến định hướng xã hội chủ nghĩa, chính là nói đến sự phát triển kinh tế phục vụ cho xã hội, cho con người ; là nói đến công bằng xã hội, một xã hội mà trong đó không thể có người giàu bóc lột người không có phương tiện làm ăn...; là nói đến một nền văn hóa dân tộc cùng những đạo đức truyền thống tốt đẹp được bảo vệ và phát huy.

Thực hiện những điều trên đây không phải dễ dàng, nhưng với những quan điểm đúng đắn, với quyết tâm cao, nhất định chúng ta có thể và phải thực hiện tốt để đưa nước ta thành một nước công nghiệp phát triển theo hướng xã hội chủ nghĩa ❑

Digitized by Google

THỰC HIỆN TỐT HƠN NỮA CHÍNH SÁCH DÂN TỘC CỦA ĐẢNG

Y NGÔNG NIÊ KĐĂM *

VIỆT NAM là một nước độc lập, thống nhất, có nhiều dân tộc anh em chung sống. Tình yêu quê hương đất nước đã gắn bó chặt chẽ các dân tộc với nhau trong suốt quá trình dựng nước, giữ nước trước đây cũng như trong xây dựng cuộc sống mới hôm nay.

Sinh thời, Bác Hồ thường kêu gọi : "Phải đoàn kết các dân tộc anh em, cùng nhau xây dựng Tổ quốc. Phải ra sức làm cho miền núi tiến kịp miền xuôi, vùng cao tiến kịp vùng thấp."

Trong suốt quá trình cách mạng, với đường lối đúng đắn, theo tư tưởng của Bác Hồ, Đảng cộng sản Việt nam đã tập hợp được một đội ngũ chiến sĩ kiên cường, những người con ưu tú của các dân tộc anh em cùng tham gia xây dựng lực lượng vũ trang, thành lập Mặt trận dân tộc thống nhất, lập nên các khu căn cứ địa, mở đường tiến lên giải phóng hoàn toàn đất nước. Con số 116 anh hùng và 236 bà mẹ anh hùng người dân tộc thiểu số được Nhà nước ta tuyên dương đã nói lên một phần sự đóng góp to lớn, sự hy sinh cao cả của các dân tộc thiểu số cho sự nghiệp chung của toàn đảng, toàn dân ta.

Hiện nay, nước ta có 54 dân tộc sống ở 53 tỉnh, thành phố. Từ sau ngày giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước năm 1975, được sự chăm lo của Đảng và Nhà nước, các dân tộc thiểu số Việt nam đã có sự phát triển khá đồng đều. Nhiều vùng, nhiều địa phương đã có những bước đi khá mạnh mẽ, đời sống vật chất, tinh thần được nâng cao rõ rệt. Trước đây, phần lớn các dân tộc thiểu số sống ở miền núi, vùng sâu, vùng xa, giao thông đi lại khó khăn, có chỗ sống rất biệt lập, kinh tế chủ yếu là tự cấp tự túc. Bây giờ cuộc sống đan xen (xen canh, xen cư), hợp tác làm ăn của bà con các dân tộc đang trở thành phổ biến ở trên 40 tỉnh, thành phố. Chẳng hạn như ở Đắc lắc, ngày trước chỉ có vài dân tộc, nay đã có 36 dân tộc anh em chung sống ; ở Bà rịa - Vũng tàu có tới 27 dân tộc. Trước đây người Tày, người H'Mông sống trên núi cao Việt bắc, nay đã tới sinh sống ở Tây nguyên, Vũng tàu. "Dân tộc Việt nam là một, Tổ quốc Việt nam là một", chân lý đó đã và đang được toàn đảng, toàn dân ta chăm lo xây đắp.

Thực hiện chính sách đổi mới của Đảng, nhất là từ khi có Nghị quyết 22 của Bộ chính trị và Quyết định 72 của Chính phủ, với các chương trình, mục tiêu theo định hướng xã hội chủ nghĩa, nhất là việc chuyển dịch cơ cấu sản xuất và cơ cấu kinh tế, đã tạo điều kiện cho kinh tế - xã hội ở các vùng dân tộc và miền núi có sự phát triển mới phù hợp với tiềm năng và thế mạnh của mình. Quá trình đô thị hóa ở miền núi đã và đang khởi sắc. Ở đó, cư dân các dân tộc ít người đang tăng dần lên, đời sống dân trí không ngừng được nâng cao.

Song song với sự phát triển kinh tế, sự nghiệp giáo dục, y tế, văn hóa, cũng đã có nhiều tiến bộ. Hệ thống trường phổ thông dân tộc nội trú, các trường dự bị đại học, các lớp dành riêng cho con em dân tộc ít người, các trường đại học, trung học chuyên nghiệp ở Việt bắc, Tây nguyên, Nam bộ ngày càng tăng cả về số lượng và chất lượng. Đó là nguồn đào tạo cán bộ rất quan trọng cho các vùng dân tộc và miền núi. Đội ngũ cán bộ dân tộc thiểu số đang được bồi dưỡng, đào tạo và đào tạo lại, để vừa có năng lực chuyên

* Bác sĩ, ủy viên Ủy ban thường vụ Quốc hội, Chủ tịch Hội đồng dân tộc của Quốc hội

Digitized by Google

môn tốt, vừa gắn bó sâu sắc với tiến bộ xã hội của quê hương mình.

Việc phát triển văn hóa, giữ gìn bản sắc dân tộc cũng được chú ý. Các hệ thống truyền thanh, truyền hình phát triển đã đem ánh sáng văn minh, tiến bộ kỹ thuật đến các buôn làng xa xôi, hẻo lánh và các vùng biên giới, hải đảo. Điều đó đã góp phần quan trọng vào việc ổn định kinh tế - chính trị của cả nước.

Tinh thần tự lực tự cường, sự vươn lên của mỗi dân tộc là hết sức quan trọng, là yếu tố quyết định đối với sự tiến bộ xã hội. Nhiều mô hình làm ăn tốt của bà con trong buôn làng, bản mường xuất hiện. Điều này chứng minh rằng chính sách dân tộc của Đảng ta là hoàn toàn đúng đắn. Trong việc xây dựng Nhà nước pháp quyền cần phải thể chế chính sách dân tộc của Đảng thành luật pháp của Nhà nước. Thực hiện Nghị quyết của Quốc hội về công tác xây dựng pháp luật từ nay đến hết nhiệm kỳ Quốc hội khóa IX, được Ủy ban thường vụ Quốc hội phân công, Hội đồng dân tộc của Quốc hội đang chủ trì soạn thảo Luật dân tộc để tạo ra cơ sở pháp lý giải quyết những vấn đề phát sinh trong quan hệ giữa các dân tộc, để cùng xây dựng cuộc sống ấm no và hạnh phúc, đồng thời giữ gìn và phát huy bản sắc tốt đẹp của mỗi dân tộc trên đất nước Việt nam.

Tuy nhiên, việc làm này cũng mới ở bước đầu. Từ khi nền kinh tế nước ta chuyển sang cơ chế thị trường, có những nguyên nhân do lịch sử để lại cộng với các khó khăn khách quan và chủ quan, đa số vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi chuyển chưa kịp với đà tiến chung. Tài nguyên nhiều vùng bị khai thác cạn kiệt, vốn đầu tư hạn hẹp, dân số tăng nhanh, cơ sở hạ tầng thấp kém, nên đời sống của đồng bào, nhất là vùng sâu vùng xa, vùng căn cứ cách mạng, còn gặp nhiều khó khăn. Hàng vạn dân ở các tỉnh miền núi phía Bắc, miền Trung đã ồ ạt di cư vào Tây nguyên và các tỉnh phía Nam, gây nên tình trạng phá rừng, tranh chấp đất đai, đang là vấn đề sôi động ở một số địa phương.

Để thực hiện tốt chính sách dân tộc của Đảng, trước mắt các cấp, các ngành cần thực hiện tốt Nghị quyết 22 của Bộ chính trị và Quyết định 72 của Chính phủ, cụ thể là thực hiện có hiệu quả các Chương trình mục tiêu đã được phê duyệt (như Chương trình 327 về phủ xanh đất trống đồi trọc, bảo vệ rừng; các chương trình định canh định cư ; xóa đói giảm nghèo ; phòng chống và kiểm soát ma túy ; chương trình hỗ trợ các dân tộc đặc biệt khó khăn), thực hiện các chính sách trợ giá, xây dựng các trung tâm, cụm, xã... làm tốt công tác đầu tư, hợp tác quốc tế trên các vùng dân tộc và miền núi.

Trong công tác dân tộc và miền núi, cần chú trọng một số vấn đề chủ yếu sau đây :

1 - Phân bố các dân tộc bằng sự phân tán và xen kẽ. Điều này làm nảy sinh 2 ưu, khuyết điểm khác nhau. Sự cư trú xen kẽ tạo điều kiện cho các dân tộc hiểu biết lẫn nhau, góp phần thuận lợi tăng cường đoàn kết tương trợ. Mặt khác, do hằng ngày chung đụng trong cuộc sống làm ăn, sinh hoạt, tập quán khác nhau dễ xảy ra xích mích, va chạm. Vì thế, cần đề cao truyền thống đoàn kết, tương trợ giúp đỡ lẫn nhau giữa các dân tộc.

2 - Trình độ phát triển kinh tế - xã hội các dân tộc nước ta không đồng đều, do đó đời sống, mức sống, trình độ dân trí cũng khác nhau. Vì vậy các chính sách, chế độ cụ thể với từng dân tộc hoặc từng vùng phải được xem xét kỹ lưỡng nhằm thu hẹp khoảng cách giữa dân tộc đa số và thiểu số, giữa miền xuôi và miền núi ; từng bước bảo đảm quyền bình đẳng dân tộc trên mọi mặt kinh tế - xã hội.

3 - Mối quan hệ giữa các dân tộc ở nước ta rất phức tạp do nhiều nguyên nhân (do lịch sử để lại, do tập quán, do các thế lực thù địch gây ra, hoặc do cán bộ ta ở cơ sở không chấp hành tốt chính sách dân tộc của Đảng, và do một số vấn đề nảy sinh trong quá trình phát triển như xây dựng nông, lâm trường, làm đường, thủy điện, di cư...) có thể dẫn đến mâu thuẫn, mất đoàn kết. Những vấn đề phức tạp này khi giải quyết phải thận trọng, dân chủ, hết sức tránh thô bạo, giản đơn.

4 - Trong việc quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội, các địa phương và các ngành cần

Digitized by Google

chú ý giải quyết *không gian sinh tồn* trong buôn làng cho đồng bào, cụ thể là :

- Đất để làm nhà ở, kể cả nhà công cộng.

- Đất để làm nương rẫy và làm V.A.C.

- Đất để làm nghĩa địa tập thể cho dòng họ.

- Đất rừng để săn bắn, hái lượm, thu nhặt lâm thổ sản, chăn nuôi gia súc.

- Đất có nguồn nước.

- Đất rừng làm ranh giới giữa các buôn làng, bản mường với nhau để tránh xâm canh xâm cư.

5 - Vấn đề già làng, trưởng bản : Các bản mường ở miền núi phía Bắc, đặc biệt buôn Plêi ở vùng Trường sơn - Tây nguyên vốn là những công xã láng giềng, người ở trong đó gắn bó với nhau ngoài quan hệ họ hàng còn là quan hệ đất đai, láng giềng. Sự tồn tại của *già làng* và *hội đồng già làng* bên cạnh chính quyền sở tại đã góp phần điều hòa cuộc sống của buôn làng, bản mường theo pháp luật nhà nước và tập quán dân tộc. Các già làng, trưởng họ, thầy mo, thầy cúng còn có uy tín lớn trong đời sống dân tộc. Vì vậy, trong công tác lãnh đạo, chỉ đạo, chúng ta phải bảo đảm sự vững mạnh, tính hiệu lực của chính quyền, mặt khác cần phát huy tính tích cực của thiết chế xã hội truyền thống qua vai trò của già làng.

6 - Vấn đề tôn giáo và tín ngưỡng ở các dân tộc thiểu số : Đây là một vấn đề thời sự nóng bỏng của nhiều nước, nhiều khu vực trên thế giới. Ở nước ta có vấn đề tín ngưỡng của nhân dân và âm mưu của các thế lực thù địch. Đảng ta đã chỉ rõ : Tín ngưỡng là nhu cầu (tâm lý, tình cảm) của một bộ phận nhân dân. Các tục lệ (đấu trâu, thờ cúng tổ tiên, cầu mưa, lễ hội tưởng niệm các anh hùng dân tộc, kỷ niệm ông tổ các ngành nghề, tổ chức ma chay, cưới xin...) ta không nên cấm đoán, nhưng cần có tổ chức và hướng dẫn cụ thể cho phù hợp với nếp sống văn minh và nền văn hóa mới của dân tộc đồng thời phát huy được những phong tục, tập quán và truyền thống tốt đẹp của các dân tộc.

Việc xử lý các thế lực phản động lợi dụng tôn giáo để hoạt động chống phá cách mạng cần được chú trọng và theo đúng pháp luật của Nhà nước.

7 - Sự tham gia của các dân tộc vào công tác đảng, đoàn thể và quản lý nhà nước: Ngay từ sau ngày Nhà nước Việt nam dân chủ cộng hòa được thành lập, Đảng và Bác Hồ đã rất quan tâm trong việc bố trí cán bộ là người của các dân tộc tham gia chính quyền các cấp từ trung ương xuống các địa phương. Trong hội đồng nhân dân xã, huyện, tỉnh cho tới Quốc hội - cơ quan quyền lực cao nhất của cả nước có đại biểu của nhiều dân tộc. Đặc biệt, Quốc hội ta còn có Hội đồng dân tộc là cơ quan thường trực của Quốc hội, giải quyết những vấn đề có liên quan đến các dân tộc. Để các đại biểu dân tộc thiểu số làm tròn được nhiệm vụ của mình, việc đào tạo đội ngũ cán bộ, trí thức dân tộc, đông về số lượng và bảo đảm về chất lượng là một vấn đề bức thiết hiện nay. Muốn vậy phải củng cố hệ thống trường dân tộc nội trú, đặc biệt ưu tiên tới vùng sâu, vùng xa để dân tộc nào cũng có cán bộ chủ chốt của họ. Song song với đào tạo, các cấp ủy đảng cần hết sức quan tâm đến công tác phát triển đảng để dân tộc nào cũng có đảng viên và tổ chức đảng trực tiếp lãnh đạo, làm nòng cốt để phát triển kinh tế - xã hội ở địa phương.

Việc thực hiện chính sách dân tộc của Đảng cũng như pháp luật của Nhà nước ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số cần được áp dụng xem xét, nghiên cứu cho phù hợp, có lý có tình ; tránh áp đặt, cào bằng, thô bạo. Phải thật sự dân chủ bàn bạc để mọi người hiểu và tự nguyện chấp hành.

Trên đây là một số *giải hạ quan trọng cần được quan ntriệt thực hiện đồng bộ* với những bước đi thích hợp đối với từng vùng, từng dân tộc. Chắc chắn những giải pháp đó sẽ góp phần thiết thực phát triển kinh tế - xã hội ở các vùng dân tộc và miền núi, làm cho 54 dân tộc anh em trong cộng đồng các dân tộc Việt nam cùng nhau chung sống thân ái như 54 cái cột vững chắc dựng nên ngôi nhà Việt nam, không ngừng phấn đấu vì mục tiêu "dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, văn minh" theo định hướng xã hội chủ nghĩa ❑

Digitized by Google

TỆ NẠN XÃ HỘI
nỗi lo không của riêng ai

NGUYỄN THỊ HẰNG *

SAU gần 10 năm đổi mới dưới sự lãnh đạo của Đảng, đất nước ta vượt bao khó khăn, thử thách, nay đã ra khỏi khủng hoảng kinh tế - xã hội. Đời sống nhân dân được cải thiện rõ rệt, niềm vui đang đến với mọi nhà. Song có một nỗi lo vẫn canh cánh trong lòng mọi người là xã hội đã và đang xuất hiện một số tệ nạn làm hủy hoại những giá trị truyền thống của dân tộc. Tệ nạn xã hội lại có chiều hướng tăng lên cùng với bước tiến của nền kinh tế.

Nói đến tệ nạn xã hội là nói đến những loại hình hoạt động trái pháp luật, trái luân thường đạo lý, trái với chuẩn mực và giá trị sống của con người Việt nam hôm nay, ở đây tôi muốn đề cập đến *ba* loại tệ nạn chủ yếu : *mại dâm, ma túy* và *cờ bạc*.

Theo số liệu thống kê chưa đầy đủ, cả nước hiện có 76 900 gái mại dâm (trong đó có 14 982 đối tượng chuyên nghiệp, có hồ sơ quản lý), 3 126 chủ chứa mại dâm ; 183 200 đối tượng nghiện ma túy (trong đó số có hồ sơ quản lý là 47 150) ; 2 781 chủ chích hút ma túy.

Tệ nạn mại dâm, từ những hoạt động công khai, mời chào trắng trợn mấy năm trước, nay đang đi vào hoạt động ngấm ngầm, ngụy trang trong các nhà hàng, khách sạn, vũ trường, phòng mát xa, ka-ra-ô-kê... Địa bàn hoạt động của các đối tượng không chỉ tập trung ở đô thị lớn mà đã lan về các làng quê, lên tận vùng cao, nơi cư trú của đồng bào các dân tộc thiểu số. Đáng lo ngại và căm phẫn hơn là tệ hiếp dâm, cưỡng dâm, lạm dụng tình dục trẻ em có phần tăng lên. Theo thống kê của Bộ nội vụ, tính từ đầu năm 1993 đến tháng 11-1995, cả nước có 1 682 vụ hiếp dâm thì có tới 354 vụ nạn nhân là trẻ em (chiếm hơn 21%). Nếu như năm 1993, số vụ hiếp dâm trẻ em chiếm 14,6% thì năm 1994 tăng lên 16,6% và đến 6 tháng đầu năm 1995 tăng lên đến 30%. Đáng chú ý là một số tỉnh phía Nam như TP Hồ Chí Minh, Đồng nai, Đắc lắc... tỷ lệ này là 50%, thậm chí đến 94% như ở Minh hải. Kèm theo đó là nạn mại dâm trẻ em cũng có chiều hướng gia tăng.

Về đối tượng nghiện ma túy, trước đây chỉ tập trung ở những vùng đồng bào dân tộc thiểu số có trồng cây thuốc phiện và các nhóm người hư hỏng ở thành phố thì nay đã lan về tận các vùng quê, sang cả đối tượng người về hưu và nguy hiểm hơn là ở một bộ phận học sinh phổ thông. Thống kê xã hội học cho thấy hơn 80% đối tượng nghiện ma túy đang độ tuổi thanh niên và hơn 50% thuộc gia đình khá giả. Hình thức sử dụng ma túy ngoài hút và tiêm chích, nay mới xuất hiện thêm dạng hít hê-rô-in ở các thành phố lớn.

Nạn cờ bạc với nhiều biến tướng đang phát triển cả về quy mô và hình thức tổ chức. Ngoài những sòng bạc lớn có tính chuyên nghiệp thì cờ bạc cũng đang len lỏi trong mọi góc phố, làng quê và lan đến cả đối tượng học sinh, sinh viên và cán bộ nhà nước, cá biệt có cả đảng viên. Số đề, một biến tướng của cờ bạc, đang như một nạn dịch hoành hành từ địa phương này sang địa phương khác, khiến không ít gia đình khuynh gia bại sản. Nghiêm trọng hơn, ở một số địa phương như Lào cai, Yên bái, Hà tĩnh, có tình trạng cán bộ ngành ngân hàng thông đồng với người ngoài rút tiền nhà nước ra chơi đề với số tiền lên đến hàng chục tỉ đồng (không có khả năng thu hồi).

Các tệ nạn xã hội không tồn tại riêng lẻ mà thường gắn với nhau và là đầu mối dẫn đến các loại tội phạm khác như lưu manh, trộm cướp, và đặc biệt liên quan với "quốc nạn" tham nhũng, xa hoa, lãng phí tiền của nhà nước.

* Ủy viên Trung ương Đảng. Thứ trưởng Bộ lao động - thương binh và xã hội

Digitized by Google

Tác hại của tệ nạn xã hội thật khôn lường. Nó làm thất thoát một khối lượng khổng lồ tài sản của xã hội (trung bình một con nghiện thuốc phiện mỗi ngày đốt hết vài ba chục ngàn đồng, nếu là nghiện hê-rô-in thì còn hơn nữa, tới 300 - 400 nghìn đồng). Không ít gia đình đã cầm cố cả nhà cửa, ruộng vườn để chơi số đề. Những kẻ tham nhũng, đục khoét của công thì dùng tiền nhà nước để ăn chơi phè phỡn tại các tụ điểm có tệ nạn xã hội. Tệ nạn xã hội làm què quặt cả thể chất và tinh thần một bộ phận thanh, thiếu niên, làm tha hóa không ít cán bộ, đảng viên, trong đó có cả những người giữ cương vị lãnh đạo.

Tệ nạn xã hội không chỉ là mối nguy đối với an ninh xã hội và sự bình yên của mỗi gia đình, mà giờ đây nó còn thực sự đe dọa sự tồn vong của giống nòi. Đại dịch HIV-AIDS mà số nạn nhân của nó đang tăng với tốc độ bất ngờ (theo con số mới nhất của Ủy ban quốc gia phòng chống HIV-AIDS mà thường là thấp hơn rất nhiều so với thực tế, cả nước ta hiện có 3 375 người nhiễm HIV, tăng hơn 1 000 người so với năm 1994), trong đó tuyệt đại đa số (gần 90%) thuộc đối tượng mại dâm, nghiện ma túy. Đó chính là lời cảnh báo nghiêm khắc về hậu quả khủng khiếp của tệ nạn xã hội.

Tình trạng gia tăng tệ nạn xã hội hiện nay có nhiều nguyên nhân. Đất nước chuyển sang nền kinh tế thị trường và mở cửa để hội nhập với thế giới. Kinh tế thị trường, bên cạnh mặt tích cực là cơ bản, cũng có mặt trái là kích thích tâm lý sống gấp, hưởng thụ, kích thích lòng ham muốn làm giàu bằng mọi cách và bằng mọi giá, bất chấp đạo lý và pháp luật. Đáng chú ý là việc kinh doanh ma túy, mại dâm... lại có thể mang đến lợi nhuận cao hơn bất kỳ một ngành kinh doanh nào khác.

Tình trạng thất nghiệp, thiếu việc làm trong một bộ phận không nhỏ dân cư cùng lực lượng trẻ em lang thang, không nơi nương tựa, cũng là những nhân tố góp phần làm cho tệ nạn xã hội sinh sôi nảy nở.

Song qua 10 năm, thời gian đủ để chúng ta nhận chân thực tế và không có lý gì tất cả đều đổ lỗi cho khách quan. Nhìn lại quá trình phát triển của đất nước, nhất là ở *hai* thời điểm : sau năm 1954 ở miền Bắc và sau năm 1975 ở miền Nam, kinh tế và đời sống lúc đó còn ở tình trạng thấp kém hơn bây giờ rất nhiều, nhưng mọi tệ nạn do xã hội cũ để lại đã nhanh chóng bị quét sạch về cơ bản, nhờ thái độ kiên quyết của Đảng, Nhà nước và nhân dân ta.

Như vậy, nếu nói do kinh tế thấp kém mà sinh ra tệ nạn xã hội, là điều khó lý giải. Còn nếu cho rằng tệ nạn xã hội là sản phẩm, là "định mệnh" của nền kinh tế thị trường, đã chấp nhận kinh tế thị trường là phải chấp nhận tệ nạn xã hội, thì càng không đúng. Chúng ta chủ động bước vào kinh tế thị trường và mở cửa, coi đó là một trong những định hướng cơ bản để đưa đất nước thoát khỏi nghèo nàn lạc hậu, bước vào kỷ nguyên phát triển vì mục tiêu "dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, văn minh". Nhân tố con người được đặt ở vị trí trung tâm của sự phát triển trên cơ sở thống nhất tăng trưởng kinh tế với tiến bộ xã hội. Với bản chất của chế độ ta, với truyền thống và đạo lý của dân tộc, nhất định chúng ta không thể chấp nhận một sự phát triển đơn thuần về mặt kinh tế bằng mọi giá mà trong đó bản sắc văn hóa dân tộc bị suy kiệt, môi trường xã hội bị ô nhiễm, con người bị hạ thấp, nhân phẩm bị chà đạp, nòi giống bị suy vong. Nhìn ra các nước trong khu vực, có những nước kinh tế thị trường đang phát triển ở đỉnh cao nhưng môi trường xã hội vẫn được giữ gìn, tệ nạn xã hội bị hạn chế ở mức tối đa.

Một bộ phận không nhỏ các thành viên trong xã hội, kể cả số người là nạn nhân của các tệ nạn xã hội, chưa nhận thức hết tác hại khủng khiếp của các tệ nạn đó. Vì vậy, thường có thái độ bàng quan, vô trách nhiệm, không tự giác ngăn ngừa và đấu tranh.

Về phía chủ quan, còn một thiếu sót nữa không thể bỏ qua là công tác quản lý của chúng ta trên lĩnh vực này một thời gian dài đã bị buông lỏng; thiếu luật và văn bản dưới luật; bộ máy, cơ chế thiếu đồng bộ, không có cơ quan chịu trách nhiệm chính. Ở nhiều địa phương, các cấp ủy đảng, chính quyền do chưa nhận thức hết tầm quan trọng của công tác phòng chống tệ nạn xã hội, nên chỉ khoán trắng cho các ngành chức năng mà thiếu sự quan tâm lãnh đạo, phối hợp hành động giữa các ngành, các cấp. Ở một số ngành, do buông lỏng quản lý, đã để cho các cơ sở kinh doanh dịch vụ của ngành mình tham gia kinh doanh mại dâm. Đợt kiểm tra do *Cục phòng chống tệ nạn xã hội* (Bộ lao động, thương binh và xã hội) phối hợp với *Cục cảnh sát hình sự* (Bộ nội vụ) tiến hành vào tháng 7-1995 ở 8 tỉnh

Digitized by Google

trọng điểm cho thấy kết quả như sau : có tới 463 cơ sở kinh doanh dịch vụ chứa chấp mại dâm, trong đó có 170 cơ sở do nhà nước quản lý (chiếm 36,7%).

Công tác điều tra, truy tố, xét xử tiến hành còn chậm, chưa có sự phối hợp đồng bộ giữa ba ngành công an, kiểm sát, tòa án. Việc xét xử, trừ một số vụ vận chuyển, kinh doanh ma túy với khối lượng lớn đã được xét xử nghiêm khắc, nhìn chung còn nương nhẹ, chưa có tác dụng giáo dục, răn đe đủ độ. Đặc biệt là đối với tội chứa chấp, kinh doanh mại dâm, mức án phổ biến mới là dưới 2 năm tù giam, còn khá nhiều án treo (chiếm 16% số đối tượng bị xử), chưa chú ý phạt thật nặng về kinh tế (tịch thu nhà cửa). Đối với một số đảng viên, cán bộ vi phạm tệ nạn xã hội (đánh bạc, mua dâm, kinh doanh mại dâm), việc xử lý chủ yếu mới là phạt hành chính. Đó là chưa kể một số nhỏ cán bộ cầm cân pháp luật thoái hóa biến chất, bị mua chuộc còn bao che, tiếp tay cho bọn tội phạm.

Công tác giáo dục, cải tạo, chữa bệnh, tái hòa nhập cộng đồng cho các đối tượng tệ nạn xã hội, nhìn chung hiệu quả còn thấp. Năm 1995, số người được cai nghiện chỉ chiếm 4,42% tổng số con nghiện, trong đó hơn 80% sau khi ra trại lại tái nghiện. Số gái mại dâm sau khi được giáo dục, chữa trị, thực sự hoàn lương chỉ chiếm 33%.

Công tác tuyên truyền, giáo dục, vận động làm thay đổi nhận thức của cộng đồng về tệ nạn xã hội tuy đã có một số kết quả, nhưng thực ra mới dừng ở bề nổi, chưa đi sâu được vào mọi tầng lớp nhân dân để tạo nên phong trào hành động xã hội bài trừ tệ nạn.

Đã nhận thấy nguyên nhân chủ quan là chính, vậy câu hỏi đặt ra là : *liệu chúng ta có thể phòng ngừa và bài trừ được tệ nạn xã hội hay không ?*

Cần khẳng định : chúng ta *có thể làm được* bằng sức mạnh và ý chí của cả cộng đồng.

Mấy năm qua, Đảng và Nhà nước ta đã rất quan tâm đến công tác phòng chống tệ nạn xã hội. Chính phủ đã có các nghị quyết số 05 và số 06/CP, Ban bí thư Trung ương Đảng đã có Chỉ thị số 33/TW về phòng chống tệ nạn xã hội. Ban chỉ đạo phòng chống tệ nạn xã hội của Chính phủ và các địa phương đã được thành lập. Nhiều địa phương có những biện pháp kiên quyết và sáng tạo trong việc bài trừ các tệ nạn xã hội và đã thu được những kết quả bước đầu. Tuy nhiên, như trên đã nói, thực trạng các tệ nạn xã hội vẫn diễn biến phức tạp; mọi cố gắng của chúng ta chỉ mới làm *giảm tốc độ lây lan, phát triển* của chúng, chứ chưa làm giảm được các tệ nạn xã hội một cách căn bản.

Trước tình hình đó, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 87/CP và 88/CP ; Thủ tướng Chính phủ đã ra Chỉ thị số 814/TTg và ngay sau đó Ban bí thư Trung ương cũng đã có Chỉ thị 64/CT "Về tăng cường quản lý các hoạt động văn hóa và dịch vụ văn hóa, đẩy mạnh bài trừ một số tệ nạn xã hội nghiêm trọng".

Tiếp tục tinh thần kiên quyết bài trừ tệ nạn xã hội của các nghị quyết, chỉ thị trước đây của Đảng và Nhà nước, các nghị định 87 - 88/CP và các chỉ thị 814/TTg, 64/CT có những điểm mới cần nhấn mạnh :

- Trước hết là việc gắn công tác quản lý hoạt động văn hóa và dịch vụ văn hóa với bài trừ tệ nạn xã hội. Đây là một nhận thức hết sức đúng đắn, bởi giữa việc phổ biến, kinh doanh các sản phẩm văn hóa độc hại (băng, đĩa hình, tranh ảnh, sách, báo, lịch...) và những hoạt động văn hóa trá hình (vũ trường, ka-ra-ô-kê...) với tình trạng lan tràn các tệ nạn xã hội có mối quan hệ gắn bó, nhân quả với nhau. Bởi vậy không thể nghĩ đến việc chỉ đẩy lùi cái này mà không quản lý tốt cái kia, và ngược lại.

- Chủ trương phát động phong trào quần chúng, thu hút sự tham gia rộng rãi của mọi tầng lớp nhân dân, mọi lực lượng xã hội, trong đó quy trách nhiệm cụ thể cho từng ngành, từng cấp, các đoàn thể quần chúng và tổ chức xã hội trong công cuộc phòng chống và bài trừ tệ nạn xã hội.

- Nghị định 87 và 88/CP cũng bao gồm một hệ văn bản pháp quy quy định rõ các hành vi vi phạm, tội trạng và khung hình phạt dựa trên kỷ luật của Nhà nước, Pháp lệnh xử phạt hành chính và Luật hình sự, trong đó lần đầu tiên quy định những hình phạt rất nặng đối với những kẻ kinh doanh tệ nạn xã hội như phạt tiền lên đến 50 triệu đồng, tịch thu nhà cửa, cấm cư trú có thời hạn ở thành phố v.v..

- Về mặt tổ chức, Nghị định 87/CP quy định thành lập lực lượng chuyên trách quản lý thị trường văn hóa và các đội công tác liên ngành chuyên kiểm tra, xử phạt những hành vi vi phạm trong kinh doanh văn hóa phẩm, và các hoạt động văn hóa v.v..

Digitized by Google

- Các nghị định và chỉ thị nêu trên còn quy định rõ một chính sách nhân đạo, bao dung dành cho các đối tượng lầm lỡ, nạn nhân của các tệ nạn xã hội với các biện pháp chữa trị (bắt buộc), dạy nghề, hòa nhập cộng đồng, nhằm đưa họ trở lại với cuộc sống bình thường.

Như vậy, với các nghị định 87 và 88/CP và các chỉ thị 814/TTg, 64/CT, chúng ta đã có trong tay chủ trương, công cụ pháp lý, biện pháp thực hiện, tổ chức bộ máy và cơ chế, chính sách để hành động một cách đồng bộ, có hiệu quả.

Nhìn rộng ra, công tác phòng chống tệ nạn xã hội cần được đặt trong bối cảnh của cuộc đấu tranh chống tham nhũng, buôn lậu, truy quét các loại tội phạm, thiết lập trật tự, kỷ cương xã hội. Có nghĩa là, những ung nhọt của xã hội cần được "giải phẫu" một cách đồng bộ và kiên quyết thì mới mong diệt trừ tận gốc.

Với phương châm vừa "phòng" vừa "chống", trong đó lấy phòng ngừa làm chính, công cuộc bài trừ tệ nạn xã hội cần được tiến hành trên cơ sở kết hợp các biện pháp giáo dục, tuyên truyền, xử phạt và các chương trình kinh tế - xã hội.

Trước mắt, cần khoanh vùng trọng điểm để chặn đứng sự lây lan và đẩy lùi dần các loại tệ nạn; giữ trong sạch các địa bàn chưa xuất hiện tệ nạn; dập tắt ngay tệ nạn ở nơi mới nảy sinh. Tập trung lực lượng truy quét, diệt trừ các loại đối tượng chủ yếu : chủ chứa, môi giới mại dâm, chủ chích hút ma túy, chủ sòng bạc, chủ đề... Nghiên cứu, bổ sung một số điều trong Luật hình sự để tăng khung hình phạt một cách thích đáng đối với những loại tội phạm nguy hiểm, đồng thời đẩy mạnh công tác xét xử, trong đó tập trung vào các vụ án trọng điểm. Tiến hành thu gom các loại đối tượng nghiện ma túy, mại dâm chuyên nghiệp, để tổ chức chữa trị một cách có hiệu quả, bảo đảm không tái phạm bằng cách tổ chức tốt việc tái hòa nhập các đối tượng lầm lỡ vào cộng đồng ; đồng thời tổ chức giáo dục, cải tạo ngay tại cộng đồng những đối tượng chưa đến mức chuyên nghiệp, kiên quyết không để xuất hiện thêm những đối tượng mới.

Bên cạnh việc tăng cường sự phối hợp giữa các cơ quan chức năng, kiện toàn và nâng cao hiệu lực của Ban chỉ đạo phòng chống tệ nạn xã hội các cấp, tăng cường lực lượng chuyên trách, kinh phí và cơ sở vật chất cho công tác phòng chống tệ nạn xã hội, tôi muốn nhấn mạnh tới biện pháp *huy động sự tham gia của đông đảo nhân dân*, lấy cơ sở xã, phường làm đơn vị chính, từ đó xây dựng các điểm dân cư, tổ liên gia tự quản, các gia đình văn hóa nhằm giữ trong sạch địa bàn, ngăn chặn từ gốc sự phát sinh của tệ nạn xã hội. Ở đây, vai trò quan trọng thuộc về Ủy ban Mặt trận Tổ quốc các cấp và các đoàn thể quần chúng, tổ chức xã hội. Nếu không huy động được sự tham gia tích cực, tự nguyện của nhân dân, các lực lượng chuyên trách dù mạnh đến đâu cũng không thể diệt trừ được hết tệ nạn xã hội.

Song song với các biện pháp "phòng, chống" là các biện pháp "xây" ; phải coi "xây" là cơ sở để "phòng, chống" một cách có hiệu quả.

Chúng ta muốn xóa bỏ các loại văn hóa phẩm độc hại và những hình thức sinh hoạt văn hóa thiếu lành mạnh thì điều cơ bản là cần đầu tư *xây dựng một môi trường văn hóa lành mạnh* với những công trình văn hóa, những sản phẩm, những hình thức sinh hoạt văn hóa hấp dẫn, có tác dụng giáo dục tốt và có giá trị nghệ thuật, đồng thời lại phải phù hợp với điều kiện kinh tế - xã hội, quy mô dân cư, phong tục tập quán ở từng địa phương để làm sao có thể thu hút được sự tham gia đông đảo và tự nguyện của nhân dân trong sinh hoạt và hưởng thụ văn hóa.

Cũng như vậy, muốn bài trừ tệ nạn xã hội, chúng ta cần chú trọng *xây dựng một môi trường xã hội tốt*, tập trung sức thực hiện tốt các chương trình quốc gia về xóa đói giảm nghèo, tạo việc làm, xóa và chống mù chữ, thay thế cây thuốc phiện bằng các loại cây, con có hiệu quả kinh tế, nâng cao đời sống đồng bào các dân tộc thiểu số...

Cuối cùng, tôi muốn nhấn mạnh tới vai trò và trách nhiệm của cấp ủy đảng các địa phương và cán bộ chủ trì các ngành trong công cuộc phòng chống tệ nạn xã hội. Kinh nghiệm các địa phương làm tốt công tác này cho thấy, yếu tố quyết định thành công là sự quan tâm chỉ đạo sát sao của cấp ủy đảng và cá nhân đồng chí bí thư. Bởi vậy, nếu cấp ủy đảng và cán bộ lãnh đạo ở các địa phương không thể hiện rõ vai trò trung tâm lãnh đạo, phối hợp tốt giữa lực lượng các cấp, các ngành và toàn thể nhân dân, thì công cuộc phòng chống tệ nạn xã hội không thể mang lại kết quả mong muốn ❑

Digitized by Google

TỔNG QUAN NỀN KINH TẾ VIỆT NAM QUA 10 NĂM ĐỔI MỚI

LÊ VĂN TOÀN *

TRONG tiến trình xây dựng và phát triển kinh tế của nước ta, Đại hội VI của Đảng được ghi nhận như một mốc son lịch sử, đánh dấu một bước ngoặt quyết định đối với sự hình thành mô hình kinh tế phù hợp với yêu cầu của quy luật khách quan. Đại hội VII của Đảng lại tiếp tục khẳng định và hoàn thiện thêm đường lối đổi mới do Đại hội VI đề ra. Sự nghiệp đổi mới kinh tế đã triển khai thực hiện được 10 năm với hai kế hoạch 5 năm từ 1986 đến 1995 và đã đạt được kết quả rõ rệt. Ngay trong kế hoạch 5 năm 1986-1990, những năm đầu của tiến trình đổi mới, chúng ta đã đạt được một số chỉ tiêu tăng trưởng kinh tế tương đối khá. Tổng sản phẩm xã hội (5 năm 1986 - 1990) tăng 26,4%, bình quân mỗi năm tăng 4,8%, thu nhập quốc dân tăng 21%, bình quân mỗi năm tăng 3,9%. Nếu so với tốc độ tăng chung của kinh tế thế giới và so sánh với sự giảm sút nhanh của các nền kinh tế kế hoạch hóa tập trung khi tiến hành chuyển đổi như Liên xô và các nước Đông Âu thì tốc độ tăng của nền kinh tế nước ta những năm 1986 - 1990 không phải là quá thấp.

Điều quan trọng hơn là đến năm 1990, chúng ta đã cơ bản đoạn tuyệt được với cơ chế quản lý kinh tế cũ, xác lập được cơ chế mới theo chiều rộng. Đáng chú ý là sự chuyển đổi này tiến hành trước khi các nước Đông Âu và Liên xô lâm vào tình trạng khủng hoảng toàn diện. Do có sự nhạy bén chuyển đổi kịp thời nên chúng ta vẫn tranh thủ được sự giúp đỡ và viện trợ quốc tế, góp phần quan trọng bảo đảm cho nền kinh tế trụ vững trong suốt những năm 1986 - 1990. Năm 1991, nguồn viện trợ từ bên ngoài bị cắt giảm, thị trường xuất nhập khẩu bị thu hẹp nên có sự ngưng trệ và ít nhiều bị chao đảo, nhưng về cơ bản nền kinh tế nước ta đã vượt qua được những thử thách của thời kỳ chuyển đổi, không bị xáo trộn lớn và ngay sau đó đã giành được thế phát triển khá ổn định.

Giai đoạn 1991 - 1995 được xem là giai đoạn phát triển mới của nền kinh tế nước ta. Nếu tính chung 5 năm (1991 - 1995) tổng sản phẩm trong nước đã tăng 48,3%, bình quân mỗi năm tăng 8,2% (trong đó năm 1991 tăng 6%, năm 1992 tăng 8,6%, năm 1993 tăng 8,1%, năm 1994 tăng 8,8% và năm 1995 tăng 9,5%), cao nhất so với tất cả các kế hoạch 5 năm trước đây, vượt mục tiêu đề ra cho giai đoạn 1991 - 1995 (tăng bình quân 5,5 - 6,5%/năm). Sản xuất nông nghiệp nói chung và sản xuất lương thực nói riêng thu được kết quả nổi bật. Sản lượng lương thực từ 21,5 triệu tấn năm 1990 tăng dần lên đạt 27,5 triệu tấn năm 1995, bình quân mỗi năm sản lượng lương thực tăng 1,2 triệu tấn. Tính chung trong 5 năm 1991 - 1995, sản xuất công nghiệp tăng 88,4%, bình quân mỗi năm tăng 13,5%. Kim ngạch xuất khẩu năm 1995 đạt khoảng 5,2 tỉ USD, gấp 2,16 lần năm 1990 ; kim ngạch nhập khẩu 7,5 tỉ USD, gấp 2,72 lần. Tính đến hết năm 1995 đã cấp giấy phép cho khoảng 1 500 dự án đầu tư trực tiếp của nước ngoài với số vốn 19 tỉ USD.

Do kinh tế tăng trưởng khá nên sản xuất trong nước đã đủ tiêu dùng và bắt đầu có tích lũy từ nội bộ nền kinh tế ; đời sống các tầng lớp dân cư tuy còn nhiều khó khăn nhưng nhìn chung đã được cải thiện một bước. Nếu như những năm trước đây toàn bộ quỹ tích lũy và một phần quỹ tiêu dùng phải bù đắp bằng vay nợ và viện trợ nước ngoài, thì từ năm 1991 đến nay sản xuất không chỉ đáp ứng được tiêu dùng mà còn dành một phần để tích lũy (1991: 10,1% ; 1992 : 13,8% ; 1993 : 14,8% ; 1994: 17,0%).

* Tiến sĩ, Tổng cục trưởng Tổng cục thống kê

Digitized by Google

Kết quả điều tra về mức sống của các tầng lớp dân cư những năm vừa qua cho thấy số hộ giàu ngày càng tăng lên và tỷ lệ hộ nghèo đã giảm từ 55% năm 1989 xuống còn 19,9% năm 1993, thu nhập của các hộ nghèo cũng khá hơn trước. Đến giữa năm 1994 đã có 60,2% số xã ở nông thôn có điện ; 84,6% xã có đường ô tô vào đến nơi ; 91,6% xã có trạm y tế ; 97,7% xã có trường cấp I và 76,2% xã có trường cấp II. Trong 12 triệu hộ nông dân thì 50,7% hộ có điện dùng ; 63,6% hộ dùng nước sạch ; 12,2% hộ có nhà kiên cố và 45,9% hộ có nhà bán kiên cố.

Một thành tựu quan trọng khác là chúng ta đã đẩy lùi được siêu lạm phát. Trong những năm 1986 - 1988, giá bán lẻ hàng hóa và dịch vụ tiêu dùng tăng với mức ba chữ số (năm 1986 là 774,7% ; 1987 giảm xuống còn 223,1% ; 1988 tăng lên 393,8%) nhưng năm 1989 chỉ còn 34,7% ; 1990 lên 67,4% ; 1991 là 67,6%; 1992 giảm xuống 17,6% ; 1993 là 5,2% ; 1994 nhích lên 14,4% ; 1995 là 12,7%). Đến nay lạm phát được kiềm chế ở mức tương đối ổn định.

Những thành tựu kinh tế - xã hội đạt được trong những năm đổi mới vừa qua, nhất là trong 5 năm 1991 - 1995, là kết quả của đường lối đổi mới do Đảng ta khởi xướng và lãnh đạo, đó cũng là kết quả của sự phù hợp giữa ý Đảng với lòng dân. Những thành tựu quan trọng này đã cổ vũ nhân dân ta, tạo thêm niềm tin của nhân dân vào sự lãnh đạo của Đảng, đồng thời tranh thủ được sự đồng tình của dư luận quốc tế. Trong buổi lễ trao tặng nước ta danh hiệu "Nước quản lý kinh tế tốt nhất châu Á năm 1992" (21-11-1993), ông Ri-sớt En-so, Giám đốc điều hành của Tổ chức tiền tệ châu Âu đã nói : Việt nam đã đạt được thành tựu kinh tế ngoạn mục với mức tăng trưởng kinh tế cao và hạ thấp tỷ lệ lạm phát ở con số mà nhiều nước đang phát triển mơ ước.

Trong quan hệ kinh tế với các nước trên thế giới và trong khu vực, chưa bao giờ vị thế nước ta lại được nâng cao như hiện nay. Đến nay đã có 160 nước thiết lập quan hệ ngoại giao, trên 100 nước và lãnh thổ có quan hệ buôn bán, trên 50 nước và lãnh thổ đầu tư trực tiếp vào nước ta. Các nước lớn, các trung tâm kinh tế thế giới, các tổ chức tài chính, tiền tệ quốc tế và khu vực cũng đã có quan hệ kinh tế đa phương và song phương với nước ta.

Từ sự phân tích trên cho thấy, những thành tựu kinh tế - xã hội đạt được trong 5 năm 1991 - 1995 là tương đối toàn diện và rõ nét hơn bất kỳ thời kỳ nào trước đây. Nhiều chỉ tiêu chủ yếu trong các ngành, các lĩnh vực đã hoàn thành và hoàn thành vượt mức kế hoạch đề ra. Những số liệu trong bảng dưới đây khẳng định thêm nhận xét đó :

Biểu 1 : *Những chỉ tiêu kinh tế chủ yếu đạt được trong kế hoạch 5 năm 1991 - 1995*

	Đơn vị tính	Mức đề ra trong kế hoạch 5 năm 1991-1995	Thực hiện trong 5 năm 1991-1995
1 - Tốc độ tăng tổng sản phẩm trong nước	%	5.6 - 6.5	8.2
2 - Giá trị tổng sản lượng nông nghiệp bình quân mỗi năm	%	3.7 - 4.5	5.4
3 - Giá trị tổng sản lượng công nghiệp tăng bình quân mỗi năm	%	7.5 - 8.5	13.5
4 - Kim ngạch xuất khẩu 5 năm	tỉ USD	12 - 15	17.0
5 - Kim ngạch nhập khẩu 5 năm	tỉ USD	16	22.1
6 - Sản lượng lương thực quy thóc năm 1995	triệu tấn	24 - 25	27.5
7 - Sản lượng điện năm 1995	tỉ kWh	15 - 16	14.7
8 - Sản lượng dầu thô năm 1995	triệu tấn	7 - 8	7.7
9 - Sản lượng thép năm 1995	nghìn tấn	270 - 300	380
10 - Sản lượng xi măng năm 1995	triệu tấn	4 - 4.5	5.8
11- Tỷ lệ tăng dân số năm 1995	%	1.87	2.0

Tuy nhiên, chúng ta chưa thể thỏa mãn với những gì đã đạt được, vì nền kinh tế nước ta hiện nay còn đang đứng trước những khó khăn và thử thách lớn. Tính chất và mức độ của những khó khăn hiện nay lại không phải ở sự ràng buộc của cơ chế quản lý cũ, mà ở yêu cầu thúc đẩy nền kinh tế tăng trưởng nhanh, bền vững và nâng cao hiệu quả kinh tế, đủ sức cạnh tranh trong quá trình hội nhập với nền kinh tế thế giới và khu vực ; đi liền với tăng trưởng kinh tế phải xây dựng cho được một xã hội công bằng và văn minh.

Chúng ta đang thực hiện chiến lược mở cửa ra bên ngoài trong khi tiềm lực kinh tế tuy đã tăng lên nhưng nhìn chung còn nhỏ bé. Nhiều sản phẩm bình quân đầu người vẫn còn rất thấp so với các nước trong khu vực và thế giới. Năm 1995, bình quân đầu người mới đạt 198,6 kWh điện ; 103,5 kg than ; 104,1 kg dầu thô ; 5,1 kg thép cán ; 79,2 kg xi măng; 2,8kg

Digitized by Google

giấy bìa ; 5,3 kg đường mật ; 3 mét vải và 70,3 USD xuất khẩu.

Cơ sở hạ tầng chưa đáp ứng được yêu cầu hiện tại chứ chưa nói đến yêu cầu phát triển của nền kinh tế trong tương lai. Mạng lưới đường sắt một chiều với tổng chiều dài 3259,5 km nhưng 87,8% là đường khổ hẹp. Trong tổng chiều dài đường bộ chỉ có 8,5% đường nhựa và bê tông nhựa ; 6,4% đường đá; 19,7% đường cấp phối, còn lại 65,4% là đường đất. Ngành bưu điện những năm gần đây đã có một bước nhảy vọt, số máy điện thoại năm 1995 tăng gấp 4 lần năm 1992 nhưng bình quân mới đạt 1 máy/100 dân.

Trong các doanh nghiệp, trình độ thiết bị máy móc và công nghệ đang trong tình trạng lạc hậu, năng suất lao động và hiệu quả kinh tế rất thấp. Máy móc, thiết bị trong các doanh nghiệp hiện nay phần lớn thuộc thế hệ cũ. Trang bị lại chắp vá, không đồng bộ. Doanh nghiệp nhà nước là khu vực được tập trung đầu tư lớn, liên tục trong nhiều năm nên trình độ trang bị cao hơn nhiều so với kinh tế tập thể và cá thể. Nhưng ngay trong các doanh nghiệp công nghiệp quốc doanh, hệ số hao mòn tài sản cố định tính theo thực tế đã khấu hao vẫn còn rất cao : 50% số doanh nghiệp tài sản cố định có hệ số hao mòn trên 50%, trong đó 27% số doanh nghiệp hệ số hao mòn tài sản cố định trên 60% ; chỉ có 26% số doanh nghiệp tài sản cố định hao mòn dưới 30%. Nếu tính theo hao mòn thực tế đánh giá lại (bao gồm cả hao mòn hữu hình và vô hình) thì hệ số hao mòn còn lớn hơn nhiều.

Thiết bị máy móc đã ít, lạc hậu, lại do nhiều nước chế tạo, nhiều thế hệ kỹ thuật khác nhau. Chỉ tính những thiết bị chủ yếu đã có tới gần 20 nước sản xuất. Trong 2 292 doanh nghiệp được điều tra mới đây có 1 217 doanh nghiệp (chiếm 53,1%) thiết bị máy móc nằm ở tình trạng trên.

Những khó khăn về chuyển dịch cơ cấu kinh tế, xây dựng cơ sở hạ tầng và dịch vụ, nâng cao trình độ công nghệ sản xuất có thể khắc phục nhanh nếu có vốn đầu tư. Ở nước ta hiện nay, việc huy động vốn đang là khó khăn lớn nhất và đang phải tập trung xử lý, nhưng kết quả còn rất hạn chế.

Những năm trước đây, vốn đầu tư xây dựng cơ bản chủ yếu là từ nguồn ngân sách nhà nước và một phần vốn khấu hao cơ bản để lại cho các doanh nghiệp, các nguồn vốn khác hầu như không đáng kể. Trong những năm 1991-1995, việc huy động vốn đầu tư xây dựng cơ bản đã tập trung được từ nhiều nguồn khác nhau. Đây là chuyển biến nổi bật trong việc tạo nguồn vốn đầu tư những năm vừa qua. Tuy nhiên, theo tính toán sơ bộ thì vốn đầu tư mới chiếm trên 20% tổng sản phẩm trong nước (GDP). Nếu so với một số nước và lãnh thổ thuộc nhóm NICs Đông Á đầu tư trong giai đoạn cất cánh, thì tỷ lệ này còn quá thấp:

Biểu 2 : *Tỷ lệ đầu tư trong GDP của Hàn quốc và Xin-ga-po*

(Đơn vị tính : %)

Năm	Hàn quốc (tổng mức đầu tư/GDP)	Xin-ga-po (tổng mức đầu tư/GDP)
1976	27.1	40.8
1977	29.0	36.1
1978	33.5	39.0
1979	36.6	43.4
1980	32.8	46.3
1981	30.7	46.3
1982	29.8	48.0
1983	29.7	47.9
1984	30.3	42.5
1986	29.2	37.7
1987	30.1	38.5
1988	31.1	35.4
1989	33.6	34.8
1990	37.2	39.7

Vốn đầu tư đã hạn hẹp, nhưng sử dụng vốn lại chưa có hiệu quả. Vốn ngân sách vẫn trong tình trạng quản lý lỏng lẻo nên lãng phí và thất thoát rất lớn. Vốn đầu tư của các thành phần kinh tế ngoài quốc doanh chưa được khuyến khích và định hướng đầy đủ nên chủ yếu tập trung vào các hoạt động thương nghiệp, dịch vụ và xây dựng nhà cửa. Vốn đầu tư trực tiếp của nước ngoài chưa được kiểm tra, kiểm soát và đánh giá hiệu quả kinh tế xã hội rõ ràng.

Ở nước ta hiện nay và trong những năm tới, việc huy động vốn đầu tư cao hơn là rất khó khăn, vì nguồn tích lũy trong nước nhỏ bé, năng suất lao động xã hội thấp. Nguồn vốn từ bên ngoài cũng không phải dễ dàng, vì hầu hết những nước hiện đang đầu tư nhiều ở nước ta cũng đang có chiến lược thu hút vốn đầu tư nước ngoài. Mặt khác, cuộc cạnh tranh giành vốn đầu tư nước ngoài đang diễn ra quyết liệt trên thế giới nói chung và khu vực

Digitized by Google

Đông - Nam Á nói riêng. Nước ta tuy là thị trường mới nhưng môi trường đầu tư chưa thật hấp dẫn vì cơ sở hạ tầng yếu kém ; cơ chế, chính sách chưa hoàn chỉnh. Sau nữa, vốn nước ngoài chỉ có thể thu hút được một khi huy động tốt vốn đầu tư trong nước.

Chúng ta thường nói nhiều đến hiệu quả kinh tế thấp, sự chuyển dịch cơ cấu kinh tế chậm chạp, cơ chế quản lý kinh tế chưa ngang tầm với công cuộc đổi mới, tình trạng vi phạm kỷ cương phép nước, tham nhũng, buôn lậu... còn khá trầm trọng. Chúng ta chưa khắc phục được sự thiếu hụt về đào tạo con người, cụ thể là thiếu hụt lớn những nhà quản lý giỏi, những doanh gia có tài, am hiểu cơ chế thị trường và thông lệ quốc tế. Những thiếu hụt trong nhân tố con người có lẽ là trở ngại lớn nhất trên đường đi tới. Bù đắp những thiếu hụt này cũng không thể ngày một, ngày hai. Xây dựng một nhà máy, một doanh nghiệp có thể chỉ thực hiện trong một vài năm, thậm chí chỉ cần mấy tháng, nhưng đào tạo được những người điều hành, quản lý và làm việc trong doanh nghiệp có hiệu quả thì phải mất hàng chục năm.

Những trở ngại chủ yếu trên là thách đố lớn nhất đối với sự phát triển kinh tế và giải quyết các vấn đề xã hội của nước ta hiện nay cũng như những năm tới. Để khắc phục khó khăn, vượt qua thách đố đưa nền kinh tế nước ta tiếp tục tăng trưởng cao, liên tục và có hiệu quả cần phải tiến hành nhiều giải pháp. Theo chúng tôi, những giải pháp sau đây là đặc biệt quan trọng :

- *Một là*, tiếp tục giữ vững sự ổn định chính trị - xã hội. Kinh nghiệm của nhiều nước cho thấy, kinh tế chỉ phát triển một khi giữ được sự ổn định về chính trị - xã hội; vì sự ổn định này mới bảo đảm cho chiến lược và kế hoạch phát triển kinh tế không bị gián đoạn ; tập trung được nhân tài vật lực cho sự phát triển kinh tế ; tạo được sự yên tâm cho các nhà đầu tư trong và ngoài nước.

Tuy nhiên, ổn định không có nghĩa là giữ nguyên, trái lại trên cơ sở những kết quả đạt được và yêu cầu của công cuộc đổi mới kinh tế phải từng bước đổi mới hệ thống chính trị và giải quyết các vấn đề xã hội. Đối với nước ta, vấn đề cấp bách nhất là phải xây dựng được nhà nước pháp quyền đủ mạnh. Nhà nước phải vừa thực sự là của dân, do dân và vì dân, lại vừa thể hiện được sự thống nhất về quyền lực. Kiên quyết khắc phục bệnh tập trung quan liêu, nhưng đồng thời không bỏ qua những biểu hiện tự do vô chính phủ. Tập trung quan liêu và tự do vô tổ chức đều trái với nguyên tắc tập trung dân chủ và là nguyên nhân dẫn tới tình trạng coi thường kỷ cương phép nước và tệ tham nhũng.

- *Hai là*, kiên trì thực hiện đường lối phát triển kinh tế nhiều thành phần, đa dạng hóa hình thức sở hữu tư liệu sản xuất. Phát huy vai trò chủ đạo của kinh tế quốc doanh, làm cho nó thật sự là con "át chủ bài" trong việc nâng cao hiệu quả kinh tế - xã hội nền kinh tế quốc dân. Như vậy, không nhất thiết các doanh nghiệp nhà nước phải luôn chiếm tỷ trọng cao về vốn và tham gia đầy đủ tất cả các ngành một cách dàn trải kém hiệu quả và hiệu lực chi phối - điều tiết nền kinh tế. Trong những năm qua, chúng ta chưa chú ý đúng mức đến kinh tế ngoài quốc doanh nên khu vực kinh tế này phát triển chậm. Tỷ trọng của kinh tế ngoài quốc doanh trong GDP có xu hướng giảm, từ 67,5% năm 1990 xuống còn 66,7% năm 1991, 63,8% năm 1992 ; 60,8% năm 1993 và 59,8% năm 1994. Đây là một vấn đề không phù hợp với đường lối phát triển kinh tế đã đề ra. Giải pháp khắc phục tình trạng này không chỉ là đề ra chủ trương đường lối mà còn phải tổ chức, hướng dẫn và giúp đỡ kinh tế ngoài quốc doanh phát huy tiềm năng to lớn của mình. Kiên quyết chống những biểu hiện tiêu cực trong hoạt động của kinh tế ngoài quốc doanh, như : buôn lậu, trốn thuế, lừa đảo, làm hàng giả... nhưng khuyến khích làm giàu chính đáng và hợp pháp. Những ngành nghề nào, lĩnh vực gì kinh tế ngoài quốc doanh đảm nhận được và có hiệu quả thì phát triển kinh tế ngoài quốc doanh, chỉ những ngành nào kinh tế ngoài quốc doanh không thể nắm giữ được, như sản xuất vũ khí, in tiền..., hoặc không đủ sức đảm nhận thì mới phát triển kinh tế quốc doanh, chứ không phải chỉ những gì quốc doanh không làm mới để cho các thành phần kinh tế khác hoạt động. Trong những lĩnh vực chỉ có kinh tế quốc doanh, cần thành lập một số cơ sở để tạo ra sự cạnh tranh, thúc đẩy phát triển, khắc phục tình trạng độc quyền, vì độc quyền sẽ dẫn đến cửa quyền và trì trệ. Cần mở rộng hình thức hỗn hợp sở hữu giữa các thành phần kinh tế trong nước với nhau, cũng như giữa nước ta với nước ngoài nhằm tạo ra

Digitized by Google

ngày càng nhiều doanh nghiệp kiểu "tư bản nhà nước".

- *Ba là,* cùng với những cố gắng về tạo nguồn vốn, cần đặc biệt chú ý hiệu quả sử dụng vốn, vì nếu sử dụng vốn không có hiệu quả thì không thể có tái sản xuất mở rộng và bảo đảm sự tăng trưởng kinh tế với tốc độ cao và bền vững. Trong điều kiện nguồn vốn trong nước còn hạn hẹp, phải huy động nguồn vốn bên ngoài với mức độ cao, mà sử dụng vốn lại không có hiệu quả thì công nợ chồng chất và không tránh khỏi sự lệ thuộc vào bên ngoài. Vốn ngân sách cần tập trung đầu tư cho cơ sở hạ tầng làm nhiệm vụ mở đường và tạo môi trường thuận lợi cho việc hình thành những khu, những vùng kinh tế mới, mà ở đó có sự tham gia của nhiều thành phần kinh tế. Mặt khác cũng cần đổi mới tư duy đầu tư, tránh tình trạng để vốn ngân sách bị co kéo, chia nhỏ.

- *Bốn là,* tiếp tục kiềm chế và đẩy lùi lạm phát. Sự tăng trưởng kinh tế sẽ không có ý nghĩa nếu dẫn đến bùng nổ lạm phát. Nền kinh tế lạm phát còn ở mức cao thì khó có thể tăng trưởng kinh tế nhanh và bền vững. Trong điều kiện tăng suất đầu tư, nhất là nguồn đầu tư đó chủ yếu dựa vào bên ngoài thì thông thường kéo theo lạm phát gia tăng. Để kiềm chế và đẩy lùi lạm phát cần tiến hành hàng loạt các biện pháp, nhưng quan trọng nhất là tăng cường và nâng cao hiệu lực của công cụ tài chính, tiền tệ.

- *Năm là,* thực hiện tốt chính sách mở cửa, đa phương hóa quan hệ và đa dạng hóa hình thức trong hoạt động kinh tế đối ngoại để tranh thủ sự giúp đỡ quốc tế về vốn, công nghệ, kinh nghiệm quản lý tiên tiến. Thực hiện chính sách mở cửa cũng có nghĩa là phải đẩy mạnh xuất khẩu để có ngoại tệ nhập khẩu và trên cơ sở đó mà tăng trưởng kinh tế và cải thiện đời sống nhân dân. Trong điều kiện nền kinh tế còn ở trình độ thấp kém như nước ta, hoạt động ngoại thương phải chú trọng vào việc tăng nhanh giá trị xuất khẩu chứ không nên quá băn khoăn về sự gia tăng nhanh chóng của nhập khẩu. Sở dĩ như vậy vì trong cơ cấu nhập khẩu của nước ta hiện nay có khoảng 20% là nhập khẩu của các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài. Việc thu hút vốn đầu tư nước ngoài càng tăng nhanh bao nhiêu thì giá trị hàng nhập khẩu cũng sẽ tăng lên và có thể làm cho khoảng cách giữa xuất khẩu và nhập khẩu ngày càng doãng ra. Mặt khác, không phải bất cứ trường hợp xuất siêu hoặc cân bằng cán cân thương mại nào cũng được coi là tốt, và cũng không phải bất cứ trường hợp nhập siêu nào cũng gây ảnh hưởng tiêu cực. Hàn quốc và Hồng công mãi đến năm 1984 mới đạt được cân bằng cán cân thương mại, Xin-ga-po thì cho đến nay vẫn còn trong tình trạng nhập siêu.

- *Sáu là,* phải xây dựng được một chương trình và kế hoạch đồng bộ mang tầm chiến lược trong việc đào tạo đội ngũ cán bộ, chú trọng đào tạo và đào tạo lại đội ngũ cán bộ quản lý kinh tế - xã hội đủ năng lực thực thi đường lối của Đảng, chăm lo bồi dưỡng đội ngũ cán bộ khoa học kỹ thuật đầu đàn. Việc đào tạo cần theo phương châm vừa chú ý chiều rộng nhằm đáp ứng yêu cầu trước mắt, có kế hoạch đào tạo cán bộ chuyên sâu chuẩn bị cho lâu dài. Việc quý trọng và bồi dưỡng nhân tài không chỉ thể hiện trong công tác tạo nguồn mà còn thể hiện ở chính sách đãi ngộ và chính sách tiền lương. Đã đến lúc cần cải cách chế độ tiền lương sao cho gắn chặt với năng suất lao động và chất lượng lao động nhằm khuyến khích lao động có kỹ thuật, có trình độ chuyên môn cao. Nhà nước không sớm tiến hành việc này thì tư nhân và người nước ngoài cũng sẽ làm. Chính sách tiền lương tuy đã được cải tiến nhưng vẫn lấy thời gian công tác và chức vụ lãnh đạo làm thước đo chủ yếu nên còn mang nặng tính chất bình quân, không khuyến khích được nhân tài. Chính vì vậy trong các cơ quan và doanh nghiệp nhà nước thường có tình trạng người mà cơ quan muốn cho đi thì họ ở lại, còn người muốn chuyển công tác thì không được ra đi ; không ít người có trình độ, có kiến thức buộc phải đi bằng "hai chân" và "chân ngoài dài hơn chân trong".

Đại hội VIII của Đảng sắp tới chắc chắn sẽ đánh giá đầy đủ những thành tựu và yếu kém của nền kinh tế nước ta, đồng thời cũng sẽ chỉ ra được những giải pháp nhằm phát huy tiềm lực của đất nước về đất đai, tài nguyên, lao động, tạo ra động lực thúc đẩy kinh tế tiếp tục tăng trưởng. Chúng ta tin tưởng rằng, những năm tới tổng sản phẩm trong nước sẽ tăng trưởng bình quân mỗi năm khoảng 10% và sau 7 năm (tức là đến năm 2002) quy mô nền kinh tế sẽ tăng gấp đôi so với 1995 ❑

Digitized by Google

HIỂU THẾ NÀO VỀ BẢN CHẤT CỦA ĐẢNG TA ?

NGUYỄN PHÚ TRỌNG *

XÁC định rõ bản chất của Đảng là vấn đề rất mấu chốt và hệ trọng. Nó chi phối nội dung, nguyên tắc hoạt động của Đảng, đồng thời quyết định phương hướng, biện pháp xây dựng Đảng.

Trước thời kỳ đổi mới, vấn đề bản chất của Đảng ta tuy có ý kiến thảo luận nhưng không nhiều. Hầu như mọi người đều thống nhất nhận thức rằng : Đảng cộng sản Việt nam là đảng của giai cấp công nhân Việt nam, đồng thời là đại biểu lợi ích của nhân dân lao động và của cả dân tộc ; Đảng là sản phẩm của sự kết hợp chủ nghĩa Mác - Lê-nin với phong trào công nhân và phong trào yêu nước Việt nam.

Trong những năm đổi mới, vấn đề bản chất của Đảng được nhiều đồng chí bàn thảo, nhất là vào dịp chuẩn bị Dự thảo *Cương lĩnh* và *Điều lệ* trình Đại hội VII của Đảng. Ý kiến khác nhau thường tập trung vào các khía cạnh: Đảng ta là Đảng của ai ? Đảng của giai cấp công nhân hay của nhân dân lao động ? Có nói Đảng ta là đảng của dân tộc không ? Hiểu tính giai cấp và tính dân tộc trong bản chất Đảng thế nào cho đúng ? Nói đảng của giai cấp công nhân hình như là biệt phái, còn nói đảng của nhân dân lao động thì hình như rơi vào "phi giai cấp", "đảng toàn dân"... Có đồng chí ngần ngại khi nói bản chất giai cấp công nhân của Đảng ta, vì cho rằng giai cấp công nhân ở nước ta còn nhỏ bé, tỷ lệ đảng viên xuất thân từ công nhân còn rất thấp (dưới 10%), thực tế trong giai cấp công nhân và trong Đảng ta có những biểu hiện tiêu cực, lạc hậu.

Cương lĩnh và *Điều lệ Đảng* do Đại hội VII thông qua (tháng 6-1991) tiếp tục khẳng định : "Đảng là đội tiên phong của giai cấp công nhân Việt nam, đại biểu trung thành lợi ích của giai cấp công nhân, nhân dân lao động và của cả dân tộc" (1). Sự khẳng định đó vừa nói rõ được bản chất giai cấp của Đảng vừa nêu lên ý nghĩa đại biểu cho lợi ích của nhân dân lao động và của dân tộc. Tuy nhiên, gần đây, khi thảo luận vấn đề tính chất Đảng, vẫn còn những ý kiến khác nhau. Có ý kiến muốn nhấn mạnh khía cạnh giai cấp ; ngược lại có ý kiến muốn nhấn mạnh khía cạnh dân tộc. Có đồng chí cho rằng, không nên nói Đảng ta là đảng *của giai cấp công nhân*, mà nên nói Đảng ta *mang bản chất giai cấp công nhân*, hoặc "Đảng là đội tiên phong của giai cấp công nhân và của dân tộc", vì thực tế Đảng ta là đảng của cả dân tộc, được toàn dân thừa nhận ; Đảng ta đã có lúc mang tên là "Đảng lao động Việt nam", Bác Hồ có lúc đã nói Đảng ta là đảng của giai cấp đồng thời cũng là đảng của dân tộc, rằng Đảng mà Bác phụng sự là "Đảng Việt nam"...

Tôi thấy các ý kiến trên đây đều có những căn cứ xác đáng, đều nói đúng được những mặt bản chất của Đảng ta, phản ánh đúng thực tế của nước ta. Vấn đề là ở chỗ tìm ra mối liên hệ biện chứng giữa các mặt, các khía cạnh như thế nào ; không nên đối lập hoặc cực đoan nhấn mạnh một mặt. Vì trong thực tế, nếu nhấn một chiều, một mặt nào đó thì dễ dẫn

* PGS. PTS khoa học lịch sử

(1) *Điều lệ Đảng cộng sản Việt nam*. Nxb Sự thật. Hà nội, 1991.

Digitized by Google

đến hạ thấp hoặc phủ nhận mặt kia, và như vậy sẽ có hại cho hoạt động thực tiễn.

Trước hết, phải thấy rõ rằng, bất cứ một đảng chính trị nào cũng là sản phẩm của đấu tranh giai cấp và mang bản chất của một giai cấp nhất định. Dù tổ chức chặt chẽ hay lỏng lẻo, hoạt động cách mạng hay đấu tranh nghị trường (ở một số nước tư bản),... đảng nào cũng đứng trên lập trường của giai cấp mình, bênh vực và bảo vệ lợi ích của giai cấp mình. Không như thế không phải là chính đảng. Bản chất giai cấp công nhân là vấn đề cơ bản, bao trùm, có tính nguyên tắc đối với tất cả các đảng mác xít - lê nin nít chân chính. Nó càng đặc biệt quan trọng đối với Đảng ta - một đảng ra đời và trưởng thành ở một nước nông nghiệp lạc hậu, công nghiệp chưa phát triển, giai cấp công nhân còn nhỏ bé, đảng viên xuất thân từ công nhân rất ít. Hiện nay Đảng ta lại đang hoạt động trong điều kiện mới - điều kiện một đảng cầm quyền lãnh đạo đất nước chuyển sang phát triển kinh tế nhiều thành phần, mở cửa, môi trường xã hội có nhiều phức tạp ; cán bộ, đảng viên của Đảng giữ nhiều trọng trách, hằng ngày hằng giờ tiếp xúc với hàng và tiền, đối mặt với chủ nghĩa tư bản, phải làm sao giữ vững và tăng cường bản chất giai cấp công nhân và tính tiền phong của Đảng. Nếu không nhận rõ và khẳng định bản chất giai cấp công nhân của Đảng để có biện pháp tích cực đổi mới, chỉnh đốn Đảng thì rất dễ mơ hồ và Đảng rất dễ bị biến chất. Vấn đề giữ cho Đảng không biến chất, trước sau đều mang bản chất của giai cấp công nhân là vấn đề hết sức cơ bản và quyết định. Càng đi vào phát triển kinh tế thị trường lại càng phải chăm lo giữ vững và tăng cường bản chất giai cấp công nhân của Đảng. Không phải ngẫu nhiên mà Dự thảo *Báo cáo chính trị* trình Đại hội VIII của Đảng coi "đây là nhiệm vụ quan trọng hàng đầu đối với Đảng ta lúc này".

Nói bản chất giai cấp công nhân là nói bản chất *cách mạng và khoa học, ý chí kiên định và trí tuệ tiên phong, đạo đức vị tha và ý thức tổ chức kỷ luật chặt chẽ*... của giai cấp công nhân. Bản chất giai cấp công nhân của Đảng thấm sâu vào tất cả các mặt chính trị, tư tưởng và tổ chức, tức là cả trong đường lối chính trị, nền tảng tư tưởng, nguyên tắc tổ chức và mọi hoạt động của Đảng. Cụ thể là bản chất giai cấp công nhân của Đảng thể hiện ở các mặt sau đây :

+ Đảng tuyệt đối trung thành với lợi ích của giai cấp công nhân, nhân dân lao động và của cả dân tộc. Đảng tồn tại và hoạt động là vì lợi ích của giai cấp và dân tộc. Khi định ra cương lĩnh, đường lối chính trị, Đảng luôn luôn đứng vững trên lập trường của giai cấp công nhân, nắm vững quy luật khách quan, phản ánh đúng lợi ích của giai cấp công nhân và nhân dân lao động. Đảng kiên định bảo vệ mục tiêu lý tưởng của giai cấp công nhân : đó là độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội, từng bước tiến lên chủ nghĩa cộng sản. Dù tình hình thế giới và trong nước khó khăn, phức tạp đến đâu Đảng cũng không chao đảo, dao động, xa rời mục tiêu lý tưởng đó.

+ Đảng lấy chủ nghĩa Mác - Lê-nin và tư tưởng Hồ Chí Minh làm nền tảng tư tưởng và kim chỉ nam cho hành động, đồng thời tiếp thu tinh hoa trí tuệ của dân tộc và nhân loại, đấu tranh bảo vệ và không ngừng phát triển, làm phong phú thêm chủ nghĩa Mác - Lê-nin và tư tưởng Hồ Chí Minh.

+ Đảng là một khối thống nhất ý chí và hành động, lấy tập trung dân chủ làm nguyên tắc tổ chức cơ bản, thực hiện lãnh đạo tập thể, cá nhân phụ trách, tự phê bình và phê bình, giữ đoàn kết thống nhất trong Đảng trên cơ sở Cương lĩnh chính trị và Điều lệ Đảng ; đấu tranh chống chủ nghĩa cá nhân, chủ nghĩa cơ hội, chống mọi biểu hiện độc đoán, chuyên quyền, cục bộ, địa phương, chia rẽ, bè phái trong Đảng.

+ Đảng gắn bó mật thiết với nhân dân, tôn trọng quyền làm chủ của nhân dân và thường xuyên chịu sự giám sát của nhân dân; đoàn kết, tổ chức và lãnh đạo nhân dân tiến hành sự nghiệp cách mạng. Đảng lãnh đạo hệ thống chính trị, tăng cường khối đại đoàn kết toàn dân, tôn trọng và phát huy vai trò của Nhà nước, Mặt trận, các đoàn thể chính trị - xã hội ; đồng thời Đảng là một bộ phận của

Digitized by Google

hệ thống chính trị và là thành viên của Mặt trận Tổ quốc.

+ Đảng kết hợp chủ nghĩa yêu nước chân chính với chủ nghĩa quốc tế của giai cấp công nhân, ủng hộ sự nghiệp đấu tranh vì hòa bình, độc lập dân tộc và tiến bộ xã hội của nhân dân thế giới.

Phấn đấu thực hiện tốt 5 mặt nêu trên chính là để giữ vững và tăng cường bản chất giai cấp công nhân của Đảng. Trong tình hình hiện nay, *điều cực kỳ quan trọng là phải trung thành với mục tiêu lý tưởng của giai cấp công nhân*, không dao động, mơ hồ về bản chất giai cấp của Đảng ; *xây dựng một đội ngũ cán bộ, trước hết là cán bộ chủ chốt các cấp, thực sự kiên định, vững vàng, tiêu biểu cho đường lối chính trị, phẩm chất trí tuệ và bản lĩnh của giai cấp công nhân và dân tộc Việt nam.*

Như vậy, bản chất giai cấp công nhân thể hiện không phải chỉ ở số lượng đảng viên xuất thân từ thành phần công nhân nhiều hay ít (mặc dù vấn đề tăng số lượng đảng viên xuất thân từ công nhân là rất quan trọng), mà *chủ yếu* và *quyết định hơn* là ở chỗ lập trường, quan điểm, thế giới quan, đường lối chính trị, nguyên tắc tổ chức... của Đảng có thực sự là của giai cấp công nhân không.

Bản chất giai cấp công nhân cũng không hề đối lập với tính chất dân tộc ; trái lại, nó quyện chặt nhuần nhuyễn với tính dân tộc. Nói theo nghĩa nào đó, trong bản chất giai cấp công nhân đã bao hàm tính dân tộc ; và ngược lại, khi nói tính dân tộc trong thời đại hiện nay do Đảng cộng sản lãnh đạo đã bao hàm tính giai cấp công nhân. Trong hoàn cảnh cụ thể của nước ta, lợi ích giai cấp thống nhất với lợi ích dân tộc ; sự nghiệp của Đảng gắn liền với sự nghiệp của dân tộc. Đảng chẳng những đại biểu cho lợi ích của giai cấp mà còn đại biểu cho lợi ích của nhân dân lao động và của cả dân tộc. Và trên thực tế Đảng đã phấn đấu hy sinh vì lợi ích của giai cấp, của nhân dân và dân tộc. Đảng chẳng những thường xuyên giữ vững và nâng cao bản chất giai cấp công nhân mà còn chú ý học tập, tiếp thu, phát triển tinh hoa và truyền thống dân tộc, giữ gìn và phát huy bản sắc Việt nam. Chính truyền thống dân tộc là yếu tố nhân thêm sức mạnh của Đảng. Đảng thực tế đã trở thành lãnh tụ của cả dân tộc. Sức mạnh của Đảng được tăng cường nhờ sự kết hợp chặt chẽ hệ tư tưởng tiên tiến của giai cấp công nhân với khí phách, tinh hoa truyền thống của dân tộc. Chủ tịch Hồ Chí Minh - người sáng lập, lãnh đạo và rèn luyện Đảng ta - là sự thể hiện đến mức tuyệt vời sự thống nhất giữa giai cấp và dân tộc, giữa chủ nghĩa yêu nước và chủ nghĩa xã hội. Người chẳng những là lãnh tụ tối cao của Đảng mà còn là lãnh tụ tối cao của dân tộc. Và như vậy cũng có thể nói rằng, Đảng ta *chẳng những là đội tiên phong chính trị của giai cấp công nhân, mang bản chất cách mạng và khoa học của giai cấp công nhân, mà còn là đội tiên phong lãnh đạo của cả dân tộc, mang trong mình những phẩm chất tốt đẹp của dân tộc.* Đảng phải ra sức phấn đấu để không ngừng nâng cao và ngày càng đạt tới sự kết hợp nhuần nhuyễn bản chất giai cấp với tinh hoa truyền thống dân tộc.

Trên cơ sở nắm vững những quan điểm chung về bản chất của Đảng, chúng ta phải vận dụng vào các công việc cụ thể hằng ngày trong công tác xây dựng Đảng. Từ việc định ra chủ trương, chính sách đến việc giáo dục, bồi dưỡng xây dựng đội ngũ cán bộ, đảng viên; từ việc thực hiện nghiêm túc các nguyên tắc tổ chức sinh hoạt đảng đến việc thực hiện chính sách đại đoàn kết dân tộc, mở rộng và tăng cường quan hệ quốc tế... Tất cả đều phải thấm nhuần, quán triệt sâu sắc quan điểm giai cấp công nhân và truyền thống tốt đẹp của dân tộc ta.

Trong bước chuyển giai đoạn hiện nay, trước những yêu cầu mới, chúng ta cần đặc biệt chú trọng giáo dục, bồi dưỡng nâng cao bản lĩnh chính trị, trình độ trí tuệ và phẩm chất cách mạng của đội ngũ cán bộ, đảng viên; củng cố tổ chức đảng, thực hiện tốt nguyên tắc tập trung dân chủ ; tăng cường mối liên hệ gắn bó giữa Đảng và nhân dân.

Căn cứ vào Cương lĩnh và các văn kiện khác của Đảng, thường xuyên bồi dưỡng cho cán bộ, đảng viên đường lối, chủ trương của Đảng, các vấn đề cơ bản của chủ nghĩa Mác-

Digitized by Google

Lê-nin và tư tưởng Hồ Chí Minh, những truyền thống tốt đẹp của dân tộc, những kiến thức mới, bảo đảm sự thống nhất về chính trị và tư tưởng trong toàn đảng. Dự thảo *Báo cáo chính trị* trình Đại hội VIII của Đảng đã chỉ rõ : Mọi cán bộ, đảng viên, trước hết là các cán bộ lãnh đạo chủ chốt, phải có kế hoạch thường xuyên học tập, nâng cao phẩm chất đạo đức và trình độ năng lực công tác. Uốn nắn những nhận thức lệch lạc, những quan điểm mơ hồ, những biểu hiện dao động về tư tưởng, mất niềm tin vào chủ nghĩa xã hội và sự lãnh đạo của Đảng. Phê phán và bác bỏ những quan điểm sai trái, thù địch.

Kiên quyết đẩy lùi tình trạng một bộ phận cán bộ, đảng viên sa sút phẩm chất đạo đức, chạy theo lối sống cơ hội, thực dụng, làm giàu bất chính, tham nhũng, buôn lậu, kèn cựa địa vị, cục bộ địa phương, gia trưởng, độc đoán. Cán bộ, đảng viên phải gương mẫu tự rèn luyện, tự phấn đấu nâng cao đạo đức cách mạng, khắc phục chủ nghĩa cá nhân. Không được lợi dụng việc luật pháp chưa đồng bộ hoặc cơ chế, chính sách còn sơ hở để đục khoét của công. Các tổ chức đảng phải có kế hoạch giáo dục, bồi dưỡng, kiểm tra, quản lý, giúp đỡ một cách có hiệu quả việc rèn luyện của đảng viên. Xác định rõ những việc liên quan đến kinh doanh, đến việc làm cho người nước ngoài mà cán bộ, đảng viên, công chức nhà nước không được phép làm ; quy định chặt chẽ việc nhận quà biếu, tiếp khách ; chế độ cán bộ, đảng viên, công chức, trước hết là những người giữ cương vị lãnh đạo chủ chốt ở các cấp, phải báo cáo và chịu sự kiểm tra về thu nhập, về nguồn tiền mua đất, làm nhà... Những người giàu lên một cách bất thường phải có sự kiểm tra của tổ chức đảng. Quy định trách nhiệm của những cán bộ, đảng viên khi có vợ, chồng, con làm ăn phi pháp ; xác định rõ những hoạt động kinh doanh mà vợ, chồng, con của cán bộ lãnh đạo chủ chốt đương chức ở trung ương và địa phương không được phép làm. Đảng viên không được làm hoặc mượn danh nghĩa người thân để làm kinh tế tư bản tư nhân. Xử lý kịp thời và nghiêm minh những cán bộ, đảng viên thoái hóa biến chất.

Mỗi đảng viên, cán bộ phải rèn luyện tính tổ chức, tính kỷ luật, tự giác đặt mình trong sự quản lý của chi bộ, tham gia sinh hoạt chi bộ đầy đủ, tuân thủ kỷ luật của Đảng. Không để một đảng viên nào đứng ngoài sự quản lý của tổ chức. Có quy định cụ thể bảo đảm cho mọi đảng viên được thảo luận và tham gia quyết định các chủ trương công tác của tổ chức đảng. Đảng viên không được truyền bá những quan điểm trái với quan điểm đường lối của Đảng, không được tán phát tài liệu, làm lộ bí mật quốc gia. Tổ chức đảng cần quản lý, có biện pháp xử lý kịp thời đối với những đảng viên vi phạm nguyên tắc sinh hoạt đảng, lợi dụng dân chủ để tuyên truyền chống Đảng.

Thực hiện nghiêm túc chế độ tự phê bình và phê bình ; chống làm hình thức, chiếu lệ, không tiếp thu phê bình hoặc tiếp thu mà không sửa chữa khuyết điểm. Nghiêm cấm hiện tượng trấn áp, trù dập người phê bình cũng như hiện tượng lợi dụng phê bình để vu cáo, đả kích cá nhân, gây rối nội bộ.

Đoàn kết thống nhất trong đảng, trước hết là ở cơ quan lãnh đạo, có ý nghĩa quyết định sự thành công của cách mạng. Cán bộ, đảng viên giữ gìn sự đoàn kết thống nhất trong đảng trên cơ sở đường lối chính trị, nguyên tắc tổ chức và tình thương yêu đồng chí. Vừa qua ở một số ngành và địa phương có tình trạng mất đoàn kết, có nơi mất đoàn kết nghiêm trọng. Phải tập trung giải quyết cho được tình trạng này. Kinh nghiệm ở nhiều nơi cho thấy, muốn khắc phục được tình trạng mất đoàn kết, phải phân tích đúng nguyên nhân, có biện pháp giải quyết phù hợp. Đặc biệt cần chú ý bố trí đúng người đứng đầu tổ chức đảng và cơ quan chính quyền cùng cấp ; có quy chế công tác rõ ràng, chặt chẽ, nhất là về công tác cán bộ ; kiên quyết đấu tranh chống chủ nghĩa cá nhân, tư tưởng kèn cựa địa vị, tranh giành ngôi thứ, lợi lộc, cũng như đầu óc cục bộ, bản vị ; đề cao tình thương yêu đồng chí, tôn trọng lẫn nhau.

Không nên đồng nhất việc trong đảng có những ý kiến khác nhau khi thảo luận, tranh luận với tình trạng mất đoàn kết. Trước sự phát triển của cách mạng, có nhiều vấn đề lý luận và thực tiễn rất phức tạp, chưa sáng tỏ, trong đảng cần có sự thảo luận, tranh luận. Cán bộ,

Digitized by Google

đảng viên cần lắng nghe, tôn trọng ý kiến của nhau, giải quyết có lý có tình ; có việc phải chờ đợi nhau. Đồng thời không đoàn kết hình thức, một chiều, xuê xoa, không dám đấu tranh.

Hiện nay, đất nước ta đang tiến vào thời kỳ phát triển mới, biết bao thời cơ và thuận lợi mở ra, đồng thời cũng có biết bao nhiêu khó khăn và phức tạp ; bốn nguy cơ mà Hội nghị giữa nhiệm kỳ của Đảng chỉ ra vẫn rất gay gắt. Các thế lực thù địch đang tìm mọi cách để lôi kéo, kích động, chia rẽ Đảng với dân, tách dân ra khỏi ảnh hưởng của Đảng. Vì vậy, yêu cầu củng cố và tăng cường mối liên hệ giữa Đảng với dân có ý nghĩa quan trọng hơn bao giờ hết. Cần có những biện pháp tích cực, thiết thực để tăng cường mối liên hệ giữa Đảng với nhân dân, củng cố và mở rộng khối đại đoàn kết toàn dân, trong đó nòng cốt là khối liên minh giữa công nhân, nông dân và trí thức. Tiếp tục nghiên cứu, tổng kết thực tiễn để có những chủ trương, chính sách hợp lòng dân, chăm lo bảo vệ lợi ích chính đáng của nhân dân, phát huy quyền làm chủ thực sự của dân, tạo động lực phát triển xã hội. Đấu tranh có kết quả chống tham nhũng, tệ quan liêu, ức hiếp quần chúng; xây dựng và củng cố các cơ quan nhà nước trong sạch, vững mạnh ; đổi mới phương thức hoạt động của các đoàn thể nhân dân ; chỉnh đốn tổ chức và đội ngũ của Đảng, làm cho tổ chức đảng và mọi cán bộ, đảng viên thực sự tiên phong, gương mẫu. Có cơ chế để dân tham gia xây dựng Đảng, giám sát và kiểm tra các hoạt động của cán bộ, đảng viên ; đồng thời bảo đảm sự lãnh đạo chặt chẽ của Đảng đối với toàn xã hội.

Tôi nghĩ rằng, nếu mọi tổ chức đảng đều làm tốt những việc mà Đảng ta nêu ra trên đây thì chắc chắn chúng ta sẽ giữ vững và tăng cường được bản chất giai cấp công nhân và tính tiên phong của Đảng, góp phần làm cho Đảng ta ngày càng vững mạnh và trong sạch, xứng đáng với niềm tin yêu của toàn dân ❑

CÁC LOẠI HÌNH...

(Tiếp theo trang 52)

các quan hệ hợp đồng và thị trường. Để các thể chế vận dụng có hiệu quả, cần chú ý mối quan hệ giữa *xã hội chính trị* và *xã hội dân sự*. Trong ba thập kỷ tập thể hóa nông nghiệp, chúng ta chỉ chú trọng xã hội chính trị (Đảng và nhà nước) mà coi nhẹ, thậm chí bỏ rơi xã hội dân sự. Ngay hợp tác xã kiểu cũ, vốn là xã hội dân sự, nhưng cũng bị "nhà nước hóa". Đã đến lúc phải cấu trúc lại các thể chế, khôi phục và phát triển xã hội dân sự như các loại hình hợp tác kinh tế kiểu mới, các hội nghề nghiệp, các tổ chức phi chính phủ, v.v., tạo điều kiện để người nông dân trau dồi nghề nghiệp và phấn khởi sản xuất, đời sống tinh thần được cải thiện. Trong lĩnh vực kinh tế hợp tác, cần tổ chức tốt việc cung cấp các dịch vụ cho nông dân, từ tín dụng đến vật tư kỹ thuật, từ khuyến nông đến thị trường tiêu thụ, với chi phí trao đổi thấp nhất theo hướng cái gì dân làm được thì để cho dân làm, nhà nước chỉ nhận lấy những việc mà dân không có sức làm. Những tổ chức dân sự trong xã hội cổ truyền cũng cần được khôi phục có chọn lọc, chẳng hạn các hội hiếu, hội hỉ (trên thực tế đã hoạt động trở lại dưới những tên gọi khác như hội bảo thọ, tổ đoàn kết v.v.) và ngay cả những hội đáp ứng nhu cầu tâm linh của nông dân (như hội chủ bà kết nạp những phụ nữ từ 50 tuổi trở lên, ngày sóc ngày vọng cùng nhau lên chùa lễ Phật), chỉ cần ngăn ngừa những tệ nạn mê tín dị đoan, buôn thần bán thánh. Khôi phục các hội đồng môn, hội khuyến học, hội văn phả, các hội vui chơi giải trí như hội chơi âm nhạc, hội tao đàn, hội chọi gà, hội nuôi chim...

Trong các loại hình kinh tế hợp tác nêu trên, theo tôi, hai loại hình *Lam sơn* và *Kim long* cần sớm được tổng kết. Đó là hình thức hợp tác giữa khu vực nhà nước và khu vực dân sự, giữa kinh tế nhà nước với kinh tế tập thể, giữa doanh nghiệp tư nhân với sản xuất của nông dân, giúp nông thôn nhanh chóng được cải tạo trên những vùng rộng lớn. Hình thức đó vừa tạo thêm việc làm, phát triển kinh tế hộ theo hướng sản xuất hàng hóa, vừa hiện đại hóa nông nghiệp bằng xây dựng kết cấu hạ tầng và phát huy tác động của công nghệ sinh học đối với năng suất cây trồng và vật nuôi. Địa bàn thuận lợi để áp dụng những hình thức nói trên, trước hết là những vùng nông thôn thuộc trung du và miền núi, những vùng đô thị và cả những vùng đất mới ở đồng bằng có bình quân ruộng đất cao, ở đó đã có sẵn những cơ sở quốc doanh như nhà máy đường, nhà máy chế biến cà phê, hạt điều, cao su, sữa. Và nếu những vùng này có các công ty nước ngoài đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng cũng như chuyển giao công nghệ, thì những loại hình hợp tác nói trên càng có điều kiện để mở rộng, phát huy nhanh sức mạnh tổng hợp ❑

Digitized by Google

TĂNG CƯỜNG BẢN CHẤT GIAI CẤP CÔNG NHÂN VÀ TÍNH TIÊN PHONG CỦA ĐẢNG

NGUYỄN QUANG DU *

VẤN đề giữ vững bản chất giai cấp công nhân và vai trò tiên phong chính trị của Đảng là một trong những vấn đề cơ bản, mang tính nguyên tắc của lý luận xây dựng đảng theo chủ nghĩa Mác - Lê-nin. Ở Việt nam, đảng cộng sản ra đời và trưởng thành trong hoàn cảnh một nước nông nghiệp lạc hậu, giai cấp công nhân còn nhỏ bé, tỷ lệ đảng viên xuất thân từ công nhân còn thấp thì vấn đề nói trên càng có ý nghĩa quan trọng. Để làm cho Đảng ta thật sự trong sạch, vững mạnh, xứng đáng là lực lượng chính trị lãnh đạo công cuộc đổi mới đất nước, chúng tôi cho rằng cần nhận thức và làm rõ một số vấn đề cơ bản sau đây.

1- Khi nói về bản chất của một đảng kiểu mới, đảng mác xít - lê nin nít chân chính, Lê-nin thường nhắc nhở : Chúng ta là những người mác xit, và cơ sở của chúng ta là *Tuyên ngôn của Đảng cộng sản*. Luận điểm cơ bản của tác phẩm đó chỉ ra rằng, để hoàn thành nhiệm vụ lịch sử của giai cấp công nhân là giải phóng toàn nhân loại khỏi mọi áp bức, bất công, vấn đề then chốt là phải có tổ chức và có sự lãnh đạo của Đảng ; Đảng phải được xây dựng thành một tổ chức có sức chiến đấu cao nhất của giai cấp công nhân.

Thực tiễn của phong trào cộng sản và công nhân quốc tế ngót một thế kỷ qua đã chứng minh rằng, cùng với sự phát triển của chủ nghĩa tư bản, giai cấp công nhân cũng đã lớn mạnh lên về số lượng và chất lượng ; ý thức giác ngộ chính trị, ý thức tổ chức, kỷ luật ngày càng được nâng cao; chỉ có giai cấp công nhân mới có khả năng đoàn kết xung quanh mình tất cả những người bị áp bức bóc lột để lật đổ chế độ tư bản, xây dựng xã hội mới. Do vậy, phạm trù giai cấp công nhân không thể tách rời mà gắn bó chặt chẽ với đảng cộng sản, với tiến bộ của thời đại, và mang tính cách mạng, khoa học sâu sắc. Khi bàn về vấn đề này, Lê-nin thường nhấn mạnh, phạm trù công nhân phải được định nghĩa rõ ràng là sự *lãnh đạo, chỉ đạo*. Trong hoạt động thực tế, Lê-nin đặc biệt chú trọng đến việc xây dựng và củng cố đảng cách mạng của giai cấp công nhân. Người thường nhắc nhở, trong bất kỳ tình huống nào cũng phải giữ cho đảng không bị "mất vị trí giai cấp", bảo đảm cho đảng giữ tính chất của một đảng công nhân. Người luôn coi trọng chất lượng gấp 10 đến 100 lần số lượng. Và, chất lượng trước hết là thể hiện *ở tính chất vô sản, tính chất công nhân của đảng*.

Nhờ tiếp thu được những tư tưởng của Lê-nin, ngay từ khi Đảng ta mới được thành lập, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã khẳng định, Đảng cộng sản Việt nam là đảng của giai cấp công nhân Việt nam, đội tiên phong chiến đấu của giai cấp công nhân, có sứ mạng tập hợp mọi tầng lớp nhân dân lao động đứng lên làm cách mạng. Từ khi Đảng ta ra đời đến nay, dù tên Đảng có lúc thay đổi, nhưng bản chất của Đảng vẫn không thay đổi. Hơn bao giờ hết, trong giai đoạn cách mạng hiện nay, Đảng ta càng phải khẳng định và thể hiện rõ bản chất giai cấp công nhân của mình, luôn chiến đấu hy sinh vì lợi ích của giai cấp công nhân, nhân dân lao động và của cả dân tộc Việt nam. Thắng lợi của đường lối đổi mới vừa qua, một lần nữa khẳng định sự lãnh đạo của Đảng là một tất yếu khách quan.

2- Cho đến nay, ở nước ta, sản xuất nông nghiệp vẫn là chủ yếu, nông dân chiếm khoảng 80% số dân. Nền đại công nghiệp cơ khí còn chưa phát triển. Giai cấp công nhân Việt nam ra đời sau khi thực dân Pháp thiết lập nền thống trị của chúng trên đất nước ta. Nhìn chung số lượng giai cấp công nhân còn ít, lại chủ yếu có nguồn gốc xuất thân từ nông dân. Đặc điểm cơ bản đó đã chi phối và in dấu ấn đậm nét trong đời sống của Đảng. Do vậy, Đảng càng phải quan tâm xây dựng đội ngũ, bảo đảm giữ vững tính chất và theo yêu cầu của một đảng mang bản chất giai cấp công nhân.

* PTS triết học, Viện nghiên cứu chủ nghĩa Mác - Lê-nin và tư tưởng Hồ Chí Minh

Digitized by Google

Trong hoàn cảnh cụ thể của nước ta, bản chất giai cấp công nhân và tính tiên phong của Đảng thể hiện không phải ở chỗ có đông số lượng đảng viên xuất thân từ công nhân mà yếu tố có tính quyết định là ở chất lượng đảng viên. Điều đó được thể hiện thời kỳ 1930 - 1931, khi mới ra đời với 300 đảng viên, Đảng đã lãnh đạo nhân dân ta làm nên cao trào cách mạng 1930 - 1931 ; năm 1945, với 5 000 đảng viên, Đảng đã lãnh đạo toàn dân làm cuộc Cách mạng Tháng Tám thành công ; và vào giữa những năm 70, với 700 000 đảng viên, Đảng đã lãnh đạo nhân dân kháng chiến chống Mỹ cứu nước giành thắng lợi hoàn toàn.

Bên cạnh lực lượng nòng cốt là công nông, Đảng cộng sản Việt nam đã thu hút phần lớn những người tiên tiến trong các thành phần xã hội khác vào Đảng. Hiện nay, trong Đảng ta tỷ lệ đảng viên xuất thân từ nông thôn vẫn cao, song điều đó không làm mất đi tính chất giai cấp công nhân và tính tiên phong của Đảng. Bản chất giai cấp công nhân và tính tiên phong của Đảng luôn được thể hiện ở việc kiên định đường lối, quan điểm, lập trường, trung thành với lợi ích của giai cấp công nhân, nhân dân lao động và của cả dân tộc. Đó là vấn đề có tính nguyên tắc, nó có tác dụng tập hợp, tập trung ý chí tạo ra sức mạnh tổ chức lôi cuốn phong trào đấu tranh cách mạng. Mặc dù chúng ta đứng trước nhiều nguy cơ, thử thách, nhưng trước sau như một, Đảng ta vẫn kiên định bản chất giai cấp công nhân. Tính giai cấp luôn hòa quyện chặt chẽ với tính dân tộc, thống nhất với tính dân tộc. Điều đó đã làm nên sức mạnh của Đảng vì chẳng những giữ vững và nâng cao được bản chất giai cấp công nhân, Đảng ta còn tiếp thu, phát huy được tinh hoa và truyền thống tốt đẹp của dân tộc.

Hiện nay, Đảng đang đứng trước những thách thức mới trong cơ chế thị trường, việc "mở cửa" giao lưu quốc tế, môi trường xã hội rất phức tạp và kẻ địch ngày càng tăng cường âm mưu "diễn biến hòa bình". Trước mắt và lâu dài, nông dân, nông nghiệp và nông thôn vẫn chiếm một vị trí trọng yếu trong phát triển kinh tế - xã hội. Đảng viên là nông dân và các thành phần xã hội khác vẫn chiếm tỷ lệ cao. Vì vậy, vấn đề bản chất giai cấp công nhân càng phải được tăng cường và giữ vững. Phải làm cho mọi cán bộ, đảng viên nhận thức đầy đủ, đúng đắn và rõ ràng rằng, càng đẩy mạnh sự nghiệp đổi mới, càng phải giữ vững và tăng cường bản chất giai cấp công nhân của Đảng. Đồng thời phải đứng vững trên quan điểm, lập trường của giai cấp công nhân để đấu tranh khắc phục những ảnh hưởng và các khuynh hướng tư tưởng tiểu tư sản, tư tưởng nông dân, tàn dư của tư tưởng phong kiến, chủ nghĩa cá nhân... ở trong và ngoài Đảng.

3- Thắng lợi của cách mạng Việt nam những năm qua chứng minh rằng, Đảng ta và các thế hệ đảng viên của Đảng đã được thử thách, rèn luyện và ngày càng trưởng thành qua các phong trào đấu tranh cách mạng. Đảng tuyệt đối trung thành với lý tưởng cách mạng, với lợi ích của giai cấp và dân tộc, nắm vững và vận dụng sáng tạo lý luận cách mạng khoa học của chủ nghĩa Mác - Lê-nin và tư tưởng Hồ Chí Minh, kiên định mục tiêu và phương hướng chiến lược, giữ vững độc lập, tự chủ, đoàn kết nội bộ, gắn bó chặt chẽ với nhân dân. Ngày nay, đất nước đã chuyển sang giai đoạn mới, Đảng đang cố gắng tỏ rõ bản lĩnh chính trị, uy tín và năng lực lãnh đạo của mình. Tuy nhiên, yêu cầu của nhiệm vụ cách mạng đòi hỏi Đảng phải không ngừng đổi mới, vươn lên về mọi mặt. Những năm qua công tác xây dựng Đảng đã có nhiều cố gắng nhưng cũng còn nhiều yếu kém. Trên một số phương diện quan trọng đã bộc lộ những bất cập như : Phương pháp lãnh đạo và năng lực quản lý của các cấp bộ đảng ở nơi này nơi khác còn yếu kém; trình độ lý luận văn hóa và chuyên môn nghiệp vụ của đảng viên nhìn chung chưa đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ ; đạo đức, phẩm chất và lối sống của một số cán bộ, đảng viên sa sút.

Từ khi nước chúng ta chuyển sang cơ chế thị trường, tình trạng sa sút về phẩm chất chính trị và lối sống đạo đức của một bộ phận cán bộ, đảng viên, kể cả một số đảng viên có chức, có quyền đang là vấn đề nổi cộm. Bên cạnh những quan niệm giản đơn, dao động, mất lòng tin về chủ nghĩa xã hội, về tính tiên phong và vai trò lãnh đạo chính trị của Đảng, xuất hiện tư tưởng thực dụng, sống gấp, chạy theo lợi ích và tham vọng cá nhân. Có một bộ phận cán bộ, đảng viên làm giàu bất chính đang bị dư luận xã hội và nhân dân lên án. Ở nhiều đảng bộ, chi bộ, hằng năm vẫn còn từ 5 - 10% đảng viên vi phạm điều lệ Đảng, 1 - 5% đảng viên không đủ tư cách. Công tác phát triển đảng có nhiều chuyển biến, nhưng vẫn chưa đáp ứng được yêu cầu của nhiệm vụ cách mạng, tuổi bình quân của đảng viên ngày một cao. Tỷ lệ đảng viên được phân bố ở các vùng trong cả nước không đều.

Digitized by Google

Hiện nay vẫn còn khoảng 4 000 thôn, xóm, ấp, bản chưa có đảng viên.

Do không được đào tạo, bồi dưỡng kịp thời, nhiều cán bộ, đảng viên khi chuyển sang kinh tế thị trường, có những thiếu hụt rất căn bản về kiến thức, trình độ và năng lực, đặc biệt là những kiến thức về quản lý kinh tế, quản lý nhà nước. Hiện nay, theo thống kê chưa đầy đủ, các cấp ủy tỉnh mới có 12,8% ; cấp huyện 10,3% ; cấp xã, phường 6,4% được học về quản lý nhà nước ; 33,8% cấp ủy tỉnh; 16,2% cấp huyện ; 7,7% cấp xã, phường qua các lớp quản lý kinh tế. Việc học tập còn thiếu cơ bản, chưa hệ thống, chủ yếu học tại chức, ngắn hạn.

Hiện nay trong Đảng chứa đựng và ẩn dấu những yếu tố làm hạ thấp bản chất giai cấp công nhân, gây tổn hại đến uy tín và tính tiên phong chính trị của Đảng. Để hạn chế và ngăn ngừa hiện tượng đó, đòi hỏi mỗi đảng viên của Đảng "trong bất kỳ tình huống nào, phải luôn luôn kiên định quan điểm, lập trường của giai cấp công nhân, tuyệt đối trung thành với lợi ích của giai cấp công nhân, nhân dân lao động và của cả dân tộc" (1).

Để góp phần tăng cường bản chất giai cấp công nhân và tính tiên phong chính trị của Đảng, theo tôi, cần giải quyết những vấn đề sau :

- Vấn đề mấu chốt, có ý nghĩa quyết định là chăm lo phát triển đội ngũ đảng viên. Thường xuyên kết nạp vào Đảng những người lao động ưu tú nhất, thật sự trung thành với lý tưởng của giai cấp công nhân, thiết tha với Đảng, với sự nghiệp đổi mới, với lợi ích của dân tộc trong công nhân, nông dân, trí thức, thợ thủ công, trong các lực lượng vũ trang, các thành phần kinh tế. Việc chú ý bồi dưỡng, kết nạp vào Đảng ngày càng nhiều hơn những công nhân trẻ có trình độ để làm tăng dần tỷ lệ công nhân trong Đảng là rất cần thiết. Tuy nhiên, điều cốt yếu vẫn là phải bảo đảm chất lượng, chú ý tính chất giai cấp, tính đảng vô sản. Nói cách khác, phải không ngừng nâng cao bản lĩnh chính trị, giáo dục thế giới quan khoa học, nhận thức đúng đắn về đường lối, chủ trương của Đảng, có tính tổ chức, tính kỷ luật, khả năng lao động sáng tạo của giai cấp công nhân hiện đại.

- Muốn đổi mới làm trong sạch và lành mạnh xã hội, trước hết phải đổi mới và làm trong sạch từ trong Đảng. Song song với công tác kết nạp đảng viên mới, phải kiên quyết đưa ra khỏi đảng những người thoái hóa, biến chất, những người không còn đủ tư cách đảng viên. Đây chính là một trong những biện pháp tăng cường sức mạnh và "trọng lượng" của Đảng như Lê-nin đã từng dạy. Cần thực hiện yêu cầu này một cách công khai, dân chủ, lấy tự phê bình và phê bình trong nội bộ đảng là chính, kết hợp với việc tổ chức để quần chúng giám sát, phê bình, góp ý cho cán bộ, đảng viên. Kỷ luật của Đảng cùng với pháp luật của Nhà nước phải được thực hiện nghiêm minh. Các cấp ủy và chi bộ cần tỏ rõ thái độ trung thực, dũng cảm và phải chịu trách nhiệm về những sai phạm của cán bộ, đảng viên ở cấp ủy và chi bộ mình.

- Trong điều kiện cụ thể của nước ta, tính giai cấp gắn bó chặt chẽ với tính dân tộc, lợi ích giai cấp thống nhất với lợi ích dân tộc. Do vậy, tăng cường bản chất giai cấp công nhân và tính tiên phong chính trị của Đảng phải đi đôi với tiếp thu, phát triển tinh hoa và truyền thống tốt đẹp của dân tộc. Quán triệt sâu sắc quan điểm "lấy dân làm gốc" trong mọi hoạt động của Đảng, xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc, đoàn kết toàn dân.

- Trước những yêu cầu của sự nghiệp đổi mới, phát triển đất nước, của công tác xây dựng Đảng hiện nay, những tiêu chuẩn để đánh giá, nhận xét cán bộ, đảng viên, cần được bổ sung, đổi mới cho phù hợp và khoa học hơn. Bên cạnh việc thường xuyên rèn luyện phẩm chất chính trị, đạo đức cách mạng cho cán bộ, đảng viên, coi đó là "cái nguồn", "cái gốc", "cái nền tảng" như Chủ tịch Hồ Chí Minh đã dạy, cần giáo dục, bồi dưỡng khả năng tư duy, trình độ lý luận, trình độ chuyên môn nghiệp vụ, trình độ và năng lực quản lý hoạt động kinh tế cho họ.

Để giữ vững vị trí và vai trò lãnh đạo, hơn ai hết, Đảng phải có trí tuệ cao, có tính tiên phong. Chỉ có đứng trên tầm trí tuệ cao, giữ vững tính đảng vô sản của giai cấp công nhân, Đảng mới nhìn xa, trông rộng, mới có thể đề ra đường lối chiến lược, sách lược đúng đắn cho con đường đi lên của đất nước và sự phát triển của dân tộc ❑

(1) Đỗ Mười : "Diễn văn tại lễ kỷ niệm 65 năm Ngày thành lập ĐCS Việt nam (3-2-1930 - 3-2-1995)", *Tạp chí Cộng sản* số 2-1995, tr 8

Digitized by Google

MỐI QUAN HỆ GIỮA ĐỔI MỚI, CHỈNH ĐỐN VÀ TĂNG CƯỜNG BẢN CHẤT GIAI CẤP CÔNG NHÂN CỦA ĐẢNG

XUÂN HẢI

1 - Trong xã hội có giai cấp, đấu tranh giai cấp dẫn đến đấu tranh chính trị ; đấu tranh chính trị là hình thức cao nhất của đấu tranh giai cấp. Đấu tranh chính trị dẫn tới sự ra đời của các tổ chức đảng. Các đảng chính trị thể hiện đầy đủ, tập trung ý thức chính trị và ý chí quyết tâm đấu tranh chính trị của một giai cấp, vì vậy đảng chính trị là người lãnh đạo chính trị của một giai cấp. Mỗi giai cấp có một sứ mạng lịch sử chính trị của mình và đảng chính trị là người thực hiện sứ mạng lịch sử của giai cấp đó.

Muốn trở thành đảng chính trị của một giai cấp, bất cứ đảng nào cũng phải xác định rõ mục tiêu phấn đấu, nền tảng tư tưởng, các nguyên tắc tổ chức và hoạt động ; phải hoạch định được chiến lược, sách lược phù hợp ; và phải xây dựng được lực lượng xung quanh mình.

Cũng như đảng chính trị của các giai cấp khác, đảng cộng sản của giai cấp công nhân do Mác, Ăng-ghen sáng lập, hội tụ đầy đủ các yếu tố trên.

Một là : Đảng cộng sản ra đời do sự kết hợp chặt chẽ phong trào đấu tranh của công nhân với chủ nghĩa xã hội khoa học. Như thế đảng cộng sản có nền tảng tư tưởng vững chắc là chủ nghĩa Mác - Lê-nin, một hệ tư tưởng cách mạng, khoa học và tiên tiến.

Hai là : Do có hệ tư tưởng cách mạng, khoa học và tiên tiến cho nên đảng cộng sản luôn luôn là đội tiền phong của giai cấp công nhân, có điều kiện nhận thức sáng suốt tình hình thực tiễn, tiến trình và kết quả chung của phong trào cách mạng. Đảng kiên định mục tiêu chiến lược giải phóng giai cấp, giải phóng xã hội, giải phóng con người khỏi mọi ách áp bức bóc lột.

Ba là : Đảng cộng sản đại biểu cho lập trường giai cấp công nhân với tư cách là đội tiên phong của giai cấp, đồng thời đứng về lợi ích thì đảng là người đại biểu trung thành nhất cho lợi ích của cả dân tộc.

Bốn là : Đảng cộng sản kiên định nguyên tắc tập trung dân chủ, đoàn kết thống nhất ; giữ vững chủ nghĩa quốc tế trong hoạt động của mình. Đảng tập hợp quần chúng cách mạng kiên quyết đấu tranh để thực hiện thắng lợi mục tiêu lý tưởng của giai cấp mình.

Sứ mạng lịch sử của giai cấp công nhân là xóa bỏ chế độ áp bức bóc lột, xây dựng chế độ xã hội chủ nghĩa nhân đạo công bằng, bình đẳng và no ấm cho mọi người. Để hoàn thành sứ mạng đó, giai cấp công nhân phải thường xuyên đặt lên hàng đầu nhiệm vụ xây dựng đảng cộng sản, lãnh tụ chính trị và đội tiên phong của giai cấp mình vững mạnh. Về phần mình, để đủ sức làm tròn trách nhiệm vinh dự đó, Đảng không được xa rời mục tiêu cách mạng của giai cấp, hệ tư tưởng và các nguyên tắc hoạt động do mục tiêu và nhiệm vụ cách mạng của giai cấp công nhân quy định. Như thế, giai cấp công nhân không được để đảng cộng sản biến chất thành một đảng của giai cấp khác ; và đảng cộng sản không được xa rời bản chất giai cấp của mình.

Những yếu tố làm nên bản chất giai cấp công nhân của đảng là thành phần giai cấp công nhân trong đảng, hệ tư tưởng của đảng, chiến lược, sách lược cách mạng mà đảng vạch ra và hành động của đảng khi thực hiện chiến lược sách lược đó. Thành phần giai cấp công nhân trong đảng nhiều hay ít, đó là một yếu tố quan trọng, nhưng quyết định hơn cả chính là hệ tư tưởng và chiến lược,

Digitized by Google

sách lược của đảng. Những vấn đề này có ý nghĩa rất quan trọng trong công tác xây dựng Đảng của chúng ta hiện nay.

2 - Ngay từ khi mới ra đời, Đảng ta đã khẳng định là một đảng chính trị của giai cấp công nhân, và suốt trong quá trình đấu tranh cách mạng không lúc nào Đảng ta xa rời bản chất đó. Đảng luôn luôn trung thành với chủ nghĩa Mác - Lê-nin, vận dụng sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lê-nin trong việc đề ra đường lối đúng đắn qua mọi giai đoạn cách mạng. Trong đường lối chính trị, cũng như trong công tác tư tưởng, tổ chức, và phương pháp cách mạng ở tất cả các thời kỳ, Đảng luôn đứng vững trên lập trường giai cấp công nhân để thực hiện sứ mạng lịch sử giải phóng dân tộc, giải phóng giai cấp, xây dựng nước ta trở thành một nước xã hội chủ nghĩa, dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, văn minh. Nhờ giữ vững nguyên tắc tập trung dân chủ và đoàn kết thống nhất trong đảng và liên hệ mật thiết với nhân dân, cũng như liên hệ chặt chẽ với phong trào đấu tranh của giai cấp công nhân quốc tế và các phong trào tiến bộ của nhân dân toàn thế giới, cho nên lúc nào Đảng ta cũng là một khối thống nhất, được sự ủng hộ hết lòng của nhân dân trong nước và bè bạn quốc tế, luôn luôn vượt qua được những thử thách khó khăn để lãnh đạo nhân dân ta giành được những thành quả cách mạng ngày càng to lớn và quan trọng.

Giữ gìn bản chất giai cấp công nhân là một nhiệm vụ chiến lược, hệ trọng, quyết định rất lớn tới sự tồn tại của Đảng, nó được tiến hành thường xuyên, liên tục, có kế hoạch, có tổ chức và khoa học, không nôn nóng, vội vã. Trong quá trình trưởng thành, phát triển của Đảng ta kinh nghiệm cho thấy: để giữ gìn bản chất giai cấp công nhân của Đảng, Đảng phải luôn luôn tự đổi mới và chỉnh đốn. Mỗi lần cách mạng chuyển giai đoạn, mỗi lần gặp khó khăn, Đảng biết tự tổ chức, tự chỉnh đốn để tiến lên, và mỗi lần như thế bản chất giai cấp công nhân của Đảng lại được củng cố vững vàng hơn, sâu sắc hơn, phù hợp với đặc điểm của Đảng cũng như đòi hỏi của cách mạng.

Thực hiện đường lối đổi mới, những năm qua đất nước ta đã thu được nhiều thành tựu to lớn, quan trọng, và Đảng ta đã có bước trưởng thành trong lãnh đạo xã hội. Nhưng trong công tác xây dựng Đảng còn nhiều lúng túng và yếu kém, vi phạm nguyên tắc tổ chức và sinh hoạt Đảng ; ý chí chiến đấu và tư cách của đảng viên có dấu hiệu giảm sút... Chủ động trước diễn biến của tình hình, nhằm nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng, giữ gìn sự trong sạch của đội ngũ, tháng 6-1992, Hội nghị lần thứ ba BCH TƯ Đảng (khóa VII) ra *Nghị quyết về một số nhiệm vụ đổi mới và chỉnh đốn Đảng*. Sau hơn 3 năm thực hiện, phải khẳng định rằng, mục tiêu, nguyên tắc, yêu cầu và phương châm đổi mới chính đốn Đảng đã được toàn đảng thực hiện một cách nghiêm túc, đồng thời được toàn thể nhân dân nhiệt tình hưởng ứng, đóng góp rất tích cực. Kết quả của việc thực hiện Nghị quyết Trung ương 3 đã tạo ra bước chuyển biến tích cực là tăng cường vai trò lãnh đạo của Đảng trên mọi lĩnh vực của đời sống xã hội, và ở mọi địa bàn, cơ sở. Ý chí chiến đấu của cán bộ, đảng viên được nâng lên một bước, ý thức tổ chức kỷ luật đã được đề cao, tình trạng vi phạm nguyên tắc tập trung dân chủ trong tổ chức và sinh hoạt đảng được khắc phục. Đội ngũ cán bộ của Đảng được bổ sung. Sự gắn bó giữa đảng và nhân dân ngày càng được tăng cường. Rõ ràng Nghị quyết Trung ương 3 đi vào cuộc sống nhanh, có sức lan tỏa và hấp dẫn, nó đang góp phần tích cực làm cho Đảng ta vững mạnh lên, xứng đáng là đội tiên phong của giai cấp công nhân, đại biểu trung thành của giai cấp công nhân, nhân dân lao động và cả dân tộc ta.

3 - Công cuộc đổi mới toàn diện đời sống đất nước mở đầu từ Đại hội VI của Đảng đã trải qua 10 năm và chúng ta đang phấn đấu để chuyển mạnh sang thời kỳ phát triển mới, thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. Tuy có một số khuyết điểm, lệch lạc, nhưng xét trên tổng thể, việc hoạch định và thực hiện đường lối của Đảng và Nhà nước ta vừa qua là đúng đắn, đúng định hướng xã hội chủ nghĩa. Trong hoàn cảnh

Digitized by Google

hết sức phức tạp, khó khăn, Đảng ta, nhân dân ta không những vẫn đứng vững mà còn vươn lên đạt được những thành tựu to lớn trên nhiều mặt, tạo tiền đề thuận lợi cho các bước phát triển tiếp theo ; con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta ngày càng được xác định tõ hơn. Cục diện mới của thế giới, đặc điểm mới của cách mạng nước ta, thời cơ và thách thức mới đòi hỏi bản lĩnh chính trị của Đảng phải cao hơn, vai trò lãnh đạo của Đảng phải được tăng cường hơn. Vì vậy bản chất giai cấp công nhân của Đảng càng cần được giữ gìn và tăng cường hơn.

Để giữ vững và tăng cường bản chất giai cấp công nhân của Đảng trong giai đoạn sắp tới, theo tôi cần chú trọng những vấn đề cơ bản sau đây :

Một là : Đảng ta phải kiên định mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội. Đây là lý tưởng của Đảng ta, là mục tiêu mà nhân dân ta và Chủ tịch Hồ Chí Minh kính yêu đã lựa chọn. Sự lựa chọn đúng cả về lô gích và lịch sử, sự lựa chọn được cả dân tộc đồng tình và suốt gần bảy thập kỷ qua, các thế hệ người Việt nam đã một lòng đoàn kết, chiến đấu hy sinh cho lý tưởng cao đẹp đó.

Hai là : Đảng ta phải kiên định lấy chủ nghĩa Mác - Lê-nin, tư tưởng Hồ Chí Minh làm nền tảng tư tưởng của Đảng, kim chỉ nam cho mọi hành động cách mạng. Bởi lẽ chủ nghĩa Mác - Lê-nin và tư tưởng Hồ Chí Minh là hệ thống lý luận cách mạng sắc bén, khoa học, phản ánh bản chất và lợi ích cơ bản của giai cấp công nhân, là kết quả có tính quy luật của sự phát triển những tư tưởng tiên tiến của nhân loại. Chủ tịch Hồ Chí Minh đã nói : "Chủ nghĩa Lê-nin đối với chúng ta, những người cách mạng và nhân dân Việt nam, không những là cái "cẩm nang" thần kỳ, không những là cái kim chỉ nam, mà còn là mặt trời soi sáng con đường chúng ta đi tới thắng lợi cuối cùng, đi tới chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa cộng sản" (1). Chủ nghĩa Mác - Lê-nin và tư tưởng Hồ Chí Minh là cơ sở khoa học của đường lối, chính sách, phương pháp cách mạng triệt để và sâu sắc của Đảng ta. Sức sống của chủ nghĩa Mác - Lê-nin và tư tưởng Hồ Chí Minh, giúp cho Đảng ta tỉnh táo phân tích cụ thể những tình hình cụ thể, tìm ra các giải pháp sáng tạo, đúng đắn, đưa cách mạng tiến lên.

Ba là : Chúng ta phải giữ vững nguyên tắc tập trung dân chủ trong xây dựng tổ chức và sinh hoạt đảng. Có tập trung dân chủ thì mới phát huy được tính tích cực sáng tạo của cán bộ, đảng viên, của quần chúng lao động và mới chỉ đạo tập trung, thống nhất được mọi hoạt động. Tập trung là cơ sở để phát huy dân chủ và dân chủ tốt là điều kiện để tập trung thống nhất, củng cố kỷ luật tự giác của Đảng. Thực hiện tốt tập trung và dân chủ sẽ tạo nên sức mạnh của tổ chức Đảng.

Bốn là : Hơn lúc nào hết, giờ đây chúng ta cần tăng cường bồi dưỡng ý thức giai cấp công nhân cho toàn đảng. Do đặc điểm của cách mạng nước ta, do đặc điểm của Đảng ta, nhất là đặc điểm đội ngũ đảng viên của ta hiện nay, ý thức giai cấp công nhân còn chưa thật thấm sâu, tự giác trong toàn đảng. Việc giác ngộ ý thức giai cấp càng phải được tiến hành thường xuyên, công phu và thiết thực, làm cho toàn đảng nâng cao nhận thức về đường lối, niềm tin vào chủ nghĩa xã hội, nâng cao nhận thức về chủ nghĩa Mác - Lê-nin và tư tưởng Hồ Chí Minh, không ngừng rèn luyện đạo đức, và ý thức tổ chức kỷ luật.

Năm là : Tăng cường mối quan hệ gắn bó mật thiết giữa đảng và nhân dân. Đây là truyền thống vốn có của Đảng ta ngay từ khi mới thành lập. Truyền thống này đã được nhân lên gấp bội qua các thời kỳ cách mạng. Đến ngày nay, truyền thống này phải được phát triển cả bề rộng và chiều sâu, bảo đảm tạo ra sức mạnh vô địch để đất nước ta vượt lên mọi thử thách, thực hiện thắng lợi mục tiêu của công cuộc đổi mới.

Sáu là : Tăng cường đoàn kết với các phong trào, các lực lượng cách mạng trên thế giới và với các tổ chức quốc tế, các dân tộc, các quốc gia vì mục tiêu hòa bình tiến bộ và hạnh phúc ấm no của nhân loại ❑

(1) Hồ Chí Minh : *Tuyển tập*, Nxb Sự thật, Hà nội, 1980, t 2, tr 176 - 177

Digitized by Google

BÁO CHÍ VIỆT NAM TRONG DÒNG CHẢY XÃ HỘI

ĐỖ PHƯỢNG *

BÁO chí là bộ phận hợp thành trong giao lưu đời sống xã hội. Đời sống xã hội thay đổi, báo chí ắt cũng thay đổi. Thay đổi song song, hoặc đi trước một bước. Cũng là lẽ thường.

Tuy nhiên, vẫn có nhiều điều phải bàn. Dư luận đang có nhiều ý kiến khác nhau về thực trạng báo chí nước ta. Người kêu quá nhiều báo ; ngành nào, địa phương nào cũng có vài tờ, thậm chí cả chục tờ báo. Cả nước có đến 500 - 600 báo các loại, các cỡ. Nhưng cũng có người lại cho là chưa đủ. Dân vùng xa, vùng sâu có báo đâu để đọc. Số đầu báo, số phát hành chiếm tỷ lệ quá thấp tính trên đầu người dân. Lại có người kêu báo chí ta tuy nở rộ nhưng chưa có sắc thái riêng, chưa phù hợp với yêu cầu người đọc. Nhiều người phàn nàn báo chí ta cũng có tiêu cực, có cả tiêu cực nghiêm trọng, đăng tải những thông tin sai, thiếu chính xác, gây nên những phản ứng, những hiểu lầm và tổn thất tai hại. Có người khẳng định báo chí ta vẫn có tính chiến đấu cao, là chỗ dựa của người trung thực, đã đưa ra ánh sáng nhiều vụ tiêu cực, giúp chính phủ và cơ quan chức năng của nhà nước, đoàn thể xã hội xử lý có hiệu quả, đồng thời vẫn làm tốt vai trò thông tin định hướng, giữ vị trí rõ nét trong sự nghiệp đổi mới của đất nước.

Không là "ba phải" nếu nói rằng các ý kiến khác nhau, trái ngược nhau đó đều đúng, đều đáng được quan tâm. Từ chỗ đứng khác nhau mà có cách nhận định nặng, nhẹ, thậm chí trái ngược nhau. Có điều không ai có thể phủ nhận một thực tế là, với tất cả những gì chúng ta đạt được hôm nay trong quá trình phát hiện, hình thành tư duy chính trị mới, trong quá trình tiến hành công cuộc đổi mới và mở rộng quan hệ quốc tế, các phương tiện thông tin đại chúng đã đóng một vai trò quan trọng, rất đáng tự hào. Điều cần phải bàn là, làm thế nào để báo chí ta vẫn tiếp tục làm đúng, làm tốt vai trò mà nó đã đảm nhiệm ; sớm khắc phục tình trạng lộn xộn, chức năng, đối tượng không rõ ràng và khuynh hướng không lành mạnh xuất hiện ở một số người làm báo và ở một vài tờ báo. Trong lịch sử 70 năm báo chí cách mạng nước ta, báo chí luôn là vũ khí tiền phong của Đảng, thông tin, cổ vũ, tổ chức và thúc đẩy phong trào cách mạng qua các thời kỳ. Nó càng nổi bật với vị trí xung kích trong sự nghiệp đổi mới cả chục năm qua, cần được chăm lo, khuyến khích trong quá trình thúc đẩy và hoàn thiện sự nghiệp đổi mới.

CHUYỆN XƯA, CHUYỆN NAY...

Nhìn về 10 - 15 năm trước, lúc đó, ít ai dám hình dung nước ta sẽ có tới mấy trăm tờ báo các loại, hệ thống phát thanh, truyền hình phủ sóng gần khắp các làng bản Việt nam, với một đội ngũ tới 7 000 người làm báo. Mãi đến đầu những năm 80, mọi hoạt động thông tin, báo chí còn được bao cấp và vận hành trong một guồng máy đã tồn tại từ thời chiến.

Bắt đầu từ Giải vô địch bóng đá thế giới năm 1982 ở Tây ban nha. Thông tấn xã Việt nam tung ra tờ *España 82* hằng ngày. Một lối làm ăn hoàn toàn khác : mua giấy theo giá tự do, in theo giá thỏa thuận, bán theo giá có lãi. Thành công bất ngờ. In không đủ bán. Bạn đọc nườm nượp trước trụ sở

* Ủy viên Trung ương Đảng, Tổng giám đốc Thông tấn xã Việt nam

Digitized by Google

Thông tấn xã Việt nam chờ xem tin, mua báo. Thế nhưng, rắc rối lại chính là ở chỗ đó. Có người chỉ trích những người làm *España 82* đã xa rời nhiệm vụ chính trị của mình và thương mại hóa thông tin. Nhưng trên thực tế, cấp trên thừa nhận Thông tấn xã Việt nam vẫn hằng ngày cung cấp cho bạn đọc đầy đủ lượng thông tin các mặt như trước. "Đội quân" *España 82* cũng là những người làm công việc đó. Có điều, ý thức được nhu cầu chính đáng của bạn đọc, họ đã làm quá sức mình để khai thác thông tin, phục vụ theo một phương thức mới : người nhận thông tin phải trả tiền cho thứ hàng hóa đặc biệt này, không chờ nhà nước cho không. Việc làm của họ cũng chẳng khác gì việc nhiều cơ quan, xí nghiệp, hợp tác xã nông nghiệp trong cả nước lúc đó đang mày mò trong bước đi ban đầu, vượt khỏi cách làm cũ, đáp ứng yêu cầu cuộc sống.

Khi những rắc rối xung quanh *España 82* cuối cùng được giải tỏa, những người làm báo bỗng hiểu rõ hơn những thay đổi đã diễn ra trong nhu cầu thông tin của người dân. Rõ ràng, cùng với công cuộc đổi mới đang bắt đầu trong cả nước, nhu cầu thông tin trong xã hội đã tăng lên và cũng rất đa dạng. Bản thân các nhà lãnh đạo cũng muốn nắm bắt nhanh hơn, chắc hơn diễn biến của thực tế đổi mới. Thế là *Văn hóa và thể thao, Tuần tin tức, Khoa học kỹ thuật kinh tế thế giới* lần lượt ra đời, và đều nhanh chóng chiếm được cảm tình của độc giả. Sự xuất hiện của *Tuần tin tức* thật đáng nhớ với hàng loạt bài tấn công vào các hiện tượng tiêu cực. Không khí tòa soạn có lúc chẳng khác gì ở một cơ quan điều tra đang tập trung phá án. Các đồng chí phóng viên của báo đã phải đương đầu với không ít khó khăn, kể cả đe dọa, thách thức, để cuối cùng kết thúc được đợt thông tin chống tiêu cực một cách thành công.

Năm tháng qua đi, giờ thì không ai chất vấn báo chí "xé rào", "vượt rào". Ngược lại, lãnh đạo các ngành các cấp đang tạo cho báo chí nhiều thuận lợi để đổi mới, từ phương tiện kỹ thuật đến con người. Người dân đã có được ngày càng nhiều thông tin mọi mặt, nhanh chóng, chính xác. Gần đây nhất, khi các chàng cầu thủ Việt nam tung hoành trên sân cỏ SEA GAMES 18 ở Chiềng mai, thì cũng là lúc qua màn ảnh nhỏ, hàng triệu đồng bào cả nước đập cùng nhịp đập trái tim, thở cùng nhịp thở với họ.

Quả là bước "dò dẫm" trên con đường đổi mới của báo chí và các phương tiện truyền thông đại chúng thật gian truân. Thiếu thốn vật chất. Kỹ thuật lạc hậu. Nặng nhất vẫn là lối tư duy cũ. Nhiều người làm báo đã quá quen cách làm cũ, cách viết cũ, mòn, sáo rỗng, không tính tới nhu cầu và trình độ người đọc. Kết quả là người ta ít đọc, ngại đọc, ít xem, ngại xem. Hiệu quả chẳng được là bao.

Công bằng mà nói, dù đổi mới, báo chí giờ đây cũng chỉ đang tiếp tục cái việc đã làm suốt hai cuộc kháng chiến vừa qua của dân tộc. Trước đây, đó là phục vụ xây dựng hậu phương và chi viện, cổ vũ tiền tuyến đánh giặc, là cả nước đứng dậy vì "không có gì quý hơn độc lập tự do". Giờ đây, đó là góp phần xây dựng một nước Việt nam "dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, văn minh", xây dựng và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa. Và thời nào cũng vậy, người làm báo vẫn phải tâm huyết, công tâm và dũng cảm. Giở lại những trang báo thời xưa, những tin bài từ chiến trường gửi về, vẫn hừng hực cảm xúc. Nói được rất nhiều, nhưng những dòng tin đó lại không bao giờ cho ta biết bao nhiêu người đã phải ngã xuống để đưa chúng về được Hà nội, lên được mặt báo, đến được với chiến sĩ, đồng bào. Chuyện cây lúa xuân cũng là một trong muôn vàn câu chuyện ở hậu phương. Không một người Việt nam nào giờ đây lại không ăn gạo của cây lúa vụ xuân. Nhưng có mấy ai biết là, để cây lúa xuân từ những mảnh đất thí nghiệm tỏa ra phủ kín ruộng đồng, thay thế cây lúa chiêm năng suất thấp đã có từ ngàn đời, các nhà báo đã phải mất bảy năm ròng rã, sát cánh cùng những người

Digitized by Google

lãnh đạo tâm huyết các địa phương và những nhà khoa học trẻ tìm tòi, nghiên cứu và động viên người nông dân tiếp cận, ứng dụng cái mới để ra khỏi đói nghèo.

Ngày nay, để góp phần vào công cuộc phát triển kinh tế của đất nước, khi làn sóng thông tin đã thực sự trở thành "cơn lốc", nhiệm vụ của báo chí hầu như không khác trước về bản chất. Có điều như đã nói, đời sống xã hội đã và đang thay đổi, báo chí không thể đứng im tại chỗ. Không đi trước được thì cũng buộc phải đồng hành với đời sống xã hội.

CHẤT LƯỢNG THÔNG TIN

Khác biệt lớn lúc này so với trước có lẽ là nhịp độ cuộc sống. Ở ta, tất nhiên nhịp độ đó nhanh hơn và có phần phức tạp hơn. Song cái cốt của báo xưa và nay vẫn vậy, dẫu hình hài có khác. *Báo là thông tin định kỳ*. Nói cách khác là định kỳ đưa đến cho người đọc, người nghe những thông tin mới nhất, cần thiết nhất. Đó là khái niệm sơ khai, và cũng chân chất nhất về cả báo và chí. Thông tin bao giờ cũng gắn liền với sự kiện, nhưng sự kiện mới vẫn chưa đủ, mà quan trọng hơn là thẩm định, lý giải, phân tích sự kiện ; giúp người tiếp nhận thông tin hiểu rõ bản chất của sự kiện và nhận thức đầy đủ nhất, chính xác nhất các hiện tượng của đời sống xã hội, dự báo được các biến động của đời sống xã hội, có thể từ sự kiện riêng lẻ, có thể từ tổng hòa các sự kiện. Bởi vậy, chất lượng của báo chí trước hết phải là chất lượng thông tin. Mà chất lượng thông tin lại bắt đầu từ khối lượng thông tin lớn, đa dạng, có lựa chọn cần thiết cho các đối tượng nhận thông tin khác nhau (từ những thông tin nhanh nhất, chung nhất đến những thông tin chuyên sâu).

Cần nhấn mạnh rằng, mỗi sự lựa chọn, xử lý thông tin, dù muốn hay không muốn, đều thể hiện một tầm nhìn, một góc độ chính trị - xã hội nhất định. Cùng một thông tin về lễ tang cố Thủ tướng I-sắc Ra-bin, mà cách lựa chọn, xử lý hình ảnh của Hãng truyền hình Mỹ (CNN), Đài truyền hình Nga (O-rơ-bi-ta) và Đài truyền hình Việt nam là rất khác nhau. Rõ ràng để bảo đảm chất lượng thông tin, vấn đề khai thác và xử lý thông tin hoàn toàn không đơn giản, nhất là hiện nay. Trong thời đại bùng nổ thông tin, trong cuộc đấu tranh gay gắt của chính trường và thị trường, trong sự đan xen của những thông tin trái ngược nhau, trong "hỏa mù" của thông tin xuất phát từ những lợi ích khác nhau, đối chọi nhau, lật đổ nhau, xâm phạm không chỉ lợi ích cá nhân, bộ phận mà xâm phạm cả chủ quyền và lợi ích dân tộc của nhau, thì trong sự lựa chọn thông tin còn phải tính đến khai thác những thông tin chính xác, bản chất ; đẩy lùi và loại bỏ những thông tin nhiễu, thông tin có dụng ý xấu, thông tin thù địch.

Điều đó đòi hỏi trước hết các "ngân hàng báo chí", tức các hãng thông tấn vốn được coi là ngân hàng thông tin, phải điều chỉnh chức năng, nhiệm vụ và hàng đầu là phương thức cung cấp thông tin cho phù hợp. Đã xa rồi thời kỳ hãng thông tấn quốc gia độc quyền mọi nguồn tin và cung cấp thông tin. Trong điều kiện mới, trong thời kỳ "bùng nổ" báo chí ở Việt nam, người ta không thụ động ngồi chờ những thông tin chung nhất, áp đặt cho mọi đối tượng nhận tin. Hãng thông tấn chỉ có thể hoàn thành sứ mạng lịch sử của mình khi nó giác ngộ được rằng, chất lượng và hiệu quả hoạt động của nó phụ thuộc vào việc nó phải có nguồn tin ngày một rộng lớn, toàn diện, xử lý các nguồn tin chính xác, nhanh nhạy và phù hợp với mỗi đối tượng nhận thông tin khác nhau. Xuất phát từ nhận thức này, *phương pháp chuyển tin theo địa chỉ* được hoàn thiện dần từ nội dung, hình thức đến phương thức, kỹ thuật và đã trở thành hướng phát triển chính của Thông tấn xã Việt nam. Dựa vào phương thức hoạt động mới này, Thông tấn xã Việt nam đang phấn đấu để thực sự là nguồn thông tin chính, góp một phần đắc lực vào việc định hướng thông tin, định hướng tư tưởng, định hướng dư luận trong sự phát triển đa dạng và phức tạp của đời sống xã hội.

Digitized by Google

Cùng với việc đổi mới cơ bản phương thức cung cấp thông tin, một dự án đổi mới kỹ thuật thông tấn có quy mô lớn, chất lượng cao bắt đầu năm 1993 tới năm 2000 đã được hoạch định. Chưa đầy ba năm thực hiện dự án, cơ sở kỹ thuật của Thông tấn xã Việt nam đã có biến đổi về chất. Giờ đây, nhiều đồng chí trên dưới 60 tuổi đang buộc phải học sử dụng máy tính (không phải chỉ máy tính cá nhân đơn lẻ mà nằm trong mạng kỹ thuật thông tấn) để có thể tiếp tục làm việc. Vậy là, đổi mới đã làm cả một đội ngũ chuyển động, trẻ cũng như già. Nhìn chung các đơn vị bạn cũng vậy. Kỹ thuật phát thanh, truyền hình đã và đang được nâng lên tầm cao mới. Kỹ thuật chế bản và in báo cũng đã có bước thay đổi cơ bản. Những tiền đề vật chất, kỹ thuật của báo chí Việt nam tuy chưa đạt tầm cao thời đại, nhưng cũng đã tạo ra nhiều điều kiện thuận lợi cho giới báo chí nước nhà. Các điều kiện vật chất còn cần được không ngừng củng cố và nâng cao, nhưng "quả bóng chất lượng" đang nằm ngay trước "mũi giày" nhà báo.

TRÁCH NHIỆM CÔNG DÂN, HIỆU QUẢ XÃ HỘI

Nắm chắc yêu cầu, nắm chắc đối tượng, có những tiền đề kỹ thuật vẫn chưa đủ tạo nên sức mạnh của báo chí, và càng chưa có ngay đội ngũ người làm báo giỏi. Làm báo giỏi trước hết phải có *cái tâm*. Thời chiến, cái tâm ấy là *lòng yêu nước*, là *nhiệt tình cách mạng*, là *tính đảng, tính chiến đấu*. Bây giờ cũng vẫn như vậy. Yêu cầu đầu tiên đặt ra với người làm báo là *trách nhiệm công dân*. Điều đó trước tiên có nghĩa là báo chí và các nhà báo đều phải tuân thủ pháp luật, chịu sự chi phối của pháp luật. Thực tế thời gian qua cho thấy, nếu báo chí muốn trở thành thành viên đi đầu tích cực của xã hội thì cần phải phấn đấu tuân thủ pháp luật tốt hơn. Đã có không ít trường hợp vì quá hăng say, thiếu kinh nghiệm, cũng có khi vì một động cơ không trong sáng, người làm báo đưa cả những thông tin không đúng pháp luật. Có tờ báo đã không thực hiện đúng quy chế hoạt động và luật báo chí. Mọi sai lạc như vậy tất nhiên phải được uốn nắn và điều chỉnh bằng luật pháp.

Đương nhiên, nói trách nhiệm công dân của người làm báo *không chỉ có ý nói* người làm báo phải thực hiện đúng nghĩa vụ và quyền hạn công dân, tôn trọng pháp luật. Trách nhiệm công dân của người làm báo mang một nội dung rộng lớn, một khái niệm bao quát hơn nhiều. Đó chính là làm cho hiệu quả xã hội của báo chí phù hợp với yêu cầu của thời kỳ mới, xây dựng Tổ quốc Việt nam thành một nhà nước xã hội chủ nghĩa công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Bởi vậy, trách nhiệm công dân của nhà báo đòi hỏi sự tự nâng cao bản lĩnh chính trị, vốn kiến thức, năng lực nghề nghiệp để có đủ khả năng phát hiện và tập hợp thông tin, tạo cho mình vốn thông tin giàu có, đa dạng. Một công việc khó khăn và phức tạp là thẩm định thông tin, bảo đảm tính xác thực, tính có ích của thông tin, lựa chọn nội dung, thời điểm thông tin, xác định thể loại thông tin, làm sao có lợi nhất cho người nhận thông tin, phát huy hiệu quả xã hội của báo chí. Mỗi thông tin, mỗi bài báo, mỗi hình ảnh ta lựa chọn công bố cho cộng đồng hay cho riêng từng tầng lớp, bộ phận, phải góp phần làm giàu tri thức xã hội, tổ chức và đoàn kết các lực lượng xã hội, cùng nhau xây dựng một nền tảng vật chất mạnh với một nền văn minh tinh thần thấm đượm chủ nghĩa nhân văn và phẩm giá Việt nam.

Đặc điểm nghề nghiệp báo chí là tác động nhanh và mạnh đến xã hội. Vì thế, cần tránh tình trạng đưa thông tin không chuẩn xác, đưa cái không cần thiết (hoặc ngược lại không đưa cái cần thiết), lựa chọn những chi tiết không có giá trị, thông tin không đúng lúc, không đúng đối tượng, dẫn đến những hậu quả xấu cho xã hội, thậm chí những tổn thất khó bù đắp. Báo chí phải tiếp tục tác động tới sự phát triển các hành vi xã hội. Có vậy mới khép kín được chu trình từ nhận thức tới hành động. Cũng chỉ

Digitized by Google

như vậy thì sứ mạng của báo chí mới hoàn thành.

Trước đây trong chiến tranh, báo chí ta tiến công địch từng ngày, từng giờ. Ta đã sử dụng nhiều loại thông tin, kể cả những thông tin dẫn dụ để giành chiến thắng. Ngày nay, trách nhiệm công dân và hiệu quả xã hội đặt trước báo chí và người làm báo Việt nam những đòi hỏi mới, phương thức mới "tiến công lại thông tin địch" để chiến thắng địch ngay trong hòa bình.

*
* *

Các dự thảo văn kiện của Ban chấp hành trung ương Đảng chuẩn bị trình ra Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VIII sắp tới đã khẳng định thành tựu mười năm đổi mới. Theo đó, năm 1996 sẽ là năm mở đầu thời kỳ mới của sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa. Nhớ ngày nào khi chúng ta đang đi những bước đầu hết sức thận trọng vào cái "vùng nước chưa có hải đồ" này, có không ít kẻ cũng luôn miệng nói đổi mới, nhưng bên trong thì hoặc cố đẩy ta đi thật nhanh để chệch đường, hoặc cố níu ta đi thật chậm để "đổi mới mà như không". Với cả hai loại, báo chí ta đã góp phần gạt chúng sang lề đường, góp phần cho tư duy mới của Đảng phát huy hiệu quả trong đời sống xã hội. Ngày nay, vẫn chẳng thiếu gì những khuynh hướng tương tự đang rình rập chờ thời, len lỏi phá hoại trên từng bước đi của cách mạng. Báo chí bằng chất lượng thông tin, trách nhiệm công dân, trách nhiệm xã hội, phải tiếp tục đóng vai trò tiên phong trong thời kỳ đổi mới. Muốn vậy, bên cạnh việc định hướng, giúp đỡ của Đảng và Nhà nước, báo chí phải tự mình nâng cao tầm rộng và chiều sâu của mình ; người làm báo càng phải không ngừng học tập, rèn luyện từ thực tiễn phát triển của xã hội để làm tròn sứ mệnh vẻ vang : công cụ sắc bén của Đảng và Nhà nước, là diễn đàn thực sự của nhân dân ❑

TÂY NINH : 5 năm khởi sắc

NGUYỄN THỊ MINH *

So với các tỉnh miền Đông Nam bộ, Tây ninh còn thua kém về nhiều mặt. Nguy cơ tụt hậu xa hơn về kinh tế so với các tỉnh trong khu vực vẫn luôn luôn là nỗi lo canh cánh bên lòng của đội ngũ cán bộ lãnh đạo trong toàn tỉnh. Song, nếu đem Tây ninh 5 năm vừa qua (1991-1995) so với Tây ninh 5 năm trước đó (1986-1990), chúng tôi vui mừng nhận thấy rằng : Tây ninh đã có sự khởi sắc. Sự khởi sắc đó thể hiện trên một số mặt chủ yếu sau đây :

1 - *Về kinh tế, Tây ninh đã vượt qua được thời kỳ khó khăn nhất ; khắc phục được một bước quan trọng những mặt yếu kém kéo dài; khơi dậy và bước đầu phát huy được tiềm lực của các thành phần kinh tế cho nên nền kinh tế tăng trưởng liên tục, tốc độ nhanh dần, cơ cấu chuyển dịch đúng hướng, hầu hết các chỉ tiêu đều đạt và vượt mức kế hoạch, tạo ra được tiền đề quan trọng cho những năm sắp tới phát triển nhanh hơn.*

Tổng sản phẩm trên địa bàn toàn tỉnh (GDP) tăng bình quân 11,3%/năm, đạt mức tăng trưởng cao nhất từ trước tới nay và đồ thị của sự tăng trưởng đó là năm sau cao hơn năm trước. Mức tăng bình quân GDP vượt chỉ tiêu do Đại hội đại biểu lần thứ V của đảng bộ tỉnh đề ra và cao hơn mức tăng bình quân thời kỳ 1986 - 1990 là 8%. GDP bình quân đầu người năm 1995 đạt 303 USD, tăng hơn năm 1990 là 57%.

Nông nghiệp phát triển nhanh ; giá trị sản lượng tăng bình quân 7,4%/năm, cao hơn 4,9% so với mức tăng bình quân thời kỳ 1986 - 1990.

* Ủy viên BCHTU Đảng, Chủ tịch UBND tỉnh Tây ninh

Digitized by Google

Cơ cấu nội bộ ngành nông nghiệp chuyển dịch hợp lý. Các loại cây trồng chính đều tăng cả về diện tích, năng suất và sản lượng. Việc áp dụng những tiến bộ khoa học kỹ thuật trong nông nghiệp được quan tâm đúng mức. Thâm canh đã trở thành tập quán. Đã hình thành hàng loạt vùng chuyên canh cây trồng có giá trị kinh tế cao với những bộ giống mới có năng suất và chất lượng sản phẩm tốt. Tỷ suất nông sản hàng hóa ngày càng tăng lên. Giá cả nông sản ổn định theo hướng có lợi cho người sản xuất. Bộ máy tổ chức lâm nghiệp được sắp xếp lại một cách hợp lý và khoa học hơn, vì thế việc xây dựng và triển khai thực hiện các dự án bước đầu đạt kết quả tốt.

Sản xuất công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp trong các thành phần kinh tế, các ngành nghề đều phát triển. Ngành công nghiệp chế biến đã hình thành đúng hướng, phát triển mạnh, vươn lên thành một ngành kinh tế mũi nhọn. Một số doanh nghiệp nhà nước có quy mô lớn, công nghệ tương đối hiện đại, nên năng lực sản xuất cao, chất lượng sản phẩm tốt, giá thành hạ. Giá trị sản lượng công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp thời kỳ 1991 - 1995 đạt mức tăng trưởng nhanh, bình quân 22,9%/năm, tăng gần 20% so với mức tăng bình quân thời kỳ 1986 - 1990, và vượt mức kế hoạch đề ra gần 9%.

Hoạt động thương mại - dịch vụ phát triển mạnh. Các vùng nông thôn xa xôi đã có chợ và các điểm dịch vụ, tạo điều kiện thuận lợi cho sinh hoạt của nhân dân và thúc đẩy kinh tế hàng hóa phát triển. Thương nghiệp quốc doanh đã từng bước được sắp xếp lại theo hướng hình thành các công ty mạnh, mở rộng thị trường trong và ngoài nước. Hoạt động xuất nhập khẩu tăng bình quân hằng năm là 42% (thời kỳ 1986 - 1990 là 27%). Cơ cấu hàng nhập khẩu ngày càng hợp lý hơn (chủ yếu nhập vật tư, thiết bị máy móc cho sản xuất).

Việc gọi vốn đầu tư, liên doanh với các tỉnh, thành phố trong nước và với nước ngoài có những chuyển biến tích cực, đúng hướng. Đến nay đã có 9 dự án được cấp giấy phép với tổng số vốn 158 triệu USD. Quy mô đầu tư tăng dần hằng năm (bình quân 60%). Tổng số vốn đầu tư 5 năm qua ước tính gần 1 155 tỉ đồng.

Về xây dựng cơ bản, tỉnh vừa tập trung cho cơ sở hạ tầng kinh tế, vừa chú ý đúng mức đến cơ sở hạ tầng xã hội ; vừa tập trung cho các vùng, ngành có khả năng phát huy hiệu quả nhanh, vừa chú ý tới sự đồng đều giữa các vùng. Đường giao thông liên huyện được mở rộng, nâng cấp ; giao thông nội thị thường xuyên được duy tu, sửa chữa. Hệ thống giao thông nông thôn được mở rộng. Hiện nay xe ô tô có thể về đến tận xã. Điện lưới quốc gia đã phủ 100% số huyện, thị. 100% số xã có điện thoại. Hệ thống thủy lợi được mở rộng thêm và thường xuyên được duy tu. Đến cuối năm 1995, diện tích tưới, tiêu đồng bộ đạt 40 600 ha.

Cơ cấu kinh tế chuyển dịch theo hướng nâng dần tỷ trọng công nghiệp và thương nghiệp - dịch vụ trong GDP. Trong nội bộ từng ngành cũng có sự chuyển dịch hợp lý. Thí dụ, ngành nông nghiệp chuyển dịch theo hướng tăng dần tỷ trọng cây công nghiệp và các loại cây có giá trị kinh tế cao.

Giá cả thị trường ngày càng ổn định, tốc độ tăng giá giảm dần, vì thế sản xuất và đời sống nhân dân có sự cải thiện rõ. Tốc độ thu ngân sách hằng năm tăng bình quân 38%. Tỷ lệ huy động GDP vào ngân sách bình quân hằng năm là 16%, cao hơn 1,8% so với thời kỳ 1986 -1990.

Hoạt động tín dụng, tiền tệ của ngân hàng thực sự góp phần tích cực vào phát triển kinh tế - xã hội. Doanh số tăng đều đặn hằng năm. Có những hoạt động mang lại hiệu quả kinh tế và xã hội cao, như cho nông dân vay vốn để sản xuất, cho các hộ nghèo vay vốn với lãi suất ưu đãi, lập các quỹ tín dụng nhân dân v.v..

2 - *Cùng với việc chú ý phát triển kinh tế, những vấn đề thuộc lĩnh vực xã hội được triển khai khá toàn diện, trong đó một số vấn đề đã thật sự đi vào chiều sâu và mang lại hiệu quả thiết thực.*

5 năm qua, nhất là sau khi có Nghị quyết Hội nghị lần thứ tư BCH TƯ Đảng (khóa VII),

Digitized by Google

tỉnh đã tập trung lãnh đạo, chỉ đạo và tăng dần đầu tư cho lĩnh vực xã hội, đặc biệt chú ý tới việc phát huy nhân tố con người. Cùng với việc điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất, đầu tư cho khai hoang, phục hóa để tăng thêm quỹ đất cho sản xuất, các cấp, các ngành đã hết sức quan tâm đến vấn đề cấp vốn cho sản xuất, nhất là đối với những hộ nghèo. 5 năm qua, ngành ngân hàng đã cho 180 000 lượt hộ nông dân vay vốn để sản xuất với tổng số tiền là 560 tỉ đồng. Hiện nay, ở Tây ninh về cơ bản không còn hộ đói ; hộ nghèo giảm đi rõ rệt ; thu nhập bình quân tính theo đầu người năm 1995 tăng gấp rưỡi so với năm 1990. Các đối tượng chính sách được chăm sóc chu đáo. Năm 1994 - 1995, tỉnh đã đầu tư trên 5 tỉ đồng để xây dựng nhà tình nghĩa ; phong trào tặng sổ tiết kiệm cho các đối tượng chính sách, nhận nuôi dưỡng các bà mẹ Việt nam anh hùng được sự hưởng ứng rộng rãi của các ngành, các cấp và toàn thể nhân dân trong tỉnh.

Sự nghiệp y tế, giáo dục được quan tâm đầu tư đúng mức ; được củng cố, tổ chức lại và quản lý chặt chẽ nên hiệu quả hoạt động tốt hơn. Y tế tuyến tỉnh được trang bị thêm những phương tiện hiện đại ; tuyến huyện được sắp xếp lại, mở rộng và nâng cấp, đưa vào sử dụng một số cơ sở mới ; 100% số xã, phường có bệnh xá và 58% số bệnh xá có bác sĩ trực tiếp điều trị. Công tác dân số - kế hoạch hóa gia đình được phát động rộng rãi, có sự phối hợp hoạt động khá đồng bộ, chặt chẽ giữa các ngành, các cấp và các đoàn thể ; tỷ lệ tăng dân số năm 1995 chỉ còn 1,76%. Các chương trình y tế quốc gia được triển khai thường xuyên, đạt kết quả tốt. Chương trình y tế về làng, xã ; chương trình khám bệnh và điều trị miễn phí cho dân nghèo vùng sâu, vùng xa và đồng bào các dân tộc thiểu số được duy trì thường xuyên.

Ngành giáo dục - đào tạo về cơ bản đã xóa xong tình trạng "trường lớp tạm bợ", bảo đảm đủ trường lớp cho học sinh đến tuổi ra lớp 1 và học hai ca. 100% số xã, phường có trường tiểu học. Trường trung học cơ sở và phổ thông trung học phân bố khá thuận lợi, năng lực thu nhận học sinh tăng hằng năm. Giáo viên từng bước được chuẩn hóa. Số học sinh tốt nghiệp, chuyển cấp và vào đại học đạt tỷ lệ ngày một cao.

Hoạt động văn hóa, văn nghệ, thông tin, tuyên truyền ngày càng được mở rộng nhưng có sự quản lý chặt chẽ, do đó đã thật sự góp phần tích cực vào việc phục vụ nhiệm vụ chính trị của địa phương, giáo dục xây dựng nếp sống mới và chống tiêu cực trong xã hội. Các cơ quan thông tin đại chúng được trang bị cơ sở vật chất, phương tiện tốt hơn. Đã xây dựng được một số cụm văn hóa tiêu biểu.

Ngành thể dục thể thao được củng cố và tổ chức lại, vì thế phong trào thể dục thể thao đã bước đầu phát triển theo chiều hướng tốt. Một số môn đạt thành tích cao trong thi đấu cấp khu vực và cấp quốc gia.

3 - *An ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội được giữ vững ; công tác quân sự địa phương đi vào nền nếp ; hoạt động của các cơ quan pháp luật và thực thi pháp luật có sự chuyển biến tích cực.*

Công tác bảo vệ an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội chú ý hoạt động toàn diện nhưng có trọng tâm, đặc biệt quan tâm tới những địa bàn trọng điểm như vùng biên giới và những điểm nóng. Phong trào quần chúng bảo vệ an ninh Tổ quốc được phát động rộng rãi trong toàn tỉnh. Phong trào này được xây dựng trên cơ sở hoạt động của các tổ tự quản. Nội dung hoạt động của các tổ tự quản không chỉ là giải quyết vấn đề trật tự an toàn xã hội, mà ngày càng được mở rộng, đáp ứng được những yêu cầu thiết thực trong đời sống hằng ngày như giúp nhau phát triển kinh tế gia đình, vận động xây dựng nếp sống mới, vận động xây dựng xóm ấp sạch đẹp... Hiện nay, trong toàn tỉnh có trên 3 300 tổ tự quản. 5 năm qua, các tổ tự quản đã phát hiện và bắt hàng trăm vụ trộm, buôn lậu, hỗ trợ công an bắt được nhiều đối tượng có lệnh truy nã.

Lực lượng quân sự địa phương được tăng cường và bố trí lại theo hướng chính quy, hiện đại, tập trung cho các vùng trọng điểm và có thể hoàn toàn chủ động trong mọi tình huống.

Digitized by Google

Công tác chống tham nhũng, buôn lậu được coi là một nhiệm vụ trọng tâm. Trong 5 năm (1991 - 1995) đã tiến hành 338 cuộc thanh tra, xử lý hành chính 185 người, khởi tố hình sự 132 người, phát hiện hàng trăm vụ buôn lậu lớn, hàng vạn vụ buôn lậu nhỏ, truy tố gần 200 đối tượng, truy phạt thuế và bán hàng hóa tịch thu nộp ngân sách trên 20 tỉ đồng.

4 - *Hoạt động của các cấp chính quyền, Mặt trận và các đoàn thể từng bước được đổi mới cho phù hợp với sự phát triển kinh tế, xã hội ; dân chủ được mở rộng hơn ; mối quan hệ giữa Đảng, chính quyền với nhân dân được củng cố.*

Hội đồng nhân dân các cấp đã được bầu lại với cơ cấu nhân sự hợp lý hơn, vì thế, hoạt động của Hội đồng nhân dân có hiệu quả hơn, nhất là trong việc giám sát công tác quản lý nhà nước của các cấp, các ngành và trong việc giải quyết nguyện vọng chính đáng của nhân dân.

Chính quyền và các cơ quan quản lý nhà nước các cấp được củng cố, sắp xếp lại và hoạt động có nền nếp hơn. Đội ngũ cán bộ, viên chức nhà nước được bồi dưỡng, đào tạo khá cơ bản theo đúng tiêu chuẩn của từng chức danh. Cơ chế và phương thức hoạt động cũng được đổi mới cho nên chất lượng, hiệu quả điều hành, quản lý xã hội bằng pháp luật, theo pháp luật khá tốt.

Nội dung, phương thức hoạt động của Mặt trận và các đoàn thể quần chúng cũng được đổi mới. Nhiều hoạt động đã đáp ứng đúng được những yêu cầu, nguyện vọng chính đáng, thiết thực của quần chúng, gắn được mục tiêu chính trị với mục tiêu kinh tế xã hội, do đó củng cố được lòng tin của quần chúng và làm cho quần chúng gắn bó hơn với tổ chức của mình.

5 - *Đổi mới và chỉnh đốn đảng đạt kết quả tốt.*

Có thể nói, đây là một thành tựu khá nổi bật của Tây ninh trong những năm qua. Chúng tôi đã tiến hành đổi mới, chỉnh đốn đảng theo tinh thần Nghị quyết Hội nghị lần thứ ba BCHTƯ Đảng (khóa VII), tất nhiên có vận dụng linh hoạt cho phù hợp với tình hình thực tế của Tây ninh. Trong quá trình thực hiện Nghị quyết Trung ương 3, Ban thường vụ tỉnh ủy đã chỉ đạo các cơ quan tham mưu ban hành hơn 20 văn bản cụ thể hóa các nội dung, quan điểm của Nghị quyết để hướng dẫn các cơ sở thực hiện. Ban thường vụ cũng đã chỉ đạo xây dựng và thực hiện tốt *bốn* chuyên đề : 1) Đổi mới, chỉnh đốn đảng ở các xã biên giới ; 2) Đổi mới, chỉnh đốn đảng trong các doanh nghiệp nhà nước ; 3) Công tác phát triển đảng ; 4) Hoạt động của các đảng đoàn và ban cán sự.

Kết quả đổi mới, chỉnh đốn đảng được thể hiện rất rõ trên một số mặt :

- Củng cố được niềm tin của đảng viên và nhân dân đối với sự lãnh đạo của Đảng, đối với thắng lợi của công cuộc đổi mới đất nước ; mối quan hệ giữa Đảng với nhân dân, khối đại đoàn kết toàn dân ngày càng phát triển theo chiều hướng tốt đẹp.

- Các nguyên tắc tổ chức và sinh hoạt đảng được coi trọng, trước hết là nguyên tắc tập trung dân chủ, tập thể lãnh đạo, cá nhân phụ trách. Khuynh hướng coi thường vai trò lãnh đạo của tổ chức đảng, xem nhẹ sinh hoạt đảng, vô tổ chức, vô kỷ luật giảm đi rõ rệt.

- Việc nâng cao chất lượng đảng viên được tiến hành thường xuyên, nghiêm túc và gắn rất chặt *với* việc chỉ đạo xây dựng, củng cố tổ chức cơ sở đảng trong sạch, vững mạnh ; *với* việc tự phê bình của đảng viên và tổ chức lấy ý kiến phê bình của quần chúng ; *với* công tác phát triển đảng và đưa những người không đủ tư cách đảng viên ra khỏi đảng. Công tác phát triển đảng được quan tâm theo phương châm "chú ý chất lượng, không chạy theo số lượng". Trong ba năm (1993 - 1995) toàn tỉnh đã kết nạp được 1 411 đảng viên mới. Nhiều cấp ủy đã chú ý phát triển đảng trong thanh niên, phụ nữ, người theo đạo, cán bộ khoa học, kỹ thuật... Huyện điểm Hòa thành là trung tâm của đạo Cao đài, năm 1995 số đảng viên có gốc đạo chiếm 38,8%, tăng 8,2% so với năm 1992. Việc xem xét, xử lý số người vi phạm tư cách đảng viên, hoặc không đủ tư cách đảng viên được thực hiện nghiêm túc. Ba năm thực hiện

Digitized by Google

Nghị quyết Trung ương 3 về đổi mới và chỉnh đốn Đảng, toàn tỉnh đã xử lý kỷ luật 478 đảng viên, trong đó có 109 người bị khai trừ ra khỏi đảng. Ngoài ra, còn xóa tên 154 đảng viên, phần lớn do bỏ sinh hoạt, bỏ công tác. Những việc làm trên đã có tác dụng tích cực, góp phần nâng cao chất lượng đảng viên.

- Việc phân cấp quản lý cán bộ và quy trình làm công tác cán bộ được quy định lại rõ ràng, cụ thể, do đó đã từng bước đưa công tác cán bộ đi vào nền nếp theo nguyên tắc Đảng thống nhất lãnh đạo và quản lý đội ngũ cán bộ. Trong công tác cán bộ, chúng tôi đặc biệt chú ý xác định tiêu chuẩn của từng loại chức danh ; kiện toàn đội ngũ cán bộ chủ chốt các cấp ; xây dựng quy hoạch cán bộ ngắn hạn, trung hạn và dài hạn để trên cơ sở đó có kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng thích hợp.

- Phương thức lãnh đạo, chỉ đạo và lề lối làm việc của các cấp ủy cũng được đổi mới. Các cấp ủy đều xây dựng quy chế làm việc, chương trình công tác hằng năm, lịch công tác hằng tháng và thường xuyên chỉ đạo các mặt hoạt động theo đúng chương trình đã đề ra, có sự điều chỉnh, bổ sung cho phù hợp với sự chỉ đạo của cấp trên và tình hình thực tế của địa phương, đơn vị.

*
* *

Tây ninh 5 năm qua tuy có những tiến bộ so với những năm trước đó. Song, không vì thế mà đảng bộ và nhân dân tỉnh chúng tôi thỏa mãn với những gì đã đạt được, bởi vì trước mắt chúng tôi còn ngổn ngang biết bao khó khăn và thách thức. Thí dụ : điểm xuất phát của Tây ninh thấp ; cơ sở hạ tầng kinh tế - xã hội chưa đáp ứng được yêu cầu phát triển ; khoa học - công nghệ chậm đổi mới ; những tiến bộ về khoa học - công nghệ chưa được áp dụng nhiều ; kỷ cương xã hội vẫn đang là vấn đề bức xúc ; trình độ cán bộ chưa ngang tầm với những yêu cầu ngày càng cao của công cuộc đổi mới...

Khẳng định những thành tựu để tự tin và phấn khởi đi lên. Thấy rõ những khó khăn và thách thức để cố gắng vượt qua, chứ không phải để ngại ngần, lùi lại. Đảng bộ và nhân dân Tây ninh sẽ không ngừng phấn đấu để trong những năm tới (1996 - 2000) đưa địa phương mình tiến kịp với sự phát triển chung của cả nước và thu ngắn khoảng cách với các địa phương khác trong khu vực Đông Nam bộ.

Để đạt được yêu cầu đó, *mục tiêu phấn đấu cụ thể của Tây ninh trong 5 năm tới* (1996-2000) là :

+ Đẩy nhanh tốc độ công nghiệp hóa, hiện đại hóa ; chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng nâng dần tỷ trọng công nghiệp và thương nghiệp - dịch vụ trong GDP ; nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh và tích lũy từ nội bộ nền kinh tế. Đến năm 2000, phấn đấu đạt cơ cấu kinh tế với tỷ trọng *nông - lâm nghiệp, công nghiệp - xây dựng* và *thương nghiệp - dịch vụ* trong GDP tương ứng là 32 - 30 - 38; GDP tăng bình quân hằng năm 18 - 19% ; huy động từ GDP vào ngân sách hằng năm trên 20% ; đầu tư phát triển trên toàn địa bàn hằng năm chiếm khoảng 20 - 30% GDP ; kim ngạch xuất khẩu tăng hằng năm 18 - 20% ; GDP bình quân đầu người là 600 USD (gấp hai lần so với năm 1995).

+ Tăng trưởng kinh tế phải gắn với việc giải quyết ngày càng tốt hơn những vấn đề xã hội. Phấn đấu đến năm 2000 hạ tỷ lệ tăng dân số xuống còn 1,6% ; hoàn thành phổ cập tiểu học và xóa mù chữ trong độ tuổi, một số nơi (thị xã và các thị trấn) tiến đến phổ cập trung học cơ sở ; 100% hộ nhân dân được sử dụng điện lưới quốc gia ; 100% số xã có mạng điện thoại theo tiêu chuẩn hiện đại ; không còn hộ nghèo theo tiêu chuẩn chung.

+ Chuẩn hóa đội ngũ cán bộ ; bảo đảm sự lãnh đạo của Đảng ; nâng cao hiệu quả, hiệu lực điều hành, quản lý của chính quyền bằng pháp luật, theo pháp luật.

Những khó khăn và thách thức tuy rất lớn, song tiềm năng cũng không nhỏ, nhân dân Tây ninh lại sẵn có truyền thống yêu nước và cách mạng, vì thế chúng tôi tin rằng, trong những năm tới Tây ninh sẽ tiếp tục phát triển theo đà đổi mới chung của cả nước ❑

Digitized by Google

CÁC LOẠI HÌNH KINH TẾ HỢP TÁC TRONG NÔNG THÔN

TRẦN ĐỨC

Từ khi nền kinh tế được đổi mới, những thành tựu nổi bật có được trong nông nghiệp là do vai trò có tính chất quyết định của các thể chế.

Cho đến nay, *lý thuyết về thể chế* đang hình thành nên chưa có một quan niệm thống nhất về thể chế. Về đại thể, có thể coi đó là quy chế về ứng xử mà mỗi người phải tuân theo trong một xã hội nhất định, bất kể đó là xã hội tự cung tự cấp hay xã hội có thị trường nhằm tăng lợi ích cá nhân một cách vững chắc. Thể chế có thể có *tính hình thức*, thể hiện bằng các tổ chức; cũng có thể có *tính phi hình thức*, thể hiện bằng phong tục tập quán, ý thức hệ... Thể chế có thể là các hình thức cụ thể như kinh tế hộ, quốc doanh, hợp tác xã ; cũng có thể là các định chế như luật pháp, tiền tệ. Cấu trúc thể chế gồm thể chế nhà nước và thể chế tự điều chỉnh, hoặc xã hội chính trị và xã hội dân sự, tất cả nhằm cung cấp cho cá nhân những dịch vụ có ích. Mỗi dịch vụ đều có chi phí của nó, gọi là chi phí trao đổi ; đó là căn cứ để lựa chọn các thể chế. Thể chế nào có chi phí trao đổi thấp thì thể chế ấy được chấp nhận. Sự thay đổi thể chế thường cần đến các hành động tập thể ; và sau khi được chấp nhận, thể chế trở thành "hàng hóa công cộng" phục vụ xã hội. Cuối cùng, thể chế phải phù hợp với sự phát triển của kỹ thuật ; điều đó về thực chất cũng trùng hợp với luận điểm mác xít về quy luật thích ứng, có tính đến các quan hệ xã hội khác ảnh hưởng tới sự phát triển.

Trong kháng chiến chống Pháp trước đây, Đảng và Chính phủ ta, dưới sự lãnh đạo tài tình của Chủ tịch Hồ Chí Minh, từ thực tiễn sản xuất và chiến đấu, trong điều kiện đấu tranh gian khổ, đã vận dụng các thể chế đó để đạt tới những thành tựu tuyệt vời, như cân đối được ngân sách trong chiến tranh. Sau đó, trong thời kỳ 1954-1958, với 8 chính sách khuyến khích sản xuất, đã khôi phục và phát triển nông nghiệp, để lại một dấu son trong lịch sử nửa thế kỷ của nền kinh tế nước ta.

Ngày nay, chúng ta cũng nhận thấy tác dụng vô cùng lớn lao của thể chế khi nông dân được quyền tự chủ sản xuất và kinh doanh. Chúng ta thử tìm hiểu *các loại hình kinh tế hợp tác* qua lăng kính của thể chế học. Trước tiên, các hình thức *đơn giản nhất*, như các tổ liên kết sản xuất ở tỉnh An giang : bắt đầu ở khâu vay tiền, về sau cả ở các khâu cày xới, bảo vệ thực vật, thu hoạch ; được nông dân hoan nghênh vì chi phí trao đổi thấp. Ở tỉnh Kiên giang, các hợp tác xã Kinh 4A và Kinh 3A chuyển sang làm dịch vụ ở các khâu thủy lợi và tín dụng, với chi phí trao đổi thấp nên cũng được nông dân hoan nghênh. Khi tư nhân làm dịch vụ bơm nước thu 300 kg thóc/ha, thì hợp tác xã thu 250 kg. Cạnh tranh nhau giữa hợp tác xã và tư nhân, hợp tác xã chỉ thu 100 kg ; rốt cuộc tư nhân phải bỏ cuộc. Song không phải dịch vụ nào của hợp tác xã cũng được nông dân hưởng ứng ; không phải hợp tác xã nào cũng thành công ngay khi chuyển sang làm dịch vụ. Phải biết huy động vốn, biết mua bán tính toán, lại phải đấu tranh với nền nếp quản lý cũ mới có thể thắng được tư nhân ; và chỉ có như vậy, thể chế dịch vụ mới trở thành "hàng hóa công cộng" được nông dân tiếp thu.

Nhưng cũng phải nhận thấy *tính chất hạn chế* của các hình thức hợp tác dịch vụ một hoặc nhiều khâu. Vì vậy, ở nhiều địa phương như Nam hà, Hải hưng v.v., xuất hiện một loại hình hợp tác *mới*, đó là *hợp tác xã cổ phần*. Thực chất đó là hình thức kinh tế tập thể do xã viên tự nguyện đóng góp để sản xuất kinh doanh một hoặc nhiều mặt hàng, như ươm cá giống, đánh cá, làm gạch, làm tín dụng... Xã viên không nhất thiết phải là người trực tiếp lao động như các loại hình hợp tác khác ; còn vốn góp vào thì nhằm mục tiêu sinh lời là chính. Việc phân phối không bằng hiện vật và không theo lao động, mà bằng tiền và theo tỷ lệ góp của các thành viên.

Digitized by Google

Hợp tác xã cổ phần của ông Ngô Phán (huyện Xuân thủy, tỉnh Nam hà) gồm 5 hộ, mỗi hộ góp cổ phần 2 triệu đồng, đấu thầu một đầm rộng 23 ha, xây ao, đắp cao bờ, mua sắm ngư cụ. Kết quả doanh thu trong 3 năm (1990-1992) được 182 triệu đồng. Một hợp tác xã cổ phần khác là của ông Nguyễn Văn Khanh (Tân vũ, ngoại thành Hải phòng). Hợp tác xã này đã quai đê lấn biển, khai hoang 3 đợt từ năm 1987 đến 1992 được 246 ha nuôi tôm xuất khẩu. Ngoài số lao động của gia đình, có tới 113 lao động thuê thường xuyên, (không kể thời kỳ khai hoang có ngày phải thuê thêm tới 300 - 400 lao động). Số tiền phải vay mượn trước sau là 261 triệu đồng. Kết quả thật không ngờ : hợp tác xã đã thu hoạch được 180 tấn tôm cá, doanh thu trong 5 năm là 498 triệu đồng. Hai hợp tác xã Ngô Phán và Nguyễn Văn Khanh nêu trên có một đặc điểm đáng chú ý là các thành viên gồm toàn người thân thuộc : hợp tác xã Ngô Phán gồm có 3 anh em họ Ngô, một con rể và một người bạn thân ; hợp tác xã Nguyễn Văn Khanh gồm 30 nhân khẩu, 16 lao động, trong có cả con dâu, con rể, cháu nội, cháu ngoại, dễ bảo nhau và cùng dễ tin nhau.

Để kết hợp vốn với lao động, có trường hợp người có vốn hợp đồng với các lao động làm thuê. Đó là trường hợp doanh ngiệp lâm nghiệp của kỹ sư Đỗ Thập (huyện Yên bình, tỉnh Yên bái) với tổng số vốn tự có (trong đó có vốn của hai con đang làm việc ở nước ngoài) là trên 1 tỉ đồng và 500 ha đất sử dụng trong 40 năm ông nhận của nhà nước. Do biết huy động vốn và lực lượng lao động (những năm đầu chỉ thuê mướn chừng 10 - 15 người theo thời vụ, nhưng về sau đã ký hợp đồng với 104 người thuê trong thời hạn từ 3 đến 15 năm theo quy chế của sở lao động, thương binh xã hội tỉnh), nên đến nay đã trồng được 304 ha rừng. Nếu được ngân hàng cho vay thêm 300 triệu đồng, thì chỉ trong vài năm tới, doanh nghiệp của ông sẽ được định hình trên cơ sở diện tích 500 ha.

Một loại hình hợp tác khác là *Công ty trách nhiệm hữu hạn Kim long* hoạt động trên vùng đất đồi Tam đảo (tỉnh Vĩnh phú). Với số vốn 1 420 triệu đồng huy động được, công ty đã vươn cánh tay hợp tác đến hàng nghìn hộ nông dân để khai thác có hiệu quả 300 ha đất đồi trồng thuốc lá, thanh hao, mía theo phương thức : đầu tư giống, phân bón, thuốc trừ sâu và bao tiêu sản phẩm. Công ty còn kinh doanh đa dạng như trồng rừng, đào ao thả cá, chăn nuôi dê bò, chưa kể quản lý hàng trăm héc ta rừng trồng và rừng cấm của dãy núi Tam đảo. Nếu không có Công ty Kim long, làm sao có máy cày để chọc thủng lớp đất đã "đá ong hóa" để trồng mía, làm sao có nguồn phân vi sinh và phân thanh hao để cải tạo đất, làm sao san ủi được con đường lên đồi và lập vành đai cản nước ? Đó là chưa kể, nhờ có công ty mà hàng nghìn người trong vùng có việc làm trong các xí nghiệp chế biến thanh hao, mía, thuốc lá, may xuất khẩu. Nội dung hợp tác không dừng lại ở từng đơn vị mà đã lan tỏa giữa các đơn vị dưới tác động mầu nhiệm của công nghiệp.

Loại hình kinh tế hợp tác được đẩy lên một nấc cao hơn với sự hình thành *Hiệp hội mía đường Lam sơn*. Những năm đầu, được sự giúp đỡ của nhà máy đường, nhiều hộ nông dân ở các huyện Thọ xuân, Ngọc lặc, Triệu sơn, Thường xuân (tỉnh Thanh hóa) đã tự nguyện hợp tác với nhau chuyển dịch cơ cấu cây trồng trên cơ sở chuyển đổi ruộng đất, hình thành hàng trăm tổ hợp và nhóm liên kết, hợp đồng với nhà máy ở *đầu vào* từ tiếp nhận nguồn vốn, vật tư kỹ thuật đến quy trình thâm canh và ở *đầu ra* dưới hình thức tiêu thụ sản phẩm. Nông dân vùng này phần lớn là hộ nghèo, họ không đủ sức để tự thân chuyển sang sản xuất hàng hóa, vì vậy phát triển kinh tế hộ được tiến hành song song với đổi mới quản lý doanh nghiệp nhà nước, hình thành chế độ hợp tác *đa thành phần* (nhà máy; ngân hàng, trạm trại kỹ thuật và hộ nông dân) gắn công nghiệp với nông nghiệp, sản xuất với lưu thông phân phối trong đó vai trò nòng cốt là công nghiệp, đưa tới làm sống động cả một vùng trước đây là đất trống đồi trọc ở vùng trung du. Đó là *sự phát triển chế độ hợp tác mới trong nông thôn* trên cơ sở những tất yếu khách quan của nền kinh tế đa thành phần, hoạt động theo cơ chế thị trường, hướng vào mục tiêu làm cho dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, văn minh.

Chúng ta sẽ phát triển các loại hình kinh tế hợp tác trên đây trong tình hình thể chế cũ đang dần dần biến mất, nhưng thể chế mới, về mặt hình thức cũng như phi hình thức, chưa hình thành ; cho nên nếu nói rằng hiện nay kinh tế nông thôn nước ta đang đứng trước một cuộc khủng hoảng về thể chế thì có lẽ cũng không có gì quá đáng.

Chúng ta đang đi vào sản xuất hàng hóa, nhưng cho đến nay chưa có một thị trường đầy đủ về các mặt tài chính, lao động, vật tư kỹ thuật ; chưa có một khung cảnh pháp lý phù hợp với người nông dân ; chưa có được các thể chế về hoạt động công cộng ở nông thôn, thể hiện chế độ hợp tác trong một xã hội vận hành theo cơ chế mới bằng

(Xem tiếp trang 35)

Digitized by Google

NHÌN LẠI VÀ SUY NGẪM VỀ HOẠT ĐỘNG VĂN HÓA, VĂN NGHỆ HIỆN NAY

TỪ SƠN *

ĐÁNH giá thực trạng văn hóa, văn nghệ trong bối cảnh trong nước và thế giới có nhiều biến động là công việc không dễ dàng. Chúng ta không thể đứng ở góc độ tĩnh để quan sát mà phải nhìn nhận cả quá trình đang vận động và phát triển của một lĩnh vực vừa phong phú đa dạng, vừa nhạy cảm phức tạp và thường rất gắn với tâm trạng, tâm thế xã hội. Ở đây, mọi sự vật và con người đều phải tự mình vượt qua nhiều thử thách, thử nghiệm trong đấu tranh giữa cái mới và cái cũ, cái lạc hậu và cái tiến bộ, cái tích cực và cái tiêu cực... Do đó cái được, cái mất nhiều khi đan xen nhau cùng phát sinh trong một hiện tượng, một con người. Nhìn nhận thực trạng văn hóa, văn nghệ nước ta sẽ không đầy đủ nếu không đặt nó trong bối cảnh các lực lượng thù địch đang ra sức phá hoại với âm mưu "diễn biến hòa bình" mà mũi nhọn lại nhằm vào mặt trận tư tưởng văn hóa. Sẽ là sai lầm nếu cho rằng những sự sa sút, yếu kém, tiêu cực trong đời sống văn hóa văn nghệ hiện nay chỉ là do những tác động khách quan mà không nhận thức, phân tích một cách sâu sắc các nguyên nhân chủ quan do chính chúng ta gây nên. Ở đây xin điểm qua những nét chủ yếu của tình hình :

Về văn hóa : Nhằm đáp ứng nhu cầu hưởng thụ văn hóa của các tầng lớp nhân dân ngày một tăng, lại phong phú và đa dạng, chúng ta đã mở rộng và tổ chức được nhiều hoạt động văn hóa bổ ích. Theo phương châm "Nhà nước và nhân dân cùng làm", nhiều hình thức sinh hoạt văn hóa đã hoạt động khá sôi nổi và thường xuyên ở nhiều thành phố, thị xã, thị trấn và một số vùng dân cư tập trung. Các cuộc liên hoan nghệ thuật theo từng vùng, từng ngành, các cuộc thi tuyển chọn người đẹp, người thanh lịch, chọn mẫu quần áo v.v.. đã liên tục được tổ chức ở khắp nơi và được hàng triệu lượt người quan tâm tham gia. Ở nhiều nơi trong nước đã khôi phục các sinh hoạt văn hóa truyền thống mang đậm bản sắc dân tộc, các truyền thống tốt đẹp của địa phương v.v.. Một số địa phương đã khéo kết hợp các hình thức văn hóa làng, văn hóa các tôn giáo với các yêu cầu xây dựng nếp sống mới, xây dựng quan hệ tốt đẹp trong làng, xã, dòng họ và trong từng con người, hướng tới cái thiện, loại trừ cái ác, cái xấu... Điều đáng ghi nhận là trong thời gian một vài năm trở lại đây đã xuất hiện ngày một nhiều các hoạt động văn hóa trở về cội nguồn dân tộc, tìm hiểu và truyền bá truyền thống tốt đẹp của dân tộc.

Một cố gắng lớn nữa là Nhà nước đã đầu tư không ít tiền của để giữ gìn, tôn tạo các di tích lịch sử, di tích cách mạng, xây dựng một số công trình văn hóa tiêu biểu và đặc biệt mở rộng gần khắp lãnh thổ diện phủ sóng phát thanh và truyền hình. Số lượng sách báo xuất bản ngày một tăng, nội dung và hình thức ngày một phong phú, hấp dẫn.

Từ Đại hội VI đến nay, cánh cửa giao lưu văn hóa giữa nước ta và các nước trên thế giới ngày một mở rộng và phát triển. Nhờ vậy, nhân dân ta đã được mở rộng tầm nhìn về văn hóa thông tin qua việc tiếp nhận các giá trị văn hóa của thế giới. Bạn bè trên thế giới thông qua giao lưu văn hóa đã hiểu biết hơn về văn hóa Việt nam, đất nước, con người và truyền thống tốt đẹp của Việt nam.

Tuy vậy, nhìn vào bức tranh toàn cảnh hoạt động văn hóa ở nước ta mấy năm qua, chúng ta vẫn không hài lòng. Điều nhức nhối nhất mà Nghị quyết Trung ương 4 (khóa VII) đã chỉ ra là : "Lối sống chạy theo đồng tiền và những thị hiếu không lành mạnh, những hủ tục tăng nhanh, nhiều văn hóa phẩm độc hại lan tràn trên thị trường". Công bằng mà nói, có lẽ trên lĩnh vực quản lý văn hóa thời gian qua, không ít người mới chỉ thấy "cơ chế thị trường" mà chưa nhận thức đầy đủ "định hướng xã hội chủ nghĩa và sự quản lý của Nhà nước".

Nền văn hóa dân tộc đang đứng trước những nguy cơ bị băng hoại bởi sự tràn ngập

* Vụ trưởng Vụ văn nghệ, Ban tư tưởng văn hóa trung ương

Digitized by Google

của những văn hóa phẩm xấu đưa từ bên ngoài vào bằng nhiều con đường, dịch sách thiếu chọn lọc, nhập lậu phim ảnh, băng hình, sách báo phản động, đồi truy..., thậm chí còn có cả việc "tái bản" những tác phẩm phản động dưới chế độ cũ. Đây là một thực trạng đáng báo động. Điều lo ngại hơn nữa là đời sống văn hóa ở nhiều vùng nông thôn, nhất là vùng miền núi và vùng sâu còn quá nghèo nàn ; các thiết chế văn hóa ở cơ sở (thư viện, câu lạc bộ...) hoạt động lay lắt hoặc tan rã ; nhân dân lao động (kể cả người lao động ở thành thị, cán bộ, viên chức, lực lượng vũ trang sống bằng đồng lương) ít được hưởng thụ văn hóa vì hoàn cảnh sống còn khó khăn. Trong khi đó một lớp thị dân ngày một đông những người có nhiều tiền dần dần chiếm lĩnh vị trí người hưởng thụ văn hóa và có nơi, có lúc đã tác động hoặc chi phối các hoạt động văn hóa nghệ thuật theo chiều hướng thương mại hóa.

Về văn học nghệ thuật : Ngay từ đầu những năm 1980, do nhạy cảm nắm bắt được những vấn đề và những đòi hỏi của cuộc sống, giới sáng tạo văn học nghệ thuật có nhiều trăn trở, tìm tòi, thử nghiệm trong lao động nghệ thuật của mình. Nhờ vậy, đã xuất hiện một số tác phẩm văn học, sân khấu, điện ảnh mạnh dạn đề cập các vấn đề nóng bỏng, bức xúc trong đời sống xã hội, được đông đảo công chúng đón nhận và khích lệ. Từ sau Đại hội VI, nhất là sau khi có Nghị quyết 05 của Bộ chính trị (khóa VI), giới sáng tác văn học nghệ thuật như được tiếp thêm nguồn sinh lực mới. Không khí hồ hởi, nhiệt tình, tâm huyết lăng lên trong đội ngũ văn nghệ sĩ. Nhiều tác phẩm văn học đã không ngần ngại đi sâu tìm hiểu, khám phá mọi khía cạnh của đời sống, của xã hội và thời đại. Các đề tài quen thuộc trước đây về chiến tranh cách mạng, về chủ nghĩa anh hùng được khai thác có chiều sâu hơn. Các vấn đề gai góc của đời sống, của số phận con người được phản ánh trong nhiều tác phẩm ; có tác phẩm đã dũng cảm đấu tranh với các biểu hiện tiêu cực trong xã hội, đấu tranh chống cái ác, có tác động thức tỉnh lương tri, hướng con người vươn tới cái đúng, cái tốt, cái đẹp, được đông đảo quần chúng hoan nghênh.

Những năm vừa qua, âm nhạc đã góp vào đời sống tinh thần của nhân dân ta không ít những bài hát và những bản nhạc về quê hương, đất nước, tình yêu tuổi trẻ bằng những giai điệu và lời ca đẹp. Điều đáng mừng là âm nhạc đang có những hoạt động tìm về nguồn, về truyền thống dân tộc và truyền thống cách mạng. Gần đây, Dàn nhạc giao hưởng quốc gia sau nhiều năm khó khăn nay đã tìm ra phương thức hoạt động mới được công chúng trong nước và bè bạn nước ngoài hoan nghênh, là niềm vui không chỉ riêng đối với giới âm nhạc.

Các nghệ sĩ tạo hình nước ta thời gian qua sớm thích nghi với điều kiện xã hội mới nên đã tạo ra được nhiều tác phẩm mỹ thuật, điêu khắc, thu hút được hàng triệu lượt người xem qua hàng mấy trăm cuộc triển lãm lớn nhỏ. Hội họa Việt nam đang được sự chú ý của các nhà sưu tập tranh quốc tế. Một số cuộc triển lãm tranh, tượng Việt nam ở nước ngoài đã được dư luận chú ý và đánh giá cao.

Nhiếp ảnh nghệ thuật đang trở thành một món ăn tinh thần không thể thiếu của nhân dân ta. Nhiều cuộc triển lãm nhiếp ảnh của tác giả và nhóm tác giả đã thu hút sự chú ý của công luận. Trong những năm qua, các nghệ sĩ nhiếp ảnh Việt nam đã được tặng nhiều giải thưởng nhiếp ảnh quốc tế.

Việc mở mang quy hoạch các đô thị, xây dựng các công trình văn hóa, các khu du lịch v.v.. đã tạo điều kiện thuận lợi cho sự nghiệp sáng tạo của các nghệ sĩ kiến trúc. Nhiều tác phẩm kiến trúc đã tô điểm thêm vẻ đẹp các thành phố, thị xã và cả ở một số vùng nông thôn. Ngành kiến trúc Việt nam mấy năm qua cũng đã nhận được một số giải quốc tế, nhất là các đề án của các nhà kiến trúc trẻ tài năng.

Trong quá trình đóng góp các giá trị sáng tạo của mình cho sự nghiệp đổi mới xã hội, văn học nghệ thuật thời gian qua đã tự đổi mới chính mình về nội dung và hình thức biểu hiện. Nhìn chung sự đổi mới đó theo chiều hướng tích cực. Đạt được thành tựu này trước hết là do Đảng và nhân dân ta có một đội ngũ văn nghệ sĩ gồm nhiều thế hệ kế tiếp nhau, qua nhiều thử thách và được trưởng thành trong thực tiễn cách mạng. Đây là vốn quý của Đảng và nhân dân ta. Thực tế những năm qua cho thấy, dù có nhiều biến động phức tạp của thời đại, dù đất nước còn nhiều khó khăn, tuyệt đại bộ phận anh chị em vẫn gắn bó với Đảng, với sự nghiệp cách mạng, giữ vững phẩm chất, cố gắng đóng góp mọi khả năng vào sự nghiệp chung.

Digitized by Google

Một nguyên nhân quan trọng khác làm nên những thành tựu về văn hóa, văn nghệ thời gian qua là sự đổi mới và nâng cao trình độ lãnh đạo, quản lý của Đảng và Nhà nước trong lĩnh vực hoạt động phong phú và phức tạp này.

Quá trình xây dựng và phát triển văn hóa, văn học nghệ thuật nước nhà từ nửa thế kỷ qua cho chúng ta thấy rõ sự thăng trầm của đời sống văn hóa, văn học nghệ thuật của đất nước luôn luôn phụ thuộc ba yếu tố : Đảng lãnh đạo ; nghệ sĩ (chủ thể sáng tạo) và công chúng. Cái được trong quá trình đổi mới văn học nghệ thuật không phải là nhỏ nhưng cái mất, cái tiêu cực ở lĩnh vực này thời gian qua, quả là đã gây ra những điều nhức nhối trong xã hội. Điều làm cho chúng ta lo lắng là một bộ phận trong đội ngũ làm công tác văn hóa nghệ thuật đã có những biểu hiện mất lòng tin vào con đường xã hội chủ nghĩa ; một số ít tỏ ra sùng bái chủ nghĩa tư bản, sa đà vào các quan điểm văn nghệ tư sản. Đáng chê trách là một số đảng viên văn nghệ sĩ từ tâm trạng dao động, giảm sút lòng tin, đã không giữ vững được vị trí và lập trường của Đảng trên mặt trận văn hóa, văn nghệ, có những biểu hiện mệt mỏi, thủ tiêu đấu tranh, thậm chí còn có những hành động sai trái.

Từ những lệch lạc, sai lầm trong quan điểm lập trường, từ sự giảm sút hoặc mất lòng tin vào lý tưởng, đã phát sinh một số khuynh hướng sáng tác không đúng đắn, không lành mạnh như : phủ nhận quá khứ, phủ nhận thành tựu cách mạng, thậm chí phủ nhận luôn cả công cuộc đổi mới hiện nay ; cá biệt có tác phẩm đã bác bỏ con đường mà Đảng, Bác Hồ và nhân dân ta đã chọn, có thái độ khinh miệt nhân dân, coi nhân dân như những người tham lam, mất trí, mù quáng. Một khuynh hướng khác, có ở không ít tác phẩm là nhìn cuộc sống xã hội ta hiện tại chỉ thấy một màu đen vô vọng với đầy rẫy xấu xa, tội ác, làm tắt đi trong lòng người niềm tin về lẽ đẹp trên đời. Một số tác giả trong tâm trạng bế tắc đã cho ra đời những tác phẩm thở than ảo não, bi luy hoặc lấy "cô đơn" như triết lý của lẽ sống ; có người lại sa đà vào "trò chơi" chữ nghĩa để tự huyễn hoặc mình và huyễn hoặc công chúng. Điều rất đáng chê trách là đã có một số tác giả vì mục đích chạy theo đồng tiền, kiếm sống, đã "uốn cong ngòi bút" cho ra đời những tác phẩm khêu gợi tình dục, kích thích bạo lực, tán tụng lối sống xa hoa, truy lạc, nhằm moi túi tiền của lớp công chúng có thị hiếu không lành mạnh. Cũng vì chạy theo đồng tiền mà một số văn nghệ sĩ đã đánh mất lương tâm nghề nghiệp, làm ăn theo lối "chụp giựt", bôi bác, cẩu thả, tạo ra những thứ "hàng giả" trong văn học nghệ thuật.

Công tác lý luận, phê bình văn học nghệ thuật thời gian qua ít phát triển, tính chiến đấu kém, còn nhiều biểu hiện sơ lược, một chiều, khen chê không chính xác. Tình hình này kéo dài trong nhiều năm. Mặc dầu Ban bí thư Trung ương Đảng (khóa VI) ngày 8-6-1989 đã có chỉ thị về phê bình văn học nghệ thuật nhằm định hướng và đẩy mạnh công tác này, nhưng việc triển khai thực hiện chỉ thị hầu như không có kết quả bao nhiêu, nếu không nói là bị lãng quên, buông lỏng. Hậu quả là các nhân tố mới, các giá trị chân chính trong sáng tạo văn học nghệ thuật không được phát triển, các khuynh hướng lệch lạc không lành mạnh, các giá trị giả trong văn học nghệ thuật không được quan tâm phê phán đúng mức ; âm mưu, thủ đoạn và luận điệu phản động của các thế lực thù địch trong và ngoài nước không bị phê phán kịp thời ; công tác lý luận phê bình chưa vươn tới ngang tầm vai trò hướng dẫn công chúng nghệ thuật và bạn tri âm của người sáng tác. Một số cây bút thiếu trách nhiệm đã tung lên các trang báo những bài viết hoặc tâng bốc, hoặc hạ bệ lẫn nhau, gây nhiễu trong một lĩnh vực đòi hỏi rất nhiều tính khách quan khoa học, thái độ công minh, óc thẩm định tinh tế cùng với bản lĩnh văn hóa, bản lĩnh trí tuệ.

Chúng ta ghi nhận một số biểu hiện tìm tòi đổi mới chân thành trong lý luận văn học nghệ thuật từ đầu những năm 80 và đặc biệt là từ sau Đại hội VI đến nay. Đã là tìm tòi thì tất nhiên có thể đúng, có thể sai. Điều đáng tiếc là các tìm tòi trên lĩnh vực lý luận văn nghệ đã có một số sai lầm về mặt quan điểm có tính nguyên tắc. Ví dụ một số cây bút lý luận trong khi đi tìm cái gọi là "văn học đích thực" đã cố ý hoặc vô tình đối lập văn học cách mạng với văn học ; có người đi xa hơn đã thẳng tay phủ nhận thành tựu văn nghệ cách mạng và kháng chiến, ca ngợi một chiều "văn nghệ tiền chiến", ca ngợi những tác phẩm còn nhiều lệch lạc về lập trường quan điểm trong mấy năm qua, cho đấy mới là "văn chương đích thực". Từ những quan điểm lệch lạc này một số cây bút đã cố ý tách rời sự gắn bó giữa văn học nghệ thuật với đường lối chính trị của Đảng ; thậm chí đi đến đối lập giữa văn nghệ với chính trị. Các thế lực

Digitized by Google

thù địch đã và đang lợi dụng những tác phẩm xấu để chống lại ta.

Nghị quyết Trung ương 4 khi phân tích những nguyên nhân các mặt tiêu cực trong đời sống văn hóa, văn nghệ nước ta đã tập trung xem xét, tìm cách khắc phục các nguyên nhân chủ quan, trước hết là những khuyết điểm, yếu kém trong công tác lãnh đạo, chỉ đạo của Đảng và quản lý của Nhà nước. Nghị quyết chỉ rõ đó cũng là nguyên nhân chủ yếu để cho tình hình tiêu cực trong văn hóa, văn nghệ kéo dài, lan rộng, đáng lo ngại...

Nhìn chung sự lãnh đạo của Đảng từ trung ương đến địa phương, sự quản lý của nhà nước ở các cấp, các ngành, các hội sáng tạo và hội văn nghệ địa phương còn nhiều lúng túng. Sự lãnh đạo quản lý hầu như bị buông lỏng trong nhiều năm. Các cấp ủy địa phương có tâm lý e ngại, rụt rè trong xử lý các vấn đề văn hóa, văn nghệ ; có nơi, có lúc lại sử dụng những biện pháp hành chính không thích hợp. Một số chủ trương sai như lập ra nhà xuất bản mà không quản lý được, cho phổ biến các ấn phẩm, băng nhạc, băng hình độc hại v.v.. thẳng hoặc vẫn còn diễn ra ở một vài địa phương.

Công tác tổ chức trong lĩnh vực văn hóa, văn nghệ cũng còn nhiều sai sót ; việc bố trí cán bộ chủ chốt, quản lý đội ngũ, xây dựng tổ chức đảng trong các hội v.v.. vẫn trong tình trạng lúng túng.

Nghị quyết Trung ương 4 cũng chỉ ra những sai sót trong chính sách đầu tư cho văn hóa, văn nghệ. Việc xóa bao cấp tràn lan đã được khắc phục một phần trong các năm gần đây. Tuy vậy, sự tài trợ, bảo trợ của ngân sách nhà nước còn ít và kém hiệu quả, có nơi còn để thất thoát, lãng phí.

*
* *

Văn hóa, văn nghệ là một lĩnh vực hoạt động rộng lớn trong đời sống tinh thần của nhân dân. Các cấp lãnh đạo, quản lý cần xóa bỏ quan niệm hoạt động văn hóa chỉ là công cụ tuyên truyền "cờ, đèn, kèn, trống", hô hào cổ động ; cần coi đây là hoạt động chăm sóc phần hồn của con người. Trong văn hóa có bộ phận trọng yếu là văn học nghệ thuật. Việc chăm lo cho sự sáng tạo các giá trị văn học nghệ thuật và phổ biến các giá trị đó tới đời sống tinh thần của từng người dân sẽ tạo nên được hiệu quả xã hội to lớn, xây dựng tâm hồn, bản lĩnh, nhân cách con người.

Nghị quyết Trung ương khẳng định : nền văn hóa dân tộc ta đã trải qua hằng mấy ngàn năm xây dựng, phát triển. Nền văn hóa ấy đã bảo đảm cho dân tộc ta tồn tại, phát triển, làm rạng rỡ non sông, đất nước Việt nam. Nền văn hóa đó như lời đồng chí Tổng bí thư Đỗ Mười đã nhấn mạnh : "Đó là nền văn hóa đại chúng, vì nhân dân lao động cùng đội ngũ trí thức của mình là người tham gia sáng tạo những giá trị văn hóa, đồng thời là người phải được hưởng thụ những thành quả do mình làm ra". Ở đây cũng cần nhắc lại năm phương hướng mang tính chỉ đạo của Nghị quyết Hội nghị Trung ương lần thứ tư (khóa VII) :

1- Nhiệm vụ chính trị, tư tưởng cốt lõi chỉ đạo các hoạt động văn hóa, văn nghệ là vì độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội. Văn hóa, văn nghệ là bộ phận khăng khít của sự nghiệp đổi mới. Thấm nhuần và thực hiện lời dạy của Chủ tịch Hồ Chí Minh "Văn hóa, nghệ thuật là một mặt trận, anh chị em là chiến sĩ trên mặt trận ấy".

2- Bảo đảm dân chủ, tự do cho mọi sự sáng tạo và hoạt động văn hóa, đồng thời đề cao trách nhiệm của văn nghệ sĩ trước công chúng, dân tộc và thời đại.

3- Phát triển văn hóa dân tộc đi liền với mở rộng giao lưu văn hóa với nước ngoài, tiếp thu những tinh hoa của nhân loại.

4- Tính chiến đấu của văn hóa, văn nghệ phải thể hiện trong phát hiện, khẳng định mạnh mẽ các nhân tố mới, đấu tranh chống cái tiêu cực, cái ác, cái xấu ; đấu tranh không khoan nhượng với các thế lực thù địch trên mặt trận tư tưởng văn hóa.

5- Xã hội hóa các hoạt động văn hóa, văn nghệ theo định hướng của Đảng và sự quản lý của Nhà nước, khắc phục tình trạng "hành chính hóa" các tổ chức văn hóa, văn nghệ và xu hướng "thương mại hóa" đơn thuần trong lĩnh vực này.

Nắm vững các tư tưởng chỉ đạo đã nêu là điều hết sức cần thiết trong công tác lãnh đạo, quản lý văn hóa, văn nghệ những năm tới. Các tư tưởng chỉ đạo ấy không chỉ bảo đảm cho sự lãnh đạo, quản lý của Đảng và Nhà nước, mà còn tạo điều kiện thuận lợi cho các hoạt động sáng tạo, xây dựng đời sống tinh thần của nhân dân ta ❑

Digitized by Google

Bức thư ngỏ đầu xuân

NGUYỄN ĐỨC *

Từ ngày còn nhỏ, học bài trích giảng văn học "*Đảng ta vĩ đại thật*" của Chủ tịch Hồ Chí Minh (năm 1960), tôi đã luôn luôn nghĩ về Đảng. Chú ý đến các bậc ông bà, bố mẹ, cô bác, anh chị và đồng đội, đồng nghiệp là đảng viên, tôi thấy họ hầu hết là những con người tốt, đáng nêu gương và học tập. Họ cũng là những con người bình thường sống giản dị, nhưng có đức hy sinh, phấn đấu cho sự nghiệp chung, cho mọi người, gương mẫu trong công việc và lối sống. Chuyển sang cơ chế thị trường, rất nhiều người năng động trong sản xuất, kinh doanh vừa làm giàu cho mình, vừa tạo việc làm cho nhiều người góp phần làm tăng thêm hàng hóa, sản phẩm cho xã hội. Và quan trọng hơn cả là họ luôn trăn trở nghĩ suy về cách làm để tạo ra sự công bằng, tốt đẹp cho xã hội, sự giàu có cho đất nước.

Ở lứa tuổi tôi, đã có biết bao thanh niên, học sinh, sinh viên rời ghế nhà trường, tạm xa công xưởng, ruộng đồng, công sở để lên đường bảo vệ Tổ quốc. Tôi là một trong số hàng triệu người của đoàn quân ấy. Năm đó tôi vừa tròn 18 tuổi, đang học năm thứ nhất Trường đại học kinh tế quốc dân. Đồng đội chúng tôi điệp trùng đi chiến đấu bảo vệ Tổ quốc, bảo vệ thành quả cách mạng mà Đảng, Bác Hồ và cha anh tạo dựng bằng sự hy sinh to lớn, bằng trí sáng suốt, bằng tình yêu thương đất nước, giống nòi. Trong quân đội, tôi từng thấy những đảng viên gương mẫu, dũng cảm, sáng tạo hy sinh quên mình trong chiến đấu. Nhiều đồng chí tình nguyện lên đường bảo vệ Tổ quốc trong khi ở quê nhà là mẹ già, vợ yếu, con nhỏ, gia cảnh khó khăn nhưng không hề đòi hỏi, tính toán. Hình ảnh những đảng viên đó thực sự cổ vũ chúng tôi trong những năm tháng gian khổ của chiến tranh. Lớp chúng tôi nhập ngũ có nhiều anh chị em được vào Đảng tiếp tục sự nghiệp cha anh. Hình ảnh đồng đội của tôi - những người mang đầy mơ ước trong học tập, công tác và cuộc sống đã anh dũng hy sinh - luôn luôn khắc sâu trong tâm trí tôi. Có nhiều đêm tôi không sao ngủ được vì nhớ thương và kính trọng họ. Tôi kết nạp vào Đảng trong quân ngũ khi tôi còn đeo quân hàm binh nhất ở mặt trận, và điều đó làm tôi rất tự hào.

Đất nước trong thời kỳ đổi mới, những thành tựu tăng trưởng kinh tế trong 5, 10 năm gần đây tuy chưa hoàn hảo, song tôi nhận thấy đó là thành tựu đáng phấn khởi. Sản lượng lương thực, điện, than, xi măng, sắt thép, dầu thô, cà phê, cao su, kim ngạch xuất khẩu... hằng năm tăng nhanh và vượt xa những năm trước ; tốc độ tăng trưởng kinh tế cao. Điều đó thể hiện sức sống và sự năng động, sáng tạo của dân tộc Việt nam có sự lãnh đạo sáng suốt, vững vàng của Đảng ta. Tôi nghĩ, không cần phải nói nhiều mà chính những thành tựu đó cũng đủ để bác bỏ những tư tưởng hoài nghi và những ý kiến xuyên tạc bôi nhọ Đảng ta, nhân dân ta.

Nhân dân ta dưới sự lãnh đạo của Đảng đã giành được thắng lợi trong cuộc đấu tranh lâu dài, gian khổ vì độc lập, tự do, hòa bình, thống nhất đất nước, thì nhất định cũng sẽ giành được nhiều thắng lợi trong sự nghiệp xây dựng đất nước giàu mạnh, xã hội công bằng, văn minh. Sự nghiệp xây dựng đất nước là một quá trình với từng bước tiến vững chắc. Ai đó do dự, hoài nghi như đã từng do dự hoài nghi trong thời kỳ chiến tranh, thậm chí cản đường thì họ sẽ trở thành những người lạc lõng và đứng ngoài lề công cuộc đổi mới.

Gần đây, đôi khi tôi nghe một số người kêu ca, phản ứng, thậm chí muốn bôi xấu chế độ của chúng ta. Họ lợi dụng những chuyện tiêu cực trong số cán bộ, đảng viên thoái hóa biến chất, hoặc dựa vào những sách báo của một số thế lực thù địch để đưa ra những ý kiến không đúng sự thật, thiếu khách quan, có khi còn xuyên tạc. Ví dụ như họ phê phán Đảng ta quá cứng nhắc, bảo thủ, không chịu học tư bản, không chịu tư nhân hóa, đa nguyên đa đảng,... Họ liệt kê các vụ, việc tiêu cực ở nơi này, nơi khác, người này, người khác để tạo ra sự nghi ngờ vai trò lãnh đạo của Đảng và Nhà nước ta. Đó là những ý kiến và việc làm sai trái không thể nào chấp nhận được.

Tôi nghĩ, mục tiêu của Đảng ta xây dựng chủ nghĩa xã hội là đúng đắn. Mọi người lao động trên thế giới đều mong muốn và tìm cách phấn đấu cho mục tiêu đó. Bởi vì chỉ có chủ nghĩa xã hội mới không còn áp bức, bảo đảm hòa bình, văn minh và con người có đủ cơ hội để lao động sáng tạo trong sự công bằng, bác ái. Chính một số giới cầm quyền ở các nước tư bản đã lợi dụng điều này trong việc vận động tranh cử, song khi lên cầm quyền họ lại không làm được, bởi bản chất giai cấp và hệ tư tưởng của họ là phi xã hội chủ nghĩa.

Có người lại phê phán chúng ta hiện nay học theo các nước tư bản ! Tôi nghĩ rằng trong kinh tế, khách quan mà nói, các phương pháp quản lý của chủ nghĩa tư bản đã đạt được những thành công nhất định, có thể học tập từng phần, nhưng không thể học tập theo kiểu thấy gì học

(Xem tiếp trang 60)

* Hà nội

Digitized by Google

VỀ MỤC TIÊU CỦA TRUNG QUỐC TỚI NĂM 2000 VÀ 2010

LÊ TỊNH

VỪA qua, Ban chấp hành trung ương Đảng cộng sản Trung quốc thông qua bản "*Kiến nghị về việc xây dựng kế hoạch 5 năm 1996 - 2000 và mục tiêu đến năm 2010 nhằm phát triển kinh tế - xã hội Trung quốc*". Trước đây, dự kiến năm 2000 GDP tăng gấp 4 lần năm 1980, nay mục tiêu đó được hoàn thành trước thời hạn vào cuối năm 1995, và đạt GDP 4.800 tỉ nhân dân tệ (600 tỉ USD). Vì vậy, mục tiêu mới đến năm 2000 tăng GDP/người gấp 4 lần năm 1980 với số dân dự kiến 1,3 tỉ người, tăng 300 triệu người so với 1980, đạt mức sống *khá giả*.

Mục tiêu năm 2010 là tăng GDP gấp 2 lần năm 2000, đưa đời sống đạt mức *cao hơn khá giả*. Nền kinh tế Trung quốc hình thành cơ chế thị trường xã hội chủ nghĩa đồng bộ và hoàn chỉnh.

Để đạt những mục tiêu nói trên, tốc độ tăng trưởng thời kỳ 1996 - 2000 phải giữ vững 8% mỗi năm, thời kỳ 2000 - 2010 phải đạt 7,5% (so với 9% năm trong suốt 17 năm qua). Trung ương Đảng cộng sản Trung quốc cho rằng, xét thành tựu đã qua và thời cơ sắp tới, Trung quốc có khả năng đạt được những tốc độ đó. Như vậy, Trung quốc sẽ là nước lớn duy nhất duy trì được sự phát triển liên tục với tốc độ cao trong 32 năm liền.

Theo tư tưởng chỉ đạo chiến lược trước đây, bước 1 kéo dài đến năm 1990 ; bước 2 từ năm 1991 đến 2000 ; bước 3 nửa đầu thế kỷ 21, khi nước Cộng hòa nhân dân Trung hoa tròn 100 năm. Trung quốc sẽ trở thành một nước phát triển trung bình, hiện đại hóa về cơ bản. Nay xác định mục tiêu đến năm 2010, đó là một bước trung gian, tạo đà cho Trung quốc cất cánh để tiến vững chắc đến mục tiêu giữa thế kỷ 21. Khi đó, tầm cỡ của nền kinh tế Trung quốc sẽ trùng hợp với chuyển dịch trung tâm kinh tế thế giới sang châu Á - Thái bình dương, và khi ấy thật sự bắt đầu cái gọi là "*thời đại châu Á - Thái bình dương*".

Để thực hiện "*kế hoạch xuyên thế kỷ*" nói trên, Trung ương Đảng cộng sản Trung quốc đã nêu lên 12 giải pháp lớn, trong đó, trước hết, chú trọng *xử lý đúng đắn mối quan hệ giữa cải cách, phát triển và ổn định chính trị*. Trung quốc coi cải cách *là động lực*, ổn định chính trị *là tiền đề*. Không cải cách sẽ không có phát triển, và cũng sẽ không có ổn định chính trị. Ngược lại, không có ổn định chính trị sẽ không có cải cách và phát triển. Ba yếu tố đó có quan hệ hữu cơ với nhau.

Bài học đầu tiên đối với 15 năm tới vẫn là "*cần luôn luôn giữ vững phương châm nắm thời cơ, đi sâu cải cách, tăng cường mở cửa, thúc đẩy phát triển, duy trì ổn định*". Điều đó cho thấy Trung quốc luôn coi trọng thời cơ. Tư tưởng cơ bản là không chờ đợi thời cơ mà chủ động tranh thủ, lợi dụng và tạo ra thời cơ. Bài học rút ra năm 1978 là trong một thời gian dài trước đó, đã bỏ lỡ thời cơ, để đất nước tụt hậu. Hội nghị trung ương 3, khóa 11 (năm 1978) của Đảng cộng sản Trung quốc đã mở ra thời kỳ mới, thời kỳ cải cách mở cửa của Trung quốc.

Từ cuối thập kỷ 80 và đầu thập kỷ 90, nhất là sau khi chủ nghĩa xã hội hiện thực sụp đổ ở châu Âu, thế giới bước vào thời kỳ hợp tác và phát triển, bài học được rút ra vẫn có liên quan đến việc nắm vững thời cơ, không để bất cứ yếu tố nào làm mất hoặc làm giảm thời cơ, vận hội. Thế giới tuy hòa bình, nhưng những nhân tố không ổn định vẫn tồn tại ở nhiều khu vực. Cuộc cạnh tranh kinh tế và khoa học công nghệ diễn ra quyết liệt trên thế giới, vẫn là thách thức to lớn. Phương châm hành động của Trung quốc là "*trong hòa bình không mất cảnh giác, gắng hết sức để trở thành hùng cường*" ("*cư an tư nguy, phấn phát đồ cường*"). Cũng chính với quyết tâm đó mà suốt 17 năm qua, Trung quốc là cường quốc duy nhất có tốc độ tăng trưởng vào loại cao nhất thế giới, cũng là nhà nước duy nhất phải hãm bớt tốc độ phát triển, là một trong những thị trường lớn nhất thế giới có sức hút

Digitized by Google

vốn đầu tư của hầu như tất cả các nước, đồng thời cũng là nước có số lượng và tỷ lệ tiền gửi tiết kiệm cao nhất thế giới. Tất cả những nhân tố đó là cơ sở để xác định phương hướng sắp tới.

Đảng cộng sản Trung quốc coi *nhiệm vụ chiến lược của 15 năm tới là xây dựng cho được cơ chế kinh tế thị trường xã hội chủ nghĩa hoàn thiện, đồng bộ.* Nội dung cơ bản của cơ chế đó là : kinh tế công hữu là chủ thể, kinh tế quốc hữu là chủ đạo, phát triển nhiều thành phần kinh tế ; tiếp tục đi sâu cải cách xí nghiệp để hình thành một hệ thống xí nghiệp hiện đại đủ sức cạnh tranh trên thị trường trong nước và thế giới, hình thành một hệ thống các thị trường đồng bộ, phát huy tối đa vai trò tích cực của thị trường, coi thị trường xã hội chủ nghĩa như là công cụ chủ yếu trong việc phân bổ các loại tài nguyên, có sự điều hành vĩ mô của nhà nước. Trong 15 năm tới, Trung quốc coi cải cách xí nghiệp quốc hữu là khâu quyết định trong toàn bộ cải cách kinh tế nhằm thiết lập cơ chế kinh tế thị trường xã hội chủ nghĩa ; đặt nông nghiệp vào vị trí hàng đầu và đặc biệt quan trọng, nhất là lương thực ; coi khoa học kỹ thuật hiện đại là sức sản xuất số một ; đặt vấn đề bảo vệ môi trường sinh thái và tiết kiệm mọi nguồn tài nguyên là nguyên tắc chiến lược, nhất thiết phải thực hiện cho được sự tăng trưởng cao nhưng có hiệu quả và tiến bộ xã hội ; tiếp tục mở cửa, tăng cường kinh tế đối ngoại, tích cực thu hút vốn và kỹ thuật nước ngoài ; giữ vững chính sách đặc khu kinh tế ; quán triệt nguyên tắc coi hiệu quả và chất lượng là hàng đầu ; pháp chế hoá mọi hoạt động kinh tế.

Về mặt xã hội, *nhiệm vụ tổng thể phát triển xã hội trong thời gian tới là bảo đảm ổn định, thúc đẩy tiến bộ xã hội, tích cực xây dựng một xã hội công bằng, an toàn, văn minh, lành mạnh.* Khống chế dân số năm 2010 không quá 1,4 tỉ. Năm 2000 bảo đảm 70 triệu người hiện còn nghèo khổ được sống ấm no. Thiết lập cơ chế bảo trợ thất nghiệp bằng quỹ thất nghiệp do các doanh nghiệp đóng góp. Hoàn thiện chế độ tiền lương theo nguyên tắc "làm theo năng lực hưởng theo lao động", bảo vệ thu nhập hợp pháp, kiên quyết xóa bỏ những thu nhập bất hợp pháp. Thu thuế đối với phần quá cao trong thu nhập hợp pháp. Thực hiện chế độ : các pháp nhân phải trình báo việc chi trả lương cho viên chức dưới quyền ; mọi người phải trình báo thu nhập cá nhân ; người gửi tiền tiết kiệm phải ghi tên thật.

Đảng cộng sản Trung quốc *coi việc tiếp tục đẩy mạnh xây dựng "văn minh tinh thần xã hội chủ nghĩa" là nhiệm vụ đặc biệt và đột xuất trong thời kỳ tới.* Văn minh tinh thần là một trong hai nội dung cơ bản của tổng thể văn minh xã hội chủ nghĩa ở Trung quốc. Văn minh tinh thần thực chất là bộ mặt tinh thần, tư tưởng và đạo đức của con người Trung quốc, của xã hội Trung quốc. Thực tế, từ tháng 9 - 1986, Trung ương Đảng cộng sản Trung quốc đã ra nghị quyết về việc xây dựng văn minh tinh thần xã hội chủ nghĩa, coi đó là một nhiệm vụ chiến lược đi song song với việc xây dựng cơ sở vật chất - kỹ thuật cho nền kinh tế. Giờ đây, trong bối cảnh mới của tình hình trong nước và quốc tế, Trung ương Đảng cộng sản Trung quốc coi việc hình thành văn minh tinh thần xã hội chủ nghĩa là điều kiện quyết định sự thành bại của chủ nghĩa xã hội ở Trung quốc. Một trong những giải pháp lớn để xây dựng văn minh tinh thần xã hội chủ nghĩa mà Trung quốc đã tiến hành liên tục từ 7 năm nay là chiến dịch truy quét văn hóa phẩm độc hại, đồi trụy, kể cả phim, băng đĩa, sách báo độc hại, đồi trụy, bảo vệ và phát triển nền văn hóa dân tộc và xã hội chủ nghĩa.

Trung ương Đảng cộng sản Trung quốc coi **"Kiến nghị"** này là văn kiện mang tính chất cương lĩnh của Đảng. Vì xuyên suốt bản kiến nghị là lý luận của đồng chí Đặng Tiểu Bình về xây dựng chủ nghĩa mang màu sắc Trung quốc và đường lối cơ bản của Đảng *"một trung tâm hai điểm cơ bản"* (xây dựng kinh tế là trung tâm; cải cách mở cửa ; giữ vững bốn nguyên tắc) cùng một loạt nguyên tắc và phương châm khác, đặc biệt là phương châm 20 chữ : *"nắm bắt thời cơ, đi sâu cải cách, mở rộng mở cửa, thúc đẩy phát triển, giữ vững ổn định".* Tất cả những điều nói trên là nền tảng để chính phủ dựa vào đó hoạch định kế hoạch 5 năm 1996 - 2000 và quy hoạch đến năm 2010. Trong cơ chế kinh tế thị trường, kế hoạch của nhà nước phải mang tính chất dự báo và tính chất chỉ đạo tổng thể, không thể chi tiết như kế hoạch tập trung trước đây. Đây là một trong những yêu cầu quan trọng nhất đối với việc chuyển đổi chức năng và cải tiến bộ máy của chính phủ nhằm thích ứng với việc điều hành vĩ mô một nền kinh tế thị trường xã hội chủ nghĩa.

"Kiến nghị" *đặc biệt nhấn mạnh vai trò lãnh đạo của Đảng cộng sản Trung quốc, coi đó là nhân tố quyết định nhất đối với toàn bộ sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Trung quốc.* Với chức năng một đảng cầm quyền ở một nước lớn xã hội chủ nghĩa, Đảng cộng sản Trung quốc đặt lên hàng đầu việc tăng cường thống nhất tư

Digitized by Google

tưởng và hành động trong toàn đảng bằng việc học tập và quán triệt chủ nghĩa Mác- Lê-nin, tư tưởng Mao Trạch Đông. Trong đó, khâu then chốt là học tập và nắm vững lý luận của đồng chí Đặng Tiểu Bình về xây dựng chủ nghĩa xã hội mang màu sắc Trung quốc. Theo đó, bản chất chủ nghĩa xã hội ở Trung quốc là *giải phóng và phát triển sức sản xuất, xóa bỏ bóc lột và xóa bỏ phân hóa hai cực, tiến tới tất cả cùng giầu có.* Theo giới lý luận Trung quốc, đó là lời giải cho câu hỏi mang tính thời đại : Chủ nghĩa xã hội là gì, xây dựng chủ nghĩa xã hội bằng cách nào, và mục tiêu của chủ nghĩa xã hội là như thế nào ?

Đảng cộng sản Trung quốc yêu cầu các đảng viên cộng sản phải đi đầu trong việc làm trong sạch đảng, làm trong sạch nhà nước, làm trong sạch xã hội, triệt để chống tham nhũng, lãng phí và mọi lối sống xa lạ. Trung quốc coi tham nhũng và hủ bại có quan hệ đến sự mất còn của Đảng và của Nhà nước. Mọi người phải hướng tư duy và hành động của mình vào những việc có lợi cho sự phát triển sức sản xuất, tăng cường sức mạnh tổng hợp của đất nước, và nâng cao đời sống nhân dân ; coi đó là ba tiêu chuẩn để đánh giá con người, đánh giá chủ trương. Đảng cộng sản Trung quốc luôn coi trọng dùng lý luận tư tưởng để chỉ đạo thực tiễn, dùng thực tiễn để kiểm nghiệm lý luận, luôn tổng kết và nâng cao, không ngừng thúc đẩy công cuộc cải cách và hiện đại hóa đất nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa. Trung quốc cho rằng, mục tiêu đến năm 2000 và 2010 là một chương trình hòa bình đồ sộ chưa từng có, nó sẽ đưa Trung quốc tiến sang thế kỷ 21 với bộ mặt phồn vinh, kinh tế sống động, chính trị ổn định, dân tộc đoàn kết, xã hội tiến bộ.

Trong chuyến thăm Trung quốc vừa qua, đồng chí Đỗ Mười, Tổng bí thư Đảng ta có nói: "*Xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội ở Trung quốc không chỉ vì sự phát triển phồn vinh của Trung quốc, mà còn có ý nghĩa thời đại*" (1). Chúng ta tin rằng, Đảng và nhân dân Trung quốc sẽ vượt qua mọi khó khăn trở ngại, thực hiện thành công những mục tiêu chiến lược to lớn như bản **"Kiến nghị"** đã đề ra ❑

(1) Báo *Nhân dân*, ngày 3-12-1995

Bức thư...

(Tiếp theo trang 57)

nấy. Bởi vì trong phương pháp của họ chứa đựng các kỹ xảo cũng như các biện pháp nhằm mang lại lợi ích cho giới chủ chứ không phải là cho người lao động. Chúng ta học là để tạo ra phương pháp quản lý mới, tiên tiến và ứng dụng công nghệ kỹ thuật, công nghệ tin học - thành tựu khoa học của nhân loại với cách thể hiện và tiến trình khác hẳn với chủ nghĩa tư bản nhằm mục đích vì lợi ích của cả cộng đồng trong đó có lợi ích cá nhân người có vốn, có kiến thức quản lý, có tài năng và đóng góp thực sự.

Còn việc góp ý, phê phán, tôi cho rằng Đảng ta, Nhà nước ta rất dân chủ. Nhưng không phải dân chủ là để ai muốn nói thế nào cũng được. Ai đó muốn thực sự góp ý, phê bình thì những ai sai lầm, những việc nào không đúng hãy phê phán một cách trung thực, có địa chỉ rõ ràng, công khai trong cuộc họp, bằng thư góp ý chân tình có căn cứ. Xin đừng đụng chạm đến thanh danh các cơ quan Đảng và Nhà nước. Nói sai cho một người là có lỗi lớn lắm rồi ; nói sai về một tổ chức thì lỗi càng lớn hơn, thậm chí là có tội.

Xin chớ vội than vãn, oán trách vu vơ, đòi hỏi vô lý. Hãy nhớ rằng suốt mấy chục năm chiến đấu, hàng triệu cán bộ đảng viên và đồng bào yêu nước đã phải hy sinh mới có được cuộc sống hôm nay. Hãy xem cá nhân mình, gia đình mình, bạn bè xung quanh được gì trong sự nghiệp cách mạng của dân tộc. Tôi nghĩ chúng ta được nhiều lắm, lớn lắm mặc dù có sự hy sinh trong chiến tranh, sự thiếu thốn thời kỳ tiền đổi mới. Cái được lớn lao là chúng ta và con cháu ta được sống trong một đất nước độc lập, thống nhất, hòa bình, không còn áp bức của thực dân, phong kiến, và giặc ngoại xâm.

Sự nghiệp đổi mới mười năm qua do Đảng ta khởi xướng và lãnh đạo đã giành được những thắng lợi to lớn. Tuy chưa đồng đều nhưng đời sống của từng người dân được tăng lên, cơm ăn, áo mặc, nhà ở, phương tiện đi lại và phương tiện nghe nhìn,... tốt hơn. Một số nơi, một bộ phận nhân dân do thiên tai và hậu quả chiến tranh đời sống còn khó khăn nhưng họ vẫn tin tưởng vào sự lãnh đạo của Đảng. Và Đảng ta, Nhà nước ta cũng đang có những chủ trương, chính sách và biện pháp cụ thể để từng bước cải thiện và nâng cao đời sống cho họ.

Xin hãy dành chút ít thời gian nhớ lại bài học thuở ấu thơ, nghe chuyện cha ông mình, đọc kỹ và nghĩ suy để rồi tự củng cố niềm tin yêu vào sự nghiệp đổi mới mà Đảng, Nhà nước và nhân dân đang tiến hành, từng bước đi lên vững chắc, tiến tới tương lai mà hằng ngày, hằng năm chính chúng ta được hưởng ! ❑

Digitized by Google

QUY CHẾ TỐI HUỆ QUỐC. CHẾ ĐỘ ƯU ĐÃI THUẾ QUAN PHỔ CẬP

• **QUY CHẾ TỐI HUỆ QUỐC** (tiếng Anh là *Most Favoured Nation* - MFN) là một nguyên tắc pháp lý theo đó các bên, qua việc ký kết các hiệp định song phương, cam kết dành cho nhau những điều kiện thuận lợi nhất mà một nước khác có thể được hưởng. Đó là các điều khoản ưu đãi về thuế và phi quan thuế đối với các hàng nhập khẩu, giảm bớt các trở ngại trong buôn bán.

Quy chế tối huệ quốc là nguyên tắc cơ bản của *Hiệp định chung về thuế quan và thương mại* (GATT) mà ngày nay là *Tổ chức thương mại thế giới* (WTO), trong đó mỗi quốc gia áp dụng cùng một lúc mức thuế quan với tất cả các thành viên mậu dịch của nó. Chẳng hạn, nếu nước A thương lượng sự cắt giảm thuế quan với nước B và sau đó nước B thương lượng được sự cắt giảm thuế quan hơn nữa với nước C, thì mức thuế quan áp dụng cho trường hợp nước C cũng sẽ được dùng cho nước A.

Quy chế tối huệ quốc được áp dụng rộng rãi trong lĩnh vực quan hệ thương mại quốc tế, trên cơ sở hợp tác bình đẳng, không phân biệt đối xử và có đi, có lại, tạo cơ hội và điều kiện mở rộng các quan hệ giữa các nước, thúc đẩy giao lưu buôn bán và đầu tư giữa các nước.

Tuy nhiên, quy chế tối huệ quốc không chỉ là điều khoản ưu đãi dành riêng cho các thành viên GATT, mà còn được thực hiện trên cơ sở các hiệp ước, hiệp định buôn bán song phương, và trên cơ sở luật pháp riêng của mỗi nước.

Quy chế tối huệ quốc được một số nước lớn sử dụng như một công cụ trong quan hệ với các nước khác. Họ đặt các điều kiện về tiêu chuẩn, kỹ thuật, vấn đề môi trường, sức khỏe, lao động trẻ em, và cả những điều kiện có tính chất chính trị như nhân quyền, dân chủ hoa... để buộc các nước đang phát triển điều chỉnh số lượng, chất lượng và giá cả hàng hóa theo hướng có lợi cho họ. Điều này tạo ra sự cạnh tranh không bình đẳng và làm cho các nước đang phát triển bị thua thiệt nhiều.

Trong nhiều trường hợp, Mỹ đã lái quy chế tối huệ quốc thành một ngọn đòn ngoại giao riêng của mình. Mỹ thực hiện quy chế tối huệ quốc đối với hầu hết các nước và việc trao quy chế tối huệ quốc cũng như việc từ chối quy chế đó đối với một số nước đều dựa vào các đạo luật thương mại của Mỹ. Ngay từ năm 1930, trên cơ sở duy trì chủ nghĩa bảo hộ mậu dịch, Mỹ đã ban hành đạo luật Xmút Ha-lây (Smoot Hawley), quy định thuế quan ở mức cao đối với hàng hóa nhập khẩu từ một số nước. Việc trao quy chế tối huệ quốc dựa trên cơ sở luật pháp Mỹ, (ra đời năm 1934) và nay duy trì trong mục 126 của Đạo luật thương mại năm 1974. Năm 1951, theo Hiệp ước thương mại, Mỹ đình chỉ quy chế tối huệ quốc đối với hầu hết các nước cộng sản và các nước đang có xung đột với Mỹ.

Ngày nay, việc thắt chặt các nguyên tắc và lợi ích với nhau, gắn việc "trừng phạt" các nước "vi phạm nhân quyền" đã trở thành một nhiệm vụ vô cùng phức tạp trong chính sách thương mại truyền thống của Mỹ. Đối với Trung quốc là một ví dụ : Trong các chiến dịch bầu cử, ông Clin-tơn đã tuyên bố : "Chúng ta sẽ gắn các đặc quyền buôn bán của Trung quốc với báo cáo về nhân quyền, cũng như việc chỉ đạo buôn bán vũ khí và thương mại của họ". Năm 1993, khi gia hạn quy chế tối huệ quốc cho Trung quốc, ông Clin-tơn đã đưa kèm 7 điều kiện về dân chủ và nhân quyền.

Việc gắn quy chế tối huệ quốc với vấn đề chính trị ở Trung quốc đã làm tổn hại trước hết đến lợi ích kinh tế của Mỹ. Ngày 16-5-1994, chính quyền Clin-tơn đã chính thức gia hạn quy chế tối huệ quốc cho Trung quốc và quyết định không gắn quy chế đó với vấn đề nhân quyền trong buôn bán giữa hai nước. Ngày 20-7-1995, Mỹ tiếp tục cho Trung quốc hưởng quy chế tối huệ quốc. Tuy nhiên, điều đó không có nghĩa là mầm mống xung đột, tranh chấp thương mại trong quan hệ buôn bán giữa Mỹ và Trung quốc đã được giải quyết. Và cũng không có nghĩa là Mỹ không tiếp tục sử dụng quy chế tối huệ quốc như một biện pháp mặc cả với Trung quốc trong các cuộc thương lượng tay đôi và đàm phán của WTO.

• **CHẾ ĐỘ ƯU ĐÃI THUẾ QUAN PHỔ CẬP** (tiếng Anh là Generalised System of Preferences - GSP) là hệ thống ưu đãi về thuế dành cho các nước đang phát triển, trên cơ sở ưu đãi đơn phương, không ràng buộc điều kiện có đi, có lại.

Chế độ ưu đãi thuế quan phổ cập có hai nội dung : *miễn thuế hoàn toàn* và *ưu đãi mức thuế thấp* đối với những mặt hàng nhập. Chế độ này là kết quả của cuộc đấu tranh lâu dài của các nước đang phát triển với các nước phát triển trong khuôn khổ của Tổ chức thương mại và phát triển của Liên hợp quốc (UNCTAD). Dưới sức ép của các nước đang phát triển đòi thực hiện các biện pháp và chính sách thương mại mới, hỗ trợ cho nền kinh tế các nước này, từ tháng 6-1971, các nước công nghiệp phát triển đã chấp thuận dành chế độ ưu đãi thuế quan phổ cập cho họ. Thực hiện chế độ thuế này, một số nước đang phát triển có đỡ đi phần nào sự thua thiệt trong quan hệ kinh tế đối ngoại. Tuy nhiên, dù có chế độ thuế này, sự bất bình đẳng về kinh tế giữa các nước phát triển và đang phát triển không hề giảm đi. Vả lại, một số nước phương Tây chỉ áp dụng chính sách này trong chừng mực nhất định với những điều kiện đòi hỏi khắt khe.

Chế độ GSP được Mỹ sử dụng như là một chính sách bảo hộ nền công nghiệp trong nước. Chẳng hạn, chế độ GSP của Mỹ quy định :

- Chỉ dành riêng chế độ GSP cho các nước đang phát triển ; các nước là thành viên của GATT và Quỹ tiền tệ quốc tế (IMF).

- Các mặt hàng phải đáp ứng đúng tiêu chuẩn mà Mỹ đề ra : hàng đó phải đi thẳng từ nước được hưởng GSP vào lãnh thổ hải quan Mỹ ; phải được sản xuất tại chính nước đó ; trị giá nguyên liệu và chi phí trực tiếp để chế tạo thành sản phẩm tại nước đó không được thấp hơn 35% giá trị của sản phẩm ấy khi vào lãnh thổ hải quan Mỹ.

Digitized by Google

Hằng năm, Mỹ xem xét lại chế độ GSP đối với các nước. Mỹ sẽ rút danh sách nước được hưởng GSP của Mỹ nếu nước đó dần lớn mạnh và đủ sức cạnh tranh. Mục đích chế độ GSP của Mỹ nhằm bảo hộ người sản xuất trong nước, bảo đảm lợi ích kinh tế Mỹ.

Trong quá trình mở cửa, hội nhập với thế giới về kinh tế, Việt nam tích cực và chủ động tham gia các tổ chức kinh tế, thương mại thế giới, đẩy mạnh quan hệ kinh tế đối ngoại, tăng cường hợp tác và đấu tranh nhằm đạt được quy chế tối huệ quốc và chế độ ưu đãi thuế quan từ các nước phát triển. Đó là nhân tố tích cực thúc đẩy sự phát triển của nền kinh tế nước ta. Tuy nhiên, vấn đề chính yếu nhất vẫn là : chúng ta phải xây dựng nền kinh tế độc lập, tự chủ, tự lực tự cường, thực hiện cho được mục tiêu dân giàu nước mạnh, xã hội công bằng, văn minh ⊿

GIẢI BÁO CHÍ TOÀN QUỐC NĂM 1994 VÀ 1995 CỦA HỘI NHÀ BÁO VIỆT NAM

Trong 2 ngày 15 và 16-1, Hội đồng giải báo chí toàn quốc năm 1994 và 1995 của Hội nhà báo Việt nam họp để thẩm định chung khảo và bỏ phiếu kín quyết định việc trao giải. Kết quả những tác giả và nhóm tác giả sau đây được tặng Giải báo chí toàn quốc.

Năm 1994 ; (Xếp theo thứ tự số phiếu bầu)

- Giải A :

1 - Nguyễn Chính, phóng viên báo *Đại đoàn kết* với tác phẩm báo viết : "Hành trình giải oan" đăng trên báo *Đại đoàn kết*.

- Giải B :

1 - Phạm Bích Hà, phóng viên báo *Khoa học và Đời sống* với tác phẩm báo viết "Chất xám chảy về đâu" đăng trên báo *Lao động*.

2 - Lê Nho Thuần, phóng viên Đài truyền hình Việt nam, với tac phẩm truyền hình "Có một người đàn bà", phát trên Đài THVN.

3 - Xuân Thìn, phóng viên Đài tiếng nói nhân dân TP Hồ Chí Minh về tác phẩm phát thanh "Sức sống của chương trình xóa đói giảm nghèo", phat trên Đài tiếng nói nhân dân TP Hồ Chí Minh.

- Giải C :

1 - Phan Đức Hiền, phóng viên báo *Bà rịa - Vũng tàu* với tác phẩm báo viết : "Kẻ trục lợi trong cơn lốc nhà đất", đăng trên báo *Bà rịa - Vũng tàu*.

2 - Nhóm tác giả : Nguyễn Thanh Tuấn, Vương Khánh Hưng, Lê Bình - phóng viên báo *Sóc trăng*, với tác phẩm báo viết : "Nông thôn Sóc trăng - ngày ấy bây giờ" đăng trên báo *Sóc trăng*.

3 - Nhóm tác giả : Lê Quang Thông, Phạm Xuân Hùng, Trần Đăng Mậu - phóng viên Đài phát thanh - Truyền hình Quảng trị với tác phẩm truyền hình : "Nhức nhối nạn phá rừng", phát trên Đài truyền hình Quảng trị.

Giải khuyến khích :

1 - Phạm Văn Huấn, phóng viên báo *Quân đội nhân dân*, với tác phẩm báo viết : "Hưu rồm - vụ tham nhũng lớn ở Vĩnh phú và hồi âm sau bài báo : Hưu rồm - nỗi đau còn đó", đăng trên báo *Quân đội nhân dân*.

2 - Nhóm tác giả : Trầm Hương, Nguyễn Hoàng - phóng viên Đài Truyền hình TP Hồ Chí Minh với tác phẩm truyền hình "Những cánh hoa ngược dòng", phat trên Đài truyền hình TP Hồ Chí Minh.

3 - Lê Cảnh Nhạc, phóng viên tạp chí *Vì trẻ thơ* với tác phẩm báo viết : "Mầm ác và hương thiên" đăng trên báo *Tiền phong*.

4 - Hà Phương Thiện, Báo *Hà giang*, với tác phẩm báo viết "Bắc thái - cuộc chiến với ma túy", đăng trên bao *Bắc thái*.

Năm 1995 (Xếp theo thứ tự phiếu bầu)

- Giải A :

1 - Phạm Thanh, báo *Nhân dân*, với tác phẩm báo viết "Sốt xi-măng-trách nhiệm thuộc về ai ?" đăng trên báo *Nhân dân*.

- Giải B :

Trần Đăng Khoa, phóng viên *Tạp chí Văn nghệ quân đội*, với tác phẩm báo viết "Ký ức tháng Tư", đăng trên *Tạp chí Văn nghệ quân đội*.

2 - Đặng Quang Tỉnh, phóng viên Đài tiếng nói Việt nam với tác phẩm "Ba lần lên Sa Dung", phát trên Đài Tiếng nói Việt nam

Giải C :

1 - Nhóm tác giả : Nguyễn Ngọc, Lê Thi, Phạm Huyên - Điện ảnh quân đội nhân dân với tác phẩm phim : "Đường mòn trên Biển Đông".

2 - Nhóm tác giả : Lâm Thành Quý, Trần Ngọc Hùng, Thái bình - phóng viên Đài truyền hình TP Hồ Chí Minh với tác phẩm truyền hình "Bình minh trên kinh Nhiêu Lộc", phát trên Đài Truyền hình TP Hồ Chí Minh.

3 - Nguyễn Việt, phóng viên Đài phát thanh Thừa thiên - Huế với tác phẩm báo viết "Niềm tự hào dân tộc SOS".

4 - Nhóm tác giả : Nguyễn Minh Tuấn, Hà Minh Huệ, Nguyễn Chí Kha, phóng viên Thông tấn xã Việt nam với loạt tin bài về : "Bình thường hóa mối quan hệ Việt - Mỹ"

5 - Hoàng Định (Trần Chiến), phóng viên báo *Hà nội mới* với tác phẩm báo viết : "Về một nền nếp giáo dục" đăng trên báo *Hà nội mới chủ nhật*.

6 - Nguyễn Hữu Thành, phóng viên Thông tấn xã Việt nam tại tỉnh Bình thuận với chùm ảnh gồm 5 tác phẩm ảnh : Người mẹ, Tìm con trong lửa, Lắc thúng, Ra khơi, Phơi mực xuất khẩu.

7 - Khắc Hiền, phóng viên bao *Hà tĩnh* với tác phẩm "Những dòng đội của tôi" đăng trên báo *Quân đội nhân dân*.

8 - Nam Định (Lương Kiên Định), phóng viên bao *Khánh hòa* với tác phẩm báo viết "Nhà máy tuyển rửa cát Cam ranh - những điều nghịch lý" đăng trên báo *Khánh hòa*.

Giải khuyến khích

1 - Nhóm tác giả : Văn Bình, Đào Tuấn, phóng viên Đài phát thanh và truyền hình Thanh hóa với tác phẩm truyền hình "Tình yêu dành cho người lính".

Tiền thưởng Giải A là 10 triệu đồng ; Giải B là 8 triệu ; Giải C là 5 triệu đồng ; Giải khuyến khích là 2 triệu đồng (cho mỗi giải).

Lễ trao giải sẽ tổ chức trọng thể trong buổi lễ khai mạc Hội báo Xuân Bính Tý - 96 vào sáng 8-2-1996 (tức sáng 20 tháng chạp âm lịch) tại Cung Thiếu nhi - Hà nội.

Digitized by Google

LIÊN HIỆP CÁC XÍ NGHIỆP DÂU TẰM TƠ VIỆT NAM

• Tel : 2183 ĐÀ LẠT • BẢO LỘC • Telex : 631047 VISERI VT
• Add : 28 Mạc Đĩnh Chi St - Hồ Chí Minh City
• Phone : 231375-298438-231262 • Telex : 811474 VISERI VT
• Fax : 84-8-294086
• Res office in HÀ NỘI City. • Add : 6 Nguyễn Công Trứ
• Phone : 53462 • Telex : 411500 VISERI VT • Fax : 01-42-64654

Bây giờ chúng ta đã có thể nói tới 1 nền công nghiệp tằm tơ Việt nam. 10 năm trưởng thành và xây dựng, Liên hiệp các XN Dâu tằm tơ - VISERI - đã chứng minh cho định hướng quan trọng của nhà nước ta trong lịch sử 3000 năm truyền thống tơ tằm.

Trong chuyển giao công nghệ mới tằm tơ - VISERI, bên cạnh việc tổ chức, đầu tư và phối hợp các quan hệ khách hàng - đã tạo được đòn bẩy và cả 1 vùng sản xuất rộng lớn. Gần 800 000 người trên 43 tỉnh của Việt Nam tham gia chương trình qui mô này. Với 38 000 ha thâm canh. Chưa kể cùng với vùng nguyên liệu tằm tơ độc đáo của Việt Nam ở Lâm Đồng, thị xã mới với các biểu trưng văn hóa , giáo dục, các cơ sở hạ tầng được nâng cao - đã làm sống dậy bộ mặt mới của cao nguyên. 40 công ty thuộc 20 quốc gia đã gặp gỡ VISERI, và họ đã nhận biết một điển hình nhiều tiềm năng của tơ tằm Việt Nam tại đây.

Chúng tôi tán thành ngài RONALD CURRIE, Tổng thư ký Hội tơ tằm quốc tế I.S.A . Và Việt Nam hiện nay là những nước cung cấp nguyên liệu cho các quốc gia có nền công nghiệp chế biến tơ tằm. Sự xuất hiện của tơ tằm "chải cát sand-washed"... đã tạo cơ hội cho tơ tằm thâm nhập vào sự thể hiện đặc sắc, mới mẻ của thị trường y phục thế giới... So với châu Á, Việt Nam là 1 trong các nước có mức DÂN TRí cao nhất, quyết tâm của Nhà nước TW và các nhà lãnh đạo tơ tằm Việt Nam đã được chứng minh. Nhu cầu tương lai trên toàn cầu về tơ sống cấp cao 4A, 5A vẫn cần. Và Việt Nam, mặc nhiên là nước cung ứng quan trọng..."

GIÁM ĐỐC
HẠM MINH CHÍNH

INEXIM DAKLAK

DAKLAK INVESTMENT EXPORT/IMPORT CORPORATION

CÔNG TY ĐẦU TƯ XNK
DAKLAK
(INEXIM DAKLAK)

* **Head Office :**
164 Hoang Dieu St.,
Buon Ma Thuot, Daklak, VN
Tel : 84.50.52 951 - 52 029 - 52 203
Fax : 84.50.52 864

* **Hanoi Office :**
2B Dang Thai Than St.,
Hoan Kiem Dist. Hanoi.
Tel & Fax : 84.4.266 889
Hand Phone : 019041855

* **HCMC Office :**
149 Nguyen Dinh Chieu St., Dist.3, HCMC
Tel : 84.8.225 412 - 231 036 - 244 649
Fax : 84.8.242 705

* **Nha Trang Office :**
9 Phu Dong
Tel : 84.58.22 409

- Liên doanh, liên kết, hợp tác đầu tư và gia công với các tổ chức kinh tế trong nước và ngoài nước về các lĩnh vực liên quan đến sản xuất, chế biến và kinh doanh hàng xuất nhập khẩu.
- Trực tiếp xuất khẩu cà phê và các mặt hàng nông lâm sản khác trên thị trường quốc tế. Sản lượng cà phê xuất khẩu hàng năm 25.000 -30.000 Tấn.
- Nhập khẩu những vật tư, nguyên liệu, thiết bị, hàng tiêu dùng, phụ tùng thay thế phục vụ cho nhiệm vụ sản xuất, kinh doanh của ngành và cho nhu cầu của các đơn vị kinh tế khác.

- *Involved in joint-venture and business cooperation with local and foreign economic organizations to promote production, processing and import - export trade.*
- *Direct export of coffee and other agricultural products to markets all over the world. Total annual yield quantity of coffee exported 25.000 - 30.000 MT.*
- *Direct import of materials, machinery, equipment, spare parts and consumer goods.*

TELEPHONE : 225 412 - 231 036
244 649 - 903 863

Digitized by Google

Vườn ươm cây giống 1994 của NT 5

Giám đốc : HÀ NGUYÊN CÁT

Chúc mừng năm mới

CÔNG TY Cao su PHÚ RIỀNG

Công ty cao su Phú Riềng thành lập năm 1978. Đến nay Công ty đã có gần 22.000 ha cao su kinh doanh và kiến thiết cơ bản. Có 2 nhà máy chế biến cao su với máy móc thiết bị hiện đại.

Năm 1994 công ty đã khai thác và chế biến được 8.700 tấn cao su khô mang lại nguồn lợi cho đất nước qua đóng nộp ngân sách và nâng cao thu nhập cho cán bộ CNV của công ty.

Phu Rieng Rubber Company was established in 1978 So far, the company has got nearly 22.000 ha of rubber for trade and fundamental construction 2 factories to process rubber with modern machines, equipment.

In 1994 the Company exploited and processed 8.700 tons of dry rubber, bringing source of income to the country through contribution to the budget and raising the company's staff members' income.

CÔNG TY DỆT ĐÔNG NAM

DONGNAM TEXTILE COMPANY

Add : 18/3 AU CO-TAN BINH DIST. - HO CHI MINH CITY - VRS
TEL : 646398-640345 - FAX : 84.8.640619
GENERAL DIRECTOR TRAN THANH NGAN

CÔNG ty Dệt Đông Nam hiện nay được thành lập từ năm 1968, với tên gọi DONAFITEX, được trang bị dây chuyền kéo sợi bông chải kỹ hoàn thiện của SACO-LOWELL (Mỹ) gồm 30.000 cọc sợi. Sản phẩm của DONAFITEX đã nổi tiếng trên thị trường trong và ngoài nước.

Năm 1978 Đông Nam đã đầu tư thêm dây chuyền kéo sợi mới hiệu SACM (Pháp) gồm 35.000 cọc sợi, nâng tổng số cọc sợi lên 65.000 cọc.

Từ năm 1990 đến nay, Đông Nam đã đầu tư nhiều triệu Đôla Mỹ để : hiện đại hóa và phát triển Nhà máy kéo sợi, xây dựng thêm một Nhà máy Dệt kim, liên doanh với nước ngoài thành lập xí nghiệp cổ phần Nhuộm - Hoàn tất hiện đại và liên doanh với TEXTIMEX để xây dựng một Nhà máy May xuất khẩu.

Hiện nay, với đội ngũ cán bộ công nhân viên lành nghề và trang thiết bị máy móc hiện đại Công ty Dệt Đông Nam có khả năng sản xuất nhiều loại mặt hàng với chất lượng cao. Năng lực sản xuất gồm có :

- Sợi bông chải kỹ, sợi pha các loại với chỉ số bình quân Ne= 40 : 3.500 tấn/năm.
- Vải dệt kim các loại : 800 tấn/năm
- Nhuộm và hoàn tất vải các loại : 800 tấn/năm
- May mặc : 2.000.000 sản phẩm/năm.

Sản phẩm của Công ty Dệt Đông Nam luôn đáp ứng mọi nhu cầu của khách hàng và đã nổi tiếng trên thị trường trong và ngoài nước.

Công ty Dệt Đông Nam luôn sẵn sàng ký hợp đồng mua bán, sản xuất và liên doanh, liên kết với tất cả các đơn vị kinh tế trong và ngoài nước trên cơ sở bình đẳng, hai bên cùng có lợi.

Chúc mừng năm mới

IN TẠI NHÀ IN TẠP CHÍ CỘNG SẢN CHỈ SỐ 12651-ISSN 0866-7276 GIÁ : 3000Đ

Digitized by Google

HX9
V5
H63
v. 1996
no. 4
MAIN

Tạp chí Cộng sản

The Library - UC Berkeley
Received on: 03-27-96
Tap chi cong san : C quan ly luan va chinh tri ca dang cong san Viet-Nam

4
2-1996

Digitized by Google

Chúc mừng năm mới

Xuân Bính Tý
1996

LÊ ĐỨC ANH
Chủ tịch
nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam

Nhân dịp năm mới 1996 và Tết cổ truyền Bính Tý, Ba biên tập Tạp chí Cộng sản trân trọng gửi đến các đồng chí và các bạn lời chúc mừng tốt đẹp nhất. Kính chúc các đồng chí, các bạn cùng gia đình dồi dào sức khỏe, hạnh phúc và đạt nhiều thành tích mới.

TẠP CHÍ CỘNG SẢN

Digitized by Google

Tạp chí Cộng sản

CƠ QUAN LÝ LUẬN VÀ CHÍNH TRỊ CỦA
TRUNG ƯƠNG ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

Số 490 — THÁNG RA TẠI KỲ

BỘ BIÊN TẬP : *1 Nguyễn Thượng Hiền, Hà nội - Dây nói : 252061 - 252062*
Cơ quan thường trú tại miền Nam : *19 Phạm Ngọc Thạch, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh - Dây nói : 225768*

MỤC LỤC

TIẾN TỚI ĐẠI HỘI ĐẠI BIỂU TOÀN QUỐC LẦN THỨ VIII CỦA ĐẢNG

• Hội thảo *"Một số vấn đề về định hướng xã hội chủ nghĩa ở nước ta"*
ĐẶNG XUÂN KỲ - Vững bước đi con đường xã hội chủ nghĩa 3
BÙI NGỌC THANH - Không có sự lựa chọn nào khác 7
NGUYỄN KHẮC HIẾN - Kinh tế thị trường và định hướng xã hội chủ nghĩa có đối lập nhau không ? 12
NGUYỄN VĂN OÁNH - Về khái niệm "định hướng xã hội chủ nghĩa" 16
VŨ HIỀN - Cục diện mới và định hướng đi lên của đất nước 20

NHÂN KỶ NIỆM 55 NĂM NGÀY BÁC HỒ VỀ NƯỚC (1941 - 1996)

TRẦN BẠCH ĐẰNG - Nguyễn Ái Quốc về nước 25

NGHIÊN CỨU - TRAO ĐỔI

VŨ ĐÌNH CỰ - Hệ thống công nghệ mới và xu thế thời đại 28
ĐỖ KIM THỊNH - Yếu tố mới đang sống động trong đời sống văn hóa ở cơ sở 34

THỰC TIỄN - KINH NGHIỆM

HỒ TẾ- Chính sách tài chính quốc gia giai đoạn 1996 - 2000 37
ĐỖ QUANG TRUNG - Phát triển nhanh, bền vững và lành mạnh du lịch Việt nam trong tiến trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước 42
NGUYỄN TRÍ LIỄN - Tổng công ty dầu mỏ và khí đốt Việt nam trong cơ chế thị trường 46
NGUYỄN NGỌC KHOA - Bước tiến mới của đảng bộ huyện Thanh oai 50

SINH HOẠT TƯ TƯỞNG

HOÀNG TIẾN - Bài học cho "mùa đại hội" 53

THẾ GIỚI : VẤN ĐỀ, SỰ KIỆN

TRẦN TRỌNG - Nền hòa bình nóng thời hậu chiến tranh lạnh 55

QUA SÁCH BÁO NƯỚC NGOÀI

*** Có một phương thức châu Á không ? 57

TÌM HIỂU KHÁI NIỆM

Tín ngưỡng. Tôn giáo. Mê tín dị đoan 59

TIN HOẠT ĐỘNG LÝ LUẬN - THỰC TIỄN

• Hội nghị tổng kết hoạt động của Ủy ban kiểm tra các cấp nhiệm kỳ 1991 - 1995 60
• Liên hoan phim truyền hình toàn quốc năm 1996 61

Bìa 1 : *Mùa xuân đất nước* — **Ảnh** : TTXVN

Digitized by Google

СОДЕРЖАНИЕ

К 8ому Всенациональному Съезду Партийных Представителей. Семинар : " Некоторые проблемы социалистической ориентации в нашей стране". ДАНГ СУАН КЙ - Твердо шагать по пути социализма. БУЙ НГОК ТХАНЬ - Другого выбора нет. НГУЕН ХАК ХИЕН - Противоречит ли рыночная экономика социалистической ориентации ? НГУЕН ВАН ОАНЬ - О понятии "социалистическая ориентация". ВУ ХИЕН - Новая обстановка и поступательные ориентации страны. По случаю 55-летия со дня возвращения Хо Ши Мина на родину - ЧАН БАТЬ ДАНГ - Возвращение Нгуен Ай Куока на родную страну. Обсуждение - обмен мнениями. ВУ ДИНЬ КЫ - Новая индустриальная сигема и тенденции современности. ДО КИМ ТХИНЬ - Новый элемент, оживленный в культурной жизни в базовых организациях и предприятиях. Практика - опыт. ХО ТЕ - Национальная финансовая политика за 1996 - 2000 период. ДО КУАНГ ЧУНГ - Ускорять стабильный, без негативных черт процесс развития вьетнамского туризма по ходу индустриализации и модернизации страны. НГУЕН ЧИ ЛИЕН - Генеральная вьетнамская нефтяная и газовая компания при рыночном механизме. Мир : Проблемы, события - ЧАН ЧОНГ - Горячий мир в период после холодной войны.

CONTENTS

Towards the 8th National Congress of the Party's delegates. Seminar "Several problems on the socialist orientation in our country". ĐẶNG XUÂN KỲ - Marching firmly on the way chosen by the socialism. BÙI NGỌC THANH - There is no other option. NGUYỄN KHẮC HIỀN - The market economy and the socialist orientation, are they contradictory to each other ? NGUYỄN VĂN OÁNH - On the conception "socialist orientation". VŨ HIỀN - New complexion and the country's orientation forward. *On the occasion of the 55th anniversary of Uncle Ho's Return to the Fatherland.* TRẦN BẠCH ĐẰNG - Nguyen Ai Quoc returning to the Fatherland. *Research - Exchange of views* VŨ ĐÌNH CỰ - The new industrial system and the tendency of the time. ĐỖ KIM THỊNH - A vivid and new factor in the cultural life at grassroots. *Practice - Experience* HỒ TẾ - The national financial policy in the period 1996 - 2000. ĐỖ QUANG TRUNG - Ensuring a rapid, stable and healthy development of the Tourism of Vietnam in the course of industrialisation and modernisation of the country. NGUYỄN TRÍ LIỄN - The general corporation of oil and gas of Vietnam in the market mechanism. *The World : Its Problems and Facts* TRẦN TRỌNG - A hot peace after the cold war.

SOMMAIRE

Vers le VIIIe Congrès national du Parti Séminaire "Quelques problèmes sur l'orientation socialiste dans notre pays". ĐẶNG XUÂN KỲ - Marchons à pas sûrs dans la voie socialiste. BÙI NGỌC THANH - Il n'y a pas d'autre choix. NGUYỄN KHẮC HIỀN - L'économie de marché et l'orientation socialiste sont-elles en opposition ? NGUYỄN VĂN OÁNH - Sur la conception d' "orientation socialiste". VŨ HIỀN - Nouvelle physionomie et orientation du pays. *À l'occasion de 55è anniversaire du retour au Vietnam du Président Ho Chi Minh.* TRẦN BẠCH ĐẰNG - Le retour de Nguyễn Ái Quốc à la patrie. *Etudes - Echanges de vue* VŨ ĐÌNH CỰ - Nouveau système industriel et tendance de l'époque. ĐỖ KIM THỊNH - De nouveaux facteurs vivants dans la vie culturelle à la base. *Pratique - Expériences* HỒ TẾ - Sur la politique nationale financière pour l'étape 1996 - 2000. ĐỖ QUANG TRUNG - Pour un développement rapide, solide et sain du tourisme au Vietnam dans l'oeuvre d'industrialisation et de modernisation du pays. NGUYỄN TRÍ LIỄN - La Compagnie générale des Hydrocarbures du Vietnam dans le mécanisme de marché. *Le monde : Problèmes, évenements.* TRẦN TRỌNG - Une paix chaude dans l'après-guerre froid.

SUMARIO

Hacia el Octavo Congreso Nacional del Partido * Simposio "Algunos problemas sobre la orientación socialista en Vietnam". ĐẶNG XUÂN KỲ - Marchamos con pasos seguros en el camino socialista. BÙI NGỌC THANH - No hay otra alternativa ! NGUYỄN KHẮC HIỀN - ¿Están en oposición la economía de mercado y la orientación socialista ? NGUYỄN VĂN OANH - Sobre el concepto "la orientación socialista". VŨ HIỀN - La nueva fisonomía y la orientación de avance del país. *Con motivo del 55 aniversario del regreso del T'io Ho al país.* TRẦN BẠCH ĐẰNG - El regreso de Nguyen Ai Quoc al país. *Estudios - Intercambios.* ĐÌNH CỰ - El sistema de nueva industria y la tendencia de época. ĐỖ KIM THỊNH - Los nuevos factores en la vida cultural de las bases. Realidad - experiencias. HỒ TẾ - La política nacional de finanzas del período 1996 - 2000. ĐỖ QUANG TRUNG - Desarrollar de manera rápida, segura y sana el turismo vietnamita en el progreso de la industrialización y modernización del país. NGUYỄN TRÍ LIỄN - La Compañía General de petróleo y gas de Vietnam en el mecanismo de mercado. *El Mundo : problemas y acontecimientos* TRẦN TRỌNG - La paz caliente en el período de post-guerra fría.

目錄

●迎接黨第八次全國代表大會 ★★★ "有關確定我國社會主義方向的一些問題"的研討會● 鄧春其：《沿著社會主義道路穩步前進》● 裴玉清：《沒有任何其他的選擇》● 阮克賢：《市場經濟與確定社會主義方向是否相對立》● 阮文聲：《關于確定社會主義方向的概念》● 武賢：《國家新局面及其發展方向》● 紀念胡志明主席回國55周年 ★★★ 陳白騰：《阮愛國返回祖國》● 研究 —— 交換 ★★★ 武廷玨：《新工業系統及時代的趨勢》● 杜金盛：《在基層的文化生活中涌現充滿活力的新因素》● 實踐 —— 經驗 ★★★ 胡濟：《1996年至2000年國家財政政策》● 杜光中：《在國家工業化、現代化發展中正快速、穩定、健康發展的越南旅游業》● 阮智聯：《市場機制中的石油、液化石油氣總公司》● 世界：問題 —— 事件 ★★★ 陳伸：《冷戰結束後的和平熱》

Digitized by Google

HỘI THẢO "MỘT SỐ VẤN ĐỀ VỀ ĐỊNH HƯỚNG XÃ HỘI CHỦ NGHĨA Ở NƯỚC TA"

Lời BBT : *Nhân dịp kỷ niệm lần thứ 66 Ngày thành lập Đảng cộng sản Việt nam và thiết thực góp phần chuẩn bị Đại hội VIII của Đảng, ngày 26-1-1996 Bộ biên tập* ***Tạp chí Cộng sản*** *đã tổ chức cuộc Hội thảo "Một số vấn đề về định hướng xã hội chủ nghĩa ở nước ta". Đây là một chủ đề quan trọng, có ý nghĩa cả trên phương diện lý luận và thực tiễn, được toàn đảng, toàn dân ta rất quan tâm. Tham gia Hội thảo có các đồng chí :* **Đặng Xuân Kỳ**, *GS, Ủy viên Trung ương Đảng, Viện trưởng Viện nghiên cứu chủ nghĩa Mác - Lê-nin và tư tưởng Hồ Chí Minh ;* **Nguyễn Duy Quý**, *GS, TS, Ủy viên Trung ương Đảng, Giám đốc Trung tâm khoa học xã hội và nhân văn quốc gia :* **Vũ Mão**, *Ủy viên Trung ương Đảng, Chủ nhiệm Văn phòng Quốc hội, cùng nhiều giáo sư, tiến sĩ, phó tiến sĩ, các nhà nghiên cứu lý luận đầu đàn, các cán bộ biên tập của Tạp chí Cộng sản. Hơn 30 bản tham luận đã gửi đến Hội thảo.*

Sau báo cáo đề dẫn của PGS, PTS **Nguyễn Phú Trọng**, *Ủy viên Trung ương Đảng, Tổng biên tập Tạp chí Cộng sản, nhiều đồng chí đã trình bày tham luận của mình và sôi nổi thảo luận một số vấn đề về khái niệm, nội dung, cũng như việc vận dụng "định hướng xã hội chủ nghĩa" trong công cuộc đổi mới ở nước ta. Các tham luận và các ý kiến phát biểu đã quán triệt thêm một bước* **sáu đặc trưng** *của chủ nghĩa xã hội và* **bảy giải pháp lớn** *xây dựng xã hội xã hội chủ nghĩa ở nước ta mà Đại hội VII của Đảng đã nêu lên trong Cương lĩnh chính trị ; khẳng định đây là* **định hướng** *rất đúng đắn đã đưa đất nước ta vượt qua khủng hoảng, đi vào thế ổn định và phát triển, thực hiện công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước ; phê phán những quan điểm sai trái và xuyên tạc định hướng xã hội chủ nghĩa.*

Bắt đầu từ số này, ***Tạp chí Cộng sản*** *xin giới thiệu một số bài tham gia Hội thảo để bạn đọc tham khảo.*

VỮNG BƯỚC ĐI CON ĐƯỜNG XÃ HỘI CHỦ NGHĨA

ĐẶNG XUÂN KỲ *

TRONG thập kỷ 80, khi công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội ở tất cả các nước xã hội chủ nghĩa rơi vào tình trạng trì trệ và khủng hoảng, Đảng ta vẫn khẳng định: *con đường đi lên của đất nước ta không thể có con đường nào khác ngoài con đường xã hội chủ nghĩa.* Vấn đề chủ yếu là nhận thức cho đúng về chủ nghĩa xã hội, loại bỏ những sai lầm đã mắc phải trước kia để đưa chủ nghĩa xã hội ra khỏi khủng hoảng và tiếp tục giành những thắng lợi ngày càng to lớn hơn. Phải đổi mới tư duy, phải tự tìm ra những hình thức, biện pháp , bước đi thích hợp để đưa sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội

* GS, Viện trưởng Viện nghiên cứu chủ nghĩa Mác - Lê-nin và tư tưởng Hồ Chí Minh

Digitized by Google

tiến lên phía trước, phù hợp với quy luật khách quan và những điều kiện lịch sử cụ thể của nước ta, đấy là mệnh lệnh của cuộc sống, đấy là vấn đề có ý nghĩa sống còn.

Khi chế độ xã hội chủ nghĩa ở Đông Âu và Liên xô sụp đổ, Cương lĩnh của Đảng cộng sản Việt nam vẫn là Cương lĩnh của cả một dân tộc quyết xây dựng đất nước quá độ lên chủ nghĩa xã hội. Trong lúc chủ nghĩa xã hội thế giới lâm vào thoái trào, biết bao nhiêu chao đảo trong đầu óc cùng với những thoái lui, trốn chạy, chối bỏ đối với chủ nghĩa xã hội đang lan tràn ở nhiều người, ở nhiều nước, thì sự khẳng định ấy đã thể hiện một bản lĩnh chính trị vững vàng của Đảng và nhân dân ta trước những thử thách chưa từng thấy.

Những đảo lộn ở Liên xô và Đông Âu đã tác động đến không ít người ở nước ta, gây nên tâm trạng băn khoăn lo lắng, hay hoài nghi, dao động về chủ nghĩa xã hội. Thậm chí có người đã phản bội lại niềm tin, lý tưởng, con đường mà họ đi theo gần hết cả cuộc đời. Họ đã xuyên tạc, bôi nhọ lịch sử, bôi nhọ những hy sinh của hàng triệu con người ở nhiều thế hệ nối tiếp nhau. Họ đã sám hối và yêu cầu Đảng cũng sám hối. Họ đòi hỏi Đảng từ bỏ vai trò lãnh đạo sự nghiệp xây dựng đất nước và hãy để công việc ấy cho họ và những người hoàn toàn vắng mặt khi nhân dân ta kháng chiến chống ngoại xâm, thậm chí cho cả những kẻ đã chống lại kháng chiến, chống lại nhân dân trong nhiều năm trước. Họ hết lời ca ngợi chủ nghĩa tư bản, chủ nghĩa xã hội dân chủ, ca ngợi những gì mà không ít người ở phương Tây đã phải lên án, đã thấy bế tắc không thể giải quyết nổi. Họ còn thách thức Đảng ta : nếu không từ bỏ vai trò lãnh đạo, từ bỏ chủ nghĩa xã hội, thì Mỹ sẽ không bỏ cấm vận, không bình thường hóa quan hệ ngoại giao, các nước sẽ không quan hệ làm ăn với ta, đất nước sẽ sụp đổ, nhân dân sẽ không chấp nhận Đảng, không chấp nhận chủ nghĩa xã hội, và khi đó họ sẽ "đứng về phía nhân dân" để chống lại chế độ, để làm lại từ đầu (!)

Những thành tựu to lớn của công cuộc đổi mới trong những năm qua là sự bác bỏ đanh thép nhất đối với những lời "tiên tri", mà thực chất chỉ là những mơ tưởng ngông cuồng và hão huyền của một số rất ít người đã phản bội lại sự nghiệp của Đảng và của nhân dân. Mặc cho họ tung ra hết "tuyên bố" này đến "tuyên bố" khác, hết bài nọ đến bài kia, viết những cuốn sách khá dày, gào thét trên các phương tiện thông tin đại chúng ở phương Tây hoặc in lậu tán phát trong một số người trong nước, thì "*đường ta, ta cứ đi*", con đường xây dựng đất nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa lại càng được khẳng định, cuộc sống vẫn thay đổi từng ngày ; nhân dân càng tin tưởng vào Đảng, vào con đường xã hội chủ nghĩa đã lựa chọn. Những thế lực đỡ đầu cho họ đã không dám làm theo những gì mà họ mong muốn, cầu xin, hy vọng. Dù chúng có muốn kết hợp để làm "diễn biến" gì chăng nữa, thì sự vững vàng của Đảng, sự cảnh giác của nhân dân, sự tha thiết của mọi người Việt nam yêu nước đối với sự nghiệp đổi mới của mình, đang tạo nên sức mạnh không gì lay chuyển được. Đổi mới để làm cho dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, văn minh. Đổi mới để chúng ta thực hiện trọn vẹn mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội. Đổi mới để đất nước ta ngày càng tiến nhanh lên phía trước và những thành tựu trong đổi mới của Việt nam thực sự là những đóng góp vào phong trào cách mạng thế giới, đang được cả thế giới theo dõi và bạn bè gần xa cổ vũ, hoan nghênh.

Đối với mục tiêu *độc lập dân tộc* thì đến ngay cả những kẻ bám theo đế quốc thực dân cũng không dám công khai phản đối. Chúng phải che giấu bộ mặt thật của chúng bằng một thứ độc lập giả hiệu, bằng cách tô vẽ cho một thứ độc lập không có thật. Sự giả dối bao giờ cũng là bản chất của những kẻ bất lương, những tên tay sai, những loại phản bội. Có kẻ đã tuyên bố hung hăng là vạch rõ "mặt thật" của người này người khác, của Đảng, nhưng khi đã đi vào con đường vu khống, xuyên tạc sự thật thì cái "mặt thật" mà họ định vạch ra cho mọi người thấy lại là cái mặt thật của chính họ, của chính những

Digitized by Google

kẻ giả dối. Còn *chủ nghĩa xã hội,* tại sao lại là mục tiêu gắn liền với độc lập dân tộc, mà Hồ Chí Minh đã lựa chọn từ những năm 20 của thế kỷ này ? Hay như đồng chí Phạm Văn Đồng nói, tại sao *độc lập dân tộc* và *chủ nghĩa xã hội* lại là ngọn cờ sóng đôi, là mục tiêu sóng đôi của dân tộc Việt nam. Tại sao mục tiêu sóng đôi ấy đã được đặt ra khi chủ nghĩa xã hội chỉ mới được thực hiện một phần nào đó ở Liên xô, và mục tiêu sóng đôi ấy vẫn được khẳng định khi chủ nghĩa xã hội tạm thời rơi vào thoái trào như hiện nay ? Phải chăng sự lựa chọn của chủ nghĩa xã hội trên 70 năm trước chỉ là sự lựa chọn trên cơ sở chưa hiểu biết thấu đáo về chủ nghĩa xã hội ? Còn bây giờ việc khẳng định chủ nghĩa xã hội lại do bảo thủ, giáo điều, thấy sai không chịu sửa, do Đảng không muốn từ bỏ vai trò lãnh đạo, do khẳng định chỉ là khẳng định bên ngoài, còn đã từ bỏ từ bên trong? Như các thế lực thù địch và những kẻ phản bội đã rêu rao trong những năm gần đây.

Hoàn toàn không phải như vậy.

Lịch sử đã đem lại những câu trả lời rất rõ ràng. Tất cả những nhà yêu nước của Việt nam thuộc lớp trước và cùng thời với Hồ Chí Minh, do hạn chế về nhận thức và lập trường tư tưởng, đã không đến được với chủ nghĩa Mác - Lê-nin và chủ nghĩa xã hội, dù đã hy sinh cả đời nhưng không tìm thấy con đường cứu nước nên đã đành chịu thất bại. Phan Bội Châu, Phan Chu Trinh đã phải thừa nhận điều đó. Còn Hồ Chí Minh, do lăn lộn trong phong trào công nhân và phong trào giải phóng dân tộc, do thiên tư đặc biệt của mình, đã vượt lên phía trước, từ chủ nghĩa yêu nước đã đi đến chủ nghĩa Mác - Lê-nin và chủ nghĩa xã hội, tìm thấy ở học thuyết cách mạng và khoa học ấy con đường giải phóng dân tộc. Người đã thấy cách mạng nào "không đến nơi" để tránh, cách mạng nào "đến nơi" để theo. Từ đó cách mạng Việt nam phải đi theo con đường cách mạng vô sản bằng việc tiến hành cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân và tiến lên cách mạng chủ nghĩa xã hội, dưới sự lãnh đạo của Đảng cộng sản - Đảng của giai cấp công nhân, nhưng là đại biểu trung thành lợi ích của giai cấp công nhân, nhân dân lao động và của cả dân tộc Việt nam. Chỉ có đi theo con đường ấy, cách mạng Việt nam mới có thể là cách mạng "đến nơi", có nghĩa là mới thực hiện được sự nghiệp giải phóng dân tộc, giải phóng xã hội, giải phóng con người hoàn toàn và triệt để, mới vĩnh viễn xóa bỏ được áp bức, bóc lột, bất công trên đất nước này.

Không có gì quý hơn độc lập tự do. Độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội. Đó là điểm cốt lõi của tư tưởng Hồ Chí Minh. Theo Người, nếu nước được độc lập mà nhân dân không được hưởng hạnh phúc, tự do thì độc lập cũng chẳng có nghĩa lý gì. Vì vậy, giành được độc lập dân tộc rồi, nhất định phải tiến lên chủ nghĩa xã hội. Sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội càng giành được thắng lợi thì độc lập dân tộc càng bền vững. Chủ nghĩa xã hội, theo đúng học thuyết Mác - Lê-nin là chế độ xã hội xóa bỏ đến tận gốc rễ tình trạng người bóc lột người và tất cả những gì đã đưa đến tình trạng ấy ; là chế độ xã hội đem lại tự do hạnh phúc thực sự cho con người. Từ trước đến nay, chưa có một học thuyết chính trị - xã hội nào đã đặt ra được vấn đề, khám phá ra được những quy luật khách quan của sự vận động của lịch sử, để tìm cách giải quyết được vấn đề giải phóng cho con người và phát triển xã hội như học thuyết Mác - Lê-nin. Chủ nghĩa xã hội khoa học với tính chất là học thuyết đã chứa đựng những ước mơ, những hoài bão của cả loài người về một xã hội đại đồng, bốn biển đều là anh em, trong đó *tự do - bình đẳng - bác ái* không còn là khẩu hiệu suông mà là hiện thực của cuộc sống, một học thuyết đã trở thành cơ sở lý luận và phương pháp luận cho cuộc đấu tranh của nhân loại để đi tới một xã hội như vậy.

Hồ Chí Minh không phải đọc hết sách của Mác - Lê-nin rồi mới tin theo chủ nghĩa Mác - Lê-nin, không phải nghiên cứu thật đầy đủ về chủ nghĩa xã hội rồi mới tin theo chủ nghĩa xã hội. Lúc đầu, Người tin theo chủ nghĩa Mác - Lê-nin và chủ nghĩa xã hội, bởi vì chỉ có học thuyết của các ông mới đặt ra vấn đề ủng hộ cuộc đấu tranh của các dân

Digitized by Google

tộc thuộc địa, vạch ra con đường mà các dân tộc phải vượt qua, điều mà Người không tìm thấy ở bất cứ học thuyết nào khác. Càng triển khai các hoạt động cách mạng thực tiễn, Người càng ra sức đi sâu nghiên cứu về chủ nghĩa Mác - Lê-nin và chủ nghĩa xã hội. Cho đến cuối đời, Người vẫn khẳng định chỉ có chủ nghĩa xã hội, chủ nghĩa cộng sản mới đem lại sự giải phóng hoàn toàn và triệt để cho dân tộc, cho xã hội và cho con người.

Mọi người Việt nam yêu nước đều đã theo con đường Hồ Chí Minh, đã đi từ chủ nghĩa yêu nước đến với chủ nghĩa Mác - Lê-nin và chủ nghĩa xã hội ; hơn nữa, số đông lại thông qua Hồ Chí Minh để đến với chủ nghĩa xã hội, chủ nghĩa Mác - Lê-nin. Hiểu thấu đáo chủ nghĩa Mác - Lê-nin, chủ nghĩa xã hội không phải ở chỗ thuộc sách của Mác-Lê-nin, mà điều chủ yếu là làm sao quán triệt được tinh thần cách mạng và khoa học, tinh thần biện chứng và nhân văn, cũng như lập trường, quan điểm của học thuyết ấy, biết vận dụng sáng tạo và phát triển học thuyết ấy trong những điều kiện lịch sử mới. Toàn bộ cuộc đời hoạt động cách mạng của Hồ Chí Minh đã chứng minh điều đó.

Chủ nghĩa xã hội hiện thực ra đời sau Cách mạng Tháng Mười Nga(năm 1917)và tồn tại từ đó trở đi, dù có sai lầm khuyết điểm đến đâu đi nữa, cũng đã làm nên những thành tựu có ý nghĩa lịch sử và thời đại vô cùng to lớn, mà mọi sự xuyên tạc vu khống đều không thể xóa bỏ được. Sự đổ vỡ của chế độ xã hội chủ nghĩa ở các nước Đông Âu và Liên xô không phải là sự đổ vỡ của chủ nghĩa xã hội khoa học với tính chất là học thuyết, mà là do sai lầm của những người lãnh đạo cụ thể và của những đảng cụ thể đã kéo dài trong nhiều năm, đã làm cho chủ nghĩa xã hội hiện thực rơi vào tình trạng khủng hoảng ; thêm vào đó, những kẻ phản bội ở bên trong kết hợp với những thế lực thù địch bên ngoài đã xô đẩy tình trạng khủng hoảng ấy đến chỗ làm sụp đổ cả một chế độ xã hội đã được xây dựng suốt mấy chục năm.

Xuất phát từ quan điểm lịch sử cụ thể, quan điểm thực tiễn, quan điểm phát triển, Đảng ta đã phân tích một cách khách quan, khoa học các sự kiện đã xảy ra, nhìn thẳng vào sự thật những gì đã làm được, cũng như chưa làm được, vạch đúng nguyên nhân, tìm ra giải pháp khắc phục, kiên quyết đổi mới, đổi mới có nguyên tắc để vừa không xa rời định hướng xã hội chủ nghĩa, lại vừa từ thực tiễn rút ra những kết luận mới bổ sung cho lý luận về chủ nghĩa xã hội. Đó chính là điều Hồ Chí Minh từ lâu đã đặt ra đối với những người cộng sản, những người cách mạng Việt nam. Đó cũng là thắng lợi rất to lớn mà chúng ta đã giành được trong 10 năm đổi mới vừa qua.

Nếu muốn bảo vệ những gì đã lỗi thời, trái với quy luật của cuộc sống, thì dù có cố gắng đến mấy cũng nhất định thất bại. Thực tiễn là tiêu chuẩn của chân lý. Thực tiễn đổi mới giờ đây đã đưa đất nước chúng ta ra khỏi khủng hoảng, những nhiệm vụ cơ bản của chặng đường đầu của thời kỳ quá độ đã được hoàn thành. Nước ta đang bước vào thời kỳ phát triển mới, công nghiệp hóa, hiện đại hóa đầy triển vọng. Chúng ta sẽ không bao giờ từ bỏ những gì thuộc về bản chất của chủ nghĩa xã hội, mà chỉ từ bỏ những gì không phù hợp hoặc xa lạ với bản chất đó.

Xây dựng chủ nghĩa xã hội là một sự nghiệp to lớn, lâu dài, không thể làm được tất cả trong một thời gian ngắn. Như Lê-nin đã chỉ rõ, thời kỳ quá độ là thời kỳ vừa có chủ nghĩa xã hội, lại vừa chưa có chủ nghĩa xã hội đầy đủ. Những nhân tố xã hội chủ nghĩa và không phải xã hội chủ nghĩa còn đan xen nhau. Công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội càng tiến lên phía trước, những nhân tố xã hội chủ nghĩa ngày càng nhiều, những gì không phải hoặc trái ngược với chủ nghĩa xã hội ngày càng giảm. Cuộc đấu tranh ấy đang diễn ra trong công cuộc đổi mới hiện nay. Sự vận động biện chứng ấy đang khẳng định con đường đi lên chủ nghĩa xã hội của đất nước ta là con đường hợp quy luật. Mục tiêu dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, văn minh đang từng bước được thực hiện với những thành tựu ngày càng to lớn hơn ❑

Digitized by Google

KHÔNG CÓ SỰ LỰA CHỌN NÀO KHÁC

BÙI NGỌC THANH *

CÓ một câu hỏi thường đặt ra là : "Ngoài những con đường mà chúng ta đã biết là chủ nghĩa tư bản, chủ nghĩa xã hội dân chủ và chủ nghĩa xã hội, có còn con đường nào khác để đưa đất nước ta đến chỗ dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng và văn minh không ?" Tôi xin tham gia một số ý kiến về vấn đề này.

Về chủ nghĩa tư bản thì với mức độ khác nhau, hầu như ai cũng đã biết, nhưng về chủ nghĩa xã hội dân chủ, thì có thể còn có người chưa thật sự tường minh. Vì vậy, trước khi nói về sự lựa chọn con đường nào, xin được dành đôi lời bàn về bản chất của chủ nghĩa xã hội dân chủ. Vào những năm 1848 - 1849, ý tưởng "xã hội dân chủ" đã xuất hiện trong phong trào đấu tranh của giai cấp tư sản chống lại chủ nghĩa phong kiến ở Đức. Nhưng phải đến năm 1869, những người theo ý tưởng này mới thành lập được "đảng xã hội", sau đó đổi thành "đảng xã hội dân chủ" vào năm 1875. Những năm 70 của thế kỷ 19, khi chủ nghĩa Mác được truyền bá và ngày càng có ảnh hưởng sâu rộng ở một loạt các nước châu Âu như Áo, Đức, Hà lan, Pháp, Đan mạch, Tây ban nha, Thụy sĩ, Anh, Bỉ, Thụy điển, Na uy... thì ý tưởng xã hội dân chủ cũng trở thành một trào lưu trong phong trào công nhân quốc tế, và ở nhiều nước kiểu đảng này đã ra đời. Ngày 14 tháng 7 năm 1889, Quốc tế II được thành lập và ở giai đoạn đầu có những đóng góp đáng kể cho phong trào công nhân quốc tế. Song lịch sử của Quốc tế II là lịch sử đấu tranh giữa hai khuynh hướng: cải lương và cách mạng. Ở nhiều thời kỳ, khuynh hướng cách mạng mác-xít đã giành được những thắng lợi quan trọng nhưng hầu như chưa bao giờ xóa bỏ được quan điểm cải lương, cơ hội. Những người theo chủ nghĩa xã hội dân chủ, cùng lắm là có chủ trương chuyển chủ nghĩa tư bản thành chủ nghĩa xã hội bằng con đường thương lượng, đấu tranh nghị trường. Nhưng rốt cuộc thì họ ngả hẳn về chủ nghĩa tư bản, thậm chí còn "nối giáo cho giặc". Ở các nước Tây Âu, các tổ chức này đã bỏ phiếu thông qua ngân sách của các chính phủ tư sản mở màn cho cuộc chiến tranh thế giới thứ nhất vào năm 1914. Các thủ lĩnh của các đảng xã hội dân chủ đã hoàn toàn từ bỏ lập trường giai cấp công nhân nhảy sang lập trường tư sản, ủng hộ chiến tranh, bảo vệ chế độ tư bản. Lê-nin đã vạch trần sự phản bội đó. Người đã lãnh đạo những người cách mạng kiên định và đã giành được chính quyền ở nước Nga vào năm 1917. Sau chiến tranh thế giới thứ nhất, vào năm 1919 Quốc tế III được thành lập, các đảng xã hội dân chủ ở nhiều nước được tách ra, một bộ phận tiếp tục theo đuổi con đường cải lương, cơ hội, bộ phận khác lập nên đảng cộng sản.

Các đảng xã hội dân chủ tiếp tục tồn tại nhưng trong lòng nó chứa đựng nhiều yếu tố phức tạp, trong đó lập trường cải lương vẫn được duy trì. Họ chủ trương tân trang lại chủ nghĩa tư bản, hoạt động thăng trầm, lay lắt cho đến khi chiến tranh thế giới thứ hai kết thúc thì lại trải qua một sự phân hóa mới. Một số nước Đông Âu đi lên chủ nghĩa xã hội, đảng xã hội dân chủ ở những nước này bị biến động mạnh. Một bộ phận chạy ra nước ngoài lập các đảng lưu vong, bộ phận còn lại sáp nhập vào đảng cộng sản, nhưng các đảng viên xã hội dân chủ cũ vẫn giữ nguyên quan điểm cải lương. Do vậy, trong nội bộ các đảng cộng sản Đông Âu vẫn luôn luôn tồn tại hai bộ phận, hai khuynh hướng. Chính đây là nguy cơ phản trắc tiềm ẩn của các đảng đó và như chúng ta đã biết, tai họa đã ập đến vào những năm 1989 - 1991 ở các nước xã hội chủ nghĩa Đông Âu và Liên xô, các đảng cộng sản đã bị tan

* PTS. Phó chủ nhiệm Ủy ban các vấn đề xã hội của Quốc hội

Digitized by Google

rã. Những người xã hội chủ nghĩa dân chủ đang cố tìm lại để hòa nhập vào con đường tư bản chủ nghĩa. Báo "Công khai" (Nga) số ra ngày 18-7-1995 đã viết : "Mục đích chống cộng, chống Xô viết của những người "dân chủ" không phải là vì hạnh phúc của nhân dân, vì phát triển xã hội, mà chỉ là để thiết lập chính quyền độc tài của mình, chiếm đoạt tài sản của nhân dân".

Dẫn ra một vài sự kiện lịch sử, chúng ta có thể nói được rằng, chủ nghĩa xã hội dân chủ và chủ nghĩa tư bản cho đến lúc này thực chất chẳng có gì khác nhau.

Vấn đề còn lại là hai con đường xã hội chủ nghĩa và tư bản chủ nghĩa, chúng ta chọn con đường nào ? Câu hỏi này đã được trả lời từ khi Đảng cộng sản Việt nam ra đời và được khẳng định lại nhiều lần là không có sự lựa chọn nào khác ngoài con đường xã hội chủ nghĩa mà chủ nghĩa Mác - Lê-nin và tư tưởng Hồ Chí Minh là nền tảng.

Mục tiêu của chúng ta là "dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, văn minh". Đó là mục tiêu chiến lược, trong đó bốn yếu tố luôn luôn phải đi liền với nhau, không được biệt lập, không được cắt khúc, mỗi thời gian phải đạt đến một trình độ cao hơn và phải phấn đấu bền bỉ trong một thời gian lâu dài mới hoàn thiện được.

Có người ngộ nhận rằng *giàu mạnh, văn minh* thì chủ nghĩa tư bản đã đạt tới lâu rồi, đến bây giờ chúng ta mới đặt ra là quá lạc hậu. Xin thưa : *không phải như thế*. Nhiều nước tư bản giàu có thật nhưng nhất quyết không phải là "*dân giàu*" mà chỉ là *một nhóm người giàu*. Xin được nêu ra vài "khuôn mặt" cũ, mới quen thuộc. Nước Mỹ có tuổi đời 220 năm vẫn được một số người mệnh danh là nước giàu nhất thế giới, nhưng người ta đã buộc phải hỏi : "Sự giàu có của nước Mỹ thuộc về ai vậy ? Một khi 30 triệu dân da đen hoàn toàn bị bỏ rơi, năm 1993 có tới 37,5 triệu người sống dưới mức nghèo khổ, tăng 12,5 triệu người so với năm 1970"[1], còn hiện nay "20% người giàu chiếm 85% tài sản của nước Mỹ, 80% dân số còn lại chia nhau 15% tài sản quốc gia. Với số người đói khổ ngày càng đông như vậy, Chính phủ Mỹ phải giao cho một số nhà thờ mỗi tuần có một bữa ăn kiểu phát chẩn cho người nghèo" [2].

Rõ ràng dưới chủ nghĩa tư bản không bao giờ có khái niệm "*dân giàu*" mà chỉ có khái niệm *"người giàu"* và chính đây là "điểm dừng" của nó. Bởi vì nếu mở rộng phạm vi "người giàu" thành "dân giàu" thì sẽ không còn là chủ nghĩa tư bản. Đúng như Mác đã chỉ ra là các nhà tư bản không thể làm giàu trên lưng nhau được mà chỉ có thể làm giàu bằng "nghệ thuật" bóc lột nhân dân lao động và càng hiện đại thì "nghệ thuật" bóc lột càng tinh vi.

Còn *văn minh* của chủ nghĩa tư bản thì sao? Nó phải được xem xét ít nhất trên hai mặt. Một mặt, theo đúng học thuyết Mác - Lê-nin về sự tiến hóa của nhân loại thì không ai chối cãi được điều này. Loài người đã và đang trải qua năm hình thái xã hội (công xã nguyên thủy, chiếm hữu nô lệ, phong kiến, tư bản chủ nghĩa và xã hội chủ nghĩa). Hình thái xã hội sau bao giờ cũng văn minh, tiến bộ hơn hình thái xã hội trước, điều đó là tất yếu. Nhưng mặt thứ hai khi nói đến nền văn minh tư bản cao hơn các nền văn minh của các xã hội trước, thì cần phải nhớ rằng bản thân xã hội tư bản có những khuyết tật cố hữu (không thể nào khắc phục được) do bản chất của chính nó tạo ra. Một xã hội mà lấy bóc lột giá trị thặng dư, lấy khối lượng lợi nhuận tước đoạt được làm điều kiện tiên quyết cho sự tồn tại của mình thì không thể nào khác là sinh ra bất bình đẳng, bất công và tàn bạo. Mác đã vạch trần tính chất tàn bạo của sự bóc lột tư bản chủ nghĩa, đó là bóc lột trên cơ sở người lao động bị buộc phải lệ thuộc hoàn toàn về kinh tế ; phương pháp bóc lột hết sức tinh vi và xảo quyệt ; khát vọng bóc lột là khôn cùng, không có giới hạn. Mác nói rằng tư bản ghét cay ghét đắng tình trạng không có lợi nhuận hay có quá ít lợi nhuận, chẳng khác gì giới tự nhiên ghê sợ chân không. Lợi nhuận mà thích đáng thì tư bản trở thành can đảm ; lợi nhuận mà bảo đảm được 10% thì người ta có thể dùng được tư bản ở khắp nơi, bảo đảm được 20% thì nó táo bạo không biết sợ là gì ; bảo đảm được 100% thì

(1) Theo đề tài cấp nhà nước. KX 08-04 : "Chính sách xã hội nông thôn"

(2) Tài liệu của Việt kiều sống tại Mỹ

Digitized by Google

nó chà đạp lên tất cả mọi luật lệ của loài người; bảo đảm được 300% thì nó chẳng từ một tội ác nào mà không dám phạm, thậm chí có bị treo cổ nó cũng không sợ. Đối với nhà tư sản việc sản xuất ra sữa để nuôi lớn trẻ em hay chế tạo ra súng đạn để hủy diệt sự sống, điều đó không quan trọng mà cái quan trọng hơn là sản xuất cái gì cho lợi nhuận nhiều hơn.

Xã hội tư bản giữa thế kỷ 19 là như thế. Còn xã hội tư bản cuối thế kỷ 20 thì sao ? Có thể thấy ngay được là, bất công, tàn bạo tiếp tục được khuếch đại với cường độ mạnh. Chúng ta hãy nghe người Pháp nói về nền văn minh của nước Mỹ : "Ở Mỹ tội ác tăng khủng khiếp, cứ 20 phút có một vụ giết người, mỗi năm có 2,5 vạn người bị giết ; 14,5 triệu người nghiện ma túy thường xuyên ; đồng tính luyến ái, mẹ độc thân (không chồng mà có con) là phổ biến, đã làm cho nước Mỹ da trắng kinh hoàng. Vô sản lưu manh ở thành thị nhiễm đủ thứ thói hư, tật xấu hiện đại (ma túy, nát rượu, bạo lực, loạn luân), trong phần lớn các gia đình người da đen cứ 3 gia đình thì 2 gia đình con không có bố,... con cái đánh đập cha mẹ là chuyện cơm bữa... Một chủ tiệm da trắng giết một nữ sinh da đen thì được tha, còn một người đàn bà da đen đánh một con chó thì bị quy vào tội ngược đãi và phải ngồi tù 3 tháng. 35% dân số nước Mỹ không hề có bất cứ một tí bảo đảm xã hội nào, trong khi đó một ca sinh đẻ phải chi phí 6 000 đô la, nếu bị mổ nằm viện 5 ngày phải chi phí 30 000 đô la. Chính phủ Mỹ không làm bất kỳ việc gì để ngăn chặn ma túy ; hơn thế nữa, họ cố tình cho các chất độc hại này cùng với vũ khí lưu hành tự do để cộng đồng người da đen tự hủy diệt mình. Đó là một thứ diệt chủng được cân nhắc rất kỹ, một giải pháp cuối cùng được đề ra một cách lạnh lùng bởi những người lãnh đạo của nước Mỹ da trắng. Oen-đen Pho-xtơ, một người da đen ở Niu-Oóc nói rằng : "Chủ nghĩa phân biệt chủng tộc là đặc trưng của nền pháp lý Mỹ, một nền pháp lý không công nhận bất cứ một thứ quyền nào của người da đen, nước Mỹ là một nước hung bạo. Tấn bi kịch Lốt An-giơ-lét chất vấn toàn thể nhân dân... chủ nghĩa phân biệt chủng tộc là một thứ ung thư đang tàn phá chúng ta. Hãy dẹp câu chuyện hoang đường rằng Mỹ là xứ sở của nhân quyền tự do ; đừng có tự mình huyễn hoặc lấy mình nữa. Nếu không ngày mai sẽ còn tệ hại hơn gấp bội."... Nền dân chủ Mỹ đó cũng là sự chuyên chế không tài nào chịu nổi của số đông các nhà chính trị khôn ngoan không hơn không kém..."[4]

Rõ ràng là, khi lột cái vỏ hào nhoáng bên ngoài đi thì sự trần trụi của nền văn minh tư bản hiện đại thật đáng ghê sợ. Một xã hội mà nền văn minh, giàu sang chỉ là của một nhóm người và trên "cơ thể toàn xã hội" còn đầy thương tích, bệnh hoạn thì sức mạnh của cơ thể ấy là rất có giới hạn cả về nội lực và thời gian.

Liệu một xã hội như vậy có đáng được sự ngưỡng mộ và sự lựa chọn của chúng ta ? *Không, không bao giờ, vĩnh viễn chúng ta không bước chân vào con đường đó.*

Nhưng lại có người chất vấn rằng, chủ nghĩa xã hội, con đường mà Việt nam lựa chọn, đã sụp đổ ngay ở quê hương xuất xứ của nó, và cơ chế thị trường mà Việt nam đang thực hiện có phải đã xóa bỏ được các tệ nạn và bóc lột đâu ?

Vâng, chính đó là hai vấn đề cần phải được làm sáng tỏ. *Vấn đề thứ nhất*, các nước xã hội chủ nghĩa Đông Âu và Liên xô sụp đổ nhưng chúng ta vẫn kiên trì con đường xã hội chủ nghĩa. Sự thực thì mô hình chủ nghĩa xã hội ở những nước đó sụp đổ, chứ bản thân chủ nghĩa xã hội không thể bị sụp đổ. Học thuyết Mác - Lê-nin về xây dựng chủ nghĩa xã hội không hề nói chỉ có một mô hình duy nhất nào ; nghĩa là : *tiêu đích* thì được xác định còn *mô hình* và *con đường* đi tới thì không phải là đơn nhất. Vấn đề là lựa chọn xây dựng mô hình và bước đi để đạt tới.

So sánh sau đây có thể là nhỏ bé, thấp tầm, nhưng chúng ta đồng tình vì nó hoàn toàn khách quan : một bài toán có thể có nhiều cách giải. Có những cách giải rườm rà, rất lâu ra kết quả, thậm chí không đi đến kết quả, nhưng cũng có những cách giải ngắn gọn và cho đáp số chính xác. Việc giải sai một bài toán hoặc nhiều bài toán không có nghĩa toán học là sai,

(4) Xem bài "Những nỗi sợ hãi của nước Mỹ" đăng trên báo Pháp **Sự kiện ngày thứ năm** số ra vào trung tuần tháng 12-1993

Digitized by Google

là không có trong đời sống thực tế, trái lại nó đã tồn tại từ cổ xưa và ngày càng được phát triển.

Giải bài toán "hàm nhiều biến" về xây dựng một xã hội mới phức tạp, khó khăn, đồ sộ hơn nhiều. Việc nước này, nước khác giải chưa ra, hoặc đã giải sai ở những bước nào đó của bài toán mà thế giới gọi là "sụp đổ" thì cũng là tình huống có thể xảy ra. Học thuyết Mác - Lê-nin dạy rằng : con đường đi từ một xã hội này sang một xã hội khác không phải là một đoạn thẳng nối từ điểm A đến điểm B, mà là một con đường ngoằn ngoèo, dích dắc, xoáy ốc, và lịch sử sẽ lặp lại ở trình độ cao hơn. Cách mạng tư sản nhằm thiết lập con đường từ chủ nghĩa phong kiến lên chủ nghĩa tư bản cũng nằm trong tính quy luật này. Cách mạng tư sản Anh lật đổ chế độ phong kiến lần đầu thắng lợi vào năm 1649, sau đó bị đổ vỡ, phải làm lại vào những năm 1688 - 1689 (sau 40 năm), rồi lại bị thất bại, mãi đến năm 1832 (sau 143 năm) phải làm lại và mới định hình. Cách mạng tư sản Pháp cũng không kém phần gay go, thắng lợi lần đầu vào năm 1789, sau đó là cả một thời kỳ rối loạn, vào năm 1830 mới giành lại thắng lợi (sau 41 năm) nhưng chỉ được 18 năm, vào năm 1848 lại bị thất bại cho đến năm 1871 (23 năm sau) mới được xác lập. Cách mạng tư sản Đức do "sinh sau đẻ muộn", có rút được bài học của các nước đi trước nhưng cũng không tránh khỏi những trầy trật. Khởi đầu từ năm 1840 đến năm 1848 thì bị thất bại, đất nước vẫn bị chia ra 38 mảnh, mãi 70 năm sau, vào cuối năm 1918, khi nền quân chủ bị lật đổ, chế độ cộng hòa được thiết lập thì chủ nghĩa tư bản ở Đức mới hoàn toàn được xác lập...

Như vậy, nếu tính từ năm 1640 khi giai cấp tư sản Anh phát động cuộc chiến đấu chống lại vua Sác-lơ I đến năm 1918 khi chủ nghĩa tư bản ở Đức định hình, thì cách mạng tư sản thế giới phải đi suốt chiều dài lịch sử tới 278 năm. Hoàn toàn không có chuyện một xã hội mới ra đời và định hình chỉ trong khoảnh khắc. Các xã hội phong kiến, chiếm hữu nô lệ thì con đường đi tới xác lập được là phải hàng ngàn năm và lâu hơn nữa.

Song bài học "vỡ lòng" về cách mạng mà mọi người đều đã biết rõ là : nếu các cuộc cách mạng tư sản và phong kiến lật đổ được chính quyền của xã hội cũ (trước nó), thiết lập được chính quyền mới (sau nó) là coi như nhiệm vụ cách mạng đã hoàn toàn xong, thì cách mạng xã hội chủ nghĩa thiết lập được chính quyền mới của giai cấp vô sản lại mới chỉ là bắt đầu buổi bình minh của đất nước. Bởi vì mục tiêu của cách mạng tư sản và phong kiến rốt cuộc chỉ phục vụ cho một nhóm người thống trị, và vì thế, nói cho cùng thì cách mạng của họ chỉ là sự thay đổi từ hình thức bóc lột này sang hình thức bóc lột khác, ma quái, tinh vi hơn mà thôi. Đó cũng chính là dấu chấm hết của cuộc cách mạng tư sản. Còn mục tiêu của cách mạng xã hội chủ nghĩa có phạm vi rộng lớn vì lợi ích của nhân dân (chứ không phải vì một nhóm người), vì vậy dù giai đoạn cách mạng lật đổ chính quyền cũ, thiết lập chính quyền mới của nhân dân là vô cùng gian khổ, đầy hy sinh, mất mát nhưng mới chỉ là giai đoạn đột phá quan trọng ; hay nói cách khác là mới chỉ hoàn thành cách mạng giải phóng dân tộc. Nhiệm vụ nặng nề tiếp theo là mục tiêu cách mạng xã hội chủ nghĩa có thực hiện được hay không là cả một chặng đường đầy sóng gió. Nếu thiếu niềm tin, thiếu kiên định, không biết lựa chọn mô hình và giải pháp thích hợp thì không dễ gì đi đến được thắng lợi hoàn toàn. Ở đây xuất hiện một tình huống là có thể ở một nước nào đó, ở giai đoạn cướp chính quyền thì rất "bài bản", thắng lợi hết sức vang dội, nhưng ở giai đoạn bảo vệ chính quyền và xây dựng một xã hội mới theo mục tiêu cách mạng xã hội chủ nghĩa thì lại xảy ra nhiều "sự cố", thậm chí bị mất phương hướng, sai về chiến lược, sai về sách lược, nhầm lẫn trong tổ chức "thi công", và tệ hại hơn nữa là "nửa vời quay ngược" phản bội lại cha ông, những lớp người tiền nhiệm. Vì lẽ đó, các thế hệ lãnh đạo công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội, những người cầm lái nhất thiết phải là những người mác-xít chân chính, trung thành với đảng, với nhân dân, đủ tài trí và phải hết sức kiên định trong bất kỳ tình huống nào.

Vấn đề thứ hai là cơ chế thị trường và mặt trái của nó. Đảng cộng sản Việt nam hoàn toàn ý thức được và chủ động trong việc làm. Một mặt thấy rõ thế mạnh của cơ chế thị trường có tính động lực thúc đẩy lực lượng sản xuất phát

Digitized by Google

triển ; đẩy mạnh quá trình xã hội hóa lực lượng sản xuất ; kích thích việc nâng cao năng suất, chất lượng và hiệu quả sản xuất kinh doanh v.v.. Nhưng đồng thời cũng biết đích xác những khuyết tật vốn có của nó ; đó là tính tự phát ; chỉ chú ý đến những nhu cầu có khả năng thanh toán, không chú ý đến nhu cầu chung của xã hội ; phân hóa giàu nghèo khá nhanh ; sự xuất hiện của ma lực đồng tiền, tệ nạn xã hội v.v.. Chính vì thế Đảng ta đã nói rất rõ là... phải theo định hướng xã hội chủ nghĩa, phải có sự điều tiết vĩ mô, phải có sự quản lý của Nhà nước, phải tăng cường công tác thanh tra, kiểm soát trên mọi lĩnh vực hoạt động. Chính phủ đã thực thi hàng loạt các chương trình quốc gia như chăm sóc, bảo vệ sức khỏe nhân dân; tạo việc làm ; xóa đói giảm nghèo ; dân số - kế hoạch hóa gia đình ; phòng, chống tệ nạn xã hội ; phòng chống nhiễm HIV/AIDS v.v.. Mục tiêu chung là khống chế tới mức thấp nhất những mặt trái, trong đó có những tiêu cực phải loại trừ. Đó chính là những nấc thang góp phần đi dần tới công bằng, văn minh. Đảng cộng sản Việt nam chủ trương giải quyết tốt phát triển kinh tế phải đi đôi với xử lý có hiệu quả các vấn đề xã hội, thực hiện công bằng xã hội ngay trong từng bước tăng trưởng kinh tế. Xin được mở ngoặc nói thêm rằng, ở một số nước tư bản người ta cũng hạn chế, xóa bỏ những mặt trái của nền kinh tế thị trường nhưng không phải là tất cả. Ví dụ người ta ngăn chặn căn bệnh thế kỷ nhiễm HIV/AIDS, nhưng lại không hạn chế mại dâm; người ta có thể "phát chẩn" cho người nghèo nhưng lại không thể từ bỏ bóc lột giá trị thặng dư ; người ta muốn xóa bỏ bạo lực xã hội nhưng lại cho lưu hành rộng rãi nhiều loại vũ khí ; người ta trang bị phương tiện văn hóa, thông tin, nghe, nhìn hiện đại nhưng không cần học, không cần biết lại trở thành một lối sống v.v..

Còn về sự bóc lột vẫn tồn tại trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội, điều đó là một thực tế nhưng cần được đánh giá đúng đắn hiện tượng này.

Trước hết, đây không phải là vấn đề gì mới mẻ. 75 năm trước Lê-nin đã nói rất cụ thể là : về lý luận không thể nghi ngờ rằng giữa chủ nghĩa tư bản và chủ nghĩa cộng sản, có một thời kỳ quá độ nhất định. Thời kỳ đó không thể không bao gồm những đặc điểm hoặc đặc trưng của cả hai kết cấu kinh tế xã hội ấy, và trong kinh tế, phải chăng nó có nghĩa là trong chế độ đó, có những thành phần bộ phận và nhân tố của chủ nghĩa tư bản và chủ nghĩa xã hội ? Bất cứ ai cũng đều phải thừa nhận là như thế. Như vậy trong thời kỳ quá độ, nền kinh tế còn tồn tại nhiều thành phần là tất yếu khách quan, trong đó có thành phần kinh tế tư bản tư nhân hoạt động dưới những dạng khác nhau (tư bản tư nhân trong nước, tư bản nước ngoài, liên doanh giữa tư bản trong nước và tư bản ngoài nước, liên doanh tư bản nước ngoài với các thành phần kinh tế trong nước...). Khi còn tồn tại các thành phần kinh tế khác ngoài kinh tế nhà nước, nhất là còn tồn tại thành phần kinh tế tư bản, thì chắc chắn còn có sự bóc lột.

Thứ hai là, mặc dù vậy,ở đây bóc lột không còn là một "chế độ", không còn một sự tồn tại nguyên vẹn. Nếu dưới chủ nghĩa tư bản, bóc lột là một "chế độ nguyên vẹn", thì ở đây bóc lột chỉ còn là những "mảnh vỡ", mảnh vỡ lớn hơn cả thuộc về thành phần kinh tế tư bản tư nhân, còn ở một vài thành phần kinh tế khác chỉ là những "mảnh vụn". Vả chăng, các thành phần kinh tế đều phải hoạt động theo hành lang pháp luật quy định, trong đó có những luật rất quan trọng (như Luật công ty, Luật doanh nghiệp tư nhân, Luật đầu tư, Bộ luật lao động...) sẽ điều chỉnh hoạt động của các thành phần kinh tế đó. Do đó, bóc lột chỉ còn ở một giới hạn nhất định (không thể là khát vọng khôn cùng). Nếu phải so sánh thì, dưới chủ nghĩa tư bản bóc lột có *xu hướng khuếch đại*, còn trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội thì bóc lột là *một dao động tắt dần*.

Như vậy, cơ chế thị trường mà chúng ta đang vận hành, chỉ là phương tiện chứ không phải là mục đích ; trong khi vận hành, chúng ta cố gắng sử dụng có hiệu quả những gì tích cực và hạn chế hoặc loại bỏ những gì là mặt trái của nó. Chính đây là nghệ thuật điều hành, nghệ thuật quản lý.

Từ những phân tích trên đây, tuy chưa lấy gì làm đủ, nhưng chúng tôi quả quyết rằng : chủ nghĩa xã hội - con đường đã chọn - không thể nào khác với chúng ta ❑

Digitized by Google

KINH TẾ THỊ TRƯỜNG VÀ ĐỊNH HƯỚNG XÃ HỘI CHỦ NGHĨA CÓ ĐỐI LẬP NHAU KHÔNG ?

NGUYỄN KHẮC HIỀN *

Có ý kiến cho rằng chủ nghĩa xã hội và kinh tế thị trường là hai khái niệm hoàn toàn đối lập nhau. Họ phê phán đường lối xây dựng nền kinh tế thị trường theo định hướng xã hội chủ nghĩa của Đảng, Nhà nước ta chỉ là "ngụy biện", còn thực chất là đã chuyển sang con đường tư bản chủ nghĩa, nhưng Đảng không dám công khai thừa nhận.

Có đúng như vậy không ?

Chúng ta đều đã biết, trước thập kỷ 80, trong giới lý luận kinh tế mác-xít đã có sự tranh luận về vai trò của kinh tế hàng hóa và các quan hệ hàng hóa - tiền tệ dưới chủ nghĩa xã hội ; và trong thực tiễn xây dựng chủ nghĩa xã hội đã từng có xu hướng phủ định kinh tế hàng hóa ; đối lập kinh tế hàng hóa với thị trường, cho rằng thị trường là phạm trù riêng của chủ nghĩa tư bản, từ đó chấp nhận sản xuất hàng hóa mà không thừa nhận vai trò của thị trường. Các học giả phương Tây định nghĩa kinh tế thị trường hay thị trường chỉ là khái quát các biểu hiện bề ngoài của hiện tượng kinh tế chứ không vạch ra được bản chất bên trong của các hiện tượng đó. Pôn A. Xa-mu-en-xơn, một tác giả Mỹ có nói đến kinh tế thị trường nhưng không định nghĩa phạm trù đó mà lại định nghĩa phạm trù thị trường và cơ chế thị trường (vì ông đồng nhất kinh tế thị trường với cơ chế thị trường và đồng nhất cơ chế thị trường với chủ nghĩa tư bản).

Sự đồng nhất chủ nghĩa xã hội với mô hình kế hoạch hóa tập trung quan liêu hoặc sự đồng nhất kinh tế thị trường với chủ nghĩa tư bản đều dẫn đến kết luận rằng định hướng xã hội chủ nghĩa mâu thuẫn với kinh tế thị trường. Thực ra, các phạm trù *hàng hóa, thị trường* phản ánh những quan hệ kinh tế chung của các phương thức sản xuất gắn liền với sản xuất hàng hóa, tức là sản xuất để trao đổi.

Thị trường và *kinh tế thị trường* là thành tựu chung của văn minh nhân loại. Thị trường có trước chủ nghĩa tư bản, trong chủ nghĩa tư bản và cả sau chủ nghĩa tư bản.

Kinh tế thị trường đã từng tồn tại qua các phương thức sản xuất khác nhau. Nó không phát sinh đồng thời với sự ra đời của sản xuất hàng hóa mà chỉ được hình thành sau đó hàng nghìn năm. Trong thời Trung cổ, chỉ có sản xuất hàng hóa giản đơn của nông dân, thợ thủ công có thể tiến hành dựa trên sức lao động và tư liệu sản xuất của bản thân họ. Dần dần dưới tác động của các quy luật sản xuất hàng hóa, nền sản xuất giản đơn chuyển sang nền sản xuất hàng hóa, tồn tại xen kẽ với nền kinh tế tự nhiên, rồi chuyển sang nền sản xuất hàng hóa lớn dưới chủ nghĩa tư bản. Đồng thời với quá trình này, kinh tế hàng hóa cũng chuyển thành kinh tế thị trường, với đỉnh cao của nó trong xã hội tư bản chủ nghĩa phát triển mà mọi sản phẩm, kể cả sức lao động, đều mang hình thức hàng hóa và chỉ được thực hiện thông qua thị trường, và đồng tiền trở thành ma lực chi phối tất cả.

Cơ sở kinh tế khách quan của sự hình thành và phát triển thị trường và kinh tế thị trường cũng là cơ sở kinh tế khách quan của sự hình thành và phát triển kinh tế hàng hóa : đó là sự phân công lao động xã hội và chế độ sở hữu khác nhau. Do đó, kinh tế thị trường, kinh tế hàng hóa không chỉ có trong chủ nghĩa tư bản,

* Chuyên viên kinh tế cấp cao

Digitized by Google

mà còn tồn tại trong thời kỳ quá độ từ chủ nghĩa tư bản lên chủ nghĩa xã hội (vì còn những hình thức sở hữu tư liệu sản xuất tư nhân khác nhau cùng tồn tại đan xen với các hình thức sở hữu quốc doanh và tập thể) và cũng còn tồn tại cả trong chủ nghĩa xã hội (vì còn hai hình thức sở hữu công cộng về tư liệu sản xuất).

Cần phân biệt *kinh tế thị trường* và *cơ chế kinh tế thị trường*. Cơ chế kinh tế thị trường hay cơ chế thị trường là guồng máy vận hành của nền kinh tế thị trường. Kinh tế thị trường là chế độ kinh tế khách quan do trình độ phát triển của lực lượng sản xuất và tính chất của quan hệ sản xuất quyết định. Cơ chế thị trường, tuy phụ thuộc vào tính chất và yêu cầu khách quan của chế độ kinh tế thị trường, song nó còn bao hàm yếu tố chủ quan. Đó là sự vận dụng của con người bằng việc tổ chức ra guồng máy kinh tế tự do hay có điều tiết của nhà nước theo yêu cầu vận động khác nhau của nền kinh tế thị trường trong các giai đoạn phát triển khác nhau của nó.

Trong thời kỳ quá độ từ chủ nghĩa tư bản lên chủ nghĩa xã hội, kinh tế hàng hóa, kinh tế thị trường còn tồn tại là tất yếu. Về mặt kinh tế, có thể coi đây là thời kỳ của nền kinh tế thị trường theo định hướng xã hội chủ nghĩa. Cơ chế thị trường theo định hướng xã hội chủ nghĩa là cơ chế thị trường còn nhiều xu hướng tự phát nhưng có sự điều tiết của nhà nước do đảng cộng sản lãnh đạo theo hướng củng cố và phát triển chế độ công hữu xã hội chủ nghĩa, kết hợp đúng đắn giữa kế hoạch và thị trường, kết hợp kế hoạch phát triển kinh tế với kế hoạch xã hội theo định hướng xã hội chủ nghĩa, giảm hẳn phần kế hoạch pháp lệnh và kế hoạch trực tiếp thay bằng kế hoạch định hướng, trong đó không chỉ chú ý đến những cân đối tổng hợp mà còn cả cân đối giá trị, nhằm giữ vững cân đối tổng thể, tạo môi trường thuận lợi cho hoạt động của tất cả các thành phần kinh tế, và do kinh tế nhà nước giữ vai trò chủ đạo.

Kinh tế thị trường theo định hướng xã hội chủ nghĩa có những yếu tố khách quan yêu cầu và bảo đảm cho sự thành công của nó. Đó là khu vực kinh tế xã hội chủ nghĩa làm nền tảng đã hình thành, nhà nước nắm giữ những ngành, những lĩnh vực chủ chốt của nền kinh tế, chính quyền là của nhân dân, do nhân dân và vì nhân dân, dưới sự lãnh đạo của đảng cộng sản.

Kinh tế thị trường theo định hướng xã hội chủ nghĩa đã có tiền lệ lịch sử chứ không phải là "công việc hoàn toàn mới" hay "chưa hề có" như một số tác giả đã quan niệm. Tiền lệ đó là chính sách kinh tế mới (NEP) do Lê-nin đề xướng đã được vận dụng vào thực tiễn ở Liên xô trong những năm hai mươi. Nội dung cơ bản của chính sách đó là chuyển từ nền kinh tế mệnh lệnh, chỉ huy sang nền kinh tế thị trường theo định hướng xã hội chủ nghĩa ; biện pháp chủ yếu để bảo đảm thắng lợi của định hướng xã hội chủ nghĩa và ngăn chặn định hướng tư bản chủ nghĩa là sử dụng đúng đắn chủ nghĩa tư bản nhà nước dưới nền chuyên chính vô sản.

Qua mười năm đổi mới, vận dụng sáng tạo tư tưởng của Lê-nin vào đặc điểm và điều kiện thực tiễn của Việt nam, Đảng ta đã đề ra đường lối cách mạng đúng đắn, đưa đất nước đi lên chủ nghĩa xã hội. Tuy nhiên, trong quá trình thực hiện chúng ta không tránh khỏi một số khuyết điểm, lệch lạc. Song về cơ bản chúng ta đã vượt qua một giai đoạn thử thách gay go và không những đã đứng vững mà còn vươn lên, đạt những thành tựu to lớn trên nhiều mặt.

Với những điều trình bày ở trên chúng ta có thể khẳng định rằng, chuyển sang cơ chế thị trường, có sự quản lý của nhà nước, theo định hướng xã hội chủ nghĩa, là sự chuyển đổi hợp quy luật. Không thể coi đó là sự "từ bỏ lý tưởng" và "ngả sang chủ nghĩa tư bản".

Lại có ý kiến cho rằng, thị trường là thị trường, không có sự khác biệt nào giữa thị trường phát triển theo định hướng xã hội chủ nghĩa và thị trường trong chủ nghĩa tư bản. Vì vậy theo họ nên bỏ cụm từ "theo định hướng xã hội chủ nghĩa".

Ý kiến này cũng không đúng.

Thị trường đúng là lĩnh vực của sự trao đổi hàng hóa, nhưng về chiều sâu, là một trong những hình thức vật chất biểu hiện quan hệ sản xuất của những người sản xuất và trao đổi hàng hóa. *Thị trường* chính là nơi mà các quan hệ xã hội giữa những con người, giữa các giai cấp xã hội (trong xã hội có giai cấp) biểu hiện dưới hình thức xuyên tạc những quan hệ xã hội giữa các vật. Là hình thức biểu hiện quan hệ sản xuất nên thị trường mang bản chất xã hội - kinh tế (tính chất giai cấp trong xã hội có giai cấp) khác nhau, phụ thuộc vào tính chất của quan

Digitized by Google

hệ sản xuất, trước hết là vào chế độ sở hữu trên đó nó tồn tại.

Nhìn chung, thị trường là một hiện tượng kinh tế - xã hội, là biểu hiện về hoạt động của con người trong nền sản xuất hàng hóa. Theo các nhà kinh tế học, nhân tố cơ bản cấu thành thị trường là hàng và tiền. Từ đó hình thành các quan hệ cơ bản của thị trường, quan hệ mua - bán, quan hệ tiền - hàng, quan hệ cung-cầu và giá cả hàng hóa. Trên thị trường có nhiều quy luật hoạt động, trong đó có quy luật giá trị, quy luật cung cầu, quy luật lưu thông tiền tệ. Quy luật giá trị là quy luật cơ bản của mọi nền kinh tế hàng hóa nhưng mang tính chất khác nhau và tác động khác nhau tùy thuộc vào chế độ sở hữu thống trị. Nó vận động trong sự tác động qua lại với các quy luật kinh tế đặc thù của phương thức sản xuất chủ đạo và chịu sự tác động chi phối của các quy luật kinh tế, của phương thức sản xuất đó. Do vậy, cơ chế thị trường trong chủ nghĩa tư bản và trong chủ nghĩa xã hội dù có những yếu tố giống nhau thì những yếu tố đó cũng mang những nội dung xã hội - kinh tế khác nhau do tính chất của chế độ sở hữu quyết định.

Sẽ là sai lầm nếu khẳng định thị trường là thị trường, không có sự khác biệt nào giữa thị trường phát triển theo định hướng xã hội chủ nghĩa và thị trường phát triển trong chủ nghĩa tư bản.

Trên những nét cơ bản, kinh tế thị trường theo định hướng xã hội chủ nghĩa khác với kinh tế thị trường tư bản chủ nghĩa ở những điểm sau đây :

- *Chế độ sở hữu* : Dưới chủ nghĩa tư bản, nền tảng của chế độ sở hữu là sở hữu tư nhân tư bản chủ nghĩa. Còn ở nước ta hiện nay thực hiện đa dạng hóa các hình thức sở hữu, nhưng trên cơ sở chế độ công hữu về các tư liệu sản xuất chủ yếu.

- *Các thành phần kinh tế* : Dưới chủ nghĩa tư bản nền kinh tế có nhiều thành phần (có cả kinh tế quốc doanh, liên doanh, chủ nghĩa tư bản nhà nước...) nhưng do nhà nước tư sản quản lý và do tư bản tư nhân chi phối. Còn ở nước ta hiện nay cũng có nhiều thành phần trong nền kinh tế nhưng do nhà nước xã hội chủ nghĩa quản lý và do kinh tế quốc doanh và tập thể ngày càng đóng vai trò nền tảng, chi phối.

- *Chế độ quản lý* : Dưới chủ nghĩa tư bản, thị trường tự phát, tự do cạnh tranh, nhà nước tư sản tuy cũng có điều tiết, có can thiệp, có kế hoạch, nhưng không phải là xu hướng cơ bản và cũng không ngăn chặn được những mặt tiêu cực của cơ chế thị trường như khủng hoảng, lạm phát, thất nghiệp... Còn ở nước ta hiện nay, một mặt nhà nước khuyến khích và tạo điều kiện phát huy tác dụng tích cực của cơ chế thị trường, nhưng mặt khác, nhà nước còn có sự can thiệp mạnh mẽ và tích cực (bằng kế hoạch, chính sách, luật pháp, sức mạnh kinh tế...) để điều tiết, hướng dẫn, hạn chế những mặt tiêu cực của cơ chế thị trường.

- *Chế độ phân phối* : Dưới chủ nghĩa tư bản, chế độ phân phối chủ yếu là phân phối theo tư bản, phục vụ lợi ích của các nhà tư bản. Ở nước ta hiện nay, nhà nước áp dụng nhiều hình thức phân phối, trong đó phân phối theo lao động và hiệu quả kinh tế là chủ yếu, đồng thời phân phối dựa trên mức đóng góp các nguồn lực khác vào kết quả của sản xuất kinh doanh và phân phối thông qua phúc lợi xã hội, đi đôi với chính sách điều tiết hợp lý, bảo hộ quyền lợi của người lao động.

- *Chính sách xã hội* : Chủ nghĩa tư bản ra đời bằng tước đoạt, tích lũy ban đầu, bằng cướp bóc. Ngày nay, các nước tư bản đi sau có điều chỉnh ít nhiều để xoa dịu đấu tranh của người lao động nhưng do bản chất của nó, chủ nghĩa tư bản không thể nào giải quyết được mâu thuẫn cơ bản. Đó là mâu thuẫn giữa tính xã hội hóa ngày càng cao của lao động với sự chiếm hữu tư nhân tư bản chủ nghĩa tư liệu sản xuất, là sự bóc lột tàn tệ người lao động, cũng như sự phân cực giàu nghèo, sự bất công, bất bình đẳng ghê gớm. Còn ở nước ta hiện nay, phát triển kinh tế thị trường nhưng trên cơ sở hạn chế bóc lột ; tăng trưởng kinh tế phải gắn liền với tiến bộ và công bằng xã hội (ngay trong từng bước và trong suốt quá trình phát triển). Công bằng xã hội phải thể hiện ở cả khâu phân phối hợp lý tư liệu sản xuất lẫn ở khâu phân phối kết quả sản xuất, cũng như ở việc tạo điều kiện phát triển năng lực của mọi thành viên trong cộng đồng ; khuyến khích làm giàu hợp pháp đi đôi với tích cực xóa đói, giảm nghèo, ngăn chặn tình trạng người nghèo bị bần cùng hóa, thu hẹp dần khoảng cách về trình độ phát triển, về mức sống giữa các vùng, các dân tộc,

Digitized by Google

các tầng lớp dân cư ; *ngay từ đầu*, khi kinh tế chưa phát triển cao, đã phải chăm lo chính sách xã hội, giữ gìn đạo đức và bản sắc văn hóa dân tộc.

Như vậy, rõ ràng là không có khái niệm thị trường chung chung và việc Đảng ta đề ra đường lối xây dựng nền kinh tế thị trường theo "định hướng xã hội chủ nghĩa" là hoàn toàn đúng đắn và có cơ sở.

Thực hiện qua mười năm đổi mới, mô hình kinh tế hàng hóa nhiều thành phần, vận động theo cơ chế thị trường, có sự quản lý của nhà nước, theo định hướng xã hội chủ nghĩa ở nước ta cho thấy : thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa có nội dung và có căn cứ khách quan. Đây là mô hình cho phép tìm tòi một thể chế vừa tiếp thu được những thành tựu hàng trăm năm của kinh tế thị trường, vừa xác định khuôn khổ mới cho sự vận hành của thị trường có tổ chức, có hướng dẫn, đáp ứng các mục tiêu của chủ nghĩa xã hội trong từng giai đoạn phát triển. Cũng có thể nói, kinh tế thị trường theo định hướng xã hội chủ nghĩa là con đường phát triển rút ngắn để vừa tăng trưởng kinh tế nhanh, vừa khắc phục, hạn chế những khiếm khuyết của cơ chế thị trường cũng như của cơ chế kế hoạch hóa tập trung, hành chính, quan liêu, thực hiện có hiệu quả mục tiêu *dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, văn minh.*

Chúng ta chủ trương phát triển kinh tế thị trường nhưng không để cho nó vận động một cách tự phát, mù quáng, mà phải hướng dẫn, điều tiết, phát huy mặt tích cực, hạn chế mặt tiêu cực, vì lợi ích của đại đa số nhân dân lao động, vì một xã hội công bằng, văn minh. Phát triển nền kinh tế thị trường, có sự quản lý của nhà nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa là xu thế tất yếu của lịch sử, là quy luật vận động tự nhiên của xã hội.

Có ý kiến cho rằng chuyển sang kinh tế thị trường theo định hướng xã hội chủ nghĩa sao lại cần có sự lãnh đạo của đảng cộng sản ?

Chúng ta biết rằng xây dựng nền kinh tế thị trường theo định hướng xã hội chủ nghĩa là công việc không dễ dàng, đơn giản. Trái lại, nó là công việc to lớn, phức tạp, đầy khó khăn, thử thách, nhất là vào thời điểm thế giới và trong nước đang có những diễn biến nhanh chóng và đầy nghịch lý như hiện nay. Đó là những công việc đòi hỏi phải dày công suy nghĩ, nghiên cứu lý luận, tổng kết thực tiễn ; hằng ngày, hằng giờ phải xử lý những công việc rất phức tạp, phải giải những bài toán đầy ẩn số. Đổi mới và đi lên theo chủ nghĩa xã hội bằng phát triển kinh tế hàng hóa nhiều thành phần, áp dụng cơ chế thị trường và mở cửa, sử dụng nhiều hình thức chủ nghĩa tư bản nhà nước, đòi hỏi phải rất sáng suốt, có bản lĩnh, có cách nhìn và tầm nhìn rộng lớn. Người có khả năng và điều kiện làm việc đó không ai khác ngoài *đảng cộng sản* - là đảng phấn đấu cho lý tưởng xã hội chủ nghĩa và cộng sản chủ nghĩa, thật sự đại diện và bảo vệ lợi ích của giai cấp công nhân và nhân dân lao động. Sự lãnh đạo của Đảng là *nhân tố quyết định nhất bảo đảm định hướng xã hội chủ nghĩa của kinh tế thị trường*, cũng như toàn bộ sự nghiệp phát triển của đất nước.

Về bản chất, nền kinh tế thị trường theo định hướng xã hội chủ nghĩa khác với nền kinh tế thị trường tư bản chủ nghĩa như trên đã trình bày, nên tất yếu phải có sự lãnh đạo của đảng cộng sản. Hệ thống chính trị một đảng (đảng cộng sản) có điều kiện và có khả năng phát huy mọi động lực xã hội để bảo đảm cho sự phát triển kinh tế của đất nước đi đúng mục tiêu xã hội chủ nghĩa. Hơn nữa, nền kinh tế thị trường theo định hướng xã hội chủ nghĩa đặt dưới sự lãnh đạo của Đảng không những hợp quy luật mà còn có động lực phát triển mạnh mẽ. Nền kinh tế thị trường theo định hướng xã hội chủ nghĩa, về *thực chất*, là một kiểu tổ chức vừa dựa trên những nguyên tắc và quy luật của kinh tế thị trường, vừa dựa trên nguyên tắc và bản chất của chủ nghĩa xã hội, trước hết là về sở hữu, tổ chức quản lý và quan hệ phân phối. Trong nền kinh tế đó, nhóm nhân tố *kinh tế thị trường* đóng vai trò động lực thúc đẩy, nhóm nhân tố *xã hội chủ nghĩa* đóng vai trò mở đường, hướng dẫn, định hướng sự vận động của nền kinh tế theo mục tiêu đã xác định. Do đó, yếu tố *chính trị* ở đây (tức là vai trò lãnh đạo của đảng cộng sản) vừa là động lực, vừa là tay lái bảo đảm cho các động lực đó đi theo một hướng. Chính những chính sách kinh tế của Đảng và Nhà nước ta trong thời kỳ đổi mới vừa qua, thực chất là những quyết định đột phá, tạo nên động lực kinh tế, giải phóng sức sản xuất, trực tiếp thúc đẩy kinh tế phát triển ❑

Digitized by Google

VỀ KHÁI NIỆM "ĐỊNH HƯỚNG XÃ HỘI CHỦ NGHĨA"

NGUYỄN VĂN OÁNH *

CỤM từ "*định hướng xã hội chủ nghĩa*" được Đảng ta nêu ra trong các văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VII và đã được nhiều nhà khoa học, cơ quan khoa học nghiên cứu. Song đến nay vẫn còn không ít vấn đề đặt ra mà những lời giải chưa thỏa mãn được yêu cầu của nhiều người. Vì vậy, *Tạp chí Cộng sản* tổ chức cuộc hội thảo này là rất cần thiết.

Tư tưởng về "định hướng xã hội chủ nghĩa" (hiểu theo nghĩa rộng) là sự định hướng *mục tiêu* và *con đường* phát triển của đất nước theo quy luật khách quan đã được C.Mác và Ph.Ăng-ghen phát hiện sau khi phân tích một cách khoa học toàn bộ lịch sử phát triển của xã hội loài người : *loài người nhất định sẽ tiến tới chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa cộng sản.*

"Định hướng xã hội chủ nghĩa" với tính cách là một khái niệm được ghi trong *Từ điển chủ nghĩa cộng sản khoa học* do Nhà xuất bản Tiến bộ Mát-xcơ-va xuất bản năm 1980, được dịch ra tiếng Việt năm 1986, thì đồng nghĩa với khái niệm "*con đường phát triển không tư bản chủ nghĩa*". Như vậy, hiểu theo nghĩa hẹp hơn, "định hướng xã hội chủ nghĩa" được đặt ra đối với các "nước kinh tế lạc hậu", "kém phát triển", "các nước đang phát triển". Song điều đó không có nghĩa là "định hướng xã hội chủ nghĩa" được đặt ra đối với mọi nước trong mọi thời kỳ lịch sử. Nó chỉ được đặt ra đối với các nước khi có *hai* điều kiện : 1) Điều kiện *quốc tế*: thời đại **mới** - thời đại quá độ từ chủ nghĩa tư bản lên chủ nghĩa cộng sản trên phạm vi toàn thế giới - xuất hiện ; 2) Điều kiện *trong nước* : chính quyền thuộc về nhân dân lao động do các đảng mác xít lê nin nít lãnh đạo. Chỉ có trong những điều kiện lịch sử như vậy, các nước lạc hậu, kém phát triển mới có thể thực hiện cùng một lúc các mục tiêu : giải phóng dân tộc, giải phóng xã hội và giải phóng con người, thống nhất ở mục tiêu chung là *độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội.*

Với nội dung nói trên, về thời gian mà nói, "định hướng xã hội chủ nghĩa" trùng với "thời kỳ quá độ từ chủ nghĩa tư bản lên chủ nghĩa xã hội ở các nước chưa qua chế độ tư bản chủ nghĩa".

Từ đó, có thể suy ra : "chủ nghĩa xã hội" (hay "xã hội xã hội chủ nghĩa") và "định hướng xã hội chủ nghĩa" không phải là một, nhưng cũng không phải là hai cái hoàn toàn khác biệt nhau.

"Chủ nghĩa xã hội" hay "xã hội xã hội chủ nghĩa" là một xã hội mà những thuộc tính hợp thành của nó trên các lĩnh vực chính trị, kinh tế, tư tưởng, văn hóa, bảo đảm cho sự nghiệp giải phóng con người đạt tới độ chín muồi nhất định. Văn kiện Đại hội VII của Đảng ta đã nêu ra 6 đặc trưng (6 thuộc tính) của xã hội xã hội chủ nghĩa mà chúng ta xây dựng và 7 phương hướng cơ bản để từng bước xây dựng chủ nghĩa xã hội ở nước ta. Dù còn có ý kiến khác nhau, song không thể phủ nhận rằng "6 đặc trưng" và "7 phương hướng" đó chính là định hướng xã hội chủ nghĩa ở nước ta.

* PTS, Phó trưởng khoa Chủ nghĩa xã hội khoa học, Học viện chính trị quốc gia Hồ Chí Minh

Digitized by Google

"Định hướng xã hội chủ nghĩa" vừa nói lên *điểm xuất phát* của đất nước ta từ một nước chậm phát triển..., vừa nói lên những *chặng đường* những *giai đoạn*, những *bước quá độ* mà chúng ta sẽ phải đi qua, và thông qua những bước quá độ ấy, *các nhân tố của chủ nghĩa xã hội* như các mầm non sẽ dần dần *hình thành, phát triển, hoàn thiện* đạt tới *mục tiêu của xã hội chủ nghĩa*. Như vậy, trong mối quan hệ biện chứng, "chủ nghĩa xã hội" hay "xã hội xã hội chủ nghĩa" vừa là *mục tiêu* của sự định hướng, vừa *có mặt ngay từ đầu* trong sự định hướng đó với tính cách là *những nhân tố hợp thành*. Những nhân tố đó là *những mầm non* nhưng lại là những nhân tố *rất cơ bản* ; không có những nhân tố đó thì không thể nói tới, không thể đi tới "chủ nghĩa xã hội" hay "xã hội xã hội chủ nghĩa" với tính cách là *mục tiêu* của sự định hướng. Những nhân tố đó bao gồm : "hệ tư tưởng của giai cấp công nhân", "sự lãnh đạo của Đảng cộng sản", "Nhà nước của nhân dân lao động", "những cơ sở kinh tế chủ yếu của nền kinh tế quốc dân"...

Như vậy, "*định hướng xã hội chủ nghĩa*" không phải là một thuật ngữ được kết hợp theo ý muốn chủ quan từ hai khái niệm "định hướng" và "xã hội chủ nghĩa" ; nó cũng không phải là sự "cộng sinh" giữa chủ nghĩa tư bản và chủ nghĩa xã hội, mà phản ánh tổng thể các mối liên hệ biện chứng của các nhân tố xã hội chủ nghĩa, sự vận động, phát triển của các nhân tố đó từ điểm xuất phát đến mục tiêu xác định.

Đó là biện chứng của lịch sử, là lôgích phát triển chung của nhân loại trong thời đại ngày nay, mà người có công đầu phát hiện ra nó là C.Mác, Ph.Ăng-ghen, V.I.Lê-nin, và ở Việt nam là Chủ tịch Hồ Chí Minh.

Thật vậy, từ cuối thế kỷ 19, Việt nam trở thành thuộc địa của thực dân Pháp. Nhiều nhà yêu nước đã tìm con đường giải phóng dân tộc. Và kết quả như chúng ta thấy, lịch sử dân tộc ta đã chọn : *không phải là* "phong trào yêu nước truyền thống theo hệ tư tưởng phong kiến" ; *cũng không phải là* phong trào yêu nước dù có "mới" hơn - "phong trào dân tộc dân chủ theo khuynh hướng tư sản" ; *mà là* "phong trào dân tộc theo khuynh hướng công nhân", tức là độc lập dân tộc gắn với chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa cộng sản. Người đầu tiên nhận thức và phản ánh đúng sự lựa chọn đó của dân tộc là Nguyễn Ái Quốc - Hồ Chí Minh. Người đã đưa nhận thức ấy vào phong trào công nhân, phong trào yêu nước, và tạo ra sự định hướng cho sự phát triển của dân tộc ta là : *độc lập dân tộc gắn bó hữu cơ với chủ nghĩa xã hội.*

Năm 1920, cái mốc đánh dấu sự định hướng trên lĩnh vực *tư tưởng - lý luận*. Đó là lúc Hồ Chí Minh đã gặp được chủ nghĩa Mác - Lê-nin, trở thành người cộng sản.

Năm 1930, với sự ra đời của Đảng cộng sản Việt nam, "định hướng xã hội chủ nghĩa" tiến thêm một bước : *tư tưởng lý luận - đường lối chính trị - tổ chức đội tiên phong của giai cấp công nhân và của cả dân tộc.*

Với thắng lợi của Cách mạng Tháng Tám năm 1945 và sự ra đời của Nhà nước Việt nam dân chủ cộng hòa, với việc Quốc hội khóa I do nhân dân bầu ra thông qua Hiến pháp đầu tiên - Hiến pháp 1946, "định hướng xã hội chủ nghĩa" ở nước ta thực tế bước đầu đã được hiện thực hóa trên một số lĩnh vực của đời sống xã hội. Bằng những cải cách dân chủ của Nhà nước ta trên các lĩnh vực kinh tế, văn hóa, xã hội theo hướng phục vụ công, nông và các tầng lớp lao động khác, "định hướng xã hội chủ nghĩa" ngày càng thâm nhập vào đời sống cũng như nhận thức của các giai cấp và tầng lớp, các dân tộc và mỗi con người Việt nam.

Thắng lợi của hai cuộc kháng chiến chống Pháp và chống Mỹ, tiếp theo là những thành tựu to lớn của 10 năm đổi mới, là những cột mốc *vừa có ý nghĩa khẳng định sự đúng đắn của "định hướng xã hội chủ nghĩa", vừa có ý nghĩa củng cố vững chắc định hướng đó.*

Sự định hướng đúng : "độc lập dân tộc gắn với chủ nghĩa xã hội", thực tế đã đem đến cho dân tộc ta sức mạnh lý tưởng, sức mạnh khoa học, sức mạnh chính trị, sức mạnh vật chất..., tạo thành sức mạnh tổng hợp, là nhân

Digitized by Google

tố bảo đảm thắng lợi cho cách mạng Việt nam trong gần bảy thập kỷ qua. Điều đó khẳng định *tính hiện thực* của sự định hướng ; nó không phải là cái gì trừu tượng, mơ hồ, "tù mù" như có người xuyên tạc.

"Định hướng xã hội chủ nghĩa" là sự định hướng mục tiêu và con đường phát triển của đất nước do Đảng cộng sản nêu trong đường lối chính trị của mình, trên cơ sở nắm vững quy luật vận động của lịch sử loài người trong thời đại ngày nay. Đó còn là quá trình xác định chiến lược phát triển kinh tế - xã hội và chính sách xã hội của nhà nước ; tổ chức hoạt động thực tiễn thông qua các phong trào cách mạng của quần chúng lao động mà nòng cốt là khối liên minh công, nông, trí thức, phù hợp với đặc điểm của từng thời kỳ, từng giai đoạn, qua các nấc thang trung gian, các hình thức quá độ ; uốn nắn kịp thời những sai lầm trong nhận thức cũng như trong hoạt động thực tiễn, bảo đảm cho các nhân tố xã hội chủ nghĩa hình thành, phát triển, từng bước phát huy tính ưu việt và không ngừng được hoàn thiện, qua đó nước ta tiến một cách vững chắc lên chủ nghĩa xã hội không phải trải qua chế độ tư bản chủ nghĩa. Đó cũng là quá trình đấu tranh lâu dài, gay go, phức tạp giữa hai khả năng, hai con đường phát triển theo hướng *tư bản chủ nghĩa* và *xã hội chủ nghĩa*. Vì vậy, ở đây đòi hỏi tính tự giác rất cao trong toàn bộ hoạt động của quần chúng lao động do Đảng cộng sản lãnh đạo.

"Định hướng xã hội chủ nghĩa" có thể thực hiện được hay không ? Câu trả lời là có thể *"có"*, mà cũng có thể là *"không"* tùy theo sự lãnh đạo của đảng cộng sản và ý thức tự giác của nhân dân lao động. Thực tế 10 năm cải tổ, cải cách, đổi mới vừa qua ở các nước xã hội chủ nghĩa đã chứng minh. Điều quyết định đầu tiên, bảo đảm sự "định hướng xã hội chủ nghĩa", là *giữ vững những thành quả cách mạng* ; mà thành quả to lớn nhất, cơ bản nhất, là *chính quyền của nhân dân*, nòng cốt là *khối liên minh giữa giai cấp công nhân với giai cấp nông dân và tầng lớp trí thức do Đảng cộng sản lãnh đạo*. Ở đây, phải quán triệt tư tưởng lớn, cũng là bài học lớn về mối quan hệ giữa *ỔN ĐỊNH* và *PHÁT TRIỂN, PHÁT TRIỂN* và *ỔN ĐỊNH* trong quá trình đổi mới. Nói cách khác, để bảo đảm "định hướng xã hội chủ nghĩa", tiến hành thắng lợi công cuộc đổi mới, chúng ta phải giữ vững nguyên lý Mác - Lê-nin và tư tưởng Hồ Chí Minh. Cũng vì vậy, để "tiếp tục đổi mới và tiến lên", tại Hội nghị đại biểu toàn quốc giữa nhiệm kỳ của Đại hội VII, Đảng ta cùng với việc chỉ ra những thời cơ thuận lợi cho việc thực hiện "định hướng xã hội chủ nghĩa", cũng đã chỉ ra những nguy cơ chệch hướng xã hội chủ nghĩa.

Một câu hỏi khác đặt ra là : trong điều kiện chủ nghĩa xã hội hiện thực đã sụp đổ ở Liên xô và Đông Âu, chủ nghĩa tư bản đang chiếm ưu thế, tại sao nước ta cứ phải giữ vững *"định hướng xã hội chủ nghĩa"* ? Trả lời câu hỏi trên thật không đơn giản, song, xin nêu 3 căn cứ sau như là *cơ sở khoa học của sự "định hướng xã hội chủ nghĩa":*

Một là, xuất phát từ thực tế sinh động của lịch sử nước ta, nhất là từ thực tế cách mạng do Đảng ta lãnh đạo như đã trình bày ở trên, và đặc biệt là từ *những nhận thức mới* của Đảng ta về chủ nghĩa xã hội qua kinh nghiệm lãnh đạo sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội ở nước ta từ năm 1955 đến nay.

Hai là, sự sụp đổ của chế độ xã hội ở Liên xô và Đông Âu là to lớn, hậu quả sẽ còn kéo dài, song nếu so với sự ra đời và phát triển của hình thái kinh tế - xã hội cộng sản chủ nghĩa, thì đó chỉ là khoảng thời gian ngắn, là bước thụt lùi tạm thời mà thôi. Hiện tượng tương tự như thế cũng đã diễn ra trong quá trình phát triển của chủ nghĩa tư bản. Sau cách mạng tư sản Pháp năm 1789, cuộc đấu tranh trong nội bộ lực lượng cách mạng cũng như giữa giai cấp tư sản cách mạng với các thế lực phong kiến phản động vẫn tiếp tục diễn ra. Kết quả là sau sự thất bại của Na-pô-lê-ông, dòng Buốc bông trở lại nắm chính quyền cho đến năm 1830, dòng Oóc-lê-ăng nắm chính quyền đến năm 1848, và dòng Bô-na-pác-tơ

Digitized by Google

nắm chính quyền đến năm 1870. Tổng cộng là hơn 50 năm, qua các triều đại : Lu-i 18, Lu-i Phi-líp và Lu-i Bô-na-pac-tơ.

Sự sụp đổ của Liên xô và Đông Âu không phải bắt nguồn từ học thuyết của Mác, Lê-nin về chủ nghĩa xã hội, mà bắt nguồn từ sai lầm của các đảng cộng sản ở đó, nhất là sai lầm về đường lối chính trị trong thời kỳ cải tổ ; sai lầm này đã bị các thế lực thù địch với chủ nghĩa xã hội lợi dụng, khoét sâu, đẩy tới... Liên xô năm 1985 không thể khó khăn bằng nước Nga sau Cách mạng Tháng Mười năm 1917, bằng Liên xô hồi đầu những năm 20 hoặc sau chiến tranh thế giới thứ hai ; cũng không thể khó khăn bằng Trung quốc năm 1978 khi bắt đầu cải cách ; càng không thể khó khăn bằng Việt nam năm 1986 khi bắt đầu đổi mới. Liên xô chiếm 1/6 địa cầu, tài nguyên phong phú vào bậc nhất thế giới, với hơn 270 triệu dân cần cù, thông minh, với đội ngũ hàng chục triệu cán bộ khoa học - kỹ thuật đủ sức đưa con người đầu tiên vào vũ trụ..., thế mà khi đi vào cải tổ lại coi sự giúp đỡ của phương Tây về vốn, kỹ thuật, chuyên gia, như là điều kiện tiên quyết. Đó là điều khó hiểu.

Ba là, chủ nghĩa tư bản đang chiếm ưu thế chỉ là tạm thời. Chúng ta học tập kinh nghiệm tốt của họ, nhưng lịch sử cho thấy: không thể coi chủ nghĩa tư bản là lý tưởng, vì mấy lẽ :

+ Chủ nghĩa tư bản đã có lịch sử mấy trăm năm, đã đặt ách thống trị trên thế giới từ cuối thế kỷ 19, nhưng đến nay nó chỉ có thể phát triển ở vài chục nước, và phát triển nhất thì cũng chỉ có ở 7 nước. Hơn nữa, để có được sự phát triển ấy, loài người đã phải trả giá như thế nào ? Nhân dân lao động ở các nước tư bản đã bị bóc lột hết sức dã man, khiến Tô-mát Mo-rơ khi mô tả đã phải dùng tới hình tượng : "cừu ăn thịt người". Còn nhân dân ở các nước thuộc địa thì bị bòn rút tới tận xương tủy mà hậu quả tới nay vẫn còn đó : "một châu Phi đói, một châu Á nghèo, và một châu Mỹ la tinh nợ nần chồng chất".

+ Hiện nay, các nước tư bản vẫn phát triển trên cơ sở người bóc lột người. *Lợi nhuận tối đa là mục đích tối thượng của chủ nghĩa tư bản*, vẫn là quy luật vận động cơ bản của xã hội tư sản. Hậu quả tất yếu là sự phân hóa giàu nghèo ngày càng tăng. Thế giới thứ tư - thế giới những người nghèo khổ - hình thành ngay trong lòng các nước được coi là giàu có nhất, văn minh nhất (nước Mỹ hiện có 35 triệu người sống trong cảnh nghèo khổ, trong đó 6 triệu là trẻ em dưới 5 tuổi).

+ Chủ nghĩa tư bản vẫn là thế giới trong đó các nước *phát triển* tiếp tục bóc lột các nước *đang phát triển*. Nhìn bên ngoài thì có vẻ dòng tư bản chảy từ các nước giàu sang các nước nghèo dưới hình thức đầu tư, viện trợ, nhưng thực ra không phải như vậy: số lợi nhuận các nước giàu thu về từ các nước nghèo chỉ trong 7 năm (1982 - 1989) đã vượt quá 350 tỉ đô la. Nước thu lợi nhiều nhất là Mỹ và Nhật.

+ Chủ nghĩa tư bản là nguồn gốc nảy sinh đủ mọi tội ác trong suốt thế kỷ 20 này. Hai cuộc chiến tranh thế giới và hằng trăm cuộc chiến tranh cục bộ do nó gây ra, đã cướp đi hàng chục triệu sinh mạng. Hàng tỉ đô la đã và đang tiếp tục bị tiêu phí vào các cuộc chạy đua vũ trang, thử vũ khí hạt nhân, tàn phá và hủy hoại nghiêm trọng môi trường sinh thái... Thất nghiệp, tội ác và tệ nạn xã hội tiếp tục hoành hành ở khắp các nước tư bản phát triển, từ Mỹ đến Nhật, Pháp... khiến nhiều nhà trí thức nổi tiếng sống ngay ở các nước đó đã phải lên tiếng báo động.

Tóm lại, chủ nghĩa tư bản không thể giải quyết được các mâu thuẫn cũng như mọi bất công xã hội. Trong khuôn khổ chủ nghĩa tư bản, không thể thực hiện được triệt để sự nghiệp giải phóng con người. Vì vậy, trong quá trình đổi mới, chúng ta phải luôn luôn giữ vững mục tiêu, con đường đã chọn là chủ nghĩa xã hội. Chỉ có chủ nghĩa xã hội đích thực mà Đảng và Bác Hồ đã lựa chọn, được nhân dân ta đồng tình hưởng ứng và nỗ lực phấn đấu thực hiện, mới có thể đưa đất nước ta đến ấm no, hạnh phúc ❑

Digitized by Google

CỤC DIỆN MỚI VÀ ĐỊNH HƯỚNG ĐI LÊN CỦA ĐẤT NƯỚC

VŨ HIỀN

LỊCH sử hàng nghìn năm của dân tộc Việt nam có nhiều thời kỳ phát triển hết sức rực rỡ, nhưng có lẽ chưa bao giờ phong độ của đất nước, vị trí của dân tộc lại được khẳng định mạnh mẽ như bây giờ. Cũng chưa bao giờ chúng ta thực hiện được một cuộc hội nhập cả về bề rộng, chiều sâu và tầm cao với hầu hết các nước trên khắp năm châu bốn biển như hiện nay.

Rõ ràng, chúng ta đang ở một thời điểm đặc biệt, thực hiện bước chuyển vươn tầm đất nước : đẩy mạnh công cuộc đổi mới và mở cửa. Đổi mới và mở cửa là hai nhiệm vụ chiến lược thực hiện mục tiêu chung là phát triển đất nước ; là hai vấn đề có mối quan hệ mật thiết thúc đẩy lẫn nhau ; là hai yếu tố tạo ra động lực cho dân tộc ta bứt lên. Đổi mới là quá trình tự gạt bỏ và tháo gỡ những cản trở, tổ chức lại xã hội, giải phóng mọi năng lực, động viên và sử dụng có hiệu quả mọi tiềm năng để tạo ra nội lực mạnh cũng như sự thông thoáng bên trong. Mở cửa hội nhập là sự vươn xa, tiếp thu và chắt lọc cái đẹp, cái hay của nhân loại để làm đẹp cho mình, biến cái *chưa thể* thành cái *có thể*, nhân lên những sức mạnh đang có, tiếp thu những nguồn lực mới vô cùng phong phú trên cơ sở biết người, biết mình hơn.

Nhưng tầm vóc của công cuộc đổi mới và sự hội nhập càng lớn lao bao nhiêu thì những vấn đề mà chúng ta cần giải quyết càng khó khăn, phức tạp bấy nhiêu. Đổi mới là một quá trình tự giác rất cao , là sự sáng tạo không ngừng ; chỉ cần thiếu tự giác hoặc thiếu sáng tạo là cả sự nghiệp bị ngưng đọng, bị mất đi cái *mới*, trở thành cằn cỗi, cũ kỹ, lạc hậu. Mở cửa và hội nhập cũng rất cần ý chí và nghị lực, vì đó thực chất là một cuộc đua tranh quyết liệt, là quá trình tác động ảnh hưởng lẫn nhau, tùy thuộc vào nhau và cả chuyển hóa lẫn nhau. Với nhãn quan chính trị khách quan và khoa học, nhìn nhận bối cảnh thế giới và trong nước, Đảng ta đã chỉ rõ 4 nguy cơ trong giai đoạn mới của sự nghiệp cách mạng nước ta.

- *Nguy cơ tụt hậu xa hơn về kinh tế.* Trong cuộc hội nhập và đua tranh với thế giới, chúng ta thấy rõ một thực tế là có thể bị tụt hậu xa hơn về kinh tế so với nhiều nước trong khu vực và trên thế giới. Nguy cơ tụt hậu biểu hiện ở mấy điểm. *Một là,* chúng ta vào " đường đua" trong điều kiện điểm xuất phát thấp, thể hiện ở cơ sở hạ tầng của nền kinh tế còn yếu kém, trình độ khoa học công nghệ và trình độ dân trí chưa cao, năng suất lao động xã hội thấp, thu nhập bình quân đầu người chưa đáng bao nhiêu. *Hai là,* về thời điểm có phần hơi muộn. Chúng ta thực hiện đẩy tới một bước công nghiệp hóa - hiện đại hóa đất nước trong khi nhiều nước đã vượt qua giai đoạn này. *Ba là,* môi trường cạnh tranh về vốn và kỹ thuật đối với các nước đang phát triển rất gay gắt quyết liệt. Nước nào cũng muốn tìm mọi lợi thế để thu hút đầu tư từ các nước phát triển nên đều phải chấp nhận thua thiệt nhất định.

- *Nguy cơ chệch hướng xã hội chủ nghĩa.* Chúng ta chủ trương xây dựng nền kinh tế nhiều thành phần vận động theo cơ chế thị trường, có sự quản lý của nhà nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa. Nền kinh tế nhiều thành phần và cơ chế thị trường có mặt tích cực là thúc đẩy và giải phóng mọi năng lực sản xuất xã hội, kích thích sản xuất và lưu thông hàng hóa, cải tiến kỹ thuật... Tuy nhiên, cơ chế thị trường lại như con ngựa

Digitized by Google

bất kham, tự phát dẫn tới những hiện tượng tiêu cực như phân hóa giàu nghèo, lối sống thực dụng chạy theo đồng tiền ... có thể gây ra đảo lộn lớn đối với kinh tế xã hội. Vì vậy, phải tìm mọi biện pháp để vừa tận dụng và phát huy mặt tích cực, đồng thời ngăn ngừa và hạn chế mặt tiêu cực của nó.

- *Nguy cơ về nạn tham nhũng và tệ quan liêu.* Đây là những vấn đề rất nhức nhối đối với xã hội. Tệ quan liêu dẫn tới việc cán bộ, cơ quan nhà nước xa dân, không hiểu được tâm tư nguyện vọng của nhân dân, và vì thế mối quan hệ giữa Đảng với dân, giữa Nhà nước với dân rất dễ bị phá vỡ. Nạn tham nhũng xói mòn cả sức mạnh vật chất và tinh thần của quốc gia, làm giảm niềm tin của nhân dân với Nhà nước và với Đảng. Để tiến hành đổi mới đất nước một cách có hiệu quả, Đảng ta và nhân dân ta kiên quyết đấu tranh chống tham nhũng và tệ quan liêu.

- *Nguy cơ " diễn biến hòa bình" của các thế lực thù địch.* Hiện nay chúng ta đã có quan hệ ngoại giao với hơn 160 nước trên thế giới. Trong khi bè bạn xa gần rất có thiện cảm và tích cực giúp đỡ Việt nam xây dựng đất nước, thì vẫn có những thế lực muốn tiếp tục chống phá nước ta. Nhân dân ta đoàn kết với tất cả mọi tầng lớp nhân dân thế giới, nhưng cũng kiên quyết đấu tranh chống những hành động thù địch cản trở con đường đi tới của mình.

Những nguy cơ nêu trên quả là to lớn. Tuy nhiên, trên hành trình đổi mới đất nước, Việt nam cũng đang đứng trước những vận hội mới, những thuận lợi cơ bản.

- *Một không gian mới* : không gian của thế giới hiện nay, trong một chừng mực nhất định, có thể được coi là không gian hòa bình.

Không gian mới của thế giới là không gian đa dạng, phong phú màu sắc. Các mâu thuẫn cơ bản như mâu thuẫn giữa chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa tư bản; giữa lao động và tư bản ở các nước tư bản chủ nghĩa; giữa các dân tộc và các nước đang phát triển với chủ nghĩa đế quốc ; giữa các nước đế quốc với nhau, vẫn tồn tại và phát triển, có mặt sâu sắc hơn, hình thức biểu hiện có nhiều nét mới. Tuy nhiên, cộng đồng quốc tế vẫn có những nét tương đồng. Sự gần nhau về lợi ích giữa những bộ phận khác nhau của thế giới cộng với sự nhận thức trách nhiệm toàn thế giới trong việc giải quyết những vấn đề toàn cầu (bảo vệ môi trường, hạn chế sự bùng nổ dân số, phòng ngừa và đẩy lùi những bệnh tật hiểm nghèo), đã trở thành yếu tố thuận lợi và tích cực cho không khí hợp tác, đối thoại.

- *Xu hướng mới* : cùng với xu hướng đa cực hóa trật tự thế giới, xu hướng liên kết khu vực, xu hướng các dân tộc nâng cao ý thức độc lập tự chủ, tự lực tự cường, đấu tranh chống sự áp đặt và can thiệp của nước ngoài, xu hướng vừa hợp tác vừa đấu tranh trong điều kiện cùng tồn tại hòa bình..., thế giới ngày càng đi sâu vào quá trình quốc tế hóa và toàn cầu hóa nhiều mặt đời sống, đặc biệt là về mặt kinh tế. Chưa bao giờ sự phát triển kinh tế ở một bộ phận của thế giới lại ảnh hưởng lớn lao và trực tiếp đến như vậy đối với các bộ phận khác của thế giới. Hợp tác và phân công lao động quốc tế đã là xu thế của thời đại. Trình độ hợp tác và phân công lao động, chuyên môn hóa ngày càng cao. Tình hình đó tạo cơ hội lớn để các nước có thể tìm kiếm những khả năng tham gia quá trình hợp tác, phân công quốc tế.

- *Bối cảnh mới của khu vực* : khu vực châu Á - Thái bình dương, nhất là vòng cung Đông Á - Thái bình dương, là khu vực đang phát triển năng động, và sẽ tiếp tục phát triển với tốc độ cao. Tuy còn tiềm ẩn một số nhân tố có thể gây mất ổn định, về cơ bản không khí hòa dịu đang lan tỏa và tốt đẹp dần lên trong khu vực. Quan hệ giữa Việt nam với tất cả các nước trong và ngoài khu vực đều có bước phát triển mới, là điều kiện rất thuận lợi cho công cuộc đổi mới và phát triển của nước ta.

Cùng với những thời cơ và thuận lợi mới do tình hình quốc tế đem lại, Việt nam còn có vốn quý cơ bản là đã tạo ra *thế mới, lực mới* và *gia tốc mới*. Thế mới và lực mới là

Digitized by Google

tổng hòa của những thành tựu rất to lớn, rất quan trọng của công cuộc đổi mới ; là kết quả đầy ngoạn mục của việc mở rộng và hội nhập với cộng đồng quốc tế. Gia tốc mới là sự nhân lên sức mạnh tổng hợp ở cả bên trong và bên ngoài, tạo đà cho sự tăng tốc phát triển đất nước. Thế mới, lực mới và gia tốc mới của Việt nam càng được củng cố vì Đảng cộng sản Việt nam có đường lối đúng đắn, đoàn kết nhất trí, nhân dân Việt nam cần cù thông minh, giàu lòng yêu nước, có bản lĩnh và ý chí cách mạng kiên cường, tin tưởng vào sự lãnh đạo của Đảng ; tiềm năng và lợi thế về điều kiện địa - kinh tế, tài nguyên thiên nhiên ; đặc biệt là lợi thế về nguồn lao động dồi dào, có trình độ văn hóa tương đối cao. Đó là những yếu tố rất cơ bản đem lại nguồn lực quan trọng cho đất nước ta.

Bối cảnh đặc biệt của thế giới và trong nước vừa tạo ra cho công cuộc đổi mới của Việt nam những triển vọng mới đầy hứa hẹn, vừa đặt ra những nhiệm vụ mới hết sức to lớn và nặng nề. Thuận lợi và khó khăn, thời cơ và nguy cơ đan xen nhau và cùng tác động tới chiều hướng phát triển đất nước. Vấn đề là phải chủ động nắm bắt thời cơ, tích cực tham gia quá trình hợp tác, phân công lao động quốc tế, phát huy lợi thế có sẵn và tìm lợi thế so sánh để vươn lên, phát triển nhanh và vững chắc, tận dụng thế và lực đã có, tạo ra thế và lực mới ; đồng thời luôn luôn tỉnh táo, kiên quyết đẩy lùi và khắc phục các nguy cơ, kể cả nguy cơ mới nảy sinh, bảo đảm cho sự phát triển ổn định và đúng hướng.

Xuất phát từ tình hình nói trên, Đảng ta xác định mục tiêu và nhiệm vụ cơ bản là : tiếp tục nắm vững hai nhiệm vụ chiến lược xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc, đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa, biến nước ta thành một nước công nghiệp có cơ sở vật chất kỹ thuật hiện đại, cơ cấu kinh tế hợp lý, quan hệ sản xuất tiến bộ, phù hợp với trình độ phát triển của lực lượng sản xuất, đời sống vật chất và tinh thần cao, quốc phòng, an ninh vững chắc, dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, văn minh. Trong vài chục năm, từ nay đến khoảng năm 2020, ra sức phấn đấu để biến nước ta về cơ bản trở thành một nước công nghiệp.

Thực hiện được mục tiêu và nhiệm vụ to lớn đó sẽ là một bước tiến mới trên con đường quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta. Đây thực sự là bước chuyển cách mạng mạnh mẽ và sâu sắc để đất nước có thể dần dần vươn lên ngang tầm của thế giới. Định hướng phát triển đất nước trên một số mặt, lĩnh vực chủ yếu là :

1 - *Tìm cách thức và mô hình phát triển có hiệu quả.*

Bài học phát triển chung của thế giới đã chỉ rõ : có những cách thức phát triển truyền thống là tuần tự, đi từng bước vững chắc, chỉ có thể rút ngắn chứ không thể bỏ qua các giai đoạn phát triển của sức sản xuất. Nhưng cũng có cách thức phát triển vừa tuần tự, vừa nhảy vọt, đi tắt, đón đầu. Để trở thành một cường quốc trên biển, nước Pháp đã phải có chiến lược hướng ra biển kéo dài 100 năm. Các nước công nghiệp mới (NICs) chỉ mất 30 - 40 năm để chuyển đổi nền kinh tế yếu kém sang nền kinh tế phát triển.

Về mô hình phát triển có hiệu quả : Kinh nghiệm của các nước đang phát triển, kể cả một số nước xung quanh Việt nam và Việt nam chúng ta, là trong một thời gian tương đối dài đã sử dụng hoặc có cải biên đôi chút một mô hình nhận từ bên ngoài vào, tất nhiên là của các nước đã có trình độ cao hơn, nhưng đều thất bại. Một mô hình phát triển đúng đắn và có kết quả phải là một mô hình cụ thể, tự thân, bắt nguồn từ động lực bên trong và tận dụng được các yếu tố bên ngoài.

2 - *Đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa.*

Đây là nhiệm vụ trọng tâm có tầm quan trọng hàng đầu trong thời gian tới. Công nghiệp hóa, hiện đại hóa được đẩy mạnh sẽ tạo thêm công ăn, việc làm, đẩy nhanh tốc

Digitized by Google

độ tăng trưởng kinh tế, cải thiện đời sống vật chất tinh thần của nhân dân. Công nghiệp hóa, hiện đại hóa cũng là giải pháp hữu hiệu để có thể vừa tăng tốc, vừa đi tắt đón đầu ; là con đường thoát khỏi nguy cơ tụt hậu xa hơn so với các nước xung quanh, giữ vững ổn định kinh tế - chính trị - xã hội, bảo đảm độc lập tự chủ, tự lực tự cường.

Quan điểm của Đảng ta về công nghiệp hóa, hiện đại hóa rất rõ ràng :

- Công nghiệp hóa, hiện đại hóa phải theo định hướng xã hội chủ nghĩa ;

- Giữ vững độc lập tự chủ phải đi đôi với mở rộng hợp tác quốc tế, đa phương hóa, đa dạng hóa quan hệ với bên ngoài ;

- Công nghiệp hóa, hiện đại hóa là sự nghiệp của toàn dân, của mọi thành phần kinh tế, trong đó kinh tế nhà nước là chủ đạo ;

- Lấy việc phát huy nguồn lực con người làm yếu tố cơ bản cho sự phát triển nhanh và bền vững ;

- Khoa học, công nghệ là nền tảng, kết hợp công nghệ truyền thống với công nghệ hiện đại, tranh thủ đi nhanh vào hiện đại ở những khâu quyết định ;

- Lấy hiệu quả kinh tế - xã hội làm tiêu chuẩn cơ bản để xác định phương án phát triển, lựa chọn dự án đầu tư và công nghệ ; đầu tư chiều sâu để khai thác tối đa năng lực sản xuất hiện có, tập trung thích đáng nguồn lực cho các lĩnh vực và địa bàn trọng điểm, đồng thời quan tâm đáp ứng nhu cầu thiết yếu của mọi ngành trong nước;

- Kết hợp kinh tế với quốc phòng an ninh.

3 - Thực hiện nhất quán chính sách kinh tế nhiều thành phần.

Chính sách đối với các thành phần kinh tế của Đảng và Nhà nước ta nhằm giải phóng sức sản xuất, động viên tối đa mọi nguồn lực bên trong và bên ngoài cho công nghiệp hóa, hiện đại hóa, nâng cao hiệu quả kinh tế và xã hội, cải thiện đời sống của nhân dân. Chủ động đổi mới, phát triển và nâng cao hiệu quả kinh tế nhà nước, kinh tế hợp tác, trong đó kinh tế nhà nước đóng vai trò chủ đạo, cùng với kinh tế hợp tác dần dần trở thành nền tảng ; xác lập, củng cố và nâng cao địa vị làm chủ của người lao động trong nền sản xuất xã hội, thực hiện công bằng xã hội ngày một tốt hơn ; thực hiện nhiều hình thức phân phối, lấy phân phối theo kết quả lao động và hiệu quả kinh tế là chủ yếu, đồng thời phân phối dựa trên mức đóng góp của các nguồn lực khác vào kết quả sản xuất kinh doanh và phân phối thông qua phúc lợi xã hội ; tăng cường hiệu lực quản lý vĩ mô của Nhà nước, khai thác triệt để vai trò tích cực đi đôi với khắc phục và ngăn ngừa, hạn chế những tác động tiêu cực của cơ chế thị trường ; giữ vững độc lập chủ quyền và bảo vệ lợi ích quốc gia, dân tộc trong quan hệ kinh tế đối ngoại.

4 - Tiếp tục đổi mới cơ chế quản lý kinh tế, xây dựng đồng bộ cơ chế thị trường có sự quản lý của nhà nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa.

Thực tiễn chứng tỏ rằng, sản xuất hàng hóa không phải là sản phẩm riêng của chủ nghĩa tư bản, không đối lập với chủ nghĩa xã hội, mà là thành tựu phát triển chung của văn minh nhân loại, tồn tại khách quan và cần thiết cho công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội. Vì vậy, chúng ta cần và có thể xây dựng mô hình kinh tế thị trường theo định hướng xã hội chủ nghĩa. Đối với kinh tế thị trường nước ta, thị trường vừa là căn cứ, vừa là đối tượng của kế hoạch. Kế hoạch chủ yếu mang tính định hướng ; thị trường có vai trò trực tiếp hướng dẫn các đơn vị kinh tế lựa chọn lĩnh vực hoạt động và phương án tổ chức kinh doanh. Vận dụng cơ chế thị trường đòi hỏi phải nâng cao năng lực quản lý nhà nước, đồng thời xác lập đầy đủ chế độ tự chủ của các đơn vị kinh tế, nhằm phát huy tác động tích cực đi đôi với ngăn ngừa, hạn chế những mặt tiêu cực của thị trường. Nhà nước quản lý thị trường bằng pháp luật, kế hoạch, cơ chế chính sách, các công cụ đòn bẩy kinh tế và bằng lực lượng vật chất

Digitized by Google

của khu vực kinh tế nhà nước. Nhà nước thực hiện tốt các chức năng : định hướng sự phát triển ; trực tiếp đầu tư vào một số lĩnh vực để dẫn dắt các thành phần kinh tế khác cùng phát triển ; thiết lập một khuôn khổ luật pháp thống nhất, có hệ thống chính sách phù hợp để tạo môi trường ổn định và động lực phát triển, tạo điều kiện cho giới kinh doanh làm ăn phát đạt ; khắc phục, hạn chế mặt tiêu cực của cơ chế thị trường ; phân phối và phân phối lại thu nhập quốc dân ; quản lý tài sản công và kiểm kê kiểm soát toàn bộ hoạt động kinh tế xã hội.

5 - *Chăm lo các vấn đề văn hóa, xã hội.*

Đảng ta xác định văn hóa là nền tảng tinh thần của xã hội, một động lực thúc đẩy sự phát triển kinh tế, xã hội, đồng thời là mục tiêu của chủ nghĩa xã hội. Nhiệm vụ trọng tâm của văn hóa, văn nghệ là góp phần xây dựng con người Việt nam về tư tưởng, đạo đức, tâm hồn, tình cảm, lối sống, có nhân cách tốt đẹp, có bản lĩnh vững vàng. Mọi hoạt động của lĩnh vực văn hóa là nhằm xây dựng và phát triển nền văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc, đồng thời có sự tiếp thu những tinh hoa văn hóa nhân loại. Trong khi mở cửa quan hệ với bên ngoài, luôn thực hiện phương châm : hội nhập nhưng không hòa tan, mở cửa nhưng không đánh mất mình, kiên quyết chống văn hóa lai căng, độc hại.

Hệ thống chính sách xã hội mà chúng ta đang thực hiện và tiếp tục hoàn thiện dựa trên cơ sở những quan điểm lớn của Đảng : tăng trưởng kinh tế phải gắn liền với tiến bộ và công bằng xã hội ngay trong từng bước và trong suốt quá trình phát triển. Công bằng xã hội thể hiện ở cả khâu phân phối hợp lý tư liệu sản xuất lẫn ở khâu phân phối kết quả sản xuất, cũng như ở việc tạo công ăn việc làm, điều kiện phát triển năng lực của mọi thành viên trong cộng đồng ; khuyến khích làm giàu hợp pháp đi đôi với xóa đói giảm nghèo, uống nước nhớ nguồn, đền ơn đáp nghĩa. Vấn đề quan trọng đang đặt ra đối với công tác xã hội là chống tội phạm, chống tham nhũng, buôn lậu, đẩy lùi các tệ nạn xã hội. Tìm đúng nguyên nhân từng tệ nạn ; thực hiện đồng bộ các biện pháp giáo dục, kinh tế, hành chính và pháp luật để phòng, chống có hiệu quả.

6 - *Xây dựng Nhà nước cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt nam của dân, do dân, vì dân.*

Chúng ta chủ trương xây dựng Nhà nước xã hội chủ nghĩa của dân, do dân, vì dân, lấy liên minh giai cấp công nhân với giai cấp nông dân và tầng lớp trí thức làm nền tảng, do Đảng cộng sản lãnh đạo. Quyền lực của nhà nước là thống nhất, có sự phân công, phối hợp giữa các cơ quan nhà nước trong việc thực hiện các quyền lập pháp, hành pháp, tư pháp. Thực hiện nguyên tắc tập trung dân chủ trong tổ chức và hoạt động của Nhà nước. Tăng cường pháp chế xã hội chủ nghĩa, xây dựng nhà nước pháp quyền Việt nam quản lý xã hội bằng pháp luật, theo pháp luật, đồng thời coi trọng giáo dục nâng cao đạo đức xã hội chủ nghĩa. Tăng cường vai trò lãnh đạo của Đảng đối với Nhà nước.

7 - *Xây dựng Đảng ngang tầm đòi hỏi của thời kỳ mới.*

Ở nước ta, chỉ có Đảng cộng sản Việt nam - Đảng do Chủ tịch Hồ Chí Minh sáng lập và rèn luyện, đội tiền phong chiến đấu dày dạn kinh nghiệm của giai cấp công nhân, đại biểu trung thành lợi ích của giai cấp công nhân, nhân dân lao động và của cả dân tộc, được vũ trang bằng chủ nghĩa Mác - Lê nin, tư tưởng Hồ Chí Minh và những truyền thống tốt đẹp của dân tộc, tập hợp trong đội ngũ của mình hàng triệu người con của dân tộc, gắn bó với nhân dân - là lực lượng duy nhất có khả năng lãnh đạo xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội và bảo vệ vững chắc Tổ quốc.

Để đảm nhiệm được nhiệm vụ to lớn trong giai đoạn mới, Đảng ta phải tiếp tục tự đổi mới, tự chỉnh đốn, nâng cao hơn nữa năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của mình, khắc phục cho được các khuyết điểm, các biểu hiện tiêu cực và yếu kém ❑

Digitized by Google

NGUYỄN ÁI QUỐC VỀ NƯỚC

TRẦN BẠCH ĐẰNG

"NĂM anh em chúng tôi gồm các đồng chí Phùng Chí Kiên, Thế An, Cáp, Lộc và tôi được theo Bác từ Nậm quang về nước. Hôm ấy là ngày 8.2.1941.*

"Chúng tôi ăn cơm sớm, đi chào bà con rồi lên đường.

"Trong bộ quần áo chàm Nùng, Bác như gầy hơn. Ngước nhìn gương mặt sạm sương gió của Người, tôi thấy một dáng vẻ ung dung, điềm tĩnh rất thân quen. Tôi dẫn Bác theo những vết đường mòn lượn giữa các nếp núi nối tiếp nhau ở vùng biên giới, hướng về Cao bằng. Bác cầm một cây gậy nhỏ, nhưng chỉ khi xuống dốc Bác mới chống. Chân Bác bước mau lẹ, dẻo như thanh niên...

"Qua chín giờ, mặt trời đã lóa hẳn giữa nền trời xanh. Đi một thôi nữa gặp một làng nhỏ năm sáu mái nhà sàn. Đây là làng Pò vần, một làng có cả cơ sở cách mạng của ta và Trung quốc.

"Vượt lên một đoạn dốc ngắn rồi xuống một sườn núi dài lởm chởm đá, tôi đã nhận ra cây si mọc không xa cột mốc 108. "Mốc đá như một tấm bia".

"Bác dừng lại, cúi đọc những chữ Pháp và chữ Hán khắc sâu ở cả hai mặt đá. Người hướng tầm mắt nhìn vọng hồi lâu về dải đất Tổ quốc trùng điệp. Thấp thoáng dưới xa một cụm nhà nhỏ trong lũng ngô, hoa đào, hoa mai, hoa bioọc-cà trắng thơm mùi huệ... tô điểm thêm cho những cây si, cây bàng, cây bưởi, cây ổi, chuối rừng...

"Bác dừng lại một chút nữa bên một dãy ghế đá thiên nhiên có nhiều hình dáng. Người nhìn sâu vào khoảng đất trời Tổ quốc biết bao đẹp đẽ nhưng đầy đau thương... Người đã xúc cảm những gì, đã suy nghĩ gì trong giây phút lịch sử đó ?"(1)

Lê Quảng Ba

RỜI đất mẹ từ cảng Sài gòn ở miền Nam ngày 5.6.1911, anh thanh niên Nguyễn Tất Thành mất ba mươi năm xuyên qua các châu lục để quay về địa đầu Cao bằng, miền Bắc. Cả thời gian lẫn không gian cho cuộc hành trình đều thật dài rộng, nhưng nếu lúc ra đi, Nguyễn Tất Thành 21 tuổi lần dò tìm đường cứu nước thì khi trở về, Nguyễn Ái Quốc 51 tuổi đã có trong đầu một kế sách hành động cứu nước cụ thể, khả thi.

Nguyễn Ái Quốc về nước trong một hoàn cảnh nói chung không thuận lợi. Cuộc chiến tranh thế giới lần thứ hai vừa bắt đầu, ưu thế còn nghiêng về chủ nghĩa phát xít. Trong niềm tin chung chính nghĩa sẽ thắng bạo tàn, nhân loại vẫn thấp thỏm bởi hai cường quốc phương Tây, Mỹ và Anh, vẫn chưa thật triệt để chống Đức, Ý, Nhật, mà Liên xô thì đang trải qua những ngày tháng cực kỳ khó khăn, thủ đô Mat-xcơ-va nằm trong tầm ngắm của các quân đoàn Đức hùng mạnh. Vào thời điểm đó, chiến tranh Thái bình dương chưa nổ ra nhưng Nhật chiếm hầu hết Hoa đông từ Mãn châu đến Hải nam và đã vào bắc Đông dương, Việt nam bắt đầu chịu cùng lúc hai tròng nô lệ của đế quốc bên ngoài. Cuộc khởi nghĩa Nam kỳ và Bắc sơn thất bại, lực lượng cách mạng và yêu nước trong nước bị khủng bố khốc liệt. Trung ương Đảng tổn thất nghiêm trọng, đã phải chuyển

(*) Theo *Hồ Chí Minh - Biên niên tiểu sử* (Nxb Chính trị quốc gia, Hà nội, 1993, t2) thì Nguyễn Ái Quốc đến cột mốc 108 ngày 28.1.1941 (mồng 2 tháng giêng năm Tân Tỵ).

(1) Xem Thanh Đạm : *Nguyễn Ái Quốc trên đường về nước*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà nội, 1994 tr195 - 196

Digitized by Google

địa bàn từ Nam bộ ra Bắc bộ. Đời sống mọi mặt của đồng bào ta vô cùng cơ cực. Cách mạng Việt nam trong thế thoái trào, ở vào tình trạng như một ốc đảo.

Ba mươi năm trước, khi ra đi, Nguyễn Tất Thành đau khổ trước số phận đen tối của Tổ quốc mình. Bây giờ, từ Pắc bó nhìn suốt ba miền, số phận đó vẫn chưa có gì thay đổi. Tuy nhiên, Nguyễn Ái Quốc và những người cộng sản Việt nam xác tín rằng sớm muộn gì thời cơ cũng sẽ đến, sự giống nhau về cảnh ngộ ba mươi năm trước và hiện giờ chỉ là cái lớp bề mặt che một cuộc vận động tiềm tàng đang chờ dịp bộc phát, bởi ba mươi năm ấy không phải là thời gian vô ích đối với sự giác ngộ và đan kết dân tộc trong xu thế tiến lên của thế giới và phương Đông. Ba mươi năm thúc giục nỗi khát khao cấp bách đổi đời của mọi người dân Việt nam.

Ra đi năm xưa, Nguyễn Tất Thành không có gì trong tay ngoài trái tim trăn trở và sôi sục. Nay trở về, Nguyễn Ái Quốc đã là một nhà cách mạng lịch lãm, trải qua đủ mùi cay đắng trong trường đời và trường chính trị. Trái tim vẫn nóng như thuở thanh xuân mà tri thức đã đạt tầm thời đại và kinh nghiệm đã dạn dày. Vẫn hai bàn tay trắng khi qua cột mốc 108, Nguyễn Ái Quốc biết mình sẽ phải làm gì, làm như thế nào. Con đường cứu nước đã có một chân trời thông thoáng, không chỉ từ trang sách mà từ hiện thực của thế giới, nhất là từ những động thái bên trong của Việt nam, sự chín muồi tất yếu của tình thế - nếu tiềm lực không gì thay thế được phát huy đúng hướng, được tổ chức tốt, được chỉ đạo khoa học. Mặt trận Việt minh ra đời, rồi sau đó Đội Việt nam tuyên truyền giải phóng quân chiến khu Cao - Bắc - Lạng và Thái - Tuyên - Hà vững bước - những trang bị tối thiểu mà cũng tối cần thiết cho cuộc đọ sức quy mô toàn quốc giã sẽ diễn ra không bao lâu sau đó. Lướt qua hoàn cảnh chung của cách mạng thế giới và cách mạng Việt nam vào buổi Nguyễn Ái Quốc đặt chân trở về đất nước, chúng ta hiểu rằng Nguyễn Ái Quốc không vượt biên giới trên thảm nhung, không phải trong tiếng kèn khải hoàn hay trong cảnh mâm cỗ đã sẵn sàng. Một số sách báo ngoài nước và một số "tài liệu" lưu hành trong nước mô tả quá trình chuẩn bị giành độc lập dân tộc của chúng ta như chuyện "trở bàn tay", "lấy đồ trong túi". Sự thật từ cái hang Pắc bó, từ miền núi heo hút Cao bằng, bốn, năm năm đúng là "nằm gai nếm mật" mới đi đến cao trào Tháng Tám 1945. Tưởng tượng bao giờ cũng giản đơn hơn hành động trong thực tế. Cái khoản "bất chiến tự nhiên thành" rất thích hợp với tì vị những tay "cà nhỏng chống xâm lăng" trong khi những người cách mạng chân chính quyết đổi mạng sống của mình để khai phá con đường chinh phục tự do, độc lập.

Từ Cao bằng về Hà nội, đường đất ngắn hơn nhiều so với từ Bến nhà rồng qua châu Á, châu Âu, châu Mỹ, châu Phi, qua đại lục Liên xô và Trung quốc về Cao bằng, nhưng vài trăm cây số đòi hỏi vừa nghị lực, vừa trí tuệ ở tầm cao, có thể nói là tầm cao nhất. Giành nước từ tay thực dân, một công việc xưa nay đều khó. Hơn nữa, lần này mà không lấy lại chủ quyền quốc gia thì biết đến tận bao giờ.

Vấn đề quyết định số một là phải dấy lên cho được một phong trào yêu nước - đúng hơn, một phong trào cứu nước - với nhiều dạng thức khác nhau, thu hút cho kỳ được đông đảo người Việt nam ở nông thôn và thành thị, miền ngược và đồng bằng, trong mọi tầng lớp, sắc tộc, tín ngưỡng ở khắp mọi miền đất nước. Khẩu hiệu cứu nước đã trở thành khẩu hiệu trung tâm của toàn dân tộc. "Đứng lên đáp lời sông núi" là sức mạnh toàn thắng lớn lao. Tạo được một phong trào cứu nước như thế, lực lượng lãnh đạo sẽ phát triển đủ số lượng và chất lượng làm nòng cốt cho cách mạng một khi chuyển sang thời cơ dứt điểm.

Nguyễn Ái Quốc đã chỉ đạo cuộc vận động cách mạng ở Việt nam trong suốt thời gian chiến tranh Thái bình dương theo phương hướng đó, chỉ đạo một cách kiên định. Cách mạng Việt nam đã vượt qua trùng trùng thử thách, từ yếu lên mạnh, từ thoái trào lên cao trào, đủ khả năng biến đổi số phận quốc gia, dân tộc.

Đọc *Nguyễn Ái Quốc trên đường về nước* của Thanh Đạm, chúng ta hiểu những gian khổ chất chồng đối với Nguyễn Ái Quốc trong ba mươi năm. Dù sinh sống hay hoạt động ở đâu, Nguyễn Ái Quốc đau đáu hai chữ *"về nước"*. Đi thật xa để tìm đường về nước - sau khi đi thật xa để tìm đường cứu nước.

Có thể nói cả mục tiêu lẫn động lực của Nguyễn Tất Thành rồi Nguyễn Ái Quốc,

Digitized by Google

không bao giờ dời đổi, là cứu nước. Về nước để thực thi kế sách cứu nước.

Chính từ sự khẳng định chắc nịch ấy mà Nguyễn Ái Quốc vạch đường lối cách mạng Việt nam trong tình hình mới đầy sáng tạo. Người không ngại bị quy chụp là "phần tử dân tộc chủ nghĩa" bởi Người đã giác ngộ với chiều sâu lý tưởng cách mạng vô sản ở một nước thuộc địa, tính đến các điều kiện thực tế, không rơi vào lối mòn giáo điều. Bài học vẫn còn sờ sờ đó trước khi Người về nước ít lâu : cuộc khởi nghĩa Nam kỳ mạnh mẽ và anh hùng đến thế song vừa chưa có thời cơ vừa vẫn bó hẹp trong hàng ngũ tiền phong, không huy động được sức mạnh dân tộc, cuối cùng phải trả giá quá đắt. Người suy nghĩ và quả thật tuyệt vời, Mặt trận Việt minh do Người sáng lập ra đời chỉ sau khởi nghĩa Nam kỳ vài tháng chắc chắn không phải ngẫu nhiên trong chuyển hướng chiến lược này.

Nguyễn Ái Quốc đã dũng cảm quyết định tập trung toàn bộ lực lượng cho yêu cầu then chốt của sự nghiệp cách mạng Việt nam, tức cho công cuộc giải phóng dân tộc. Không giải phóng dân tộc được thì làm sao đưa cách mạng Việt nam tiến xa hơn. Nước không độc lập, tự do thì không có cái gì cả. Cũng như sau này, dân không giàu, nước không mạnh thì làm sao có được một xã hội công bằng, văn minh.

Tư duy Nguyễn Ái Quốc phát triển trong tư duy Hồ Chí Minh - Hồ Chí Minh là kết tinh của quá trình Nguyễn Tất Thành, Nguyễn Ái Quốc. Tất nhiên, chủ nghĩa yêu nước của Hồ Chí Minh là nấc cao khi trong nó, chủ nghĩa yêu nước của cha ông Việt nam được *hiện đại hóa* kết hợp với sự *Việt nam hóa* học thuyết Mác - Lê-nin và sự ứng dụng các tư tưởng tinh hoa của loài người.

Nghiên cứu các di sản của Hồ Chủ tịch, chúng ta ít thấy Người tư biện về quan điểm của Người, song nội dung từng di sản đã nói rõ. Là một người cộng sản, Nguyễn Ái Quốc-Hồ Chí Minh luôn thể hiện nguồn xuất xứ của bản thân : một người cộng sản mà Tổ quốc là Việt nam - một nước cụ thể với đồng bào cụ thể. Người Việt nam yêu nước và một chiến sĩ cộng sản quốc tế Nguyễn Ái Quốc - Hồ Chí Minh hòa quyện vào nhau như một thực thể.

Không phải vô căn cứ khi ta nói rằng đây là chỗ vĩ đại nhất của Bác Hồ chúng ta. Và, đây là nét đặc trưng lớn của người Việt nam: *đầy tinh thần quốc tế trên cơ sở tinh thần dân tộc.*

Có một lập luận : Tập hợp dân tộc, đại đoàn kết dân tộc của Hồ Chí Minh và Đảng cộng sản Việt nam chỉ là sách lược ngắn, sự ứng phó nhất thời vì mục tiêu trước mắt. Hoàn toàn không phải như vậy - cái có thể đúng với trường hợp đâu đó lại không đúng với tư tưởng Hồ Chí Minh. Nguyễn Ái Quốc rút ra kinh nghiệm trong quá trình bôn ba và cọ xát của mình, thấy rằng sẽ không tưởng nếu cách mạng vô sản Việt nam không xuất phát từ đặc thù của dân tộc Việt nam. Một nước thuộc địa và nông nghiệp lạc hậu cần tư tưởng giai cấp công nhân soi sáng để xử lý thành công thách thức giải phóng dân tộc và xây dựng một xã hội giàu mạnh trong công bằng và văn minh.

Tập hợp dân tộc đến mức rộng nhất có thể tập hợp được là vũ khí giành nước, giữ nước và xây dựng nước xuyên suốt lịch sử Việt nam. Nó thể hiện sắc nét trong Cách mạng Tháng Tám, trong hai cuộc kháng chiến, và dĩ nhiên, trong quá trình tiến lên một xã hội mới. Như vậy, nó không phải một sách lược cấp thời. Sự phân hóa xã hội qua từng giai đoạn lịch sử là điều có thật, song tư tưởng Hồ Chí Minh cổ xúy cho mối liên kết dân tộc thành nhân tố chủ đạo, thu hẹp các phân hóa thành hiện tượng phụ, bởi cuối cùng rồi thực thể Việt nam vẫn tồn tại lâu dài.

Nói rằng "tư tưởng Hồ Chí Minh là sự ứng dụng chủ nghĩa Mác - Lê-nin vào hoàn cảnh cụ thể Việt nam" chỉ đúng một phần. Không một ứng dụng nào mang hiệu quả nếu thiếu chất sáng tạo. Là một người theo thuyết duy vật biện chứng, mong muốn xây dựng chủ nghĩa xã hội ở quê hương mình, Nguyễn Ái Quốc - Hồ Chí Minh cố gắng xa lánh chủ nghĩa giáo điều. Điều đó cắt nghĩa những thành công của cách mạng Việt nam từ khi Nguyễn Ái Quốc về nước.

Nguyễn Ái Quốc về nước cách nay 55 năm sau khi tìm đường cứu nước, tôi xin nhấn mạnh lần nữa - luôn là sự kiện cập nhật, như đồng chí Tổng bí thư Đỗ Mười nói : Việt nam phải khai phá con đường đi của mình...

"*Ái Quốc*" một cách "*chí minh*", then chốt của vấn đề là ở chỗ đó !

1.1996

Digitized by Google

HỆ THỐNG CÔNG NGHỆ MỚI VÀ XU THẾ THỜI ĐẠI

VŨ ĐÌNH CỰ *

SAU khi chế độ xã hội chủ nghĩa ở Liên xô và các nước Đông Âu tan rã, đây đó xuất hiện tư tưởng hoài nghi, phân vân về xu thế phát triển của thời đại. Câu hỏi đặt ra là : thời đại chúng ta có còn là thời đại quá độ từ chủ nghĩa tư bản lên chủ nghĩa xã hội trên phạm vi toàn thế giới hay không ?

Sự thực thì nếu phân tích kỹ các sự kiện kinh tế - xã hội trong thế kỷ 20, đặc biệt là với sự xuất hiện hệ thống công nghệ mới, chúng ta thấy tư tưởng chiến lược đó vẫn hoàn toàn có căn cứ khoa học, vì mấy lẽ :

1 - *Sau chiến tranh lạnh, khủng hoảng của chủ nghĩa tư bản lại nóng lên.*

Đúng là nền kinh tế thị trường tư bản chủ nghĩa đã mang lại sự nhảy vọt về lực lượng sản xuất và sự tăng trưởng về kinh tế chưa từng có trong lịch sử loài người. Tổng sản lượng hằng năm của toàn thế giới trong vòng 270 năm (từ năm 1700 đến năm 1970) đã tăng lên khoảng gần 2 000 lần [1]. Chủ nghĩa tư bản đã đi từ hệ thống công nghệ *thứ nhất* với các máy móc sản xuất trong công trường thủ công phát triển sang hệ thống công nghệ *thứ hai*, với máy móc chế tạo bởi máy cái của đại công nghiệp. Hệ thống công nghệ thứ hai này kéo dài từ giữa thế kỷ 18 sang thế kỷ 19 với máy hơi nước là nguồn năng lượng điển hình. Tiếp theo là hệ thống công nghệ *thứ ba* từ cuối thế kỷ 19 sang đầu thế kỷ 20 với trình độ cao của cơ khí hóa kết hợp với điện khí hóa và bước đầu của tự động hóa [2]. Kể từ sau chiến tranh thế giới thứ hai đến nay, loài người đang chuyển sang hệ thống công nghệ *mới* (sẽ tiếp tục trong thế kỷ 21).

Sự phát triển mạnh mẽ công nghệ trong chủ nghĩa tư bản đã được phân tích và dự đoán trong các tác phẩm kinh điển của chủ nghĩa Mác - Lê-nin, đặc biệt trong *Tuyên ngôn của Đảng cộng sản* : "Giai cấp tư sản không thể tồn tại, nếu không luôn luôn cách mạng hóa công cụ sản xuất... Sự đảo lộn liên tiếp ấy của sản xuất, sự rung chuyển không ngừng ấy làm cho thời đại tư sản khác với tất cả các thời đại trước" [3].

Tuy nhiên, ngay từ cuối thế kỷ 19 và đặc biệt là nửa đầu thế kỷ 20, cuộc đại khủng hoảng kinh tế năm 1930, hai cuộc chiến tranh thế giới đẫm máu đã tàn phá không biết bao nhiêu lực lượng sản xuất của toàn thế giới và cuộc Cách mạng Tháng Mười Nga với sự hình thành cộng đồng các nước xã hội chủ nghĩa, đã chứng tỏ rằng các khả năng mà chủ nghĩa tư bản tạo ra đã phát triển tới gần cực điểm của nó, thể hiện ở chỗ "tay phù thủy không còn đủ sức trị những âm binh mà y đã triệu lên" [4], như

* GS. TS. Ủy viên Trung ương Đảng, Chủ nhiệm Ủy ban khoa học - công nghệ và môi trường của Quốc hội

(1) W. Rostov: *Nền kinh tế thế giới : Lịch sử và triển vọng*, London, 1978

(2) Báo cáo về công nghệ, *Tạp chí khoa học kỹ thuật* (Sciences et Techniques), số đặc biệt, tháng 6 năm 1986

(3) C. Mác - Ph. Ăng-ghen : *Tuyển tập*, Nxb Sự thật, Hà nội, 1980, t 1, tr 544 - 545

(4) *Sđd*, t 1, tr 548

Digitized by Google

lối nói ẩn dụ trong *Tuyên ngôn của Đảng cộng sản.*

Ấy thế mà chỉ sau sự kiện sụp đổ thể chế xã hội ở các nước Đông Âu và Liên xô cũ, lại nổi lên một khuynh hướng cơ hội xét lại mới, nghi ngờ và phủ nhận tính tất yếu lịch sử của chủ nghĩa xã hội. Và sự tồn tại với bước phát triển mới của các nước xã hội chủ nghĩa còn lại như Việt nam và Trung quốc, cùng sự phục hồi bước đầu của phong trào cộng sản và cánh tả trên toàn thế giới, những ai tưởng rằng đã tới "sự tận cùng của lịch sử" (5) chắc chắn không khỏi hổ thẹn về lối tư duy nông cạn, phiến diện dưới cái vỏ làm ra vẻ còn dám "uyên bác hơn cả ông Đuy-rinh" (6).

Điều đáng ngạc nhiên hơn là sau chiến tranh lạnh, đã xảy ra một cuộc khủng hoảng trầm trọng về ý thức hệ của chủ nghĩa tư bản. Tính chất nghiêm trọng của nó thể hiện ở chỗ chính tác giả và đạo diễn màn kịch thập tự chinh chống cộng, như các ông R.Ních-xơn và Z. Brê-din-xki cũng phải đau lòng vạch ra hàng chục khuyết tật cố hữu, khó lòng khắc phục nổi trong chủ nghĩa tư bản hiện đại. Ngay về mặt phát triển kinh tế cũng không có gì sáng sủa. Trong 4 năm qua, các nước tư bản phát triển (OECD - khoảng 20 nước) mặc dầu vẫn chiếm đến 2/3 tổng sản phẩm hằng năm của thế giới, nhưng mức tăng trưởng tổng sản phẩm quốc nội (GDP) đã chững lại, trung bình chỉ ở mức khoảng 2% (trong khi mức trung bình của thế giới là trên 3%). Nền kinh tế huyền thoại một thời của Đông Á bỗng tụt xuống mức tăng trưởng âm và đang cố gắng ở gần vạch 0. Ngay các học giả của chủ nghĩa tư bản cũng liên tiếp đưa ra các luận cứ, các sự kiện gián tiếp phủ định chủ nghĩa tư bản ; dự báo sẽ có sự chia tay "đau đớn" với chủ nghĩa tư bản để tiến sang một xã hội mới, thường được gọi là "hậu công nghiệp" hoặc "làn sóng thứ ba" (7) hoặc "hậu tư bản" (8).

Tất nhiên, không thể không thấy tính mâu thuẫn nội tại và nửa vời của luận điểm trong các dự báo nói trên, nhưng dẫu sao trong đó cũng nêu lên nhiều sự kiện phong phú, rất đáng chú ý. Và nhân loại cũng bắt đầu bừng tỉnh : chủ nghĩa tư bản đâu có là tấm gương cho ai !

2 - *Hệ thống công nghệ mới mâu thuẫn với tư hữu tư sản.*

Như đã trình bày ở trên, kể từ giữa thế kỷ 20, loài người chuyển sang một hệ thống công nghệ mới. Hệ thống công nghệ mới này là kết quả tất yếu của cuộc cách mạng khoa học cuối thế kỷ 19 đầu thế kỷ 20, với sự ra đời của thuyết tương đối Anh-xtanh và thuyết lượng tử về vận động của các hạt vi mô.

Dựa trên những tri thức mới mẻ và sâu sắc về thời gian, không gian, về cấu trúc và cơ chế vận động của vật chất ở mức ngày càng cao, khi đi vào thế giới vi mô của các phân tử, nguyên tử, hạt nhân nguyên tử, hạt cơ bản, khi đi ra xa khỏi thái dương hệ, vào sâu thiên hà, đại thiên hà và vũ trụ, đã xảy ra một cuộc bùng nổ các kiến thức mới về giới tự nhiên, lượng và chất của các kiến thức mới này vượt hơn hẳn hiểu biết của loài người ở tất cả các thời đại lịch sử trước đó gộp lại về giới tự nhiên. Từ khối lượng khổng lồ các tri thức mới đó của khoa học tự nhiên, một số đã có thể ứng dụng thẳng vào sản xuất, nghĩa là "khoa học trở thành lực lượng sản xuất trực tiếp ; số khác, qua nghiên cứu ứng dụng triển khai, tạo ra một loạt các kỹ thuật mới. Những thành tựu liên tục phát triển như thác lũ đó của khoa học

(5) F. Fukuyama : "Sự tận cùng của lịch sử", tạp chí *Quyền lợi quốc gia* (National Interest), số 3 - 1989

(6) Xem C. Mác - Ph.Ăng-ghen : *Sđd*, t 5, tr 45

(7) Xem tác phẩm bộ ba của Alvin Toffler : Cú sốc tương lai (*The Future Shock*), Làn sóng thứ ba (*The Third Wave*) và thăng trầm quyền lực (*Power Shift*), Nxb Bantam Books, New York, 1990

(8) Xem P. Drucker : Xã hội hậu tư bản (Post-capitalist Society), Trung tâm thông tin tư liệu Viện nghiên cứu quản lý kinh tế trung ương, Hà nội, 1995

Digitized by Google

tự nhiên và kỹ thuật trong những thập kỷ qua đã hình thành nên hệ thống công nghệ mới với các *thành phần chủ yếu* : công nghệ *thông tin* (còn gọi là công nghệ *viễn toán* ; với các máy tính điện tử làm cốt lõi) ; công nghệ *di truyền* (liên quan đến *sinh học phân tử*) ; công nghệ *vật liệu mới* ; công nghệ *năng lượng mới* (năng lượng hạt nhân, năng lượng tái tạo, v.v.) ; công nghệ *hàng không - vũ trụ* ; công nghệ *biển - hải dương* ; v.v..

a) Hệ thống công nghệ mới có *những đặc điểm mới về chất* so với các hệ thống công nghệ trước đó. Trước hết, nó dựa trên các loại máy *4 bộ phận* (thêm bộ phận mới là bộ phận *điều khiển*), cao hơn loại máy ba bộ phận của các hệ thống công nghệ trước đó [9]. Do đó, con người có thể tách ra khỏi các loại máy, đứng bên cạnh dây chuyền sản xuất, đóng vai trò giám sát và điều phối các máy. Nhờ vậy có bước nhảy vọt mới về năng suất lao động và chất lượng sản phẩm.

Hệ thống công nghệ mới sử dụng ngày càng nhiều thông tin, kiến thức, trí tuệ vào sản xuất. Các yếu tố này có hàm lượng ngày càng cao trong sản phẩm ; trái lại, các yếu tố nguyên - nhiên - vật liệu ngày càng giảm. Đặc biệt, các quá trình *thiết kế* và *chế tạo* với sự hỗ trợ của máy tính, người máy hoặc bàn tay máy, đã tạo ra các loại "máy móc thông minh" và các sản phẩm chưa từng có trong các hệ thống công nghệ cũ. Ví dụ, hệ thống công nghệ mới có thể tạo ra các *sinh vật mới* không có trong tự nhiên.

Hệ thống công nghệ mới hoạt động với nhịp độ và tốc độ cao hơn hẳn so với các hệ thống công nghệ cũ. Chính vì thế, ở hệ thống công nghệ thứ ba mới đo thời gian đến độ chính xác *một phần nghìn* của giây đồng hồ, thì ở hệ thống công nghệ mới phải đo thời gian đến độ chính xác *một phần tỉ* của giây đồng hồ (gọi là *nano-giây*, do đó công nghệ mới còn gọi là công nghệ *nano*).

Còn có thể nêu lên nhiều đặc trưng kỹ thuật khác của hệ thống công nghệ mới, nhưng nó đang còn phát triển, chưa phải là đã trưởng thành.

b) Có người cho rằng hệ thống công nghệ mới là do chủ nghĩa tư bản tạo ra. Đó là một ý kiến sai lầm. Chính chủ nghĩa xã hội hiện thực đã góp phần to lớn trong việc tạo dựng nên hệ thống công nghệ mới, mặc dầu lúc ban đầu nó có phạm phải sai lầm đối với thuyết tương đối và công nghệ di truyền. Dù thế nào thì các thành tựu của chủ nghĩa xã hội hiện thực về năng lượng hạt nhân, về công nghệ hàng không - vũ trụ và về nhiều công nghệ mới khác tới nay đã được thừa nhận rộng rãi trên thế giới.

Như vậy, chúng ta thấy rằng chỉ *mấy chục năm* chủ nghĩa xã hội đã có thể phát triển hệ thống công nghệ mới trong sự bao vây ngặt nghèo của chủ nghĩa tư bản, trong khi chủ nghĩa tư bản phải *sau gần 300 năm tích lũy* mới đạt được trình độ phát triển hệ thống công nghệ mới. Điều này nói lên rằng tính xã hội hóa cao của nền sản xuất thích hợp với hệ thống công nghệ mới hơn là tư hữu về tư liệu sản xuất. Ở đây, rõ ràng có vai trò của tính thời đại. Đặc biệt, chiều hướng quan trọng của hệ thống công nghệ mới lại xuất phát từ các nước xã hội chủ nghĩa. Thật vậy, việc nghiên cứu *các chất bán dẫn điện* dẫn đến công nghệ thông tin ngày nay ; việc nghiên cứu *khí thủy động lực học* và *chế tạo tên lửa* dẫn đến công nghệ hàng không - vũ trụ ngày nay, v.v. đều bắt đầu từ các nước xã hội chủ nghĩa.

Trong các nước tư bản phát triển, khi có hệ thống công nghệ mới, mặc dầu các nhà tư sản ra sức thay đổi cơ cấu kinh tế, đổi mới cơ sở hạ tầng sản xuất, nhưng họ vẫn gặp những khó khăn không thể vượt qua, như đã nêu ở trên. Hệ thống công nghệ mới, một khi bị ràng buộc bởi lợi nhuận tối

(9) Theo C. Mác và Ph. Ăng-ghen : *Toàn tập*. Nxb Chính trị quốc gia. Hà nội. 1993. t 23. tr 538

Digitized by Google

đa, sẽ ném ra hè phố hàng triệu công nhân (mức thất nghiệp có thể vượt hai con số) ; các công ty siêu quốc gia khổng lồ có nguy cơ bị xé nhỏ. Cơ cấu thị trường bị rối loạn phải sắp xếp co cụm lại thành các nhóm đối lập nhau. Sự xuất hiện *tiền điện tử* thực tế đã làm cho "tiền" và "hàng" không còn giữ được mối quan hệ đáng phải có, dẫn đến sự rối loạn trong hệ thống tài chính - ngân hàng, như vụ khủng hoảng thị trường chứng khoán tháng 10-1987. Tóm lại, mâu thuẫn giữa tư hữu tư sản trong chủ nghĩa tư bản và sự đòi hỏi nền sản xuất mang tính xã hội hóa cao của hệ thống công nghệ mới đang ngày càng trở nên gay gắt.

c) Khi các sản phẩm của hệ thống công nghệ mới ra đời, có sự hẫng hụt nghiêm trọng trong quan hệ giữa người và máy. Trong các hệ thống công nghệ trước đây, con người hiểu rõ hơn cơ chế hoạt động của máy móc, ít nhất là hiểu những nguyên tắc cơ bản, vì chúng chủ yếu dựa trên các quy luật đơn giản của cơ học. Ví dụ, hồi đầu thế kỷ này, người thợ tiện hiểu rất rõ cơ cấu và hoạt động của máy tiện, người dùng xe đạp hiểu rất rõ cơ cấu, vận hành của nó, vì đó là những máy móc và dụng cụ dựa trên các định luật cơ học.

Ngày nay, trong hệ thống công nghệ mới, người thợ khó có thể hiểu được nguyên lý hoạt động của các rô-bốt ; họ chỉ biết bấm nút theo một quy trình cho sẵn ; trong gia đình, người ta cũng chỉ bấm nút để xem ti vi, vi-đê-ô, chứ không hiểu được các nguyên lý hoạt động của chúng. Mà hiểu thế nào được, vì nguyên lý hoạt động của chúng dựa trên thuyết lượng tử và thuyết tương đối !

Muốn tránh được sự hẫng hụt về quan hệ tâm lý giữa người và máy, phải làm sao cho toàn dân có trình độ đại học hoặc trên đại học. Nhưng trong chế độ tư bản chủ nghĩa thì nguyên lý vận hành của nó lại là *sự phân cực cả về học vấn*, để có một lớp người ít học ở mức chỉ được phép bán sức lao động rẻ mạt. Chính sự hẫng hụt giữa người và máy do chủ nghĩa tư bản tạo ra, đang là tai họa cho nhân loại ngày nay. Đó là việc dùng các sản phẩm của hệ thống công nghệ mới để tha hóa con người nhanh hơn và tiêu diệt con người nhiều hơn. Không ai khác hơn, chính chủ nghĩa tư bản phải chịu trách nhiệm về hai quả bom nguyên tử đã tiêu diệt trong khoảnh khắc hàng chục vạn người, và bây giờ là sự lan tràn toàn cầu (vì lợi nhuận !) một nền phản văn hóa nghe nhìn vô luân, mà hậu quả của nó sẽ kéo dài nhiều thế hệ. Những sự kiện này đã được nêu lên khá nhiều trong các tác phẩm của An-vin Tô-phlơ (Alvin Toffler) và P.Đrắc-cơ (P.Drucker) đã dẫn ở trên. Có điều là các tác giả đó không phân tích đến tận gốc rễ của chúng là ở chỗ : *tư hữu tư sản các tư liệu sản xuất trong chủ nghĩa tư bản đang mâu thuẫn gay gắt với hệ thống công nghệ mới*, tức là với *lực lượng sản xuất mới*. Chính mâu thuẫn này là nguồn gốc của các sự kiện kể trên.

3 - *Trí tuệ trái với tư hữu.*

Trí tuệ con người phát triển qua một quá trình lâu dài trong lao động sản xuất, hòa hợp với thiên nhiên và các mối quan hệ xã hội. Ngày nay, với khối lượng tri thức mới khổng lồ, đặc biệt là với sự ra đời của máy tính điện tử và các hiểu biết mới về hệ não - thần kinh, người ta có thể phân loại và sắp xếp các cấp độ của tư duy và nhận thức theo trình tự đại thể như sau :

a) Thấp nhất là các *dữ liệu*, đó có thể là các số liệu thống kê, các sự kiện trực tiếp quan sát, các kết quả từ các máy đo, v.v..

b) Khi các dữ liệu được chắt lọc, chuẩn hóa, xử lý sơ bộ, ta thu được các *thông tin*, chúng là các nguyên liệu đầu vào của các máy tính điện tử.

c) Khi các thông tin được xử lý, tổng hợp, tìm được các đại lượng tương quan, các

Digitized by Google

liên hệ nhân - quả, các quy luật, định luật, nguyên lý, ta thu được các *tri thức*. Tri thức có thể thu được qua tư duy trên các kết quả xử lý thông tin của máy tính ; cũng có thể thu được trực tiếp từ máy tính nếu ở máy tính đã cài đặt chương trình xử lý thông tin cần thiết.

d) Tổng hợp những tri thức của nhiều lĩnh vực sẽ tạo cơ sở cho sự nhận thức đúng đắn thực tiễn và đạt tới mức *trí tuệ*. Hiện có thể giao cho máy thực hiện một số chức năng hạn chế của trí tuệ bằng các phương tiện gọi là "trí tuệ nhân tạo". Các hệ máy có các phương tiện này thường được gọi là các "hệ chuyên gia", có khả năng làm các công việc như : chẩn đoán bệnh, soạn nhạc, tìm chỗ hỏng hóc trong các máy, tổ chức tập trận giả, v.v..

đ) Trí tuệ được tổng hợp với tâm lý (bao hàm cả đạo đức và thẩm mỹ) sẽ trở thành tư duy ở cấp độ cao nhất : *trí khôn* hay *sự minh triết*.

Trong xã hội tư bản, cơ chế thị trường mở rộng đòi hỏi phải biến thành hàng hóa mọi giá trị, trong đó có các bộ phận của tư duy.

Trí khôn thường được xếp vào loại "vô giá", và cho đến nay, không có luật pháp tư sản nào có thể biến thành hàng hóa các giá trị của trí khôn. Lý do là trí khôn có tính xã hội rất cao, nó không chấp nhận quy luật giá trị với sở hữu tư nhân. Các giá trị của trí khôn chỉ thể hiện ở hàm lượng "sử dụng" trên quy mô toàn xã hội với thời gian lâu dài. Chính vì vậy đối với Khổng Tử, Pla-tôn, A-ri-xtốt, v.v.., không ai trả quyền tác giả mà chỉ đáp lại bằng sự tôn vinh của lịch sử.

Một số bộ phận của trí tuệ và cấp thấp hơn trí tuệ của tư duy, trong thời kỳ của hệ thống công nghệ thứ ba, đã hình thành quy định luật pháp để biến chúng thành hàng hóa gọi là "sở hữu trí tuệ". Phạm trù "sở hữu trí tuệ" ngay trong bản thân đã chứa đựng mâu thuẫn mang tính bản chất không thể khắc phục được. Bất kỳ một loại thông tin, tri thức hay trí tuệ nào đều mang tính xã hội. Một nhà bác học bao giờ cũng tiếp thu các tri thức của xã hội loài người trong nhiều thời đại, mới sáng tạo ra được các tri thức mới, phát hiện ra các quy luật mới... Bởi vậy, trí tuệ không thể chấp nhận cách đối xử như đối xử với các tài sản, vật thể thông thường. Quyền sở hữu đối với các tài sản, vật thể thông thường bao gồm *ba* loại quyền : quyền *chiếm hữu*, quyền *định đoạt* và quyền *sử dụng*. Không thể nào thực hiện được ba quyền này đối với trí tuệ. Ví dụ, không thể nào thực hiện được quyền chiếm hữu một định luật khoa học, vì bản thân định luật đó, khi được phát hiện ra, có nhu cầu được phổ biến càng rộng rãi càng tốt. Về quyền định đoạt và quyền sử dụng đối với trí tuệ cũng tương tự như vậy. Rõ ràng, trí tuệ mâu thuẫn sâu sắc với sở hữu tư nhân, cho nên các quy định luật pháp về sở hữu trí tuệ chỉ được áp dụng một cách rất hạn chế.

Sang hệ thống công nghệ mới, khi mà trí tuệ có hàm lượng lớn trong các sản phẩm, mâu thuẫn nói trên có xu hướng ngày càng gay gắt. Đó chính là vấn đề hóc búa mà vòng đàm phán U-ru-goay của tổ chức GATT (*Hiệp định chung về thuế quan và thương mại*) còn phải gác lại và tổ chức WTO (*Tổ chức thương mại thế giới*) kế tiếp chắc cũng chưa có cách gì để giải quyết thỏa đáng trong thời gian tới.

Hãy xét vài ví dụ. Một số gien lấy không từ các nước nhiệt đới kém phát triển, được đưa về các phòng thí nghiệm của các nước tư bản phát triển. Các gien đó được xử lý, ghép nối để tạo ra các giống cây, con mới, cho năng suất và sản phẩm chất lượng cao, lại đem bán lại cho các nước chậm phát triển và đòi quyền sở hữu trí tuệ với giá rất cao. Thử hỏi tại sao các nước nhiệt đới chậm phát triển không được đòi quyền sở hữu trí

Digitized by Google

tuệ của các gien ban đầu ? Mạng máy tính *Internet* phát sinh từ Hoa kỳ, nay được nối ra toàn cầu, có khoảng trên 30 triệu máy tính điện tử nối mạng sử dụng. Nước Mỹ lúc đầu đặt mạng này trong sở hữu nhà nước, nay mạng này được tư nhân hóa. Đang có một sự lúng túng về cách xử lý đối với mạng Internet này với *hai* lý do : *trước hết* là vấn đề quản lý và mối quan hệ trong quản lý của các nước để đảm bảo an ninh và trật tự ; *sau đó* là các vấn đề sở hữu gắn với các vấn đề quản lý nói trên [10]. Chính do mâu thuẫn đó mà mạng Internet không thể phát triển nhanh hơn để đáp ứng nhu cầu phát triển của các nước, nhất là các nước nghèo.

Những điều vừa trình bày ở trên cho thấy rõ : hệ thống công nghệ mới đòi hỏi tính xã hội hóa cao của sản xuất, đồng thời cũng làm cho sản xuất mang tính xã hội hóa ngày càng cao. Do đó, nó mâu thuẫn ngày càng sâu sắc với quyền sở hữu tư nhân về tư liệu sản xuất, tức là với bản chất của chủ nghĩa tư bản. Mâu thuẫn này lại càng đặc biệt nghiêm trọng trong vấn đề môi trường, sẽ xin trình bày trong một bài viết khác. Đó cũng chính là mâu thuẫn nội tại và tính nửa vời của các tác phẩm của An-vin Tô-phlơ và P.Đrắc-cơ.

An-be Anh-xtanh, nhà bác học lớn nhất của thế kỷ 20, cha đẻ của hệ thống công nghệ mới, 6 năm trước khi qua đời, từ giữa nước tư bản phát triển nhất, đã viết những dòng tâm huyết : "Theo tôi, chính sự què quặt của các cá nhân là điều xấu nhất trong các tai họa của chủ nghĩa tư bản... Tôi tin chắc chỉ có một cách loại bỏ những tai họa nghiêm trọng ấy là thiết lập một nền kinh tế xã hội chủ nghĩa kèm theo một hệ thống giáo dục nhằm vào những mục tiêu xã hội"[11] ❑

(10) Xem tạp chí *Courrier International*, số 258, tháng 10-1995, tr 8

(11) A. Anh-xtanh : *Monthly Review*, t 1, số 1, tháng 5 năm 1949

Yếu tố mới...

(Tiếp theo trang 36)

chính sách, tổ chức chỉ đạo, đầu tư tài trợ, định hướng nội dung. Cần đặc biệt quan tâm đầu tư cho các vùng có những "đặc sản văn nghệ" nổi tiếng, khuyến khích các bậc nghệ nhân truyền nghề cho thế hệ trẻ. Về lâu dài nên có sự đánh giá và có hình thức công nhận (mang tính quốc gia) cho các địa phương tiêu biểu đã có công lưu giữ tài sản tinh thần vô giá như "làng quan họ", "làng chèo", "làng rối nước" v.v.. giống như cấp bằng di tích lịch sử văn hóa cho các công trình vật chất. Như thế sẽ khuyến khích lòng tự hào và ý thức giữ gìn, phát triển vốn văn hóa văn nghệ cổ truyền của các địa phương.

Bên cạnh đó, cũng nên xét phong tặng danh hiệu "Nghệ nhân dân gian" cho các nghệ nhân có nhiều tài năng, giàu kinh nghiệm, đã cống hiến cho sự nghiệp bảo tồn và phát huy vốn văn nghệ dân gian. Chính sách thù lao đối với cán bộ chỉ đạo, hướng dẫn, truyền bá văn hóa ở cơ sở cũng cần được quan tâm và giải quyết thỏa đáng. Ngoài ra, cần đưa vào hệ thống máy vi tính và đĩa CD-ROM toàn bộ vốn văn hóa văn nghệ dân gian đã được sưu tầm trong cả nước nhiều năm qua để tiện theo dõi và sử dụng sau này, tránh sự trùng lặp hoặc mai một, lãng phí. Hướng về văn hóa cội nguồn, chọn lọc những giá trị quý báu trong đó để xây dựng môi trường văn hóa xã hội trong lành là một xu hướng tích cực trong đời sống văn hóa ở cơ sở hiện nay. Kịp thời đón bắt các nhân tố mới xuất hiện trong quần chúng, hướng dẫn, khuyến khích và duy trì phong trào, là một nhiệm vụ đặt ra song song với các nhiệm vụ đấu tranh chống sự xâm nhập của văn hóa lai căng, độc hại, củng cố vững chắc nền tảng tinh thần của xã hội ta ❑

Digitized by Google

Yếu tố mới đang sống động trong đời sống văn hóa ở cơ sở

ĐỖ KIM THỊNH *

KHO tàng văn hóa văn nghệ dân gian bao hàm nhiều giá trị tinh thần quý báu đã được xây dựng và gìn giữ qua bao thế hệ. Các giá trị này từng góp phần bồi đắp tâm hồn, tình cảm con người Việt nam, tạo nên nền tảng đạo đức và lối sống cao đẹp, đã tồn tại hàng ngàn năm.

Sự nghiệp sưu tầm, khai thác và phát huy các giá trị văn hóa văn nghệ dân gian lâu nay vẫn được Đảng và Nhà nước ta quan tâm, nhưng do nhiều yếu tố, hiện nay công tác này khó khăn cản trở vẫn còn nhiều. Có thể nêu một số mặt sau đây:

- Trên chặng đường lịch sử lâu dài của dân tộc, do tác động của chiến tranh, có giai đoạn, văn hóa văn nghệ dân gian không được khuyến khích phát triển.

- Vốn là sản phẩm của một xã hội nông nghiệp cổ truyền, nhiều hoạt động rất khó có khả năng hòa nhập với nhịp độ gấp gáp sôi động của cơ chế thị trường.

- Các thế hệ nghệ nhân cao tuổi mai một dần. Các ngành chưa có kế hoạch lâu dài và thường thiếu cơ chế động viên khuyến khích họ chuyển giao kinh nghiệm, vốn văn hóa văn nghệ cổ truyền sang thế hệ trẻ. Việc tổ chức lực lượng để sử dụng, khai thác vốn cũ vẫn còn lúng túng (nhất là trong điều kiện hiện nay). Thậm chí vốn đã tích lũy, sưu tầm rồi nhưng nay đành để lại, bị phôi phai và bám bụi theo thời gian.

- Một số chính sách về văn hóa - xã hội trước đây phù hợp, nay có điểm đã lạc hậu hoặc mâu thuẫn với hoàn cảnh mới.

Ngày nay, trước nhịp độ phát triển đất nước trong thời kỳ đổi mới, bên cạnh những thành tựu không thể phủ nhận trên nhiều lĩnh vực đời sống xã hội, đã xuất hiện hàng loạt vấn đề mới, đòi hỏi cách nhìn tỉnh táo; tìm ra hệ giải pháp đúng đắn trong hoạt động văn hóa tinh thần.

Một nguy cơ dễ nhận, là con người hiện nay đang có chiều hướng xa dần các giá trị văn hóa truyền thống, bị tiêm nhiễm (tự giác hay không tự giác) những nọc độc của văn hóa ngoại lai, đồi trụy, phản động. Lối sống thực dụng đề cao quá đáng nhu cầu hưởng thụ vật chất, chạy theo khoái lạc tầm thường đang tạo ra nỗi băn khoăn lo lắng chung trong xã hội.

Hậu quả không hay do sự trống vắng các sinh hoạt văn hóa cộng đồng đã diễn ra ở nhiều khu vực, đặc biệt miền núi phía Bắc và Tây nguyên. Ngoài sự lộng hành của các loại băng hình, sách báo và ấn phẩm kích dục, tuyên truyền bạo lực thì một số hoạt động tôn giáo mới (Thiên chúa giáo, Tin lành) đã len lỏi, bám rễ vào đời sống tâm linh đồng bào các dân tộc thiểu số. Riêng một huyện như Bảo yên (Lào cai), tính đến tháng 7/1995 đã có tới 749 hộ thuộc 29 bản (trên 55 bản) theo đạo Thiên chúa. Đồng bào bỏ cả làm ăn nghe đài địch giảng đạo, lãng quên bao nét đẹp của sinh hoạt văn hóa truyền thống.

Bên cạnh một số hiện tượng nói trên, khoảng một thập kỷ lại đây, xu hướng phục hồi và phát triển các dạng sinh hoạt văn hóa văn nghệ dân gian đang diễn ra khá sôi nổi, đặc biệt khu vực đồng bằng Bắc bộ, Nam bộ. Sự khởi sắc của phong trào này trước hết là do chính sách đổi mới của Đảng trong các lĩnh vực đời sống. Đặc biệt trong lĩnh vực văn hóa, người dân được tạo nhiều điều kiện để bộc lộ nguyện vọng và thỏa mãn nhu cầu tự thân.

* PTS mỹ học, Cục văn hóa thông tin cơ sở

Digitized by Google

Sự tự nguyện tham gia các sinh hoạt lễ hội (trong đó có cả các lễ hội văn hóa thể thao, các cuộc thi dân ca, liên hoan cồng chiêng, liên hoan ca nhạc thiếu nhi dân tộc...) đã và đang khẳng định tính bình đẳng, dân chủ trong hoạt động văn hóa, phản ánh nhu cầu hướng nội, trở về cội nguồn của nhân dân nhiều địa phương, đặc biệt các vùng có đồng bào dân tộc thiểu số. Điều này biểu hiện phương châm xã hội hóa và đa dạng hóa các hoạt động văn hóa do Đảng nêu ra đã đi vào phong trào quần chúng và bước đầu mang lại hiệu quả, có ý nghĩa xã hội sâu sắc. Bởi vì dù có đưa các thiết chế văn hóa như thư viện, nhà văn hóa, đầu máy vi-đê-ô, loa đài vào phục vụ nhu cầu văn hóa của nhân dân cũng không thể nói đã có đời sống văn hóa đích thực ở cơ sở, nếu như ở đó thiếu vắng những sinh hoạt văn nghệ tự thân của quần chúng, thiếu vắng những buổi sinh hoạt hội lễ, những lời ru, tiếng hát, ca dao hò vè, kể chuyện, nói thơ... bên bếp lửa nhà rông hay giữa sân đình, trong mỗi gia đình, làng bản. Vì vậy, sự xuất hiện hiện tượng xã hội rộng rãi của các nhóm nhạc gia đình, công viên văn hóa gia đình, các câu lạc bộ mang tính "đặc sản văn nghệ" địa phương... là kết quả tất yếu của một chủ trương đổi mới phương thức lãnh đạo và quản lý văn hóa trong cơ chế mới.

Mặc dù phong trào hướng về các sinh hoạt văn hóa văn nghệ dân gian là của dân, do dân, song đây là hoạt động mang tính xã hội cao, vì vậy nhất định không thể thiếu vai trò tổ chức và định hướng của nhà nước xã hội chủ nghĩa. Trước hết, cần có những định hướng về mặt nội dung, xem nên chọn các nội dung gì và loại bỏ các yếu tố gì không phù hợp nhằm đạt tới hiệu quả xã hội, góp phần nâng cao tâm hồn tình cảm và trình độ thẩm mỹ của nhân dân. Đây mới chính là giá trị nhân đạo của công tác văn hóa quần chúng của chúng ta. Mục đích và bản chất của sự nghiệp văn hóa vì nhân dân này khác hẳn với mục đích của cái gọi là "văn hóa đại chúng" đã và đang được truyền bá rộng rãi ở các nước phương Tây mà trong đó những cuốn tiểu thuyết vỉa hè, những bộ phim và bức tranh dung tục, những kiểu nhảy nhót, hò hét trong các buổi ca nhạc nhẹ v.v.. không đem lại thị hiếu lành mạnh cũng như khơi gợi khả năng sáng tạo nghệ thuật trong quần chúng.

Tính định hướng trong hoạt động văn hóa - văn nghệ ở cơ sở là cần tôn trọng bản sắc văn hóa, thẩm mỹ có tính đặc thù của mỗi địa phương, coi trọng những nội dung có tính giáo dục lòng yêu nước, hướng về cội nguồn, đề cao lòng tự hào dân tộc. Bên cạnh đó còn có các giá trị nhân văn cần được củng cố như tình làng nghĩa xóm, lòng nhân ái giữa con người với con người... Điều đáng nói là không nên phủ nhận một cách cực đoan những giá trị nghệ thuật trong các hình thức sinh hoạt văn nghệ dân gian mang tính tín ngưỡng. Nhiều sinh hoạt tín ngưỡng thường kèm theo các hình thức sinh hoạt văn nghệ như hát Then của người Tày, Nùng ; múa hát trong cúng Mo của người Mường, người H'mông, người Thái, người Khơ mú ; hát chầu nơi cửa đình, cửa phủ ; múa bóng, hầu đồng trong cúng lễ của người Kinh, người Mường v.v. đều có đường nét in dấu sáng tạo nghệ thuật đặc sắc của nhân dân, (kể cả trong một số nghệ nhân có hành nghề cúng lễ). Do đó trong cuộc vận động xây dựng nếp sống mới, bài trừ hủ tục, chúng ta cần có quan điểm đúng đắn trong việc phân biệt và chọn lọc những giá trị văn nghệ như đãi vàng trong cát, tránh sự phủ định giản đơn lầm lẫn đáng tiếc. Thành công của một số tiết mục văn nghệ khai thác từ sinh hoạt văn hóa mang tính tín ngưỡng tâm linh, được biểu diễn ở trong và ngoài nước như tiết mục "Ba giá đồng" của diễn viên Vân Quyền (Nhà hát chèo trung ương) biểu diễn tại Pháp năm 1994, là một minh chứng.

Để văn hóa văn nghệ dân gian tiếp cận, thâm nhập thường xuyên hơn vào đời sống văn hóa tinh thần của nhân dân, ngành văn hóa thông tin những năm gần đây đã có nhiều hình thức sáng tạo, nhằm phát huy năng lực vốn có trong quần chúng : xây dựng các đội thông tin văn hóa lưu động ; phong

Digitized by Google

trào văn nghệ quần chúng lồng ghép với việc chuyển tải các nội dung chính sách của nhà nước như phòng chống AIDS, kế hoạch hóa gia đình, bảo vệ môi trường, thực hiện Nghị định 36/CP về trật tự an toàn giao thông và Nghị định 87/CP của Chính phủ thiết lập trật tự, kỷ cương trong các hoạt động văn hóa và dịch vụ văn hóa, bài trừ tệ nạn xã hội ...

Hiện nay, cả nước đã có trên 500 đội thông tin văn hóa lưu động được tổ chức thành những xe văn hóa (ở vùng đồng bằng phía Bắc và miền núi), những thuyền văn hóa (vùng đồng bằng sông Cửu long) cùng những chợ văn hóa, cụm văn hóa v.v. đang đi vào các địa bàn, phục vụ công tác tuyên truyền kết hợp với việc đáp ứng nhu cầu vui chơi giải trí, thưởng thức văn hóa văn nghệ của nhân dân. Ngoài ra, hệ thống trung tâm thông tin triển lãm, các nhà văn hóa tỉnh, huyện, thị ; các câu lạc bộ sở thích, rải rác trong các làng xã là điều kiện thuận lợi để nuôi dưỡng và phát triển các hình thức hoạt động văn hóa văn nghệ dân tộc.

Một yếu tố mới nữa xuất hiện trong mấy năm qua là phong trào xây dựng làng văn hóa. Xây dựng làng văn hóa không chỉ đơn thuần khôi phục lại những sinh hoạt văn nghệ dân gian đặc sắc, những nét tài hoa tinh tế của các làng nghề mà còn chính là nhằm khơi dậy những cái hay, cái đúng, cái tốt, cái đẹp của văn hóa dân tộc, tăng cường sức mạnh nội sinh chống lại các ảnh hưởng văn hóa xấu độc, phi nhân tính đang len lỏi về tận các làng quê. Các thiết chế phục vụ cho sinh hoạt của làng văn hóa, như thư viện, nhà truyền thống, thông tin cổ động, văn nghệ, nếp sống mới, câu lạc bộ... dường như được tổ chức và thực hiện năng động và uyển chuyển hơn. Đặc biệt, sự đóng góp tiền của và sức lực của nhân dân địa phương trong các sinh hoạt này rất đáng kể. Mặc dù nội dung hoạt động, quy ước xây dựng làng văn hóa nói chung còn cần tiếp tục đánh giá, điều chỉnh và bổ sung, nhưng hầu hết những tỉnh, thành có phong trào xây dựng làng văn hóa đều thừa nhận rằng, ở những làng đăng ký xây dựng đều có những thay đổi rõ rệt : tình làng nghĩa xóm được củng cố ; an ninh trật tự bảo đảm ; các tệ nạn xã hội và tội phạm hình sự giảm hẳn ; cảnh quan môi trường sạch đẹp ; người dân có ý thức xây dựng gia đình văn hóa, thực hiện kế hoạch hóa gia đình. Nhiều hoạt động văn nghệ dân gian truyền thống được khôi phục, hủ tục bị loại bỏ, đời sống kinh tế được nâng cao.

Làng văn hóa là một phong trào xã hội đang lên, kéo theo một loạt các hoạt động đã lắn chìm, thậm chí có cái đã rơi vào quên lãng nay được bừng lên, nở rộ. Đó là hát chèo, hát tuồng, dân ca quan họ, hát ví, hát ru, trống quân, cò lả... của vùng đồng bằng Bắc bộ ; hát xoan, hát ghẹo, hát đúm miền Trung du ; hát ví dặm Nghệ tĩnh ; ca Huế, hô bài chòi ở miền Trung ; dân ca dân vũ của đồng bào Chăm ; các điệu cải lương, hát lý, hò đối đáp vùng đồng bằng Nam bộ ; kịch múa dân ca Khơ me và rất nhiều hình thức ca, múa, nhạc của nhiều dân tộc khác.

Những nét sôi động của đời sống văn hóa ở cơ sở, nhất là xu hướng khôi phục các hình thức sinh hoạt văn nghệ dân gian cổ truyền của các địa phương hiện nay chính là kết quả của *sự đổi mới về nhận thức của nhân dân* về vai trò làm chủ, sáng tạo trong hoạt động văn hóa, tự mình đáp ứng nhu cầu văn hóa của mình, mất đi tính thụ động trong hưởng thụ văn hóa trước đây. Quan điểm mở rộng các phương thức sinh hoạt văn hóa nghệ thuật phù hợp với tâm lý, sở thích của quần chúng, thích hợp với hoàn cảnh của từng địa phương, từng vùng lãnh thổ của ngành văn hóa đã kích thích tiềm năng sáng tạo trong quần chúng nhân dân. Đây có thể coi là biện pháp xây dựng tích cực bên cạnh biện pháp đấu tranh phòng ngừa, thiết lập trật tự, kỷ cương trong các hoạt động văn hóa và dịch vụ văn hóa (theo Nghị định 87/CP của Chính phủ vừa ban hành).

Để di sản văn hóa truyền thống của dân tộc phát huy sức mạnh của mình trong sự nghiệp xây dựng đất nước, xây dựng nhân cách con người, nhà nước cần có một hệ

(Xem tiếp trang 33)

Digitized by Google

CHÍNH SÁCH TÀI CHÍNH QUỐC GIA GIAI ĐOẠN 1996 - 2000

HỒ TẾ *

MỤC TIÊU VÀ QUAN ĐIỂM

CHÍNH sách tài chính quốc gia là một bộ phận quan trọng của chính sách kinh tế, là tổng thể các chính sách và giải pháp về tài chính - tiền tệ trong việc khai thác, động viên và sử dụng có hiệu quả các nguồn lực tài chính phục vụ cho sự nghiệp phát triển kinh tế - xã hội, bảo vệ an ninh, quốc phòng, ổn định môi trường kinh tế vĩ mô, nâng cao tiềm lực của nền tài chính quốc gia, từng bước đưa nước ta trở thành một nước giàu mạnh, xã hội công bằng và văn minh.

Chính sách tài chính quốc gia có phạm vi rất rộng lớn và bao gồm nhiều nội dung phức tạp mang ý nghĩa tổng hợp về chính trị, kinh tế, xã hội. Chính sách tài chính quốc gia giai đoạn 1996 - 2000 ở nước ta có **mấy mục tiêu chủ yếu :**

1 - Xây dựng một nền tài chính quốc gia vững mạnh nhằm động viên, phân phối và sử dụng tiết kiệm, có hiệu quả các nguồn lực tài chính trong nước, ngoài nước để bảo đảm cho nền kinh tế tăng trưởng cao, ổn định và bền vững, đồng thời đáp ứng yêu cầu quốc phòng, an ninh và chiến lược phát triển con người, thực hiện công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

2 - Bảo đảm phát huy vai trò kiểm tra, giám sát của tài chính nhà nước, làm cho tài chính trở thành công cụ của nhà nước trong việc kiểm soát, quản lý vĩ mô nền kinh tế thông qua việc sử dụng có hiệu quả các chính sách, luật pháp tài chính, các công cụ tài chính.

3 - Lành mạnh hóa môi trường kinh tế vĩ mô, thúc đẩy nền kinh tế chuyển mạnh sang cơ chế thị trường có sự quản lý của nhà nước phù hợp với điều kiện và đặc điểm của Việt nam.

Để thực hiện được các mục tiêu trên, chính sách tài chính quốc gia phải thể hiện được **năm quan điểm** sau :

1 - Bảo đảm khai thác tối đa các nguồn lực tài chính trong nước kết hợp với huy động các nguồn lực bên ngoài, coi nguồn tài chính trong nước là quyết định, nguồn tài chính ngoài nước là quan trọng ; từng bước tăng tỷ trọng nguồn tài chính trong nước nhằm xây dựng nền tài chính quốc gia lành mạnh, ổn định, vững chắc.

2 - Gắn việc đổi mới cơ chế tài chính với đổi mới cơ chế quản lý kinh tế nói chung, đồng thời thúc đẩy quá trình đổi mới kinh tế toàn diện và sâu sắc, phát huy vai trò của các công cụ tài chính tiền tệ trong nền kinh tế, thực hiện việc điều chỉnh và giám sát kinh tế ở tầm vĩ mô.

3 - Chính sách tài chính quốc gia phải được hoạch định trên cơ sở bảo đảm các mối quan hệ kinh tế, các cân đối lớn của nền kinh tế.

4 - Chính sách tài chính quốc gia phải hướng vào mục tiêu phát triển và đa dạng hóa các loại thị trường vốn với sự tham gia của các thành phần kinh tế. Nó phải được thực hiện phù hợp với nền kinh tế mở cửa ra bên ngoài, nối liền và tiến tới hòa nhập thị trường trong nước với thị trường quốc tế.

5 - Nền tài chính quốc gia phải được quản lý bằng pháp luật. Tăng cường pháp chế xã hội chủ nghĩa, thực hiện nguyên tắc tiết kiệm và có hiệu quả trong quản lý tài chính.

---

* Bộ trưởng Bộ tài chính

Digitized by Google

NỘI DUNG CHỦ YẾU CỦA CHÍNH SÁCH TÀI CHÍNH QUỐC GIA GIAI ĐOẠN 1996 - 2000

1 - *Chính sách huy động vốn và phát triển thị trường tài chính*

Xuất phát từ nhu cầu bức xúc về vốn nhằm thúc đẩy nền kinh tế phát triển với tốc độ cao, ổn định và bền vững trong thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, việc huy động vốn cần khai thác tối đa nguồn vốn *trong* và *ngoài* nước nhằm đáp ứng kịp thời nhu cầu vốn đầu tư của ngân sách nhà nước và các thành phần kinh tế. Quán triệt nguyên tắc vốn trong nước là quyết định, vốn ngoài nước là quan trọng, cần xử lý linh hoạt mối quan hệ cụ thể giữa vốn trong nước và vốn ngoài nước nhằm bảo đảm thực hiện các mục tiêu nhiệm vụ phát triển kinh tế xã hội.

Về huy động vốn trong nước : Trong những năm tới, cần tăng nhanh tỷ lệ tiết kiệm dành cho đầu tư, coi tiết kiệm là quốc sách, có biện pháp tiết kiệm trong sản xuất và tiêu dùng ở tất cả các khu vực nhà nước, doanh nghiệp và hộ gia đình để dồn vốn cho phát triển sản xuất kinh doanh thông qua các chính sách về thuế, hỗ trợ đầu tư, xóa bao cấp, bù lỗ, thực hiện ổn định môi trường kinh tế vĩ mô, đẩy lùi và kiểm soát lạm phát, xây dựng hệ thống pháp luật đầy đủ, thực hiện nhất quán chính sách phát triển kinh tế đa thành phần. Đa dạng hóa các hình thức huy động vốn, nhất là các hình thức trái phiếu, cổ phiếu ở cấp chính phủ, địa phương và doanh nghiệp ; mở rộng và phát triển các tổ chức tài chính trung gian như : hệ thống các công ty tài chính, các doanh nghiệp bảo hiểm, quỹ đầu tư, quỹ phát triển, quỹ tương hỗ, quỹ hưu trí, quỹ bảo trợ xã hội, quỹ bảo hiểm. Song song với việc huy động vốn ngắn hạn, cần tăng tỷ trọng huy động vốn trung và dài hạn, kể cả việc phát hành công trái quốc gia để đầu tư cho một số cơ sở hạ tầng không có khả năng thu hồi vốn.

Về huy động vốn ngoài nước : Trong các nguồn vốn ngoài nước, tập trung thu hút vốn đầu tư trực tiếp (FDI), vì nó không chỉ tạo vốn để phát triển kinh tế mà còn tạo cơ hội để trực tiếp đưa kỹ thuật, công nghệ từ bên ngoài vào, giải quyết công ăn việc làm cho lao động trong nước, tạo ra sản phẩm cho tiêu dùng và cho xuất khẩu. Vấn đề đặt ra là phải nhanh chóng tăng dần tỷ lệ góp vốn của phía Việt nam. Cần coi trọng cải thiện môi trường đầu tư, có chính sách hấp dẫn nước ngoài đầu tư vào những lĩnh vực, địa bàn mà ta mong muốn. Lập danh mục các lĩnh vực cần khuyến khích đầu tư trực tiếp, để thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa ; đặc biệt, cần cải tiến một bước cơ cấu sản xuất nông nghiệp theo hướng chuyên môn hóa nhằm mục tiêu xuất khẩu. Cần tập trung vào việc khai thác các khoản viện trợ phát triển chính thức (ODA), nhưng cần sớm hoàn tất các công việc chuẩn bị để tiếp nhận nhanh nguồn vốn này. Vốn ODA trước hết tập trung cho các dự án xây dựng và cải tạo cơ sở hạ tầng, các dự án môi trường và xã hội ; ngoài ra, có thể dành một phần cho các dự án phát triển sản xuất kinh doanh, thông qua các hình thức cho các doanh nghiệp trong nước vay lại trên cơ sở bảo đảm sử dụng vốn vay có hiệu quả kinh tế và có khả năng thu hồi được vốn để trả nợ. Việc phát hành trái phiếu quốc tế (thực chất là *vay thương mại*, lãi suất cao), cần cân nhắc kỹ các điều kiện vay và khả năng trả nợ, không vay thương mại để đầu tư cho cơ sở hạ tầng và những công trình không mang lại lợi nhuận.

Về xây dựng và phát triển thị trường tài chính : Thị trường tài chính cần được phát triển mạnh mẽ phù hợp với quy mô yêu cầu của nền kinh tế, góp phần tăng khả năng giao lưu vốn, rút ngắn chu trình và tiết kiệm chi phí. Đối với thị trường tiền tệ, tiếp tục hoàn chỉnh các công cụ điều hành chính sách tiền tệ như : lãi suất, tỷ giá hối đoái. Phải tiến tới thực hiện nguyên tắc : lãi suất dài hạn cao hơn lãi suất ngắn hạn, cả về tiền gửi và tiền cho vay ; lãi suất thực (không kể đến yếu tố trượt giá của đồng tiền) đối với nội tệ và lãi suất đối với ngoại tệ ngày càng xích lại gần nhau. Thực hiện ổn định tương đối tỷ giá và sức mua của đồng Việt nam so với tiền nước ngoài. Cơ

Digitized by Google

chế xác định tỷ giá dựa trên cơ sở quan hệ cung cầu thị trường, khuyến khích được xuất khẩu và kiểm soát chặt chẽ nhập khẩu. Xây dựng thị trường vốn, từng bước hình thành thị trường chứng khoán ; phát triển thị trường vốn bằng nhiều hình thức thu hút tiền gửi trung và dài hạn qua ngân hàng, qua các công ty tài chính, để cho vay đầu tư theo lãi suất thị trường. Chuẩn bị thể chế, cán bộ và các điều kiện cần thiết để từng bước xây dựng thị trường chứng khoán.

2 - *Chính sách thuế*

Muốn bảo đảm yêu cầu vốn cho đầu tư để thực hiện mục tiêu tăng trưởng kinh tế cao và ổn định thì tỷ lệ động viên từ thuế, phí vào ngân sách nhà nước cần giữ ổn định ở mức 20 - 22% GDP (như hiện nay). Việc ban hành chính sách thuế mới, phải tính đến tổng mức động viên, có sự điều chỉnh mức thuế ở một số loại thuế, có loại tăng, loại giảm, nhưng không làm giảm tỷ lệ động viên. Đối với khu vực kinh tế nhà nước, biện pháp có tầm quan trọng hàng đầu để tăng thu là phải tăng nhanh hiệu quả sản xuất kinh doanh (mức đóng góp từ lợi nhuận của kinh tế quốc doanh hiện chỉ bằng khoảng 30% thu ngân sách) ; đối với các thành phần kinh tế khác, đi đôi với việc khuyến khích phát triển sản xuất kinh doanh phải hết sức chú ý việc quản lý chặt chẽ nguồn thu, mở rộng và nuôi dưỡng nguồn thu, mở rộng diện quản lý thu thuế, thu đúng, theo sát với kết quả kinh doanh, chống thất thu, chống trốn thuế, lậu thuế (khu vực kinh tế tư nhân hiện chỉ đóng góp 15% thu ngân sách).

Về sửa đổi chính sách thuế, trong cải cách lần này cần tiến tới tách dần các yếu tố của chính sách xã hội và áp dụng thống nhất đối với các sản phẩm hàng hóa, không phân biệt ai sử dụng và sử dụng vào việc gì, để giảm bớt việc miễn giảm thuế, mở rộng diện và đối tượng nộp thuế. Chính sách thuế đổi mới theo hướng đơn giản, ổn định, công bằng, khuyến khích làm ăn hợp pháp, động viên hợp lý, thúc đẩy tiết kiệm, tạo điều kiện cho các doanh nghiệp tích tụ, tập trung vốn để đầu tư phát triển, từ đó mà nuôi dưỡng, mở rộng nguồn thu. Điều chỉnh kịp thời thuế nhập khẩu cho phù hợp với chính sách xuất nhập khẩu, bảo hộ hợp lý sản xuất trong nước, điều tiết tiêu dùng tăng thu cho ngân sách nhà nước, tạo điều kiện khuyến khích chuyển giao kỹ thuật, đổi mới công nghệ trong nước, mở rộng thị trường xuất khẩu và thu hút đầu tư nước ngoài. Đồng thời, phải phù hợp với tình hình Việt nam gia nhập ASEAN (AFTA), APEC và WTO. Áp dụng thuế trị giá gia tăng một cách thận trọng và có sự chỉ đạo chặt chẽ trên cơ sở chủ động tạo ra các điều kiện cần thiết về kế toán, áp dụng chứng từ, hóa đơn trong việc mua bán sản phẩm, dịch vụ. Đồng thời, chuẩn bị nghiên cứu và ban hành thuế thu nhập cá nhân thay thế cho thuế thu nhập đối với người có thu nhập cao. Đổi mới cơ chế quản lý thu thuế, chuyển sang hình thức đối tượng nộp thuế tự kê khai và trực tiếp nộp thuế vào kho bạc nhà nước ; cơ quan thuế tập trung vào việc hướng dẫn và kiểm tra thuế ; thành lập cơ quan cưỡng chế thuế để bảo đảm nghiêm pháp luật thuế. Tăng cường công tác kiểm tra, kiểm soát và đôn đốc thuế, hạn chế tình trạng trốn lậu thuế, buôn bán trái phép qua biên giới, trên sông, trên biển, nhằm giữ kỷ cương, kỷ luật trong kinh doanh.

3 - *Ngân sách nhà nước*

Ngân sách nhà nước phải động viên hợp lý ở mức cao nhất các nguồn lực của nền kinh tế xã hội và của cả các nguồn lực từ bên ngoài để phục vụ nhiệm vụ chiến lược phát triển kinh tế xã hội. Giải quyết tốt mối quan hệ giữa việc động viên, tạo ra nguồn lực mạnh để nhà nước có điều kiện thực hiện những nhiệm vụ chiến lược, với việc bảo đảm tích tụ vốn trong doanh nghiệp, dân cư, để họ có thể mở rộng phát triển sản xuất kinh doanh, tạo tích lũy ngày một lớn cho đất nước. Trong những năm trước mắt, ngân sách nhà nước phải bảo đảm tốc độ tăng chi cho đầu tư phát triển cao hơn tốc độ tăng chi thường xuyên ; thu trong nước không những phải đảm bảo cho chi thường xuyên và trả nợ, mà còn phải dành một phần cho chi đầu tư phát triển. Chi của ngân sách nhà nước cho đầu tư phát triển cơ bản dành cho hạ tầng kinh tế xã hội ; một phần chính phủ có thể dùng để đầu tư cho một

Digitized by Google

số công trình có ý nghĩa quan trọng dưới hình thức cho vay ưu đãi, hoặc để góp vốn cổ phần vào các doanh nghiệp. Chi của ngân sách nhà nước dành phần thích đáng cho lĩnh vực y tế, giáo dục, văn hóa.., các chương trình mục tiêu quốc gia, bảo đảm kết hợp hài hòa giữa tăng trưởng kinh tế với thực hiện chiến lược con người, giải quyết những vấn đề xã hội bức xúc, đáp ứng nhu cầu quốc phòng, an ninh và quản lý nhà nước.

Để nền kinh tế có thể phát triển ổn định và vững chắc, chi của ngân sách nhà nước cho đầu tư phát triển hằng năm phải đạt mức bình quân khoảng 8% GDP (gần bằng 1/3 đầu tư của toàn xã hội), trong đó 4 tới 5% là từ nguồn thặng dư thu chi thường xuyên (tích lũy từ ngân sách nhà nước), 3 tới 4% là từ nguồn ODA và vay dân. Những năm trước mắt, ngân sách tập trung đầu tư cho xây dựng cơ sở hạ tầng, khắc phục một bước tình trạng lạc hậu, yếu kém về cơ sở hạ tầng kinh tế - xã hội, ưu tiên đầu tư thực hiện chiến lược phát triển con người (giáo dục, y tế...) và các chính sách xã hội khác. Đồng thời, với đầu tư từ ngân sách nhà nước, cần thực hiện chính sách huy động các nguồn lực từ dân, từ các tổ chức xã hội, các tổ chức kinh tế, góp phần vào sự nghiệp chung của đất nước, thực hiện tốt chủ trương nhà nước và nhân dân cùng làm. Bố trí ngân sách nhà nước theo nguyên tắc thắt chặt chi tiêu thường xuyên, dành tiền cho đầu tư phát triển. Thực hiện xã hội hóa một số khoản chi thường xuyên, như chi cho sự nghiệp giáo dục, đào tạo, phát triển khoa học - công nghệ, bảo vệ môi trường. Củng cố và phát triển hệ thống bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, tách dần nó ra khỏi ngân sách nhà nước, nâng dần tỷ trọng chi ngân sách cho giáo dục đào tạo, đạt khoảng 4% GDP vào năm 2000.

Về phân cấp ngân sách : Đổi mới phân cấp thu, chi ngân sách trên cơ sở phân cấp thực hiện các nhiệm vụ kinh tế xã hội, phân giao rành mạch nhiệm vụ thu, chi, ổn định tỷ lệ điều tiết nguồn thu giữa các cấp ngân sách trong từng thời gian. Ngân sách trung ương có vị trí rất quan trọng, đóng vai trò chủ đạo, tập trung những nguồn lực lớn để thực hiện những nhiệm vụ quan trọng có tầm quốc gia. Nhưng đồng thời nó phải bảo đảm tính chủ động của ngân sách địa phương, khuyến khích các địa phương phát huy tính năng động, sáng tạo trong việc khai thác những tiềm năng sẵn có của địa phương nhằm thực hiện có hiệu quả nhiệm vụ kinh tế xã hội được giao trên địa bàn. Phải xác định rõ nội dung nhiệm vụ chi và các nguồn thu của các cấp chính quyền. Thực hiện việc ổn định các nguồn thu, nhiệm vụ chi từ 3 đến 5 năm cho các địa phương, tạo điều kiện cho các địa phương chủ động trong việc bố trí kế hoạch và quyết định ngân sách của địa phương mình ; khuyến khích các địa phương khai thác mọi tiềm năng sẵn có để bồi dưỡng nguồn thu, bảo đảm cân đối thu chi ngân sách tích cực, đồng thời đóng góp ngày càng nhiều cho trung ương (hiện tại quy định cho từng năm). Việc cân đối ngân sách nhà nước phải vững chắc, tích cực, có dự phòng cần thiết và tăng dự trữ tài chính, giảm tỷ lệ bội chi ngân sách nhà nước, giữ bội chi hằng năm dưới mức 5% GDP. Không phát hành, không vay thương mại nước ngoài và không vay ngắn hạn trong nước với lãi suất cao để bù đắp thiếu hụt ngân sách. Chỉ thực hiện việc bù đắp thiếu hụt ngân sách bằng vay trung hạn, dài hạn ở trong nước và bằng vay ưu đãi của nước ngoài.

4 - *Chính sách tài chính doanh nghiệp*

Doanh nghiệp là nền tảng của nền kinh tế, chính sách tài chính phải tiếp tục khuyến khích và thúc đẩy các doanh nghiệp tăng tích tụ vốn, mở rộng đầu tư, nâng cao hiệu quả sử dụng vốn, tạo ra thu nhập quốc dân ngày càng lớn, tăng nguồn lực cho nền tài chính quốc gia, góp phần thúc đẩy sản xuất phát triển theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. Muốn thực hiện được điều đó, chúng ta cần :

- Khuyến khích các doanh nghiệp tự huy động vốn từ dân cư, từ các tổ chức tín dụng trong nước và từ nước ngoài để hoạt động sản xuất kinh doanh. Nhà nước khuyến khích các doanh nghiệp vay nước ngoài để phát triển sản xuất kinh doanh nhưng họ có nghĩa vụ phải trả nợ, nhà nước sẽ có chính sách ưu đãi thuế, khấu hao nhanh để bảo đảm chu kỳ hoàn

Digitized by Google

vốn phù hợp với thời hạn trả nợ. Xóa bỏ bao cấp về vốn đối với doanh nghiệp nhà nước, đồng thời mở rộng và đa dạng hóa các kênh và hình thức huy động vốn cho doanh nghiệp, nhất là các hình thức cổ phiếu, trái phiếu doanh nghiệp.

- Tiếp tục thực hiện cơ cấu lại, sắp xếp lại khu vực doanh nghiệp nhà nước, khắc phục tình trạng manh mún, nâng cao hiệu quả và sức mạnh của kinh tế quốc doanh. Đa dạng hóa các hình thức sở hữu, sử dụng rộng rãi hình thức tư bản nhà nước. Kết hợp và tiến hành đồng thời cả *hai* phương thức cổ phần hóa : *bán cổ phần* để thu hồi vốn đầu tư cho nhà nước, và *phát hành cổ phiếu* để huy động thêm vốn, tạo điều kiện cho doanh nghiệp mở rộng và phát triển sản xuất, kinh doanh.

- Xây dựng và phát triển mạnh mẽ các doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực tài chính - tiền tệ : các ngân hàng thương mại, các công ty bảo hiểm, công ty tài chính, dịch vụ tài chính, v.v., làm cho sự chu chuyển vốn thuận lợi, thông suốt trong toàn xã hội, tạo tiền đề cho việc xây dựng thị trường vốn, thị trường chứng khoán.

Mọi hình thức tổ chức doanh nghiệp nhà nước cũng như các loại hình doanh nghiệp khác đều phải thực hiện những quy định của pháp luật về tổ chức hoạt động kinh doanh và nghĩa vụ đối với nhà nước, về chế độ kế toán, kiểm toán, công khai báo cáo tài chính hằng năm, về chế độ kiểm tra và kiểm soát tài chính (trừ một số doanh nghiệp cung cấp những dịch vụ đặc biệt liên quan đến bí mật quốc gia và quốc phòng, an ninh).

5 - *Chính sách tài chính đối ngoại*

Mục tiêu của chính sách tài chính đối ngoại là tăng cường thu hút vốn ngoài nước nhằm góp phần chuyển đổi cơ cấu kinh tế, thực hiện công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, vừa góp phần thực hiện nền kinh tế mở, gắn thị trường trong nước với thị trường ngoài nước, vừa khuyến khích sản xuất trong nước, tăng nhanh khả năng sản xuất, cải thiện cán cân thương mại và cán cân thanh toán quốc tế. Trong những năm tới, việc đổi mới chính sách tài chính đối ngoại cần tập trung vào chính sách vay nợ và trả nợ nước ngoài. Nhà nước tập trung vay vốn của các tổ chức tài chính tiền tệ quốc tế và chính phủ các nước để đầu tư vào các công trình hạ tầng cơ sở, các công trình kinh tế then chốt. Phải hình thành quỹ dự trữ ngoại tệ (nhất là các loại ngoại tệ mạnh) phù hợp với cơ cấu các loại ngoại tệ vay để có nguồn trả nợ và nhằm ngăn chặn rủi ro do biến động về tỷ giá. Đồng thời, đối với các khoản nhà nước vay nợ, hằng năm ngân sách nhà nước phải bố trí nguồn để trả cả gốc lẫn lãi. Đối với các khoản vay thương mại thì xử lý nợ qua *Câu lạc bộ Luân đôn* ; các khoản vay của chính phủ thì tiếp tục đàm phán để xử lý toàn bộ số nợ.

*
* *

Chính sách tài chính quốc gia là một chính sách lớn, tác động đến tất cả các lĩnh vực kinh tế xã hội. Để thực hiện tốt chính sách này, vấn đề mấu chốt hiện nay là phải nâng cao năng lực và hiệu lực hoạt động của bộ máy nhà nước trong việc quản lý nền tài chính quốc gia. Tăng cường mạnh mẽ hiệu lực điều hành của chính phủ, UBND các cấp và các cơ quan tài chính bảo đảm tập trung một bộ phận quan trọng nguồn lực tài chính cho những mục tiêu lớn về phát triển kinh tế xã hội, bảo vệ Tổ quốc ; đồng thời, bảo đảm sự điều hành thống nhất nền tài chính quốc gia theo pháp luật. Điều cần chú ý là sớm khôi phục kỷ cương, kỷ luật tài chính trước hết là trong khu vực kinh tế nhà nước, bằng các biện pháp kinh tế, luật pháp và hành chính, kết hợp với cuộc đấu tranh chống tham nhũng và chống tiêu cực, đồng thời xử lý nghiêm mọi vi phạm pháp luật tài chính trong kinh tế và trong xã hội. Mặt khác, cần đổi mới và nâng cao năng lực lãnh đạo của Đảng từ trung ương đến cơ sở. Phải làm cho toàn đảng, toàn dân thấy rõ vị trí quan trọng của chính sách tài chính quốc gia trong sự nghiệp đổi mới hiện nay, đặc biệt trong giai đoạn thực hiện công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, tạo nên sự nhất trí về nhận thức và quyết tâm thực hiện chính sách tài chính ở tất cả các cấp, các ngành ❑

Digitized by Google

PHÁT TRIỂN NHANH, BỀN VỮNG VÀ LÀNH MẠNH DU LỊCH VIỆT NAM TRONG TIẾN TRÌNH CÔNG NGHIỆP HÓA, HIỆN ĐẠI HÓA ĐẤT NƯỚC

ĐỖ QUANG TRUNG*

NGÀY nay, trên phạm vi toàn thế giới, du lịch đã trở thành một nhu cầu không thể thiếu, một hiện tượng phổ biến trong đời sống kinh tế - xã hội và phát triển với tốc độ ngày càng nhanh. Năm 1990 có 214 triệu người đi du lịch giữa các nước trên thế giới, năm 1994 con số này đã tăng gấp hơn 2 lần (530 triệu). Theo dự báo của Tổ chức du lịch thế giới, năm 2000 ngành du lịch của các nước sẽ đón tiếp 637 triệu lượt khách quốc tế, năm 2010 con số lên tới 937 triệu. Ba thập kỷ vừa qua, trên phạm vi thế giới, thu nhập từ du lịch tăng khoảng 38 lần. Năm 1994, du lịch đã mang lại số tiền không nhỏ là 350 tỷ USD và tạo được 180 triệu chỗ làm việc trực tiếp trong ngành du lịch, thu hút khoảng 11% lực lượng lao động toàn cầu. Du lịch được coi là phương thức hiệu quả nhất trong việc phân phối lại thu nhập giữa các nước, góp phần làm cho sự nghiệp phát triển kinh tế mỗi nước và thế giới được cân bằng hơn. Do hiệu quả nhiều mặt như vậy, nên hầu hết các quốc gia, kể cả các nước công nghiệp phát triển như Nhật, Mỹ, Đức, Pháp, đều chú trọng phát triển du lịch. Nhiều nước trong giai đoạn đầu của sự phát triển đã coi đây là ngành kinh tế mũi nhọn, xếp vào hàng thứ 2, thứ 3 trong nền kinh tế quốc dân. Các nước xung quanh ta như Xin-ga-po, Ma-lai-xi-a, In-đô-nê-xi-a, Thái lan... rất chú ý phát triển du lịch và đã trở thành những trung tâm du lịch tầm cỡ của khu vực và thế giới với mức tăng trưởng du lịch ở vị trí hàng đầu. Trung quốc phấn đấu đến thế kỷ 21 là một trong những nước có du lịch đứng đầu thế giới. Lào, Cam-pu-chia, Mi-an-ma cũng đang tập trung phát triển mạnh du lịch. Kinh nghiệm của nhiều nước cho thấy, muốn du lịch phát triển phải có 2 nhóm điều kiện : *Một là*, những điều kiện chung cần thiết về kinh tế, giao thông, không khí chính trị, hòa bình, ổn định, bảo đảm an toàn cho khách và có được thị trường. *Hai là*, những điều kiện đặc trưng về tài nguyên du lịch thiên nhiên, giá trị nhân văn, những thành tựu chính trị và kinh tế, những sự kiện và hoàn cảnh đặc biệt có sức hấp dẫn thu hút khách.

Đất nước ta hội đủ những điều kiện cần thiết đó để trở thành một trung tâm du lịch tầm cỡ của khu vực. Nằm ở trung tâm vùng Đông - Nam Á rộng lớn, giàu có và hoạt động kinh tế, du lịch sôi động, Việt nam có nhiều tiềm năng du lịch cả về tài nguyên thiên nhiên và giá trị nhân văn của nền văn hóa, truyền thống lịch sử dựng nước và giữ nước lâu đời rất đặc sắc. Lãnh thổ Việt nam không giới hạn ở phần lục địa, mà còn có không phận, hải phận và vùng khai thác kinh tế biển. Cả ba chiều không gian của đất nước đều chứa ẩn những tiềm năng du lịch. Việt nam - với ưu thế là cầu nối phần lục địa với các quần đảo bao bọc quanh biển Đông, du khách có thể ra vào dễ dàng bằng đường bộ, đường biển và đường không. Đây là những nhân tố giúp cho Việt nam phát triển nhiều loại hình du lịch với thời gian và không gian ít bị hạn chế. Tiềm năng du lịch của Việt nam được nhân lên, khi đất nước đứng vững và từng bước vượt qua thách thức, nắm bắt thời cơ và vận hội, ổn định và phát triển, giành được những thắng lợi ban đầu quan trọng trong công cuộc đổi mới để bước vào thời kỳ xây dựng đất nước theo hướng công

* Ủy viên Trung ương Đảng - Tổng cục trưởng Tổng cục du lịch

Digitized by Google

nghiệp hóa, hiện đại hóa. Chính sách đối ngoại rộng mở, đa dạng hóa, đa phương hóa, muốn là bạn với tất cả các nước vì lợi ích chung, vì hòa bình, ổn định và phát triển. Việt nam là thành viên chính thức của ASEAN, ký Hiệp định khung với EU, quan hệ Việt nam - Mỹ được bình thường hóa. Đây là những điều kiện quan trọng để Việt nam phát triển du lịch, thuận lợi trong hội nhập với du lịch khu vực và thế giới.

Trong chiến lược phát triển kinh tế - xã hội, du lịch Việt nam được coi là ngành kinh tế quan trọng, được tập trung đầu tư và chỉ đạo phát triển. 35 năm xây dựng và trưởng thành, du lịch Việt nam luôn giữ vững định hướng chiến lược, đóng góp tích cực vào công cuộc xây dựng, bảo vệ Tổ quốc ; khẳng định được hướng đi, cách làm và tạo được những tiền đề cần thiết cho sự phát triển. Những năm gần đây, cùng với công cuộc đổi mới, du lịch Việt nam đã có nhiều tiến bộ, đạt được những kết quả quan trọng : lượng khách nội địa và quốc tế hằng năm tăng trên dưới 40%. Năm 1990 mới có 250 nghìn lượt khách quốc tế vào Việt nam, năm 1995 đã có trên 1,3 triệu. Lượng khách nội địa cũng tăng từ 1 triệu lên 5,5 triệu. Cơ sở vật chất kỹ thuật chuyên ngành du lịch được tăng cường. Cả nước hiện có 50 nghìn buồng khách sạn, trong đó có 26 nghìn buồng phục vụ được khách quốc tế. Hệ thống nhà hàng, phương tiện vận chuyển đang được hình thành. Một số khu du lịch, cơ sở vui chơi giải trí đang được xây dựng và đi vào hoạt động. Quan hệ hợp tác quốc tế được củng cố và mở rộng. Nước ta đã ký Hiệp định hợp tác du lịch với hầu hết các nước láng giềng và khu vực. Quan hệ du lịch với Lào, Thái lan, cũng như quan hệ hợp tác với các nước tiểu vùng sông Mê Kông, có nhiều tiến triển. Với tư cách là thành viên của Tổ chức du lịch thế giới và Hiệp hội du lịch châu Á - Thái bình dương và nhiều tổ chức du lịch khu vực và các nước, du lịch Việt nam đã tham gia tích cực và hội nhập dần với hoạt động du lịch bên ngoài. Hoạt động du lịch đã thu hút hàng vạn lao động trực tiếp và gián tiếp, góp phần mở rộng giao lưu văn hóa, kinh tế.

Thời gian tới, chúng ta phấn đấu chuyển mạnh sang thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, chuyển đổi các hoạt động kinh tế - xã hội theo hướng tiên tiến, hiện đại, nhằm mục tiêu dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, văn minh, bảo vệ vững chắc nền độc lập của Tổ quốc. Nghị quyết Trung ương 7 (khóa VII) nêu rõ : "Phát triển mạnh du lịch, hình thành ngành công nghiệp du lịch có quy mô ngày càng tương xứng với tiềm năng du lịch to lớn của nước ta". Đây là một chủ trương đúng đắn, vừa phù hợp với xu thế phát triển chung của khu vực và thế giới, vừa gắn với điều kiện thực tế, tiềm năng, khả năng và yêu cầu bức thiết của sự phát triển đất nước ta.

Kinh nghiệm nhiều nước cho thấy, du lịch phát triển sẽ góp phần tạo ra và mở rộng thị trường tiêu thụ sản phẩm của các ngành kinh tế, nhất là nông, lâm, ngư nghiệp, chế biến và chế tạo, các ngành công nghiệp sản xuất nguyên, nhiên liệu cơ bản để xây dựng cơ sở vật chất, kỹ thuật du lịch, trang thiết bị và hàng hóa phục vụ khách, thực hiện xuất khẩu tại chỗ. Đồng thời, du lịch phát triển sẽ tăng thêm khả năng tiêu thụ hàng thủ công mỹ nghệ, hàng lưu niệm, thúc đẩy khôi phục, phát triển và hiện đại hóa các nghề tiểu thủ công truyền thống. Ở các nước có ngành du lịch phát triển, mỗi năm đón hàng triệu khách (mỗi khách chi trên dưới 1 nghìn USD, trong đó chi cho ăn, nghỉ 25-30%, mua hàng hóa 35-40%), tạo nguồn thu ngoại tệ rất lớn để tái đầu tư cho du lịch và các ngành khác. Khi công nghiệp hóa cao sẽ kéo theo sự đô thị hóa, hình thành tác phong công nghiệp và cải thiện đời sống của nhân dân, dẫn đến nhu cầu du lịch sẽ tăng. Khi công nghiệp hóa, hiện đại hóa thì lượng khách vào sẽ tăng lên nhiều. Điều đó rất có ý nghĩa đối với việc cân bằng lại nhịp sống đã bị phá vỡ do công nghiệp hóa ; đẩy mạnh giao lưu và nâng cao dân trí. Thực chất du lịch là quan hệ giữa con người với con người, giữa con người với thiên nhiên. Bởi vậy, thông qua du lịch sẽ tăng cường sự đoàn kết giữa các cộng đồng, tăng cường sự hiểu biết lẫn nhau, nâng cao ý thức bảo vệ môi trường, tôn trọng di sản văn hóa và tài nguyên thiên nhiên. Tuy nhiên, bên cạnh những hiệu quả nhiều mặt, cũng có những mặt trái, những tiêu cực phát sinh hoặc

Digitized by Google

đi liền với du lịch như : tệ nạn xã hội, dịch bệnh, lợi dụng du lịch để gây rối chính trị... Điều đó đòi hỏi phải có những biện pháp phòng ngừa, ngăn chặn tích cực và kịp thời.

Như vậy, cần khẳng định vai trò, vị trí quan trọng của du lịch trong nền kinh tế quốc dân và trong quá trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế nước ta hiện nay. Và ngành du lịch phải tham gia ngay vào tiến trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Mặt khác, do phải trực tiếp cạnh tranh với các đối tác trên thị trường quốc tế, nên việc công nghiệp hóa, hiện đại hóa du lịch càng phải khẩn trương, tích cực, cả về hiện đại hóa cơ sở vật chất kỹ thuật, công nghệ và lực lượng lao động, đội ngũ cán bộ quản lý, cũng như hiện đại hóa cơ sở hạ tầng và các ngành liên quan như hàng không, bưu điện, hải quan...

Tuy nhiên, *phát triển nhanh* không có nghĩa là thực hiện các mục tiêu bằng mọi giá, mà phải quan tâm đến *sự phát triển bền vững và lành mạnh*. Công nghiệp hóa, hiện đại hóa du lịch phải rất khẩn trương, nhưng không nóng vội, mà phải dựa trên qui hoạch của cả nước, từng vùng, từng địa phương để khai thác lợi thế phục vụ và bổ sung cho các mục tiêu khác, để không dẫn đến sự quá tải về môi trường, mất đi sự hấp dẫn của cả nước. Muốn vậy, phải tập trung phát triển du lịch văn hóa, lịch sử, sinh thái, cảnh quan môi trường ; nhằm đạt đồng thời hiệu quả kinh tế và xã hội, giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội, bảo vệ được môi trường, giữ gìn, phát huy bản sắc văn hóa dân tộc, nhân phẩm con người Việt nam và tiếp thu có chọn lọc tinh hoa văn hóa thế giới. Hoạt động du lịch càng hiện đại hóa, càng phải làm giàu thêm bản sắc và truyền thống dân tộc, làm đẹp thêm cảnh quan môi trường, ngăn chặn không cho các tiêu cực và tệ nạn xã hội xâm nhập hoạt động kinh doanh. Có như vậy mới phát huy hết tiềm năng, lợi thế để phát triển lâu bền và đủ sức cạnh tranh trên thị trường du lịch thế giới.

Ngành du lịch phấn đấu đến năm 2000 đón 3,5 - 4 triệu khách quốc tế, 11 triệu khách nội địa, GDP du lịch chiếm 9,6% GDP cả nước. Năm 2010 ba chỉ tiêu trên phải là 8 - 9 triệu, 25 triệu và 12,1%. Để đạt được mục tiêu đó, trước tiên phải có sự chuyển biến nhận thức trong toàn đảng, toàn dân về du lịch ; có sự lãnh đạo chỉ đạo thống nhất của Nhà nước, của Chính phủ phối hợp các cấp, các ngành, có những chính sách, cơ chế phù hợp và tổ chức thực hiện tốt để thu hút nguồn lực từ nhiều phía với bước đi chính xác, tập trung vào những khâu then chốt nhất để phát triển du lịch. Cùng với các ngành khác ngành du lịch phải đổi mới, cải cách thủ tục hành chính, bảo đảm : khách du lịch vào nước ta được thuận lợi, theo thông lệ quốc tế, nhưng phải tôn trọng luật pháp, phong tục tập quán của ta ; đồng thời tạo ra môi trường pháp lý thuận lợi, ổn định cho người kinh doanh du lịch. Vấn đề hết sức quan trọng là cần có chính sách đầu tư thích hợp. Hiện nay, Chính phủ đang chỉ đạo đầu tư cho kết cấu hạ tầng kinh tế, văn hóa xã hội. Đây là cơ sở tốt để phát triển du lịch. Các vấn đề đầu tư phát triển cơ sở vật chất kỹ thuật du lịch, đầu tư để đào tạo nguồn nhân lực du lịch và đầu tư xúc tiến, tuyên truyền sản phẩm du lịch Việt nam ra nước ngoài để thu hút khách phải được quan tâm hơn nữa. Điều cốt lõi là phải khẩn trương xây dựng quy hoạch du lịch vùng, địa phương và từng điểm du lịch, gắn với quy hoạch tổng thể phát triển du lịch cả nước (đã được phê duyệt) và quy hoạch chiến lược phát triển kinh tế - xã hội, để làm cơ sở xây dựng các dự án đầu tư cụ thể. Tập trung cho các trung tâm du lịch trọng điểm mà điều kiện hạ tầng, cơ sở vật chất kỹ thuật đã sẵn sàng, khai thác được ngay, tạo sự thúc đẩy và phát triển lan tỏa đến các vùng khác. Mặt khác, cần có kế hoạch phát triển du lịch những nơi có tiềm năng ở vùng nông thôn hẻo lánh, vùng sâu, vùng xa, góp phần phát triển kinh tế - xã hội, cải thiện đời sống dân cư ở nông thôn, vùng núi, hải đảo...

Công nghiệp hóa, hiện đại hóa du lịch đòi hỏi nguồn vốn rất lớn. (Theo tính toán ban đầu, cần khoảng 30 tỉ USD cho 15 năm tới). Do đó phải đẩy mạnh việc thu hút và đa dạng hóa các nguồn vốn cho sự phát triển. Cần huy động vốn trong nước từ nhiều nguồn, dưới các hình thức như vay, cổ phần hóa, hoặc cho phép dân làm để đầu tư xây dựng mới và tôn tạo nâng cấp các khu du lịch, danh thắng, cơ sở vui chơi giải trí, khách sạn... Trong quá trình huy động vốn trong nước, phải nghiên cứu tạo ra các hình

Digitized by Google

thức quản lý và sử dụng vốn có hiệu quả, tạo sự lựa chọn, đón nhận và tham gia bình đẳng với đối tác nước ngoài đầu tư vào du lịch, thích ứng cao với điều kiện và cơ chế mới. Khuyến khích đầu tư vốn nước ngoài vào các công trình du lịch quy mô lớn như các khu du lịch, làng văn hóa các dân tộc Việt nam, các khách sạn lớn, cao cấp. Đến năm 2000 phải có thêm khoảng 25 nghìn buồng khách sạn, khoảng 10-15 dự án khu du lịch lớn trên dưới 300 triệu USD gắn với danh thắng, di tích của đất nước, tạo được những sản phẩm du lịch tương đương trình độ quốc tế, tăng khả năng hấp dẫn thu hút và lưu giữ khách. Khuyến khích phát triển hình thức kinh tế tư bản nhà nước, hình thành các công ty cổ phần ở các khâu khách sạn, nhà hàng, vận chuyển với các hình thức sở hữu đan xen, và hình thành các mô hình quản lý mới, năng động, hiệu quả. Đầu tư chiều sâu cho các lĩnh vực lữ hành, vận chuyển. Đây là khâu quyết định để tiêu thụ sản phẩm du lịch, vươn mạnh ra nước ngoài khai thác đưa khách vào Việt nam và qua các nước khác du lịch ; đồng thời tổ chức cho nhân dân ta đi du lịch trong và ngoài nước.

Khoa học và công nghệ đóng vai trò quyết định trong quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa, là tác nhân quan trọng để du lịch Việt nam có thể cạnh tranh và phát triển với thị trường du lịch khu vực và thế giới. Vì vậy, khoa học và công nghệ phải được đặc biệt coi trọng trong quá trình phát triển. Phát huy trí tuệ và năng lực sáng tạo, truyền thống của dân tộc, tiếp thu có chọn lọc tri thức quản lý và kinh nghiệm phát triển du lịch của các nước, tận dụng được lợi thế của nước đi sau để có được những chủ trương, biện pháp phù hợp với điều kiện, hoàn cảnh của nước ta nhằm phát triển nhanh du lịch ; giải quyết hài hòa những vấn đề kinh tế, văn hóa, xã hội, công nghệ, kỹ thuật, môi trường sinh thái để phát triển lâu bền. Trong quá trình chuyển giao công nghệ, cần chú trọng bồi dưỡng, đào tạo và sử dụng tốt nguồn nhân lực du lịch với đội ngũ cán bộ, công nhân có đức, có tài, bảo vệ được lợi ích đất nước ; thạo nghề nghiệp, giỏi ngoại ngữ, đủ năng lực quản lý và kinh doanh ; đồng thời coi trọng giáo dục du lịch toàn dân, tạo nguồn nhân lực và môi trường thuận lợi cho du lịch.

Một vấn đề rất quan trọng là phải giữ gìn, tạo được môi trường tự nhiên và xã hội lành mạnh cho du lịch phát triển, giữ gìn và phát huy bản sắc văn hóa dân tộc. Du lịch Việt nam chỉ có thể phát triển theo hướng văn hóa, sinh thái môi trường. Cùng với việc giáo dục nâng cao nhận thức về vấn đề này, phải xây dựng các qui định, thể chế hoạt động văn hóa, sinh hoạt xã hội theo hướng văn hóa dân tộc Việt nam ; đồng thời tăng cường kiểm tra, kiểm soát, phát hiện kịp thời và xử lý nghiêm các vi phạm. Khi chúng ta có môi trường tốt, giữ vững và phát triển thuần phong mỹ tục, bảo vệ môi trường tự nhiên ; khi mỗi cá nhân, mỗi gia đình, mỗi tập thể và cả cộng đồng có lòng tự trọng và ý thức về phẩm giá, hành động theo pháp luật, thì du khách, kể cả khách quốc tế đến nước ta, đều phải chấp hành luật pháp và tôn trọng phong tục tập quán của ta, tạo một thông lệ chung lành mạnh. Chẳng hạn, ở Xin-ga-po, dân số chỉ có gần 3 triệu, mỗi năm đón lượng khách nước ngoài gần gấp đôi số dân, nhưng ai cũng đều phải chấp hành luật lệ và quy định của họ, vừa bảo đảm giữ nghiêm pháp luật,vừa tạo an toàn và thoải mái cho khách. Đây là vấn đề mà du lịch nước ta cần nghiên cứu và học tập. Hiện nay, cả nước đang triển khai Chỉ thị 64/CT-TU, Nghị định 87/CP và Chỉ thị 814/TTg về việc thiết lập trật tự, kỷ cương trong các hoạt động văn hóa và dịch vụ văn hóa, bài trừ tệ nạn xã hội, với các quy định cụ thể về quảng cáo, vũ trường, ka-ra-ô-kê, nhà hàng, mát-xa... Theo những quy định chung đó, ngành du lịch phải thực hiện rất nghiêm, có những kế hoạch và quy định cụ thể để các sản phẩm du lịch Việt nam có nội dung văn hóa lành mạnh, mang bản sắc dân tộc.

Ngoài ra ngành du lịch còn phải tạo lập đồng bộ các yếu tố thị trường, tiến tới một chính sách thị trường phù hợp để hội nhập thị trường du lịch quốc tế. Đẩy mạnh hơn nữa hợp tác quốc tế trong du lịch (cả song phương và đa phương), coi đây là biện pháp không thể thiếu để thu hút khách quốc tế, thu hút vốn, tiếp thu kỹ thuật, công nghệ và kinh nghiệm quản lý, tăng cường thông tin về đối tác ❑

Digitized by Google

Tổng công ty dầu mỏ và khí đốt Việt nam trong cơ chế thị trường

NGUYỄN TRÍ LIỀN *

THÁNG 9 năm 1975 Tổng cục dầu khí ra đời. Năm 1990 Tổng cục chuyển thành Tổng công ty dầu mỏ và khí đốt trực thuộc Bộ công nghiệp nặng. Năm 1992 Tổng công ty tách khỏi Bộ công nghiệp nặng, trực thuộc Chính phủ. Tổng công ty có nhiệm vụ nghiên cứu, thăm dò, sản xuất, kinh doanh và dịch vụ dầu mỏ, khí đốt. Là một doanh nghiệp nhà nước, Tổng công ty có trách nhiệm xây dựng và phát triển để ngành dầu mỏ và khí đốt trở thành một ngành kinh tế chủ lực, phấn đấu trở thành một trong những tập đoàn kinh tế mạnh của nước ta.

Có thể nói, ngành dầu mỏ và khí đốt Việt nam là một ngành kinh tế trẻ, ra đời và phát triển nhanh, mạnh trong hoàn cảnh đất nước chuyển đổi từ cơ chế bao cấp sang cơ chế thị trường. Từ 1975 đến 1980 nhiệm vụ chủ yếu của Tổng cục dầu khí lúc đó là thăm dò hẹp, trên đất liền ; đến những năm 1981 - 1987 mới mở rộng thăm dò ở vùng biển, thông qua hợp tác với Liên xô (cũ) ; từ 1987 đến 1990 tiếp tục thăm dò và đưa mỏ Bạch hổ vào khai thác, và từ 1991 đến nay mới thực sự là thời kỳ sôi động và chuyển biến của ngành dầu mỏ, khí đốt. Qua hai mươi năm hình thành và phát triển, ngành kinh tế công nghiệp dầu mỏ và khí đốt đang phát triển, lớn mạnh không ngừng. Toàn bộ công tác dầu khí đã chuyển từ giai đoạn nghiên cứu, thăm dò sang giai đoạn khai thác ; từ một địa bàn nhỏ mở rộng ra cả miền Bắc, miền Nam, đất liền, biển và hải đảo ; từ đi từng bước một có tính chất thăm dò, vừa làm vừa học sang thời kỳ phát triển toàn diện với tốc độ nhanh. Hai mươi năm phấn đấu gian khổ, và tích cực chủ động sáng tạo, Tổng công ty đã đạt được những thành quả lớn lao trên nhiều phương diện :

- Từ năm 1986 đến 1995 Tổng công ty đã khai thác được trên 34 triệu tấn dầu và 183 triệu m^3 khí đốt, tiết kiệm cho nhà nước gần 40 triệu USD thay cho việc nhập dầu. Ngoài ra, Tổng công ty còn hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ thiết kế, xây dựng nhiều công trình kinh tế quốc phòng do Nhà nước và Bộ quốc phòng giao cho. Từ chỗ phụ thuộc vào kỹ thuật nước ngoài, đến nay Tổng công ty đã dần dần vươn lên tự lực giải quyết được một số công việc kỹ thuật, tiến tới chủ động giải quyết được nhiều công việc về công nghệ và kỹ thuật. Nhờ vậy, lần đầu tiên Tổng công ty đã hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ tự thiết kế, thi công và giám sát khoan giếng PV - 94 - 2X ở vùng nước sâu 68m, cách bờ 450 km, (xa bờ nhất từ khi có hoạt động thăm dò dầu mỏ và khí đốt ở thềm lục địa Việt nam tới nay) lại là vùng nhạy cảm và phức tạp, thời gian làm việc trên biển gấp đôi so với các công trình khác, có nhiều rủi ro, nguy hiểm.

- Tổng công ty đã xây dựng được một đội ngũ cán bộ, công nhân kỹ thuật đông đảo. Từ chỗ chỉ có trên 2 000 người, nay đã lên tới hàng vạn người (gấp 5 lần), bao gồm hàng trăm ngành nghề chuyên sâu khác nhau có liên quan đến dầu mỏ và khí đốt, trong đó có 8,5% trình độ trên đại học, 26,5% đại học, 7,76% trung cấp và 53,74% là công nhân kỹ thuật. Đây là nguồn nhân lực và tài sản quý giá của đất nước, là tiền đề quan trọng để ngành dầu mỏ và khí đốt tăng tốc trong những năm tới.

- Ngành dầu mỏ và khí đốt của nước ta thực sự bước vào kinh tế thị trường chỉ có mấy năm. Đây lại là một ngành kinh tế rất đặc thù. Tuy gặp nhiều khó khăn nhưng ngành đã tự khẳng định được mình, và đã xây dựng được một hệ thống bộ máy quản lý từ cơ sở đến

* Phó tổng giám đốc, Phó bí thư ban cán sự, Bí thư đảng ủy cơ quan Tổng công ty dầu mỏ và khí đốt Việt nam

Digitized by Google

Tổng công ty vững mạnh, phù hợp với đặc điểm của một tập đoàn kinh tế chuyên ngành. Đây là những kinh nghiệm rất quý để Tổng công ty chuẩn bị cho những bước phát triển tiếp theo.

- Tổng công ty đã không ngừng mở rộng hợp tác quốc tế theo nguyên tắc giữ vững chủ quyền quốc gia, giữ vững độc lập, tự chủ ; tranh thủ để tiến tới tự lực ở mức cao nhất. Trong hai năm 1976 - 1978 ngành đã ký được 7 hợp đồng hợp tác với nước ngoài, từ năm 1988 đến 1995 ký tiếp 28 hợp đồng và có 24 nhà thầu hợp tác theo các hợp đồng chia sản phẩm, trong đó, phía Việt nam đều trực tiếp tham gia theo phần trăm như một thành viên trong tổ hợp nhà thầu. Đồng thời đã mở rộng hình thức liên doanh (4 hợp đồng). Tốc độ và quy mô hợp tác, giá trị hợp tác năm sau cao hơn năm trước. Riêng năm 1994, tổng chi phí đầu tư cho hoạt động dầu mỏ và khí đốt của các nhà thầu đã đạt gần 700 triệu USD, cao gần gấp hai lần năm 1993. Lĩnh vực hợp tác cũng mở rộng, từ nghiên cứu, thăm dò khai thác, kinh doanh sản phẩm thô đến việc chuẩn bị xây dựng nhà máy lọc dầu để tiến tới kinh doanh các sản phẩm tinh của dầu mỏ ; hợp tác tư vấn kỹ thuật, tư vấn tài chính, tư vấn giám sát v.v.. Đến nay hầu như các hãng dầu lớn của thế giới, nhất là các nước phương Tây đã vào đàm phán và ký kết hợp tác với ta. Từ năm 1994-1995 Tổng công ty đã và đang chú trọng đẩy mạnh hình thức liên doanh - liên kết, tăng cường vai trò tự lực, tự chủ trong quản lý và doanh thu.

- Thực hiện tốt các chính sách xã hội đối với người lao động. Thu nhập bình quân hằng năm của cán bộ nhân viên tăng 20%. Các chế độ bảo hiểm lao động, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm sức khỏe cho cán bộ, công nhân viên ; các hoạt động như tham quan, nghỉ mát, bồi dưỡng sức khỏe, văn hóa văn nghệ, thể dục thể thao được quan tâm và giải quyết chu đáo. Tổng công ty còn tích cực tham gia làm công tác xã hội như : xây dựng 21 nhà tình nghĩa ở Hà nội, Thái bình, Hải hưng, Hải phòng, Bà rịa - Vũng tàu, TP Hồ Chí Minh v. v.; nhận chăm sóc 138 bà mẹ Việt nam anh hùng ; xây một trường học ở Vũng tàu ; ủng hộ đồng bào vùng lũ lụt, ủng hộ nhân dân Cu-ba... với số tiền trên 2 tỉ đồng.

Tổng công ty đã được Chính phủ tặng nhiều cờ thưởng và bằng khen, đặc biệt nhân dịp kỷ niệm 20 năm thành lập ngành dầu khí Việt nam đã được Đảng, Nhà nước thưởng huân chương độc lập hạng nhất, 3 huân chương lao động hạng nhất, 3 huân chương lao động hạng nhì, 15 huân chương lao động hạng ba, 1 huân chương chiến công hạng nhất và 1 huân chương độc lập hạng 3.

*
* *

Ngành dầu mỏ và khí đốt có bước phát triển như hôm nay, là do những nguyên nhân chính sau đây :

1- Nhờ có những quyết định đúng đắn của Đảng và Nhà nước ta. Ngay từ khi bắt được "thông điệp từ lòng đất" về tiềm năng thật sự của nguồn dầu mỏ và khí đốt, ngày 9/8/1975 Bộ chính trị (khóa IV) đã ra Nghị quyết 244/NQ - TƯ về phát triển thăm dò và khai thác dầu khí. Ngay sau đó, ngày 3/9/1975 Chính phủ ra Nghị định 170/CP thành lập Tổng cục dầu khí nhằm thực hiện tốt Nghị quyết nêu trên của Bộ chính trị. Trước tình hình mới, để lãnh đạo kịp thời ngành dầu khí, năm 1987 Bộ chính trị (khóa VI) có Nghị quyết số 15/NQ - TƯ, năm 1993 Bộ chính trị (khóa VII) có Nghị quyết 03/NQ - TƯ và Chính phủ ra Chỉ thị 394/TTg. Sự lãnh đạo đúng đắn, kịp thời đó của Đảng và Nhà nước đã giúp cho ngành dầu khí phát triển đúng định hướng và có hiệu quả. Nghị quyết 244 Bộ chính trị (khóa IV) khẳng định dầu khí là một ngành công nghiệp lớn, kỹ thuật phức tạp, bao gồm nhiều mặt hoạt động, yêu cầu lớn về vốn. Muốn phát triển nhanh chóng và vững chắc Tổng công ty đã quán triệt quan điểm và đường lối của Đảng về chính sách hợp tác, vừa mở rộng đa phương, đa dạng với bên ngoài vừa phải giữ vững chủ quyền quốc gia, độc lập tự chủ, nhanh chóng tiến tới tự lực ở mức cao nhất có thể được. Nghị quyết 15 của Bộ chính trị (khóa VI) và Nghị quyết 03 của Bộ chính trị (khóa VII) tiếp tục khẳng định định hướng trên, mặt khác yêu cầu phải phát triển nhanh hơn nữa, mở rộng hợp tác hơn nữa nhằm

Digitized by Google

mục tiêu xây dựng ngành công nghiệp dầu khí hoàn chỉnh. Những quan điểm và định hướng cơ bản trong các chỉ thị, nghị quyết nêu trên thể hiện tầm nhìn xa, ý chí quyết tâm của Đảng và Nhà nước ta trong việc phát triển ngành dầu khí nhằm tạo ra những tiền đề quan trọng để góp phần đưa đất nước tiến vào thời kỳ phát triển mới, công nghiệp hóa, hiện đại hóa theo định hướng xã hội chủ nghĩa.

2 - Nắm vững và quán triệt sâu sắc các quan điểm của Đảng và Nhà nước ta, Tổng công ty dầu mỏ và khí đốt đã có quyết tâm cao, vượt qua nhiều thử thách khó khăn, chủ động bước nhanh vào cơ chế thị trường. Tổng công ty đã xây dựng được một hệ thống tổ chức và bộ máy phù hợp với tình hình và đặc điểm riêng của ngành. Hệ thống bộ máy khá gọn nhẹ, có mối quan hệ hữu cơ chặt chẽ với nhau, đủ sức thực hiện tốt các nhiệm vụ chính của Tổng công ty là : nghiên cứu, thăm dò, khai thác, chế biến, dịch vụ thương mại, tài chính, dịch vụ kỹ thuật và hậu cần và các dịch vụ khác liên quan. Tổng công ty đã xây dựng được các quy chế, quy trình, quy phạm công tác, các chính sách đãi ngộ đối với người lao động và luôn luôn bổ sung, hoàn chỉnh các văn bản đó trong quá trình quản lý, nhằm mục tiêu động viên kịp thời cán bộ, công nhân và đưa mọi hoạt động của Tổng công ty thành nền nếp kỷ cương, tiết kiệm, hiệu quả kinh tế cao. Bên cạnh đội ngũ cán bộ công nhân đông đảo, yên tâm công tác, tay nghề ngày một nâng cao, điều rất quý là Tổng công ty đã xây dựng được một đội ngũ cán bộ chủ chốt vững vàng về quan điểm, đoàn kết nhất trí, có trình độ chuyên môn và năng lực quản lý, gương mẫu trong công tác, sinh hoạt.

3 - Làm tốt công tác xây dựng Đảng. Quán triệt nghiêm túc Nghị quyết Hội nghị lần thứ ba của BCH TƯ Đảng (khóa VII) về đổi mới và chỉnh đốn Đảng, Ban cán sự đảng, đảng bộ cơ quan Tổng công ty và các tổ chức cơ sở đảng trong toàn ngành đã có nhiều cố gắng để uốn nắn những nhận thức sai lệch của cán bộ, đảng viên, đưa hoạt động của các tổ chức đảng đi vào nền nếp. Càng tiến sâu vào kinh tế thị trường, đảng bộ càng thống nhất nhận thức phải tăng cường vai trò lãnh đạo của Đảng. Mặc dù hệ thống tổ chức Đảng trong toàn ngành còn phân tán. Song, Ban cán sự đảng đã phát huy trí tuệ của các cấp ủy đảng cơ sở và cán bộ đảng viên trong toàn ngành để cùng đảng bộ cơ quan Tổng công ty hoàn thành tốt nhiệm vụ của mình trên các mặt là:

- Chăm lo công tác tư tưởng, nâng cao nhận thức chính trị cho cán bộ, đảng viên. Các cơ sở đảng được cấp kinh phí để mua báo chí, tài liệu, phương tiện thông tin văn hóa, tổ chức các đợt học tập chính trị, nghe thời sự thường xuyên, nền nếp... Sinh hoạt Đảng được giữ vững với những nội dung phong phú và thiết thực.

- Xác định rõ định hướng, chủ trương, kế hoạch trung hạn, dài hạn và hằng năm của toàn ngành. Có những biện pháp thích hợp để lãnh đạo Tổng công ty và các đơn vị trực thuộc tổ chức thực hiện kịp thời, hiệu quả các nhiệm vụ được giao. Với mục tiêu xây dựng ngành công nghiệp dầu mỏ và khí đốt hoàn chỉnh, mở rộng thăm dò khai thác nhiều dầu mỏ và khí đốt cho Tổ quốc, các cơ sở đảng trong toàn ngành đã đi sâu lãnh đạo đơn vị mình xây dựng những phương án sản xuất, kinh doanh phù hợp, mở rộng khách hàng, thu hút nhiều vốn đầu tư, đa dạng hóa các nghề, nhất là tổ chức dịch vụ dầu mỏ và khí đốt.

- Lãnh đạo tốt công tác tổ chức cán bộ trên các mặt : Xây dựng kịp thời các chức danh cán bộ, công nhân viên, các quy chế hoạt động của các bộ phận, các quy chế phân công, phối hợp giữa đảng, chuyên môn, các đoàn thể quần chúng. Tăng cường mối quan hệ và sự phối hợp công tác giữa ngành với địa phương, giữa Ban cán sự đảng và các cấp ủy ở địa phương. Ban cán sự và các cấp ủy cơ sở đã trực tiếp nắm công tác cán bộ. Trên cơ sở điều tra, khảo sát nắm vững đội ngũ cán bộ, căn cứ vào chiến lược phát triển của ngành đến năm 2000, Tổng công ty đã chủ động có kế hoạch về đội ngũ cán bộ của toàn ngành. Tổng công ty đã dành kinh phí thích đáng cho việc đào tạo, bồi dưỡng cán bộ như : Đào tạo lại, đào tạo chuyên ngành kỹ thuật hẹp, bồi dưỡng nghiệp vụ quản lý, nâng cao trình độ ngoại ngữ v.v.. Tính từ năm 1988 đến nay, có 1 682 lượt người được đào tạo ở nước ngoài,

Digitized by Google

4 782 lượt người được đào tạo ở trong nước ; 9 người được đề bạt vào các chức danh lãnh đạo Tổng công ty, 67 người cấp vụ, viện, giám đốc các công ty trực thuộc, 467 người là trưởng, phó phòng, ban, đội trưởng, đội phó, xưởng trưởng, xưởng phó. Trước sự phát triển nhanh của ngành, Ban cán sự đảng và đảng bộ cơ quan Tổng công ty đã nhạy bén, điều chỉnh hệ thống tổ chức bộ máy một cách kịp thời, không bỏ lỡ thời cơ nhằm nâng cao hiệu quả của hệ thống quản lý toàn ngành. Ví dụ : Quyết định thành lập công ty giám sát các hợp đồng phân chia sản phẩm dầu khí ; tách phòng tài chính kế toán thành hai phòng chuyên sâu ; thành lập phòng đào tạo, đội kiểm toán, đội đặc nhiệm, phòng chế biến, phòng vi tính, công ty chế biến và phân phối các sản phẩm dầu mỏ và khí đốt trong phạm vi cả nước, công ty bảo hiểm dầu mỏ và khí đốt v.v..

- Lãnh đạo tốt công tác bảo vệ chính trị nội bộ ; có biện pháp kịp thời chống những tư tưởng xấu xâm nhập vào đội ngũ cán bộ công nhân viên ; tăng cường vai trò kiểm tra của Đảng.

- Lãnh đạo tốt hoạt động của các đoàn thể quần chúng. Các đoàn thể quần chúng đã tích cực tham gia cùng chuyên môn quản lý cơ quan, chăm lo đời sống mọi mặt cho cán bộ công nhân viên. Nhiều cuộc vận động, nhiều phong trào quần chúng như : phong trào lao động giỏi, phong trào phát huy sáng kiến kinh nghiệm, khuyến khích tài năng trẻ, uống nước nhớ nguồn, và các hoạt động nhân đạo khác được nảy nở và duy trì tốt ở các cơ sở.

- Qua việc tiến hành đổi mới và chỉnh đốn Đảng, trên 2 000 đảng viên của ngành những năm qua đã có bước trưởng thành đáng kể về nhận thức, hăng hái hoạt động, hoàn thành các nhiệm vụ được giao. Nhiều cơ sở đảng được công nhận là đơn vị trong sạch vững mạnh. Đặc biệt, đảng bộ cơ quan Tổng công ty lần đầu tiên đạt danh hiệu này 2 năm liền.

*
* *

Từ đặc điểm của nước ta và thực tế phát triển của ngành, để thực hiện tốt hơn sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước nói chung, trong đó có ngành dầu mỏ và khí đốt nói riêng, chúng tôi xin kiến nghị :

- Dầu mỏ và khí đốt là một trong những loại nguồn nguyên liệu của nền công nghiệp. Kinh tế dầu mỏ và khí đốt liên quan tới nhiều lĩnh vực chính trị, quốc phòng, ngoại giao, khoa học kỹ thuật, môi trường sinh thái, kinh tế biển, vận tải biển và hàng không bưu chính viễn thông v.v. Bởi vậy, Đảng và Nhà nước nên đặt sự phát triển của nó trong sự phát triển tổng thể của nền kinh tế quốc dân. Những năm qua, ngành dầu mỏ và khí đốt đã đóng góp một nguồn ngân sách lớn (chủ yếu là ngoại tệ từ bán dầu, dịch vụ), nhưng nếu chúng ta có kế hoạch phát triển cụ thể hơn, có sự phối hợp đồng bộ hơn giữa các ngành kinh tế quốc dân, giữa ngành và các địa phương, có chính sách huy động vốn, đầu tư và tái đầu tư tốt hơn thì chắc rằng nguồn thu cho ngân sách còn lớn hơn nhiều. Nhà nước nên đánh giá đúng tính đặc thù, vai trò, vị trí của ngành dầu khí với tiềm năng dầu mỏ và khí đốt đã và sẽ được phát hiện để hoàn thiện dần các lĩnh vực hoạt động dầu khí từ thăm dò, khai thác đến chế biến phân phối và kinh doanh sản phẩm dầu khí, đặc biệt là khí đốt ; mở rộng hợp tác quốc tế trên nguyên tắc độc lập tự chủ, đa phương, đa hình thức ; đẩy mạnh ngành dầu khí phát triển toàn diện.

- Từ thực tế hoạt động của Ban cán sự đảng và các cơ sở đảng trong toàn ngành, trước đòi hỏi của việc tăng cường vai trò lãnh đạo của Đảng đối với sự nghiệp dầu mỏ và khí đốt, chúng tôi nhận thức rằng việc thống nhất các đảng bộ trong toàn ngành thành một tổ chức thống nhất sẽ thuận lợi hơn. Như thế hoạt động lãnh đạo, kiểm tra của Đảng mới kịp thời, chặt chẽ, các nội dung lãnh đạo mới đi vào chiều sâu và chắc, các mối quan hệ giữa ngành và địa phương mới thêm chặt chẽ và không hình thức. Đảng bộ ngành mới có điều kiện đi sâu vào tổ chức lãnh đạo các hoạt động ở các đơn vị liên doanh, đặc biệt là đơn vị có vốn 100% của nước ngoài. Đồng thời cần hoàn thiện cụ thể hơn quy chế phối hợp giữa Ban cán sự đảng với chuyên môn, giữa Ban cán sự đảng với các đảng ủy cấp trên cơ sở, giữa đảng ủy ngành với cấp ủy địa phương ❑

Digitized by Google

Bước tiến mới của đảng bộ huyện THANH OAI

NGUYỄN NGỌC KHOA *

NẰM ở phía Tây Nam thủ đô, huyện Thanh oai tỉnh Hà tây kề liền với thị xã Hà đông và các huyện Chương mỹ, Mỹ đức, Thường tín. Trên diện tích tự nhiên 142 km^2 với 9 100 ha đất canh tác, chủ yếu là đất lúa, Thanh oai có 43 160 hộ dân với 195 000 người, trong đó có nguồn lao động dồi dào 100 000 người. Tuy ở vùng đất trũng của tỉnh, Thanh oai là huyện có địa hình bằng phẳng, đất đai phì nhiêu, màu mỡ ; thị trường phát triển sớm, rất thuận lợi cho giao lưu hàng hóa, phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội. Thanh oai là vùng đất có nhiều nghề truyền thống ; nổi tiếng như nón Chuông, giò chả Ước lễ, điêu khắc Thanh thùy, quạt giấy Dâu hòa...; có những điều kiện để phát triển tiểu thủ công nghiệp, và công nghiệp. Nhân dân Thanh oai có truyền thống đấu tranh cách mạng kiên cường, cần cù, thông minh trong lao động, sản xuất. Đảng bộ huyện Thanh oai qua các thời kỳ cách mạng luôn luôn đoàn kết, phát huy được vai trò lãnh đạo của mình.

Trong những năm tiến hành đổi mới, đặc biệt từ sau Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ VII đến nay, đảng bộ huyện Thanh oai đã nêu cao vai trò lãnh đạo, phát huy trí tuệ của cán bộ, đảng viên và nhân dân nên đã tìm được hướng đi đúng, khơi dậy được mọi tiềm năng làm cho địa phương phát triển toàn diện.

Bước vào nhiệm kỳ đại hội 17 của đảng bộ huyện (1991 - 1995) câu hỏi đặt ra đối với chúng tôi là làm gì và làm thế nào để có thể phát triển nhanh hơn, thoát khỏi nghèo, và không còn hộ đói ?

Xuất phát từ điều kiện thực tế về tự nhiên, xã hội của địa phương và sự phát triển của nền kinh tế hàng hóa, huyện ủy đã quyết định lựa chọn cơ cấu kinh tế mới và có bước đi thích hợp cho từng giai đoạn. Tháng 11-1991, đại hội đảng bộ huyện đã quyết nghị xây dựng, phát triển kinh tế của Thanh oai theo cơ cấu : *nông nghiệp, tiểu thủ công nghiệp và dịch vụ*. Phương châm hành động được xác định với tinh thần chủ đạo là phải *tập trung mọi nguồn lực cho phát triển kinh tế ; coi xây dựng Đảng và đổi mới hệ thống chính trị là nhiệm vụ then chốt, an ninh quốc phòng là nhiệm vụ thường xuyên quan trọng ; địa bàn hoạt động của cán bộ, đảng viên là thôn xóm ; cán bộ là khâu có ý nghĩa quyết định, chịu trách nhiệm trước phong trào của địa phương.*

Từ hướng đi đó, từ cơ cấu kinh tế và phương châm hành động đó, trong 5 năm 1991 - 1995, Thanh oai đã có những bước phát triển mới : Sản xuất lương thực tăng gấp rưỡi từ 70 nghìn tấn (năm 1990) lên 104 nghìn tấn (năm 1995) ; đưa lương thực bình quân tính theo đầu người đạt 535 kg/năm. Tất cả các chỉ tiêu kinh tế - xã hội đều vượt mức kế hoạch đề ra. Nhịp độ tăng trưởng GDP bình quân hằng năm là 10%, thu nhập bình quân đầu người đạt 220 USD.

Thực tiễn đã khẳng định việc chuyển dịch cơ cấu kinh tế, khuyến khích phát triển các thành phần kinh tế trong thời gian qua ở Thanh oai là đúng hướng. Trong lĩnh vực sản xuất nông nghiệp, tiểu công nghiệp, cùng với việc chỉ đạo các xã tập trung thâm canh lúa, đưa giống mới, kỹ thuật, và công nghệ mới vào để tạo ra năng suất cao và khối lượng lương thực lớn, huyện ủy còn cho thí điểm rồi nhân rộng việc trồng cây vụ đông và cây màu trên đất ướt ; phát triển mạnh chăn nuôi, chú trọng nuôi thủy đặc sản, bò sữa ; bỏ hẳn vườn tạp, chuyển sang làm vườn cây ăn quả có giá trị kinh tế cao ; khôi phục và phát triển các làng nghề truyền thống... Những việc làm này tạo ra sự năng động hơn trong sản xuất và thị trường, mở cho nhân dân cánh cửa đi lên giàu có, vươn

* Tỉnh ủy viên Hà tây. Bí thư huyện ủy Thanh oai

Digitized by Google

lên trong kinh tế thị trường, phát triển kinh tế hàng hóa, tạo việc làm mới, thu nhập cao, cải thiện và nâng cao đời sống nhân dân, xây dựng cơ sở hạ tầng phục vụ sản xuất và đời sống.

Những kết quả bước đầu nhưng có ý nghĩa rất quan trọng đối với kinh tế, xã hội của huyện Thanh oai trong những năm vừa qua gắn liền với quá trình thực hiện đổi mới, chỉnh đốn Đảng. Trên bình diện tổng thể, đổi mới, chỉnh đốn Đảng là nhân tố có vai trò chủ yếu thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội. Ở Thanh oai điều đó đã được kiểm nghiệm qua thực tế. Nắm được tư tưởng chỉ đạo của Trung ương coi : "phát triển kinh tế là trọng tâm, xây dựng Đảng là then chốt", Ban chấp hành đảng bộ huyện đã nỗ lực chỉ đạo, lấy đó làm động lực đổi mới, chỉnh đốn Đảng. Huyện ủy đã kịp thời đổi mới sự lãnh đạo và điều hành, thông qua và gắn liền trách nhiệm cá nhân của cán bộ, đảng viên với các chương trình, kế hoạch lãnh đạo, chỉ đạo sản xuất, xây dựng kinh tế, chính trị, văn hóa, xã hội ở địa phương. Nhiệm kỳ vừa qua, Thanh oai đề ra 6 chương trình lớn về kinh tế, xã hội và xây dựng Đảng. Đó là : 1 - Chương trình lương thực, thực phẩm ; 2 - Chương trình phát triển cây ăn quả, trồng dâu nuôi tằm ; 3 - Chương trình xây dựng nông thôn mới ; 4 - Chương trình xóa đói, giảm nghèo ; 5 - Chương trình dân số và kế hoạch hóa gia đình ; 6 - Chương trình đổi mới hệ thống chính trị. Các chương trình này sau khi được tập thể cấp ủy thông qua đã phân công từng đồng chí trong Ban thường vụ phụ trách. Các đồng chí lãnh đạo chủ chốt được giao phụ trách các chương trình trọng điểm. Trong quá trình thực hiện, mỗi chương trình đều có điểm chỉ đạo, nếu thành công sẽ nhân rộng ra, làm đại trà.

Chương trình lương thực, thực phẩm do đồng chí Bí thư huyện ủy phụ trách. Năm 1992 xã Hồng dương được chọn làm điểm thử nghiệm đưa giống lúa lai của Trung quốc vào sản xuất và thực hiện lai giống bò Sin nuôi lấy sữa, làm sức kéo. Kết quả : năng suất và sản lượng lúa tăng cao ; đàn bò lai Sin phát triển tốt, có thêm sức kéo, đặc biệt cho sữa tốt, tăng thêm thu nhập cho các hộ gia đình. Thực tế đó có sức thuyết phục lớn đối với các xã và nhân dân trong huyện. Năm 1993, huyện chỉ đạo đưa giống lúa lai Trung quốc phát triển ra diện tích cấy lúa của toàn huyện, đã tạo sự đột biến trong sản xuất lương thực, năng suất tăng lên hơn 10 tấn/ha. Giống bò lai Sin đã nhân ra một số xã khác. Ở xã Bích hòa đã có những gia đình chuyển hẳn sang nuôi bò lai Sin lấy sữa. Phong trào cải tạo vườn tạp thành vườn cây đặc sản có giá trị kinh tế cao cũng đã phát triển mạnh ở hầu hết các xã ven sông Đáy. Xã Thanh mai là điểm đầu tiên chuyển đất bãi bạc màu, pha cát từ trồng màu sang trồng táo và một số cây ăn quả khác đã đưa tới hiệu quả kinh tế cao. Từ thực tế này, huyện đã có kế hoạch xây dựng vùng cây ăn quả và vùng ngô sản lượng cao ven sông Đáy. Gắn với vùng "nguyên liệu" thực phẩm cây ăn quả sẽ có các xí nghiệp nhỏ chế biến thức ăn gia súc cho chăn nuôi, làm hàng thực phẩm cao cấp, mở ra khả năng làm hàng xuất khẩu.

Chương trình xây dựng nông thôn mới do đồng chí Trưởng ban tuyên giáo và đồng chí Phó chủ tịch UBND huyện phụ trách. Kết quả và thành tựu đạt được vượt kế hoạch. Tổng kết chương trình này, chúng tôi đã rút ra được bài học quý là phải biết dựa vào dân, khơi dậy sức dân. Đó cũng còn là bài học lớn của toàn đảng bộ huyện Thanh oai trong những năm thực hiện đổi mới, chỉnh đốn Đảng. Vì dân, dựa vào dân để phát triển kinh tế, xã hội, xây dựng cơ sở hạ tầng cho sản xuất, đời sống phục vụ nhân dân. Trên cơ sở của sản xuất phát triển, hàng hóa giao lưu mạnh đòi hỏi phải phát triển cơ sở hạ tầng đáp ứng yêu cầu ngày càng cao của sản xuất, đời sống. Nắm bắt trúng yêu cầu đó, huyện chỉ đạo chương trình xây dựng nông thôn mới, chọn khâu đột phá là xây dựng cơ sở hạ tầng cho sản xuất, đời sống, tập trung phát triển đường giao thông, xây dựng trường học và bệnh xá. Huyện có cơ chế hỗ trợ theo tỷ lệ đối với từng làng, xã, căn cứ vào kết quả làm mới. Phương châm là động viên sức dân, lấy sức dân mà làm. Ý Đảng hợp với lòng dân đã tạo ra sức mạnh, mọi nguồn lực được khơi dậy, phát huy.

Digitized by Google

Hàng chục vạn ngày công, hàng chục tỉ đồng của dân đã tạo ra những đổi thay lớn trên mảnh đất "trũng" của tỉnh Hà tây. Bộ mặt nông thôn Thanh oai từng ngày đổi mới. Đời sống nhân dân nhiều xã, thị trấn, nhìn chung chẳng khác bao nhiêu so với thị xã, thành phố, bởi chất lượng cuộc sống được nâng lên. 100% hộ dân có điện phục vụ đời sống và sản xuất. 18/25 xã đã có trường học cao tầng, một số xã có hai, ba trường. 8 xã xây dựng được bệnh xá khang trang. Đặc biệt, tất cả các bệnh xá của xã đều có bác sĩ. Huyện phấn đấu đến năm 2000 mỗi xã có hai bác sĩ để chăm lo sức khỏe cho nhân dân. Toàn huyện hiện có gần 300 máy điện thoại. Đến cuối năm 1996, tất cả các xã sẽ có điện thoại phục vụ cho sản xuất và thông tin... Những chỉ số về chất lượng cuộc sống của nhân dân trong toàn huyện được nâng cao khá đồng đều. Phong trào nhựa hóa, bê tông hóa đường liên xã, liên thôn đang được thực thi trong toàn huyện. Trong gần 100% nhà ở của dân lợp ngói có tới 25% nhà cao tầng, kiên cố. Cả huyện không còn hộ đói; số hộ nghèo chỉ còn 6,9%.

Chương trình đổi mới hệ thống chính trị mà trọng tâm là đưa cán bộ, đảng viên về hoạt động ở địa bàn dân cư, lấy hiệu quả mọi mặt trên địa bàn dân cư làm thước đo đánh giá phẩm chất, năng lực của cán bộ, đảng viên, đã thực sự tạo ra những chuyển biến tích cực trong hoạt động của các tổ chức cơ sở đảng. Năm 1992, huyện ủy chỉ đạo xã Đỗ đông làm thí điểm việc xóa chi bộ theo đội sản xuất, tổ chức lại chi bộ theo địa bàn thôn, xóm. Trong mỗi chi bộ lại hình thành các tổ đảng chuyên như tổ an ninh - quốc phòng, tổ kinh tế, tổ văn hóa - xã hội... Các tổ đảng chuyên này đều do những đảng viên am hiểu, có kinh nghiệm về lĩnh vực đó làm tổ trưởng. Nội dung sinh hoạt chi bộ đã thay đổi, đòi hỏi sự nỗ lực, vươn lên của mỗi đảng viên hoàn thành trách nhiệm được phân công. Việc đưa đảng viên "vào trận" cũng được thực hiện dưới các hình thức khá phong phú, đa dạng, từ xóa đói giảm nghèo, phát triển sản xuất, xây dựng nông thôn mới đến công tác an ninh, quốc phòng, văn hóa, xã hội... Cách làm đó đã phát huy được năng lực, sở trường của đảng viên. Mặt khác, chính thông qua các hoạt động mọi mặt trên địa bàn dân cư mà cán bộ, đảng viên gần dân hơn, sát dân hơn, được dân "kiểm nghiệm và sàng lọc". Qua thử thách trong công việc, qua sự tín nhiệm đến mức nào trong nhân dân, đảng bộ có điều kiện đánh giá cán bộ, đảng viên đúng đắn, chính xác hơn. Công tác đào tạo, bồi dưỡng, cất nhắc, đề bạt cán bộ, phát triển đảng cũng có cơ sở thực tiễn có điều kiện sàng lọc trong chính "mặt trận lòng dân". Hơn 400 đảng viên mới được kết nạp trong 4 năm 1992 - 1995, tuổi đời đều trẻ, có trình độ văn hóa, chuyên môn, trưởng thành từ phong trào quần chúng, đang phát huy vai trò trong thực tiễn, là nguồn cán bộ dồi dào của địa phương.

Để đi vào công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn, theo tinh thần Nghị quyết của Trung ương, đảng bộ huyện Thanh oai nhận thức rõ còn những khó khăn, tồn tại và yếu kém cần phải khắc phục. Cụ thể là tốc độ tăng trưởng kinh tế tuy khá song chưa thật vững chắc và để thật sự đạt tới mức giàu có, dân có đời sống cao thì cơ cấu kinh tế với tỷ lệ như hiện nay không thể đáp ứng, vì nông nghiệp vẫn là chủ yếu. Tiềm năng lớn nhất là con người vẫn chưa được phát huy đầy đủ. Vốn cho sản xuất, cho xây dựng các cơ sở kinh tế, cơ sở công nghiệp, đầu tư cho công nghệ đều thiếu nhưng chưa có biện pháp huy động vốn trong dân và sự đầu tư giúp đỡ của các cấp, các ngành của tỉnh, của trung ương.

Với mục tiêu phấn đấu tăng trưởng GDP bình quân hằng năm là 12%, nâng mức thu nhập bình quân lên trên 500 USD đầu người vào năm 2000, thì hướng phát triển và cơ cấu kinh tế của Thanh oai sẽ là 4-3-3 (40% nông nghiệp, 30% công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp và 30% dịch vụ, thương mại). Để đạt mục tiêu tổng quát về kinh tế - xã hội, Thanh oai tiếp tục thực hiện đổi mới theo những định hướng cơ bản và phương châm, kinh nghiệm tốt của những nhiệm kỳ vừa qua, đồng thời có những giải pháp mới,

(Xem tiếp trang 54)

Digitized by Google

Bài học cho "mùa đại hội"

HOÀNG TIẾN

LÂU lắm rồi B mới đến thăm tôi. Mặc dù là bạn thân của nhau từ những ngày còn ngồi trên ghế trường đại học, nhưng một phần vì bận công tác, phần khác vì cả B và tôi đều đã trở thành "ông chủ" của cái gia đình nho nhỏ với một vợ, hai con, cho nên thú thật là chúng tôi cũng ít có dịp bù khú với nhau.

Lần này B đến thăm tôi chắc có chuyện gì đây. Tôi vội pha ấm trà ngon mời bạn, nhưng B xua tay : "Khỏi ! Khỏi ! Trời nóng uống thứ này mát hơn". Nói thế rồi anh rút trong túi xách ra 5 lon bia Ha-li-đa (niềm tự hào của bia nội) và một bọc mực khô đã nướng sẵn. Thấy vậy tôi hỏi luôn:

- Lại có việc gì hệ trọng phải không ?

- Việc gì phải vội, nhậu tý đã, có chất men vào nói nó mới bốc.

B mở bia, rót đầy vào hai cốc rồi xé mực thành những miếng nhỏ. Chúng tôi vừa nhậu, vừa ôn lại những kỷ niệm thời sinh viên và thông tin cho nhau biết về tình hình của các bạn bè trong lớp : ai mất, ai còn ; ai tiến, ai thoái ; ai hạnh phúc, ai bất hạnh...

Vừa nói chuyện tào lao, tôi vừa có ý sốt ruột đợi B nói ra cái lý do chính của buổi gặp gỡ hôm nay. Biết ý B vào đề :

- Mình vừa được bầu làm bí thư đảng ủy cơ quan.

Nghe B nói vậy, tôi tròn xoe mắt ngạc nhiên. B đổi mới và tiến bộ nhanh đến thế hay sao ? Lớp tôi hồi ấy, bây giờ đã khối người là vụ phó, vụ trưởng, thứ trưởng, tỉnh ủy viên, thành ủy viên ; có người còn được bầu vào BCHTƯ Đảng và được bổ nhiệm làm bộ trưởng. Chuyện đó cũng bình thường. Nhưng riêng đối với B thì phải nói thẳng ra đó là chuyện lạ. Cả lớp tôi hồi đó ai còn lạ gì B. Một thằng B chỉ biết học, lầm lì, ít nói. Một thằng B rất ít bạn bè thân tín, không thích giao du, sống gần như lập dị, đồng thời không chịu tham gia bất cứ một hoạt động văn hóa, văn nghệ và thể dục thể thao nào cả. Bọn tôi thường gọi đùa B là "thằng bạch vệ". Ngay cả đến việc vào Đoàn, mãi đến năm thứ tư, do sự cố gắng hết sức của tôi, B mới được kết nạp. Nói đúng hơn là, mãi đến năm thứ tư, do tôi kiên trì tuyên truyền, thuyết phục, B mới chịu viết đơn xin gia nhập Đoàn thanh niên lao động Việt nam (bây giờ là Đoàn thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh) và cũng do tôi kiên trì thuyết phục, mãi đến năm thứ tư, trước hôm chúng tôi bảo vệ luận văn tốt nghiệp, Ban chấp hành chi đoàn mới đồng ý kết nạp B. Ấy thế mà sau hôm được kết nạp vào Đoàn, B còn nói : "Nể ông quá, mình mới viết đơn xin vào Đoàn".

Khi tốt nghiệp, lớp chúng tôi mỗi người mỗi nẻo. Tôi và B cùng được về công tác ở một thành phố lớn. Tôi làm ở cơ quan đảng, còn B về một cơ quan văn hóa.

Ra trường B vẫn thế. Anh chỉ chúi đầu vào chuyên môn và hầu như cố ý đứng ngoài chính trị. Chả thế mà sau 20 năm công tác, mãi tới năm 1986, B mới được kết nạp đảng.

Sau hôm được kết nạp vào đảng, B cũng đến nhà tôi chơi như hôm nay và tâm sự : "Mình nể tay bí thư chi bộ quá nên viết đơn xin vào đảng ; bây giờ mới thấy dại". Lại vẫn cái giọng điệu 20 năm trước B đã từng nói với tôi.

Thế mà lần này, mới chỉ bẩy năm sau khi được kết nạp vào đảng, B đã trở thành bí thư đảng ủy của một đảng bộ lớn. Hay là... hay là sau khi vào đảng, B đã tiến bộ thật sự và có những bước nhảy đột biến ?! Không tin và nghi ngờ bạn là một thói xấu, vì thế tôi nâng cốc thành thật chúc mừng B :

- Mừng ông

B cũng nâng cốc, làm một hơi hết vại bia đầy rồi nói bình thản :

- Nâng cốc thì cứ nâng, chạm ly thì cứ chạm nhưng đừng chúc mừng làm gì bởi đúng ra thì mình "bị" bầu, bị bắt cóc làm bí thư đảng ủy.

- Sao lại thế ? Tôi ngạc nhiên hỏi bạn.

- Chả là thế này - B giải thích - cơ quan mình lâu nay hình thành hai phái. Cứ tạm gọi một phái là cấp tiến, còn phái kia là bảo thủ. Hai phái này đấu đá nhau dữ lắm. Họ tranh giành nhau từng chiếc ghế trong cấp ủy, từng chỗ đứng trong bộ máy quản lý. Cuộc đấu đá mặc dù đã kéo dài nhiều năm nhưng vẫn bất phân thắng bại vì hai bên đều "ngang sức, ngang tài". Do chuyện đấu đá đó mà cơ quan trở nên hết sức lộn xộn, năm bè bảy mối. Bọn cơ hội lợi dụng đục nước béo cò, khi thì ngả về phe cấp tiến, lúc lại uốn theo phái bảo thủ. Thật chẳng ra sao. Còn quần chúng thì bất lực và chán nản. Chắc ông sẽ hỏi mình theo phái nào phải không ? Xin thưa, mình đứng giữa, chẳng theo phái nào, chẳng liên kết với phái nào, chẳng khen phái nào cũng chẳng chê phái nào. Mình cứ chuyên môn của mình mà mình

Digitized by Google

làm, không ham chức vụ, không màng quyền bính. Mình cứ thế nên ít người yêu, nhưng cũng không có ai ghét hoặc thù oán. Riêng đám thanh niên của cơ quan thì khoái mình lắm, cứ nhất quyết gọi mình là *"chủ tịch phong trào không liên kết"*. Kể cũng có lý. Bọn trẻ thế mà tinh.

Thời điểm gay cấn nhất của chiến dịch đấu đá giữa hai phái cấp tiến và bảo thủ là những ngày chuẩn bị đại hội đảng bộ cơ quan. Phái nào có nhiều ghế trong cấp ủy tức là phái ấy thắng và khống chế được phong trào của cơ quan. Vì thế phái nào cũng ráo riết vận động quần chúng ủng hộ phái mình. Song, cán cân lực lượng xem ra còn cân bằng lắm, hạ được nhau không phải dễ. Chắc vì cái sự lộn xộn ấy cho nên số đông đảng viên chán nản. Họ muốn ủng hộ một *"lực lượng thứ ba"*. Và, cả hai phái kia khi thấy không đủ sức hất cẳng nhau thì họ cũng sẵn sàng ủng hộ phái trung lập chứ quyết không để *"chính quyền lọt vào tay đối phương"*. Thế là, thật không ngờ, tất cả mười chi bộ đầu mối của đảng bộ đều đề cử ông "chủ tịch phong trào không liên kết" vào đảng ủy. Hôm tiến hành đại hội đảng bộ, mình xin rút lui khỏi danh sách đề cử nhưng đoàn chủ tịch không chấp thuận. Kết quả cuối cùng : mình trúng cử với tỷ lệ phiếu cao nhất (98%). Hôm họp đảng ủy mới, các đảng ủy viên lại nhất trí bầu mình làm bí thư. Thật là tiến thoái lưỡng nan ; rút lui không được mà ở lại sao đành, vì mình đã làm công tác đảng một ngày nào đâu. Mình khó nghĩ quá, vì thế mới phải mất tiền mua bia, mực đến để nhờ chuyên gia về xây dựng đảng làm cố vấn.

- Nói nghiêm chỉnh đấy chứ ? Tôi hỏi B.

- Không nghiêm chỉnh cũng không được. Mình đã ở vào cái thế cưỡi lưng hổ rồi. Vả lại, mình cũng đã nghĩ kỹ, dù sao mình cũng là anh đảng viên cộng sản.

Nghe B nói vậy, tôi biết là anh thật lòng. Lúc ấy ở trong tôi bỗng xuất hiện một thứ tình cảm rất lạ : vui, buồn và lo lắng lẫn lộn. Vui vì thấy bạn mình đã thật sự vào cuộc, sống có trách nhiệm hơn, chứ không cố ý đứng ngoài chính trị như trước nữa. Buồn vì nghĩ tổ chức cơ sở đảng nào cũng như ở chỗ B thì Đảng ta rồi sẽ đi đến đâu. Lo lắng vì thấy B phải lãnh đạo một đảng bộ quá kém nát, kinh nghiệm công tác đảng lại rất thiếu, liệu B có vực đảng bộ của anh lên được không ?! ❑

Bước tiến mới...

(Tiếp theo trang 52)

để có thể tiến mạnh, tiến vững chắc hơn, thực hiện bằng được bước chuyển vào công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn. Các giải pháp đó là :

- Trong sản xuất nông nghiệp, tập trung đưa giống cao sản, kỹ thuật mới vào trồng trọt và chăn nuôi. Xây dựng vùng chuyên canh cây công nghiệp, cây ăn quả ở ven sông Đáy. Phát triển đàn bò lai Sin tiến đến Sin hóa đàn bò nuôi để lấy sữa, thịt ; nạc hóa đàn lợn, đưa chăn nuôi lên thành ngành sản xuất chính... Gắn liền với vùng cây công nghiệp, cây ăn quả, bò sữa, lợn nạc, gia cầm, con đặc sản, sẽ xây dựng các cơ sở công nghiệp chế biến tạo ra sản phẩm hàng hóa có chất lượng, đủ sức cạnh tranh trên thị trường.

- Huy động mọi nguồn vốn, nhân tài, tranh thủ sự giúp đỡ của tỉnh, của các ngành ở trung ương để xây dựng những cụm công nghiệp nhỏ và vừa, làm từ nhỏ lên vừa nhưng có công nghệ, kỹ thuật hiện đại để hiện đại hóa các quá trình sản xuất hàng tiểu thủ công, mỹ nghệ, chế biến nông sản hàng hóa. Cùng với quá trình này sẽ tổ chức các trung tâm dạy nghề, thu hút lao động trẻ để đào tạo, bồi dưỡng và sản xuất theo quy trình, công nghệ tiên tiến.

- Xây dựng, thực hiện quan hệ sản xuất mới ở nông thôn thông qua việc tổ chức các hình thức hợp tác mới trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm. Hình thành các tổ hợp tác, các hợp tác xã nhỏ và hợp tác xã theo ngành nghề. Đồng thời chủ động xây dựng các trung tâm thương mại - dịch vụ ở các cụm liên xã, xây dựng các thị tứ, thị trấn để tạo ra thị trường tại chỗ, gắn với thị trường trong tỉnh, trong nước và quốc tế.

- Chú trọng đổi mới hệ thống chính trị mà trọng tâm là xây dựng các tổ chức đảng và chính quyền ở cơ sở trong sạch, vững mạnh ; phát triển đảng và đào tạo cán bộ có đủ phẩm chất và năng lực, có khả năng đáp ứng yêu cầu phát triển của thời kỳ mới ❑

Digitized by Google

NỀN HÒA BÌNH NÓNG THỜI "HẬU CHIẾN TRANH LẠNH"

TRẦN TRỌNG

NĂM 1995 khép lại. Cuộc "chiến tranh lạnh" ngót nửa thế kỷ và qua gần một nửa thập kỷ sau khi kết thúc, đã để lại một thế giới bộn bề những biến động khó lường. Đến bây giờ thì mọi vấn đề đã rõ ràng : thế giới "sau chiến tranh lạnh" là **một nền hòa bình nóng**. Đây là vấn đề thực tiễn to lớn nóng hổi liên quan đến việc hoạch định và thực thi các chiến lược quốc gia, chiến lược khu vực và chiến lược toàn cầu của nhiều quốc gia trong 5 năm còn lại của thế kỷ. Bởi vì, lúc này quỹ thời gian của mọi quốc gia chỉ còn có 1 800 ngày đêm nữa, sau đó đã là thiên niên kỷ khác.

Nền "hòa bình nóng" này như thế nào ? Đó chưa phải là nền hòa bình công bằng, bình đẳng, êm đẹp lâu dài mà các dân tộc hằng mong muốn. Nó là sự kế tục của "chiến tranh lạnh" ở thời "hậu chiến tranh lạnh." Tuy có rất nhiều hình thái và biến tướng mới nhưng nó vẫn mang đầy đủ trong lòng những tính chất, những nhân tố và những mâu thuẫn của chiến tranh lạnh để lại. Nhìn một cách tổng quát nhất có thể thấy nó có **những đặc trưng lớn** sau đây :

Đặc trưng lớn **thứ nhất** là không có chiến tranh lớn, không có chiến tranh hạt nhân (tuy nguy cơ vẫn còn), nhưng lại *bùng nổ nhiều cuộc chiến tranh nhỏ, chiến tranh cục bộ và xung đột vũ trang hơn trước*. Theo một số thống kê, nếu như trong khoảng 25 năm (1950 - 1975) có 27 cuộc chiến tranh cục bộ thì chỉ trong vòng 4 năm sau "chiến tranh lạnh" (tính đến 10-1995), trên hành tinh chúng ta đã có 38 cuộc xung đột vũ trang và chiến tranh cục bộ nhỏ làm 1,5 triệu người chết, 2,8 triệu người bị thương và tàn phế, 27 triệu người tị nạn chiến tranh (có nguồn tính gần 60 triệu). Những cuộc chiến tranh và xung đột này có nhiều đặc điểm mới như : nổ ra ở những nơi mà hàng mấy chục năm nay không hề có chiến tranh (như ở các nước SNG - 14 cuộc ; riêng ở Liên bang Nga - 5 cuộc ; ở Nam tư cũ...) ; phần lớn do các nhóm cực đoan (dân tộc hoặc tôn giáo) cầm đầu ; sử dụng nhiều vũ khí và phương tiện hiện đại chứ không chỉ trang bị thô sơ. Có những cuộc dai dẳng kéo dài khó dập tắt mà xét về nội lực của các bên tham chiến thì trái với các quy luật thông thường của chiến tranh, như ở Trê-sni-a, ở Bô-xni-a - Héc-xê-gô-vi-na, ở Áp-ga-ni- xtan, v.v. cho thấy có nhiều tác động của các nhân tố bên ngoài. Nhiều nhà nghiên cứu quân sự dự đoán rằng các cuộc chiến tranh nhỏ kiểu đó có thể tiếp diễn ít nhất đến hết thế kỷ.

Đặc trưng lớn **thứ hai** là cuộc đấu tranh giai cấp vẫn tiếp tục, biểu hiện rõ nét nhất ở *cuộc đấu tranh giữa hai xu thế "chống phục hồi" và "phục hồi" chủ nghĩa xã hội* ở Đông Âu và Liên xô (cũ). Trước hết, phải nhắc lại ở đây cái gọi là "vụ án chiến tranh lạnh" hay còn gọi là "vụ án thế kỷ". Mọi người còn nhớ khoảng từ cuối năm 1991 trở đi, sau những sự biến ở Liên xô và Đông Âu, trên các phương tiện truyền thông quốc tế, các thế lực chống chủ nghĩa xã hội đã rùm beng rằng : "Cùng với sự sụp đổ và tan rã của Liên xô và các nước xã hội chủ nghĩa Đông Âu, chiến tranh lạnh đã kết thúc, làm cho cả thế giới thở phào nhẹ nhõm". Rồi người ta còn biến luận điệu trên thành "đề tài nghiên cứu khoa học", đưa chủ nghĩa xã hội vào "bản cáo trạng" của "vụ án chiến tranh lạnh". Qua một số "công trình" kiểu này, người đọc có thể thấy các tác giả muốn thuyết phục mọi người tin rằng : chủ nghĩa xã hội là nguồn gốc, nguyên nhân và là thủ phạm gây ra chiến tranh lạnh ! Và như vậy, ngoại trừ thủ phạm duy nhất là chủ nghĩa xã hội ra, còn tất cả đều vô tội, sạch sẽ, trắng án !

Gần đây, ở một số trung tâm chính trị và các cơ quan nghiên cứu chiến lược, hoạch định chính sách an ninh quốc tế, người ta ráo riết đưa vào chương trình hành động vấn đề "ngăn ngừa sự quay trở lại của chiến tranh lạnh". Ngăn ngừa như thế nào ? Theo các tác giả viết về vấn đề này, căn cứ vào "định đề" rút ra từ "vụ án" nêu trên, người ta không thể có kết luận nào khác : muốn ngăn ngừa chiến tranh lạnh quay trở lại, phải ngăn chặn việc phục hồi chủ

Digitized by Google

nghĩa xã hội, trước hết ở Liên xô (cũ) và Đông Âu. Nhiều nguồn tài liệu khác cũng cho thấy, đi đôi với việc ấn định thời gian trước năm này năm nọ sẽ "thanh toán xong" chủ nghĩa xã hội còn lại ở nơi này nơi kia, người ta đã và đang ráo riết vận động kết nạp các nước Đông Âu và các nước vùng Ban tích thuộc Liên xô trước đây vào khối NATO để ngăn chặn nguy cơ phục hồi chủ nghĩa xã hội ở các nước đó.

Mặt khác, không thể không thấy, gần đây ở những nước này có nhiều biểu hiện báo hiệu *một xu thế phát triển mới của cuộc đấu tranh cho sự phục hồi chủ nghĩa xã hội*. Cuộc đấu tranh này diễn ra dưới nhiều hình thức linh hoạt, phong phú, lôi cuốn đông đảo các tầng lớp nhân dân tham gia. Ở một số nước, lực lượng cánh tả đã thu được thắng lợi quan trọng. Vì vậy, cũng dễ hiểu vì sao ở đây đang nổi lên những luận điệu hù dọa dân chúng, kêu gọi cảnh giác với nguy cơ cộng sản khôi phục nhà nước xã hội chủ nghĩa cũ, kéo thế giới trở lại với thời kỳ chiến tranh lạnh trước đây. Chắc chắn cuộc đấu tranh giữa hai xu thế "chống phục hồi" và "phục hồi" chủ nghĩa xã hội này sẽ còn diễn ra quyết liệt trong những năm tới.

Đặc trưng lớn **thứ ba** là đang diễn ra *cuộc đấu tranh "áp đặt" và "chống áp đặt" trật tự quốc tế mới sau "chiến tranh lạnh"*, giữa **một bên** là các nước và các trung tâm quyền lực phương Tây và **một bên** là các quốc gia đang phát triển và chậm phát triển nhằm bảo vệ những lợi ích sống còn của mình. "Chiến tranh lạnh" kết thúc, các cường quốc tư bản phương Tây không bị tổn thất gì ; các tổ chức và công cụ của họ dùng trong "chiến tranh lạnh" vẫn y nguyên ; thế và lực của họ không giảm mà có phần tăng. Lợi dụng tình hình đó, họ đang ra sức áp đặt một trật tự quốc tế mới có lợi cho họ, trùm lên toàn cầu, buộc các quốc gia khác phải tuân theo. Tuy rằng giữa các trung tâm tư bản phương Tây (châu Âu, Bắc Mỹ và Nhật bản) *vẫn tồn tại nhiều mâu thuẫn*, có khi nổi lên rất gay gắt trên từng mặt, nhưng họ vẫn có thể thỏa hiệp, nhân nhượng với nhau nhằm thực hiện mục tiêu chung là thiết lập cho được trật tự áp đặt đó. Người ta cũng đang tìm cách sử dụng Liên hợp quốc và các tổ chức quốc tế khác vào mục đích ấy. Ví dụ, gây sức ép buộc Liên hợp quốc ra các nghị quyết về trừng phạt kinh tế, cấm vận, đưa quân tới nơi này nơi khác gọi là để "gìn giữ hòa bình"... Điển hình cho ý đồ thiết lập trật tự áp đặt gần đây là việc sử dụng khối NATO, nguyên là sản phẩm của "chiến tranh lạnh", là tổ chức quân sự ra đời sau chiến tranh thế giới thứ hai để ngăn chặn sự mở rộng hơn nữa hệ thống xã hội chủ nghĩa thế giới. Sau "chiến tranh lạnh", tổ chức quân sự này không những không bị giải thể mà còn được các nước thành viên ra sức "Liên hợp quốc hóa" để có thể dễ dàng can thiệp vào đâu mà họ muốn, như hiện nay ở Nam tư cũ chẳng hạn. Người ta còn trù tính dùng nó để gây sức ép đối với các quốc gia nào bị coi là "vi phạm nhân quyền"...

Trước tình hình tài nguyên bị các công ty siêu quốc gia khai thác đến kiệt quệ, nợ nần chồng chất, dân số gia tăng, ô nhiễm môi trường, dịch bệnh, nạn thiếu đói ngày càng trầm trọng, các dân tộc và các quốc gia đang phát triển *chỉ còn một con đường để tồn tại và phát triển. Đó là đấu tranh chống lại sự áp đặt trật tự đó*, bảo vệ độc lập chủ quyền và lợi ích sống còn của mình. Cuộc đấu tranh rộng lớn và quyết liệt này chưa có khả năng kết thúc.

Ngoài ba đặc trưng lớn trên đây, còn phải kể tới một đặc trưng nữa của nền "hòa bình nóng". Đó là *các cuộc đấu tranh cho dân sinh, dân chủ của nhân dân lao động ở các nước tư bản phát triển*. Nét mới ở đây là sự xuất hiện những "sản phẩm kỳ quái của thế kỷ" rất khó ngăn chặn, như chủ nghĩa khủng bố, chủ nghĩa phát xít mới, chủ nghĩa cuồng tín "chân lý tối thượng A-um", các tổ chức Hồi giáo cực đoan... mà các thế lực phản động quốc tế thường lợi dụng để quậy phá, để "chơi nhau", làm cho nền hòa bình "hậu chiến tranh lạnh" thêm nóng bỏng.

Cũng cần nói thêm rằng từ nay đến cuối thế kỷ, *sự phát triển như vũ bão của khoa học và công nghệ* có thể gây nhiều đảo lộn bất ngờ trên nhiều lĩnh vực, thúc đẩy các nền kinh tế thị trường phát triển mạnh mẽ hơn nữa. Nhưng không có gì bảo đảm chắc chắn rằng những thành quả đó sẽ không bị lợi dụng trong việc áp đặt trật tự quốc tế mới.

Trong bối cảnh đó, từ nay đến năm 2000, các quốc gia và lực lượng đấu tranh cho hòa bình và tiến bộ phải hết sức tỉnh táo trong chính sách và chiến lược phát triển của mình, để không bị cuốn hút vào vòng xoáy của các cuộc xâu xé giành giật, làm vật hy sinh cho tham vọng của các thế lực cường quyền quốc tế ❑

Digitized by Google

CÓ MỘT PHƯƠNG THỨC CHÂU Á KHÔNG ?

*Tại sao không có một công thức duy nhất cho thịnh vượng ? **

Kể từ khi Mác-cô Pô-lô trở lại quê hương, phương Tây đã nói nhiều về huyền thoại châu Á. Phương Đông là quê hương của đồ sứ và sự lễ phép đến khó hiểu ; của trà thơm ngát và những phụ nữ yểu điệu thướt tha.

Hiện nay, huyền thoại mới nhất là về phép màu châu Á. Người châu Á dường như đã tìm ra một số điều mà phần còn lại của thế giới không làm được : đó là làm thế nào để phát triển kinh tế một cách nhanh chóng. Các nước châu Mỹ và châu Âu từng thống trị và khai thác châu Á phần lớn thế kỷ này, đều sợ châu Á và đang tìm hiểu bí quyết của nó. Những cuốn sách viết về sự nổi lên của thế kỷ Thái bình dương và công thức về sự thành công kinh tế của châu Á dường như được giấu giếm như công thức pha chế cô-ca cô-la.

Ấy vậy mà, điều này có vẻ là huyền thoại lớn nhất trong tất cả các huyền thoại : các nước đang phát triển trên thế giới vẫn nói về việc học tập "phương thức Nhật bản". Có nghĩa là, con đường sử dụng sự can thiệp của nhà nước vào một thị trường bán mở cửa để tiến kịp phương Tây trong thập kỷ 50 và 60. Song những chính sách như vậy hiện nay đã trở nên không hợp thời. Sự thật, có rất nhiều phương thức châu Á. Những "con hổ" về tiêu dùng như Ma-lai-xi-a và In-đô-nê-xi-a hầu như không giống những người đi tiên phong Nhật bản và Nam Triều tiên, các chính thể từng được điều hành bởi một sự hà khắc : tiêu dùng ít, tiết kiệm nhiều, rồi rót trở lại lĩnh vực xuất khẩu được nhà nước bảo trợ. Bận tâm bởi cuộc chiến tranh lạnh, phương Tây đến một ngày bừng tỉnh thì thấy rằng đã quá muộn. Tất cả những đồ chơi rẻ tiền bằng nhựa vẫn thường đến từ châu Á, nay được thay thế bằng các dàn Xtê-rê-ô của Sam-sung và Tô-y-ô-ta.

Như cuộc chiến tranh lạnh, kỷ nguyên này đã kết thúc. Các nền kinh tế hiện nay không thể được điều hành một cách chặt chẽ và ích kỷ trong hệ thống thương mại mở. Một nhà kinh tế chính trị ở Prin-xơ-tao nói : "Cơ bản là, thế giới đã theo chủ nghĩa trọng thương nhiều hơn khi Nhật bản và Nam Triều tiên tiến lên. Hiện nay đã có một sự nổi lên về văn hóa tiêu dùng toàn cầu..." Tô-ky-ô có thể đơn giản kiềm chế sự cầm cố và ổn định thuế ở một mức cao nếu nó muốn ngăn cản tiêu dùng để hướng nhân dân vào xuất khẩu. Như vậy, điều này cho phép nó vĩnh viễn có số dư về ngân sách. Trong lúc đó, Trung quốc ở kỷ nguyên toàn cầu hóa tư bản và trào lưu tiêu dùng vô tuyến viễn thông, không thể làm điều đó.

Thực tế của sự tăng trưởng Đông Á đã gây ấn tượng sâu sắc. Những nền kinh tế của nó, trước hết là Nhật bản, Nam Triều tiên, Hồng kông, Xin-ga-po và Đài loan, gần đây hơn là Trung quốc, Thái lan, Ma-lai-xi-a và In-đô-nê-xi-a, đã thú vị tận hưởng sự phát triển kinh tế nhanh nhất và lớn nhất. Trong tuyển tập *Thời đại hoàng kim* với bài viết "châu Á đang trỗi dậy", nhà báo Mỹ Gim-rô-vơ nhận xét : "Là một khu vực, châu Á từ chỗ năm 1960 chỉ chiếm 4% GNP của thế giới, năm 1990 đã chiếm 25%, và năm 2000 có thể chiếm 30%". Không có gì đáng ngạc nhiên nếu phương Tây vô cùng mong muốn có được một chút thành công như thế này.

Pa-tơ-rich Mắc Ga-vơn, người sở hữu "Nhóm số liệu quốc tế" có cơ sở ở Mỹ, xuất bản 250 tờ báo và tạp chí về máy tính điện tử ở 68 nước, đã thấy sự đa dạng của châu Á. Dù đã hoạt động ở Nhật lâu hơn ở Trung quốc 9 năm, song doanh số của ông ở Trung quốc nhiều gấp 5 lần ở Nhật. Mắc Ga-vơn

* Theo *Newsweek*, ngày 20-11-1995

Digitized by Google

nói : "Ở Nhật bản, nếu không có quan hệ chặt chẽ với một nhóm tầm cỡ lớn thì rất ít người chú ý đến chúng ta. Nhưng ở Trung quốc có một tinh thần thương mại đến cuồng nhiệt. Cảm giác của việc đi đây đó và tạo ra công việc kinh doanh riêng để tiến tới thành công, rất hấp dẫn đối với mọi người". Một nhà kinh tế, chuyên gia về châu Á tại Trường đại học tổng hợp Mi-si-gân, nói : "Ngày nay có nhiều sự khác biệt giữa Nhật và Hồng kông hơn là giữa Nhật và Pháp". Dù được coi là hai nền kinh tế tương tự nhau nhất (đều sử dụng hình mẫu can thiệp mạnh của nhà nước), Nhật và Nam Triều tiên vẫn có nhiều điểm khác biệt. Nam Triều tiên là lãnh địa của những tập đoàn kinh tế khổng lồ hay *Cha-e-bon*. Còn Nhật bản là sự dàn trận của hàng ngàn công ty nhỏ huyền ảo được tổ chức thành những *Cây-ret-su*.

Chắc chắn các nước Đông Á có một số điểm chung. Về kinh tế, họ ở khoảng giữa hệ thống tập trung kiểu xô viết (cũ) và hệ thống tự do kinh doanh của Mỹ. Về chính trị, họ ở giữa chế độ chuyên chế và dân chủ. Hầu hết các nền kinh tế châu Á đều chia sẻ sự giáo dục tương đối và mức độ tiết kiệm cao. Hơn nữa, tiếp theo tấm gương Nhật bản, họ có một chính sách thúc đẩy xuất khẩu mạnh mẽ, mà rất nhiều nhà kinh tế đồng ý rằng đó là vấn đề mấu chốt cho sự thành công của bất kỳ một nước đang phát triển nào.

Một số chuyên gia bình luận rằng, các học giả và các nhà vạch chính sách phương Tây đã bị sững sờ trước sự trình diễn của Đông Á, và họ thực sự không hiểu điều gì đang diễn ra. Một chuyên gia nói : "Số liệu cho chúng ta thấy phép màu châu Á ít huyền diệu một cách đột ngột hơn là mọi người nghĩ". Bình luận của chuyên gia này đã trở lại một thực tế là chỉ có *hai* con đường cho một nền kinh tế tăng trưởng. Châu Á có thể tạo ra sự tăng trưởng thông qua cái gọi là "đầu vào" (đầu tư nhiều hơn, giáo dục tốt hơn và lực lượng lao động lành nghề hơn). Mặt khác là vòng quay của mọi khoản đầu tư... Thật vậy, đó là con đường duy nhất để tăng trưởng, bởi vì cuối cùng thì quốc gia nào cũng sẽ cạn dần đầu vào. Ví dụ, sự tăng trưởng đầy ấn tượng của Ma-lai-xi-a hằng năm là 8%. Nước này có nhiều việc phải làm đối với lực lượng lao động đang tăng nhanh chóng. Nhiều người lao động là người nhập cư. Đến một lúc nào đó, Ma-lai-xi-a không thể xử lý một lực lượng nhập cư nhiều hơn nữa, v.v..

Một vấn đề đã xảy ra với Liên xô trước đây là, trong thập kỷ 50, nước này được xem như một nền kinh tế tăng trưởng lớn, song lại thiếu hiệu quả và cạn kiệt về vốn. Một học giả đã sử dụng sự so sánh này để chứng minh sự đầu tư dày đặc song hiệu quả lại thấp hơn mong đợi. Trung quốc và các nước khác đang tìm kiếm sự phát triển mà không cần dân chủ phương Tây, đã thấy ở "quốc gia - thành phố" một kiểu "hướng dẫn gieo hạt" cho tăng trưởng. Ấy vậy mà, nếu Xin-ga-po không thay đổi một vài điều trong quản lý kinh tế chặt chẽ, thì nó sẽ bị diệt vong. Một chuyên gia khác chỉ ra rằng, Đông Á trong nhiều lĩnh vực đang tiến kịp phương Tây về công nghệ, một biện pháp then chốt để thành công trong thế kỷ 21. Chắc chắn rồi châu Á sẽ đánh bật máy tính điện tử và ô tô được thiết kế ở phương Tây.

Nhấn mạnh những điều trên là để so sánh các nền kinh tế thị trường "mỡ màng" của châu Á với phần còn lại của Liên xô trước đây. Nhưng những khó khăn mới đây của Nhật bản và những nhiệm vụ chủ yếu của phép màu châu Á là "một câu chuyện thận trọng". Một chuyên gia Mỹ nói : "Bắt đầu từ năm 1973 nhân tố hiệu quả toàn bộ của Nhật không tốt hơn của Mỹ. Điều này cũng có nghĩa là, vào thời điểm mọi người đang ca ngợi vẻ lộng lẫy của Nhật thì nó đã chững lại. Ngày nay, không chắc chắn rằng bất kỳ một phương thức châu Á nào cũng có thể tạo ra mức độ tăng trưởng cao cần thiết để đáp ứng được hy vọng ngày càng cao của hàng tỉ người tiêu dùng. Mức độ tăng trưởng phụ thuộc vào điều kiện riêng của từng phương thức và từng nước ⌟

TRỊNH CƯỜNG *(dịch)*

Digitized by Google

TÍN NGƯỠNG, TÔN GIÁO, MÊ TÍN DỊ ĐOAN

• **TÍN NGƯỠNG**. "Tín" tức là lòng tin ; "ngưỡng" là sự "ngưỡng mộ", "ngưỡng vọng", là hướng theo một cái gì đó. Trong ngôn ngữ thông dụng, "tín ngưỡng" thường được dùng để chỉ lòng tin, sự ngưỡng vọng của con người *mang tính chất tôn giáo* ; cũng có nghĩa : đó là lòng tin, sự ngưỡng vọng của con người vào một lực lượng siêu nhiên, thần bí nào đó, một lực lượng mang *hình thức trừu tượng* (hay *biểu tượng*) có sức mạnh hư ảo, vô hình, mà người ta thường gọi là : "trời", "phật", "thần thánh"... Lực lượng đó tác động đến đời sống bên trong của con người, được người ta tin là có thật và tôn thờ, sùng bái.

Lòng tin ở sự tồn tại thực sự của một lực lượng siêu nhiên, tình cảm sợ hãi bị trừng phạt hay trông mong sự che chở, ban phúc của lực lượng siêu nhiên, là hạt nhân của *ý thức tôn giáo* và là yếu tố ban đầu của sự hình thành tôn giáo. Lòng tin và tình cảm đó cũng là cơ sở cho những hiện tượng mê tín dị đoan. Chúng còn tồn tại lâu dài trong đời sống tinh thần của con người chừng nào con người chưa hoàn toàn làm chủ được tự nhiên, xã hội và bản thân. Con người còn gặp những nỗi bất hạnh, còn muốn thoát khỏi mọi điều đau khổ và ràng buộc trên cõi đời, thì họ còn muốn dựa vào nơi đấng tối cao, vào lực lượng siêu nhiên và huyền bí nào đó.

Nghiên cứu lịch sử các tôn giáo có thể thấy : ý thức tôn giáo xuất hiện đầu tiên dưới dạng các tín ngưỡng nguyên thủy. Cùng với sự phát triển của sản xuất vật chất, xã hội phân chia thành giai cấp, thì nhận thức, tâm lý, đời sống tinh thần - tâm linh của con người cũng có thêm những yếu tố mới, và các tôn giáo ra đời trên cơ sở những tín ngưỡng nhất định. Như thực tế cho thấy, một tín đồ tôn giáo bao giờ cũng có tín ngưỡng, có lòng tin vào một lực lượng siêu nhiên nhất định (tín đồ Ki-tô giáo thì tin vào "Chúa" và "thánh thần" ; tín đồ Hồi giáo thì tin vào "Thánh A-la" ; tín đồ Phật giáo thì tin vào "Phật" và "cõi niết bàn"...). Nói đến *tự do tín ngưỡng* cũng tức là nói đến tự do *có* hoặc *không có* tín ngưỡng, tự do *theo* hoặc *không theo* tôn giáo.

Ở Việt nam, ngoài những tôn giáo phổ biến thường thấy có ở các nước trên thế giới như Ki-tô giáo, Phật giáo, Hồi giáo, Khổng giáo..., còn có những tín ngưỡng ở nhiều mức độ khác nhau về "thờ cúng tổ tiên", về "thần bản mệnh", về "nữ thần", về "Thánh mẫu"... Đi liền với những tín ngưỡng này là những hình thức đa dạng về cúng bái, lễ hội. Những tín ngưỡng này ăn sâu và tác động đến đời sống tâm linh của một bộ phận đáng kể quần chúng, tuy họ không phải là tín đồ của bất kỳ tôn giáo nào, cũng không chịu sự ràng buộc của bất cứ giáo lý, giáo luật và hệ thống tổ chức tôn giáo nào.

• **TÔN GIÁO**. Với nội dung chặt chẽ, khái niệm "tôn giáo" bao gồm toàn bộ quan niệm, ý thức tôn giáo, tình cảm tôn giáo, hành vi, hoạt động và tổ chức tôn giáo. Tín ngưỡng chỉ mang hình thức tôn giáo khi xã hội loài người bắt đầu có sự phân chia giai cấp ; khi ý thức con người đã phát triển đến trình độ tư duy trừu tượng, có thể hình thành các "biểu tượng" như "đấng tối cao", "đấng sáng thế", "thế giới thần linh"...; khi xã hội đã có được điều kiện vật chất cần thiết để một lớp người có thể thoát ly sản xuất, chuyên làm nghề tôn giáo, chăm lo việc xây dựng các giáo lý, giáo luật, tổ chức giáo hội, thực hiện việc hành lễ và truyền bá tôn giáo. Về mặt pháp lý, để xác định một tôn giáo tồn tại chính thức trong một xã hội, người ta thường dựa vào các yếu tố :

a) Có một hệ thống *giáo lý, giáo luật, giáo lễ* ;

b) Có một tổ chức *giáo hội* gồm : hệ thống các nhà tu hành và nhà quản lý các giáo phận ; hệ thống các *nhà thờ* (như ở đạo Ki-tô), các *chùa* (như ở đạo Phật), các *thánh thất* (như đạo Hồi, đạo Cao đài)) ; các *miếu* (như ở đạo Khổng), các *điện* (như ở đạo Lão) ; hệ thống các tu viện và trường đào tạo các tu sĩ, giáo sĩ, sư sãi...

c) Có các *tín đồ* tự nguyện tuân theo các giáo lý, giáo luật, giáo lễ, và chịu sự quản lý, hướng dẫn về mặt tín ngưỡng của giáo hội.

• **MÊ TÍN DỊ ĐOAN**. "Mê tín" là niềm tin không dựa trên cơ sở khoa học và lẽ phải thông thường ; "dị đoan" là sự suy luận, suy đoán một cách tùy tiện, thiên về những điều quái dị, không có trong thực tế... Mê tín dị đoan là khái niệm chỉ chung những hiện tượng con người quá tin vào những biểu tượng siêu nhiên, dẫn đến mất lý trí, mê muội, hủy hoại tiền của và sức khỏe vào những chuyện không đâu.

Biểu hiện của mê tín dị đoan rất phong phú. Những hình thức thường thấy là : xem bói, xem tướng, xem tử vi, xin quẻ, lên đồng, cầu hồn, trừ tà, yểm ma, xem hướng nhà, hướng đất, hướng táng và cải mồ mả, kiêng kỵ ngày đi ngày về, cúng và đốt vàng mã theo tinh thần "dương sao âm vậy", v.v..

Trong thực tế đời sống tâm linh cũng như trong sự hình thành và phát triển của các tôn giáo, những hiện tượng tín ngưỡng, tôn giáo, mê tín dị đoan thường tác động xen kẽ và có ảnh hưởng lẫn nhau. Các hiện tượng này có chung bản chất là lòng tin vào một lực lượng siêu nhiên không có thật, là "thế giới quan lộn ngược". Tín ngưỡng tôn giáo thường dẫn đến mê tín dị đoan hoặc chứa đựng những yếu tố mê tín dị đoan, nếu nhấn quá mức yếu tố siêu nhiên, siêu phàm, huyền bí, đặt ra những nghi lễ quá ư phiền phức, làm rối loạn cuộc sống tự nhiên. Việc thờ cúng tổ tiên, thờ các vị thần có công dựng nước, cứu nước, sẽ không còn là một tín ngưỡng chứa đựng những yếu tố văn hóa tốt đẹp ở nước ta, nếu như nó bị gắn với những điều huyền bí, với những nghi thức cúng lễ linh đình, với nhiều thủ tục phiền hà, phức tạp mang

Digitized by Google

những yếu tố ma thuật, phù thủy và tục đốt vàng mã, ăn uống chi tiêu tốn kém. Vậy là giữa tín ngưỡng, tôn giáo và mê tín dị đoan, có làn ranh rất mỏng.

Mê tín dị đoan thường tồn tại nhiều ở những vùng xa xôi hẻo lánh, trình độ dân trí thấp, ít thông tin. Nó thường rộ lên ở những thời kỳ xã hội lâm vào khủng hoảng, đời sống kinh tế, chính trị, văn hóa bị xáo trộn, con người cảm thấy bế tắc, mất lòng tin ở sức mạnh làm chủ của cộng đồng, của bản thân. Mê tín dị đoan có nguồn gốc từ những hình thức tín ngưỡng - tôn giáo nguyên sơ, như vật tổ, vật linh, ma thuật, lại được pha trộn với những thủ đoạn của kẻ xấu dùng một số phản ứng hóa học, một số hiện tượng tâm lý, vật lý để lừa bịp quần chúng. Thực tế có không ít người dựa vào hoặc bịa ra thông tin về những chuyện kỳ lạ mà khoa học chưa tìm được nguyên nhân, để truyền bá và hoạt động mê tín dị đoan. Có người còn viết sách, viết báo, xuất bản phát hành những ấn phẩm (phần nhiều không có giấy phép của nhà nước) tô đậm khuếch trương những mặt thần bí, hư ảo trong hoạt động tôn giáo, tín ngưỡng. Những hành động như vậy cần được ngăn chặn, vì chúng làm vẩn đục bầu không khí xã hội, làm nhiễu loạn đời sống tinh thần con người, và thực tế đã gây ra không ít hậu quả đáng tiếc ở nơi này nơi khác ❑

HỘI NGHỊ TỔNG KẾT HOẠT ĐỘNG CỦA ỦY BAN KIỂM TRA CÁC CẤP NHIỆM KỲ 1991 - 1995

Vừa qua tại TP Hồ Chí Minh, Ủy ban kiểm tra trung ương Đảng đã tổ chức hội nghị tổng kết hoạt động của Ủy ban kiểm tra (UBKT) các cấp nhiệm kỳ 1991-1995. Tham dự hội nghị có các đồng chí chủ nhiệm UBKT các tỉnh, thành phố, đảng bộ trực thuộc ; đảng ủy quân sự trung ương ; đảng ủy công an trung ương và đại diện các ban, ngành của Trung ương. Đồng chí Đỗ Quang Thắng, Ủy viên Bộ chính trị, Bí thư Trung ương Đảng, Chủ nhiệm UBKT trung ương, chủ trì hội nghị.

Báo cáo của UBKT trung ương nêu rõ : Trong những năm 1991 - 1995, hoàn cảnh quốc tế và trong nước có nhiều diễn biến rất phức tạp, thời cơ và thuận lợi có nhiều nhưng cũng không ít thử thách và khó khăn ; công cuộc đổi mới đất nước do Đảng khởi xướng và lãnh đạo đã thu được những thành tựu to lớn, rất quan trọng. Trong bối cảnh đó, UBKT các cấp đã bám sát tình hình thực hiện tốt và có hiệu quả nhiệm vụ được giao, góp phần vào công tác xây dựng Đảng và thực hiện nhiệm vụ chính trị do Đại hội VII của Đảng đề ra. UBKT các cấp đã tiến hành kiểm tra và giúp các cấp ủy đảng kiểm tra được gần 2,5 triệu lượt đảng viên, trong đó có 295 nghìn cán bộ thuộc diện cấp ủy quản, huyện và tương đương trở lên, quản lý. Kiểm tra hơn 60 nghìn tổ chức đảng về chấp hành nguyên tắc tổ chức và sinh hoạt đảng, giữ gìn phẩm chất, đạo đức cách mạng. Từ giữa năm 1993 đến giữa năm 1994, chấp hành chỉ thị 15 CT/TU của Bộ chính trị về ngăn chặn và bài trừ tệ tham nhũng, buôn lậu, UBKT các cấp đã tập trung vào việc giải quyết đơn, thư tố cáo. Có gần 25 nghìn vụ đơn, thư tố cáo đã được giải quyết trong tổng số 28 nghìn vụ (đạt tỷ lệ 89.28% ; xem xét và giúp các cấp ủy quyết định thi hành kỷ luật đảng viên ; giải quyết hơn 4 000 trường hợp bị kỷ luật có đơn, thư khiếu nại.

Tuy nhiên, nhiệm kỳ vừa qua hoạt động của UBKT các cấp cũng bộc lộ những thiếu sót, khuyết điểm và bất cập. Đó là tình trạng thụ động, lúng túng trước những diễn biến rất phức tạp và đa dạng của tình hình mới. Chất lượng, hiệu quả công việc chưa cao, vẫn còn hình thức, chạy theo số lượng. Việc thẩm định và tham mưu giúp cấp ủy đảng xử lý kỷ luật chưa kịp thời. Sự công bằng và nghiêm minh, chưa thực hiện tốt, tinh chiến đấu ở nhiều UBKT còn hạn chế. Điều đó làm giảm tác dụng trong công tác xây dựng, củng cố và tăng cường sức chiến đấu của tổ chức đảng. Nhìn chung đội ngũ cán bộ kiểm tra vừa yếu, vừa thiếu, chưa đáp ứng được nhiệm vụ nặng nề và phức tạp hiện nay.

Tại hội nghị, các đại biểu đã đi sâu phân tích, lý giải thực trạng và kinh nghiệm của công tác kiểm tra trong tình hình mới, đề ra nhiều giải pháp và kiến nghị những vấn đề liên quan đến việc sửa đổi Điều lệ Đảng, chỉ thị, nghị quyết của Đảng và chính sách của Nhà nước.

Về việc thực hiện chức năng, nhiệm vụ của UBKT các cấp. Nhiều ý kiến cho rằng, trong tình hình công việc nhiều và phức tạp, tổ chức bộ máy kiểm tra có hạn, UBKT các cấp nên hướng hoạt động của mình vào một số trọng điểm : các cơ quan quản lý và nắm kinh tế ; bảo vệ, thi hành pháp luật ; những địa bàn trọng yếu ; những địa phương yếu kém ; những cán bộ, đảng viên có chức, có quyền, giữ vị trí chủ chốt do cấp ủy đảng quản lý. Các đại biểu cho rằng, muốn công tác kiểm tra đạt chất lượng, hiệu quả cao, phải chọn đúng đối tượng, thực hiện đúng phương pháp, quy trình kiểm tra, xử lý đúng đắn, kịp thời công bằng và nghiêm minh.

Về giải quyết đơn thư tố cáo và thi hành kỷ luật. Đơn thư tố cáo có xu hướng ngày càng tăng. Số thư đúng hoàn toàn và cơ bản đúng chiếm tỷ lệ cao (hơn 72%) ; thư giấu tên vẫn nhiều. Trong quá trình giải quyết đơn, thư tố cáo, cần đặc biệt coi trọng khâu thẩm tra, xác minh. Cần có sự thống nhất giữa việc hướng dẫn của các tổ chức đảng với các cơ quan pháp luật của nhà nước trong việc giải quyết đơn thư tố cáo, khiếu nại. Việc giải quyết các vụ vi phạm pháp luật của đảng viên phải vừa đúng quy trình kiểm tra của Đảng, vừa đúng các thủ tục tố tụng hình sự. Nhiều đại biểu kiến nghị nên giao thêm thẩm quyền xử lý kỷ luật cho UBKT các cấp và có thể thành lập hội đồng kỷ luật của tổ chức đảng bao gồm các thành viên : thường trực cấp ủy, UBKT và ban tổ chức. Một số đại biểu kiến nghị nên có thêm một hình thức kỷ luật xen giữa mức "cảnh cáo" và "khai trừ". Cần có quy định thống nhất và chặt chẽ hơn nữa trong việc công nhận đảng viên đã sửa chữa khuyết điểm sau khi thi hành kỷ luật. Nhiều đại biểu đề nghị Nhà nước cần nhanh chóng luật hóa các đường lối, chủ trương, quy định của Đảng để có cơ chế quản lý, kỷ luật đảng viên một cách thống nhất. Bộ chính trị, Ban bí thư cần ban hành quy chế, quy trình, thủ tục xem xét, xử lý, kỷ luật đối với đảng viên vừa vi phạm kỷ luật Đảng vừa vi phạm pháp luật Nhà nước.

Về vấn đề chống tham nhũng. Nhiều đại biểu chỉ ra những nguyên nhân làm cho việc chống tham nhũng thời gian qua đạt hiệu quả chưa cao. Một số khó khăn chủ quan hiện nay trong lĩnh vực này là : không có cơ sở để phân biệt thu nhập bất chính và chính đáng ; giữa quà biếu và hối lộ... Để việc chống tham nhũng thu được hiệu quả cao hơn, cần xây dựng tổ chức đảng trong sạch vững mạnh. Cấp ủy đảng phải là người gương mẫu và chỉ đạo thường xuyên công tác này. Cần tiếp tục thực hiện cải cách hành chính, hoàn thiện cơ chế, chính sách đồng bộ, hạn chế những kẽ hở ; giảm bớt các nấc trung gian, gây phiền hà, sách nhiễu. Tăng cường công tác giáo dục, rèn luyện tư cách, phẩm chất người đảng viên ; đổi mới phương pháp quản lý đảng viên cho phù hợp với tình hình mới ; xử lý nghiêm minh những người tham nhũng và có biện pháp bảo vệ, động viên những người tố cáo kẻ tham nhũng.

Digitized by Google

Về tổ chức bộ máy của UBKT các cấp. Một số đại biểu đề nghị nên để đại hội đảng bầu UBKT và UBKT chịu sự lãnh đạo của cấp ủy đảng cùng cấp. Các thành viên UBKT không nên kiêm nhiệm. Một số ý kiến đề nghị hợp nhất cơ quan kiểm tra của Đảng với Thanh tra nhà nước để có sự thống nhất trong công việc. Cần mở rộng diện đào tạo, bồi dưỡng, thu hút cán bộ có phẩm chất, năng lực làm công tác kiểm tra và có chế độ thỏa đáng đối với đội ngũ cán bộ này.

Qua nhiệm kỳ hoạt động của UBKT các cấp, hội nghị đã rút ra một số bài học kinh nghiệm, trong công tác kiểm tra như sau :

Một là, luôn luôn quán triệt, nắm vững đường lối, quan điểm của Đảng.

Hai là, nhận thức sâu sắc, nắm vững nhiệm vụ chủ yếu của UBKT các cấp là kiểm tra việc chấp hành đường lối, nghị quyết của Đảng và xử lý kỷ luật.

Ba là, gắn bó chặt chẽ công tác kiểm tra với công tác tổ chức, công tác quần chúng của Đảng.

Bốn là, luôn luôn coi trọng việc xây dựng, đào tạo đội ngũ cán bộ kiểm tra có phẩm chất đạo đức trong sáng, tinh thông nghề nghiệp.

Tổng kết hội nghị, đồng chí Đỗ Quang Thắng đã phân tích bối cảnh đất nước trong những năm vừa qua, những mặt làm được và tồn tại trong công tác kiểm tra của Đảng. Trong thời gian tới, các tổ chức đảng phải chú trọng đúng mức việc rèn luyện, giáo dục đảng viên, xây dựng cơ chế và cụ thể hóa mối quan hệ giữa tổ chức đảng với cơ quan nhà nước, hoàn thiện tổ chức bộ máy, phấn đấu có đội ngũ kiểm tra có đủ sức đảm đương công việc. Trước mắt nhiệm vụ của công tác kiểm tra là phải phục vụ tốt đại hội đảng bộ các cấp, tiến tới Đại hội toàn quốc lần thứ VIII của Đảng ❑

TRƯƠNG QUỐC DŨNG *(thực hiện)*

LIÊN HOAN PHIM TRUYỀN HÌNH TOÀN QUỐC NĂM 1996

Ngày 7-1-1996, tại Bảo tàng Hồ Chí Minh đã khai mạc Liên hoan phim truyền hình toàn quốc năm 1996. Đây là hoạt động có tính truyền thống của những người làm công tác truyền hình trong toàn quốc được tổ chức hàng năm vào dịp đầu năm. Các đồng chí Nguyễn Đức Bình, Ủy viên Bộ chính trị, Bí thư Trung ương Đảng, Nguyễn Khánh, Ủy viên Trung ương Đảng, Phó thủ tướng Chính phủ, Hà Đăng, Ủy viên Trung ương Đảng, Trưởng Ban tư tưởng văn hóa trung ương đã đến dự. Đồng chí Nguyễn Đức Bình đã phát biểu ý kiến chỉ đạo.

Liên hoan đã được sự tham gia của 66 đơn vị trong toàn quốc với 232 tác phẩm trên 4 thể loại : sân khấu và phim truyện truyền hình ; chương trình ca múa nhạc ; chương trình dành cho thiếu nhi, phim phóng sự - tài liệu.

Sau 8 ngày làm việc khẩn trương, nghiêm túc của các ban giám khảo và các tác giả, ngày 14-1-1996 Liên hoan phim truyền hình toàn quốc năm 1996 đã kết thúc tốt đẹp. Kết quả, các ban giám khảo đã chọn được 179 tác phẩm để trao giải, trong đó có 26 huy chương vàng (gồm 6 tác phẩm sân khấu và phim truyện ; 5 tác phẩm dành cho thiếu nhi, 4 tác phẩm ca múa nhạc và 11 tác phẩm phóng sự, tài liệu) ; 62 huy chương bạc và 91 bằng khen.

Trong khuôn khổ những hoạt động của Liên hoan phim truyền hình toàn quốc năm 1996, các đại biểu và các tác giả còn tham gia một số cuộc hội thảo về công tác truyền hình năm 1995 - 1996 ; về sản xuất phim truyện truyền hình và hội thảo về các chương trình dự thi trong liên hoan. Đây là những hoạt động có ý nghĩa rất thiết thực, là dịp để những người làm công tác truyền hình và những ai quan tâm đến truyền hình có dịp gặp gỡ, trao đổi những kinh nghiệm nghề nghiệp, làm rõ một số vấn đề có tính lý luận và thực tiễn về phát triển sự nghiệp truyền hình trong thời gian tới, về nâng cao chất lượng các thể loại tác phẩm truyền hình v. v.

Liên hoan phim truyền hình toàn quốc ghi nhận sự vượt trội về số lượng đơn vị, tác phẩm, thời lượng và chất lượng phim dự thi so với Liên hoan phim truyền hình toàn quốc năm 1995 được tổ chức tại Cần thơ :

- Hầu hết các tác phẩm dự thi đều có định hướng rõ ràng, sự sai sót về quan điểm rất ít. Điều đó chứng tỏ sự trưởng thành về ý thức trách nhiệm của người làm phim trước cuộc sống, trước xã hội.

Sự phong phú, đa dạng về đề tài cũng là một điểm nổi bật tại liên hoan lần này. Đó là những đề tài hướng về những vấn đề lớn, có ý nghĩa sâu sắc : truyền thống cách mạng, gương mặt những người anh hùng, các danh nhân lịch sử ; sự tiếp nhận của thế hệ sau đối với truyền thống tốt đẹp của dân tộc ; nhận thức về cái giá lớn lao của cách mạng để có được độc lập, tự do...

- Đề tài về thực tiễn sôi động của công cuộc đổi mới, về những chuyển biến tích cực trong lĩnh vực kinh tế - xã hội, ở các ngành, các địa phương với những nhân tố mới, những mô hình mới v. v. là mảng lớn nhất trong liên hoan phim. Có nhiều phim đã nêu được một cách sinh động, cụ thể những chuyển biến này. Tuy nhiên nhìn chung, đây là mảng đề tài khó, đòi hỏi ở các tác giả kiến thức toàn diện về kinh tế - xã hội, cái nhìn sắc sảo đối với hiện thực và sự lăn lộn, từng trải trong thực tiễn. Chính ở đây còn thiếu những bộ phim có tính phát hiện, tính thuyết phục cao, lý giải một cách thấu đáo các vấn đề kinh tế - xã hội để có thể góp phần vào việc đánh giá 10 năm đổi mới, về đường lối công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước và góp phần chuẩn bị văn kiện cho Đại hội VIII của Đảng.

- Mảng đề tài về đời sống văn hóa tinh thần cũng chiếm một tỷ lệ khá lớn trong các tác phẩm dự thi với mạch chính : phát huy và giữ gìn bản sắc văn hóa dân tộc Việt nam, trở về với cội nguồn văn hóa của dân tộc và các địa phương ; những thành quả bước đầu cũng như những khó khăn, trở ngại trong việc nâng cao đời sống văn hóa tinh thần cho nhân dân ; chống các tệ nạn xã hội, những hiện tượng phản văn hóa ; sự xuống cấp về đạo đức và lối sống... trong bối cảnh kinh tế thị trường. Khai thác mảng đề tài này, một số bộ phim đạt chất lượng khá và có những phim hay ở cả 4 thể loại.

- Liên hoan phim lần này cũng xuất hiện rõ hơn dòng phim về gương người tốt việc tốt, về những tấm gương xóa đói giảm nghèo, tương thân, tương ái, về những con người có thể chiến thắng hoàn cảnh ngặt nghèo, vượt lên số phận để đứng vững và làm chủ cuộc sống. Đây là dạng đề tài giàu tính nhân văn, có tác dụng giáo dục rất cao.

Liên hoan phim truyền hình toàn quốc năm 1996, bên cạnh việc ghi nhận sự phát triển về trình độ nghề nghiệp của đội ngũ làm truyền hình ở nước ta, ca ngợi biên tập, đạo diễn, quay phim, kỹ thuật v.v. đồng thời cũng bộc lộ sự chênh lệch quá xa về trình độ nghề nghiệp giữa truyền hình các địa phương. Đại đa số các huy chương vàng đều thuộc về các trung tâm truyền hình lớn như : Đài truyền hình Việt nam, Đài truyền hình Hà nội, Đài truyền hình TP Hồ Chí Minh, Đài truyền hình Cần thơ...

Thực trạng nêu trên đang đặt ra cho các nhà quản lý và các cơ quan chức năng hàng loạt vấn đề quan trọng và cấp bách cần giải quyết vì sự nghiệp phát triển truyền hình toàn quốc và cho sự đồng đều về chất lượng, cơ hội đua tranh bình đẳng giữa các địa phương trong các Liên hoan phim truyền hình toàn quốc thời gian tới ❑

P.V.

Digitized by Google

PHÀ AN HÒA

Năm 1995 được sự đầu tư của tỉnh. Phà An hòa cơ bản hoàn thành các công trình xây dựng mở rộng bến bãi, tăng cường phà lớn phục vụ vận chuyển thông suốt ngày và đêm. Có đội ngũ cán bộ công nhân viên phục vụ :

ÂN CẦN - LỊCH SỰ VĂN MINH - AN TOÀN - THUẬN TIỆN - NHANH CHÓNG. Toàn đơn vị thi đua lập thành tích chào mừng các ngày lễ lớn trong năm 96 và chào mừng *Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ VIII sắp tới.*

Năm mới kính chúc độc giả Tạp chí Cộng sản

An Khang - Thịnh Vượng

KINH TẾ DOANH NGHIỆP - KINH TẾ DOANH NGHIỆP

Theo định hướng Nhà nước. Thành phố Hồ Chí Minh có cố gắng rất cao củng cố vai trò các hoạt động HTX. Riêng ngành thêu đan, từ gần 40 đơn vị, chỉ còn 4 đơn vị lớn, hoạt động có hiệu quả, HTX bậc cao Tân Tiến là 1 trong 4 đơn vị đó. Hơn 100 loại mẫu mã kiểu dáng độc đáo, trang nhã và phong phú, sản phẩm thêu đan của Tân Tiến đã chiếm lĩnh nhiều thị trường quan trọng trên thế giới. Hàng trăm ngàn mặt hàng được ưa chuộng và tín nhiệm với nhiều lứa tuổi, sở thích khác nhau từ áo, quần, váy áo cả bộ tới mũ, khăn, TÂN TIẾN đang nỗ lực thiết kế và mở rộng thêm thị trường và năng lực sản xuất, năm 96 nhiều hứa hẹn này.

HỢP TÁC XÃ BẬC CAO

TÂN TIẾN

ĐAN LEN, THÊU, MÓC CROCHET

TÂN TIẾN, HIGHER CO. OPERATIVE SPECIALISED IN WOLLEN KNITTING EMBROIDERING AND CROCHET

HEAD OFFICE : 335 LÊ VĂN SỸ Str., HỒ CHÍ MINH City
PHONE : 441573 - 645281

Chủ nhiệm Nguyễn Thị Hường giới thiệu sản phẩm tại Hoa Kỳ

Digitized by Google

NÂNG CAO HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG
CHÀO MỪNG
ĐẠI HỘI TOÀN QUỐC
CỦA ĐẢNG

FORIMEX

CÔNG TY LÂM SẢN

THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

FORESTRY IMPORT - EXPORT
COMPANY OF HOCHIMINH CITY

Địa chỉ : 51B$_1$ Nguyễn Oanh - Q. Gò Vấp
Điện thoại : 941719 - 950971 - 942248
Fax : 84.8.942248

LĨNH VỰC HOẠT ĐỘNG :

Chức năng chính :

- Trồng rừng, trồng cây nguyên liệu giấy.
- Kinh doanh khai thác chế biến gỗ, lâm đặc sản các loại.
- Sản xuất hàng mộc cao cấp và dân dụng để phục vụ xuất khẩu và tiêu dùng nội địa.
- Kinh doanh xuất nhập khẩu phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh của đơn vị.

Các hoạt động khác :

- Nuôi cá Sấu.
- May mặc xuất khẩu và nội địa.
- Kinh doanh nhiên liệu, vật tư kỹ thuật, hóa chất, máy móc thiết bị nông lâm nghiệp.
- Vận tải gỗ, hàng hóa và container.

CÁC CƠ SỞ SẢN XUẤT KINH DOANH :

- **XÍ NGHIỆP KINH DOANH DỊCH VỤ**
  116 - 118 Hàm Tử, Q.5, TP.HCM.
  Tel : 350867 - 354827
- **NHÀ MÁY CHẾ BIẾN GỖ :**
  Dốc cầu Bình Phước - Xa lộ Đại Hàn, An Phú Đông, Hốc Môn, TP. HCM.
  Tel : 919141
- **TRẠI CÁ SẤU :**
  130/2 Ấp Bình Chánh, Xã Hiệp Bình Chánh, H. Thủ Đức, TP.HCM.
  Tel : 669753
- **ĐỘI TRỒNG RỪNG**
  Huyện Nhơn Trạch, Tỉnh Đồng Nai
  Phonelink : 281-16842

Giám đốc Công ty : **TRẦN PHƯỚC DŨNG**

"Trong các nỗ lực kiện toàn tổ chức và cơ cấu hoạt động, lãnh đạo Công ty đã triển khai mạnh mẽ các kế hoạch và định hướng kinh doanh theo chỉ đạo của thành phố. Đây là bước chuyển biến vượt bậc của các kĩ sư, chuyên viên công nhân một lòng gắn bó với Công ty thời kì mới, để tồn tại - sau khi quyết tâm khắc phục những yếu kém của bộ máy cồng kềnh, kém hiệu quả những năm cũ. Suốt từ năm 93 tới nay, cùng với sự bén nhạy, ngược xuôi tổ chức các hoạt động của lãnh đạo Công ty, hơn 450 người của Forimex đã khẳng định được vị trí, tên tuổi của mình ở bộ mặt kinh tế của thành phố. Trên đà phát triển, uy tín của Forimex đã thuyết phục được các đối tác (cả nước ngoài) và đánh dấu những bước vững chắc cho các kế hoạch khả thi, dài hạn, năm 1996 tới năm 2000..."

Digitized by Google

XÍ NGHIỆP LIÊN HIỆP VẬT LIỆU XÂY DỰNG VĨNH LONG

- **Giám đốc : Ông Lê Văn Lượm**
- **Địa chỉ : 35/5 Phạm Hùng - Phường 9 - TXVL**
- **Tel : 23246 - 24275 - 22420**

Toàn cảnh nhà máy gạch ngói Vĩnh Long

Xí nghiệp liên hiệp vật liệu xây dựng Vĩnh long (tiền thân là xí nghiệp gạch ngói Thái bình, công suất 7 triệu viên/năm) được thành lập lại theo nghị định 388/HĐBT vào tháng 10/1992 với chức năng sản xuất kinh doanh vật liệu xây dựng, kinh doanh gỗ tròn, gia công gỗ xẻ v.v đạt doanh thu bình quân 700 triệu đồng/năm.

Trong 3 năm hoạt động phấn đấu trong cơ chế thị trường, Xí nghiệp không ngừng phát triển, nâng cao doanh thu và tăng thu nhập cho người lao động, năm 1995 Xí nghiệp đạt doanh thu 9 tỷ đồng.

Xác định thế mạnh về tiềm năng và truyền thống nghề làm gạch ngói ở địa phương, tỉnh Vĩnh long đã đầu tư trên 15 tỉ đồng để xây dựng nhà máy sản xuất gạch ngói (lò nung Tunel) công suất 20 triệu viên/năm (hoạt động 12/1995) đây là nhà máy sản xuất gạch ngói đầu tiên ở Đồng bằng sông Cửu long có công suất lớn nhất với hệ thống thiết bị hiện đại của Đức sản xuất năm 1995.

XNLHVLXD Vĩnh long đang xúc tiến thành lập Công ty liên doanh xi măng công suất 100.000 tấn/năm (liên doanh giữa XNLHVLXDVL và Công ty xi măng Hà tiên 2).

XNLHVLXD Vĩnh long là doanh nghiệp nhà nước hoạt động có hiệu quả cao, đóng góp không nhỏ cho ngân sách nhà nước.

Digitized by Google

Hân hạnh được
đón tiếp quý khách

Công ty Bia SAIGON

187 NGUYỄN CHÍ THANH, QUẬN 5 TP. HỒ CHÍ MINH - ĐT : 559595 - 12 ĐỒNG DU, QUẬN 5, TP. HỒ CHÍ MINH - ĐT : 296342

Chất Lượng Thơm Ngon Bổ Dưỡng

Digitized by Google

WHOM TO CONTACT
THE TAN THUAN INDUSTRIAL PROMOTION COMPANY

Head office : 210-212 Le Hong Phong St. District 5 - Ho Chi Minh City Vietnam
Phone : (84.8) 350 780
Fax : (84.8) 351 564
President : PHAN CHANH DUONG

CÁC NGÀNH NGHỀ KINH DOANH CHỦ YẾU CỦA CÔNG TY PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP TÂN THUẬN

(Kèm theo quyết định số 186/QĐ-UB ngày 27-09-1993 của UBND Thành phố)

- Kế thừa chức năng của Chương trình công nghiệp xuất khẩu Tân thuận.

- Đối tác bên Việt nam trong Công ty Liên doanh Tân thuận (xây dựng và kinh doanh Khu Chế xuất Tân thuận) và Công ty Liên doanh Phú Mỹ Hưng (xây dựng - kinh doanh tuyến đường Nhà bè - Bình chánh và 05 cụm phát triển).

- Dịch vụ cung cấp cho Khu chế xuất các loại vật tư, nguyên liệu, bán thành phẩm, thành phẩm, thực phẩm, lao động và các dịch vụ khác như vệ sinh công cộng, công viên cây xanh, thu gom và vận chuyển phế liệu phế phẩm...

- Dịch vụ tư vấn đầu tư.

- Tổ chức thực hiện, sản xuất kinh doanh trong lĩnh vực :

* Hàng xuất khẩu, vật liệu xây dựng.

* Xây dựng hạ tầng cơ sở.

* Kinh doanh nhà ở (theo quy hoạch, quy định và được phép của UBND Thành phố).

PRINCIPAL BUSINESS LINES OF THE TAN THUAN INDUSTRIAL PROMOTION COMPANY

(Attached to Decision N°. 183/QĐ-UB of September 27, 1993 of the People's Committee of Ho Chi Minh City)

- Succeeding the functions of the Tan Thuan Export Industries Zone Program.

- Vietnamese counterpart in the Tan thuan JV. Corporation (for construction and Business exploitation of Tan Thuan Export Processing Zone) and the Phu My Hung JV Corporation (for construction and business exploitation of the Nha Be - Binh Chanh highway and 05 development centers).

- Services as to supplying to the Export Processing Zone all kinds of materials, raw materials, semi-finished products, finished products, foodstuffs, labour force and other services such as public sanitation, public garden, green trees, collecting and transporting waste materials and waste products...

- Investment consulting services.

- Organizing and implementing production and business in the domains:

* Exported commodities, building materials.

* Construction of infrastructure.

* Housing business (as per the planning, regulations and authorization of the City People's Committee).

Digitized by Google

IN TẠI NHÀ IN TẠP CHÍ CỘNG SẢN CHỈ SỐ 12651-ISSN 0866-7276 GIÁ : 3000Đ

HX9
V5
H63
v. 1996
no. 5
MAIN

Tạp chí Cộng sản

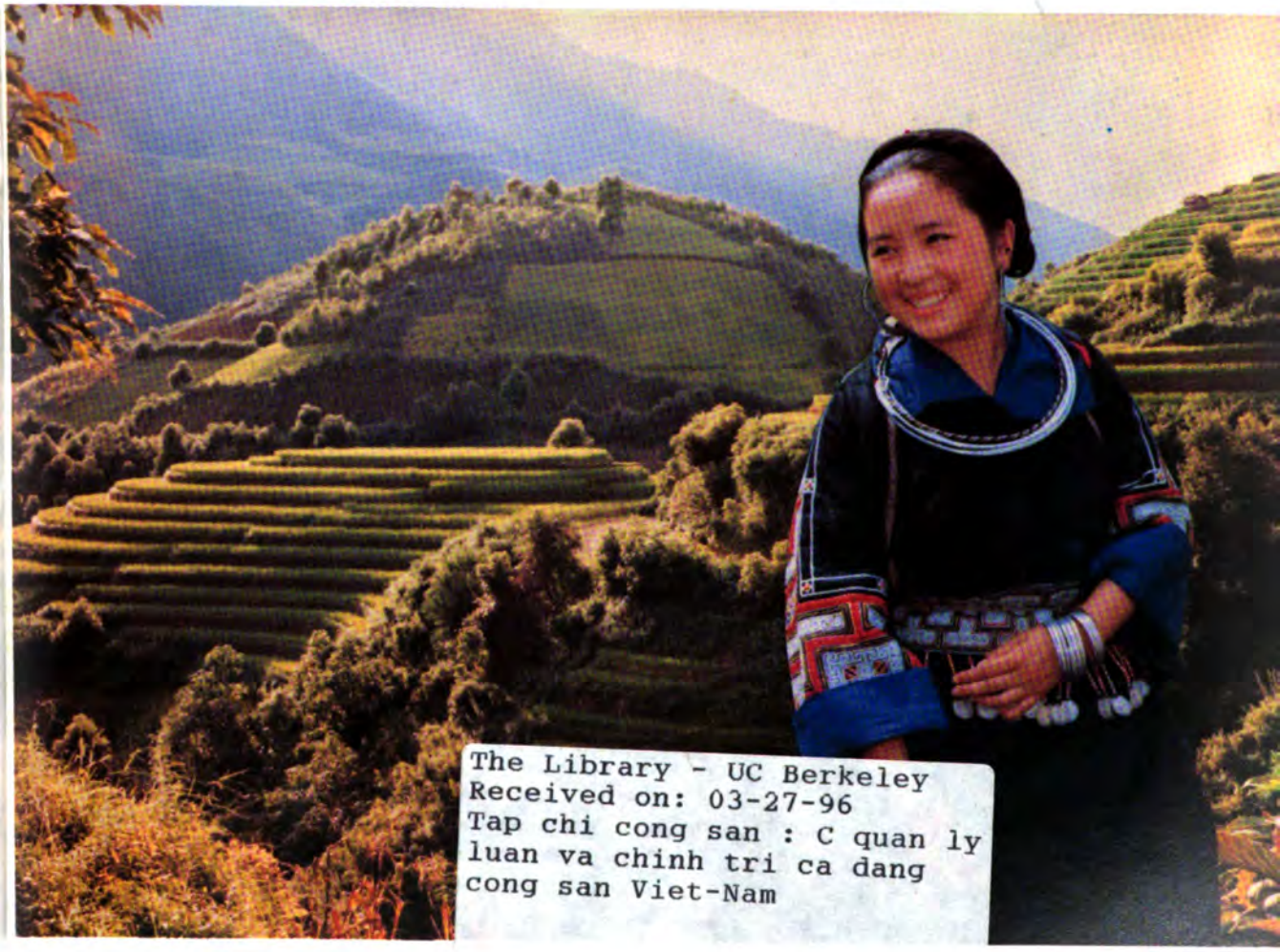

The Library - UC Berkeley
Received on: 03-27-96
Tap chi cong san : C quan ly luan va chinh tri ca dang cong san Viet-Nam

5
3-1996

Digitized by Google

EPCO. LTD

CÔNG TY KINH DOANH XUẤT NHẬP KHẨU CHẾ BIẾN NÔNG HẢI SẢN DU LỊCH - KHÁCH SẠN - XÂY DỰNG VÀ THƯƠNG MẠI QUẬN 3 (TNHH)

TRỤ SỞ CHÍNH : 01 NGUYỄN THƯỢNG HIỀN, QUẬN 3, TP HỒ CHÍ MINH, VIỆT NAM
ĐT : 84.8.390382 - 324392 • TELEX : 811514EPCO VT • FAX : 84.8.324744-334880

ĐẦU NĂM 1996 CÓ GÌ LẠ ?

CHỦ TỊCH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT-NAM
THƯỞNG
HUÂN CHƯƠNG LAO ĐỘNG
HẠNG Ba
Cán bộ công nhân viên Công ty trách nhiệm hữu hạn kinh doanh xuất nhập khẩu chế biến nông hải sản và Du lịch khách sạn EPCO

❖ **TỔNG KHO "SÔNG THẦN" CÔNG SUẤT 500.000 TẤN KHAI TRƯƠNG ĐÃ ĐI VÀO HOẠT ĐỘNG DỊCH VỤ CHO THUÊ KHO TỪ NGÀY 25/11/1995**
PHỤC VỤ TỐT NHẤT CHO KHÁCH HÀNG KÝ GỬI MỌI LOẠI HÀNG HÓA XUẤT NHẬP KHẨU

❖ **KHO HÀNG 101 TRẦN QUỐC THẢO QUẬN 3 CÔNG SUẤT 10.000 TẤN VẪN THƯỜNG XUYÊN TIẾP NHẬN HÀNG GỬI CỦA KHÁCH HÀNG**

❖ **KHO HÀNG A745-746 VÕ VĂN NGÂN (THỦ ĐỨC) CÔNG SUẤT 100.000 TẤN SẴN SÀNG PHỤC VỤ KHÁCH HÀNG KÝ GỬI CÁC LOẠI VẬT TƯ, NGUYÊN VẬT LIỆU VÀ HÀNG NÔNG SẢN XUẤT KHẨU**

KHÁCH SẠN QUỐC TẾ 3 SAO

ĐÃ KHAI TRƯƠNG HOẠT ĐỘNG, SẴN SÀNG TIẾP ĐÓN VÀ PHỤC VỤ NHƯ Ý MUỐN CHO QUÍ KHÁCH DU LỊCH TRONG VÀ NGOÀI NƯỚC

Kính chúc Quí khách một năm mới An khang - Thịnh vượng

Digitized by Google

Tạp chí Cộng sản

CƠ QUAN LÝ LUẬN VÀ CHÍNH TRỊ CỦA
TRUNG ƯƠNG ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

Số 491

BỘ BIÊN TẬP : *1 Nguyễn Thượng Hiền, Hà nội - Dây nói : 252061 - 252062*
Cơ quan thường trú tại miền Nam : *19 Phạm Ngọc Thạch, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh - Dây nói : 225768*

MỤC LỤC

	Chủ tịch Lê Đức Anh đến chúc tết Bộ biên tập *Tạp chí Cộng sản* 3
TIẾN TỚI ĐẠI HỘI ĐẠI BIỂU TOÀN QUỐC LẦN THỨ VIII CỦA ĐẢNG	Hội thảo "*Một số vấn đề về định hướng xã hội chủ nghĩa ở nước ta*" (tiếp theo) NGUYỄN DUY QUÝ - Độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội .....4 NGUYỄN PHÚ TRỌNG - Định hướng xã hội chủ nghĩa và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta .....9 KHỔNG DOÃN HỢI - Định hướng xã hội chủ nghĩa ở nước ta : đúng hay chệch ? .....15 LÊ HỮU NGHĨA - Vai trò của chính trị trong việc bảo đảm định hướng xã hội chủ nghĩa 18
NHÂN NGÀY QUỐC TẾ PHỤ NỮ 8-3	VÕ THỊ THẮNG - Vì sự tiến bộ của phụ nữ Việt nam .....21 NGÔ THỊ NGỌC ANH - Phụ nữ nghèo ở đô thị hiện nay .....25 PHAN THANH KHÔI - Nhận thức đầy đủ hơn về gia đình - tế bào của xã hội 29
NGHIÊN CỨU - TRAO ĐỔI	VŨ XUÂN KIỀU - Diễn biến giá cả thị trường năm 1995 và những bài học đáng nhớ .....33 NGUYỄN NGỌC TUẤN - Một cách tiếp cận kinh nghiệm đổi mới kinh tế 10 năm qua .....37 TRẦN QUỐC TUẤN - Bước chuẩn bị hình thành thị trường chứng khoán ở Việt nam 42
THỰC TIỄN - KINH NGHIỆM	HOÀNG ĐẠT - Đổi mới, hoàn thiện chính sách và cơ chế quản lý thương mại, dịch vụ .....45 PHẠM HỮU BỔNG - Công tác biên phòng trong tình hình mới .....48 NGÔ QUANG NAM - Nghĩ về mỹ thuật Việt nam từ Triển lãm toàn quốc 1995 51
SINH HOẠT TƯ TƯỞNG	NHƯ ĐÀM - Con sâu làm rầu nồi canh 53
THẾ GIỚI : VẤN ĐỀ, SỰ KIỆN	HOÀNG XUÂN LONG - Nhật bản : sự thần kỳ hai mặt 54
QUA SÁCH BÁO NƯỚC NGOÀI	OAN-ĐƠN BE-LÔ VÀ XTÊ-PHA-NI RÔ-DEN-PHEN - Các con rồng trong tình thế hiểm nguy. Những nền kinh tế kỳ diệu của châu Á đi vào khủng hoảng 57
TÌM HIỂU KHÁI NIỆM	Quyền con người, quyền công dân 60
TIN HOẠT ĐỘNG LÝ LUẬN - THỰC TIỄN	Hội thảo : "Quan niệm học thuật về tình dục và bạo lực trong văn hóa nghệ thuật" 60

Bìa 1 : *Mùa xuân với thiếu nữ H'mông* **Ảnh :** ĐINH QUANG THÀNH

Digitized by Google

СОДЕРЖАНИЕ

Президент Ле Дык Ань посещает и поздравляет журнал "Комунист" по случаю "ТЭТ". К 8-му Всенациональному Съезду Партийных Представителей. Семинар : "Некоторые проблемы социалистической ориентации в нашей стране". (Продолжение). НГУЕН ЗУЙ КУЙ - Национальная независимость тесно связана с социализмом. НГУЕН ФУ ЧОНГ - Социалистическая ориентация и путь к социализму нашей страны. ХОНГ ЗОАН ХОЙ - В правильном ли направлении социалистическая ориентация нашей страны ? ЛЕ ХЫУ НГИЯ - Роль политики в придерживании социалистической ориентации. По случаю международного женского дня 8-3 ВО ТХИ ТХАНГ - За прогресс вьетнамских женщин. Исследование - обмен мнениями. ВУ СУАН КИЕУ - Изменение рыночных цен в 1995 году и полученные уроки. НГУЕН НГОК ТУАН - Один из подходов к курсу обновления, проведенному за 10 прошлых лет. ЧАН КУОК ТУАН - Подготовка к оформлению биржевого рынка во Вьетнаме. Практика - опыт. ХОАНГ ДАТ - Обновление : совершенствование политики и управленческой структуры в отношении торговли и сервиса. Мир : Проблемы, события - ХОАНГ СУАН ЛОНГ - Япония : у чуда есть обратная сторона.

CONTENTS

President Le Duc Anh visits and congratulates journal "Communist" On the occasion of the new-year holiday "Têt". *Towards the 8th National Congress of Party's Delegates.* Seminar 'Several problems on the socialist orientation in our country' (continuation) NGUYEN DUY QUY - National independence in cohesion with the socialism. NGUYEN PHU TRONG - The socialist orientation and the path to the socialism in Vietnam. KHONG DOAN HOI - Is the socialist orientation in Vietnam correct or erroneous ? LÊ HÙU NGHÏA - The role of the politics in ensuring the socialist orientation. *On the occasion of the International Women's Day, 8th March* VÔ THI THANG - For the progress of the Vietnamese women. *Research - Exchange of Views* VU XUAN KIÉU - The price situation in the 1995 market and the lessons to be learnt. NGUYEN NGOC TUAN - An approachment to the experience in economic renovation over last 10 years. TRAN QUOC TUAN - The preparatory step to form the stock market in Vietnam. *Practice - Experience* HOANG DAT - Renewing and perfecting the policy and mechanism of commercial and service management. *The World - Its problems and facts* HOANG XUAN LONG - Japan : the two-faced magic.

SOMMAIRE

Visite du Président de l'Etat Lê Dúc Anh à la Rédaction de la Revue du Communisme à l'occasion du Têt (Nouvel An lunaire) *Vers le VIIIe Congrès national du Parti.* Séminaire "Quelques problèmes sur l'orientation socialiste dans notre pays" (suite). NGUYEN DUY QUY - L'indépendance nationale liée étroitement au socialisme. NGUYEN PHU TRONG - Sur l'orientation socialiste et la voie vers le socialisme au Vietnam. KHONG DOAN HOI - L'orientation socialiste dans notre pays : justesse ou déviation ? LÊ HÙU NGHÏA - Le rôle de la politique dans la garantie de l'orientation socialiste. *A l'occasion de la Journée internationale des Femmes 8 Mars* VÔ THI THANG Pour le progrès des femmes vietnamiennes. *Etudes - Echange de vues* VÙ XUÂN KIÉU - Sur l'évolution des prix du marché de 1995 et les leçons à tirer. NGUYEN NGOC TUAN - Une approche des expériences tirées de ces dix dernières années de renouveau économique. TRAN QUOC TUAN - Les préparatifs pour la création de la Bourse au Vietnam. *Pratique - Expériences* HOANG DAT - Sûr le renouveau et le perfectionnement des politiques et du mécanisme de gestion pour les activités commerciales et de services. *Le monde : Problèmes, événements* HOANG XUAN LONG - Le Japon : un mystère à double face.

SUMARIO

La visita del presidente Lê Dúc Anh a la Revista del Comunismo con motivo del Tet (Año Nuevo lunar). *Hacia el Octavo Congreso Nacional del Partido.* Simposio "Algunos problemas sobre la orientación socialista en Vietnam (continuación). NGUYEN DUY QUY - La ligación éntre la independencia nacional y el socialismo. NGUYEN PHU TRONG - La orientación socialista y el camino de avance hacia el socialismo en Vietnam. KHONG DOAN HOI - La orientación socialista en Vietnam : ¿es correcta o erráea ? LÊ HÙU NGHÏA : El papel de la política en el aseguramiento de la orientación socialista. *Con motivo del Dia Internacional de la Mujer 8 de Marzo.* VÔ THI THANG - Por el progreso de la mujer vietnamita. *Estudios - Intercambios* VÙ XUÂN KIÉU - La evolución de los precios del mercado en 1995 y las lecciones recordables. NGUYEN NGOC TUAN - Una manera de acercamiento a las experiencias de la renovación económica en los últimos diez años. TRAN QUOC TUAN - Los pasos preparativos a la formación de l mercado de acción en Vietnam. *Prácticas - Experiencias* HOANG DAT- Renovación y perfeccionamiento de las políticas y el mecanismo de gestión comercial y de servicios. *El Mundo : Problemas y acontecimientos* HOANG XUAN LONG : Japón : La doble maravilla.

目錄

●黎德英主席拜訪《共產雜誌》編輯部並向全体員工拜年●向越共第八次全國代表大會邁進 ★★★ "有關確定社會主義方向的一些問題"的研討會(續上期)●阮維貴：民族獨立與社會主義緊密相連●阮富仲：我國確定社會主義方向及向社會主義道路邁進●孔丑玄：我國的確定社會主義方向是正確還是偏了？●黎友義：政治在保證確定社會主義方向中所起的作用●曼城三・八婦女節 ★★★武氏勝：爲了越南婦女的進步●研究－交換 ★★★武春橋：1995年市場價格的變動及值得汲取的教訓●阮玉詢：汲取十年經濟革新經驗的方法之一●陳國俊：成立越南證券市場的准備階段●實踐－經驗 ★★★黃達：革新、完善商貿、服務政策及其管理機制●世界：問題、事件 ★★★黃春龍：日本：神奇的兩面

Digitized by Google

CHỦ TỊCH LÊ ĐỨC ANH

ĐẾN CHÚC TẾT BỘ BIÊN TẬP TẠP CHÍ CỘNG SẢN

TRONG không khí cả nước náo nức mừng Đảng, mừng xuân, hướng về Đại hội VIII, sáng 17-2-1996 (tức 29 Tết Bính tý), đồng chí Lê Đức Anh, Ủy viên Bộ chính trị, Chủ tịch nước CHXHCN Việt nam đã đến trụ sở Bộ biên tập Tạp chí Cộng sản chúc tết anh chị em làm tạp chí lý luận - chính trị của Đảng. Đồng chí ân cần thăm hỏi tình hình công tác, sức khỏe và đời sống của anh chị em, chúc Tạp chí sang năm mới tiếp tục phát huy truyền thống vẻ vang, hoàn thành tốt nhiệm vụ mà Đảng và nhân dân giao phó. Đồng chí căn dặn : Làm lý luận rất khó ; trong tình hình hiện nay làm lý luận càng đặc biệt khó. Trách nhiệm của Tạp chí Cộng sản rất nặng nề. Tạp chí cần bám sát quan điểm, đường lối của Đảng, nắm vững chủ nghĩa Mác - Lê-nin, tư tưởng Hồ Chí Minh, đi sâu tổng kết thực tiễn, nhất là trên những vấn đề còn đang vướng mắc, tìm ra nhiều kinh nghiệm tốt, cách làm hay, góp phần làm sáng tỏ những vấn đề lý luận và thực tiễn của cách mạng nước ta, đưa đất nước ta từng bước đi lên vững chắc theo định hướng xã hội chủ nghĩa.

Thay mặt anh chị em công tác ở Bộ biên tập Tạp chí Cộng sản, đồng chí Nguyễn Phú Trọng, Ủy viên Trung ương Đảng, Tổng biên tập, bày tỏ niềm vui mừng, xúc động trước sự quan tâm chu đáo của Chủ tịch Lê Đức Anh, chân thành cảm ơn Chủ tịch đã dành cho Tạp chí Cộng sản niềm vui bất ngờ (Chủ tịch đến chúc tết không báo trước), coi đây là một vinh dự và sự khích lệ lớn đối với những người làm tạp chí lý luận của Đảng. Đồng chí hứa với Chủ tịch sẽ cố gắng thực hiện tốt những điều mà Đảng và Nhà nước chỉ bảo, làm cho Tạp chí ngày càng có chất lượng tốt, đáp ứng yêu cầu ngày càng cao của cách mạng và của nhân dân ❑

Digitized by Google

HỘI THẢO "MỘT SỐ VẤN ĐỀ VỀ ĐỊNH HƯỚNG XÃ HỘI CHỦ NGHĨA Ở NƯỚC TA"

Lời BBT : *Nhân dịp kỷ niệm lần thứ 66 Ngày thành lập Đảng cộng sản Việt nam và thiết thực góp phần chuẩn bị Đại hội VIII của Đảng, ngày 26-1-1996 Bộ biên tập* ***Tạp chí Cộng sản*** *đã tổ chức cuộc Hội thảo "Một số vấn đề về định hướng xã hội chủ nghĩa ở nước ta". Đây là một chủ đề quan trọng, có ý nghĩa cả trên phương diện lý luận và thực tiễn, được toàn đảng, toàn dân ta rất quan tâm. Tham gia Hội thảo có các đồng chí :* **Đặng Xuân Kỳ**, *GS, Ủy viên Trung ương Đảng, Viện trưởng Viện nghiên cứu chủ nghĩa Mác - Lê-nin và tư tưởng Hồ Chí Minh ;* **Nguyễn Duy Quý**, *GS, TS, Ủy viên Trung ương Đảng, Giám đốc Trung tâm khoa học xã hội và nhân văn quốc gia ;* **Vũ Mão**, *Ủy viên Trung ương Đảng, Chủ nhiệm Văn phòng Quốc hội, cùng nhiều giáo sư, tiến sĩ, phó tiến sĩ, các nhà nghiên cứu lý luận đầu đàn, các cán bộ biên tập của Tạp chí Cộng sản. Hơn 30 bản tham luận đã gửi đến Hội thảo.*

Sau báo cáo đề dẫn của PGS, PTS **Nguyễn Phú Trọng**, *Ủy viên trung ương Đảng, Tổng biên tập Tạp chí Cộng sản, nhiều đồng chí đã trình bày tham luận của mình và sôi nổi thảo luận một số vấn đề về khái niệm, nội dung, cũng như việc vận dụng "định hướng xã hội chủ nghĩa" trong công cuộc đổi mới ở nước ta. Các tham luận và các ý kiến phát biểu đã quán triệt thêm một bước* **sáu đặc trưng** *của chủ nghĩa xã hội và* **bảy giải pháp lớn** *xây dựng xã hội xã hội chủ nghĩa ở nước ta mà Đại hội VII của Đảng đã nêu lên trong Cương lĩnh chính trị ; khẳng định đây là* **định hướng** *rất đúng đắn đã đưa đất nước ta vượt qua khủng hoảng, đi vào thế ổn định và phát triển, thực hiện công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước ; phê phán những quan điểm sai trái và xuyên tạc định hướng xã hội chủ nghĩa.*

Tạp chí Cộng sản *xin giới thiệu một số bài tham gia Hội thảo để bạn đọc tham khảo.**

ĐỘC LẬP DÂN TỘC GẮN LIỀN VỚI CHỦ NGHĨA XÃ HỘI

NGUYỄN DUY QUÝ **

ĐỘC lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội là nét chủ đạo xuyên suốt hệ tư tưởng Hồ Chí Minh, là quan điểm nhất quán của Đảng ta trong suốt lịch sử hơn 6 thập kỷ của cách mạng Việt nam.

Riêng trong những năm đổi mới gần đây, trước sự đổ vỡ của chế độ xã hội chủ nghĩa ở Liên xô và Đông Âu, Đảng và nhân dân ta đã phải vượt qua những thử thách rất nghiệt ngã. Thành tựu của đổi mới, và xu hướng phát triển tích cực của xã hội ta trong đổi mới, trước hết là do Đảng ta đã kiên định sự lựa chọn độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội. Sự vững vàng và nhất quán về quan điểm của Đảng được sự ủng hộ sâu rộng của các tầng lớp nhân dân, đảm bảo cho đổi mới theo định hướng xã hội chủ nghĩa ở nước ta diễn ra trong ổn định chính trị. Đó là một nhân tố cực kỳ quan trọng, vì chỉ với tiền đề này, chúng ta mới có thể thực hiện được mọi mục tiêu của phát triển.

* Xem từ số 4 (tháng 2-1996)

** GS, TS Giám đốc Trung tâm khoa học xã hội và nhân văn quốc gia

Digitized by Google

1- Độc lập dân tộc là mục tiêu của Cách mạng giải phóng dân tộc, là tiền đề và điều kiện để xây dựng chủ nghĩa xã hội ở nước ta.

Thực tiễn và kinh nghiệm lịch sử đã cho thấy, sự tồn vong và phát triển của mỗi quốc gia - dân tộc đều gắn liền với việc giữ vững nền độc lập và chủ quyền của quốc gia - dân tộc ấy. Sống trong độc lập tự do là nguyện vọng thiết tha của mọi người trong cộng đồng dân tộc. Giành và giữ vững nền độc lập của Tổ quốc luôn là mối quan tâm thường trực của nhân dân. Tôn trọng độc lập và chủ quyền quốc gia trở thành nguyên tắc cơ bản và điều kiện tiên quyết cho việc thiết lập và duy trì quan hệ bang giao giữa các nước. Trong bản *Tuyên ngôn độc lập*, khai sinh cho chế độ dân chủ cộng hòa ở Việt nam - thành quả vĩ đại của Cách mạng Tháng Tám năm 1945, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã trịnh trọng tuyên bố trước quốc dân đồng bào và trước thế giới về chủ quyền độc lập của đất nước : mọi người dân đều có quyền hưởng tự do và độc lập, toàn thể dân tộc Việt nam quyết đem tất cả tính mạng và của cải để giữ trọn nền độc lập tự do đã giành được.

Trong lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến ngày 19-12-1946, Người nhấn mạnh : "Thà hy sinh tất cả, chứ nhất định không chịu mất nước, nhất định không chịu làm nô lệ". Trong lời kêu gọi chống Mỹ cứu nước năm 1966, Hồ Chí Minh lại nhấn mạnh : "Không có gì quý hơn độc lập tự do". Đây là sự khẳng định chân lý của thời đại, quyết tâm cách mạng của toàn đảng, toàn dân, toàn quân ta. Câu nói nổi tiếng ấy đã đi vào lịch sử, có sức cổ vũ và quy tụ mọi nguồn sức mạnh của cả dân tộc vào cuộc đấu tranh vì những mục tiêu của cách mạng. Đây cũng là sự thể hiện nổi bật của tư tưởng Hồ Chí Minh.

Độc lập dân tộc là cái đích trực tiếp của mọi công cuộc giải phóng dân tộc, đấu tranh xóa bỏ mọi áp bức, đô hộ và xâm lược từ bên ngoài, khẳng định sự tồn tại và phát triển của dân tộc, đảm bảo cho dân tộc đó có hòa bình, sự ổn định bền vững về chế độ chính trị và kinh tế, sự thống nhất lãnh thổ và chủ quyền quốc gia, sức mạnh độc lập và tự chủ trong việc tự lựa chọn và tự quyết định con đường phát triển của dân tộc mình trong mối quan hệ hợp tác bình đẳng với các quốc gia, dân tộc khác của cộng đồng thế giới. Điều này đã từng diễn ra trong lịch sử khi quốc gia - dân tộc đã hình thành, trải qua các thời kỳ hưng thịnh và suy vong của các triều đại phong kiến cũng như trong lịch sử hiện đại và đương đại, với sự xâm nhập của chủ nghĩa tư bản, chủ nghĩa đế quốc, chủ nghĩa thực dân cũ và mới.

Giải quyết vấn đề độc lập dân tộc dưới ảnh hưởng của ý thức hệ phong kiến và tư sản, trong khuôn khổ của chế độ phong kiến và chế độ tư bản chủ nghĩa, không tránh khỏi những mâu thuẫn và những hạn chế nhất định. Đó là những mâu thuẫn, hạn chế của lịch sử, do bản chất kinh tế và chính trị của các chế độ phong kiến và tư bản chủ nghĩa - những hình thái dựa trên các quan hệ tư hữu về tư liệu sản xuất và các quan hệ đối kháng giai cấp - gây nên.

Cách mạng Tháng Mười Nga năm 1917 mở ra một thời đại mới, đánh dấu sự ra đời của chủ nghĩa xã hội trong thực tế với tư cách là *một chế độ xã hội mới*, nằm trong hình thái kinh tế - xã hội cộng sản chủ nghĩa, khác về chất so với các hình thái kinh tế - xã hội tồn tại trước đó. Đây là thời đại cho phép thực hiện bước quá độ lịch sử từ chủ nghĩa tư bản lên chủ nghĩa xã hội, bao hàm cả khả năng quá độ lên chủ nghĩa xã hội không qua chế độ tư bản chủ nghĩa đối với các nước kém phát triển, nhờ những thuận lợi khách quan mà thời đại mới mở ra.

Thời đại của cách mạng vô sản, của sự phát triển tới chủ nghĩa xã hội như một tất yếu lịch sử, đã đem lại sự *mới mẻ* và *triệt để* trong quan niệm cũng như giải pháp để giải quyết vấn đề độc lập dân tộc. Vượt qua những mâu thuẫn và những hạn chế trong việc giải quyết vấn đề độc lập dân tộc theo lập trường phong kiến và tư sản, chỉ có thể là con đường gắn liền độc lập dân tộc với chủ nghĩa xã hội, tức là giải quyết độc lập dân tộc theo lập trường của giai cấp công nhân, của chủ nghĩa xã hội khoa học. Đây chính là điểm cốt lõi về lý luận Mác - Lê-nin và tư tưởng Hồ Chí Minh - nền tảng tư tưởng và kim chỉ nam cho hành động của Đảng ta và của cách mạng Việt nam.

Tính chất mới mẻ và triệt để này thể hiện ở những điểm mấu chốt sau đây :

- Độc lập dân tộc thực sự phải là đảm bảo cho dân tộc có quyền tự quyết, không phụ thuộc và lệ thuộc nước ngoài trong việc lựa chọn chế độ chính trị, lựa chọn con đường và mô hình phát triển. Do đó, đối với mỗi quốc gia - dân tộc, độc lập cũng có nghĩa độc lập thực sự về *chính trị* và *kinh tế*. Đó là cơ sở để mỗi quốc gia - dân tộc có thể độc lập về *văn hóa*, giữ

Digitized by Google

được bản sắc văn hóa dân tộc, các giá trị đạo đức của dân tộc mình.

- Độc lập dân tộc đòi hỏi phải xóa bỏ tình trạng áp bức bóc lột và nô dịch của dân tộc này đối với các dân tộc khác về kinh tế, chính trị và tinh thần. Do đó, độc lập gắn liền với tự do và bình đẳng. Độc lập dân tộc phải đảm bảo chủ quyền của dân tộc trong các quan hệ quốc tế, được thừa nhận về pháp lý quốc tế và được khẳng định trong thực tế. Đó là chủ quyền của một quốc gia độc lập, có sự thống nhất toàn vẹn về lãnh thổ, những công việc nội bộ của quốc gia dân tộc phải do quốc gia dân tộc đó giải quyết không có sự can thiệp từ bên ngoài.

- Sự trao đổi, hợp tác về kinh tế, văn hóa giữa các nước dựa trên nguyên tắc bình đẳng và cùng có lợi, tôn trọng chủ quyền của nhau, cùng đóng góp vào lợi ích chung vì hòa bình và hữu nghị giữa các dân tộc, vì một thế giới không có chiến tranh, không có sự hoành hành của cái ác, của những sự tàn bạo và bất công, đảm bảo cho con người sống trong an ninh và hạnh phúc. Do đó, đấu tranh cho độc lập của mỗi dân tộc thống nhất hữu cơ với mục tiêu đấu tranh chung của thời đại, của tất cả các dân tộc trên thế giới vì hòa bình, độc lập dân tộc, dân chủ và tiến bộ xã hội.

Các xã hội dựa trên sự duy trì tình trạng áp bức, bóc lột do chế độ chiếm hữu tư nhân về tư liệu sản xuất, và do những mâu thuẫn đối kháng về giai cấp, không thể giải quyết triệt để vấn đề độc lập dân tộc. Giai cấp phong kiến và giai cấp tư sản luôn xuất phát từ lợi ích và quyền lực thống trị của họ để hướng cuộc đấu tranh giành độc lập và chủ quyền quốc gia dân tộc vào mục đích thực hiện lợi ích và duy trì quyền lực thống trị của mình trong xã hội. Lịch sử đã từng diễn ra những cuộc chiến tranh phi nghĩa do giai cấp phong kiến và giai cấp tư sản tiến hành nhằm bành trướng lãnh thổ, mở rộng thuộc địa, áp bức bóc lột các dân tộc khác nhằm thỏa mãn tham vọng về của cải và quyền lực. Chúng sử dụng cả ảnh hưởng về văn hóa và truyền bá hệ tư tưởng để thực hiện tham vọng trên. Để có thể tiến hành các cuộc chiến tranh xâm lược, giai cấp phong kiến và tư sản thống trị thường sử dụng lợi ích dân tộc, nhân danh lợi ích dân tộc, biến cả dân tộc mình thành công cụ, phương tiện, thành tấm lá chắn. Điều đó giải thích vì sao giai cấp phong kiến và giai cấp tư sản không chỉ mâu thuẫn và xung đột với nhân dân và dân tộc ở trong nước, mà còn gây mâu thuẫn và xung đột với các dân tộc khác ở bên ngoài, làm tổn hại đến nền độc lập tự do của nước mình, đồng thời chà đạp lên chủ quyền quốc gia và độc lập của các quốc gia - dân tộc khác.

Các nhà kinh điển của chủ nghĩa Mác - Lê-nin đã nhấn mạnh rằng, chỉ có đứng trên lập trường giai cấp vô sản và cách mạng vô sản mới có thể giải quyết đúng đắn vấn đề độc lập dân tộc. Đó là thực hiện sự thống nhất chân chính giữa lợi ích giai cấp với lợi ích dân tộc, giữa lợi ích dân tộc này với lợi ích dân tộc khác. Xóa bỏ triệt để tình trạng bóc lột và áp bức giai cấp là điều kiện cơ bản nhất để xóa bỏ ách áp bức dân tộc, để thực sự có độc lập cho dân tộc; bảo vệ nền độc lập của dân tộc mình phải thống nhất với việc tôn trọng nền độc lập của dân tộc khác. Chỉ có giai cấp vô sản với bản chất cách mạng và sứ mệnh lịch sử của nó mới có thể thực hiện được yêu cầu trên. Giai cấp vô sản trong khi tự giải phóng khỏi tình trạng bị bóc lột và áp bức, xóa bỏ tình cảnh nô lệ của mình, đồng thời cũng giải phóng luôn cả xã hội, tiến tới xây dựng một xã hội không có áp bức bóc lột, đảm bảo cho mọi người có quyền tự do và làm chủ, một xã hội mà quyền lực thực sự thuộc về nhân dân lao động được giải phóng.

Chỉ có cuộc cách mạng do giai cấp công nhân lãnh đạo mới gắn liền giải phóng giai cấp với giải phóng xã hội, giải phóng con người, tức là thực hiện độc lập tự do cho dân tộc, thực hiện sự phát triển hài hòa giữa cá nhân và xã hội trong độc lập tự do. Mục đích đó được thực hiện một cách nhất quán từ *cơ sở kinh tế xã hội và chính trị* của cuộc cách mạng vô sản. Đó là chế độ sở hữu công cộng về tư liệu sản xuất, nhờ đó xóa bỏ được tận gốc tình trạng bóc lột, áp bức. Đó còn là nhà nước mang bản chất giai cấp công nhân, thực hiện và bảo vệ lợi ích, quyền lực của nhân dân lao động, một nhà nước thực sự của nhân dân, do nhân dân và vì nhân dân. Nó thay thế cho các nhà nước trước đó vốn chỉ là công cụ của một nhóm nhỏ xã hội thuộc giai cấp thống trị để bóc lột và áp bức nhân dân và dân tộc, đối lập với cả xã hội. Bằng nền dân chủ xã hội chủ nghĩa, bảo đảm quyền lực thực sự thuộc về nhân dân lao động, nó thay thế cho nền dân chủ tư sản, vốn chỉ là một thiết chế bảo đảm lợi ích, quyền lực của giai cấp tư sản.

Như vậy, lợi ích của giai cấp công nhân phù hợp và thống nhất với lợi ích của nhân dân lao động, của dân tộc và xã hội ; giải phóng giai cấp công nhân gắn liền với giải phóng xã

Digitized by Google

hội, độc lập dân tộc gắn liền với xây dựng quốc gia dân tộc theo mục tiêu, lý tưởng của chủ nghĩa xã hội. Đó là những cơ sở phản ánh bản chất của giai cấp công nhân, đảm bảo cho dân tộc có độc lập thực sự ; và nền độc lập thực sự của dân tộc sẽ tìm thấy sự bền vững của nó trên con đường phát triển của chủ nghĩa xã hội.

Hơn nữa, do vai trò và sứ mệnh lịch sử của mình, giai cấp công nhân không chỉ phủ định quan hệ tư sản ở nước mình, mà còn phủ định mọi quan hệ tư sản trên phạm vi quốc tế. Cách mạng xã hội chủ nghĩa và tiến trình xây dựng chủ nghĩa xã hội trước hết diễn ra trong phạm vi quốc gia, nhưng đều có quan hệ và ý nghĩa quốc tế sâu sắc. Lô gích phát triển của cuộc cách mạng này không dừng lại ở việc xóa bỏ tình trạng đối kháng giai cấp, mà còn tiến tới xóa bỏ sự phân chia xã hội thành giai cấp, tiến tới một xã hội không còn giai cấp, không còn nhà nước.

Thực tiễn phát triển của cách mạng nước ta từ khi có Đảng cộng sản lãnh đạo đã xác nhận nguyên lý : độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội.

Từ năm 1930 tới năm 1945 là quá trình Đảng ta lãnh đạo giai cấp và dân tộc đấu tranh cho các mục tiêu độc lập dân tộc, dân sinh, dân chủ và tiến bộ xã hội để thực hiện một nước Việt nam độc lập, thoát khỏi ách đô hộ của địa chủ, phong kiến và tư sản. Cách mạng Tháng Tám năm 1945 đã xác lập chế độ dân chủ cộng hòa và thực hiện mục tiêu cả dân tộc Việt nam làm chủ vận mệnh mình. Cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp từ năm 1946 đến 1954, tiếp tục thực hiện những mục tiêu độc lập dân tộc và dân chủ, làm tiền đề để từng bước tiến tới chủ nghĩa xã hội. Sau thắng lợi của cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân đã hoàn thành trên nửa nước. Có hòa bình và độc lập tự do, miền Bắc đã bước vào thời kỳ quá độ đi lên chủ nghĩa xã hội. Trong khi đó ở miền Nam, cuộc cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân còn kéo dài suốt 21 năm (từ năm 1954 đến năm 1975) để giành độc lập dân tộc, đánh bại chủ nghĩa thực dân kiểu mới của đế quốc Mỹ và các thế lực ngụy quyền đại diện cho lợi ích của giai cấp phong kiến, tư sản ở miền Nam. Sau khi miền Nam được hoàn toàn giải phóng, cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân ở nước ta đã hoàn thành, cả nước ta bước vào thời kỳ quá độ đi lên chủ nghĩa xã hội trong điều kiện đất nước đã thống nhất.

Thực tiễn cách mạng nước ta khẳng định đường lối đúng đắn do Đảng ta vạch ra và lãnh đạo thực hiện. Đó là giải quyết vấn đề độc lập dân tộc theo lập trường của giai cấp công nhân, là đặt cách mạng giải phóng dân tộc trong quỹ đạo của cách mạng vô sản ; gắn liền độc lập dân tộc với chủ nghĩa xã hội là con đường phát triển duy nhất đúng đắn của cách mạng Việt nam.

2- Chủ nghĩa xã hội là đảm bảo chắc chắn và bền vững nhất cho nền độc lập của dân tộc.

Lựa chọn con đường phát triển tới chủ nghĩa xã hội sau khi đã giành được độc lập, là sự lựa chọn duy nhất đúng đắn của các quốc gia dân tộc trong thời đại ngày nay, phù hợp với quy luật khách quan và xu thế phát triển của lịch sử xã hội. Bản chất của chủ nghĩa xã hội là thực hiện triệt để giải phóng giai cấp, giải phóng dân tộc, giải phóng xã hội, giải phóng con người. Chủ nghĩa xã hội sẽ xóa bỏ căn nguyên kinh tế sâu xa của tình trạng người bóc lột người do chế độ chiếm hữu tư nhân về tư liệu sản xuất sinh ra. Nhờ đó, nó xóa bỏ cơ sở kinh tế sinh ra ách áp bức con người về chính trị và sự nô dịch con người về tinh thần, ý thức và tư tưởng.

Các cuộc cách mạng tư sản chỉ nhằm mục đích xác lập và duy trì quyền lực của giai cấp tư sản và bảo vệ sự tồn tại của phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa. Chúng chỉ đạt được ý nghĩa tiến bộ và tích cực ban đầu khi giương ngọn cờ chống chế độ phong kiến quân chủ chuyên chế, tập hợp lực lượng xã hội để chống phong kiến, giải phóng giai cấp tư sản, hình thành dân tộc tư sản và thiết lập chế độ cộng hòa cùng nhà nước tư sản và nền dân chủ tư sản. Độc lập dân tộc giành được trong cách mạng tư sản, chỉ mở đường cho giai cấp tư sản xác lập vững chắc quyền lực thống trị của nó, chứ không giải phóng con người và xã hội ra khỏi sự bóc lột, áp bức tư sản. Do đó, chủ nghĩa tư bản, giai cấp tư sản và cách mạng tư sản chỉ thực hiện độc lập dân tộc một cách có giới hạn, không triệt để. Độc lập dân tộc tư sản không những không thủ tiêu áp bức bóc lột, mà còn duy trì và phát triển tới trình độ hiện đại tình trạng áp bức bóc lột của tư sản đối với công nhân, nông dân và mọi tầng lớp lao động làm thuê khác trong xã hội tư sản. Chủ nghĩa đế quốc đã tiến hành chiến tranh xâm lược để tìm kiếm thị trường và thuộc địa. Từ chỗ đặt ách phụ thuộc về kinh tế để khống chế và tạo sự

Digitized by Google

phụ thuộc về chính trị đối với các dân tộc khác, giai cấp tư sản và chủ nghĩa tư bản chỉ có thể tạo ra một thứ độc lập dân tộc hình thức, giả hiệu và luôn luôn có điều kiện đối với các quốc gia dân tộc mà nó khống chế. Chủ nghĩa tư bản cổ điển ở thế kỷ XIX, chủ nghĩa tư bản hiện đại ở thế kỷ XX, tuy có những thay đổi về hình thức (chủ nghĩa đế quốc, chủ nghĩa thực dân cũ và mới), song bản chất không thay đổi. Chỉ có chủ nghĩa xã hội mới xóa bỏ được tình cảnh nô lệ làm thuê tư bản chủ nghĩa, mở đường đi tới tự do cho mọi người lao động và một nền độc lập thực sự cho các dân tộc. Đấy là một kết luận mà tính đúng đắn, hợp quy luật và tính hiện thực của nó đã được kiểm nghiệm qua thực tế xây dựng chủ nghĩa xã hội ở một loạt nước trong hơn 7 thập kỷ qua.

Chủ nghĩa xã hội thực hiện độc lập dân tộc để mở đường đưa dân tộc tới sự phồn vinh về kinh tế, sự phát triển phong phú về văn hóa, tinh thần, sự thực hiện đầy đủ nhất quyền lực của nhân dân. Lần đầu tiên trong lịch sử, chỉ với chủ nghĩa xã hội, độc lập dân tộc mới đạt tới chân giá trị của nó là hướng tới phục vụ lợi ích và quyền lực của mọi người lao động, làm cho mọi thành viên của cộng đồng dân tộc trở thành người chủ thực sự có cuộc sống vật chất ngày càng đầy đủ và cuộc sống tinh thần ngày càng phong phú.

Sự phát triển thực chất và bền vững của độc lập dân tộc được đo bằng những *khả năng* và *điều kiện* đảm bảo cho dân tộc thoát khỏi tình cảnh nô lệ, phụ thuộc, bị áp bức bóc lột và nô dịch ; đảm bảo cho dân tộc đó vượt qua tình trạng đói nghèo, lạc hậu và tụt hậu so với các dân tộc khác trong thế giới ngày nay, ngày càng vươn lên đỉnh cao của sự giàu có, văn minh, hiện đại, công bằng và bình đẳng, trong các mối quan hệ giữa con người với con người cũng như giữa cộng đồng dân tộc này với cộng đồng dân tộc khác. Những khả năng và điều kiện đó chỉ có thể được tìm thấy và giải quyết bằng con đường phát triển chủ nghĩa xã hội.

Hồ Chí Minh ngay từ những ngày đầu của chính quyền cách mạng đã cảm nhận một cách sâu xa : nước nhà có độc lập mà dân vẫn trong cảnh đói nghèo, thiếu ăn, thiếu mặc, thì độc lập có ý nghĩa gì ? Người còn chỉ rõ : thắng đế quốc và phong kiến là tương đối dễ ; thắng nghèo nàn lạc hậu còn khó hơn nhiều.

Cái lớn lao của tư tưởng Hồ Chí Minh là ở chỗ Người đã phát hiện thấy : muốn cứu nước và giải phóng dân tộc để có độc lập tự do, không có con đường nào khác ngoài con đường cách mạng vô sản. Chỉ có chủ nghĩa cộng sản mới giải phóng triệt để cho dân tộc, mới thực hiện được giải phóng giai cấp vô sản và giải phóng dân tộc, mới đảm bảo một cách thực chất độc lập tự do. Độc lập dân tộc phải gắn liền với chủ nghĩa xã hội. Trong sự nghiệp đổi mới theo định hướng xã hội chủ nghĩa hiện nay, việc thấm nhuần quan điểm "gắn liền độc lập dân tộc với chủ nghĩa xã hội" của Đảng ta có một ý nghĩa lý luận và thực hiện vô cùng to lớn.

Trong thời đại ngày nay, trước việc phải lựa chọn *hoặc* chủ nghĩa tư bản *hoặc* chủ nghĩa xã hội, thì sự lựa chọn chỉ có thể là *chủ nghĩa xã hội* như Đảng ta và nhân dân ta đã lựa chọn. Tất nhiên trong điều kiện hiện nay, đó là một chủ nghĩa xã hội *đổi mới* để phát triển. Đổi mới trên nền tảng chủ nghĩa Mác - Lê-nin và tư tưởng Hồ Chí Minh, trên cơ sở lập trường quan điểm của giai cấp công nhân, thấm nhuần tinh thần độc lập tự chủ và sáng tạo, chống giáo điều, chống cơ hội và xét lại, chống những thiên kiến dân tộc hẹp hòi, biệt phái. Đổi mới nhưng phải *giữ vững định hướng xã hội chủ nghĩa*, thể hiện đúng tinh thần và phương pháp của chủ nghĩa Mác - Lê-nin và tư tưởng Hồ Chí Minh.

Đổi mới theo tinh thần và nguyên tắc đó sẽ đảm bảo cho chúng ta đi tới mục tiêu : giữ vững độc lập dân tộc và xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội. Với quan niệm đó, trong toàn bộ tiến trình đổi mới cũng như trên từng lĩnh vực hoạt động, chúng ta phải kết hợp đúng đắn các nhiệm vụ, các yêu cầu, đồng thời thực hiện hai nhiệm vụ chiến lược : xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc Việt nam xã hội chủ nghĩa, gắn liền xây dựng chủ nghĩa xã hội với bảo vệ Tổ quốc, gìn giữ mọi thành quả cách mạng mà nhân dân ta đã phải hy sinh biết bao xương máu mới có được. Do vậy, cùng với phát triển kinh tế - văn hóa, thực hiện dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, văn minh, chúng ta phải không ngừng đề cao cảnh giác, tăng cường tiềm lực quốc phòng, an ninh, sẵn sàng đập tan mọi âm mưu và hành động phá hoại của các thế lực thù địch hòng làm sụp đổ chế độ ta và làm chệch phương hướng, mục tiêu xã hội chủ nghĩa của nước ta ⌟

Digitized by Google

ĐỊNH HƯỚNG XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VÀ CON ĐƯỜNG ĐI LÊN CHỦ NGHĨA XÃ HỘI Ở NƯỚC TA

NGUYỄN PHÚ TRỌNG *

ĐỊNH hướng xã hội chủ nghĩa và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta là vấn đề lý luận và thực tiễn rất cơ bản, trọng yếu, chi phối các hoạt động tư tưởng và lý luận của chúng ta hiện nay. Nó chẳng những liên quan đến nhận thức, ý chí cách mạng mà còn liên quan đến đường lối, chính sách, giải pháp thực hiện. Nó chẳng những là vấn đề lý tưởng, mục tiêu của những người cộng sản, phương hướng đi lên của đất nước, mà còn là vấn đề trân trọng quá khứ, kế thừa công lao của các thế hệ đi trước, sự hy sinh của hàng chục triệu con người, của cả dân tộc đã chiến đấu ròng rã trong hơn nửa thế kỷ qua. Nó đang đặt ra rất nhiều vấn đề phải nghiên cứu, cắt nghĩa, phải lý giải, trả lời, cả trên định hướng chung cũng như trên định hướng cụ thể cho từng lĩnh vực. Trong bài phát biểu khai mạc Hội nghị Trung ương 9 (khóa VII), đồng chí Tổng bí thư Đỗ Mười chỉ rõ : Vấn đề cốt lõi cần tập trung nghiên cứu và làm sáng tỏ hiện nay "là vấn đề tiếp tục bổ sung, phát triển quan niệm về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta". Đồng chí Đào Duy Tùng tại Lễ kỷ niệm 65 năm Tạp chí Cộng sản cũng nhấn mạnh, đây là một định hướng rất cơ bản mà các cơ quan lý luận tư tưởng cần đi sâu làm sáng tỏ.

Tuy nhiên, đề tài chúng ta đang bàn là đề tài rất rộng lớn và phức tạp, có nhiều cách tiếp cận khác nhau, đòi hỏi phải có sự nghiên cứu công phu, tổng kết thực tiễn một cách sâu sắc, nhất là những vấn đề về mô hình, giải pháp cụ thể. Có cái kết luận được, có cái chưa kết luận được, vì thực tiễn còn đang vận động ; có việc còn đang trong quá trình vừa làm vừa mò mẫm, rút kinh nghiệm.

Như chúng ta đã biết, chủ nghĩa xã hội thường được hiểu dưới ba tư cách : chủ nghĩa xã hội là một *học thuyết* ; chủ nghĩa xã hội là một *phong trào* ; chủ nghĩa xã hội là một *chế độ*. Với tư cách là một chế độ, chủ nghĩa xã hội cũng có nhiều hình, nhiều dạng, nhiều biểu hiện khác nhau. Chủ nghĩa xã hội chúng ta đề cập ở đây là chủ nghĩa xã hội khoa học dựa trên cơ sở học thuyết Mác - Lê-nin và tư tưởng Hồ Chí Minh. Trước đây, khi còn Liên xô và phe xã hội chủ nghĩa, ba dòng thác cách mạng ở thế ào ạt tiến công thì vấn đề đi lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta không có gì phải bàn ; nó mặc nhiên coi như đã được khẳng định. Nhưng từ sau khi Liên xô tan rã, chế độ xã hội chủ nghĩa sụp đổ ở nhiều nước, cách mạng thế giới lâm vào thoái trào, chủ nghĩa tư bản biết cách điều chỉnh, thích nghi, xung quanh ta có những "con rồng",... thì vấn đề đi lên chủ nghĩa xã hội đối với nước ta dường như lại được đặt ra bàn thảo. Có người dao động thật sự về con đường đi. Mặc dù *Cương lĩnh* của Đảng, *Hiến pháp* của Nhà nước đã khẳng định mục tiêu xã hội chủ nghĩa và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta, nhưng có không ít người vẫn phân vân và băn khoăn.

Có ý kiến cho rằng, "cần gì phải đi con đường xã hội chủ nghĩa, chủ nghĩa nào cũng được, miễn là có cuộc sống no đủ", "chưa đẻ con đã lo đặt tên" ! "Liên xô hùng mạnh

* PGS. PTS khoa học lịch sử

Digitized by Google

thế mà còn thất bại, mình liệu có xây dựng chủ nghĩa xã hội được không ?". Định hướng xã hội chủ nghĩa là gì ? Ở ta đã có định hướng xã hội chủ nghĩa chưa ? Có đồng chí nói thẳng ra rằng : Định hướng xã hội chủ nghĩa đã rõ đâu mà cứ nói, cứ lo chệch hướng; chưa làm đã lo chệch hướng !

Ngược lại, có người lại cho là hiện nay chúng ta đã ngả sang con đường tư bản chủ nghĩa rồi, "miệng nói chủ nghĩa xã hội nhưng thực ra là đang phát triển chủ nghĩa tư bản", "đỏ vỏ xanh lòng", bởi vì cũng áp dụng cơ chế thị trường, cho phát triển cả tư bản tư nhân ; xã hội có biết bao nhiêu chuyện tiêu cực ; phân hóa giàu nghèo, đạo đức xuống cấp, tệ nạn xã hội tràn lan, tình trạng bóc lột và bất công đang tái phát...

Nhiều người tâm huyết lo không biết chúng ta có đi lên chủ nghĩa xã hội được không. Liên xô đã tan rã, phe xã hội chủ nghĩa không còn, chỗ dựa về tinh thần cũng như sự giúp đỡ về vật chất không có, lòng tin vào chủ nghĩa xã hội bị giảm sút ghê gớm ; kẻ địch thì đang thừa cơ chống phá quyết liệt, mưu toan xóa chủ nghĩa xã hội ; lớp cán bộ cũ dần dần "ra đi" hết, mai đây lớp con cháu liệu có còn vững vàng, kiên định được không ? v.v..

Rõ ràng, những tâm trạng băn khoăn nêu trên là có thật. Vì vậy, việc thảo luận để làm rõ những căn cứ khoa học, góp phần làm sáng tỏ những quan điểm lý luận của Đảng ta, đồng thời phát triển, bổ sung những kết luận đã có, trên cơ sở đó đi đến thống nhất nhận thức, kiên định lập trường ở thời điểm hiện nay là cực kỳ quan trọng. Bất kỳ một sự dao động, ngả nghiêng hoặc tính toán sai nào trong bối cảnh hiện nay đều có thể dẫn đến sự suy thoái của đất nước, sự tồn vong của chế độ, những sai lầm mà lịch sử chắc sẽ không thể nào tha thứ được.

VÌ SAO CHÚNG TA KIÊN ĐỊNH CON ĐƯỜNG XÃ HỘI CHỦ NGHĨA ?

Từ tâm trạng bi quan, dao động trước sự sụp đổ của chế độ xã hội chủ nghĩa ở Liên xô và Đông Âu, choáng ngợp trước sự phát triển của chủ nghĩa tư bản hiện đại, một số người nghi ngờ tính khoa học đúng đắn của chủ nghĩa xã hội, cho nguyên nhân tan rã của Liên xô và Đông Âu là ở bản thân chủ nghĩa xã hội. Từ đó họ cho rằng chúng ta đã chọn đường sai, cần phải đi con đường khác - con đường tư bản chủ nghĩa hoặc "con đường thứ ba", "con đường xã hội dân chủ". Có người phụ họa với các luận điệu thù địch, công khai bài bác chủ nghĩa xã hội, ca ngợi một chiều chủ nghĩa tư bản. Họ rêu rao rằng Đảng cộng sản Việt nam bảo thủ, đổi mới nửa vời, kinh tế thị trường mà theo định hướng xã hội chủ nghĩa là "đầu Ngô mình Sở" ; rằng có theo chủ nghĩa xã hội thì đó phải là thứ "chủ nghĩa xã hội phi mác xít" !. Thậm chí có người còn sám hối về một thời đã tin theo chủ nghĩa Mác - Lê-nin và con đường xã hội chủ nghĩa.

Đảng ta đã nhiều lần khẳng định mục đích, lý tưởng của cách mạng nước ta là xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội trên đất nước ta. Và trên thực tế suốt 66 năm qua, Đảng đã lãnh đạo nhân dân phấn đấu hy sinh cho mục đích này. Gần đây, trước sự đổ vỡ của chủ nghĩa xã hội hiện thực ở một số nước, Đảng ta vẫn kiên định lập trường nguyên tắc đó. Các thế lực thù địch rất khó chịu và bực bội về sự khẳng định này và đang tìm mọi cách để chuyển hóa, làm thay đổi lập trường của chúng ta, ép chúng ta đi sang quỹ đạo của chủ nghĩa tư bản.

Chúng ta hiểu rằng, lựa chọn mục tiêu, lựa chọn hướng đi không phải là việc làm tùy tiện, cũng không phải là vấn đề tình cảm, ý chí chủ quan, mà đây thực sự là vấn đề khoa học rất nghiêm túc, là trách nhiệm thiêng liêng trước đất nước và dân tộc. Sở dĩ chúng ta kiên định con đường xã hội chủ nghĩa mặc dù biết rằng đây là sự nghiệp vô cùng gay go phức tạp và hiện thời chủ nghĩa xã hội đang lâm vào thoái trào, là vì đây là con đường phát triển hợp quy luật khách quan. Sau chủ nghĩa tư bản nhất định phải là một xã hội tốt đẹp hơn. Chế độ ấy lâu nay chúng ta vẫn gọi là chủ nghĩa cộng sản

Digitized by Google

mà giai đoạn đầu của nó là chủ nghĩa xã hội.

Loài người đã từng mơ ước đến một xã hội tốt đẹp : Đạo phật mơ ước đến cõi Niết bàn ; đạo Thiên chúa mơ ước đến chốn Thiên đàng ; người Pháp có lúc mơ ước đến chủ nghĩa xã hội kiểu Phu-ri-ê, Xanh Xi-mông.... Nhưng đó chỉ là ước mơ, chỉ dựa trên tình cảm, cho nên không thể nào thực hiện được. Chỉ đến chủ nghĩa Mác mới vạch ra được cơ sở khoa học, quy luật khách quan của sự phát triển xã hội, để đi tới chủ nghĩa xã hội khoa học - một chế độ xã hội xây dựng trên cơ sở giải phóng triệt để giai cấp cần lao, giải phóng triệt để xã hội và con người.

Thực tế hơn 70 năm qua, mặc dù có những khiếm khuyết, sai lầm chủ quan, chủ nghĩa xã hội hiện thực ở Liên xô và Đông Âu vẫn thể hiện rõ sức sống và tính ưu việt từ trong bản chất của nó. Đó là việc xây dựng quan hệ tốt đẹp giữa con người với con người, chăm lo con người, tạo ra sức mạnh cộng đồng đánh thắng chủ nghĩa phát xít, vươn lên xây dựng đất nước ngày càng công bằng, giàu mạnh. Bây giờ nhiều người ở các nước thuộc Đông Âu và Liên xô (cũ) đang ngậm ngùi nuối tiếc thời kỳ tốt đẹp đó. Và có lẽ đó cũng là lý do giải thích vì sao gần đây các lực lượng cộng sản và cánh tả ở những nước này giành lại sự tín nhiệm trong các cuộc bầu cử.

Ở nước ta, ngay khi mới ra đời, trong *Chính cương vắn tắt*, Đảng ta nói rõ chủ trương "làm tư sản dân quyền cách mạng và thổ địa cách mạng để đi tới xã hội cộng sản". *Cương lĩnh chính trị năm 1930* khẳng định : "tiến hành cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân do giai cấp công nhân lãnh đạo, tiến lên chủ nghĩa xã hội, bỏ qua giai đoạn tư bản chủ nghĩa". Có thể nói, độc lập dân tộc gắn với chủ nghĩa xã hội được đặt ra ngay từ đầu và nhanh chóng trở thành sợi chỉ đỏ trong đường lối của Đảng ta, là quy luật của cách mạng Việt nam. *Cương lĩnh năm 1991* một lần nữa rút ra kết luận : "Nắm vững ngọn cờ độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội là bài học xuyên suốt quá trình cách mạng nước ta. Độc lập dân tộc là điều kiện tiên quyết để thực hiện chủ nghĩa xã hội, và chủ nghĩa xã hội là cơ sở bảo đảm vững chắc cho độc lập dân tộc". Không gắn độc lập dân tộc với mục tiêu chủ nghĩa xã hội thì không huy động được lực lượng to lớn nhất trong dân tộc là các giai cấp, các tầng lớp nhân dân lao động ngay trong quá trình đấu tranh vì độc lập dân tộc. Ngược lại, có độc lập dân tộc rồi mà không định hướng đi lên chủ nghĩa xã hội lại đi con đường khác là vong ân bội nghĩa với lớp lớp người đã chiến đấu hy sinh vì lý tưởng này, là trao thành quả cách mạng vào tay lực lượng khác có lợi ích đối lập với nhân dân, và điều quan trọng nhất là độc lập dân tộc cũng không thể được bảo đảm. Đối với chúng ta, độc lập dân tộc thực sự phải là độc lập cả về chính trị, kinh tế, văn hóa, đối ngoại ; phải xóa bỏ mọi sự áp bức, bóc lột. Độc lập dân tộc gắn liền với tự do, bình đẳng, công bằng, không có sự can thiệp, nô dịch của bên ngoài. Mà những điều đó thì chỉ có chủ nghĩa xã hội mới giải quyết được. Chỉ có chủ nghĩa xã hội mới có khả năng xóa bỏ tận gốc rễ tình trạng người bóc lột người. Chủ nghĩa xã hội là *giải phóng* và *phát triển; giải phóng để phát triển* ; và *phát triển để giải phóng triệt để hơn.*

VÌ SAO KHÔNG ĐI CON ĐƯỜNG TƯ BẢN CHỦ NGHĨA ?

Trước hết, phải thừa nhận rằng chủ nghĩa tư bản là một giai đoạn phát triển kỳ diệu, là thành tựu của văn minh nhân loại. Ở một xứ nghèo như nước ta, ai có dịp đi các nước tư bản về cũng đều trầm trồ thán phục sự phát triển lực lượng sản xuất, trình độ văn minh, kỹ thuật hiện đại của tư bản. Chủ nghĩa tư bản vẫn đang có không ít những cám dỗ và sự hấp dẫn bề ngoài của nó. Nhưng chúng ta không chọn chủ nghĩa tư bản là mục tiêu phấn đấu của chúng ta, là vì ba lý do sau đây :

Thứ nhất : Thời đại ngày nay không phải là thời đại của chủ nghĩa tư bản, càng không phải là "thời đại quá độ từ chủ nghĩa xã hội

Digitized by Google

sang chủ nghĩa tư bản" như có người giễu cợt, mà là thời đại quá độ từ chủ nghĩa tư bản lên chủ nghĩa xã hội trên phạm vi toàn thế giới. Theo quy luật phát triển của xã hội, chủ nghĩa tư bản không thể không bị phủ định. Đó là xu thế khách quan, là dòng chảy của lịch sử. Nếu dừng lại có nghĩa là thụt lùi. Không lẽ bây giờ chúng ta lại quay về xây dựng chủ nghĩa tư bản hoang sơ, cũng dồn dân cướp đất, tước đoạt hàng loạt để tích lũy nguyên thủy như chủ nghĩa tư bản đã từng làm ? Thời đại ngày nay không cho phép làm như vậy. Vả chăng, thời kỳ này chính chủ nghĩa tư bản đang tạo ra những tiền đề vật chất kỹ thuật để chuyển sang thời đại của chủ nghĩa xã hội. Không nên vin vào chuyện chế độ xã hội chủ nghĩa ở Liên xô và Đông Âu sụp đổ để nói rằng thời đại ngày nay không phải là thời đại quá độ lên chủ nghĩa xã hội. Thất bại của chủ nghĩa xã hội vừa qua chỉ là tạm thời, dù đó là thất bại rất đau đớn.

Thứ hai : Không nhất thiết, không cần thiết sự phát triển nào cũng phải diễn ra tuần tự, cũng phải theo "quá trình lịch sử tự nhiên" như có người đang nhấn mạnh giản đơn một chiều ý này của Mác. Mác nói là trên tổng thể, là quy luật cơ bản chung nhất; Mác cũng không ngoại trừ những trường hợp cách mạng có bước phát triển đột biến, nhảy vọt.

Có ý kiến cho rằng Cách mạng Tháng Mười Nga là đẻ non, là duy ý chí, trái quy luật ; rằng Nga đi lên chủ nghĩa xã hội là sai lầm vì sức sản xuất còn yếu, và đây là nguyên nhân làm cho Liên xô thất bại. Điều này cũng không đúng. Lê-nin đã từng bác bỏ cách suy nghĩ và lập luận này. Lê-nin nói : các anh đọc ở đâu luận điểm đó ? Tại sao lại cứ phải chờ cho lực lượng sản xuất phát triển ? Tại sao không giành lấy chính quyền rồi dùng chính quyền tiên tiến mà tạo ra sức sản xuất mới ? Ngay Mác và Ăng-ghen cũng có lúc nói rằng có thể nổ ra cuộc cách mạng nông dân ở Nga kết hợp với phong trào cách mạng ở phương Tây.

Hiện nay đúng là sức sản xuất của nước ta đang yếu kém, yếu kém rất nhiều so với các nước tư bản phát triển, nhưng chúng ta có chính quyền tiên tiến, có đảng cộng sản lãnh đạo, lại đang ở vào thời đại quá độ lên chủ nghĩa xã hội, hà cớ gì ta phải dừng lại ở chủ nghĩa tư bản. Biết rằng đây sẽ là sự nghiệp khó khăn gấp bội đối với một nước đi lên từ một nền nông nghiệp lạc hậu, kinh tế kỹ thuật chậm phát triển, nhưng chúng ta có điều kiện để bỏ qua. *Bỏ qua chế độ tư bản bóc lột chứ không phải bỏ qua việc phát triển sức sản xuất*. Chúng ta đã có các tiền đề bên trong về chính trị, kinh tế, văn hóa, lại có các điều kiện bên ngoài là thời đại phát triển, cách mạng khoa học công nghệ tiến rất nhanh, thế giới đang đi vào xu hướng đa phương hóa, quốc tế hóa ; nhiều bạn bè sẵn sàng chia sẻ, giúp đỡ chúng ta.

Chúng ta phải tận dụng mọi thời cơ, tìm mọi cách để phát triển lực lượng sản xuất như hiện nay ta đang làm, kể cả việc học chủ nghĩa tư bản, sử dụng các hình thức của chủ nghĩa tư bản, kế thừa các thành tựu của chủ nghĩa tư bản, thậm chí dùng cả chủ nghĩa tư bản để xây dựng lực lượng sản xuất cho chủ nghĩa xã hội. Nhưng chúng ta không theo chế độ tư bản chủ nghĩa, không phát triển lực lượng sản xuất với bất cứ giá nào, không thể để cho tư bản bóc lột tàn tệ công nhân, đánh đập, hành hạ người lao động. Trái lại, phải chăm lo cho người lao động, bảo vệ người lao động, cố gắng hạn chế bóc lột và thực hiện từng bước công bằng xã hội. Ngay ở giai đoạn đầu này, ngay trong quá trình tạo ra lực lượng sản xuất đã phải chú ý bảo đảm công bằng xã hội, chăm lo cho cuộc sống của người lao động. Đó là cái khác xa với chế độ tư bản.

Thứ ba : Thực tế vừa qua chủ nghĩa tư bản tuy có điều chỉnh, có tận dụng được những thành tựu mới của cách mạng khoa học và công nghệ để thích nghi, để điều hòa mâu thuẫn, vươn lên khá hơn, nhưng về căn bản, nó không thể giải quyết được mâu thuẫn nội tại, mâu thuẫn cố hữu từ trong bản chất của nó. Đó là mâu thuẫn giữa sự xã hội hóa sản xuất ngày càng rộng (đến mức đa quốc

Digitized by Google

gia, siêu quốc gia, khu vực hóa, quốc tế hóa) với sự chiếm hữu tư nhân về tư liệu sản xuất ngày càng sâu (tập trung vào trong tay một số ít nhà tư bản kếch sù). Thậm chí những mâu thuẫn của chủ nghĩa tư bản gay gắt hơn trước rất nhiều. Tình trạng cạnh tranh, cá lớn nuốt cá bé, phân hóa giàu nghèo... càng ngày càng quyết liệt ; xã hội đầy rẫy những tệ nạn tiêu cực, bất công, đạo đức băng hoại.

Chính tại nước Mỹ - một nước tự xưng là giàu có nhất và văn minh nhất thế giới - lại là nơi có nhiều tệ nạn xã hội nhất. Theo một tài liệu của Mỹ mới công bố : 20% dân số là người giàu chiếm 85% tài sản của xã hội ; 80% dân số là người nghèo chia nhau 15% tài sản còn lại. 35 triệu người sống dưới mức nghèo khổ. Hơn 6 triệu người thất nghiệp. Tình trạng bạo lực, cướp bóc, bắt cóc trẻ em, lối sống sa đọa, loạn luân liên tục xảy ra. Cả nước Mỹ có 200 triệu khẩu súng trong dân ; mỗi ngày có gần 10 vạn học sinh mang súng tới trường học ; cô giáo cho điểm xấu bị học sinh dọa giết. Cứ 5 người thì có 1 con không biết bố ; 80% số cuộc hôn nhân đưa tới ly hôn...

Ở Nhật bản, một nước kinh tế phát triển nhanh đến mức "thần kỳ", nhưng mấy năm nay tốc độ chững lại, thậm chí suy thoái. Năm 1993 tốc độ tăng GDP là -0,5%. Năm 1995 nhích lên, cũng chỉ đạt 0,5%. Với chính sách "rỗng ruột nền kinh tế", chạy đua cạnh tranh, hàng nghìn xí nghiệp nhỏ bị phá sản, hàng trăm giám đốc tự sát, hàng chục nghìn công nhân bị sa thải, hàng nghìn người chết tại chỗ do làm việc quá sức. Chính trị thì không ổn định : 3 năm thay 4 đời thủ tướng. Trong bài Diễn văn đọc trước Quốc hội Nhật ngày 22-1-1996, Thủ tướng mới của Nhật, ông Ha-si-mô-tô thừa nhận rằng "Tình hình kinh tế Nhật hiện nay rất u ám" (theo đài RFI, BBC ngày 22-1-1996).

Còn một số nước công nghiệp hóa mới (NICs), mấy "con rồng" châu Á thì sao ? Hai tác giả Oan-đơn Be-lô và Xtê-pha-ni Rô-den-phen ở Viện nghiên cứu chính sách lương thực và phát triển Xan Phran-xi-cô (Mỹ) trong cuốn sách mới xuất bản dày 426 trang với tiêu đề "*Các con rồng trong tình thế hiểm nguy - những nền kinh tế kỳ diệu của châu Á đi vào khủng hoảng*", đã cho biết : "Mô hình phát triển của Hàn quốc đang rệu rã", "Đài loan đang gặp rắc rối", "Xin-ga-po đang dao động". Nếu các nước này không tiến hành cải cách, thay đổi chiến lược thì rất có thể bị ném trở lại thế giới thứ ba. Báo chí còn cho biết : Ở Hàn quốc mới đây phanh phui ra bao nhiêu chuyện bê bối xã hội ; mấy đời tổng thống vào tù ; cảnh sát ngoài đường nhan nhản...

Trên phạm vi toàn thế giới, do sự bất bình đẳng về sở hữu và phân phối của cải, sự chênh lệch giàu nghèo ngày càng doãng ra. 20% nước giàu nhất chiếm 82,7% thu nhập của thế giới ; 20% nước nghèo nhất chỉ được 1,4% thu nhập. Hiện nay có khoảng 1,3 tỉ người sống trong cảnh nghèo khổ tuyệt đối ; 1,5 tỉ người không được chăm sóc y tế cơ bản. Nhiều nước châu Phi phải đối mặt với nạn đói khủng khiếp, nợ nần chồng chất và không lồ. Ngay trong số gần 200 nước tư bản cũng chỉ có vài chục nước có trình độ phát triển cao. 37 000 công ty đa quốc gia và 170 000 chi nhánh trải rộng khắp các lục địa chi phối thế giới và ngày càng giàu lên nhờ bóc lột các nước chậm phát triển. Đến như cố Tổng thống Pháp Phrăng-xoa Mit-tơ-răng cũng phải thừa nhận rằng : kinh tế thị trường tự do không thể giải quyết được vấn đề xã hội. (Phát biểu tại Hội nghị các nguyên thủ quốc gia họp ở thủ đô Đan mạch Cô-pen-ha-ghen tháng 3-1995 bàn về vấn đề xã hội).

Rõ ràng, chủ nghĩa tư bản không phải chỉ toàn là tốt đẹp như có người ca ngợi, không phải là xu thế phát triển của thời đại, và do đó nó không phải là mẫu mực để chúng ta noi theo.

VẬY CÓ CÒN CON ĐƯỜNG NÀO KHÁC KHÔNG ?

Câu trả lời là : *Không !* Không có con đường nào khác ! Hoặc là chủ nghĩa xã hội, hoặc là chủ nghĩa tư bản. Không có con đường thứ ba. Từ chối con đường xã hội chủ nghĩa có nghĩa là chuyển sang con đường

Digitized by Google

tư bản chủ nghĩa. Cũng có ý kiến cho rằng, sao không lấy *cái hay* của chủ nghĩa tư bản cộng với *cái hay* của chủ nghĩa xã hội để thành ra con đường thứ ba ? Mới nghe có vẻ hợp lý, có vẻ hấp dẫn, nhưng thực ra nói như vậy cũng là ngụy biện để bênh vực chủ nghĩa tư bản, khuyến khích đi con đường tư bản chủ nghĩa một cách trá hình mà thôi. Chứ còn đã đi con đường xã hội chủ nghĩa thì đương nhiên là phải kế thừa và phát triển các thành tựu của chủ nghĩa tư bản rồi ; chủ nghĩa xã hội ra đời trên cơ sở phát triển của văn minh nhân loại, hay nói như Mác, chủ nghĩa xã hội "thoát thai ra từ chủ nghĩa tư bản".

Lại có người hỏi, vì sao không đi con đường xã hội dân chủ ? Hiện nay có một số đảng đã chuyển sang lập trường xã hội dân chủ, một số nước theo xu hướng xã hội dân chủ, cũng có cái hay đấy chứ ? Bản chất của các đảng xã hội dân chủ chúng ta đã từng biết : vừa có mặt tích cực vừa có mặt tiêu cực. Gần đây một số nước xã hội dân chủ tuy có điều chỉnh chính sách xã hội, có chú ý nhiều hơn đến đời sống người lao động, có xoa dịu được mâu thuẫn xã hội, nhưng tất cả chỉ là nhằm củng cố, che chắn, bảo vệ chế độ tư bản. Những cải cách đó thực chất vẫn là cải lương, vẫn nằm trong khuôn khổ chủ nghĩa tư bản, chưa đụng chạm gì đến nền tảng của chủ nghĩa tư bản. Mâu thuẫn cơ bản của xã hội chưa được giải quyết. Mô hình xã hội dân chủ vẫn dựa trên cơ sở chế độ sở hữu tư nhân tư bản chủ nghĩa, cơ chế thị trường tự do và đa nguyên chính trị. Quyền thống trị vẫn nằm trong tay giai cấp tư sản, và giai cấp tư sản vẫn thẳng tay bóc lột giá trị thặng dư, để phục vụ cho lợi ích của thiểu số giai cấp mình.

Tóm lại, sự lựa chọn của chúng ta là chủ nghĩa xã hội chứ không có sự lựa chọn nào khác. Và sự lựa chọn đó là đúng đắn, khoa học, hợp quy luật. Lịch sử đã giải quyết vấn đề lựa chọn này từ những năm 20 của thế kỷ này. Bây giờ có chăng chỉ là nhắc lại, khẳng định lại một cách có căn cứ hơn, với những nhận thức mới hơn, sâu hơn. Hồi đó, qua lăn lộn trong đấu tranh cách mạng, từ tổng kết thực tiễn, Bác Hồ đã rút ra kết luận : *"Muốn cứu nước và giải phóng dân tộc không có con đường nào khác con đường cách mạng vô sản" ; "chỉ có chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa cộng sản mới giải phóng được các dân tộc bị áp bức và giai cấp công nhân toàn thế giới"*. Chủ nghĩa Mác - Lê-nin đã giúp Bác tìm ra con đường đó. Điều đó giải thích vì sao khi Bác Hồ bắt gặp chủ nghĩa Lê-nin Người lại vui sướng và xúc động đến thế, chẳng khác nào người đi đường đang khát mà được nước uống ; và Bác coi chủ nghĩa Mác - Lê-nin là "cái cẩm nang thần kỳ", là "cái la bàn", là "trí khôn" của Đảng ta. Những người xuyên tạc chủ nghĩa xã hội, xuyên tạc tư tưởng Hồ Chí Minh và chủ nghĩa Mác - Lê-nin đang cố tình quên đi điều đó.

Đương nhiên, vấn đề không phải chỉ là lựa chọn mục tiêu lý tưởng, cũng không phải chỉ là ý chí kiên định mục tiêu lý tưởng, mà điều quan trọng hơn là phải biết tính toán, tìm ra giải pháp, bước đi, cách làm thật sự khoa học, khôn ngoan, sáng tạo, nhằm thực hiện cho bằng được mục tiêu, lý tưởng đã xác định. Chủ nghĩa xã hội chúng ta lựa chọn cũng không phải là thứ chủ nghĩa xã hội bị hiểu sai và làm sai như trước đây, mà là chủ nghĩa xã hội đích thực, chủ nghĩa xã hội đổi mới đúng đắn. Hiện nay chúng ta đã có định hướng cơ bản, giải pháp cơ bản để đi lên chủ nghĩa xã hội. Đó là 6 đặc trưng cơ bản và 7 phương hướng lớn nêu trong Cương lĩnh ; là một loạt các nghị quyết của Trung ương và Bộ chính trị ; là Hiến pháp, pháp luật, nhiều chủ trương chính sách lớn của Nhà nước ta. Nhưng chúng ta còn thiếu nhiều hình thức, bước đi, cách làm cụ thể, nhất là về phát triển kinh tế quốc doanh, đổi mới hợp tác xã, các hình thức chủ nghĩa tư bản nhà nước, công ty cổ phần, tăng trưởng kinh tế nhưng bảo đảm tiến bộ và công bằng xã hội, nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa, dân chủ trong điều kiện kinh tế thị trường, một đảng lãnh đạo,... Trách nhiệm đặt ra cho chúng ta là phải làm sao nhanh chóng tìm ra câu trả lời cho các vấn đề cụ thể đó ⌟

Digitized by Google

ĐỊNH HƯỚNG XÃ HỘI CHỦ NGHĨA Ở NƯỚC TA : *ĐÚNG HAY CHỆCH ?*

KHỔNG DOÃN HỢI *

TRƯỚC đây, sau mấy năm khôi phục kinh tế và thực hiện cải tạo xã hội chủ nghĩa, công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội trên đất nước ta, có thể nói đã xuất phát từ một quan niệm giản đơn, duy ý chí về chủ nghĩa xã hội. Chúng ta tưởng rằng có thể thực hiện được ngay *mọi đặc trưng* của chủ nghĩa xã hội sau khi tiến hành quốc hữu hóa, công hữu hóa những tư liệu sản xuất cơ bản, mà không cần biết nền sản xuất xã hội hóa ấy thực tế như thế nào.

Dần dần từ thực tiễn khủng hoảng và trì trệ về kinh tế, chúng ta mới hay rằng : không thể thực hiện được ngay mọi đặc trưng của chủ nghĩa xã hội trên cơ sở một nền sản xuất xã hội hóa theo kiểu hình thức, một nền sản xuất gọi là "xã hội hóa" nhưng trình độ lực lượng sản xuất rất thấp, còn xa mới đạt tới chỗ xã hội hóa được coi như một tất yếu kinh tế. Mức độ thực hiện những đặc trưng của chủ nghĩa xã hội không thể áp đặt theo ý muốn chủ quan mà phải căn cứ vào trình độ thực tế của lực lượng sản xuất và năng suất lao động trong từng thời kỳ lịch sử cụ thể. Nghĩa là : chỉ có thể thực hiện *từng bước* những đặc trưng của chủ nghĩa xã hội. Định hướng xã hội chủ nghĩa chính là như vậy.

Với ý nghĩa trên, định hướng xã hội chủ nghĩa chính là sự quay trở về với luận điểm sau của Lê-nin : "...danh từ nước cộng hòa xô viết xã hội chủ nghĩa có nghĩa là chính quyền xô viết quyết tâm thực hiện bước chuyển lên chủ nghĩa xã hội, chứ hoàn toàn không có nghĩa là đã thừa nhận chế độ kinh tế mới là chế độ xã hội chủ nghĩa" (1).

Bởi vậy, *quá trình định hướng xã hội chủ nghĩa trên đất nước ta là quá trình xây dựng cơ sở vật chất - kỹ thuật của chủ nghĩa xã hội - cốt lõi của quá trình xã hội hóa sản xuất trong thực tế.* Đây là điều kiện tối cần thiết, thiếu nó chủ nghĩa xã hội sẽ chỉ là không tưởng.

Để có được nền móng của chủ nghĩa xã hội, chúng ta chỉ có thể rút ngắn *cái phải trải qua* theo quy luật lịch sử tự nhiên, chứ không thể bỏ qua cái phải trải qua.

Cái phải trải qua ấy là gì ? Là phát triển mạnh lực lượng sản xuất, là xã hội hóa sản xuất trong thực tế thông qua các quá trình chuyển hóa từ nền kinh tế nông nghiệp sang nền kinh tế công nghiệp ; từ mô hình nông thôn sang mô hình thành thị ; từ tổ chức cộng đồng xóm làng sang cộng đồng dân tộc, quốc tế. Chính giai cấp tư sản lẽ ra phải hoàn thành các quá trình này và xã hội hóa nền sản xuất xã hội đến mức chủ nghĩa tư bản phải trở thành hiện thực. Cũng vì vậy, *quá trình định hướng xã hội chủ nghĩa ở nước ta tất yếu phải là một quá trình đan xen giữa những nhiệm vụ trực tiếp và gián tiếp xây dựng chủ nghĩa xã hội, là quá trình còn nhiều mâu thuẫn, nghịch lý, bất công mà tạm thời phải chấp nhận, và cuộc vận động của lịch sử chủ nghĩa xã hội trên thực tế sẽ xóa bỏ dần những mâu thuẫn, nghịch lý, bất công ấy.*

---

* Chuyên viên cao cấp, Viện nghiên cứu chủ nghĩa Mác - Lê-nin và tư tưởng Hồ Chí Minh

(1) V.I. Lê-nin : *Toàn tập*, Nxb Tiến bộ, Mát-xcơ-va, 1977, t.36, tr.362

Digitized by Google

Sự định hướng xã hội chủ nghĩa còn chứa đựng một vấn đề cơ bản không thể né tránh. Đó là thời kỳ "ai thắng ai". Cho nên, không phải chỉ có khả năng đi đúng hướng, mà còn có khả năng chệch hướng. Chệch hướng là một nguy cơ có thật. Quá trình định hướng xã hội chủ nghĩa quyết không thể là sự chuyển động phẳng lặng theo một chiều mong muốn, đặc biệt khi cơ chế thị trường được coi là phương tiện khách quan để xây dựng chủ nghĩa xã hội. Nó là phương tiện để phát triển kinh tế, nhưng sự phát triển này lại tiềm ẩn nguy cơ chủ nghĩa xã hội bị hủy hoại.

Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội của Đảng đã xác định 6 đặc trưng của xã hội xã hội chủ nghĩa mà nhân dân ta xây dựng. Nói định hướng xã hội chủ nghĩa tức là nói *mục tiêu* mà chúng ta phải và sẽ đạt tới. Đó cũng là *hành lang* của sự phát triển, sự sáng tạo.

Cương lĩnh cũng vạch ra *những phương hướng cơ bản* chỉ đạo quá trình thực hiện những đặc trưng của chủ nghĩa xã hội trên đất nước ta. Những phương hướng đó vừa mang tính nguyên tắc bảo đảm không chệch hướng xã hội chủ nghĩa ; vừa quán triệt tinh thần đổi mới cho phép không lặp lại những sai lầm cũ, tinh thần từng bước thực hiện những đặc trưng của chủ nghĩa xã hội. Chẳng hạn, trong *cách mạng quan hệ sản xuất*, sự định hướng xã hội chủ nghĩa có nghĩa là thiết lập từng bước quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa phù hợp với sự phát triển của lực lượng sản xuất. Do đó, quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa sẽ được hình thành từ thấp đến cao, với sự đa dạng về hình thức sở hữu. Trong *quan hệ phân phối* cũng vậy : sẽ có nhiều hình thức phân phối trước khi đi tới nguyên tắc làm theo năng lực, hưởng theo lao động.

Sau *Cương lĩnh*, các hội nghị của Trung ương Đảng từ Đại hội VII đến nay đã cụ thể hóa thêm một bước sự định hướng xã hội chủ nghĩa trên các mặt của đời sống xã hội. Sau 10 năm đổi mới, đất nước ta đã ra khỏi khủng hoảng kinh tế - xã hội, đã thu được những thành tựu to lớn có ý nghĩa rất quan trọng. Đất nước ta, nhờ đó đã có thể chuyển sang một thời kỳ mới : đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

Nhận định chung về quá trình định hướng xã hội chủ nghĩa sau 10 năm đổi mới, Đảng ta khẳng định : *về cơ bản, việc hoạch định và thực hiện đường lối đổi mới những năm qua là đúng đắn, đúng định hướng xã hội chủ nghĩa.* Tuy nhiên trong quá trình thực hiện có một số khuyết điểm, lệch lạc kéo dài, dẫn đến *chệch hướng ở mức độ này hay mức độ khác, ở nơi này hay nơi khác.* Nhận định đó là sáng suốt và nghiêm túc, phản ánh tinh thần đầy trách nhiệm của Đảng ta đối với vận mệnh của dân tộc, của hàng triệu quần chúng lao động - nền tảng của chế độ ta.

Nhận định đó, *một mặt*, tiếp thêm niềm tự hào cho nhân dân ta, cổ vũ nhân dân ta phát huy tinh thần tự lực tự cường để đưa đất nước ta ra khỏi cảnh nghèo nàn lạc hậu; *mặt khác*, đòi hỏi mọi người phát huy tinh thần trách nhiệm khắc phục mọi trở ngại trên con đường đi tới một chế độ do nhân dân lao động làm chủ.

Trong thực tiễn, bên cạnh việc thừa nhận những thành tựu đáng mừng, cũng có những vấn đề cần được xem xét một cách nghiêm túc, nếu không sẽ rất có thể nảy sinh những vấn đề phức tạp - nguy cơ của sự chệch hướng xã hội chủ nghĩa. Chẳng hạn :

- Sự tăng trưởng của GDP ở nước ta vừa qua là nhanh hay chậm ? Theo tính toán, chỉ cần đưa vào nền kinh tế của ta 1 tỉ USD thôi thì mức tăng trưởng đã có thể đạt 6%. Vậy sự tăng trưởng GDP vừa qua ở ta chủ yếu do đâu ? Do đường lối chính trị hay do hoạt động kinh tế mà gốc rễ là quản lý tốt mang lại ?

- Tăng trưởng kinh tế không đều, giữa các vùng có sự chênh lệch lớn. Hà nội và TP Hồ Chí Minh có mức tăng trưởng từ 15% trở lên, các vùng khác có mức tăng trưởng thấp hơn nhiều. Thái lan có mức tăng trưởng kinh tế 7% liên tục mấy chục năm, nhưng do sự tăng trưởng không đều giữa hai vùng

Digitized by Google

trong nước mà đang đứng trước nguy cơ một nước mà chia thành hai miền "phát triển" và "lạc hậu".

- Tăng trưởng kinh tế đi đôi với sự chênh lệch về thu nhập ngày càng lớn. Kinh tế tăng trưởng, nhưng mức sống thực tế của một bộ phận người hưởng lương giảm 1/3. Gạo xuất khẩu đạt mức cao nhất, nhưng mức sống nông dân quá thấp so với công nhân và người dân ở thành thị (năm 1995, thu nhập của người dân ở đồng bằng sông Cửu long là 200 USD/năm, trong khi ở TP Hồ Chí Minh là 920 USD). Điều đáng quan tâm là sự chênh lệch về thu nhập giữa các tầng lớp trong xã hội ngày càng lớn.

- Đến nay, mức thâm hụt buôn bán tăng gấp đôi năm 1995 và lên tới 2,3 tỉ USD. Nguyên nhân là do khối lượng nhập khẩu thiết bị và hàng tiêu dùng tiếp tục gia tăng.

- Sở hữu toàn dân về đất đai trên thực tế đang bị tư nhân hóa. Diện tích đất nông nghiệp tính theo đầu người giảm 300 m^2 trong 10 năm.

- 1/3 số vốn là đầu tư vào dịch vụ. Khuynh hướng đầu tư của nước ngoài là nhằm thu hồi vốn nhanh, khai thác tài nguyên nhiều, còn kỹ thuật tiên tiến không có là bao.

- Vốn huy động trong dân đạt tỷ lệ quá thấp : 7% GDP (trong khi Thái lan : 37% ; Phi-líp-pin : 15%). Vốn đầu tư trong nước chủ yếu vẫn là vốn của nhà nước.

- "Chủ nghĩa tiêu thụ" phát triển mạnh mẽ trong giới trung, thượng lưu. Sự lệ thuộc của hệ tư tưởng vào tính thực dụng kinh tế có xu hướng ngày càng tăng.

- Tham nhũng, hối lộ, buôn lậu, tệ nạn xã hội không giảm. "Công nghiệp tình dục" phát triển đến mức báo động.

- Trong các chương trình phát triển nông nghiệp, nông thôn, công nghiệp hóa, có nhiều chỉ tiêu phản ánh không rõ những bước đi để kinh tế nhà nước và kinh tế hợp tác xã thực sự là nền tảng của nền kinh tế quốc dân.

- V.v..

Phải chăng đó là những hiện tượng lành mạnh, hay đó là những hiện tượng phát triển kinh tế thuần túy, phát triển lực lượng sản xuất phiến diện, kinh tế thị trường phiến diện ?

Chưa thể nói những hiện tượng kinh tế-xã hội trên là kết quả của những hoạt động có ý thức. Song, để sự phát triển của đất nước theo đúng hướng đã định là chủ nghĩa xã hội thì không thể không lưu ý mà chỉnh đốn lại.

Từ những hiện tượng kinh tế - xã hội không phản ánh bản chất của chủ nghĩa xã hội ấy, vấn đề đặt ra trước mắt là cần tiếp tục có sự định tính và định lượng cho sự định hướng xã hội chủ nghĩa.

Nếu sự định hướng xã hội chủ nghĩa được quan niệm là sự thực hiện trong thực tế những đặc trưng của chủ nghĩa xã hội, thì cần có sự định tính và định lượng xã hội chủ nghĩa cho từng giai đoạn cụ thể, cho từng kế hoạch. Đó là những chỉ tiêu phải được thực hiện, đồng thời đó cũng là những tiêu chuẩn cụ thể để đánh giá sự phát triển đúng hay chệch hướng. Đương nhiên, đây là công việc hết sức khó khăn, mới mẻ và chỉ có thể giải quyết thông qua công tác tổng kết thực tiễn.

Chẳng hạn, khi nói *công nghiệp hóa theo định hướng xã hội chủ nghĩa* thì cần làm rõ : định hướng xã hội chủ nghĩa là thế nào ? Trong mỗi kế hoạch 5 năm hoặc 10 năm, cần nêu ra chỉ tiêu nào phải đạt tới cho kinh tế nhà nước, kinh tế hợp tác (tỷ trọng trong thu nhập quốc dân). Nếu sự chênh lệch về thu nhập trong cộng đồng là điều không tránh khỏi thì sự định hướng xã hội chủ nghĩa đòi hỏi phải quy định khoảng cách an toàn. Có nhiều vấn đề cần có quan niệm thống nhất để chỉ đạo hành động. Chẳng hạn, trên các lĩnh vực chính trị, tư tưởng, văn hóa, định hướng xã hội chủ nghĩa là thế nào ? Đâu là mục tiêu ? Đâu là từng bước? Sự thống nhất quan niệm là điều phải có để thống nhất tư tưởng và hành động

Digitized by Google

VAI TRÒ CỦA CHÍNH TRỊ TRONG VIỆC BẢO ĐẢM ĐỊNH HƯỚNG XÃ HỘI CHỦ NGHĨA

LÊ HỮU NGHĨA *

MỘT số người phản đối con đường xã hội chủ nghĩa thường lập luận : chủ nghĩa xã hội hiện thực đã bị sụp đổ, chủ nghĩa xã hội chưa có và còn chưa rõ là gì, thì nói định hướng xã hội chủ nghĩa là định hướng vào cái không biết, cái hư vô, và như vậy là ảo tưởng ! Chúng ta không thể tán thành quan điểm đó. Bởi vì, mặc dù còn phải tiếp tục đi sâu để nhận thức chủ nghĩa xã hội, để làm sáng tỏ các phương diện khác nhau của chủ nghĩa xã hội, song như vậy không có nghĩa là chúng ta chưa hiểu gì về chủ nghĩa xã hội, về cái mà chúng ta định xây dựng. Dựa trên những tư tưởng cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lê-nin cũng như những kinh nghiệm thành công và thất bại của các nước xã hội chủ nghĩa, chúng ta đã có những nhận thức đúng đắn bước đầu về chủ nghĩa xã hội. Những đặc trưng cơ bản của chủ nghĩa xã hội ở nước đã được phản ánh trong *Cương lĩnh* của Đảng ta do Đại hội VII của Đảng thông qua. Hơn nữa, kinh nghiệm về chủ nghĩa xã hội không phải là một cái gì có sẵn, bất biến. Bằng thực tiễn xây dựng chủ nghĩa xã hội của mình, chúng ta cũng có trách nhiệm đóng góp vào kinh nghiệm đó.

Cũng có người đồng ý dùng khái niệm "định hướng xã hội chủ nghĩa", song đó là kiểu đồng ý đơn giản, nông cạn, phi-li-xtanh, như Lê-nin nói : "*một loại* đồng ý mà người ta dùng để bóp nghẹt và tầm thường hóa chân lý" (1). Không phải chỉ cần nói "định hướng xã hội chủ nghĩa" mà không có những giải pháp thực tế hữu hiệu để bảo đảm là cuộc sống tự nó sẽ đi theo định hướng đó. Không phải cứ nói "định hướng xã hội chủ nghĩa", cứ đặt tính từ "xã hội chủ nghĩa" vào sau mọi hoạt động và tổ chức thì tự khắc chúng sẽ có nội dung "xã hội chủ nghĩa" và không bị chệch hướng xã hội chủ nghĩa. Nguy cơ chệch hướng xã hội chủ nghĩa mà Hội nghị đại biểu giữa nhiệm kỳ của Đảng ta nêu ra là có thật. Hơn nữa, đó không chỉ là nguy cơ báo động, mà trên thực tế đã thể hiện ở mức độ nhất định: Hiện tượng tham nhũng đã trở thành quốc nạn; các tệ nạn xã hội (mại dâm, nghiện hút, văn hóa phẩm độc hại...) lan tràn, làm suy đồi đạo đức, xói mòn văn hóa dân tộc ; những bất công xã hội quá mức, v.v.. Trong các lĩnh vực kinh tế, y tế, văn hóa, giáo dục, đào tạo, đều có những biểu hiện chệch hướng xã hội chủ nghĩa. Ví dụ : có quan điểm muốn phủ nhận vai trò kinh tế quốc doanh, muốn tư nhân hóa kinh tế quốc doanh ; với chế độ viện phí như hiện nay, người nghèo bị bệnh sẽ rất khó khăn trong việc chạy chữa ; con em nhân dân lao động và nông dân nghèo hiện nay khó mà có điều kiện để học lên đại học ; do tác động của kinh tế thị trường, lối sống thực dụng, ích kỷ, vô đạo đức, chỉ biết chạy theo đồng tiền, có xu hướng tăng, v.v.. Nếu không có biện pháp hữu hiệu khắc phục và đẩy lùi những biểu hiện nêu trên thì không thể thực hiện được định hướng xã hội chủ nghĩa.

Có người coi định hướng xã hội chủ nghĩa như một cái gì lâu dài, xa xôi, còn trước mắt chưa cần nói đến định hướng xã hội chủ nghĩa vội. Theo tôi, khi nói "định hướng xã hội chủ nghĩa", chúng ta không chỉ coi chủ nghĩa xã hội đơn thuần như một lý tưởng, một mục tiêu phải hướng tới, mà còn coi nó như một phong trào hiện thực, một sự nghiệp cụ thể phải được thể hiện từng bước, từ thấp đến cao trong cuộc sống. Cũng có nghĩa ở đây chúng ta phải giải quyết mối quan hệ giữa lý tưởng và hiện thực, giữa lâu dài và trước mắt, mục tiêu và bước đi, chiến lược và sách lược. "Định hướng xã hội chủ nghĩa" sẽ chỉ là lời nói suông, trống rỗng, nếu như chúng ta không có khả năng đưa định hướng đó vào cuộc sống hằng ngày. Đề ra mục tiêu, chiến lược đúng đắn là quan

* PGS, PTS, Phó chủ nhiệm Khoa triết học, Học viện chính trị quốc gia Hồ Chí Minh

(1) V.I. Lê-nin : *Toàn tập*, Nxb Tiến bộ, Mát-xcơ-va, 1981, t 29, tr 270

Digitized by Google

trọng, nhưng nếu thiếu bước đi, sách lược thích hợp thì mục tiêu và chiến lược cũng sẽ không thể thực hiện được. Định hướng xã hội chủ nghĩa không chỉ thể hiện ở cương lĩnh, đường lối chung, mà còn phải thể hiện cả ở kế hoạch, chính sách, biện pháp. Quá trình thực hiện định hướng xã hội chủ nghĩa cũng là quá trình gắn định hướng với định hình, gắn định tính với định lượng. Quá trình đó cũng là quá trình từng bước làm tăng tính chất xã hội chủ nghĩa trong mọi lĩnh vực của đời sống xã hội.

Phát triển xã hội theo định hướng xã hội chủ nghĩa chúng ta xuất phát từ một xã hội *tiền tư bản*, chứ không phải từ một xã hội *tư bản*, và càng không phải từ một xã hội *tư bản phát triển* đi lên chủ nghĩa xã hội. Từ một xã hội *tiền tư bản*, cũng có nghĩa : về kinh tế là từ một nền sản xuất nhỏ là phổ biến ; còn về chính trị là từ chế độ dân chủ nhân dân. Đặc điểm trên đây đòi hỏi phải biết tìm ra và sử dụng các hình thức *trung gian, quá độ* (như các hình thức *tư bản nhà nước* chẳng hạn) làm những khâu chuyển tiếp để đi lên chủ nghĩa xã hội. Nếu không thì không thể thực hiện được định hướng xã hội chủ nghĩa. Tuy nhiên, vì là "trung gian", "quá độ", có sự đan xen giữa các yếu tố khác nhau, nên các hình thức đó dễ tròng trành, nghiêng ngả. Vì vậy, khi sử dụng các hình thức này, rất cần tới *sự tác động định hướng*, và chủ thể của sự định hướng này không ai khác là đảng cộng sản và nhà nước xã hội chủ nghĩa thực sự của nhân dân.

Trong điều kiện thế giới và trong nước hiện nay, *vai trò của chính trị* là *hết sức quan trọng, có ý nghĩa quyết định* trong việc bảo đảm định hướng xã hội chủ nghĩa ở nước ta.

Chính trị, như chúng ta biết, là mối quan hệ về mặt nhà nước giữa các giai cấp, các đảng phái, các dân tộc, các quốc gia. Chính trị do kinh tế quy định, là biểu hiện tập trung của kinh tế. Nhưng chính trị lại có tính độc lập tương đối, nên có thể tác động trở lại kinh tế, kìm hãm hoặc thúc đẩy kinh tế phát triển ; chính trị có thể thay đổi cơ sở kinh tế ở chừng mực nhất định. Vì vậy, không thể không ưu tiên chính trị. Lê-nin viết : "Không có một lập trường chính trị đúng thì một giai cấp nhất định nào đó, không thể nào giữ vững được sự thống trị của mình, *và do đó*, cũng không thể hoàn thành được *nhiệm vụ của mình trong lĩnh vực sản xuất*" (2).

Hiện nay, chúng ta đang phát triển nền kinh tế nhiều thành phần theo cơ chế thị trường. Các thành phần kinh tế cá thể và tư bản tư nhân (kể cả các doanh nghiệp có vốn đầu tư của nước ngoài) luôn có xu hướng tự phát phát triển tư bản chủ nghĩa. Trước đây ở nước Nga, Lê-nin đã thấy rõ xu hướng này của sản xuất hàng hóa nhỏ. Xu hướng phát triển tư bản chủ nghĩa của nền kinh tế nhiều thành phần trong điều kiện cơ chế thị trường là một xu hướng *khách quan*, chúng ta không thể vì muốn định hướng xã hội chủ nghĩa mà lại tìm cách ngăn cấm, xóa bỏ kinh tế cá thể và tư bản tư nhân như trước đây. Làm như vậy là lại rơi vào sai lầm cũ và rơi vào con đường "đại dột và tự sát", như Lê-nin từng nói. Vấn đề là ở chỗ : *phải làm sao sử dụng xu hướng phát triển tư bản chủ nghĩa để thực hiện định hướng xã hội chủ nghĩa*, làm lợi cho quốc kế dân sinh. Ở đây vai trò của chính trị có ý nghĩa quyết định. Đảng và Nhà nước hoàn toàn có thể thông qua các chủ trương, chính sách, pháp luật và các công cụ điều tiết vĩ mô (kế hoạch, tài chính, ngân hàng, giá cả...), để kiểm kê, kiểm soát, điều tiết, hướng các thành phần kinh tế ngoài quốc doanh và tập thể đi theo con đường xã hội chủ nghĩa đã định. Phải *chủ động* phát triển kinh tế tư bản chủ nghĩa, *thông qua con đường chủ nghĩa tư bản nhà nước* để đi lên chủ nghĩa xã hội.

Đối với việc phát triển kinh tế nhà nước và kinh tế hợp tác, vai trò của chính trị cũng có ý nghĩa quyết định. Có thể coi các thành phần kinh tế này là những yếu tố bảo đảm định hướng xã hội chủ nghĩa trong lĩnh vực kinh tế. Vì vậy, về quan điểm chính trị, phải khẳng định lại vai trò *chủ đạo* của kinh tế nhà nước, vai trò *nền tảng* của kinh tế nhà nước và kinh tế hợp tác. Còn trên thực tế, phải thông qua chính sách, cơ chế, luật pháp của nhà nước để giúp cho các thành phần này đóng được vai trò của mình đối với nền kinh tế quốc dân, dẫn dắt các thành phần kinh tế khác đi theo quỹ đạo xã hội chủ nghĩa.

Hiện nay đang có những biểu hiện coi nhẹ kinh tế nhà nước và buông lỏng kinh tế hợp tác. Trên thực tế, do một số quy định chưa thật phù hợp của nhà nước các doanh nghiệp nhà nước còn phải chịu những thiệt thòi so với các thành phần kinh tế cá thể, tư nhân. Vì

(2) V.I. Lê-nin : *Toàn tập*. Nxb Tiến bộ, Mát-xcơ-va, 1979, t 42, tr 350

Digitized by Google

vậy, để các doanh nghiệp nhà nước có thể thật sự đóng vai trò chủ đạo và kinh doanh có hiệu quả, nhà nước cần tiếp tục đổi mới cơ chế, chính sách (nhất là chính sách vốn, phân chia lợi nhuận, phúc lợi xí nghiệp, chế độ đối với giám đốc...). Để tăng thêm động lực cho các doanh nghiệp nhà nước, cần tiếp tục thực hiện cổ phần hóa, phân định rõ chức năng quản lý nhà nước và quản lý sản xuất kinh doanh.

Nhà nước cần thực hiện tốt chức năng quản lý kinh tế và quản lý xã hội. Phải làm lành mạnh hóa các quan hệ xã hội, tạo môi trường chính trị - xã hội thuận lợi cho định hướng xã hội chủ nghĩa. Cần có những biện pháp hữu hiệu để giữ vững an ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội ; có những biện pháp kiên quyết, mạnh mẽ hơn trong việc đấu tranh chống tham nhũng, buôn lậu và các tệ nạn xã hội khác. Đảng và Nhà nước cần tăng cường cuộc đấu tranh tư tưởng - lý luận để phê phán các luận điệu thù địch, các quan điểm lệch lạc, sai trái. Để giữ định hướng xã hội chủ nghĩa về mặt tư tưởng, cần phải kiên định chủ nghĩa Mác - Lê-nin và tư tưởng Hồ Chí Minh, kiên định đường lối đổi mới của Đảng.

Phải *giữ vững và đổi mới sự lãnh đạo của Đảng*, không chấp nhận đa nguyên chính trị và đa đảng đối lập. Cùng với đường lối, quan điểm và chính sách, sự lãnh đạo của Đảng đối với toàn xã hội và đối với hệ thống chính trị là *điều kiện tiên quyết* bảo đảm cho toàn xã hội phát triển theo đúng định hướng xã hội chủ nghĩa. Phải khẳng định quan điểm của Bác Hồ : Đảng ta là *đảng cầm quyền* ; phải tiếp tục đổi mới và chỉnh đốn Đảng, coi xây dựng Đảng là *then chốt*, ngăn chặn nguy cơ Đảng bị tha hóa và biến thành một thứ đảng xã hội - dân chủ. Cần tiếp tục nghiên cứu để làm sáng tỏ lý luận về chủ nghĩa xã hội, về định hướng xã hội chủ nghĩa trong điều kiện kinh tế thị trường, về xu hướng và quan hệ của các thành phần kinh tế, về sở hữu, về đổi mới hệ thống chính trị và ổn định chính trị, về mối quan hệ giữa Đảng và Nhà nước, v.v..

Để bảo đảm định hướng xã hội chủ nghĩa, cần coi trọng công tác đào tạo và tổ chức cán bộ. Phải quán triệt hơn quan điểm giai cấp trong giáo dục đào tạo và tổ chức cán bộ ; thực hiện "chiến lược trồng người" của Bác Hồ ; đào tạo nhân tài cho đất nước, những người thật sự trung thành với độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội. Có chính sách để người lao động chân chính được bảo đảm về chăm sóc sức khỏe, về hưởng thụ văn hóa tinh thần, về giáo dục ; làm sao cho con em nhân dân lao động được đi học đến bậc đại học và sau đại học. Tăng cường giáo dục về lịch sử dân tộc cho thế hệ trẻ, giáo dục lý tưởng xã hội chủ nghĩa cho thanh niên. Cần rà soát lại chương trình, giáo trình từ bậc phổ thông đến đại học, khắc phục việc coi nhẹ các bộ môn lý luận Mác - Lê-nin. Việc biên soạn giáo trình quốc gia về các bộ môn lý luận Mác - Lê-nin và tư tưởng Hồ Chí Minh cũng góp phần vào việc thực hiện định hướng xã hội chủ nghĩa về tư tưởng và chính trị.

Cần có những biện pháp hữu hiệu để hạn chế những mặt tiêu cực của kinh tế thị trường đối chọi lại định hướng xã hội chủ nghĩa. Tất nhiên, không ảo tưởng là có thể khắc phục hoàn toàn chúng được. Ở đây, vai trò của pháp luật rất quan trọng. Kiện toàn hệ thống pháp luật và bảo đảm hiệu lực của pháp luật trong cuộc sống để tạo hành lang pháp lý cho mọi hoạt động xã hội theo định hướng xã hội chủ nghĩa. Đồng thời, chú trọng và đổi mới công tác giáo dục chính trị tư tưởng và đạo đức, coi nó như một nhiệm vụ của toàn bộ hệ thống chính trị của chúng ta. Bên cạnh đó, cần quan tâm giải quyết những vấn đề bức xúc trong đời sống nhân dân (như việc làm, tình trạng bất công, phân hóa giàu nghèo, đơn từ khiếu kiện...), giải quyết kịp thời các điểm nóng để không gây thành bùng nổ xã hội, làm mất ổn định chính trị.

Trong điều kiện mở cửa với thế giới bên ngoài, cần tăng cường cảnh giác với âm mưu "diễn biến hòa bình" của bọn đế quốc và kiên quyết trấn áp những hoạt động phá hoại, gây bạo loạn, lật đổ của bọn phản động trong và ngoài nước ; chống văn hóa phẩm độc hại từ bên ngoài vào gây "ô nhiễm" tinh thần. Mặt khác, phải giữ gìn bản sắc văn hóa dân tộc. Bởi vì văn hóa như cố vấn Phạm Văn Đồng nói đồng nghĩa với định hướng xã hội chủ nghĩa. Văn hóa là nền tảng tinh thần của xã hội, góp phần vào việc giữ ổn định chính trị-xã hội, vào việc thực hiện định hướng xã hội chủ nghĩa. Để giữ ổn định chính trị, thực hiện định hướng xã hội chủ nghĩa còn cần nhạy bén và có chính sách đúng trong việc xử lý, các vấn đề dân tộc và tôn giáo ❑

Digitized by Google

VÌ SỰ TIẾN BỘ CỦA PHỤ NỮ VIỆT NAM

VÕ THỊ THẮNG *

PHỤ nữ Việt nam có truyền thống lịch sử vẻ vang và có những tiềm năng to lớn, là động lực quan trọng của công cuộc đổi mới và phát triển kinh tế - xã hội. Phụ nữ có 2 chức năng lao động - xã hội và gia đình hết sức nặng nề. Năng lực, trình độ, vị trí xã hội, đời sống vật chất và tinh thần của phụ nữ... có ảnh hưởng sâu sắc không chỉ đến hiện tại mà còn đến sự phát triển các thế hệ tương lai của đất nước. Vì thế, phấn đấu cho sự tiến bộ của phụ nữ ; nâng cao vai trò và vị trí của phụ nữ là một trong những nội dung quan trọng của công cuộc đổi mới và xây dựng đất nước hiện nay.

Sự tiến bộ của phụ nữ không chỉ là lợi ích riêng của phụ nữ, của gia đình, mà còn là lợi ích chung của quốc gia, của xã hội. Do đó, phấn đấu cho sự tiến bộ của phụ nữ phải được coi là trách nhiệm chung của Đảng, Nhà nước, các ngành, các cấp, các đoàn thể nhân dân, của toàn xã hội và từng gia đình.

Phấn đấu vì sự tiến bộ của phụ nữ có nghĩa là phải tạo điều kiện để phụ nữ phát huy tốt mọi tiềm năng của mình ; nâng cao vai trò, vị trí và tăng cường sự tham gia của phụ nữ trong các lĩnh vực chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội nhằm thực hiện có hiệu quả các mục tiêu : bình đẳng - phát triển - hòa bình ; dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, văn minh ; nâng cao chất lượng cuộc sống cho phụ nữ.

Để đạt được những mục tiêu có tính chiến lược nêu trên, theo tôi, chúng ta phải phấn đấu thực hiện tốt những nhiệm vụ cụ thể sau đây :

1- *Tạo việc làm, tăng thu nhập cho phụ nữ, góp phần xóa đói giảm nghèo.*

Phụ nữ nhất thiết phải được hưởng sự bình đẳng về việc làm và thu nhập, đặc biệt đối với phụ nữ bị thiệt thòi, phụ nữ *đơn thân* là chủ gia đình, phụ nữ có tuổi, *cô đơn*, phụ nữ tàn tật v.v.. Tạo cơ hội cho phụ nữ có việc làm, bảo đảm sự hòa nhập và tham gia của phụ nữ vào mọi lĩnh vực hoạt động của đời sống xã hội. Phát huy tiềm năng của phụ nữ, từng bước đáp ứng nhu cầu về tinh thần và vật chất cho phụ nữ. Xóa bỏ sự ngăn cách đối với bộ phận phụ nữ thiệt thòi.

Muốn thế phải đưa các mối quan tâm của phụ nữ vào các chương trình phát triển quốc gia ; bảo đảm sự bình đẳng trong tuyển dụng lao động nam và nữ ; xây dựng cơ chế, chính sách phù hợp, tạo điều kiện cho phụ nữ tự tạo việc làm. Tăng cường đầu tư nguồn vốn hỗ trợ cho chương trình xóa đói, giảm nghèo qua các đoàn thể quần chúng (đặc biệt là Hội phụ nữ) nhằm giúp đúng đối tượng, quản lý chặt chẽ nguồn vốn để triển khai hoạt động có hiệu quả. Phát triển chương trình tín dụng, quay vòng vốn. Có những nỗ lực đặc biệt giúp phụ nữ nông dân được bình đẳng trong sử dụng tín dụng, vật tư nông nghiệp và dịch vụ khuyến nông... Tạo điều kiện cho phụ nữ dù không có tài sản thế chấp cũng được vay vốn để sản xuất, kinh doanh, làm dịch vụ, thông qua hoạt động của "Nhóm phụ nữ tiết kiệm" từ phong trào "Phụ nữ giúp nhau làm kinh tế gia đình". Tạo cơ hội cho phụ nữ nghèo học tập nâng cao nhận thức, trình độ chuyên môn, kỹ thuật và quản lý ; củng cố và xây dựng thêm các trung tâm

* Phó chủ tịch Trung ương Hội liên hiệp phụ nữ Việt nam

Digitized by Google

hướng nghiệp, dạy nghề, các cơ sở sản xuất dịch vụ, tạo việc làm cho phụ nữ, tạo cơ hội cho họ tham gia vào các chương trình phát triển và tăng thu nhập. Nghiên cứu khả năng và nhu cầu của phụ nữ nghèo, phụ nữ bị thiệt thòi, đặc biệt là phụ nữ tàn tật để xây dựng các dự án và chương trình phù hợp, nhằm tạo điều kiện cho họ tham gia vào các chương trình tạo việc làm có thu nhập thông qua việc phân bổ nguồn lực vào các hoạt động đặc biệt cho phụ nữ.

2- *Tạo điều kiện để phụ nữ được bình đẳng trong lĩnh vực giáo dục và xóa mù chữ. Nâng cao trình độ của phụ nữ về mọi mặt.*

Trước hết, phải hoàn thành phổ cập giáo dục tiểu học, nhất là đối với trẻ em trong độ tuổi 6 đến 14. Có biện pháp khắc phục tình trạng trẻ em bỏ học, đặc biệt là trẻ em gái. Tiến hành nghiên cứu về giới để từ đó đưa nội dung này vào chương trình giáo dục ở các cấp. Đồng thời, phải đầu tư thỏa đáng cho chương trình xóa mù chữ và các hoạt động tiếp theo để hạn chế việc tái mù chữ. Thường xuyên kiểm tra các chương trình xóa mù chữ để bảo đảm tính liên tục của nó. Có chương trình xóa mù chữ cho phụ nữ dân tộc ít người, phụ nữ vùng núi, phụ nữ nông thôn, phụ nữ vùng sâu, vùng xa, vùng khó khăn... Phấn đấu đến năm 2000 thanh toán xong nạn mù chữ, trước hết là đối với phụ nữ trong độ tuổi từ 15 đến 35. Thành lập quỹ hỗ trợ tài năng nữ, đặc biệt là trong lĩnh vực khoa học kỹ thuật, khuyến khích phát triển dịch vụ phục vụ đời sống, chế biến thực phẩm nhằm giảm bớt khó khăn cho phụ nữ. Động viên phụ nữ tham gia học nghề và hoạt động khoa học kỹ thuật, ứng dụng các công nghệ mới. Có chính sách thích hợp đối với phụ nữ trong tuyển sinh, đào tạo và đào tạo lại nghề nghiệp, nhất là đối với cán bộ nữ ở cơ sở, ở những vùng sâu, vùng xa, vùng có nhiều khó khăn và đối với phụ nữ của các dân tộc thiểu số. Phấn đấu đạt chỉ tiêu về số lượng cán bộ nữ được đào tạo, bồi dưỡng là 20%.

3- *Cải thiện điều kiện chăm sóc sức khỏe của phụ nữ và trẻ em.*

Phấn đấu tăng ngân sách cho y tế và phúc lợi xã hội. Tiến hành điều tra, nghiên cứu về thực trạng sức khỏe phụ nữ để có cơ sở xây dựng chương trình vì sức khỏe phụ nữ Việt nam đến năm 2000. Tăng cường sự chỉ đạo của chính quyền các cấp, đẩy mạnh hoạt động của các đoàn thể nhân dân và tổ chức xã hội, tạo thành phong trào toàn dân chăm sóc sức khỏe. Tích cực triển khai chương trình chăm sóc sức khỏe ban đầu, có ưu tiên cho phụ nữ và trẻ em, chương trình tiêm chủng mở rộng, chương trình chống suy dinh dưỡng, loại trừ thiếu máu suy dinh dưỡng ở bà mẹ có thai và trẻ em dưới 5 tuổi. Đẩy mạnh hoạt động tuyên truyền phòng chống các bệnh lây lan qua đường sinh dục, đặc biệt là hiểm họa AIDS. Chăm lo cải thiện điều kiện lao động của phụ nữ, giảm nhẹ cường độ lao động, tạo điều kiện cho phụ nữ chăm sóc sức khỏe, nghỉ ngơi, giải trí.

Tăng cường công tác thông tin về dân số. Thực hiện giáo dục dân số với nội dung thích hợp cho từng đối tượng, trong đó có chương trình dành riêng cho trẻ em gái và nữ thanh niên. Củng cố và nâng cấp hoạt động của mạng lưới kế hoạch hóa gia đình, bảo đảm an toàn, thuận tiện và đều khắp. Đẩy mạnh đa dạng hóa các biện pháp tránh thai theo yêu cầu của người sử dụng ; giảm tỷ lệ nạo phá thai nhằm bảo đảm sức khỏe cho phụ nữ. Vận động nam giới tích cực thực hiện tốt kế hoạch hóa gia đình.

4- *Phát huy vai trò của phụ nữ, tạo điều kiện cho phụ nữ tham gia một cách bình đẳng vào các lĩnh vực phát triển kinh tế quốc dân.*

Cần quán triệt quan điểm bình đẳng về giới trong việc lập kế hoạch, đề án và ban hành các chủ trương, chính sách ở mọi cấp, mọi lĩnh vực. Tạo điều kiện cho phụ nữ được tiếp cận với thông tin, quá trình đổi mới công nghệ và quản lý cũng như thị trường và các nguồn lực, tăng cường sự tham gia vào các hoạt động phát triển trên cơ sở bình đẳng với nam giới. Cải thiện điều kiện làm việc và bảo đảm phúc lợi cho lao động nữ. Triển khai và kiểm tra giám sát việc thực hiện bộ Luật lao động, đặc biệt là chương về lao động nữ. Có biện pháp cụ thể khuyến khích phụ nữ tham gia đào tạo, đào tạo lại và hỗ trợ việc làm cho phụ nữ đã được đào tạo.

Digitized by Google

5- *Nâng cao vai trò, vị trí của phụ nữ trong việc tham gia vào bộ máy lãnh đạo, tư vấn và ra quyết định.*

Trước hết cần nâng cao nhận thức về quyền con người của phụ nữ và tầm quan trọng của việc phụ nữ được tham gia một cách đầy đủ và bình đẳng trong quá trình ra quyết định ở gia đình cũng như cộng đồng và các cấp lãnh đạo cao hơn. Đồng thời với điều đó cần bảo đảm cho phụ nữ được đào tạo nâng cao trình độ năng lực tham gia vào quá trình ra quyết định. Ở mỗi lĩnh vực, ở mỗi cấp đều tạo điều kiện thuận lợi cho phụ nữ tham gia vào quá trình ra quyết định. Tăng tỷ lệ phụ nữ tham gia vào bộ máy lãnh đạo. Phấn đấu tăng tỷ lệ phụ nữ được tín nhiệm bầu vào cơ quan dân cử các cấp. Đối với các bộ, ngành có đông nữ phấn đấu để có phụ nữ đủ tài đức tham gia vào bộ máy lãnh đạo chủ chốt. Các cơ quan, xí nghiệp có từ 30% nữ trở lên nên có giám đốc hoặc phó giám đốc là nữ.

Tăng cường giáo dục nâng cao nhận thức về quyền phụ nữ. Tiếp tục tuyên truyền và triển khai thực hiện Công ước của Liên hiệp quốc về "Xóa bỏ mọi hình thức phân biệt đối xử đối với phụ nữ" (CEDW). Tiến hành giáo dục một cách rộng rãi với nội dung mới nhằm nâng cao nhận thức về nguyên nhân sâu xa của những hành vi bạo lực đối với phụ nữ, đặc biệt đối với trẻ em gái. Kiểm tra, giám sát việc thực hiện luật pháp, chính sách có liên quan đến quyền lợi của phụ nữ và trẻ em. Bảo đảm cho phụ nữ, đặc biệt đối với phụ nữ bị thiệt thòi, phụ nữ hồi hương, phụ nữ có hoàn cảnh khó khăn, được hưởng quyền bình đẳng pháp lý và được bảo vệ như tất cả mọi công dân khác trong xã hội.

6- *Tạo điều kiện cho phụ nữ tham gia hoạt động xã hội, góp phần phòng chống các tệ nạn xã hội.*

Làm chuyển biến về nhận thức và vận động phụ nữ tích cực tham gia công tác xã hội. Thu hút các tầng lớp phụ nữ tích cực tham gia phong trào nếp sống văn minh và các hoạt động bảo vệ an ninh tổ quốc. Phổ biến sâu rộng chủ trương, chính sách của Nhà nước về cuộc vận động toàn dân tham gia phòng chống tệ nạn xã hội. Có biện pháp xử lý thích đáng đối với những kẻ tổ chức bán dâm và mua dâm. Nghiêm trị những kẻ phạm tội loạn luân, cưỡng hiếp, đặc biệt là cưỡng hiếp các trẻ em gái. Cung cấp các dịch vụ hỗ trợ và tư vấn thích hợp giải quyết các tệ nạn xã hội. Đẩy mạnh các hoạt động phối hợp trong công tác vận động cai nghiện ma túy ; giúp đỡ các gia đình có thành viên là tệ nạn xã hội kịp thời khắc phục hậu quả. Nâng cấp, mở rộng và xây dựng các trung tâm giáo dục phòng chống tệ nạn xã hội. Tổ chức dạy nghề, giới thiệu và tạo việc làm cho phụ nữ, đặc biệt là nữ thanh niên.

7- *Xây dựng gia đình no ấm, bình đẳng, tiến bộ, hạnh phúc.*

Tổ chức tuyên truyền một cách rộng rãi trên các phương tiện thông tin đại chúng quan điểm nhận thức mới về vấn đề gia đình. Đưa vấn đề gia đình thành nội dung giảng dạy trong các trường học. Trang bị những kiến thức cơ bản trong việc tổ chức cuộc sống gia đình. Các cấp chính quyền cơ sở có trách nhiệm hướng dẫn phát triển kinh tế hộ gia đình, chăm sóc và giáo dục trẻ em, xây dựng nếp sống văn hóa và mối quan hệ trách nhiệm của các thành viên trong gia đình, cải thiện điều kiện dinh dưỡng của nhân dân, vận động thực hiện kế hoạch hóa gia đình. Lên án những hành vi bạo lực trong gia đình, đặc biệt đối với phụ nữ và trẻ em gái. Chính quyền các cấp và các tổ chức đoàn thể cần có biện pháp bảo vệ, giúp đỡ, hỗ trợ các nạn nhân của tệ bạo lực gia đình và xã hội.

8- *Phát huy vai trò của phụ nữ trong việc quản lý môi trường và nguồn tự nhiên, đóng góp vào sự phát triển bền vững và cải thiện điều kiện sống.*

Về vấn đề này, cần chú ý đẩy mạnh tuyên truyền giáo dục trong nhân dân ý thức vệ sinh môi trường (xây dựng hố xí, giếng nước, buồng tắm, hố rác hợp vệ sinh). Phát triển mạnh mẽ chương trình quốc gia về cung cấp nước sạch, nhất là ở các vùng núi và đồng bằng sông Hồng, sông Cửu long. Nhà nước có kế hoạch từng bước cung ứng đầy đủ nguồn chất đốt, vận động phụ nữ tham gia quản lý và ngăn chặn nạn phá rừng. Trang bị những kiến thức cần thiết và tạo cơ hội

Digitized by Google

bình đẳng cho phụ nữ trong việc quản lý các hệ sinh thái, giúp phụ nữ có điều kiện tham gia một cách bình đẳng vào các dự án, các chương trình và chính sách phát triển bền vững về môi trường. Từng bước, Nhà nước nên có chính sách cho dân vay vốn để làm nhà, trong đó chú ý ưu tiên phụ nữ thuộc các đối tượng bị thiệt thòi, phụ nữ nghèo, phụ nữ đơn thân...

9- *Đẩy mạnh công tác thông tin tuyên truyền nhằm nâng cao nhận thức về quyền bình đẳng nam nữ và ca ngợi phẩm chất, truyền thống tốt đẹp của phụ nữ Việt nam.*

Khuyến khích và tạo điều kiện cho phụ nữ nói lên những vấn đề và mối quan tâm của họ trên các phương tiện thông tin đại chúng. Đồng thời, các phương tiện thông tin đại chúng có trách nhiệm phản ánh đúng đắn và đầy đủ vai trò và vị trí của phụ nữ trong xã hội với tư cách là thành viên tham gia một cách bình đẳng vào quá trình phát triển. Tăng cường trao đổi thông tin giữa các lĩnh vực, các địa phương trong nước, giữa các nước trong khu vực và trên phạm vi toàn cầu nhằm chia sẻ kinh nghiệm về các vấn đề có liên quan đến phụ nữ.

10- *Đảm bảo sự tham gia bình đẳng của phụ nữ vào quá trình củng cố và xây dựng nền hòa bình.*

Tăng cường giáo dục về hòa bình và ý thức bảo vệ an ninh Tổ quốc bằng các chương trình giáo dục đa dạng và thông qua các phương tiện thông tin đại chúng để nâng cao nhận thức của xã hội nói chung và của phụ nữ nói riêng về việc giữ gìn hòa bình, hạn chế xung đột, ngăn chặn bạo lực đối với phụ nữ và trẻ em. Tạo điều kiện cho phụ nữ ở mỗi cấp độ khác nhau tham gia vào các hoạt động vì hòa bình : phát biểu quan điểm, tham gia hòa giải và giải quyết xung đột, tham gia bàn và ra quyết định các chính sách về quốc phòng, an ninh... Nhà nước và các địa phương cần có biện pháp kịp thời giúp phụ nữ, trẻ em là nạn nhân của các cuộc xung đột, chiến tranh.

11- *Nâng cao năng lực của bộ máy hoạt động vì sự tiến bộ của phụ nữ Việt nam.*

Củng cố tổ chức, đưa hoạt động của Ủy ban quốc gia vì sự tiến bộ của phụ nữ Việt nam vào nền nếp và hoạt động có hiệu quả. Chỉ đạo hoạt động của mạng lưới chân rết của Ủy ban tại các bộ, ngành và địa phương. Ủy ban cần có sự phối hợp chặt chẽ với Hội liên hiệp phụ nữ Việt nam và các bộ, ngành liên quan tăng cường kiểm tra, giám sát, hướng dẫn, đôn đốc việc thực hiện luật pháp, chính sách của Nhà nước có liên quan đến quyền và lợi ích của phụ nữ và trẻ em. Tăng cường quan hệ hữu nghị, hợp tác phấn đấu vì mục tiêu bình đẳng - phát triển - hòa bình.

Hội liên hiệp phụ nữ Việt nam cần có nhiều hình thức đào tạo, huấn luyện nhằm nâng cao năng lực, trình độ và khả năng quản lý, tổ chức điều hành của cán bộ Hội phụ nữ các cấp. Đổi mới nội dung và phương thức hoạt động của Hội để đáp ứng yêu cầu của công cuộc đổi mới và nguyện vọng của quần chúng phụ nữ. Tăng cường kiểm tra, giám sát việc thực hiện luật pháp, chính sách có liên quan đến quyền lợi của phụ nữ, trẻ em để kịp thời có những biện pháp cần thiết nhằm bảo vệ quyền lợi người phụ nữ. Duy trì, mở rộng và phát triển mối quan hệ hữu nghị, hợp tác trên cơ sở đó thu hút sự quan tâm và hỗ trợ của quốc tế đối với phụ nữ trong các hoạt động phát triển.

Củng cố mạng lưới Ban nữ công Tổng liên đoàn lao động Việt nam ở các cấp. Cải tiến nội dung và phương thức hoạt động của Ban nữ công nhằm đem lại lợi ích thiết thực cho nữ công nhân viên chức, từng bước đáp ứng nguyện vọng của lao động nữ.

*
* *

Công cuộc đổi mới đã và đang tạo điều kiện phát huy cao nhất mọi tiềm năng của phụ nữ. Với sự cố gắng, nỗ lực của các bộ, ngành, đoàn thể và sự hỗ trợ của các tổ chức Liên hợp quốc, các tổ chức quốc tế, quốc gia, các tổ chức phi chính phủ, chúng ta hy vọng đến năm 2000 sẽ từng bước khắc phục được những tồn tại làm cản trở sự tiến bộ của phụ nữ Việt nam. Vai trò, vị trí của phụ nữ Việt nam chắc chắn sẽ có những tiến bộ đáng khích lệ, tạo đà cho chúng ta bước vào thế kỷ 21 với tư thế mới ❑

Digitized by Google

PHỤ NỮ NGHÈO Ở ĐÔ THỊ HIỆN NAY

NGÔ THỊ NGỌC ANH *

Sự nghiệp đổi mới của nhân dân ta đã và đang thu được những thành tựu to lớn, có ý nghĩa rất quan trọng. Riêng về mặt xã hội, có thể nói thành tựu nổi bật là đời sống của nhân dân đã được cải thiện rõ rệt. Tuy nhiên, vẫn còn một số vấn đề cần quan tâm giải quyết. Trong đó, đáng chú ý nhất là sự phân hóa giàu nghèo trong các tầng lớp dân cư. Trong những gia đình nghèo, thông thường phụ nữ là người phải gánh chịu những khó khăn, vất vả nhất. Làm rõ thực trạng, nguyên nhân và tìm những giải pháp để giúp đỡ những gia đình nghèo nói chung, gia đình phụ nữ nghèo ở đô thị nói riêng, là một công việc thiết thực, có ý nghĩa hiện nay. Với mong muốn góp phần làm sáng tỏ vấn đề này, đầu năm 1995 ban tổ chức cán bộ thuộc Trung ương Hội liên hiệp phụ nữ Việt nam đã tiến hành khảo sát tại 5 phường thuộc ba thành phố và một thị xã ở miền Bắc là : phường Tân mai, phường Nguyễn Trãi (Hà nội) ; phường Sở dầu (Hải phòng); phường Văn miếu (Nam định) ; phường Yết kiêu (thị xã Hà đông). Năm phường này tuy có đặc điểm khác nhau, thể hiện tính đa dạng của các loại phường đô thị ở nước ta, nhưng có một điểm chung là : thuộc loại phường nghèo và ở ven đô hoặc xa trung tâm của đô thị. Sau đây là một số kết quả mà chúng tôi rút ra được qua đợt khảo sát:

1- *Đặc điểm kinh tế - xã hội của người phụ nữ nghèo ở đô thị.*

+ *Về nghề nghiệp.* Nghề nghiệp xã hội của các gia đình phụ nữ nghèo đô thị nói chung rất đa dạng, bao gồm cán bộ trong các cơ quan nhà nước, những người làm nghề tự do và cả những người không nghề nghiệp (xem bảng thống kê dưới đây) :

(Đơn vị tính %)

Tên phường	Tất cả nhà nước	Hỗn hợp	Ngoài nhà nước	Không nghề
Tân mai	16	7	58	10
Nguyễn Trãi	26.7	37.6	31.9	4
Yết kiêu	25.7	38.6	38.6	
Sở dầu	20	11	58	11
Văn miếu	24.2	54.5	10.1	4.4

Với những gia đình nghèo đô thị mà người phụ nữ đóng vai trò trụ cột cho thấy: 32,9% là hưu trí, mất sức ; 27,4% làm dịch vụ buôn bán ; 18,5% nội trợ gia đình ; 10,7% là công nhân viên nhà nước ; 10,5% là lao động giản đơn (*). Một vấn đề cần lưu ý là, tất cả những phụ nữ được phỏng vấn đều chưa đến tuổi 55, tức là họ về hưu non hoặc nghỉ theo chế độ 176/CP. Như vậy, những người phụ nữ trong các gia đình nghèo hầu hết là không có việc làm hoặc làm các công việc giản đơn như bán hàng rau quả lặt vặt hoặc bán nước chè. Những người lao động giản đơn chiếm tỷ lệ rất nhỏ trong cơ cấu xã hội ở đô thị, nhưng lại chiếm tỷ lệ rất lớn trong số những người nghèo, trong khi đó số lượng công nhân viên nhà nước thì ngược lại. Vấn đề này có thể lý giải được vì khi đang làm việc trong các cơ sở của nhà nước hoặc tư nhân họ vẫn có thu nhập thường xuyên và đủ bảo đảm cuộc sống, còn số công nhân trong biên chế nhà nước bị liệt vào nhóm nghèo thường là do những cơ quan mà họ đang công tác thiếu hoặc không có việc làm. Một điểm khác đáng quan tâm là, những người phụ nữ đã về hưu non hoặc mất sức chiếm tỷ lệ cao nhất trong những gia đình nghèo được khảo sát

* Trung ương Hội liên hiệp phụ nữ Việt nam

(*) Tất cả những số liệu, bảng biểu trong bài này được trích trong cuốn *Số liệu khảo sát nhu cầu của phụ nữ nghèo thành thị* do ban tổ chức Trung ương Hội liên hiệp phụ nữ Việt nam xuất bản, tháng 3-1995

Digitized by Google

(32,9%). Phân tích nghề nghiệp trước khi về hưu của số phụ nữ này, chúng tôi thấy hầu hết các chị là công nhân. Điều đó chứng tỏ nữ công nhân về hưu non, mất sức, cuộc sống gặp rất nhiều khó khăn. Tiền trợ cấp ít, bệnh nghề nghiệp hoặc sức khỏe yếu cùng với không có khả năng tìm việc làm đã cản trở họ trong việc cải thiện cuộc sống.

+ Thu nhập và chi tiêu của gia đình phụ nữ nghèo đô thị. Kết quả khảo sát các gia đình phụ nữ nghèo ở 5 phường nêu trên cho thấy : phường Nguyễn Trãi và Yết kiêu thu nhập bình quân tính theo đầu người là 98.000 đ/tháng ; phường Tân mai : 90.000đ/ tháng ; phường Văn miếu : 67.000 đ/tháng; phường Sở dầu 66.000 đ/tháng. Nếu so sánh với kết quả khảo sát của Tổng cục thống kê và Viện xã hội học (ở Hà nội, TP Hồ Chí Minh số hộ có thu nhập bình quân tính theo đầu người 120.000 đ/tháng ; các đô thị khác 100.000 đ/tháng xếp vào loại nghèo), thì những gia đình phụ nữ nghèo, mức thu nhập bình quân còn thấp hơn nhiều. Tiền thu nhập hằng tháng được chi dùng vào nhiều việc khác nhau, trong đó chi tiêu cho tiền ăn là nhiều nhất. Tùy theo từng địa phương, mức sống, thời giá và thu nhập của mỗi gia đình mà họ chi tiêu khác nhau. Cụ thể là : phường Nguyễn Trãi tiền ăn hết 5 050 đồng/người/ngày ; phường Tân mai 4 600 đồng/người/ngày ; phường Sở dầu 3 840 đồng/người/ngày ; phường Yết kiêu 3 400 đồng/người/ngày ; phường Văn miếu 3 300 đ/người/ngày. Ngoài việc chi cho tiền ăn hằng tháng, còn phải chi nhiều khoản tiền khác như : nước, điện, nhà ở, vệ sinh, an ninh, tiền học cho con và khám chữa bệnh cho cả gia đình. Trong các khoản chi đó, có hai khoản chi lớn là tiền học cho con và tiền điện. Mức chi này ở từng địa phương cũng có khác nhau. Chẳng hạn, mức đóng tiền học cho con bình quân hằng tháng ở Hà nội là 44 500 đ, trong khi đó ở Nam định chỉ hết 14 000 đ. Một điều rất đáng quan tâm là, việc chi tiêu cho học tập của con phụ thuộc vào nghề nghiệp và mức sống của mỗi giả đình. Những gia đình mà bố mẹ đều làm ở khu vực nhà nước thì chi tiền cho con đi học cao (52 000 đ), trong khi đó những gia đình cả bố mẹ không có việc làm chỉ chi 15 000 đ. Như vậy, nếu lấy học vấn là một điều kiện cơ bản, là chìa khóa để có thể nâng cao khả năng tìm việc làm, nâng cao thu nhập, cải thiện đời sống thì đối với những gia đình nghèo không phải là dễ dàng. Chiếc vòng luẩn quẩn : nghèo đói dẫn đến thất học và thất học lại dẫn đến sự nghèo đói luôn luôn bám lấy những gia đình nghèo. Do đó, một trong những chính sách xã hội cho việc xóa đói giảm nghèo hiện nay là phải có chính sách thu tiền học thích hợp cho các gia đình nghèo, nhất là các gia đình thuộc diện chính sách xã hội.

Trong quá trình nghiên cứu về thu nhập và chi tiêu hằng tháng của phụ nữ nghèo đô thị, chúng tôi còn thấy, chỉ có 8% số gia đình bảo đảm cân đối được giữa thu và chi, số còn lại thu không đủ chi, trong đó có 59% số gia đình thu chỉ đủ chi dưới 70%. Sự thâm hụt thường xuyên này được giải quyết bằng cách đi vay (người vay ít nhất là 100 000 đ/năm ; cao nhất là 3 triệu đồng/năm). Nguồn vay được phân bổ như sau : 44,3% của bà con, họ hàng ; 29,4% là của hàng xóm, láng giềng ; 20% là bạn bè; 6,3% là các tổ chức đoàn thể. Những số liệu này cho thấy, sự giúp đỡ những gia đình phụ nữ nghèo chủ yếu vẫn do họ hàng, bạn bè, xóm giềng. Mặt khác, trong thực tế, việc vận động cộng đồng giúp đỡ người nghèo thường chỉ diễn ra ở địa phương này giúp đỡ địa phương khác mà chưa có sự vận động người địa phương giúp chính người địa phương. Do đó, cách làm này cũng hạn chế hiệu quả của việc xóa đói giảm nghèo ở đô thị.

+ Điều kiện ăn ở, sinh hoạt của các gia đình phụ nữ nghèo đô thị. Qua khảo sát có 55,1% các gia đình ở trong căn hộ 1 phòng của khu tập thể ; 14,9% gia đình sống trong các căn hộ khép kín ; 13,6% các gia đình ở trong các phòng được ngăn ra cho hai hoặc ba gia đình ; 13% là nhà tranh, tre, nứa lá

Digitized by Google

gia đình tự làm lấy ; 3,4% sống trong diện tích được cơi nới thêm của gia đình người thân. Diện tích ở của các gia đình phụ nữ nghèo ở đô thị hiện nay tính theo đầu người không đến nỗi chật chội, nhưng phân phối không đều. Có 16,1% gia đình sống trong các căn nhà dưới 10m^2 ; 25% gia đình sống trong căn phòng 10 - 15 m^2 ; 30,3% gia đình có diện tích ở 15 - 20 m^2, Diện tích bình quân đầu người ở phường Yết kiêu là 5,2m^2; Văn miếu 4,9 m^2 ; Nguyễn Trãi : 4,8 m^2 ; Sở dầu 4,5 m^2 ; Tân mai 4,2 m^2.

Điều kiện vệ sinh, môi trường của các gia đình phụ nữ nghèo không được bảo đảm. Có 66% số gia đình phải dùng nhà vệ sinh công cộng, 50% gia đình chung nhau nhà tắm. Nguồn nước dùng chủ yếu là nước giếng và nước máy công cộng (52,9% dùng nước máy công cộng và 25,5% dùng nước giếng), Chỉ có 21,6% số gia đình có nước máy vào tận nhà. Địa điểm ở của các gia đình phụ nữ nghèo tập trung chủ yếu ở các phường ven nội thành. Những phường này, cơ sở hạ tầng chưa phát triển đáp ứng với cuộc sống ở đô thị, những công trình công cộng không bảo đảm vệ sinh. Hệ thống cống thoát nước thải hằng ngày không bảo đảm, phần lớn là những cống nổi hoặc tự thấm, chảy tràn. Mỗi khi có mưa bão, lụt lội nước không tiêu kịp gây nên tình trạng ngập úng, bệnh dịch phát triển ảnh hưởng đến vệ sinh môi trường và sức khỏe của các gia đình. Hằng năm có 52,1% số gia đình có người ốm, trong đó 74,8% phải nằm viện, 39,8% phụ nữ nghèo mắc bệnh mãn tính.

Thu nhập thấp cùng với những khoản chi phí lớn trong gia đình đã phần nào phản ánh những điều kiện sinh hoạt vật chất và tinh thần hằng ngày của phụ nữ nghèo ở đô thị. Phương tiện đi lại hằng ngày của các gia đình chủ yếu bằng xe đạp nhưng trung bình còn 35,5% các gia đình không có xe đạp (riêng phường Nguyễn Trãi có tới 48%). Tính trung bình có 28% gia đình có ti vi, chủ yếu là đen trắng (Nguyễn Trãi 39,5%, Sở dầu 17,2%). Tỷ lệ gia đình có ra đi ô còn thấp (13,4%). Mặc dầu sống ở đô thị, nhưng do thiếu phương tiện nghe nhìn, nên những gia đình nghèo ít nắm được thông tin, do đó việc tiếp nhận các chế độ, chính sách cũng như hiểu biết về luật pháp còn hạn chế, gây khó khăn trong công tác quản lý, thi hành pháp luật của các cấp.

+ Trình độ văn hóa của phụ nữ nghèo ở đô thị. Trình độ văn hóa của phụ nữ nghèo ở đô thị còn tương đối thấp, nhất là ở những người ít tuổi. Qua khảo sát ở 5 phường nêu trên có 81,7% tốt nghiệp cấp II trở xuống (trong đó cấp I chiếm 31,6%) ; 16,8% tốt nghiệp cấp III và 1,5% có trình độ đại học (những người này trên 40 tuổi, đã nghỉ mất sức hoặc thiếu việc làm).

2 - Nhu cầu của phụ nữ nghèo đô thị và một số kiến nghị :

+ Nhu cầu của phụ nữ nghèo đô thị. Nhu cầu quan trọng và cơ bản nhất là tạo *việc làm* cho các thành viên trong gia đình và được vay vốn để thực hiện các dự định đó. Đây là vấn đề có ý nghĩa then chốt, chiếc chìa khóa để giảm và xóa đói nghèo ở các gia đình phụ nữ đô thị. Qua phỏng vấn về nguyên nhân dẫn đến đời sống khó khăn, có 36,8% số gia đình trả lời là do con không có việc làm ; 31,2% là việc làm và thu nhập không ổn định ; 21,1% do sức khỏe giảm sút và bệnh tật ; 16,8% do nghỉ hưu, mất việc. Khi trao đổi về những dự định nhằm cải thiện đời sống thì hầu hết đều cho rằng cần tập trung vào những công việc giản đơn, không cần kiến thức và kinh nghiệm như : chăn nuôi (37,5%) ; bán hàng lặt vặt (33,6%); làm nghề thủ công (15,6%) ; làm thuê (4,6%)... Những dự định trên muốn thực hiện được thì điều kiện đầu tiên là phải có vốn (87,4% gia đình cho đó là điều kiện quyết định). Ngoài lý do về vốn, làm thế nào để hoạt động của đồng vốn có hiệu quả là vấn đề quan trọng. Người phụ nữ nghèo thường chịu khó, cần cù, nhưng trình độ chuyên môn, kinh nghiệm sản xuất, kinh doanh còn yếu, nhất là trong nền kinh tế thị trường. Cho nên việc tổ chức phổ biến kinh

Digitized by Google

nghiệm cho họ là điều quan trọng. Phải tạo cho họ một số công việc phù hợp, không nên nhấn mạnh vào chăn nuôi, vì chăn nuôi ở đô thị trong thực trạng nhà ở và hệ thống cống rãnh của các gia đình nghèo này sẽ tạo ra nguy cơ ô nhiễm môi trường.

Đối với các gia đình quá nghèo, không có vốn để sản xuất nhưng họ lại không dám vay (hoặc không được vay) vì không có gì thế chấp. Các tổ chức, đoàn thể cần có chính sách thích hợp để giúp họ được vay vốn, nhất là các gia đình thuộc diện chính sách. Nếu không có biện pháp giúp đỡ, thì nhóm nghèo nhất này sẽ bần cùng hơn và đến một lúc nào đó nhà nước phải trợ cấp chứ không phải chỉ là cho vay.

Một điểm cần lưu ý là : tạo việc làm cho phụ nữ nghèo ở đô thị là cần thiết, quan trọng nhưng chưa cơ bản nếu như các thành viên khác trong gia đình không có việc làm. Bởi vì : *Thứ nhất*, thông thường người phụ nữ trong các gia đình nghèo sức khỏe không được tốt lắm, họ lại phải làm nhiều các công việc trong gia đình, do đó tạo thêm việc làm cho bản thân họ chính là bắt họ phải tăng thêm cường độ lao động. Điều này càng làm sức khỏe của họ bị giảm sút. *Thứ hai*, nếu chỉ tạo công việc cho một mình người phụ nữ thì chỉ có tác dụng nhất thời trước mắt để giảm cái nghèo, còn con cái họ, nếu không có việc làm thì sẽ là nguồn bổ sung vào lực lượng người nghèo sau này. Vấn đề này chính bản thân người phụ nữ nghèo khi được hỏi về nhu cầu việc làm, thì không một phụ nữ nào chỉ nêu yêu cầu việc làm của bản thân mình, mà đều đặt cả hai, thậm chí chỉ nêu nhu cầu việc làm cho con.

+ Một số kiến nghị :

Phân tầng xã hội theo mức sống là điều không tránh khỏi trong nền kinh tế thị trường. Làm thế nào để xóa đói, giảm nghèo cho khoảng 10% đến 15% (theo kết quả khảo sát) các gia đình phụ nữ nghèo ở đô thị đang là một chủ trương lớn của Đảng và Nhà nước ta. Để góp phần thực hiện chủ trương này, trong thời gian trước mắt cũng như lâu dài, chúng ta cần tiến hành đồng bộ nhiều việc, với sự tham gia của toàn xã hội.

Một là, phải tạo ra nhiều việc làm để thu hút được lao động dư thừa trong xã hội, trong đó có lao động của các gia đình phụ nữ nghèo đô thị. Những lao động trong các gia đình nghèo thường là lao động chân tay, giản đơn, nên muốn sử dụng tốt số lao động này cần phải đào tạo. Để đào tạo họ không thể áp dụng hình thức kinh doanh như các trung tâm dạy nghề, mà phải có các mô hình tổ chức phù hợp với khả năng chi trả của họ.

Hai là, tích cực vận động toàn xã hội tham gia vào công việc xóa đói giảm nghèo. Phát triển các hình thức giúp đỡ lẫn nhau, không chỉ dừng lại việc địa phương này giúp đỡ địa phương khác khi có các lý do đột xuất như lũ lụt, dịch bệnh... mà cần tạo ra các cuộc vận động thường xuyên của chính người địa phương giúp đỡ người địa phương. Các chủ trương, chính sách cần lưu ý đến đặc điểm cơ bản của người nghèo, không nên đặt ra những điều kiện bắt người nghèo phải bỏ ra một lúc quá nhiều tiền để học nghề, hành nghề.

Ba là, cần tuyên truyền, giải thích sâu rộng đến các tầng lớp nhân dân (đặc biệt trong các gia đình nghèo) hiểu rõ về vấn đề thế nào là có việc làm. Không nên bó hẹp tư tưởng : làm việc tại các cơ quan nhà nước mới gọi là có việc làm.

Bốn là, cần tạo điều kiện cho các hộ nghèo được vay vốn sản xuất, thời gian cho vay nên tương đối dài, vì nếu ngắn quá họ chưa đủ khả năng tạo vốn tự có để tiếp tục sản xuất. Cùng với việc cho vay vốn phải phổ biến kiến thức cho họ để họ áp dụng vào sản xuất đạt hiệu quả kinh tế cao.

Năm là, phải tạo điều kiện cho con em họ được học tập. Để con em gia đình nghèo có khả năng kinh phí theo học, nên có chính sách tổng thể về tiền học phí của Nhà nước chứ không phải đợi vào sự hảo tâm của các tổ chức từ thiện ❑

Digitized by Google

Nhận thức đầy đủ hơn về gia đình - tế bào của xã hội

PHAN THANH KHÔI *

COI gia đình là tế bào của xã hội là quan điểm đã hình thành *từ lâu*. Rõ nhất được thể hiện trong những tác phẩm nghiên cứu có tính chất khoa học về lịch sử xã hội của nhà nhân chủng học Mỹ L. H. Mooc-gan (1818 - 1881). Sau này, chính Ph. Ăng-ghen đã tán đồng và phát triển quan điểm đó trong tác phẩm nổi tiếng của mình : "Nguồn gốc của gia đình, của chế độ tư hữu và của nhà nước" (1884). Từ đó, gia đình là tế bào của xã hội được nhấn mạnh như một nguyên lý trong nội dung lý luận mác xít về hôn nhân và gia đình.

Liên hợp quốc khi công bố *Tuyên ngôn thế giới về nhân quyền* (1948), ở điểm 16, đã xác nhận : "Gia đình là yếu tố tự nhiên và cơ bản của xã hội và có quyền hưởng sự bảo vệ của xã hội và của nhà nước". Còn *Hiến chương cộng đồng châu Âu* (1961), ở phần I, đã ghi rõ : "Gia đình với tư cách là tế bào cơ bản của xã hội, có quyền được hưởng sự bảo vệ về các mặt xã hội, pháp lý và kinh tế thích hợp để bảo đảm sự phát triển toàn vẹn của nó".

Ngày nay, cách diễn đạt "gia đình là tế bào của xã hội" đã trở thành quen thuộc trong các văn bản của Đảng và Nhà nước ta, trên báo chí và cả trong giao tiếp thường ngày, không chỉ ở nước ta mà còn ở nhiều quốc gia.

Nói gia đình là tế bào của xã hội đã bao hàm sự xác nhận *vai trò to lớn* của gia đình đối với xã hội. Trong thực tế vai trò này được thể hiện thông qua các *chức năng* của gia đình. Gia đình là thiết chế đa chức năng. Các chức năng cơ bản nhất là : sinh đẻ - tái sản xuất ra con người, nuôi nấng và dạy dỗ con cái, hoạt động kinh tế, tổ chức đời sống vật chất và tinh thần cho các thành viên gia đình, thỏa mãn những nhu cầu tâm sinh lý trong gia đình...

Gia đình là tế bào của xã hội, là loại cơ cấu và thiết chế *nhỏ nhất*. Nhưng không phải vì thế mà nó không có những quy luật vận động *riêng*. Cái khác biệt rõ nhất của gia đình với các bộ phận xã hội khác là nó hình thành trong mối quan hệ hôn nhân và huyết thống ; tồn tại và phát triển trên cái nền của tình yêu chồng - vợ và tình thương ruột thịt. Do vậy, tác động đến gia đình không thể bằng các biện pháp nào đó như đối với các cơ cấu xã hội nói chung, mà phải có phương thức thích hợp, lưu ý đến tâm lý con người, lợi ích cá nhân, sự tế nhị của các quan hệ...

Ở nước ta, gia đình, với tính cách là "tế bào mới" của xã hội mới do nhân dân làm chủ, ra đời, một mặt kế thừa và chịu ảnh hưởng trực tiếp của kiểu gia đình truyền thống, mặt khác gắn liền với các quá trình biến đổi cách mạng của đất nước do Đảng ta lãnh đạo.

Gia đình truyền thống là tổ chức gia đình của đông đảo nhân dân lao động thời kỳ trước cách mạng. Gia đình này mang nặng tính chất phụ quyền và gia trưởng, tồn tại trên cơ sở kinh tế sản xuất nông nghiệp lạc hậu và luôn bị đe dọa bởi thiên tai, địch họa ; trong thể chế phong kiến với tổ chức làng xã chặt chẽ ; trên nền văn hóa dân tộc và còn bị chi phối bởi nhiều tư tưởng văn hóa, tôn giáo khác nữa. Gia đình truyền thống có nhiều nét đẹp cần gìn giữ, trân trọng, nhưng cũng có không ít những mặt có tác động tiêu cực đến quá trình xây dựng gia đình mới.

Sau Cách mạng Tháng Tám, các quan hệ hôn nhân và gia đình mới đã bắt đầu nảy sinh trên cơ sở những chủ trương của nhà nước dân chủ nhân dân xóa bỏ những lạc hậu, bất công và thiếu bình đẳng giữa nam nữ trong quan hệ hôn nhân và gia đình phong kiến. Đặc biệt, Hiến pháp năm 1946 và

* PTS triết học, Học viện chính trị quốc gia Hồ Chí Minh

Digitized by Google

những sắc lệnh tiếp theo tạo nên cơ sở pháp lý tiến bộ, khoa học cho một chế độ hôn nhân gia đình mới ở nước ta. Xây dựng gia đình mới lúc này là một nhiệm vụ cấp bách của cách mạng. Tháng 3 năm 1947, khi cuộc kháng chiến mới bắt đầu, Chủ tịch Hồ Chí Minh viết tài liệu "Đời sống mới". Phần X tài liệu này dành trả lời câu hỏi gia đình mới - "nhà kiểu mẫu" (từ của Bác dùng) là thế nào. Người cho rằng việc xây dựng đời sống mới, trong đó có nhà kiểu mẫu "là một điều cần kíp cho công cuộc cứu quốc và kiến quốc" (1).

Với những cải biến về nhiều mặt diễn ra trong cách mạng dân tộc dân chủ và cách mạng xã hội chủ nghĩa, gia đình nước ta cũng đã thay đổi đáng kể, nhưng thành tựu chưa nhiều, chưa thực sự sâu rộng và vững chắc. Do đó, bước vào thời điểm cuối những năm 80, đầu những năm 90, hôn nhân và gia đình nước ta nảy sinh nhiều tiêu cực đáng lo ngại ; Luật hôn nhân và gia đình bị vi phạm nghiêm trọng. Điều đó có nguyên nhân trực tiếp từ những tác hại của khủng hoảng kinh tế - xã hội kéo dài, dư hậu quả nặng nề của chiến tranh, cũng như ảnh hưởng xấu từ bên ngoài vào ... Nhưng về phía chủ quan, có nguyên nhân là vấn đề gia đình và việc xây dựng gia đình mới chưa được chú ý đầy đủ. Chúng ta tiến hành xóa bỏ hủ tục phong kiến, nhưng chưa thật quan tâm đúng mức đến giữ gìn tinh hoa văn hóa dân tộc về gia đình. Khi chúng ta hướng vào việc xây dựng tinh thần tập thể, đã không quan tâm đầy đủ đến tình cảm hợp lý của cá nhân và gia đình. Tiềm lực kinh tế gia đình không được chú ý khai thác. Trách nhiệm đối với gia đình và văn hóa gia đình chưa có vị trí xứng đáng trong nội dung giáo dục nhà trường và luân lý xã hội...

Đại hội lần thứ VI của Đảng đã mở ra giai đoạn phát triển mới của đất nước. Việc xóa bỏ chế độ quan liêu bao cấp, mở rộng dân chủ, tinh thần "tất cả vì con người", nhất là việc đổi mới chính sách kinh tế, trong đó chú ý thích đáng đến kinh tế gia đình... đã tác động trực tiếp đến xây dựng gia đình.

- Tình cảm và ý thức xây dựng gia đình của cá nhân với tính cách là thành viên gia đình ở mọi tầng lớp xã hội được nâng cao. Đặc biệt lợi ích của gia đình, nhất là lợi ích về kinh tế, làm giàu chính đáng cho gia đình, trở thành động lực mạnh mẽ.

- Gia đình đang từng bước được thực hiện đầy đủ các chức năng cơ bản của mình với sự năng động và sáng tạo hơn. Vấn đề này rõ nhất ở hoạt động kinh tế gia đình, mà đặc biệt ở hơn 11 triệu hộ gia đình nông thôn. Thành tựu đầu tiên của công cuộc đổi mới được nhắc đến là thắng lợi trong sản xuất nông nghiệp. Sản xuất nông nghiệp phát triển khá toàn diện, vấn đề lương thực được giải quyết tốt, năm 1995 sản lượng lương thực đã đạt 27,5 triệu tấn. Gia đình nông dân trở thành đơn vị kinh tế tự chủ. Phát triển kinh tế dưới dạng hộ gia đình đang là hình thức phổ biến và có hiệu quả ở nước ta.

- Đời sống vật chất và tinh thần của các gia đình phần lớn được nâng lên, và có cải thiện một cách rõ rệt (so với mức sống những năm trước đổi mới). Một bộ phận gia đình (khoảng hơn 10% và ngày càng nhiều thêm) trở nên giàu có.

- Các mối quan hệ trong gia đình đang ngày càng được dân chủ hóa. Ý thức về tự do, bình đẳng trong hôn nhân, và hưởng hạnh phúc cá nhân của các thành viên gia đình cũng đang tăng lên. Quan hệ dân sự về các mặt chính trị, kinh tế, văn hóa... của gia đình với các cộng đồng và thiết chế ngoài xã hội nhiều hơn và mang tính thần bình đẳng hơn về cả nghĩa vụ và quyền lợi.

- Kết cấu và quy mô gia đình có chiều hướng nhỏ đi. Kết cấu gia đình hai thế hệ - gia đình hạt nhân tăng lên là một tiến bộ và đúng quy luật (mô hình này ở ta cố hơi cao, đến 80%, ít là 60%). Việc tách hộ và kết quả thực hiện kế hoạch hóa gia đình đã làm cho quy mô gia đình nhỏ đi. Giảm tốc độ tăng dân số để nâng cao chất lượng sống không phải chỉ là hướng phấn đấu ở nước ta mà còn là tinh thần chung của thời đại.

- Những sắc thái, sinh lực mới của gia đình là *kết quả của công cuộc đổi mới đất nước*. Mặt khác, gia đình Việt nam *đang dần tự khẳng định vai trò to lớn của mình trong*

(1) Hồ Chí Minh : *Toàn tập*. Nxb Sự thật. Hà nội, 1984, t 4, tr 321

Digitized by Google

công cuộc đổi mới, đang thể hiện rõ hơn hình bóng của một cơ cấu xã hội đặc biệt, không chỉ là một tổ chức tình cảm - tâm lý, mà còn là đơn vị kinh tế - tiêu dùng, một môi trường văn hóa - giáo dục...

Công cuộc đổi mới là một quá trình thì sự nghiệp xây dựng gia đình mới cũng là cả một quá trình. Những thành tựu của công cuộc đổi mới vừa qua có ý nghĩa rất quan trọng đã đưa đất nước ra khỏi khủng hoảng kinh tế - xã hội, nhưng một số mặt vẫn chưa được củng cố vững chắc. Nhìn ở bình diện chung nước ta vẫn ở trong tình trạng một nước nghèo và kém phát triển. Không ít những vấn đề về kinh tế, văn hóa, an ninh... còn bức xúc, vấn đề gia đình ở nước ta còn nhiều khó khăn cần phải giải quyết.

Đời sống nhiều gia đình được cải thiện, nhưng mức sống nhìn chung vẫn còn thấp. Năm 1993 ở nông thôn còn tới 55,6% số gia đình có mức sống dưới trung bình, trong đó những hộ có thu nhập dưới 15 kg gạo/tháng/một người (chiếm 25 - 30%); số gia đình thiếu đói gay gắt, thu nhập dưới 8 kg gạo/tháng/một người và thường xuyên đói từ 3 đến 6 tháng (chiếm 5 - 8%) thường tập trung ở Tây nguyên và vùng núi phía Bắc. Sự phân hóa giàu nghèo giữa các gia đình ngày càng tăng. Và điều đáng chú ý là sự phân hóa mang tính tiêu cực : làm giàu không chính đáng (do làm ăn phi pháp, làm tổn hại đến gia đình khác và cộng đồng...), nghèo không đáng nghèo (ỷ lại, lười biếng...) và do điều kiện khách quan (các gia đình chính sách, rủi ro...). Những khó khăn về vật chất, tinh thần và mặt trái của cơ chế thị trường đã làm cho đồng tiền chi phối và triệt tiêu các quan hệ tình cảm ở một số gia đình, làm nảy sinh mâu thuẫn trong gia đình và tái sinh tâm lý "đèn nhà ai nhà ấy rạng".

Mấy năm gần đây, trong số vụ trọng án có tới 16% là do mâu thuẫn từ nội bộ gia đình gây nên và đối tượng phạm tội ở tuổi 18 - 30 chiếm tỷ lệ cao. Các hủ tục trong cưới xin, ma chay, quan hệ họ mạc thân tộc mang tính cục bộ có chiều hướng hồi phục. Những yếu tố tiêu cực từ ngoài tác động vào cũng làm nảy sinh nhiều vấn đề đáng lo ngại cho hôn nhân và gia đình nước ta (tình trạng dụng trong tình yêu, quan hệ tình dục phóng đãng, bạo lực trong gia đình...). So với trước đây, tình hình ly hôn còn nhiều và tăng lên. Chỉ riêng Hà nội những năm qua, mỗi năm ngành tòa án thụ lý trên dưới 3000 vụ ly hôn, đông nhất là ở tuổi 30 đến 50. Nhiều chỉ số về trẻ em rất đáng lo ngại (1,5 triệu bị khuyết tật, 50 ngàn sống lang thang, 6 ngàn em gái mại dâm, 45% trẻ em suy dinh dưỡng, 2 triệu em chưa được đến trường...). Còn nhiều biểu hiện bất bình đẳng nam nữ trong gia đình. Chỉ tính riêng về cường độ lao động và sự hưởng thụ, nhiều cuộc điều tra cho thấy người phụ nữ, nhất là phụ nữ nông thôn làm việc nhiều, vất vả, nhưng hưởng thụ lại ít nhất (phụ nữ nông thôn tuổi sinh đẻ ở một số địa phương có thời gian lao động sản xuất, nội trợ, nuôi dạy con cái... tổng cộng nhiều hơn nam giới gấp hai lần)...

Đất nước đang ở một thời điểm mới đẩy tới một bước công nghiệp hóa và hiện đại hóa. Tất yếu, gia đình cũng phải vươn lên ở mức độ tương ứng. Do vậy, nhận thức đầy đủ hơn về gia đình với tính cách là tế bào của xã hội, trong sự nghiệp xây dựng gia đình mới ở nước ta cần tiếp tục trên các hướng sau :

- Mô hình gia đình mới hay gia đình văn hóa (như thường gọi lâu nay) theo các chuẩn mực mà Đảng ta nêu ra là : *ấm no, hòa thuận và tiến bộ*.

Sự ấm no của gia đình phải do chính lao động cần cù sáng tạo của mình làm ra. Sự hòa thuận phải là kết quả của quan hệ bình đẳng giữa các thành viên, luôn tôn trọng kỷ cương và nền nếp gia đình. Tiến bộ cá nhân không tách rời sự phát triển của gia đình và tiến bộ của xã hội.

- Thực chất xây dựng gia đình mới nhằm xây dựng nền văn hóa mới, hướng tới hình thành con người mới, lối sống mới xã hội chủ nghĩa đậm đà bản sắc dân tộc. Cho nên gia đình văn hóa Việt nam là *gia đình hiện đại mang bản sắc Việt nam*.

Xây dựng gia đình nước ta cần tiếp tục nắm vững quan điểm trên. Một mặt xác định, tuyên truyền sâu rộng đến các gia đình những phong tục tập quán tốt đẹp của dân tộc, của gia đình truyền thống. Mặt khác từng bước

Digitized by Google

xóa bỏ những tàn tích lạc hậu về hôn nhân và gia đình. Ngày nay, khi giao lưu quốc tế rộng mở, phương tiện thông tin hiện đại... thì gia đình cũng chịu ảnh hưởng trực tiếp cả mặt tích cực và tiêu cực. Do đó việc tiếp thu, chọn lựa, ngăn chặn, dự phòng không ai khác đó là trách nhiệm của mỗi gia đình.

- Xây dựng gia đình văn hóa vì lợi ích cho cả cá nhân và xã hội ; nội dung xây dựng mang tính toàn diện, là sự cố gắng chung của mọi *lực lượng xã hội* trong nước và có cả sự hỗ trợ của quốc tế.

Dưới sự lãnh đạo của Đảng, Nhà nước có trách nhiệm quan trọng trong quá trình xây dựng gia đình văn hóa Việt nam. Gia đình văn hóa hình thành và phát triển dưới tác động của những chính sách xã hội. Từ thực tiễn những năm qua, việc xây dựng gia đình mới, một mặt, tiếp tục tuyên truyền và chỉ đạo thực hiện tốt các chính sách của nhà nước, mặt khác, cần rà soát lại một số luật và chính sách để đề nghị bổ sung sửa đổi cho phù hợp. Theo Ban chỉ đạo Năm quốc tế gia đình nước ta, thì những luật và chính sách cần rà soát lại để bổ sung, sửa đổi là : Luật ruộng đất, Luật hôn nhân và gia đình, Luật thừa kế..., và các chính sách lớn về dân số, hộ khẩu, học phí, học bổng, viện phí, cán bộ và lao động nữ, nhà ở, các đối tượng chính sách... Như vậy, các cơ quan có trách nhiệm trực tiếp tham gia thực hiện vấn đề này là : Bộ kế hoạch đầu tư, Bộ lao động, thương binh và xã hội, Bộ văn hóa thông tin, Trung ương Hội liên hiệp phụ nữ Việt nam, Bộ tư pháp...

Mọi cá nhân trong gia đình đều có nhiệm vụ vun đắp cho hạnh phúc gia đình. Tùy theo cương vị và điều kiện cụ thể mà cá nhân tham gia công việc gia đình cho phù hợp. Khi gia đình là đơn vị kinh tế tự chủ và rộng hơn là một thiết chế có giao dịch dân sự, thì người đại diện của hộ gia đình (tức "chủ hộ" - khái niệm dùng trong Luật dân sự mới ban hành) có trọng trách lớn. *Người chủ hộ* hay chủ gia đình trong gia đình văn hóa mới không theo đúng nghĩa đen "chủ - tớ" ở các quan hệ với thành viên như trong gia đình cũ nữa. Họ là đại diện để quản lý, dàn xếp các chức năng gia đình, và giao dịch dân sự với các thiết chế bên ngoài vì tiến bộ và hạnh phúc chung của gia đình. Chủ hộ do vậy không hẳn là chồng hay vợ, bậc cha chú hay con cháu, có thể được gia đình bầu ra, hoặc tự nhiên hình thành. Đại diện gia đình phải có khả năng, trách nhiệm, tinh thần dân chủ để đoàn kết gia đình, động viên cá nhân làm tốt nhiệm vụ của mình.

Bên cạnh người đại diện gia đình, phải kể đến vị trí người *phụ nữ*. Người phụ nữ, trước hết là người vợ, người mẹ, là trung tâm tình cảm và góp sức nhiều nhất cho gia đình. Không ít phụ nữ là đại diện quản lý gia đình. Thực hiện nam nữ bình đẳng, nghiêm chỉnh chấp hành Luật hôn nhân và gia đình, bảo vệ sức khỏe phụ nữ, tạo điều kiện thuận lợi để phụ nữ làm tròn trách nhiệm gia đình và xã hội... là những nội dung của xây dựng gia đình văn hóa.

Sự hỗ trợ *quốc tế* cho xây dựng gia đình mới ngày càng có ý nghĩa đáng kể. Liên hợp quốc, Cộng đồng châu Âu, và nhiều tổ chức, cá nhân khác ủng hộ và giúp đỡ tinh thần vật chất cho nhiều chương trình phát triển ở Việt nam và có ảnh hưởng trực tiếp đến tiến bộ của gia đình, như : Chương trình tái hội nhập cộng đồng, dân số, chăm sóc sức khỏe ban đầu, bảo vệ phụ nữ và trẻ em... tranh thủ tối đa nguồn lực bên ngoài là nghệ thuật quản lý xã hội và phù hợp với xu hướng quốc tế hóa đời sống xã hội hiện nay.

- Sau nữa, công tác nghiên cứu khoa học về vấn đề gia đình cần tiến hành toàn diện và sát thực hơn.

Mấy năm gần đây đã có những đơn vị tổ chức khoa học tích cực tham gia nghiên cứu về vấn đề gia đình. Lý luận khoa học về gia đình, không chỉ đề cập đến gia đình trong lịch sử mà chủ yếu cần nghiên cứu đến gia đình hiện đại trong mối liên hệ giữa quá khứ - hiện tại - tương lai. Đặc biệt đề cập đến vấn đề gia đình trong sự nghiệp đổi mới, và cần theo đơn đặt hàng của xã hội ; kết quả của những đề tài sát thực chính là cơ sở khoa học góp phần cho việc xác định đúng đắn và kịp thời những chính sách xã hội xây dựng gia đình văn hóa hiện nay ❑

Digitized by Google

DIỄN BIẾN GIÁ CẢ THỊ TRƯỜNG NĂM 1995 VÀ NHỮNG BÀI HỌC ĐÁNG NHỚ

VŨ XUÂN KIỀU

NHỮNG kết quả đạt được trong quản lý, điều hành lưu thông, kiềm chế và ổn định lạm phát năm 1995, đem lại cho chúng ta nhiều điều thú vị và bổ ích.

Với tình hình giá cả thị trường diễn biến phức tạp như các tháng đầu năm 1995, lúc đó ít ai tin có thể kiềm chế nhanh chỉ số tăng giá thị trường. Chỉ trong năm tháng, từ tháng giêng đến tháng 5, chỉ số giá cả thị trường đã tăng đến 10%, bình quân 2%/tháng (riêng tháng 5 tăng 1,8% so với tháng 4). Cứ đà ấy, theo dự đoán của một số nhà kinh tế, chỉ số lạm phát sẽ không dưới mức 20%/năm, và rất có thể "siêu lạm phát" lại trở lại. Trước tình hình khẩn thiết như vậy, Chính phủ trong phiên họp thường kỳ vào tháng 3 đã đưa ra kết luận rất sáng suốt và kịp thời : phải dành vốn cho việc mở rộng và phát triển sản xuất, bảo đảm cho nền kinh tế tăng trưởng với tốc độ cao, bền vững ; coi đây là biện pháp cơ bản nhất để cân đối hàng - tiền, kìm giữ giá cả. Với tư tưởng chỉ đạo đúng đắn và kiên quyết ấy, mặc dù trong tháng 4 và tháng 5 giá cả một số mặt hàng như lương thực, thực phẩm, sữa bột, lốp xe gắn máy... không giảm, cuối tháng 4 đầu tháng 5 lại nổ ra cơn sốt giá xi măng, chỉ số giá cả thị trường từ tháng 6 đã giảm dần và ổn định ở mức bình quân 0,5%/tháng (tính từ tháng 6 đến tháng 12-1995). Kết quả rực rỡ này được Chính phủ đánh giá cao trong cuộc họp đầu năm mới đây : chúng ta đã kiềm chế được lạm phát ở mức dưới 13%/năm và đạt tốc độ tăng trưởng kinh tế (GDP) từ 9 đến 10%/năm, cao nhất so với các năm trước.

Từ thực tiễn sinh động năm 1995 và từ kinh nghiệm chống lạm phát, đưa nền kinh tế thoát ra khỏi tình trạng suy thoái kéo dài và đạt mức tăng trưởng kinh tế ngày càng cao từ năm 1991 trở lại đây, chúng ta có thể rút ra những kết luận gì nhằm bổ cứu cho việc quản lý điều hành nền kinh tế trong những năm tới?

1- Giải quyết đúng đắn mối quan hệ giữa lạm phát và tăng trưởng kinh tế, tăng tỷ lệ đầu tư trong GDP.

Trong lịch sử phát triển của chủ nghĩa tư bản đã liên tiếp xảy ra các cuộc khủng hoảng kinh tế và không một cuộc khủng hoảng nào lại không chịu ảnh hưởng của lạm phát và suy thoái.

Nếu vào thời kỳ trước năm 1937 các nhà kinh tế cổ điển, tiêu biểu là Ađam Xmít và Uy-li-am Pét-ti, cho rằng lạm phát là do vi phạm trạng thái cân bằng của nền kinh tế và chỉ có thông qua thị trường, giá cả mới có thể dần dần thiết lập được sự cân bằng đó, thì từ sau năm 1937 các nhà kinh tế "tân cổ điển", tiêu biểu là Giôn M. Kê-in-xơ và Lê-ông Van-ra, lại tiến thêm một bước nữa trong quan niệm. Họ vừa coi trọng sự cân bằng của nền kinh tế, vừa đặc biệt coi trọng tăng trưởng kinh tế và nhấn mạnh vai trò của con người, *thực chất là* sự điều tiết của nhà nước trong quá trình thiết lập sự cân bằng và thúc đẩy tăng trưởng kinh tế.

Ngày nay, nền kinh tế thế giới đã trải qua nhiều thập kỷ thăng trầm, các nhà kinh tế cũng đã nghiên cứu phát hiện hàng loạt các mối quan hệ, trong đó *mối quan hệ giữa lạm phát và tăng trưởng kinh tế, tăng tỷ lệ đầu tư trong GDP* được đặt ra như một vấn đề cấp bách có ý nghĩa lý luận và thực tiễn sâu sắc.

Ở nước ta, do hậu quả lạm phát và suy thoái kinh tế kéo dài, việc thiết lập mối quan hệ hài hòa giữa lạm phát và tăng trưởng kinh tế, tăng tỷ lệ đầu tư trong GDP, chỉ mới được thực hiện từ năm 1991 đến nay.

Digitized by Google

Chỉ số lạm phát, tốc độ tăng trưởng và tỷ lệ đầu tư trong GDP từ năm 1991 đến năm 1995

(Đơn vị : %)

Năm	Chỉ số lạm phát	Tốc độ tăng trưởng kinh tế	Tỷ lệ đầu tư trong GDP
1991	60	6	4,8
1992	15	8,6	6,9
1993	5,3	8,1	12,7
1994	14,4	8,8	13,6
1995	12,7	9,5	

Mối quan hệ giữa lạm phát và tăng trưởng kinh tế, tăng tỷ lệ đầu tư, là mối quan hệ chế ước lẫn nhau : tăng đầu tư quá mức chịu đựng của nền kinh tế cũng có nghĩa là tăng chi phí sản xuất, khuyến khích tiêu dùng ... là điều thường gây trở ngại cho chống lạm phát ; ngược lại, kiềm chế lạm phát, khống chế đầu tư, thắt chặt tiền tệ, sẽ dẫn đến hạn chế tiêu dùng, kìm hãm tốc độ tăng trưởng kinh tế.

Thành công nổi bật của Chính phủ ta trong những năm qua chính là ở sự điều hành năng động, sáng tạo, xử lý khéo léo và kịp thời mối quan hệ giữa cung và cầu, giữa sản xuất và tiêu dùng, giữa các nguồn vốn trong và ngoài nước... nhờ đó đã kiềm chế được lạm phát, bảo đảm tốc độ tăng trưởng cao, tốc độ đầu tư ngày càng lớn.

Thực tế nước ta cũng như kinh nghiệm nhiều nước trên thế giới cho thấy, mối quan hệ giữa lạm phát và tăng trưởng kinh tế, tăng tỷ lệ đầu tư ở mỗi nước và ở mỗi thời điểm khác nhau, thể hiện không giống nhau. Có thể khái quát thành ba trường hợp sau :

1- Trường hợp các nước có nền kinh tế phát triển, tỷ lệ lạm phát **thấp** (dưới 5%/năm). Trong trường hợp này, lạm phát không gây ảnh hưởng gì lớn đối với tốc độ tăng trưởng kinh tế và tỷ lệ đầu tư (tuy nhiên, nếu lạm phát tăng hoặc giảm nhẹ, có tác động làm cho lãi suất thực của ngân hàng cũng tăng hoặc giảm nhẹ thì tất yếu sẽ dẫn đến sự tăng hoặc giảm nhẹ tỷ lệ đầu tư). Ngoài ra, những tác động tiêu cực khác của lạm phát sẽ không gây ảnh hưởng gì lớn cho nền kinh tế.

2- Trường hợp các nước có mức lạm phát **trung bình** (từ 5-9%/năm). Trong trường hợp này, ảnh hưởng đến tốc độ tăng trưởng kinh tế và tỷ lệ đầu tư trong GDP không chỉ có lạm phát, mà còn có các yếu tố khác.

3- Trường hợp các nước có lạm phát **vượt quá mức trung bình** (từ 9% trở lên). Trong trường hợp này, nếu lạm phát vẫn giữ được ở mức "cho phép" thì tốc độ tăng trưởng kinh tế và tỷ lệ đầu tư trong GDP cũng không bị ảnh hưởng lớn. Mức lạm phát "cho phép" được tính toán căn cứ vào hoàn cảnh cụ thể, đặc điểm và thời gian cụ thể của mỗi nước. Nó là mức lạm phát cao, nhưng chưa cao tới mức tác động lớn đến tăng trưởng kinh tế và tỷ lệ đầu tư. Khi đã xác định được mức lạm phát "cho phép", chỉ cần xem nó cao hơn hay thấp hơn *chỉ số lạm phát thực tế* là chúng ta biết ngay chỉ số đó tác động tiêu cực hay tích cực đến tăng trưởng kinh tế và tỷ lệ đầu tư.

Theo dự báo của các nhà kinh tế ở nước ta, mức lạm phát "cho phép" ở nước ta trong thời gian 1996 - 2000 dao động ở mức 10-18%/năm (giả định này nằm trong dự kiến nền kinh tế nước ta trong thời gian đó vẫn ở tình trạng lạm phát cao). Nếu giữ được ở mức đó (trừ các biến động ngoại lai), lạm phát sẽ không tác động tiêu cực gì lớn đối với tăng trưởng kinh tế và tỷ lệ đầu tư ở nước ta (ở Trung quốc, năm 1995 chỉ số lạm phát là 15% nhưng tăng trưởng kinh tế vẫn đạt 10,2%).

Nếu kết luận trên là tương đối chính xác, chúng ta có thể vững tâm hơn khi thấy chỉ số lạm phát không dao động quá mức "cho phép", và có thể chú ý tìm nguyên nhân làm giảm tốc độ tăng trưởng và tỷ lệ đầu tư không chỉ ở lạm phát, mà cả ở các yếu tố khác.

2- Lạm phát và tăng giá là hai hiện tượng có quan hệ mật thiết nhưng chúng không đồng nhất.

Sự tác động của con người vào nền kinh tế không thể không tuân theo quy luật khách quan. Trong nền kinh tế thị trường, giá cả được hình thành thông qua quy luật cung cầu. Khi cung lớn hơn cầu thì giá giảm. Ngược lại, khi cung nhỏ hơn cầu thì giá tăng. Giá cả hàng hóa hình thành một cách khách quan, nhưng vận dụng quy luật khách quan để xác định chính sách giá cả như thế nào lại là việc của

Digitized by Google

bộ máy nhà nước, của con người. Một chính sách giá cả hợp lý sẽ có tác dụng thúc đẩy sản xuất phát triển, tạo công ăn việc làm cho người lao động và nâng cao thu nhập cho các tầng lớp dân cư, kích thích tiêu dùng. Ngược lại, một chính sách giá cả không phù hợp sẽ kìm hãm sản xuất, làm cho lạm phát, thất nghiệp trầm trọng thêm.

Lạm phát thường là nguyên nhân dẫn đến tăng giá và tăng giá cũng có ảnh hưởng trở lại đến lạm phát, nhưng không phải bất kỳ sự tăng giá nào cũng đưa đến lạm phát. Trong nền kinh tế thị trường, ở những thời điểm nhất định, giá mặt hàng này tăng lên, giá mặt hàng kia giảm xuống hoặc ngược lại, đó là điều khó tránh khỏi. Vấn đề quan trọng đặt ra là việc tăng hoặc giảm giá là do nguyên nhân *khách quan* hay *chủ quan* của chúng ta.

Điểm lại tình hình diễn biến giá cả hàng hóa trên thị trường năm 1995 ta thấy : giá một số mặt hàng như lương thực, thực phẩm, giá dịch vụ... thường tăng vào các tháng đầu năm (nhất là dịp Tết nguyên đán) là do lượng tiền mặt tung ra thị trường khá lớn (tiền lương, tiền thưởng tiền tiết kiệm của nhân dân để chi tiêu cho ngày tết...), dẫn đến sức mua của nhân dân tăng lên, trong khi đó khả năng cung ứng về hàng hóa lại có hạn. Riêng mặt hàng lương thực, thực phẩm, trong hai năm 1994 - 1995 giá tăng cao hơn nhiều so với chỉ số lạm phát ; ở đây ngoài nguyên nhân chủ quan do quản lý điều hành lưu thông thiếu nhạy bén, chặt chẽ và kiên quyết (như cấp cô-ta xuất gạo quá mức, buôn lậu gạo ở các tỉnh biên giới ...), còn có nguyên nhân do giá cánh kéo giữa các mặt hàng công nghiệp và nông nghiệp ngày càng doãng ra, khiến cho thị trường tự nó lập lại thế tương quan về mặt bằng giá giữa các mặt hàng của hai ngành kinh tế chủ yếu này. Tất nhiên, hiện nay giá một số mặt hàng nông sản vẫn chưa bù đắp được chi phí và công sức của người nông dân bỏ ra, vì vậy cần có sự trợ giá của nhà nước.

Trong điều kiện nhất định và ở mức độ nhất định, tăng giá sẽ làm trầm trọng thêm lạm phát. Ở các nước kinh tế phát triển, lạm phát thấp, dưới 5%/năm, thì việc tăng giá cục bộ chỉ ảnh hưởng nhẹ hoặc không ảnh hưởng đến mặt bằng giá chung. Nhưng ở những nước đang phát triển, có tỷ lệ lạm phát cao như ở nước ta, thì bất cứ một "cơn sốt" giá cục bộ nào cũng có thể góp phần làm cho chỉ số giá cả thị trường tăng lên một cách đáng kể. Chẳng hạn "cơn sốt" xi măng cuối tháng 4 đầu tháng 5 năm 1995 : giá xi măng từ 500 000 đồng đã tăng lên 900 000 đồng, rồi 1,7 triệu đồng/tấn, làm cho tổng mức giá thị trường tháng 5 tăng 1,8% so với tháng 4. Việc đẩy giá xi măng lên quá cao đã làm cho một số công trình xây dựng phải ngừng hoạt động, nhà nước phải tốn thêm hàng trăm tỉ đồng để duy trì một số công trình xây dựng cơ bản, chưa kể đến các thiệt hại khác.

Nhìn chung, giá một số mặt hàng năm 1995 tăng cao hơn năm 1994 : lương thực tăng 20,6% ; thực phẩm - 19,3%, vật liệu xây dựng - 17,6% ; chất đốt -11,2% ; dịch vụ - 9,8%. Giá tăng như vậy không hoàn toàn do chúng ta phát hành thêm tiền mặt hoặc để cho tốc độ phát hành tiền mặt vào lưu thông cao hơn tốc độ tăng giá, mà chủ yếu do khâu quản lý, điều hành lưu thông chưa tốt (vẫn còn những hiện tượng như độc quyền, đầu cơ, buôn lậu, ghìm hàng tăng giá...). Điều này gây tác hại không ít cho nền kinh tế và làm trầm trọng thêm lạm phát (nhất là ở các tháng đầu năm 1995).

Tuy nhiên cần thấy : bên cạnh một số mặt hàng giá tăng cao, có những mặt hàng giá không tăng, thậm chí còn giảm. Đặc biệt, chúng ta đã kiềm chế *giá vàng* và *giá đô la* Mỹ một cách có kết quả : năm 1995 giá vàng giảm 3%, giá đô-la Mỹ giảm chút ít. Nhiều nhà kinh tế cho rằng chỉ số tăng giá năm 1995 là 12,7% cũng có nghĩa sức mua của đồng tiền giấy đã giảm 12,7%, và như vậy, về *thực chất* giá vàng năm 1995 giảm tới 15,7% . Và nếu lấy vàng làm bản vị, thì đứng về một góc độ nào đó, sự giảm giá của nó đồng nghĩa với sự tăng giá của đồng tiền giấy (tất nhiên, về mặt lý luận, vấn đề này còn có nhiều ý kiến khác nhau). Đây là một đánh giá thể hiện khá chính xác kết quả thực hiện chính sách tiền tệ trong năm 1995. Kết quả này tạo tiền đề vững chắc cho việc kiềm chế ổn định lạm phát trong kế hoạch 5 năm 1996 - 2000.

Từ thực tế phát triển kinh tế, điều hành thị trường giá cả, kiềm chế, ổn định lạm phát

Digitized by Google

năm 1995, có thể khái quát thành hai vấn đề sau :

- Bản chất của lạm phát là sự mất cân đối giữa cung và cầu, giữa tổng giá trị hàng hóa và dịch vụ với tổng số tiền giấy hiện có trong lưu thông. Những năm qua chúng ta đã chú ý xử lý thận trọng và có kết quả mối quan hệ trên. Trong chính sách tiền tệ, chúng ta đã có những chủ trương và biện pháp thích hợp như: nắm chắc, khống chế, kiểm soát và quản lý chặt chẽ lượng tiền giấy trong lưu thông ; đẩy nhanh vòng quay của đồng tiền, bảo đảm cung ứng với mức cố gắng nhất khối lượng hàng hóa và dịch vụ ; điều hòa kịp thời giá cả... Đây chính là thành công lớn, đánh dấu bước trưởng thành của chúng ta trong việc hoạch định và điều hành chính sách tiền tệ, kiềm chế và đẩy lùi lạm phát.

- Do nắm vững nguyên lý lạm phát bao giờ cũng dẫn đến tăng giá, nhà nước đã chủ động hạn chế phát hành tiền giấy, kìm giữ tốc độ phát hành tiền giấy không để vượt quá tốc độ tăng giá. Nhờ đẩy mạnh sản xuất và nhập khẩu một số mặt hàng cần thiết bảo đảm cân đối giữa tiền và hàng, nhờ sử dụng tốt các nguồn vay trong nước và các khoản vay ưu đãi của nước ngoài để cân bằng thu chi ngân sách, nên năm 1995, mặc dù giá cả một số mặt hàng có tăng, nhưng mức lạm phát vẫn được kiềm chế, ổn định. Để chặn đứng và đẩy lùi tình trạng siêu lạm phát, để thoát ra khỏi cái vòng luẩn quẩn "tiền ra - giá lên - giá lên - tiền ra...", thực tế chúng ta đã phải mất nhiều năm mày mò, rút kinh nghiệm, và có khi đã phải trả giá đắt.

Tình hình kinh tế, giá cả ở nước ta trong thời gian tới chắc còn diễn biến phức tạp, bởi hiện nay lạm phát vẫn ở mức cao, hàng hóa sản xuất trong nước chưa dồi dào và chưa đủ sức cạnh tranh với hàng nhập ngoại. Thực tế này đòi hỏi chúng ta phải hết sức tỉnh táo, tôn trọng và vận dụng sáng tạo các quy luật khách quan, thiết kế một hệ thống các giải pháp toàn diện : vừa cơ bản lâu dài, vừa kịp thời ứng phó với các tình huống đột biến, không để những khuyết điểm do chủ quan trong quản lý, điều hành thị trường giá cả gây ra, ảnh hưởng xấu đến tình hình phát triển chung của nền kinh tế ❑

Đổi mới...

(Tiếp theo trang 47)

Đối với thị trường miền núi, phải kết hợp chính sách thị trường với nhiều chính sách khác (như thuế, tài chính, trợ giá, chính sách xã hội...) để thông qua việc cung ứng hàng hóa và khối lượng lưu thông, giúp cho miền núi có vùng thị trường phát triển đóng được vai trò là nhân tố tạo đà và lực hút đối với các vùng còn nhiều khó khăn.

Về *đổi mới cơ chế quản lý thương mại dịch vụ*, theo tôi, cần :

+ Tiếp tục hoàn thiện cơ chế quản lý và điều hành của cơ quan quản lý nhà nước các cấp đối với hoạt động thị trường và thương mại theo hướng : *thực hiện vai trò thống nhất quản lý nhà nước của Bộ thương mại đối với toàn lĩnh vực thương mại, dịch vụ.*

+ Tổ chức hoàn thiện bộ máy quản lý thương mại dịch vụ từ trung ương đến quận, huyện.

+ Hoàn thiện hệ thống luật pháp, đặc biệt là Luật dân sự và Luật thương mại.

+ Đổi mới kế hoạch hóa ở tầm vĩ mô và kế hoạch hóa ở các tổng công ty lớn và các doanh nghiệp sản xuất kinh doanh trọng điểm, làm cho kế hoạch định hướng thực sự mang tính chỉ đạo.

+ Các công cụ điều tiết như thuế, giá, tỷ giá, cần được thay đổi đồng bộ với chính sách và cơ chế quản lý thương mại dịch vụ.

+ Đổi mới, hoàn thiện cơ chế quản lý doanh nghiệp thương mại dịch vụ. Đối với doanh nghiệp không phải quốc doanh cần xác định cơ chế bảo đảm quyền tự do kinh doanh theo pháp luật. Đối với doanh nghiệp nhà nước, cần có chương trình cải cách đồng bộ từ sắp xếp lại, đa dạng hóa sở hữu, đến cơ chế quản lý vốn, hữu hạn hóa trách nhiệm của doanh nghiệp, cơ chế phân phối lợi ích...

+ Tăng cường hiệu lực quản lý nhà nước nhằm tạo môi trường thị trường lành mạnh ❑

Digitized by Google

MỘT CÁCH TIẾP CẬN KINH NGHIỆM ĐỔI MỚI KINH TẾ 10 NĂM QUA

NGUYỄN NGỌC TUẤN *

Từ những thành tựu đổi mới kinh tế 10 năm qua, thử tìm ra những gì có giá trị về lý luận để tiếp tục đi sâu đổi mới sao cho có hiệu quả hơn, chúng ta có thể thấy nổi lên mấy vấn đề chính sau :

1- Dứt bỏ tư duy định tính không lợi cho sự phát triển của sức sản xuất.

Chủ nghĩa tư bản trong quá trình phát triển và hiện đại hóa nền kinh tế hàng hóa đã tìm ra và sử dụng nhiều phạm trù, quy luật kinh tế, các hình thức tổ chức sản xuất và cơ chế vận hành kinh tế phù hợp. Tất cả những cái đó là sản phẩm của kinh tế hàng hóa nói chung của sản xuất lớn xã hội hóa, chứ không phải là sản phẩm riêng của chủ nghĩa tư bản. Vì thế, cần dứt bỏ kiểu tư duy định tính đối với những phạm trù, quy luật... nói trên. Không nên cho rằng kinh tế hàng hóa, kinh tế thị trường, điều tiết thị trường, công ty cổ phần, cổ phiếu, thị trường chứng khoán, cơ cấu tiền tệ phi ngân hàng, cạnh tranh, v.v. đều là con đẻ của nền kinh tế tư hữu, là "khu vực cấm" đối với nền kinh tế công hữu xã hội chủ nghĩa, từ đó tự trói tay mình trong tiến trình đi sâu đổi mới đồng bộ thể chế kinh tế ở nước ta. Cái chính ở đây là vận dụng chúng sao cho phù hợp với thực tiễn của đất nước để phát triển được sức sản xuất, từng bước xây dựng được nền kinh tế hàng hóa hiện đại.

2- Kiên trì lý luận kinh tế hàng hóa nhiều thành phần

Sự tồn tại phổ biến của phân công xã hội và sự khác biệt về lợi ích vật chất giữa các xí nghiệp, các thực thể kinh tế khác nhau và người lao động, đã quyết định bản chất kinh tế nước ta là kinh tế hàng hóa. Lịch sử phát triển của nhân loại cho thấy, chưa hề có một hình thái xã hội nào là thuần nhất cả. Tất cả mọi hình thái xã hội đều có một loại quan hệ sản xuất điển hình - giống như hiện tượng quang phổ-chi phối và ảnh hưởng đến tất cả quan hệ sản xuất khác. Do vậy, khẳng định tính chất nhiều thành phần của nền kinh tế hàng hóa, trong đó kinh tế công hữu chiếm địa vị chủ thể, là hoàn toàn phù hợp với lý luận và với nhiều trình độ phát triển khác nhau của sức sản xuất hiện thời ở nước ta. Nền kinh tế hàng hóa ấy, đương nhiên có nhu cầu điều tiết bằng *kế hoạch* (vì nó dựa trên tiền đề là chế độ công hữu) và điều tiết bằng *thị trường* (bởi lẽ nền sản xuất hàng hóa nào cũng đều vì thị trường). Đã có kinh tế hàng hóa, phải có thị trường để trao đổi ; hàng hóa và thị trường vì vậy có mối quan hệ cá nước với nhau. Từ những khía cạnh thực tiễn ấy, khái quát lại thành *mô thức* : kinh tế nước ta là *nền kinh tế hàng hóa nhiều thành phần dựa trên chế độ công hữu là chủ thể, vận hành theo cơ chế thị trường, có sự quản lý của nhà nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa.* Đó thực sự là một *khai sáng tuyệt vời của Đảng ta về bản chất kinh tế xã hội chủ nghĩa và cơ chế vận hành của nó.* Chính sự khai sáng ấy về lý luận đã đặt nền móng cho hàng loạt đổi mới có hiệu quả trong lãnh đạo và chỉ đạo kinh tế, trong thể chế và cơ chế vận hành kinh tế và dẫn đến những thành tựu lớn nói trên. Mác từng dự đoán rằng, một khi xã hội đã chiếm hữu tư liệu sản xuất thì trạng thái vô chính phủ trong nội bộ nền sản xuất sẽ bị thay thế bằng tổ chức tự giác có kế hoạch... và từ đó, một nền sản xuất được tiến hành theo một kế hoạch định trước là điều có thể thực hiện được. Mác nói như vậy là nhằm vào giai đoạn cao của chủ nghĩa xã hội, khi sức sản xuất đã phát triển *cao độ* và *phủ đều* lên các ngành, các vùng của nền kinh tế quốc dân ; nó không thể đúng với xã hội ta hiện thời khi trình độ phát triển của sức sản xuất còn thấp và thiếu cân đối giữa các ngành, các vùng. Còn cơ chế kế hoạch mà Mác nói trong dự đoán trên là cơ chế kế hoạch trong nền kinh tế sản phẩm (hiện vật), nó không thể thích ứng với một xã hội nông nghiệp như xã hội ta đang chuyển dần từ kinh tế tự nhiên sang kinh tế hàng hóa. Qua sự phân tích này, có thể thấy người ta đã hiểu sai như thế nào tư tưởng của Mác trong việc cấu trúc cơ chế vận hành kinh

* Chuyên viên kinh tế, Viện khoa học xã hội tại TP Hồ Chí Minh thuộc Trung tâm khoa học xã hội và nhân văn quốc gia

Digitized by Google

tế của xã hội hiện thực. Vì vậy, hơn lúc nào hết, cần khẳng định sự khai sáng về lý luận nói trên của Đảng ta là cơ sở lý luận cho sự nghiệp đổi mới kinh tế ở nước ta.

3- Kiên trì cơ chế điều tiết kết hợp kế hoạch với thị trường

Kết hợp điều tiết bằng kế hoạch với điều tiết bằng thị trường là vấn đề cốt lõi của cơ chế vận hành kinh tế, nó từng được thảo luận kéo dài trong nhiều năm ở nước ta. Đến nay, hầu như mọi người đều nhất trí *cần* và *có thể* kết hợp hai cơ chế điều tiết ấy; *thị trường* và *kế hoạch* không phải là *tiêu chí* để phân biệt chủ nghĩa tư bản với chủ nghĩa xã hội... Vấn đề còn chưa được làm rõ đến nay chỉ là - hoặc chủ yếu là - kết hợp chúng như thế nào, lấy cái nào làm chính hoặc làm cơ sở ; phương thức, phạm vi và phương pháp kết hợp ra sao để mỗi cơ chế đều phát huy được tác dụng của nó, để cơ chế này có thể bổ sung cho khiếm khuyết của cơ chế kia.

Về những khía cạnh vừa nêu, kết quả nghiên cứu bước đầu của chúng tôi cho thấy :

a) *Về nhận thức* , cần thấy rõ kinh tế xã hội chủ nghĩa không phải chỉ là nền kinh tế trong đó còn tồn tại phần nào sản xuất và trao đổi hàng hóa, mà trên toàn cục, nó đã và sẽ là nền kinh tế hàng hóa dựa trên chế độ công hữu là chủ thể và tồn tại trong một thời gian rất dài. Đối với nền kinh tế hàng hóa, về khách quan, cũng cần quản lý có kế hoạch. Song nếu quản lý nó bằng kế hoạch pháp lệnh hành chính là chính thì lại không thích hợp. Chúng ta từng phải trả giá đắt cho một cơ chế như vậy.

b) Không thể tìm thấy lời giải đáp có luận cứ trên mặt bằng của cơ chế kế hoạch truyền thống, chúng ta phải cải biến *căn bản cơ chế kế hoạch ấy theo hướng thị trường*. Không thể cứ tu tu bổ bổ mãi nó trên cái nền của kế hoạch pháp lệnh hành chính cũ theo hướng "nới quyền nhượng lợi", để rồi vẫn không sao thoát khỏi cái vòng luẩn quẩn : "buông thì loạn, loạn thì sợ, sợ lại thu, thu lại tắc".

Đời sống kinh tế hiện thực mách bảo ta : do sự tồn tại khách quan của các lợi ích khác nhau giữa các chế độ sở hữu, các ngành, vùng và các tầng lớp nhân dân ; do nhu cầu xã hội hết sức phong phú, đa dạng, thị trường luôn biến động ; quan hệ cung cầu cũng thường xuyên thay đổi, nên kế hoạch muốn phản ánh được thực tế sinh động ấy và điều tiết có hiệu quả sự vận hành của nền kinh tế, thì nó phải được điều chỉnh kịp thời theo phong vũ biểu của thị trường. Thị trường vì vậy trở thành điểm xuất phát của việc xây dựng kế hoạch. Do đó, chỉ có cải biến công tác kế hoạch trên cơ sở phát huy đầy đủ tác dụng của thị trường, *của quy luật giá trị*, để bổ sung những khiếm khuyết của kế hoạch, khắc phục những khó khăn do điều tiết không đúng thị trường gây nên, thì kế hoạch mới mang *tính thực tế, tính cân đối* và *tính hiệu quả*. Nhiệm vụ chỉ đạo bằng kế hoạch không phải là dùng chỉ tiêu pháp lệnh hành chính để bố trí sản xuất kinh doanh của xí nghiệp, mà là nắm vững dự đoán phát triển kinh tế, xác định phương hướng và chiến lược lớn phát triển kinh tế, tạo hoàn cảnh vĩ mô tốt cho kinh tế vi mô phát triển. Phương pháp chỉ đạo bằng kế hoạch chủ yếu là thông qua các chính sách tài chính tiền tệ, thuế khóa, tín dụng, đầu tư và thu nhập, vận dụng các đòn bẩy kinh tế để đạt tới mục tiêu của kế hoạch. Thông qua kế hoạch nhà nước quản lý tốt vĩ mô ; thông qua thị trường, làm sống động vi mô. Chỉ có kết hợp như vậy, mới làm cho kế hoạch và thị trường có được tính thống nhất nội tại, mới hạn chế được mâu thuẫn giữa chúng. Xét trên toàn bộ quá trình kết hợp, thị trường tự nó nổi lên như là tính thứ nhất. Điều tiết bằng thị trường, do đó, đóng vai trò cơ sở.

c) Hoàn cảnh xã hội, giai đoạn phát triển cao thấp, trình độ phát triển khác nhau của sức sản xuất, lĩnh vực kinh tế khác nhau, v.v. đều có ảnh hưởng lớn đến việc kết hợp kế hoạch với thị trường. Vì vậy, trong quá trình đi sâu đổi mới, cần căn cứ vào các nhân tố ấy tìm ra *những hình thức kết hợp cụ thể phù hợp*, như kết hợp kế hoạch với thị trường trong giai đoạn trước công nghiệp hóa, trong các đặc khu kinh tế, trong nông nghiệp v. v.. Nói chung, trong giai đoạn trước cất cánh, kinh tế hàng hóa chưa phát triển mấy, tác dụng điều tiết của cơ chế thị trường còn yếu và hạn hẹp thì cần sử dụng cơ chế kế hoạch "mạnh", thông qua sự can thiệp "cứng" của nhà nước để bảo đảm cho nền kinh tế phát triển đúng hướng và cân đối. Nhưng sau khi nền kinh tế đã cất cánh, kinh tế hàng hóa đã phát triển khá, thị trường cũng theo đó phồn vinh lên, cơ chế điều tiết bằng thị trường dần trở thành phương thức chủ yếu để phân bổ các tài nguyên kinh tế của xã hội, thì cần áp dụng cơ chế kết hợp theo hướng : thị trường "cứng" hơn, chính phủ "mềm" hơn. Đồng thời, cần đi sâu cải cách tài chính, thuế khóa, lãi suất, hối suất, v.v. để cơ chế điều tiết bằng thị trường có điều kiện phát huy đầy đủ tác dụng vốn có của nó. Một điều cần lưu ý : sự can thiệp "cứng"

Digitized by Google

của nhà nước nói trên không có nghĩa là nhà nước thay thế vai trò của thị trường, mà chỉ có nghĩa hoặc chủ yếu có nghĩa là nhà nước chú ý tạo môi trường thuận lợi cho cơ chế thị trường hoạt động, hay nói một cách khác : làm những việc mà thị trường chưa làm được hay làm không tốt.

4- Đột phá quan hệ sản quyền, thúc đẩy cạnh tranh bình đẳng, thiết thực chuyển biến chức năng của chính phủ, để làm sống động xí nghiệp quốc doanh

Xí nghiệp là tế bào của nền kinh tế quốc dân, là cơ sở vi mô của kinh tế hàng hóa. Xí nghiệp có sức sống thì toàn bộ nền kinh tế quốc dân mới có sức sống, kinh tế hàng hóa mới nhộn nhịp. Xây dựng xí nghiệp quốc doanh nói riêng và kinh tế quốc doanh nói chung là để bảo đảm cho nền kinh tế quốc dân phát triển theo định hướng đã chọn và vận hành cân đối. Nếu để kinh tế quốc doanh, nhất là xí nghiệp quốc doanh làm ăn kém hiệu quả, dẫn tới nhà nước bị thua lỗ, nền kinh tế mất cân đối, thì khó lường hết được hậu quả của nó.

Tuy vậy, không ít xí nghiệp quốc doanh nước ta sau lần sắp xếp lại vừa qua vẫn trong tình trạng phát triển èo uột, làm ăn thua lỗ, hoặc đứng trước ngưỡng phá sản. Một số người nhân đó đã gán xí nghiệp quốc doanh với hiệu suất kém và muốn tư hữu hóa nó tuốt tuột. *Đó là một quan niệm sai lầm.* Xí nghiệp quốc doanh và hiệu suất kém không phải là những cái đồng hành với nhau. Nguyên nhân của tình trạng hiệu suất kém ấy có nhiều. Song, *cái quan trọng nhất* vẫn là *quan hệ sản quyền ở xí nghiệp quốc doanh mơ hồ*, chính quyền và xí nghiệp bất phân, chức năng sở hữu và chức năng kinh doanh bất phân. Những cái đó đã dẫn đến hậu quả : *một là*, chính quyền các cấp thường can thiệp vào hoạt động sản xuất kinh doanh của xí nghiệp vì lợi ích của mình, làm cho xí nghiệp khó trở thành người sản xuất hàng hóa độc lập, tự chủ ; *hai là*, cấp trên của xí nghiệp thì nhiều, song không có một cấp cụ thể nào trực tiếp chịu trách nhiệm về việc tăng giảm tài sản ở xí nghiệp, nên sự ràng buộc tài sản đối với xí nghiệp bị "mềm" hóa, khó ngăn chặn được tình trạng tài sản xí nghiệp bị vơi cụt dần (do xí nghiệp ăn lạm vào vốn hoặc do bị thất thoát nghiêm trọng qua nhiều con đường) ; *ba là*, khó dựa vào thông lệ của kinh tế hàng hóa để tách quyền sở hữu cuối cùng về tài sản với quyền sở hữu pháp nhân, hình thành tài sản pháp nhân do xí nghiệp độc lập chi phối (trên danh nghĩa, xí nghiệp là pháp nhân kinh tế độc lập, song trên thực tế, không có tài sản pháp nhân độc lập, nên khó có thể tự chịu trách nhiệm về lỗ lãi).

Do vậy, việc đi sâu cải cách thể chế xí nghiệp, cần lấy vấn đề quan hệ sản quyền làm điểm đột phá, tạo cơ sở vi mô cho xí nghiệp quốc doanh *tự chủ kinh doanh, tự chịu lỗ lãi, tự ràng buộc, tự phát triển* trong sóng gió cạnh tranh của thị trường. Mấy giải pháp chủ yếu là :

a) Xây dựng hệ thống quản lý tài sản quốc gia *độc lập* với hệ thống quản lý hành chính xã hội từ trung ương đến tỉnh, thành phố và huyện. Hệ thống quản lý tài sản quốc gia sẽ đại diện cho nhà nước thực hiện các chức năng quản lý tài sản, giám sát việc kinh doanh tài sản và quản lý việc thu lợi từ tài sản ; thực hiện việc phân cấp quản lý tài sản trong phạm vi theo luật định. Trên cơ sở đó, các cấp thuộc hệ thống quản lý tài sản quốc gia sẽ giao tài sản do mình quản lý cho các công ty *mang tính cạnh tranh* (công ty đầu tư hay công ty cổ phần) để họ tổ chức kinh doanh cụ thể, nhằm mục tiêu bảo toàn và nâng cao giá trị tài sản. Phương thức giao có thể và nên là đấu thầu, lấy tỷ suất lợi nhuận đầu tư cao thấp để chọn người trúng thầu. Công ty hoặc chủ kinh doanh trúng thầu có thể tiến hành hoạt động đầu tư (bỏ thầu) trên diện rộng, không bị giới hạn bởi khu vực hay ngành nghề. Làm như vậy, chúng ta sẽ chẳng những minh xác được quan hệ sản quyền ở xí nghiệp quốc doanh, "cứng" hóa được sự ràng buộc tài sản đối với xí nghiệp, mà còn giảm bớt hoặc chấm dứt được sự can thiệp của cơ cấu chính quyền đối với xí nghiệp, làm cho xí nghiệp trở thành người sản xuất kinh doanh hàng hóa tương đối độc lập tự chủ, có thể *tạo được cho mình sức sống.*

b) Tích cực thực hiện chế độ cổ phần, thông qua việc phát hành cổ phiếu, thu hút các xí nghiệp mua cổ phiếu của nhau, để lập nên những *tập đoàn cổ phần lớn* có khả năng cạnh tranh hiệu quả trên thị trường thế giới ; khuyến khích công nhân, viên chức, tư nhân, tập đoàn xã hội pháp nhân mua cổ phiếu của xí nghiệp hình thành cơ chế đầu tư xã hội hóa và kết cấu sản quyền đa dạng. Đương nhiên, việc cổ phần hóa đã nêu hoàn toàn không gạt bỏ một số xí nghiệp lớn *không mang tính cạnh tranh*, có ảnh hưởng quyết định đến sự cân đối toàn quốc, thì những xí nghiệp này vẫn do nhà nước độc

Digitized by Google

quyền đầu tư xây dựng hay nắm quyền khống chế tuyệt đối.

c) Trên cơ sở xây dựng hệ thống quản lý tài sản quốc gia, sẽ thực hiện chế độ ngân sách tài chính *kép* tương ứng : với tư cách là *người quản lý xã hội*, nhà nước thu thuế ; còn với tư cách là *người sở hữu*, nhà nước thu lợi nhuận. Phân nguồn thu như vậy sẽ có lợi cho việc "chân thực hóa" lợi nhuận của xí nghiệp, tránh được tình trạng lời giả lỗ thật. Đồng thời, chúng ta cũng cải tiến được chức năng của chính phủ từ chỗ lấy xí nghiệp làm đối tượng quản lý chính, sang lấy xã hội làm đối tượng chính trong quản lý vĩ mô. Chính phủ sẽ có điều kiện để thực hiện tốt *các chức năng chủ yếu* của mình như : xây dựng quy hoạch phát triển quốc gia và chính sách ngành nghề để hướng dẫn các xí nghiệp làm ăn ; làm tốt công tác hạch toán, thống kê, kiểm toán ; bảo đảm sự giám sát và quản lý hành chính cần thiết đối với các thành phần kinh tế trong điều kiện cạnh tranh lành mạnh ngày càng phát triển ; cung cấp thông tin, phục vụ tư vấn ; chuyên hóa và trẻ hóa đội ngũ viên chức... Các chức năng mới này tự nó đòi hỏi chính phủ phải cơ cấu lại bộ máy quản lý theo hướng : *tinh giản bộ phận quản lý ngành nghề, tăng cường cả về lượng và chất bộ phận tổng hợp quản lý vĩ mô.*

d) Thúc đẩy cạnh tranh bình đẳng giữa các xí nghiệp quốc doanh với nhau, giữa xí nghiệp quốc doanh với xí nghiệp tư nhân, xí nghiệp liên doanh..., khiến cho sức sống của xí nghiệp quốc doanh được tăng cường hơn. Muốn vậy, *trước tiên*, cần thống nhất nguyên tắc hạch toán tài vụ của các xí nghiệp có chế độ sở hữu khác nhau ; thực hiện chế độ kế toán giá thành thống nhất thích ứng với kinh tế hàng hóa (như cho phép tính vào giá thành của xí nghiệp quốc doanh các khoản chi có tính chất tiền lương, chi cho lợi tức tiền vay để hình thành tài sản cố định của xí nghiệp, v.v. nhằm "chân thực hóa" lợi nhuận của xí nghiệp, qua đó, chính xác hóa thuế đóng của xí nghiệp); thực hiện chế độ thuế suất thống nhất ; áp dụng phổ biến thuế giá trị gia tăng. *Thứ đến*, cần giảm bớt đóng góp của xí nghiệp quốc doanh cho các phong trào xã hội (như các cuộc thi thể thao, người mẫu thời trang, thi hoa hậu và á hậu, v.v.) ; đơn nhất hóa mục tiêu của xí nghiệp quốc doanh (ngoài mục tiêu kinh tế, các mục tiêu khác như bảo đảm việc làm, y tế, nhà ở v.v. lâu nay vẫn do xí nghiệp lo, có thể và nên chuyển cho nhà nước lo thông qua việc cải cách chế độ bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm chờ việc, bảo hiểm y tế, hoặc do nhà nước, xí nghiệp và cá nhân cùng lo).

5- Kiên trì phát triển sức sản xuất và sự giàu có chung

Chỉ có phát triển sức sản xuất mới củng cố và hoàn thiện được từng bước chế độ xã hội mới và giải quyết được *mâu thuẫn chủ yếu giữa nhu cầu vật chất, văn hóa của nhân dân ngày càng tăng với tình trạng sản xuất xã hội lạc hậu* ở các nước này. Nếu xa rời nhiệm vụ phát triển sức sản xuất, nóng vội chạy theo việc xác lập chế độ công hữu thuần túy sẽ không tránh khỏi rơi vào chủ nghĩa xã hội không tưởng.

Muốn phát triển sức sản xuất, phải tập trung lực lượng phát triển kinh tế hàng hóa, coi đó như một *giai đoạn tất yếu phải trải qua* trong quá trình xây dựng từng bước chế độ mới xã hội chủ nghĩa. Đảng cầm quyền phải chuyển trọng tâm công tác vào quỹ đạo phát triển kinh tế hàng hóa ; kiên trì đổi mới toàn diện, lấy đổi mới kinh tế làm trọng tâm. Đặc biệt cần lưu ý, do nhiều nguyên nhân, thể chế kinh tế trong thời kỳ đầu xây dựng xã hội mới dễ bị xơ cứng, do đó, đổi mới luôn là công tác bức xúc. Nó là động lực thúc đẩy mọi công tác khác. Quá trình cải biến mô hình, thể chế kinh tế truyền thống thành mô hình, thể chế kinh tế hàng hóa tự nó đòi hỏi phải điều chỉnh nhiều khâu, thay đổi nhiều chính sách và giải pháp. Thực tế đổi mới ở nước ta cho thấy, khó có chính sách và giải pháp nào là toàn mỹ, chỉ cần chúng chứa nhiều nhân tố tích cực hơn, có tác dụng thúc đẩy sức sản xuất phát triển đúng hướng là được. Vì vậy, tiêu chuẩn để đánh giá một chính sách hay một giải pháp nào đó là tốt hay không, chủ yếu không phải ở chỗ xem nó có trong quy định hoặc phù hợp với quy định hiện hành hay không, mà ở chỗ xem nó có phát triển được sức sản xuất đúng hướng hay không. Trong thực tế, có không ít giải pháp gọi là "vượt rào" ở cơ sở, do tính hiệu quả của nó trong việc đáp ứng yêu cầu của sản xuất hàng hóa, đã được nhà nước hợp pháp hóa thành những quy định mới.

Khoa học kỹ thuật là sức sản xuất trực tiếp, là nhân tố quan trọng hàng đầu góp phần thúc đẩy tăng trưởng kinh tế. Nếu đầu thế kỷ này, trong các nhân tố làm tăng trưởng kinh tế, khoa học kỹ thuật mới chiếm 5% ; thì đến đầu những năm 60, đã chiếm 62% ở Nhật, 60% ở Mỹ, 87% ở Pháp. Vì vậy, muốn phát triển sức sản xuất, nâng cao đáng kể năng suất lao động, phải đặc biệt coi trọng phát triển khoa học kỹ thuật, đưa

Digitized by Google

sự nghiệp phát triển khoa học kỹ thuật lên vị trí quan trọng hàng đầu ; có ý thức xây dựng kinh tế, trên cơ sở tiến bộ khoa học kỹ thuật và nâng cao tố chất của người lao động ; tích cực áp dụng mọi biện pháp để mau chóng chuyển những thành quả ứng dụng và nghiên cứu khoa học thành sức sản xuất hiện thực. Đồng thời, để tránh nguy cơ tụt hậu về kinh tế do sự tụt hậu về khoa học kỹ thuật gây nên, cần đón đầu cuộc cách mạng kỹ thuật mới (với kỹ thuật *điện tử* và *vi điện tử* dẫn đầu) bằng *các biện pháp đã tỏ rõ có kết quả* : mở các khu khai thác kỹ thuật ; đa phương hóa việc nhập ngoại kỹ thuật ; tăng cường vai trò của nhà nước trong việc đẩy mạnh tiến bộ kỹ thuật; miễn thuế cho những hạng mục đầu tư của xí nghiệp vào mục đích tiến bộ kỹ thuật ... Hơn lúc nào hết, cần thấy rằng cạnh tranh hàng hóa trên thực tế là cạnh tranh về trí lực, cạnh tranh về khoa học kỹ thuật và quản lý, nói vắn lại là cạnh tranh nhân tài. Do đó, phải đặc biệt coi trọng trí thức, nhân tài, nghệ nhân, biến việc đó thành *tập quán xã hội* và *có chính sách ưu đãi xứng đáng với tài năng của họ*, không để rò rỉ chất xám từ quốc doanh ra tư nhân, từ trong nước ra nước ngoài.

Song song với những việc làm trên, cần coi trọng tác dụng của việc xây dựng văn minh tinh thần đối với sự phát triển của sức sản xuất, bởi lẽ hoạt động kinh tế không thể tiến hành một cách tự phát, nó là hoạt động cải tạo tự nhiên và xã hội do những con người có ý thức, có mục đích tiến hành. Tình hình chính trị xã hội, bộ mặt tinh thần của con người, ý thức giác ngộ của họ, v.v. đều có tác dụng không thể xem nhẹ đối với sự phát triển của sức sản xuất; tránh chạy theo văn minh vật chất đơn thuần do sự cám dỗ của kinh tế thị trường, để khỏi phải trả giá đắt như những nước công nghiệp đi trước đã phải trả.

Một vấn đề nữa cần phải kiên trì và phấn đấu gian khổ để thực hiện là *sự giàu có chung*. Mác từng chỉ rõ, quan hệ sản xuất như thế nào, thì quan hệ phân phối như thế ấy. Chế độ công hữu xã hội chủ nghĩa tạo khả năng thực hiện sự giàu có chung trên cơ sở sức sản xuất được phát triển cao độ. Đó là *đặc trưng bản chất của chủ nghĩa xã hội cần được giữ vững*, là một tiêu chí để phân biệt chủ nghĩa xã hội với chủ nghĩa tư bản. Công cuộc đổi mới nhằm giải phóng và phát triển sức sản xuất đang được tiến hành ở nước ta, chính là để biến khả năng ấy thành hiện thực. Nếu sức sản xuất phát triển mà của cải xã hội không được phân phối công bằng, chỉ có một thiểu số cư dân giàu lên còn đa số vẫn nghèo khó, tạo nên sự phân hóa hai cực, thì đó không phải là chủ nghĩa xã hội. Đương nhiên, sự giàu có chung không thể thực hiện được đồng đều trong cùng một lúc. Nó chỉ có thể đạt được sau một quá trình phấn đấu gian khổ lâu dài, có trước có sau, qua *mấy con đường đã và đang đem lại kết quả bước đầu ở nước ta.*

a) Kiên trì phân phối theo lao động, nới rộng hợp lý sự chênh lệch về số lượng và chất lượng lao động để *kích thích* và *nhân lên* tính tích cực lao động của mọi người, tăng thêm của cải xã hội, tạo cơ sở vật chất cho sự giàu có chung. Trong chế độ công hữu, bộ phận phân phối theo lao động phải là bộ phận chính trong tổng thu nhập của người lao động mới làm cho họ quan tâm đến thành quả lao động của mình và của xí nghiệp.

b) Thực hiện nhiều hình thức phân phối bổ sung có tác dụng không thể thay thế trong việc thúc đẩy sức sản xuất phát triển, tăng thêm việc làm cho người lao động (như có thêm thu nhập qua *lãi cổ phần*, qua *lợi tức*...) để khuyến khích người có vốn bỏ vốn ra kinh doanh, biến vốn chết thành vốn sinh lợi). Như vậy, một số sẽ giàu lên trước, giàu lên mà "không quên hàng xóm, bạn bè", giúp nhau cùng vươn tới sự giàu có chung.

c) Thành lập ngân hàng người nghèo để giúp vốn cho người nghèo muốn phát triển sản xuất, thông qua các hình thức đa dạng như : *thế chấp, bảo lãnh, tín cậy, trả bằng sản phẩm*... Sau khi đời sống họ đã khấm khá, cần khuyến khích họ tiết kiệm, gửi tiền vào ngân hàng, thực hiện "có đi có lại", để các kênh vốn cho vay và đi vay của nhà nước được phong phú và thông suốt.

d) Tích cực sử dụng thành thạo các biện pháp kinh tế, hành chính và luật pháp để điều tiết thu nhập, đề phòng và ngăn chặn sự phân hóa hai cực, như thực hiện thuế suất lũy tiến đối với phần thu nhập vượt mức, v.v.. Tuy nhiên, các biện pháp này cần quán triệt tinh thần "nuôi gà đẻ trứng" chứ không phải "giết gà lấy trứng", bởi vì nóng vội "rút ruột" các cơ sở sản xuất khi chúng vừa mới phất lên, sẽ làm cho chúng mai một hoặc thui chột đi ❑

Digitized by Google

Bước chuẩn bị hình thành thị trường chứng khoán ở Việt nam

TRẦN QUỐC TUẤN *

KINH nghiệm cho thấy, ở các nước phát triển theo cơ chế thị trường đều phải tuân theo và vận dụng khôn khéo các quy luật kinh tế mà trước hết là quy luật giá trị, quy luật cung cầu. Trong nền kinh tế thị trường, các yếu tố sản xuất là hàng hóa, do đó đòi hỏi khách quan phải có thị trường cho từng loại hàng hóa. Trong cơ cấu thị trường của các nước kinh tế phát triển, bên cạnh thị trường hàng hóa tiêu dùng, còn có thị trường tư liệu sản xuất, thị trường sức lao động, thị trường dịch vụ - thông tin và thị trường chứng khoán. Thị trường chứng khoán (TTCK) là một yếu tố cấu thành đặc biệt quan trọng của nền kinh tế thị trường và nó cũng có đầy đủ đặc trưng của một thị trường. Nói cách khác, TTCK ra đời và tồn tại là một tất yếu trong nền kinh tế. Đối với nước ta, việc huy động vốn nhàn rỗi của dân cư vào sản xuất, việc thực hiện cổ phần hóa các doanh nghiệp thuộc sở hữu nhà nước, quá trình hội nhập với thị trường khu vực và thế giới đòi hỏi phải xây dựng và đưa vào hoạt động thị trường chứng khoán.

Trong những năm qua, Nhà nước ta đã phát hành công trái dài hạn từ 5 đến 10 năm và những chứng khoán đầu tiên đã được đem ra bán. Nhưng do lãi suất quá thấp và dân chúng chưa quen nên mức cầu không đáng kể. Bên cạnh đó, Nhà nước dùng biện pháp hành chính tuyên truyền có tính cưỡng bức, làm cho việc mua công trái trở thành nghĩa vụ, bị coi là một thứ thuế nên không mang lại hiệu quả mong muốn.

Mới đây, Nhà nước đã chuyển qua hình thức trái phiếu kho bạc với lãi suất cao và trái phiếu tài trợ đường dây 500 kV bảo đảm bằng vàng. Các ngân hàng quốc doanh và cổ phần cũng phát hành trái phiếu với lãi suất cao hay đảm bảo bằng vàng. Việc làm đó được nhân dân bước đầu hưởng ứng. Mặt khác, khi phát triển kinh tế nhiều thành phần, khu vực tư doanh được mở rộng, luật công ty được ban hành thì công ty cổ phần được phát hành cổ phiếu và trái phiếu. Đó là những mặt hàng cung cấp cho TTCK, nhưng nó mới chỉ giới hạn trong số cán bộ công nhân viên, các tổ chức kinh tế, chưa bán rộng rãi trong nhân dân. Nếu TTCK được tổ chức sớm, việc mua bán chứng khoán được dễ dàng, sẽ tạo điều kiện cho việc huy động vốn đầu tư trong và ngoài nước để phục vụ công nghiệp hóa, hiện đại hóa nền kinh tế quốc dân.

Để chuẩn bị cho việc hình thành TTCK, theo tôi, chúng ta cần tiến hành một số bước cơ bản sau đây :

1. *Về yếu tố con người và bộ máy quản lý thị trường chứng khoán :*

Hiện nay Nhà nước rất quan tâm tới yêu cầu hình thành TTCK, nghĩa là về mặt lý thuyết, yếu tố con người đã phần nào được đáp ứng. Tháng 7/1995 Thủ tướng Chính phủ đã ra quyết định thành lập Ban chuẩn bị tổ chức TTCK (gọi tắt là Ban chứng khoán). Ban này có nhiệm vụ soạn thảo nghị định trình lên Chính phủ phê duyệt việc thành lập Ủy ban chứng khoán quốc gia và quy chế hoạt động của Ủy ban đó, chuẩn bị đội ngũ quản lý cán bộ nhà nước, quản lý thị trường, kinh doanh về chứng khoán, hợp tác với các nước và tổ chức quốc tế trong việc tổ chức TTCK ở nước ta.

Như vậy về mặt pháp lý, nước ta đã có một bước chuẩn bị. Vấn đề còn lại là tổ chức bộ máy quản lý sao cho có đủ khả năng nhập cuộc, lĩnh hội và điều hành TTCK. Bên cạnh đó, cần phải khẩn trương đào tạo đội ngũ cán bộ dưới hình thức gửi đi học tập, huấn luyện ở nước ngoài và mời các chuyên gia kinh tế nước ngoài vào nước ta tổ chức tọa đàm, hội thảo. Thông qua đó để bồi dưỡng đội ngũ này trở thành những chuyên gia lành nghề về quản lý và điều hành TTCK một cách có hiệu quả.

2. *Về hàng hóa cho thị trường chứng khoán :*

Cũng như những loại thị trường khác, muốn có TTCK, trước hết phải có chứng

* Thạc sĩ. Ngân hàng nhà nước Việt nam, tại các tỉnh phía Nam

Digitized by Google

khoán, vì nó là hàng hóa của TTCK. Do đó chuẩn bị hàng hóa cho TTCK là nội dung cơ bản có tính quyết định. Hiện nay, trên thị trường nước ta cũng đã có một số hàng hóa (cổ phiếu, trái phiếu) như :

+ *Cổ phiếu của các doanh nghiệp cổ phần*, bao gồm trên 100 doanh nghiệp cổ phần, trong đó có 47 ngân hàng thương mại cổ phần, 2 công ty tài chính, 2 công ty bảo hiểm và các công ty kinh doanh công thương nghiệp khác, tổng giá trị trên 1 000 tỉ đồng.

+ *Các loại trái phiếu* : trái phiếu xi măng Hoàng thạch phát hành đạt 44,4 tỉ đồng ; trái phiếu đô thị xây dựng đường Nguyễn Tất Thành, TP Hồ Chí Minh đã phát hành được 24,7 tỉ đồng ; trái phiếu Ngân hàng đầu tư phát triển đã phát hành được 200 tỉ và 1 triệu USD ; và trái phiếu Ngân hàng nông nghiệp đã hoàn thành chỉ tiêu 500 tỉ đồng. Ngoài ra, còn có trái phiếu kho bạc với lãi suất cao và trái phiếu tài trợ đường dây 500 kV đảm bảo bằng vàng ước tính trên 100 tỉ đồng. Sắp tới Ngân hàng thương mại quốc doanh sẽ phát hành trái phiếu quốc tế ra nước ngoài (theo quyết định của Thống đốc Ngân hàng nhà nước số 139/QĐNH1 ngày 18-5-1995).

Tổng giá trị các loại chứng khoán này ước tính gần 2 000 tỉ đồng. Nếu so với TTCK các nước thì không đáng kể, nhưng nó có ý nghĩa đối với một TTCK mới ra đời ở nước ta.

Đặc điểm của chứng khoán ở nước ta hiện nay là mệnh giá lớn (không dưới 1 triệu đồng) chủ yếu là chứng khoán kinh doanh được phép chuyển nhượng nhưng rất khó khăn, và người mua cổ phiếu chưa phải là người dân mà chủ yếu là các doanh nghiệp, các tổ chức kinh tế.

Yêu cầu để chuẩn bị hàng hóa cho TTCK là phải tạo ra nhiều hàng hóa phong phú, chứng khoán phải được mua bán tự do, dễ dàng theo nguyên tắc tự nguyện và có lợi ; đồng thời phải đi vào quần chúng nhân dân và những nhà đầu tư.

Để tạo được số lượng hàng hóa cần thiết cho TTCK và đạt yêu cầu nói trên chúng tôi cho rằng phải đồng thời thực hiện các biện pháp sau :

- Tiến hành nhanh chóng cổ phần hóa những doanh nghiệp quốc doanh đã đủ điều kiện theo chỉ thị 204/TTCK. Không thực hiện độc quyền của nhà nước và các loại doanh nghiệp ngoài quốc doanh khác có quy mô quá nhỏ.

- Tạo điều kiện cho các doanh nghiệp cổ phần phát hành cổ phiếu huy động thêm vốn.

- Cho phép các doanh nghiệp đủ điều kiện phát hành trái phiếu dài hạn. Chẳng hạn : Công ty trách nhiệm hữu hạn chỉ có thể phát hành trái phiếu thế chấp ; công ty cổ phần có phát hành trái phiếu có thể chuyển đổi được hay trái phiếu có thế chấp ; công ty quốc doanh có thể phát hành những loại trái phiếu thông thường nhưng phải có sự bảo lãnh của Bộ tài chính hoặc Ngân hàng đầu tư.

- Lưu động hóa các loại chứng khoán có nghĩa chứng khoán phải đưa ra mua bán tự do và được luật pháp bảo trợ.

- Chính quyền phát hành các loại trái phiếu có mục đích để thực hiện các cuộc đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng và phát triển công trình công cộng (chẳng hạn như trái phiếu đô thị đường Nguyễn Tất Thành, TP Hồ Chí Minh).

3. *Tổ chức môi giới chứng khoán :*

Hoạt động của TTCK trước hết cần những tổ chức trung gian chứng khoán. Hiện nay nước ta chưa có các tổ chức chuyên môn hoặc các thương nhân hành nghề môi giới chứng khoán và nếu có các tổ chức chưa phát huy được tác dụng do họ chưa có lòng tin trong nhân dân. Vai trò môi giới chứng khoán bước đầu nên sử dụng các ngân hàng trong nước, ngân hàng liên doanh, các công ty tài chính và các cơ quan tư vấn đầu tư. Bởi vì chỉ có các ngân hàng, công ty tài chính là những tổ chức kinh doanh tiền tệ đã quen thuộc và gần gũi với dân chúng hay người đầu tư. Đồng thời chính các tổ chức này mới có đội ngũ chuyên gia kinh tế nhiều kinh nghiệm, có khả năng phân tích và dự đoán khuynh hướng phát triển của từng ngành kinh tế nói chung, từng đơn vị kinh tế nói riêng. Do đó, họ có khả năng nhất trong vai trò tư vấn cho việc phát hành và mua bán chứng khoán.

4. *Công tác kiểm toán :*

Các doanh nghiệp muốn phát hành chứng khoán và đưa chứng khoán ra bán tại TTCK, phải công bố công khai các báo cáo cân đối tài chính, kết quả kinh doanh và các tài liệu

Digitized by Google

có liên quan đến việc phát hành chứng khoán. Các báo cáo đó chỉ có giá trị khi đã có sự kiểm soát và xác định của các cơ quan kiểm toán độc lập. Trên cơ sở công tác kiểm toán đó mà Ủy ban chứng khoán quốc gia quyết định các chứng khoán của doanh nghiệp nào được đưa ra phát hành mua bán tại TTCK. Và đó sẽ là những tài liệu chính thức cho các cơ quan quản lý điều hành, môi giới chứng khoán công bố công khai cho dân chúng và tại TTCK.

Hiện nay ở nước ta đã có ba công ty kiểm toán nhà nước là *Công ty kiểm toán Việt nam* (viết tắt VACO), thành lập năm 1991 ; *Công ty dịch vụ tư vấn tài chính kế toán và kiểm toán* (AASS) thành lập năm 1993 ; *Công ty kiểm toán và dịch vụ tin học* thành lập năm 1994, và một số công ty kiểm toán quốc tế cũng đã thành lập công ty 100% vốn nước ngoài tại Việt nam (E & Y, KPMG, Price Waterhouse, Deloit Touche Tohmatsu ; Arthur Andersen ; Copper...). Ngoài ra, còn có một số văn phòng đại diện của các công ty kiểm toán quốc tế khác. Đây là những công ty kiểm toán có ý nghĩa rất lớn trong việc hỗ trợ cho việc cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước và tạo cơ sở cho việc hình thành TTCK ở Việt nam sắp tới.

5. *Thông tin kinh tế :*

Thông tin kinh tế không phải là một bộ phận của cơ quan tổ chức quản lý điều hành TTCK, nhưng là một mặt công tác rất cần thiết cho các hoạt động TTCK. Bởi vì : Công chúng chỉ mua cổ phiếu, trái phiếu của các doanh nghiệp, khi họ đã có thông tin về hoạt động, kết quả kinh doanh và khả năng phát triển của doanh nghiệp đó. Ủy ban chứng khoán quốc gia quyết định cho phép hoặc đình chỉ việc phát hành chứng khoán đối với một doanh nghiệp nào đó cũng phải dựa vào nguồn thông tin. TTCK hoạt động bị tác động bởi nhiều yếu tố như tình hình chính trị, kinh tế, xã hội trong từng thời kỳ... do đó cũng phải có thông tin.

6. *Quỹ đầu tư :*

Quỹ đầu tư là định chế tài chính nằm trong khái niệm TTCK và là một cơ quan trung gian do các nhà đầu tư, nhà doanh nghiệp hùn vốn lập nên. Thông quạ TTCK, quỹ đầu tư sử dụng nguồn vốn của mình mua chứng khoán. Trong trường hợp thiếu vốn, quỹ đầu tư sẽ huy động thêm các nhà đầu tư, nhà doanh nghiệp thân chủ. Hình thức đầu tư của quỹ đầu tư qua TTCK là hình thức đầu tư gián tiếp.

Đồng thời với việc thiết lập TTCK, Nhà nước cần cho thành lập quỹ đầu tư và kèm theo các quy chế hoạt động của nó. Có thể tổ chức quỹ đầu tư dưới hình thức các quỹ đầu tư trong nước hoặc quỹ đầu tư liên doanh với nước ngoài. Hiện nay có 5 quỹ đầu tư của nước ngoài đã đăng ký hoạt động ở nước ta. Đây là yếu tố rất cần thiết giúp ta học hỏi kinh nghiệm trong việc thành lập quỹ đầu tư và giúp cho người đầu tư nước ngoài tin tưởng, mạnh dạn hơn trong việc đầu tư kinh doanh tại Việt nam.

7. *Về hệ thống thanh toán :*

Vì hệ thống ngân hàng của chúng ta chưa có sự nối kết và thông suốt bình thường, việc thanh toán còn phiền phức, chậm trễ và chưa phù hợp với thông lệ quốc tế, cho nên cần sớm triển khai nối mạng thanh toán nhanh trên toàn quốc, tạo điều kiện cho các ngân hàng thương mại trong nước hòa nhập vào mạng thanh toán trên thế giới, trước mắt là các nước trong khu vực ASEAN.

Ngoài ra, hệ thống luật kinh tế của ta còn chưa được hoàn thiện nên cần sớm ban hành những bộ luật cơ bản cần thiết trong quan hệ kinh tế thị trường như : luật ngân sách, luật ngân hàng, luật kế toán và kiểm toán... Đó là nền tảng pháp lý rất cần thiết để hỗ trợ cho việc hình thành thị trường chứng khoán sau này hoạt động lành mạnh và có hiệu quả.

Tóm lại, quá trình hình thành TTCK phụ thuộc vào tiến trình thực hiện các bước chuyển tiếp nền kinh tế nước ta sang cơ chế thị trường, trong đó việc ban hành và thực hiện các chính sách, các chương trình cụ thể của nhà nước về phát triển kinh tế ở mỗi giai đoạn là hết sức quan trọng. Các bước đi đến thiết lập TTCK gắn liền với việc giải quyết các vấn đề liên quan đến xây dựng cơ chế quản lý kinh tế mới tức là gắn liền với quá trình hoàn thiện cơ chế quản lý một nền kinh tế thị trường với sự giám sát của nhà nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa ❑

Digitized by Google

ĐỔI MỚI, HOÀN THIỆN CHÍNH SÁCH VÀ CƠ CHẾ QUẢN LÝ THƯƠNG MẠI, DỊCH VỤ

HOÀNG ĐẠT *

I

CÔNG cuộc đổi mới kinh tế theo hướng phát triển kinh tế hàng hóa nhiều thành phần vận động theo cơ chế thị trường có sự quản lý của nhà nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa đã trải qua gần 10 năm. Trong 4 năm đầu tiên của công cuộc đổi mới, đi đôi với cải cách giá cả, việc đổi mới chính sách lưu thông và mở rộng kinh tế đối ngoại đã nhanh chóng thúc đẩy hình thành thị trường thống nhất trong cả nước, cung cầu được điều hòa, hàng hóa trên thị trường phong phú, thị trường trong nước gắn với thị trường thế giới và vượt qua được những thử thách và chấn động lớn.

Từ sau Đại hội VII của Đảng đến nay, chúng ta đã vận hành nền kinh tế theo cơ chế thị trường có sự quản lý của nhà nước. Dù rằng chưa đạt tới trình độ của một thị trường văn minh và hiện đại, nhưng về cơ bản chúng ta đã phá vỡ cấu trúc thị trường cũ, tạo các điều kiện và tiền đề cho việc phát triển thị trường và thương mại dịch vụ theo hướng tự do hóa, thực hiện chính sách thương mại nhiều thành phần, xóa bỏ về cơ bản những hàng rào ngăn cách lưu thông hàng hóa, khuyến khích liên doanh liên kết kinh tế, thực hiện đa phương hóa và đa dạng hóa kinh tế đối ngoại, nhanh chóng hội nhập vào thị trường thế giới và khu vực.

Do tác động tổng hợp của các chính sách đổi mới nêu trên, đang nổi rõ các xu thế vận động hợp quy luật chưa từng có trong cơ chế kinh tế cũ :

Một là, thị trường nội địa tiếp tục phát triển nhanh và mạnh, cả về chiều rộng và bề sâu. Lưu chuyển hàng hóa bán lẻ tăng 15-20%/năm (đã loại trừ yếu tố tăng giá). Bên cạnh một thị trường nhiều thành phần với thương nghiệp tư nhân chiếm tỷ trọng lớn, đã xuất hiện nhu cầu hình thành và thực tế từng bước đã hình thành các tập đoàn kinh tế - thương mại, các hãng công nghiệp - tài chính-thương mại và dịch vụ có vai trò chi phối trên thị trường cũng như có khả năng cạnh tranh với các đối tác bên ngoài.

Hai là, đang hình thành một thị trường cạnh tranh thực sự và đầy đủ, không chỉ đơn thuần tìm kiếm lợi nhuận nhờ khai thác chênh lệch về giá, mà hướng về khai thác nhu cầu và thỏa mãn các nhu cầu ngày càng phát triển của thị trường. Đồng thời cũng xuất hiện yêu cầu có chính sách bảo hộ mậu dịch và chính sách thay thế hàng nhập khẩu một cách hợp lý.

Ba là, bằng chính sách giá thị trường và tự do lưu thông, khả năng tự điều tiết của thị trường ngày càng phát huy. Đối với các mặt hàng quan trọng, nhà nước có kế hoạch định hướng mang tính chỉ đạo và có những hỗ trợ về mặt tài chính, lãi suất tín dụng... nhằm hình thành các lực lượng dự trữ sẵn sàng can thiệp vào thị trường khi xuất hiện dấu hiện chấn động. Thực tiễn thị trường Việt nam cũng cho thấy, đối với những mặt hàng thiết yếu, khi cung cầu cân đối chưa thật vững chắc, còn phải nhập khẩu , thì mọi sự tin tưởng tuyệt đối hoặc phó mặc cho cơ chế tự điều tiết, đều có thể dẫn đến những hậu quả tiêu cực, làm thị trường bị hụt hẫng và mất ổn định.

Bốn là, đã bắt đầu diễn ra quá trình các vùng lớn trong nước dịch lại gần nhau về quy mô thị trường, về tốc độ phát triển, về cơ cấu và giá cả hàng hóa, dịch vụ các loại ; có sự đồng bộ hóa trong quá trình phát triển các loại

* Giáo sư, Bộ thương mại

Digitized by Google

thị trường ; có sự hội nhập nhanh chóng của thị trường trong nước với thị trường khu vực và thế giới. Bên cạnh đó, cũng đã xuất hiện tình trạng *khu vực hóa thị trường* ở một số khu vực thị trường kém phát triển.

Trong chính sách và cơ chế quản lý thương mại dịch vụ vẫn còn những *mặt yếu* và *khoảng trống* :

Trước hết, tới nay vẫn chưa xác định được thật rõ mô hình thị trường và hoạt động thương mại của nền kinh tế định hướng xã hội chủ nghĩa có những đặc điểm gì và đòi hỏi gì về mặt thể chế, chính sách và cơ chế quản lý, để từ đó, có thể vừa giải quyết tốt những vấn đề đặt ra trong bước chuyển, vừa xây dựng từng bước cơ chế thị trường đích thực, phát huy hơn nữa khả năng tự điều tiết của thị trường. Cần đề phòng khuynh hướng trước những khó khăn và mặt trái của cơ chế thị trường, lại muốn quay về với cơ chế kinh tế cũ. Mặt khác, do không nắm vững đặc điểm của thị trường và hoạt động thương mại trong bước chuyển, nên để cho quá trình tự do hóa thương mại diễn ra mà thiếu sự kiểm tra, giám sát có hiệu quả của nhà nước.

Thứ hai, chính sách thương mại liên quan chặt chẽ với các chính sách kinh tế vĩ mô, đặc biệt với các chính sách tài chính, tiền tệ, tín dụng và cơ chế quản lý trong các lĩnh vực nói trên. Sự thiếu đồng bộ của hệ thống chính sách và cơ chế quản lý mà điển hình là tình trạng thiếu vốn "kinh niên" không được giải tỏa, lãi suất vay tín dụng cao so với lợi nhuận có thể đạt được, điều tiết từ thuế cao và bất hợp lý,... đang thực sự là những lực cản đối với hoạt động thương mại sau những thành công của tự do hóa lưu thông và giá cả.

Thứ ba, môi trường thị trường đòi hỏi một hệ thống pháp luật mạnh mà ta chưa có đủ, đặc biệt là thiếu những luật rất cơ bản điều chỉnh các quan hệ kinh tế thương mại như luật thương mại, luật chống độc quyền, luật bảo vệ người tiêu dùng.

Hệ thống luật pháp chưa hoàn chỉnh cùng với hiệu lực quản lý nhà nước yếu kém đã làm cho mặt trái của cơ chế thị trường có điều kiện phát triển. Đặc biệt là nạn buôn lậu, làm hàng giả, trốn thuế, kinh doanh trái phép diễn ra phổ biến và trong thời gian dài, nhưng chưa được ngăn chặn có hiệu quả.

Thứ tư, trong chính sách và công cụ quản lý vẫn còn nhiều yếu tố nửa vời, mang dấu ấn của chính sách và cơ chế quản lý của mô hình kinh tế cũ. Độc quyền của quốc doanh còn nặng, nhiều yếu tố điều hành mang tính hành chính tỏ ra thiếu hiệu quả, như xét cấp *quota*, quy đầu mối xuất nhập khẩu... vừa mâu thuẫn với nguyên tắc tự do cạnh tranh, vừa kèm theo những biểu hiện tiêu cực, nhưng chậm được thay đổi. Các công cụ quan trọng như kế hoạch, tài chính, tín dụng không theo kịp sự phát triển khách quan của thị trường. Đặc biệt, mối quan hệ giữa kế hoạch và thị trường vẫn chưa được xử lý tốt ; kế hoạch chưa gắn với mô hình kinh doanh và hoạt động thị trường, chưa đủ tính linh hoạt cần thiết, nên thường mang tính định hướng chung chung hoặc na ná như kế hoạch cũ (đối với mặt hàng trọng điểm), do đó không thích ứng được với thị trường khi nó có dấu hiệu biến động, và lúc ấy thường phải dùng các biện pháp hành chính để can thiệp.

Năm là, công cuộc cải cách về tổ chức và quản lý hành chính của nhà nước thực hiện quá chậm chạp. Vẫn tồn tại cơ chế "cấp trên chủ quản", vẫn còn tình trạng nhiều bộ thực hiện quản lý nhà nước về thương mại. Với mô hình quản lý ấy, làm sao tránh khỏi sự trùng lắp, chồng chéo và bỏ trống trong quản lý thương mại và thị trường ?

II

Tiếp tục đổi mới, hoàn thiện chính sách và cơ chế quản lý thương mại dịch vụ, nhất là trong điều kiện nền thương mại Việt nam đã bước đầu hội nhập với nền kinh tế thương mại khu vực và thế giới, là yêu cầu đặt ra cấp bách.

Nền tảng cho sự tiếp tục đổi mới là sự thống nhất về những quan điểm lớn sau đây :

1- Thị trường quyết định quy mô và cơ cấu sản xuất ; nó trực tiếp hướng dẫn các đơn vị kinh tế lựa chọn lĩnh vực hoạt động và phương án tổ chức sản xuất kinh doanh có hiệu quả.

Thị trường ở đâu cũng luôn luôn là ý chí, quyền lợi của người mua - hiện thân của cầu;

Digitized by Google

là nguồn sống và lý do tồn tại của người bán và người sản xuất, chứ không phải ngược lại.

2- Thị trường, đặc biệt là thị trường trong bước chuyển, cần có sự quản lý có hiệu lực và có hiệu quả của nhà nước. Mọi khuynh hướng thả nổi, để cho thị trường tự điều tiết hoàn toàn đối với những hàng hóa thiết yếu cho sản xuất và đời sống, đều có thể đưa tới các hậu quả tiêu cực.

Nhà nước tác động đến thị trường bằng chính sách, luật pháp và công cụ kinh tế, và bằng cả sức mạnh kinh tế mà khu vực kinh tế nhà nước đóng vai trò chủ đạo.

3- Thực hiện nhất quán nguyên tắc tự do, tự chủ kinh doanh theo pháp luật để phát huy và sử dụng được các tiềm năng, tính tích cực của mọi thành phần kinh tế phục vụ cho việc mở rộng lưu thông hàng hóa và thị trường.

4- Coi trọng sự đồng bộ, tính thống nhất của thị trường trong hoạch định chính sách vĩ mô, tổ chức hệ thống thương mại dịch vụ và chỉ đạo kinh doanh.

5- Trong việc tổ chức hệ thống thương mại dịch vụ, hoạt động kinh doanh thương mại và quản lý thị trường, phải đứng trên quan điểm gắn hiệu quả kinh doanh (tức là lợi nhuận so với đồng vốn bỏ ra) với hiệu quả kinh tế - xã hội, khắc phục *hai* xu hướng cực đoan từng xuất hiện : coi ổn định thị trường là việc của nhà nước, nhiệm vụ của doanh nghiệp chỉ là kiếm lời ; hoặc ngược lại, bắt doanh nghiệp làm cả chính sách xã hội mà nhà nước không có sự bù đắp hoặc tạo điều kiện thỏa đáng.

Về *đổi mới và hoàn thiện chính sách thị trường và thương mại dịch vụ trong thời gian tới*, theo tôi, cần tập trung vào những công việc trọng tâm sau :

1- Hoàn chỉnh chính sách tự do lưu thông theo pháp luật ở thị trường trong và với nước ngoài. Cần *luật hóa* quyền tự do kinh doanh; đơn giản hóa và hợp lý hóa các thủ tục về đăng ký và cấp phép kinh doanh. Mặt khác, phải chặt chẽ trong việc quy định biểu trưng, tên gọi cửa hàng, cửa hiệu, nhãn hiệu hàng hóa, bảo đảm kinh doanh theo đúng pháp luật, chứ không lộn xộn như hiện nay. Làm rõ thủ tục, trình tự kiểm tra, giám sát thị trường ; bảo đảm quy trình xử lý hợp pháp khi gặp vi phạm ; đặc biệt quan tâm chống tham nhũng trong công tác hải quan, thuế, quản lý thị trường.

Với xu thế hội nhập nhanh chóng thị trường thế giới và khu vực, vấn đề *tự do hóa* ngoại thương đang đặt ra cấp bách.

2- Quán triệt hơn nữa quan điểm thương nghiệp nhiều thành phần trong đó quốc doanh đóng vai trò chủ đạo. Nhà nước ngày càng tạo cho các doanh nghiệp có được môi trường cạnh tranh bình đẳng và cơ hội làm ăn ngang nhau. Đồng thời, thương nhân cũng có nghĩa vụ thực hiện nghiêm túc việc kinh doanh theo pháp luật, tuân thủ các quy định về thống kê, sổ sách kế toán, hóa đơn bán hàng... Chính sách cần thoáng, nhưng quản lý cũng phải chặt thì mới có thể lập lại trật tự thị trường và hướng tới một nền thương nghiệp văn minh, hiện đại và công khai hóa.

3- Xử lý tốt mối quan hệ giữa kế hoạch và thị trường để có được một chính sách cân đối tích cực về cung cầu. Đó là chính sách cân đối *động*, gắn với điều hòa thị trường, thích ứng với những biến động dài hạn và ngắn hạn của thị trường thế giới.

Đối với thị trường trong nước, chính sách cân đối cung cầu phải đi liền với việc tạo dựng một mô hình kinh doanh bảo đảm cho nhà nước có thể điều khiển sự vận động các hàng hóa trọng điểm theo những kênh lưu thông hợp lý ; có thể kết hợp sử dụng các chính sách hỗ trợ và công cụ điều tiết (như vốn, giá, tỷ giá, quota...) để định hướng, điều chỉnh các cân đối, làm cho kế hoạch đối với các hàng hóa thiết yếu thực sự là kế hoạch mang tính chỉ đạo.

4- Trên cơ sở chiến lược thị trường nội địa thống nhất, có chính sách thị trường phù hợp với các địa bàn. Chính sách phải làm cho thị trường đô thị trở thành trung tâm sản xuất và chế biến, đầu mối tiêu thụ và giao lưu, có sức hút lớn về thương mại đối với cả nước, đối với một vùng hoặc tiểu vùng, có tác động hỗ trợ cho các vùng khó khăn như nông thôn, miền núi... chứ không phải ngược lại.

Đối với thị trường nông thôn, tập trung giải quyết những khó khăn, như vốn cho chế biến và tiêu thụ ; công nghệ thích hợp và thị trường cho sản phẩm.

(Xem tiếp trang 36)

Digitized by Google

CÔNG TÁC BIÊN PHÒNG TRONG TÌNH HÌNH MỚI

PHẠM HỮU BỒNG *

CÔNG tác biên phòng bao giờ cũng giữ vị trí hết sức quan trọng trong sự nghiệp bảo vệ Tổ quốc. Nó không chỉ bảo vệ đường biên, mốc giới, giữ vững chủ quyền lãnh thổ quốc gia, bảo đảm trật tự an ninh trên các tuyến biên giới, vùng biển, mà còn trực tiếp góp phần giữ vững ổn định chính trị, tạo môi trường thuận lợi cho đất nước mở rộng hợp tác, hội nhập với cộng đồng quốc tế trong xây dựng và phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội theo kịp sự phát triển chung của thời đại.

Thời gian qua, những thành tựu quan trọng và toàn diện của sự nghiệp đổi mới trên các mặt xây dựng và bảo vệ Tổ quốc đã đưa nước ta ra khỏi khủng hoảng kinh tế- xã hội, tạo ra nhiều điều kiện thuận lợi, song cũng không ít khó khăn mới nảy sinh. Lợi dụng chính sách mở cửa của Nhà nước ta, kẻ địch thường xuyên xâm nhập móc nối, gây rối vùng biên giới, vùng biển, hải đảo của ta hòng làm suy yếu, ngăn chặn bước đi lên của dân tộc. Các thế lực thù địch ráo riết thực hiện "diễn biến hòa bình", tập hợp lực lượng công khai hóa, hợp thức hóa để chống phá ta trên nhiều mặt. Tình hình trên các tuyến biên giới, vùng biển, đảo đều diễn biến phức tạp, có lúc rất gay gắt. Trong bối cảnh đó, công tác biên phòng đã quán triệt sâu sắc đường lối chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, kịp thời đổi mới các chủ trương đối sách, đẩy mạnh công tác vận động quần chúng, xây dựng nền biên phòng toàn dân vững mạnh, đấu tranh có hiệu quả chống "diễn biến hòa bình" của địch, ngăn chặn, đẩy lùi các hoạt động lấn chiếm, xâm phạm chủ quyền, tài nguyên, lợi ích quốc gia trên đất liền và biển đảo ; giữ vững chủ quyền lãnh thổ, cải thiện mối quan hệ hữu nghị với các nước láng giềng, xây dựng biên giới hòa bình, hợp tác. An ninh chính trị khu vực biên giới được giữ vững, không để xảy ra các vụ việc đột xuất ; đấu tranh chống buôn lậu và các tệ nạn xã hội ngày càng có hiệu quả hơn. Quản lý nhà nước đối với biên giới quốc gia tiếp tục được tăng cường, tạo điều kiện thuận lợi, giảm phiền hà cho nhân dân, phục vụ tốt chính sách mở cửa, phát triển kinh tế của đất nước. Việc vận dụng và thừa hành pháp luật trong đấu tranh bảo vệ chủ quyền an ninh biên giới, vùng biển có nhiều tiến bộ. Việc kết hợp công tác biên phòng với tham gia thực hiện các chương trình kinh tế - xã hội ở miền núi và biển đảo đã có tác động nâng cao chất lượng nền biên phòng toàn dân, giữ vững lòng dân, củng cố khối đoàn kết dân tộc. Phong trào quần chúng tham gia bảo vệ chủ quyền lãnh thổ, chống tội phạm có nhiều đổi mới cả về nội dung, hình thức và biện pháp, đem lại hiệu quả thiết thực. Có thể nói, công tác biên phòng những năm qua đã hoàn thành tốt nhiệm vụ bảo vệ chủ quyền an ninh biên giới, vùng biển của Tổ quốc, góp phần xứng đáng trong các thành tựu chung của công cuộc đổi mới đất nước.

Thời gian tới, tình hình thế giới và trong nước sẽ có những biến đổi nhanh chóng, phức tạp, khó lường. Bên cạnh xu thế hòa bình, ổn định, hợp tác, ưu tiên cho phát triển kinh tế, thì cuộc đấu tranh xác lập một trật tự thế giới mới giữa các nước lớn với nhau và giữa các nước lớn với các nước độc lập dân tộc diễn ra gay gắt ; những xung đột về sắc tộc, tôn giáo, tranh chấp chủ quyền lãnh thổ, lợi ích quốc gia giữa các nước cũng hết sức quyết liệt, phức tạp, đe dọa sự ổn định chung của thế giới, khu vực và an ninh của mỗi quốc gia...

Đối với nước ta, những thành tựu của công cuộc đổi mới đã và đang tạo ra thế mới và lực mới, cả ở bên trong và bên ngoài, để chúng ta bước vào một thời kỳ phát triển

* Đại tá. Phó tư lệnh thường trực Bộ đội biên phòng

Digitized by Google

mới. Quan hệ của nước ta với các nước trên thế giới được mở rộng hơn bao giờ hết. Khả năng giữ vững độc lập tự chủ và hội nhập với cộng đồng thế giới tăng thêm. Nhưng những nguy cơ mà Đảng đã nhận định cho đến nay vẫn là những thách thức lớn.

Trên lĩnh vực quốc phòng - an ninh, tình hình có nhiều diễn biến phức tạp. Các thế lực thù địch mưu toan thực hiện âm mưu "diễn biến hòa bình", bạo loạn, lật đổ hòng xóa bỏ chế độ xã hội chủ nghĩa ở nước ta. Chúng chủ trương nhanh chóng thâm nhập sâu về kinh tế, gây biến động về chính trị, đồng thời tiếp tục chuẩn bị lực lượng và tìm cách, tạo cớ can thiệp bằng hành động quân sự khi có thời cơ. Đặc biệt, năm 1996 là năm đại hội đảng các cấp và Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ VIII, năm mở đầu kế hoạch 5 năm 1996 - 2000, các thế lực thù địch sẽ tăng cường chống phá cách mạng nước ta. Bằng các biện pháp tổng hợp, tinh vi, lấy kinh tế làm mũi nhọn, kết hợp với tấn công chính trị, tư tưởng, chúng sẽ đi sâu vào phá nội bộ, lấy chuyển hóa, từ bên trong là chính, kết hợp với bạo loạn lật đổ nhằm chống phá nước ta, trước mắt là phá đại hội đảng từ cơ sở.

Trong khi đó, nhiệm vụ bảo vệ chủ quyền, tài nguyên trên biển, thềm lục địa và biên giới cũng rất phức tạp vì còn nhiều yếu tố chưa thật sự ổn định. Cuộc đấu tranh chống các tội phạm kinh tế, hình sự, chống buôn lậu qua biên giới, trên biển, giữ gìn trật tự an toàn xã hội và chống các tệ nạn xã hội cũng đang là vấn đề bức xúc, phức tạp trên nhiều mặt.

Nhiệm vụ đặt ra cho công tác biên phòng trong tình hình mới rất nặng nề và phức tạp. Chúng ta vừa phải bảo vệ biên giới trên bộ, trên biển, bảo vệ chủ quyền toàn vẹn lãnh thổ của đất nước, vừa phải bảo vệ an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội, bảo vệ tài nguyên quốc gia, chống xâm nhập trái phép, chống buôn lậu qua biên giới, xây dựng biên giới hòa bình hữu nghị, hợp tác và phát triển với các nước láng giềng. Như vậy, thực chất của công tác biên phòng là phải kết hợp chặt chẽ giữa quốc phòng, an ninh và đối ngoại ở biên giới để chủ động đối phó cả trong điều kiện hòa bình và khi xảy ra các tình huống đột xuất : vừa kết hợp bảo vệ độc lập chủ quyền với việc tạo điều kiện mở rộng quan hệ hợp tác, đối ngoại phục vụ cho sự phát triển đất nước. Thế trận biên phòng phải được chuẩn bị chu đáo cả về thế và lực.

Trên cơ sở quán triệt quan điểm toàn dân, toàn diện trong xây dựng, bảo vệ Tổ quốc, công tác biên phòng trong thời gian tới có những nhiệm vụ chính sau đây :

Một là, chống "diễn biến hòa bình", bạo loạn, lật đổ là nhiệm vụ cấp bách hàng đầu, phải được kết hợp chặt chẽ với nhiệm vụ bảo vệ chủ quyền biên giới, vùng biển, đảo và nhiệm vụ sẵn sàng ứng phó với các tình huống đột xuất. Cần nhạy bén làm chủ tình hình trên các tuyến biên giới ; không để xảy ra bị động, bất ngờ ; lấy giữ vững ổn định bên trong là chính, đồng thời tích cực ngăn chặn có hiệu quả xâm nhập từ bên ngoài. Hết sức coi trọng giữ vững an ninh nội bộ, bảo vệ Đảng, chính quyền và nhân dân. Chủ động phát hiện, giải quyết tốt mâu thuẫn trong nhân dân, nhất là các địa bàn trọng điểm vùng đồng bào dân tộc, tôn giáo ; củng cố khối đại đoàn kết dân tộc, tạo ra sự gắn bó giữa quân với dân, giữa dân với Đảng, với chính quyền. Chú trọng xây dựng cơ sở đảng, chính quyền địa phương, đội ngũ trưởng thôn, trưởng bản, thôn đội trưởng, công an viên... ở các làng, bản để xây dựng lực lượng nòng cốt vững mạnh ở địa bàn biên giới. Phối hợp, hiệp đồng chặt chẽ với các lực lượng đứng chân trên biên giới, chủ động tập duyệt các phương án đối phó với các tình huống ; giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn trên biên giới, biển, đảo.

Hai là, kiên quyết bảo vệ độc lập, chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ, lợi ích quốc gia, xây dựng quan hệ biên giới hòa bình, hữu nghị với các nước láng giềng. Nắm vững phương châm : " vừa hợp tác, vừa đấu tranh", "mở cửa đi đôi với gác cửa", "hữu nghị đi đôi với giữ vững chủ quyền". Kết hợp chặt

Digitized by Google

chẽ các biện pháp, các lực lượng, xây dựng phương án cụ thể để ngăn ngừa và đẩy lùi mọi hoạt động xâm phạm chủ quyền trên biên giới, biển, đảo. Thực hiện đúng đắn chính sách đối ngoại của Đảng, giữ vững nguyên tắc, kiên trì, khôn khéo trong đấu tranh ; kiềm chế, cảnh giác không mắc mưu khiêu khích của các phần tử cực đoan, không để xảy ra xung đột đối đầu ; nếu xảy ra phải giải quyết nhanh, gọn, thu hẹp, hạn chế hậu quả, tạo thuận lợi cho đấu tranh ngoại giao; kết hợp chặt chẽ giữa đàm phán và đấu tranh ngoại giao ở các cấp với sự phối hợp các lực lượng tại chỗ, đấu tranh chống lấn chiếm trên thực địa. Bố trí, sử dụng lực lượng phù hợp trên từng tuyến ; đấu tranh với từng loại đối tượng trong từng thời điểm phải đúng đối sách, đúng pháp luật, được lòng dân, có lợi cho công tác đối ngoại.

Ba là, tăng cường hiệu lực quản lý nhà nước đối với biên giới quốc gia, giữ vững kỷ cương phép nước trên địa bàn biên giới, vùng biển. Thực hiện nghiêm chỉnh các hiệp ước ký với các nước, các quy chế biên giới. Quản lý chặt chẽ xuất nhập cảnh, xuất nhập biên. Làm tham mưu cho các cấp chính quyền thực hiện tốt chức năng quản lý nhà nước đối với biên giới, vùng biển đảo. Thực hiện tốt quy định về cải cách hành chính trong kiểm soát, tránh gây phiền hà cho nhân dân. Phối hợp chặt chẽ giữa các lực lượng, đấu tranh có hiệu quả chống các tội phạm chính trị, kinh tế, hình sự và hoạt động buôn lậu trên biên giới, vùng biển. Trong đấu tranh phải nắm vững, vận dụng đúng đắn pháp luật và đối sách, tập quán, công ước quốc tế.

Bốn là, đẩy mạnh và chủ động tham gia việc thực hiện các kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội ở địa bàn biên giới, xây dựng tiềm lực cho thế trận biên phòng toàn dân ngày càng vững mạnh. Công tác biên phòng phải tích cực vận động quần chúng thực hiện các chương trình kinh tế - xã hội miền núi, biển, đảo, nhằm cải thiện dân sinh, nâng cao dân trí, phát huy dân chủ ; tập trung giải quyết những vấn đề cấp bách về đời sống, các mâu thuẫn trong nội bộ nhân dân, trên cơ sở đó giữ vững lòng dân, xây dựng cơ sở chính trị vững mạnh, tổ chức quần chúng bảo vệ chủ quyền an ninh biên giới và giữ vững trật tự an toàn xã hội ở khu vực biên giới, vùng biển ; ngăn chặn âm mưu tranh chấp quần chúng của các thế lực thù địch.

Năm là , tập trung xây dựng đơn vị vững mạnh toàn diện, chính quy.

Quán triệt những chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng, Nhà nước, trên cơ sở phát huy sức mạnh của toàn dân, của cả hệ thống chính trị, công tác biên phòng trong tình hình mới phải được đổi mới, tiến hành toàn diện và đồng bộ. Xây dựng, bảo vệ biên giới quốc gia là nhiệm vụ chung của toàn đảng, toàn dân, của tất cả các ngành, các cấp, của nhà nước và các đoàn thể, trong đó bộ đội biên phòng là lực lượng nòng cốt. Để đảm đương được vai trò nòng cốt trong nhiệm vụ bảo vệ, quản lý biên giới quốc gia, đáp ứng những yêu cầu nhiệm vụ nêu trên, bộ đội biên phòng cần được xây dựng vững mạnh theo phương hướng : *cách mạng, chính quy, tinh nhuệ, từng bước hiện đại*, có chất lượng cao, số lượng phù hợp, tổ chức hợp lý, chức năng nhiệm vụ rõ ràng. Đội ngũ cán bộ chiến sĩ bộ đội biên phòng phải vững vàng kiên định về chính trị, có trình độ quân sự, trình độ nghiệp vụ tốt, nắm vững pháp luật và quy chế biên giới, biết ngoại ngữ và biết tiếng nói của đồng bào các dân tộc nơi đóng quân, làm tốt công tác vận động quần chúng để thực sự là lực lượng nòng cốt trong nền biên phòng toàn dân.

Vấn đề mấu chốt quyết định là trong bất cứ tình hình nào cũng phải giữ được lòng dân và khối đại đoàn kết dân tộc. Trên cơ sở nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân, chúng ta ra sức xây dựng nền biên phòng toàn dân vững mạnh, tạo thành sức mạnh tổng hợp, bảo vệ vững chắc chủ quyền an ninh biên giới, biển, đảo của Tổ quốc, phục vụ cho sự nghiệp mở cửa phát triển kinh tế, đưa đất nước vào thời kỳ công nghiệp hóa và hiện đại hóa ⊿

Digitized by Google

NGHĨ VỀ MỸ THUẬT VIỆT NAM TỪ TRIỂN LÃM TOÀN QUỐC-1995

NGÔ QUANG NAM *

ĐÃ thành lệ, cứ 5 năm một lần Bộ văn hóa thông tin tổ chức triển lãm mỹ thuật toàn quốc. Năm 1995 là năm chẵn, lại là năm có nhiều ngày lễ trọng đại của dân tộc nên cuộc triển lãm mỹ thuật toàn quốc được đánh dấu như một mốc son về hoạt động cuối cùng trong hàng loạt hoạt động rộn rã do ngành văn hóa thông tin tổ chức. Triển lãm toàn quốc kỳ này còn có một ý nghĩa là kết thúc chặng đường phấn đấu của ngành hội họa trong thế kỷ 20, để chuẩn bị hành trang bước sang thế kỷ 21.

Nền hội họa Việt nam cũng như nhiều bộ môn nghệ thuật khác tiếp nhận được luồng gió đổi mới của Đảng như buồm tung cánh. Lại thêm trong điều kiện kinh tế thị trường, vẽ tranh và treo tranh ngày nay cũng đang là thú chơi, là sự "tích của" một vốn nhiều lời của các ông chủ mới. Sự phát triển như nấm của các khu nhà ở, hội trường, khách sạn, văn phòng đại diện v.v. cũng tạo ra nhu cầu mới, nhất là trong lĩnh vực trang trí nội thất theo các phong cách khác nhau. Đây là nét văn hóa đẹp đang và sẽ xuất hiện phong phú hơn nhiều trong thời gian sắp tới. Xã hội có nhu cầu, tự nhiên thị trường xuất hiện tấp nập kẻ bán người mua. Vì vậy, có người nói có lẽ nghệ thuật tạo hình trong mấy năm qua đang đi vào cuộc sống và có sự lớn vụt hẳn lên. Triển lãm mỹ thuật toàn quốc kỳ này phần nào phản ánh được vóc dáng và sự trưởng thành đó.

Tôi nói phần nào bởi lẽ triển lãm quy định mỗi tác giả chỉ được gửi 2 tác phẩm. Với số lượng 2697 tác phẩm của 1192 tác giả trên 47 tỉnh, thành phố, qua Hội đồng tuyển chọn số được treo chỉ có 977 tác phẩm của 789 tác giả ; trung bình mỗi tác giả chỉ được trưng bày hơn một tranh. Do vậy, trong từng tác giả có khi vẫn còn những tranh có giá trị mà chưa được bày ; lại còn một số tác giả có tên tuổi do điều kiện khó khăn về thời gian, phương tiện, đường sá, về sức khỏe, không kịp gửi tác phẩm... Âu cũng là một sự thiệt thòi cho các họa sĩ và cũng là cái khó để nhìn nhận, đánh giá phong trào chung.

Xem xong triển lãm có ý kiến băn khoăn là triển lãm toàn quốc - cả một chặng đường 5 năm, chẳng lẽ không có lấy một huy chương vàng? Chẳng lẽ ngành mỹ thuật lấy tiêu chí cao quá chăng ?

Ngày trước, về tranh vẽ còn có hàng loạt tác phẩm như "Tát nước đồng chiêm" của Trần Văn Cẩn ; "Kết nạp Đảng" của Nguyễn Sáng; "Xô viết Nghệ tĩnh" của nhóm tác giả ; "Tổ đổi công" của Hoàng Tích Chù ; "Tan ca mời chị em thi thợ giỏi" của Nguyễn Đỗ Cung ; "Gióng" của Nguyễn Sáng. Về tượng có :"Bác Hồ với thiếu nhi" ; "Thành đồng Tổ quốc" của Diệp Minh Châu ; "Nguyễn Văn Trỗi" của Nguyễn Hải ; "Bác Hồ" của Trần Văn Lắm; "Nắm đất miền Nam" của Phan Xuân Thị v.v.. Bây giờ tìm mãi không thấy bức nào vượt trội lên. Quả thực, điều băn khoăn của một số người cũng có cái lý của nó. Bởi vì nhìn toàn cảnh triển lãm, ta thấy nghệ thuật tạo hình ngày nay có nhiều mặt biểu hiện đẹp hơn trước, song phần lớn là cái đẹp hình thức, còn nội dung phần nào chưa bộc lộ hết được cái khát khao lớn lao của dân tộc.

Song cũng có ý kiến cho rằng, mỗi giai đoạn lịch sử có cách nhìn, cách cảm riêng ; và lại sự nhìn nhận, đánh giá hiện thực cũng lại phải có quá trình tìm tòi phát hiện. Ta không thể bắt cái nhìn hôm nay cứ mãi mãi mô phỏng cái nhìn hôm qua. Điều đó thật không biện chứng chút nào. Nếu theo quan niệm đó thì trong triển lãm lần này có thể chọn được khoảng chục "hoạ hậu". Ít ra ở mỗi thể loại : điêu khắc, sơn dầu, sơn mài, khắc gỗ, màu nước, phù điêu... đều có thể tìm được tác phẩm tặng huy chương vàng.

Tuy vậy, chỉ lướt nhìn qua 977 tác phẩm trưng bày, tôi đã thấy cuộc ra mắt công chúng của ngành nghệ thuật tạo hình kỳ này so với các triển lãm toàn quốc kỳ trước có nhiều nét mới, bởi mấy lẽ :

1- Phong cách biểu đạt thật đa dạng, muôn màu muôn vẻ, nhất là xuất hiện hàng loạt gương mặt trẻ rất đáng yêu. Đây là một biểu hiện đáng mừng. Có gì buồn tẻ bằng nghệ thuật ai cũng giống ai. Trong triển lãm kỳ này

* Họa sĩ. Chánh văn phòng Bộ văn hóa thông tin

Digitized by Google

nhiều tác giả đã có tên tuổi cũng tự vượt lên mình so với những gì mình đã có và xuất hiện một loạt thế hệ tên tuổi lần đầu "trình làng" trong triển lãm toàn quốc với những tìm tòi mới lạ. Đặc biệt, một số tác giả đã mạnh bạo "phá cách" ngay trên những chất liệu truyền thống, chẳng hạn như chất liệu sơn mài. Đây là cách đi rất mạo hiểm, bởi nếu thất bại, ở sơn dầu có thể xóa đi, còn ở sơn mài thì chỉ có đổ hết xuống sông.

Ngoài sơn mài, hội họa đã tìm sự biểu đạt mới trong lụa, giấy gió, khắc gỗ... là những loại chất liệu hết sức độc đáo của Việt nam so với các nền hội họa phương Tây. Về điêu khắc, kỳ này các tác giả mạnh bạo hướng tới những chân trời mới, đặc biệt đi vào hiện thực của đời thường, các nhà điêu khắc trẻ tỏ ra hết sức xông xáo và năng động. Song nếu so với hội họa thì điêu khắc vẫn chưa định hình một cách rõ nét nền điêu khắc Việt nam.

Theo tôi, cả hội hoạ và điêu khắc đều gặt hái được những ý lạ, tứ hay, phong cách đa dạng, chất liệu phong phú, đáng tự hào. Đáng tiếc là không ít tác phẩm có sự tiếp thu các trường phái phương Tây như trừu tượng, lập thể, siêu thực, vị lại v.v. nhưng khi biến hóa thành phong cách của mình chưa được nhuần nhuyễn. Có bức còn sống sượng. Có bức ta như bắt gặp Lê-giê Ma-tít (Léger Matisse), Sa-gan (Chagal), v.v. "tái thế" vào Việt nam một cách xa lạ và gượng gạo. Tuy vậy về cơ bản ở đây bật lên sự tìm tòi phong cách vẫn là những điều đáng khích lệ, được ghi nhận như một thành tựu quan trọng bước đầu.

2 - Về đề tài : Qua triển lãm toàn quốc kỳ này ta rất mừng là nghệ thuật tạo hình Việt nam vẫn đầy ắp không gian của thiên nhiên nhiệt đới với mầu sắc rực rỡ, tráng lệ, trên đó đã khắc họa được những con người Việt nam nhân hậu, giản dị. Con người và thiên nhiên hòa quyện với nhau được miêu tả, biểu đạt sinh động, từ những sinh hoạt đời thường đến những hoạt động mang tính rộng lớn, hoành tráng, dù bố cục theo phương pháp cổ điển "viễn cận tầu mã" phương Đông hay phương pháp "đồng hiện" của nghệ thuật hiện đại phương Tây song vẫn nói được chiều sâu tâm hồn Việt nam. Có bức đạt được tầm tư tưởng khá cao, đặc biệt là những tác phẩm mô tả tình mẹ con, gắn với tình nhân ái rộng lớn của dân tộc. Trong kỳ triển lãm này, ít có tranh miêu tả cụ thể về lịch sử đấu tranh giữ nước, dựng nước vĩ đại, những tập thể anh hùng làm nên lịch sử. Song bù lại là hàng loạt tác phẩm đi vào khai thác cá nhân con người, số phận con người, tâm tư người lính, hồi tưởng quá khứ, có bức biểu đạt đến cảm động. Dẫu sao chúng ta vẫn thèm khát những tác phẩm hoành tráng phản ánh hai cuộc kháng chiến vĩ đại của dân tộc. Đó thực sự là món nợ tinh thần còn canh cánh bên lòng, không phải chỉ của các bậc cao niên mà ngay với thế hệ trẻ, những người đang hái quả, cần nhớ đến người trồng cây.

3 - Các địa phương trong cả nước kỳ này rầm rộ tham gia đóng góp với toàn quốc. Phải nói đó là một điều đáng quý. Không ít tác giả có tác phẩm hay, đẹp lại là từ các tỉnh gửi về. Có một số trung tâm mạnh như TP Hồ Chí Minh, Quảng nam - Đà nẵng, Huế, Hải phòng, Hà bắc, Nam hà, Hà tây với nhiều tác phẩm xứng đáng đưa vào đọ sức chẳng thua kém những tác phẩm được giải thứ hạng cao. Đã là nghệ thuật thì không có nghệ thuật trung ương, nghệ thuật địa phương, chỉ có tác phẩm và tác giả hay mà thôi. Cũng nên tránh sự gượng ép đưa vào giải những tác phẩm yếu, vì sẽ vừa hại cho tác giả, vừa ảnh hưởng đến phong trào chung của mỹ thuật. Giải thưởng đâu phải chỉ dành cho một cá nhân nào, mà nó có ý nghĩa cắm mốc và định hướng phát triển cho cả một ngành nghệ thuật. Nêu những vấn đề chung nhất với hy vọng đóng góp thêm một tiếng nói nhằm đưa mỹ thuật nước nhà tới những vụ mùa bội thu trong tương lai. Mong ước chúng ta sẽ vượt qua được những điều bất cập, những thiếu hụt để có được độ chín, sự toàn vẹn và những tài năng lớn... Thiết nghĩ, để đạt được ước mơ ấy, Bộ văn hóa thông tin, Hội chuyên ngành ở trung ương và địa phương phải hợp lực cùng các nghệ sĩ, vừa phải gấp rút đầu tư, tranh thủ sức sáng tạo của những nghệ sĩ lão thành, vừa phải có kế hoạch cụ thể để đào tạo, bồi dưỡng, vun trồng những tài năng trẻ cả về chuyên môn, lẫn vốn sống, vốn lý luận... Nên đặc biệt trân trọng, tạo điều kiện cho những nghệ sĩ trẻ, nghèo có thể tham dự ở những phòng tranh, triển lãm chung và có điều kiện tìm tòi, thử nghiệm. Mỹ thuật Việt nam sống được và nảy nở trong cơ chế thị trường là điều đáng quý. Nhưng mỹ thuật sẽ còn được trân trọng hơn khi bằng tiếng nói riêng của mình, nó thực sự đem đến cho cuộc đời, cho đất nước, cho nhân dân những xúc cảm thẩm mỹ và những giá trị cao quý ❑

Digitized by Google

Con sâu làm rầu nồi canh

NHƯ ĐÀM

TRONG cuộc vui ngồi uống nước trà ngày chủ nhật, "đột nhiên" tôi bị một anh bạn trẻ "phê bình".

- Sao chú vẫn giữ mãi cách sống khắc khổ của thời "quá khứ"? Vẫn cái xe đạp "tòng tọc" tới công sở mà chú không thấy "tủi" sao ?

- Với đồng lương hiện nay, cậu bảo mình "bói" đâu ra tiền mà "tậu" xe máy. Để có vại bia "đãi" bạn bè tới chơi, mình phải lẵn người ra viết bài, chụp ảnh mới có tiền đấy.

- Chú "bảo thủ" lắm - Cậu ta liền ngắt lời tôi - Bây giờ đã chuyển sang cơ chế thị trường rồi. Chú không thấy mấy cô hàng bia đấy sao ? Nếu không làm trò "ảo thuật" cho bia vào can pha thêm nước và rót cao tay để bia xủi bọt cho đầy cốc thì lấy đâu ra tiền để sắm Đờ-rim, A-tếch và son phấn ?

- Thế cậu bảo mình phải làm gì ?

Nghe tôi hỏi thế, cậu ta phá ra cười.

- Phải làm gì ư ? Cũng như các cô bán bia. Nghĩa là chú phải biết "khai thác" đúng nghề của mình.

- Nghề viết ? Cậu tưởng nghề viết hiện nay mà làm giàu được sao ?

- Đúng là "bố già" vẫn còn đi xe đạp "tòng tọc" là phải. Khối người lương còn thua kém xa chú, thế mà họ không những sắm được xe máy mà còn xây được cả nhà cao, cửa rộng ngay mặt đường phố. Vậy họ lấy tiền đâu ?

- Mình bì thế nào với họ được - Tôi phân trần - *Một là*, số đông họ trẻ nên "năng động", "tháo vát". Nhiều người lại có điều kiện đi họp nhiều, hay được nhận "phong bì". *Hai là* , họ thường được cơ quan cử đi nước ngoài cho nên cũng có điều kiện.

- Ôi ! Chú quả là người "sung sướng"- Cậu ta trố mắt nhìn tôi - Chú tưởng nhận "phong bì" thay bữa trưa mà mua được xe máy thì quả là chú ở vùng đất "chó ăn đá, gà ăn sỏi". Cháu tính cho chú nghe nhé : Người nào "hên" thì mỗi tháng đi họp tới mươi ngày, mức thu cao lắm cũng chỉ được dăm, sáu trăm nghìn đồng. Nhưng xe máy loại xoàng (xe bãi chẳng hạn) theo thời giá hiện nay ít ra cũng phải mươi, mười lăm, mười sáu tờ "xanh". Nhiều người trong họ còn phải nuôi con ăn học, có người vợ lại ở nhà không có việc làm, hỏi họ lấy tiền đâu ? Còn đi nước ngoài ư ? Cái thời bao cấp, chú được đi nước ngoài có nghĩa là chú hơn hẳn cháu. Mỗi chuyến đi như thế chí ít cũng được vài ba cái nồi hầm, dăm bảy bàn là hoặc đầu máy khâu. Về tới nhà, hàng xóm nhìn thấy những thứ đó thèm rỏ dãi. Anh nào đi học hoặc đi công tác dài hạn ở nước ngoài độ dăm năm thì đúng là được đổi đời. Nhưng nay đi nước ngoài về nhiều khi bị "lõm". Khối anh đi có mươi ngày mà bị "lõm" tới 2 "tờ" - Ngừng một lát, cậu ta tiếp : Cháu nói thật, chú "cổ lỗ sĩ" lắm. Chính nghề của chú là "mạnh" lắm đấy. Bọn tham nhũng, tiêu cực không sợ công an, tòa án bằng sợ các nhà báo đâu. Báo mà phanh phui thì bọn chúng chỉ có mà ra "tóp". Cậu ta đột ngột hỏi tôi : "Chú có thẻ nhà báo ở đây không cho cháu mượn" ? Tôi rút thẻ nhà báo ở trong túi ra đưa cho cậu ta và hỏi : "để làm gì?". Cậu ta nheo mắt, cười ranh mãnh rồi chỉ vào tấm thẻ nhà báo : Đây là thế mạnh của nghề chú đấy. Có người giàu lên do biết cách "sử dụng" cái "bảo bối" này đây. Họ có cần viết bài, chụp ảnh nhiều như chú đâu. Cái đích của họ là "phát hiện" những ngành, những địa phương, những đơn vị có biểu hiện tham nhũng, tiêu cực rồi xuất trình thẻ nhà báo, xin làm việc với lãnh đạo. Khi làm việc với lãnh đạo thì chú ý nói xa xôi, bóng gió ; vừa dọa, vừa khuyên, vừa hứa hẹn. Chỉ cần như thế là có thể "ăn đậm" không kém bọn buôn lậu đâu.

Nghe cậu ta nói tới đó thì tôi không còn chịu nổi.

- Thôi cậu đừng nói nữa. Giàu sang kiểu ấy là bất chính, bất lương, đâu có phải người làm báo nào cũng như cậu nói.

Thấy tôi nói có phần gay gắt, cậu ta liền cáo lỗi, rồi bỏ đi. Còn tôi thì cảm thấy nghẹn ngào, chua xót. Đúng là trong sự nghiệp đổi mới của chúng ta hiện nay đã và đang làm nảy nở rất nhiều hình mẫu tốt đẹp trên tất cả các lĩnh vực của đời sống xã hội. Nhưng cũng đáng quan tâm là ở mỗi đơn vị, mỗi bộ phận vẫn còn nảy sinh một số con sâu làm "rầu nồi canh". Cần phải thường xuyên kiểm tra, trừ diệt loại sâu gây hại này. Có như vậy chúng ta mới làm cho cây đời mãi mãi xanh tươi ⌟

Digitized by Google

NHẬT BẢN : SỰ THẦN KỲ HAI MẶT

HOÀNG XUÂN LONG *

BẰNG nỗ lực phát triển kinh tế, Nhật bản đã trở thành quốc gia nổi bật trên thế giới, từng được mang danh là "thần kỳ", "số một", "thành công"... Trong khi không thể phủ nhận thành tích hiện tại, thì việc đoán định tương lai của biểu tượng "mặt trời mọc" vẫn còn là một ẩn số lớn.

Sau quá trình dài chạy theo mục tiêu tăng trưởng kinh tế, thế hệ ngày nay ở Nhật đã đạt tới điều kiện vật chất vượt xa tổ tiên của họ. Nếu căn cứ theo các chỉ tiêu truyền thống như thu nhập quốc dân, mức năng lượng sử dụng, khối hàng hóa lưu thông..., rõ ràng bức tranh đương đại là viễn cảnh thiên đường của quá khứ. Nhưng đồng thời, tăng trưởng kinh tế cũng gây nên tổn thương lớn đối với môi trường tự nhiên và nhu cầu phát triển toàn diện của con người. Vì sự sống còn, nhân loại phải thay đổi căn bản lối sống và phương thức hoạt động. Lịch sử sẽ sang trang mới, mà ở đó, phát triển kinh tế - bảo tồn môi trường tự nhiên - phát triển toàn diện con người là sự thống nhất hài hòa. Đây chính là thách thức to lớn đặt ra trước tất cả các nền kinh tế, và Nhật bản là trường hợp khá điển hình.

Sự thần kỳ kinh tế Nhật bản là kết quả bắt nguồn từ nhiều nguyên nhân khác nhau. Theo phân tích của các nhà nghiên cứu, có thể kể ra các nhân tố : hướng ngoại, kỷ luật kinh tế vĩ mô, tiết kiệm và đầu tư, doanh nghiệp nhà nước phát huy tác dụng, chính sách công nghiệp đúng đắn, xây dựng nguồn lực con người, văn hóa đạo Khổng... Tất cả các yếu tố đó đã tạo ra sức mạnh và đặc tính độc nhất vô nhị của nước Nhật. Tuy nhiên, mọi phép mầu đều không vượt ra khỏi phương thức hoạt động đã thành nếp : vì lợi nhuận, người ta sẵn sàng đối xử tàn nhẫn với thiên nhiên và con người.

Từ thời Minh Trị duy tân, Nhật bản đã bị ám ảnh bởi quan niệm cho rằng, công nghiệp nặng và hóa chất là lực lượng chủ đạo trong nền kinh tế hiện đại. Suốt cả giai đoạn trước chiến tranh thế giới thứ II, giới công nghiệp không ngừng tiến tới mục tiêu đó. Sau chiến tranh thế giới thứ II, mặc dù Mỹ muốn khuyến khích công nghiệp nhẹ trước tiên và rất ý thức là một nước nghèo về tài nguyên khó có thể thành công, Nhật bản vẫn lựa chọn bước đi đầu tiên là công nghiệp thép. Hết lô này đến lô khác, số lượng lò cao tăng lên và sản lượng đạt tới gần 150 triệu tấn. Công nghiệp hóa chất, hóa dầu, dầu khí cũng sớm khai trương. Kế thừa các ngành công nghiệp vật liệu cơ bản sản xuất trong nước, ngành đóng tàu, sản xuất xe tải, mô tô, ô tô du lịch nối đuôi nhau phát triển.

Giai đoạn 1955 - 1965, chỉ số tăng của công nghiệp sắt và thép là 4,1 lần ; công nghiệp hóa chất : 4,1 ; dầu lửa và than : 5,3 ; kim loại mầu : 3,8 ; máy móc : 6,8 và chỉ số tăng chung của sản xuất công nghiệp là 3,7 lần. Giai đoạn 1965 - 1978, chỉ số tăng của công nghiệp sắt thép là 2,9 lần ; hóa chất : 3,2 ; sản phẩm dầu lửa : 2,7 ; kim loại mầu : 3,0 ; máy móc : 4,0. Tốc độ tăng trưởng nền kinh tế Nhật bản đạt con số trung bình 10% mỗi năm trong suốt những năm 50, 60 và đầu những năm 70 (từ 1946 đến 1976, nền kinh tế Nhật bản đã tăng gấp 55 lần), chủ yếu dựa vào nguồn động lực từ công nghiệp nặng và hóa chất.

Tăng trưởng kinh tế dựa trên nền tảng công nghiệp nặng và hóa chất luôn đồng hành với việc phá hoại môi trường. Trong ký ức người dân Tô-ki-ô hẳn còn dư âm về những đợt bạo động ô nhiễm khí độc công nghiệp thập kỷ 70. Đỉnh núi Phú sĩ kiêu hãnh thường xuyên bị phủ bởi làn khói nhà máy. Từ 1980 chính phủ Nhật đã có nhiều biện pháp giảm bớt các ngành công nghiệp gây ô nhiễm, nhưng tính tới thời điểm 1987, Nhật bản vẫn là nước đứng thứ 6 trong việc góp phần làm trái đất nóng lên (chỉ số hạng nhà kính). Đi theo con đường Nhật bản, các nền kinh tế NICs châu

* PTS. Bộ khoa học, công nghệ, môi trường

Digitized by Google

Á thế hệ 1 và 2 đang lập kỷ lục mới về phá hoại môi trường. Đặc biệt Hàn quốc đang được xem như hình ảnh Nhật bản cách đây 15 - 20 năm. Cuộc khủng hoảng môi trường diễn ra hết sức trầm trọng ở Xơ-un. Tại thủ đô Hàn quốc, nồng độ xun-phuya di-ô-xit cao trong không khí, và nước máy chứa nhiều chất mê-tan.

Phồn vinh kinh tế của Nhật bản còn tỷ lệ thuận với mức tiêu phí nguồn tài nguyên không thể tái sinh trên hành tinh chúng ta. Là những nước giàu có hàng đầu thế giới, Nhật và các nước phát triển khác phải chịu trách nhiệm chính đối với "tấn bi kịch của tài sản chung".

Thái độ đãng trí tập thể sẽ tiến tới hủy diệt môi trường sống của chính loài người. Ở mức độ thấp, sự thay đổi thời tiết cũng gây nên không ít tác hại cho hoạt động kinh tế phạm vi toàn cầu. Riêng Nhật bản, do đặc thù vị trí địa lý, sẽ thuộc vào vùng nhạy cảm hơn cả. Nhật bản phải chịu những cơn bão mạnh hơn, những cơn lũ đột ngột hơn ; mực nước biển dâng cao đe dọa các vùng đất thấp... Trường hợp trái đất nóng lên, sản xuất lương thực giảm sút, tuy không bị nhiều ảnh hưởng trực tiếp bởi số lượng diện tích trồng trọt thấp, song ảnh hưởng gián tiếp lại rất lớn vì nước này nhập tới 70% lương thực từ bên ngoài.

Giới nghiên cứu kinh tế thường nói : huy động nguồn nhân lực đóng vai trò chìa khóa mở ra sự tăng trưởng nhanh ở Nhật bản. Quả thật, toàn xã hội đã dồn mọi sinh lực cho hoạt động kinh tế. Sống trong môi trường đó, cá nhân chỉ có lối lựa chọn duy nhất :

- Quan hệ toàn diện với nơi làm việc, coi đây là chỗ dựa chủ yếu của cuộc sống.

- Cống hiến cho công ty, dù phải hy sinh phần nào sinh hoạt của bản thân. Không chỉ cống hiến thời gian, mà quan trọng hơn là tâm trí và sức sáng tạo. Người công nhân tham gia vào công tác quản lý, có nghĩa vụ thường xuyên đề xuất sáng kiến hợp lý hóa (mỗi lao động bình quân hằng năm có 60-80 sáng kiến).

- Đề cao đến mức lý tưởng hóa tinh thần trách nhiệm với công việc. Thậm chí, có những người đã tự vẫn chỉ vì những khuyết điểm, sai lầm nhỏ trong công việc hằng ngày.

Đương nhiên như vậy, *các nhu cầu và niềm say mê khác ngoài lĩnh vực kinh tế bị hạn chế và coi nhẹ*. Đặc biệt, sự cuốn hút vào nghề nghiệp không dừng lại ở người lớn, mà chuyển sang cả thế hệ trẻ, với biểu hiện cụ thể : học tập để chuẩn bị cho tương lai. Trẻ em Nhật bản bị buộc học 6 giờ ở trường chính thức, 3 - 4 giờ ở trường tư và 4 - 5 giờ ở nhà, tổng cộng khoảng 13 - 15 giờ một ngày. Một số nhà kinh tế Nhật cho rằng, chính nhờ sự chuyên cần và kỷ luật từ nhỏ, nên chất lượng công nhân Nhật bản mới cao như thế. Nhưng không được quên là chất lượng này trả giá bằng sự hủy hoại của chính họ. To-ri-ho Fu-ku-da nhận xét : "Nếu trẻ được tạo nhiều điều kiện hơn để có thể tự do vui chơi thì chúng sẽ có một sự phát triển lành mạnh hơn, toàn diện hơn... Tôi phải thừa nhận rằng tình hình trẻ em Nhật bản thật đáng lo ngại. Trông chúng có vẻ hạnh phúc thật đấy, chúng được ăn uống đầy đủ, quần áo đẹp đẽ, được hấp thụ một nền giáo dục tốt và chơi những trò chơi điện tử tiên tiến nhất. Thế nhưng, nhìn kỹ hơn ta sẽ thấy tất cả chúng đều bị tước đoạt mất thời gian, không gian và mối quan hệ thực sự với những đứa trẻ cùng lứa.

Chúng ta ngày càng gặp nhiều hơn những đứa trẻ có vấn đề, bị cô lập, bị gạt ra ngoài lề, bị tha hóa tại nhà trường, vì chúng đã không bao giờ học được cách thiết lập những mối quan hệ tích cực với người khác". (1)

Bên cạnh điều kiện làm việc tiên tiến, hiện đại, điều kiện sống và sinh hoạt của người dân Nhật bản khá khiêm tốn. Bình quân diện tích nhà ở mỗi người là 13,5 m^2 và mới 60% hộ có nhà riêng. Hệ thống nước thải chỉ phục vụ cho 30% dân số... ở Anh là 100% và ở các nước tiên tiến là trên 70% ... Công viên, quảng trường vẫn còn ít so với quốc tế. Theo tổng kết của Fu-ku-ta-ke Ta-da-si, sự cách biệt giữa hai mặt kinh tế và xã hội rất đáng kể. Là nước đứng thứ ba thế giới về GDP, nhưng về điều kiện sống của người Nhật chỉ ngang bằng 2/3 mức các nước tiên tiến Âu - Mỹ (2). Rõ ràng, đây là ví dụ điển hình cho đường lối phát triển kinh tế truyền thống ; hiến tế nhu cầu xã hội trên bàn thờ kinh tế.

Hiện nay người ta đang chứng kiến hậu quả của đường lối cực đoan đó. Ở Nhật bản

(1) *Người đưa tin UNESCO*, số 10 - 1991, tr 31

(2) Xem Fu-ku-ta-ke Ta-da-si : *Cơ cấu xã hội Nhật bản*. Viện nghiên cứu chủ nghĩa Mác- Lê-nin và tư tưởng Hồ Chí Minh, xuất bản 1991 , tr 136

Digitized by Google

có hiện tượng kỳ cục là các chàng trai từ 14 đến 20 tuổi đua nhau ăn diện như con gái (trang điểm son phấn, đeo đồ trang sức, sơn sửa móng tay, mặc váy...). Điều này có gốc rễ sâu xa là sự e ngại gánh nặng của người đàn ông trong xã hội ; con cái ít có điều kiện tiếp xúc với người bố (do đi làm suốt ngày), nên họ chịu ảnh hưởng thường xuyên của bầu không khí mang nhiều nữ tính. Giáo sư Si-ni-chi Na-ka-ta-oa nêu nhận xét : "các bà mẹ chi phối con trai, còn các ông bố từ bỏ trách nhiệm làm cha. Tình trạng vô gia cư có xu hướng phổ biến là sự phản ứng lại lối sống hối hả, tàn nhẫn. Một giáo sư đại học 50 tuổi bỏ nhà gia nhập đội quân vô gia cư chỉ vì đã kiệt sức với những trách nhiệm đè trên vai. Ông phát biểu "Tôi cần một lối thoát. Tôi muốn chạy trốn : cuộc sống này đúng là cô đơn và vất vả nhưng nhìn lại những người tất bật xung quanh, tôi không hề hối tiếc" [3]. Hiện tượng lạm phát chủ nghĩa huyền bí và nhiều loại tôn giáo mới phản ánh sự bế tắc trong cuộc sống hiện tại. Mới đây ở Nhật, cuốn sách "Trung ấm đắc độ" ra đời từ xa xưa ở Tây tạng lại được in và tái bản tới 20 lần trong một năm. Năm 1988 người ta thống kê ở Nhật bản xuất hiện tới 180 000 tổ chức tôn giáo...

Chúng ta đã nghe nói về bí quyết "công nghệ phương Tây cộng tinh thần Nhật bản". Vậy thực chất tinh thần Nhật bản là gì? Khi phân tích vấn đề này, các tác giả luôn tìm kiếm bộ mặt đối lập giữa Nhật bản và phương Tây, khai thác những quan hệ mang tính đặc thù phương Đông. Thực tế, ở Nhật bản tồn tại nhiều tôn giáo truyền thống phương Đông như đạo Khổng, đạo Phật, đạo Giáo... Tuy nhiên, cơ bản "tinh thần Nhật bản" chi phối quá trình vận động nền kinh tế không thuộc về các tôn giáo đó. Đây là một thứ lý thuyết khác hẳn : luận thuyết "đất thánh" hay "đất của các thần linh" (Sin-kô-ku-su). Chủ nghĩa dân tộc cực đoan tin rằng, Nhật bản là đất nước được cai trị bởi hoàng đế nhà trời, mà tổ tiên ông ta là các thần linh- những người đã tạo ra vũ trụ ; bởi vậy họ phải đứng trên tất cả các nước khác. Chính mọi tôn giáo, muốn cắm rễ bền vững, đều chịu chi phối bởi lý thuyết này. Đạo Lão đã chấp nhận điểm Hoàng Đế là thánh sống (Trời hiện thân) của dân tộc. Đạo Phật tôn vinh Hoàng Đế là vĩnh hằng như trời và đất...

Đêm trước cách mạng Minh trị, giáp mặt với phương Tây hiện đại, nước Nhật thâm quyết tâm xây dựng quốc gia mạnh hơn hẳn về phương diện quân sự và kinh tế. Quyết tâm "vượt lên số 1" trở thành phương châm soi rọi suốt chặng đường sau này : khi chống chọi với nước Nga ở cuối thời Minh Trị ; trong thời kỳ quân phiệt ; khi chủ nghĩa phát xít Đức được họ coi là lý tưởng ; khi hoang tàn sau thảm bại chiến tranh thế giới thứ II ; và ngay khi đã trở thành cường quốc kinh tế. (Kể từ sau chiến tranh thế giới thứ II, mục tiêu quân sự bị gác lại, chỉ tập trung vào mục tiêu kinh tế). Với niềm tự hào thái quá về đại dân tộc Nhật, người Nhật tâm niệm nghĩa vụ phải đứng trên tất thảy các dân tộc. Mặc dù thành đạt cao về kinh tế, họ vẫn không yên tâm với chính bản thân, "sống căng thẳng và không nhạy cảm... là những người tự kỷ ám thị" [4]

Cố gắng của Nhật bản đã đạt được kết quả thông qua thủ thuật thông thường đề cao *hiệu quả kinh tế*. Phép tính mầu nhiệm *hiệu quả kinh tế* mang lại sự giàu có nhanh chóng nhưng vốn dĩ là phép tính phiến diện, lệch lạc, không hơn mấy trò gian lận, quỵt nợ từ giới tự nhiên. Tính chất phi thường của Nhật bản giống như đầu vị thần Ja-nus hai mặt. Nó phù hợp với nhận định mà Fu-ku-ta-ke Ta-da-si đưa ra "Bước đi của chủ nghĩa coi sản xuất trên hết tuy có kết quả phi thường, nhưng mâu thuẫn tích lũy lại càng nhiều thêm". [5]

Người dân Nhật bản hiện nay có nền nếp tìm kiếm ra nguyên nhân tình trạng hỏng hóc trước khi sự cố xảy ra. Dân tộc Nhật cũng có truyền thống kiểm điểm cuộc sống trần tục, tìm đến nơi trong sáng của tâm hồn. Vào mùa xuân hằng năm, người dân xứ hoa anh đào tới chùa để nghe 108 tiếng chuông biểu hiện 108 điều sám hối về những gì đang ám con người trên thế gian, bất lễ, trộm cắp, hại người, vu cáo, chèn ép, tham ô ... đều bị "đánh đòn" và ném vào khoảng không, trôi về nơi xa xăm đừng bao giờ trở lại... Phải chăng, sau 20 năm phát triển làm giàu, đã đến lúc cần đánh thêm một tiếng chuông nữa để cảnh tỉnh : *Kinh tế không phải là tất cả.* ⌟

---

(3) Tạp chí *Một cửa sổ nhìn ra thế giới*, số 58-1994, tr 85

(4) Rô-bc-Ê-lê-găng : *Vận mệnh Thái bình dương nội cảnh châu Á ngày nay*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà nội, 1994, tr 311

(5) Fu-ku-ta-ke Ta-da-si : *Sđd*, tr 131

Digitized by Google

CÁC CON RỒNG TRONG TÌNH THẾ HIỂM NGUY

Những nền kinh tế kỳ diệu của châu Á đi vào khủng hoảng

Lời người biên tập : *Oan-đơn Be-lô (Walden Bello) và Xtê-pha-ni Rô-den-phen (Stephanie Rosenfeld) thuộc Viện nghiên cứu chính sách lương thực và phát triển ở Xan Phran-xi-xcô (Mỹ) đã viết cuốn sách dày 426 trang với đầu đề trên. Xin giới thiệu tổng quát nội dung cuốn sách để bạn đọc tham khảo.*

THEO các tác giả, NICs (các nước công nghiệp hóa mới) như Hàn quốc, Đài loan, Xin-ga-po (không tính Hồng công) thực ra chỉ là những nơi lắp ráp hàng công nghiệp của Nhật bản và Mỹ.

Những yếu tố chủ chốt của công thức phát triển của NICs là : *sản xuất hướng vào xuất khẩu, lao động rẻ, giá trị đồng tiền thấp, thị trường tự do, và nhà nước can thiệp ở mức tối thiểu.* Tuy nhiên, người ta quá nhấn mạnh vai trò của thị trường tự do và xem nhẹ vai trò tích cực của nhà nước. Ngày nay sự phát triển của các NICs đang giảm, bắt đầu đi vào khủng hoảng. Các nước này đang phải tiến hành cải cách để khỏi bị ném trở lại thế giới thứ ba.

Những dấu hiệu khó khăn bế tắc của NICs thể hiện trên nhiều mặt : kinh tế, xã hội, môi trường, sinh thái. Nguyên nhân những nhân tố giúp NICs nổi lên thành những con rồng như "các quan hệ đặc biệt" với Mỹ, các mối liên kết với Nhật, và hệ thống phát triển do nhà nước chỉ đạo mà các tác giả gọi là "chủ nghĩa tư bản chỉ huy" (Command capitalism) đã suy giảm hoặc mất đi.

Trước đây Mỹ nắm giữ vai trò nhất định về chính trị, kinh tế, là người bảo vệ thị trường tự do và thế giới tự do. Cũng như Nhật bản, các NICs gắn vận mệnh mình với Mỹ. Trong bối cảnh đó, NICs nằm ở vị trí tiền tiêu, do Mỹ o bế và trở thành nơi gia công hàng cho Mỹ, cung ứng dịch vụ nghỉ ngơi giải trí cho quân đội Mỹ.

Là những nước sát Nhật, chịu ảnh hưởng chủ nghĩa thực dân cũ của Nhật, các NICs tranh thủ Nhật về tài chính và công nghệ phục vụ công nghiệp hóa nhưng vẫn chỉ là những nước gia công đặt hàng cho Nhật tái xuất. Vào giữa những năm 80, trong khi NICs xuất siêu sang Mỹ thì lại nhập siêu trong buôn bán với Nhật bản, vì phải nhập linh kiện, chi tiết máy móc, bản quyền của Nhật bản.

Chủ nghĩa tư bản chỉ huy - giới kỹ phiệt-lãnh đạo nhà nước quyết định phương hướng chính sách kinh tế, chứ không phải chủ nghĩa tư bản tự do, làm cho NICs trở thành những nền kinh tế lớn trên thế giới. Sự can thiệp của nhà nước bảo đảm thực hiện phương hướng chính sách phát triển kinh tế đất nước.

Vào cuối những năm 80, môi trường trong và ngoài nước của NICs thay đổi cơ bản : Mỹ không còn là người hùng bảo vệ trật tự buôn bán tự do cũ nữa mà đã trở thành cường quốc bảo hộ mậu dịch hung hăng, ngăn cản NICs mở rộng thị trường. Các ngành công nghiệp chế tạo dựa vào lao động rẻ không còn là lợi thế cạnh tranh nữa. Công nghệ của NICs ngày càng trở nên lạc hậu. Nền kinh tế hướng vào xuất khẩu cần có những ngành công nghiệp tập trung vốn, công nghệ và trình độ lành nghề cao. Nhờ tăng trưởng kinh tế, lương lao động ngày càng cao, chi phí sản xuất tăng làm giá thành sản phẩm giảm tính cạnh tranh. Việc này làm nản lòng các nhà đầu tư nước ngoài. Chính sách kinh tế làm cho nông nghiệp phụ thuộc vào công nghiệp, môi trường sinh thái ngày càng bị ô nhiễm. Tình hình này khiến khuôn mẫu phát triển của NICs mất giá trị, kinh tế đi vào khủng hoảng. NICs phải đi vào điều chỉnh chiến lược.

Digitized by Google

Năm 1984, khi NICs nổi lên như là những ngôi sao trong nền kinh tế thế giới, một công trình nghiên cứu mật của Văn phòng phụ trách các vấn đề toàn cầu của CIA đã dự đoán rằng : "Sự thay đổi thành phần của NICs dường như là kết quả của một nước rời khỏi hàng ngũ của mình hơn là tiến tới địa vị một nước công nghiệp".

MÔ HÌNH PHÁT TRIỂN CỦA HÀN QUỐC ĐANG RỆU RÃ

Cuối những năm 80, Hàn quốc vấp phải cuộc khủng hoảng thể hiện trên 3 mặt : kiểu mẫu công nghiệp hóa bằng độc tài hướng vào xuất khẩu và những thể chế bảo đảm cho nó ngày càng không thích hợp ; tăng trưởng với tốc độ cao, khiến ngành nông nghiệp và môi trường bị hủy hoại và cơ cấu kinh tế khủng hoảng sâu sắc. Tổng thống Hàn quốc lúc đó là Rô Thê U đã chỉ rõ : "Các hệ thống và các trật tự chính trị, kinh tế và xã hội cũ bắt đầu rệu rã, do vậy chúng ta phải thực hiện bằng được nhiệm vụ cực kỳ nặng nề, khó khăn là xây dựng những hệ thống và trật tự mới thay thế chúng". Bộ trưởng kế hoạch - kinh tế Chô Sun cũng cảnh cáo rằng sự rệu rã của công thức phát triển cũ có thể dẫn đến tình hình "nền kinh tế của chúng ta sẽ sụp đổ như một số nước Mỹ la tinh". Tuy nhiên, giới lãnh đạo Hàn quốc cũng như các trụ cột của giới tư bản Hàn quốc chưa có giải pháp gì sáng tạo, vẫn bị ràng buộc bởi mô hình phát triển hướng vào xuất khẩu trước đây.

Giai cấp công nhân Hàn quốc ngày càng giác ngộ vai trò của mình, tăng cường đấu tranh : riêng mùa hè năm 1987 có tới 3500 cuộc đình công, đòi tăng lương, giảm giờ làm, cải thiện chế độ bảo hiểm. Lao động nữ ngày càng tăng, một lực lượng góp phần quan trọng vào phát triển kinh tế, đã nổi lên trong nhiều cuộc đấu tranh.

Sau chiến tranh, lãnh đạo chính trị Hàn quốc đưa chủ nghĩa quân phiệt vào quản lý đất nước, phát triển kinh tế, kiểm soát phong trào lao động. Chính phủ xây dựng ngành công nghiệp nặng và hóa chất làm nòng cốt cho công cuộc công nghiệp hóa. Để đạt mục tiêu này, chính phủ đã khuyến khích cạnh tranh tư bản chủ nghĩa, mở rộng thị trường cho nước ngoài đầu tư, hy sinh ngành nông nghiệp. Giới kỹ phiệt ngày càng bị các tập đoàn tư bản trong và ngoài nước chi phối ; nạn tham nhũng hoành hành. Bên cạnh đó, những yếu tố giúp Hàn quốc cất cánh (lao động rẻ, dựa vào thị trường nước ngoài, quản lý kiểu quân phiệt...) không còn nữa. Do vậy mâu thuẫn xã hội tăng lên, kinh tế rơi vào khủng hoảng. Điều đó, thể hiện trên 3 mặt đan xen nhau : kiểu mẫu công nghiệp hóa với tốc độ cao hướng vào xuất khẩu mất dần hiệu nghiệm ; nền công nghiệp và môi trường bị hủy hoại ; cơ cấu kinh tế khủng hoảng sâu sắc, phát triển công nghệ cao chỉ là ảo tưởng, vì vẫn phụ thuộc vào nước ngoài và hạ tầng kỹ thuật yếu kém, đầu tư cho nghiên cứu và phát triển hạn chế.

ĐÀI LOAN ĐANG GẶP RẮC RỐI

Đài loan cất cánh và trở nên thịnh vượng trong bối cảnh cuộc ganh đua thời kỳ chiến tranh lạnh. Ngày nay Đài loan đang phải trả giá cho chính sách kinh tế của mình : địa vị nền nông nghiệp sa sút, môi trường bị hủy hoại, ô nhiễm lan tràn, sự bóc lột tăng lên, khủng hoảng cơ cấu sâu sắc, lợi thế lao động rẻ mất dần, chuyển đổi nền kinh tế dựa trên công nghệ cực kỳ khó khăn. Giới kinh doanh bắt đầu chuyển hoạt động ra nước ngoài có lao động rẻ, tránh đầu tư vào các ngành công nghệ cao mà chính phủ mong muốn. Tình hình đó khiến nhân dân xa lánh chế độ, khủng hoảng chính trị và kinh tế nổi lên. Giai cấp công nhân dần dần thức tỉnh, nhận ra thủ đoạn bóc lột, cướp đoạt và đàn áp của chính phủ và giới kinh doanh tư bản, nhằm bảo đảm lợi ích của liên minh tay ba giữa giới lãnh đạo nhà nước của Quốc dân đảng, tư bản trong nước và tư bản đầu tư nước ngoài, trong quan hệ vừa bổ sung vừa cạnh tranh nhau. Do những yếu tố thúc đẩy Đài loan phát triển thịnh vượng không còn nữa, nên liên minh tay ba rạn nứt. Vào đầu năm 1990, Tổng thống Lý Đăng Huy và các nhà lãnh đạo khác nhận thấy : để tồn tại về lâu về dài, Quốc dân đảng phải "Đài loan hóa" không chỉ lãnh đạo mà cả cương lĩnh của mình.

Mất lợi thế về lao động rẻ so với các nước thế giới thứ ba khác, Đài loan hướng tương lai phát triển của mình vào công nghệ cao. Việc này trở thành ảo tưởng vì có nhiều trở ngại trong cải cách và chuyển đổi cơ cấu kinh tế như thiếu vốn, ít nghiên cứu phát triển, ít cán bộ khoa học kỹ thuật. Nhật bản và Mỹ chống lại việc chuyển giao công nghệ, muốn Đài loan

Digitized by Google

cung ứng hàng gia công, nhập khẩu công nghệ. Điều này khiến cho công nghệ của Đài loan lạc hậu so với các nước công nghiệp phát triển. Do vậy, tuy đời sống giai cấp trung gian ngày càng khá giả hơn so với các nước thứ ba khác, kinh tế Đài loan tiếp tục dựa vào lao động rẻ, một yếu tố ngày càng suy yếu.

Công nghiệp hóa và dân chủ hóa muộn màn gây ra những vấn đề gay cấn trong đời sống xã hội, môi trường, môi sinh. Đồng thời, ý thức giác ngộ giai cấp của công nhân tăng lên. Những cái đó đang trực tiếp đe dọa giới lãnh đạo Quốc dân đảng và liên minh tay ba. Vấn đề nổi lên là dân chủ thể hiện trong việc vạch chính sách phát triển và phân phối như thế nào.

XIN-GA-PO ĐANG DAO ĐỘNG

Xin-ga-po phát triển và thịnh vượng nhanh chóng nhưng còn nghèo nàn. Bất bình đẳng đang tăng lên. Bất mãn chính trị ở ngay trong xã hội cửa quyền. Giới kỹ phiệt cầm quyền cũng nhận thấy mô thức cũ phát triển kinh tế đã hết tác dụng. Năm 1965, khi Xin-ga-po tách khỏi Liên bang Ma-lai-xi-a, Lý Quang Diệu và Ban lãnh đạo Đảng hành động nhân dân (PAP) dự tính Liên bang sẽ là thị trường bảo hộ cho hàng công nghiệp của Xin-ga-po. Khi mất thị trường này, các nhà kỹ phiệt Xin-ga-po bỏ chiến lược công nghiệp hóa nhằm thay hàng nhập khẩu và đành thực hiện cách thức mới là công nghiệp hóa hướng vào xuất khẩu. Nhưng Ma-lai-xi-a cũng công nghiệp hóa, phát triển kinh tế hướng vào xuất khẩu nên động lực của chiến lược mới của Xin-ga-po thành ra không phải là giới chủ xí nghiệp trong nước nữa mà là liên minh giữa giới lãnh đạo nhà nước của Đảng PAP và tư bản nước ngoài.

Thị trường xuất khẩu, vốn nước ngoài và *lao động rẻ* là những yếu tố cơ bản của chiến lược kinh tế mới. Xin-ga-po đi tiên phong trong thế giới thứ ba trong việc thu hút đầu tư các công ty đa quốc gia. Tư bản nước ngoài vào đầu tư ở Xin-ga-po đã chi phối hầu hết nền kinh tế Xin-ga-po. Sự chi phối đó đã hạn chế, chèn ép giới doanh nghiệp trong nước, không khuyến khích thị trường trong nước phát triển, khiến giới kinh doanh phải hướng đầu tư ra nước ngoài, nhất là ở Đông Nam Á, chủ yếu vào bất động sản, ngành sản xuất hàng hóa và dịch vụ, tận dụng lao động rẻ.

Vì tham vọng nâng cấp cơ cấu công nghiệp từ chỗ sản xuất hàng hóa dựa vào lao động nhiều, rẻ sang nền sản xuất dựa vào công nghệ cao mà trên thực tế nhà nước PAP ngày càng bị tư bản nước ngoài chi phối. Tư bản nước ngoài lẩn tránh đầu tư, hợp tác trong lĩnh vực nghiên cứu và phát triển làm Xin-ga-po không đạt được sự phát triển công nghệ cao. Trước tình thế tiến thoái lưỡng nan, các nhà kỹ phiệt Xin-ga-po bắt đầu ít nói đến việc biến đảo này thành trung tâm tài chính và dịch vụ của Đông Nam Á. Sau khi mở cửa ra thị trường thế giới, thu hút các công ty đa quốc gia với ảo tưởng có thể gây ảnh hưởng với thị trường thế giới và chi phối các công ty đa quốc gia, các nhà kỹ phiệt PAP thấy rằng chính sách của họ đã biến kinh tế Xin-ga-po thành một nền kinh tế đơn thuần là dịch vụ mà số phận của nó hoàn toàn phụ thuộc vào những tính toán và nhu cầu của các công ty đa quốc gia, đặc biệt là các công ty hùng mạnh của Nhật bản.

Nhà nước tăng cường kiểm soát lực lương lao động bằng ba biện pháp cơ bản, không để họ liên kết với nhau ; nhập khẩu lao động nước ngoài để khắc phục tình trạng thiếu lao động ; tăng cường sử dụng lao động nữ ; ngoài ra nắm chắc các tổ chức công đoàn. Khó khăn trong đời sống xã hội đang nổi lên : dự tính khoảng 30% số hộ gia đình sống dưới mức nghèo khổ. Sự bất bình đẳng trong thu nhập giữa các tầng lớp, ngành nghề ngày một tăng. Người ta dự đoán rằng, kinh tế Xin-ga-po sẽ phát triển chậm, thậm chí mức sống giảm xuống, số có học thức và trình độ chuyên môn cao có thể sẽ ra nước ngoài kiếm sống.

Thực tế mấy năm qua cho thấy, sự kết hợp độc đáo giữa những nhân tố trong nước và những nhân tố bên ngoài đã cho phép một số nước nổi lên ở mức độ nhất định trong hệ thống tư bản chủ nghĩa thế giới, nay đã kết thúc. Chiến lược tăng trưởng với tốc độ cao, hướng vào xuất khẩu của Hàn quốc, Đài loan sẽ không tiến triển qua những năm 90 và cần sửa đổi nhiều nếu không nói là về căn bản để tránh cảnh NICs rơi trở lại thế giới thứ ba ❑

(Theo Tin đối ngoại, số 93, ngày 15-11-1995)

Digitized by Google

QUYỀN CON NGƯỜI, QUYỀN CÔNG DÂN

Hai khái niệm này thường đi đôi với nhau, có quan hệ rất gần gũi, có những điểm tương đồng, trùng hợp, nhưng không đồng nhất. Các công dân đều là con người, do đó đã là công dân thì có quyền con người. Nhưng không phải người nào cũng là công dân cho nên không phải ai cũng có quyền công dân.

• **QUYỀN CON NGƯỜI** : Trong lịch sử tư tưởng của nhân loại, có nhiều quan niệm về *quyền con người*. Quyền con người là khái niệm phức tạp, đa nghĩa và có thể được xem xét, phân tích dưới nhiều góc độ khác nhau : chính trị, luật học, triết học. Nhà triết học Anh J.Lock ở thế kỷ 17 - 18 định nghĩa : quyền con người là *quyền sống, quyền tự do và quyền tư hữu*. Hiến pháp 1791 của nước Pháp cho rằng quyền con người là *quyền tự do, sở hữu, được an toàn và được chống lại áp bức*. Tuyên ngôn độc lập của Mỹ, năm 1776 thì coi quyền con người là *quyền sống, quyền tự do và quyền mưu cầu hạnh phúc*. Gần đây nhà triết học Trung quốc Đồng Văn Hồ viết : "nhân quyền là *quyền sinh tồn và phát triển một cách tự do, bình đẳng*".

Về mặt pháp lý, quyền con người bao gồm nhiều quyền cụ thể và ngày càng phong phú hơn. Tuyên ngôn về quyền con người của Liên hợp quốc năm 1948 đề ra 30 điều có tính nguyên tắc về quyền con người. Các công ước 1966 của Liên hợp quốc khẳng định lại và cụ thể hóa thêm những nguyên tắc đó thành các quyền dân sự, chính trị (có thể tóm tắt thành 17 quyền cơ bản) và các quyền kinh tế, xã hội, văn hóa (có thể tóm tắt thành 7 quyền cơ bản).

Cũng như nhiều quốc gia đang phát triển, chúng ta quan niệm quyền con người phải bao hàm quyền *dân tộc độc lập*, quyền *dân tộc phát triển* không bị ngăn trở. Ngày nay quyền con người bao gồm quyền *được sống trong hòa bình*, trong *môi trường trong lành, không bị ô nhiễm*.

• **QUYỀN CÔNG DÂN**. Là quyền của con người với tư cách là công dân của một quốc gia, một chế độ pháp lý nhất định. Quyền công dân là hình thức cụ thể của quyền con người trong một phạm vi không gian và lịch sử cụ thể. Còn quyền con người là bản chất của quyền công dân.

Về mặt nội dung, quyền công dân có những điểm trùng với quyền con người, nhưng nó phong phú, đa dạng và cụ thể hơn. Nói tới quyền công dân là phải nói tới cả *quyền hạn* và *nghĩa vụ* công dân, *tự do* và *trách nhiệm* của công dân đối với xã hội cụ thể họ đang sống. Tất cả những điều đó được ghi nhận cụ thể trong hiến pháp và pháp luật. Quyền và nghĩa vụ công dân phụ thuộc chặt chẽ vào chế độ chính trị - xã hội, vào trình độ phát triển kinh tế, văn hóa của quốc gia ở mỗi giai đoạn lịch sử nhất định. Một cá nhân được hưởng quyền công dân hay không, và được hưởng đến mức nào phụ thuộc trước hết vào chỗ họ có là công dân của quốc gia nào đó không, và có tư cách công dân đến mức nào ? Những người không quốc tịch, hay những kẻ phạm tội bị kết án không được hưởng quyền công dân, mặc dù với tư cách con người, họ vẫn có những quyền con người nhất định, chẳng hạn quyền sống, quyền không bị đánh đập, tra tấn, bị bắt làm nô lệ, nô dịch, quyền tự do tư tưởng v.v..

Hiến pháp 1992 của nước ta khẳng định : "ở nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt nam, các quyền con người về chính trị, dân sự, kinh tế, văn hóa, xã hội được tôn trọng, thể hiện ở các quyền công dân và được quy định trong Hiến pháp và luật" (điều 50). Tiếp đó, từ điều 51 đến điều 81 Hiến pháp quy định các quyền và nghĩa vụ công dân. Có những quyền rất quan trọng như : quyền tham gia quản lý nhà nước (điều 53); quyền bầu cử, ứng cử (điều 54); quyền tự do kinh doanh (điều 57); quyền nghiên cứu khoa học, phát minh, sáng chế (điều 60); quyền được bảo vệ sức khỏe (điều 61), quyền tự do ngôn luận, tự do báo chí, lập hội, hội họp, biểu tình (điều 69); quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo (điều 70) v.v... Đó là sự cụ thể hóa quyền con người trong điều kiện cụ thể của Việt nam, phù hợp với các nguyên tắc chung về quyền con người được quốc tế công nhận ❑

HỘI THẢO : "QUAN NIỆM HỌC THUẬT VỀ TÌNH DỤC VÀ BẠO LỰC TRONG VĂN HÓA NGHỆ THUẬT".

Đây là cuộc hội thảo do Văn phòng Bộ văn hóa thông tin và Viện văn hóa phối hợp tổ chức vào cuối năm 1995 tại Hà nội, nhằm góp phần triển khai thực hiện Nghị định 87/CP của Chính phủ và Chỉ thị 814 TTg của Thủ tướng chính phủ về thiết lập trật tự kỷ cương trong hoạt động văn hóa và dịch vụ văn hóa, bài trừ một số tệ nạn xã hội nghiêm trọng. Cuộc hội thảo đã thu hút sự tham gia nhiệt tình của nhiều nhà nghiên cứu ở một số cơ quan văn hóa, nghệ thuật và khoa học. Bộ trưởng Bộ văn hóa thông tin Trần Hoàn và Thứ trưởng Nguyễn Khoa Điềm đã tham dự và phát biểu ý kiến.

Tình dục và bạo lực xuất hiện như là yếu tố phản văn hóa từ trước 1975 ở miền Nam dưới thời Mỹ - ngụy. Nay ở nước ta nó đã và đang trở thành hiện tượng nổi cộm và có chiều hướng gia tăng. Những nọc độc văn hóa từ bên ngoài (ý thức hoặc không ý thức) xâm nhập vào nước ta gây nên sự cộng hưởng làn sóng tình dục và bạo lực tràn lan, ảnh hưởng không nhỏ đến thuần phong mỹ tục của dân tộc. Bởi vậy, cuộc hội thảo này là một đóng góp thiết thực trong việc làm sáng tỏ về mặt khoa học một số nội dung cơ bản thuộc chủ đề nêu trên, từ đó góp phần vào cuộc vận động chung của toàn đảng toàn dân, vì một môi trường văn hóa xã hội lành mạnh.

Sau lời khai mạc của Bộ trưởng Trần Hoàn và phát biểu dẫn đề của Viện trưởng Viện văn hóa, PGS Trường Lưu, nhiều đại biểu đã tham gia ý kiến.

PGS Đỗ Huy, với tham luận "Liên kết các giá trị, ngăn chặn các hiện tượng phản văn hóa trong lĩnh vực tình dục và bạo lực" cho rằng, từ góc độ văn hóa, có thể phân xuất các hiện tượng tình dục và bạo lực thành hai loại : một loại thuộc bản năng duy trì và phát triển, một loại thuộc bản năng phá hủy và tiêu diệt. Cả hai bản năng này song song tồn tại. Tùy các giá trị xã hội và các định chế xã hội khác nhau mà các hiện tượng tình dục và bạo lực được coi là các hiện tượng văn hóa hay phản văn hóa.

Digitized by Google

GS Phương Lựu phân tích : Trong quan hệ xã hội của con người, không thể không đan chéo những quan hệ tự nhiên, nhất là quan hệ giới tính. Ngăn chặn quan hệ này, con người sẽ ít nhiều trở nên méo mó, còn nếu cấm chỉ, loài người sẽ tuyệt chủng. Ngược lại, trong quan hệ tự nhiên của con người (trong đó có giới tính) cũng xuyên thấm những quan hệ xã hội. Và chính vì quan hệ giới tính là tự nhiên nhất cho nên nó có thể vẫn cần phải là nơi thể hiện rõ ràng những cảm quan xã hội để con người khỏi phải lùi lại là một sinh vật tự nhiên.

Như vậy, tình dục và bạo lực là những khái niệm có ý nghĩa khách quan. Người ta không thể ngoảnh mặt làm ngơ trước sự tồn tại của chúng, cũng như không thể bô mặc hoặc cấm đoán một cách tuyệt đối. Vấn đề là phải có một cách nhìn khoa học để có biện pháp hướng dẫn, quản lý đúng đắn những hiện tượng tình dục và bạo lực trong xã hội cũng như việc thể hiện chúng trong các tác phẩm văn học nghệ thuật và báo chí.

Một số ý kiến cho rằng, việc thể hiện đúng đắn và lành mạnh tình dục và bạo lực cũng như những vẻ đẹp tự nhiên của cơ thể con người (nhất là cơ thể người phụ nữ) trong văn học nghệ thuật có ý nghĩa thẩm mỹ và văn hóa của nó. Đây là hiện tượng đã có trong lịch sử hàng nghìn năm của nền nghệ thuật nhân loại và dân tộc, ở tất cả các thể loại. Lịch sử từng ghi nhận và lưu giữ những hình tượng nghệ thuật vô giá về vẻ đẹp tự nhiên của con người, về sinh hoạt tình giao của con người, về sức mạnh con người... thể hiện những quan niệm nhân sinh, tín ngưỡng hết sức lành mạnh. Điều quan trọng là việc thể hiện các hiện tượng tình dục và bạo lực vào các tác phẩm nghệ thuật phải gắn liền với những quan niệm thẩm mỹ và đạo đức nhất định. Theo GS Phương Lựu thì không nên cấm kỵ việc thể hiện tình dục cũng như vẻ đẹp thân xác trong văn nghệ ; vấn đề quan trọng là thể hiện như thế nào. Cần tránh các xu hướng cực đoan : hoặc là cấm kỵ quá khắt khe, hoặc là dung tục, lệch lạc quá xá như trong một số tác phẩm văn nghệ gần đây.

TS mỹ học Đỗ Văn Khang trong tham luận "Sự khác nhau giữa mặt thẩm mỹ và phản thẩm mỹ trong biểu hiện cơ thể con người", lại cho rằng : chế ức tình dục dẫn tới tiết chế trong biểu hiện cơ thể con người là một tiến bộ phù hợp với quy luật thẩm mỹ. Ở đây, có tính mực thước (độ), cái gì quá độ sẽ dẫn tới mất thẩm mỹ.

Từ góc độ văn hóa, PGS Đỗ Huy phân tích : Nền văn hóa truyền thống Việt nam có sự phát triển ưu trội về đạo đức. Dư luận xã hội không ủng hộ các hiện tượng tình dục và bạo lực phản văn hóa đã dành, mà ngay cả các hiện tượng tình dục và bạo lực có tính văn hóa thuộc bản năng duy trì và phát triển, nếu cách thể hiện thiếu kín đáo cũng bị lên án.

Phê phán một số hiện tượng phản văn hóa từ góc độ đạo đức và thẩm mỹ, PTS Đỗ Kim Thịnh chỉ rõ : Dấu hiệu khiêu dâm ở một tác phẩm là cố tình tác động đến bản năng tình dục của con người ở góc độ tối tăm, thấp kém. Còn dấu hiệu kích động bạo lực cũng là sự cố nhấn mạnh những hình ảnh gây ấn tượng khủng khiếp, mang tính độc ác, làm lây nhiễm từ thấp lên cao thói quen bạo lực.

Một vấn đề nhức nhối được nhiều nhà nghiên cứu lên tiếng báo động là tình trạng lan tràn các sản phẩm văn hóa độc hại từ nước ngoài thẩm lậu vào nước ta và các yếu tố kích động tình dục, bạo lực trong các tác phẩm văn học nghệ thuật, báo chí của ta. Ở hầu hết các loại hình nghệ thuật như văn học, điện ảnh, sân khấu, hội họa... đều xuất hiện những tác phẩm có những cảnh kích động tình dục và bạo lực với những pha làm tình trắng trợn, những cảnh hở hang, phô bày lố lăng thân thể phụ nữ, những cảnh dâm chém, máu me rùng rợn. Các tác giả Hồ Thủy Quân, Hồ Sĩ Vịnh đề cập đến những nạn dịch trên màn ảnh, về sự đầu độc môi sinh văn hóa qua một số bộ phim nước ngoài. Các tác giả Hoàng Chương, Nguyễn Phan Thọ lên án gay gắt hiện tượng đưa những cảnh huống kích dục, hở hang lên sân khấu. Họa sĩ Ngô Quang Nam nêu lên tình hình xuất hiện ngày một nhiều những tác phẩm hội họa có tính chất khiêu dâm trong các triển lãm mỹ thuật lớn, nhỏ. Từ một góc nhìn khác, tác giả Nguyễn Việt Chức lại nêu lên "sự kích động từ những sản phẩm không kích động" đó là những cuốn sách dịch, những tờ báo, nếu để riêng lẻ thì có thể coi là bình thường, có thể chấp nhận được, nhưng tập hợp lại thì sẽ thấy một khối lượng bất ngờ, một cơn lũ thông tin đậm đặc tính dục và bạo lực. Nếu không tin xin cứ nhìn vào các trang sách và mặt báo sẽ thấy...

Nhìn nhận hiện tượng nêu trên, các tác giả đều cho rằng đó là hệ quả của sự xuống cấp ở một bộ phận văn nghệ sĩ. Nhân danh đổi mới, nhân danh đề cao chức năng giải trí của văn nghệ, nhân danh "hòa nhập", "học tập phương Tây", họ đã biến văn nghệ thành món hàng kinh doanh đơn thuần, vì lợi nhuận mà hạ thấp, tầm thường hóa nghệ thuật.

Trong văn nghệ, báo chí thì như vậy, còn ngoài xã hội, theo PGS Lê Như Hoa, hiện đang nổi cộm lên các khuynh hướng bạo lực cùng nạn mại dâm, ma túy và cờ bạc như là những mặt trái của văn hóa đô thị. Tác giả Phạm Vũ Dũng lên tiếng báo động về nạn ô nhiễm môi trường văn hóa, từ đạo đức, lối sống đến cử chỉ, cách giao tiếp...

Để khắc phục những hiện tượng nêu trên, nhiều ý kiến cho rằng, cần tăng cường công tác quản lý văn hóa văn nghệ, báo chí, xuất bản ; tăng cường quản lý xã hội ; đồng thời giải quyết tốt những vấn đề xã hội sinh ra tình trạng lan tràn tình dục và bạo lực. Nhất là các vấn đề đói nghèo, thất nghiệp, dân trí thấp, mù chữ ; sự thiếu hiểu biết về văn hóa nói chung, văn hóa tình dục và bạo lực nói riêng ; sự đảo lộn các giá trị sống, sự xuống cấp về đạo đức do những mặt trái của cơ chế thị trường đem lại. Cần đưa giáo dục tình dục và bạo lực vào nhà trường để thế hệ trẻ có thể có những hiểu biết khoa học về tình dục và bạo lực ; thỏa mãn các nhu cầu tình dục và bạo lực lành mạnh bằng giáo dục trí tuệ và nghệ thuật. Xác lập và làm bền vững các hệ thống giá trị, định hướng các chuẩn mực để các hoạt động tình dục và bạo lực không chỉ bị kiểm soát về mặt xã hội mà ngay cả các cá nhân cũng phải tự kiểm soát mình.

Nhà nghiên cứu Nguyễn Hào Hải, sau khi phân tích "hai mặt của truyền thông đại chúng", đã nêu lên giải pháp "mở" thông tin trên cơ sở có quản lý và kiểm soát ; lợi dụng mặt tích cực của truyền thông đại chúng nhằm tuyên truyền giáo dục, nâng cao hiểu biết cho quần chúng, xây dựng những nội dung thông tin lành mạnh để áp đảo những thông tin cần loại trừ. PTS tâm lý học Đỗ Long, khi phân tích tình dục và bạo lực như là những bản năng vô thức của con người đã nêu giải pháp khai thác "bản năng sống" của con người bằng các hoạt động thể thao, vui chơi giải trí lành mạnh, để con người có thể giải tỏa những năng lượng tiềm ẩn một cách có văn hóa. Các tác giả Lê Như Hoa, Nguyễn Việt Chức, Đỗ Kim Thịnh đều nhấn mạnh các biện pháp xây dựng lối sống lành mạnh, củng cố các giá trị đạo đức, truyền thống của dân tộc, tăng cường các hoạt động mang tính quần chúng tự sáng tạo và hưởng thụ văn hóa nghệ thuật, phổ cập rộng rãi giáo dục nghệ thuật, giáo dục thẩm mỹ như là những biện pháp "tiêm chủng", làm cho thế hệ trẻ có đủ "kháng thể" chống lại văn hóa độc hại ❑

ĐẶNG THIÊN *(lược thuật)*

Digitized by Google

QUẢNG CÁO

VITACO

VIETNAM TANKER COMPANY
CÔNG TY VẬN TẢI XĂNG DẦU

ĐỊA CHỈ : 12 LÊ DUẨN - QUẬN I - TP. HỒ CHÍ MINH
ĐIỆN THOẠI : 222.675 - 241071 - 231824 - 224729
FAX : 84-8-293348
TELEX : 813093 VITACO - VT

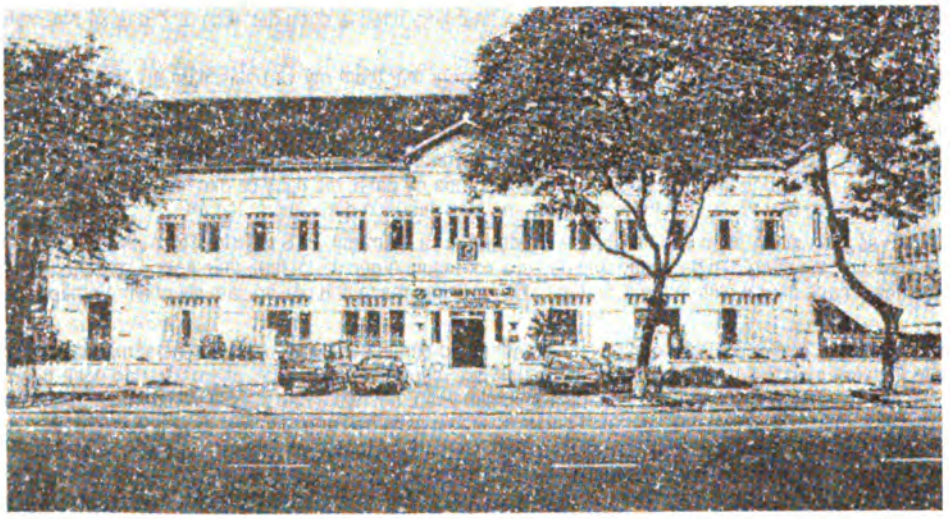

CHUYÊN NGÀNH KINH DOANH

☐ *Vận chuyển các mặt hàng xăng, dầu, dầu thương phẩm trong và ngoài nước với đội tầu có trọng tải từ 70DWT đến 22.600 DWT.*

☐ *Sửa chữa, đóng mới, thuê và cho thuê tàu dầu.*

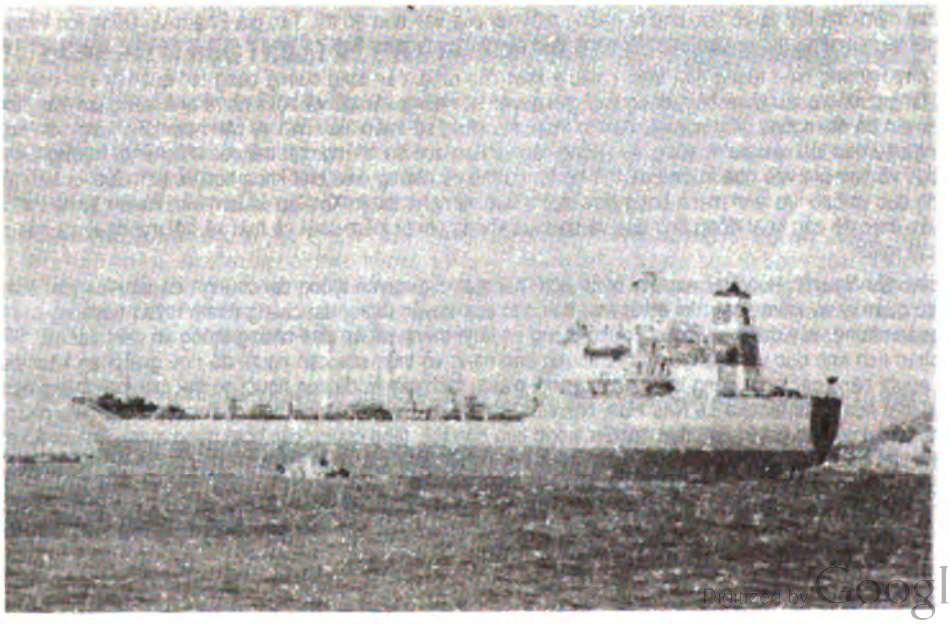

Digitized by Google

SỞ NÔNG - LÂM - THỦY SÔNG BÉ

LÂM TRƯỜNG HẠNH PHÚC

Địa chỉ : Xã Đức hạnh - Huyện Phước long-tỉnh Sông bé

- Điện thoại : 78435
- Giám đốc : NGUYỄN HÙNG DŨNG

Mô hình rừng trồng mới
Cây giá trị xen canh lúa thuộc
Lâm trường Hạnh Phúc

- ▲ Tổng diện tích : 18 503 ha
- ▲ Rừng tự nhiên : 9 516 ha
- ▲ Rừng trồng : 510 ha

ĐỊNH HƯỚNG HOẠT ĐỘNG GIAI ĐOẠN 1996 - 2000

- Trồng rừng mới : 1000 ha
- Giao khoán khoanh nuôi - bảo vệ rừng : 10 000 ha
- Đầu tư thực nghiệm khuyến nông - khuyến lâm : 200 triệu/năm
- Khai thác Gỗ tròn : 1000m^3/năm - Lồ ô : 1 000 000 cây/năm

Digitized by Google

Chúc mừng Năm mới !

CÁC PHÒNG VÉ :

• Tại TP. HCM :
177 Võ Thị Sáu, Quận 3, ☎ 241240
77 Lê Thánh Tôn, Quận 1, ☎ 290844
14 Đinh Tiên Hoàng, Quận 1, ☎ 241139

• Tại Hà nội :
100 Lê Duẩn, Quận Đống đa, ☎ 515350 - 515356
66 - 68 Tràng tiền, Quận Hoàn kiếm ☎ 268520

• Tại Đà nẵng :
52 Hải phòng, ☎ (0151) 30999
35 Trần Phú, ☎ (0151) 20990

BÁN VÉ QUA ĐIỆN THOẠI

T.P Hồ Chí Minh : 200978 - 200979, Hà nội : 515350, Đà nẵng : 30999

TRỤ SỞ :
112 Hồng Hà - Quận Tân bình, TP HCM
ĐT : 450092 - 450089
FAX : (84.8) 450085

Digitized by Google

Hân hạnh được
đón tiếp quý khách

Công ty Bia SAIGON

187 NGUYỄN CHÍ THANH, QUẬN 5 TP. HỒ CHÍ MINH - ĐT : 559595 - 12 ĐÔNG DU, QUẬN 1, TP. HỒ CHÍ MINH - ĐT : 296342

Chất Lượng Thơm Ngon Bổ Dưỡng

Digitized by Google

5/28

BƯU ĐIỆN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

ĐỊA CHỈ : 125 HAI BÀ TRƯNG, QUẬN 1 THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
ĐT : 244 244 ; Fax : 84 - 8 - 241 635

Phục vụ các dịch vụ Bưu chính Viễn thông

- Điện thoại, telex, fax, truyền số liệu trong nước và quốc tế.
- Điện thoại công cộng, 13 dịch vụ cộng thêm như gọi số tắt, truy tìm máy điện thoại quay rối, điện thoại hội nghị, giải đáp thông tin qua điện thoại 108, hỏi đáp số điện thoại 16, báo hư điện thoại 19 v.v...
- Điện thoại di động, nhắn tin, inmarsat, vsat.
- Chuyển phát nhanh bưu phẩm, bưu kiện hàng hóa, tài liệu với các dịch vụ EMS, PCN, DHL, FEDEX, AIRBORNE EXPRESS, UPS, CITYLINK, JNE, ABC, IA EXPRESS... điện hoa chúc mừng, điện hoa chia buồn phát hành báo chí trong và ngoài nước.
- Cung cấp, thiết kế, lắp đặt, sửa chữa, bảo trì các loại tổng đài điện thoại điện tử, máy điện thoại, tổng đài và máy telex điện tử, máy fax ; máy điện thoại vô tuyến, mạng cáp điện thoại, các loại tháp anten, hệ thống thu truyền hình qua vệ tinh và các thiết bị thông tin hiện đại khác.
- Bán hoặc cho thuê máy điện thoại, máy điện thoại di động, máy Teletype, máy nhắn tin...

HÂN HẠNH PHỤC VỤ QUÝ KHÁCH HÀNG

IN TẠI NHÀ IN TẠP CHÍ CỘNG SẢN CHỈ SỐ 12651-ISSN 0866-7276 GIÁ : 3000

Digitized by Google

V5
H63
v. 1996
no. 6
MAIN

Tạp chí Cộng sản

The Library - UC Berkeley
Received on: 04-17-96
Tap chi cong san : C quan ly luan va chinh tri ca dang cong san Viet-Nam

6
3-1996

Digitized by Google

CÔNG TY THƯƠNG MẠI KỸ THUẬT VÀ ĐẦU TƯ PETEC

TRỤ SỞ CHÍNH : 194 NAM KỲ KHỞI NGHĨA, Q3, TP. HỒ CHÍ MINH
Tel : 8 299299/8 293633. Fax : 84-8-299686/225991. Tlx : 811251/811241 PET VT.
CHI NHÁNH HÀ NỘI : 26 TĂNG BẠT HỔ, QUẬN HAI BÀ TRƯNG, HÀ NỘI.
Tel : 8 259839/8 256157. Fax : 84-4-266873. Tlx : 412411 PET HN.

CÁC HOẠT ĐỘNG KINH DOANH CHÍNH:

XUẤT KHẨU :

- **GẠO : Xuất khẩu trực tiếp** các loại gạo có chất lượng cao (từ 5% đến 25% tấm). Công ty có hệ thống các xí nghiệp chế biến, đánh bóng gạo xuất khẩu hoàn chỉnh tại Cần thơ, Long an và thành phố Hồ Chí Minh.
- **CÀ PHÊ : Xuất khẩu trực tiếp** các loại cà phê hạt. Nhận ủy thác, góp vốn đầu tư, liên doanh liên kết với các đơn vị sản xuất và xuất khẩu cà phê trong cả nước trên lĩnh vực : **trồng, chế biến và xuất khẩu cà phê.**
- Các hàng hóa nông sản và hàng tiêu dùng khác.

NHẬP KHẨU VÀ PHÂN PHỐI TRÊN TOÀN QUỐC:

- **Các loại xăng dầu đạt tiêu chuẩn quốc gia :** xăng (MOGAS 92RON, 83RON), dầu DO, dầu FO (hàm lượng lưu huỳnh thấp), dầu hỏa, dầu nhớt, khí đốt.
- **Xi măng, sắt thép, phân bón**, các sản phẩm hóa chất công nghiệp.
- Máy móc thiết bị, nguyên vật liệu phục vụ các ngành kinh tế.
- Công ty có hệ thống kho chứa (hóa chất, sản phẩm xăng dầu) và cầu cảng hoàn chỉnh có thể tiếp nhận tàu có trọng tải đến 30.000 tấn tại thành phố Hồ Chí Minh, Đà nẵng và Hải phòng.

ĐẦU TƯ :

- Góp vốn đầu tư, hợp tác, liên doanh, liên kết với các đơn vị kinh tế trong nước về các lĩnh vực : **Bảo hiểm, ngân hàng, vận chuyển hành khách, vận chuyển xăng dầu...,**

Trụ sở chính công ty PETEC tại TP. HCM

Xí nghiệp xăng dầu Cát lái (thuộc công ty PETEC) tại TP.HCM.

PHƯƠNG CHÂM KINH DOANH

HỢP TÁC

CHẤT LƯỢNG

HIỆU QUẢ

Digitized by Google

Tạp chí Cộng sản

CƠ QUAN LÝ LUẬN VÀ CHÍNH TRỊ CỦA
TRUNG ƯƠNG ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

Số 492

BỘ BIÊN TẬP : *1 Nguyễn Thượng Hiền, Hà nội - Dây nói : 252061 - 252062*
Cơ quan thường trú tại miền Nam : *19 Phạm Ngọc Thạch, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh - Dây nói : 225768*

MỤC LỤC

	PHAN VĂN KHẢI- Phát huy đà tiến bộ mới, phấn đấu thực hiện thắng lợi nhiệm vụ năm 1996 theo nghị quyết của Quốc hội	3
	*** Làm tốt công tác tư tưởng, chuẩn bị hành trang bước vào thời kỳ phát triển mới	12
	HỒ ĐỨC VIỆT - Tuổi trẻ Việt nam nguyện mãi mãi xứng đáng với niềm tin của Đảng	16
TIẾN TỚI ĐẠI HỘI ĐẠI BIỂU TOÀN QUỐC LẦN THỨ VIII CỦA ĐẢNG	Hội thảo "Một số vấn đề về định hướng xã hội chủ nghĩa ở nước ta" (tiếp theo)	
	TÔ HUY RỨA - Con đường và điều kiện bảo đảm định hướng xã hội chủ nghĩa ở nước ta	19
	ĐÀO DUY QUÁT - Chủ nghĩa xã hội dân chủ là gì ? Vì sao nó không phù hợp với chúng ta ?	23
	NHẬT TÂN - Chủ nghĩa Mác - Lê-nin và tư tưởng Hồ Chí Minh với định hướng xã hội chủ nghĩa ở nước ta	26
NGHIÊN CỨU - TRAO ĐỔI	ĐINH SƠN HÙNG - Một số mô hình quản lý kinh tế	30
	TRỊNH DÂN - Đẩy mạnh thu hút đầu tư nước ngoài để công nghiệp hóa, hiện đại hóa	34
	*** Chung quanh tình hình lý luận phê bình văn học năm 1995 (Phỏng vấn GS, TS PHƯƠNG LỰU)	38
THỰC TIỄN - KINH NGHIỆM	VŨ NGỌC KỲ - Tiến hành một bước công nghiệp hóa nông nghiệp và nông thôn ở tỉnh Yên bái	44
	NGUYỄN VĂN TUẤT - Đội ngũ cán bộ cơ sở các tỉnh, thành phố phía nam sau 10 năm đổi mới	48
	NGUYỄN VÀN HẬU - Đổi mới và chỉnh đốn đảng ở cảng vụ Quảng ninh	50
SINH HOẠT TƯ TƯỞNG	NGUYỄN HUỆ MỸ - Nghìn lẻ một cách hiểu về "trẻ hóa"	53
THẾ GIỚI : VẤN ĐỀ, SỰ KIỆN	TRẦN BÁ KHOA - Châu Á - Thái bình dương trước thềm thế kỷ 21	54
TÌM HIỂU KHÁI NIỆM	Tổ chức phi chính phủ. Phong trào	59
TIN HOẠT ĐỘNG LÝ LUẬN - THỰC TIỄN	Nam hà tổng kết 3 năm thực hiện Nghị quyết Trung ương 3 về đổi mới chỉnh đốn Đảng	60

Bìa 1 : *Toàn cảnh buổi khai mạc kỳ họp thứ 9, Quốc hội khóa IX* Ảnh : MINH ĐIỀN

Digitized by Google

СОДЕРЖАНИЕ

ФАН ВАН ХАЙ - Умножая достигнутые успехи, бороться за успешное выполнение задач 1996 ого года, поставленных в резолюциях Национального Собрания. *** Выполнение идеологической работы - лучшая подготовка к новой стадии развития. ХО ДЫК ВЬЕТ - Вьетнамская молодежь желает быть навсегда достойным веры партии. К 8ому Всенациональному Съезду Партийных Представителей. Семинар : "Некоторые проблемы социалистической ориентации в нашей стране". (Продолжение). ТО ХЬЮ РУА - Социалистическая ориентация в нашей стране и условия её успеха. ДАО ЗУЙ КУАТ - Что такое демократический социализм и почему он нам непригоден. НЯТ ТАН - Марксизм и Хо Ши Минские идеи в отношении социалистической ориентации в нашей стране. Исследование - обмен мнениями. ДИНЬ ШОН ХУНГ - Некоторые модели экономического управления. ЧИНЬ ЗАН - Более интенсивное привлечение иностранной инвестиции в целях индустриализации и модернизации страны. *** Вокруг литературной критики в 1995ом году (интервью с профессором, доктором Фыонг Лыу). Мир : Проблемы, события. - ЧАН БА ХОА : Азия -Пасьфик накануне 21 ого века.

CONTENTS

PHAN VĂN KHẢI- Promoting the new impetus of the progress, trying to successfully implement the 1996 tasks under the decision of the National Assembly. *** Doing well the ideological work, preparing the baggage to enter in a new period of development. HÔ ĐỨC VIỆT - The Vietnamese Youth will forever deserve the Party's trust. *Towards the 8th National Congress of Party's Delegates* Seminar "Some problems on the socialist orientation in our country" (continuation). TÔ HUY RÚA- The way and condition needed to ensure the socialist orientation in our country. ĐÀO DUY QUÁT - What is the democratic socialism ? Why is it not appropriate to us ? NHẬT TÂN - The Marxism - Leninism and the Ho Chi Minh's thought in relation to the socialist orientation in Vietnam. *Research - Exchange of Views* ĐINH SƠN HÙNG - Some schemas of the economic management. TRỊNH DÂN - Strengthening the attraction of the foreign investment for the cause of industrialisation and modernisation. *** Around the situation of the literary theory and criticism in the year 1995. (Interview of Professor, Doctor Phương Lựu) *The World : Its Problems and Facts* TRẦN BÁ KHOA - Asia - Pacific on the threshold to the 21st century.

SOMMAIRE

PHAN VĂN KHẢI - Continuer le nouvel élan des progrès, s'efforcer de bien réaliser les tâches de 1996 prévues dans les résolutions de l'Assemblée nationale. *** Bien faire le travail idéologique, se préparer pour une nouvelle étape de développement. HÔ ĐỨC VIỆT - La jeunesse vietnamienne s'engage à être toujours digne de la confiance du Parti. *Vers le VIIIe Congrès national du Parti.* Séminaire "Quelques problèmes sur l'orientation socialiste dans notre pays" (suite). TÔ HUY RÚA - La voie et les conditions garantissant l'orientation socialiste dans notre pays. ĐÀO DUY QUÁT - Qu'est-ce que c'est le socialisme démocratique? Pourquoi ne nous convient-il pas ? NHẬT TÂN - Le marxisme-léninisme, la pensée de Ho Chi Minh et l'orientation socialiste dans notre pays. *Etudes - Echange de vues.* ĐINH SƠN HÙNG - Quelques modèles de gestion économique. TRỊNH DÂN - Promouvoir l'attraction de l'investissement étranger pour l'industrialisation et la modernisation. *** Autour de la critique littéraire en 1995 (interview du professeur, docteur Phương Lựu). *Le monde : Problèmes, Evénements.* TRẦN BÁ KHOA - L'Asie - Pacifique au seuil du XXIe siècle.

SUMARIO

PHAN VĂN KHẢI - A desplegar el nuevo impulso de los progresos, esforzarnos por realizar victoriosamente las tareas de 1996 según las Resoluciones de la Asamblea Nacional. *** Hacer bien el trabajo ideológico y preparar el equipaje para entrar al nuevo período del desarrollo. HÔ ĐỨC VIỆT - La juventud vietnamita se compomete a merecer con la confianza del Partido. *Hacia el Octavo Congreso Nacional del Partido* Simposio "Algunos problemas sobre la orientación socialista en Vietnam" (continuación) TÔ HUY RÚA - El camino y las condiciones del aseguramiento de la orientación socialista en Vietnam. ĐÀO DUY QUÁT -¿ Qué es el socialismo democrático y ¿ Por qué no nos conviene ? NHẬT TÂN - El Marxismo - Leninismo y el pensamiento de Ho Chi Minh para con la orientación socialista en Vietnam.*Estudios - Intercambios.* ĐINH SƠN HÙNG - Algunos modelos de la gestión económica. TRỊNH DÂN - Impulsar la atracción de la inversión extranjera por la industrialización y modernización. ***Acera de la situación de la crítica literaria de 1995. *El Mumdo : Problemas y acontecimientos* TRẦN BÁ KHOA - El Asia - el Mar pacífico en el umbral del siglo XXI.

目錄

● 潘文凱：再接再勵、爲勝利完成國會決議規定的1996年的任務而奮鬥 *** 做好思想工作、爲邁向新的發展時期做好准備 ● 胡德越：越南青年愿永遠無愧于黨的信任 ● 迎接黨的第八次全國代表大會★★★ 關于我國社會主義定向問題的研討會(續上期) ● 蘇輝若：保證我國沿著社會主義定向前進的途徑和條件 ● 陶維括：什么是社會民主主義？它爲什么不適合我國國情 ● 日新：馬克思列寧主義和胡志明思想與我國社會主義定向 ● 研究——交換 ★★★ 丁山雄：經濟管理的几種模式 ● 鄭民：努力吸引外資，促進我國工業化、現代化 *** 1995年文學評論概況(采訪方榴教授、博士) ● 世界：問題——事件 ★★★ 陳伯科：21世紀前的亞太地區

Digitized by Google

PHÁT HUY ĐÀ TIẾN BỘ MỚI, PHẤN ĐẤU THỰC HIỆN THẮNG LỢI NHIỆM VỤ NĂM 1996 THEO NGHỊ QUYẾT CỦA QUỐC HỘI*

PHAN VĂN KHẢI

I - VỀ TÌNH HÌNH THỰC HIỆN KẾ HOẠCH NĂM 1995

So với số liệu ước tính trong báo cáo trình Quốc hội đầu tháng 10 năm 1995 (dưới đây gọi tắt là báo cáo tháng 10) thì kết quả thực hiện kế hoạch cả năm 1995 không có gì thay đổi về những chỉ tiêu tổng hợp phản ánh nhịp độ tăng trưởng kinh tế năm 1995 so với năm 1994 (GDP tăng 9,5%, sản xuất công nghiệp tăng 14%, sản xuất nông nghiệp tăng 4,7%, dịch vụ tăng 12,6%). Sản lượng lương thực và các sản phẩm công nghiệp chủ yếu đều bằng hoặc chỉ chênh lệch rất ít so với con số dự báo tháng 10-1995.

Sự phát triển của các lĩnh vực khoa học, giáo dục và đào tạo, văn hóa thông tin, bảo vệ sức khỏe, kế hoạch hóa gia đình và thực hiện các chính sách xã hội trong cả năm cũng phù hợp với sự đánh giá trong báo cáo tháng 10.

Diễn biến và kết quả thực hiện có phần khác với báo cáo tháng 10 thuộc về mấy lĩnh vực dưới đây :

Về kinh tế đối ngoại :

1. *Kim ngạch xuất khẩu, nhập khẩu* đều đạt cao hơn mức dự báo.

Xuất khẩu đạt 5,3 tỷ USD, cao hơn 600 triệu USD so với số ước tính trong báo cáo tháng 10-1995, do hàng công nghiệp nhẹ và nông sản, thủy sản tăng hơn dự kiến cả về khối lượng xuất khẩu và giá thị trường thế giới đối với một số mặt hàng.

Nhập khẩu trước đây dự báo 6,5 tỷ USD, nay thực tế đạt 7,5 tỷ USD, tăng 1 tỷ USD, trong đó 650 triệu tăng thêm về nhập máy, thiết bị phụ tùng và 350 triệu tăng thêm về nhập nguyên, nhiên, vật liệu. Mấy năm nay, nhập siêu có xu hướng tăng, không phải do nhập nhiều hàng tiêu dùng (tỷ trọng nhập hàng tiêu dùng năm 1995 là 12%, năm 1993, 1994 là 15-16%) mà chủ yếu là do nhập thiết bị, vật tư, công nghệ từ nguồn vốn đầu tư trực tiếp của nước ngoài (FDI) và nguồn vốn tài trợ chính thức cho phát triển (ODA) được đưa vào sử dụng nhiều hơn trước. Cán cân thương mại bội chi, nhưng với cơ cấu nhập khẩu chủ yếu phục vụ cho đầu tư phát triển là phù hợp với giai đoạn đầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Điều quan trọng là phương hướng và hiệu quả đầu tư phải tăng nhanh năng lực xuất khẩu để đi tới thu hẹp dần nhập siêu và trả được nợ. Năm 1995, tuy mức nhập siêu lớn, nhưng có nguồn trang trải nên cán cân thanh toán quốc tế vẫn dư 500 triệu USD, bổ sung cho quỹ điều hòa và dự trữ ngoại tệ.

2. *Đầu tư trực tiếp của nước ngoài* theo số liệu tổng kết cả năm 1995 cao hơn số dự báo, so với năm 1994 tăng 85,4% về số vốn đăng ký, tăng 33,3% về số vốn thực hiện. Các doanh nghiệp có vốn đầu tư trực tiếp của nước ngoài đã thu hút gần 10 vạn lao động trực tiếp và tạo thêm việc làm cho nhiều lĩnh vực có liên quan, đã đóng góp 350 triệu USD vào kim ngạch xuất khẩu và 195 triệu USD vào nguồn thu ngân sách (chưa kể liên doanh dầu khí).

Việc tranh thủ đưa vào sử dụng *nguồn tài trợ chính thức cho phát triển* tăng hơn các năm trước. Tính đến cuối năm 1995, ta đã ký được các chương trình và dự án sử dụng 4,6 tỷ USD trong tổng số vốn 6,1 tỷ USD đã được các nhà tài trợ cam kết trong ba kỳ hội nghị hằng năm ở Pa-ri và đã thực hiện được 1,7 tỷ USD.

★ Trích Báo cáo của Chính phủ tại kỳ họp thứ 9 Quốc hội khóa IX ngày 2-3-1996 do đồng chí ***Phan Văn Khải***, Ủy viên Bộ chính trị, Phó thủ tướng Chính phủ trình bày

Digitized by Google

Nhìn chung, các nguồn vốn đầu tư nước ngoài đã bắt đầu có phần đóng góp nhất định vào sự phát triển ; tuy nhiên, tỷ lệ vốn đầu tư thực hiện từ các nguồn này còn thấp, nên còn nhiều tiềm năng khai thác để phát huy tác dụng mạnh hơn đối với nền kinh tế trong thời gian tới.

Về ngân sách nhà nước :

Trong bốn tháng cuối năm 1995, Chính phủ đã tăng cường chỉ đạo thu, chi ngân sách, đưa mức bình quân tháng tăng hơn 40% so với 8 tháng đầu năm. Tuy nhiên, tính chung mức thực hiện cả năm, thì cả thu và chi ngân sách đều đạt thấp hơn số dự tính trong báo cáo tháng 10 đã trình Quốc hội. Tổng số thu tăng 21,9% so với năm 1994, nhưng chỉ đạt 91,3% mức kế hoạch đã được Quốc hội thông qua (báo cáo tháng 10 ước tính đạt 96,4%). Tổng số chi chỉ đạt 95,4% kế hoạch (trước đây ước tính đạt 98,2%). Bội chi ngân sách năm 1995 bằng 4,3% GDP và tăng 25,3% so với mức được Quốc hội duyệt.

Thu ngân sách không đạt kế hoạch có phần do một số khoản dự toán thu chưa sát thực tế ; trong tổng số hụt thu so với kế hoạch thì phần hụt thu về thuế nhập khẩu chiếm 75%, chủ yếu do việc hạn chế nhập hàng tiêu dùng, nhất là nhập ô-tô con và xe máy thấp hơn dự kiến ; phần hụt thu về cấp và chuyển quyền sử dụng đất chiếm 13% do còn vướng mắc trong chính sách cụ thể về đất đai. Mặt khác, tình trạng thất thu thuế còn lớn, kể cả đối với doanh nghiệp nhà nước và đối với các thành phần kinh tế khác.

Do thu ngân sách đạt thấp, nên chỉ bảo đảm được chi thường xuyên, còn chi đầu tư phát triển được thực hiện ở mức thấp. Đáng chú ý là vốn cấp phát cho đầu tư xây dựng cơ bản chỉ đạt 90,7% kế hoạch, trong đó phần thực cấp để thanh toán khối lượng xây dựng đã hoàn thành theo kế hoạch chỉ đạt 77,7%, còn nợ lại hơn 1 800 tỷ đồng. Việc cấp phát đầu tư đạt kế hoạch thấp, làm chậm tiến độ xây dựng, vừa gây thêm lãng phí, thất thoát do nhiều công trình bị dở dang, vừa tăng gánh nặng cho ngân sách năm 1996 và còn ảnh hưởng xấu tới sự phát triển lâu dài.

Từ kinh nghiệm chỉ đạo tăng thu và điều hòa chi ngân sách trong những tháng cuối năm, Chính phủ đã đề ra các chủ trương, biện pháp chỉ đạo, điều hành ngân sách năm 1996 theo kế hoạch thu, chi đã được Quốc hội thông qua. Tuy nhiên, tình trạng căng thẳng, bị động về ngân sách còn tiếp diễn, đòi hỏi phải có giải pháp mạnh mẽ và nỗ lực phấn đấu của tất cả các ngành, các cấp thì mới thực hiện được kế hoạch ngân sách năm 1996.

Về kiềm chế lạm phát :

Báo cáo tháng 10 của Chính phủ đã nêu chỉ số giá tiêu dùng tính đến tháng 9 năm 1995 tăng 12,2% so với cuối năm 1994 ; riêng 6 tháng đầu năm đã tăng 11,4% cao nhất kể từ năm 1993. Bên cạnh những nguyên nhân khách quan, có phần khuyết điểm trong sự chỉ đạo, điều hành ; nổi lên là đã để xảy ra cơn sốt về giá xi măng và lương thực đáng lẽ có thể ngăn ngừa được. Chính phủ đã nghiêm khắc kiểm điểm, rút kinh nghiệm và đề ra những biện pháp quyết liệt nhằm kiềm chế lạm phát trong những tháng cuối năm và ngăn chặn sự biến động giá cả thường diễn ra trong những tháng giáp Tết. Nhờ vậy, chỉ số giá tiêu dùng trong 6 tháng cuối năm được kìm giữ ở mức tăng 1,2%, riêng quý bốn tăng dưới 0,5% ; tính chung cả năm tăng 12,7%, thấp hơn năm 1994.

Từ diễn biến thực tế của chỉ số giá qua các quý và kinh nghiệm xử lý năm 1995, Chính phủ đã đề ra các biện pháp đồng bộ để kiềm chế lạm phát năm 1996 ngay từ những tháng đầu năm.

Nhìn chung, kết quả thực hiện kế hoạch năm 1995 tuy có một số chỉ tiêu tăng hoặc giảm hơn số liệu ước tính trong báo cáo tháng 10, song không làm thay đổi nhận định về những thành tựu quan trọng đã đạt được cũng như về các mặt yếu kém trong tình hình kinh tế, xã hội và trong sự chỉ đạo, điều hành của Chính phủ. Riêng thu ngân sách và cấp phát vốn đầu tư xây dựng cơ bản thì kết quả thực hiện thấp hơn dự báo trong báo cáo tháng 10 và còn để lại một số khó khăn phải tiếp tục giải quyết.

II - MẤY NÉT LỚN VỀ TÌNH HÌNH KINH TẾ, XÃ HỘI QUA HAI THÁNG ĐẦU NĂM 1996

1. Sản xuất tiếp tục phát triển. Trong nông nghiệp, tuy một số vùng gặp thời tiết không thuận, song vụ đông - xuân trong cả nước bảo đảm được tiến độ gieo trồng và tăng hơn cùng kỳ năm trước cả về lúa, màu, rau, đậu, cây công nghiệp.

Sản xuất công nghiệp và xây dựng bước đầu khắc phục tình trạng đủng đỉnh đầu năm. Công nghiệp trong hai tháng qua tăng sản lượng 13,5% so với cùng kỳ năm trước ; các

Digitized by Google

sản phẩm quan trọng như điện, than, dầu thô, thép, xi-măng và các mặt hàng đáp ứng nhu cầu tiêu dùng trong dịp Tết đều tăng khá.

Trong một tháng rưỡi đầu năm, đã cấp giấy phép cho 26 dự án đầu tư trực tiếp của nước ngoài với số vốn đăng ký 585 triệu USD, trong đó có một số dự án lớn về sản xuất động cơ nhỏ, cáp điện, xi-măng, sợi.

2. Thị trường và giá cả ổn định hơn các năm trước. Hàng hóa phục vụ Tết năm nay khá phong phú, đáp ứng được nhu cầu đa dạng của các tầng lớp dân cư ở các vùng. Chính phủ đã chỉ đạo sớm việc chuẩn bị lực lượng hàng Tết, nới rộng chính sách lưu thông lương thực, thực phẩm cho các thành phố, thị xã, đồng thời phát huy vai trò của thương nghiệp quốc doanh đối với một số mặt hàng thiết yếu. Hoạt động dịch vụ, đặc biệt là việc vận chuyển hành khách và các sinh hoạt văn hóa vui tươi, lành mạnh được tổ chức chu đáo hơn. Sự chuẩn bị đó đi liền với những biện pháp kiềm chế lạm phát được thực hiện từ cuối năm trước và được tăng cường chỉ đạo trong những tháng đầu năm. Chỉ thị và lời kêu gọi của Chính phủ về tiết kiệm tiêu dùng trong dịp Tết được sự hưởng ứng tích cực hơn của các cơ quan, các doanh nghiệp và nhân dân. Các địa phương đều quan tâm đến các gia đình nghèo khó, bảo đảm cho Tết đến với mọi người, mọi nhà. Tác động tổng hợp của tất cả những yếu tố đó tạo nên một không khí Tết phấn khởi, để lại ấn tượng đẹp không chỉ ở việc mua sắm, đi lại được đáp ứng đầy đủ, thuận tiện với giá cả ổn định mà còn ở những nét mới trong sinh hoạt văn hóa, tinh thần lành mạnh, đậm đà bản sắc dân tộc và những tiến bộ về an ninh, trật tự công cộng.

Riêng về giá cả, tuy sức mua của dân cư tăng mạnh trong dịp Tết nhưng đã giữ được ổn định hơn các năm trước và còn đủ lực lượng hàng tiêu dùng đáp ứng nhu cầu sau Tết. Chỉ số giá tiêu dùng tháng 1-1996 tăng 0,9%, theo số liệu sơ bộ có nhích lên 2,5% trong tháng 2, nhưng tính chung mức tăng giá trong hai tháng đầu năm nay chưa bằng một nửa năm 1995 và là mức thấp nhất so với cùng kỳ kể từ 10 năm nay. Ý nghĩa quan trọng của thành tựu này là nó chứng minh khả năng thoát ra khỏi tình trạng cố hữu, lặp đi lặp lại hằng năm gần như quy luật về sự biến động mạnh giá cả đầu năm vào dịp Tết, đồng thời mở ra triển vọng kiềm chế lạm phát năm 1996 thấp hơn năm trước. Tuy nhiên, để biến khả năng và triển vọng đó thành hiện thực, cần phải nâng cao hơn nữa năng lực quản lý vĩ mô, đề cao trách nhiệm của các cơ quan nhà nước trong việc theo dõi và xử lý kịp thời những biến động trên thị trường, ngăn ngừa sự tái diễn các cơn sốt giá do nguyên nhân chủ quan.

3. Ngân sách Nhà nước từ trước đến nay thường đạt mức thu rất thấp trong mấy tháng đầu năm. Sang năm nay, một hiện tượng mới là thu ngân sách trong tháng 1 và tháng 2 tăng 28,9% so với cùng kỳ năm trước, cao hơn nhịp độ tăng thu ngân sách cả năm theo kế hoạch (Dự toán thu ngân sách cả năm 1996 được Quốc hội thông qua tăng 22,7% so với thực thu năm trước). Chi ngân sách tháng 1 tăng 24,5% so với cùng kỳ năm trước, trong đó chi đầu tư xây dựng cơ bản gấp 6,6 lần, bao gồm cả việc thanh toán một phần khối lượng xây dựng đã hoàn thành năm trước.

Chuyển biến tích cực này mới là bước đầu, còn phải cố gắng rất nhiều để đà tiến bộ đầu năm được phát huy mạnh hơn trong cả năm.

4. Việc thiết lập trật tự, an ninh công cộng tiếp tục được tăng cường và mở rộng. Đi đôi với việc duy trì kỷ cương trong việc thực hiện các quyết định của Chính phủ về lập lại trật tự, an toàn giao thông đường bộ và đô thị, về cấm sản xuất, vận chuyển, buôn bán và đốt pháo, về xử lý các vi phạm pháp lệnh bảo vệ đê điều, chúng ta đã mở thêm cuộc vận động lập lại trật tự và lành mạnh hóa các hoạt động văn hóa, đẩy lùi các tệ nạn xã hội.

Các chủ trương này được nhân dân đồng tình, hưởng ứng sôi nổi và rộng rãi ; các ngành, các cấp, các đoàn thể phối hợp hành động chặt chẽ dưới sự chỉ đạo, kiểm tra sát sao của Chính phủ. Việc cấm pháo được thi hành triệt để hơn, trật tự giao thông và lòng lề đường được khôi phục và duy trì, số người chết vì tai nạn trong mấy tháng đầu năm giảm một nửa so với năm trước, các hoạt động văn hóa độc hại, trái phép được kiểm tra và xử lý nghiêm.

Kết quả thu được tuy mới là bước đầu nhưng có ý nghĩa rất quan trọng. Đó là bước khởi động thắng được sức ỳ của thói quen xem thường trật tự, kỷ cương, đồng thời chứng minh nguyện vọng của nhân dân và khả năng, hiệu lực của Nhà nước trong việc xây dựng một xã hội sống và làm việc theo pháp luật với môi trường văn hóa lành mạnh.

Tuy nhiên, những việc đã làm được còn rất nhỏ bé so với những việc phải làm. Từ những hoạt động mang tính chất chiến dịch tới chỗ tạo thành nếp sống hằng ngày, từ việc xử lý những hành động vi phạm pháp luật tới chỗ giải quyết vấn đề tận gốc, từ việc loại bỏ những

Digitized by Google

hiện tượng không lành mạnh tới chỗ xây dựng và phát triển được đời sống văn hóa và tinh thần phong phú, quá trình đó không dễ dàng, mau chóng mà đòi hỏi nhiều cố gắng bền bỉ của từng gia đình và toàn xã hội, của cả Nhà nước và nhân dân. Lòng dân còn nhức nhối về nhiều sự ngang trái chưa được khắc phục, nhất là nạn tham nhũng, buôn lậu, làm giàu bất chính, các tệ cờ bạc, ma túy, mãi dâm, nạn côn đồ phá rối trật tự, trị an và tình trạng thiếu trong sạch, quan liêu, cửa quyền, sách nhiễu nhân dân trong bộ máy nhà nước.

Mấy nét nổi bật trong hai tháng qua và trong dịp Tết đánh dấu một bước chuyển biến mới trong sản xuất, lưu thông, giá cả, bước đầu khắc phục sự trì trệ và kém ổn định đã lặp đi lặp lại nhiều năm vào những tháng đầu năm. Chặng đường phía trước còn nhiều khó khăn song tiến bộ mới trong bước khởi đầu tạo thêm khí thế và kinh nghiệm cho việc thực hiện nhiệm vụ năm 1996.

III - MẤY VẤN ĐỀ LỚN TRONG SỰ CHỈ ĐẠO THỰC HIỆN NHIỆM VỤ NĂM 1996

Đà tiến bộ đã giành được trong thời gian qua cần được duy trì và phát huy mạnh hơn nữa nhằm thực hiện thắng lợi Nghị quyết của Quốc hội về nhiệm vụ năm 1996, năm có ý nghĩa rất quan trọng đối với công cuộc đổi mới và phát triển đất nước trên con đường công nghiệp hóa, hiện đại hóa.

Việc tiến hành đại hội đảng bộ các cấp và Đại hội toàn quốc của Đảng sẽ thu hút một phần thời gian và tâm trí của các cơ quan lãnh đạo, song phải tránh không để các mặt hoạt động thực tiễn bị sao nhãng mà ngược lại càng được đẩy mạnh hơn nữa, *phấn đấu đạt và vượt kế hoạch phân bổ cho 6 tháng đầu năm để thiết thực chào mừng và đóng góp cho thành công của Đại hội*. Thực hiện được yêu cầu đó chính là phát huy ý nghĩa của Đại hội trong cuộc sống, nâng cao vai trò lãnh đạo của Đảng và tăng thêm sự gắn bó, tin cậy của nhân dân đối với Đảng.

Động lực lớn để thực hiện nhiệm vụ năm 1996 là *đẩy mạnh hơn nữa công cuộc đổi mới một cách sâu rộng và giữ vững định hướng xã hội chủ nghĩa* ; trọng tâm hiện nay là tiến hành đồng bộ và gắn kết chặt chẽ cải cách kinh tế với cải cách hành chính, nhằm giải phóng triệt để lực lượng sản xuất, hình thành và phát triển các yếu tố bảo đảm cho cơ chế thị trường hoạt động năng động, lành mạnh, có trật tự với sự quản lý đúng chức năng và có hiệu lực của Nhà nước.

Theo tinh thần đó, Chính phủ đã đề ra chương trình công tác năm 1996 để chỉ đạo thực hiện Nghị quyết của Quốc hội. Báo cáo của Bộ kế hoạch và đầu tư được Chính phủ thông qua để trình Quốc hội, đã nêu rõ bức tranh về các cân đối lớn của nền kinh tế và các chủ trương, biện pháp cụ thể để thực hiện nhiệm vụ năm 1996. Tôi không trình bày lại toàn bộ mà chỉ xin nhấn mạnh một số vấn đề lớn cần được Quốc hội xem xét, cho ý kiến để tạo sự nhất trí cao trong chỉ đạo thực hiện.

Một : Phấn đấu thực hiện kế hoạch thu chi ngân sách đã được Quốc hội thông qua là một nhiệm vụ quan trọng hàng đầu của cơ quan chính quyền các ngành, các cấp.

1. *Về thu ngân sách*, do mức thu thực tế năm 1995 thấp hơn dự báo đã trình Quốc hội khi xem xét và thông qua dự toán ngân sách năm 1996, nên tổng số thu theo kế hoạch đã duyệt cho năm nay tăng hơn năm trước không phải ở mức 16,2% như đã trình mà lên tới 22,7%.

Nhiều địa phương cho là kế hoạch thu quá cao song tình hình thực tế cho thấy còn nhiều khả năng có thể khai thác để thực hiện mức đã đề ra. Tổng cục thuế kiểm tra 497 doanh nghiệp nhà nước, đã xác định số thuế năm 1995 còn nợ đọng tới 746 tỷ đồng và ẩn lậu 125 tỷ đồng; kiểm tra 278 doanh nghiệp tư nhân cũng nợ đọng tiền thuế 15 tỷ và ẩn lậu trốn thuế 13,1 tỷ ; kiểm tra 65 doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, số thuế nợ đọng là 107,9 tỷ, ẩn lậu 49,5 tỷ. Sổ bộ thuế còn bỏ sót nhiều hộ kinh doanh nhỏ và tình trạng khai man doanh thu còn phổ biến ; riêng đợt kiểm tra các cơ sở dịch vụ văn hóa, còn tới trên 40% số đơn vị kinh doanh không có giấy phép và không nộp thuế. Tình trạng trốn, lậu thuế xuất nhập khẩu vẫn tiếp diễn nghiêm trọng. Đó là chưa kể việc trốn thuế của nhiều hoạt động kinh doanh ngầm, thu lợi lớn như mua bán đất, nhà... Vì vậy, biện pháp quan trọng nhất để thực hiện kế hoạch thu là phải kiên quyết thu đúng luật, chống thất thu, tập trung vào những lĩnh vực còn nhiều khả năng tăng thu và giảm thất thoát, với sự phối hợp chặt chẽ giữa các cơ quan chức năng với các cấp chính quyền và các đoàn thể, các hiệp hội.

Digitized by Google

Bên cạnh đó, cần bổ sung một số chính sách, biện pháp vừa nhằm kích thích sản xuất, đáp ứng nhu cầu tiêu dùng, vừa tạo thêm nguồn thu ngân sách :

- Đẩy mạnh tiến trình *cải cách hệ thống thuế*, sửa đổi những điều bất hợp lý đang cản trở sự phát triển và lành mạnh hóa các hoạt động sản xuất kinh doanh cũng như việc thực hiện nghĩa vụ đối với Nhà nước và xã hội. Chính phủ sẽ chỉ đạo khẩn trương công việc này, giải quyết ngay những vấn đề thuộc thẩm quyền của Chính phủ và tích cực chuẩn bị những vấn đề cần trình Ủy ban thường vụ Quốc hội và Quốc hội thông qua. Trước mắt, sẽ *điều chỉnh ngay một số thuế suất* trong khung cho phép nhằm khuyến khích mạnh hơn sản xuất trong nước và bảo đảm sự cạnh tranh bình đẳng, lành mạnh trong cơ chế thị trường (như tạo mặt bằng thuế suất đối với doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài và doanh nghiệp trong nước).

- Bổ sung, sửa đổi *chính sách sử dụng đất* để ngăn chặn thị trường ngầm về đất đai đang diễn ra trong thực tế, thoát ly sự kiểm soát và đánh thuế của Nhà nước, bổ sung nguồn thu quan trọng cho ngân sách, đồng thời tạo điều kiện cần thiết cho việc xây dựng cơ sở sản xuất kinh doanh và cho việc thế chấp trong tín dụng đầu tư. Chủ trương bán nhà do Nhà nước quản lý cũng phải có nhiều hình thức thích hợp để những người đang ở thuê có thể mua được. Ủy ban thường vụ Quốc hội đã cùng Chính phủ tổ chức nghiên cứu khảo sát thực tế để sửa các văn bản pháp quy về vấn đề này.

- *Điều chỉnh giá một số sản phẩm* như điện, xăng dầu, xi-măng hiện nay có phần chưa sát hợp với quan hệ cung cầu trên thị trường, có phần không bảo đảm yêu cầu tái sản xuất và phát triển các ngành này, có phần chưa thích ứng với giá thị trường quốc tế. Chính phủ đã xây dựng phương án xử lý từng bước, không gây biến động lớn cho mặt bằng giá, đồng thời có phân biệt các đối tượng tiêu dùng để không ảnh hưởng xấu tới thu nhập của những người hưởng lương và trợ cấp ngân sách.

- *Xem xét tăng thêm việc nhập khẩu hàng tiêu dùng* trong giới hạn không quá 20% kim ngạch xuất khẩu (theo dự kiến kế hoạch năm 1996 mới bằng 16,7% kim ngạch xuất khẩu và chiếm 11,7% kim ngạch nhập khẩu), chủ yếu là hàng chưa sản xuất đủ trong nước, kể cả một số hàng cao cấp có thuế suất cao để đáp ứng nhu cầu của dân cư. Biện pháp này trước hết nhằm góp phần bù đắp sự thiếu hụt hàng hóa cân đối tiền - hàng để kiềm chế lạm phát, đồng thời gián tiếp điều tiết thu nhập qua thuế và tăng thu ngân sách. Mức tăng nhập hàng tiêu dùng nêu trên không làm thâm hụt cán cân thanh toán quốc tế ; ngược lại còn giúp cho việc quay vòng sử dụng ngoại tệ để góp phần ổn định hợp lý tỷ giá hối đoái trong điều kiện nguồn ngoại tệ đưa vào nước ta tiếp tục tăng.

Những chủ trương nêu trên cần được quyết định sớm thì mới có tác dụng giải quyết khó khăn về cân đối ngân sách năm 1996.

2. Về *chi ngân sách*, nổi lên vấn đề vốn dành cho đầu tư xây dựng cơ bản. Theo kế hoạch đã được Quốc hội thông qua, khoản chi này chỉ tương đương năm trước (chưa kể trượt giá), trong đó phần vốn trong nước để phân bổ cho các dự án chỉ bằng 60%. Trong kế hoạch sử dụng nguồn vốn này, phần chi trả cho khối lượng xây dựng đã hoàn thành theo kế hoạch năm 1995 nhưng chưa được thanh toán mới dành được 500 tỷ đồng, còn hơn 1 300 tỷ phải tìm nguồn trang trải bằng các biện pháp không làm tăng bội chi ngân sách.

Rút kinh nghiệm năm 1995, việc điều hành ngân sách năm 1996 phải ưu tiên bảo đảm kế hoạch đầu tư xây dựng cơ bản đã được phân bổ vốn ; nếu thu ngân sách không đạt kế hoạch thì giảm tương ứng phần dành cho chi thường xuyên. Phải bảo đảm chặt chẽ các điều kiện cho phép công trình đầu tư được ghi vào kế hoạch và được cấp vốn, tăng cường quản lý chi tiêu và cải tiến việc thanh toán, kiên quyết ngăn chặn và xử lý tình trạng tùy tiện chi vượt dự toán, để lại gánh nặng cho năm sau. Trên cơ sở đó, ngân sách phải đáp ứng yêu cầu cấp vốn kịp thời theo tiến độ thi công của công trình đầu tư.

Vốn tín dụng đầu tư theo kế hoạch Nhà nước năm nay tạo được nguồn tăng gần gấp đôi năm trước (6 000 tỷ đồng so với 3 300 tỷ) sẽ dành cho các dự án đầu tư phát triển sản xuất và một phần cho các công trình xây dựng cơ sở hạ tầng có khả năng thu hồi vốn.

Nhà nước cũng dành 200 tỷ đồng cho *quỹ khuyến khích đầu tư*, chủ yếu là trợ giúp trả một phần lãi suất cho các dự án đầu tư phải vay vốn tín dụng thương mại để phát triển sản xuất kinh doanh trong các lĩnh vực và ở các địa bàn cần được khuyến khích.

Về lâu dài, trong nguồn vốn đầu tư tập trung của Nhà nước, phần dành cho hình thức tín dụng và trợ giúp việc trả lãi suất sẽ tăng dần tỷ trọng để huy động được nhiều vốn và nâng cao hiệu quả đầu tư.

Digitized by Google

3. Về *điều hành ngân sách*, do việc thực hiện kế hoạch thu còn nhiều khó khăn và chưa vững chắc nên phải lường thu để chi, nếu thu không đạt thì phải giảm chi tương ứng, không giải quyết các nhu cầu chi ngoài kế hoạch hoặc chưa có nguồn thu. Chính phủ sẽ theo sát tình hình để điều hành cụ thể từng quý. Đến giữa năm sẽ trình Ủy ban thường vụ Quốc hội xem xét lại kế hoạch và việc phân bổ thu, chi ngân sách cho sát hợp với tình hình thực tế và báo cáo với Quốc hội trong kỳ họp sau.

Trong tình hình ngân sách còn rất hạn hẹp, việc điều hành theo tinh thần trên khó đáp ứng được yêu cầu của các ngành và các địa phương, kể cả những yêu cầu rất chính đáng, rất cần thiết cho giai đoạn phát triển mới. Ngay cả vốn ngân sách phân bổ cho miền núi dù được tăng nhiều hơn các địa phương khác, cũng còn xa mới đáp ứng được các yêu cầu cần thiết. Nhưng nếu không kiên quyết và chặt chẽ, ngân sách sẽ bội chi vượt mức Quốc hội cho phép, tình trạng căng thẳng và bị động về ngân sách sẽ kéo dài và trầm trọng thêm, làm tăng nguy cơ tái lạm phát cao, rất có hại cho sự ổn định và phát triển chung của nền kinh tế.

Ủy ban thường vụ Quốc hội đã nhất trí với Chính phủ ổn định việc phân giao nhiệm vụ chi và tỷ lệ thu các sắc thuế giữa ngân sách trung ương và ngân sách địa phương trong hai năm kể từ năm nay. Dự luật giải quyết vấn đề quản lý ngân sách trình Quốc hội xem xét trong kỳ họp lần này sẽ ổn định lâu dài hơn việc phân cấp về ngân sách, bảo đảm tính thống nhất về chính sách, chế độ thu, chi ngân sách đồng thời tăng thêm thẩm quyền để phát huy tính chủ động, sáng tạo của địa phương.

Việc đổi mới một bước cơ chế này trong năm 1996 đòi hỏi các đơn vị ngân sách phải thấy hết các khó khăn không chỉ của đơn vị mình mà của cả nước để tăng thu, tiết kiệm chi và khai thác mọi tiềm năng có thể huy động cho đầu tư phát triển, không ỷ lại vào trung ương.

Theo kết quả kiểm tra của cơ quan kiểm toán nhà nước về thu chi ngân sách của một số địa phương thì nơi nào cũng có hiện tượng tùy tiện miễn giảm thuế, chủ yếu là cho các doanh nghiệp nhà nước, để quỹ ngoài sổ sách, chi sai mục đích, xây trụ sở cơ quan và mua sắm ô-tô không ghi vào kế hoạch đầu tư; kiểm toán việc sử dụng vốn của chương trình 327 chi cho 29 dự án ở ba tỉnh, đã phát hiện số tiền cần xử lý vì chi sai mục đích, sai chế độ chiếm 24,4%, trong đó số phải thu hồi cho ngân sách chiếm 19,8% so với tổng số vốn được kiểm toán. Vì vậy, một biện pháp quan trọng để giải quyết khó khăn về ngân sách là phải *tăng cường kỷ luật về chế độ thu, chi tài chính công*, đẩy mạnh công tác kiểm tra, kiểm toán việc sử dụng công quỹ, khắc phục cho được tình trạng tiêu xài lãng phí, thất thoát đang còn rất nghiêm trọng.

Hai : Tiếp tục đẩy lùi và kiềm chế lạm phát vẫn là một nhiệm vụ bức xúc trong năm 1996.

Thực tiễn quản lý vĩ mô của nước ta trong thời gian qua cũng như kinh nghiệm tăng trưởng kinh tế với nhịp độ cao và bền vững của nhiều nước trong khu vực cho phép khẳng định: trong khi đẩy mạnh đầu tư phát triển để đạt nhịp độ tăng trưởng cao, vẫn có khả năng kìm giữ chỉ số tăng giá. Tuy có khía cạnh xung khắc nhau, song về cơ bản việc kiềm chế lạm phát không mâu thuẫn với yêu cầu tăng trưởng, ngược lại là điều kiện rất quan trọng để hạn chế rủi ro, kích thích tiết kiệm và đầu tư, bảo đảm sự phát triển bền vững về kinh tế và xã hội.

Kết quả kiềm chế lạm phát trong hai tháng đầu năm tạo thuận lợi lớn cho việc đẩy lùi chỉ số giá xuống thấp hơn năm 1995. Tuy nhiên việc thực hiện mục tiêu đó không dễ dàng mà đòi hỏi phải theo dõi sát diễn biến và xử lý kịp thời các yếu tố có thể gây đột biến giá. Trong chương trình đẩy lùi và kiềm chế lạm phát, Chính phủ tập trung vào mấy giải pháp chính:

Một là, giải pháp về tài chính - tiền tệ :

- Quản lý chặt chẽ thu, chi ngân sách, giữ tỷ lệ bội chi không vượt quá mức cho phép bằng các chủ trương, biện pháp đã nêu ở phần trên.

- Nâng cao năng lực quản lý, kiểm soát và điều hòa lưu thông tiền tệ, tín dụng. Xác định hợp lý mức tăng tổng phương tiện thanh toán và mức tăng tín dụng với sự theo dõi, điều hành nhạy bén bằng các công cụ thích hợp với thị trường tiền tệ, vừa đáp ứng yêu cầu tăng trưởng kinh tế, vừa kiềm chế lạm phát. Phát triển các hình thức huy động vốn trong nước, thu hút tiền gửi và thu hồi nợ để cho vay, mở rộng các hình thức thanh toán không dùng tiền mặt. Tiếp tục cải tiến cơ chế quản lý ngoại tệ theo hướng nâng cao khả năng chuyển đổi của đồng tiền Việt nam và ổn định tỷ giá hối đoái ở mức hợp lý, sử dụng và quay vòng nguồn ngoại tệ để cân đối tiền hàng, tạo điều kiện thực hiện cơ chế các doanh nghiệp trong nước chỉ có tài khoản bằng tiền Việt nam.

Hai là, giải pháp khuyến khích phát triển sản xuất và điều hành hợp lý xuất, nhập khẩu,

Digitized by Google

thúc đẩy lưu thông hàng hóa để bảo đảm cân đối tổng thể tiền hàng và điều hòa cung cầu những mặt hàng quan trọng có tác động lớn đến chỉ số chung về giá cả, như lương thực, thực phẩm và một số vật tư thiết yếu, không để xảy ra các cơn sốt giá không đáng có.

Sự điều hành của Chính phủ phải kết hợp chặt chẽ với sự tham gia tích cực của các doanh nghiệp, các cơ quan và của nhân dân, nhất là trong việc thực hiện nghĩa vụ thuế, thực hành tiết kiệm, hạn chế tiêu dùng quá mức, dành vốn cho đầu tư phát triển, mua trái phiếu cổ phiếu hoặc gửi quỹ tiết kiệm.

Đó là những yếu tố chủ quan quyết định khả năng tiếp tục đẩy lùi và kiềm chế lạm phát. Bên cạnh đó, còn có những tác động khách quan chưa thể lường trước, cần phải theo dõi và xử lý kịp thời khi xảy ra, như những biến động bất lợi về giá cả trên thị trường quốc tế hoặc thiên tai bất thường gây thiệt hại lớn cho sản xuất và lưu thông hàng hóa.

Ba : Khai thác tiềm năng và nâng cao hiệu quả đầu tư phát triển của toàn xã hội.

1. Nguồn *vốn đầu tư của Nhà nước* rất có hạn, tập trung hầu hết cho việc xây dựng cơ sở hạ tầng kinh tế và xã hội với sự lựa chọn chặt chẽ các mục tiêu ưu tiên, phát huy hiệu quả nhanh, nhưng cũng chỉ mới đáp ứng được yêu cầu ở mức rất thấp.

Năm 1995, vốn đầu tư xây dựng cơ bản của Nhà nước đạt kế hoạch thấp và giảm hơn năm 1993, 1994. Song tổng vốn đầu tư toàn xã hội theo giá hiện hành vẫn tăng 7% so với dự kiến kế hoạch và tăng 39,5% so với năm trước là nhờ các doanh nghiệp tự đầu tư gấp 2,5 lần, các hộ gia đình đầu tư tăng 11% và vốn đầu tư trực tiếp của nước ngoài được thực hiện tăng 51%. Năm 1996, như đã trình bày ở trên, vốn đầu tư của ngân sách nhà nước còn hạn hẹp hơn. Vì vậy, việc huy động vốn của các doanh nghiệp và nhân dân và vốn ngoài nước cho đầu tư phát triển là yêu cầu bức thiết, và ở đây còn nhiều tiềm năng lớn. Chính các nguồn vốn đầu tư này quyết định trực tiếp nhịp độ tăng trưởng, sự chuyển dịch cơ cấu và hiệu quả của nền kinh tế.

2. Đối với các *doanh nghiệp nhà nước*, Đảng và Nhà nước đã có các chủ trương, chính sách sắp xếp lại thành lập một số tổng công ty lớn và tương đối lớn, tiến hành cổ phần hóa, đổi mới tổ chức và quản lý, xóa bỏ dần cơ chế "chủ quản" bao biện và bao cấp của cơ quan hành chính, đồng thời trợ giúp đầu tư phát triển... Tuy đã thu được một số kết quả, nhưng việc triển khai thực hiện còn chậm, hiệu quả chung của khu vực kinh tế này vẫn thấp. Năm nay phải xúc tiến mấy việc để mở đường cho việc thực hiện tốt các chủ trương, chính sách đã đề ra :

Một là, phân định rõ những doanh nghiệp nhà nước có mục tiêu kinh doanh thu lợi nhuận, được áp dụng quy chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm, như công ty trách nhiệm hữu hạn hoặc công ty cổ phần, tồn tại và phát triển theo cơ chế thị trường. Trên cơ sở đó, xác định cụ thể chức năng và nội dung quản lý của cơ quan nhà nước đối với các doanh nghiệp này, không duy trì chế độ chủ quản như trước. Các doanh nghiệp này phải tự tạo và tự tìm nguồn vốn đầu tư phát triển. Nhà nước không cấp vốn đầu tư ngân sách, trường hợp xét cần thiết có thể cho vay tín dụng nhà nước hoặc tài trợ để trả một phần lãi suất vay từ các nguồn khác, hoặc cho phép doanh nghiệp được ngân hàng quốc doanh bảo lãnh để vay vốn nước ngoài.

Các doanh nghiệp nhà nước phục vụ công ích, phải thực hiện mục tiêu xã hội, được Nhà nước quản lý theo cơ chế thích hợp và có thể được Nhà nước đầu tư vốn bằng nhiều hình thức, kể cả cấp phát vốn ngân sách trong trường hợp cần thiết.

Hai là, chấn chỉnh tài chính doanh nghiệp một cách minh bạch, chân thực và từng bước lành mạnh hóa thông qua việc đánh giá đúng giá trị tài sản, thực hiện nghiêm chỉnh chế độ kế toán mới, tăng cường công tác kiểm toán và giải quyết dứt điểm việc thanh toán nợ. Thiếu điều kiện này thì không thể đánh giá đúng thực trạng của doanh nghiệp để có phương hướng xử lý thích hợp.

Hai việc nêu trên không dễ dàng, nhưng phải xúc tiến khẩn trương để tạo cơ sở cho việc chấn chỉnh tổ chức và quản lý, tiến hành cổ phần hóa, đưa các tổng công ty và doanh nghiệp nhà nước vào hoạt động lành mạnh, có hiệu quả, tăng nhanh khả năng tích tụ để đầu tư phát triển, thực sự góp phần thực hiện vai trò chủ đạo của kinh tế nhà nước.

3. Đầu tư của *kinh tế hộ gia đình và doanh nghiệp tư nhân* có vai trò đặc biệt quan trọng trong việc phát triển nông nghiệp và kinh tế nông thôn, mở mang thủ công nghiệp, tiểu công nghiệp, thương mại, dịch vụ và vận tải địa phương, tạo nhiều việc làm và nâng cao thu nhập của dân cư.

Để phát huy một bước mạnh mẽ các nguồn lực đang còn nhiều tiềm năng của khu vực kinh tế này, cần thấu suốt và thực hiện nhất quán

Digitized by Google

đường lối phát triển kinh tế nhiều thành phần, với vai trò chủ đạo của kinh tế nhà nước ; xóa bỏ những trở lực trong chính sách, thủ tục và cả trong tâm lý xã hội. Trước mắt, cần xúc tiến mấy biện pháp chính :

- Thực hiện quy chế : đăng ký kinh doanh dễ dàng, nhưng hoạt động kinh doanh phải tuân theo luật pháp, đóng thuế sòng phẳng, chịu sự kiểm soát và quản lý theo chức năng của cơ quan nhà nước. Giảm mạnh các điều kiện và thủ tục thành lập doanh nghiệp, xóa bỏ sự hạn chế không cần thiết về phạm vi ngành nghề, xem lại việc phân biệt loại hình kinh doanh theo số vốn đăng ký không phù hợp với thực tế, thống nhất làm một việc cấp giấy phép và đăng ký kinh doanh ; kiểm tra và bắt buộc mọi cơ sở sản xuất, kinh doanh đều phải đăng ký và hoạt động theo đúng pháp luật.

- Khắc phục ngay sự chậm trễ trong việc cụ thể hóa và triển khai thực hiện Luật khuyến khích đầu tư trong nước. Ban hành quy chế hình thành và sử dụng quỹ trợ giúp đầu tư phát triển. Giải quyết hợp lý quyền sử dụng đất. Bổ sung các chính sách và biện pháp giúp các doanh nghiệp và hộ gia đình khắc phục những mặt hạn chế về tiếp thị, về vốn, về nghiên cứu ứng dụng công nghệ mới.

- Phát triển các hình thức kinh tế hợp tác giữa các hộ gia đình và cơ sở kinh doanh nhỏ theo Luật hợp tác xã sau khi được Quốc hội thông qua và ban hành. Khuyến khích các hình thức liên kết giữa các doanh nghiệp lớn với các cơ sở vừa và nhỏ trên cơ sở điều hòa lợi ích, không chèn ép, thôn tính nhau.

4. Về *đầu tư trực tiếp của nước ngoài*, một mặt, phải tiếp tục cải thiện môi trường đầu tư, chuẩn bị trình Quốc hội sửa đổi, bổ sung Luật đầu tư, cải tiến mạnh hơn nữa các thủ tục hành chính để thu hút thêm nguồn đầu tư mới dưới nhiều hình thức vào những lĩnh vực cần thiết ; mặt khác, cần chú trọng khắc phục các trở ngại, tăng cường sự giúp đỡ và kiểm soát của Nhà nước, nhất là về đất đai và giải phóng mặt bằng, để triển khai thực hiện nhanh các dự án đầu tư nước ngoài đã được cấp giấy phép. Cho đến nay, số vốn đăng ký của các dự án đã được cấp giấy phép còn khoảng 13 tỷ USD chưa được thực hiện. Nguồn vốn này cần được sử dụng và phát huy tác dụng đối với sự phát triển ngay trong 5 năm này.

Tiếp tục tranh thủ *nguồn vốn ODA* và đưa nhanh vào sử dụng số vốn đã được các nhà tài trợ cam kết. Phần vốn vay chủ yếu dùng để cho vay lại nhằm thực hiện các dự án đầu tư được lựa chọn. Khâu quyết định là nâng cao chất lượng chuẩn bị các dự án, triển khai thực hiện đúng tiến độ các dự án đã được chấp nhận, tăng cường công tác quản lý, điều phối, bảo đảm sử dụng vốn có hiệu quả cao.

5. Phát triển *thị trường vốn* để thúc đẩy tiết kiệm và đầu tư. Mở rộng việc phát hành và hình thành thị trường mua bán trái phiếu, kỳ phiếu, tín phiếu kho bạc ; phát triển các quỹ bảo hiểm và các hình thức thu hút tiền gửi trung, dài hạn ; rút kinh nghiệm thí điểm để xây dựng quy chế tiến hành cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước và xây dựng công ty cổ phần có phát hành cổ phiếu ; xúc tiến việc xây dựng khuôn khổ pháp lý và đào tạo nhân lực cho việc thành lập thị trường chứng khoán.

6. Qua bước đưa chiến lược công nghiệp hóa, hiện đại hóa vào cuộc sống, thực tiễn càng cho thấy rõ tầm quan trọng của *công tác quy hoạch* để hướng dẫn đầu tư phát triển có hiệu quả, tránh phải trả giá rất đắt cho việc xây dựng hỗn độn, không hợp lý, phá hoại môi trường, cảnh quan. Bước vào giai đoạn phát triển mới, *công tác quy hoạch phải được coi là một nội dung quan trọng hàng đầu trong chức năng quản lý nhà nước ở tất cả các cấp.* Công tác này đòi hỏi tính khoa học cao và tầm nhìn xa, trông rộng, không thể làm một lần là xong.

Cần xúc tiến khẩn trương và không ngừng nâng cao chất lượng công tác quy hoạch phát triển ngành và quy hoạch các địa bàn, các vùng trọng điểm, các đô thị, các khu công nghiệp tập trung (bao gồm cả khu chế xuất, khu công nghệ cao), quy hoạch sử dụng đất nông nghiệp, phủ xanh đất trống, đồi núi trọc và quy hoạch khu dân cư ở nông thôn.

Quy hoạch các thành phố lớn phải hình thành các khu công nghiệp - dịch vụ vệ tinh, không bố trí các xí nghiệp công nghiệp mới trong nội thành, đưa các xí nghiệp gây ô nhiễm ra ngoại ô, hình thành các khu dân cư, các trung tâm văn hóa, các khu giải trí, vui chơi, bảo đảm diện tích cây xanh, giữ gìn môi trường, cảnh quan, di tích lịch sử, văn hóa ; hạn chế việc bố trí nhiều nhà cao tầng ở khu vực trung tâm để tránh tăng quá mức mật độ dân cư, dẫn tới làm gay gắt thêm sự quá tải về cơ sở hạ tầng, sự căng thẳng về các điều kiện sinh hoạt, đi lại... và làm trầm trọng thêm tình trạng ô nhiễm môi trường. Quy hoạch khu dân cư ở nông thôn phải kết hợp chặt chẽ hai mặt : sống hài hòa với tự nhiên và từng bước nâng cấp cơ sở hạ tầng, cải thiện điều kiện sinh hoạt, giảm dần sự cách biệt về tiện nghi so với đô thị.

Digitized by Google

Chính phủ sẽ chỉ đạo các bộ kiểm điểm, rút kinh nghiệm về công tác quy hoạch trong thời gian qua, để có biện pháp thúc đẩy và nâng cao chất lượng quy hoạch, đẩy mạnh việc đào tạo, bồi dưỡng cán bộ cho công tác này.

Bốn : Đổi mới cơ chế, tạo bước phát triển mới về văn hóa, xã hội.

Kế hoạch năm 1996 đã xác định rõ tư tưởng chỉ đạo phải kết hợp tăng trưởng kinh tế với thực hiện công bằng và tiến bộ xã hội, coi việc phát triển văn hóa và giải quyết các vấn đề xã hội để phát triển con người là nhân tố cơ bản của sự phát triển bền vững. Tư tưởng chỉ đạo đó được thể hiện trong việc xác định phương hướng phát triển, bố trí kế hoạch đầu tư và phân bổ ngân sách nhà nước đi đôi với các biện pháp xã hội hóa, Nhà nước và nhân dân cùng làm trong các lĩnh vực này.

Tuy nhiên, các lĩnh vực văn hóa, xã hội có nhiều vấn đề bức xúc, các giải pháp đã đề ra, nhất là về kinh phí, chưa đáp ứng được yêu cầu của cuộc sống. Tình hình thực tế đòi hỏi phải có cơ chế sử dụng có hiệu quả hơn vốn ngân sách, thực hiện phương châm xã hội hóa sâu rộng và đa dạng hơn để tạo bước phát triển mới cho các lĩnh vực này.

Cơ chế kinh phí hiện hành đối với giáo dục và y tế vừa không đủ trả lương đúng mức cho thầy giáo, thầy thuốc, vừa mang tính trợ cấp bình quân cho mọi người đi học, đi khám, chữa bệnh trong khi sự phân tầng thu nhập trong xã hội đã diễn ra rõ nét. Trong thực tế, gia đình có con đi học phải nộp thêm nhiều khoản tiền ngoài học phí, phần lớn là cho việc học thêm một cách vô lối, trái nguyên tắc sư phạm ; người đi khám chữa bệnh phải chi một cách không chính thức, không công khai, nhiều hơn mức quy định của Nhà nước, thường là gấp nhiều lần. Tình trạng đó tạo ra nhiều hiện tượng tiêu cực làm vẩn đục quan hệ thầy trò, xói mòn đạo đức y tế và tăng thêm bất công vì người giàu vẫn được trợ cấp còn người nghèo không đủ tiền chi trả.

Tình hình thực tế vừa đòi hỏi, vừa mở ra khả năng đổi mới cơ chế bảo đảm kinh phí giáo dục, y tế theo hướng : thu phí đúng mức một cách chính thức, công khai ; tập trung vốn tài trợ của Nhà nước cho các mục tiêu ưu tiên và các đối tượng cần thiết như xây dựng cơ sở hạ tầng về giáo dục, y tế, phổ cập tiểu học, công tác vệ sinh phòng bệnh, đầu tư cho miền núi, vùng đồng bào dân tộc, vùng nông thôn sâu, trợ giúp cho người nghèo, người thuộc gia đình chính sách được đi học, khám, chữa bệnh, cho việc bồi dưỡng nhân tài, v.v.. Như vậy, người khá giả lâu nay đóng góp không ít thì nay sự đóng góp ấy được minh bạch, đường hoàng ; người nghèo được trợ giúp tốt hơn ; thầy giáo, thầy thuốc được đãi ngộ xứng đáng bằng tiền lương, thầy càng giỏi càng có thu nhập cao. Thực tiễn của các trường, lớp dân lập, bán công, các cơ sở y tế thu đúng mức phí dịch vụ và có chế độ chữa bệnh không phân biệt đối xử với người nghèo cần được tổng kết để tìm ra các hình thức, biện pháp đổi mới cơ chế theo hướng nêu trên.

Tuy nhiên, đây là chủ trương lớn, tác động đến mọi gia đình và có nhiều vấn đề phức tạp cả về cơ chế, tổ chức và con người với những hệ quả cần giải quyết. Vì vậy, phải nghiên cứu kỹ, thực hiện từng bước ; trong năm nay tiến hành ở những cơ sở giáo dục, y tế có điều kiện trong một số thành phố, thị xã và kịp thời rút kinh nghiệm để xây dựng và hoàn chỉnh cơ chế mới.

Các lĩnh vực khác về văn hóa, xã hội, tuy mang tính chất khác với giáo dục, y tế, song cũng cần suy nghĩ về cơ chế sử dụng hợp lý, có hiệu quả kinh phí được Nhà nước tài trợ và các hình thức xã hội hóa thích hợp với từng lĩnh vực.

Năm : Xúc tiến có hiệu quả chương trình cải cách hành chính.

Năm 1995 đã làm được một số việc có kết quả bước đầu về cải cách thủ tục hành chính, ban hành một số thể chế mới, thiết lập trật tự, kỷ cương trong một số lĩnh vực, sắp xếp lại một bước tổ chức bộ máy hành chính, mở rộng việc đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức. Tuy vậy, nhìn chung công cuộc cải cách hành chính tiến triển chậm, chưa mang lại chuyển biến rõ nét, nhất là về những lĩnh vực có quan hệ trực tiếp với nhân dân và các doanh nghiệp. Thực tiễn càng cho thấy rõ cải cách hành chính là yêu cầu bức xúc của nhân dân và đang là một khâu có ý nghĩa quyết định đối với tiến trình đổi mới và phát triển kinh tế, xã hội.

Năm nay, phải duy trì và phát huy các kết quả đã đạt được và triển khai thực hiện có kết quả một số công việc mới, gắn kết hơn nữa cải cách hành chính với cải cách kinh tế trong từng chính sách và biện pháp, tạo chuyển biến mạnh hơn trong việc khắc phục tình trạng tham nhũng, quan liêu, cửa quyền của bộ máy nhà nước và trong việc xây dựng nếp sống và làm việc theo pháp luật ❑

Digitized by Google

LÀM TỐT CÔNG TÁC TƯ TƯỞNG, CHUẨN BỊ HÀNH TRANG BƯỚC VÀO THỜI KỲ PHÁT TRIỂN MỚI

5 năm qua, cùng với sự phát triển toàn diện của công cuộc đổi mới, công tác tư tưởng của chúng ta đã thu được những kết quả đáng mừng, góp phần không nhỏ vào thành tựu chung của đất nước và làm cho tình hình tư tưởng xã hội có bước chuyển biến tích cực. So với những năm đầu của nhiệm kỳ Đại hội VII (khi Liên xô và các nước xã hội chủ nghĩa Đông Âu tan rã), hiện nay tâm trạng xã hội và tình hình tư tưởng trong đảng, trong dân ổn định và lành mạnh hơn rất nhiều. Từ chỗ nhiều người lo lắng, động dao về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên của nước ta, đến nay niềm tin vào chủ nghĩa xã hội, vào đường lối đổi mới và sự lãnh đạo của Đảng được củng cố tốt hơn. Không khí xã hội phấn chấn, nhân dân vững vàng, tự tin, và ngày càng có sự nhất trí cao về đánh giá tình hình, thấy rõ cả thời cơ và nguy cơ, khẳng định con đường đi lên chủ nghĩa xã hội, tiến hành công nghiệp hóa hiện đại hóa đất nước vì mục tiêu dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, văn minh. Trình độ chính trị, lý luận của cán bộ, đảng viên có tiến bộ rõ rệt ; trình độ dân trí ngày càng cao. Khối đại đoàn kết toàn dân ngày càng được củng cố vững chắc.

Tuy nhiên, những khó khăn khách quan và chủ quan trên con đường đi lên của đất nước vẫn đang tác động vào tình hình tư tưởng và tâm trạng xã hội. Bốn nguy cơ mà Đảng ta nêu ra vẫn đang là những thách thức rất gay gắt, làm cho không ít cán bộ, đảng viên và nhân dân lo lắng. Đặc biệt là trên các vấn đề về xã hội : sự phân cực giàu nghèo nhanh, tình trạng bất công xã hội quá đáng, lối sống xa hoa buông thả, tất cả vì tiền, sự xuống cấp về đạo đức tinh thần, tệ tham nhũng, thoái hóa biến chất có chiều hướng gia tăng trong một số cán bộ, đảng viên, công chức nhà nước... Nhiều người lúng túng, băn khoăn trước một số vấn đề lý luận và thực tiễn còn chưa sáng tỏ, chưa cắt nghĩa được tính tất yếu và khả năng tiến lên chủ nghĩa xã hội bỏ qua chế độ tư bản chủ nghĩa ở nước ta, chưa tin là cơ chế thị trường lại có thể dẫn tới chủ nghĩa xã hội, tránh được "đa nguyên đa đảng". Cũng có những biểu hiện chịu ảnh hưởng các quan điểm tư sản về tự do, dân chủ, nhân quyền, về mô hình nhà nước pháp quyền tư sản... Thậm chí một số người do bất mãn hoặc chống đối vẫn cố tình tung ra những tài liệu bài bác chủ nghĩa Mác - Lê-nin, tư tưởng Hồ Chí Minh, định hướng xã hội chủ nghĩa, đường lối đổi mới và sự lãnh đạo của Đảng.

Có thể nói, tất cả những tiến bộ và hạn chế về tư tưởng thời gian qua gắn liền với tình hình kinh tế, chính trị, xã hội, đồng thời phản ánh những thành tựu và thiếu sót của công tác tư tưởng. Tình hình đất nước với những thành tựu to lớn và chuyển biến tích cực là cơ sở vững chắc của niềm tin và là thuận lợi rất cơ bản của công tác tư tưởng. Và về phần mình, công tác tư tưởng đã góp phần xứng đáng tạo ra những thành tựu chung đó. Chỉ lấy năm 1995 làm ví dụ, chúng ta thấy công tác tư tưởng đã làm được khá nhiều việc. Nổi bật nhất là :

Digitized by Google

- Đã triển khai mạnh mẽ, có hiệu quả việc học tập quán triệt các nghị quyết của Đảng và các chủ trương chính sách lớn của Nhà nước ; giúp cho các cấp ủy đảng và lãnh đạo các cấp, các ngành nhận thức rõ hơn và có hệ thống hơn các quan điểm đường lối của Đảng ; góp phần tổng kết việc thực hiện các nghị quyết trong nhiệm kỳ, nghiên cứu góp ý kiến vào dự thảo các văn kiện trình Đại hội VIII và chuẩn bị các văn kiện đại hội các cấp. Đặc biệt là việc Ban bí thư Trung ương Đảng tổ chức 5 lớp nghiên cứu quan điểm, đường lối của Đảng thu hút gần 3 000 cán bộ lãnh đạo và quản lý các cấp, đã trực tiếp thúc đẩy phong trào học tập lý luận chính trị trong toàn đảng. Việc tổ chức nghiên cứu Nghị quyết 9 của Bộ chính trị về một số định hướng lớn trong công tác tư tưởng có tác dụng góp phần nâng cao nhận thức các quan điểm lý luận cơ bản của Đảng ta trong giai đoạn hiện nay.

Gắn với việc học tập nghiên cứu các nghị quyết của Đảng, đẩy mạnh một bước công tác giáo dục lý luận chính trị ở các cấp, các ngành, hệ thống ba chương trình bồi dưỡng lý luận chính trị được biên soạn và đưa vào cuộc sống, làm căn cứ cho việc học tập của cán bộ, đảng viên. Nhiều địa phương đã mở các lớp nghiên cứu chuyên đề đáp ứng yêu cầu xây dựng Đảng, xây dựng chính quyền, công tác dân vận,... Đã có gần 1 triệu đảng viên tham gia học tập các chuyên đề, 14 vạn người ngoài Đảng tham gia các lớp bồi dưỡng để kết nạp vào Đảng. Việc bồi dưỡng các đảng viên là người dân tộc thiểu số được chú ý nhiều và có biện pháp cụ thể hơn.

- Đã giáo dục sâu rộng truyền thống yêu nước và cách mạng của dân tộc thông qua việc tổ chức kỷ niệm những ngày lễ lớn. Các hoạt động kỷ niệm trong năm 1995 được tổ chức có chiều sâu và với quy mô rộng lớn, diễn ra liên tục, đỉnh cao là kỷ niệm 50 năm Cách mạng Tháng Tám và Quốc khánh 2-9. Đó thật sự là những ngày hội của toàn dân tôn vinh truyền thống hào hùng của dân tộc, sự nghiệp vẻ vang của Đảng và Bác Hồ, công lao to lớn của những bà mẹ Việt nam anh hùng và những người con ưu tú của Tổ quốc, khơi dậy niềm tự hào dân tộc, ý chí tự lực tự cường, niềm tin vào thắng lợi của công cuộc đổi mới ; đẩy lùi những sự suy nghĩ lệch lạc, nhận thức mơ hồ và âm mưu lung lạc tư tưởng nhân dân của những thế lực chống đối.

- Đã tăng được tính hiệu quả của các hoạt động báo chí xuất bản, các phương tiện thông tin đại chúng. Các loại hình báo chí phát triển mạnh. Đến cuối năm 1995 cả nước đã có 446 tờ báo, tạp chí và bản tin các loại. Số lượng đầu sách và thể loại xuất bản cũng tăng nhanh, kể cả sách báo tiếng Việt và tiếng nước ngoài. Trên các phương tiện thông tin đại chúng, nội dung thông tin khá phong phú, đa dạng, nhiều chiều, theo đúng định hướng chính trị của Đảng. Báo chí ngày càng tỏ rõ là một lực lượng xung kích, một binh chủng không thể thiếu được trên mặt trận tư tưởng văn hóa. Đó là nhân tố rất quan trọng trong công tác tuyên truyền giáo dục chính trị tư tưởng, làm sáng tỏ và quán triệt các quan điểm, đường lối của Đảng, chủ trương chính sách của Nhà nước, củng cố nâng cao niềm tin của cán bộ, đảng viên và nhân dân, xây dựng bầu không khí dân chủ, cởi mở trong xã hội, thúc đẩy mở rộng quan hệ giữa nước ta với thế giới.

- Đã tạo ra bước chuyển biến tốt trong các hoạt động văn hóa văn nghệ. Thông qua việc tiến hành đại hội các hội văn học nghệ thuật ở trung ương và một số hội ở địa phương, tạo ra sự thống nhất trong đánh giá tình hình, nâng thêm nhận thức về các quan điểm chỉ đạo hoạt động sáng tạo, tăng cường sự tập hợp và đoàn kết đội ngũ. Những năm gần đây các hoạt động văn hóa văn nghệ nhìn chung phát triển theo hướng lành mạnh, phong phú, đa dạng, đáp ứng ngày càng tốt hơn nhu cầu thiết yếu về đời sống tinh thần của nhân dân. Đã có nhiều tác phẩm được giải thưởng và được công chúng hoan nghênh ; xuất hiện nhiều cây bút trẻ có triển vọng. Một số quan điểm cực đoan, lệch lạc về đánh giá văn hóa văn nghệ cách mạng,

Digitized by Google

về quan hệ giữa văn nghệ và chính trị, về tự do sáng tạo, về dân chủ... bị đẩy lùi. Những nhân tố tích cực trong hoạt động sáng tạo được đề cao.

- Đẩy mạnh cuộc đấu tranh lý luận và chống "diễn biến hòa bình" trên mặt trận tư tưởng và văn hóa. Bằng nhiều hình thức, lực lượng và phương tiện, đã tập trung phản bác các quan điểm tư tưởng sai lầm chung quanh các vấn đề lý luận chính trị cơ bản, bảo vệ chủ nghĩa Mác - Lê-nin, tư tưởng Hồ Chí Minh, kiên định con đường xã hội chủ nghĩa, giữ vững và tăng cường sự lãnh đạo của Đảng, nâng cao ý thức cảnh giác cách mạng trong cán bộ, đảng viên và nhân dân. Trước những diễn biến mới của tình hình và trước các sự kiện chính trị quan trọng (như sự kiện Việt nam gia nhập ASEAN, bình thường hóa quan hệ Việt - Mỹ, các vụ án có liên quan đến an ninh quốc gia...), Đảng và Nhà nước đã kịp thời định hướng tư tưởng trong toàn dân. Kết hợp đấu tranh chống diễn biến hòa bình với việc giáo dục xây dựng ý thức cảnh giác, bảo vệ chính trị nội bộ, xây dựng Đảng, Nhà nước, các đoàn thể quần chúng trong sạch, vững mạnh, chống các tệ nạn xã hội.

Tuy nhiên, tồn tại lớn của công tác tư tưởng hiện nay là còn không ít vấn đề lý luận và thực tiễn chưa được làm sáng tỏ ; công tác tuyên truyền giáo dục lý luận chính trị có những hạn chế ; một số trường hợp còn đơn giản, chưa có sức thuyết phục cao. Chưa coi trọng đúng mức vấn đề giáo dục rèn luyện phẩm chất, đạo đức, lối sống ; chưa chặn được nạn tham nhũng và các tiêu cực xã hội khác. Lối sống hưởng lạc, chạy theo đồng tiền, ích kỷ cá nhân vẫn có chiều hướng phát triển. Xu hướng thương mại hóa trong một số hoạt động văn hóa văn nghệ, báo chí, xuất bản, các hủ tục mê tín dị đoan còn nặng. Trong khi đó công tác lãnh đạo và quản lý có những thiếu sót, sơ hở. Một số cấp ủy và chính quyền chưa quan tâm đúng mức và chưa có giải pháp cụ thể tích cực. Một số cơ quan tham mưu thiếu những cán bộ đủ năng lực. Cuộc đấu tranh tư tưởng và lý luận có lúc còn lúng túng, bị động, chưa thật sắc bén.

Thực tiễn mấy năm qua cho thấy, để làm tốt công tác tư tưởng, tất cả các cấp, các ngành phải thật sự quan tâm và đầu tư sức lực cho lĩnh vực này. Phải nắm vững mục tiêu và các định hướng của công tác tư tưởng ; luôn luôn ở thế chủ động tiến công, đi trước một bước. Kết hợp giữa xây và chống, giữa nói và làm ; giáo dục thường xuyên liên tục, giáo dục chính diện đi đôi với chủ động đấu tranh chống các luận điệu sai trái của các thế lực thù địch. Cấp ủy phải trực tiếp lãnh đạo, các cơ quan tham mưu phải năng động, sáng tạo, phát huy sức mạnh tổng hợp của toàn đảng, toàn hệ thống chính trị và các phương tiện làm công tác tư tưởng, trong đó nòng cốt là đội ngũ cán bộ trực tiếp công tác trên lĩnh vực này.

* * *

Đất nước ta đang đứng trước thời cơ và vận hội lớn ; đồng thời phải vượt qua nhiều thách thức và nguy cơ. Thời cơ và nguy cơ đan xen nhau và cùng tác động đến chiều hướng phát triển của đất nước, tác động đến đời sống vật chất và tinh thần của xã hội và đặt ra những yêu cầu mới rất nặng nề đối với công tác tư tưởng.

Năm 1996 có vị trí rất quan trọng trên con đường tiến lên của nhân dân ta, đất nước ta. Đây là năm tiến hành Đại hội VIII của Đảng, là năm mở đầu kế hoạch 5 năm 1996-2000, mở đầu thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Việc thực hiện thắng lợi kế hoạch 1996 - 2000 do Đại hội VIII đề ra có ý nghĩa quyết định chiều hướng phát triển của đất nước trong những năm đầu thế kỷ XXI.

Để đáp ứng được yêu cầu và nhiệm vụ của thời kỳ cách mạng mới, công tác tư tưởng phải vươn lên mạnh mẽ, phát huy những kết quả và kinh nghiệm đã đạt được, khắc phục những yếu kém và khuyết điểm, không ngừng nâng cao chất lượng và hiệu quả trên tất cả các mặt hoạt động. Phương hướng chung của công tác tư tưởng trong

Digitized by Google

giai đoạn hiện nay là : phát huy chủ nghĩa yêu nước và truyền thống cách mạng, tinh thần đoàn kết, ý chí độc lập tự chủ, tự lực tự cường ; nâng cao bản lĩnh chính trị, năng lực trí tuệ và hành động, phẩm chất đạo đức và lối sống ; củng cố niềm tin vào sự lãnh đạo của Đảng, vào sự nghiệp đổi mới, tạo ra phong trào quần chúng rộng lớn phấn đấu thực hiện thắng lợi các nhiệm vụ do Đại hội VIII đề ra, chuẩn bị tiến vào thế kỷ XXI với một tư thế mới tràn đầy sinh lực, vì sự nghiệp công nghiệp hóa hiện đại hóa, làm cho dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, văn minh, từng bước đi lên chủ nghĩa xã hội.

Trước mắt, cần tập trung thực hiện tốt một số nhiệm vụ chủ yếu sau đây :

1 - Tiếp tục giáo dục quán triệt những định hướng lớn của công tác tư tưởng lý luận mà Đảng đã đề ra, kiên định chủ nghĩa Mác - Lê-nin, tư tưởng Hồ Chí Minh, đường lối đổi mới và sự lãnh đạo của Đảng. Đẩy mạnh công tác nghiên cứu lý luận, tổng kết thực tiễn, tuyên truyền, giáo dục, làm cho chủ nghĩa Mác - Lê-nin, tư tưởng Hồ Chí Minh ngày càng trở thành nền tảng tư tưởng vững chắc và kim chỉ nam cho hành động của Đảng ta và của cách mạng nước ta. Tăng cường công tác xây dựng Đảng, xây dựng Nhà nước, Mặt trận và các đoàn thể nhân dân, mở rộng dân chủ, củng cố khối đại đoàn kết toàn dân, tạo ra sức mạnh tổng hợp phấn đấu đưa sự nghiệp đổi mới tiếp tục tiến lên ngày càng vững chắc.

2 - Thực hiện thắng lợi Nghị quyết Đại hội VIII của Đảng, đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. Bằng các phương tiện giáo dục, tuyên truyền, thông tin đại chúng, làm cho toàn đảng, toàn dân ta hiểu rõ cục diện cách mạng nước ta hiện nay, nắm chắc thời cơ và thuận lợi, thấy hết những khó khăn và nguy cơ trên con đường thực hiện công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Củng cố niềm tin, niềm tự hào, tạo ra ý chí mới, quyết tâm mới, hồ hởi đi vào thời kỳ mới xây dựng và bảo vệ đất nước.

Phát huy dân chủ, trí tuệ, góp sức xây dựng và hoàn thiện các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước ; thấu suốt các quan điểm chỉ đạo và giải pháp thực hiện công nghiệp hóa, hiện đại hóa ; đồng thời sáng tạo tìm ra các giải pháp cụ thể phù hợp với từng ngành, từng địa phương, từng địa bàn và cơ sở.

3 - Đẩy mạnh việc giáo dục rèn luyện phẩm chất đạo đức và lối sống, nêu cao ý thức cần kiệm xây dựng đất nước, tinh thần đoàn kết thân ái, trọng nghĩa tình, thương yêu giúp đỡ lẫn nhau, giữ gìn và phát huy bản sắc tốt đẹp của dân tộc. Kiên quyết đấu tranh chống chủ nghĩa cá nhân vị kỷ, óc bè phái cục bộ, tệ tham nhũng, quan liêu, lối sống xa hoa hưởng lạc, tôn thờ đồng tiền, làm giàu bất chính...

Bồi dưỡng nâng cao trình độ hiểu biết, năng lực làm việc, nhất là trên các lĩnh vực pháp luật, kinh tế, văn hóa ; phát huy tính năng động, chủ động sáng tạo của mỗi người cũng như của cả cộng đồng, vươn lên làm chủ công việc của mình, làm giàu cho đất nước, trong đó có bản thân.

4 - Đấu tranh làm thất bại mọi âm mưu và hoạt động "diễn biến hòa bình" của các thế lực thù địch trên lĩnh vực tư tưởng văn hóa ; đồng thời khắc phục các biểu hiện dao động, cơ hội trong nội bộ bằng cách tăng cường công tác thông tin, chủ động bồi dưỡng những nhận thức đúng đắn. Xây dựng hệ thống chính trị vững mạnh, tạo ra nội lực mạnh mẽ chống lại mọi sự phá hoại, mọi thủ đoạn, luận điệu phản tuyên truyền.

Để làm tốt các nhiệm vụ trên đây, công tác tư tưởng cần tiếp tục được đổi mới cả về nội dung, phương thức, phương tiện, phù hợp với trình độ dân trí, điều kiện kinh tế xã hội, trình độ kỹ thuật hiện đại. Đặc biệt là cần bồi dưỡng, đào tạo cán bộ làm công tác tư tưởng ; có cơ chế và chính sách động viên, thu hút những người có tâm huyết và đủ năng lực hoạt động trong lĩnh vực quan trọng này ❑

Digitized by Google

TUỔI TRẺ VIỆT NAM NGUYỆN MÃI MÃI XỨNG ĐÁNG VỚI NIỀM TIN CỦA ĐẢNG

HỒ ĐỨC VIỆT *

ĐOÀN TNCS Hồ Chí Minh được Đảng và Bác Hồ tổ chức, lãnh đạo và rèn luyện, đã trải qua 65 năm xây dựng, cống hiến và trưởng thành. Tại lễ kỷ niệm 35 năm Ngày thành lập Đoàn, Bác Hồ kính yêu đã nói : "Là người theo dõi tổ chức thanh niên từ bước đầu hiếm hoi chỉ có tám cháu, ngày nay trông thấy có hàng triệu đoàn viên thanh niên, hàng triệu cháu bé nhi đồng, phát triển mơn mởn như hoa nở mùa xuân... Bác rất tự hào, sung sướng... thấy tương lai của dân tộc ta vô cùng vững chắc và vẻ vang"(1).

Thật vậy, dưới ngọn cờ của Đảng, suốt 65 năm qua, lớp lớp đoàn viên, thanh niên nước ta đã nối tiếp nhau nêu cao chủ nghĩa anh hùng cách mạng, dũng cảm chiến đấu hy sinh và lao động sáng tạo, góp phần xứng đáng đưa đất nước ta đến vị trí vinh quang như ngày nay. Từ Lý Tự Trọng, người đại diện vẻ vang cho lớp thanh niên cộng sản đầu tiên vinh dự được Bác Hồ trực tiếp dìu dắt đã sống chiến đấu như một người cộng sản tới hơi thở cuối cùng, đến Võ Thị Sáu hiên ngang nhìn thẳng vào họng súng quân thù hát vang quốc ca trên địa ngục Côn đảo, Nguyễn Văn Trỗi với chín phút cuối cùng làm nên lịch sử... và hàng ngàn, hàng vạn anh hùng, chiến sĩ trẻ tuổi khác đã góp phần làm rạng rỡ gương mặt Tổ quốc ta.

Quá trình chiến đấu hy sinh, lao động sáng tạo của các thế hệ thanh niên từ khi có Đảng, có Đoàn cho đến nay đã xây đắp nên những *truyền thống vẻ vang của Đoàn và phong trào thành niên* nước ta. Đó là :

---

* Ủy viên Trung ương Đảng, Bí thư thứ nhất Trung ương Đoàn TNCS Hồ Chí Minh

(1) Hồ Chí Minh : *Toàn tập*, Nxb Sự Thật, Hà nội, 1989, t 10, tr 325

Digitized by Google

- *Truyền thống yêu nước nồng nàn, trung thành tuyệt đối với Đảng, với nhân dân ; gắn bó mật thiết với lý tưởng độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội.* Truyền thống quý báu này đã tạo ra động lực tinh thần vô giá xuyên suốt các thời kỳ lịch sử, được thể hiện trong hành động cách mạng, nhất là ở những bước ngoặt của đất nước.

- *Truyền thống xung kích cách mạng,* dám đón lấy những nhiệm vụ nặng nề, dám đi đến những nơi khó khăn, gian khổ, dám suy nghĩ và hành động sáng tạo để xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, để hoàn thành có kết quả nhiệm vụ được giao. Thực hiện lời dạy của Bác Hồ : "Đâu cần thanh niên có, việc gì khó thanh niên làm", các thế hệ trẻ tuổi nước ta luôn nêu cao tinh thần xung phong, sẵn sàng đến những nơi Tổ quốc cần, dù đó là biên cương hay hải đảo, dù đó là công việc mới mẻ, khó khăn...

- *Truyền thống đoàn kết* gắn bó trong lớp người cùng lứa tuổi, trong các tổ chức Đoàn và Hội ; đoàn kết, gắn bó với nhân dân ; thương yêu, giúp đỡ lẫn nhau trong cuộc sống, trong công việc, khi hoạn nạn, khó khăn ; đặc biệt là vào những thời điểm phải đối mặt với thiên tai, địch họa.

- *Truyền thống hiếu học, ham hiểu biết, không cam chịu tụt hậu,* luôn phấn đấu để nâng cao trình độ chính trị, văn hóa, khoa học kỹ thuật, chuyên môn, say mê sáng tạo trong hoạt động thực tiễn, dám nghĩ, dám làm để cống hiến cho sự nghiệp phát triển đất nước dưới sự lãnh đạo của Đảng. Học ở nhà trường, học trong cuộc sống, học để làm người có ích cho xã hội luôn được các thế hệ thanh niên ta phấn đấu, thực hiện ngày càng tốt hơn.

Phát huy những truyền thống quý báu nêu trên, các thế hệ đoàn viên, thanh niên, đội viên thiếu niên và nhi đồng ở nước ta có mối liên hệ trưởng thành tiếp bước theo nhau dưới ngọn cờ của Đảng, làm cho đội ngũ những người cách mạng ngày càng hùng hậu, sự nghiệp cách mạng nước ta ngày càng phát triển cao hơn, mạnh hơn.

Tháng 1 năm 1996, tại Hội nghị Ban chấp hành trung ương Đoàn lần thứ 7 (khóa VI), đồng chí Đỗ Mười, Tổng bí thư Ban chấp hành trung ương Đảng đã nói : "Thanh niên có phát triển thì dân tộc mới trường tồn, đất nước mới phồn vinh". Ngày nay, cách mạng nước ta đã bước vào thời kỳ phát triển mới, đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. Thế hệ thanh niên thời kỳ mới đang kế thừa và phát huy những truyền thống quý báu mà cha anh đã trao truyền để chuẩn bị hành trang bước vào thế kỷ 21.

Kể từ Đại hội Đoàn toàn quốc lần thứ VI (1992) đến nay, cùng với những thành tựu to lớn của công cuộc đổi mới, công tác Đoàn và phong trào thanh niên cũng có những chuyển biến mạnh mẽ về nhiều mặt. Hàng triệu thanh niên đang hăng hái tham gia hai phòng trào lớn "Thanh niên lập nghiệp" và "Tuổi trẻ giữ nước". Hai phong trào này là sự tiếp nối và nâng cao trong điều kiện mới những phong trào đã từng lôi cuốn hàng chục triệu thanh niên thuộc nhiều thế hệ trước đây như "Kháng chiến và kiến quốc", "Tòng quân giết giặc cứu nước" (trong chống Pháp), "Ba sẵn sàng", "Năm xung phong" (trong chống Mỹ), "Ba xung kích làm chủ tập thể"... Phong trào "Thanh niên lập nghiệp" và "Tuổi trẻ giữ nước" đang đi vào cuộc sống của đông đảo thanh niên vì đáp ứng được nguyện vọng thiết tha của tuổi trẻ, đáp ứng được yêu cầu phát triển của đất nước. Mỗi thanh niên đều phấn đấu vươn lên lập thân, lập nghiệp giữ nước và kiến thiết quốc gia thì sự nghiệp lớn của cả dân tộc sẽ sớm đi đến thành công, tức là "dân tộc trường tồn, đất nước phồn vinh".

Từ các phong trào chung này, vài năm lại đây đã xuất hiện những phong trào mang sắc thái riêng hòa quyện vào phong trào chung, thúc đẩy phong trào chung phát triển đa dạng, phong phú. Thí dụ, trong học sinh,

Digitized by Google

sinh viên có phong trào "học tập, rèn luyện vì ngày mai lập nghiệp, vì dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, văn minh". Trong thanh niên công nhân viên chức có phong trào CKT (C = chất lượng cao, công nghệ mới, K = kỹ thuật bảo đảm, kiểu dáng đẹp, T = tay nghề giỏi, tiết kiệm). Trong thanh niên nông thôn có phong trào khuyến nông, sản xuất kinh doanh giỏi. Trong sinh hoạt văn hóa có phong trào "khỏe để lập nghiệp và giữ nước".

Từ thực tiễn sinh động của phong trào thanh niên đã xuất hiện hàng ngàn, hàng vạn gương mặt trẻ điển hình cho tập thể và cá nhân trên các lĩnh vực. Khí thế lên rừng, ra biển, vào nhà máy, đến công trường, mở mang kinh tế gia đình, ngành nghề v.v. để làm giàu cho bản thân, cho gia đình, cho xã hội đang cổ vũ thanh niên ra sức học tập, lao động và sáng tạo, tích cực nắm bắt vận hội và thời cơ, từng bước khắc phục thái độ thụ động, ỷ lại, chờ đợi... Qua hai phong trào lớn nói trên, liền trong hai năm 1994 và 1995, mỗi năm có gần nửa triệu thanh niên tiên tiến được kết nạp vào Đoàn, số cơ sở đoàn yếu kém giảm nhiều. Gần 8 triệu thanh niên thuộc các tầng lớp, tôn giáo, dân tộc đã gia nhập hoặc tham gia các hoạt động do Hội liên hiệp thanh niên Việt nam đề xướng với vai trò nòng cốt của Đoàn. Đặc biệt, trong năm 1995, tổ chức đoàn trong cả nước đã giới thiệu với Đảng 222 103 đoàn viên ưu tú, trong đó có 43 870 đoàn viên được kết nạp vào Đảng (tăng 14 781 đảng viên trẻ so với năm 1994). Một vài số liệu vừa nêu trên chứng minh rõ ràng rằng công tác Đoàn và phong trào thanh niên nước ta đã vượt qua những khó khăn kéo dài nhiều năm, từng bước đi lên mạnh mẽ.

Tại Hội nghị Ban chấp hành trung ương Đoàn lần thứ 7 nhằm tổng kết công tác Đoàn và phong trào thanh niên năm 1995, đề ra phương hướng, nhiệm vụ công tác cho năm 1996 và đóng góp ý kiến cho dự thảo văn kiện Đại hội VIII của Đảng, với sự quan tâm, chăm sóc ân cần và theo dõi những bước tiến của thanh niên, đồng chí Đỗ Mười, Tổng bí thư Ban chấp hành trung ương Đảng đã nhiệt liệt biểu dương những cống hiến tích cực của cán bộ, đoàn viên, thanh niên cả nước. Đây là niềm vinh dự, tự hào, phấn khởi cho toàn thể thế hệ trẻ Việt nam.

Sứ mệnh lớn lao của thế hệ trẻ từ nay đến năm 2000 và những năm sau đó là góp phần đưa đất nước sớm vượt qua tình trạng nước nghèo và kém phát triển, cải thiện đời sống nhân dân, thực hiện thành công sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa, mở ra kỷ nguyên phát triển vượt bậc của dân tộc, hội nhập trào lưu tiến bộ trong thời đại mới. Trước mắt, toàn Đoàn và phong trào thanh niên phấn đấu lập nhiều thành tích xuất sắc chào mừng Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ VIII qua các phong trào thi đua sôi động từ cơ sở, phát triển sâu rộng phong trào "Thanh niên lập nghiệp" và "Tuổi trẻ giữ nước", tham gia tích cực vào chương trình phát triển thanh niên, giữ gìn và phát huy bản sắc văn hóa dân tộc, bài trừ văn hóa phẩm xấu và tệ nạn xã hội theo tinh thần Nghị quyết Hội nghị lần thứ 7 Ban chấp hành trung ương Đoàn (khóa VI).

Trên con đường công nghiệp hóa và hiện đại hóa theo định hướng xã hội chủ nghĩa, đất nước đòi hỏi ngày càng nhiều, càng cao đội ngũ cán bộ khoa học kỹ thuật trẻ tài năng, đội ngũ những nhà quản lý, kinh doanh giỏi, đội ngũ nhân viên kỹ thuật và công nhân lành nghề, đội ngũ những người hoạt động văn hóa, nghệ thuật, thể dục thể thao tầm cỡ... Thế hệ trẻ Việt nam ý thức sâu sắc về trách nhiệm của mình trước lịch sử. Tiếp bước cha anh, được tiếp thu những truyền thống vẻ vang, những kinh nghiệm dày dạn do cha anh truyền lại, thế hệ trẻ ngày nay nhất định sẽ xứng đáng với quá khứ hào hùng và tương lai tươi sáng của dân tộc dưới ngọn cờ của Đảng quang vinh và tư tưởng Hồ Chí Minh vĩ đại ❑

Digitized by Google

HỘI THẢO "MỘT SỐ VẤN ĐỀ VỀ ĐỊNH HƯỚNG XÃ HỘI CHỦ NGHĨA Ở NƯỚC TA

Lời BBT : *Nhân dịp kỷ niệm lần thứ 66 Ngày thành lập Đảng cộng sản Việt nam và thiết thực góp phần chuẩn bị Đại hội VIII của Đảng, ngày 26-1-1996 Bộ biên tập* ***Tạp chí Cộng sản*** *đã tổ chức cuộc Hội thảo "Một số vấn đề về định hướng xã hội chủ nghĩa ở nước ta". Đây là một chủ đề quan trọng, có ý nghĩa cả trên phương diện lý luận và thực tiễn, được toàn đảng, toàn dân ta rất quan tâm.*

Tạp chí Cộng sản *xin giới thiệu tiếp một số bài tham gia Hội thảo để bạn đọc tham khảo.*★

CON ĐƯỜNG VÀ ĐIỀU KIỆN BẢO ĐẢM ĐỊNH HƯỚNG XÃ HỘI CHỦ NGHĨA Ở NƯỚC TA

TÔ HUY RỨA *

THỰC chất toàn bộ công cuộc đổi mới ở nước ta là sự trở lại với chính mình để tiến lên chủ nghĩa xã hội một cách đúng đắn và có hiệu quả hơn chứ hoàn toàn không phải quay sang con đường tư bản chủ nghĩa như có người lầm tưởng. Nghĩa là như Lê-nin nói, chúng ta cần phải biết rõ mình hơn, phải sử dụng quy luật kinh tế - xã hội phù hợp để phát triển sản xuất, thúc đẩy xã hội vận động với nhịp độ cao hơn, đề ra những nguyên tắc bảo đảm cho xã hội vận động hướng tới những mục tiêu chiến lược của chủ nghĩa xã hội.

Vấn đề "định hướng xã hội chủ nghĩa" được Đảng ta chính thức nêu ra từ Đại hội VII của Đảng. Trước đó, đặc biệt là trước giai đoạn đổi mới, trong tư duy cũng như trên thực tế, chúng ta thường vận dụng chủ yếu những quy luật kinh tế của chủ nghĩa xã hội giai đoạn cao vào giai đoạn thấp, vào điều kiện mà trình độ của lực lượng sản xuất thậm chí còn rất thấp so với các nước tư bản. Trong khi đó chủ nghĩa xã hội mà Mác - Ăng-ghen nhìn thấy và vạch ra những nét ban đầu chỉ có thể xem như một định hướng lớn cho xã hội loài người tiến lên theo dòng lịch sử tự nhiên với những quy luật vốn có của nó. Trong tình hình nước ta hiện nay, tìm về với tư tưởng của Lê-nin là vô cùng quan trọng. Lê-nin đã khai phá con đường *tiến lên chủ nghĩa xã hội không qua chế độ tư bản chủ nghĩa.* Biện chứng của cuộc sống là đã tạo ra một thời đại mới với những khả năng mới để các nước có thể tiến lên chủ nghĩa xã hội từ bất cứ trình độ nào của lực lượng sản xuất. Ở một số nước, có thể chưa có đầy đủ những tiền đề kinh tế nhưng đã tạo ra tiền đề chính trị và cho phép sử dụng tiền đề chính trị đó như một điều kiện tiên quyết để quá độ lên chủ nghĩa xã hội mà không cần đi theo con đường mòn tư bản chủ nghĩa. Điều quan trọng là biết tìm ra cách đi thích hợp, trải qua những bước trung gian, biết sử dụng những phương sách mà chủ

★ Xem từ số 4 (tháng 2-1996)

* PTS, Giám đốc Phân viện báo chí và tuyên truyền, Học viện chính trị quốc gia Hồ Chí Minh

Digitized by Google

nghĩa tư bản đang dùng để phát triển lực lượng sản xuất.

Việc đưa đất nước phát triển theo định hướng xã hội chủ nghĩa không thể chỉ nói và hô hào chung chung, mà phải xác định những mục tiêu gần có tính khả thi, vạch ra những nguyên tắc bảo đảm cho công cuộc đổi mới và phát triển xã hội một cách đúng đắn.

Bằng thực tiễn 10 năm đổi mới, căn cứ vào tiền đề lý luận do Lê-nin đề ra, phân tích cụ thể tình hình quốc tế và thực trạng kinh tế xã hội nước ta, Đảng ta cho rằng, một trong những biện pháp quan trọng là cần vận dụng chủ nghĩa tư bản nhà nước để phát triển lực lượng sản xuất, tăng cường giai cấp công nhân, tạo điều kiện vật chất- kỹ thuật và con người cho công nghiệp hóa và hiện đại hóa đất nước. Đó là yêu cầu khách quan, làm cho xã hội ta dần dần tiến tới chủ nghĩa xã hội.

Hãy nhớ lại, vào đầu năm 1921, sau Đại hội lần thứ X của Đảng cộng sản Liên xô bàn về kế hoạch phát triển kinh tế trong giai đoạn đầu của chính quyền xô viết, trong tác phẩm "Bàn về thuế lương thực", Lê-nin chỉ rõ, cần phải xác nhận cho đúng điểm xuất phát của mình : "Chúng ta thường nhắc đi nhắc lại rằng "chúng ta" đang chuyển từ chủ nghĩa tư bản lên chủ nghĩa xã hội mà quên không nhận cho đúng, cho rõ xem "chúng ta" là những ai. Muốn có một khái niệm đúng về điều đó và không quên khái niệm đó, cần phải nhớ danh sách tất cả các bộ phận tổ thành, tất cả những chế độ kinh tế khác nhau, không trừ một chế độ nào, đã hợp thành nền kinh tế quốc dân của chúng ta. "Chúng ta", tức là đội tiên phong, là đội tiên tiến của giai cấp vô sản, chúng ta trực tiếp chuyển lên chủ nghĩa xã hội ; nhưng đội ngũ tiên tiến chỉ là một bộ phận nhỏ của giai cấp vô sản và giai cấp vô sản lại cũng chỉ là một bộ phận nhỏ trong quần chúng nhân dân. Và để "chúng ta" có thể làm tròn một cách thắng lợi nhiệm vụ của chúng ta, tức là chuyển thắng lên chủ nghĩa xã hội, chúng ta phải hiểu những đường lối, thể thức, thủ đoạn và phương sách *trung gian* cần thiết để chuyển từ những quan hệ *tiền tư bản chủ nghĩa* lên chủ nghĩa xã hội. Đó là mấu chốt của vấn đề" (1).

Sau khi phân tích một loạt tình hình cụ thể của nước Nga và những nơi còn đang duy trì chế độ gia trưởng phong kiến lạc hậu, Lê-nin rút ra kết luận : "Chủ nghĩa tư bản là xấu so với chủ nghĩa xã hội. Chủ nghĩa tư bản lại là tốt so với thời trung cổ, với nền tiểu sản xuất, với chủ nghĩa quan liêu do tình trạng phân tán của những người tiểu sản xuất tạo nên. Vì chúng ta chưa có điều kiện để chuyển trực tiếp từ nền tiểu sản xuất lên chủ nghĩa xã hội, bởi vậy, trong một mức độ nào đó, chủ nghĩa tư bản là không thể tránh khỏi, nó là sản vật tự nhiên của nền tiểu sản xuất và trao đổi ; bởi vậy, chúng ta phải lợi dụng chủ nghĩa tư bản (nhất là bằng cách hướng nó vào con đường chủ nghĩa tư bản nhà nước) làm mắt xích trung gian giữa nền tiểu sản xuất và chủ nghĩa xã hội, làm phương tiện, con đường, phương pháp, phương thức để tăng lực lượng sản xuất lên" (2).

Cần thiết phải dẫn lời Lê-nin một cách đầy đủ về vấn đề này, bởi vì ở đây nếu lập luận khác đi thì có thể chúng ta không tiếp cận đúng tính quy luật. Chính thực tiễn nhiều năm qua của nước ta, một nước nông nghiệp lạc hậu đi lên chủ nghĩa xã hội với trình độ ban đầu còn thấp kém hơn nước Nga đầu cách mạng, đã giúp chúng ta nhận rõ vấn đề mà Lê-nin lập luận. Rõ ràng, một khuynh hướng vận động không tránh khỏi của thực tiễn từ nền kinh tế sản xuất nhỏ đi lên chủ nghĩa xã hội là không thể từ chối (ở mức độ nào đó) sự xâm nhập, đan xen của chủ nghĩa tư bản vào các lĩnh vực hoạt động của xã hội. Nhưng như thế không có nghĩa là để mặc cho chủ nghĩa tư bản hình thành và chiếm lĩnh toàn bộ đời sống xã hội. Chúng ta, với chính quyền cách mạng và nhà nước chuyên chính vô sản trong tay, phải biết lợi dụng chủ nghĩa tư bản để khắc phục nền tiểu sản xuất và tăng cường lực lượng sản xuất cho chủ nghĩa xã hội. Bằng cách nào ? Chính Lê-nin đã đặt nền móng lý luận - thực tiễn về vấn đề này. Theo Người : "Tất cả vấn đề - về lý luận cũng như trên thực tiễn - là tìm ra những phương pháp đúng giúp ta hướng sự phát triển không thể tránh được (đến một trình độ nào đó và trong một thời gian nào đó) của chủ nghĩa tư bản vào con đường chủ nghĩa tư bản nhà nước ; là đặt ra những điều kiện cần thiết cho công việc ấy

(1) V.I. Lê-nin : *Toàn tập*, Nxb Tiến bộ, Mát-xcơ-va, 1978, t.43, tr.274

(2) *Sđd*, tr.276

Digitized by Google

và bảo đảm sự chuyển biến từ chủ nghĩa tư bản nhà nước sang chủ nghĩa xã hội trong một tương lai gần" (3).

Còn khám phá các hình thức biểu hiện trên thực tế của chủ nghĩa tư bản nhà nước như thế nào thì đó là nhiệm vụ của chúng ta. Lê-nin chỉ khuyên : phải hình dung thật rõ, xem trong thực tiễn, chủ nghĩa tư bản nhà nước sẽ như thế nào và sẽ có thể như thế nào trong lòng chế độ ta, trong khuôn khổ nhà nước chuyên chính vô sản của chúng ta.

Như mọi người đã biết, chủ nghĩa tư bản nhà nước vốn là sản phẩm của chủ nghĩa tư bản chứ không phải của chủ nghĩa xã hội. Chủ nghĩa tư bản nhà nước, về thực chất là giai cấp tư sản sử dụng nhà nước tư sản để điều tiết ở tầm vĩ mô nền kinh tế thị trường tự do cạnh tranh, vốn rất gay gắt giữa các nhà tư bản trong và ngoài nước, nhằm làm dịu bớt một phần những mâu thuẫn không thể tránh khỏi trong xã hội tư bản - mà những mâu thuẫn đó, những xung đột đó là cội nguồn của khủng hoảng tất yếu dưới chủ nghĩa tư bản. Hoạt động can thiệp vào nền kinh tế của nhà nước tư sản giúp các tập đoàn tư bản độc quyền duy trì quyền thống trị của họ đối với xã hội. Chính họ chi phối bộ máy nhà nước và nhà nước đó phải phục vụ cho lợi ích của họ. Nói cách khác, lúc này nhà nước tư sản là chuyên chính của giới tư bản độc quyền. Mọi hoạt động của nhà nước đều chủ yếu vì lợi ích của tư bản độc quyền. Lê-nin không chỉ nhìn thấy ở chủ nghĩa tư bản nhà nước như là "phòng chờ" để chuyển sang chủ nghĩa xã hội, mà Người còn nhìn thấy ở đó những khả năng mới có thể sử dụng vào việc huy động các lực lượng sản xuất tư bản, tư nhân phục vụ công cuộc xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật cho chủ nghĩa xã hội. Trong điều kiện giai cấp vô sản giành được chính quyền cách mạng ở các nước còn trong tình trạng sản xuất nhỏ và dùng chính quyền đó để tạo cơ sở vật chất cần thiết cho công cuộc xây dựng xã hội mới, thì cách vận hành của chủ nghĩa tư bản nhà nước có tác dụng kích thích sản xuất lớn ra đời, thủ tiêu hoặc hạn chế sản xuất nhỏ và tâm lý tiểu tư sản trong đại đa số người lao động.

Chủ nghĩa tư bản nhà nước tồn tại "nguyên nghĩa", tồn tại đúng với thực chất vốn có của nó là dưới chế độ tư bản. Còn chủ nghĩa tư bản nhà nước được vận dụng dưới chính quyền vô sản thì khác, nó chỉ có ý nghĩa như một "mắt xích trung gian" giữa nền sản xuất nhỏ và chủ nghĩa xã hội, như một phương thức điều tiết của nhà nước vô sản đối với các thành phần kinh tế tư bản tư nhân đang phát huy tác dụng trong chặng đường đầu quá độ lên chủ nghĩa xã hội.

Mới đây, Nghị quyết 9 của Bộ chính trị (khóa VII) "Về một số định hướng lớn trong công tác tư tưởng hiện nay" có đưa ra khái niệm "kinh tế tư bản nhà nước", và có giải thích "kinh tế tư bản nhà nước" được thực hiện dưới nhiều hình thức liên doanh, liên kết giữa kinh tế nhà nước ta với các thành phần kinh tế khác ở trong nước và nước ngoài. Đây thực chất là phương thức, con đường huy động tư bản vào hoạt động kinh tế do nhà nước ta điều tiết, bảo đảm cho chúng hoạt động để phát triển sản xuất, tăng trưởng kinh tế. Cần nhìn thấy cả cái lợi và mặt hại để cân nhắc và có quyết sách đúng đắn. Không bao giờ được quên rằng, chính nhân dân ta là chủ đất nước. Không thể để cho những ông chủ tư bản đầu tư trong và ngoài nước trở thành những người chủ điều hành, chi phối, và có thể từ đó làm lũng đoạn nền kinh tế - xã hội nước ta. Chúng ta biết rõ cần phải "giao kèo" với họ thế nào ? Lê-nin cũng khuyên nên chọn làm ăn với các nhà đầu tư tư bản văn minh, trong "hợp đồng", "giao kèo" đó phải ghi rõ quyền hạn và nghĩa vụ của mỗi bên, và đòi họ phải thực hiện nghiêm chỉnh "giao kèo" "hợp đồng" cũng như luật pháp của chúng ta. Cần nắm chắc những điều kiện mà sau đó chúng ta chỉ việc "trả một cống nạp cho chủ nghĩa tư bản thế giới", "trả cho họ một món tiền chuộc", "trả tiền học phí" để có được một tình hình kinh tế - xã hội với những điều kiện mới để phát triển đất nước, để có được những kinh nghiệm vận hành nền sản xuất lớn và kinh nghiệm trong lĩnh vực kinh doanh buôn bán trên thương trường quốc tế. Điều quan trọng là bên cạnh "chiếc cầu nhỏ" chủ nghĩa tư bản nhà nước, cần củng cố, tăng cường vai trò chủ đạo then chốt của kinh tế quốc doanh, vai trò nền tảng của kinh tế quốc doanh và kinh tế hợp tác, lấy đó làm chỗ dựa cơ bản, làm quả đấm thép để phát triển kinh tế - xã hội. Đó mới là

(3) *Sđd*, tr 268

Digitized by Google

điều mấu chốt và quyết định bảo đảm định hướng xã hội chủ nghĩa.

Trong hoàn cảnh hiện nay của nước ta, những điều kiện cần thiết để giữ vững định hướng xã hội chủ nghĩa, kiên trì lý tưởng cách mạng và vững bước tiến lên là *phải có một hệ thống chính trị vững chắc*. Trong đó, đảng cộng sản nắm vai trò lãnh đạo phải thực sự là đội tiên phong có bản lĩnh chính trị vững vàng, dựa trên nền tảng lý luận Mác - Lê-nin và tư tưởng Hồ Chí Minh, có khả năng phát triển những nguyên lý lý luận về cách mạng xã hội chủ nghĩa trong điều kiện cụ thể của đất nước, có năng lực tổ chức thực tiễn và tổng kết thực tiễn để tìm ra những quy luật và những khuynh hướng vận động mang tính quy luật của đời sống xã hội. Và đảng đó tất yếu phải có một đội ngũ những đảng viên không những vững về chính trị, tư tưởng, mà còn biết làm giàu trí tuệ của mình bằng cách học tập, học tập và học tập không ngừng. Học trong kho tàng tri thức của nhân loại, học trong thực tiễn đã và đang diễn ra hằng ngày sôi động trong nước ta và ở các nước. Người đảng viên không chỉ có phẩm chất đạo đức trong sáng mà còn biết tự bồi dưỡng cho mình năng lực tổ chức, quản lý, tri thức và kinh nghiệm kinh doanh, buôn bán, hiểu biết các nền văn hóa, văn minh trên thế giới. Đó là những người biết giải quyết tốt mối quan hệ giữa cái chung và cái riêng, giữa làm giàu cho đất nước, cho tập thể và cho cá nhân, gia đình mình. Những người đảng viên trong hoàn cảnh mới có thể hoạt động trong lĩnh vực liên doanh liên kết đầu tư với tư bản trong và ngoài nước, nhưng trong suy nghĩ và trong động cơ của họ không phải chủ yếu vì lợi nhuận cho cá nhân mà vì lợi ích dân tộc, cộng đồng, trong đó có mình. Đó quyết không phải là những nhà "tư bản cá mập" với động cơ thúc đẩy hành động là bóc lột sức lao động để thu lợi nhuận tối đa, những nhà tư bản hành động chủ yếu vì lợi nhuận. Đó là điểm khác nhau căn bản, là tiêu chí quyết định để phân biệt đảng viên cộng sản với đảng viên của các đảng khác.

Về nhà nước, cần có một nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa thật sự của dân, do dân và vì dân, đủ sức mạnh với luật pháp chặt chẽ, với các cơ quan chức năng gọn nhẹ nhưng có hiệu lực cao, với những cán bộ công chức ngày càng tinh thông nghiệp vụ quản lý nhà nước về tất cả các mặt của đời sống xã hội. Nhà nước thay mặt Đảng và nhân dân thể hiện quyền lực và trí tuệ của giai cấp công nhân và nhân dân lao động để ký kết giao kèo làm ăn, hợp đồng buôn bán đầu tư với các nhà tư bản. Sức mạnh của nhà nước dựa vào nhân dân và nhân dân thực hiện quyền làm chủ thông qua bộ máy nhà nước. Tách rời nhà nước với quyền lực của nhân dân là việc làm sơ hở để các thế lực phản động có thể lợi dụng nhà nước lái các hoạt động kinh tế phục vụ lợi ích của các nhà tư bản chống phá công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội của chúng ta.

Ngoài các cơ quan quản lý nhà nước, chúng ta cần tăng cường và củng cố các tổ chức xã hội, các đoàn thể quần chúng để tạo điều kiện cho các tầng lớp nhân dân lao động thực hiện quyền làm chủ của mình. Các tổ chức, đoàn thể đó phải được tổ chức rộng rãi trong tất cả các đơn vị kinh tế, các cơ sở dịch vụ (kể cả trong các thành phần quốc doanh, tư nhân và liên kết, liên doanh với tư bản trong và ngoài nước) để đấu tranh một cách có tổ chức với các chủ doanh nghiệp, chủ đầu tư tư bản nhằm thực hiện các chính sách kinh tế - xã hội của Đảng và Nhà nước ta, bảo đảm công bằng xã hội và lợi ích thỏa đáng giữa các bên.

Thực tiễn mấy năm mở mang phát triển kinh tế tư bản tư nhân dưới dạng này dạng khác cho thấy : nơi nào người lao động không gắn liền với hoạt động của các tổ chức xã hội, nơi nào thiếu vắng các đoàn thể quần chúng, để người lao động tự phát đấu tranh lẻ tẻ thì thường xuất hiện tình hình chủ tư bản tìm cách bớt xén tiền công, tăng cường độ lao động và đôi khi xâm phạm nhân cách người lao động. Nhiều trường hợp báo chí đã nêu, nhưng chắc chắn còn nhiều hiện tượng chưa nêu hết. Không ít trường hợp người lao động chưa dám kêu vì sợ bị đuổi việc. Có thể nói, vai trò của tổ chức công đoàn (trong các đơn vị sản xuất công nghiệp, dịch vụ), vai trò của Hội nông dân (trong các cơ sở sản xuất nông nghiệp) là rất quan trọng trong điều kiện áp dụng chủ nghĩa tư bản nhà nước vào các lĩnh vực trên. Các cấp ủy đảng cần chú trọng lãnh đạo kiện toàn và mở rộng các tổ chức này để tạo sức mạnh về tổ chức đấu tranh giữ vững định hướng trên con đường đi tới của cách mạng nước ta ❑

Digitized by Google

CHỦ NGHĨA XÃ HỘI DÂN CHỦ LÀ GÌ ? VÌ SAO NÓ KHÔNG PHÙ HỢP VỚI CHÚNG TA ?

ĐÀO DUY QUÁT *

KHI nước ta lâm vào khủng hoảng kinh tế xã hội, đặc biệt là từ khi Liên xô và các nước xã hội chủ nghĩa Đông Âu sụp đổ, không ít người tâm huyết với sự nghiệp cách mạng suy nghĩ, kiến nghị giải pháp đưa đất nước vượt qua giai đoạn thách thức hiểm nghèo này để đi lên. Nhưng cũng có người dao động, thậm chí phản bội lại sự nghiệp cách mạng của dân tộc.

Trên lĩnh vực tư tưởng lý luận, người ta khuyên chúng ta nên "từ bỏ ý thức hệ Mác-Lê-nin", "từ bỏ chuyên chính vô sản", chấp nhận cuộc chơi "dân chủ đa nguyên", "tư nhân hóa triệt để", "coi sở hữu chỉ là phương tiện, vấn đề là tăng trưởng...", "xây dựng nền kinh tế hỗn hợp" làm cơ sở cho kinh tế thị trường tự do phát triển... Nói cách khác, người ta khuyên chúng ta đi theo con đường của chủ nghĩa xã hội dân chủ.

Vậy bản chất của chủ nghĩa xã hội dân chủ là gì ? Vì sao chúng ta không lựa chọn con đường đó ?

Chúng ta đã biết, trào lưu xã hội dân chủ ra đời ở châu Âu (Đức, Pháp, Phần lan...) cách đây trên 100 năm. Trào lưu này có nguồn gốc từ một bộ phận của phong trào công nhân Đức. Có thể xem "Đảng công nhân xã hội dân chủ Đức" (ra đời năm 1869) do A. Bê-ben, một người mác xít lãnh đạo, và "Tổng hội công nhân Đức" (ra đời năm 1863) do F. Lát-xan lãnh đạo, là hai tổ chức tiền thân của trào lưu này. Năm 1875, hai tổ chức này sáp nhập thành "Đảng công nhân xã hội dân chủ Đức". Đây là tổ chức xã hội dân chủ đầu tiên với cả 2 ý nghĩa : *một là - về tổ chức*, đó là một cơ cấu thành phần xã hội phức tạp, không phải là một tổ chức thuần nhất của giai cấp công nhân ; *hai là, về tư tưởng* - đó là sự pha tạp giữa tư tưởng cách mạng với chủ nghĩa cải lương. Điều này, sinh thời Mác đã nhận xét trong tác phẩm "Phê phán Cương lĩnh Gôta".

Tổ chức quốc tế của trào lưu này là "Quốc tế xã hội chủ nghĩa" (trước đây có lúc dịch là "Quốc tế xã hội") trụ sở ở Cộng hòa liên bang Đức.

Trào lưu xã hội dân chủ đã trải qua nhiều giai đoạn chuyển hóa về tư tưởng lý luận và về cơ sở xã hội. Ở giai đoạn đầu - cuối thế kỷ 19 đầu thế kỷ 20 - trào lưu này thừa nhận sự tồn tại của đấu tranh giai cấp, phủ nhận chủ nghĩa tư bản. Trào lưu xã hội dân chủ tuyên bố tìm kiếm con đường thứ 3, không phải là chủ nghĩa xã hội, cũng không phải là chủ nghĩa tư bản, mà là *xã hội dân chủ-chủ nghĩa xã hội dân chủ*. Với những tuyên bố lên án chủ nghĩa tư bản, đề cao tự do dân chủ, nhân quyền (tư sản), trào lưu này đã lôi cuốn được một bộ phận không nhỏ giai cấp công nhân và nhân dân lao động.

Cuộc chiến tranh thế giới thứ nhất đã làm bộc lộ thực chất phản động, phản bội giai cấp công nhân của trào lưu này. Nhiều chính khách xã hội dân chủ tuyên bố rằng, Liên xô và chủ nghĩa cộng sản là kẻ thù. Các đảng xã hội dân chủ có chân trong các nghị viện tư sản ủng hộ chính phủ tư sản nước mình, bỏ phiếu tán thành chiến tranh, đẩy giai cấp công nhân, nhân dân lao động các nước vào cuộc chém giết lẫn nhau. Lê-nin đã gọi những kẻ đó là "tôi tớ của giai cấp tư sản". Hành động của các đảng này là "chủ nghĩa xã hội

* PTS, Phó viện trưởng, Viện nghiên cứu chủ nghĩa Mác - Lê-nin và tư tưởng Hồ Chí Minh

Digitized by Google

sô vanh". Trên thực tế, trào lưu xã hội dân chủ đã hoàn toàn đoạn tuyệt với học thuyết đấu tranh giai cấp và chủ nghĩa quốc tế của giai cấp công nhân.

Ngày nay, trào lưu xã hội dân chủ tuy đã có một diện mạo mới, song những vết đen của nó trong lịch sử không thể nào tẩy rửa được.

Trào lưu xã hội dân chủ là một lực lượng xã hội hết sức pha tạp. Chúng ta không phủ nhận trong trào lưu này đã từng tồn tại những cá nhân, những tổ chức, ở những thời điểm lịch sử nhất định, có những việc làm tích cực. Ví dụ như Đảng xã hội dân chủ Thụy điển, mà người tiêu biểu là Ô.Pan-mơ đã ủng hộ nhiệt thành cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước của nhân dân ta. Song cũng chính trong trào lưu này đã từng tồn tại những lực lượng chống lại sự nghiệp giải phóng dân tộc của chúng ta. Đảng xã hội Nhật bản ủng hộ Hiệp ước an ninh Nhật - Mỹ, ủng hộ chính sách xâm lược của Mỹ đối với nước ta.

Ở nhiều nước tư bản chủ nghĩa, có những thời kỳ lịch sử do các Đảng xã hội dân chủ cầm quyền. Song trào lưu xã hội dân chủ chưa bao giờ tồn tại với tư cách là một chế độ xã hội, hoặc một hình thái kinh tế xã hội độc lập, mà nó luôn luôn nằm trong chủ nghĩa tư bản, sống "cộng sinh với chủ nghĩa tư bản"- như họ đã tự nói.

Trên lĩnh vực tư tưởng lý luận, nếu trước kia trào lưu này tuyên bố phải thay thế chủ nghĩa tư bản bằng chủ nghĩa xã hội dân chủ thì nay trào lưu xã hội dân chủ hiện đại đã hoàn toàn từ bỏ quan điểm đó. *Trên thực tế trào lưu này đã trở thành một nhân tố tự điều chỉnh của chủ nghĩa tư bản hiện đại.*

Trào lưu xã hội dân chủ, trước hết là phái hữu, luôn luôn thống nhất với lực lượng tư bản độc quyền trong các chính sách kinh tế, xã hội trong nước và chính sách đối ngoại, nhằm xóa bỏ chủ nghĩa xã hội hiện thực.

Ở các nước tư bản chủ nghĩa do các đảng xã hội dân chủ cầm quyền, chế độ chính trị đa đảng luôn luôn tồn tại trên nền tảng hiến pháp tư bản chủ nghĩa do giai cấp tư sản cầm quyền cùng với chế độ tư hữu. Điều đó có nghĩa là trào lưu xã hội dân chủ chấp nhận toàn bộ nền kinh tế tư bản chủ nghĩa. Đó là chế độ sở hữu tư nhân và cơ chế thị trường tư bản chủ nghĩa. Nguyên tắc phân phối ở đây đương nhiên là nhằm phục vụ cho lợi ích của các nhà tư bản. Trước sức ép của cuộc đấu tranh của giai cấp công nhân và nhân dân lao động, lợi dụng sự tăng trưởng kinh tế cao trong một thời gian dài, để xoa dịu mâu thuẫn gay gắt trong xã hội, trào lưu này đã tham gia vào "đầu ra" - tức là điều tiết phân phối một phần giá trị thặng dư, đặc biệt là chính sách bảo trợ xã hội. Trào lưu xã hội dân chủ thường quan tâm đến các hình thức kinh tế tự quản, đến kinh tế tư bản tư nhân quy mô vừa và nhỏ. Điển hình cho các hình thức kinh tế xã hội dân chủ là dạng "kinh tế thị trường xã hội" ở Cộng hòa liên bang Đức, "kinh tế thị trường thương lượng" ở Bắc Âu, tiêu biểu là ở Vương quốc Thụy điển.

Trào lưu xã hội dân chủ thường nói tới chế độ sở hữu hỗn hợp. Thực chất chế độ sở hữu này là kinh tế nhiều thành phần tư bản chủ nghĩa, tức là một nền kinh tế mà cột trụ dựa trên chế độ tư hữu tư liệu sản xuất. Ở các nước này, không chỉ sở hữu tư liệu sản xuất thông thường, mà hầu hết tài nguyên, đất đai, rừng biển, hầm mỏ đều ở trong tay các tập đoàn tư bản lớn. Cũng cần nói thêm rằng, nền kinh tế nhiều thành phần tư bản chủ nghĩa, chính sách bảo trợ xã hội, không phải là *của riêng* trào lưu xã hội dân chủ, mà là một đặc trưng chung của các nước tư bản chủ nghĩa phát triển cao như Mỹ, Nhật bản... Đáng chú ý là từ những năm 80 đến nay, khi nền kinh tế của các nước tư bản lâm vào khủng hoảng, suy giảm, hoặc tăng trưởng ở mức thấp, thì các đảng xã hội dân chủ cầm quyền cũng như chính phủ các nước tư bản đều thống nhất một chủ trương : cắt giảm các chính sách xã hội, bảo vệ lợi ích của giai cấp tư sản. Các cuộc biểu tình với hàng chục vạn đến trên triệu người chống lại các chính sách nói trên ở Cộng hòa liên bang Đức, Mỹ, Pháp, Thụy điển... gần đây là những chứng minh sinh động.

Bản chất chính trị của trào lưu này còn thể hiện rõ ở chính sách của họ đối với công

Digitized by Google

cuộc cải tổ, cải cách ở Liên xô và các nước xã hội chủ nghĩa Đông Âu thời gian qua.

Qua nhiều tài liệu, chúng ta biết rõ chiến lược của Quốc tế xã hội chủ nghĩa là nắm lấy thời cơ các nước xã hội chủ nghĩa cải tổ, cải cách, bằng nhiều phương thức tác động làm chuyển hóa các đảng cộng sản thành đảng xã hội dân chủ, trên cơ sở đó, chuyển hóa chế độ xã hội chủ nghĩa thành chế độ tư bản chủ nghĩa - theo cách nói của họ là thành "xã hội dân chủ".

Quốc tế xã hội chủ nghĩa không giấu giếm điều này. Khi Liên xô bắt đầu cải tổ, các lãnh tụ Quốc tế xã hội dân chủ đã sớm nhận thấy "sự gần gũi giữa quan điểm của cải tổ với quan điểm xã hội dân chủ". Những người xã hội dân chủ chủ trương "phổ biến" những tư tưởng này vào Liên xô, các nước Đông Âu, và hứa "sẵn sàng tạo điều kiện" cho các nước này triển khai cải tổ.

Theo báo cáo của Tổng thư ký Quốc tế xã hội chủ nghĩa (khóa XVIII), Quốc tế này đã hoạt động hết sức khẩn trương, ráo riết trong những năm 1988, 1989, 1990 ở Liên xô và Đông Âu. Tháng 1-1990, Quốc tế xã hội chủ nghĩa tổ chức hội thảo tại Mát-xcơ-va về "Triển vọng của cải tổ". Tháng 3-1990, Ủy ban quyền con người của Quốc tế này mở hội nghị về "Tình trạng nhân quyền và các quyền tự do cơ bản ở Đông Âu"... Qua các diễn đàn hội thảo, các quan điểm về dân chủ, nhân quyền tư sản và tư tưởng chống cộng, phủ nhận lịch sử, được truyền bá rộng rãi vào xã hội Liên xô và Đông Âu.

Cũng trong thời gian này, các nhà lãnh đạo Quốc tế xã hội chủ nghĩa ở Tây Đức đã sang Đông Đức tham gia chiến dịch vận động bầu cử đa đảng. Với sự giúp đỡ về tinh thần và vật chất của Quốc tế xã hội chủ nghĩa, ở hầu hết các nước Đông Âu, các đảng dân chủ xã hội đã từng bị tan rã sau chiến tranh thế giới thứ nhất, dần dần được hồi phục. Không phải ngẫu nhiên mà khi ông W.Bran-Chủ tịch Quốc tế xã hội chủ nghĩa qua đời, báo chí Cộng hòa liên bang Đức, cũng như nhiều lãnh tụ của trào lưu này đã ca ngợi ông là người có công đầu làm sụp đổ bức tường Béc-lin, làm sụp đổ chế độ xã hội chủ nghĩa ở Liên xô, đưa các xã hội này trở về với "đại gia đình dân chủ" (tức chủ nghĩa tư bản).

Ở miền Nam nước ta dưới chế độ Mỹ - ngụy, đảng xã hội dân chủ được thành lập và hoạt động chống cộng sản. Đảng này là một thành viên của Quốc tế xã hội chủ nghĩa. Từ khi miền Nam được giải phóng, đảng xã hội dân chủ tan rã nhưng vẫn còn một số nhóm hoạt động bí mật ở trong nước và công khai ở nước ngoài (trong số người Việt ở Mỹ và ở một số nước khác). Những nhóm này đã và đang hoạt động, móc nối vào trong nước hòng khôi phục lại đảng xã hội dân chủ trước đây.

Ngày nay, nhìn lại lý luận và thực tế cải tổ ở Liên xô và Đông Âu, chúng ta thấy rõ những ảnh hưởng sâu sắc, hay có thể nói, một trong những nhân tố chủ yếu đưa các đảng cộng sản trượt sang con đường tư bản chủ nghĩa, là chủ nghĩa xã hội dân chủ, là Quốc tế xã hội chủ nghĩa. Những người dân chủ cấp tiến trong các đảng cộng sản không chỉ ca ngợi mô hình kinh tế xã hội Bắc Âu, mà còn khai thác tư tưởng xã hội dân chủ để đề ra nhiều khẩu hiệu, phương châm cho cải tổ, như cải tổ để có "nhiều chủ nghĩa xã hội hơn", để có "nhiều dân chủ" hơn, cải tổ để đi tới "chủ nghĩa xã hội dân chủ và nhân đạo" v.v..

Thế nhưng đã hơn 5 năm, sau khi chủ nghĩa xã hội ở Liên xô và Đông Âu sụp đổ, đi theo con đường xã hội dân chủ, thực trạng những nước này ra sao ? Đại bộ phận nhân dân lao động đã bị bần cùng hóa gay gắt, tệ nạn xã hội phát triển đến chóng mặt, tội phạm, ma-phi-a hoạt động trắng trợn và gây hậu quả khủng khiếp cho xã hội. Tình trạng sa đọa về lối sống và đạo đức đã đến mức báo động... trong khi chỉ có một bộ phận nhỏ giàu lên nhanh chóng. Trên báo *Sự thật* (Nga) ngày 23-8-1994 Bô-rit Xla-vin viết : "Tưởng rằng sẽ nhận được sự bất bình đẳng trong giàu có, hóa ra lại nhận được sự bất bình đẳng trong nghèo đói".

Trong khuôn khổ có hạn của bài này, chúng tôi không nhắc lại những hậu quả mọi mặt sự sụp đổ của chủ nghĩa xã hội ở Liên

(Xem tiếp trang 58)

Digitized by Google

CHỦ NGHĨA MÁC - LÊ-NIN VÀ TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỚI ĐỊNH HƯỚNG XÃ HỘI CHỦ NGHĨA Ở NƯỚC TA

NHẬT TÂN

MUỐN đạt được mục tiêu "dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, văn minh", Việt nam ta không có con đường nào tốt hơn ngoài con đường đổi mới đất nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa mà Đại hội VI và Đại hội VII của Đảng đã khẳng định. Vậy chỉ đạo định hướng xã hội chủ nghĩa ở nước ta là hệ tư tưởng nào ? Chắc chắn đó không thể là hệ tư tưởng phong kiến hoặc hệ tư tưởng tư sản, bởi vì nhân nào thì quả ấy. Hệ tư tưởng phong kiến dung dưỡng chế độ phong kiến, còn hệ tư tưởng tư sản là để bảo vệ và phục vụ cho chế độ tư bản. Chỉ có hệ tư tưởng của giai cấp công nhân, mà cốt lõi là chủ nghĩa Mác - Lê-nin và tư tưởng Hồ Chí Minh, mới có thể chỉ đạo định hướng xã hội chủ nghĩa ở nước ta. Vì sao như vậy?

1 - Là hệ tư tưởng của giai cấp công nhân, chủ nghĩa Mác - Lê-nin thực tế đã cung cấp cho giai cấp công nhân và nhân dân lao động nước ta thế giới quan khoa học và nhân sinh quan đúng đắn để xây dựng một chế độ xã hội tốt đẹp không còn áp bức bốc lột, mọi người đều bình đẳng, ấm no và hạnh phúc - chế độ *cộng sản chủ nghĩa* mà giai đoạn đầu là chủ nghĩa xã hội.

Chủ nghĩa Mác - Lê-nin đã cho thấy rõ loài người *tất yếu* phải tiến đến chủ nghĩa cộng sản và con đường quá độ từ chủ nghĩa tư bản lên chủ nghĩa cộng sản ; vạch ra sứ mệnh lịch sử vinh quang của giai cấp công nhân và đảng tiên phong của nó. Chủ nghĩa Mác - Lê-nin quan niệm : "Chủ nghĩa cộng sản không phải là một *trạng thái* cần phải sáng tạo ra, không phải là một *lý tưởng* mà hiện thực phải khuôn theo", mà "là một phong trào *hiện thực*, nó xóa bỏ trạng thái hiện nay (tức chủ nghĩa tư bản - N.T.)"[1]. "Chủ nghĩa cộng sản coi như chủ nghĩa tự nhiên hoàn bị, = chủ nghĩa nhân đạo"[2]. Tuyệt nhiên, chủ nghĩa cộng sản không phải là một thứ "quái thai" do chủ nghĩa Mác - Lê-nin nặn ra, như những người bảo vệ chủ nghĩa tư bản thường rêu rao.

Sở dĩ chủ nghĩa Mác - Lê-nin có thế giới quan khoa học và nhân sinh quan đúng đắn, trở thành nền tảng tư tưởng của giai cấp công nhân và đảng cộng sản các nước trong quá trình tiến hành cách mạng vô sản và xây dựng chủ nghĩa xã hội ở nước mình, là vì mấy lẽ sau đây :

Chủ nghĩa Mác - Lê-nin ra đời vào những năm 40 của thế kỷ XIX, khi chủ nghĩa tư bản đã bộc lộ những mâu thuẫn và khuyết tật không sao khắc phục nổi, khi giai cấp tư sản đã trở thành giai cấp ăn bám, không còn mang tính cách mạng như trước. Sự ra đời của chủ nghĩa Mác - Lê-nin là kết quả của việc tổng kết thực tiễn phát triển chủ nghĩa tư bản (chí ít là đến lúc đó), là sự giải đáp bằng lý luận khoa học những vấn đề mà quá trình phát triển của chủ nghĩa tư bản đặt ra trước loài người. Nó là lý luận khoa học của giai cấp công nhân trong cuộc đấu tranh để tự giải phóng mình và giải phóng nhân dân lao động khỏi chế độ tư bản đã bị lịch sử lên án, thay thế nó bằng một chế độ *mới*, cao đẹp hơn : chế độ *cộng sản chủ nghĩa*.

(1) C. Mác - Ph. Ăng-ghen : *Tuyển tập*, Nxb Sự thật, Hà nội, 1980, t 1, tr 297

(2) C. Mác : *Bản thảo kinh tế - triết học*, Nxb Sự thật, Hà nội, 1962, tr 128

Digitized by Google

Chủ nghĩa Mác - Lê-nin đã kế tục và phát triển được những tinh hoa về lý luận và khoa học của loài người. Nó kế thừa và phát triển trên cơ sở phê phán triết học biện chứng của Hê-ghen, phê phán triết học duy vật cũ mà đỉnh cao là triết học duy vật của Phơ-bách, và kết quả là sự ra đời của một triết học *hoàn toàn mới*, trong đó chủ nghĩa duy vật và phép biện chứng thống nhất với nhau một cách hữu cơ. Nó kế thừa và phát triển trên cơ sở phê phán học thuyết kinh tế chính trị của A-đam Xmít, của Đê-vít Ri-các-đô, và kết quả là sự ra đời của học thuyết giá trị thặng dư, vạch trần nguồn lợi nhuận, nguồn giàu có của giai cấp các nhà tư bản là do bóc lột sức lao động của người công nhân làm thuê. Nó kế thừa và phát triển trên cơ sở phê phán các học thuyết xã hội của Xanh Xi-mông, Phu-ri-ê và Ô-oen, làm cho chủ nghĩa xã hội từ *không tưởng* trở thành *khoa học*. Nó kế thừa các thành tựu khoa học tiên tiến của loài người (như định luật bảo toàn và chuyển hóa năng lượng ; học thuyết tế bào ; học thuyết tiến hóa của Đác-uyn...) để khẳng định nguyên tắc về tính thống nhất vật chất của thế giới.

Từ khi ra đời cho đến nay, học thuyết Mác - Lê-nin không ngừng phát triển cùng với thời gian, tự làm phong phú thêm bằng những kiến thức khoa học mới của nhân loại, do đó thực tế luôn luôn là công cụ sắc bén, đáng tin cậy để "nhận thức và cải tạo thế giới".

Văn kiện có tính chất cương lĩnh đầu tiên của chủ nghĩa Mác - Lê-nin là *Tuyên ngôn của Đảng cộng sản*. Ở đây lần đầu tiên chủ nghĩa Mác - Lê-nin được trình bày một cách thiên tài dưới dạng hoàn chỉnh và có hệ thống với sự thống nhất hữu cơ giữa ba bộ phận cấu thành của nó : triết học, kinh tế chính trị, chủ nghĩa xã hội khoa học. Trên thực tế, *Tuyên ngôn của Đảng cộng sản* đã trở thành nền tảng tư tưởng của các đảng cộng sản cầm quyền ở các nước tiến lên chủ nghĩa xã hội kể từ sau Cách mạng Tháng Mười Nga năm 1917 tới nay.

2 - "Thống nhất giữa lý luận và thực tiễn là một nguyên tắc căn bản của chủ nghĩa Mác- Lê-nin" [3]. Nhờ gắn bó mật thiết với phong trào đấu tranh cách mạng của giai cấp công nhân và quần chúng lao động, chủ nghĩa Mác - Lê-nin luôn luôn được bổ sung, hoàn thiện để trở thành "lực lượng vật chất" mạnh mẽ. Ngược lại, nhờ có "vũ khí tinh thần" là chủ nghĩa Mác - Lê-nin, phong trào cách mạng của giai cấp công nhân đã có sự chuyển biến *về chất* : từ tự phát trở thành tự giác, do đó phát triển ngày càng sâu rộng và thực tế đã phá vỡ hệ thống tư bản chủ nghĩa thế giới ở một loạt nước trên các châu: Âu, Á, Mỹ...

Sau Cách mạng Tháng Mười Nga, chủ nghĩa xã hội hiện thực đã ra đời, tồn tại và không ngừng phát triển. Nó đã làm nên những kỳ tích trên tất cả lĩnh vực khoa học, chính trị, xã hội, kinh tế..., chứng minh tính đúng đắn của chủ nghĩa Mác - Lê-nin. Tiếc thay, do các nước xã hội chủ nghĩa chậm được đổi mới, đến khi đổi mới một số nước lại nóng vội, làm sai nguyên tắc, sa vào âm mưu "diễn biến hòa bình" của chủ nghĩa đế quốc, nên chủ nghĩa xã hội hiện thực đã bị đổ vỡ một mảng lớn, phong trào công nhân và phong trào cộng sản thế giới bị tổn thất nặng nề... Sự kiện đau lòng trên cũng là bằng chứng cho thấy : một khi đã xa rời chủ nghĩa Mác - Lê-nin thì không tránh khỏi xa rời chủ nghĩa xã hội, xa rời định hướng xã hội chủ nghĩa. Thực tế, một số người lãnh đạo ở Liên xô và các nước xã hội chủ nghĩa Đông Âu đã từng bước xa rời chủ nghĩa Mác - Lê-nin. Mới đầu, họ chưa phê phán đích danh chủ nghĩa Mác - Lê-nin, họ chỉ tập trung phê phán Xta-lin. Sau đó, thấy chỉ phê phán riêng Xta-lin thì không ổn, họ chuyển sang phê phán Lê-nin, rồi phê phán C. Mác và Ph. Ăng-ghen. Và cuối cùng, họ phủ định sạch trơn chủ nghĩa Mác - Lê-nin , phủ định toàn bộ những thành quả của chủ nghĩa xã hội, tuyên bố giải tán đảng cộng sản, đi theo các nước tư bản phương Tây, thực hiện đa nguyên chính trị, đa đảng đối lập...

Kết quả của sự từ bỏ chủ nghĩa Mác - Lê-nin, xa rời định hướng xã hội chủ nghĩa của những người cầm quyền ở các nước đó

(3) Hồ Chí Minh : *Toàn tập*, Nxb Sự thật, Hà nội, 1987, t 7, tr 788

Digitized by Google

như thế nào ta đã rõ : sản xuất bị đình đốn, xã hội suy thoái, thảm cảnh "nồi da nấu thịt, cốt nhục tương tàn" diễn ra không dứt !

Hiện nay, không chỉ những người cộng sản kiên trung, mà ngay các nhà khoa học lớn ở phương Tây, những người nghiên cứu nghiêm túc lịch sử thế giới và sự phát triển đi lên của xã hội loài người, cũng kết luận: "sẽ không có tương lai nếu không có Mác"; "Mác là nhà tư tưởng của thế kỷ XXI" ; "Mác đang "sống" ngay trong các trường đại học ở phương Tây"...

3 - Lịch sử từ sau Cách mạng Tháng Mười Nga đã cho thấy thế giới đã đổi thay, một thời đại mới đã bắt đầu : thời đại quá độ từ chủ nghĩa tư bản lên chủ nghĩa xã hội trên phạm vi toàn thế giới. Độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội trở thành quy luật phổ biến đối với các nước thuộc địa và phụ thuộc. Là thuộc địa của thực dân Pháp, nước ta không thể vượt ra ngoài quy luật phổ biến đó. Ngay từ khi thực dân Pháp nổ súng xâm lược nước ta, với truyền thống yêu nước hun đúc từ bao đời, nhân dân ta đã liên tiếp nổi dậy chống bọn cướp nước. Song tất cả các phong trào chống Pháp ở nước ta (từ phong trào Cần vương dựa trên hệ tư tưởng phong kiến cho tới các trào lưu cải lương của Phan Bội Châu, Phan Chu Trinh, Nguyễn Thái Học... mà xét đến cùng, không vượt khỏi chế độ dân chủ tư sản) đều thất bại chính là vì đã không kết hợp được độc lập dân tộc với chủ nghĩa xã hội.

Chỉ sau khi Chủ tịch Hồ Chí Minh đưa ánh sáng chủ nghĩa Mác - Lê-nin tới nước ta, với tư tưởng chỉ đạo *muốn cứu nước và giải phóng dân tộc không có con đường nào khác con đường cách mạng vô sản*, cách mạng giải phóng dân tộc ở nước ta mới có sức sống mới. Kết hợp nhuần nhuyễn tư tưởng độc lập dân tộc với chủ nghĩa xã hội, hợp với trào lưu của thời đại, hợp với lòng dân, nó đã giành được thắng lợi vào Tháng Tám năm 1945, đưa tới việc thành lập nước Việt nam dân chủ cộng hòa, nhà nước do nhân dân làm chủ đầu tiên ở Đông - Nam Á. Tiếp đó là cuộc kháng chiến chống Pháp với chiến thắng Điện biên phủ chấn động địa cầu, rồi cuộc chống Mỹ, cứu nước với đại thắng mùa xuân năm 1975, hoàn thành cách mạng dân tộc dân chủ trong cả nước, đưa cả nước thống nhất cùng tiến lên chủ nghĩa xã hội. Ngày nay, công cuộc đổi mới đất nước đang trên đà thắng lợi, đất nước đã ra khỏi cuộc khủng hoảng kinh tế - xã hội kéo dài trong nhiều năm, nhân dân vững tin ở Đảng cộng sản Việt nam lãnh đạo, bước vào một thời kỳ phát triển mới của đất nước : thời kỳ đẩy mạnh sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa.

Chúng ta rất tự hào vì tư tưởng Hồ Chí Minh được đặt liền với chủ nghĩa Mác - Lê-nin. Tư tưởng Hồ Chí Minh là kết quả của cuộc giao duyên giữa chủ nghĩa yêu nước Việt nam với chủ nghĩa xã hội, của sự vận dụng sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lê-nin vào điều kiện cụ thể của nước ta. Trong lúc nước ta chìm đắm trong đêm đen của chế độ thuộc địa với 95% dân số bị mù chữ thì Chủ tịch Hồ Chí Minh đã truyền bá chủ nghĩa Mác - Lê-nin vào nước ta bằng những lời lẽ, khẩu hiệu ngắn gọn, chính xác và dễ hiểu (như "độc lập dân tộc và người cày có ruộng"...), bằng những việc làm thực tế, sự hy sinh, gương mẫu của bản thân cũng như của các chiến sĩ cộng sản do Người đào tạo, dìu dắt. Nhờ vậy, nhân dân ta đã sớm giác ngộ và tin tưởng rằng : chỉ có đi theo chủ nghĩa Mác-Lê-nin, đi theo Đảng cộng sản Việt nam do Người sáng lập và rèn luyện, mới tìm được con đường sống.

Tổng hợp những đóng góp của Hồ Chí Minh vào học thuyết Mác - Lê-nin là cả một hệ thống lý luận hoàn chỉnh về con đường cách mạng của dân tộc Việt nam ta. Phần cốt lõi của hệ thống lý luận này là tư tưởng về giải phóng dân tộc, giải phóng xã hội, giải phóng con người, là gắn độc lập dân tộc với chủ nghĩa xã hội, gắn giai cấp với dân tộc, quốc gia với quốc tế, cá nhân với tập thể và cộng đồng xã hội. Tất cả đều toát lên một tư tưởng nhân văn rộng lớn và sâu sắc.

Có thể nói, chủ nghĩa Mác - Lê-nin thâm nhập vào nước ta đã tăng thêm sức mạnh nhờ có tư tưởng Hồ Chí Minh. Là sự hòa quyện giữa tinh hoa tư tưởng của nhân loại với tinh hoa tư tưởng của dân tộc Việt nam, giữa chủ nghĩa xã hội với chủ nghĩa yêu nước Việt

Digitized by Google

nam, chủ nghĩa Mác - Lê-nin và tư tưởng Hồ Chí Minh thực tế đã trở thành nền tảng tư tưởng vững chắc của xã hội ta, bảo đảm cho cách mạng Việt nam luôn giữ vững định hướng xã hội chủ nghĩa.

*
* *

Kẻ thù của chủ nghĩa xã hội luôn hy vọng rằng đánh sập được nền tảng tư tưởng của chủ nghĩa xã hội thì tất yếu chủ nghĩa xã hội phải tan, nên từ lâu đã chọn chủ nghĩa Mác - Lê-nin làm nơi công kích chủ yếu. Sau khi chế độ xã hội chủ nghĩa ở Liên xô và các nước Đông Âu bị đổ vỡ, họ tiến công chủ nghĩa Mác - Lê-nin càng mạnh mẽ, làm bùng lên một chiến dịch công kích, phê phán từ nhiều phía.

Những kẻ suốt thế kỷ rưỡi qua không ngừng vu cáo, bác bỏ chủ nghĩa Mác - Lê-nin, bác bỏ học thuyết cách mạng của giai cấp công nhân và nhân dân lao động, nay được dịp càng ra sức xuyên tạc và bác bỏ nó. Những kẻ phản bội và cơ hội đủ mọi màu sắc thì công khai "sám hối" rằng : họ đã nhầm lẫn đi theo một học thuyết sai lầm đầy huyễn tưởng, hoặc chí ít cũng là lỗi thời.

Ở nước ta, một số người thù địch với chế độ cùng với một số người phản bội và cơ hội cũng a dua "sám hối", trở cờ. Họ ra vẻ "khôn ngoan", "khuyên" Đảng ta hãy từ bỏ chủ nghĩa Mác - Lê-nin, từ bỏ con đường đi lên chủ nghĩa xã hội mà Chủ tịch Hồ Chí Minh, Đảng và nhân dân ta đã lựa chọn. Thậm chí, họ còn đòi Đảng phải "trả" quyền lực cho nhân dân, đòi đa nguyên chính trị, đa đảng đối lập, đòi dân chủ tuyệt đối. Theo họ, Đảng ta phải "dám chơi" như thế thì mới có thể đưa đất nước đến được bến bờ hạnh phúc. Một số người thành tâm tìm tòi cái mới, nhưng do hạn chế về năng lực, trình độ hoặc chưa đủ điều kiện để nghiên cứu hiểu đúng bản chất của chủ nghĩa Mác - Lê-nin và tư tưởng Hồ Chí Minh, thì cũng không ít lúng túng, không biết nên nhận thức như thế nào trước những quan điểm "mới lạ" mà họ được tiếp cận. Cá biệt có người thực sự hoài nghi công cuộc đổi mới theo định hướng xã hội chủ nghĩa ở nước ta, cho rằng : Đảng ta "xanh vỏ, đỏ lòng", "miệng nói kiên trì chủ nghĩa Mác - Lê-nin và tư tưởng Hồ Chí Minh để đổi mới đất nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa, nhưng trên thực tế lại đang từng bước chệch hướng và đi theo con đường tư bản chủ nghĩa"... Tình hình trên, tất nhiên gây không ít tác hại, làm giảm lòng tin trong nhân dân vào tính đúng đắn của chủ nghĩa Mác - Lê-nin và tư tưởng Hồ Chí Minh.

Lúc này đây hơn lúc nào hết, chúng ta phải giương cao ngọn cờ Mác - Lê-nin và tư tưởng Hồ Chí Minh. Chúng ta cần nghiên cứu lý luận và thực tiễn một cách nghiêm túc, tỉnh táo để làm rõ bản chất khoa học, cách mạng của chủ nghĩa Mác - Lê-nin và tư tưởng Hồ Chí Minh ; thường xuyên tổng kết thực tiễn, lấy thực tiễn làm thước đo, kiểm nghiệm và bổ sung cho lý luận Mác - Lê-nin và tư tưởng Hồ Chí Minh, tránh khuynh hướng máy móc, giáo điều rập khuôn, làm khô cứng chủ nghĩa Mác - Lê-nin và tư tưởng Hồ Chí Minh. Chúng ta kiên quyết đấu tranh với những quan điểm bôi nhọ, xuyên tạc chủ nghĩa Mác - Lê-nin và tư tưởng Hồ Chí Minh ; phân tích và lý giải một cách khoa học nguyên nhân vì sao chế độ xã hội chủ nghĩa ở Liên xô và Đông Âu bị sụp đổ, làm cho nhân dân thật sự tin tưởng rằng : chỉ có với chủ nghĩa Mác - Lê-nin và tư tưởng Hồ Chí Minh làm nền tảng tư tưởng và kim chỉ nam cho hành động, chúng ta mới bảo đảm được định hướng xã hội chủ nghĩa ở nước ta.

Đấu tranh tư tưởng có một vị trí hết sức quan trọng. Trong cuốn sách *Chiến thắng không cần chiến tranh*, Ních-xơn cho rằng mặt trận tư tưởng là mặt trận quyết định nhất. Ông ta viết : "... Toàn bộ vũ khí của chúng ta, các hiệp định mậu dịch, viện trợ kinh tế sẽ không đi đến đâu nếu chúng ta thất bại trên mặt trận tư tưởng". Chiến lược của Mỹ trước sau như một là "đưa chiến tranh vào bên trong bức màn sắt" (Bút-sơ)...

Bảo vệ và phát triển chủ nghĩa Mác - Lê-nin và tư tưởng Hồ Chí Minh là nhiệm vụ quan trọng và bức thiết để bảo đảm định hướng xã hội chủ nghĩa ở nước ta ❑

Digitized by Google

MỘT SỐ MÔ HÌNH QUẢN LÝ KINH TẾ

ĐINH SƠN HÙNG *

Cơ chế quản lý kinh tế

Cơ chế quản lý kinh tế, hiểu dưới dạng chung nhất là cách thức tổ chức, điều hòa, phối hợp, vận hành các mối quan hệ, các hoạt động phù hợp với quy luật kinh tế khách quan nhằm đạt hiệu quả tối ưu trong những điều kiện kinh tế - xã hội, khoa học- công nghệ, ở mỗi giai đoạn lịch sử nhất định.

Như vậy, cơ chế quản lý kinh tế là khái niệm nhiều mặt và phức tạp, gồm tổng thể các hình thức, phương tiện, công cụ quản lý (luật pháp, kế hoạch hóa, chính sách tài chính, chính sách tiền tệ...) ; những đòn bẩy kinh tế và các nhân tố kích thích (lương, thưởng, thuế, tỷ giá hối đoái...) ; những tiêu chuẩn kinh tế, kỹ thuật, hành chính, v.v...

Tính phức tạp và nhiều mặt của cơ chế quản lý kinh tế còn biểu hiện ở chỗ, cấu thành trong thành phần của nó không chỉ là các hình thức, phương pháp, đòn bẩy quản lý, mà cả ở những phạm trù nằm trong các lớp "giáp ranh" liên kết các quan hệ sản xuất với tổ chức lực lượng sản xuất và với kiến trúc thượng tầng ; "giáp ranh" giữa kinh tế vi mô với kinh tế vĩ mô ; giữa thị trường với nhà nước. Vì thế, việc phân tích cơ chế quản lý kinh tế cần được xem xét trên một số yếu tố cơ bản sau đây :

1. Trong hệ thống quan hệ sản xuất xã hội (bao gồm nhiều loại hình quan hệ sản xuất khác nhau tồn tại trong nền kinh tế quốc dân), cần phân ra lĩnh vực những quan hệ cấu thành nội dung của cơ chế quản lý kinh tế, đó là các quan hệ kinh tế - tổ chức kinh doanh. Những quan hệ này đặc trưng cho phương pháp tổ chức lao động xã hội, với những hình thức, phương pháp và đòn bẩy của nó. Đây là những quan hệ giữa người với người trong toàn bộ hoạt động kinh tế. Những quan hệ này vừa chịu sự chi phối của quan hệ sở hữu vừa chịu sự tác động trực tiếp của lực lượng sản xuất, tiến bộ khoa học - công nghệ.

Trong mô hình kinh tế hỗn hợp (gồm hai lực lượng tham gia hoạt động kinh tế và điều tiết nền kinh tế là thị trường và nhà nước), với sự tồn tại đan xen của nhiều hình thức sở hữu thì trong thành phần của quan hệ kinh tế - tổ chức với tính chất là những phân hệ của quan hệ sản xuất xã hội, bao gồm những hình thức tổ chức sản xuất kinh doanh của xã hội, những đòn bẩy, chiến lược, kế hoạch thúc đẩy mọi tầng lớp dân cư tham gia một cách có hiệu quả vào quá trình sản xuất, phân phối, trao đổi, tiêu dùng.

2. Phân tích làm rõ các yếu tố nằm trên "giao điểm" của các quan hệ kinh tế với các lực lượng sản xuất và kiến trúc thượng tầng có vị trí quan trọng hàng đầu trong việc xác lập cơ chế quản lý kinh tế. Ví như các hình thức tổ chức hoạt động (chuyên môn hóa, xã hội hóa, liên kết sản xuất...) và những nhân tố như : cách thức điều hòa phối hợp sản xuất kinh doanh, những nhân tố phi kinh tế (truyền thống, trình độ văn minh, tâm lý...). Tính phức tạp trong nghiên cứu ở đây không chỉ là tìm ra các phạm trù "giao điểm" hoặc "giáp ranh" để hình thành nên hệ thống lý thuyết ; mà còn ở chỗ thực tế rất đa dạng và muôn vẻ. Ví dụ sự hợp tác vừa được biểu hiện như một yếu tố của quan hệ sản xuất xã hội, vừa là một yếu tố của lực lượng sản xuất mới bổ sung ; hoặc như giá cả, tài chính,

* PTS. Trường Đại học kinh tế TP Hồ Chí Minh

Digitized by Google

tín dụng... là những phạm trù kinh tế khách quan, đồng thời cũng là những công cụ quản lý, công cụ điều tiết kinh tế.

3. Mỗi cơ chế quản lý đều phải xác định được hệ thống mục tiêu và thứ tự các mục tiêu được lựa chọn ưu tiên đáp ứng trong những giai đoạn phát triển khác nhau. Và mục tiêu tổng quát mà cơ chế quản lý hướng tới là duy trì, tạo động lực cho sự tăng trưởng và phát triển kinh tế nhanh, ổn định và bền vững. Trên cơ sở đó thỏa mãn tốt nhất, có hiệu quả nhất nhu cầu vật chất và tinh thần ngày càng tăng của xã hội. Muốn đạt mục tiêu đó, cơ chế quản lý kinh tế phải bảo đảm giải quyết thỏa đáng các quan hệ về lợi ích kinh tế, coi lợi ích kinh tế là động lực của sự phát triển ; coi hiệu quả, năng suất là sự sống còn ; coi con người là nhân tố trung tâm của các yếu tố đầu vào.

4. Cơ chế quản lý kinh tế phải đáp ứng được yêu cầu xử lý thông tin giữa hai tầng quản lý vi mô và vĩ mô. Có thể nói rằng, trong nền kinh tế hỗn hợp vận động theo cơ chế thị trường thì cơ chế quản lý gồm hai tầng ; nhà nước quản lý ở tầng vĩ mô ; các doanh nghiệp, hộ gia đình quản lý ở tầng vi mô. Hoạt động ở tầng vi mô chịu sự tác động mạnh mẽ, trực tiếp của vô số các thuộc tính, các nhân tố của các quy luật kinh tế thị trường và dày đặc những thông tin vĩ mô. Các chủ thể trực tiếp tiến hành hoạt động sản xuất kinh doanh xử lý những nguồn thông tin, mã hóa chúng thành giá cả hàng hóa ; giá cả cũng trở thành tín hiệu để cho mỗi người sản xuất kinh doanh đi đến quyết định trong việc giải quyết các vấn đề cơ bản như : Sản xuất cái gì ? Sản xuất như thế nào ? Sản xuất cho ai ? Sản xuất bao giờ ? Sản xuất ở đâu ?

Thông tin vĩ mô xuất hiện, nhà nước thống nhất quản lý xử lý những dòng thông tin vĩ mô này để điều tiết kinh tế thông qua hệ thống các công cụ như : luật pháp, kế hoạch hóa hướng dẫn, chính sách tài chính, chính sách tiền tệ, chính sách khoa học - công nghệ... nhằm tạo mặt bằng về luật pháp, kinh tế, chính trị, xã hội cho toàn bộ nền kinh tế quốc dân vận hành theo định hướng và giải tỏa mọi động lực đang bị kìm hãm, khai thác những tiềm năng chưa được khai thác để thúc đẩy tăng trưởng cao.

Ở đây cần nhấn mạnh rằng, nếu những người ở tầng vĩ mô cố tình xử lý đến từng thông tin ở tầng vi mô thì sẽ trở nên vừa bao biện, vừa quan liêu và khó có thể thành công trong hoạt động.

Tính phức tạp ở đây là cơ chế quản lý kinh tế phải xác định được giới hạn, định hướng cách thức, phương pháp, chức năng hoạt động của tầng vĩ mô và vi mô như thế nào trong mỗi giai đoạn phát triển nhất định để mọi bộ phận của hai tầng này không làm triệt tiêu hiệu quả hoạt động của nhau, không cản ngại nhau.

5. Khoa học - công nghệ tiến triển không ngừng, nền kinh tế cũng luôn luôn vận động. Những yếu tố mới (thị hiếu người tiêu dùng, nhu cầu của xã hội...) luôn phát sinh, vì vậy cơ chế quản lý kinh tế cũng không phải là khái niệm "tĩnh", xác định một lần là xong, mà nó phải luôn luôn được hoàn thiện, được nâng cao hiệu năng. Mặt khác, cũng không bao giờ coi quá trình xác lập một mô hình kinh tế hay một cơ chế quản lý kinh tế là mục đích, mà chỉ là phương tiện để đạt mục tiêu dân nhanh chóng giàu có hơn, nước ngày càng mạnh hơn, và xã hội ngày càng công bằng, văn minh hơn. Điều đó có nghĩa là phải lấy kết quả của việc thực hiện mục tiêu trên để đánh giá hiệu quả của bản thân cơ chế quản lý kinh tế và của sự lựa chọn cơ chế quản lý kinh tế.

Tóm lại, nghiên cứu, phân tích và hình thành cơ chế quản lý thích hợp phải được quán triệt rằng, đó là một quá trình "động"; nó có ý nghĩa lý luận và thực tiễn hàng đầu trên đường đi tới mục tiêu dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng và văn minh.

Digitized by Google

Một số mô hình quản lý kinh tế đặc trưng trên thế giới

1. Theo A. Xmít và các nhà kinh tế học cổ điển thì dưới tác động của quan hệ cung-cầu, giá cả và tiền lương biến động một cách linh hoạt. Cụ thể là :

- "Tiền lương phải ngang với sản phẩm cận biên của lao động". Nghĩa là lượng tiền lương ngang bằng với giá trị mà người lao động cung cấp cho nhà tư bản ; không có việc trả lương cao hơn hay thấp hơn giá trị người lao động đã cung cấp cho nhà tư bản. Định đề này là xét về phía nhà tư bản, họ hoàn toàn thỏa mãn với cái mà họ bỏ ra, tức là tiền thuê công nhân.

- Sự hữu dụng của tiền lương khi khối lượng lao động nhất định được sử dụng là ngang với sự vô dụng giới hạn của khối lượng việc làm đó". Nghĩa là tiền lương hoàn toàn thỏa mãn đòi hỏi của người lao động và lương thực tế ấy đủ thu hút toàn bộ lao động xã hội. Định đề này là xét về công nhân, họ hoàn toàn thỏa mãn với cái mà họ nhận được (tiền lương) từ phía nhà tư bản.

Tình trạng cung ứng lao động được xác định khi cả hai định đề trên đều được thỏa mãn. Theo quan điểm của kinh tế học cổ điển thì tiền lương thực tế hiện hành là tiền lương hoàn toàn đáp ứng được đòi hỏi của công nhân, vì vậy toàn bộ lao động được thu hút vào quá trình sản xuất. Thất nghiệp có thể xảy ra, nhưng chỉ ở hai loại là thất nghiệp do "cọ xát" và tự ý. Và theo họ về vấn đề việc làm, thì tiền lương thực tế quyết định vấn đề cung ứng công nhân ; tiền lương thực tế cao sẽ có ít việc làm, còn tiền lương thực tế thấp sẽ có nhiều việc làm được cung ứng.

Bên cạnh đó, kinh tế học cổ điển còn cho rằng tính tư lợi là bản chất của con người. Và trong cuộc sống ai cũng tìm cách để cải thiện, nâng cao mức sống của mình. Do vậy, lợi nhuận là mục đích tối cao của mọi hoạt động sản xuất kinh doanh. Và cũng vì mục đích đó mà họ vô tình thỏa mãn một cách tốt nhất nhu cầu của xã hội, của người khác.

Từ những luận điểm trên, các nhà kinh tế học cổ điển tuyệt đối hóa vai trò điều tiết kinh tế của thị trường. Họ cho rằng nếu để cho thị trường với những quy luật khách quan của nó như những "bàn tay vô hình" điều tiết thì nền kinh tế sẽ phát triển năng động, linh hoạt và có hiệu quả, không có thất nghiệp và khủng hoảng toàn bộ. Vì vậy, họ đề nghị nhà nước chỉ thực hiện chức năng nguyên thủy của mình là : lập pháp ; bảo vệ an ninh quốc gia ; và xét xử những tranh chấp.

Điều đó có nghĩa là sự can thiệp của nhà nước vào kinh tế chỉ mang tính gián tiếp, thông qua công cụ luật pháp, với quan điểm "Nhà nước quản lý giỏi là nhà nước quản lý ít nhất".

Quan điểm về mô hình quản lý kinh tế như trên đã được thực hiện trên thực tế trong nền kinh tế tư bản chủ nghĩa giai đoạn tự do cạnh tranh (còn gọi là cạnh tranh thuần túy).

Mô hình của cơ chế quản lý này cho phép tận dụng được tối đa ưu thế của thị trường, kích thích tiến bộ khoa học - công nghệ, tăng năng suất lao động, thỏa mãn tốt nhu cầu của xã hội. Tuy vậy, nền kinh tế càng phát triển, xu hướng toàn cầu hóa và khu vực hóa càng gia tăng thì những khuyết tật của thị trường cũng ngày càng trở nên gay gắt mà biểu hiện tập trung là cuộc khủng hoảng kinh tế 1929 - 1933 ở các nước tư bản chủ nghĩa.

2. *Mô hình của cơ chế quản lý tập trung bao cấp*. Mô hình này xuất phát từ chỗ cho rằng sở hữu tư nhân về tư liệu sản xuất là cội nguồn của khủng hoảng kinh tế và thất nghiệp. Vì vậy xóa bỏ chế độ tư hữu và xác lập chế độ công hữu về tư liệu sản xuất được xem là nhiệm vụ đầu tiên quan trọng nhất trong hệ thống chính sách kinh tế. Và gắn liền theo đó là kế hoạch hóa pháp lệnh được sử dụng làm công cụ chủ yếu để quản lý, điều tiết toàn bộ nền kinh tế quốc dân.

Digitized by Google

Trong mô hình quản lý này, nhà nước không chỉ đóng vai trò là một trung tâm kinh tế mà còn thực hiện sự can thiệp sâu rộng vào mọi hiện tượng, mọi quá trình kinh tế ở cả tầng vi mô và vĩ mô. Theo đó thị trường độc quyền nhà nước hình thành và ngày càng bao trùm mọi lĩnh vực của nền kinh tế dưới tác động của luật pháp và các chính sách khác. Trên góc độ sở hữu và quản lý, thì ở đây thị trường được phân chia thành thị trường có tổ chức và thị trường không có tổ chức ; thị trường trung ương và thị trường địa phương.

Thực chất của sự phân chia các loại thị trường như trên là nhằm hạn chế, thu hẹp, tiến tới thủ tiêu thị trường được gọi là không có tổ chức, địa phương, để xác lập thị trường nhà nước và tập thể độc quyền trong nền kinh tế quốc dân. Trong cơ chế quản lý này, thị trường, quan hệ cung - cầu, giá cả, đầu vào, đầu ra đều được kế hoạch hóa trực tiếp. Và hệ quả đưa đến là làm biến dạng những quan hệ và chức năng vốn có của thị trường. Ví dụ như giá cả, không những không đóng vai trò gì trong việc phân phối những yếu tố đầu vào của sản xuất mà cũng không trở thành tín hiệu cho cả người sản xuất lẫn người tiêu dùng trong việc lựa chọn mục tiêu vì lợi ích của họ. Vì vậy, nếu như trong chiến tranh, cơ chế kế hoạch hóa tập trung là công cụ hữu hiệu cho phép nhà nước tập trung nhanh chóng các nguồn tiềm lực để giành thắng lợi ngoài mặt trận, thì trong thời bình cơ chế này lại bộc lộ nhiều nhược điểm, đặc biệt là không có khả năng thích ứng trước những biến đổi.

3. *Mô hình của cơ chế kinh tế "hỗn hợp"*. Thực tế cho thấy, chỉ thuần túy bằng "bàn tay thị trường" hay "bàn tay nhà nước" trong điều tiết kinh tế đều không thể bảo đảm cho nền kinh tế tăng trưởng và phát triển ổn định, bền vững. Cho nên cần thiết phải có "hai người" cùng tham gia vào hoạt động kinh tế và điều tiết kinh tế. Đó là *thị trường* và *nhà nước*. Nhưng phải có giới hạn thích hợp cho sự điều tiết kinh tế của cả hai "bàn tay"- "hữu hình" và "vô hình" trong mỗi giai đoạn phát triển khác nhau của nền kinh tế quốc dân.

Cho tới nay, cơ chế kinh tế thị trường vẫn tỏ rõ là mô hình kinh tế tối ưu, có hiệu quả cao. Nhưng như vậy không có nghĩa là cơ chế kinh tế thị trường thuần túy không có những khuyết tật. Chính những khuyết tật của thị trường đã cho thấy rằng điều tiết nền kinh tế không thể chỉ phó mặc cho riêng thị trường, mà tất yếu cùng với thị trường là nhà nước. Nhưng sự can thiệp hay vai trò kinh tế của nhà nước ở đây không giống như trong mô hình nền kinh tế thị trường "cạnh tranh hoàn hảo" và cũng hoàn toàn khác với cơ chế quản lý kế hoạch hóa trực tiếp tập trung. Nghĩa là sự điều tiết, can thiệp vào kinh tế của nhà nước ở đây được đặt trong cơ chế kinh tế thị trường. Vai trò kinh tế của nhà nước tập trung vào việc nâng cao hiệu lực quản lý kinh tế vĩ mô, mà nhiều nhà khoa học cho rằng, nó được đánh giá bởi mức độ hoàn thiện của công thức : Nhà nước mạnh + luật pháp hoàn chỉnh + thực lực kinh tế đủ mạnh.

Ngày nay, cả trên phương diện lý thuyết lẫn sự kiểm nghiệm của thực tiễn đều xác nhận rằng, *mô hình cơ chế kinh tế hỗn hợp là mô hình tối ưu nhất*. Khó khăn lớn nhất đặt ra ở mô hình này là xác định được giới hạn thích hợp trong mỗi giai đoạn phát triển sự can thiệp, điều tiết của thị trường và nhà nước như thế nào, bởi vì không thể có giới hạn chung thích hợp về sự điều tiết, can thiệp cho cả hai "bàn tay hữu hình và vô hình" vào nền kinh tế cho mọi giai đoạn. Nếu nhà nước can thiệp, điều tiết không đủ liều lượng thì những khuyết tật của thị trường sẽ phát sinh làm chao đảo nền kinh tế. Ngược lại, nếu nhà nước can thiệp, điều tiết kém hiệu năng và vượt quá giới hạn cần thiết thì ưu thế của thị trường bị kìm hãm và bị bóp méo. Điều đó sẽ đưa đến kết quả cơ chế kinh tế trở nên xơ cứng, động lực phát triển kinh tế bị triệt tiêu ❑

Digitized by Google

ĐẨY MẠNH THU HÚT ĐẦU TƯ NƯỚC NGOÀI ĐỂ CÔNG NGHIỆP HÓA, HIỆN ĐẠI HÓA

TRỊNH DÂN

TRONG thời đại ngày nay, bất cứ nước nào đi vào công nghiệp hóa cũng cần có vốn đầu tư của nước ngoài. Tình trạng thiếu vốn là phổ biến, nhất là đối với các nước đang phát triển như nước ta. Năm 1994, chúng ta thu thuế và các loại phí đạt 23% GDP, nhưng chỉ dành được 12% cho đầu tư phát triển. Năm 1995 đã cố gắng đưa tỷ lệ đó lên trên 17%, nhưng tỷ lệ này còn rất thấp nếu so với 37% của Hàn quốc và 40% của Xin-ga-po năm 1990. Vì vậy, việc thu hút vốn nước ngoài là hết sức cần thiết đối với nước ta để đẩy mạnh sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa nhằm thu hẹp nhanh chóng khoảng cách giữa nước ta với các nước khác về trình độ phát triển.

Trong thế giới ngày nay, việc cung cấp vốn dưới mọi hình thức, không chỉ do nhu cầu của nước được cung cấp mà còn do nhu cầu của nước cung cấp. Thật vậy, vì theo đuổi lợi nhuận cao, lại có dư vốn, các nước phát triển, nhất là ở thời kỳ phải chuyển dịch cơ cấu kinh tế, thường tìm đến những nơi có tốc độ tăng trưởng cao, có nhu cầu đầu tư lớn. Không ít trường hợp nước A cung cấp vốn cho nước B là để nước B có thể mua hàng của nước A. Nước A muốn nước B nhập nhiều hàng của mình, đương nhiên phải tìm cách cải thiện và mở rộng thị trường nội địa của nước B, làm cho nước B có khả năng nâng cao sức mua. Ngay Việt nam ta hiện nay, không chỉ cần nước ngoài đầu tư vào ta, mà ta cũng cần đầu tư ra nước ngoài. Ví dụ, hàng may mặc của ta hiện có mặt tại thị trường 46 nước với giá trị xuất khẩu chỉ đứng sau dầu mỏ và gạo. Muốn xuất khẩu hàng sang Mỹ, các công ty may mặc của ta không chỉ cần có các cơ sở sản xuất hiện đại ở trong nước, mà còn cần đầu tư vào Mỹ, xây dựng ở đó ít nhất là những cơ sở tiếp thị, những cửa hàng mẫu. Nếu sung sức, có điều kiện, các công ty của ta có thể bỏ vốn liên doanh với các hãng của Mỹ trên đất Mỹ, để sớm tiếp thu được các công nghệ dệt và may mặc tiên tiến.

Có thể thấy, sự vận động của đồng vốn theo nhiều chiều dưới nhiều hình thức là quy luật khách quan. Tuy nhiên, đối với những nước đang phát triển như Việt nam, việc tranh thủ vốn nước ngoài vẫn là một công việc rất mới mẻ, trong một môi trường cạnh tranh quyết liệt. Giá lao động rẻ chỉ còn có thể thu hút phần đầu tư không lớn để xây dựng các ngành công nghiệp truyền thống. Ngày nay, các nhà đầu tư thường đi tìm những ngành công nghiệp kỹ thuật cao ở những nơi có cơ sở hạ tầng kinh tế và xã hội tốt, có hệ thống pháp luật hữu hiệu. Từ năm 1991 đến 1993, Trung quốc, In-đô-nê-xi-a, Ma-lai-xi-a, Hàn quốc và Thái lan chiếm hơn 90% vốn của các nhà đầu tư thế giới đổ vào châu Á. Tình hình ở Mỹ la tinh cũng tương tự. Nghĩa là dòng vốn chỉ chảy vào những nước có thu nhập trung bình trở lên, có tốc độ tăng trưởng tương đối cao, có luật pháp và cơ sở hạ tầng tốt. Cục diện này có thể diễn ra suốt thập kỷ 90. Nước ta cần hết sức chú ý.

Kể từ năm 1988, khi nước ta có Luật đầu tư nước ngoài, đến tháng 12-1995 đã có gần 1 500 dự án với tổng số vốn đăng ký là 18 tỉ USD được cấp giấy phép, trong đó có 8 tỉ đã đi vào hoạt động. Đây là đầu tư trực tiếp (FDI) của nước ngoài. Trong đó, 70% vốn nước ngoài được đầu tư vào các ngành sản xuất, 30% vào khách sạn, dịch vụ. Các doanh nghiệp nhà nước chiếm 98% số dự án. Kinh tế ngoài quốc doanh chiếm 2% dự án và 0,4% vốn đăng ký. Hình thức liên doanh chiếm 65%; xí nghiệp 100% vốn nước ngoài chiếm gần 18%. Ngoài ra, qua ba cuộc họp của các nước tài trợ Việt nam tại Pa-ri năm 1993, 1994 và 1995, các nước hữu quan và các tổ chức quốc tế đã cam kết cho nước ta vay với điều kiện ưu đãi (ODA) tổng số 6,12 tỉ USD, trong đó có một số ít là viện trợ không hoàn lại.

Digitized by Google

Nước ta có tài nguyên tự nhiên khá phong phú và lao động dồi dào, nhưng chúng ta lại không đủ vốn và kỹ thuật để khai thác và chế biến. FDI và ODA sẽ giúp chúng ta làm việc này một cách có hiệu quả. Với FDI, ta có thể tạo dựng những ngành công nghiệp quan trọng nhất. Nhờ có các xí nghiệp do nước ngoài đầu tư và trực tiếp quản lý kinh doanh, chúng ta tiếp nhận được công nghệ tiên tiến và phương pháp quản lý hiện đại. Thông qua các kênh đối tác nước ngoài tại các xí nghiệp liên doanh, chúng ta có thể đẩy mạnh sản xuất các mặt hàng xuất khẩu. Các xí nghiệp do nước ngoài trực tiếp đầu tư còn giúp chúng ta có thể nâng cao giá trị hàng xuất khẩu và thay đổi cơ cấu hàng xuất khẩu theo hướng ngày càng tiến bộ. Việc sử dụng FDI và ODA là chiếc cầu nối liền nền kinh tế nước ta với thị trường thế giới, thúc đẩy sự hình thành thị trường trong nước.

Với nguồn vốn ODA, chúng ta sẽ có thể nhanh chóng khắc phục tình trạng cơ sở hạ tầng kinh tế và xã hội hiện còn hết sức lạc hậu và yếu kém. ODA còn tạo điều kiện thuận lợi cho việc thu hút và sử dụng các nguồn vốn FDI và các nguồn vốn tín dụng (như tín dụng thương mại, tín phiếu, trái phiếu, cổ phần...) từ nước ngoài.

Thực tiễn kinh tế thế giới và nước ta trong mấy năm qua cho thấy, điều kiện quan trọng đầu tiên để có thể thu hút được vốn nước ngoài là phải có một chiến lược phát triển đúng đắn, bảo đảm kinh tế tăng trưởng liên tục và ổn định, tạo cơ sở chính trị và xã hội ổn định. Không có một nhà đầu tư nào lại bỏ tiền vào một xã hội luôn biến động. Với danh nghĩa là tư bản, đồng tiền chỉ tìm đến những nơi có thể đẻ thêm tiền, tránh xa những nơi không có khả năng đó.

Mấy năm qua chúng ta thu hút vốn nước ngoài khá thành công, kể cả FDI và ODA. Đó chủ yếu do Đảng và Nhà nước ta đề ra được một chiến lược phát triển đúng đắn, bảo đảm kinh tế liên tục tăng trưởng, giá cả ổn định, khống chế được lạm phát, sức mua của xã hội tăng, thị trường phồn vinh, tạo ra nhiều cơ hội đầu tư, thu hút sự quan tâm của các nhà doanh nghiệp nước ngoài. Kinh tế tăng trưởng cao và liên tục là môi trường lý tưởng để thu hút vốn nước ngoài một cách ổn định và ngày càng tăng.

Năm 1995, GDP nước ta đạt 24,7 tỉ USD, GDP tính theo đầu người đạt 325 USD. Mục tiêu đến năm 2000, GDP tính theo đầu người tăng gấp đôi so với năm 1990. Muốn vậy, nhịp độ tăng trưởng thời kỳ 1995 - 2000 phải cao hơn thời kỳ 1991-1995. Dự kiến nhịp độ này phải đạt 9 - 10% (so với 8,2% năm trong thời kỳ trước), trong đó công nghiệp 14 - 15%, dịch vụ 12 - 13%, nông nghiệp 4 - 5%. Tuy tăng với nhịp độ thấp hơn, nhưng nông nghiệp vẫn là ngành chiếm tỷ trọng lớn trong GDP. Vì vậy, việc tiếp tục phát triển nông nghiệp, thực hiện chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông thôn theo hướng công nghiệp hóa và hiện đại hóa, luôn là nhiệm vụ quan trọng hàng đầu để bảo đảm sự phát triển chung và ổn định kinh tế xã hội.

Do sự phát triển không đồng đều giữa các vùng, những địa phương có điều kiện thuận lợi phải phấn đấu để có tốc độ tăng trưởng cao hơn tốc độ tăng trưởng bình quân của cả nước từ 1,5 đến 2 lần để bù cho những địa phương nhiều khó khăn, nhịp độ tăng trưởng thấp hoặc quá thấp.

Để bảo đảm đạt mục tiêu nói trên và để gối đầu cho thời kỳ từ năm 2001, trong 5 năm tới, dự kiến cần 45-50 tỉ USD. Trong đó vốn nước ngoài, kể cả FDI và ODA, cần tới 25 - 30 tỉ USD. Riêng ODA cần 7 - 8 tỉ USD. Đây là một bài toán khó, vì trên thế giới, vốn ODA, cầu luôn lớn hơn cung. Chúng ta cần nhanh chóng hoạch định một chiến lược về huy động và sử dụng vốn ODA. Trong đó xác định rõ mối quan hệ tỷ lệ hợp lý giữa vốn trong nước và vốn ngoài nước, giữa ODA và FDI, giữa FDI và GDP ; dự báo khả năng trả nợ, xác định trách nhiệm và lịch thời gian trả nợ, xác định mô hình và cơ chế huy động, quản lý, sử dụng ODA.

Một trong những yếu tố quyết định quy mô và tốc độ gọi vốn nước ngoài là việc dự báo nhu cầu đầu tư và cơ cấu đầu tư theo ngành và theo vùng lãnh thổ, phù hợp với chính sách cơ cấu và kế hoạch phát triển từng thời kỳ. Xét lợi thế so sánh hiện nay của Việt nam trong việc thu hút vốn nước ngoài, chúng ta cần chú ý trước hết đến các ngành kinh tế mũi nhọn, kết cấu hạ tầng, bao gồm kết cấu hạ tầng *kinh tế* và kết cấu hạ tầng *dịch vụ - văn hóa - xã hội - tài chính - ngân hàng*. Cần

Digitized by Google

nhanh chóng hình thành *thị trường vốn* và vận hành thị trường này có hiệu quả. Tiếp đó là các ngành khai thác và sản xuất nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu mà Việt nam có khả năng và có nhu cầu phát triển. Một hướng ưu tiên nữa là công nghiệp cơ khí, công nghiệp điện tử - tin học. Đấy là những ngành quan trọng mà nước ta nhất thiết phải có để thúc đẩy công nghiệp hóa và hiện đại hóa. Đồng thời, hướng mạnh các nguồn vốn viện trợ vào việc phát triển nông nghiệp, nông thôn, trồng rừng, đặc biệt là chế biến nông lâm thủy sản, khuyến khích phát triển hàng tiêu dùng để xuất khẩu và ngành công nghiệp bảo vệ môi trường. Đó là những lĩnh vực *trọng điểm* và *ưu tiên chiến lược* để đạt được tốc độ tăng trưởng cao.

Về vùng lãnh thổ, chúng ta đã xác định thứ tự ưu tiên : 1) Địa bàn trọng điểm Hà nội-Hải phòng - Quảng ninh ở miền Bắc. 2) Địa bàn trọng điểm TP Hồ Chí Minh - Biên hòa-Vũng tàu ở miền Nam. 3) Địa bàn trọng điểm Quảng nam - Đà nẵng - Quảng ngãi, Nha trang ở miền Trung. Việc xây dựng các khu công nghiệp tập trung và khu chế xuất là những trọng điểm để thực hiện chiến lược hướng mạnh vào xuất khẩu, tạo động lực cho sự phát triển nhanh và bền vững. Đây là một trong những điều kiện quan trọng nhất để thu hút vốn và công nghệ nước ngoài. Nhiều nước trên thế giới đã thành công lớn do họ đã làm tốt các đặc khu kinh tế. Ở nước ta, tiến độ xây dựng các khu này còn chậm, nhất là vốn đầu tư vào các khu này còn quá thấp, cách rất xa so với yêu cầu. Nếu không nhanh chóng hình thành các khu công nghiệp và khu chế xuất, sức hấp dẫn của thị trường Việt nam sẽ giảm sút. Trong 5 năm tới, cả nước sẽ xây dựng khoảng 20 khu công nghiệp tập trung. Trừ một số ít khu trong đó công nghiệp nặng là chính, như Dung quất (Quảng ngãi) Tuy hạ, Gò dầu (Đồng nai), còn lại phần lớn khu công nghiệp tập trung là công nghiệp nhẹ. Theo thiết kế công nghiệp nhẹ đóng góp 70-80% giá trị gia tăng của GDP. Vì vậy việc xây dựng khu công nghiệp tập trung là một phương hướng quan trọng để thu hút vốn trong và ngoài nước.

Vốn nước ngoài tiêu biểu cho công nghệ hiện đại và quản lý tiên tiến, cần có vốn đối ứng trong nước và người lao động giỏi để sử dụng có hiệu quả. Vấn đề lớn nhất đối với vốn trong nước là bảo đảm tỷ lệ tích lũy và chính sách huy động phù hợp. Cần có một chiến lược toàn dân góp vốn phát triển sản xuất. Đối với vốn nước ngoài, FDI và ODA, điều cốt yếu là không để một tập đoàn đầu tư nào có thể lợi dụng vị thế tài chính của họ để tác động đến chính sách của ta. Thu hút vốn nước ngoài là đòn bẩy quan trọng để ta sớm đứng vững trên đôi chân của mình, không lệ thuộc vào ai. Chúng ta sử dụng đầu tư của nước ngoài là để phát triển công nghiệp nội địa, làm cho kinh tế dân tộc ngày càng tăng trưởng. Ngay cả khi nước ta gia nhập ASEAN cũng vậy. Một trong những mục tiêu chủ yếu của việc ta gia nhập ASEAN là nhằm làm cho nước ta đứng vững trong thương trường quốc tế. Hiện nay, mặc dù đã có những bước tiến đáng kể, kinh tế nước ta vẫn ở trình độ phát triển thấp, sức cạnh tranh yếu, cơ cấu đầu tư của nước ngoài chưa hợp lý. Chúng ta đang hướng đầu tư của nước ngoài vào những ngành công nghệ cao, những ngành mũi nhọn, sản xuất hàng xuất khẩu, chế biến nông lâm sản, xây dựng cơ sở hạ tầng hiện đại... Không để đầu tư của nước ngoài tập trung vào một số ngành cần ít vốn, thu lãi nhanh, công nghệ không quá phức tạp, những ngành mà ta có thể tự đảm đương bằng cách huy động vốn trong nước. Đầu tư nước ngoài cho nông, lâm ngư nghiệp vẫn còn quá ít. Thực tế có nước, thông qua việc thực hiện các dự án ký kết, đã chuyển giao cho ta không phải công nghệ tiên tiến mà là công nghệ lạc hậu, gây ô nhiễm. Một cuộc khảo sát gần đây cho thấy : trong số 727 thiết bị và 3 dây chuyền công nghệ mới nhập của 42 công ty và doanh nghiệp, có tới 76% là những thiết bị sản xuất từ những năm 60, những năm 50, thậm chí từ năm 1927, từ năm 1905. Nguy cơ nước ta, như có người nói, trở thành một bãi thải công nghiệp, trở thành nơi thuần túy cung cấp sức lao động và nguyên liệu cho nước ngoài, không phải là không có cơ sở.

Trong khi đó, hệ thống điều hành ở tầm vĩ mô và việc tổ chức thực hiện ở các cấp của ta lại chưa hoàn thiện và đồng bộ, chưa đáp ứng được nhu cầu của nền kinh tế thị trường luôn sôi động, đa dạng và phức tạp. Hệ thống kế hoạch, tài chính, tiền tệ, giá cả, mặc dù đã có cải tiến nhưng vẫn còn nhiều yếu kém, chưa làm tốt chức năng của mình, còn để xuất hiện

Digitized by Google

những cơn sốt giả không đáng có, làm tăng nguy cơ tái lạm phát ở mức cao và kinh tế xã hội mất ổn định. Việc quản lý hệ thống ngân hàng nước ngoài hoạt động ở nước ta như thế nào cho phù hợp với tình hình và nhiệm vụ mới cũng là một vấn đề bức xúc cần sớm giải quyết. Tính đến hết năm 1994, 3 ngân hàng và 9 chi nhánh ngân hàng nước ngoài ở nước ta đã có nguồn vốn huy động và vốn tự có lên tới gần 6 000 tỉ đồng ; tổng tài sản của họ là trên 6 254 tỉ đồng. Năm 1995 đã có 20 chi nhánh ngân hàng nước ngoài, 4 ngân hàng liên doanh, 60 văn phòng đại diện của gần 50 ngân hàng nước ngoài tại Việt nam. Dư nợ cho vay của họ đạt 4 500 tỉ đồng Việt nam. Những nước có hệ thống ngân hàng hiện đại như Hàn quốc, Xin-ga-po, Đài loan đều không cho phép ngân hàng nước ngoài kinh doanh đồng nội tệ. Phải chăng đây là kinh nghiệm tốt đối với nước ta, một nước mà hệ thống ngân hàng chưa đủ mạnh. Thêm vào đó, nhiều doanh nghiệp nhà nước của ta tới nay vẫn ở tình trạng lãi giả lỗ thật, thất thoát tài sản rất lớn. Khu vực kinh tế tư nhân, trừ một số ít làm ăn có hiệu quả, còn lại phần lớn tuy phát triển nhanh nhưng chưa đủ trưởng thành.

Đảng ta đã xác định rằng để phát triển đất nước, vốn trong nước là chính, vốn nước ngoài là quan trọng. Trước mắt, cùng với vốn trong nước, vốn nước ngoài là nhân tố trực tiếp quyết định sự tăng trưởng kinh tế nước ta. Thực tiễn nước ta về thu hút vốn nước ngoài mấy năm qua cho thấy *đây là một cuộc đấu tranh cam go nhằm giải quyết hàng loạt mâu thuẫn :* mâu thuẫn giữa nhu cầu sử dụng vốn nước ngoài và khả năng bị nước ngoài lợi dụng ; mâu thuẫn giữa việc bảo vệ công nghiệp dân tộc và sự cạnh tranh khuynh đảo của kinh tế nước ngoài trên đất nước ta ; mâu thuẫn giữa việc bảo vệ bản sắc văn hóa dân tộc và sự thâm nhập và tác động của văn hóa và lối sống ngoại lai (đi theo sau "vốn" nước ngoài) ; mâu thuẫn giữa việc mở rộng cửa đón nhận đầu tư nước ngoài và việc bảo vệ an ninh và chủ quyền đất nước ; mâu thuẫn giữa việc giữ vững định hướng chính trị của ta và ý đồ thông qua kinh tế văn hóa để áp đặt những giá trị đối lập của nước ngoài ; và tổng quát hơn cả, là mâu thuẫn giữa việc cần phải nắm bắt thời cơ thế kỷ để không ngừng phát triển với việc khắc phục tất cả những cản trở chủ quan và khách quan đang làm giảm, thậm chí làm mất thời cơ.

Điều then chốt là phải tăng cường sự lãnh đạo của Đảng và sự quản lý có hiệu lực của chính quyền các cấp. Trong quan hệ kinh tế đối ngoại, đặc biệt trong việc thu hút vốn nước ngoài, cần luôn luôn chủ động ; không được để cho mình ở vào thế bị động. Chúng ta đã có danh mục mấy trăm dự án gọi vốn trong và ngoài nước. Nhưng chúng ta vẫn cần một chính sách quốc gia về cơ cấu đầu tư nhằm định hướng cho các chủ đầu tư nước ngoài dễ dàng nắm bắt được nhu cầu đầu tư của nước ta. Cần tiến tới thống nhất chính sách đối với vốn trong nước và vốn ngoài nước ; cần quán triệt chủ trương của Đảng và Nhà nước ta về cải cách hành chính ; loại bỏ những quy định và thủ tục phiền hà, những tiêu cực và tham nhũng trong khâu hợp tác liên doanh với nước ngoài ; ban hành luật pháp thích ứng, nhằm tạo ra một hành lang đầu tư thông thoáng, rõ ràng, nhất quán, đơn giản, thực hiện nghiêm minh.

Đó là những biện pháp vừa mang tính cấp bách trước mắt vừa mang tính cơ bản, lâu dài.

Cuộc cạnh tranh để giành vốn nước ngoài đang diễn ra quyết liệt. Thành tựu của chúng ta là to lớn. Vận hội sẽ nhiều lên sau khi ta gia nhập ASEAN và tham gia tổ chức thương mại thế giới (WTO). Nhưng nhiều thách thức hãy còn ở phía trước. Trên lĩnh vực thu hút đầu tư nước ngoài, *bốn* yếu tố quyết định thành công là : 1) Một nền chính trị ổn định, một chính phủ mạnh, có tầm nhìn chiến lược; 2) Một nền kinh tế mạnh, tăng trưởng cao, thu nhập dân cư đạt mức trung bình trở lên, sức mua khá ; cơ sở hạ tầng kinh tế hiện đại, cơ sở hạ tầng dịch vụ phát triển, pháp luật đồng bộ, thủ tục đơn giản, hệ thống tài chính tiền tệ và thị trường vốn hoạt động có hiệu quả, bộ máy quản lý và sử dụng vốn trong sạch, đúng hướng ; 3) Trình độ dân trí cao, một xã hội có thái độ hoan nghênh và hợp tác với các chủ đầu tư nước ngoài ; 4) Cuối cùng là hiệu quả của nền kinh tế, là tỉ suất lợi nhuận cao và việc thu hồi vốn nhanh.

Muốn không tụt hậu quá xa, muốn nhanh chóng cất cánh, muốn thu hút nhiều vốn đầu tư nước ngoài, cần phải tạo dựng và duy trì cho được 4 yếu tố nói trên ❑

Digitized by Google

CHUNG QUANH TÌNH HÌNH LÝ LUẬN PHÊ BÌNH VĂN HỌC NĂM 1995

Tình hình lý luận phê bình văn học trong năm 1995 đã diễn ra sôi động và trên thực tế có một số thành tựu. Phóng viên ***Tạp chí Cộng sản****, nhân dịp đầu năm, đã phỏng vấn GS, TS* **Phương Lựu**, *Chủ tịch Hội đồng lý luận phê bình của Hội nhà văn Việt nam. Giáo sư năm qua cũng là người vinh dự được nhận giải thưởng lý luận phê bình với tác phẩm* ***Trên đà đổi mới văn hóa văn nghệ****. Dưới đây là nội dung cuộc phỏng vấn :*

P.V : Xin chúc mừng Anh vừa được giải thưởng của Hội nhà văn Việt nam. Nhân đây, xin Anh với cương vị và trọng trách của mình, cho biết về tình hình giải thưởng nói riêng, về tình hình lý luận phê bình văn học năm 1995 nói chung.

P.L : Xin cảm ơn ! Tập sách của tôi có nhược điểm là thiếu hẳn những bài phê bình sinh động về những sáng tác thơ văn cụ thể, nhưng trên bình diện lý luận nó có chút ít đóng góp vào việc bảo vệ và phát triển ý thức văn học chung trong thời gian sôi động vừa qua. Tất nhiên nó chỉ tượng trưng, chứ không thể thay thế cho thành tựu của cả đội ngũ, mà chính đó mới là điều đáng khẳng định mạnh mẽ nhất, nếu chúng ta hồi tưởng lại toàn bộ tình hình phức tạp trong 10 năm qua.

Việc xét giải thưởng cũng có thể xem là một sinh hoạt lý luận phê bình trong năm 1995, và biết đâu nó có thể trở thành đối tượng của sinh hoạt lý luận phê bình trong năm 1996 này, thậm chí cả những năm sau nữa, như đã từng có tiền lệ. Nhưng thật ra theo thông lệ, nó chỉ thẩm định, đánh giá những tập sách lý luận phê bình của năm trước (1994), thậm chí của rất nhiều năm trước ; bởi vì đó là những tập sách tập hợp lại nhiều bài viết đã công bố trong hàng chục năm qua. Bạn thấy đấy, *văn* tự nó rất giống với *đời* : quá khứ, hiện tại, tương lai, bao giờ cũng quyện chặt với nhau. Nói chuyện hôm nay, là nói cái kết quả của hôm qua, và nguyên nhân của ngày mai. Làm văn phải có ý thức trách nhiệm cao là vì vậy. Xét giải thưởng văn chương lại càng như thế. Cho nên, không phải ngẫu nhiên, mà Ban chấp hành mới (khóa V) của Hội nhà văn, đã ra quy chế xét giải thưởng rất chặt chẽ. Thí dụ, các ủy viên hội đồng có tác phẩm dự giải, không những không được bỏ phiếu, mà cũng không được tham gia thảo luận tác phẩm của mình. Ngay chủ tịch hội đồng, đang chủ tọa hội nghị cũng phải tự giác xin ra khỏi phòng họp.

Đầu tháng 9/1995, Hội đồng lý luận phê bình chúng tôi nhận được danh sách do hội viên trong cả nước giới thiệu, gồm 12 tác phẩm dự tuyển như sau : 1) *Chữ quốc ngữ* của Hoàng Tiến. 2) *Tạp văn* của Hoàng Quốc Hải. 3) *Sương mù trên tác phẩm Trương Vĩnh Ký* của Bằng Giang. 4) *Cỗ xe tam mã Nga* của Thúy Toàn. 5) *Đến với thơ* của Ngô Văn Phú. 6) *Thơ mới, bình minh thơ Việt nam hiện đại* của Nguyễn Quốc Túy. 7) *Những tín hiệu mới* của Huỳnh Như Phương. 8) *Hái giữa đôi bờ* của Thiếu Mai. 9) *Văn học hiện đại, văn học Việt nam - giao lưu gặp gỡ* của Mai Nhi. 10) *Văn học sáng tạo và tiếp nhận* của Lê Thành Nghị. 11) *Tài năng và người thưởng thức* của Đặng Anh Đào. 12) *Trên đà đổi mới văn hóa văn nghệ* của Phương Lựu v.v.. Tiếp theo, theo quy định, một số ủy viên hội đồng đã giới thiệu thêm 2 cuốn : 13) *Trang giấy trước đèn* của Nguyễn Minh Châu. 14) *Con đường đi vào thế giới nghệ thuật của nhà văn* của Nguyễn Đăng Mạnh. Ngoài ra, còn định giới thiệu một số cuốn khác nữa, nhưng tác giả đã xin rút, hoặc phát hiện muộn khi đã khóa sổ danh sách vào ngày 30/9/1995. Nếu

Digitized by Google

kể tất cả sách lý luận phê bình xuất bản năm 1994 thì đã lên đến vài mươi cuốn. Một con số cũng có ý nghĩa, trong những năm đầu của kinh tế thị trường, sách lý luận phê bình rất khó in vì "thượng đế" đang bị hấp dẫn bởi những thứ khác. Nhưng lẽ đời, cái gì đã bất bình thường hết mức, rồi cũng sẽ trở lại bình thường, điều đó dù sao cũng là đáng mừng bước đầu.

Thật ra, trong số sách do hội viên (hoặc nhà xuất bản) giới thiệu đến, có một số cuốn, trong đó trừ một tỷ lệ bài không đáng kể, còn về cơ bản không phải là tác phẩm lý luận phê bình văn học như *Chữ quốc ngữ, Tạp văn, Sương mù trên tác phẩm Trương Vĩnh Ký, Cỗ xe tam mã Nga* v.v.. Tất nhiên những cuốn sách này vẫn có giá trị ở các mặt khác, nhưng Hội đồng lý luận phê bình của Hội nhà văn không có trách nhiệm và đủ tư cách đánh giá, thẩm định. Nhân đây, cũng xin được lưu ý, lý luận phê bình là thuộc về khoa nghiên cứu văn học chung, và do đó còn liên quan đến nhiều cơ quan học thuật khác, Hội nhà văn chỉ có trách nhiệm với các tác giả, tác phẩm lý luận phê bình trực tiếp với nền văn học hiện đại từ sau năm 1945 mà thôi. Điều này cũng tương đồng với việc có nhiều nhà nghiên cứu văn học có tên tuổi, chuyên gia uyên bác của các nền văn học hoặc giai đoạn văn học khác, mà Hội nhà văn rất trân trọng, nhưng không dám xem là thành viên của mình. Trở lại riêng về tác phẩm dự giải, tất nhiên cũng không nên máy móc. Có thể kết hợp với những mảng đề tài khác, nhưng về cơ bản phải là những bài lý luận phê bình về nền văn học sau cách mạng, và theo ý riêng tôi, là phải chiếm tỷ lệ quá bán, và với độ dày khoảng trên dưới 150 trang, tương đương với một tác phẩm lý luận phê bình thông thường.

Như thế danh sách chính thức chuẩn bị sơ khảo, cũng chỉ còn lại 10 cuốn (theo thứ tự từ số 5 đến số 14 ở trên). Theo ý kiến riêng tôi, cả 10 tác phẩm, ít nhiều đều có những ưu điểm, những chỗ được. Nhưng qua bỏ phiếu kín ngày 27/10/1995, thì chỉ có 6 tác phẩm lọt vào vòng chung khảo. So với các hội đồng khác, thì quả có hơi rộng. Có lẽ tâm thế chung của Hội đồng lý luận phê bình, là trước hết muốn khẳng định mặt ưu điểm của nhiều công trình. Cuốn *Tài năng và người thưởng thức* của chị Đặng Anh Đào được viết với một lối văn nhẹ nhàng, lại với kiến thức dồi dào về văn học Pháp, qua so sánh liên hệ, tác giả đã có những phát hiện thú vị về thơ văn của Bác v.v.. Cuốn *Văn học, sáng tạo và tiếp nhận* của anh Lê Thành Nghị đã bám sát vào thực tiễn sáng tác văn học trong hơn 10 năm qua, kịp thời biểu dương đều đặn những thành tựu tích cực, nếu có phê phán tranh luận, cũng được tác giả bày tỏ có lý, có tình. Cuốn *Con đường đi vào thế giới nghệ thuật của nhà văn* của anh Nguyễn Đăng Mạnh, mặc dù có sử dụng lại một tỷ lệ không nhỏ những bài trong *Nhà văn, tư tưởng và phong cách* được giải thưởng của Hội nhà văn năm 1983, nhưng tác giả cũng có những đóng góp mới, lại viết với một bút pháp sắc sảo vốn có. Tác phẩm của hai nữ tác giả quá cố cũng có những ưu điểm đáng ghi nhận. Cuốn *Văn học hiện đại, văn học Việt nam - giao lưu và gặp gỡ* của chị Mai Nhi đã nêu lên được một vấn đề học thuật lý thú là cần nghiên cứu những biểu hiện của chủ nghĩa hiện đại trong văn học nước nhà. Cuốn *Hái giữa đôi bờ* của chị Thiếu Mai đã ghi lại được những hồi ức và kỷ niệm quý báu về các nhà nghiên cứu phê bình tiền bối như Đặng Thai Mai, Hoài Thanh v. v.. Hiển nhiên những tác phẩm này, hoặc ít , hoặc nhiều có những nhược điểm và hạn chế khó tránh khỏi trong một thời kỳ vô cùng phức tạp vừa qua và được nhìn nhận một cách chặt chẽ dần trong bối cảnh văn học hiện nay. Cuối cùng đến phiên họp chung khảo ngày 12/1/1996, chỉ còn *Trên đà đổi mới văn hóa văn nghệ* được trúng giải chính thức, mà cũng chỉ với đa số phiếu tương đối, vì những nhược điểm như đã nói ở trước. Kết quả chung khảo này, có phần chặt. Đó là so với kết quả sơ khảo, chứ so với các hội đồng khác, còn không có giải chính thức. Mà thật ra suốt mấy thập kỷ qua, giải thưởng lý luận phê bình có được bao nhiêu đâu ! Giải cá nhân lại chỉ vẻn vẹn có vài ba. Rõ ràng đây là một lĩnh vực quá khó viết, khó in, khó được khẳng định. Nhưng chính vì quá khó như thế, lại càng phải cổ vũ, khuyến khích, động viên, nhất là đối với những lực lượng mới, trẻ. Ý thức rõ điều

Digitized by Google

này, ngay lúc mới hình thành, Hội đồng lý luận phê bình đã đưa vào quy chế hoạt động một điều khoản, trong đó có ghi như sau : "Vì tính chất khó khăn của thể loại, cho nên Hội đồng lý luận phê bình chấp nhận cho các đồng nghiệp chưa có sách in, nhất là các bạn dưới 40, được xét giải thưởng với một tập bản thảo đúng quy cách, độ khoảng trên dưới 150 trang, bao gồm từ 15 - 20 bài viết đã công bố và được một hội viên lý luận phê bình giới thiệu với hình thức giám định sơ bộ. Nếu trúng giải, sẽ dùng một phần tiền thưởng vào việc công bố tác phẩm để ở nhà xuất bản của Hội, và điều này cũng sẽ có ý nghĩa quyết định trong việc kết nạp tác giả vào Hội nhà văn". Hiển nhiên việc này không dễ, nhưng chính mắt tôi đã đọc, có thể là chưa nhiều, những bài rất khá của các bạn trẻ. Tôi rất mong và tin rằng rồi dần dần sẽ bắt gặp được những trường hợp như vậy. Mà cho dù còn lâu, thì sự quan tâm đến lực lượng trẻ, nếu không muốn nói suông, cũng phải được "biện pháp hóa" dần ra như vậy.

Chung quanh việc xét giải thưởng, đại khái là như thế. Với trách nhiệm đánh giá, thẩm định sách lý luận phê bình năm 1994, việc xét giải thưởng vừa qua là một nội dung công tác quan trọng của Hội đồng lý luận phê bình vừa thành lập vào giữa năm 1995. Nhưng nó chỉ là một khâu rất nhỏ trong toàn bộ tình hình lý luận phê bình văn học năm qua.

P.V : Nhưng nó lại rất quan trọng, vì giải thưởng bao giờ cũng mang tính chất định hướng cho việc tổ chức quá trình văn học tiếp theo. Anh cho biết khá đầy đủ mọi nhẽ như thế là rất cần thiết cho độc giả của Tạp chí chúng tôi. Bây giờ mong Anh cho biết tiếp tình hình chung.

P.L : Vâng, nói đến tình hình lý luận phê bình năm 1995, chúng tôi muốn lưu ý trước tiên đến những báo cáo chính, những tham luận chủ yếu trong Đại hội nhà văn toàn quốc lần thứ V vào đầu năm, cũng như trong Hội nghị công tác văn học 5 năm vào giữa năm, vì đó là hai cuộc sinh hoạt lớn của chính giới nhà văn nước ta trong năm vừa qua. Ngoài ra, còn có những cuộc sinh hoạt khoa học hướng về nhiều ngày kỷ niệm lớn của năm 1995 lịch sử này, như cuộc Hội thảo của hai khoa ngữ văn Đại học sư phạm Hà nội I và Đại học Tổng hợp Hà nội (nay là Đại học quốc gia) phối hợp với Tạp chí *Văn nghệ quân đội*, nhất là cuộc Hội thảo văn học 50 năm do Bộ văn hóa thông tin, Viện văn học, phối hợp với Hội nhà văn tổ chức v.v.. Tất cả báo cáo, tham luận trong Đại hội, Hội thảo, Hội nghị nói trên đều xoay quanh việc đánh giá thành tựu và kinh nghiệm hay, dở trong mấy thập kỷ qua, cũng như định hướng cho những năm tháng giao thoa giữa hai thiên niên kỷ sắp đến; nếu làm được những kỷ yếu, thì sẽ là những tập hợp của văn bản lý luận phê bình sống động trong năm 1995.

Tất nhiên, nói đến lý luận phê bình trong năm qua, còn phải tập trung chú ý vào những cuộc thảo luận, tranh luận diễn biến đều đặn trên các báo chí trong Nam ngoài Bắc : *Văn nghệ, Tác phẩm mới, Văn học, Văn nghệ quân đội, Diễn đàn văn nghệ, Văn hóa, Nhân dân, Quân đội nhân dân, Người Hà nội, Sài gòn giải phóng, Tuổi trẻ, Tiền phong, Công an, Phụ nữ* (TP Hồ Chí Minh) v.v.. Tiếp theo cuộc thảo luận về thơ từ năm 1994 kéo dài sang nửa đầu năm 1995, là những cuộc tranh luận về huyền thoại, về vấn đề "nhận đường", về "công nghệ hóa văn chương", về sách giáo khoa môn văn bậc trung học v.v.. Dừng lại tương đối lâu và gây nhiều chú ý của bạn đọc là cuộc tranh luận về hai tác phẩm *Những tín hiệu mới* và *Con đường đi vào thế giới nghệ thuật của nhà văn*. Trong dòng thác của cuộc tranh luận đó, có khi kéo theo những vấn đề khác, như việc nhìn lại chuyện trao giải thưởng cho tiểu thuyết *Thân phận tình yêu v.v.*. Hoặc là những hiện tượng đột xuất nổi lên bên lề, nhưng không phải là không có ý nghĩa như việc phê phán từ những ý kiến sai trái về thơ văn Nguyễn Đình Chiểu, về văn học xô viết, đến một truyện ngắn của Nguyễn Quang Lập, hay một tập truyện của Phạm Thị Hoài v.v.. Đó là điểm lướt qua, chứ mỗi vấn đề kể trên tự nó cũng chứa đựng một nội dung phong phú. Chẳng hạn, việc tiếp tục thảo luận về thơ ở nửa đầu năm 1995, thật ra bao gồm những trao đổi về việc cách tân thơ ca của Nguyễn Đình Thi giữa Vương Trí Nhàn và Phạm

Digitized by Google

Quang Trung v.v.; về việc "đổi gác" trong thơ giữa Hoàng Hưng với Trần Mạnh Hảo ; và đặc biệt về tập thơ *Bóng chữ* của Lê Đạt giữa Đỗ Lai Thúy, Đặng Tiến, Văn Chinh với Đỗ Minh Tuấn, Trần Mạnh Hảo v.v.. Qua đây có thể thấy, những chủ thể tranh luận bây giờ không phải chỉ những nhà phê bình chuyên nghiệp, mà ngày càng có nhiều nhà phê bình trẻ, và đặc biệt nổi lên vai trò của các nhà văn, nhà thơ. Rõ ràng, không những sáng tác, mà phê bình văn học bây giờ cũng trở thành của mọi nhà ; càng chứng tỏ cái chân lý *văn là đời* ; phê bình văn chương, do đó, bao giờ cũng là câu chuyện của cộng đồng - cộng đồng văn chương và cộng đồng xã hội.

Như thế, chưa kể hàng chục cuốn sách đã xuất bản, cũng đã thấy tình hình lý luận phê bình 1995 khá sôi động, góp phần đánh dấu sự phát triển chung khá đồng bộ của văn học. Nguyên nhân sâu xa ở chỗ do tình hình ổn định và phát triển về mọi mặt của đất nước làm cho nhiều vấn đề tư tưởng, lý luận, ý thức hệ sáng lên dần. Nhiều khúc mắc, mơ hồ có thể và cần phải giải quyết. Nhiều lệch lạc lưu cữu cần được giải trừ trong một không khí bình đẳng, thẳng thắn, không nể nang, ngần ngại, tránh né. Nhiều bài viết từ trong hội thảo đến báo chí bên ngoài, đã có tác dụng khôi phục và khẳng định mạnh mẽ thành tựu của nền văn học cách mạng trong 30 năm chiến tranh, cũng như trong giai đoạn hòa bình, nhất là trong thời kỳ đổi mới sau này. Thành tựu không phải chỉ được nhìn nhận trên bình diện chính trị - xã hội, mà còn được làm sáng tỏ trên bình diện thẩm mỹ ; không những về mặt nội dung, mà còn cả về mặt thi pháp. Nhưng ở đây không hề có sự khẳng định một chiều, mà còn nêu ra những hạn chế. Về văn học 30 năm chiến tranh, không phải chỉ có những hạn chế lịch sử tất yếu, mà ít nhiều còn có những hạn chế đáng lẽ không nên có. Hay về hạn chế của văn học trong gần 10 năm qua, cũng có sự phân biệt đâu là những lệch lạc về tư tưởng, đâu là những nhận thức mơ hồ khó tránh khỏi trong một thời điểm lịch sử đầy biến động dữ dội. Nhìn vấn đề ở một góc độ khác, thì việc phê bình cũng đã bước đầu nâng lên tầm cao của học thuật. Nhiều vấn đề lý thú đã được đặt ra như thơ hướng nội và hướng ngoại, huyền thoại và phản huyền thoại, tư tưởng nghệ thuật và cảm hứng chủ đạo, sử thi và đời thường, độc thoại và đa âm, ý thức và vô thức, tình dục và thẩm mỹ v.v.. Tác dụng của lý luận phê bình ít nhiều trên tầm học thuật nói trên, đã góp phần làm lành mạnh bầu không khí văn học, và cũng đã đóng góp không nhỏ cho sự định hướng tư tưởng và tâm lý, cũng như sự ổn định và phát triển xã hội.

Tuy nhiên, đã nói đến học thuật, thì không bao giờ có chân lý cuối cùng. Việc trao đổi bàn bạc tiếp tục không những có thể, mà còn tất yếu và cần thiết. Hơn nữa, trên bình diện định hướng tư tưởng, không nên đơn giản hóa, mà phải thấy tính chất âm ỉ, dai dẳng của nó. Và chăng, tính chất mâu thuẫn, phức tạp trong tư tưởng, trong ý thức, chẳng qua cũng chỉ là sự khúc xạ tính chất phức tạp, mâu thuẫn trong thực tế. Từ trong những thắng lợi của công cuộc đổi mới, cũng đang tiềm ẩn những nguy cơ theo chiều hướng này hoặc chiều hướng khác, có tác động đến tư duy của nhà sáng tác cũng như nhà lý luận phê bình, để rồi được chồng chất lên những vấn đề học thuật khôn cùng nói trên, báo hiệu cho những cuộc trao đổi, thảo luận, tranh luận, đấu tranh sẽ tiếp tục, nhất là trong thời buổi ngày càng mở cửa, giao lưu sắp đến.

P.V : Vậy, nhân đây, xin Anh phác ra vài nét về chiều hướng lý luận phê bình văn học trong năm 1996 này.

P.L : Không ai có thể đưa ra bản thiết kế cho sản phẩm tinh thần của tương lai được. Nhưng việc đoán định và chuẩn bị cho cái sắp đến, bằng cách nêu lên những mầm mống, những dữ kiện, những tiền đề, những kinh nghiệm của nó và cho nó từ trong cái vừa qua là điều rất nên làm.

Trước hết, như một lẽ thường, có thể chỉ ra một trong những đối tượng sinh hoạt lý luận phê bình của năm 1996 này, chính là những sách được xuất bản năm 1995 : *Trên đường văn học* (Lê Đình Ky), *Thi sĩ đồng quê* (Hà Minh Đức), *Luận chiến văn chương* (Nguyễn Văn Lưu), *Văn chương với tác giả* (Nguyễn Ngọc Thiện), *Cánh diều và mặt đất* (Đinh

Digitized by Google

Quang Tôn), *Văn học hiện đại các dân tộc ít người* (Lâm Tiên), *Những thế giới nghệ thuật của thơ* và *Lý luận và phê bình văn học* (Trần Đình Sử), *Thơ, phản thơ* (Trần Mạnh Hảo), *Đoàn Phú Tứ, con người và tác phẩm* (Văn Tâm), *Văn học, sáng tạo và cảm thụ* (Nguyễn Kim Hoa), *Quan niệm nghệ thuật về con người trong văn xuôi Việt nam sau Cách mạng Tháng Tám* (Nguyễn Hải Hà và Nguyễn Thị Bình) v.v.. Chưa kể hết, nhất là sách ở phía Nam. Cũng chưa biết sẽ có những công trình nào tự đăng ký hoặc được giới thiệu để dự giải, nhưng chắc chắn trên báo chí công khai có thể và cần phải giới thiệu, đánh giá dần, và biết đâu có thể nổ ra những cuộc tranh luận chung quanh một số công trình nào đó.

Thứ hai, để cho những cuộc trao đổi, thảo luận, tranh luận tiếp tục trong năm này được công bằng, dân chủ hơn, giàu tính văn hóa và khoa học hơn, cũng cần sơ bộ rút kinh nghiệm từ những hạn chế, nhược điểm của năm 1995. Bất cứ sự tranh luận nào cũng phải bám sát vào những luận điểm, luận chứng, luận cứ cụ thể mà đối phương nêu ra, không nên moi móc chuyện quá khứ, thậm chí vẽ tranh biếm họa. Làm như thế chẳng khác nào tự chứng tỏ đuối lý trước đối phương. Tất nhiên, không ai có thể ngăn cấm việc khái quát con đường tư duy tiền hậu bất nhất của một nhà lý luận phê bình, nhưng đó là vấn đề khác, cần trình bày trong dịp khác. Còn trước mắt, trước một luận điểm phê phán, công luận chỉ cần biết điều đó đúng hay sai, chứ không hoặc chưa cần biết lắm quan niệm trước kia của chủ thể phát ngôn này là như thế nào. Cũng không thể đánh giá tính chất nghiêm chỉnh cần kíp, bức thiết của một cuộc trao đổi, tranh luận bằng tỷ lệ tham gia của bao nhiêu nhà lý luận, phê bình chuyên nghiệp. Bởi vì thế nào là "chuyên nghiệp". Có ai sống được bằng nghề phê bình đâu ? Bản thân tôi, chẳng qua cũng chỉ là một anh giáo. Tất nhiên nói "chuyên nghiệp" theo một nghĩa ước lệ tương đối nào đó, thì quả là có. Nhưng nên nhớ là luôn luôn có sự chuyển hóa giữa "chuyên" và "không chuyên" trong lĩnh vực đầy sáng tạo này."Chuyên" là từ "không chuyên" mà ra. Mỗi người hãy nhớ lại sự tự xuất hiện trên văn đàn, nếu quả đã từng có chút gì nổi trội, thì cũng không tránh khỏi gây sự lạ lẫm. Lĩnh vực của tài năng bao giờ cũng chứa đựng những sự xuất hiện ít nhiều không bình thường. Vậy thì xưa kia ai cấm duyên bà; cũng chớ nêu chuyện học hành một cách hời hợt. Tú Xương chẳng đã từng nói : "Ông nghè, ông cống vô mây khói. Còn với văn chương một tú tài". Vả chăng, đúng là muốn có học vị sơ đẳng thì cũng phải đèn sách hai mươi năm, nhưng một người biết tự học suốt đời, thì mỗi năm phải tính thêm được một lớp, bể học của họ, do đó, là khôn cùng đấy.

Còn sự chuyển hóa từ "chuyên" ra "không chuyên", cũng là bình thường. Nhiều nhà phê bình chuyển sang nghiên cứu, thậm chí sáng tác nữa, cũng là tốt thôi, miễn là đừng "cấm duyên" người khác, với tư cách gọi là chuyên nghiệp vang bóng một thời của mình. Trong trường văn trận bút, mọi thứ đều lập tức phơi bày ra ngay, chứ đâu phải được như loại "sư không dạy, sĩ không viết" suốt đời kia ! Tôi không làm trạng sư cho tất cả, tôi chỉ bênh vực mọi ý kiến, mọi bài phê bình có đóng góp cho dòng chảy của văn học, bất kể chủ thể phát ngôn đó là ai, chuyên hay không chuyên, học hay không học.

Nhưng nói như thế, thì cũng có nghĩa là tôi phản đối những lối phê bình không nghiêm chỉnh, không trung thực, bất kể nó xuất phát từ đâu, kể cả từ cái gọi là "phái này hay phái kia". Và cũng không thể nào lấy chỗ trung thực và nghiêm chỉnh này thanh minh cho chỗ không nghiêm chỉnh và không trung thực kia. Việc nào ra việc ấy, thì bài nào cũng ra bài nấy. Hành văn cũng như tu thân, là mọi nơi, mọi lúc. Nếu quả rằng anh tin anh là đúng, người khác là sai, thì tại sao không tái hiện chính xác mọi nhẽ, để vừa phơi bày được rõ ràng cái sai của người khác, vừa bảo vệ được nhân cách của mình ! Làm khác đi chỉ chứng minh ngược lại rằng, có khi người khác đúng, còn mình thì tự che giấu cái sai theo thói la làng, lại bằng loa điện tăng âm ! Thật là đáng trách những lối trích dẫn không chính xác, cắt xén, phiến diện, suy diễn, thậm chí xuyên tạc cả cốt truyện để dễ bề quy kết. Tôi nghĩ rằng, viết phê bình, trước hết phải hình dung đối phương ngay trước mặt mình, thậm chí phải

Digitized by Google

tự nguyện làm "đại diện" cho họ ngay trong tư duy của mình ; hay nói một cách khác là phải tự tranh cãi, biện luận chặt chẽ trước đã. Viết để rồi người ta dễ dàng phản bác lại, thì viết làm gì ? Dù có tìm cách ngăn chặn, đánh bài lờ, thì rồi dứt khoát cũng sẽ bị phản bác ở nơi khác, lúc khác. Xin lưu ý rằng trong tranh luận, mỗi một sơ hở chính là đã cung cấp thêm vũ khí cho đối phương, và như thế, tưởng đâu cứ quy kết cho nhanh, hóa ra chậm. Phải viết như thế nào, cho chịu không cãi lại được, tất nhiên điều này không dễ, nhưng phải phấn đấu như thế, có vẻ chậm lại hóa ra nhanh. Vả chăng, bất cứ một sự phê phán nào, thật sự vì sự nghiệp chung, thì bao giờ cũng nhằm một mục tiêu cao cả là thuyết phục, để đoàn kết, tập hợp lực lượng rộng rãi hơn, tất nhiên là trên cơ sở những nguyên tắc. Cởi lòng ghi nhận những ưu điểm, nếu đó là đích thực ; khuyết điểm lệch lạc đến đâu nói đến đó với những chứng lý đầy đủ, làm sao cho đối phương cảm nhận đây là những lời nói thẳng thắn, nhưng công bằng, dù chưa chịu chấp nhận, cũng không thể phản cảm. Người đúng đắn nhất, không nên tự chứng minh thêm bằng cách khoét sâu sai lầm của người khác, mà phải chân tình giúp đỡ để họ trở nên đúng, hoặc ít sai hơn.

Chủ thể tranh luận không thể tự đứng riêng lẻ, mà phải dựa vào cơ quan ngôn luận. Vậy thì cần có sự phối hợp cao giữa các cơ quan báo chí, xuất bản, trên cơ sở tôn trọng thiên chức của nhau. Giải trừ tình trạng trống đánh xuôi kèn thổi ngược là cần, rất cần, nhưng chưa đủ. Phải chăng cũng không nên cho là bình thường chuyện thái quá hoặc bất cập. Có kẻ hờ hững đứng ngoài cuộc, có nơi quyết liệt, nhưng nên chú ý thêm sự cân đối hài hòa giữa tính chiến đấu với tính thuyết phục cao v.v..

Cuối cùng, trong lúc cùng với toàn Đảng, toàn dân đang chuẩn bị chào đón những Nghị quyết của Đại hội VIII sẽ mở ra một vận hội mới cho đất nước, giới lý luận phê bình cũng nên thử ngẫm lại câu thơ "Suy nghĩ trong những điều Đảng nghĩ" đã bị chế giễu một thời. Theo tôi, tâm niệm này không sai, chỉ chưa đủ mà thôi. Nhà lý luận phê bình có thể nói "khác", chứ không thể nói ngược những chân lý của Đảng và dân tộc. Tất nhiên, nói "khác" là thế nào ? Lê-nin đã từng nói đại ý rằng, bất kỳ cái chung nào cũng rộng hơn cái riêng, nhưng bất kỳ cái riêng nào cũng "rộng" hơn cái chung. Do đó, một chân lý ở cấp độ vĩ mô, khi xuyên thấm xuống đến những cấp độ vi mô cũng tỏ ra vừa "thừa" vừa "thiếu". Quán triệt cái tinh thần then chốt trong Nghị quyết của Đảng, nhà lý luận phê bình không cần thiết viết bài lặp lại đầy đủ Nghị quyết, mà phải ra sức động não, suy nghĩ bổ sung thêm những điều sát hợp với dòng chảy lành mạnh và ngoạn mục của văn học. Hơn nữa, trong bất kỳ cái riêng nào cũng chứa đựng cái chung. Nhà lý luận phê bình từ trong lĩnh vực của mình chắt lọc ra được điều mới mẻ có ý nghĩa chung, đóng góp trở lại, thì còn gì quý bằng, bởi vì chân lý của Đảng không bao giờ tự phong bế. Làm được bấy nhiêu điều "khác" đó đâu có dễ. Nhưng không thể nào chấp nhận lối nói ngược, làm ngược, nhất là những hội viên đã tự nguyện theo một tôn chỉ xác định. Nhưng có hai lối làm ngược. Một là làm ngược theo nói ngược, đã đành là không tốt. Nhưng một loại khác không kém phần nguy hiểm, là "nói vậy, chứ không phải vậy", luôn nói đến Đảng, Bác, nhưng làm thì chỉ cho mình, buông lỏng, mặc kệ, thậm chí dung túng mọi sự xâm hại về tư tưởng và tổ chức. Tôi nghĩ rằng, mặc dù chỉ là một lĩnh vực vi mô, nhưng công tác lý luận phê bình văn học trong vận hội mới của đất nước phải ra sức quán triệt đường lối của Đảng nói chung, Nghị quyết Đại hội VIII nói riêng một cách vừa *thành tâm, chí cốt,* thậm chí *biết hy sinh,* vừa *chủ động,* đầy tính *sáng tạo, làm phong phú thêm,* chứ *không đồ giải minh họa.*

P.V : Xin cảm ơn rất chân thành về buổi trao đổi phong phú và tâm huyết của Anh.

P.L : Nhưng chưa hết..., xin chúc *Tạp chí Cộng sản* tiếp tục sẽ là một chỗ dựa vững chắc cho công tác lý luận phê bình văn học chí cốt và sáng tạo của chúng ta ❑

Digitized by Google

TIẾN HÀNH MỘT BƯỚC CÔNG NGHIỆP HÓA NÔNG NGHIỆP VÀ NÔNG THÔN Ở TỈNH YÊN BÁI

VŨ NGỌC KỲ *

TẤT cả các nước có nền công nghiệp phát triển đều đã phải trải qua quá trình công nghiệp hóa. Nhưng mỗi nước đều tiến hành quá trình đó ở thời điểm, quy mô, bước đi và tốc độ khác nhau bởi lẽ nó chịu ảnh hưởng của các điều kiện kinh tế - xã hội và lịch sử cụ thể. Trong điều kiện nước ta, thực hiện công nghiệp hóa trước hết là công nghiệp hóa nông nghiệp và nông thôn, như đồng chí Tổng bí thư Đỏ Mười đã nói : "Yêu cầu đại hội đảng các cấp, các ngành ở các địa phương phải thảo luận sâu sắc và cụ thể vấn đề công nghiệp hóa nông nghiệp và nông thôn". (1)

Yên bái là tỉnh miền núi, nhiều dân tộc, nền kinh tế chủ yếu là nông - lâm nghiệp, đi lên từ điểm xuất phát thấp, cơ sở hạ tầng cũ nát, lạc hậu. Vì vậy, chúng tôi cho rằng công nghiệp hóa, hiện đại hóa ở Yên bái chính là quá trình chuyển dịch cơ cấu từ nền kinh tế thuần nông, độc canh, tự cấp tự túc lên sản xuất hàng hóa, mà ở đó tỷ trọng của ngành công nghiệp ngày càng tăng, tỷ trọng của nông - lâm nghiệp ngày càng giảm, trong điều kiện giá trị tuyệt đối của các ngành không giảm. Cùng với công nghiệp và nông - lâm nghiệp, kinh tế thương mại - dịch vụ cũng phải phát triển tương ứng, tạo nên một cơ cấu kinh tế tối ưu mang lại hiệu quả kinh tế - xã hội cao. Nghĩa là bên cạnh hiệu quả kinh tế, công nghiệp hóa, hiện đại hóa phải giải quyết tốt các vấn đề xã hội : phát huy bản sắc văn hóa, truyền thống của địa phương. Nói cách khác, công nghiệp hóa, hiện đại hóa được xem như là một quá trình kinh tế - xã hội như Hội nghị đại biểu toàn quốc giữa nhiệm kỳ của Đảng đã khẳng định : "Đó không chỉ đơn giản là tăng thêm tốc độ và tỷ trọng của sản xuất công nghiệp trong nền kinh tế, mà là quá trình chuyển dịch cơ cấu gắn với đổi mới căn bản về công nghệ, tạo nền tảng cho sự tăng trưởng nhanh, hiệu quả cao và lâu bền của toàn bộ nền kinh tế quốc dân" (1).

Thực tiễn của Yên bái những năm qua cho thấy, vấn đề công nghiệp hóa không thể tách rời hiện đại hóa, nhất là công nghiệp chế biến nông - lâm sản đang lạc hậu so với nhiều nơi trong nước. Mặt khác, trong xu hướng quốc tế hóa, khu vực hóa, nước ta đã, đang và sẽ hội nhập vào các lĩnh vực kinh tế, khoa học, kỹ thuật của quốc tế. Điều đó cho phép tỉnh vừa vận dụng để hiện đại hóa công nghệ truyền thống, vừa tạo ra sự tăng trưởng cao về kinh tế và giải quyết hài hòa các vấn đề xã hội của địa phương.

*
* *

Công nghiệp Yên bái trải qua hơn 30 năm phát triển đã tạo ra được một cơ sở vật chất đáng kể, với nhiều ngành nghề đa dạng, đã hình thành được một hệ thống doanh nghiệp (cả quốc doanh và ngoài quốc doanh). Tính đến nay, toàn tỉnh có 14 doanh nghiệp công nghiệp nhà nước, 26 doanh nghiệp tư nhân và công ty trách nhiệm hữu hạn, 7 300 hộ cá thể, tiểu chủ sản xuất tiểu thủ công nghiệp. Giá trị tài sản cố định tăng gấp 5,1 lần, vốn lưu động tăng 3,7 lần, tỷ suất lợi nhuận tăng từ 1,36% lên 5,7%.

Cơ chế vận hành sản xuất, kinh doanh của các loại hình doanh nghiệp công nghiệp đã có sự đổi mới căn bản từ cơ chế kế hoạch hóa tập trung, khép kín sang hoạt động trong

---

* Bí thư Tỉnh ủy Yên bái

(1) Báo *Nhân dân*, ngày 11-1-1996

(1) Đảng cộng sản Việt nam : *Văn kiện Hội nghị đại biểu toàn quốc giữa nhiệm kỳ*, (khóa VII) 1994, tr 27

Digitized by Google

môi trường kinh doanh theo cơ chế mở, cạnh tranh thị trường. Sản phẩm của công nghiệp Yên bái đã bắt đầu vươn ra, và có mặt ngày càng nhiều trên thị trường quốc tế. Nếu những năm 1990 trở về trước chỉ có một số ít sản phẩm, như chè đen, quế vỏ xuất sang thị trường Đông Âu và Liên xô, thì nay chè đen, chè xanh, thảm hạt, đũa, gỗ ván trang trí nội thất, quế, tinh dầu quế, sứ cách điện, đá quý v.v. đã có mặt ở Thái lan, Hàn quốc, Nhật bản, Đài loan, Hồng công, I-rắc, Ba lan, Nga, Mỹ, Trung quốc, Ô-xtơ-rê-li-a và thị trường EU... Sự phát triển của công nghiệp Yên bái những năm qua chứng tỏ sức sống và khả năng thích ứng với cơ chế thị trường. Tỉnh đã hình thành những ngành mũi nhọn của địa phương, tạo ra sản phẩm chủ lực, trong đó tập trung chủ yếu là công nghiệp chế biến. 5 năm qua (1991 - 1995) ngành công nghiệp chế biến chè sản lượng tăng gấp 1,5 lần, chế biến gỗ tăng 2 lần, sứ cách điện tăng gấp 2 lần, xi măng tăng 4 lần, vật liệu xây dựng tăng 5 lần...

Cơ cấu thành phần kinh tế và các hình thức tổ chức sản xuất trong công nghiệp cũng phát triển đa dạng hơn. Các doanh nghiệp nhà nước trong công nghiệp đã được tổ chức, sắp xếp lại cho phù hợp cơ chế mới, bước đầu thực hiện việc hợp tác liên kết để hướng dẫn các thành phần kinh tế khác cùng phát triển, vai trò chủ đạo ngày càng rõ hơn. Kinh tế hợp tác trong công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp sau một thời gian chao đảo, nay đã phục hồi dưới nhiều hình thức đa dạng như hợp tác xã cổ phần, hợp tác theo nhóm sản phẩm, hợp tác theo nghề nghiệp, tổ hợp tác... phát triển rộng khắp ở thị xã và nông thôn. Các hộ cá thể, tiểu chủ, tư nhân tham gia sản xuất công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp tăng nhiều. Năm 1994 tỷ trọng công nghiệp quốc doanh chiếm 58,95%, ngoài quốc doanh chiếm 41,05%. Một số ngành sản xuất công nghiệp của tỉnh đã có hình thức liên doanh kinh tế với nước ngoài.

Năng lực sản xuất và hiệu quả kinh doanh của công nghiệp Yên bái đã tăng đáng kể. Chỉ tính riêng năng lực sản xuất của các doanh nghiệp công nghiệp nhà nước do địa phương quản lý tăng thêm 107% so với năm 1990. Do đó hiệu quả kinh doanh cũng tăng mạnh, tình trạng "lãi giả lỗ thật", "ăn mất vốn" cơ bản đã chấm dứt. Vốn và tài sản giao cho các doanh nghiệp sử dụng không những được bảo toàn, mà còn sinh lời. 100% các doanh nghiệp công nghiệp nhà nước ở địa phương đều có lãi. Lợi nhuận năm 1995 tăng 32% so với năm 1992 ; 1 đồng vốn kinh doanh tạo ra 3,9 đồng doanh thu và 0,086 đồng lợi nhuận. Nghĩa vụ nộp ngân sách hằng năm đều hoàn thành, và vượt kế hoạch. Năm 1994 toàn ngành nộp ngân sách vượt 4,1 lần so với năm 1992.

Năm năm qua tỉnh đã đầu tư gần 90 tỉ đồng cho việc đổi mới thiết bị công nghệ của các doanh nghiệp công nghiệp. Đến nay một số doanh nghiệp đã đạt trình độ công nghệ trung bình và trên mức trung bình so với các xí nghiệp trong nước. Ví dụ như công nghệ nung sứ tự động (hiện đại nhất hiện nay) ; công nghệ sản xuất xi măng lò đứng tự động, công nghệ chế biến gỗ... Có thể nói công nghiệp Yên bái đã và đang tiếp cận dần với tiến bộ khoa học công nghệ của

Lúa trên cánh đồng Văn chấn (Yên bái) Ảnh : Đinh Quang Thành

Digitized by Google

nước ta và thế giới trên những hướng chủ yếu. Đầu tư chiều sâu đổi mới thiết bị công nghệ đang tiếp tục được thực hiện. Tỉnh coi đây là hướng chủ yếu để nâng cao giá trị và sức cạnh tranh của sản phẩm trên thị trường.

Mặc dù đạt được một số thành tựu nói trên, nhưng so với yêu cầu đổi mới và chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa, công nghiệp Yên bái còn một số tồn tại và khó khăn phải được tập trung tháo gỡ, chủ yếu là :

- Hiệu quả trong sản xuất kinh doanh đạt thấp, nhất là ngoài quốc doanh vẫn trong tình trạng nhỏ bé, tự cấp tự túc. Nguồn tài nguyên còn sử dụng lãng phí. Ví dụ : khối lượng gỗ khai thác mới chỉ sử dụng 60 - 65%, chế biến chè mới ở dạng sơ chế chè khô đóng thùng lớn, sản phẩm tinh chế ít, chất lượng và giá trị thấp ; khoáng sản khai thác như đá quý, cao lanh, thạch anh, pen pát mới chỉ dừng lại ở chế biến thô. Do đó các sản phẩm công nghiệp của Yên bái chưa đủ khả năng cạnh tranh trên thị trường, nhất là thị trường nước ngoài, nên thường phải bán với giá thấp.

- Cơ sở vật chất - kỹ thuật của ngành công nghiệp Yên bái được xây dựng trong mấy chục năm qua so với tiềm năng, thế mạnh và yêu cầu của sự nghiệp công nghiệp hóa còn chưa tương xứng. Điều đó cho thấy Yên bái đang đứng trước nguy cơ tụt hậu xa hơn về kinh tế so với các tỉnh trong cả nước.

- Tình trạng phân tán, quy mô nhỏ, và do nhiều ngành quản lý, tâm lý khép kín trong ngành còn khá nặng nề. Vì vậy, khi cần tập trung các nguồn lực để tạo sức mạnh cạnh tranh trên thị trường, hoặc để thực hiện những dự án lớn của tỉnh thường gặp khó khăn ; trình độ khoa học và công nghệ còn thấp, do đó sự tác động của công nghiệp tới nông, lâm nghiệp và các lĩnh vực kinh tế khác còn nhiều hạn chế.

- Sự chuyển dịch cơ cấu ngành công nghiệp của Yên bái nhìn chung vẫn còn chậm. Mặc dù mấy năm qua tỉnh đã có nhiều chủ trương, chính sách và giải pháp nhằm thúc đẩy nhanh chuyển dịch cơ cấu kinh tế, nhưng công tác chỉ đạo và điều hành chưa đồng bộ. Khó khăn lớn nhất của tỉnh là thiếu vốn, thiếu một đội ngũ cán bộ quản lý và đội ngũ các nhà doanh nghiệp giỏi.

Nguyên nhân bao trùm của những tồn tại khó khăn trên (ngoài những khó khăn đặc thù của một tỉnh miền núi) là do trong một thời gian dài tỉnh chưa có một quy hoạch chiến lược phát triển công nghiệp phù hợp, cơ chế chính sách chưa đồng bộ, nhất là các chính sách thỏa đáng nhằm khuyến khích người sản xuất nguyên liệu. Do đó thiếu cơ sở vững chắc cho công nghiệp chế biến. Đồng thời thị trường còn hạn hẹp, sức mua của đồng bào trong tỉnh thấp.

Kết quả nghiên cứu, khảo sát vừa qua cho thấy, nền công nghiệp của Yên bái phải được phát triển mạnh hơn nữa dựa trên những điều kiện lịch sử cụ thể của tỉnh. Theo quy hoạch chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh đến năm 2000 và 2010, công nghiệp Yên bái trong thời gian tới phát triển theo các mục tiêu và phương hướng chủ yếu sau :

- Đẩy mạnh đầu tư chiều sâu những cơ sở công nghiệp đã có để tăng hiệu quả kinh tế, đồng thời đầu tư xây dựng mới một số cơ sở công nghiệp theo quy hoạch phát triển tổng thể ngành công nghiệp của tỉnh 1996 - 2000. Tăng tỷ trọng GDP của công nghiệp từ 15,6% hiện nay lên 26%, phấn đấu đạt tốc độ tăng trưởng bình quân (1996 - 2000) trên 20%/năm, góp phần đưa Yên bái vượt ra khỏi tỉnh nghèo.

- Tập trung đầu tư phát triển một số ngành công nghiệp mũi nhọn mà tỉnh có thế mạnh ; trọng tâm là công nghiệp chế biến nông sản (chè, cà phê, hoa quả), chế biến lâm sản (gỗ, quế, giấy bao bì, bột giấy), chế biến khoáng sản (cao lanh, thạch anh, pen pát, đá quý), công nghiệp vật liệu (sứ cách điện, xi măng, gạch...). Ngoài ra, phát triển công nghiệp cơ khí, may mặc, sửa chữa điện tử... tạo nhiều việc làm cho lao động cả ở thành thị và nông thôn.

- Đẩy nhanh quá trình hình thành các khu công nghiệp tập trung ở một số vùng và tiểu vùng, coi đây là những "trục động lực" tăng trưởng cho từng vùng và cả tỉnh. Trong những năm tới tập trung đầu tư xây

Digitized by Google

dựng các cơ sở công nghiệp ở thị xã Yên bái và khu vực phía nam nhằm làm cho công nghiệp khu vực này phát triển nhanh hơn. Đồng thời xây dựng tại thị xã Nghĩa lộ và mỗi huyện các trung tâm, các cụm công nghiệp, từ đó lan tỏa và lôi kéo các tiểu vùng khác phát triển, trở thành vệ tinh cho công nghiệp trung tâm.

- Xây dựng và hình thành những làng nghề, phố nghề vừa là đầu mối phát triển tiểu thủ công nghiệp, vừa là cầu nối giữa công nghiệp và nông lâm nghiệp ngay trên từng địa bàn, nhất là ở nông thôn, vùng sâu, vùng xa.

Để thực hiện được mục tiêu, phương hướng trên đây, theo tôi, công nghiệp Yên bái cần phải chú trọng các giải pháp sau :

1 - *Huy động mọi nguồn vốn cho phát triển công nghiệp.*

Đa dạng hóa các nguồn vốn theo hướng mở rộng liên doanh, liên kết giữa các doanh nghiệp, giữa nhà nước và các thành phần kinh tế trong và ngoài nước, thông qua hình thức tư bản nhà nước. Áp dụng các hình thức bán cổ phiếu, trái phiếu và chứng chỉ huy động vốn của các doanh nghiệp cho các tổ chức và cá nhân trong và ngoài doanh nghiệp, làm cho người lao động thực sự tham dự vào vốn của các doanh nghiệp để phân phối lợi nhuận. Xây dựng các dự án khả thi để gọi vốn đầu tư của nước ngoài và trong nước vào đầu tư phát triển công nghiệp.

2 - *Mở rộng và phát triển thị trường cho công nghiệp.*

Việc phát triển và mở rộng thị trường tiêu thụ sản phẩm là công việc hàng đầu của mỗi doanh nghiệp. Tuy nhiên, trong khi hoạch định chính sách phát triển công nghiệp, các cơ quan nhà nước không thể không đề cập đến chính sách thị trường cho nó, nhất là các cơ chế chính sách và biện pháp xâm nhập, duy trì và mở rộng thị trường. Để làm tốt việc này, cần không ngừng cải tiến mẫu mã, bao bì, nâng cao chất lượng, tăng khả năng cạnh tranh của sản phẩm trên thị trường. Tăng sức mua của nông dân nhất là những sản phẩm hàng hóa tiêu dùng. Nhiều sản phẩm hàng hóa của công nghiệp Yên bái mà thị trường trong nước đang có nhu cầu, cần có cơ chế và chính sách nhằm khai thác lợi thế này của công nghiệp địa phương. Đề nghị Nhà nước có chính sách bảo hộ những sản phẩm mà công nghiệp trong nước (cả trung ương và địa phương) đang sản xuất và đủ sức vươn lên sản xuất đáp ứng nhu cầu trong nước và tham gia xuất khẩu.

3 - *Đẩy mạnh việc ứng dụng tiến bộ khoa học - kỹ thuật và công nghệ vào sản xuất.*

Trong thời gian tới Yên bái sẽ tập trung ưu tiên khuyến khích và giúp đỡ các doanh nghiệp, các nhà đầu tư lựa chọn phương án đổi mới kỹ thuật, công nghệ hiện có và đầu tư lắp đặt công nghệ, thiết bị mới, nhằm nâng cao hiệu quả của vốn đầu tư ; xây dựng cơ chế, chính sách nhằm du nhập công nghệ nước ngoài vào công nghiệp hóa, hiện đại hóa công nghiệp của tỉnh. Khuyến khích các cán bộ khoa học kỹ thuật nghiên cứu, cải tiến, hợp lý hóa sản xuất, nâng cao hiệu quả sử dụng thiết bị, công nghệ và chất lượng sản phẩm.

4 - *Tăng cường xây dựng và hoàn thiện kết cấu hạ tầng.*

Kết cấu hạ tầng không phải là chỉ phục vụ riêng cho công nghiệp nhưng có tác động mạnh trước hết cho sự phát triển công nghiệp, nhất là đường giao thông, điện, thông tin liên lạc và các dịch vụ như kho tàng, bến bãi, nước cho sản xuất và sinh hoạt. Vì vậy, Yên bái chủ trương tập trung nguồn vốn sửa chữa, nâng cấp các tuyến đường giao thông hiện có ; nhựa hóa và bê tông hóa 70% đường của hai thị xã, mở mới một số tuyến đường khu công nghiệp phía nam của tỉnh và đường vào các vùng nguyên liệu tập trung. Phát triển lưới điện quốc gia đến các huyện và các trung tâm kinh tế của tỉnh, phấn đấu các xã đều có điện lưới quốc gia ; tiếp tục hiện đại hóa hệ thống thông tin liên lạc...

5 - *Đẩy mạnh công tác đào tạo* đội ngũ cán bộ quản lý, các nhà doanh nghiệp, đội ngũ công nhân và lao động lành nghề cho cả trước mắt và lâu dài, nhằm thích ứng với cơ chế mới và có khả năng nắm bắt khoa học công nghệ mới ❑

Digitized by Google

Đội ngũ cán bộ cơ sở các tỉnh, thành phố phía nam sau 10 năm đổi mới

NGUYỄN VĂN TUẤT *

Kể từ Đại hội VI của Đảng đến nay, đội ngũ cán bộ cơ sở (xã, phường, thị trấn) thuộc các tỉnh, thành phố phía Nam đã có những chuyển biến quan trọng. Kết quả khảo sát ở 146 xã, phường, thị trấn của 59 huyện, quận thuộc 19 tỉnh, thành phố phía Nam cho thấy:

- Đội ngũ cán bộ cơ sở đã và đang được trẻ hóa dần. Trong số 1 069 cán bộ được khảo sát có 10,1% dưới 30 tuổi, 75,3% ở độ tuổi từ 31 đến 50, chỉ còn 8,69% ở độ tuổi từ 51 đến 60 và 3,65% trên 60 tuổi. Đây là một chuyển biến tích cực, vừa bảo đảm tính kế thừa và phát triển, vừa tạo tiền đề nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ cơ sở, đáp ứng một bước yêu cầu của nhiệm vụ đổi mới hiện nay.

- Trình độ các mặt của đội ngũ cán bộ cơ sở đang được nâng dần lên : về trình độ văn hóa có 42,1% cấp III, 3,87% cao đẳng và đại học. Về lý luận chính trị có 32,5% sơ cấp, 52,7% trung cấp, 6,36% cao cấp. Tuy nhiên, trình độ của cán bộ giữa các vùng phát triển không đều. Điều đáng chú ý là trong những năm gần đây, đứng trước yêu cầu, nhiệm vụ đổi mới toàn diện đất nước, không khí học tập văn hóa, chuyên môn nghiệp vụ, chính trị trong đội ngũ cán bộ cơ sở có chiều hướng tăng lên. Có 20,9% cán bộ cơ sở tham gia học tập về kinh tế, 7,5% học chuyên môn kỹ thuật, 44% học tập lý luận chính trị bằng các hình thức tập trung, tại chức và học từ xa.

- Đội ngũ cán bộ cơ sở được hình thành từ nhiều nguồn khác nhau : 57% trưởng thành từ phong trào tại địa phương, 15,9% được tăng cường từ huyện, quận xuống, 16,5% từ quân đội về (bao gồm chuyển ngành, phục viên, hoàn thành nghĩa vụ quân sự) ; 7,2% là cán bộ hưu trí. Đội ngũ cán bộ như vậy có thể bổ sung cho nhau mặt mạnh, khắc phục mặt yếu, hình thành một tập thể cán bộ lãnh đạo hài hòa cả về phẩm chất và năng lực để hoàn thành nhiệm vụ lãnh đạo ở cơ sở.

- Nhìn chung đa số cán bộ cơ sở thể hiện được phẩm chất chính trị vững vàng, có lập trường kiên định. Đứng trước những biến động phức tạp của tình hình thế giới cũng như những khó khăn về kinh tế - xã hội của đất nước, họ vẫn một lòng tin vào đường lối chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước, vào con đường đi lên chủ nghĩa xã hội. Có được ưu điểm trên là nhờ số đông cán bộ đã được tôi luyện, thử thách trong cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước giành độc lập dân tộc, thống nhất Tổ quốc và qua 20 năm thực hiện công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội trên phạm vi cả nước. Số cán bộ trẻ phần lớn là con em gia đình cán bộ cách mạng được đào tạo, bồi dưỡng tương đối căn bản cả về văn hóa, chính trị, chuyên môn, nghiệp vụ.

- Đội ngũ cán bộ cơ sở có bề dày kinh nghiệm thực tiễn khá phong phú ; am hiểu tình hình chính trị, kinh tế, xã hội của địa phương ; mạnh dạn đổi mới tư duy nhất là tư duy kinh tế ; nhạy bén với cơ chế thị trường. Từ sau Đại hội VI của Đảng, nhất là từ năm 1989 lại đây, năng lực sản xuất của toàn xã hội được khơi dậy mạnh mẽ, sản xuất kinh doanh của các thành phần kinh tế phát triển tạo ra một luồng sinh khí mới. Trong điều kiện đó, đội ngũ cán bộ cơ sở đã phát huy vai trò tiền phong gương mẫu của mình, tích cực lao động, mạnh dạn bỏ vốn đầu tư vào sản xuất, kinh doanh. Ở nông thôn, mỗi gia đình cán bộ ít nhất cũng có từ 5 đến 6 công đất (0,5 - 0,6 ha), bình quân có khoảng 1 ha, cá biệt có gia đình kinh doanh từ 20 đến 50 hoặc 150 ha. Nhờ vậy đời sống của cán bộ cơ sở được cải thiện một bước. Kết quả điều tra đã cho những số liệu đáng mừng : 7,48% có đời sống kinh tế khá, 77,4% có mức sống trung bình, chỉ còn 13,4% thuộc diện khó khăn ; 73% gia đình có ti vi, 81,2% có ra đi ô cát-sét,

* Học viện chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, Phân viện TP Hồ Chí Minh

Digitized by Google

10% có đầu máy video, 44,1% có xe gắn máy. Uy tín của cán bộ cơ sở cũng được nâng lên.

Tuy nhiên, bên cạnh những mặt mạnh và tiến bộ đã đạt được, đội ngũ cán bộ cơ sở của các tỉnh, thành phía Nam còn bộc lộ một số hạn chế :

- Cơ cấu đội ngũ cán bộ cơ sở còn có chỗ chưa hợp lý. Điều đó thể hiện tỷ lệ cán bộ giữa các độ tuổi chưa hài hòa. Cán bộ nữ chiếm tỷ lệ thấp (12, 8%). Các vị trí chủ chốt như bí thư, chủ tịch UBND, chủ tịch Mặt trận cán bộ nữ rất ít. Khảo sát ở 146 xã, phường, thị trấn chỉ có 13 bí thư (8,8%), 6 chủ tịch (4%) là nữ. Tại các tỉnh, thành phố phía Nam, người Khơ me có gần 2 triệu, người Hoa gần 1 triệu, người Chăm gần 30 vạn. Ngoài ra còn có các dân tộc khác như : Cơ ho, Stiêng, Châu ro, Châu mạ, Tày, Nùng v.v.. Nhưng tỷ lệ cán bộ cơ sở là người các dân tộc thiểu số chỉ chiếm 1,69% và đang có nguy cơ tiếp tục giảm.

- Trình độ các mặt của đội ngũ cán bộ cơ sở chưa vươn kịp với yêu cầu nhiệm vụ cách mạng trong giai đoạn mới. Trình độ văn hóa còn thấp : 7,02% cấp I, 40,1% cấp II. Trong số trình độ văn hóa cấp I còn có 10,3% là bí thư, 4,43% là chủ tịch UBND xã, phường. Chỉ có 153 trong số 1 069 cán bộ được khảo sát đã học qua các lớp bồi dưỡng về chuyên môn nghiệp vụ (chiếm 14%). Điều đáng quan tâm nữa là trình độ về quản lý kinh tế và quản lý nhà nước của đội ngũ cán bộ cơ sở còn rất yếu ; mới có 19,3% được bồi dưỡng về kiến thức quản lý kinh tế, 26,6% được bồi dưỡng về kiến thức quản lý nhà nước (chủ yếu là các lớp ngắn hạn, dưới 3 tháng). Có thể nói đây là một trong những nguyên nhân dẫn đến các vi phạm về nguyên tắc quản lý kinh tế và pháp luật của Nhà nước ở một bộ phận cán bộ lãnh đạo cơ sở trong thời gian qua.

- Năng lực tư duy, trước hết là năng lực tư duy lý luận của đội ngũ cán bộ cơ sở còn nhiều mặt hạn chế. Chủ nghĩa kinh nghiệm còn khá đậm nét. Vì thế họ chỉ chú trọng giải quyết các công việc cụ thể hằng ngày. Việc quán triệt, tiếp thu đường lối, chủ trương, chính sách, chỉ thị, nghị quyết của cấp trên còn thụ động.

- Phương thức lãnh đạo của cán bộ cơ sở còn lúng túng, việc phân định chức năng của Đảng và Nhà nước không rõ. Năng lực tổ chức, thuyết phục, vận động quần chúng của cán bộ cơ sở chưa phát triển kịp so với tiến trình phát triển kinh tế - xã hội và trình độ của nhân dân. Nội dung hoạt động của các đoàn thể quần chúng còn nghèo nàn. Bệnh hành chính quan liêu có xu hướng phát triển.

- Phong cách làm việc của cán bộ cơ sở thiếu khoa học. Tình trạng họp hành nhiều chiếm mất khá lớn thời gian làm việc của cán bộ ở cở sở. Kết quả khảo sát cho thấy có 31,6% cán bộ hằng tháng đi họp từ 11 đến 15 ngày; 47,1% đi họp từ 5 đến 10 ngày.

*
* *

Để đội ngũ cán bộ cơ sở các tỉnh, thành phía Nam có thể đáp ứng được những đòi hỏi ngày càng cao của công cuộc đổi mới cần có những giải pháp thiết thực mang tính khả thi.

Thứ nhất, công tác cán bộ phải được quán triệt trong các cấp ủy đảng, các cấp chính quyền và đoàn thể quần chúng. Phải có một *quy hoạch* cán bộ cụ thể trước mắt và lâu dài, từ đó có *kế hoạch* bồi dưỡng và đào tạo đội ngũ cán bộ cơ sở một cách thường xuyên, toàn diện, để cho quy hoạch được thực hiện và đạt hiệu quả cao.

Thứ hai, nhanh chóng có quy chế về chức danh, tiêu chuẩn cho cán bộ cơ sở, để từ đó từng bước thực hiện cơ chế tuyển chọn, sàng lọc một cách vừa khoa học, khách quan, vừa dân chủ ; phát hiện, bồi dưỡng kịp thời những tài năng ; bố trí đúng người, đúng việc, khắc phục tình trạng cục bộ, bản vị, phe cánh, cảm tính và cảm tình cá nhân, ...

Thứ ba, nâng cao hơn nữa chất lượng công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ cơ sở. Muốn thế cần có sự đổi mới toàn diện về các mặt : nội dung chương trình đào tạo, phương thức đào tạo và kinh phí dành cho đào tạo...

Thứ tư, sớm nghiên cứu bổ sung và sửa đổi những chính sách đã quá cũ đối với cán bộ cơ sở ; ban hành kịp thời những chính sách mới phù hợp với điều kiện và hoàn cảnh thực tế hiện nay nhằm động viên đội ngũ cán bộ cơ sở yên tâm và phấn khởi công tác ❑

Digitized by Google

Đổi mới và chỉnh đốn đảng ở cảng vụ Quảng ninh

NGUYỄN VĂN HẬU *

Cảng vụ Quảng ninh trước kia trực thuộc cảng Quảng ninh ; đến tháng 4-1991 được tách ra thành một đơn vị độc lập. Cảng vụ Quảng ninh là cơ quan quản lý nhà nước chuyên ngành về hàng hải tại khu vực Quảng ninh, hoạt động vừa mang tính chất kiểm tra, bảo vệ pháp luật, vừa mang tính chất hành chính kinh tế. Cơ sở pháp lý hoạt động của Cảng vụ là pháp luật hàng hải trong nước và các Công ước quốc tế về hàng hải mà Việt nam tham gia hoặc thừa nhận, do đó hoạt động của Cảng vụ còn mang tính chất đối ngoại hằng ngày.

Quản lý ở một vùng biển dài và rộng, có nhiều đảo lại nằm trong tuyến hàng hải Đông Bắc có nhiều cảng biển trung ương và địa phương phân tán trên địa bàn rộng từ 40 km đến 200 km, là một nhiệm vụ nặng nề và hết sức phức tạp đối với Cảng vụ Quảng ninh. Khi Cảng vụ mới ra đời, tình hình tư tưởng của cán bộ, đảng viên và nhân viên có nhiều băn khoăn. Từ đơn vị kinh tế có chế độ, quyền lợi khá cao chuyển sang một đơn vị hành chính sự nghiệp quyền lợi, chế độ bị giảm nhiều ; mặt khác quá trình đổi mới về tổ chức có những ý kiến khác nhau đã ảnh hưởng nhiều đến tâm tư và tình cảm của cán bộ, nhân viên... Có người được điều chuyển đã không muốn về Cảng vụ. Có người về rồi lại muốn xin đi. Tổ chức đảng tách ra và thuộc đảng bộ cơ quan khối dân chính đảng trong tỉnh, tư tưởng của đảng viên không ổn định, v.v.

Bởi vậy, có thể nói đổi mới và chỉnh đốn đảng ở Cảng vụ Quảng ninh được tiến hành trong bối cảnh vừa xây dựng cơ quan, vừa kiện toàn tổ chức và đổi mới chỉnh đốn.

Qua 4 năm, đặc biệt khi kết thúc năm 1994, điều đáng ghi nhận là cơ quan đã nhanh chóng từng bước hoàn thiện được mô hình tổ chức ; đội ngũ cán bộ đáp ứng nhanh những yêu cầu của nhiệm vụ quản lý nhà nước, mạnh dạn và năng động điều hành theo yêu cầu đổi mới. Việc hướng dẫn, kiểm tra tàu, thuyền của các tổ chức và cá nhân có liên quan tới hoạt động hàng hải Cảng vụ làm đúng pháp luật nhà nước và Công ước quốc tế về hàng hải. Tàu thuyền đến, đi, neo đậu, bốc xếp, giao nhận hàng hóa và thực hiện các dịch vụ có nền nếp, kỷ cương và trật tự hơn. Nét nổi bật là, Cảng vụ đã nhanh chóng đổi mới thủ tục hành chính xuất nhập cảnh cho tàu thuyền ra vào cảng đúng với yêu cầu của Chính phủ về cải cách một bước thủ tục hành chính. Cảng vụ bước đầu đã thực hiện chức năng tham mưu cho đảng bộ và các cấp chính quyền của địa phương quản lý nhà nước theo ngành và theo lãnh thổ ngày càng có hiệu quả. Nhờ vậy Cảng vụ đã phát huy được vị trí, vai trò của mình trong hệ thống quản lý nhà nước, tạo môi trường thuận lợi hơn cho các doanh nghiệp khai thác, kinh doanh dịch vụ vận tải hoạt động và sẵn sàng hỗ trợ, giúp đỡ họ khi gặp khó khăn ; tham mưu thu hút thêm các doanh nghiệp hàng hải đến lập cơ sở ở Quảng ninh cũng như lập các doanh nghiệp mới... Năm 1994 là năm đạt mức cao nhất từ trước tới nay về số tàu đến cảng, hàng hóa qua cảng, khách du lịch quốc tế đến cảng, thu thuế hải quan qua cảng và lệ phí cảng vụ. Tình trạng độc quyền trước đây được khắc phục tạo ra yếu tố cạnh tranh sôi nổi về năng suất, chất lượng và giá cả. Năm 1993 so với năm 1992, tàu thuyền đến cảng tăng 34%, hàng hóa qua cảng tăng 3%, khách du lịch quốc tế bằng tàu biển tăng 17% và lệ phí hàng hải tăng 17% . Năm 1994, các tỷ lệ tương ứng là 70%, 14%, 22,5%, và 32%. Năm 1995 các tỷ lệ tương ứng là 4,5%, 14%, riêng khách du lịch bằng tàu biển chỉ bằng 85,7% so với năm 1994 và lệ phí hàng hải chỉ bằng 93,18% so với năm 1994 (vì nhà nước giảm mức lệ phí), nhưng hiệu quả nộp ngân sách nhà nước năm 1995 so với 1994 lại vượt 19,7%. Đời sống mọi mặt của cán bộ, nhân viên được cải thiện.

* Bí thư chi bộ kiêm Giám đốc Cảng vụ Quảng ninh

Digitized by Google

Cùng với sự trưởng thành và phát triển của Cảng vụ, tổ chức đảng cũng không ngừng được đổi mới. Vai trò và uy tín của chi bộ đảng ngày càng cao. Đội ngũ đảng viên không chỉ phát triển nhanh về số lượng mà ngày càng tiến bộ về chất lượng. Kể từ 1992 tới nay, tổ chức đảng phát triển được 56% đảng viên mới so với tổng số đảng viên ban đầu (trong đó 31% có trình độ đại học và cao đẳng). Kết quả phân loại chất lượng đảng viên năm 1994: 100% đủ tư cách, trong đó có 24% xuất sắc, được tổ chức đảng cơ sở đề nghị cấp trên biểu dương. Tổ chức đảng đạt tiêu chuẩn vững mạnh nhiều năm liền.

II - Phân tích quá trình đổi mới và chỉnh đốn đảng ở Cảng vụ Quảng ninh, chúng tôi rút ra một số vấn đề như sau :

1) *Công tác chính trị và tư tưởng phải mở đường*. Sau khi Cảng vụ thành lập, tư tưởng của cán bộ, đảng viên có những diễn biến phức tạp. Nhiều người cho rằng đây chỉ là sự chia tách về tổ chức đơn thuần từ cảng Quảng ninh như tình trạng đã sáp nhập, chia tách trước đây. Tâm trạng băn khoăn về nơi công tác, về việc làm và đời sống cá nhân khá phổ biến. Không ít người có thái độ do dự, lừng chừng, nghe ngóng trong hành động. Điều nổi lên là nhiều cán bộ, đảng viên chưa nhận thức đầy đủ và theo kịp quan điểm đổi mới của Đảng- trước hết là đường lối đổi mới, phát triển kinh tế.

Trước tình hình đó, chi ủy và ban giám đốc đã tập trung làm cho cán bộ, đảng viên và nhân viên từng bước hiểu rõ việc thành lập đơn vị là một yêu cầu đổi mới về tổ chức và cơ chế, tách chức năng quản lý nhà nước ra khỏi chức năng kinh doanh của tổ chức doanh nghiệp, để góp phần phát triển ngành hàng hải nói chung và ở khu vực được giao nói riêng. Quảng ninh là một trong những trung tâm hàng hóa lớn của nước ta đang được xây dựng và phát triển. Cùng với việc giáo dục cho cán bộ, đảng viên và nhân viên từng bước đổi mới nhận thức về tổ chức và cơ chế hoạt động của Cảng vụ, chúng tôi rất coi trọng giáo dục pháp luật, đặc biệt pháp luật chuyên ngành. Đường lối và chính sách đối ngoại của Đảng và Nhà nước ta luôn được chi ủy và ban giám đốc tổ chức học tập, phổ biến đến từng đơn vị, cá nhân để nắm bắt và hoạt động. Các kỳ học tập nghị quyết được thực hiện chu đáo, nghiêm túc. Các chủ trương, chính sách mới được thông tin, giải thích kịp thời.

Dưới sự lãnh đạo của chi ủy, sự phối hợp hoạt động giữa đảng, chính quyền, công đoàn và đoàn thanh niên nhịp nhàng và gắn bó hơn. Hằng tháng, cơ quan mua 70 số báo, tạp chí các loại (bình quân có 1,4 tờ báo và tạp chí/ một người) cấp cho các tổ đảng, các phòng làm việc và phương tiện tàu của cơ quan. Cơ quan dành quỹ phúc lợi mua 4 ti vi, 1 cát sệt trang bị cho các bộ phận trực ban, các tàu công vụ ở đảo xa (chẳng hạn đảo Vạn gia) để anh chị em sinh hoạt, giải trí và theo dõi tin tức. Các bản tin nội bộ, các bài báo nói về kinh nghiệm hay, thiết thực được sao chụp, nhân bản và chuyển cho các tổ chức đảng nghiên cứu.

Nhờ những nỗ lực trên, đội ngũ đảng viên, cán bộ và nhân viên Cảng vụ có điều kiện nắm bắt kịp thời quan điểm, đường lối, chính sách của Đảng, Nhà nước và các kiến thức cần thiết khác, góp phần có hiệu quả củng cố nhận thức, mở rộng hiểu biết, tạo tiền đề tốt cho công tác hằng ngày. Từ đó anh chị em tự tin và yên tâm hơn, cơ quan ổn định và đoàn kết, tạo khí thế thi đua, liên tiếp hoàn thành nhiệm vụ được giao.

2) *Đổi mới mô hình tổ chức đảng phù hợp với mô hình tổ chức cơ quan và đưa công tác đảng đi vào nề nếp*. Xuất phát từ đặc thù của cơ quan là các chi nhánh nằm phân tán, cách xa nhau (từ Cẩm phả tới Hải ninh), chúng tôi bàn bạc với lãnh đạo chuyên môn sắp xếp hợp lý lực lượng đảng viên để thành lập các tổ chức đảng một cách phù hợp. Các tổ chức đảng được bố trí theo các đơn vị và các phòng nghiệp vụ. Cấp ủy gồm 5 thành viên, đồng chí giám đốc kiêm bí thư chi bộ và các thành viên khác trực tiếp làm tổ trưởng đảng. Với số lượng đảng viên chiếm 50% tổng số cán bộ công nhân viên của cơ quan trong đó 10 đảng viên có trình độ đại học, 10 đảng viên có trình độ cao đẳng, trung cấp và 5 đảng viên là công nhân kỹ thuật được bố trí phù hợp trên các lĩnh vực nghiệp vụ chủ yếu, giữ những khâu kỹ thuật then chốt và trở thành hạt nhân thực hiện chức năng nhiệm vụ chuyên môn.

Trong công tác cán bộ, chúng tôi tiến hành quy hoạch đào tạo và đào tạo lại để bảo đảm

Digitized by Google

nhiệm vụ công tác trước mắt, đồng thời xây dựng nguồn cán bộ cho lâu dài. Để làm tốt công tác này, cấp ủy và giám đốc thống nhất mục tiêu và biện pháp phối hợp một cách chặt chẽ xây dựng tiêu chuẩn cụ thể của từng chức danh cán bộ và nhân viên nghiệp vụ, về chuyên môn, ngoại ngữ, quản lý nhà nước. Trên cơ sở đó, có kế hoạch chăm lo đào tạo (đào tạo mới, đào tạo lại) và định kỳ xem xét, đánh giá chất lượng đội ngũ cán bộ đương chức và dự bị. Năm 1993 chúng tôi đã kết thúc lớp hàng hải tại chức với 15 người, đạt chuẩn hóa bước đầu số nhân viên nghiệp vụ và một số còn lại cán bộ chủ chốt trước đây chưa có điều kiện học tập. Cơ quan cũng tạo điều kiện để 14 cán bộ theo học các bậc đại học và quản lý nhà nước (chiếm 28% tổng số biên chế Cảng vụ); mở 3 lớp ngoại ngữ (tiếng Anh) cho 25 người học nhằm xóa nạn mù ngoại ngữ, phấn đấu đến năm 1997 tất cả cán bộ, nhân viên nghiệp vụ có trình độ ngoại ngữ tiếng Anh bằng C.

Có thể nói, công tác quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng cán bộ đã giúp cho việc lựa chọn, xây dựng đội ngũ cán bộ có chất lượng hơn để đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ, và điều quan trọng là qua đây công tác phát triển đảng có một hậu thuẫn cơ bản và vững chắc. Chính nhờ vậy từ năm 1992 đến năm 1994 chúng tôi đã kết nạp được 9 người vào Đảng. Hầu hết cán bộ công nhân viên của cơ quan đều có trình độ văn hóa, chuyên môn nghiệp vụ khá, tuổi đời trẻ, có ý thức phấn đấu và mong muốn trở thành đảng viên. Đó chính là nguồn dồi dào của công tác phát triển đảng.

Giữ vững nền nếp, đổi mới nội dung và hình thức sinh hoạt đảng, đưa công tác quản lý đảng viên theo chiều sâu thực sự là vấn đề trăn trở đối với chúng tôi. Chúng tôi giữ vững lịch sinh hoạt theo định kỳ hằng tháng, mở rộng các hình thức sinh hoạt chuyên đề phù hợp với chức năng và nhiệm vụ của cơ quan. Đặc biệt việc thực hiện các nghị quyết chuyên đề đều được phân công cụ thể và kiểm tra chặt chẽ. Định kỳ phân loại đảng viên 6 tháng một lần trên cơ sở dân chủ công khai. Công tác quản lý đảng viên, ngoài các kỳ sinh hoạt đảng, còn được chú trọng qua hoạt động nghiệp vụ, qua hoạt động xã hội ở nơi đảng viên cư trú.

Chính nhờ vậy, thời gian qua, đặc biệt là 3 năm 1993 - 1995, tổ chức đảng đã giữ vững và phát huy rõ vai trò, vị trí lãnh đạo của mình trên mọi phương diện, góp phần làm cho cơ quan hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao.

3) *Xây dựng và thực hiện đúng quy chế phối hợp giữa đảng, chính quyền và các đoàn thể quần chúng.*

Để bảo đảm vai trò lãnh đạo của tổ chức đảng, điều cốt lõi là phải xây dựng được quy chế phối hợp giữa đảng, chính quyền với các đoàn thể quần chúng, trên cơ sở nhiệm vụ, chức năng của mỗi thành viên. Chúng tôi thông qua trao đổi, bàn bạc, xác lập một quy chế cụ thể hóa ranh giới, phạm vi, trách nhiệm của mỗi bên, không lấn sân, bao biện làm thay, nhưng cũng không chia tách cắt rời nhau, làm tổn hại đến sức mạnh tập thể. Mỗi tổ chức hoạt động theo chức trách của mình, nhưng đều nhằm một mục tiêu chung là xây dựng Cảng vụ vững mạnh và không ngừng trưởng thành. Đó là thước đo hiệu quả của mỗi tổ chức, mỗi cán bộ, đảng viên. Chẳng hạn, công đoàn phải trở thành chỗ dựa của tổ chức đảng trong công tác vận động quần chúng thực hiện các nghị quyết của cấp ủy, là lực lượng nòng cốt động viên cán bộ hoàn thành các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật của ban giám đốc. Đồng thời công đoàn cũng phải phối hợp với chính quyền, trong việc chăm lo đời sống cán bộ nhân viên, đi đôi với tăng cường kỷ luật lao động. Căn cứ vào nghị quyết đại hội công nhân viên chức cơ quan, công đoàn phải là người điều hành trực tiếp quỹ phúc lợi cùng với chính quyền quản lý quỹ khen thưởng, cùng với đoàn thanh niên quản lý quỹ bảo trợ, góp phần thực hiện tốt các chính sách xã hội trong và ngoài phạm vi cơ quan. Khi cần thiết đều thảo luận dân chủ, công khai, có nghị quyết rõ ràng ; mọi tổ chức đều phải hành động theo đúng tinh thần của nghị quyết. Các kỳ họp liên tịch được tổ chức kịp thời để rút kinh nghiệm ; chú trọng thực hiện quy chế công tác đã được thông qua.

Những việc làm trên đã giúp cho các thành viên trong cơ quan gắn bó với nhau hơn, cùng cộng đồng trách nhiệm vì công việc chung. Và qua đó, tin tưởng hơn vào sự lãnh đạo của tổ chức đảng, tạo thuận lợi cho chính quyền điều hành công việc, đạt kết quả tốt ❑

Digitized by Google

Ngàn lẻ một cách hiểu về "trẻ hóa"

NGUYỄN HUỆ MỸ

NÓI về tầm quan trọng của việc "trẻ hóa" đội ngũ cán bộ, ai cũng có thể nói được dài dài và quan điểm tương đối thống nhất. Song vận dụng nó trong cuộc sống thực tế thì quả là không đơn giản chút nào ; bởi vì nội dung của khái niệm "trẻ hóa" cũng được hiểu một cách "thiên biến vạn hóa" lắm ! Xin đơn cử một vài biểu hiện thường thấy :

1 - Không ít người cho rằng "trẻ hóa" đội ngũ cán bộ chỉ đơn thuần có nghĩa là tìm người trẻ tuổi để thay thế người cao tuổi hơn. Chính vì hiểu một cách có tính cơ học và máy móc như vậy cho nên ở huyện H tỉnh T đã xảy ra trường hợp như thế này : Đại hội đại biểu đảng bộ huyện được tiến hành vào tháng ba. Và, thế là cái tháng ba năm đó được coi như cột mốc phân định ranh giới trẻ, già. Những ai đến tháng ba mà quá "tuổi quy định" thì không thuộc diện cơ cấu vào cấp ủy. Thật trớ trêu, có hai ứng cử viên : Anh A, tính đến tháng ba ít hơn "tuổi quy định" 3 tháng, còn anh B, thì lại nhiều hơn "tuổi quy định" 2 tháng.

Như vậy, anh B chỉ "già" hơn anh A có 5 tháng tuổi. Điều đó không đáng kể lắm. Điều làm cho rất nhiều đại biểu băn khoăn là mặc dù anh B già hơn anh A nhưng sức khỏe, trình độ, năng lực công tác đều còn đang sung sức. Anh B lại đã từng là huyện ủy viên, còn anh A đây là lần đầu tiên được giới thiệu. Vậy thì chọn ai, loại ai? Còn cách nào khác nữa ? Các đại biểu đành phải chọn anh A, loại anh B.

2 - Một trường hợp khác. Cơ quan nọ bị khuyết một ghế trưởng phòng, bởi vì anh trưởng phòng đột ngột qua đời do một tai nạn giao thông rất đau xót. Để có người điều hành công việc, thủ trưởng cơ quan giao cho tổ chức cán bộ chọn người thay thế. Bộ phận tổ chức, cán bộ giới thiệu hai người :

- Anh Q, 45 tuổi ; trình độ văn hóa : đại học ; trình độ ngoại ngữ : tiếng Anh bằng C, sử dụng được tiếng Nga ; được đào tạo về chuyên môn khá cơ bản ; sức khỏe tốt.

- Anh V ngoài 50 tuổi ; trình độ văn hóa : cấp 3 ; biết vỡ vẽ tiếng Pháp ; sức khỏe yếu do có bệnh đường ruột mãn tính ; đã thế, về chuyên môn lại không qua một trường lớp nào, chỉ làm theo kinh nghiệm.

Tuyệt đại đa số quần chúng ủng hộ anh Q. Điều đó cũng dễ hiểu. Nhưng thật bất ngờ, thủ trưởng lại chọn anh V. Ông lập luận : trẻ không có nghĩa là ít tuổi ; già không có nghĩa là nhiều tuổi. Khối anh ít tuổi mà lại già ; khối người nhiều tuổi mà vẫn trẻ. Trẻ hay già không phải do tuổi tác mà là do tính cách cá nhân quyết định. Cậu Q mới 45 tuổi nhưng lúc nào cũng như "ông cụ non". Song có một lý do chính mà thủ trưởng không nói ra nhưng mọi người đều biết. Đó là anh Q "hơi khó bảo".

*
* *

Cán bộ trẻ thay thế cán bộ già là hiện tượng hợp quy luật và đó cũng chính là tinh thần cơ bản của vấn đề "trẻ hóa" đội ngũ cán bộ. Song muốn cho vấn đề "trẻ hóa" cán bộ đạt hiệu quả cao thì phải hiểu cho thật đúng, thật đầy đủ tinh thần của khái niệm đó ; không nên hiểu một cách cực đoan, máy móc, phiến diện ; càng không nên uốn lệch đi theo những ý muốn chủ quan của cá nhân. Phải đặt nội dung khái niệm "trẻ hóa" trong một chỉnh thể với các khía cạnh hợp lý và có mối quan hệ biện chứng với nhau. Không nên tách riêng và tuyệt đối hóa một khía cạnh nào. Và, điều cơ bản nhất là phải đặt nó trên cái nền chung, đó là : *tiêu chuẩn cán bộ*. Phải đặt ra tiêu chuẩn cụ thể cho từng loại cán bộ, từng cấp cán bộ, thậm chí từng chức danh cán bộ. Trên cơ sở những tiêu chuẩn đó mà tiến hành "trẻ hóa". Chỉ có như vậy chúng ta mới tránh được mọi sự tùy tiện khi tiến hành "trẻ hóa" đội ngũ cán bộ ❑

Digitized by Google

CHÂU Á - THÁI BÌNH DƯƠNG TRƯỚC THỀM THẾ KỶ 21

TRẦN BÁ KHOA *

THẾ kỷ 20 sắp đi qua, thế kỷ 21 đang ở phía trước. Những năm tới sẽ là những năm chuyển giao thế kỷ và cũng là những năm chuyển giao thiên niên kỷ. Tình hình quốc tế và khu vực đang biến động nhanh chóng, rất phức tạp, khó lường trước, đặt ra những cơ hội mới cũng như những thách thức mới cho cuộc đấu tranh giữ vững hòa bình, ổn định, độc lập và phát triển trong từng nước và toàn khu vực.

Không chỉ thời gian gần đây, mà ngay từ đầu thế kỷ 20 đã có nhiều dự báo chiến lược cho rằng : "châu Á-Thái bình dương sẽ trở thành trung tâm của thế giới"(1) ; "lịch sử văn minh nhân loại đã từ Địa trung hải chuyển qua Đại tây dương và đang vào Thái bình dương"(2); "châu Âu đang suy tàn và Thái bình dương đang thức tỉnh sẽ là cái nôi kinh tế chủ yếu của tương lai" (3); "châu Âu đang giãy chết và châu Á sẽ quyết định tiến trình lịch sử một ngàn năm" (4).

I - VỊ TRÍ, TẦM QUAN TRỌNG CỦA CHÂU Á-THÁI BÌNH DƯƠNG

Vì sao đông đảo các nhà khoa học, nhà báo, nhà chính trị lại đánh giá cao tầm quan trọng và triển vọng tươi sáng của châu Á-Thái bình dương như vậy ? Có nhiều lý do : vị trí địa lý ; tài nguyên phong phú ; kinh tế tăng trưởng cao liên tục ; nền văn minh lâu đời ; có quá trình lịch sử đấu tranh giải phóng dân tộc chống đế quốc thực dân.

Khái niệm "châu Á-Thái bình dương" có thể hiểu theo nghĩa rộng hẹp khác nhau tùy theo cách xem xét : theo góc độ địa lý tự nhiên, hay theo góc độ địa lý-kinh tế, địa lý-chính trị...

Với nghĩa *rộng*, khái niệm đó hiểu theo quan điểm địa lý tự nhiên, bao gồm tất cả các nước châu Á, các nước và vùng lãnh thổ nằm ở ven bờ hoặc giữa Thái bình dương (khoảng 80 nước và vùng lãnh thổ).

Với nghĩa *trung bình*, khái niệm đó còn có tên gọi là "vùng lòng chảo Thái bình dương", "vòng cung Thái bình dương", gồm tất cả các nước và vùng lãnh thổ nằm ở ven bờ và giữa Thái bình dương (khoảng 50 nước và vùng lãnh thổ).

Với nghĩa *hẹp*, khái niệm đó có ý nhấn mạnh tầm quan trọng của một khu vực gồm các nước có nền kinh tế phát triển năng động nhất hiện nay là một số nước ở châu Á, chủ yếu ở Đông Á, nằm trên bờ Tây Thái bình dương. Khu vực này về cơ bản trùng với khu vực mà Ủy ban kinh tế xã hội châu Á-Thái bình dương của Liên hợp quốc (ESCAP) đã hoạch định, với giới tuyến : Nhật bản ở phía đông, CHDC nhân dân Triều tiên ở phía bắc và Ô-xtơ-rê-li-a ở phía nam. Đây là khu vực phát triển nhanh nhất thế giới về kinh tế, khoa học và công nghệ ; có khả năng làm thay đổi sự cân bằng chiến lược thế giới vào những thập kỷ đầu thế kỷ 21.

Dân số châu Á-Thái bình dương (nghĩa *rộng*) là 3 940 triệu người, chiếm 68,4% dân số thế giới (1995) ; riêng dân số các nước và

* Đại tá, Viện nghiên cứu chiến lược, Bộ quốc phòng

(1) An-phrết Ma-han (đô đốc hải quân Anh) : *Các vấn đề châu Á*, Nxb Xam-xơn Lâu và Ma-xtơn, Luân đôn, 1900, tr 131 và tr 192

(2) Cựu tổng thống Mỹ Tê-ô-đo Ru-dơ-ven (1904-1908)

(3) An-be Đê-măng-giông (Albert Demangeon), nhà địa lý Pháp, trong cuốn *Sự suy tàn của châu Âu*, 1920, tr 115

(4) Mắc Ác-thơ (Mac Arthur), cựu Tổng tư lệnh quân Mỹ trong chiến tranh Triều tiên (1950-1953)

Digitized by Google

vùng lãnh thổ nằm ở ven bờ và giữa Thái bình dương là 2 524 triệu người, chiếm 43,8% dân số thế giới (trong 10 nước trên thế giới có dân số trên 100 triệu thì 6 nước nằm ở châu Á).

Là một bộ phận chiếm 1/50 diện tích của Thái bình dương, biển Đông rộng 3,5 triệu km^2, rộng hơn tất cả các biển kín và nửa kín trên thế giới. Nó là *nơi hội tụ nhiều tuyến đường hàng hải, hàng không, nhiều eo biển yết hầu quan trọng hàng đầu thế giới.* Trong số 25 eo biển quan trọng nhất thế giới khống chế các tuyến đường giao thông chiến lược thì riêng ở Thái bình dương đã có tới 12 : Ma-lắc-ca, Xun-da, Lôm-bốc, To-rét, Ta-xman, Ba-xi, Tru-si-ma, Xôi-a, Xu-ga-ru, Bê-rinh, Pa-na-ma và mũi Hon.

Châu Á-Thái bình dương còn là *nơi hội tụ các nền văn minh cổ, kim, Đông, Tây* (6 trên 7), *các tôn giáo chính thống* (8 trên 11) và *các nhóm ngôn ngữ chủ yếu* (4 trên 7) *trên thế giới.* Hai bờ Đông và Tây của "vùng lòng chảo Thái bình dương" là nơi hợp lưu các nền văn minh Đông Tây, tạo ra cảnh quan văn minh rực rỡ chưa từng có trong lịch sử nhân loại.

Sau chiến tranh thế giới thứ hai, châu Á-Thái bình dương là *nơi diễn ra các cuộc chiến tranh chống xâm lược quy mô lớn nhất, kéo dài nhất và ác liệt nhất*, như chiến tranh Triều tiên, chiến tranh Việt nam. Chiến thắng của nhân dân Việt nam trong cuộc kháng chiến chống Pháp và chống Mỹ xâm lược đã góp phần to lớn, mang ý nghĩa quyết định làm sụp đổ hệ thống thuộc địa của chủ nghĩa đế quốc, làm tan rã chủ nghĩa thực dân cũ và chủ nghĩa thực dân mới.

Biển Đông và Thái bình dương *rất giàu tài nguyên.* Có trên một ngàn loài cá ; các ngư trường nước nông chiếm một nửa ngư trường nước nông thế giới. Ngoài hải sản phong phú, còn có dầu mỏ, khí đốt và nhiều loại khoáng sản. Dưới các đáy sâu từ 4000 mét đến 6000 mét, có những bãi cuội kết (loại khoáng sản có khả năng tự tái sinh) kéo dài hàng ngàn cây số (như các bãi kéo dài từ Ca-li-pho-ni-a đến bờ biển Nhật bản, từ Pô-li-nê-di thuộc Pháp đến vịnh sâu Tông-ga).

Trên đất liền, hướng bờ châu Á, các loại quặng có trữ lượng đáng kể : măng gan chiếm 91%, than đá 90%, bạc 83%, mô-líp-đen 70%, sắt 65%, thiếc 70%, u-ran 64%, đồng 50%, chì 54% trữ lượng của thế giới. Về sản phẩm từ cây công nghiệp, các nước ở bờ Tây Thái bình dương (kể cả Ô-xtơ-rê-li-a và Niu Di-lơn) sản xuất khoảng : 94% tơ lụa thô, 87% cao su thiên nhiên, 67% bông thô, 63% len thô trên thế giới. Riêng các nước Đông-Nam Á cung cấp cho thị trường thế giới khoảng 83% cao su thiên nhiên, 84% dầu cọ, 80% sợi gai, 63% sản phẩm dừa, 57% hạt tiêu, 90% gỗ quý, hơn 75% gạo.

Châu Á-Thái bình dương là nơi quy tụ tới 4 trong số 5 cường quốc hàng đầu thế giới, là quê hương của 4 "con rồng" và một số nước "rồng con" đang chuẩn bị cất cánh. Tại khu vực rộng lớn này, có các nước Đông Bắc và Đông Á do Nhật dẫn đầu, tiếp đến là 4 nước công nghiệp mới (NICs) hay 4 "con rồng" và Trung quốc ; có các nước ASEAN... Đó là các nước thời gian qua có nhịp độ tăng trưởng kinh tế liên tục nhanh nhất thế giới. Trong những năm 1965 - 1990, nhịp độ tăng trưởng của các nước này nhanh gấp hơn 2 lần so với các nước công nghiệp phát triển, gấp 3 lần so với các nước Mỹ la tinh và 5 lần so với các nước châu Phi. 30 năm trước đây GDP của châu Á mới chiếm 8% của thế giới, sản phẩm và dịch vụ cung cấp cho thế giới mới chiếm 4%, nay cả hai chỉ tiêu đó đều đã trên 25% . Kim ngạch buôn bán của Mỹ với châu Á-Thái bình dương từ năm 1982 đã vượt 50% so với kim ngạch buôn bán của Mỹ với châu Âu ; hiện bằng 37% tổng kim ngạch buôn bán của Mỹ, tạo ra 2,8 triệu việc làm ở Mỹ. Kim ngạch buôn bán của Cộng đồng kinh tế châu Âu (EC) với Đông Á từ năm 1992 cũng đã vượt kim ngạch buôn bán của EC với Bắc Mỹ. Xuất khẩu của Nhật sang Mỹ nay chỉ bằng 29% so với xuất khẩu của Nhật sang châu Á (chiếm 32% tổng kim ngạch xuất khẩu của Nhật). Năm 1993, buôn bán giữa các nước với nhau (kể cả với Ô-xtơ-rê-li-a) chiếm 41% buôn bán của châu Á-Thái bình dương (so với 34% giữa châu Á-Thái bình dương với Bắc Mỹ và 25% giữa châu Á-Thái bình dương với châu Âu. Như vậy là về buôn bán, châu Á đã giảm bớt việc dựa nhiều vào Mỹ, trong khi Mỹ lại dựa nhiều hơn vào thị trường châu Á-Thái bình dương.

Digitized by Google

Tuy nhiên, tăng trưởng kinh tế giữa các nước ở đây không đồng đều. Trong khi các nước công nghiệp hóa mới (NICs), ASEAN và Trung quốc đạt tốc độ tăng trưởng từ 7 tới 12% thì các nước Nam Á chỉ đạt tốc độ dưới 5%; các nước hải đảo Thái bình dương và Trung Á đạt tốc độ thấp hơn nữa. Tỷ lệ lạm phát trung bình của một số nền kinh tế chủ yếu ở đây là 9,9% năm 1994 (so với 7,3% năm 1993). Khu vực châu Á, chủ yếu là Nam Á, cũng là nơi tập trung số nước có nhiều người nghèo khổ trên thế giới.

II - ĐẶC ĐIỂM VÀ XU THẾ HỢP TÁC KINH TẾ VÀ AN NINH

Thời kỳ sau khi Liên xô sụp đổ, sau chiến tranh lạnh, châu Á-Thái bình dương có sự ổn định tương đối so với những biến động nhanh chóng ở các khu vực khác, nhất là ở châu Âu. Từ những năm 90, trong khi nền kinh tế thế giới lâm vào trì trệ thì nền kinh tế châu Á-Thái bình dương, đặc biệt là Đông Á, tiếp tục phát triển với nhịp độ nhanh nhất thế giới. Sự phát triển năng động của các nền kinh tế Đông Á đã trở thành động lực thúc đẩy sự tăng trưởng của kinh tế thế giới. Châu Á ngày càng chiếm vị trí quan trọng hơn trên chính trường và thương trường quốc tế, trong chiến lược của các nước lớn.

Khu vực châu Á-Thái bình dương từ sau chiến tranh thế giới thứ hai luôn luôn là nơi hội tụ các mâu thuẫn, lợi ích và sự tác động qua lại, đan xen ảnh hưởng thế lực của các nước lớn. Những thế lực quan trọng trên thế giới đã và đang điều chỉnh chiến lược, chính sách của họ, ganh đua trong việc phát triển quan hệ với các nước trong khu vực.

Do đặc điểm về địa lý, lịch sử, trình độ phát triển kinh tế xã hội, chính trị, văn hóa đa dạng, không đồng đều, cho nên châu Á-Thái bình dương đến nay về *chính trị, quân sự*, chưa có các tổ chức toàn khu vực như khối NATO, khối Vac-sa-va cũ ở châu Âu ; về *kinh tế* chưa có tổ chức nhất thể hóa toàn khu vực như Cộng đồng kinh tế châu Âu (EC) ; và về *an ninh*, chưa có tổ chức nào tương đương như Tổ chức hợp tác an ninh châu Âu (OSCE).

Về hợp tác kinh tế. Mấy năm gần đây, cùng với việc hình thành hai tập đoàn kinh tế khu vực châu Âu (EU) và Bắc Mỹ (NAFTA), khu vực châu Á-Thái bình dương đang đẩy nhanh quá trình hợp tác kinh tế *tiểu khu vực* và *khu vực*.

Về tổ chức, từ chỗ mang tính *phi chính phủ*, đã phát triển thành các tổ chức mang *tính nhà nước*. Do đặc điểm lịch sử, địa lý, kinh tế, chính trị, văn hóa hết sức đa dạng phức tạp, từ bao lâu nay, tổ chức hợp tác kinh tế ở khu vực này luôn bị hạn chế ở cấp độ dân gian. Song giờ đây, song song với các tổ chức phi chính phủ (như PECC, lập từ tháng 9 năm 1980), đã hình thành tổ chức *Hợp tác kinh tế châu Á - Thái bình dương* (APEC) theo cơ chế mở, lỏng, lúc đầu gồm 15 nước thành viên (năm 1989), nay đã phát triển lên 18 thành viên. Ngoài ra, ASEAN dự định lập ra *khu vực mậu dịch tự do* (AFTA) vào năm 2003.

Về chương trình hành động, đã bước đầu đi vào *thể chế hóa*, có nội dung cụ thể, như *Tuyên ngôn Bô-go* và *nguyên tắc đầu tư* không mang tính chất ràng buộc, đã được thông qua tháng 11-1994. Các phân ban đã được thành lập nhằm phối hợp hoạt động, và tại Hội nghị thượng đỉnh không chính thức APEC họp ở Ô-xa-ka (tháng 11-1995) đã thông qua những quyết định nhằm từng bước biến *Tuyên ngôn Bô-go* thành các chương trình hành động cụ thể, các phương án tự do hóa buôn bán từng giai đoạn trong khu vực một cách lỏng lẻo.

Việc hợp tác kinh tế khu vực đang từng bước mở rộng. APEC từ năm 1996 sẽ kết nạp thêm hội viên mới. ASEAN và AFTA sau khi thêm Việt nam làm thành viên, sẽ mở rộng cho các nước Đông -Nam Á còn lại như Lào, Cam-pu-chia, Mi-an-ma. NAFTA cũng đã có kế hoạch mở rộng cho các nước Nam Mỹ, trở thành khu mậu dịch tự do châu Mỹ bao gồm 34 nước vào năm 2005.

Ngoài ra, còn có nhiều "tam giác", "tứ giác" hợp tác kinh tế của nhiều nước ở hướng Đông-Nam Á và Đông-Bắc Á.

Tại Đông-Bắc Á, khu vực hợp tác kinh tế sông Đồ môn (Tumen) được chính phủ nhiều nước hưởng ứng, nhưng do bán đảo Triều tiên chưa ổn định, nên đến nay không có tiến triển mà chỉ tiến hành hợp tác song phương là chính.

Digitized by Google

Trong việc xúc tiến hợp tác kinh tế khu vực, tinh thần độc lập tự chủ của các nước được đề cao. Từ tháng 12-1990, Ma-lai-xi-a đã đề nghị lập tập đoàn kinh tế Đông Á (EAEG) gồm tất cả các nước ở Đông Á, đề án này bị Mỹ phản đối kịch liệt. Về sau, các nước ASEAN đề nghị đổi nó thành *Diễn đàn kinh tế Đông Á* (EAEF) nhằm thu hút đông đảo hội viên.

Về hợp tác an ninh. Bước sang thời kỳ mới, cục diện đối đầu giữa hai khối đối lập do Liên xô và Mỹ đứng đầu không còn. Thay vào đó, bước đầu đã hình thành cục diện mới nhiều trung tâm quyền lực. *Hòa hoãn, độc lập* và *phát triển* là xu thế chủ đạo trong khu vực. Quan hệ quốc tế chuyển từ đối kháng quân sự sang cạnh tranh kinh tế. Để phát triển kinh tế, các nước đều mong muốn có môi trường bên ngoài hòa bình, ổn định, an ninh. Những điểm nóng trước đây đều dịu xuống, đối thoại, an ninh hai bên và nhiều bên được thúc đẩy. Nhưng những nhân tố xung đột vẫn tiềm tàng, bóng đen tranh giành và mưu đồ áp đặt, khống chế của nhiều nước lớn vẫn còn đó. Các nước trong khu vực đều tích cực hoạt động giữ gìn an ninh khu vực, bảo đảm lợi ích an ninh của nước mình. Họ đều tranh thủ lợi dụng tiềm năng và sự năng động khu vực để tăng tốc phát triển kinh tế cho đất nước mình. Đối với các vấn đề liên quan đến hòa bình, ổn định khu vực, các nước đều tỏ ra thận trọng, tìm cách giảm bớt mức độ căng thẳng hoặc giữ nguyên hiện trạng, đề phòng tình hình xấu dẫn tới đối kháng xung đột.

Quan hệ giữa các nước lớn đi vào chiều hướng vừa hợp tác vừa đấu tranh, hợp tác song không liên minh chống lại nước thứ ba, đấu tranh nhưng cố tránh đối đầu căng thẳng kéo dài.

III - VIỆT NAM TRƯỚC VẬN HỘI CHÂU Á - THÁI BÌNH DƯƠNG

Trước thềm thế kỷ 21 và thiên niên kỷ thứ 3, trên nhiều góc độ khác nhau, với phương pháp luận cũng có điểm khác nhau, các cơ quan nghiên cứu chiến lược và quốc tế, nhiều nhà tương lai học, nhiều nhà chính trị tại nhiều hội nghị hợp tác kinh tế, an ninh khu vực, kể cả châu Á-Thái bình dương, đã đưa ra nhiều dự báo về sự phát triển của các nước lớn, của các khu vực, về bức tranh tương lai của thế giới và khu vực vào các thập kỷ đầu của thế kỷ 21.

Năm 2000 sẽ có thể mở đầu những vận hội hiếm có không những cho một thế kỷ mới mà cả cho một thiên niên kỷ mới. Giả định rằng tình hình sẽ diễn ra không gặp những đảo lộn và gián đoạn lớn trong quá trình phát triển vào những thập kỷ đầu của thế kỷ 21, có nhiều **dự báo tương đối thống nhất về Đông Á** như sau :

Các nước đang phát triển tại đây sẽ có những chuyển biến sâu rộng trên lĩnh vực kinh tế-xã hội, như chuyển sang kinh tế thị trường... Từ chỗ phụ thuộc vào vốn và khoa học công nghệ của phương Tây, ngày càng có nhiều nước tại khu vực này chuyển sang xuất khẩu vốn và cả khoa học công nghệ cho toàn thế giới.

Một số dự báo cho rằng vào năm 2000, Đông Á sẽ chiếm 29,2% sản lượng toàn cầu, trong khi NAFTA chiếm 27,7% và châu Âu 28,2% . Vào năm 2010, Đông Á sẽ chiếm 33%, và vào 2030 - 2040 sẽ chiếm 50% tổng sản lượng thế giới.

Đông Á sẽ chiếm vai trò trung tâm kinh tế thế giới. Theo dự báo của Ngân hàng thế giới, vào năm 2020, 7 nền kinh tế châu Á như Trung quốc, Nhật bản, Ấn độ, In-đô-nê-xi-a, Hàn quốc, Thái lan và Đài loan sẽ có mặt trong số 10 nền kinh tế lớn nhất thế giới.

Trung tâm sức hút của kinh tế thế giới là Đông Á do Trung quốc, Nhật bản làm đầu tàu, nhưng Mỹ vẫn tiếp tục dẫn đầu về khoa học cơ bản, công nghệ tin học, hàng không vũ trụ, phần mềm và dịch vụ máy tính tinh vi.

Trung quốc, Mỹ, Nhật bản, các nước ASEAN và sau này có thể Nga, Ấn độ sẽ tiếp tục đóng vai trò chính yếu trong đời sống chính trị, kinh tế, an ninh của khu vực.

Như vậy là vị trí của khu vực châu Á-Thái bình dương trong nền kinh tế và chính trị thế giới không ngừng được nâng lên. Đây là một đặc điểm và hướng vận động nổi bật khiến dư luận quốc tế chú ý. Tuy còn phải qua nhiều thực tế kiểm nghiệm, lời dự báo "thế kỷ 21 là

Digitized by Google

thế kỷ châu Á-Thái bình dương" ngày càng có nhiều dấu hiệu đầy sức thuyết phục trong thực tiễn.

Trước vận hội châu Á-Thái bình dương, năm 1995, Việt nam đã thiết lập quan hệ ngoại giao chính thức với Mỹ, trở thành hội viên chính thức của ASEAN, ký hiệp định khung hợp tác với Liên hiệp châu Âu. Từ tình thế chủ yếu có quan hệ ngoại giao với các nước xã hội chủ nghĩa và những nước dân tộc chủ nghĩa thuộc thế giới thứ ba, Việt nam nay đã kết bạn với tất cả các nước, đã kiến lập quan hệ ngoại giao đầy đủ với 156 quốc gia và lãnh thổ. Trên lĩnh vực hợp tác kinh tế, Việt nam đã khôi phục quan hệ bình thường với các tổ chức tài chính quốc tế và khu vực, là thành viên liên kết của Hội đồng hợp tác kinh tế Thái bình dương (PEEC), tham gia các hoạt động của Hội đồng hợp tác vùng lòng chảo Thái bình dương (PBEC), và đang chuẩn bị để làm thành viên Tổ chức hợp tác kinh tế châu Á-Thái bình dương (APEC) và Tổ chức thương mại thế giới (WTO). Trên lĩnh vực an ninh, đã tham dự Diễn đàn an ninh ASEAN (7-1994 và 7-1995) và nhiều hội nghị an ninh khác.

Với chính sách đổi mới và mở cửa, Việt nam đã và đang xúc tiến những bước đi tích cực, mạnh mẽ để hội nhập vào khu vực. Trên tinh thần độc lập tự chủ, giữ vững định hướng xã hội chủ nghĩa, khi hội nhập vào khu vực, chúng ta sẵn sàng đối mặt với thử thách nguy cơ, ra sức tranh thủ thời cơ lớn, tạo ra lợi thế chiến lược vững chắc, phục vụ đắc lực công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, giữ vững bản sắc văn hóa dân tộc, hội nhập nhưng không bị hòa tan.

Chuẩn bị hành trang tiến tới thế kỷ 21, dân tộc Việt nam sẽ cùng khu vực châu Á-Thái bình dương đầy năng động bước vào một thời kỳ phát triển mới, ngang tầm với những đòi hỏi của thời đại - "thời đại của châu Á-Thái bình dương vào thế kỷ 21" ❑

Chủ nghĩa xã hội dân chủ...

(Tiếp theo trang 25)

xô, các nước Đông Âu. Có lẽ chính nhân dân các nước này đánh giá về hậu quả của sự xa rời con đường xã hội chủ nghĩa mới là đáng tin cậy. Chúng tôi chỉ xin dẫn ra kết quả cuộc thăm dò dư luận xã hội của hãng Pôn La-xác-phen (Áo) tháng 11-1995 về uy tín của trào lưu xã hội dân chủ. Theo báo Gran-ma (Cu ba) ngày 23-11-1995 thì kết quả điều tra ở 6 nước : Hung-ga-ri, Ba lan, Séc, Xlô-va-ki-a, Bun-ga-ri, Ru-ma-ni, cho thấy 60% số người được hỏi muốn từ bỏ con đường xã hội dân chủ.

Trong công cuộc đổi mới đi lên và giành được nhiều thắng lợi ở nước ta, thực hiện đường lối đối ngoại đa dạng hóa, đa phương hóa, hội nhập với cộng đồng quốc tế trên cơ sở giữ vững độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội, chúng ta đã và đang thiết lập quan hệ với các đảng cầm quyền và không cầm quyền, trong đó có nhiều đảng xã hội dân chủ.

Vấn đề đặt ra trong quan hệ với các đảng xã hội dân chủ là phải biết hợp tác trên những mặt nào, và đấu tranh với những hoạt động nào của các đảng này. Kinh nghiệm cho thấy, các quan điểm chủ yếu mà các đảng xã hội dân chủ cũng như Quốc tế xã hội chủ nghĩa muốn chuyển tải vào xã hội ta là : đưa các quan điểm dân chủ tư sản, chủ nghĩa đa nguyên về chính trị vào lĩnh vực báo chí, luật pháp, nhằm hạ thấp vai trò lãnh đạo của Đảng cộng sản. Trên lĩnh vực kinh tế, trào lưu này tuyên truyền cho quan điểm tư nhân hóa, các hình thức tư bản tư nhân, nhằm nâng cao vai trò chính trị của giai cấp tư sản từng bước làm thay đổi bản chất xã hội của chúng ta.

Chủ nghĩa xã hội dân chủ trên thực tế là cơ chế tự điều chỉnh của chủ nghĩa tư bản. Đối với các nước xã hội chủ nghĩa, đó là con đường chuyển hóa từ chủ nghĩa xã hội sang chủ nghĩa tư bản. Bởi vậy, nó không phù hợp với nước ta, nó xa lạ với lý tưởng và con đường xã hội chủ nghĩa mà Bác Hồ và Đảng, nhân dân ta lựa chọn ❑

Digitized by Google

TỔ CHỨC PHI CHÍNH PHỦ. PHONG TRÀO

•TỔ CHỨC PHI CHÍNH PHỦ * là một loại hình tổ chức hoạt động song song và bổ trợ cho các chương trình xã hội và kinh tế của chính phủ. Đây là tổ chức do nhân dân tự nguyện góp công, góp của để hình thành và duy trì hoạt động. Tổ chức phi chính phủ còn được gọi bằng những tên khác như : *Tổ chức tự nguyện tư nhân* (PVO) ; *Tổ chức không vụ lợi* (NPO) ; *Tổ chức nhân dân* (PO)... Tính chất *không vụ lợi* của các tổ chức phi chính phủ được hiểu theo nghĩa : *không một bộ phận thu nhập hoặc lợi nhuận nào được chia cho các thành viên, giám đốc, nhân viên.*

Theo định nghĩa của *Hội đồng kinh tế và xã hội của Liên hợp quốc* (ECOSOC) thì : "Bất cứ tổ chức quốc tế nào được thành lập không do các thỏa thuận liên chính phủ, sẽ được coi là một tổ chức phi chính phủ (quốc tế)... kể cả các tổ chức chịu nhận những người được các nhà cầm quyền chỉ định làm thành viên, miễn là với tư cách ấy, họ không can thiệp vào việc tự do bày tỏ quan điểm của tổ chức đó".

Tên gọi "phi chính phủ" không nói rõ được bản chất của các tổ chức trên, và cũng chỉ mới xuất hiện trong mấy thập kỷ gần đây, tuy nhiên hiện nay đa số các nước tạm bằng lòng với tên gọi này.

Trên thực tế, suy cho cùng, các tổ chức phi chính phủ cũng không hẳn là "phi chính phủ", bởi vì một số tổ chức phi chính phủ vẫn nhận sự tài trợ của chính phủ nước mình, hoặc thậm chí của cả chính phủ các nước khác, của các khối như Liên minh châu Âu (EU). Điều cốt lõi ở đây là các tổ chức phi chính phủ không đại diện cho chính phủ của bất cứ nước nào, mà chỉ đại diện cho chính nó. Tổ chức này thường đăng ký chính thức với nhà nước như một tổ chức không vụ lợi, mang tính chất tư nhân. Như vậy, có thể nói, đây là một loại hình hoạt động mang rõ tính chất *"Nhà nước và nhân dân cùng làm"*.

Tổ chức phi chính phủ ra đời từ rất xa xưa, nó gắn liền với hoạt động nhân đạo và từ thiện, với ý thức khuyến khích điều lành, ngăn ngừa điều dữ, nó không phải là sản phẩm "độc quyền" của bất cứ quốc gia nào. Không phải là tất cả, nhưng có một số tổ chức phi chính phủ bị phê phán là "chính trị hóa" sự nghiệp nhân đạo. Đó là những tổ chức có xu hướng tiến bộ, nhân đạo cấp tiến (như đòi giảm nợ cho những nước nghèo ; chống mua ép nguyên liệu của những nước đang phát triển ; lên án Khơ me đỏ ; ủng hộ Cu ba và chính phủ mác xít Ni-ca-ra-goa,...) hoặc có xu hướng ngược lại (như đòi tư nhân hóa các cơ sở quốc doanh ; đòi giảm thuế cho người giàu ; đòi xóa bỏ cơ cấu phúc lợi xã hội ; đòi thực hiện nhân quyền một cách cực đoan ; đòi hỗ trợ tích cực cho các cuộc chiến tranh phản cách mạng ở Trung Mỹ...).

Dù gặp trắc trở, các tổ chức phi chính phủ nhìn chung, với hoạt động thực tiễn và xuyên quốc gia của mình, đang ảnh hưởng ngày càng lớn đến những vấn đề nóng bỏng của thời đại, và thực tế đang đóng vai trò tích cực trong việc điều hành hệ thống thế giới. Một ví dụ điển hình là tổ chức *Hòa bình xanh*, một tổ chức môi trường có quỹ rất lớn. Nhiều tổ chức phi chính phủ có trình độ chuyên môn cao, được trang bị máy vi tính và các hệ thống máy móc hiện đại. Ở Mỹ, các tổ chức phi chính phủ được đánh giá là các tổ chức không thua kém bất kỳ loại hình tổ chức nào khác trong xã hội.

• PHONG TRÀO : Phong trào hiểu theo nghĩa chung nhất là tập hợp các hoạt động chính trị, văn hóa, xã hội lôi cuốn đông đảo quần chúng trong từng nước, hoặc nhiều nước tham gia. Mỗi phong trào, tại một thời điểm, hay một khoảng thời gian xác định, đều thể hiện ý chí của đa số nhân dân ở một nước, một vùng lãnh thổ, hoặc của đa số nhân dân nhiều nước trên thế giới.

Ví dụ :

1) *Phong trào kháng chiến* : Là phong trào của quần chúng nhân dân chống chủ nghĩa phát xít giành độc lập dân tộc, phát động trong những năm chiến tranh thế giới thứ II ở các nước bị phát xít Đức và Nhật chiếm đóng. Phong trào kháng chiến giữ một vai trò quan trọng trong cuộc đấu tranh giành độc lập và giải phóng tổ quốc ở nhiều nước trên thế giới. Sau chiến tranh thế giới thứ II, phong trào kháng chiến đã thống nhất thành Liên đoàn quốc tế các chiến sĩ kháng chiến và các tù nhân của chủ nghĩa phát xít (FIR).

2) *Phong trào các chiến sĩ hòa bình* : Là một trong những phong trào quần chúng rộng lớn nhất, nhằm mục đích ngăn ngừa chiến tranh thế giới. Đây là phong trào dân chủ, không đảng phái, nó đã đoàn kết được các chiến sĩ đấu tranh vì hòa bình ở tất cả các nước không phân biệt địa vị xã hội, xu hướng chính trị và tín ngưỡng.

Hoạt động của phong trào các chiến sĩ hòa bình thông qua những cuộc hội nghị, nói chuyện, mít tinh ở các xí nghiệp, ở cổng nhà máy, trên đường phố ; dưới hình thức "liên hoan hòa bình", "chạy đua hòa bình", lấy chữ ký vào các bản kiến nghị, hiệu triệu gửi các nhà hoạt động chính trị và xã hội nổi tiếng v.v. Một trong những hình thức quốc tế của phong trào này là Đại hội liên hoan thanh niên toàn thế giới.

Phong trào các chiến sĩ hòa bình đã đóng vai trò quan trọng trong việc làm dịu tình hình quốc tế và là yếu tố góp phần củng cố hòa bình và ngăn ngừa chiến tranh.

3) *Phong trào không liên kết* : Tiền thân của Phong trào không liên kết là Hội nghị Băng-dung (năm 1955) với sự tham gia của 29 nước và phong trào (trong đó có Việt nam dân chủ cộng hòa). Hội nghị Băng-dung (In-đô-nê-xi-a) đã thông qua 10 nguyên tắc chung sống hòa bình, và để tiếp nối truyền thống đó, Hội nghị cấp cao không liên kết lần thứ năm họp ở Cô-lôm-bi-a đã khẳng định trong tuyên bố "Bản thân khái niệm không liên kết đã được xác định bằng từ ngữ cụ thể ở Hội nghị Băng-dung năm 1955".

Phong trào không liên kết chính thức hình thành tại Hội nghị cấp cao lần thứ nhất ở Bê-ô-grat (Nam tư) tháng 6 năm 1961. Xu hướng "đứng giữa các khối" là đặc điểm chủ yếu của phong trào lúc bấy giờ. Hơn 30 năm tồn tại, phát triển, Phong trào không liên kết đã tổ chức 10 cuộc Hội nghị cấp cao, với sự tham gia của nhiều nước ở nhiều châu lục. Với Hội nghị cấp cao lần thứ 11 họp ở Cô-lôm-bi-a năm 1995, Phong trào không liên kết có những chuyển hướng thích hợp để tiếp tục hoạt động và phát triển. Từ 25 nước thành viên chính thức và 3 nước quan sát viên tại Hội nghị đầu tiên, đến nay Phong trào không liên kết đã có tới 114 thành viên chính thức ❑

---

* Tiếng Anh là : Non Governmental Organisation (NGO)

Digitized by Google

NAM HÀ TỔNG KẾT 3 NĂM THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT TRUNG ƯƠNG 3 VỀ ĐỔI MỚI CHỈNH ĐỐN ĐẢNG

Vừa qua tỉnh ủy Nam hà đã mở hội nghị tổng kết 3 năm thực hiện Nghị quyết Trung ương 3 về đổi mới chỉnh đốn Đảng. Nhận rõ ý nghĩa đặc biệt quan trọng của công tác đổi mới chỉnh đốn Đảng trước những diễn biến phức tạp trong nước và thế giới, tỉnh ủy Nam hà, ngay khi có Nghị quyết Trung ương 3 đã có hai đề án lớn "Đổi mới chỉnh đốn các tổ chức cơ sở Đảng" và "Đổi mới công tác cán bộ" cùng với các kế hoạch, chỉ thị, quyết định, quy định chương trình hành động nhằm cụ thể hóa các quan điểm, chủ trương của Trung ương về công tác xây dựng Đảng. Nam hà đã gắn việc triển khai thực hiện Nghị quyết Trung ương 3 với việc thực hiện các Nghị quyết 2, 4, 5, 7, 9 của BCHTƯ và Nghị quyết 9 của Bộ chính trị. Việc kết hợp đó đã thúc đẩy sự nghiệp phát triển kinh tế, chính trị, xã hội và trên thực tế, Nam hà đã đạt được những thành tích quan trọng.

Nhìn lại 3 năm qua, tỉnh ủy Nam hà nhận thấy công tác xây dựng Đảng đã được chú ý triển khai trên nhiều mặt :

1 - *Về chính trị, tư tưởng* : Tỉnh ủy đã sắp xếp, kiện toàn hệ thống trường Đảng cấp huyện, cấp tỉnh : mở 213 lớp học lý luận chính trị cho 14 098 đảng viên ; nâng số đơn vị hoàn thành chương trình phổ cập lý luận cho đảng viên lên tới 17/18 đơn vị (tăng 31,3% so với năm 1992). Coi trọng việc giáo dục ý chí kiên định con đường xã hội chủ nghĩa, xây dựng tinh thần độc lập tự chủ ; khẳng định những thành tích vĩ đại của cuộc chiến đấu lâu dài gian khổ để bảo vệ độc lập dân tộc, xây dựng đất nước, đấu tranh chống những luận điệm xuyên tạc, phủ định quá khứ, khắc phục tâm trạng hoài nghi, bi quan, tạo niềm tin của nhân dân vào sự lãnh đạo của Đảng. Ba năm qua, công tác xây dựng Đảng về chính trị tư tưởng ở Nam hà đã trải qua một quá trình không ít khó khăn và phức tạp, có lúc khá quyết liệt, nhưng cũng từ đó đã tạo được chuyển biến bước đầu rất cơ bản.

2 - *Về tổ chức* : Tỉnh ủy đã tổ chức cho 12 123 cấp ủy của các đảng bộ cơ sở, trong đó có 1 159 đồng chí bí thư nghiên cứu quán triệt các quy định của Ban bí thư Trung ương về chức năng, nhiệm vụ của các loại hình tổ chức cơ sở đảng ; hướng dẫn việc xây dựng quy chế hoạt động của các tổ chức đảng. Sau 3 năm thực hiện Nghị quyết, đã có 85% tổ chức cơ sở đảng xây dựng được quy chế làm việc, bố trí sắp xếp lại 4 298 chi bộ thôn xóm, tổ dân phố, 273 đảng bộ, chi bộ doanh nghiệp, 43 đảng bộ, chi bộ cơ quan quân sự huyện ; hoạt động của các đảng bộ, chi bộ tích cực hơn, tạo nên sự gắn bó giữa tổ chức đảng với quần chúng nhân dân. Các cấp ủy Đảng đã tập trung chỉ đạo giải quyết các cơ sở yếu kém, gắn với xây dựng tổ chức cơ sở đảng trong sạch, vững mạnh khắc phục dần sự sa sút, lỏng lẻo trong công tác đảng ở các doanh nghiệp, đơn vị sự nghiệp và cơ quan nhà nước ; tập trung giải quyết những điểm nóng, những vụ việc tiêu cực, mất đoàn kết, tranh chấp đất đai. Nam hà đã thành lập mới 6 cơ quan ban, sở và tương đương cấp tỉnh ; 67 ban, phòng cấp huyện ; lập lại 37 ban cán sự đảng, 48 đảng đoàn trong các cơ quan nhà nước ; bố trí 90% bí thư cấp ủy kiêm chủ tịch hội đồng nhân dân ở 3 cấp ; giảm bớt 14,3% biên chế trong cơ quan khối đảng đoàn nhằm củng cố tổ chức, tăng cường hoạt động của đảng ủy khối, nâng cao vai trò tác dụng lãnh đạo của cơ sở đảng.

3 - *Về công tác đảng viên* : Năm 1995, các cấp ủy ở Nam hà luôn quan tâm đến công tác giáo dục bồi dưỡng đảng viên như : đưa đảng viên vào hành động, gắn với phân công công tác, giao nhiệm vụ thích hợp ; tổ chức những lớp học văn hóa, lý luận chính trị, quản lý kinh tế và học ngoại ngữ ; duy trì sinh hoạt đảng có nền nếp, đúng định hướng ; khen thưởng biểu dương những đảng viên xuất sắc, phấn đấu tốt. Đặc biệt, 3 năm qua toàn tỉnh đã có những bước chuyển biến trong công tác phát triển Đảng. Từ năm 1992 đến 6 tháng đầu năm 1995 đã kết nạp 4 790 đảng viên (chiếm 4,15% tổng số đảng viên) trong đó có nhiều người gốc giáo.

4 - *Về công tác cán bộ* : Đã tiến hành nhận xét, đánh giá, phân loại cán bộ ; bồi dưỡng, huấn luyện và thực hiện chính sách cán bộ, nhất là đối với cán bộ có công với cách mạng. Qua phân loại 13 783 cán bộ là đảng ủy viên các cấp, có 65% hoàn thành nhiệm vụ được giao và có khả năng phát triển. Nam hà đã đề bạt 515 cán bộ các cấp (chiếm 52,3% tổng số cán bộ), bổ sung 9% vào cấp ủy tỉnh, 14% vào cấp ủy huyện, đổi mới 29% cấp ủy cơ sở.

5 - *Về công tác dân vận, tăng cường mối quan hệ giữa Đảng và nhân dân* : Tỉnh chú trọng củng cố mặt trận và các đoàn thể, phát huy vai trò của tổ chức đảng và đội ngũ đảng viên trong công tác vận động quần chúng.

6 - *Về phương thức lãnh đạo của các cấp ủy Đảng* : cũng được chú ý cải tiến từng bước theo hướng bảo đảm tăng cường sự lãnh đạo chỉ đạo của cấp ủy, tạo sự thống nhất về quan điểm, chủ trương, về cơ chế phối hợp công tác ; khắc phục tình trạng "lấn sân" hoặc buông lỏng sự lãnh đạo của Đảng.

Từ thực tiễn 3 năm đổi mới và chỉnh đốn Đảng, Tỉnh ủy Nam hà đã rút ra một số kinh nghiệm : Trước hết phải tổ chức nghiên cứu quán triệt Nghị quyết để nâng cao nhận thức và thống nhất tư tưởng trong đội

(Xem tiếp trang 61)

Digitized by Google

Bộ biên tập Tạp chí Cộng sản

MỪNG THỌ CỐ VẤN PHẠM VĂN ĐỒNG

Nhân dịp đồng chí Phạm Văn Đồng, Cố vấn Ban chấp hành trung ương Đảng tròn 90 tuổi (1.3.1906 - 1.3.1996), đoàn đại biểu Bộ biên tập Tạp chí Cộng sản do đồng chí Nguyễn Phú Trọng, Ủy viên Trung ương Đảng, Tổng biên tập dẫn đầu đã đến mừng thọ Cố vấn Phạm Văn Đồng.

Đồng chí Cố vấn Phạm Văn Đồng là một trong những bậc tiền bối cách mạng của Đảng ta, là người học trò ưu tú của Bác Hồ vĩ đại và là người kiên định chủ nghĩa Mác - Lê-nin và tư tưởng Hồ Chí Minh, là nhà lãnh đạo lỗi lạc của Đảng, Nhà nước ta, là nhà hoạt động quốc tế có uy tín cao, là tấm gương cao đẹp của người cộng sản suốt đời làm việc vì nước, vì dân.

Cố vấn Phạm Văn Đồng luôn luôn quan tâm và đã có những đóng góp to lớn đối với Tạp chí Cộng sản - cơ quan lý luận và chính trị của Trung ương Đảng ❑

(Tiếp theo trang 60)

ngũ đảng viên. Đồng thời phải chú ý phát huy mặt tích cực của tổ chức đảng và đảng viên. Để Nghị quyết đi vào cuộc sống, phải kết hợp đổi mới chỉnh đốn Đảng với nhiệm vụ trọng tâm là phát triển kinh tế, chăm lo lợi ích chính đáng của nhân dân. Việc mở rộng dân chủ giữ vững nguyên tắc lãnh đạo tập trung, tự phê bình và phê bình phải đi đôi với việc phát huy vai trò tiên phong gương mẫu của cán bộ đảng viên. Bởi vì năng lực và uy tín của đảng viên có ảnh hưởng trực tiếp đến hiệu quả thực hiện nhiệm vụ đổi mới chỉnh đốn Đảng.

Về phương hướng sắp tới, Tỉnh ủy Nam hà xác định : tập trung làm tốt một số nhiệm vụ cụ thể : Nâng cao trình độ trí tuệ và năng lực hoạt động thực tiễn của các tổ chức đảng, của cán bộ, đảng viên ; củng cố Đảng về tổ chức, thực hiện tốt hơn nguyên tắc tập trung dân chủ, tăng cường sự lãnh đạo của Đảng với chính quyền các cấp, chăm lo xây dựng đội ngũ cán bộ có đủ phẩm chất, năng lực để gánh vác nhiệm vụ; rèn luyện phẩm chất cách mạng, bồi dưỡng nâng cao chất lượng đội ngũ đảng viên. Đồng thời, tiếp tục đổi mới phương thức lãnh đạo của các cấp ủy, các tổ chức đảng, tăng cường mối liên hệ giữa đảng với nhân dân, động viên nhân dân tích cực tham gia, xây dựng Đảng, phấn đấu đưa Nam hà thành một tỉnh giàu về kinh tế, mạnh về quốc phòng, có xã hội công bằng văn minh và có nếp sống đẹp ❑

P.V

Digitized by Google

GOVIMEX

(GOVAP IMPORT EXPORT COMPANY)
CÔNG TY SXKD - XNK QUẬN GÒ VẤP

280 Nguyễn Văn Nghi - Quận Gò Vấp - TP. Hồ Chí Minh Việt nam
Tel : 8 940288 - 8 941869 - 8 941307 - 8 941636 - Telex : 8 812695 GoV - VT
Fax : 84.8.943847

NGÀNH NGHỀ KINH DOANH :

- Sản xuất chế biến các mặt hàng nông lâm, thủy hải sản, thủ công mỹ nghệ, dược liệu, thực phẩm, may thêu xuất khẩu và tiêu thụ nội địa.

- Nhập khẩu

- Tư liệu sản xuất : nhựa, hóa chất, vật liệu xây dựng, máy móc thiết bị vật tư ngành ảnh, xe các loại và hàng hóa khác phục vụ cho sản xuất và tiêu dùng.

- Hợp tác xây dựng kinh doanh nhà ở, nhà cho thuê làm văn phòng hội họp, các công trình công nghiệp, công cộng và dân dụng theo qui định của nhà nước.

Giám đốc công ty Nguyễn Văn Gương

Hận hạnh được đón tiếp quý khách

SCOPE OF BUSINESS :

- Producing, processing agriculture products, sea products, fine art handicraft articles, pharmaceutical materials, foodstuffs, garment and embroidery for export and local consumption.

- Importing production materials chemical plastics, materials for potography industry, various vehicles and other commodities for production and consumption.

- Cooperating in building and trading housing, house for rent for conference facilities, public civil and industrial works in compliance with the State regulations.

Director : Nguyen Van Guong

Welcome to Govap Company

Digitized by Google

BẾN XE KHÁCH CHỢ LỚN

ĐỊA CHỈ :
86 Trang Tử -
F.14 - Q.5
TP. Hồ Chí Minh
ĐIỆN THOẠI :
8555729 - 8555529

GIÁM ĐỐC
VÕ VĂN CƠ

Bến xe là một doanh nghiệp nhà nước nằm ở nội thành bên cạnh chợ Bình tây, rất thuận lợi cho nhân dân đi lại của 2 tỉnh Long an và Tiền giang và các tuyến nội-ngoại thành.

- Hằng ngày phục vụ trên 20.000 lượt khách đi về, bình quân trên 580 chuyến xe ngày.

- Là đơn vị làm ăn có hiệu quả trong những năm qua, năm 1994 được Nhà nước tặng thưởng Huân Chương Lao động hạng ba và cờ thi đua xuất sắc của Tổng liên đoàn lao động Việt nam.

Ngoài công tác phục vụ Bến xe còn làm nhiều công tác từ thiện khác. Nhân dịp thành phố kỉ niệm 20 năm giải phóng, Bến xe xây dựng được 11 căn nhà tình nghĩa và đỡ đầu 5 bà mẹ Việt nam anh hùng mỗi mẹ 300.000 đ/tháng đến suốt đời và ủng hộ 20.000.000đ (hai mươi triệu xây dựng tượng đài tại Bến Dược Củ chi).

* Nhân dịp Đại hội Đảng lần thứ VIII

Tập thể CB.CNV của Bến xe Chợ lớn chúc Đại hội thành công, chúc Thành ủy, Hội đồng nhân dân - Ủy ban nhân dân - Sở GTCC các Ban Ngành và Quí khách năm mới được AN KHANG THỊNH VƯỢNG.

Chúc mừng Năm mới !

Digitized by Google

CÔNG TY CƠ KHÍ CÔNG TRÌNH THỦY 276

HYDROMECO 276 - VIETNAM

• Địa chỉ : 220 Bis, Điện Biên Phủ (Tân Cảng), Quận Bình Thạnh, TPHCM

• ĐT : 8 990571 - 8 994651 • Fax : 84.8.990773

❖ *Xáng nạo vét cỡ nhỏ, gàu 0,4 m^3*

CHUYÊN THIẾT KẾ, CHẾ TẠO VÀ LẮP ĐẶT

- ❖ Thiết bị cơ khí thủy công cho các công trình thủy lợi và thủy điện
- ❖ Các loại kết cấu thép, dầm cầu, bồn chứa, cho ngành xây dựng, giao thông, dầu khí, cấp nước và dân dụng.
- ❖ Thiết bị nâng hạ và thiết bị nổi : Cầu trục, tời, máy vít, sà lan, canô,...
- ❖ Đường ống thép dẫn nước qua sông (chìm và nổi)

❖ *Lắp ráp cửa quay đứng (Rộng x cao = 2,5 x 6m) cho công trình Mương tri - T.An giang*

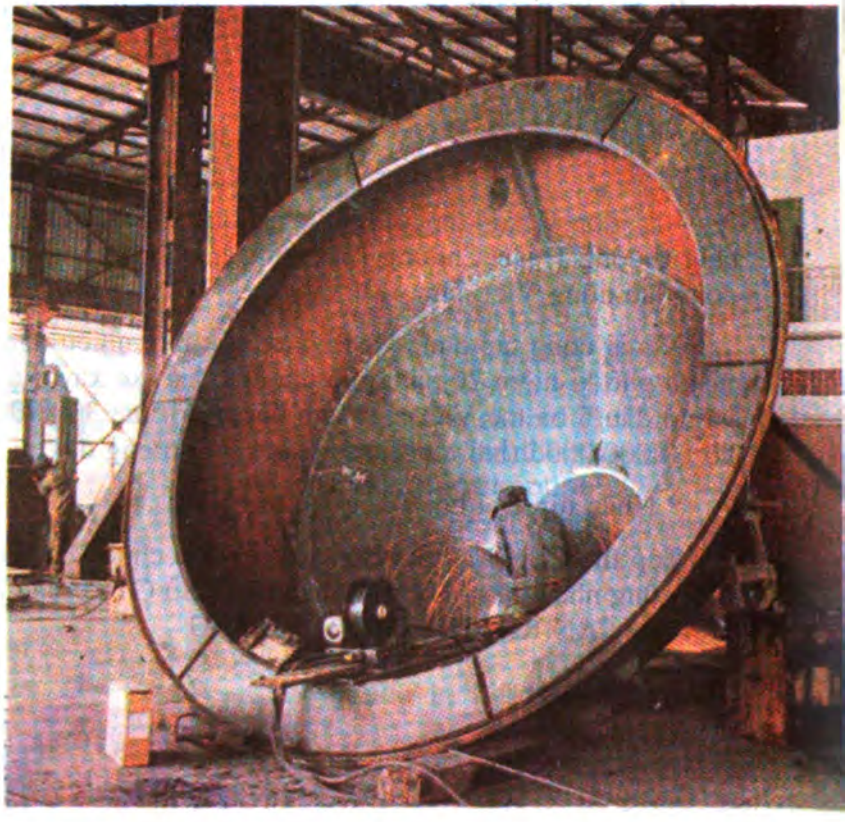

❖ *Hàn ghép chóp côn Φ4750/Φ850 tôn dày 30mm. Áp lực 15at*

Digitized by Google

Hân hạnh được
đón tiếp quý khách

Công ty Bia SAIGON

187 NGUYỄN CHÍ THANH, QUẬN 5 TP. HỒ CHÍ MINH - ĐT : 559595 - 12 ĐÔNG DU, QUẬN 1, TP. HỒ CHÍ MINH - ĐT : 296342

Chất Lượng Thơm Ngon Bổ Dưỡng

Digitized by Google

XÍ NGHIỆP LIÊN DOANH VIETSOVPETRO

ĐỊA CHỈ :
95 A Lê Lợi,
Thành phố Vũng tàu

ĐIỆN THOẠI :
84-64-39871/39872.

TELEX :
641.045 VSP VT

FAX :
(64)-39857/38655/38656.

XÍ NGHIỆP LIÊN DOANH VIETSOVPETRO thực hiện nhiệm vụ tìm kiếm, thăm dò, khai thác dầu khí trên thềm lục địa Nam Việt nam. XÍ NGHIỆP được thành lập bởi Hiệp định liên chính phủ Việt nam và Liên xô (cũ), ký ngày 19 tháng 6 năm 1981.

Tập thể lao động quốc tế VIETSOVPETRO bằng lao động cần cù, sáng tạo, vượt qua nhiều khó khăn gian khổ chỉ sau 5 năm xây dựng đã khai thác được tấn dầu thô đầu tiên của đất nước từ mỏ Bạch hổ.

Qua 15 năm xây dựng và phát triển, đến nay XNLD VIETSOVPETRO đã có căn cứ dịch vụ tổng hợp trên bờ đủ sức đáp ứng nhu cầu sản xuất của xí nghiệp và có khả năng dịch vụ cho các công ty dầu khí khác. Vùng hoạt động sản xuất của VIETSOVPETRO là 2 mỏ Bạch hổ và Rồng. Sản lượng khai thác dầu thô không ngừng tăng trưởng mạnh mẽ. Nếu tổng sản lượng trong 5 năm 1986 - 1990 là 5,23 triệu tấn thì 5 năm 1991-1995 đạt gần 30 triệu tấn. Từ nguồn xuất khẩu dầu thô trong 5 năm 1991 - 1995, XNLD VIETSOVPETRO đã nộp 2,2 tỷ USD vào ngân sách Nhà nước Việt nam. Đồng thời, XNLD VIETSOVPETRO bắt đầu cung cấp khí đồng hành cho các nhà máy nhiệt điện trên bờ. XÍ NGHIỆP đóng góp cho tỉnh Bà rịa - Vũng tàu hàng chục tỉ đồng để xây dựng cơ sở hạ tầng, trường học, nhà tình nghĩa và phụng dưỡng suốt đời 20 bà mẹ Việt nam anh hùng. XÍ NGHIỆP còn trích từ quỹ phúc lợi gần 2 tỉ đồng cứu trợ đồng bào bị thiên tai ở đồng bằng sông Cửu long, các tỉnh miền Trung và tỉnh Tuyên quang.

Do đạt được những thành quả to lớn trong lĩnh vực dầu khí, XNLD VIETSOVPETRO đã được Nhà nước Việt nam tặng thưởng Huân chương Độc lập hạng ba, hai Huân chương Lao động hạng nhất và nhiều Huân chương Lao động hạng hai, hạng ba cho các tập thể, cá nhân đạt được những thành tích xuất sắc trong quá trình xây dựng và phát triển Xí nghiệp.

IN TẠI NHÀ IN TẠP CHÍ CỘNG SẢN CHỈ SỐ 12651-ISSN 0866-7276

Digitized by Google

GIÁ : 30

V5
H63
v. 1996
no. 7
MAIN

Tạp chí Cộng sản

The Library - UC Berkeley
Received on: 05-08-96
Tap chi cong san : C quan ly luan va chinh tri ca dang cong san Viet-Nam

7
4-1996

Digitized by Google

CÔNG TY THƯƠNG MẠI KỸ THUẬT VÀ ĐẦU TƯ PETEC

TRỤ SỞ CHÍNH : 194 NAM KỲ KHỞI NGHĨA, Q3, TP. HỒ CHÍ MINH
Tel : 8 299299/8 293633. Fax : 84-8-299686/225991. Tlx : 811251/811241 PET VT
CHI NHÁNH HÀ NỘI : 26 TĂNG BẠT HỔ, QUẬN HAI BÀ TRƯNG, HÀ NỘI.
Tel : 8 259839/8 256157. Fax : 84-4-266873. Tlx : 412411 PET HN.

CÁC HOẠT ĐỘNG KINH DOANH CHÍNH:

XUẤT KHẨU :

- **GẠO : Xuất khẩu trực tiếp** các loại gạo có chất lượng cao (từ 5% đến 25% tấm). Công ty có hệ thống các xí nghiệp chế biến, đánh bóng gạo xuất khẩu hoàn chỉnh tại Cần thơ, Long an và thành phố Hồ Chí Minh.
- **CÀ PHÊ : Xuất khẩu trực tiếp** các loại cà phê hạt. Nhận ủy thác, góp vốn đầu tư, liên doanh liên kết với các đơn vị sản xuất và xuất khẩu cà phê trong cả nước trên lĩnh vực : **trồng, chế biến và xuất khẩu cà phê.**
- Các hàng hóa nông sản và hàng tiêu dùng khác.

NHẬP KHẨU VÀ PHÂN PHỐI TRÊN TOÀN QUỐC:

- **Các loại xăng dầu đạt tiêu chuẩn quốc gia :** xăng (MOGAS 92RON, 83RON), dầu DO, dầu FO (hàm lượng lưu huỳnh thấp), dầu hỏa, dầu nhớt, khí đốt.
- **Xi măng, sắt thép, phân bón**, các sản phẩm hóa chất công nghiệp.
- Máy móc thiết bị, nguyên vật liệu phục vụ các ngành kinh tế.
- Công ty có hệ thống kho chứa (hóa chất, sản phẩm xăng dầu) và cầu cảng hoàn chỉnh có thể tiếp nhận tàu có trọng tải đến 30.000 tấn tại thành phố Hồ Chí Minh, Đà nẵng và Hải phòng.

ĐẦU TƯ :

- Góp vốn đầu tư, hợp tác, liên doanh, liên kết với các đơn vị kinh tế trong nước về các lĩnh vực : **Bảo hiểm, ngân hàng, vận chuyển hành khách, vận chuyển xăng dầu...,**

Trụ sở chính công ty PETEC tại TP. HCM

Xí nghiệp xăng dầu Cát lái (thuộc công ty PETEC) tại TP.HCM.

PHƯƠNG CHÂM
KINH DOANH
HỢP TÁC
CHẤT LƯỢNG
HIỆU QUẢ

Digitized by Google

Tạp chí Cộng sản

CƠ QUAN LÝ LUẬN VÀ CHÍNH TRỊ CỦA TRUNG ƯƠNG ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

Số 493

BỘ BIÊN TẬP : *1 Nguyễn Thượng Hiền, Hà nội - Dây nói : 252061 - 252062*
Cơ quan thường trú tại miền Nam : *19 Phạm Ngọc Thạch, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh - Dây nói : 225768*

MỤC LỤC

	ĐỖ MƯỜI - Mãi mãi trân trọng mối quan hệ chí cốt có ý nghĩa chiến lược Việt - Lào	3
	PHAN VĂN TIỆM - Tổng công ty mạnh : Lợi thế và triển vọng	6
	NGUYỄN MINH KHẢI - Kết hợp kinh tế với quốc phòng trong quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa	9
	HOÀNG ĐÌNH PHU - Chính sách đa dạng công nghiệp với sự phát triển bền vững của nền kinh tế	13
TIẾN TỚI ĐẠI HỘI ĐẠI BIỂU TOÀN QUỐC LẦN THỨ VIII CỦA ĐẢNG	Hội thảo *"Một số vấn đề về định hướng xã hội chủ nghĩa ở nước ta"* (tiếp theo)	
	HÀ XUÂN TRƯỜNG - Định hướng xã hội chủ nghĩa - một khái niệm khoa học	18
	TRẦN XUÂN TRƯỜNG - Về mục tiêu của định hướng xã hội chủ nghĩa	22
	ĐẶNG BIÊN - Thế nào là kinh tế thị trường theo định hướng xã hội chủ nghĩa ?	27
	XUÂN HẢI - Hai vấn đề được thảo luận sôi nổi tại đại hội cấp cơ sở và trên cơ sở ở Hà nội	32
NGHIÊN CỨU - TRAO ĐỔI	LƯU HÀ VĨ - Về trò bịp "phi ý thức hệ"	36
	LÊ MINH HÀ - Để có lớp người cho thế kỷ 21	41
THỰC TIỄN - KINH NGHIỆM	PHẠM HẢO - Doanh nghiệp nhà nước ở Quảng nam - Đà nẵng : Thực trạng và giải pháp	45
	LÊ VĂN KHÁ và HOÀNG VĂN TUYỂN - Hợp tác xã nông nghiệp Phước sơn II sau một năm đổi mới	49
SINH HOẠT TƯ TƯỞNG	NGUYỄN VĂN LỘC - Thói tùy tiện	51
TƯ LIỆU LỊCH SỬ	*** Trường quân chính Bắc sơn	52
THẾ GIỚI : VẤN ĐỀ, SỰ KIỆN	VÕ THỦ PHƯƠNG - Một chính sách thù địch lỗi thời	55
QUA SÁCH BÁO NƯỚC NGOÀI	NGHIÊM CAO HỒNG - Tính nhất nguyên và tính đa dạng của chủ nghĩa Mác	57
TÌM HIỂU KHÁI NIỆM	Thống kê, kế toán, kiểm toán	59
TIN HOẠT ĐỘNG LÝ LUẬN - THỰC TIỄN	Hội thảo về Tổng kết hai Pháp lệnh ngân hàng và xây dựng Luật ngân hàng	60

Bìa 1 : • *Rót thép vào khuôn của lò điện 30 tấn* • *Đài truyền hình Hà Nội* • *Trung tâm dâu tằm tơ*
Ảnh : TTXVN - TRẦN THÀNH CÔNG

Digitized by Google

СОДЕРЖАНИЕ

ДО МЫОЙ - Всегда дорожим братским и стратегическим вьетнамо-лаосским отношениям. ФАН ВАН ТЬЕМ - Сильные генеральные корпорации : преимущества и перспективы. НГУЕН МИНЬ ХАЙ - Сочетание развития экономики и укрепления обороны в процессе индустриализации и модернизации страны. ХОАНГ ДИНЬ ФУ - Политика технологической дифференциации и устойчивое развитие экономики. К 8ому Всенациональному Съезду Партийных Представителей. Семинар : " Некоторые проблемы социалистической ориентации в нашей стране". (Продолжение). ХА СУАН ЧЫОНГ - Социалистическая ориентация - научное понятие. ЧАН СУАН ЧЫОНГ - О целях социалистическеской ориентации. ДАНГ БИЕН - Что такое рыночная экономика с социалистической ориентацей ? Исследование - обмен мнениями. ЛЫУ ХА ВЙ - О мошеническом приёме "неклассовой идеологии". ЛЕ МИНЬ ХА - Подготовка нового поколения для 21ого века. Практика - Опыт. ФАМ ХАО - Государственное предприятие в провинции Куанг нам - Да нанг : реальное состояние и перспективы. ЛЕ ВАН ХА и ХОАНГ ВАН ТУЕН - Сельский кооператив Фыок шон II после года обновления. Мир : Проблемы, события - ВО ТХУ ФЫОНГ - Выжившая себя враждебная политика

CONTENTS

ĐỖ MƯỜI - Forever highly appreciate the strategic kith-and-kin relations between Vietnam and Laos. PHAN VĂN TIỆM - Strong general companies : Their advantages and perspectives. NGUYỄN MINH KHAI - Combining the economy with the national defence in the course of industrialisation and modernisation. HOÀNG ĐÌNH PHU - The policy of technological diversification and the stable development of the economy. *Towards the 8th National Congress of the Party's Delegates.* Seminar "Some problems on the socialist orientation in our country" (continuation) HÀ XUÂN TRƯỜNG - Socialist orientation - a scientific conception. TRẦN XUÂN TRƯỜNG - On the target of the socialist orientation. ĐẶNG BIỂN - What is the market economy under the socialist orientation ? *Research - Exchange of Views.* LƯU HÀ VĨ - On the lie about "a non-class ideology" LÊ MINH HÀ - How to form the generation for the 21st century. *Practice - Experience.* PHẠM HẠO - State enterprises in Quang Nam - Da Nang province : Real status and solutions. LÊ VĂN KHÁ and HOÀNG VĂN TUYÊN - The Phuoc Son agricultural cooperative N°2 after one year of renovation. *The World : Its Problems and Facts.* VÕ THU PHƯƠNG - An old-fashioned policy of enmity.

SOMMAIRE

ĐỖ MƯỜI - Respecter toujours les étroites relations amicales à signification stratégique entre le Vietnam et le Laos. PHAN VĂN TIỆM - Une compagnie générale puissante - avantages et perspectives. NGUYỄN MINH KHAI - Associer l'économie et la défense nationale dans l'industrialisation et la modernisation. HOÀNG ĐÌNH PHU - La politique de multiformisation technologique et le développement stable de l'économie. *Vers le VIIIe Congrès national du Parti.* Séminaire "Quelques problèmes sur l'orientation socialiste dans notre pays" (suite). HÀ XUÂN TRƯỜNG - L'orientation socialiste - une notion scientifique. TRẦN XUÂN TRƯỜNG - Sur l'objectif de l'orientation socialiste. ĐẶNG BIỂN - Qu'est-ce que c'est l'économie de marché selon l'orientation socialiste ? *Etudes - Echange de vues.* LƯU HÀ VĨ - Sur la soi-disant "inconscience de classe". LÊ MINH HÀ - Afin de former une génération pour le XXIe siècle. *Pratique - Expérience.* PHẠM HẠO - Les entreprises d'Etat au Quang Nam - Da Nang : Etat réel et solutions. LÊ VĂN KHÁ et HOÀNG VĂN TUYÊN - La coopérative agricole de Phuoc Son II après un an de renouveau. *Le monde : Problèmes, Evénements.* VÕ THU PHƯƠNG - Une politique hostile démodée.

SUMARIO

ĐỖ MƯỜI - El eterno respeto de las entrañables relaciones de significado estratégico entre Vietnam y Laos. PHAN VĂN TIỆM - La corporación en fuerza : Ventajas y perspectivas. NGUYỄN MINH KHAI - Combinación entre la economía y la defensa nacional en el proceso de la industrialización y modernización. HOÀNG ĐÌNH PHU - La política de diversificación tecnológica con el desarrollo sólido de la economía. *Hacia el Octavo Congreso nacional del Partido.* Simposio "Algunos problemas sobre la orientación socialista en Vietnam" (continuación). HÀ XUÂN TRƯỜNG - Orientación socialista - un concepto científico. TRẦN XUÂN TRƯỜNG - Sobre el objetivo de la orientación socialista. ĐẶNG BIỂN - ¿Qué es la economía de mercado a la orientación socialista ? *Estudios - Intercambios.* LƯU HÀ VĨ - Sobre el engaño "la ideología sin clases". LÊ MINH HÀ - Por una generación de hombres para el siglo XXI. *Prácticas y Experiencias.* PHẠM HẠO - Las empresas estatales en la provincia de Quảng Nam - Đà Nẵng : Estado real y soluciones. LÊ VĂN KHÁ y HOÀNG VĂN TUYÊN - La cooperativa agrícola Phước Sơn II tras un año de renovación. *El Mundo : Problemas y Acontecimientos.* VÕ THU PHƯƠNG - Una política hostil cáduca.

目錄

● 杜梅：永遠珍惜越南——老撾具有戰略意義的緊密關系 ● 范文漸：實力雄厚的總公司：優勢和展望 ● 阮明凱：工業化、現代化進程中相互結合的經濟和國防 ● 黃庭夫：多樣性工藝政策與經濟穩固發展 ● 迎接黨的第八次全國代表大會★★★關于我國社會主義定向問題的研討會(續上期) ● 何春長：社會主義定向——一個科學概念 ● 陳春長：有關社會主義定向的目標 ● 鄧邊：什么是按社會主義定向的市場經濟？ ● 研究——交換 ★★★ 劉何偉：一種騙人的把戲——"非意識形態" ● 黎明河：爲21世紀准備人才 ● 實踐——經驗 ★★★ 范好：廣南——峴港的國有企業：實際狀況及解決的辦法 ● 黎文可和黃文選：革新一周年后的第二福山農業合作社 ● 世界：問題——事件 ★★★ 武洋方：一個過時的敵對政策

Digitized by Google

MÃI MÃI TRÂN TRỌNG MỐI QUAN HỆ CHÍ CỐT CÓ Ý NGHĨA CHIẾN LƯỢC VIỆT - LÀO

ĐỖ MƯỜI
Tổng bí thư Đảng CSVN

Lời Bộ biên tập : *Từ 18 đến 20 - 3 - 1996 tại Hội trường Quốc hội Lào ở thủ đô Viêng-chăn đã diễn ra Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VI Đảng nhân dân cách mạng Lào. Tham dự Đại hội có 381 đại biểu, đại diện cho 78 000 đảng viên thuộc các đảng bộ trong cả nước. Dự Đại hội còn có một số đoàn đại biểu các đảng bạn, trong đó có Đoàn đại biểu Đảng CSVN do đồng chí Tổng bí thư Đỗ Mười dẫn đầu.*

Tại diễn đàn Đại hội, đồng chí Đỗ Mười đã phát biểu ý kiến chào mừng. ***Tạp chí Cộng sản*** *xin trân trọng giới thiệu bài phát biểu quan trọng của đồng chí Tổng bí thư. Đầu đề do chúng tôi đặt.*

Quang cảnh Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VI Đảng nhân dân cách mạng Lào
Ảnh : TTXVN

Digitized by Google

Thưa đồng chí Chủ tịch Khăm-tày Xi-phăn-đon kính mến,

Thưa Đoàn Chủ tịch Đại hội,

Thưa các đồng chí đại biểu Đại hội,

Thưa các đoàn đại biểu quốc tế,

Chúng tôi rất phấn khởi được thay mặt Đảng cộng sản Việt nam tham dự Đại hội lần thứ VI Đảng nhân dân cách mạng Lào. Nhân dịp vui mừng này, chúng tôi xin chuyển đến Đại hội, đến Đảng NDCM Lào và nhân dân các bộ tộc Lào anh em những lời chào mừng nồng nhiệt nhất.

Đại hội lần thứ VI của Đảng NDCM Lào là một sự kiện có ý nghĩa đặc biệt quan trọng trong đời sống chính trị - xã hội của đất nước Lào, nhất định sẽ tạo ra bước phát triển mạnh mẽ trong sự nghiệp đổi mới, tiếp tục xây dựng và phát triển chế độ dân chủ nhân dân, tạo các tiền đề để từng bước vững chắc đưa nước Lào tiến lên chủ nghĩa xã hội.

Thưa các đồng chí,

Đoàn đại biểu Đảng cộng sản Việt nam đã chăm chú lắng nghe Báo cáo chính trị của Ban chấp hành trung ương khóa V Đảng NDCM Lào do đồng chí Chủ tịch BCH TƯ Đảng Khăm-tày Xi-phăn-đon, người chiến sĩ cách mạng kiên cường, nhà lãnh đạo xuất sắc của Đảng và nhân dân Lào trình bày tại Đại hội. Đây là một văn kiện tổng kết thực tiễn của cách mạng Lào phù hợp với thời đại, thể hiện tinh thần độc lập tự chủ, tự lực tự cường, vạch ra đường lối đúng đắn để tiếp tục thực hiện lý tưởng, mục tiêu, khát vọng của nhân dân các bộ tộc Lào.

Trong mười năm qua, dưới sự lãnh đạo sáng suốt của Đảng NDCM Lào, nhân dân các bộ tộc Lào đã vượt qua nhiều khó khăn, thử thách để tiến hành công cuộc đổi mới, đạt được những thành tựu to lớn và quan trọng:

- Kinh tế tăng trưởng liên tục, nhất là trong 5 năm qua, kết hợp chặt chẽ với giải quyết các vấn đề xã hội ; chính trị ổn định ; đời sống nhân dân các bộ tộc Lào được cải thiện rõ rệt.

- Hệ thống chính trị từng bước được đổi mới.

- Quốc phòng - an ninh được củng cố ; thành quả cách mạng được bảo vệ ; trật tự, an toàn xã hội được bảo đảm.

- Quan hệ đối ngoại rộng mở ; địa vị của CHDCND Lào trên trường quốc tế ngày càng được nâng cao.

Đảng cộng sản Việt nam và nhân dân Việt nam nhiệt liệt chào mừng những thành tựu đó của Đảng và nhân dân Lào anh em, làm cho bộ mặt của đất nước Triệu Voi ngày thêm tươi đẹp, góp phần tích cực vào sự nghiệp hòa bình, hợp tác và phát triển ở Đông - Nam Á và khu vực châu Á - Thái bình dương.

Báo cáo chính trị trình bày tại Đại hội của các đồng chí đã nêu lên mục tiêu, phương hướng, nhiệm vụ, bước đi của công cuộc đổi mới ở Lào từ nay đến năm 2000 phù hợp với điều kiện thực tế của Lào, tăng cường sự lãnh đạo của Đảng NDCM Lào, củng cố khối đại đoàn kết thống nhất của toàn thể nhân dân các bộ tộc Lào, nêu cao tinh thần độc lập tự chủ, tự lực tự cường, kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại. Điều đó mở ra những triển vọng hết sức tốt đẹp cho CHDCND Lào bước vào thế kỷ 21, phát huy mạnh mẽ sức sáng tạo của nhân dân đi đôi với mở rộng hợp tác quốc tế, khai thác có hiệu quả hơn mọi khả năng tiềm tàng của đất nước Lào.

Nhân dịp này, chúng tôi xin chân thành cảm ơn và đánh giá cao chủ trương của Đại hội không ngừng tăng cường tình đoàn kết đặc biệt và đẩy mạnh quan hệ hợp tác toàn diện giữa hai Đảng và nhân dân hai nước Việt - Lào anh em, tiếp tục đổi mới và nâng cao hiệu quả của sự hợp tác đó.

Thưa các đồng chí,

Hiện nay, chúng tôi đang tích cực chuẩn bị Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VIII của Đảng cộng sản Việt nam nhằm tổng kết kinh nghiệm 10 năm đổi mới, bổ sung và hoàn thiện đường lối đổi mới, xác định phương hướng, nhiệm vụ kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 1996 - 2000 và mục tiêu phấn đấu đến năm 2020. Công cuộc đổi mới trong 10 năm qua ở Việt nam đã thu được những thành tựu to lớn, có ý nghĩa rất quan trọng. Nhiệm vụ mà Đại hội VII Đảng cộng sản Việt nam đề ra cho 5 năm 1991 - 1995 đã được hoàn thành về cơ bản. Đất nước chúng tôi đã ra khỏi khủng hoảng kinh tế - xã hội, mặc dù còn một số mặt chưa được

Digitized by Google

củng cố vững chắc. Nhiệm vụ đề ra cho chặng đường đầu của thời kỳ quá độ là chuẩn bị tiền đề cho công nghiệp hóa đã hoàn thành về cơ bản, tạo ra thế và lực cho phép chuyển đất nước sang một thời kỳ phát triển mới, thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa, nhằm đưa Việt nam trở thành một nước công nghiệp sau vài ba thập kỷ. Nhiệm vụ của toàn Đảng, toàn dân chúng tôi từ nay đến năm 2000 là trên cơ sở kiên định chủ nghĩa Mác - Lê nin và tư tưởng Hồ Chí Minh, ra sức đẩy mạnh công cuộc đổi mới một cách toàn diện và đồng bộ, tiếp tục phát triển nền kinh tế nhiều thành phần, vận động theo cơ chế thị trường có sự quản lý của nhà nước, theo định hướng xã hội chủ nghĩa, nhằm mục tiêu dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, văn minh.

Chúng tôi tiếp tục thực hiện chính sách đối ngoại độc lập, tự chủ, rộng mở theo hướng đa dạng hóa và đa phương hóa. Chính sách đối ngoại của Đảng và Nhà nước chúng tôi là tăng cường quan hệ hữu nghị và sự hợp tác nhiều mặt với các nước láng giềng và các nước khác trong khu vực, với các nước xã hội chủ nghĩa và bạn bè truyền thống ; đồng thời mở rộng quan hệ hợp tác với tất cả các nước, các trung tâm kinh tế - chính trị trên thế giới ; tích cực tham gia các cơ chế đa phương thích hợp trên cơ sở các nguyên tắc tôn trọng độc lập, chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ của nhau, không can thiệp vào công việc nội bộ của nhau, hợp tác bình đẳng và cùng có lợi.

Đảng cộng sản Việt nam tiếp tục tăng cường tình đoàn kết và quan hệ hợp tác với tất cả các đảng cộng sản và công nhân, với các đảng, các phong trào chính trị tiến bộ và nhân dân thế giới đang phấn đấu cho hòa bình, độc lập dân tộc, dân chủ và tiến bộ xã hội. Đồng thời, Đảng chúng tôi cũng tiếp tục phát triển quan hệ với các đảng cầm quyền nhằm thúc đẩy quan hệ về mặt nhà nước và quan hệ đối ngoại nhân dân, góp phần tăng cường tình hữu nghị và sự hiểu biết lẫn nhau giữa các dân tộc trên thế giới.

Thưa các đồng chí,

Đảng cộng sản Việt nam và Đảng NDCM Lào cùng chung một cội nguồn, chung một lý tưởng, gắn bó keo sơn bởi tình hữu nghị đoàn kết đặc biệt và sự hợp tác anh em toàn diện. Quan hệ Việt - Lào do Chủ tịch Hồ Chí Minh vĩ đại và Chủ tịch Cay-xỏn Phôm-vi-hản kính mến cùng hai Đảng chúng ta dày công xây dựng, vun đắp, trải qua thời gian và thử thách ngày càng trở nên bền vững. Đó là mối quan hệ quốc tế mẫu mực, thủy chung, trong sáng, như Chủ tịch Hồ Chí Minh đã nói :

Việt Lào hai nước chúng ta
Tình sâu hơn nước Hồng hà, Cửu long.

Từ trái tim mình, các thế hệ người Việt nam ngày nay và mai sau mãi mãi trân trọng mối quan hệ chí cốt có ý nghĩa chiến lược ấy, coi đó là tài sản quý giá, truyền thống tốt đẹp làm nên sức mạnh to lớn của hai Đảng, hai dân tộc Việt - Lào chúng ta. Chúng tôi nguyện làm hết sức mình để bảo vệ và không ngừng phát triển mối quan hệ đó, ra sức đổi mới nội dung, phương thức và cơ chế hợp tác Việt - Lào trên mọi lĩnh vực phù hợp với tình hình mới nhằm đạt hiệu quả thiết thực, vì lợi ích của nhân dân hai nước, vì hòa bình, ổn định và phát triển ở Đông - Nam Á và khu vực châu Á - Thái bình dương.

Tại diễn đàn trọng thể của Đại hội hôm nay, một lần nữa thay mặt Đảng, Nhà nước và nhân dân Việt nam , tôi xin bày tỏ lòng biết ơn sâu sắc đối với Đảng, Nhà nước và nhân dân các bộ tộc Lào về tình đoàn kết và sự giúp đỡ to lớn, chí tình đối với cách mạng Việt nam suốt nhiều thập kỷ qua, trong cuộc đấu tranh giành độc lập dân tộc, thống nhất đất nước trước đây cũng như trong sự nghiệp đổi mới, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc hiện nay của chúng tôi.

Thưa các đồng chí,

Chúng tôi tin tưởng sâu sắc rằng Nghị quyết Đại hội lần thứ VI Đảng NDCM Lào sẽ soi đường cho nhân dân các bộ tộc Lào tiếp tục tiến lên mạnh mẽ, giành nhiều thắng lợi to lớn hơn nữa trong công cuộc đổi mới, nhằm xây dựng nước Lào hòa bình, độc lập, dân chủ, thống nhất và thịnh vượng. Với tình cảm đồng chí, anh em thắm thiết, chúng tôi xin kính chúc Đại hội VI Đảng NDCM Lào thành công rực rỡ. Đảng NDCM Lào quang vinh muôn năm ! Tình hữu nghị, đoàn kết đặc biệt và sự hợp tác toàn diện giữa hai Đảng và nhân dân hai nước Việt nam - Lào đời đời bền vững ! ❑

Digitized by Google

TỔNG CÔNG TY MẠNH : LỢI THẾ VÀ TRIỂN VỌNG

PHAN VĂN TIỆM *

CÔNG nghiệp hóa, hiện đại hóa tất yếu sẽ làm gia tăng quá trình tập trung hóa sản xuất xã hội cả về quy mô, phạm vi và cường độ. Trong vài ba thập kỷ gần đây, ở các nước Đông Á và Đông - Nam Á, quá trình nói trên diễn ra với nhịp độ rất nhanh, tương ứng với tốc độ tăng trưởng cao của các nền kinh tế. Một nét đặc trưng nổi bật của quá trình tập trung hóa ở các nền kinh tế đó là sự hình thành và phát triển với tốc độ cao của các tập đoàn kinh tế. Lịch sử ra đời, phát triển các tập đoàn kinh tế tầm cỡ quốc gia, quốc tế trong hầu hết các nền kinh tế đã minh chứng điều đó. Những tập đoàn này đã trở thành lực lượng chủ đạo làm nòng cốt cho công nghiệp và thương mại, mở cửa ra bên ngoài và làm tăng nhanh tiềm lực kinh tế quốc gia ; đóng vai trò nổi bật trong công nghiệp, thương mại khu vực và quốc tế.

Ở nước ta, việc hình thành các tổng công ty trong hệ thống doanh nghiệp nhà nước được bắt đầu khá sớm : ở miền Bắc trong thập kỷ 60, đặc biệt phát triển mạnh vào cuối thập kỷ 70 và trong thập kỷ 80 trên phạm vi cả nước. Đến năm 1991 - 1992, ở các ngành và một số địa phương (chủ yếu là các thành phố lớn) đã từng tồn tại khoảng 150 tổng công ty và liên hiệp các xí nghiệp quốc doanh, chủ yếu là loại hoạt động trong phạm vi toàn quốc. Sự phân bố của các đơn vị này khá rộng và có trong hầu hết các ngành chủ yếu của nền kinh tế quốc dân từ công nghiệp nặng, công nghiệp nhẹ và thực phẩm, nông nghiệp, xây dựng, giao thông vận tải, thương mại, du lịch và dịch vụ, đến xuất nhập khẩu.

Hạn chế lớn nhất của các tổng công ty nhà nước và liên hiệp các xí nghiệp quốc doanh ở các thời kỳ nói trên là được tổ chức và hoạt động theo cơ chế tập trung bao cấp kèm theo một số chức năng quản lý nhà nước (nhiều trường hợp là biến thể của các cục quản lý sản xuất hoặc lưu thông trong các ngành kinh tế - kỹ thuật). Sự lẫn lộn giữa chức năng quản lý nhà nước và hoạt động kinh doanh trên thực tế đã làm cho các tổng công ty và liên hiệp xí nghiệp này biến thành một tổ chức hành chính trung gian. Những hạn chế đó dẫn đến khả năng tập trung hóa và tích tụ của những doanh nghiệp nhà nước không được thực hiện tốt. Nhiều tổng công ty và liên hiệp có quan hệ "cứng" với các đơn vị thành viên của mình, hoặc quan hệ "lỏng" đến mức không khác gì các hiệp hội của các doanh nghiệp nhà nước trong một ngành có phạm vi toàn quốc, vùng hoặc địa phương lớn.

Vào các năm 1992 - 1993, khi triển khai việc sắp xếp lại các doanh nghiệp nhà nước, đăng ký để thành lập lại các đơn vị cơ sở theo những tiêu chuẩn pháp lý chặt chẽ (về vốn pháp định, thực trạng tài chính, khả năng thị trường v.v.) thì tất cả các đơn vị thành viên trước đây của các tổng công ty hoặc liên hiệp các xí nghiệp quốc doanh đều trở thành các doanh nghiệp độc lập, một pháp nhân kinh tế hoàn chỉnh. Nói cách khác, các quan hệ liên kết dù theo dạng "cứng" hoặc dạng "lỏng lẻo" về pháp lý giữa tổng công ty, liên hiệp và các thành viên chỉ còn tồn tại trên hình thức, tức là không bị tuyên bố giải thể nhưng trên thực tế chỉ

* GS, TS kinh tế, Ủy viên Trung ương Đảng,
Trưởng Ban chỉ đạo trung ương đổi mới doanh nghiệp

Digitized by Google

còn các văn phòng (với một bộ máy quản lý tự xoay xở kinh doanh tìm việc làm, tạo doanh thu để có thu nhập nuôi sống đội ngũ cán bộ gián tiếp của mình). Đối với các đơn vị thành viên đã được tổ chức lại, đăng ký kinh doanh theo Nghị định 388/HĐBT thì quan hệ với tổng công ty, liên hiệp cũng không còn ý nghĩa pháp lý và tác dụng là bao. Một số tổng công ty, nhất là trong ngành lưu thông - phân phối, do còn duy trì việc nắm giữ một phần vốn nên còn có một số quan hệ điều hành kinh doanh, song cũng không còn quan hệ pháp lệnh hoặc hành chính cấp trên như trước đây.

Trong vòng 2 năm thực hiện Nghị định 388/HĐBT, hệ thống doanh nghiệp nhà nước được khẳng định đầy đủ hơn các quyền tự chủ kinh doanh; quyền quyết định của tổng giám đốc (giám đốc) trên nhiều lĩnh vực điều hành doanh nghiệp. Đồng thời, qua sắp xếp các đơn vị cơ sở doanh nghiệp, nhà nước đã tiếp tục thực thi các giải pháp nhằm phân biệt hoạt động quản lý nhà nước (bộ, ngành, chính quyền địa phương) đối với công việc tác nghiệp hằng ngày của doanh nghiệp. Tình trạng "vừa đá bóng vừa thổi còi" cũng như phân biệt và kết hợp quyền hạn, trách nhiệm và nghĩa vụ trước pháp luật trong các doanh nghiệp cũng được xử lý một bước rành mạch hơn.

Việc thực hiện Quyết định 217/HĐBT và Nghị định 388/HĐBT đã tăng cường được tính độc lập tự chủ trong kinh doanh của các đơn vị cơ sở, nhưng cũng đã bộc lộ nhược điểm lớn của hệ thống doanh nghiệp nhà nước là tính phân tán, manh mún, chồng chéo, trùng lắp về chức năng kinh doanh. Đại bộ phận các doanh nghiệp này có quy mô nhỏ và quá nhỏ (khoảng 1/2 tổng số doanh nghiệp nhà nước có vốn dưới 1 tỉ đồng Việt nam), khả năng tiếp thị, tái đầu tư qua tích tụ rất hạn chế. Nhược điểm này làm giảm đáng kể khả năng huy động tiềm năng còn rất lớn trong từng doanh nghiệp cũng như của cả hệ thống doanh nghiệp. Kết quả là hiệu quả kinh tế thấp, khó hiện đại hóa và hạn chế vai trò nòng cốt của doanh nghiệp nhà nước cũng như vai trò chủ đạo của hệ thống kinh tế nhà nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa trong nền kinh tế nhiều thành phần.

Để khắc phục những nhược điểm nói trên, tăng cường khả năng tích tụ, tái đầu tư và thúc đẩy quá trình tập trung hóa với các mức độ thích hợp, tăng sức mạnh cạnh tranh trên thị trường trong và ngoài nước của hệ thống doanh nghiệp nhà nước trong quá trình đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, Chính phủ đã ban hành Quyết định 90 TTg và 91 TTg (quý 1-1994), Quốc hội đã thông qua Luật doanh nghiệp nhà nước (4-1995), đã khẳng định mô hình tổ chức các tổng công ty nhà nước. Theo đó, đến nay Chính phủ đã quyết định thành lập 18 tổng công ty nhà nước theo mô hình tập đoàn kinh doanh (theo Quyết định 91 TTg) và hơn 50 tổng công ty nhà nước do các bộ, ngành trung ương và một số địa phương quyết định thành lập. Dự kiến đến cuối 1996 có thể có trên dưới 100 tổng công ty nhà nước bao quát khoảng 2 000 đơn vị cơ sở trong tổng số hơn 6 000 doanh nghiệp nhà nước đã đăng ký thành lập lại vào cuối năm 1994, đầu năm 1995 theo Nghị định 388/HĐBT.

Việc hình thành các tổng công ty lớn là nhằm phát huy những ưu thế của các doanh nghiệp mạnh trong hệ thống doanh nghiệp nhà nước để đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. Có thể khái quát những ưu thế của các tổng công ty đó như sau :

- Tập trung mọi nguồn lực mà trước hết là vốn, lao động, kỹ thuật và chuyên gia giỏi vào các doanh nghiệp lớn làm đầu tầu, nòng cốt trong hệ thống doanh nghiệp nhà nước ; tạo ra khả năng nhanh chóng đổi mới công nghệ trong các ngành và lĩnh vực then chốt quan trọng của nền kinh tế.

- Tập trung sức mạnh của cả hệ thống doanh nghiệp nhà nước trong nước để tăng sức cạnh tranh trong khu vực và trên thị trường thế giới, trước hết là nhằm vào một số ngành mà nước ta có tiềm năng và ưu thế cạnh tranh.

- Tạo khả năng tích tụ nhanh trên cơ sở hiệu quả kinh tế được nâng cao, trong những ngành quan trọng mà nước ta có lợi thế.

Digitized by Google

- Tạo ra sức mạnh mới để doanh nghiệp nhà nước có thể giữ vững, phát huy và nâng cao vai trò chủ đạo, bảo đảm định hướng xã hội chủ nghĩa của nền kinh tế, trong đó kinh tế nhà nước và kinh tế tập thể dần trở thành nền tảng kinh tế cho chế độ xã hội mới.

Việc thành lập các tổng công ty mạnh không phải là lần đầu thử nghiệm và phát triển các hình thức tổ chức, liên hiệp sản xuất kinh doanh ; có thể xem đây là một đợt tổ chức lại các tổng công ty trên cơ sở đánh giá mô hình tổng công ty, liên hiệp các xí nghiệp quốc doanh tồn tại trong 2 - 3 thập kỷ ở miền Bắc và trong 2 thập kỷ ở phạm vi cả nước.

Có thể khẳng định : ngoài một số tác dụng nhất định đối với sự phát triển của lực lượng sản xuất, nhất là trong công nghiệp và thương mại thuộc sở hữu nhà nước, mô hình "tổng công ty - liên hiệp" vận hành trong cơ chế cũ và một phần trong cơ chế mới vừa qua là không thích hợp. Vận hành theo cơ chế cũ là nguyên nhân không tạo lập được các tổng công ty mạnh và không phát huy tốt các ưu thế của các tổng công ty, liên hiệp đó. Cũng trong 2 - 3 thập kỷ tương ứng, nhất là 2 thập kỷ gần đây, ở các nước xung quanh ta đã có sự phát triển, trưởng thành vượt bậc của nhiều tập đoàn kinh doanh, trong đó không ít các tập đoàn thuộc sở hữu nhà nước hoặc do nhà nước thành lập, nhà nước giữ vị trí chi phối. Những tập đoàn như vậy đã trưởng thành từ khi có số vốn điều lệ mấy chục triệu đô la nay đã là những thực thể kinh tế có lực lượng hùng hậu với hàng chục tỉ đô la vốn sở hữu. Cũng trong thời gian đó, các tổng công ty liên hiệp ở nước ta hầu như không phát triển được vốn, thậm chí trường hợp bị thua lỗ, mất vốn không phải là cá biệt. Do đó, bản thân mô hình mới phải từ bỏ cơ chế cũ thì mới phát huy được các ưu thế vốn có của các tổng công ty mạnh ngay từ khi mới thành lập, trong đó đa số là thành lập lại trên cơ sở tổ chức lại các tổng công ty - liên hiệp trước đây.

Như vậy, việc thành lập lại không những là tổ chức lại theo mô hình mới, từ bỏ mô hình liên hiệp "lỏng lẻo" hoặc tổng công ty "cứng", tổng công ty "mềm" của quá khứ, mà nhân tố quyết định hơn là phải đổi mới căn bản cơ chế tổ chức và hoạt động. Khó khăn và phức tạp của việc xây dựng các tổng công ty này không phải là ở khâu quyết định thành lập bao nhiêu, khi nào thành lập. Thậm chí cũng không phải như một số ý kiến nêu ra trong quá trình thảo luận là do ta chỉ mới chủ trương thành lập tổng công ty nhà nước theo kiểu "một sở hữu đơn nhất", làm ngược từ trên xuống, gom đầu mối, chứ không phải phát triển từ dưới lên ; hoặc do ta không tôn trọng quá trình tự phát triển qua cạnh tranh, đào thải, thôn tính để hình thành tập đoàn lớn, công ty mạnh như vẫn thấy ở nhiều nước... Vấn đề đặt ra là tạo ra cơ chế mới thích hợp với nước ta trong giai đoạn hiện nay để khả dĩ các tổng công ty nhà nước vận hành một cách có hiệu quả, phát huy được các ưu thế vốn có của mô hình tổng công ty mạnh của nhà nước. Điều này không phải chỉ phát sinh vì nó là một mô hình mới, mà còn do bản thân cơ chế vận hành từ quản lý vĩ mô cho đến quản lý bên trong từng doanh nghiệp nhà nước thuộc mọi quy mô đều đang trong quá trình tìm kiếm thử nghiệm, khi mà những kinh nghiệm tốt chưa được tổng kết, những sức ỳ, thói quen thông qua các lợi ích cục bộ nhỏ hẹp còn tồn tại khá phổ biến, dai dẳng không dễ thay đổi một cách căn bản như mong muốn.

Một mảng lớn của cơ chế mới này tập trung vào các thể chế quản lý vĩ mô, quản lý nhà nước và trong bản thân từng doanh nghiệp. Quản lý tài chính còn tồn tại khá nhiều điểm cũ kỹ, chưa được khắc phục kịp thời ; quyền và trách nhiệm của các thể nhân và pháp nhân trước luật pháp và trước cơ quan quản lý nhà nước cấp trên doanh nghiệp chưa thể nói là đã được phân định đủ mức rành rọt. Không tập trung sức tháo gỡ những tồn tại do chế độ "chủ quản" gây ra, do sự bất cập của cơ chế xử lý các quan hệ tài chính bên trong tổng công ty và từ trên, từ bên ngoài dội vào tổng công ty và mỗi doanh nghiệp thành viên, thì cơ chế mới cho mô hình mới sẽ chậm ra đời. Thực tiễn

Digitized by Google

đang có sự đòi hỏi bức xúc là phải tháo gỡ ngay cơ chế để làm sao phát huy đầy đủ hơn tính chủ động, sáng tạo của doanh nghiệp thành viên và tính tập trung hợp lý, để phát huy sức mạnh của tổng công ty như một doanh nghiệp lớn.

Cần khẳng định (như trong Luật doanh nghiệp nhà nước) sự cần thiết giao quyền quản lý cao nhất và giải quyết những vấn đề chiến lược trong tổng công ty như nhân sự, đầu tư, thị trường cho tập thể hội đồng quản trị. Đồng thời, cần thực hiện cho được việc tập trung quyền điều hành toàn bộ hoạt động của tổng công ty cho tổng giám đốc. Đó là loại vấn đề cần có thời gian và tổng kết kịp thời kinh nghiệm thực tiễn của bản thân các tổng công ty. Mọi sự sao chép đơn giản cũng như coi thường kinh nghiệm thành công của các tập đoàn kinh doanh các nước đều cản trở việc sớm tìm ra cách làm có hiệu quả cho các tổng công ty mạnh của nước ta trong thời kỳ phát triển sôi động, đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

Một vấn đề nữa được đặt ra là dường như có mâu thuẫn giữa việc lập ra các tổng công ty mạnh và việc chống độc quyền công ty. Cạnh tranh đúng pháp luật vốn là một yếu tố tích cực, làm tăng động lực và sức sống cho bất kỳ một nền kinh tế nào. Trong điều kiện chưa ban hành được luật kiểm soát độc quyền, khuyến khích cạnh tranh lành mạnh, nhà nước ta cần vận dụng những kinh nghiệm điều hành vĩ mô trong việc phát huy công cụ điều tiết bằng kế hoạch trong từng năm, từng quý, từng vụ sản xuất, lưu thông và tiêu dùng đối với những sản phẩm có ảnh hưởng lớn đến sản xuất và đời sống nhân dân trong các ngành, lĩnh vực quan trọng và các địa bàn trọng yếu của nền kinh tế. Kinh nghiệm cho thấy, dù có ban hành đầy đủ các đạo luật thì bản lĩnh điều hành của các cơ quan nhà nước luôn có ý nghĩa quyết định, giữ cho nền kinh tế, cho sản xuất và đời sống xã hội ổn định, hài hòa và sẽ loại trừ được những tác hại do các loại độc quyền trên thị trường gây ra ❑

Kết hợp...

(Tiếp theo trang 12)

lợi dụng ; hoặc là quá nhấn mạnh lợi ích quốc phòng - an ninh gây cản trở khó khăn và nhiều khi bỏ lỡ thời cơ của các hoạt động kinh tế đối ngoại. Tệ quan liêu đã sinh ra nhiều cơ quan với chức năng, nhiệm vụ chồng chéo, chạy theo lợi ích cục bộ, địa phương, nên đã để xảy ra quá nhiều "nghịch lý", không ít trường hợp "quân ta đánh quân mình", để cho người khác hưởng lợi. .. Như vậy, trên phương diện hướng ngoại đang có chiều hướng làm nảy sinh mâu thuẫn giữa phát triển kinh tế và bảo vệ chủ quyền an ninh quốc gia. Để từng bước tháo gỡ mâu thuẫn, phục vụ tốt nhất cho sự nghiệp CNH, HĐH, quân đội, công an cùng các cấp, các ngành phải có sự phối hợp chặt chẽ để không vì quá nhấn mạnh mặt này mà làm thiệt hại đến mặt kia. Chúng ta cần có tư duy mới thông thoáng hơn, dám đương đầu, dám trả giá, không vì diễn biến phức tạp của tình hình mà co lại, "cố thủ", cùng nhau tìm cách lợi dụng tình thế, chủ động hợp tác và đối phó, hạn chế đến mức tối đa những thiệt hại về kinh tế, chính trị, giữ vững an ninh quốc phòng và ổn định chính trị để phát triển kinh tế. Đồng thời phải giáo dục cán bộ và nhân dân cảnh giác với âm mưu phá hoại của kẻ thù, giữ vững an ninh chính trị và ổn định xã hội.

Thực tiễn những năm đổi mới vừa qua và dự báo tình hình có thể xảy ra trong những năm tới cho thấy, thực hiện mô hình CNH, HĐH hướng ngoại, cần có sự cân nhắc kỹ lưỡng trên cơ sở những điều kiện bên trong; phải có quan điểm toàn diện về các mặt kinh tế - chính trị - quốc phòng - an ninh, coi đó như một sợi dây chuyền cùng vận hành trong quá trình đi lên của dân tộc mà bất cứ một mắt khâu nào yếu cũng ảnh hưởng đến toàn bộ dây chuyền, và ngược lại ❑

Digitized by Google

KẾT HỢP KINH TẾ VỚI QUỐC PHÒNG TRONG QUÁ TRÌNH CÔNG NGHIỆP HÓA, HIỆN ĐẠI HÓA

NGUYỄN MINH KHẢI *

ĐẤT nước đang trong quá trình đẩy tới công nghiệp hóa (CNH), hiện đại hóa (HĐH). Trước mắt chúng ta, bên cạnh những thời cơ và vận hội mới là những nguy cơ, thách thức, và ngay trong thời cơ, tự bản thân nó cũng chứa đựng những nguy cơ nếu không có sự phối - kết hợp giữa tăng trưởng, phát triển và bảo vệ những thành quả đạt được. Tất cả những gì đã được xác định cho tiến trình CNH, HĐH ở Việt nam trong thời gian vừa qua đều nằm trong khuôn khổ một giả định rằng : sẽ không có đảo lộn lớn về kinh tế, chính trị và an toàn xã hội. Do vậy, theo lô-gíc hình thức, muốn phát triển, tăng trưởng trong thế ổn định về chính trị - xã hội thì ngay từ bây giờ, trong nhận thức cũng như trong hành động, phải có sự kết hợp chặt chẽ giữa tiến hành CNH, HĐH với bảo vệ quá trình đó, hơn thế nữa là bảo vệ CNH, HĐH theo định hướng xã hội chủ nghĩa. Với cách tiếp cận vấn đề như vậy chúng ta hiểu rõ, cuộc đọ sức của dân tộc ta lần này khác với thời kỳ chiến tranh, song không kém phần gay go, quyết liệt ; một trận chiến đấu không có giới tuyến rõ ràng và mang trong mình nó đầy những mâu thuẫn, và mâu thuẫn chứa ẩn ngay trong từng con người, cùng với những ẩn số mà chúng ta là người phải giải đáp.

Thực tế trong những năm qua cho thấy, cùng với việc mở rộng quan hệ kinh tế là sự tăng sức ép và chống phá ta về kinh tế và chính trị... Mặc dù cho đến nay, an ninh quốc gia vẫn được bảo đảm, ổn định chính trị vẫn được giữ vững, quá trình CNH, HĐH đã thu được những thắng lợi bước đầu và đang trên đà phát triển, song chúng ta cũng thấy đã có không ít sơ hở, mất cảnh giác trong hoạt động kinh tế đối ngoại, do những yếu kém về năng lực, trình độ và cả ý thức giữ gìn an ninh của chúng ta .

Sau khi thất bại bằng quân sự, với âm mưu phục thù, những thế lực thù địch với chế độ ta chuyển sang dùng những biện pháp phi quân sự, trong đó biện pháp kinh tế được coi là "mũi giáp công" chủ đạo. Trong lĩnh vực đó tiềm lực và thế mạnh của họ hơn ta nhiều lần. Họ dùng nhiều thủ đoạn khác nhau vừa tinh vi, khôn khéo, vừa trắng trợn, nham hiểm như : bao vây, cấm vận, "tiếp xúc, hòa nhập", thực hiện "diễn biến hòa bình", "xâm lăng kinh tế", tổ chức gây bạo loạn, lật đổ chế độ... Theo nhiều tài liệu thu thập được, đây là kịch bản đang được áp dụng đối với Việt nam và những kịch bản này đã từng được thực hiện và gặt hái được kết quả nhất định ở các nước Đông Âu và Liên xô trước đây. Thêm vào đó, những tranh chấp về lãnh thổ, nhất là chủ quyền trên biển và các vùng hải đảo, nơi được đánh giá là có nhiều tiềm năng về dầu khí và khoáng sản cũng đang có những diễn biến rất phức tạp. Trách nhiệm lớn lao của các thế hệ người Việt nam là phải bảo vệ kỳ được độc lập chủ quyền của quốc gia, vận mệnh của dân tộc.

Tình hình mới đòi hỏi chúng ta phải có tư duy mới về kết hợp kinh tế với quốc phòng nhằm mục tiêu xuyên suốt là "dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng và văn minh". Trong điều kiện xã hội còn tồn tại giai cấp và đấu tranh giai cấp, còn có mưu đồ thôn tính và gây ảnh hưởng của dân tộc này đối với dân tộc khác thì kết hợp kinh tế với quốc phòng là vấn đề có tính quy luật. Tính khách quan khoa học của kết hợp trên được quy định bởi mối liên hệ biện chứng giữa kinh tế với chiến tranh, giữa xây dựng kinh tế với bảo vệ nền kinh tế. Các nhà kinh điển của chủ nghĩa

* Học viện chính trị - quân sự

Digitized by Google

Mác - Lê-nin cho rằng : kinh tế và chiến tranh có tác động qua lại lẫn nhau. Quốc phòng là hoạt động chuẩn bị đối phó chiến tranh hoặc răn đe để đẩy lùi chiến tranh, nên quốc phòng chịu sự chi phối của kinh tế. Sự chi phối này được biểu hiện trên các mặt : sử dụng nhân lực cho quốc phòng, cơ cấu của lực lượng vũ trang, trang bị cơ sở vật chất kỹ thuật và bảo đảm hậu cần cho quân đội, khả năng động viên và chuẩn bị động viên kinh tế cho chiến tranh... Quốc phòng, đến lượt nó, cũng tác động trở lại quá trình phát triển kinh tế thông qua bảo vệ an ninh của Tổ quốc, bảo vệ nền kinh tế, tạo môi trường chính trị - xã hội - an ninh ổn định cho sự phát triển kinh tế. Không những thế, những năng lực sản xuất quốc phòng, khả năng công nghệ và vốn tri thức khoa học, kỹ thuật quân sự có thể được huy động để tham gia vào tiến trình phát triển kinh tế - xã hội. Như vậy, có thể nói rằng kinh tế mạnh là điều kiện để cho quốc phòng mạnh, và ngược lại, quốc phòng mạnh sẽ tạo ra những lợi thế cho sự phát triển kinh tế.

Đối với nước ta, kết hợp kinh tế với quốc phòng còn là sự tiếp nối và kế tục truyền thống dựng nước và giữ nước của cha ông ta, là sự đòi hỏi khách quan của lịch sử dân tộc trong thời kỳ CNH, HĐH. Do vị trí địa lý và tài nguyên, lịch sử dân tộc ta từ thời các vua Hùng là lịch sử dựng nước gắn liền với cầm vũ khí chống giặc ngoại xâm để giữ nước, gây "nền thái bình, thịnh trị cho dân tộc". Tư tưởng kết hợp kinh tế với quốc phòng thể hiện rất rõ trong chính sách "ngụ binh ư nông", "động vi binh, tĩnh vi dân" ; thực hiện "khoan thư sức dân", "thực túc binh cường"; mở rộng "khai hoang lập ấp" ở nơi biên ải xung yếu để "phục binh sẵn, phá thế giặc dữ" của ông cha ta trước đây. Tổ tiên ta còn chú trọng phát triển các ngành nghề thủ công ở các làng xã để sẵn sàng sản xuất vũ khí cho quân đội khi có giặc ngoại xâm và mở mang đường sá ; xây dựng đê điều, làm thủy lợi để vừa phát triển và giao lưu kinh tế, vừa tăng sức cơ động cho quân đội khi có chiến tranh, tạo ra thế "thiên la, địa võng" của chiến tranh nhân dân, đủ sức đánh thắng mọi kẻ thù xâm lược cho dù chúng mạnh hơn ta gấp bội.

Trong cuộc kháng chiến 9 năm chống thực dân Pháp, Đảng ta và Chủ tịch Hồ Chí Minh đã chỉ đạo toàn dân kết hợp kinh tế với quốc phòng, "vừa kháng chiến vừa kiến quốc", "vừa chiến đấu vừa tăng gia sản xuất và thực hành tiết kiệm". Sau thắng lợi của cuộc kháng chiến chống Pháp, trước khi về tiếp quản Thủ đô, Bác Hồ căn dặn : "Các vua Hùng đã có công dựng nước, Bác cháu ta phải cùng nhau giữ lấy nước". Lời nói bất hủ đó sẽ mãi mãi trường tồn trong lịch sử dân tộc, nó đã trở thành phương châm hành động của cả nước trong những năm đánh Mỹ và vẫn còn nguyên tính thời sự trong tiến trình CNH, HĐH đất nước hiện nay.

Trước những toan tính của các thế lực thù địch trong và ngoài nước, đòi hỏi chúng ta trong khi tập trung mọi nguồn lực của quốc gia để đẩy tới một bước CNH, HĐH, không được lơ là mất cảnh giác, buông lỏng trận địa quốc phòng - an ninh ; phải coi sự ổn định chính trị, kinh tế, xã hội là điều kiện tiên quyết cho sự thành công của CNH, HĐH theo định hướng xã hội chủ nghĩa. Và phải từ nhận thức đó để có những hành vi ứng xử thích hợp với tình hình, chủ động đối phó với mọi tình huống có thể xảy ra, loại trừ ngay từ gốc tham vọng "chiến thắng không cần tiếng súng" của các thế lực thù địch.

Từ những phân tích trên đây về mối quan hệ giữa kinh tế với quốc phòng và để có thể thực hiện thắng lợi công cuộc CNH, HĐH đất nước trong điều kiện hòa bình, theo tôi, cần quán triệt trong hoạt động thực tiễn những quan điểm sau đây :

- Tạo nên sự thay đổi về chất trong nhận thức về thực hiện hai nhiệm vụ chiến lược, không nên tách riêng hai quá trình *xây dựng* và *bảo vệ*, phải coi bảo vệ là nội dung bên trong của xây dựng, và ngược lại. Các lực lượng vũ trang nhân dân, với vai trò là lực lượng nòng cốt trong xây dựng nền quốc phòng toàn dân và an ninh nhân dân, phải bảo đảm cho được yêu cầu : ở đâu có dân, có các hoạt động kinh tế thì ở đó có "lực lượng bảo vệ" để giữ vững chủ quyền quốc gia, an ninh kinh tế và an ninh chính trị. Mặt khác, phải làm cho mọi người thấy được rằng: Tăng cường sức mạnh quốc phòng - an ninh là tiền đề cơ bản để duy trì cục diện hòa bình,

Digitized by Google

củng cố hòa bình, bảo vệ công cuộc lao động hòa bình của nhân dân. Hòa bình là môi trường tốt nhất để CNH, HĐH. Nền quốc phòng toàn dân mà chúng ta xây dựng phải đủ mạnh để có thể vô hiệu hóa chiến lược "diễn biến hòa bình" ; đập tan từ trong trứng mọi mưu đồ bạo loạn, gây rối, lật đổ..., đủ sức răn đe mọi toan tính của các thế lực phá hoại, bảo vệ vững chắc Tổ quốc và công cuộc CNH, HĐH đất nước. Bằng sức mạnh tổng hợp luôn sẵn sàng để không phải dùng bạo lực, kết hợp răn đe với các biện pháp phi bạo lực là kế sách hợp lý mà chúng ta có thể áp dụng trong lúc này.

- Để tạo môi trường ổn định cho CNH, HĐH nhanh và bền vững, phải nắm vững đường lối quốc phòng toàn dân. Ngoài lực lượng nòng cốt là quân đội và công an, thế trận quốc phòng toàn dân và an ninh nhân dân phải dựa vào sức mạnh của *toàn dân* và *sức mạnh của lòng dân*. Do vậy, các ngành kinh tế có trách nhiệm thực hiện kế hoạch phòng thủ đất nước, có trách nhiệm xây dựng cơ sở vật chất - kỹ thuật và bảo đảm trang bị vật chất - kỹ thuật - hậu cần cho thế trận đó. Cần đổi mới nhận thức và chỉ đạo hoạt động xây dựng quốc phòng - an ninh, luật pháp hóa trách nhiệm của các cấp, các ngành đối với quốc phòng - an ninh, lồng các yêu cầu quốc phòng - an ninh vào các hoạt động kinh tế - xã hội, kết hợp nó thành một chỉnh thể thống nhất. Để cho tư duy mới về kết hợp quốc phòng với kinh tế có thể trở thành hiện thực, việc tổ chức giáo dục ý thức kết hợp kinh tế với quốc phòng cho toàn dân là điều rất quan trọng. Phải làm sao cho từ nhận thức trở thành hành động thiết thực thường trực trong mọi cấp, mọi ngành, mọi người và mọi gia đình. Ngoài ra, trong một số ngành kinh tế mũi nhọn cần có sự kết hợp chặt chẽ giữa kinh tế và quốc phòng, giữa kỹ thuật và công nghệ sản xuất ngay từ khâu thiết kế đến thi công ; coi trọng công nghệ "lưỡng dụng" để xây dựng tiềm lực khoa học - công nghệ cho cả kinh tế và quốc phòng. Động viên tiềm lực của các ngành kinh tế bảo đảm trang bị cho các lực lượng vũ trang từ vật tư, nguyên liệu đến sản xuất một số bộ phận hoặc toàn bộ một loại trang bị kỹ thuật quân sự. Quân đội có trách nhiệm chủ động đặt hàng và hướng dẫn các đơn vị kinh tế thực hiện tốt nhiệm vụ này. Có thể nói, trong tư duy chiến lược mới thì xây dựng nền quốc phòng toàn dân và an ninh nhân dân là biện pháp để tạo ra sức đề kháng ngay từ cơ sở, là biến *bảo vệ* thành quá trình *tự bảo vệ* trước những âm mưu và thủ đoạn thâm độc mới của các thế lực thù địch, cho dù đó là cạnh tranh kinh tế, chính trị hay tư tưởng văn hóa, là biện pháp tốt nhất để hạn chế thế mạnh của địch và nhân lên gấp bội lợi thế so sánh, biến nó thành sức mạnh của chúng ta.

- Hiện nay đối với nước ta, để đẩy nhanh tiến trình CNH, HĐH, việc mở rộng giao lưu hợp tác kinh tế với nước ngoài, thu hút vốn đầu tư, công nghệ và nghệ thuật quản lý kinh doanh nhằm nâng cao năng lực sản xuất trong nước là việc làm hết sức cần thiết và cấp bách. Song chúng ta cũng phải tỉnh táo để nhận biết được "mặt sau của tấm huân chương" đó. Nhận biết không phải để "đóng cửa" mà là để "mở cửa" mạnh hơn và có hiệu quả hơn. Trong khi "chúng ta muốn làm bạn với tất cả các nước" vì hòa bình và sự phát triển của dân tộc thì có những thế lực cũng muốn lợi dụng các hoạt động giao lưu quốc tế, hợp tác đầu tư, hợp tác khoa học - công nghệ, y tế, giáo dục, viện trợ... để phá hoại sự nghiệp của chúng ta. Họ muốn nhân cơ hội làm ăn kinh tế và qua quan hệ đối ngoại để áp đặt hệ tư tưởng, tiến hành "diễn biến hòa bình", thực hiện một cuộc "xâm lăng về kinh tế" hòng làm biến dạng và lái nền kinh tế nước ta đi ra ngoài quỹ đạo định hướng xã hội chủ nghĩa. Thực tế đã có những lực lượng dùng biện pháp kinh tế để phá hoại ngầm về kinh tế, lợi dụng hợp tác kinh tế, hội thảo khoa học và các hoạt động tình báo, gián điệp, tác động tư tưởng, truyền bá các quan điểm dân chủ tư sản, tiếp sức cho bọn phản động trong nước chống phá công cuộc đổi mới và sự nghiệp cách mạng của nhân dân ta.

Hiện nay trong nhận thức, cũng như trong hoạt động hợp tác kinh tế, đang có hai thái cực khá rõ : Hoặc là quá nhấn mạnh đến lợi ích kinh tế, lợi ích cục bộ trước mắt mà coi nhẹ lợi ích quốc phòng - an ninh, dẫn đến mất cảnh giác và thường bị nước ngoài

(Xem tiếp trang 9)

Digitized by Google

CHÍNH SÁCH ĐA DẠNG CÔNG NGHỆ VỚI SỰ PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG CỦA NỀN KINH TẾ

HOÀNG ĐÌNH PHU *

1. Phát triển bền vững là một khái niệm *mới*, nảy sinh từ cuộc khủng hoảng môi trường sinh thái và nhằm khắc phục cuộc khủng hoảng đó. Bởi vậy, nói đến *phát triển bền vững*, nhiều học giả thường hoặc chủ yếu chỉ nhấn mạnh đến các *yếu tố tự nhiên*, đến *mối quan hệ giữa con người với tự nhiên*. Ví dụ : cần tiết kiệm tài nguyên, sử dụng hợp lý tài nguyên, chống ô nhiễm môi trường, bảo vệ tính đa dạng sinh học, cần sử dụng các tài nguyên như thế nào để đáp ứng các nhu cầu của thế hệ hiện nay mà không làm phương hại đến khả năng thỏa mãn các nhu cầu của thế hệ tương lai. Về *yếu tố xã hội*, họ thường chỉ nhấn mạnh mỗi vấn đề : cần hạn chế phát triển dân số để giảm sức ép đối với môi trường.

Thực ra, về vấn đề phát triển, các yếu tố xã hội, mối quan hệ giữa con người với con người, có ý nghĩa quan trọng không kém các yếu tố tự nhiên, mối quan hệ giữa con người với tự nhiên. Không thể giải quyết tốt mối quan hệ giữa con người với tự nhiên nếu không giải quyết tốt mối quan hệ giữa con người với con người. Đấu tranh chống lãng phí tài nguyên không thể tách rời với đấu tranh chống nghèo khổ, chống cơ cấu tiêu dùng phi đạo đức của xã hội tiêu thụ, tạo công ăn việc làm cho mọi người đến tuổi lao động, khắc phục nạn thất nghiệp - một tệ nạn đã trở thành kinh niên và là nguồn gốc chủ yếu của mọi tiêu cực và tệ nạn khác, đi ngược lại yêu cầu của phát triển bền vững.

Một nền kinh tế phát triển bền vững phải là một nền kinh tế vì con người và do con người, kết hợp yêu cầu của sinh thái tự nhiên với yêu cầu của sinh thái văn hóa, tiết kiệm tài nguyên, bảo vệ môi trường, bảo đảm chất lượng cuộc sống cho mọi người và công bằng xã hội. Mỗi người phải được tạo điều kiện chăm lo cho cuộc sống của mình và của cộng đồng, tự giác chăm lo bảo vệ môi trường trong hoạt động sản xuất cũng như trong đời sống. Phải bảo đảm sự hài hòa giữa các mục tiêu kinh tế, xã hội và sinh thái nhằm vào lợi ích của mỗi người và của toàn xã hội, của thế hệ hiện nay và các thế hệ mai sau.

2. Hệ thống công nghệ phương Tây hiện nay không phải là mô hình công nghệ mang tính phổ quát. Hệ thống công nghệ phương Tây đã trải qua một quá trình tiến hóa lâu dài. Tại các nước đó vào thời kỳ *cổ đại* và *trung đại*, công nghệ trong nông nghiệp và tiểu thủ công nghiệp chỉ là công nghệ *thủ công*. Đến thời kỳ tiền công nghiệp, các ngành nghề thủ công tiến hành tại các hộ gia đình được tập trung lại thành các công trường thủ công để các chủ đầu tư có thể tổ chức lại lao động một cách hợp lý hơn, thực hiện một trình độ phân công

* Bộ Khoa học công nghệ và môi trường

Digitized by Google

nào đó và có thể trực tiếp kiểm soát các hoạt động sản xuất cũng như các luồng vật tư, hàng hóa. Sau đó, máy móc và kỹ thuật phát triển, *cơ giới hóa, điện khí hóa* và *tự động hóa* thay thế cho công nghệ thủ công trong các xí nghiệp tư bản ở thành thị, rồi cả ở nông thôn trên các đồng ruộng được quản lý theo phương thức tư bản chủ nghĩa.

Từ đầu những năm 80, xã hội các nước phương Tây chuyển sang một thời kỳ phát triển *mới*, quá độ sang xã hội *thông tin*. Các công nghệ có hàm lượng trí tuệ cao phát triển rất nhanh và thâm nhập hầu hết các ngành sản xuất và dịch vụ. Về mặt *lý luận*, công nghệ cao không tạo ra thất nghiệp, vì nếu nó làm giảm việc làm ở những nơi áp dụng công nghệ ấy thì nó lại làm tăng việc làm ở những nơi khác - những nơi sản xuất máy móc, thiết bị và bảo đảm những dịch vụ kỹ thuật cần thiết cho công nghệ ấy. Không có thất nghiệp do công nghệ, mà chỉ có vấn đề đào tạo lại công nghệ và di động công nghệ mà thôi. Thực ra, lập luận trên chỉ đúng trong những thời kỳ kinh tế phát triển phồn vinh. Còn trong những thời kỳ khác, đặc biệt là trong các thời kỳ kinh tế suy thoái, thì không hẳn như vậy. Chúng ta đều biết, để đưa nền kinh tế ra khỏi khủng hoảng, các nước tư bản thường áp dụng biện pháp đổi mới công nghệ theo hướng công nghệ cao. Nhưng chính việc đó lại làm cho nạn thất nghiệp ở các nước đó thêm trầm trọng. Đó là thực trạng hiện nay của các nền kinh tế phương Tây.

Các nhà kinh tế học đã và đang nêu lên nhiều biện pháp khác nhau để giải quyết nạn thất nghiệp. Ví dụ : mở rộng các hoạt động dịch vụ xã hội, kể cả những dịch vụ rất đơn giản như giữ trẻ, chăm sóc người già, gác cổng..., hoặc thực hiện chế độ về hưu trước thời hạn. Một số người còn khuyến nghị những chính sách mới như : chia sẻ thất nghiệp, bảo hiểm xã hội toàn dân, công bằng trong phân phối của cải... Trớ trêu thay, đó lại chính là những chủ đề trước kia nhiều học giả phương Tây đưa ra để phê phán mô hình chủ nghĩa xã hội hiện thực. Ở Pháp, năm 1994 chính phủ đã có chủ trương đầu tư từ ngân sách nhà nước để xây dựng một số cơ sở công nghiệp dùng nhiều lao động nhằm giảm bớt nạn thất nghiệp. Điều đó rõ ràng đi ngược với xu thế chính thống phát triển công nghệ của các nước tư bản phương Tây là phát triển công nghệ theo hướng hàm lượng chất xám ngày càng cao, hàm lượng lao động ngày càng ít. Nó nói lên *sự lúng túng của các nước phương Tây trong việc thực thi một chính sách công nghệ đúng đắn về mặt kinh tế cũng như về mặt xã hội*. Theo nhiều dự báo đáng tin cậy, đến năm 2000, thất nghiệp tại các nước phương Tây vẫn còn chiếm một tỉ lệ rất cao (trên dưới 10%). Ma-ri Đô-đi-ê thuộc Viện nghiên cứu lao động của Liên hợp quốc đã viết trong bài *Sự nghèo khổ trên thế giới*, tháng 10-1993: "Sự suy thoái của các xí nghiệp công nghiệp truyền thống (tức các xí nghiệp dùng nhiều lao động trong thời kỳ cách mạng công nghiệp - H.Đ.P.) là một trong những nguyên nhân làm trầm trọng thêm nạn thất nghiệp ở phương Tây"..

Vấn đề đặt ra với các nước đang phát triển và cả với nước ta là : mô hình công nghiệp hóa của các nước phương Tây được hình thành từ thế kỷ 18 trong những điều kiện lịch sử lúc ấy ở phương Tây, không phải là một mô hình mang tính phổ quát. Hơn nữa, ngay đối với các nước phương Tây, mô hình đó cũng có nhiều khuyết tật mà mọi người đều biết, và nhiều học giả phương Tây cũng phải thừa nhận. Một số nước đang phát triển do tiến hành công nghiệp hóa theo mô hình đó nên đã dẫn tới việc bần cùng hóa nông thôn và phát triển đô thị một cách ồ ạt, gây những hậu quả kinh tế - xã hội còn nghiêm trọng hơn nhiều so với nguyên mẫu.

Digitized by Google

3. Về một chính sách đa dạng công nghệ ở nước ta. Chúng ta phải tìm con đường phát triển khoa học và công nghệ phù hợp với điều kiện văn hóa xã hội của nước ta và thích nghi với những đặc điểm của thời đại. Chúng ta không thể đi theo con đường công nghiệp hóa của phương Tây, đồng nhất *công nghiệp hóa* với *đô thị hóa*, tiến tới *nhất nguyên hóa* công nghệ *theo hướng hiện đại* ; công nghệ hiện đại càng phát triển thì càng lấn át và loại bỏ công nghệ truyền thống. Để bảo đảm yêu cầu phát triển bền vững của nền kinh tế và phù hợp với hệ thống các giá trị văn hóa của dân tộc, *chúng ta phải thực hiện một chính sách đa dạng công nghệ* bao gồm từ những ngành công nghệ cao cần thiết cho việc hiện đại hóa nền kinh tế quốc dân cho đến các ngành công nghệ truyền thống được nâng cao. Giữa hai trình độ công nghệ đó là những công nghệ có trình độ khác nhau thường được gọi là "công nghệ thích hợp" tùy theo nhu cầu của xã hội, tiềm lực khoa học và công nghệ của ta và những điều kiện kinh tế xã hội, văn hóa của từng vùng sinh thái. Hệ thống công nghệ đó vừa bảo đảm cho việc hiện đại hóa nền kinh tế, vừa tạo được công ăn việc làm cho mọi người đến tuổi lao động, góp phần quan trọng thực hiện công bằng xã hội.

Chính sách đa dạng công nghệ cần được hình thành trong nền kinh tế nước ta không phải là một chính sách tạm thời, trước mắt, do những hạn chế hiện nay về tiềm lực kinh tế, khoa học và công nghệ quy định, mà là *một chính sách công nghệ lâu dài, có ý nghĩa chiến lược, một bộ phận hữu cơ trong triết lý phát triển của nước ta*. Nếu tính đa dạng sinh học là sự bảo đảm cho cân bằng sinh thái thì tính đa dạng công nghệ có thể xem như một trong những yếu tố quan trọng nhất bảo đảm cho sự phát triển bền vững của xã hội.

a) Trong hệ thống công nghệ đa dạng ở nước ta, các ngành công nghệ hiện đại và công nghệ cao có vai trò chiến lược hết sức trọng yếu. Không thể hội nhập nền kinh tế thế giới trong thời đại ngày nay mà không dựa vào các ngành công nghệ hiện đại và công nghệ cao, không đi thẳng, đi nhanh vào các ngành công nghệ cao. Đó là những công nghệ dựa vào những thành tựu mới nhất của các ngành khoa học hiện đại như vật lý vi mô, sinh học phân tử, hóa học lượng tử, vận dụng những quy luật vận động ở cấp vi mô của vật chất và vật liệu sống ; đó là các ngành điện tử tin học, công nghệ sinh học, vật liệu mới, các công nghệ gia công chính xác trong chế tạo máy và tự động hóa.

Ý nghĩa chiến lược của các ngành công nghệ cao thể hiện trên *hai* mặt. Một mặt, các ngành công nghiệp công nghệ cao có tác dụng làm chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng hiện đại. Mặt khác, và mặt này trong điều kiện của nước ta có ý nghĩa rất to lớn, là nắm vững các ngành công nghệ cao để hiện đại hóa các công nghệ truyền thống và các cơ sở vật chất kỹ thuật hiện có, tạo ra những công cụ lao động, những phương pháp công nghệ theo yêu cầu của sản xuất, phù hợp với các điều kiện kinh tế xã hội và văn hóa của từng vùng sinh thái, đạt hiệu quả kinh tế ngày càng cao.

Cần sớm tiếp thu các ngành công nghệ cao để phát triển nhanh các ngành công nghiệp và dịch vụ công nghệ cao có liên quan đến các quan hệ giao lưu quốc tế tương hợp được với trình độ chung của thế giới như viễn thông, hàng không, tài chính, ngân hàng, quản lý kinh tế vĩ mô. Những công nghệ cao cũng cần được sử dụng để xây dựng các kết cấu hạ tầng quan trọng nhất, phát triển một số ngành sản xuất các mặt hàng xuất khẩu chủ lực, một số ngành công nghiệp có ý nghĩa quyết định đối với toàn bộ nền kinh tế như các ngành chế tạo

Digitized by Google

máy, điện tử tin học, khai thác, chế biến dầu khí và hóa dầu là các ngành có trách nhiệm to lớn đối với việc trang bị kỹ thuật cho hầu hết các ngành sản xuất và dịch vụ của nền kinh tế quốc dân, cho an ninh và quốc phòng. Các ngành công nghệ cao cũng rất cần thiết cho công tác điều tra, thăm dò, phát hiện các nguồn tài nguyên mới, khôi phục các môi trường đã bị ô nhiễm nhằm khắc phục nguy cơ cạn kiệt tài nguyên và bảo vệ môi trường.

b) Phát triển và nâng cao các công nghệ truyền thống, tạo ra các công nghệ thích hợp phong phú đa dạng theo yêu cầu của sản xuất và của từng địa phương là một phương hướng phát triển công nghệ có ý nghĩa chiến lược cực kỳ quan trọng về mặt kinh tế cũng như về mặt văn hóa. Công nghệ hiện đại và công nghệ cao dù quan trọng đến đâu cũng chỉ có thể thu hút được một bộ phận nhỏ lực lượng lao động trong cả nước. Phương châm phát triển của chúng ta là vì dân và do dân. Vì vậy, đại bộ phận nhân dân lao động không thể chỉ đóng vai trò thứ yếu, mờ nhạt trong quá trình phát triển đi lên của đất nước, chưa kể một bộ phận không nhỏ còn không có việc làm. Đại bộ phận nhân dân lao động phải là lực lượng hùng hậu của quá trình phát triển đất nước và được hưởng các thành quả của quá trình đó một cách tương xứng. Các công nghệ truyền thống và công nghệ thích hợp là những công nghệ sẽ được sử dụng phổ biến tại các vùng nông thôn rộng lớn, nơi sinh sống của 80% dân cư cả nước. Hiện nay, bên cạnh vùng nông thôn truyền thống với 7 triệu ha đất đang canh tác, đang hình thành vùng nông thôn *mới* trên cơ sở phủ xanh 10 triệu ha đất trống đồi trọc. Trong vòng vài ba kế hoạch 5 năm, chúng ta sẽ có thêm vùng nông thôn mới với diện tích canh tác tương đương với vùng nông thôn truyền thống. Công nghệ truyền thống và công nghệ thích hợp (với sự hỗ trợ của các ngành công nghệ cao) sẽ góp phần to lớn vào việc phát triển vượt bậc sản xuất nông nghiệp, phát triển công nghiệp nông thôn, xây dựng kết cấu hạ tầng kinh tế và văn hóa ở nông thôn, tận dụng số lao động còn dư thừa rất lớn hiện nay, tạo cơ sở vững chắc cho sự phát triển phồn vinh của đất nước. Hơn nữa, không tạo được việc làm cho mọi người đến tuổi lao động thì khó có thể nói đến công bằng xã hội, an ninh xã hội, phẩm giá con người. Đó là ý nghĩa chiến lược của các ngành công nghệ truyền thống và công nghệ thích hợp.

Thực vậy, *các công nghệ truyền thống và công nghệ thích hợp có ý nghĩa kinh tế và văn hóa hết sức sâu sắc.* Từ thời cổ đại, trong các nền văn minh phương Tây, người ta rất xem thường các hoạt động kỹ thuật và coi đó là một lĩnh vực hoạt động thấp hèn không có liên quan gì đến các hoạt động trí tuệ và văn hóa. Đến thế kỷ 17, nhà triết học và toán học người Đức Lây-bnít (Leibnitz) là người đầu tiên xác lập lại ý nghĩa văn hóa vốn có của kỹ thuật. Ông viết : "Về những kiến thức không thành văn, phân tán trong những người làm những nghề khác nhau, tôi tin rằng những kiến thức ấy còn lớn hơn nhiều so với những kiến thức trong sách vở cả về quy mô lẫn về ý nghĩa quan trọng, và như vậy, phần tốt nhất trong kho báu chúng ta còn chưa được ghi lại..." Đến thế kỷ 18 Đa-lăm-be (d' Alembert) và Đi-đơ-rô (Diderot) đặc biệt quan tâm đến kỹ thuật không chỉ vì nó mang lại những lợi ích kinh tế, mà còn vì nó được coi như một di sản văn hóa của nhân loại. Đi-đơ-rô đã viết cho Vôn-te (Voltaire) : "Kỹ thuật làm vinh dự cho trí tuệ con người, vì vậy đáng được coi trọng không kém khoa học và văn học". Cần lưu ý rằng, vào lúc đó, khoa học và văn học nghệ thuật đã phát triển đến trình độ khá cao, còn kỹ thuật thì chủ yếu vẫn là thủ công, trình độ cơ giới hóa còn rất thấp.

Digitized by Google

Ở phương Đông cũng như ở phương Tây, các công nghệ truyền thống chứa đựng trong bản thân mình những kiến thức công nghệ tích lũy từ đời này sang đời khác trong quá trình hoạt động thực tiễn của nhiều thế hệ. Những kiến thức ấy không có tính lý thuyết, tính hệ thống như các kiến thức khoa học, nhưng là những kiến thức xuất phát từ thực tế, được kiểm nghiệm trong thực tế, những kiến thức về bản thân các công nghệ cũng như kiến thức về sự vận dụng công nghệ trong những môi trường tự nhiên, kinh tế, văn hóa, xã hội cụ thể. Những kiến thức đó rất quan trọng để bảo đảm hiệu quả thực tế của công nghệ mà các công nghệ xuất thân từ các phòng thí nghiệm thường phải thông qua một quá trình thích nghi với các điều kiện của môi trường tự nhiên và kinh tế xã hội mới có được. Các kinh nghiệm lâu đời của nông dân Minh hải nước ta chống phèn mặn để đạt năng suất cao trong trồng trọt, đã được các nước trong khu vực đánh giá rất cao trong một cuộc hội thảo quốc tế gần đây ở Băng cốc. Các sản phẩm công nghệ truyền thống cũng nói lên một cách sinh động lối sống và ý thức thẩm mỹ của các thế hệ cha ông. Với ý nghĩa đó, các công nghệ truyền thống mang trong mình những giá trị văn hóa dân tộc rất đáng trân trọng.

Đương nhiên, *chúng ta không dừng lại ở năng suất còn thấp hiện nay của các công nghệ đó*. Công nghệ có tính tiến hóa. Trước kia, trong xã hội phong kiến bế quan tỏa cảng kéo dài hàng nghìn năm, công nghệ truyền thống tiến hóa rất chậm, hoặc hầu như không có tiến hóa. Ngày nay, với sự bùng nổ các công nghệ mới trên thế giới, với chính sách mở cửa tiếp thu công nghệ của nước ngoài, với truyền thống tiếp biến văn hóa của con người Việt nam, những người lao động nước ta với trình độ khoa học và công nghệ được nâng cao, đặc biệt là các lao động trẻ, sẽ biết phát huy tính năng động sáng tạo của mình, đưa lại những năng suất lao động và những chất lượng sản phẩm *mới*, với những hiệu quả kinh tế đôi khi khó mà lường trước được.

Hệ thống công nghệ đa dạng là một hệ thống công nghệ hữu cơ, không phải là một tập hợp các loại hình công nghệ khác nhau tác động riêng lẻ trong từng khu vực khác nhau của nền kinh tế. Các loại hình công nghệ đó tác động lẫn nhau, thâm nhập vào nhau. Các công nghệ hiện đại và công nghệ cao trong các xí nghiệp lớn ở thành thị có thể liên kết với công nghệ thích hợp hoặc công nghệ truyền thống của các xí nghiệp vệ tinh ở thành thị hoặc nông thôn và chuyển giao những tiến bộ công nghệ cần thiết cho các xí nghiệp đó. Ngay trong một dây chuyền sản xuất, công nghệ cũng có thể mang tính hỗn hợp : một số công đoạn thì áp dụng công nghệ hiện đại, công nghệ cao ; một số công đoạn khác thì lại áp dụng công nghệ thích hợp, tùy theo điều kiện kinh tế - xã hội từng nơi từng lúc. *Bao trùm lên toàn bộ hệ thống công nghệ đa dạng là yếu tố trí tuệ*, yếu tố liên kết các loại hình công nghệ khác nhau và tạo động lực phát triển cho mỗi loại hình công nghệ. Đó là phản ánh của xã hội thông tin và nền kinh tế kiến thức trong điều kiện cụ thể của nước ta. Thông tin và kiến thức chẳng những được thể hiện dưới dạng vật chất hóa trong các công nghệ hiện đại và công nghệ cao, mà *chủ yếu* là phải được thể hiện trong năng lực trí tuệ của con người biết phát huy cao nhất mọi loại hình công nghệ có trong tay, từ công nghệ cao đến công nghệ thích hợp và công nghệ truyền thống, đồng thời biết tìm cách nâng cao không ngừng hiệu quả của các công nghệ ấy trong những điều kiện tự nhiên, kinh tế, văn hóa và xã hội cụ thể ❑

Digitized by Google

HỘI THẢO "MỘT SỐ VẤN ĐỀ VỀ ĐỊNH HƯỚNG XÃ HỘI CHỦ NGHĨA Ở NƯỚC TA"

Lời BBT : *Nhân dịp kỷ niệm lần thứ 66 Ngày thành lập Đảng cộng sản Việt nam và thiết thực góp phần chuẩn bị Đại hội VIII của Đảng, ngày 26-1-1996 Bộ biên tập* **Tạp chí Cộng sản** *đã tổ chức cuộc Hội thảo "Một số vấn đề về định hướng xã hội chủ nghĩa ở nước ta". Đây là một chủ đề quan trọng, có ý nghĩa cả trên phương diện lý luận và thực tiễn, được toàn đảng, toàn dân ta rất quan tâm.*

Tạp chí Cộng sản *xin giới thiệu tiếp một số bài tham gia Hội thảo để bạn đọc tham khảo.*★

ĐỊNH HƯỚNG XÃ HỘI CHỦ NGHĨA MỘT KHÁI NIỆM KHOA HỌC

HÀ XUÂN TRƯỜNG

1 - Hiện nay, trong nước cũng như trong những người Việt nam sống ở nước ngoài, vẫn có người nghĩ rằng chỉ cần đặt vấn đề "xây dựng một nước Việt nam giàu mạnh, xã hội công bằng và văn minh" là đủ, không cần phải nói "theo định hướng xã hội chủ nghĩa" ; bởi vì nói như vậy vừa thừa vừa làm rối cho tư duy. Theo họ, "chủ nghĩa nào cũng được", miễn là "dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng và văn minh" ; dòng sông tự nó chảy ra biển, việc gì phải uốn nắn, định hướng, làm một việc thừa trái quy luật ! Lập luận trên không phải không có tác động đến một số người, nhất là lớp người chưa qua kinh nghiệm đấu tranh, muốn an phận, "tuần tự nhi tiến" "khắc đi khắc đến".

Thực tế diễn ra mấy năm nay, trên thế giới cũng như trong nước, cho phép chúng ta kết luận rằng : suy nghĩ như trên là hời hợt và nguy hiểm. Nguy hiểm vì nó sùng bái tính tự phát, hơn nữa nó tước mất lý tưởng của một dân tộc, tức là tước đi ý chí chiến đấu của dân tộc. Một xã hội muốn tồn tại, một dân tộc muốn ngang hàng với các dân tộc khác, phải có tư tưởng của mình. Trong mỗi thời đại có nhiều tư tưởng, một xã hội văn hiến như nước ta cũng đã phát sinh và tồn tại nhiều loại tư tưởng, nhưng để tồn tại và phát triển mỗi dân tộc trong mỗi thời đại phải chọn lấy một tư tưởng chủ đạo thích hợp với mình, hợp với quy luật phát triển của xã hội, tư tưởng tiên tiến của thời đại. Không có sự lựa chọn nào không bắt nguồn sâu xa từ thực tiễn đất nước, từ tính cách của dân tộc (tức bản sắc văn hóa), từ ước vọng tha thiết của nhân dân mà được nhân dân chấp nhận. Chủ nghĩa yêu nước Việt nam đã bắt gặp chủ nghĩa của Mác - Ăng-ghen - Lê-nin từ đề cương vấn đề dân tộc của Lê-nin làm nên tư tưởng Hồ Chí Minh. Nguyễn Ái Quốc đã đi từ chủ nghĩa yêu nước đến với chủ nghĩa xã hội. Hai chữ "bắt gặp" của Bác Hồ là rất chính xác. Thắng lợi của cách mạng Việt nam đã chứng minh đầy đủ sự chính

★ Xem từ số 4 (tháng 2-1996)

Digitized by Google

xác của từ "bắt gặp" đó. Sự khẳng định chủ nghĩa Mác - Lê-nin và tư tưởng Hồ Chí Minh là nền tảng tư tưởng của Đảng ta, là sự khẳng định bắt nguồn từ sự khẳng định của lịch sử cách mạng Việt nam. Trên tinh thần đó, tôi xin không bàn "**vì sao** chủ nghĩa xã hội ở Việt nam", vì vấn đề đã rõ như ban ngày ; mà xin phát biểu vài suy nghĩ **"như thế nào** chủ nghĩa xã hội ở Việt nam", tức là bàn về **định hướng xã hội chủ nghĩa.**

2 - Để xác định nội hàm một khái niệm không thể không bắt đầu từ phân tích văn tự, tên gọi của nó. Vì văn tự là những tín hiệu đã được quy định thể hiện tư duy và hành động của con người, đối tượng nhận thức của con người. Khi nội dung khái niệm thay đổi hay được bổ sung, lại cần một từ hay một nhóm từ khác. Để xác định được nội dung của khái niệm, còn cần phải hiểu hoàn cảnh ra đời của nó, và so sánh với những tên gọi khác có nghĩa tương tự hay gần gũi. Còn cách hiểu khác nhau, hiểu theo nghĩa rộng hay nghĩa hẹp, đó là vấn đề thuộc góc độ tư tưởng, chính trị của chủ thể nhận thức và sử dụng khái niệm.

Định hướng là một từ khoa học được dùng trong các khoa học tự nhiên và xã hội, tiếng pháp là *orientation*, tiếng Anh cũng viết như vậy nhưng đọc khác, tiếng Nga là ориентация. Tôi đã tìm tra một số từ điển kể cả bách khoa toàn thư. Từ điển bách khoa có định nghĩa "định hướng" về nhiều lĩnh vực hoạt động khoa học, kể cả triết học, nhưng không có một định nghĩa nào về "định hướng" chính trị. Tập 1 *Từ điển bách khoa Việt nam* giải thích định hướng trong khoa học tự nhiên, trong địa lý, quân sự, triết học, kinh tế, nhưng cũng không có một định nghĩa nào về chính trị. Tôi trở về với *Từ điển tiếng Việt* của Viện ngôn ngữ của Ủy ban khoa học xã hội. Từ điển này viết gọn một câu : "Định hướng là xác định phương hướng". Cuối cùng tôi chấp nhận Từ điển *Littré* của Pháp có một định nghĩa rất gần gũi với ý nghĩa của từ định hướng mà ta đang dùng. Từ điển này viết : định hướng là *"nghệ thuật nhận biết được mình đang ở đâu bằng cách xác định được những điểm then chốt"*. Còn tính từ "xã hội chủ nghĩa" thì rõ rồi, là thể hiện được nguyên tắc, tinh thần, đặc điểm của chủ nghĩa xã hội khoa học. Ở đây, tôi không có ý "chẻ sợi tóc làm tư" theo kiểu ông đồ, mà muốn đề nghị coi nhóm từ "định hướng xã hội chủ nghĩa" là một *khái niệm khoa học* có nội hàm riêng của nó, tuy gần gũi với "phương hướng đi lên chủ nghĩa xã hội" hay "theo con đường xã hội chủ nghĩa".

Khái niệm "định hướng xã hội chủ nghĩa" đã có trong *Từ điển chủ nghĩa cộng sản khoa học* của Liên xô trước đây, chỉ đường lối đi lên chủ nghĩa xã hội của những nước dưới sự lãnh đạo của đảng cộng sản sau chiến tranh thế giới thứ hai, được giải phóng khỏi ách thống trị của nước ngoài đi thẳng lên chủ nghĩa xã hội không qua chủ nghĩa tư bản. Từ đó đến nay, hoàn cảnh thế giới đã thay đổi nhiều và đã chứng minh không thể có một mô hình chung cho mọi nước về chủ nghĩa xã hội. Mỗi nước phải có "định hướng" của mình. Cùng xây dựng chủ nghĩa xã hội, cùng theo chủ nghĩa Mác - Lê-nin, nhưng Trung quốc và Việt nam không giống nhau. Trung quốc tự coi là đã qua thời kỳ quá độ, nay xây dựng chủ nghĩa xã hội với một thời gian dài. Do đó trong văn kiện đường lối của Đảng cộng sản Trung quốc không có khái niệm "định hướng xã hội chủ nghĩa". Trong khi đó Cương lĩnh của Đảng ta được Đại hội VII thông qua là *Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội*. Thời kỳ quá độ đó chia nhiều chặng, và hiện nay ta đã hoàn thành chặng đầu.

Tìm hiểu "định hướng xã hội chủ nghĩa" không thể tách khỏi những văn kiện của Đảng ta trong việc sử dụng khái niệm đó. *Cương lĩnh* của Đảng ta đã phác ra 6 đặc trưng của chủ nghĩa xã hội ở nước ta và nêu lên 7 phương hướng cơ bản trên các mặt chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội. Chương III lại dùng danh từ "định hướng" cho các chính sách : "những định hướng lớn về chính sách kinh tế, xã hội, quốc phòng - an ninh, đối ngoại". Tất nhiên người đọc hiểu rằng những định hướng đó là xã hội chủ nghĩa. Về kinh tế, *Cương lĩnh* nêu "Phát triển nền kinh tế hàng hóa nhiều thành phần *theo định hướng xã*

Digitized by Google

hội chủ nghĩa (H.X.T. nhấn mạnh). Gần đây nhóm từ "định hướng xã hội chủ nghĩa" thường được nhắc đến trong phương hướng chung cũng như trên từng lĩnh vực cụ thể để khẳng định tính chất của chế độ ta. Như vậy, giữa những danh từ "con đường", "phương hướng" và "định hướng" có ý nghĩa gần gũi, thì "định hướng" đòi hỏi *sự cụ thể hóa*, có "hướng" và có "định" trên các chính sách. "Hướng" là phương hướng chung, "định" là đòi hỏi cụ thể.

Từ cách đặt vấn đề như vậy, tôi đề nghị nên coi "định hướng xã hội chủ nghĩa" là một *khái niệm khoa học*, bao gồm những ý nghĩa sau : .

- Những đặc điểm của thực tại mà mình đang đứng, nói cách khác, những điều kiện cụ thể của điểm xuất phát.

- Từ nhận thức đúng đắn và sâu sắc thực trạng xuất phát mà xác định những điểm then chốt làm cơ sở cho sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội.

- Những điểm then chốt phải thể hiện được sự khác biệt giữa chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa tư bản, phản ánh được tính chất của định hướng.

- Mục tiêu phải đạt tới (mục tiêu *cụ thể* và mục tiêu *dự báo*, mục tiêu *ngắn hạn* và mục tiêu *dài hạn*).

Nắm thực tiễn, phân tích đúng đắn thực tiễn và dự báo được tình hình tốt xấu có thể xảy ra là điều kiện cho một định hướng đúng và tính khả thi của định hướng.

"Định hướng" khác với "phương hướng" ở chỗ nó cụ thể hóa tính chất xã hội chủ nghĩa trong việc xác định nhiệm vụ và biện pháp giải quyết những vấn đề then chốt của xã hội. Với quan niệm như thế, *Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời quá độ tiến lên chủ nghĩa xã hội* là định hướng xã hội chủ nghĩa của nước ta. Tuy nhiên, *Cương lĩnh* mới nêu những nhiệm vụ khái quát, những phương hướng lớn, những định hướng lớn. Cần có "định hướng xã hội chủ nghĩa" trên các lĩnh vực. Cái "**như thế nào** chủ nghĩa xã hội ở Việt nam" đang trong quá trình thử nghiệm. Tôi nghĩ, từ Đại hội VI cho đến nay, trải qua gần 10 năm đổi mới, Đảng ta đã thu được nhiều kinh nghiệm quý báu để làm rõ "định hướng xã hội chủ nghĩa" cho từng lĩnh vực chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội. Có thể nói, Đại hội VIII sẽ là đại hội *kết thúc chặng đường đầu* và *mở ra chặng đường nối tiếp* của "định hướng xã hội chủ nghĩa" ở nước ta.

Xác định "định hướng xã hội chủ nghĩa" cho từng ngành, tức là xác định chiến lược của ngành. Chưa có định hướng thì phải tìm cho ra định hướng, không nên vì chưa tìm ra mà bảo là không cần, hoặc nói định hướng một cách sáo rỗng, máy móc.

3 - Vài ý kiến trên lĩnh vực *văn hóa - xã hội*. Mấy năm nay kinh tế đất nước có tăng lên rõ rệt, đời sống vật chất của một bộ phận khá lớn dân cư có được cải thiện, nhưng cũng rõ ràng về mặt xã hội có nhiều điều lo ngại. Khoảng cách giàu nghèo gia tăng, khoảng cách giữa thành thị và nông thôn ngày càng rộng ra, sự tiêu xài quá mức của một tầng lớp mới giàu lên, nạn thất nghiệp không những không giảm mà ngày một tăng nhanh, những tệ nạn xã hội ngày càng phát triển nghiêm trọng v.v., đòi hỏi chúng ta không phải chỉ xem lại "định hướng" và thực hiện định hướng của văn hóa - xã hội, mà phải xem lại tình hình trên các lĩnh vực khác, đặc biệt trên lĩnh vực kinh tế, lĩnh vực chi phối mạnh toàn bộ hoạt động xã hội. Cần làm rõ những hiện tượng tiêu cực đang trở nên phổ biến ấy phần nào là sự phản chiếu của sự phát triển kinh tế, phần nào là hậu quả của những khuyết điểm và lệch lạc trong quản lý xã hội. Tôi không theo thuyết định mệnh kinh tế, đổ mọi trách nhiệm cho kinh tế mà coi nhẹ vai trò độc lập tương đối của văn hóa. Nhưng rõ ràng ở nước ta mấy năm nay có nhiều hoạt động kinh doanh hướng vào sự hưởng thụ của tầng lớp giàu sang, thương mại hóa hầu hết các hoạt động văn hóa, thể thao, giải trí, bất chấp quyền lợi của người lao động, thậm chí lợi ích của đất nước, có tác động tiêu cực nghiêm trọng đến xã hội, gây nên ngày càng nhiều những tệ nạn xã hội ở nước ta.

Digitized by Google

Văn hóa là lĩnh vực rất phức tạp. Định hướng xã hội chủ nghĩa trên mặt trận văn hóa phải bảo đảm được tính thống nhất của ba tính cách : *dân tộc, giai cấp* và *nhân loại*. Xác định "định hướng xã hội chủ nghĩa" trong văn hóa không phải là tạo nên một nền "văn hóa vô sản thuần túy", mà trước hết xác định được những giá trị văn hóa của dân tộc và của nhân loại quan hệ trực tiếp đến sự phát triển của xã hội mà xã hội phải gìn giữ và tiếp thu. Lê-nin đã từng nói : "Văn hóa vô sản phải là sự phát triển hợp quy luật của tổng số những kiến thức mà loài người đã tích lũy được dưới ách thống trị của xã hội tư bản, xã hội của bọn địa chủ và xã hội của bọn quan liêu" (1). Nhưng đó mới là điều kiện "cần" chứ chưa "đủ". Người còn nói : "Trước kia, tất cả trí tuệ của loài người, tất cả thiên tài của con người sáng tạo ra chỉ là để đem lại cho một số người này toàn bộ lợi ích của kỹ thuật và văn hóa, và tước đoạt của những người khác những cái cần thiết nhất như : giáo dục và tiến bộ. Ngày nay, tất cả những cái kỳ diệu của kỹ thuật, tất cả những thành quả của văn hóa sẽ trở thành tài sản của toàn dân" (2). Về mặt văn hóa, đối với giai cấp công nhân, Người khẳng định "những người lao động sẽ thực hiện thành công nhiệm vụ lịch sử vĩ đại đó (chiếm lĩnh văn hóa - H.X.T.) vì họ mang trong bản thân họ những lực lượng tiềm tàng to lớn của cách mạng, của sự phục hưng và của sự đổi mới"(3).

Trong "định hướng xã hội chủ nghĩa" trên lĩnh vực văn hóa, trong khi nêu cao xây dựng nền văn hóa tiên tiến đậm đà bản sắc dân tộc, chúng ta đồng thời phải làm nổi bật vai trò của giai cấp công nhân và nhân dân lao động. Nhà nước xã hội chủ nghĩa phải tạo cho họ điều kiện vật chất và tinh thần để họ có thể chiếm lĩnh (hưởng thụ) các tài sản văn hóa thế giới. Nhân tài là của hiếm dưới chế độ phong kiến và tư bản chủ nghĩa, là lĩnh vực độc quyền của một số ít người giàu và nắm quyền lực. Dưới chế độ xã hội chủ nghĩa, nhà nước phải có chính sách tạo điều kiện cho từ nhân dân ngày càng xuất hiện nhiều nhân tài cho đất nước. Hơn nữa, nền văn hóa theo định hướng xã hội chủ nghĩa phải kết hợp nhuần nhuyễn tinh thần nhân ái truyền thống của dân tộc với chủ nghĩa nhân văn cộng sản chủ nghĩa cao cả.

Đối chiếu với những quan điểm ấy, tôi thấy bên cạnh những thành tựu, còn nhiều mặt tiêu cực do chưa có định hướng đúng hoặc đi chệch định hướng. Chúng ta rất dễ tìm thấy những hiện tượng chệch hướng trong công tác xuất bản, trong văn học, nghệ thuật, trong hoạt động thể thao, trong ngành y tế, trong cả giáo dục, v.v..

Điều đáng quan tâm là sự chệch hướng này đã tự phát gần như trở thành như một định hướng khác, đối lập với định hướng của Đảng và Nhà nước ta. Sách báo, băng hình khiêu dâm, bạo lực lan tràn, sách báo chống cộng truyền bá công khai. Nông thôn nước ta còn chiếm 80% dân cư trong lúc các dịch vụ văn hóa lại thiên về thành thị, đại bộ phận hoạt động văn học, nghệ thuật nhằm phục vụ cho tầng lớp thị dân mới với một thị hiếu thấp kém mang đầy tính thương mại. Ở một nước mức sống còn thuộc loại thấp nhất thế giới, cần phải nêu cao các đức tính giản dị, cần cù, tiết kiệm, thì lại tổ chức quá nhiều các cuộc thi hoa hậu, thời trang, vũ trường tràn lan ; tỷ lệ dành cho các hoạt động này trên các phương tiện thông tin - đại chúng (nhất là vô tuyến truyền hình) cũng quá lớn. Trong lúc cần giáo dục các cháu học sinh phải chăm học, trau dồi đạo đức cần kiệm, giản dị, vui chơi giải trí lành mạnh và coi đó là cái "đẹp" của thời học sinh, thì lại khuyến khích học sinh đi thi hoa hậu, trình diễn mốt, thậm chí còn đưa những hoạt động này xuống tận các trường dưới hình thức "học sinh duyên dáng", "cô giáo duyên dáng"... Nếu cứ để các hoạt động này phổ biến tràn lan thì vô tình chúng ta khích lệ cho lối sống đua đòi, chạy theo hình dáng bề ngoài cho lớp trẻ trong trắng. Tôi không thuộc những người chống vẻ đẹp hình thể và sự duyên dáng trong giao tiếp ; tôi rất thích là đằng khác, nhưng phải đúng thực chất, và nhất là

(1) V.I. Lê-nin : *Toàn tập*, Nxb Tiến bộ, Mát-xcơ-va, 1978, t 41, tr 361

(2) (3) *Sđd*, t 35, tr 349

Digitized by Google

đúng nơi, đúng chỗ, nghĩa là phải theo "định hướng".

Trong lúc đất nước còn nghèo, bình quân đất đai đầu người thấp lại đang ngày càng bị thu hẹp, thì đây đó lại lập sân chơi "gôn", một lối chơi quý tộc nhất của vua chúa xưa và tư bản châu Âu ngày nay (theo các báo cáo thì nước ta hiện nay đã có hoặc sắp có tới 10 sân "gôn" mà hội phí bình quân cho mỗi hội viên từ 20 000 đến 35 000 đô la Mỹ và hơn thế). Có người nước ngoài đã thật không hiểu được sao Việt nam xã hội chủ nghĩa lại cho lập một lối chơi quý tộc và đắt tiền như thế. Chưa nói tới tác hại đối với môi trường thiên nhiên và xã hội mà nhiều nhà nghiên cứu về sân gôn ở phương Tây đã lên tiếng cảnh cáo. Theo họ, để xây dựng một sân gôn 18 lỗ cần 1 500 ha đất, số lượng nước tưới cho nó mỗi ngày đủ dùng cho 2 000 hộ dân cư, phải cần tới 11 kg chất hóa học mỗi năm cho 1 ha để giữ màu xanh của cỏ. Tình trạng không tránh khỏi những "ca- đi" (người đẩy xe chở túi gậy cho khách) bán dâm... Ở nước ta những thứ cỏ sân gôn phải nhập từ nước ngoài. Trong lúc chúng ta chống cờ bạc, đĩ điếm thì có nơi lại cho lập "casino" - sòng bạc, một loại "nghệ thuật lừa bịp" tầm cỡ thế giới, sản phẩm sa đọa của các nước tư bản chủ nghĩa. Kể ra còn dài dài, nào là thuốc lá, nào là bia, nào là ô tô xịn, nào quảng cáo v.v. và v.v.. Xin dừng ở đây.

Những người bảo vệ cho những hoạt động văn hóa, thể thao, giải trí như trên thường viện lẽ rằng thời buổi ganh đua này, người ta có cái gì mình phải có cái nấy, không chịu thua kém ai, hơn nữa bỏ vốn ít mà thu lãi nhiều, thậm chí không vốn mà có lãi, tội gì không làm. Nếu như vậy thì cần gì phải có "định hướng xã hội chủ nghĩa", chỉ cần một hướng : có tiền. Hậu quả xã hội đối với những hoạt động thiếu định hướng này không cần thể nghiệm mới biết. Chỉ cần lắng nghe những lời ca thán của nhân dân ở các nước tư bản chủ nghĩa - nơi sản sinh ra những hình thức hoạt động đó. Nói như ông cha ta : "lợi bất cập hại". Tôi trình bày vài suy nghĩ với tâm trạng lo lắng cho "định hướng xã hội chủ nghĩa" của ta trên lĩnh vực văn hóa xã hội ❑

VỀ MỤC TIÊU CỦA ĐỊNH HƯỚNG XÃ HỘI CHỦ NGHĨA

***TRẦN XUÂN TRƯỜNG** **

TRONG những năm thực hiện đường lối đổi mới, đặc biệt là từ sau Hội nghị đại biểu toàn quốc giữa nhiệm kỳ của Đảng, thuật ngữ *định hướng xã hội chủ nghĩa* được dùng khá phổ biến trong lý luận cũng như trong thực tiễn ở nước ta. Việc khẳng định định hướng xã hội chủ nghĩa và đấu tranh cho sự thắng lợi của định hướng xã hội chủ nghĩa đòi hỏi chúng ta trước hết phải thống nhất nhận thức về nội dung của định hướng.

Đối tượng của nhận thức về định hướng xã hội chủ nghĩa không phải chỉ là tính quy luật của quá trình vận động của xã hội Việt nam trong thời kỳ quá độ, mà còn là những con đường, những phương thức và giải pháp cơ bản của quá trình đó. Đối tượng đó nhất thiết còn phải bao hàm nhận thức về mục tiêu mà quá trình đó hướng tới. Hơn nữa, đó còn là điều đầu tiên cần phải nhận thức. Không rõ cái đích đi tới thì cũng không thể rõ định hướng, không có cái chuẩn để quy tụ mọi sự vận động.

* GS, Giám đốc Học viện chính trị - quân sự, Bộ quốc phòng

Digitized by Google

Nội dung của xã hội xã hội chủ nghĩa Việt nam ở cuối thời kỳ quá độ quy định nội dung của định hướng xã hội chủ nghĩa đang diễn ra hôm nay, vì những nội dung của xã hội tương lai đã phải xuất hiện và lớn dần lên từ hôm nay, từ những mầm mống phôi thai trở thành những nhân tố ổn định ngày càng lớn mạnh, chiếm địa vị chi phối. Không có sự ra đời của cái tương lai xã hội chủ nghĩa ngay hôm nay thì cũng không thực sự có định hướng xã hội chủ nghĩa. Hơn nữa, nội dung của xã hội tương lai còn có tính quy định về nguyên tắc đối với việc lựa chọn các phương thức, giải pháp. Một xã hội tương lai nhằm giải phóng xã hội, giải phóng con người không thể chấp nhận những giải pháp chống lại con người, vi phạm lợi ích cơ bản của người lao động mà chủ nghĩa tư bản đã và đang làm trong quá trình phát triển của nó.

Chúng ta phản đối quan điểm cho rằng không cần nhận thức về nội dung và mục tiêu của chủ nghĩa xã hội ở Việt nam, rằng cứ làm cho kinh tế tăng trưởng, dân giàu, nước mạnh thì "khắc đi khắc đến", "không cần thiết kế trước xã hội tương lai" hoặc "chưa làm đã lo đặt tên". Đó là sự sùng bái tính tự phát dưới một hình thức của tư duy thực chứng mới. Trong lĩnh vực xã hội xuất hiện tâm lý coi thường lý luận, trong khi lý luận cần phải được coi trọng hơn bao giờ hết. Không có lý luận đúng đắn soi đường, chúng ta chẳng thể nào đi tới đích được.

Liệu lý luận có thể làm được việc thiết kế cái mô hình xã hội tương lai đó không ? Chúng ta không thể ngay hôm nay có một bản vẽ chi tiết về xã hội tương lai bởi vì những chi tiết đó không có sẵn mà chỉ xuất hiện trong tiến trình vận động của thực tiễn xã hội và lý luận phải tổng kết thì mới tìm ra được. Cố vẽ ngay các chi tiết thì chỉ rơi vào tư biện, duy ý chí. Ở đây, chế độ xã hội chủ nghĩa Việt nam chỉ có thể là sản phẩm của một phong trào hiện thực đúng như Mác quan niệm, rằng chủ nghĩa cộng sản "không phải là một *lý tưởng* mà hiện thực phải khuôn theo" mà là "một phong trào *hiện thực*, nó xóa bỏ trạng thái hiện nay"(1). Phong trào đó dĩ nhiên phải có sự chỉ đạo của một lý luận tiên phong. Nhưng chỉ có một phong trào hiện thực của nhân dân Việt nam trong thời đại lịch sử mới mới có thể đem lại cho chế độ đó một hình hài cụ thể, xác định. Tuy không thể thiết kế chi tiết nhưng lý luận có thể và cần phải phác họa trên đại thể cái khung cơ bản của một xã hội Việt nam tương lai. Và những nét cơ bản đó của xã hội ta trong tương lai, thực tế đã được Cương lĩnh của Đảng ta thông qua tại Đại hội VII phác họa như sau :

"Xã hội xã hội chủ nghĩa mà nhân dân ta xây dựng là một xã hội :

- Do nhân dân lao động làm chủ.

- Có một nền kinh tế phát triển cao dựa trên lực lượng sản xuất hiện đại và chế độ công hữu về các tư liệu sản xuất chủ yếu.

- Có nền văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc.

- Con người được giải phóng khỏi áp bức, bóc lột, bất công, làm theo năng lực, hưởng theo lao động, có cuộc sống ấm no, tự do, hạnh phúc, có điều kiện phát triển toàn diện cá nhân.

- Các dân tộc trong nước bình đẳng, đoàn kết và giúp đỡ lẫn nhau cùng tiến bộ.

- Có quan hệ hữu nghị và hợp tác với nhân dân tất cả các nước trên thế giới"(2).

Như vậy là cái khung cơ bản của xã hội Việt nam tương lai đã được trí tuệ tập thể của Đảng và nhân dân ta dựng lên. Nhiệm vụ của lý luận từ nay trở đi là tổng kết, tìm tòi, đắp thêm cho nó rõ nét hơn. Phát triển tư duy về một xã hội xã hội chủ nghĩa Việt nam cần phải dựa trên ba căn cứ. *Thứ nhất*, đó là chủ nghĩa duy vật lịch sử, đặc biệt là học thuyết về hình thái kinh tế - xã hội xã

(1) C. Mác- Ph. Ăng-ghen : *Tuyển tập*, Nxb Sự thật, Hà nội, 1980 t 1, tr 297

(2) Đảng cộng sản Việt nam : "*Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội*", Nxb Sự thật, Hà nội, 1991, tr 8-9

Digitized by Google

hội chủ nghĩa và cộng sản chủ nghĩa của chủ nghĩa Mác - Lê-nin. *Thứ hai*, đó là những đặc điểm về xã hội và con người Việt nam trong lịch sử, ở thời điểm hiện tại và xu thế trong tương lai. *Thứ ba*, đó là trình độ phát triển của nền văn minh nhân loại, những thành tựu cao của sản xuất và đời sống cũng như những giá trị văn hóa tiến bộ đích thực mà loài người đã đạt được và chúng ta cần phải tiếp thu.

Tư duy về xã hội Việt nam tương lai được dựa chắc trên nền tảng chủ nghĩa Mác - Lê-nin và tư tưởng Hồ Chí Minh, trong sự thống nhất và tổng hòa các tư tưởng của Mác, Ăng-ghen, Lê-nin, Hồ Chí Minh. Không nên tách rời giữa cái phổ biến và cái đặc thù trong lý luận về chủ nghĩa xã hội ở Việt nam.

Năm 1946, khi trả lời các nhà báo nước ngoài, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã nói : "Tôi chỉ có một sự ham muốn, ham muốn tột bậc, là làm sao cho nước ta được hoàn toàn độc lập, dân ta được hoàn toàn tự do, đồng bào ai cũng có cơm ăn áo mặc, ai cũng được học hành" (3). Câu nói đó đã thể hiện cô đọng quan niệm của Người về giải phóng dân tộc, giải phóng xã hội, giải phóng con người ; về dân chủ và nhân quyền ; về hạnh phúc con người, và hạnh phúc như là sự tổng hòa của mức sống vật chất và đời sống tinh thần. Câu nói đó đã làm cho lý tưởng xã hội chủ nghĩa được thể hiện bằng những chân lý giản đơn, dễ đi vào lòng người. Hồ Chí Minh hiểu rất rõ rằng, muốn ai ai cũng được sung sướng thì phải làm cách mạng, và xây dựng một xã hội mới không còn chế độ người áp bức, bóc lột. Trong bài "Đạo đức cách mạng", Người viết : "Làm cho cả nước không còn ai bị bóc lột, xây dựng một xã hội mới, trong đó mọi người được sung sướng ấm no" (4). Hồ Chí Minh luôn trung thành với chủ nghĩa Mác - Lê-nin, nhưng trung thành một cách sáng tạo, biết tổng kết thực tiễn phương Đông và Việt nam nên đã phát triển đúng đắn tư tưởng của các nhà kinh điển.

Tiếp tục truyền thống đó, trong Cương lĩnh xây dựng đất nước, sau khi nêu lên sáu tiêu chí của xã hội xã hội chủ nghĩa ở Việt nam, Đảng ta đã đưa ra kết luận thể hiện sự nhận thức đầy đủ, đúng đắn học thuyết hình thái kinh tế - xã hội : "**Mục tiêu tổng quát** phải đạt tới khi kết thúc thời kỳ quá độ là xây dựng xong về cơ bản những cơ sở kinh tế của chủ nghĩa xã hội, với kiến trúc thượng tầng về chính trị và tư tưởng, văn hóa phù hợp, làm cho nước ta trở thành một nước xã hội chủ nghĩa phồn vinh" (5).

Ở đây, tôi xin được nói thêm vài điểm.

Chúng ta đều biết không thể có chủ nghĩa xã hội nếu không có một cơ sở vật chất - kỹ thuật hiện đại, tiếp cận trình độ văn minh thế giới. Chính vì vậy, Đảng ta coi công nghiệp hóa, hiện đại hóa là nhiệm vụ trung tâm của cả thời kỳ quá độ, là nội dung cơ bản để trực tiếp khắc phục nguy cơ tụt hậu về kinh tế và công nghệ, thu hẹp, đuổi kịp và có thể vượt qua trình độ phát triển của các nước tư bản, ít nhất trong khu vực.

Tuy nhiên, cần đứng vững trên lập trường của chủ nghĩa xã hội khoa học, đứng vững trên mảnh đất thực tiễn Việt nam trong khi xem xét các mục tiêu liên quan đến kinh tế và đời sống, đến hạnh phúc con người để không bị choáng ngợp trong cuộc đua tranh với thế giới và khu vực. Chúng ta không tán thành quan niệm "an bần lạc đạo", ca ngợi sự nghèo, coi khinh sự giàu. Cần phải coi nghèo đói là một thứ "giặc nội xâm". Nghèo thường đi đôi với hèn. Nếu đất nước và nhân dân ta không giàu lên thì nền độc lập dân tộc phải đổi bằng xương máu của hàng triệu người cũng khó giữ được. Tuy nhiên, người Việt nam có cách hiểu truyền thống về hạnh phúc. Hạnh phúc bao giờ cũng là sự tổng hòa của cuộc sống sung túc về vật chất với sự yên vui về tinh thần. Cái giàu của bọn

(3) Hồ Chí Minh : *Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà nội, 1995, t 4, tr 161

(4) Hồ Chí Minh : *Tuyển tập*, Nxb Sự thật, Hà nội, 1980, t 2, tr 97

(5) Đảng cộng sản Việt nam : *Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội*, Nxb Sự thật, Hà nội, 1991, tr 11

Digitized by Google

trọc phú không phải là lý tưởng sống của người Việt nam. Sự sung túc phải gắn liền với an bình, nhân nghĩa, hòa hiếu trong đời sống cộng đồng từ nhỏ đến lớn, từ gia đình, hàng xóm láng giềng đến cả nước và trong quan hệ với các nước. Điều rất hay là quan niệm truyền thống đó của Việt nam lại rất gần với quan niệm hiện đại nhất của thế giới, coi chất lượng cuộc sống không chỉ là mức sống vật chất mà là tổng hợp của cả kinh tế, văn hóa và môi trường.

Chúng ta cần phấn đấu để nâng cao chỉ tiêu GDP theo đầu người, thoát ra khỏi nhóm nước nghèo, gia nhập nhóm nước trung bình, tiến lên gia nhập câu lạc bộ các nước giàu. Nhưng cũng không nhất thiết phải đạt đến chỉ tiêu của các nước giàu nhất mới có chủ nghĩa xã hội. Bởi vì, với một đường lối và tổ chức phân phối hợp lý, chúng ta có thể làm cho đại đa số dân ta sung sướng hơn dân các nước tư bản có cùng một mức GDP đầu người. Phân phối xã hội chủ nghĩa không phải là phân phối bình quân chủ nghĩa nhưng cần và có thể làm cho khoảng cách thu nhập giữa người thu nhập cao và người thu nhập thấp có một độ chênh lệch hợp lý hơn, công bằng và nhân đạo hơn so với phân phối dưới chủ nghĩa tư bản. Mặt khác, với những quan hệ xã hội tốt đẹp, có tính nhân bản hơn, chế độ ta có thể đem lại một cuộc sống với chất lượng sống cao ngay cả khi mức sống vật chất chưa phải thật cao.

Chế độ xã hội chủ nghĩa có thể làm cho xã hội Việt nam tránh được những sự lãng phí trong tiêu dùng sản xuất và tiêu dùng cá nhân mà chế độ tư bản không thể không phạm phải. Kinh tế thị trường thì phải có quảng cáo như một sự thông tin thương mại cần thiết nhưng không cần phải dùng đến một khoản chi phí lớn cho quảng cáo, cho bao bì như ở các nước tư bản hiện nay... Đời sống khá lên, người Việt nam không chỉ cần đủ mặc mà phải mặc đẹp. Thông tin về thời trang là cần thiết nhưng không cần cường độ thay đổi thời trang đến mức bệnh hoạn như ở các nước tư bản hiện nay... Có thể kể ra vô số thí dụ so sánh như trên. Như vậy, lý luận cần phải nghiên cứu phương thức tiêu dùng Việt nam hiện tại và tương lai như một phạm trù kinh tế và văn hóa xã hội chủ nghĩa Việt nam. Phương thức đó phải tiếp cận phương thức sinh hoạt của một xã hội văn minh hiện đại nhưng không bắt chước một cách lố bịch và phi lý các chuẩn mực của xã hội tiêu thụ phương Tây, các chuẩn mực này do bọn lái buôn ô tô, lái buôn quần áo... áp đặt cho xã hội những thị hiếu và nhu cầu giả tạo qua sự thống trị của các công cụ thông tin đại chúng cực mạnh của chúng.

Xã hội xã hội chủ nghĩa Việt nam nhất thiết phải có cơ sở hạ tầng kinh tế của mình là những quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa. Đó là chế độ công hữu về các tư liệu sản xuất cơ bản như Cương lĩnh đã nói. Dù cho chế độ công hữu trong tính hiện thực đã có của nó với những khuyết điểm chủ quan có làm cho người ta dị ứng như thế nào đi nữa thì nếu suy nghĩ kỹ một chút, chúng ta vẫn phải chấp nhận tính tất yếu của chế độ đó. Phủ nhận điều đó có nghĩa là từ bỏ chủ nghĩa xã hội khoa học và tiếp nhận trào lưu xã hội dân chủ.

Cơ cấu kinh tế khi kết thúc thời kỳ quá độ phải khác với cơ cấu kinh tế trong thời kỳ quá độ, và phải trở thành một cơ cấu thuần nhất hơn, trong đó các nhân tố kinh tế xã hội chủ nghĩa sẽ nổi trội lên trong các quan hệ kinh tế. Hiện nay còn quá sớm để dự báo và mô tả về những quan hệ kinh tế cụ thể lúc đó, bởi vì những hình thức kinh tế của chế độ xã hội chủ nghĩa tương lai sẽ phụ thuộc vào sự vận động của chính những hình thức kinh tế trong thời kỳ quá độ. Có một điều chắc chắn là việc chế độ tư hữu chuyển sang chế độ công hữu về cơ bản là một quá trình kinh tế lâu dài, thông qua những hình thức trung gian đan xen các yếu tố tư hữu và công hữu để tạo ra một động lực kinh tế thực sự cho mọi thành phần của nền kinh tế quốc dân. Những hình thức đó không chết cứng mà sẽ biến đổi không ngừng theo sự phát triển của lực lượng sản xuất.

Digitized by Google

Khi kết thúc thời kỳ quá độ, nước ta sẽ có một cơ cấu kinh tế thuần nhất hơn, nhưng điều đó không có nghĩa đã có một cơ sở hạ tầng xã hội chủ nghĩa "sạch sẽ". Chế độ người bóc lột người lúc đó về cơ bản phải bị xóa bỏ, nhưng chế độ tư hữu, kinh doanh tư nhân nói chung không nhất định không còn nữa. Bởi vì, chế độ tư hữu không thể bị xóa bỏ bằng biện pháp hành chính mà chỉ có thể tiêu vong như một quá trình kinh tế, "một quá trình lịch sử - tự nhiên". Nói chung, những dấu ấn của cơ cấu kinh tế trong thời kỳ quá độ sẽ còn để lại khá đậm nét trong cơ cấu kinh tế khi kết thúc thời kỳ quá độ.

Cương lĩnh của Đảng có nói đến một "kiến trúc thượng tầng về chính trị và tư tưởng, văn hóa phù hợp".

Hệ thống chính trị ngay trong thời kỳ quá độ ở nước ta đã là hệ thống chính trị mang bản chất xã hội chủ nghĩa, do Đảng cộng sản lãnh đạo, một hệ thống của dân, do dân và vì dân. Về thực chất, đó là nền chuyên chính cách mạng của giai cấp công nhân, đồng thời đó cũng là nền dân chủ xã hội chủ nghĩa, một nền dân chủ bảo đảm quyền làm chủ của nhân dân lao động. Đó là nền dân chủ rộng rãi đến mức hầu như dân chủ với mọi người Việt nam yêu nước tập hợp trong khối đại đoàn kết toàn dân, chứ không phải là chỉ đối với một thiểu số; một nền dân chủ trong thực tế chứ không phải chỉ trên hình thức. Do những quan hệ kinh tế và giai cấp trong thời kỳ quá độ, những điều kiện vật chất của việc thực hiện dân chủ là khác nhau đối với các tầng lớp công dân. Trên thực tế, thế lực của đồng tiền vẫn chi phối ở một mức độ đáng kể những quan hệ công dân. Thế nhưng chúng ta không cho phép diễn ra tình trạng chỉ người giàu mới có quyền làm chủ. Một hệ thống chính trị chỉ được coi là xã hội chủ nghĩa nếu hệ thống đó bảo đảm cho toàn thể công dân, nhất là nhân dân lao động được làm chủ thực sự. Người nghèo cũng có quyền làm chủ như người giàu, nếu không nói là về một số mặt được bảo đảm ưu tiên hơn. Toàn bộ giai cấp công nhân làm chủ trong sản xuất, dịch vụ, kinh doanh, kể cả bộ phận công nhân làm thuê cho các ông chủ tư bản trong nước và nước ngoài. Bộ phận này trong quan hệ chủ-thợ dĩ nhiên bị ràng buộc vào trật tự của sự thống trị của tư bản nhưng với tư cách là một bộ phận của giai cấp đang cầm quyền trong chế độ xã hội mới, những công nhân đó vẫn phải có ý thức và phương cách làm chủ của mình.

Khi kết thúc thời kỳ quá độ, khác với các quan hệ kinh tế, hệ thống chính trị tồn tại trong thời kỳ quá độ không có gì thay đổi về bản chất, mà vẫn là hệ thống chính trị xã hội chủ nghĩa ấy. Tuy nhiên, sẽ có những biến đổi quan trọng trong nội dung và hình thức của nền dân chủ, trong tương quan chuyển động của hai mặt chức năng của nền chuyên chính : chức năng bạo lực trấn áp và chức năng tổ chức xây dựng.

Lẽ đương nhiên, khi chủ nghĩa xã hội đã được xây dựng thành công thì so sánh lực lượng thay đổi có lợi cho chủ nghĩa xã hội. Trong những điều kiện đó, chức năng tổ chức xây dựng của nền chuyên chính càng nổi bật lên, nền dân chủ xã hội chủ nghĩa ngày càng mở rộng hơn với những nội dung và hình thức mới. Khi thế lực thù địch đã suy yếu, trật tự kỷ cương xã hội đã được củng cố, một xã hội pháp quyền đã hình thành và phát triển thì việc không mở rộng, thay đổi cung cách quản lý nhà nước, quản lý xã hội, để chuyển sang một giai đoạn mới của nền dân chủ xã hội chủ nghĩa là sai lầm. Thế nhưng, mức độ chuyển động và những hình thức cụ thể của nền dân chủ trong tương lai là thế nào thì chúng ta không thể nói trước được. Điều đó phụ thuộc vào bối cảnh chính trị trong nước và quốc tế của cách mạng nước ta lúc đó. Nói chung, chúng ta không thể bảo thủ, trì trệ để cho hệ thống chính trị của chúng ta trở thành một hệ thống quan liêu, cực quyền nhưng cũng không chủ quan, tự phụ, vội vã cho ra đời một "nhà nước toàn dân", một "đảng toàn dân" nào đó như có nơi đã làm để rồi phải trả giá cho sai lầm hữu khuynh đó...❑

Digitized by Google

THẾ NÀO LÀ KINH TẾ THỊ TRƯỜNG THEO ĐỊNH HƯỚNG XÃ HỘI CHỦ NGHĨA ?

ĐẶNG BIÊN *

QUA 10 năm phát triển kinh tế thị trường, chúng ta đã đạt được những thành tựu rất đáng tự hào. Tuy nhiên, nếu nhìn nhận một cách nghiêm túc, đến nay kinh tế thị trường của nước ta vẫn còn là nền kinh tế thị trường *sơ khai*.

Nói kinh tế thị trường *sơ khai* (hay *hoang dã*) là để phân biệt với kinh tế thị trường *văn minh*. Nếu kinh tế thị trường văn minh là nền kinh tế được thực hiện trên cơ sở luật pháp đầy đủ, các nhà đầu tư quan tâm nhiều tới lĩnh vực sản xuất để tăng của cải vật chất cho xã hội, thì kinh tế thị trường sơ khai là nền kinh tế được thực hiện trên cơ sở luật pháp chưa đầy đủ, các nhà đầu tư quan tâm nhiều tới lĩnh vực lưu thông, dịch vụ hơn là lĩnh vực sản xuất, vì đó là lĩnh vực nhanh chóng mang lại lợi nhuận cao. Và cũng vì thế mà mặt trái của nó như buôn lậu, đầu cơ, tham nhũng càng phổ biến. Như ở ta, nó thâm nhập cả những tổ chức không có chức năng làm kinh tế như bệnh viện, trường học... Đấy là những vấn đề chúng ta cần có sự đánh giá đúng để có nhận thức đúng và có chủ trương thích hợp.

Hiện nay, trên sách báo, người ta thường nói đến nền kinh tế thị trường theo định hướng xã hội chủ nghĩa, nhưng nội dung định hướng xã hội chủ nghĩa của nền kinh tế đó cụ thể như thế nào thì chưa được làm rõ. Có nhiều người cho rằng kinh tế thị trường không phải là cái riêng có của chủ nghĩa tư bản ; nó đã tồn tại, đang tồn tại, và sẽ tồn tại mãi sau này... Đây là sự ngộ nhận đáng tiếc, dẫn đến đồng nhất kinh tế thị trường tư bản chủ nghĩa với kinh tế thị trường theo định hướng xã hội chủ nghĩa.

Theo tôi, sự khác nhau giữa hai nền kinh tế thị trường nói trên xuất phát từ sự khác nhau giữa hai hệ thống lý luận kinh tế : *kinh tế chính trị* và *kinh tế học*.

Kinh tế chính trị nghiên cứu các quy luật kinh tế làm cơ sở cho sự hình thành và biến đổi của các thiết chế chính trị - xã hội, nó gắn việc phát triển kinh tế với việc giải quyết các vấn đề chính trị - xã hội. Vì thế, nó quan tâm đến con người, đến công bằng xã hội, đến một xã hội văn minh và môi trường sống tốt lành.

Còn kinh tế học, từ sau khi giai cấp tư sản từ bỏ lý luận kinh tế chính trị cổ điển, thì chỉ còn là môn khoa học đi sâu nghiên cứu những vấn đề thuần túy về sản xuất, về của cải, về làm giàu, tách rời kinh tế với chính trị, lẩn tránh những mâu thuẫn gay gắt trong xã hội. Các nhà kinh tế học tư sản hiện đại chỉ quan tâm nghiên cứu sản xuất cái gì mang lại lợi nhuận cao, làm giàu nhanh, chứ không quan tâm nghiên cứu mối quan hệ giữa sản xuất với việc chăm lo phát triển toàn diện con người, với việc bảo vệ môi trường thiên nhiên. Họ nhấn mạnh một chiều về hiệu quả kinh tế, về tự do không giới hạn trong kinh doanh ; coi đó là nguyên tắc cơ bản trong cuộc sống xã hội. Kết quả là họ khuyến khích con người chỉ biết say mê làm giàu, trở nên ích kỷ với đồng loại, không hề quan tâm gì đến những vấn đề xã hội của thế giới hiện đại như : bóc lột, đói nghèo, tha hóa, bạo lực, suy đồi đạo đức, ô nhiễm môi trường sống... Để thích nghi với xã hội hiện đại, các nhà lý luận tư sản cũng nói tới "bóc lột", "công bằng xã hội", "đạo đức kinh doanh"...,

* Phó giáo sư

Digitized by Google

làm cho một số người nhầm lẫn, tưởng rằng chủ nghĩa tư bản cũng có những chuyển biến giống như chủ nghĩa xã hội, do đó dễ dàng tiếp nhận kinh nghiệm thị trường tư bản chủ nghĩa mà thiếu sự chọn lọc, phân tích.

Có điều cần lưu ý là lý thuyết "kinh tế học hiện đại" đã từng được tuyên truyền và phổ biến cho hàng trăm nước, nhất là các nước đang phát triển, ở khắp các châu lục thực hiện. Nhưng thực tế thì chưa có nước nào chỉ nhờ nó mà trở nên giàu có. Hầu hết nước nghèo vẫn nghèo, chưa kể nợ nần càng chồng chất, tài nguyên cạn kiệt, phụ thuộc vào nước phát triển ngày càng tăng.

Đối với chúng ta, điều cần quan tâm trước hết không phải là kinh tế học *đơn thuần* mà là kinh tế *chính trị*. Do đó, chúng ta không chỉ chăm lo phát triển sản xuất, mà còn chăm lo các vấn đề chính trị, xã hội, vấn đề con người và bảo vệ môi trường, tạo những điều kiện cần thiết cho việc thực hiện bằng được các nhiệm vụ đã đề ra. Mặc dù hiện nay chưa có đủ những điều kiện cần thiết để thực hiện tốt các nhiệm vụ đó, nhưng mọi hoạt động của chúng ta phải theo hướng đó, *đó chính là định hướng xã hội chủ nghĩa.*

Thực hiện định hướng xã hội chủ nghĩa là một quá trình hình thành từng bước những tiền đề vật chất và tinh thần, những điều kiện khách quan và chủ quan để quá độ lên chủ nghĩa xã hội. Ở những nước mà cách mạng giải phóng dân tộc do giai cấp công nhân lãnh đạo, sau khi giành được chính quyền, muốn giữ vững thành quả cách mạng và bảo vệ lợi ích cho người lao động thì không thể đi con đường nào khác ngoài con đường xã hội chủ nghĩa. Đó chính là lý do vì sao chúng ta phải thực hiện định hướng xã hội chủ nghĩa, đi theo con đường Bác Hồ đã chọn.

Định hướng xã hội chủ nghĩa ở nước ta có *những đặc trưng* đã được Đảng ta chỉ rõ:

- Cơ sở *kinh tế* của nó là lực lượng kinh tế nhà nước và lực lượng kinh tế hợp tác ; hai lực lượng đó làm nòng cốt cho việc điều tiết kinh tế, bảo đảm phát huy mọi khả năng của các thành phần kinh tế khác, trong đó có kinh tế tư nhân, vào mục tiêu phát triển kinh tế ;

- Cơ sở *chính trị* của nó là quyền lực của giai cấp công nhân, là nền dân chủ của đông đảo nhân dân lao động, do giai cấp công nhân lãnh đạo ;

- Về *lực lượng sản xuất*, đó là nền sản xuất phát triển cao với trình độ khoa học kỹ thuật hiện đại trên cơ sở công nghiệp hóa và hiện đại hóa, bảo đảm cân đối cơ cấu ngành và phân bố hợp lý các vùng lãnh thổ trong cả nước.

- Về *quan hệ sản xuất*, đó là quan hệ sở hữu với nhiều hình thức quá độ (giữa *nhà nước* với *tập thể*, với *tư nhân* trong và ngoài nước) ; là quan hệ phân phối vừa theo kết quả lao động, làm nhiều hưởng nhiều, vừa theo vốn đóng góp nhiều hay ít...

- Mục tiêu của chủ nghĩa xã hội là nâng cao mức sống, xóa bỏ bóc lột, không để phân hóa giàu nghèo, bảo đảm cuộc sống ấm no và hạnh phúc cho mọi người trên cơ sở phát triển mạnh mẽ lực lượng sản xuất. Về mặt xã hội, tạo lập một chuẩn mực giá trị xã hội và một trật tự xã hội trên cơ sở phát huy bản sắc văn hóa dân tộc, tạo điều kiện cho con người phát triển toàn diện, xây dựng nền văn minh đại chúng, một xã hội vừa phồn vinh về kinh tế, vừa ổn định về chính trị xã hội.

- Để thực hiện định hướng xã hội chủ nghĩa, trước hết phải phát huy vai trò lãnh đạo của Đảng, tạo một sự chuyển biến căn bản trong kiến trúc thượng tầng làm cơ sở cho sự lãnh đạo, tổ chức, hướng dẫn phát triển kinh tế, thực hiện nền dân chủ của nhân dân lao động, thực hiện sự đoàn kết dân tộc trong nước và quốc tế.

- Đặc điểm của chủ nghĩa xã hội là sự quản lý thống nhất trên một mức độ nhất định nền kinh tế xã hội, tăng cường chế độ công hữu, thực hiện phân phối theo lao động, kết hợp kế hoạch với thị trường để điều tiết nền kinh tế. Kế hoạch phải căn cứ vào nhu cầu của thị trường. Nhà nước định hướng phát triển nền kinh tế, thực hiện một số

Digitized by Google

nhiệm vụ kinh tế, kiểm soát thị trường thông qua kế hoạch.

Những điều nêu trên đòi hỏi phải tập trung giải quyết một số vấn đề để bảo đảm kinh tế thị trường phát triển theo đúng định hướng xã hội chủ nghĩa.

Thứ nhất, vấn đề *vai trò nhà nước trong việc thiết lập sự kiểm soát vĩ mô đối với nền kinh tế.*

Điều này là cần thiết để thúc đẩy tăng trưởng kinh tế, tăng tổng giá trị sản phẩm quốc gia, cân đối cung cầu, bảo đảm tốt việc cung ứng tiền tệ, tạo những điều kiện cần thiết cho tự do kinh doanh, cạnh tranh trong trật tự và pháp luật, bảo đảm nhà nước có thể can thiệp vào thị trường khi cần thiết, kiểm soát các hệ thống kinh tế bằng các công cụ tài chính, tiền tệ, ngân hàng,... xây dựng và khống chế các hoạt động thuộc kết cấu hạ tầng.

Muốn vậy, trước hết cần *hoạch định một chiến lược kinh tế - xã hội,* lập quy hoạch ngành và quy hoạch lãnh thổ để định hướng và hướng dẫn sự phát triển của nền kinh tế, chủ động kêu gọi đầu tư theo hướng đã định, giữ vững chủ quyền quốc gia trong mở cửa nền kinh tế.

Cùng với phát triển kết cấu hạ tầng (bao gồm kết cấu hạ tầng kỹ thuật và xã hội), nhà nước tổ chức và quản lý các doanh nghiệp nhà nước làm ăn có hiệu quả để phát huy vai trò của nó trong nền kinh tế. Đây là một trong những chức năng kinh tế quan trọng của nhà nước xã hội chủ nghĩa, tạo cơ sở kinh tế - chính trị cho sự lãnh đạo của giai cấp công nhân.

Nền kinh tế thị trường theo định hướng xã hội chủ nghĩa là *nền kinh tế pháp trị.* Hiện nay hệ thống pháp luật nước ta còn chưa đồng bộ và hoàn thiện, khiến cho những kẻ tham nhũng có thể dựa vào những kẽ hở để tránh bị trừng phạt. Do đó, không chỉ cần xây dựng pháp luật, mà còn phải tăng cường đấu tranh bảo đảm việc chấp hành luật pháp.

Pháp luật phải bảo đảm cho mọi công dân đều có cuộc sống có giá trị nhân bản, vì thế cần có sự hạn chế nhất định đối với sở hữu và quyền lực khi sở hữu và quyền lực cản trở sự phát triển nhân cách.

Nhà nước phải kiểm soát sự tăng trưởng kinh tế và *thực hiện công bằng xã hội.* Điều đó đòi hỏi phải giải quyết hài hòa giữa tăng trưởng kinh tế với giải quyết các vấn đề xã hội. Mặt khác, sự công bằng trong kinh tế, chính trị - xã hội được thể hiện trong sự phân phối thu nhập. Vì thế, nhà nước có sự giám sát đối với việc phân phối nguồn lợi kinh tế, xem nó có lợi cho tầng lớp nào để trên cơ sở đó điều chỉnh, thực hiện công bằng xã hội, khắc phục phân hóa giàu nghèo quá lớn.

Thực hiện chức năng xã hội, nhà nước phải có một chính sách xã hội, xây dựng một chuẩn mực giá trị đạo đức xã hội và trật tự xã hội. Trước hết, nhà nước thực hiện bảo hiểm xã hội, phân phối hợp lý tư liệu sản xuất, giao ruộng đất, giao rừng, bán cổ phần, cho vay vốn, trợ cấp, đào tạo nghề... để cho người nghèo có thể tự lo cuộc sống lâu dài. Nhà nước xây dựng một chuẩn mực giá trị đạo đức xã hội làm cơ sở cho chính sách xã hội và một trật tự xã hội, bảo đảm tổ chức, duy trì trật tự kỷ cương xã hội và nếp sống văn minh, hướng mọi hoạt động kinh tế vào mục tiêu vì con người, xây dựng một xã hội phát triển hài hòa giữa vật chất, tinh thần và tri thức, đặt nền móng cho một quốc gia thật sự vững mạnh.

Trật tự xã hội là tiền đề không thể thiếu để một chế độ xã hội có thể tồn tại và phát triển lâu dài. Trật tự đó phải được xây dựng trên một chuẩn mực giá trị xã hội theo tinh thần nhân đạo xã hội chủ nghĩa được quán triệt trên mọi lĩnh vực : phát triển sản xuất, tổ chức cuộc sống, tổ chức gia đình, đạo đức, thẩm mỹ, ý thức pháp chế, sức khỏe, môi trường... Trong tổ chức xã hội, gia đình có ý nghĩa nền tảng. Nếu không có chính sách gia đình đúng, nó sẽ phá vỡ những tiền đề cho sự ổn định của một xã hội văn minh. Thực hiện các nội dung trên đây, đặc biệt quan trọng là vai trò của *tổ chức, giáo dục* và *luật pháp.*

Digitized by Google

Sùng bái đồng tiền và tuyệt đối hóa giá trị kinh tế, là đặc điểm cơ bản của nền kinh tế thị trường tư bản chủ nghĩa. Ở đó đồng tiền có thể chi phối mọi việc, làm cho cán cân công lý nghiêng ngả, làm cho các mối quan hệ xã hội, đạo đức suy đồi, dẫn đến tội phạm. Với kinh tế thị trường theo định hướng xã hội chủ nghĩa, không thể như vậy. Ta không coi nhẹ đồng tiền nhưng cũng không coi nó là vạn năng. Cần thích nghi với kinh tế thị trường, nhưng phải lấy hiệu quả kinh tế - xã hội làm động lực tuyệt đối, làm trung tâm của các mối quan hệ xã hội và luân lý. Đó là điều phải quan tâm giáo dục.

Cùng với việc giáo dục đó, có cơ chế, chính sách khắc phục mọi hiện tượng bạo lực, sa đọa, đồi trụy làm ô nhiễm môi trường văn hóa.

Thứ hai, vấn đề *kinh tế nhiều thành phần.*

Kinh tế thị trường là nền kinh tế có nhiều thành phần. Mỗi thành phần đều đại diện cho một tầng lớp, một lực lượng kinh tế, một giai cấp nhất định. Trong đó, giai cấp nào thống trị thì sẽ có một lực lượng kinh tế tương ứng, giữ vai trò chủ đạo, chi phối các lực lượng, các thành phần kinh tế khác.

Trong quá trình tồn tại và phát triển, các thành phần kinh tế có mối liên hệ, liên kết, đan xen với nhau trong một cơ cấu kinh tế. Tuy vậy, do lúc thì liên minh, hợp tác với nhau cùng phát triển, lúc lại cạnh tranh, giành giật nhau để giữ thế độc quyền, cho nên các thành phần kinh tế luôn ở trạng thái chuyển hóa và biến đổi. Có thể hôm nay còn là một tiểu chủ nhưng ngày mai đã là nhà tư bản ; có thể hôm nay còn là một doanh nghiệp nhỏ bé, nhưng ngày mai đã trở thành một tập đoàn kinh doanh lớn, hoặc ngược lại, đã bị phá sản trước sự cạnh tranh của một tập đoàn kinh doanh lớn hơn nhiều.

Chúng ta đã có chính sách nhất quán khuyến khích các thành phần kinh tế phát triển để huy động mọi tiềm năng của đất nước vào sự nghiệp phát triển kinh tế. Các thành phần kinh tế được bình đẳng trước pháp luật và được bảo trợ phát triển. Đặc biệt, trong giai đoạn hiện nay, chúng ta khuyến khích tư nhân bỏ vốn phát triển sản xuất để ích nước, lợi nhà. Xét về lâu dài, kinh tế tư nhân có vai trò quan trọng trong nền kinh tế nước ta. Tuy nhiên, dù thế nào kinh tế nhà nước vẫn giữ vai trò chủ đạo để bảo đảm kinh tế thị trường ở nước ta phát triển theo định hướng xã hội chủ nghĩa. Tất nhiên, muốn vậy các doanh nghiệp nhà nước phải thật sự làm ăn có hiệu quả, hơn hẳn các doanh nghiệp thuộc các thành phần kinh tế khác.

Hiện nay ở nước ta, tư nhân chưa sẵn sàng đầu tư vào sản xuất, vì họ thiếu lòng tin và thiếu kiến thức kinh doanh. Cho nên, một mặt cần tạo điều kiện để họ tiếp cận với hoạt động kinh doanh, sẵn sàng đón nhận cái may và chấp nhận cái rủi trong kinh doanh ; mặt khác, làm rõ con đường và tiền đồ của kinh tế tư nhân và các thành phần kinh tế khác ; không phải là xóa bỏ, loại trừ họ, mà hướng họ vào con đường sản xuất kinh doanh thế nào có lợi cho quốc kế dân sinh. Quyền lợi và sở hữu chính đáng của họ được nhà nước bảo đảm ; họ sẽ phát triển cùng với sự phát triển của sự nghiệp công nghiệp hóa và hiện đại hóa đất nước.

Thứ ba, vấn đề *bảo đảm chủ quyền, an ninh quốc gia trong mở cửa nền kinh tế.*

Để có được sự phát triển kinh tế, thật ra không khó lắm, vì cứ cho tư bản nước ngoài đầu tư với những điều kiện ưu đãi, thì sẽ có điều đó thôi. Nhưng cái khó là đi đôi với sự phát triển đó, phải giải quyết hài hòa nhiều mối quan hệ, phải bảo đảm được độc lập chủ quyền, lợi ích quốc gia, khuyến khích được các nhà đầu tư trong nước, và thực hiện được định hướng phát triển của ta.

Để giải quyết vấn đề này, ngoài những biện pháp truyền thống để huy động năng lực phát triển sản xuất trong nước, cần coi trọng việc tổ chức, quản lý và chính sách đối với các khu đầu tư tập trung của nước ngoài dưới hình thức khu chế xuất, khu công nghệ cao, khu phát triển...

Digitized by Google

Để khắc phục sự bị động, khó kiểm soát đối với đầu tư, nhà nước cần có *quy hoạch tổng thể về phát triển kinh tế - xã hội*, trên cơ sở đó xác định các vùng phát triển để chủ động kêu gọi đầu tư trong nước và nước ngoài ; đưa ra danh mục các ngành nghề và yêu cầu về trình độ kỹ thuật đối với những vùng và địa điểm cụ thể cần kêu gọi đầu tư nước ngoài, có phần dành thích đáng cho các nhà đầu tư trong nước ; có biện pháp huy động vốn cần thiết để xây dựng kết cấu hạ tầng cho các khu chế xuất, sẵn sàng đáp ứng yêu cầu của các nhà đầu tư.

Trong việc xem xét các đơn xin đầu tư, chú ý các ngành nghề thuộc loại ưu tiên, chú ý trình độ kỹ thuật, sản phẩm có khả năng tiêu thụ và cạnh tranh trên thị trường quốc tế... Có như thế, chúng ta mới chủ động được trong kế hoạch phát triển ở tầm vĩ mô, giữ vững được chủ quyền quốc gia, bảo đảm cho lực lượng kinh tế trong nước không ngừng phát triển.

Ngoài ra, về chính sách thuế ưu đãi đối với đầu tư nước ngoài, cần thấy bên cạnh tác dụng thu hút vốn, cũng nảy sinh những bất hợp lý, như tạo ra sự cạnh tranh không bình đẳng, không có lợi cho các doanh nghiệp trong nước. Sự chênh lệch đáng kể về thuế suất giữa doanh nghiệp trong nước và doanh nghiệp nước ngoài chẳng những tạo ra sự cạnh tranh không bình đẳng giữa các nhà đầu tư trong nước và nước ngoài mà còn làm giảm nguồn thu cho ngân sách, làm không thực hiện được yêu cầu dùng vốn nước ngoài kích thích, khai thác và sử dụng có hiệu quả nguồn vốn trong nước.

Thứ tư, vấn đề *chủ nghĩa tư bản nhà nước.*

Chủ nghĩa tư bản nhà nước là hình thức kinh tế có ý nghĩa quan trọng trong quá trình đi lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta. Vì thế, Đảng ta chủ trương áp dụng rộng rãi hình thức này để các thành phần kinh tế phát triển theo định hướng của ta.

Kinh tế tư bản nhà nước không phải là hình thức kinh tế độc lập. Nó được vận dụng rộng rãi trong các ngành nông nghiệp, công nghiệp, dịch vụ... dưới các hình thức *tô nhượng, liên doanh, hợp tác, cho thuê xí nghiệp*... Nó là công cụ liên hợp nền sản xuất nhỏ, khắc phục tình trạng phân tán, tự phát, là công cụ chống quan liêu, học tập cách quản lý nền sản xuất lớn, du nhập tiến bộ kỹ thuật.

Theo Lê-nin, chủ nghĩa tư bản nhà nước là phát triển các hình thức kinh tế tư bản nhưng có sự kiểm tra, giám sát của nhà nước vô sản. Vì vậy, chủ nghĩa tư bản nhà nước *một mặt* là hình thức tổ chức kinh tế để phát triển lực lượng sản xuất ; *mặt khác* là biện pháp để hướng dẫn các hoạt động kinh tế tư nhân, bao gồm kinh tế tư bản và sản xuất nhỏ.

Vấn đề là cần giám sát, hướng dẫn các hoạt động đó để phục vụ cho nền kinh tế của đất nước. Cần có các tổ chức đảng lãnh đạo trong các tổ chức kinh tế hợp tác ; có các người đại diện thật sự phát huy được vai trò lãnh đạo trong các tổ chức liên doanh, liên kết, trong việc thực hiện các hợp đồng cho thuê có điều kiện đối với các nhà tư bản, có những biện pháp quản lý, giám sát bằng pháp luật đối với các nhà tư bản. Nếu chúng ta phát triển được khu vực kinh tế nhà nước, mở rộng được các hình thức kinh tế tư bản nhà nước, liên kết được hai lực lượng này sản xuất được các mặt hàng đủ sức cạnh tranh trên thị trường quốc tế, thì không những tạo cho nhà nước điều hành có hiệu quả nền kinh tế, mà còn làm cho nạn đầu cơ, buôn lậu, tham nhũng cũng dần mất đi.

Thứ năm, vấn đề *xây dựng Đảng.*

Quyết định sự thành công của nền kinh tế thị trường theo định hướng xã hội chủ nghĩa ở nước ta là bản lĩnh chính trị, nghệ thuật lãnh đạo của Đảng và vai trò điều hành của Nhà nước ta.

Trong cơ chế thị trường, vấn đề xây dựng Đảng không hề giảm mà còn tăng gấp bội, bởi sự lôi cuốn, cám dỗ của đồng tiền, bởi ảnh hưởng của "tự do cạnh tranh", bởi những

Digitized by Google

việc làm bất chấp cả lương tri, đạo đức, tình nghĩa...

Chính vì không nhận thức đầy đủ đặc điểm của giai đoạn cách mạng hiện nay, nên nhiều nơi, nhiều đơn vị không quan tâm đầy đủ đến công tác xây dựng Đảng. Công tác tuyên truyền giáo dục của Đảng yếu kém, nên những nguyên tắc cơ bản về xây dựng Đảng không được thực hiện một cách nghiêm túc. Phê bình, tự phê bình bị buông lỏng ; kỷ luật không kịp thời và nghiêm minh; phẩm chất cách mạng không được đề cao... nên đã dẫn đến tình trạng vô kỷ luật, tắc trách, phai nhạt lý tưởng, thoái hóa biến chất, quan liêu, tham nhũng, tội phạm... Đây là một nguy cơ của Đảng.

Nếu các tổ chức đảng không thường xuyên tu dưỡng, giữ vững bản chất cách mạng, thì cùng với sự phân hóa xã hội do hậu quả của kinh tế thị trường, khó tránh khỏi dẫn đến sự phân hóa ngay trong Đảng.

Để Đảng ta mãi mãi là một đảng cách mạng vững mạnh, cần đặc biệt coi trọng công tác giáo dục tư tưởng, bảo đảm sự kiên định mục tiêu lý tưởng, thống nhất tư tưởng và hành động đối với đường lối cách mạng hiện nay. Ngoài việc nắm vững lý luận Mác-Lê-nin, nắm vững các nguyên tắc xây dựng đảng của một Đảng cách mạng, chúng ta phải học tập một cách nghiêm túc tư tưởng, đạo đức cách mạng của Chủ tịch Hồ Chí Minh, nhất là "Sửa đổi lề lối làm việc". Đó là những bài học quý giá để giáo dục đảng viên, cán bộ, rèn luyện phẩm chất, đạo đức cách mạng, tạo sự kiên định lập trường tư tưởng, tăng cường sức đề kháng đối với ảnh hưởng tiêu cực của kinh tế thị trường và chống lại âm mưu phá hoại của các thế lực thù địch.

Ngoài ra, là một đảng cầm quyền, Đảng ta không thể không thực hiện sự lãnh đạo tập trung đối với nhà nước và các tổ chức khác, bảo đảm cho các cơ quan lập pháp và hành pháp thực hiện tốt chức năng của mình, đồng thời kiểm tra, giám sát chặt chẽ việc thực hiện đường lối và nắm chắc việc đào tạo, bố trí cán bộ ❑

Hai vấn đề được thảo luận sôi nổi TẠI ĐẠI HỘI CẤP CƠ SỞ VÀ TRÊN CƠ SỞ Ở HÀ NỘI

XUÂN HẢI

THỰC hiện chỉ thị 51 của Ban bí thư Trung ương Đảng, đến cuối tháng 3 và đầu tháng 4 năm 1996 đảng bộ Hà nội về cơ bản đã tiến hành xong đại hội cấp cơ sở và trên cơ sở. Dưới sự lãnh đạo và chỉ đạo cụ thể, sâu sát của Thành ủy, nhìn chung đại hội các cấp lần này đều đạt kết quả tốt. Hầu hết các báo cáo chính trị của các cơ sở đều được chuẩn bị công phu với sự tham gia của tập thể cấp ủy, cán bộ chủ chốt và đại diện quần chúng tiêu biểu, các chuyên gia đầu ngành có uy tín. Các đề án công tác bước đầu khắc phục được bệnh dàn trải, quán triệt được các quan điểm đổi mới của Đảng vào đặc điểm của từng cơ sở. Số cấp ủy viên mới chiếm khoảng 20 đến 30%, cá biệt có cơ sở lên tới 50 hoặc 60%. Các ý kiến tham luận tại các đại hội thể hiện sự suy nghĩ, tâm huyết và trách nhiệm cao. Không khí thảo luận dân chủ, sôi nổi. Việc nghiên cứu các dự thảo văn kiện Đại hội VIII của Đảng và dự thảo báo cáo chính trị của Đại hội đảng bộ thành phố lần thứ XII được chuẩn bị ở từng chi bộ, từng đảng ủy cơ sở, cho nên khi ra đại hội việc thảo luận, đóng góp ý kiến vào các dự thảo báo cáo trên rất tập trung, có chất lượng, ít đi vào liệt kê thành tích hoặc khuyết điểm...

Có một nhận xét bước đầu là ở các chi bộ đường phố có nhiều đảng viên hưu nguyên là cán bộ, sĩ quan cao cấp, có trình độ, việc góp ý kiến vào dự thảo văn kiện của Trung ương có chất lượng tốt. Có nhiều ý kiến thẳng thắn sâu sắc, giàu tính thực tiễn. Ở các cơ sở đảng

Digitized by Google

các trường đại học, viện khoa học, các ngành kinh tế trung ương ý kiến đóng góp vào dự thảo văn kiện của Trung ương cũng rất phong phú, tập trung vào những vấn đề cơ bản, sát với ngành nghề của mình. Số lượng đảng viên ở cơ sở và số lượng các đại biểu ở các đại hội phát biểu ý kiến khá nhiều . Đảng bộ phường Cửa Đông có tới 280 ý kiến, đảng bộ Công ty chiếu sáng có 178 ý kiến. Đảng bộ khối công nghiệp nhẹ Hà nội có 48 cơ sở với 3 754 đảng viên đã tham gia 1 300 ý kiến. Có 20/48 cơ sở đảng của đảng bộ này còn mở hội nghị chuyên đề và hội nghị cán bộ chủ chốt ở cơ sở bao gồm cấp ủy, chính quyền, đoàn thể, các nhà khoa học, các chuyên gia, công nhân lao động tiên tiến nghiên cứu và góp ý kiến vào các văn kiện của Đảng. Đảng bộ khối du lịch có 720 đảng viên thì 648 đồng chí đã tham gia ý kiến. Đảng bộ Tổng công ty xây dựng Hà nội có 1372 người dự các đại hội cơ sở thì có 1125 lượt người phát biểu, trong đó có 925 ý kiến góp vào dự thảo văn kiện Đại hội VIII...

Tuyệt đại đa số các ý kiến phát biểu đều nhất trí cao với các quan điểm được trình bày trong dự thảo báo cáo chính trị của Đại hội VIII. Nhiều vấn đề được trình bày trong dự thảo còn được làm phong phú sâu sắc thêm. Chẳng hạn như : khẳng định những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lê-nin, tư tưởng Hồ Chí Minh và định hướng xã hội chủ nghĩa; những bài học kinh nghiệm cụ thể về xây dựng Đảng, về rèn luyện lập trường và tinh thần ý chí cách mạng cũng như phẩm chất trong sáng của người đảng viên ; những vấn đề về đường lối phát triển kinh tế, an ninh quốc phòng. Qua các ý kiến ở đại hội các cơ sở của Hà nội chúng ta có thể rút ra nhiều vấn đề phong phú, sâu sắc cả về lý luận cũng như thực tiễn. Nổi bật nhất là trên hai loại vấn đề : *công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước ;* và *xây dựng Đảng ngang tầm đòi hỏi của thời kỳ mới.*

Về công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

Hà nội là một trong những trung tâm kinh tế lớn của cả nước. Hà nội đã có bài học của thời kỳ thực hiện công nghiệp hóa theo hướng phát triển công nghiệp nặng, chú trọng quy mô lớn. Bước vào thời kỳ phát triển nền kinh tế thị trường theo định hướng xã hội chủ nghĩa Hà nội lại có thêm bài học về sự lạc hậu của công nghệ và kỹ thuật sản xuất, về trình độ của lực lượng sản xuất... Cho nên cán bộ, đảng viên trong đảng bộ tâm huyết và nhất trí cao, với đường lối chuyển nước ta sang thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa.

Về tầm quan trọng của công nghiệp hóa, hiện đại hóa, hầu hết các ý kiến đều cho rằng: công nghiệp hóa, hiện đại hóa sẽ tạo điều kiện cho đất nước phát triển toàn diện kinh tế - xã hội và ổn định chính trị, có điều kiện để đào tạo một thế hệ lao động mới. Các quan điểm về phát triển công nghiệp hóa, hiện đại hóa trình bày trong dự thảo là hoàn toàn đúng đắn, có tính kế thừa và phát triển đường lối của Đảng phù hợp với giai đoạn mới. Công nghiệp hóa, hiện đại hóa phải theo định hướng xã hội chủ nghĩa, phải giữ vững độc lập tự chủ, nhưng lại phải hội nhập, hướng mạnh về xuất khẩu ; công nghiệp hóa, hiện đại hóa là sự nghiệp của toàn đảng, toàn dân, của mọi thành phần kinh tế, trong đó kinh tế nhà nước phải giữ vai trò chủ đạo, Nhà nước phải quản lý. Trong quá trình phát triển phải lấy nguồn lực con người làm yếu tố cơ bản, tăng trưởng kinh tế gắn với cải thiện đời sống nhân dân, phát triển văn hóa, giáo dục, thực hiện tiến bộ, công bằng xã hội. Khoa học, công nghệ là nền tảng của công nghiệp hóa, hiện đại hóa, kết hợp công nghệ truyền thống và hiện đại, đi nhanh vào hiện đại ở những khâu quyết định. Phải lấy hiệu quả kinh tế làm thước đo sự phát triển, chú ý quy mô vừa, nhỏ, công nghệ tiên tiến, thu hồi vốn nhanh. Đầu tư chiều sâu, khai thác hết năng lực hiện có, xây dựng một số công trình quy mô lớn thật cần thiết, tạo ra những mũi nhọn cho từng bước phát triển ; có kế hoạch phát triển từng lĩnh vực, các địa bàn trọng điểm, hỗ trợ những vùng khó khăn. Công nghiệp hóa, hiện đại hóa phải kết hợp chặt chẽ với quốc phòng và an ninh.

Thảo luận *về nội dung của công nghiệp hóa,* các đảng bộ thuộc khối quận, huyện trình bày sâu những suy nghĩ về công nghiệp hóa và hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn. Các ý kiến khá tập trung và thống nhất, khẳng định rằng công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông

Digitized by Google

nghiệp, nông thôn là sự tổng hợp của sự phát triển kinh tế, xã hội và môi trường. Để đẩy nhanh tốc độ công nghiệp hóa và hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn ở Hà nội cần chú trọng nhiều mặt, trong đó nổi lên các vấn đề :

- Thực hiện chuyển dịch mạnh mẽ cơ cấu kinh tế nông thôn theo hướng giảm dần tính chất thuần nông, tăng dần tỷ trọng công nghiệp và dịch vụ nhằm mục tiêu phát triển nhanh nông nghiệp, dần dần đô thị hóa nông thôn. Ví dụ : phương hướng chuyển đổi cơ cấu kinh tế của huyện Gia lâm 1996 - 2000 được xác định : 1995 : công nghiệp : 29,36%, dịch vụ : 57,58%, nông nghiệp : 13,06% ; năm 1996 tỷ lệ tương ứng là : 30,29%, 57,31%, 12,4% và năm 2000 là ; 34,07%, 55,89%, 10,04%.

- Phải xây dựng tốt cơ sở hạ tầng : đường, điện, trạm trại, thủy lợi, thông tin liên lạc...

- Đưa nhanh khoa học và công nghệ mới vào các lĩnh vực sản xuất, đời sống trong nông nghiệp và nông thôn.

Nhiều đại biểu nêu lên những băn khoăn của nông dân và đề xuất với Đảng, Nhà nước cần có các chính sách bảo trợ cho nông nghiệp và nông thôn, như chính sách bình ổn giá cho sản xuất rau, thực phẩm, chính sách đất ở, việc làm cho nông dân khi chuyển đất sản xuất sang làm nhà máy và dịch vụ. Có đại biểu đã dẫn ra ví dụ xây dựng nhà máy sữa ở Gia lâm nhưng lao động ở địa phương ít được vào làm ở nhà máy, sữa nông dân sản xuất ra có lúc phải tự tìm nơi bán...

Các đại biểu khối sản xuất, dịch vụ đặc biệt là khối công nghiệp bày tỏ sự phấn khởi, tin tưởng và nhất trí cao với hướng phát triển công nghiệp chế tác là chính, coi trọng đổi mới công nghệ, nâng cao chất lượng để đủ sức cạnh tranh trên thị trường. Hầu hết các ý kiến đều khẳng định rằng hướng đi của sản xuất công nghiệp từ nay đến năm 2000 mà dự thảo báo cáo chính trị Đại hội VIII nêu ra có thể thực hiện được. Báo cáo tổng kết công tác 2 năm 1994 và 1995 của đảng bộ khối công nghiệp nhẹ đã chứng minh căn cứ của niềm tin đó : Hai năm qua các cơ sở sản xuất trong khối sản xuất và kinh doanh đều tăng trưởng khá, nghiên cứu khoa học và đào tạo được đẩy mạnh và phát huy tác dụng tốt trong sản xuất; việc làm nhiều thêm, đời sống người lao động được cải thiện...

Những *lo lắng lớn nhất* của các đại biểu khi thảo luận về công nghiệp hóa và hiện đại hóa là làm sao giữ vững vai trò chủ đạo của kinh tế quốc doanh, giải quyết được nghịch lý dư thừa về lao động nói chung và thiếu lao động kỹ thuật bậc cao, thay đổi được máy móc cũ, công nghệ cũ, và đặc biệt là đủ vốn cho sản xuất. Các đại biểu đều cho rằng muốn giải tỏa được những vấn đề trên, cơ sở chủ động giải quyết không đủ sức mạnh mà đòi hỏi phải có chính sách vĩ mô, đồng bộ, kịp thời của Đảng và Nhà nước.

Về xây dựng Đảng ngang tầm dòi hỏi của thời kỳ mới.

Đảng bộ Hà nội là một đảng bộ mạnh, có nhiều kinh nghiệm trong công tác xây dựng Đảng qua các thời kỳ cách mạng. Đảng bộ Hà nội là một trong những đảng bộ đi đầu trong việc thực hiện nghị quyết về đổi mới và chỉnh đốn Đảng. Đổi mới, chỉnh đốn Đảng ở Hà nội có nhiều kết quả tốt, càng ngày càng đi vào chiều sâu, từng bước nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của tổ chức đảng từ cơ sở, góp phần quan trọng thúc đẩy sự nghiệp đổi mới toàn diện ở thủ đô. Tuy nhiên, kết quả của đổi mới và chỉnh đốn Đảng ở Hà nội vẫn chưa vững chắc ; năng lực và sức chiến đấu của tổ chức đảng chưa ngang tầm nhiệm vụ. Nhiều cơ sở đảng chưa phát huy đầy đủ vai trò hạt nhân lãnh đạo, còn lúng túng trong việc xác định chức năng nhiệm vụ ; các nguyên tắc sinh hoạt còn bị vi phạm, cán bộ và công tác cán bộ còn là khâu yếu. Đổi mới và chỉnh đốn chưa đồng bộ từ trên xuống dưới, từ trong Đảng đến chính quyền và các đoàn thể quần chúng.

Với tinh thần trách nhiệm và tính đảng cao, trong quá trình phát biểu thảo luận ở các đại hội, hầu hết các đại biểu có một cảm nhận chung là chưa hài lòng với phần viết về xây dựng Đảng trong dự thảo Báo cáo chính trị của Đại hội VIII. Một số ý kiến đề nghị nên tách phần này ra thành một báo cáo riêng để có điều kiện trình bày kỹ hơn các quan điểm, nội dung và biện pháp cụ thể. Đi vào những nội dung cụ thể xung quanh công tác xây dựng

Digitized by Google

Đảng, các ý kiến đều thống nhất rằng, trong giai đoạn mới, Đảng có bước trưởng thành rõ rệt, xứng đáng là một đảng cầm quyền có uy tín, được nhân dân tin yêu. Bản lĩnh chính trị và kinh nghiệm cách mạng của các thời kỳ trước được giữ vững và phát huy. Trong tình hình vô cùng phức tạp của 10 năm qua Đảng đã lãnh đạo có kết quả công cuộc xây dựng kinh tế, đất nước, giữ vững ổn định chính trị, mở rộng quan hệ ngoại giao, luôn kiên định lập trường chủ nghĩa Mác - Lê-nin, tư tưởng Hồ Chí Minh, giữ vững các nguyên tắc trong tổ chức và sinh hoạt. Thấy rõ tính phức tạp của tiến trình phát triển kinh tế thị trường nói riêng và tiến trình tiến lên của cách mạng nước ta nói chung, Đảng đã chủ động đề ra những chủ trương và biện pháp tích cực đổi mới, chỉnh đốn Đảng, gắn với nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, kiện toàn hệ thống chính trị. Đồng thời Đảng cũng đã đổi mới một bước tổ chức và cán bộ, nâng cao trình độ và sức chiến đấu của đảng viên ; kịp thời ngăn chặn sự sa sút của một số cơ sở đảng...

Về những yếu kém của Đảng và công tác xây dựng Đảng hiện nay, hầu như các ý kiến đều tỏ ra băn khoăn, lo lắng về những vấn đề sau :

Trình độ kiến thức, năng lực lãnh đạo của Đảng nhìn chung vẫn chưa theo kịp yêu cầu của sự nghiệp đổi mới. Nhiều vấn đề về lý luận và thực tiễn chưa được làm sáng tỏ.

Tổ chức cơ sở đảng ở một số nơi vẫn chỉ là hình thức, dân chủ kém, kỷ luật lỏng lẻo, lúng túng trong việc thể hiện vai trò hạt nhân lãnh đạo.

Tình trạng một bộ phận cán bộ, đảng viên phai nhạt lý tưởng, giảm sút ý chí, sa đọa về đạo đức và lối sống.

Ý thức được rằng chăm lo xây dựng Đảng vững mạnh là nhiệm vụ then chốt, có tính quyết định đến toàn bộ sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, hầu hết các ý kiến phát biểu ở các đại hội của đảng bộ Hà nội đều thống nhất cao và nhấn mạnh những vấn đề mấu chốt trong xây dựng Đảng ngang tầm với nhiệm vụ cách mạng trong thời kỳ mới. Đó là những vấn đề như : Giữ vững và tăng cường bản chất giai cấp công nhân của Đảng ; nâng cao bản lĩnh chính trị, trình độ trí tuệ và phẩm chất cách mạng ; củng cố Đảng về tổ chức, thực hiện tốt nguyên tắc tập trung dân chủ ; chăm lo xây dựng đội ngũ cán bộ có đủ phẩm chất và năng lực ; nâng cao sức chiến đấu của tổ chức cơ sở đảng ; tiếp tục đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng.

Nhiều ý kiến lưu ý *Đảng phải quan tâm nhiều hơn nữa tới việc giáo dục, dìu dắt thế hệ trẻ*, trước nhất là việc giáo dục lý tưởng cộng sản, xây dựng lý tưởng sống cao cả vì độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội cho thanh niên. Đảng phải hết sức coi trọng xây dựng bộ máy nhà nước trong sạch và hoàn thiện hệ thống pháp luật theo đúng quan điểm và lập trường cách mạng khoa học của giai cấp công nhân. Tăng cường xây dựng khối liên minh công, nông, trí thức và đại đoàn kết dân tộc.

Các ý kiến đề xuất biện pháp về xây dựng Đảng rất phong phú và cụ thể, có biện pháp trước mắt, có biện pháp về công tác tư tưởng, về công tác cán bộ, về công tác dân vận... nhưng nổi lên, cần lưu ý một số ý kiến là :

- Đảng cần có một chiến lược phát triển đảng viên, một chiến lược cán bộ song song với chiến lược phát triển về con người.

- Đảng cần nghiên cứu tổng kết để xây dựng một hệ thống tổ chức điều hành công việc lãnh đạo của Đảng một cách khoa học, hiệu quả.

- Đổi mới các quy trình quy chế quản lý đảng viên, tránh buông lỏng, tránh hình thức, và phải phù hợp với đặc điểm, hoàn cảnh sống, môi trường hoạt động của đảng viên hiện nay.

- Về Điều lệ Đảng sửa đổi, các ý kiến đều nhất trí cao cần phải giữ vững và thể hiện đúng các nguyên tắc của xây dựng Đảng trong điều lệ ; tán thành đảng viên không được bóc lột (nhưng thế nào là bóc lột cần phải được làm rõ thêm) ; không có hội nghị giữa nhiệm kỳ ; tán thành nhiệm kỳ của Ban chấp hành trung ương và Ban chấp hành đảng bộ tỉnh và tương đương là 5 năm. Nhiều ý kiến còn băn khoăn về nhiệm kỳ 5 năm đối với đảng bộ cấp huyện và tương đương trở xuống. Một số ý kiến đề nghị nên là 3 năm ❑

Digitized by Google

VỀ TRÒ BỊP "PHI Ý THỨC HỆ"

LƯU HÀ VĨ *

LỊCH sử tư tưởng nhân loại từ cổ đại đến đương đại, từ phương Đông sang phương Tây, hai nghìn rưỡi năm qua, là lịch sử đấu tranh giữa các ý thức hệ phản ánh những lợi ích căn bản khác nhau, đặc biệt xung đột nhau.

Trên vũ đài đặc biệt sâu sắc và tinh tế này, trò bịp "phi ý thức hệ" thỉnh thoảng lại xướng lên như một điệp khúc quá ư nhàm tai bởi các chính khách cùng với bọn đầy tớ tư tưởng của họ mưu toan che đậy sự tương phản nghiệt ngã giữa đặc quyền đặc lợi của thiểu số với những lợi ích sống còn và khát vọng chân chính của đa số trong xã hội phân chia giai cấp. Việc xuyên tạc nguồn gốc và bản chất của một loạt yếu tố cấu thành kiến trúc thượng tầng (như nhà nước và pháp quyền, tư tưởng chính trị và các chính đảng, công đoàn, cũng như đạo đức, nghệ thuật, văn hóa v.v.) đều không tách rời mưu toan này. Điều đó càng đặc biệt nổi rõ khi các thế lực thống trị đã tỏ ra *lỗi thời* về mặt lịch sử. Thật vậy, công khai thú nhận bản chất ý thức hệ chính thống đương thời trong bối cảnh ấy chẳng khác gì tự vạch trần tội ác và thúc đẩy quá trình diệt vong của các thế lực đó.

Sự phù hợp giữa *hình thức* (tư tưởng) và *nội dung* (vật chất) của mỗi ý thức hệ chỉ là tương đối, việc nhận chân ý thức hệ là điều không dễ dàng.

Về *hình thức*, mọi ý thức hệ đều có đặc trưng chung là sản phẩm lý luận, là hệ thống các quan điểm, chính kiến được luận chứng và đúc kết thành các khái niệm, phạm trù, nguyên lý, học thuyết xác định. Do vậy, khía cạnh hình thức của ý thức hệ không tránh khỏi *dấu ấn chủ quan* của các nhà tư tưởng hay các chính khách. Cùng với tác động nhiều chiều phức tạp của các bối cảnh lịch sử cụ thể, lăng kính chủ quan của họ có thể làm "khúc xạ" một ý thức hệ thành những "vạch" khác nhau, thậm chí "có vẻ" trái ngược nhau.

Chẳng hạn, cùng là ý thức hệ chủ nô, nhưng ở Đê-mô-crít là chủ nghĩa duy vật biểu hiện tập trung ở nguyên tử luận, còn ở Pla-tôn lại là chủ nghĩa duy tâm với học thuyết ý niệm. Hoặc cùng là ý thức hệ phong kiến, nhưng ở Khổng Tử là triết lý "nhân trị-đức trị", ở Lão Tử là "vô vi trị" còn ở Hàn Phi Tử lại là "pháp trị". Ấy là chưa kể tới tác động qua lại giữa các ý thức hệ khác nhau trên cả hai chiều lịch đại lẫn đương đại như một biểu hiện hợp quy luật trong tính độc lập tương đối của lĩnh vực ý thức xã hội so với tồn tại xã hội.

Song, về *nội dung*, cơ sở của bất kỳ ý thức hệ nào cũng là *tương quan lợi ích* - mà cội rễ là *lợi ích vật chất* - trong một trật tự xã hội nhất định được phản ánh. Tương quan lợi ích, vì thế, là *phạm trù khách quan*, không hề lệ thuộc vào ý thức và ý chí của bất kỳ chủ thể giai cấp, nhà nước, chính đảng hay cá nhân kiệt xuất nào. Tương quan này, trong xã hội Hy lạp cổ đại chẳng hạn, là lợi ích của giới chủ nô dân chủ A-ten gắn liền với kinh tế thủ công nghiệp, thương nghiệp và những cải cách dân chủ được phản ánh dưới hình thức thế giới quan duy vật Đê-mô-crít ; và đối lập với lợi ích đó là lợi ích của giới chủ nô quý tộc ở Xpác gắn liền với những tàn dư thị tộc và kinh tế nông nghiệp chống lại các cải cách dân chủ, và được phản ánh dưới thế giới quan duy tâm Pla-tôn.

* PTS triết học, Trường đại học kinh tế TP Hồ Chí Minh

Digitized by Google

Trò bịp "phi ý thức hệ" trong xã hội đối kháng giai cấp hoàn toàn đồng nhất với trò bịp "phi chính trị hóa", hay "phi lợi ích hóa" đối với mọi thứ chính trị. Vẫn còn nguyên giá trị triết lý bất hủ của Mác khi ông nói rằng mọi thứ chính trị mà xa rời lợi ích đều tự làm nhục mình ! Lê-nin nói quả quyết hơn : "Chừng nào người ta chưa biết phân biệt được *lợi ích* của giai cấp này hay của giai cấp khác, ẩn đằng sau bất kỳ những câu nói, những lời tuyên bố và những lời hứa hẹn nào có tính chất đạo đức, tôn giáo, chính trị và xã hội, thì trước sau bao giờ người ta cũng vẫn là kẻ ngốc nghếch bị người khác lừa bịp và tự lừa bịp mình về chính trị"(1).

Phản bác thái độ nghi ngờ và xuyên tạc sự ra đời của ý thức hệ vô sản là một đề tài phong phú cần được bàn vào dịp khác. Ở đây tôi chỉ xin làm sáng tỏ một số *khía cạnh phương pháp luận của trò bịp "phi ý thức hệ"* cả về lịch sử lẫn lôgíc.

*
* *

Tuyên ngôn của Đảng cộng sản (1848) không chỉ là văn kiện có tính cương lĩnh đầu tiên của giai cấp vô sản, mà còn là *đòn bút chiến quyết liệt* của Mác và Ăng-ghen nhân danh ý thức hệ vô sản đập lại ý thức hệ phi vô sản dưới mọi màu sắc lúc đó đang biện hộ cho trật tự tư sản sau giới hạn tích cực lịch sử của nó. Nói cách khác, nên *công khai* tính đảng hay *công khai* ý thức hệ là một đặc trưng có tính nguyên tắc của ý thức hệ và chính trị *vô sản* ; ngược lại, cái gọi là "phi tính đảng", "phi ý thức hệ" hay "phi chính trị" cũng đáng được ghi nhận như một đặc trưng của ý thức hệ và chính trị *tư sản* như đánh giá của Lê-nin. Người chế giễu một cách chua cay rằng : "kẻ nào còn nói đến thứ chính trị *phi* giai cấp và chủ nghĩa xã hội *phi* giai cấp... thì kẻ đó thật chỉ đáng bỏ vào cũi và đem trưng bày bên cạnh một con can-gu-ru nào đó của châu Úc mà thôi"(2).

1. Nếu cội rễ vấn đề ý thức hệ và chính trị nói chung là lợi ích, thì tính giản đơn hay tính phức tạp của vấn đề ấy, suy cho cùng, được lý giải từ cội rễ đó.

Dựa trên nền tảng *sản xuất nhỏ - thủ công trong khuôn khổ tái sản xuất hàng hóa giản đơn cũng như tư duy kinh nghiệm*, tương quan lợi ích trong xã hội tiền tư bản cũng giản đơn như thế. Cho nên, thật dễ hiểu khi cần phải thâu tóm các quan hệ chính trị - xã hội - đạo đức của trật tự phong kiến (của xã hội thần dân dưới uy lực tuyệt đối của vương quyền khoác áo thần quyền), Khổng Tử chỉ cần *ba phạm trù cơ bản* là đủ : TAM CƯƠNG, NGŨ THƯỜNG, CHÍNH DANH. Ấy vậy mà sức sống của những triết lý đó thật đáng sợ. Nó đã ngự trị đời sống chính trị tinh thần, và do đó, góp phần quyết định kéo dài cái trật tự phong kiến đặc thù trên một vùng rộng lớn của phương Đông suốt từ cổ đại, qua đêm trường trung cổ đại tới tận nửa đầu thế kỷ XX - tức gần 25 thế kỷ ! Và giờ đây, nhân danh kế thừa các giá trị nhân văn của Nho giáo, không ít người còn cố "tưởng tượng" ra rằng những "con rồng châu Á" bay lên nhờ "đôi cánh văn hóa Khổng học" (! ?).

Trái lại, tương quan lợi ích trong trật tự tư sản cũng như trong thế giới đương đại nói chung *cực kỳ phức tạp* và *không ngừng biến đổi*, nên việc nhận biết ý thức hệ tư sản và chính trị tư sản càng không dễ dàng. Căn nguyên của vấn đề là ở chỗ *: cách mạng hóa lực lượng sản xuất và quan hệ sản xuất* (đương nhiên trong khuôn khổ trật tự tư sản)- điều mà Mác - Ăng-ghen sớm phân tích trong *Tuyên ngôn của Đảng cộng sản* như là *lý do tồn tại* của chính chủ nghĩa tư bản - *gắn liền với sản xuất và tái sản xuất hàng hóa mở rộng*. Tương ứng với điều đó là một loạt khía cạnh thuộc kiến trúc thượng tầng (như nhà nước pháp quyền, xã hội công dân, tư duy lý luận và các chính đảng, v.v.) cũng khác hẳn trật tự phong kiến.

Tất cả những yếu tố trên đã và sẽ còn làm phức tạp thêm các quan hệ lợi ích, và sau đó, cuộc đấu tranh ý thức hệ và chính trị nói chung giữa vô sản và tư sản. Khuynh hướng "đơn giản hóa đối kháng giai cấp", như kết quả lôgíc của công nghiệp hóa tư bản chủ nghĩa mà *Tuyên ngôn của Đảng*

(1) V.I. Lê-nin : *Toàn tập*, Nxb Tiến bộ, Mát-xcơ-va, 1980, t 23, tr 57

(2) *Sđd*, t23, tr 4

Digitized by Google

cộng sản ghi nhận, không hề mâu thuẫn với quá trình phức tạp hóa này.

Ngoài bản tính vật chất - khách quan, lợi ích trong tay giai cấp tư sản thống trị luôn luôn là "con dao hai lưỡi" phục vụ đắc lực cho bản thân sự tồn tại và cho những nỗ lực chủ quan của giai cấp đó thông qua các đối sách và mưu lược đối với vô sản và quần chúng lao động nói chung. Chẳng phải đợi tới giai đoạn "phồn thịnh hậu công nghiệp" như ngày nay, Mác và Ăng-ghen đã nhận rõ : "con dao hai lưỡi" đó ngay từ giai đoạn "phồn thịnh công nghiệp" thế kỷ XIX, khi cho rằng sự phồn thịnh ấy đã bị giai cấp tư sản Anh lợi dụng để mua chuộc vô sản và làm bại hoại ý thức vô sản như thế nào ; rằng vô sản Anh đã "tư sản hóa" như thế nào ; rằng nghị lực cách mạng của vô sản Anh đã biến mất như thế nào ; rằng những lãnh tụ vô sản Anh đã trở thành hạng người đứng trung gian giữa tư sản và vô sản như thế nào ; và phải đợi chờ như thế nào việc vô sản Anh thoát khỏi sự truỵ lạc tư sản bề ngoài của họ...[3].

2. Trò bịp "phi ý thức hệ" ngoài chủ thể chính là *tư sản* đối lập với vô sản, còn có chủ thể *tiểu tư sản* với tư cách là *lực lượng trung gian* giữa vô sản và tư sản. Mác, Ăng-ghen, Lê-nin, Hồ Chí Minh đã không ít lần phân tích tính chất "hai mặt", "dễ dao động" như *thuộc tính cố hữu* của ý thức hệ và chính trị *tiểu tư sản* gắn liền với *cơ sở kinh tế bấp bênh* của họ. Trong xã hội tư sản, trước nguy cơ vô sản hóa và bần cùng hóa (tuyệt đối hay tương đối), không tránh khỏi tiểu tư sản đấu tranh chống tư sản, nhưng sự chống đó - như *Tuyên ngôn của Đảng cộng sản* phân tích - chưa phải là chống kẻ thù trực tiếp, mà là chống "kẻ thù tương lai". Việc tiểu tư sản hưởng ứng cuộc đấu tranh của vô sản chống tư sản, không phải là vô điều kiện, xét về bản chất. Tính không thuần nhất về sở hữu cũng như về cấu trúc giai tầng, cũng là nguyên nhân cơ bản giải thích bản tính của tiểu tư sản là bấp bênh về chính trị.

Trong tính đa dạng của ý thức hệ tiểu tư sản, thái độ cực đoan (*hữu* hay *tả*) đối với nông dân - bộ phận đông đảo nhất trong dân cư các quốc gia chậm phát triển - đều xa lạ với ý thức hệ vô sản về nguyên tắc. *Chủ nghĩa dân túy* là điển hình cho những cực đoan như vậy. Là sự xen kẽ giữa những khát vọng dân chủ tự nhiên của nông dân và chủ nghĩa xã hội không tưởng nông dân, chủ nghĩa dân túy vừa là ý thức hệ, vừa là trào lưu chính trị *tiểu tư sản*, hy vọng đưa toàn bộ nông dân lập tức lên chủ nghĩa xã hội trên nền tảng "công xã nông thôn", bỏ qua con đường tư bản chủ nghĩa.

Vốn là một trào lưu dân chủ - cách mạng lành mạnh ở Nga cuối thế kỷ XIX với các tiền bối vĩ đại cả về triết học lẫn chính trị (Trét-nư-sép-xki, Ghéc-xen, Plê-kha-nốp...), nhưng thất vọng trước sách lược khủng bố cũng như sự phát triển vũ bão của chủ nghĩa tư bản và đấu tranh giai cấp giữa vô sản với tư sản, những người dân túy trượt dần từng bước sang *chủ nghĩa chiết trung* : kết hợp vô nguyên tắc những giáo điều lỗi thời của họ với những luận điểm riêng lẻ bị bóp méo của chủ nghĩa Mác. Họ đứng cùng hàng trận với bọn men-sê-vích ở Nga hồi đầu thế kỷ này ; và cái gọi là "Đảng xã hội chủ nghĩa - cách mạng" của họ thực tế từ sau Cách mạng Tháng Hai năm 1917 đã đứng hẳn về chính quyền tư sản của Kê-ren-xki, chống phá đến cùng sự nghiệp Tháng Mười.

Điều đáng nói là *tính quốc tế* của chủ nghĩa dân túy với những biểu hiện khác nhau của nó, chứ không phải chỉ là "thuần Nga". Chừng nào và ở đâu các quan hệ tiền tư bản còn phổ biến, hay nói rộng ra, *các tầng lớp phi vô sản còn chiếm phần đáng kể trong dân cư*, thì vẫn còn mảnh đất tồn tại cho chủ nghĩa dân túy dưới mọi màu sắc. Và đừng quên rằng, vốn hẹp hòi, thủ cựu và không có cơ sở kinh tế thống nhất, *nông dân và tiểu tư sản nói chung chưa và sẽ không bao giờ xuất hiện trên vũ đài lịch sử với tư cách một lực lượng chính trị độc lập, càng không thể tạo dựng một phương thức sản xuất hay một hình thái kinh tế - xã hội hoàn chỉnh và tiến bộ nào.*

---

(3) Xem V.I. Lê-nin : *Mác - Ăng-ghen, chủ nghĩa Mác*, Nxb Sự thật, Hà nội, 1958, tr 42

Digitized by Google

Tuyệt nhiên không có gì đồng nhất giữa *tính tất yếu của liên minh công nông* với *thái độ phỉnh nịnh nông dân* như "con át chủ bài" trong "trò chơi cách mạng". Một mặt, Mác và Ăng-ghen cho rằng nếu thiếu sự liên minh đó thì "bài ca của giai cấp vô sản sẽ trở thành bài ca bị thảm" ; nhưng mặt khác, các ông cũng thẳng thắn chỉ ra cái nguy hại của nông dân khi bản năng tự nhiên của họ bị lợi dụng vào những mưu đồ phản tiến hóa.

Từ diễn đàn Đại hội nông dân quốc tế lần thứ I (tháng 10/1923) ở Mát-xcơ-va, Nguyễn Ái Quốc đã dõng dạc tuyên bố : "Trong thời đại ngày nay, giai cấp công nhân là giai cấp độc nhất và duy nhất có sứ mệnh lịch sử là lãnh đạo cách mạng đến thắng lợi cuối cùng, bằng cách liên minh với giai cấp nông dân. Những trào lưu cơ hội chủ nghĩa, mơn trớn nông dân, coi nông dân là một lực lượng chủ yếu, là động lực duy nhất của cách mạng, là đội ngũ cách mạng nhất, đều chỉ đi tới chủ nghĩa phiêu lưu, chủ nghĩa cực đoan, vô chính phủ và tới chỗ phản bội chủ nghĩa Lê-nin mà thôi" [4]. Tiềm năng cách mạng của nông dân dưới hai tầng áp bức dân tộc và giai cấp ở các thuộc địa (thường được nhấn mạnh như "một tính trội" của họ) chỉ có thể bộc lộ tối đa trong liên minh với vô sản ; và ngay cả khi được bộc lộ tối đa đi nữa, cũng không bác bỏ được kết luận trên của Nguyễn Ái Quốc...

3. "Ý thức hệ nông dân" hay "ý thức hệ tiểu tư sản" dù sao cũng là những thuật ngữ khoa học nghiêm túc, tuy rằng ít nhiều vẫn mang *tính ước lệ* do tính không đồng nhất về cơ sở kinh tế và về cấu trúc giai tầng của nông dân và tiểu tư sản trong dân cư.Nhưng cái gọi là "ý thức hệ trí thức" thì trước sau vẫn là *trò đại bịp* không hơn không kém !

Nông dân và tiểu tư sản tuy không đồng nhất về kinh tế, nhưng căn cứ vào kinh tế, họ vẫn được xác định là *giai cấp nông dân* và *giai cấp tiểu tư sản* với tư cách là *giai cấp trung gian* giữa vô sản và tư sản. Trái lại, *trí thức* từ xưa tới nay luôn có mặt đồng thời ở nhiều giai cấp khác nhau *từ thống trị đến bị trị*. Được gọi là "trí thức", chủ yếu vì đặc trưng *phi kinh tế* - tức *lao động trí óc* - chứ không phải đặc trưng kinh tế. Đương nhiên, trình độ học vấn để xác định là "trí thức" thì biến thiên theo tiến bộ xã hội.

Trừ một bộ phận nhỏ ("đại trí thức") vốn liên hệ mật thiết với các giai cấp thống trị cũ, còn phần lớn trí thức có lợi ích cơ bản gắn bó với các giai cấp lao động. *Trí thức chưa và sẽ không bao giờ trở thành một giai cấp*. Đó là *kết luận có tính nguyên tắc về phương pháp luận* để phản bác luận điểm vô căn cứ về cái gọi là "ý thức hệ trí thức" và quyền lãnh đạo cách mạng của "giai cấp trí thức".

Không phải ngẫu nhiên xuất hiện "tệ sùng bái trí thức" trong lịch sử đấu tranh giai cấp nói chung và lịch sử triết học nói riêng. Trong điều kiện chế độ tư hữu, cùng với sự thống trị của thiểu số đối với đa số, lao động trí óc được ưu ái như một đặc quyền đặc lợi của các giai cấp hữu sản. Hơn nữa, việc tuyệt đối hóa "tính trực tuyến" của một phương diện nào đó trong lĩnh vực ý thức, đến mức tách nó khỏi các nguồn gốc vật chất của nó trên cả bình diện cá nhân và xã hội, thì như Lê-nin phân tích, về mặt *nhận thức luận*, không tránh khỏi rơi vào chủ nghĩa duy tâm triết học và xã hội học chủ quan.

Cơ sở *thế giới quan* và *phương pháp luận* của "tệ sùng bái trí thức" là ở *hai sai lầm cơ bản* của triết học lịch sử *trước Mác* : coi ý thức xã hội quyết định tồn tại xã hội và coi cá nhân kiệt xuất quyết định lịch sử.

Khác hẳn với giới trí thức cũ kiểu như anh em nhà Bau-ơ chỉ biết "phê phán để phê phán", Mác và Ăng-ghen đã khẳng định ngay từ buổi hình thành ý thức hệ vô sản : "... vũ khí của sự phê phán không thể thay thế được sự phê phán của vũ khí ; lực lượng vật chất chỉ có thể đánh đổ bằng lực lượng vật chất ; nhưng lý luận cũng sẽ trở thành lực lượng vật chất, một khi nó thâm nhập vào quần chúng"[5]. Đối với một sự nghiệp khó khăn và vĩ đại chưa từng thấy như sự nghiệp cách mạng của giai cấp vô sản, thắng lợi chỉ có thể giành được nếu có sự thống

(4) Hồ Chí Minh : *Tuyển tập*, Nxb Sự thật, Hà nội, 1980, t1, tr 26 - 27

(5) C. Mác - Ph Ăng-ghen " *Tuyển tập*, Nxb Sự thật, Hà nội, 1980, t1, tr 25

Digitized by Google

nhất biện chứng giữa lý luận - mà trước hết là *hạt nhân thế giới quan triết học* - với chính thực tiễn phong trào công nhân. Cũng vì vậy, theo Mác, triết học tìm thấy *lực lượng vật chất* của mình ở giai cấp vô sản, còn giai cấp vô sản thì tìm thấy *lực lượng tinh thần* của mình ở triết học duy vật biện chứng và duy vật lịch sử.

Như vậy, trí thức kiểu mới *có thể* và *cần phải* lựa chọn *chỗ đứng xứng đáng* trong sự thống nhất biện chứng nói trên. Bằng không, *tính nhạy cảm* vốn có nhờ học vấn cũng như cơ sở kinh tế không thuần nhất ở họ sẽ làm bộc lộ tính chất bấp bênh về chính trị *đậm nét hơn* ở bất kỳ bộ phận nào khác trong tầng lớp tiểu tư sản. Các hiện tượng như chủ nghĩa cải lương, chủ nghĩa cơ hội và chủ nghĩa xét lại tả lẫn hữu, chủ nghĩa dân túy, chủ nghĩa xã hội tiểu tư sản, chủ nghĩa xã hội dân chủ, chủ nghĩa xã hội dân tộc, chủ nghĩa phiêu lưu cách mạng v.v. mà phong trào cộng sản và công nhân quốc tế phải đấu tranh chống lại một cách không khoan nhượng ngay trong nội bộ, đều liên quan sâu xa tới các nhược điểm vốn có của tiểu tư sản nói chung và trí thức nói riêng.

Song, tình hình đó không phủ nhận một tính quy luật khác tác động theo *chiều ngược lại*. Từ thực tiễn lịch sử, Mác phát hiện ra rằng, khi đấu tranh giai cấp phát triển tới giai đoạn quyết định, thì không tránh khỏi có một bộ phận giai cấp thống trị rời khỏi giai cấp mình để đi theo "giai cấp đang nắm tương lai trong tay" (6). Không ít trí thức phong kiến - quý tộc trước đây đã chuyển mình vào quá trình phát triển chủ nghĩa tư bản ; và phần lớn những lãnh tụ vô sản cũng lột xác từ những người phi vô sản. Hơn thế nữa, công lao xây dựng, truyền bá ý thức hệ vô sản vào đời sống chính trị - thực tiễn, trước hết cũng thuộc về họ. Ngày nay có người muốn dựa vào thành phần xuất thân của các nhà sáng lập chủ nghĩa xã hội khoa học để bác bỏ ý thức hệ vô sản ở họ chỉ là một hành vi tầm thường (kiểu "lôgíc hình thức") mà thôi !

Một điều thú vị và cũng mang tính quy luật là ở chỗ : trên hành trình đi tới ý thức hệ vô sản, các lãnh tụ vô sản hầu như khó tránh khỏi trải qua một thời mang ý thức hệ *dân chủ cách mạng* như một "cuộc sát hạch tối thiểu", đặc biệt ở bối cảnh đất nước chậm phát triển . Quá trình cấp tiến hóa, cách mạng hóa, triệt để hóa để lột xác từ ý thức hệ dân chủ cách mạng sang ý thức hệ vô sản, tất yếu đòi hỏi *một tình yêu nhân dân lao động không bờ bến, một bản lĩnh chính trị vững vàng* , và phải *tắm mình trong thực tiễn đấu tranh của quần chúng*. Nhất là ở thế kỷ XX, như Lê-nin khẳng định, người ta không thể là dân chủ cách mạng *nếu sợ* tiến lên chủ nghĩa xã hội. Học thuyết của Lê-nin về *quy luật cách mạng không ngừng*, về sự thống nhất hữu cơ giữa cương lĩnh *tối thiểu* (tức chuyên chính *dân chủ cách mạng* của công nhân và nông dân) với cương lĩnh *tối đa* (tức chuyên chính *vô sản*), chính là sợi chỉ đỏ xuyên suốt quá trình bôn-sê-vích hóa không chỉ ở nước Nga mà ở cả các nước Á, Phi, Mỹ la tinh chậm phát triển .

Mọi cuộc lột xác đều đau đớn, nhất là đối với trí thức. Họ tính toán *nhiều hơn* và *phức tạp hơn* những gì là "được" và "mất" cho bản thân, gia đình cũng như đồng loại. Trong bối cảnh sau Cách mạng Tháng Hai năm1917 ở Nga nói riêng và trong điều kiện mà vai trò trung tâm của thời đại đã chuyển dần sang giai cấp vô sản nói chung, Lê-nin đã xác định : *hoặc là* những trí thức dân chủ cách mạng phải thực sự lột xác theo con đường bôn-sê-vích, *hoặc là* rơi vào vũng bùn của chủ nghĩa cải lương và tất yếu sẽ bị cuốn theo con đường quan liêu - phản động hóa; không có con đường thứ ba ! Lê-nin gọi đó là "mâu thuẫn cơ bản", như một thử thách lớn nhất đối với trí thức trong xã hội hiện đại. Lịch sử phong trào công nhân quốc tế đã chứng kiến và đoạn tuyệt với những Pru-đông, anh em nhà Bau-ơ, Ba-cu-nin, Đuy-rinh, Béc-xtanh, Cau-xki, và cả Plê-kha-nốp... với sự lựa chọn tấn bi kịch cho họ trước ngã ba lịch sử như vậy.

(CÒN NỮA)

(6) C.Mác -Ph Ăng-ghen ; *Sđd*, t1, tr 554

Digitized by Google

ĐỂ CÓ LỚP NGƯỜI CHO THẾ KỶ 21

LÊ MINH HÀ *

NẰM trong hệ thống giáo dục quốc dân, giáo dục mầm non là một trong những bộ phận quan trọng của sự nghiệp đào tạo thế hệ trẻ. Gần 50 năm qua, ngành học mầm non đã góp phần to lớn trong việc nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục một thế hệ tương lai, tạo ra những công dân của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt nam có thể chất, có trí tuệ và nhân cách.

Cùng với sự đổi mới chung của đất nước, ngành giáo dục mầm non đã vượt lên bao khó khăn và từng bước có sự đổi mới. Trước hết là việc sáp nhập Ủy ban bảo vệ bà mẹ và trẻ em trung ương với Bộ giáo dục cũ và hợp nhất nhà trẻ, mẫu giáo thành ngành học mầm non thuộc Bộ giáo dục và đào tạo có nhiệm vụ bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ từ 6 tuổi trở xuống. Về quản lý ngành, có hệ thống từ trung ương đến địa phương. Công tác nghiên cứu, đào tạo và bồi dưỡng giáo viên, dịch vụ cũng được đáp ứng bởi các cơ quan chức năng. Nhờ có hệ thống chỉ đạo xuyên suốt, thống nhất từ trung ương đến địa phương, ngành học mầm non đã tiếp tục được duy trì và phát triển.

Chủ trương phát triển kinh tế hàng hóa nhiều thành phần của Đảng cùng với việc xóa bỏ cơ chế bao cấp ảnh hưởng không những tới số lượng và chất lượng, mà cả tới cơ cấu loại hình của nhà trẻ, mẫu giáo.

Chủ trương đa dạng hóa các loại hình giáo dục đã được ngành học mầm non thực hiện rất sớm, nhằm thu hút các cháu đến cơ sở giáo dục với nhiều hình thức khác nhau. Đi đôi với việc duy trì, củng cố các nhà trẻ, trường mẫu giáo công lập thuộc khu vực nhà nước và tập thể, các hình thức nhóm trẻ gia đình, lớp mẫu giáo gia đình, các nhà trẻ, trường lớp mẫu giáo, trường mầm non bán công, dân lập, tư thục, đang từng bước tăng về số lượng, kịp thời đáp ứng yêu cầu gửi trẻ của nhân dân trong tình hình có nhiều tác động của nền kinh tế thị trường.

Đến hết năm học 1994-1995, cả nước có 7 024 nhà trẻ và 29 990 nhóm trẻ với tổng số 517 954 cháu (đạt 7,76% so với độ tuổi), trong đó có 12 480 nhóm trẻ gia đình với 75 356 cháu. Khối mẫu giáo có 7 183 trường, 66 509 lớp với 1 985 506 cháu (đạt 32,9% so với độ tuổi). Khối tư thục có 112 trường, 885 lớp và 32 900 cháu. Riêng số trẻ 5 tuổi có 1 222 213 cháu đến lớp (đạt 62,74% so với tổng số trẻ 5 tuổi). Chất lượng nuôi nấng, chăm sóc và giáo dục trẻ ngày càng được chú trọng. Trước thử thách của cơ chế thị trường, ngành giáo dục mầm non đã chủ động chỉ đạo cơ sở thực hiện các loại chương trình, cải tiến nội dung, phương pháp giáo dục trẻ (chương trình chăm sóc giáo dục trẻ từ 3 đến 36 tháng và chương trình chăm sóc giáo dục mẫu giáo). Nhờ kết quả nhiều năm quan tâm chỉ đạo sát sao vấn đề phòng và chống suy dinh dưỡng, tỷ lệ trẻ bị suy dinh dưỡng trong các cơ sở giáo dục mầm non đã giảm đi rõ rệt (năm học 1994-1995 giảm từ 3 đến 5% so với năm học trước).

Do quỹ đầu tư của nhà nước có hạn, ngành giáo dục mầm non đã tranh thủ khai thác, tận dụng nhiều nguồn lực khác như ngân sách địa phương, sự đóng góp của các bậc cha mẹ, sự hỗ trợ của các tổ chức kinh tế xã hội (kể cả tài trợ quốc tế) để từng bước cải thiện cơ sở vật chất, tài liệu, đồ dùng, đồ chơi, trang thiết bị. .. cho các trường lớp mầm non. Bộ mặt bên ngoài và bên trong hệ thống trường sở ở nhiều tỉnh, thành phố và những nơi có dự án "phát triển trẻ thơ", đã khang trang, đầy đủ hơn.

* Phó vụ trưởng Vụ giáo dục mầm non, Bộ giáo dục và đào tạo

Digitized by Google

Sự nghiệp giáo dục mầm non nhiều năm qua được sự quan tâm của Đảng, Nhà nước và toàn xã hội, có thể nói, đã vượt qua được những khó khăn ban đầu của quá trình thay đổi cơ chế. Song hệ thống giáo dục này vẫn đang gặp rất nhiều khó khăn :

- Do kinh phí quá hạn hẹp, nhiều cơ quan xí nghiệp trên địa bàn đô thị đã giải thể hàng loạt nhà trẻ, mẫu giáo. Tình trạng này dẫn đến sự quá tải đối với các lớp mầm non khác trong khu vực, không đáp ứng kịp nhu cầu gửi trẻ của nhân dân.

- Cơn sốc mạnh nhất vẫn là các trường lớp mầm non dân lập ở nông thôn. Đây là khu vực rất rộng lớn, trước đây được sự "bao cấp" của hợp tác xã nông nghiệp, nay chuyển hẳn sang cho chính quyền xã quản lý trong điều kiện ngân sách địa phương rất nhỏ nhoi. Cũng có địa phương, do chưa quan tâm đúng mức, thường lấy cớ "xóa bao cấp" để khoán trắng cho phụ huynh học sinh và giáo viên tự lo mọi mặt. Do vậy, nếu trước đây, nhà trẻ mẫu giáo nông thôn là niềm tự hào chính đáng của kinh tế tập thể, là bức tranh đẹp của chế độ mới, thì nay nó đã và đang chuyển dần sang trạng thái khác và chiều hướng không mấy lạc quan. Nhiều vùng, số nhà trẻ vẫn tiếp tục giảm ; nơi gọi là có trường lớp thì cơ sở vật chất quá xuống cấp. Mặc dù phụ huynh có nhu cầu, nhưng trên thực tế, các trường mầm non hiện mới thu hút khoảng 1/3 số cháu trong độ tuổi. Còn lại 2/3 số cháu đành theo dạng "tùy nghi" nuôi dạy trong các gia đình. Điều lo ngại nhất, là lượng cháu rất lớn này chưa có một cơ hội nào được chăm sóc, nuôi dưỡng, được tiếp nhận chương trình giáo dục để chuẩn bị bước vào lớp 1 - lớp bản lề của quá trình phổ cập tiểu học (mục tiêu quan trọng của sự nghiệp đổi mới giáo dục ở nước ta trong những năm trước mắt).

- Chất lượng chăm sóc, giáo dục trẻ ở diện dại trà, tuy cùng chương trình, nhưng chênh lệch khá xa giữa các vùng, miền, giữa các khu vực và từng diện khác nhau. Việc chỉ đạo lĩnh vực này ở các vùng sâu, vùng xa, hải đảo, các tỉnh đồng bằng Cửu long còn nhiều hạn chế. Tỷ lệ trẻ bị suy dinh dưỡng ở đây còn rất cao (khoảng 45%) ; trong đó có đến 14% trẻ bị suy dinh dưỡng nặng.

- Một điều day dứt khá lâu là đội ngũ giáo viên mầm non không bao giờ ổn định. Có nhiều lẽ, nhưng cái chính vẫn là đời sống khó khăn, thu nhập quá thấp và kéo dài (một số nơi khoảng 20 kg thóc/1 tháng, quy ra tiền chẳng được là bao). Số lượng chị em bỏ nghề khá lớn. Đã thế, số giáo viên hiện đang làm việc lại thiếu cân đối và đồng bộ; một bộ phận không nhỏ (khoảng 55% giáo viên nhà trẻ, 40% giáo viên mẫu giáo) chuyên môn nghiệp vụ thấp và chưa qua đào tạo. Điều này ảnh hưởng trực tiếp đến chất lượng trẻ nói chung, và nhất là trẻ sắp bước vào lớp 1 nói riêng.

Có rất nhiều nguyên nhân dẫn tới tình trạng trên, nhưng theo tôi, có *hai* nguyên nhân cơ bản :

Thứ nhất : Bên cạnh nhiều cấp ủy đảng, chính quyền địa phương thực sự quan tâm (nhất là sau khi có Nghị quyết Trung ương 4) đã giúp ngành giáo dục mầm non tháo gỡ được nhiều khó khăn, thì vẫn còn không ít địa phương chưa coi trọng lĩnh vực này, thậm chí, cá biệt có nơi còn cố tình né tránh chỉ biết giao chỉ tiêu về số lượng mà không có điều kiện cần thiết kèm theo, nên có lớp có trường chỉ là trên hình thức, nội dung hoạt động rất nghèo nàn và đơn sơ. Điều đáng nói là ngân sách chi cho ngành đã thấp, nhưng lại chưa có một hành lang pháp lý cần thiết bảo đảm, chưa có một quy định về tỷ lệ vốn đầu tư thỏa đáng hằng năm, nên việc cấp phát và chi tiêu ở nhiều nơi rất chắp vá.

Thứ hai : Chất lượng đội ngũ giáo viên hiện tại rất bất cập so với yêu cầu đổi mới công tác giáo dục đào tạo. Lớp người cho thế kỷ 21 của đất nước Việt nam, lớp người sẽ thay cha anh để thực hiện thắng lợi sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa nước nhà, được giáo dục, đào tạo và rèn luyện như thế nào, điều đó phụ thuộc rất lớn vào sự đầu tư của chúng ta hôm nay, đặc biệt là vào sự đầu tư cho "người thầy". Mặc dù Bộ giáo dục đào tạo đã có chủ trương "chuẩn

Digitized by Google

hóa" đội ngũ giáo viên mầm non, song điều này chỉ trở thành hiện thực nếu hệ thống các trường sư phạm tuyển chọn được một đội ngũ cán bộ giảng dạy thực sự có tài và tâm huyết. Trên thực tế, đây còn là mối lo chung của tất cả chúng ta.

Đảng ta luôn xác định giáo dục mầm non là một bộ phận rất quan trọng trong sự nghiệp đào tạo thế hệ trẻ. Cùng với những chuyển biến mạnh mẽ và sâu sắc về kinh tế xã hội theo đường lối đổi mới của Đảng, sự nghiệp giáo dục đào tạo cũng cần có những chuyển biến tương ứng. Ngành giáo dục mầm non đang đứng trước những thử thách mới. Quá trình phát triển của ngành giáo dục mầm non cũng là quá trình giải quyết hết mâu thuẫn này đến mâu thuẫn khác, cần nghiên cứu kỹ để có giải pháp đúng.

Việc phổ cập giáo dục tiểu học đòi hỏi phải phát triển mạnh giáo dục mầm non, đặc biệt ở lớp 5 tuổi. Nhưng ngân sách giáo dục quá hạn hẹp, giáo dục mầm non không được coi là nhu cầu cần đầu tư trước mắt. Hệ thống trường mầm non công lập do đó có khả năng bị thu hẹp. Tư nhân lại chưa sẵn sàng đầu tư vào ngành học này, nên việc duy trì và củng cố nó chắc còn nhiều khó khăn. Trong điều kiện kinh tế - xã hội có nhiều biến động lớn như hiện nay, cần có chính sách phát triển ngành học mầm non, vì nếu không thì khó phổ cập được tiểu học là một trong những mục tiêu đang được xã hội quan tâm hàng đầu.

Chính sách phát triển ngành học mầm non thể hiện trên những mặt sau đây :

1- *Về xây dựng đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên nhà trẻ, mẫu giáo.* Cần ưu tiên nâng chất lượng cuộc sống của giáo viên mầm non. Trước mắt, cần có chế độ, chính sách hợp lý đối với giáo viên mầm non ngoài biên chế thuộc khu vực nông thôn. Nên chăng nhà nước cần ban hành văn bản dưới luật về ưu đãi lương và phụ cấp cho giáo viên nhà trẻ, mẫu giáo. Lương của giáo viên nói chung và giáo viên nhà trẻ, mẫu giáo nói riêng, cần cao hơn lương của người cùng trình độ làm nghề khác. Có như vậy mới thể hiện đúng vị trí, vai trò của giáo viên nhà trẻ, mẫu giáo đối với xã hội ; bù đắp được sự vất vả và phức tạp của nghề "trồng người" từ thuở ấu thơ.

Việc quy hoạch, sắp xếp lại đội ngũ giáo viên nhà trẻ mẫu giáo, cần bảo đảm chất lượng, đủ số lượng và chủng loại. Định mức lao động cần phù hợp với từng đối tượng ; không để một cô phải chăm sóc quá nhiều cháu, trong khi lại thừa giáo viên ở một số nơi. Cần thực hiện chủ trương "chuẩn hóa" đội ngũ giáo viên ngành mầm non làm cơ sở cho việc thực hiện chiến lược xây dựng và phát triển đội ngũ. Thực hiện cải cách, đổi mới, nâng chất lượng các trường sư phạm nhà trẻ mẫu giáo ở trung ương cũng như ở địa phương. Chú ý củng cố, xây dựng đội ngũ cán bộ quản lý ngành học mầm non. Bồi dưỡng cán bộ đương chức và đào tạo đội ngũ kế cận đã được quy hoạch cụ thể. Cán bộ quản lý các trường, các phòng mầm non của Sở giáo dục - đào tạo phải được học về quản lý ; tiến tới chỉ bổ nhiệm những người đã qua trường lớp quản lý, giáo dục của tỉnh và trung ương. Có như vậy mới nâng cao được trình độ và phương pháp quản lý mới, phù hợp với yêu cầu của xã hội trong thời đại ngày nay.

2- *Về việc đầu tư cơ sở vật chất và trang thiết bị cho các nhà trẻ và trường mẫu giáo.* Rõ ràng, không có sự đầu tư thích đáng của nhà nước, ngành học mầm non không thể ổn định và phát triển. Tuy nhiên, dù ngành học này có được nhà nước ưu tiên đến đâu, thì ngân sách nhà nước hiện nay cũng không thể đảm đương nổi những chi phí ngày càng tăng của nó. Vì vậy, *một mặt*, ngành mầm non cần tham mưu cho các địa phương sử dụng có hiệu quả ngân sách nhà nước chi cho giáo dục phổ thông, bao gồm cả phần kinh phí cho giáo dục mầm non. Các địa phương căn cứ vào yêu cầu thực tế của giáo dục mầm non tại địa phương để có mức chi thỏa đáng bảo đảm cho ngành học này tồn tại và phát triển. *Mặt khác*, ngành mầm non cần làm như nhiều nước trên thế giới đã làm, đó là *đa dạng hóa* các nguồn đầu tư. Đầu tư từ ngân sách trung ương, từ ngân sách địa phương (tỉnh, huyện, xã), từ sự đóng góp

Digitized by Google

của cha mẹ các em, của các nhà hảo tâm, của các tổ chức kinh tế - xã hội, của các cơ sở sản xuất đóng trên địa bàn địa phương, từ nguồn vốn tự có do lao động sản xuất của giáo viên ở nhà trẻ, mẫu giáo, để giải quyết nâng cấp cơ sở vật chất, mua sắm bổ sung trang thiết bị đồ dùng, đồ chơi cho các nhà trẻ và trường mẫu giáo.

3- *Về các cơ sở nhà trẻ - mẫu giáo tư thục.* Nhà nước có chính sách bảo đảm điều kiện và quyền lợi cho tư nhân yên tâm bỏ vốn đầu tư vào ngành giáo dục mầm non, như : cho vay vốn với lãi suất thấp để xây dựng, cải tạo trường lớp, mua sắm thiết bị; cho thuê trong thời gian nhất định và với giá ưu đãi một số cơ sở nhà trẻ - mẫu giáo thuộc khu vực nhà nước hiện có nhiều khó khăn ; hỗ trợ một phần tài liệu dạy và học, đồ dùng, đồ chơi ; giúp bồi dưỡng nghiệp vụ cho giáo viên...

4- Cùng với việc tiến hành đồng bộ các mặt công tác nói trên, việc *đổi mới nhận thức của toàn xã hội về vấn đề giáo dục mầm non và xã hội hóa giáo dục mầm non* cũng là một yêu cầu bức xúc.

Xã hội hóa giáo dục mầm non là nhằm kết hợp giáo dục trong và ngoài nhà trường, xác định trách nhiệm của xã hội, gia đình cùng nhà trường trong giáo dục thế hệ trẻ, phá thế đơn độc của ngành, tìm ra những biện pháp thỏa đáng để số đông trẻ mầm non được hưởng một nền giáo dục có tổ chức và tiến bộ. Cũng có nghĩa là đa dạng hóa các loại hình giáo dục, đa dạng hóa nguồn đầu tư cho giáo dục, phát huy hết thế mạnh của các đoàn thể xã hội. Với phương châm "dạy trẻ từ thuở còn thơ", từng địa phương, từng cơ sở có chương trình chăm sóc giáo dục trẻ mầm non đạt hiệu quả cao nhất.

Xã hội phải thấy việc đầu tư cho giáo dục mầm non là đầu tư cho lớp người thuộc thế kỷ 21. Đó là đầu tư *đón đầu* và *có lợi nhất*, bảo đảm cho tiền đồ và tương lai phát triển của dân tộc ta ❑

Hợp tác xã...

(Tiếp theo trang 50)

có sự vi phạm hợp đồng kinh tế ; đã tích cực giúp ban quản lý HTX thu hồi nợ ; thẩm định quyết toán cuối năm của chủ nhiệm HTX. Nếu thường trực hội đồng quản trị không giám sát chặt chẽ để xảy ra tham ô, thất thoát tài sản vốn quỹ mà không báo cho chủ nhiệm HTX biết thì phải đền bù 50% giá trị thiệt hại. Chi bộ HTX cũng được thành lập lại do đảng ủy xã trực tiếp lãnh đạo. Ban quản lý HTX được kiện toàn có 6 người. Chủ nhiệm HTX có toàn quyền trong sản xuất kinh doanh, kể cả việc vay thêm vốn của ngân hàng để đầu tư cho sản xuất, lựa chọn người giúp việc và các tổ chức chuyên nhận khoán. Qua một năm hoạt động, quan hệ giữa hội đồng quản trị và chủ nhiệm HTX cùng các tổ dịch vụ đã được thiết lập, chẳng những không gây trở ngại cho nhau, mà còn hỗ trợ nhau làm tốt chức năng của mỗi thành viên. Trách nhiệm và quyền lợi của mỗi bên được quy định thông qua điều lệ của HTX và cơ chế khoán sản phẩm.

Tuy nhiên, qua một năm thực hiện đổi mới, HTX Phước sơn II cũng còn một số tồn tại cần khắc phục. Đó là tư tưởng ỷ lại, bao cấp còn khá nặng trong xã viên ; là tình trạng nợ dây dưa, khê đọng. Hội đồng quản trị và chủ nhiệm HTX tuy đã nhận thức được nội dung đổi mới, nhưng vẫn còn do dự, thiếu mạnh dạn trong việc giám sát và tổ chức sản xuất kinh doanh theo chức năng được quy định. Các đơn vị quốc doanh trên địa bàn chưa thật sự đổi mới để tạo điều kiện cho HTX nông nghiệp đổi mới toàn diện.

Đến nay, tuy còn một số vấn đề cần tiếp tục nghiên cứu tháo gỡ, HTX nông nghiệp Phước sơn II với mô hình mới đã được nhiều địa phương đến nghiên cứu vận dụng. Tính đến cuối năm 1995, trên địa bàn huyện Tuy phước đã có 10 HTX nông nghiệp đổi mới theo mô hình này.

Qua một năm hoạt động theo mô hình mới, HTX nông nghiệp Phước sơn II đã trả lời được những câu hỏi đặt ra và bước đầu có thể khẳng định : HTX nông nghiệp *theo hình thức HTX cổ phần có hội đồng quản trị* là mô hình thích hợp cho những HTX cũ còn vốn quỹ ❑

Digitized by Google

Doanh nghiệp nhà nước ở Quảng nam - Đà nẵng: THỰC TRẠNG VÀ GIẢI PHÁP

PHẠM HẢO *

TRONG sự phát triển chung của nền kinh tế hàng hóa nhiều thành phần theo định hướng xã hội chủ nghĩa, các doanh nghiệp nhà nước (DNNN) ở Quảng nam - Đà nẵng đã có sự chuyển biến tích cực. Rõ nhất là từ khi thực hiện Nghị định 388 ngày 20-11-1991 của Hội đồng bộ trưởng (nay là Chính phủ) về sắp xếp lại các DNNN, bảo đảm hoạt động kinh doanh có hiệu quả, chấm dứt tình trạng bao cấp trong kinh doanh, làm ăn thua lỗ kéo dài nhiều năm, các doanh nghiệp có bước phát triển mới về chất. Cụ thể :

- Các DNNN ngày càng quan tâm nhiều hơn đến hiệu quả kinh tế, lấy đó làm thước đo về kết quả sản xuất kinh doanh của mình. Tư tưởng ỷ lại vào nhà nước, kinh doanh theo lối bao cấp, thiếu trách nhiệm, dần dần được khắc phục và xóa bỏ về căn bản.

- Các doanh nghiệp thực sự đi vào hạch toán kinh doanh, chủ động xây dựng kế hoạch và phương án kinh doanh, tìm mọi biện pháp sử dụng có hiệu quả hơn lao động, nguồn vốn, cơ sở vật chất, kỹ thuật vào sản xuất, bước đầu kinh doanh có lãi, thu nhập của người lao động ngày càng tăng, đời sống cán bộ, công nhân ngày càng được cải thiện. Nhiều doanh nghiệp trước đây thu nhập bình quân của công nhân từ 200 - 300 ngàn đồng/tháng, đến nay tăng lên 400 - 500 ngàn đồng/tháng, có nơi 600 - 700 ngàn đồng/tháng. Tính đến ngày 31-6-1995, trong số 231 DNNN ở Quảng nam-Đà nẵng được sắp xếp lại theo Nghị định 388, thì có 170 doanh nghiệp (tức 73,6% tổng số doanh nghiệp) kinh doanh có lãi, 21 doanh nghiệp (9,1% tổng số doanh nghiệp) kinh doanh không có lãi và 41 doanh nghiệp (17,3% tổng số doanh nghiệp) kinh doanh bị lỗ.

- Một số doanh nghiệp đã phát huy được tính năng động, sáng tạo trong kinh doanh, chủ động trong việc khai thác các tiềm năng và thế mạnh của mình, mạnh dạn đầu tư vốn, mở rộng quy mô sản xuất, kinh doanh, mở rộng thị trường cung cấp và tiêu thụ sản phẩm cả trong nước và ngoài nước. Nhiều sản phẩm của một số doanh nghiệp có chất lượng tốt, kiểu dáng đẹp, có khả năng cạnh tranh được trên thị trường, được người tiêu dùng chấp nhận.

Sự phát triển của các DNNN từ khi được sắp xếp, tổ chức lại đến nay đã góp phần quan trọng vào thành tựu kinh tế của Quảng nam - Đà nẵng. Từ chỗ trước đây mức tăng trưởng kinh tế hằng năm của Quảng nam- Đà nẵng thấp hơn mức bình quân của cả nước, đến nay đã vượt lên trên mức bình quân cả nước. Năm 1995 mức tăng trưởng GDP đạt 11%. Điều này khẳng định vai trò chủ đạo của các DNNN trong nền kinh tế thị trường và trong quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

Tuy nhiên, bên cạnh những cố gắng và thành tích, các DNNN ở Quảng nam - Đà nẵng vẫn còn những hạn chế và tồn tại ảnh hưởng đến sự phát triển chung của nền kinh tế. Đó là :

1 - Trong quá trình chuyển đổi cơ chế, một số DNNN (như nhà máy dệt Hòa khánh, Xí nghiệp bánh kẹo Đà nẵng...) gặp khó khăn, lúng túng, chưa tìm được hướng đi thích hợp, chưa phát huy được tính năng động, sáng tạo của mình trong kinh doanh, làm ăn kém hiệu quả, thu nhập thấp không bảo đảm được đời sống của người lao động.

2 - Một số doanh nghiệp thuộc ngành cơ khí, dệt, da, may mặc v. v. chưa xây dựng được chiến lược, mô hình và phương thức kinh doanh phù hợp, nên trong kinh doanh thường không ổn định, không có khả năng xử lý những tình

* PTS, Giám đốc Phân viện Đà nẵng, Học viện chính trị quốc gia Hồ Chí Minh

Digitized by Google

huống mới trước những biến động trên thị trường, chưa đủ sức cạnh tranh và đứng vững trong cơ chế thị trường.

3 - Một số doanh nghiệp chưa thật sự đổi mới phương thức kinh doanh, chưa có kinh nghiệm làm ăn trong cơ chế thị trường nên trong quá trình thực hiện các hợp đồng kinh tế, trong hợp tác kinh doanh thường bị thua thiệt, có khi bị bên ngoài chiếm dụng vốn không thu hồi được, làm cho các doanh nghiệp đã khó khăn lại càng khó khăn hơn.

4 - Các DNNN chủ yếu tập trung ở TP Đà nẵng ; ở các nơi khác không đáng kể. Nếu có thì quy mô cũng rất nhỏ, kỹ thuật lạc hậu và hoạt động không có hiệu quả, sản phẩm làm ra không bán được.

5 - Khó khăn về vốn đầu tư là một trong những nguyên nhân làm hạn chế việc mở rộng quy mô sản xuất kinh doanh, đổi mới máy móc thiết bị và công nghệ để tạo ra những sản phẩm có chất lượng cao, bền đẹp, có thể cạnh tranh được trên thị trường trong và ngoài nước.

6 - Trong quá trình chuyển sang cơ chế mới, nhiều doanh nghiệp rất khó khăn về khâu cán bộ. Đội ngũ cán bộ quản lý, cán bộ kỹ thuật, cán bộ chuyên môn nghiệp vụ vừa thiếu, vừa yếu. Trừ một số doanh nghiệp có tính chất then chốt như điện, bưu chính viễn thông, xi măng, cơ khí... đội ngũ cán bộ được đào tạo tương đối tốt và đồng bộ, số doanh nghiệp còn lại chưa quan tâm đến việc đào tạo cán bộ một cách toàn diện và đồng bộ ; do đó năng lực lãnh đạo, quản lý, trình độ chuyên môn nghiệp vụ còn rất hạn chế. Đặc biệt có một số cán bộ, công nhân bắt cập với việc kinh doanh trong cơ chế mới.

7 - Sự hướng dẫn, chỉ đạo của các ngành chủ quản và của cơ quan quản lý nhà nước thiếu chặt chẽ, chưa sâu sát và kịp thời ; chưa thật sự định hướng và giúp đỡ các doanh nghiệp tháo gỡ khó khăn, tìm ra lối thoát trong kinh doanh, hạn chế những rủi ro. Điều này thể hiện rõ nhất đối với một số doanh nghiệp gia công, sản xuất hàng hóa xuất khẩu. Vì vậy, hàng hóa của các doanh nghiệp ở Quảng nam - Đà nẵng làm ra khó cạnh tranh được với hàng hóa của nước ngoài. Mặt khác, nhà nước chưa có chính sách bảo hộ đối với những hàng hóa sản xuất trong nước, nên nhiều doanh nghiệp bị lao đao, vất vả trong kinh doanh.

8 - Cơ chế, chính sách của Nhà nước chưa thật sự tạo môi trường thuận lợi để động viên, khuyến khích các doanh nghiệp đẩy mạnh sản xuất kinh doanh bằng đầu tư vốn mở rộng sản xuất và đổi mới kỹ thuật. Pháp chế kinh tế chưa thật sự phát huy hiệu lực và tạo hành lang pháp lý an toàn cho hoạt động của các doanh nghiệp. Còn nhiều thủ tục phiền hà trong đăng ký kinh doanh, trong vay vốn đầu tư, xuất nhập khẩu hàng hóa, vật tư, nguyên liệu và máy móc thiết bị.

9 - Chính sách tài chính, chính sách thuế chưa trở thành động lực mạnh mẽ tác động, kích thích các doanh nghiệp phát triển sản xuất ; nhất là đối với những ngành có vốn đầu tư lớn, công nghệ hiện đại, nhưng thu hồi vốn chậm.

Để các DNNN phát huy được vai trò chủ đạo trong nền kinh tế, khắc phục được những hạn chế và khó khăn trong quá trình sản xuất kinh doanh, theo tôi cần thực hiện một số giải pháp sau :

Thứ nhất, tiếp tục sắp xếp lại các DNNN theo tinh thần Nghị định 388/HĐBT. Kiên quyết xử lý bằng những hình thức thích hợp đối với các doanh nghiệp làm ăn không có hiệu quả, thua lỗ kéo dài. Cụ thể là :

- Đối với những doanh nghiệp có nhiều khó khăn do thiếu vốn đầu tư, công nghệ sản xuất còn lạc hậu, năng suất lao động thấp, đội ngũ cán bộ quản lý kinh doanh yếu, không biết kinh doanh nhưng có phương hướng kinh doanh đúng đắn, sản phẩm làm ra có thể cạnh tranh được trên thị trường thì cần nghiên cứu tổ chức cho hợp lý. Trước hết là thay đổi những cán bộ quản lý chủ chốt của doanh nghiệp, bổ sung những người có trình độ, có năng lực quản lý điều hành, có kinh nghiệm, nhất là kinh nghiệm kinh doanh trong cơ chế thị trường. Mặt khác, mạnh dạn đầu tư vốn (cả vốn cố định và vốn lưu động) để vực doanh nghiệp dậy, vượt qua khó khăn, trở lại đúng vị trí, vai trò của nó trong kinh doanh. Đồng thời, thực hiện một số chính sách ưu đãi đối với doanh nghiệp, như cho vay vốn dài hạn với lãi suất thấp, miễn giảm thuế trong một số năm, tạo

Digitized by Google

điều kiện cho các doanh nghiệp phục hồi và phát triển.

- Đối với những doanh nghiệp không có khả năng phục hồi, không "sống" được trong cơ chế thị trường, càng kinh doanh càng lỗ, không thể khắc phục được, thì :

Một là, giải thể, nhưng khi giải thể cần chú ý đến công ăn việc làm của người lao động; đồng thời có biện pháp quản lý, thanh lý các loại tài sản, vật tư, sản phẩm để thu hồi vốn đầu tư, tránh hư hao mất mát, lãng phí tài sản chung.

Hai là, bán doanh nghiệp cho tư nhân hoặc cho tập thể trên cơ sở xác định đúng đắn giá trị đất đai, nhà xưởng, máy móc thiết bị, bảo đảm thu hồi được vốn cho Nhà nước ở mức hợp lý.

Ba là, cổ phần hóa doanh nghiệp, kêu gọi các thành phần kinh tế tham gia mua cổ phiếu và hình thành doanh nghiệp cổ phần. Đây cũng là một trong những giải pháp để sắp xếp lại các doanh nghiệp nhà nước, nhằm khắc phục những khó khăn, trì trệ, yếu kém trong kinh doanh, bảo đảm cho doanh nghiệp tiếp tục tồn tại và phát triển. Doanh nghiệp cổ phần là một loại doanh nghiệp đa sở hữu, trong đó có sở hữu của nhà nước, sở hữu của tập thể, sở hữu của tư nhân, sở hữu cá thể, gồm cả những người ở ngoài doanh nghiệp và những công nhân đang làm việc tại doanh nghiệp. Ở đây, cần lưu ý, các doanh nghiệp cổ phần hóa trong cả nước chỉ chiếm một tỷ lệ rất nhỏ so với tổng số DNNN, và ngay ở Quảng nam - Đà nẵng cũng chưa có một DNNN nào thực hiện cổ phần hóa. Do đó, cần có sự nghiên cứu và tổ chức làm thử ở một vài doanh nghiệp để rút kinh nghiệm, sau đó sẽ nhân ra diện rộng. Điều cần quan tâm trong việc cổ phần hóa là định giá và đánh giá đúng giá trị tài sản, trên cơ sở đó quy định số lượng các cổ phiếu hiện có ; đồng thời căn cứ vào nhu cầu và khả năng thực tế có thể bán thêm cổ phiếu mới, nhằm tạo điều kiện phát triển doanh nghiệp cổ phần một cách mạnh mẽ và vững chắc.

Thứ hai, xây dựng quy hoạch phát triển các loại doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh và ở từng địa phương, chú ý cả ở vùng trung du và miền núi, từng bước khắc phục sự mất cân đối về bố trí các DNNN như hiện nay. Hướng quy hoạch là không nên bố trí tập trung quá nhiều doanh nghiệp ở thành phố, thị xã, vừa ảnh hưởng đến sinh hoạt của thành phố, thị xã, vừa ảnh hưởng đến môi trường ; nhất là đối với những doanh nghiệp sản xuất có nhiều khói, bụi, tiếng ồn, hơi độc... dễ gây ô nhiễm môi trường. Đối với những doanh nghiệp chuyên sản xuất và chế biến hàng nông sản, lâm sản cố gắng đưa về các vùng nông thôn, vừa gắn với nguồn nguyên liệu, vừa tạo công ăn việc làm cho lao động ở nông thôn ; đồng thời góp phần từng bước thực hiện quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Tất nhiên muốn phát triển cơ sở sản xuất ở nông thôn phải xây dựng cơ sở hạ tầng, bảo đảm việc đi lại, vận chuyển hàng hóa, vật tư và sản xuất được thuận lợi. Do đó, cùng với việc quy hoạch xây dựng các cơ sở sản xuất phải có quy hoạch xây dựng và phát triển cơ sở hạ tầng một cách đồng bộ. Có như vậy mới thực hiện được việc bố trí lại các DNNN một cách hợp lý ở các vùng và các địa phương.

Thứ ba, tăng cường vai trò quản lý và hướng dẫn của các ngành chủ quản và của các cơ quan quản lý nhà nước đối với các doanh nghiệp. Trên cơ sở luật định, chính quyền các cấp có trách nhiệm tổ chức, quản lý và hướng dẫn các doanh nghiệp hoạt động kinh doanh đúng pháp luật, bảo đảm thực hiện tốt phương hướng và kế hoạch đề ra. Các cơ quan nhà nước cần tạo điều kiện thuận lợi cho các doanh nghiệp trong kinh doanh, thực hiện đúng chức năng quản lý nhà nước về kinh tế. Không nên can thiệp quá sâu vào công việc kinh doanh của các doanh nghiệp, mà phải để cho các nhà đầu tư tự chủ trong kinh doanh, được đăng ký với nhà nước phát triển các ngành nghề có lợi cho quốc kế dân sinh mà luật pháp không cấm.

Cải tiến thủ tục hành chính, giảm bớt những thủ tục phiền hà trong việc đăng ký kinh doanh, liên doanh, liên kết kinh tế với các doanh nghiệp trong và ngoài nước, tạo điều kiện để các nhà đầu tư thực hiện chức năng, nhiệm vụ sản xuất kinh doanh của mình. Mặt khác, các nhà đầu tư phải nghiêm chỉnh chấp hành pháp luật của Nhà nước, thực hiện đầy đủ các quy định và hướng dẫn của Nhà nước trong kinh doanh, không được trốn tránh trách nhiệm, lợi dụng những kẽ hở trong cơ chế để

Digitized by Google

làm ăn phi pháp, gây phương hại đến lợi ích của Nhà nước.

Hoàn thiện cơ chế, chính sách đối với các DNNN, cụ thể hóa các chủ trương, chính sách cho phù hợp với từng loại doanh nghiệp và ở các vùng khác nhau, nhằm khuyến khích các doanh nghiệp đầu tư mở rộng sản xuất, đa dạng hóa các loại hình dịch vụ kinh doanh, không ngừng nâng cao hiệu quả kinh tế.

Chính sách tài chính, chính sách thuế phải thật sự tạo động lực cho các doanh nghiệp hoạt động, tạo điều kiện để các doanh nghiệp thu hút được nhiều nguồn vốn và sử dụng tốt nguồn vốn đó. Đây là vấn đề cốt tử của các doanh nghiệp. Nếu không có chính sách tài chính phù hợp thì sẽ khó thực hiện được. Tuy các doanh nghiệp nhà nước kinh doanh theo cơ chế mới, không có sự bao cấp của nhà nước, nhưng trong một chừng mực nhất định, nếu không có sự quan tâm giúp đỡ của Nhà nước về mặt tài chính để bổ sung nguồn vốn thì sẽ khó thực hiện được kế hoạch sản xuất kinh doanh của mình. Trong nền kinh tế thị trường, chính sách thuế cũng có tác dụng rất lớn đối với sản xuất kinh doanh. Thông qua chính sách thuế có thể mở rộng hoặc thu hẹp ngành nghề ; đồng thời qua đó cũng thể hiện chính sách ưu tiên đối với ngành sản xuất kinh doanh. Vì vậy, việc thực hiện đúng đắn chính sách thuế đối với các DNNN là vấn đề có ý nghĩa quan trọng trong sản xuất kinh doanh.

Thứ tư, nhanh chóng đổi mới trang thiết bị theo hướng hiện đại nhằm tăng năng suất lao động, tăng chất lượng sản phẩm. Hiện nay nhiều DNNN ở Quảng nam - Đà nẵng trang thiết bị cũ và lạc hậu, không đáp ứng được nhu cầu sản xuất kinh doanh trong tình hình mới. Nếu không được thay thế, đổi mới thì sẽ bị tụt hậu. Vì vậy, trong từng doanh nghiệp phải chủ động đổi mới trang thiết bị và công nghệ. Đây cũng là bài toán khó, phải có thời gian mới thực hiện được. Cho nên cần xây dựng phương án hết sức cụ thể để đổi mới dần trang thiết bị. Ít nhất mỗi năm phải đổi mới được từ 20 - 30%. Những nơi có điều kiện có thể 40 - 50%. Nhất là đối với những doanh nghiệp sản xuất hàng hóa xuất khẩu, hàng gia công cho nước ngoài, thì phải đổi mới nhanh hơn để có thể cạnh tranh được với hàng hóa của nước ngoài. Đối với những doanh nghiệp mới thành lập thì nhất thiết phải trang bị kỹ thuật hiện đại. Nhất thiết không mua những máy móc, thiết bị cũ của nước ngoài đã loại bỏ làm ảnh hưởng đến hiệu quả kinh doanh.

Vấn đề đặt ra là lấy vốn ở đâu để các DNNN đầu tư đổi mới trang thiết bị ? Nếu không giải quyết yếu tố cơ bản này thì sẽ không ra khỏi được vòng luẩn quẩn : thiếu vốn thì không đổi mới máy móc được - máy móc cũ, lạc hậu thì năng suất thấp, chất lượng sản phẩm kém - kinh doanh lỗ - thiếu vốn. Cho nên cần phải có biện pháp huy động vốn một cách tích cực từ các nguồn. Một mặt, dựa vào nguồn của Nhà nước hỗ trợ thông qua con đường tín dụng ưu đãi cả về thời gian và lãi suất, nguồn vốn huy động trong cán bộ và nhân viên, vốn tự có của doanh nghiệp. Mặt khác, cần có biện pháp gọi vốn đầu tư nước ngoài, gồm vốn của các nhà đầu tư, vốn của các tổ chức xã hội của người Việt nam ở nước ngoài.

Thứ năm, có kế hoạch đào tạo đội ngũ cán bộ quản lý doanh nghiệp, cán bộ chuyên môn nghiệp vụ ngang tầm với đòi hỏi của nhiệm vụ kinh doanh trong cơ chế thị trường. Trong thực tế, đội ngũ cán bộ DNNN rất nhiệt tình, có nhiều cố gắng, có tinh thần trách nhiệm đối với công việc được giao. Tuy nhiên, một bộ phận khá đông cán bộ chưa được đào tạo có hệ thống, nhất là trang bị những kiến thức mới trong kinh doanh như : quản trị kinh doanh, phương pháp quản lý doanh nghiệp trong nền kinh tế thị trường, makettinh, ngoại ngữ, tin học... Do vậy, các doanh nghiệp cần quan tâm đào tạo bằng nhiều hình thức thích hợp, nhằm tạo ra một đội ngũ cán bộ kinh doanh đồng bộ vừa có lập trường, quan điểm, bản lĩnh vững vàng trong kinh doanh để vận dụng các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước về phát triển nền kinh tế thị trường ; vừa biết tổ chức quản lý sản xuất kinh doanh ngày càng đạt được hiệu quả cao trên cơ sở chấp hành tốt các quy định và pháp luật của Nhà nước. Tóm lại, là phải có một đội ngũ cán bộ kinh doanh vừa có đức, có tài, biết làm giàu cho các doanh nghiệp bằng trí tuệ, tài năng của mình trong kinh doanh, biết chăm lo đến đời sống người lao động và làm đầy đủ nghĩa vụ của doanh nghiệp đối với Nhà nước ❑

Digitized by Google

Hợp tác xã nông nghiệp PHƯỚC SƠN II sau một năm đổi mới

LÊ VĂN KHÁ và HOÀNG VĂN TUYỂN *

HỢP tác xã nông nghiệp Phước sơn II thuộc huyện Tuy phước, tỉnh Bình định, được thành lập từ năm 1979. Đây là một hợp tác xã (HTX) lớn, quy mô liên thôn, thuộc diện HTX khá của tỉnh, có 2 099 hộ với 10 215 nhân khẩu, 650 ha đất canh tác, trong đó có 635 ha đất lúa nước. Vốn quỹ HTX còn lại rất lớn, qua kiểm kê vào tháng 9-1994 tổng tài sản vốn quỹ là trên 3 800 triệu đồng, trong đó vốn lưu động là 861 triệu đồng.

Khi kinh tế hộ được khẳng định là đơn vị kinh tế tự chủ, và nhất là sau khi HTX thực hiện việc giao quyền sử dụng ruộng đất lâu dài đến hộ nông dân, thì mô hình HTX kiểu cũ khó có thể tồn tại và hoạt động. Nhiều nghị quyết của Đảng đã nêu rõ cần đổi mới HTX như thế nào, nhưng HTX Phước sơn II vẫn cứ lúng túng, loay hoay trong mô hình cũ ; đẩy mạnh hoạt động dịch vụ thì nợ khê đọng trong xã viên càng tăng. Được sự chỉ đạo trực tiếp của Thường vụ Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân tỉnh và Huyện ủy Tuy phước, đảng ủy xã và ban quản lý HTX thấy rằng đổi mới HTX theo hình thức *HTX cổ phần có hội đồng quản trị* có thể là mô hình mang lại hiệu quả tốt hơn.

Để tiến hành đổi mới HTX, việc trước tiên HTX làm là kiểm kê lại vốn quỹ, làm "lành mạnh hóa" tình hình tài chính của HTX. Tài sản cố định thuộc phúc lợi công cộng như nhà mẫu giáo, đài truyền thanh, cầu cống, đường sá... được bàn giao cho Ủy ban nhân dân xã quản lý. Tài sản cố định khác như trụ sở, hệ thống điện, tràn xả lũ thì giao cho ban quản lý HTX sử dụng, nhưng không tính khấu hao trong khoán vốn. Tài sản cố định không sử dụng được thì định giá thanh lý. Tài sản cố định trực tiếp cho sản xuất được đưa vào giao khoán vốn trên 442 triệu đồng. Vốn lưu động ngoài số bị xã viên chiếm dụng, còn lại 159 triệu thì đưa vào giao khoán bảo toàn và sinh lãi.

Qua một năm *đổi mới theo mô hình HTX cổ phần có hội đồng quản trị*, HTX Phước sơn II đã đạt được những kết quả rõ nét.

Về quan hệ sở hữu và phân phối. Đã cụ thể hóa được các quan hệ sở hữu, theo đó mọi tài sản của HTX đều đã có chủ cụ thể. Người sử dụng có trách nhiệm bảo toàn và phát triển tài sản ; không còn tình trạng tài sản của tập thể mà không có ai chịu trách nhiệm trực tiếp như trước đây. Năm 1995, khi thực hiện đề án đổi mới theo hình thức HTX cổ phần, HTX không đặt vấn đề các xã viên phải góp thêm cổ phần (vì vốn quỹ của HTX như trên đã nói, còn rất lớn), mà tiến hành xác định cổ phần cho từng hộ xã viên để tăng cường vai trò làm chủ của từng hộ ; thúc đẩy việc đòi nợ khê đọng của xã viên, có thêm tiền chia lãi cổ phần sau này. Đối tượng được chia cổ phần là tất cả những thành viên thuộc hộ nông nghiệp và hộ ngành nghề tiểu thủ công nghiệp, tính đến thời điểm giao quyền sử dụng ruộng đất có độ tuổi trên 16 tuổi đến 72 tuổi (đối với nữ) và đến 77 tuổi (đối với nam) ; những xã viên chết trước thời điểm đó cũng được tính khoảng thời gian họ tham gia HTX cho người thừa kế hợp pháp của họ. Những người không nằm trong các độ tuổi trên thì không được chia cổ phần, vì cách đây 16 năm, khi HTX nông nghiệp được thành lập, những người này chưa sinh hoặc đã quá tuổi lao động, họ không có cổ phần và cũng không đóng góp gì cho việc hình thành vốn quỹ hiện có của tập thể. Từ những nguyên tắc trên, HTX đã xác định được *tổng số cổ phần* trong toàn HTX là 75 801 suất và *định mức vốn mỗi suất* là 41 599 đồng ; bình quân mỗi hộ xã viên có 1 687 120 đồng.

Sau khi cổ phần hóa phần vốn của HTX cho xã viên, HTX tiến hành khoán vốn cho chủ nhiệm HTX và các tổ dịch vụ với điều

* Tỉnh Bình định

Digitized by Google

kiện họ phải bảo toàn vốn và cung ứng dịch vụ tốt cho hộ xã viên. HTX đã xác định rõ tỷ lệ phân phối lợi nhuận ổn định 3 năm trong phương án khoán vốn quỹ, điều đó tạo điều kiện cho ban quản lý và chủ nhiệm HTX có thể đem hết tài năng lãnh đạo và tổ chức tốt việc sản xuất kinh doanh của HTX. Kết quả là trong năm 1995, chủ nhiệm HTX đã nộp khấu hao 41 triệu đồng, mua sắm thêm tài sản cố định trị giá 26,9 triệu đồng, nộp bảo toàn vốn lưu động 28,8 triệu đồng, trích đủ phần lợi nhuận để tự trả lương 9,3 triệu đồng. Ngoài ra, nộp 60% lãi ròng là 45,8 triệu đồng. Nhờ xử lý công nợ tốt, số hộ nợ khê đọng chỉ còn 1/3. Sau một năm, tính đến ngày 1/10/1995 vốn lưu động của HTX đưa vào giao khoán đã tăng lên 458 triệu đồng. Với cơ chế mới, hộ xã viên được hưởng sự phân phối ngay từ đầu thông qua các khâu dịch vụ. Thật vậy, với chỉ tiêu giao khoán, chủ nhiệm HTX phải dùng không dưới 70% vốn để cung ứng dịch vụ tốt cho tối thiểu 70% số hộ xã viên. Để xã viên chấp nhận, giá dịch vụ của HTX đương nhiên phải rẻ hơn giá thị trường. Kết quả của sự phân phối ấy là năm 1995 Phước sơn được mùa cả 3 vụ, năng suất bình quân 47,5 tạ/ha/vụ. Ngoài ra, xã viên HTX còn được phân phối lại phần lợi nhuận từ quỹ chung, làm tăng dần mệnh giá cổ phần của từng xã viên.

Về quan hệ quản lý. Đã bước đầu xác định rõ nghĩa vụ và quyền lợi của các bên trong nội bộ HTX, qua đó khẳng định mối quan hệ bình đẳng về kinh tế giữa HTX và hộ xã viên, tạo điều kiện cho hộ nhanh chóng trở thành đơn vị kinh tế tự chủ.

Để bảo đảm quyền lợi của xã viên, ngăn ngừa việc chủ nhiệm dùng vốn tùy tiện, HTX giao cho chủ nhiệm nhận khoán *ba* chỉ tiêu : tỷ lệ bảo toàn và phát triển vốn ; tỷ lệ vốn phục vụ được trên địa bàn HTX ; và tỷ lệ hộ xã viên được nhận dịch vụ từ HTX (ít nhất phải đạt trên 70%). Các tổ dịch vụ cũng được chủ nhiệm "khoán gọn" các khâu dịch vụ với các tỷ lệ tương tự, và được bảo đảm quyền tự chủ trong sản xuất kinh doanh, hạch toán độc lập. Nhờ vậy, trong năm 1995, chi phí về thủy lợi đã tiết kiệm được hơn 10 triệu đồng ; giá điện từ 900đ đã hạ xuống còn 600đ/kWh. Năm qua hơn 200 hộ xã viên cốt cán ở các thôn đã được theo học các lớp về khuyến nông và hướng dẫn thời vụ do HTX tổ chức. Các khâu dịch vụ liên quan đến việc sử dụng vốn lưu động của HTX như cung ứng vật tư, tín dụng, tiêu thụ sản phẩm, đều được khoán bảo toàn và sinh lời. Năm 1995, HTX đã đáp ứng được 92,5% nhu cầu về vật tư nông nghiệp ; ký kết được hợp đồng kinh tế cả năm với 1 560 hộ xã viên (74%) ; thực hiện cho vay : 435 hộ ; làm dịch vụ mua bán với tổng giá trị mua vào 97,7 triệu, tổng giá trị bán ra 105,9 triệu đồng. Các tổ dịch vụ trong HTX quan hệ với hộ xã viên hoàn toàn theo cơ chế thị trường "thuận mua, vừa bán". Hộ xã viên có quyền ký kết hoặc từ chối hợp đồng dịch vụ của HTX. Quan hệ giữa HTX và hộ được xác định rõ là quan hệ giữa hai chủ thể sản xuất có tư cách pháp nhân riêng biệt, hoạt động theo cơ chế thị trường, đồng thời có mối quan hệ hợp tác ở những khâu chung do *đại hội xã viên* quyết định. Với cơ chế "khoán sản phẩm" cho từng tổ chuyên, HTX kích thích lợi ích của từng thành viên trong các tổ dịch vụ, tạo điều kiện nâng cao chất lượng dịch vụ.

Về đổi mới tổ chức bộ máy quản lý HTX. Đại hội đại biểu xã viên của HTX đã bầu *hội đồng quản trị* gồm 15 thành viên, trong đó có các đại diện nông dân tiêu biểu, trưởng thôn và một số cán bộ chủ chốt của HTX. Hội đồng quản trị bầu thường trực hội đồng quản trị (gồm *chủ tịch* và *thư ký*) và bầu chủ nhiệm HTX. Hai thành viên của thường trực hội đồng quản trị hoạt động độc lập với chủ nhiệm và kế toán của HTX, hưởng lương tháng lấy từ quỹ chung, không phụ thuộc vào kết quả sản xuất kinh doanh của chủ nhiệm HTX. Các thành viên còn lại của hội đồng quản trị không hưởng lương ; chỉ hưởng chế độ hội nghị phí mỗi kỳ hội đồng họp. Hằng tháng kế toán của HTX bàn giao bản kê chứng từ ghi sổ cho thư ký hội đồng quản trị, qua đó hội đồng quản trị theo dõi được quá trình sản xuất kinh doanh của chủ nhiệm HTX. Một nguyên tắc được quán triệt từ đầu là hội đồng quản trị không can thiệp việc sản xuất kinh doanh hằng ngày của chủ nhiệm HTX. Năm 1995, hội đồng quản trị đã kịp thời uốn nắn những lệch lạc của các tổ chuyên dịch vụ để bảo vệ quyền lợi của các hộ xã viên ; làm trung gian hòa giải giữa chủ nhiệm HTX và hộ xã viên khi

(Xem tiếp trang 44)

Digitized by Google

Thói tùy tiện

NGUYỄN VĂN LỘC

Tôi nhớ mãi lần nói chuyện với người bạn ấy. Chúng tôi vốn là hàng xóm rất thân nhau lâu ngày mới gặp nên có vô số chuyện để mà tâm sự. Chuyện "nước trong, nước ngoài", chuyện gia đình bè bạn, chuyện "vui cho ai", "buồn cho ai". Thôi thì đủ thứ. Rồi anh hỏi tôi :

- Ông còn nhớ ông X không? Ông ấy đã có thời là hàng xóm của chúng ta. Con người này không phải là tiến sĩ hay phó tiến sĩ, chưa hề dạy ở trường đại học nào, cũng không hề có cuốn sách hoặc bài báo nào đáng kể. Vậy mà đùng một cái ông được phong là phó giáo sư, rồi chỉ ít lâu sau đã lại thấy giới thiệu trên báo là giáo sư. Một số người bảo đó là do ông ấy mới được đề bạt lên một cái chức kha khá. Việc phong học hàm ở ta sao mà dễ dãi, thậm chí tùy tiện đến như vậy ?!

Chẳng riêng gì ông X đâu mà một số người khác cũng đã gặp "số đỏ" như thế. Tôi còn biết một chuyện thế này : có ông không hề học ở trường đại học nọ mà cũng được cấp bằng cử nhân của trường ấy vì lúc đó ông bạn này đang cần bằng đại học để bảo vệ đặc cách phó tiến sĩ cho kịp dự đợt phong phó giáo sư. Rồi lại trong hội đồng xét duyệt phong học hàm, có thành viên chưa đủ tiêu chuẩn quy định mà cũng được mời tham gia. Chuyện quan trọng mà nghe cứ như đùa !

Nói đúng ra chẳng riêng gì chuyện học hàm. Trong những năm gần đây *thói tùy tiện* xem ra có chiều phát triển. Chúng ta đều biết đường lối của Đảng là sinh mệnh chính trị của Đảng, là ngọn đèn soi đường chỉ lối cho cách mạng nước ta. Tính tổ chức và kỷ luật đòi hỏi mọi cán bộ đảng viên phải nhất trí với đường lối của Đảng. Chính do đường lối đổi mới đúng đắn của Đảng mà công cuộc cách mạng của nhân dân ta mới đạt được những thành tựu đáng phấn khởi như hiện nay. Dĩ nhiên trong quá trình thực hiện cũng có không ít thiếu sót, khuyết điểm cần phải kiên quyết khắc phục. Nhưng có hiện tượng một số cán bộ đảng viên lợi dụng việc góp ý kiến, phê bình những thiếu sót, khuyết điểm của Đảng để dèm pha, chê bai đường lối của Đảng một cách rất tùy tiện. Một vấn đề trọng yếu của đại hội đảng các cấp như vấn đề nhân sự mà cũng có người đem ra bàn tán bình phẩm một cách tùy tiện. Đại hội chưa họp mà họ đã kể vanh vách ông A giữ chức này, ông B giữ chức nọ. Lại có người "bới lá tìm sâu" tung tin thất thiệt, chê hết người này đến người khác, cứ như bàn chuyện riêng tư trong gia đình. Nói như vậy không phải là người cán bộ, đảng viên không được có ý kiến gì về những công việc của Đảng, nhưng phát biểu phải đúng nơi, đúng lúc với tinh thần trách nhiệm chứ không thể bạ đâu nói đấy một cách tùy tiện.

Trong công tác sắp xếp, bố trí cán bộ ở các cấp, các ngành hiện nay cũng đang có những biểu hiện tùy tiện không làm đúng quy định. Đảng và Nhà nước ta đã có những chỉ thị, nghị quyết rất cơ bản và đúng đắn về công tác tổ chức cán bộ. Nhiều nơi, nhiều người đã chấp hành nghiêm chỉnh các quyết định ấy, được tập thể hoanh nghênh. Nhưng không ít trường hợp từ việc bố trí, sắp xếp, đề bạt cán bộ đến việc giải quyết cán bộ nghỉ công tác quản lý, nghỉ hưu đã không theo đúng tư tưởng chỉ đạo của Đảng và Nhà nước.

Ở nhiều nơi, trong nhiều lĩnh vực, có những việc tùy tiện đã trở thành "chuyện thường ngày". Người ta tùy tiện cấp đất, bán đất sai thẩm quyền, sai nguyên tắc một cách vô tội vạ. Một số người tham nhũng vào loại có tiếng mà chỉ xử nội bộ, tài sản tham nhũng vẫn giữ nguyên rồi cho về hưu một cách an toàn. Nhiều vụ buôn lậu đáng lẽ phải nộp thuế hoặc tịch thu hàng hóa thì chỉ xử phạt hành chính qua loa. Không ít địa phương và cơ quan tự tiện để ngoài sổ sách mỗi nơi hàng tỉ đồng, hàng chục tỉ đồng để chi tiêu, chia chác. Không hiếm tội phạm vì nguyên nhân này, nguyên nhân khác không được xét xử nghiêm minh, theo đúng luật. Nhiều bản án đã có hiệu lực thi hành nhưng tội phạm bị kết án tù vẫn nhởn nhơ ngoài vòng pháp luật. Báo cáo của Chính phủ tại kỳ họp Quốc hội đầu tháng 3-1996 mới đây đã phê phán một số địa phương tùy tiện chi vượt dự toán, tùy tiện miễn giảm thuế, quản lý sử dụng vốn đầu tư xây dựng cơ bản rất lỏng lẻo, để quỹ ngoài sổ sách, chi sai mục đích, xây trụ sở cơ quan và mua sắm ô tô không ghi vào kế hoạch, gây khó khăn lớn cho việc thực hiện ngân sách... Còn có thể kể ra nhiều chuyện tùy tiện khác đã và đang làm hạn chế không ít những thành tựu của chúng ta.

Để đáp ứng những yêu cầu phát triển của thời kỳ mới, thời kỳ đẩy mạnh công cuộc công nghiệp hóa, hiện đại hóa, cần coi trọng hơn nữa việc giáo dục ý thức tổ chức và kỷ luật, kiên quyết ngăn chặn, khắc phục thói tự do tùy tiện và có biện pháp xử lý kịp thời khi cần thiết ❑

Digitized by Google

TRƯỜNG QUÂN CHÍNH BẮC SƠN

Lời người biên tập : *Trong quá trình lãnh đạo cách mạng, Đảng ta luôn luôn coi trọng việc xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân và đào tạo cán bộ cho lực lượng đó, coi đây là một nhiệm vụ chiến lược, một vấn đề có tính quy luật trong đấu tranh cách mạng giải phóng dân tộc, xây dựng và bảo vệ đất nước.*

*Ngay từ những năm 20 của thế kỷ XX, đồng chí Nguyễn Ái Quốc đã chọn lựa, cử một số thanh niên Việt nam có chí hướng cách mạng ra nước ngoài học tập quân sự. Rồi những năm trước cuộc Tổng khởi nghĩa tháng 8-1945, Đảng ta cũng ráo riết xây dựng các lực lượng vũ trang cách mạng, tổ chức đào tạo và bồi dưỡng đội ngũ cán bộ cho lực lượng vũ trang. Đảng ta và đồng chí Hồ Chí Minh không chỉ quan tâm đào tạo cán bộ ở trong nước mà còn cử một số cán bộ, đảng viên đi học quân sự ở nước ngoài. Đồng chí Hồ Chí Minh còn biên soạn các tài liệu "Cách đánh du kích", "Kinh nghiệm du kích tàu", "Kinh nghiệm du kích Nga", Kinh nghiệm du kích Pháp", Phép dùng binh của Tôn Tử và biên dịch cuốn "Cách huấn luyện quân sự của Không Minh" mà Người đặt đầu đề mới là "**Cách huấn luyện cán bộ quân sự**". Người còn bồi dưỡng và chỉ đạo các đồng chí Phạm Văn Đồng, Võ Nguyên Giáp biên soạn hai tác phẩm : "Chính trị viên trong quân đội" và "Công tác chính trị trong quân đội cách mạng".*

*Trong thời kỳ tiền khởi nghĩa (trước tháng 8-1945) và một, hai năm đầu của chính quyền nhân dân, việc huấn luyện đội ngũ cán bộ của lực lương vũ trang cách mạng càng được đẩy mạnh. Chính trong thời kỳ này đã xuất hiện **Trường quân chính kháng Nhật** nổi tiếng (thành lập đầu tháng 6-1945) - trường huấn luyện cán bộ đầu tiên của lực lượng vũ trang cách mạng Việt nam. Cuối năm 1945 và trong năm 1946, hàng loạt trường, lớp quân sự, chính trị đã ra đời, tiếp nối truyền thống vẻ vang của Trường quân chính kháng Nhật. Đó là **Trường Võ bị Trần Quốc Tuấn, Trường quân chính Bắc sơn, Trường lục quân trung học Quảng ngãi, Lớp đào tạo cán bộ chính trị viên đại đội đầu tiên của quân đội, Trường quân chính xứ ủy Trung kỳ, Trường quân chính Nam bộ, Lớp bổ túc cán bộ trung cấp** v.v.. Sau này, hệ thống nhà trường quân đội đã phát triển rộng lớn rất nhiều, bao gồm các trường của các quân chủng, binh chủng, các quân khu, quân đoàn v.v... đào tạo hàng loạt cán bộ, góp phần to lớn vào sự lớn mạnh, trưởng thành và chiến đấu thắng lợi của các lực lượng vũ trang nhân dân.*

*Nhân kỷ niệm lần thứ 50 ngày thành lập **Trường quân chính Bắc sơn** (7-4-1946 - 7-4-1996) chúng tôi xin giới thiệu mấy nét về trường Bắc sơn - một trong những trường đã góp phần vẻ vang vào việc đào tạo cán bộ cho lực lượng vũ trang nhân dân Việt nam đi vào cuộc kháng chiến chống Pháp vĩ đại, thể hiện sinh động sự lãnh đạo sáng suốt của Đảng ta. Tư liệu này được biên soạn dựa vào cuốn sách "**Tư liệu lịch sử quá trình hình thành phát triển hệ thống nhà trường lực lượng vũ trang nhân dân Việt nam** " (1945-1990) do Cục nhà trường Bộ tổng tham mưu biên soạn, Nhà xuất bản Quân đội nhân dân xuất bản năm 1995.*

Trường quân chính Bắc sơn : được thành lập theo chỉ thị của Thường vụ Trung ương Đảng cộng sản Đông dương, với danh nghĩa công khai là Tổng bộ Việt minh. Trung ương giao cho Tỉnh ủy, Ủy ban hành chính kháng chiến và Hội liên hiệp phụ nữ tỉnh Thái nguyên bảo đảm về mặt sinh hoạt; Chiến khu 1 chịu trách nhiệm bảo đảm các trang bị cho học tập.

Nhiệm vụ của trường là đào tạo cán bộ chỉ huy, lãnh đạo lực lượng vũ trang của Đảng (cả quân sự và chính trị) ở cấp cơ sở.

Đồng chí Lê Đồng, một cán bộ đã từng bị Pháp đày đi Côn đảo, nguyên tỉnh ủy viên tỉnh Phú thọ, đại biểu Quốc hội khóa I, được bổ nhiệm làm giám đốc kiêm chính trị viên và trưởng ban công tác chính trị. Đồng chí Nguyễn Thanh Tâm, nguyên là cán bộ huấn luyện của Trường quân chính Việt nam, sau đổi tên là Trường huấn luyện cán bộ Việt nam làm phó giám đốc kiêm trưởng ban huấn luyện quân sự.

Địa điểm trường tại đồn điền Kép-le xóm Cầu tre, xã Đồng quang, huyện Đồng hỷ (Thái nguyên). Với sự lao động khẩn trương của gần 100 học viên, cùng với hơn một tiểu đội chiến sĩ do Liên khu 1 tăng cường, sau hơn một tháng khu nhà hoang tàn đã trở thành một khu doanh trại khang trang đủ giảng đường, nhà ở.

Cùng với việc chuẩn bị cơ sở vật chất, cán bộ, giáo viên tập trung nghiên cứu xác định mục tiêu, yêu cầu khóa học, xây dựng chương trình, tính toán thời gian lập kế hoạch huấn luyện, biên soạn nội dung. Cuối tháng 3 năm 1946,

Digitized by Google

chương trình huấn luyện khóa học đã được đồng chí Tổng tham mưu trưởng Hoàng Văn Thái phê duyệt.

Chương trình gồm hai phần :

Phần quân sự. Nội dung chủ yếu gồm : Động tác cơ bản (đội ngũ) từ cá nhân đến đại đội, kỹ thuật bắn súng, mìn, bộc phá, lựu đạn, đâm lê, tiềm nhập, vượt rào, v.v..

Về chiến thuật, học động tác chiến đấu từ cá nhân, tổ đến đại đội trong tấn công và phòng ngự ; chiến đấu vận động, đánh đồn bốt ; chiến đấu trong khu vực dân cư và đánh trong thành phố ; huấn luyện hiệp đồng bộ binh với bộ binh, bộ binh với pháo binh và xe tăng (lý thuyết). Cuối khóa học có diễn tập cấp đại đội.

Về công tác tham mưu, học tổ chức tham mưu trong quân đội, công tác tham mưu trong chiến đấu, công tác tình báo, trinh sát, sử dụng thông tin trong chiến đấu.

Phương pháp huấn luyện quân sự : gắn chặt lý thuyết và thực hành, chủ yếu là thực hành, nhất là động tác cá nhân, tổ ba người. Coi trọng đánh gần (cận chiến), đánh đêm.

Đội ngũ giáo viên quân sự khóa 1 chủ yếu dựa vào một số sĩ quan Nhật giác ngộ đi theo cách mạng như các đồng chí : Thanh Sơn, Nguyễn Thanh, Nguyễn Ái Việt, Đỗ Văn Bảo...

Trang bị, vũ khí phục vụ huấn luyện của trường gồm các loại súng trường của Pháp, Nhật, Trung quốc, súng tiểu liên Sten, trung liên Bơ-ren-nô (đầu bạc), đại liên La-mi-ốt-kít và một khẩu pháo 70 ly.

Phần chính trị. Nội dung chủ yếu gồm : Trường kỳ kháng chiến nhất định thắng lợi ; nghị quyết của Đoàn thể (Đảng) về chủ trương đường lối kháng chiến chống Pháp ; chính sách mặt trận của Đoàn thể ; chủ trương chính sách vận động quần chúng của Đoàn thể ; lịch sử Đảng cộng sản Đông dương ; tình hình thế giới và trong nước.

Giảng dạy những nội dung chính trị trên đây phần lớn đều do các đồng chí lãnh đạo của Đảng lúc bấy giờ đảm nhiệm như đồng chí Tổng bí thư Trường Chinh, các đồng chí Hoàng Quốc Việt, Trần Quốc Hoàn, Lê Đức Thọ.

Khóa 1 khai giảng ngày 7 tháng 4 năm 1946. Tổng số có 82 học viên, được chọn lựa trong số thanh niên đã tham gia cấp huyện bộ Việt minh, hoặc trong các nhà trường ; có một số là đảng viên, có đồng chí đã tham gia cấp ủy huyện. Trình độ văn hóa phần lớn là cấp 2, cấp 3 (không có cấp 1). Một số đồng chí đã tốt nghiệp tú tài, bốn đồng chí là sinh viên trường Luật và Y khoa.

Học viên được tổ chức thành hai trung đội. Các đồng chí Nguyễn Hải, Lê Thành Trương, Lê Điệp, Phùng Tuấn được chỉ định làm trung đội trưởng và chính trị viên.

Toàn trường được tổ chức thành một chi bộ do đồng chí Lê Đồng làm bí thư. Các đồng chí học viên Nguyễn Dương Hán, Nguyễn Văn Hiếu, Phùng Tuấn, Nguyễn Văn Trà (cán bộ từ Côn đảo) được cử làm chi ủy viên.

Trong quá trình huấn luyện, trường rất coi trọng việc rèn luyện tác phong chính quy và ý thức tổ chức kỷ luật. Nền nếp sinh hoạt, học tập của trường được quy định rất chặt chẽ và thực hiện rất nghiêm ngặt. Mỗi học viên được phát một huy hiệu bằng kim loại mang biểu tượng của trường gắn trên ngực áo. Huy hiệu hình lá chắn, nền đỏ, trên có ngôi sao vàng, dưới có hàng chữ trắng "Trường quân chính Bắc sơn", chính giữa là hình thanh kiếm và khẩu súng trường bắt chéo, chung quanh viền xanh màu lá cây.

Tháng 10 năm 1946 khóa 1 học xong phần quân sự. Trừ một bộ phận cơ quan quản trị, nhân viên phục vụ và một số học viên được giữ lại làm giáo viên và cán bộ quản lý học viên khóa 2, còn lại tất cả hành quân về thôn Vạn phúc, thị xã Hà đông học tập tiếp chương trình chính trị trong thời gian 1 tháng. Tháng 11 năm 1946 khóa 1 kết thúc.

Trong khi khóa 1 chuẩn bị kết thúc, Trung ương chiêu sinh khóa 2.

Khóa 2 khai giảng cuối tháng 11 năm 1946, có 144 học viên. Đối tượng học viên phần lớn là cán bộ trung đội, đại đội trong các đơn vị chủ lực, hoặc tự vệ chiến đấu. Học viên được tổ chức thành bốn trung đội. Các đồng chí học viên Nguyễn Hải, Dũng Mã, Phạm Hồng Sơn, Lương Ngọc Chi, Nguyễn Văn Ngạn, Nguyễn Mạnh, Lê Hồng Lĩnh, Bùi Điển được chỉ định làm trung đội trưởng và chính trị viên trung đội.

Sang khóa 2, đồng chí Phạm Bá Lộc được bổ nhiệm làm giám đốc thay đồng chí Lê Đồng bị hy sinh trong khi làm nhiệm vụ, đồng chí Nguyễn Trọng Tuyển ở Liên khu 1 về làm chính trị viên kiêm bí thư chi bộ và trưởng ban công

Digitized by Google

tác chính trị ; đồng chí Thanh Tâm làm phó giám đốc.

Chương trình nội dung học khóa 2 cơ bản như khóa 1.

Đội ngũ giáo viên giảng dạy khóa 2 ngoài số giáo viên khóa 1, còn có một số cán bộ học viên khóa 1 được giữ lại trường.

Ngày 6 tháng 1 năm 1947, theo lệnh của Liên khu 1, cán bộ, giảng viên, học viên của trường có trung đoàn 121 phối hợp đã tổ chức đánh địch chiếm đóng Cầu Đuống. Trận chiến đấu này có 15 đồng chí tham gia, trong đó có hai giáo viên là Nguyễn Hải và Tạ Ngọc Bích đã anh dũng hy sinh.

Ngày 3 tháng 4 năm 1947 Bộ quốc phòng ra Nghị định 66/NĐ điều đồng chí Thanh Tâm, nguyên phó giám đốc và đồng chí Nguyễn Trọng Tuyển, chính trị viên trường Bắc Sơn, cùng với 20 cán bộ giáo viên như đồng chí Tăng, đồng chí Bảo, các đồng chí Nguyễn Văn Bổng, Thanh Sơn, Dũng Mã, Phạm Hồng Sơn, Nguyễn Mạnh, Triệu Huy Hùng, Dương Thế Thọ, Nguyễn Tăng Tấn... về thành lập phân hiệu Võ bị Trần Quốc Tuấn.

Cuối tháng 5 năm 1947, Trường quân chính Bắc sơn bế giảng khóa 2, đồng thời kết thúc nhiệm vụ của trường và được nhận thư khen của Tổng quân ủy. Cơ sở nhà trường và một bộ phận cán bộ quản lý cơ quan được chuyển giao cho Chiến khu 1 để lập Trường quân chính Quân khu 1.

Với hai khóa huấn luyện, Trường quân chính Bắc sơn đã đào tạo được hơn 200 cán bộ chỉ huy, lãnh đạo cho lực lượng vũ trang trong những ngày đầu của chính quyền cách mạng. Qua rèn luyện thử thách trong thực tiễn đấu tranh cách mạng cực kỳ khó khăn gian khổ, nhiều đồng chí đã anh dũng hy sinh. Tiêu biểu như đồng chí Trần Thành, học viên khóa 1, đại đội trưởng tự vệ Hà nội đã dùng bom ba càng lao vào diệt xe tăng địch tại Liên khu 1 (Hà nội) và đã anh dũng hy sinh, đồng chí Trần Cừ, học viên khóa 2, đại đội trưởng đại đội 366 trung đoàn 209, đã lấy thân mình bịt lỗ châu mai tại trận Đông khê và là người được phong danh hiệu Anh hùng lực lương vũ trang nhân dân đầu tiên của lực lượng vũ trang nhân dân Việt nam. Hầu hết học viên trường Bắc sơn đều trở thành những cán bộ cao cấp của Đảng và quân đội, có những đồng chí đã và đang giữ vị trí chỉ huy, lãnh đạo chủ chốt trong quân đội và Nhà nước ❑

Tính nhất nguyên...

(Tiếp theo trang 58)

vật, chứ không thay đổi lập trường và nguyên tắc cơ bản của chủ nghĩa duy vật.

Lê-nin là một mẫu mực trong việc phát triển chủ nghĩa Mác. Với Lê-nin, hình thái lý luận đã có sự thay đổi nhất định so với Mác, Ăng-ghen. Nhưng chủ nghĩa Lê-nin vẫn thuộc phạm trù chủ nghĩa Mác.

Trong lịch sử, chủ nghĩa Mác đã trải qua sự phân hóa. Cuối thế kỷ trước, đã xuất hiện Béc-xtanh, Cau-xki, Plê-kha-nốp. Sau đó, Lê-nin đã "bôn-sê-vích hóa" chủ nghĩa Mác. Dưới thời Xta-lin, chủ nghĩa Mác thể hiện thành "chủ nghĩa Xta-lin". Từ thập kỷ 50 trở đi, lại có "chủ nghĩa Mác Nam tư", "chủ nghĩa Mác Hung-ga-ri", "chủ nghĩa Mác Ba-lan", "chủ nghĩa Mác Trung quốc"... Học giả phương Tây gọi đó là kết quả của sự đa nguyên hóa chủ nghĩa Mác.

Thực ra, cái gọi là "sự phân hóa" của chủ nghĩa Mác nói trên không phải là sự phân hóa của tự thân chủ nghĩa Mác, mà là sự phân hóa của đội ngũ mác xít, cũng tức là sự phân hóa do cách hiểu khác nhau và thái độ khác nhau của những người mác xít đối với chủ nghĩa Mác. Sự phân hóa của đội ngũ mác xít, trong nhiều trường hợp, là sự khác nhau giữa chủ nghĩa Mác giả và chủ nghĩa Mác thật.

Tóm lại, tính chân lý của chủ nghĩa Mác là nhất nguyên. Hệ tư tưởng và nội hàm bản chất lý luận của chủ nghĩa Mác là nhất nguyên. Nhưng sự phát triển và sự đổi mới hình thái lý luận của chủ nghĩa Mác, cũng như cách hiểu chủ nghĩa Mác là đa dạng. "Đa nguyên" và "đa dạng" có mối quan hệ với nhau, nhưng đối tượng và hàm nghĩa của đa nguyên và của đa dạng là hết sức khác nhau. Lẫn lộn hai thứ đó sẽ dẫn đến sự xuyên tạc và hiểu sai chủ nghĩa Mác ❑

TRỊNH CỰ *(lược thuật)*

Digitized by Google

MỘT CHÍNH SÁCH THÙ ĐỊCH LỖI THỜI

VÕ THỦ PHƯƠNG

"Không gì thiết yếu hơn việc phải loại bỏ mọi ác cảm xấu xa thâm căn cố đế chống lại các dân tộc riêng biệt"
OA-SINH-TƠN

VỪA qua, chính quyền Oa-sinh-tơn đã ban hành "đạo luật Hem-xơ Bơ-tơn", một đạo luật mang nặng tính áp đặt, thít chặt vòng vây cấm vận kinh tế chống Cu-ba. Một lần nữa chính quyền Oa-sinh-tơn lại tỏ rõ thái độ trịch thượng. Cái gọi là "đòn trừng phạt chống Cu-ba" của Mỹ lần này rõ ràng là thâm ý được chuẩn bị từ trước. Xin điểm lại một loạt sự kiện trước khi đạo luật trên được ban hành :

- Chỉ trong 20 tháng qua, máy bay cất cánh từ Mỹ đã 25 lần xâm phạm không phận Cu-ba.

- Ngày 9 và 13 tháng 1 năm 1996, máy bay của tổ chức "Những người anh em cứu hộ", một tổ chức của những người Cu-ba lưu vong tại Mỹ, đã ngang nhiên bay trên bầu trời thủ đô La Ha-ba-na và rải truyền đơn chống chính phủ Cu-ba.

- Ngày 24 tháng 2 năm 1996, ba máy bay cũng của tổ chức trên lại xâm phạm không phận Cu-ba và "bay dạo" bất chấp mọi lời cảnh cáo của phía Cu-ba. Không thể làm ngơ mãi trước thái độ ngang ngược đó, lực lượng không quân Cu-ba đã bắn rơi hai trong ba chiếc máy bay này.

- Ngay sau sự kiện trên, tổng thống Mỹ ra thông báo, lên án và đe dọa Cu-ba.

- Rạng sáng ngày 27 tháng 2 Hội đồng bảo an Liên hợp quốc họp dưới sự chủ tọa của Mỹ (ngẫu nhiên sự kiện này xảy ra khi Mỹ đang giữ ghế chủ tọa !), và không cần nghe phía Cu-ba tường trình lại sự việc, Hội đồng bảo an Liên hợp quốc đã ra nghị quyết... "lấy làm tiếc" về hành động của Cu-ba.

- Ngày 5-3 Quốc hội Mỹ thông qua "đạo luật Hem-xơ Bơ-tơn" và tổng thống Bin Clin-tơn đã mau mắn phê duyệt dự luật đó.

Điểm qua các sự kiện trên, không ít người liên tưởng đến một kịch bản phim được dàn dựng rất công phu nhưng cũng rất vụng về, đến nỗi ai cũng thấy đạo luật này có cái gì đó đáng ngờ. Cho nên không phải ngẫu nhiên, ngay sau khi đạo luật này được ban bố, dư luận thế giới đã lập tức lên tiếng phản đối mạnh mẽ. Thủ tướng Ca-na-đa Giăng Crê-chiêng đã tuyên bố nước ông sẽ tiếp tục quan hệ thương mại với Cu-ba bất chấp sự ngăn cản của Mỹ (Ca-na-đa còn dự thảo một đạo luật theo đó có thể trừng phạt các công ty Mỹ đóng trên đất Ca-na-đa nếu các công ty này từ chối buôn bán với Cu-ba). Trong một tuyên bố ngày 6-3-1996, Bộ ngoại giao Mê-hi-cô nêu rõ : chính phủ Mê-hi-cô phản đối "đạo luật Hem-xơ Bơ-tơn" và sẽ cùng với Ca-na-đa dùng các điều khoản pháp lý của NAFTA (*Hiệp định buôn bán tự do Bắc Mỹ*) để chống lại những tác động của đạo luật này. Tại Chi-lê, ngoại trưởng Mỹ Oa-ren Cri-xtô-phơ đã được đón tiếp một cách lạnh nhạt. Nhiều người Chi-lê đã hô vang các khẩu hiệu chống Mỹ, đoàn kết với Cu-ba. Hàng trăm người Mê-hi-cô

Digitized by Google

đã biểu tình trước Đại sứ quán Mỹ tại Mê-hi-cô, đòi Mỹ phải chấm dứt các hành động thù địch chống Cu-ba và ngừng ngay lập tức cuộc cấm vận mà Mỹ đã áp đặt từ hơn 30 năm nay. Có thể nói, chưa bao giờ các nước Mỹ la tinh lại có sự thống nhất mạnh mẽ như hiện nay trong việc ủng hộ Cu-ba, phê phán Mỹ. Liên minh châu Âu (EU), một đối tác lớn trong quan hệ ngoại thương của Cu-ba, đã tuyên bố thẳng thừng rằng "đạo luật Hem-xơ Bơ-tơn" của Mỹ đã vi phạm nghiêm trọng luật pháp quốc tế, và EU còn cho biết sẽ kiện Mỹ với Tổ chức thương mại thế giới (WTO) do những biện pháp mà Mỹ đã đặt ra.

Vậy thì *tại sao "đạo luật Hem-xơ Bơ-tơn" lại bị cả những đồng minh của Mỹ cùng lên tiếng phản đối như thế ?*

Trước hết, trong phạm vi quan hệ *song phương* giữa Mỹ và Cu-ba, "đạo luật Hem-xơ Bơ-tơn" bộc lộ đường lối đối ngoại mang đậm tính thù địch chính trị của Mỹ đối với một dân tộc quật cường, quyết tâm bảo vệ độc lập chủ quyền của mình : dân tộc Cu-ba. Trên thực tế, tính chất thù địch này xuyên suốt đường lối đối ngoại của Mỹ và trong từng giai đoạn cụ thể, với từng nước cụ thể, nó có những biểu hiện khác nhau : lúc thì cực đoan, sặc mùi sen đầm quốc tế như "đạo luật Hem-xơ Bơ-tơn" ; khi thì có vẻ ôn hòa, mềm mỏng nhưng cũng rất nguy hiểm, thâm độc như hứa hẹn viện trợ này nọ với điều kiện này điều kiện khác...

Việc để cho một tổ chức người Cu-ba lưu vong tại Mỹ cho máy bay bay sang Cu-ba khiêu khích và bị bắn rơi, không nằm ngoài những toan tính của Mỹ trong chính sách chống Cu-ba. Bởi lẽ, ai cũng nghĩ rằng chính phủ Mỹ hoàn toàn có khả năng khống chế một tổ chức như tổ chức đó, không để tổ chức đó làm bậy, vi phạm luật pháp Mỹ và công pháp quốc tế. Một sự thật hiển nhiên là các nhóm cực hữu chống Cu-ba và các nhóm Cu-ba lưu vong tại Mỹ thời gian qua đã đẩy mạnh các hoạt động và cho máy bay liên tục vi phạm vùng trời Cu-ba, dồn chính phủ Cu-ba vào một tình thế : chỉ còn cách phải bắn hạ máy bay của chúng để bảo vệ độc lập chủ quyền thiêng liêng và chính đáng của mình.

Thử đặt ra một giả thuyết : nếu chính phủ Cu-ba cố kiềm chế hơn nữa để không bắn hạ máy bay khiêu khích trong ngày 24 tháng 2 vừa qua thì tình hình sẽ ra sao ? Có lẽ quan hệ giữa Cu-ba và Mỹ cũng chẳng sáng sủa gì hơn nếu không nghiêm trọng hơn. Thật vậy, với chính sách của Mỹ như hiện nay đối với Cu-ba (tiếp tục cấm vận, tiếp tục dung dưỡng bọn phản động người Cu-ba lưu vong ở Mỹ), ai có thể dám chắc không có khả năng tổ chức "Những người anh em cứu hộ" dẫn thêm một bước nữa : vi phạm không phận Cu-ba nhiều hơn nữa, thậm chí cho máy bay hạ cánh ngay xuống quảng trường của thủ đô La Ha-ba-na, đập thẳng vào lòng tự trọng của người dân Cu-ba...

Trong phạm vi quan hệ quốc tế *đa phương*, "đạo luật Hem-xơ Bơ-tơn" với các biện pháp trừng phạt các quốc gia và các công ty có quan hệ kinh doanh với Cu-ba, là một đạo luật vượt ra ngoài biên giới Mỹ. Nó không còn là đạo luật riêng của một quốc gia nữa, vì nó can thiệp trắng trợn vào công việc nội bộ của các nước khác - những nước đang có quan hệ kinh doanh với Cu-ba. Đạo luật này là một thách thức lớn đối với xu thế độc lập, tự quyết của các quốc gia trên thế giới, đi ngược lại xu thế hòa bình và hợp tác của thời đại. Điều mỉa mai là, trong khi người ta lên giọng dạy người khác phải tôn trọng độc lập chủ quyền, bình đẳng, cùng có lợi... thì người ta lại tự cho mình cái quyền "trừng phạt" nước này, "trừng phạt" nước khác, rất trịch thượng và ngạo mạn. Như vậy "đạo luật Hem-xơ Bơ-tơn" bị lên án và tẩy chay mạnh mẽ là điều tất yếu.

Theo tinh thần của Hiến chương Liên hợp quốc, cùng chung tiếng nói với các dân tộc tiến bộ trên thế giới, chúng ta đòi Mỹ tôn trọng chủ quyền của nhân dân Cu-ba, chấm dứt ngay những chính sách thù địch quá lỗi thời. Chúng ta rất thông cảm với nhân dân Cu-ba anh em và tin tưởng rằng Cu-ba sẽ nhanh chóng vượt qua thử thách, vững bước phát triển ❑

Digitized by Google

TÍNH NHẤT NGUYÊN VÀ TÍNH ĐA DẠNG CỦA CHỦ NGHĨA MÁC *

THEO phép biện chứng duy vật, bất cứ sự vật nào cũng đều là sự thống nhất của hai mặt đối lập "*NHẤT*" (một) và "*ĐA*" (nhiều). "Nhất" có nghĩa là sự vật đó chỉ có một bản thể, một bản chất. "Đa" có nghĩa là sự vật đó có nhiều hình thức biểu hiện và hình thái tồn tại khác nhau. Trong triết học, bản thể cũng tức là nguồn gốc (bản nguyên). Phép biện chứng duy vật đã chứng minh một cách khoa học rằng vật chất là nguồn gốc duy nhất của thế giới ; do đó, đã bác bỏ hoàn toàn thuyết "nhất nguyên tinh thần" của chủ nghĩa duy tâm, cũng như phủ định thuyết nhị nguyên và thuyết đa nguyên.

Nhưng trong khi giữ vững thuyết "nhất nguyên vật chất", coi đó là tiền đề, phép biện chứng duy vật cũng thừa nhận rằng một bản thể (bản nguyên) vật chất có thể sinh ra vô số sự vật và hiện tượng. Những sự vật và hiện tượng được phát sinh đó, gọi là tính đa dạng của sự vật. Như vậy *tính đa dạng* và *tính đa nguyên* có sự khác nhau căn bản.

Chủ nghĩa Mác cũng là một tổng thể quan hệ giữa "nhất" và "đa". Hệ thống khoa học của chủ nghĩa Mác chỉ có một. Hệ thống đó có tính quy định về chất riêng của nó. Đó cũng là tính quy định về bản thể (hoặc về chất). Tính quy định về bản thể ấy là cái cốt lõi để phân biệt chủ nghĩa Mác với các thứ chủ nghĩa khác. Điều đó cũng có nghĩa *chủ nghĩa Mác là nhất nguyên*, không thể đa nguyên.

Nhưng chủ nghĩa Mác có tính đa dạng. Điều này có nghĩa là trong các thời kỳ khác nhau và trong những hoàn cảnh khác nhau, chủ nghĩa Mác có những hình thức biểu hiện khác nhau, trạng thái tồn tại khác nhau, không hoàn toàn đơn nhất, cố định. Những người chủ trương "đa nguyên hóa" chủ nghĩa Mác, thực ra là đã hiểu sai hoặc đã xuyên tạc "tính đa dạng" nói trên, coi tính đa dạng là đa nguyên, lẫn lộn bản chất với hình thái biểu hiện cụ thể (kể cả các biến tướng) của sự vật ; từ đó đi đến nhầm lẫn về lý luận.

Hiện nay trên thế giới có nhiều cách giải thích khác nhau đối với chủ nghĩa Mác. Và vì thế chủ nghĩa Mác được người ta đặt cho nhiều tên gọi khác nhau như : "chủ nghĩa nhân đạo", "chủ nghĩa khoa học", "học thuyết về luân lý đạo đức", "lý luận về dị hóa", "thuyết kinh tế quyết định", "lý luận phê phán xã hội", "học thuyết về hình thái ý thức", "dự báo tôn giáo" v.v.. Nhưng có một điều rất rõ ràng là mỗi trường phái đều xuất phát từ lợi ích, lập trường giai cấp, động cơ chính trị và quan niệm giá trị của mình để nghiên cứu, nhìn nhận, "cải tạo" và "phác họa" chủ nghĩa Mác theo khuôn mặt của mình. Một số người gọi đó là "sự đa nguyên hóa của chủ nghĩa Mác" !.

Thực tế, đó là tính đa dạng trong việc giải thích chủ nghĩa Mác ; không thể nói đó là tính đa nguyên của chủ nghĩa Mác. *Mác, chỉ có một. Ăng-ghen, chỉ có một. Chủ nghĩa Mác, chỉ có một. Chỉ có một khoa học đã chứng minh quy luật nói chung về sự phát triển của tự nhiên, xã hội và tư duy, đó là chủ nghĩa Mác. Chỉ có một học thuyết chỉ đạo việc xây dựng chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa cộng sản, đó là chủ nghĩa Mác. Chân lý của chủ.nghĩa Mác là nhất nguyên.*

Chủ nghĩa Mác là chân lý phổ biến, nhưng nó phải được kết hợp với thực tiễn cụ thể ở mỗi nước mới có tác dụng chỉ đạo, và thông qua đó, bản thân nó mới được phát triển. Sự phát triển tự thân đó của chủ nghĩa

* Bài của Nghiêm Cao Hồng, phó giáo sư, Học viện chính trị Nam kinh Trung quốc, đăng trên tạp chí *Tư tưởng đương đại* số 4-1995

Digitized by Google

Mác cũng mang tính đa dạng. Những người cách mạng vận dụng chân lý phổ biến vào hoàn cảnh cụ thể nước mình, thường thể hiện sắc thái riêng của nước mình. Lê-nin từng nói : lý luận mác xít chỉ cung cấp những nguyên lý chỉ đạo chung ; việc vận dụng cụ thể những nguyên lý đó, ở nước Anh khác với ở nước Pháp, nước Pháp khác với nước Đức, nước Đức lại khác với nước Nga ! Điều đó cho thấy phải cụ thể hóa chủ nghĩa Mác vào thực tế nước mình. Nếu nói chủ nghĩa Mác một cách chung chung, tách rời thực tế cụ thể của mỗi nước, thì đó chỉ là chủ nghĩa Mác trừu tượng, trống rỗng. Việc vận dụng chủ nghĩa Mác ở mỗi nước có những đặc điểm khác nhau, từ đó càng làm phong phú thêm chủ nghĩa Mác, và làm cho sự phát triển của chủ nghĩa Mác mang tính đa dạng.

Việc truyền bá và vận dụng chủ nghĩa Mác còn phải được thể hiện bằng những hình thức dân tộc nhất định. Mỗi dân tộc đều có sự khác nhau về đặc điểm lịch sử, về phương thức tư duy, về tâm lý xã hội, về phong tục tập quán, về tinh thần đạo đức, về quan niệm giá trị, về truyền thống dân tộc, về khí chất con người...

Đứng về góc độ văn hóa để xem xét, bất cứ một nền văn hóa nào cũng chỉ có thể tồn tại trong lòng một dân tộc và phát huy ảnh hưởng đối với dân tộc đó, khi nền văn hóa đó có sự tiếp cận và hòa nhập với nền văn hóa truyền thống của dân tộc đó. Chủ nghĩa Mác cũng vậy. Quá trình giao lưu và hòa nhập của chủ nghĩa Mác cũng là quá trình dân tộc hóa chủ nghĩa Mác. Đó đồng thời cũng tức là tính đa dạng trong sự phát triển của chủ nghĩa Mác. Trong quá trình phát triển đó chủ nghĩa Mác mang bản sắc dân tộc, nhưng về hệ tư tưởng hoặc chân lý phổ biến, về thế giới quan và phương pháp luận, thì chỉ có một. Một cội nguồn, từ đó sinh ra nhiều chi nhánh khác nhau.

Với tính cách là một học thuyết khoa học, đi đôi với sự phát triển của thời đại, chủ nghĩa Mác cũng không ngừng phát triển. Sự phát triển của chủ nghĩa Mác diễn ra như sau : *Thứ nhất*, xuất phát từ những kinh nghiệm thực tiễn và tài liệu khoa học mới, để giải thích và vận dụng một vài nguyên lý nào đó của chủ nghĩa Mác, làm cho chủ nghĩa Mác càng phong phú, hoàn thiện và hệ thống hóa. *Hai là*, thông qua việc nghiên cứu những vấn đề mới của thời đại, thông qua việc tổng kết những thành tựu mới của khoa học tự nhiên, để phát triển một số nguyên lý nào đó của chủ nghĩa Mác, đưa ra những kết luận mới, hoặc có thể đưa ra những nguyên lý mới.

Qua hai hình thức phát triển nói trên, nhất là hình thức thứ hai, có thể dẫn đến sự thay đổi nào đó trong nội dung và hình thức của lý luận mác xít. Ăng-ghen từng nói rằng, mỗi khi có một phát kiến mới, những phát kiến mang tính thời đại trong lĩnh vực khoa học tự nhiên, triết học duy vật cũng phải thay đổi hình thức của mình.

Xét về mặt lịch sử, một học thuyết muốn có ảnh hưởng lâu dài, tất yếu nó phải luôn luôn căn cứ vào sự phát triển của thời đại để điều chỉnh hình thái lý luận của mình. Nếu như chỉ có *Tuyên ngôn của Đảng cộng sản* và bộ *Tư bản* của Mác và Ăng-ghen, mà không có *Hai sách lược của Đảng xã hội dân chủ trong cách mạng dân chủ* và *Bàn về chủ nghĩa đế quốc* của Lê-nin, thì sẽ không có thắng lợi của cách mạng vô sản Nga. Nếu chỉ có tác phẩm kinh điển của chủ nghĩa Mác, mà không có *Bàn về dân chủ mới*... của Mao Trạch Đông, thì cách mạng Trung quốc không thể thành công. Điều đó cho thấy, chủ nghĩa Mác không ngừng đổi mới hình thái lý luận của mình trong dòng chảy của lịch sử, và chỉ như vậy nó mới mong đáp ứng nhu cầu không ngừng biến đổi của thời đại, mới giữ mãi sức sống mãnh liệt của mình.

Sự đổi mới về mặt hình thái lý luận là sự phát triển trên cơ sở lý luận vốn có, không làm thay đổi nội hàm bản chất lý luận. Triết học duy vật cũng vậy. Đi đôi với sự phát triển to lớn của thực tiễn nhân loại và của khoa học tự nhiên, triết học duy vật tất yếu phải thay đổi hình thái lý luận của mình. Nhưng sau khi thay đổi hình thái lý luận, *chủ nghĩa duy vật siêu hình và chủ nghĩa duy vật biện chứng*, vẫn là chủ nghĩa duy

(Xem tiếp trang 54)

Digitized by Google

THỐNG KÊ, KẾ TOÁN, KIỂM TOÁN

• **THỐNG KÊ** là một ngành khoa học nghiên cứu các phương pháp thu thập, xử lý, phân tích và công bố thông tin về lượng, miêu tả tính quy luật của các lĩnh vực trong đời sống xã hội như kinh tế-kỹ thuật, kinh tế - xã hội, chính trị - xã hội, văn hóa trong mối liên hệ hữu cơ với mặt định tính của chúng.

Thống kê ở mức độ *đầu* là tổng hợp các số liệu mang tính chất miêu tả một hiện tượng hay quá trình nhằm thâu tóm về mặt lượng những thông tin nhận được từ một tập hợp các con số thống kê, trong đó các dữ liệu được sắp xếp theo những đặc trưng về lượng hoặc về chất. Chẳng hạn, thông tin về dân số của một nước thu được từ tổng điều tra dân số. Ở mức độ *sau*, thống kê dựa vào những phương pháp tính toán, phân tích để phát hiện ra tính quy luật của hiện tượng hay quá trình trên cơ sở những số liệu có được. Khi sử dụng khoa học tự nhiên, thống kê có nghĩa là phân tích các hiện tượng số lớn trên cơ sở vận dụng các phương pháp của lý thuyết xác suất. Thống kê có một hệ phương pháp nghiên cứu và xử lý số liệu : *quan sát thống kê số lớn, phương pháp nhóm, tính giá trị bình quân, chỉ số, phương pháp cân đối, phương pháp đồ thị*. Thống kê là khoa học gồm các lĩnh vực : lý thuyết chung về thống kê, thống kê kinh tế và các ngành của nó...

Thống kê có tính giai cấp rõ rệt. Đặc trưng của thống kê *tư sản* là tìm cách che đậy những mâu thuẫn xã hội của chủ nghĩa tư bản để bảo vệ lợi ích của giai cấp tư sản. Khác với thống kê tư sản, thống kê *xã hội chủ nghĩa* dựa trên phương pháp luận mác xít - lê nin nít, đứng về phía lợi ích của giai cấp vô sản và quần chúng lao động. Nhiệm vụ chính của nó là thu nhập và công bố các số liệu có độ tin cậy và chính xác cao, có cơ sở khoa học về sự phát triển và tăng trưởng của nền kinh tế, về đời sống xã hội, văn hóa, về cơ cấu dân số và mức sống của nhân dân, nhằm kịp thời phát hiện những khiếm khuyết trong thực tiễn để tìm cách khắc phục, sử dụng có hiệu quả nhất các nguồn lực về kinh tế - xã hội, góp phần làm cho nền kinh tế phát triển bền vững. V.I. Lê-nin rất coi trọng vai trò của thống kê trong các tác phẩm nghiên cứu của mình, Người nhấn mạnh : "... khoa thống kê kinh tế - xã hội - một trong những công cụ mạnh mẽ nhất để nhận thức xã hội" (1).

• **KẾ TOÁN** là công việc ghi chép tính toán, tổng hợp các số liệu về hoạt động của nền kinh tế, của một xí nghiệp hay công ty bằng một phương pháp riêng. Nói cách khác, kế toán là một dạng ngôn ngữ đặc biệt nhằm cung cấp các thông tin cần thiết về hoạt động kinh tế, tài chính, giúp các chủ thể quản lý đề ra các phương án kinh doanh tối ưu. Mặt khác, kế toán còn cung cấp thông tin cho việc đánh giá hiệu quả kinh tế của một doanh nghiệp, giúp cho việc dự báo tình hình phát triển của doanh nghiệp đó trong tương lai. Ở cấp độ nền kinh tế quốc dân, kế toán cho phép những người lãnh đạo và quản lý nhà nước nắm bắt kịp thời tình hình thu chi ngân sách, nợ nước ngoài, viện trợ của nước ngoài ở một thời điểm nào đó. Do đó, kế toán có tầm quan trọng cả ở tầm vĩ mô và vi mô của nền kinh tế.

Mỗi doanh nghiệp đều có *phòng kế toán*, trong đó *kế toán trưởng* có vị trí đặc biệt trong hệ thống quản lý của nó. Quốc gia nào cũng có *chế độ kế toán thống nhất* để nắm bắt và kiểm tra các hoạt động sản xuất - kinh doanh, cơ sở để thu thuế và thực hiện các chính sách của chính phủ. Kế toán sử dụng đồng bộ các phương pháp sau để thu thập các chỉ tiêu cần thiết cho việc quản lý doanh nghiệp và nền kinh tế : *bảng cân đối kế toán ; chứng từ kế toán và kiểm kê* ; *hạch toán ; tài khoản* (ghi đối ứng và ghi sổ kép) ; *bảng quyết toán*.

Chứng từ kế toán là cơ sở hình thành hệ thống kế toán, là phương thức để phản ánh các đối tượng của kế toán trong các tài liệu. Sự lãnh đạo thống nhất trong toàn bộ nền kinh tế quốc dân về kế toán là hình thành một hệ thống thống nhất các biểu mẫu chứng từ kế toán, tiêu chuẩn hóa chứng từ. Chứng từ là căn cứ để đánh giá, kiểm tra việc sử dụng và bảo quản tài sản doanh nghiệp và tài sản xã hội chủ nghĩa, kiểm tra tính hợp pháp và hợp lý của các khoản thu chi, tăng cường trách nhiệm của các nhà quản lý ; ngăn ngừa tình trạng lạm quyền, tham nhũng, gây lãng phí và thất thoát tài sản chung. Mỗi chứng từ kế toán có sơ đồ vận động riêng, có quy định về thời gian. Trong tự động hóa kế toán, ngoài các chứng từ kế toán, còn sử dụng các mẫu thông tin khác để vận hành kế toán trên máy tính điện tử.

Vì không thể phản ánh mọi hiện tượng lên chứng từ, nên cần phải có *kiểm kê*. Tổng kiểm kê bao gồm kiểm kê tất cả các tư liệu và các nguồn tài sản. Kiểm kê bộ phận thì chỉ kiểm kê một hoặc một

(1) V.I. Lê-nin : *Toàn tập*, Nxb Tiến bộ, Mát-xcơ-va, 1980, t 19, tr 432

Digitized by Google

số tư liệu và nguồn tài sản mà thôi. Lập chứng từ và kiểm kê là để thu thập những số liệu kế toán ban đầu về các đối tượng kế toán.

Tài khoản kế toán là một biểu (giống chữ T) dùng để lập nhóm và hạch toán thường xuyên các tài sản, các nguồn và các quá trình kinh tế, để hình thành các chỉ tiêu cần thiết cho quản lý lãnh đạo sản xuất - kinh doanh. Bên trái biểu là cột "Có", bên phải là cột "Nợ", cuối bảng là "Số dư có" hoặc "Số dư nợ" tùy theo mỗi tài khoản ở đó "có" nhiều hơn "nợ" hoặc "nợ" nhiều hơn "có". Để chi tiết hóa các tài khoản còn có các *tiểu tài khoản*. Ở nước ta có *vụ chế độ kế toán* thuộc Bộ tài chính là nơi chịu trách nhiệm về ngành dọc đối với hệ thống kế toán trong cả nước.

• **KIỂM TOÁN** là yêu cầu mang tính pháp luật đối với các doanh nghiệp và công ty, nó quy định các doanh nghiệp và công ty phải có bảng cân đối và kết toán lời lỗ (hay bản *kê khai tài chính*) theo hệ thống và tài liệu, chứng từ kế toán, được một kiểm toán viên có kinh nghiệm kiểm tra và kết luận, qua đó có thể biết các quyết toán tài chính có đúng và vô tư không, có phù hợp với các quy chế có liên quan không.

Theo định nghĩa của *Liên đoàn kế toán quốc tế*, kiểm toán là việc các kiểm toán viên độc lập kiểm tra và trình bày ý kiến của mình về các bản báo cáo tài chính.

Ở nước ta, Quy chế về kiểm toán độc lập trong nền kinh tế quốc dân đã quy định rõ : kiểm toán độc lập là sự kiểm tra và xác nhận của kiểm toán viên chuyên nghiệp thuộc các tổ chức kiểm toán độc lập về tính đúng đắn và hợp lý của các tài liệu, số liệu kế toán và báo cáo quyết toán của các doanh nghiệp, các cơ quan, các đoàn thể hoặc các tổ chức xã hội (gọi chung là các *đơn vị kế toán*) khi có yêu cầu của các đơn vị này.

Như vậy, kiểm toán độc lập là loại hình hoạt động dịch vụ kiểm tra và tư vấn tài chính kế toán do các kiểm toán viên chuyên nghiệp thuộc các tổ chức kiểm toán độc lập thực hiện theo yêu cầu của các doanh nghiệp, tổ chức và cơ quan.

Các *báo cáo tài chính hàng kỳ* do các doanh nghiệp lập ra, được nhiều đối tượng quan tâm : chủ doanh nghiệp, cổ đông, thành viên hội đồng quản trị ; ngân hàng ; chủ đầu tư, nhà cung cấp, khách hàng và đối tác liên doanh ; cơ quan thuế ; cơ quan bảo vệ môi trường ; người tiêu dùng, người lao động... Tùy từng đối tượng mà sự quan tâm thể hiện ở các góc độ khác nhau. Cũng như tùy theo quy mô và phạm vi cần kiểm toán, mà có kiểm toán nhà nước, kiểm toán quốc tế, các công ty kiểm toán độc lập... Nguyện vọng chung là được cung cấp các thông tin có độ tin cậy cao, chính xác và trung thực. Do vậy mà cần có một bên thứ ba, độc lập, khách quan, có kỹ năng nghề nghiệp, có địa vị và trách nhiệm pháp lý để kết luận về các báo cáo tài chính nói trên ❑

HỘI THẢO VỀ TỔNG KẾT HAI PHÁP LỆNH NGÂN HÀNG VÀ XÂY DỰNG LUẬT NGÂN HÀNG

Từ ngày 4 đến 6-3-1996, tại Hà nội, Ngân hàng nhà nước Việt nam tổ chức cuộc hội thảo *Tổng kết hai Pháp lệnh ngân hàng và xây dựng* Luật ngân hàng. Tham dự cuộc hội thảo có Ban lãnh đạo Ngân hàng nhà nước Việt nam, các tổng giám đốc Ngân hàng thương mại, Tổng công ty vàng bạc và đá quý, các giám đốc Ngân hàng nhà nước của 53 tỉnh, thành, lãnh đạo các vụ, viện, cục, các nhà khoa học của ngành ngân hàng và một số phóng viên báo chí của trung ương và Hà nội. Đồng chí Cao Sỹ Kiêm, Ủy viên Trung ương Đảng, Thống đốc Ngân hàng nhà nước Việt nam chủ trì hội thảo.

Sau khi nghe báo cáo tổng kết 5 năm thực hiện hai Pháp lệnh ngân hàng và dự thảo Luật ngân hàng, các đại biểu đã tham gia thảo luận. Hơn 40 bản tham luận đều có chung một nhận định : Tổng kết hai Pháp lệnh ngân hàng là việc làm rất cần thiết ; bản báo cáo tổng kết là một công trình khoa học công phu có nội dung súc tích, đánh giá đúng mức những mặt làm được và chưa làm được.

Đối với nước ta, hai pháp lệnh ngân hàng là những văn bản pháp quy khá toàn diện, bao quát được những vấn đề cốt lõi về tổ chức, hoạt động ngân hàng, có tác dụng thiết thực đối với nền kinh

Digitized by Google

tế, tạo được sự chuyển biến vững chắc trong đổi mới tổ chức và quản lý ngành ngân hàng. Từ ngân hàng một cấp nay đã chuyển sang ngân hàng hai cấp, đa sở hữu, đa thành phần, đa mô hình, kinh doanh đa năng... đáp ứng được cơ chế mới. Ngân hàng nhà nước đứng đầu là Ngân hàng trung ương làm nhiệm vụ hoạch định chính sách và quản lý vĩ mô trong toàn bộ hệ thống ngân hàng, là ngân hàng của nhà nước và là ngân hàng của các ngân hàng. Ngân hàng thương mại là các doanh nghiệp kinh doanh tiền tệ lấy hiệu quả kinh tế xã hội làm mục tiêu, lấy lợi nhuận làm đòn bẩy. Đương nhiên, để hình thành được định chế đó chúng ta đã phải trải qua một quá trình tìm tòi thử nghiệm rất vất vả.

Ở nước ta, ngân hàng thương mại quốc doanh vừa phải hoạt động bình đẳng trong cơ chế thị trường, vừa phải thể hiện rõ vai trò chủ đạo bảo đảm định hướng xã hội chủ nghĩa trong hệ thống các tổ chức tín dụng. Các ngân hàng thương mại quốc doanh không chỉ biết kinh doanh đơn thuần mà còn phải chủ động hướng mọi hoạt động tiền tệ đi đúng quỹ đạo và thực hiện các chính sách xã hội như cho người nghèo vay, cho vay tạo việc làm và trợ giúp sinh viên...

Về mô hình tổ chức, chúng ta đã phân biệt rõ ràng ranh giới giữa Ngân hàng nhà nước và Ngân hàng thương mại. Mối quan hệ giữa Ngân hàng nhà nước và Ngân hàng thương mại đã được thể hiện ở chỗ Ngân hàng nhà nước không can thiệp quá sâu vào các hoạt động kinh doanh trực tiếp của Ngân hàng thương mại như : hội họp, quyết định cho vay, sắp xếp cán bộ... Việc quản lý của Ngân hàng nhà nước sẽ thực hiện bằng cơ chế chính sách và các công cụ kinh tế vĩ mô. Ngân hàng nhà nước đã thực sự tôn trọng quyền tự chủ tài chính, kinh doanh của các ngân hàng thương mại.

Với hệ thống ngân hàng hai cấp, chúng ta đã xây dựng được một hệ thống thanh toán mới phù hợp, mang tính khoa học cao, nhanh chóng, thuận tiện và an toàn hơn. Xóa bỏ được tình trạng lấy tiền phát hành làm nguồn vốn tín dụng như những năm 1990 về trước. Tiền mặt cho nền kinh tế quốc dân đã được đáp ứng, không còn "điểm nóng" đòi hỏi Chính phủ và các ngân hàng đứng ra giải quyết. Bằng cơ chế điều tiết vĩ mô chúng ta xử lý vấn đề tiền mặt một cách thông thoáng, nhanh nhạy và xóa bỏ hiện tượng khan hiếm tiền mặt làm ách tắc sản xuất, lưu thông.

Về quan điểm *đi vay để cho vay* là quan điểm mới. Nó hướng các ngân hàng thương mại quay ra thị trường khai thác tối đa các nguồn vốn để mở rộng quy mô tín dụng của từng ngân hàng thương mại. Ngân hàng nhà nước chỉ là người cho vay cuối cùng, là nơi bảo đảm phương tiện thanh toán cho các ngân hàng thương mại khi cần thiết.

Các ý kiến cũng chỉ ra những nhược điểm và tồn tại của hai Pháp lệnh ngân hàng và việc thực hiện hai pháp lệnh đó. Tập trung vào mấy điểm :

- Hai Pháp lệnh ngân hàng còn có hạn chế về mặt nhận thức lý luận và hoạt động thực tiễn. Hiệu quả chính sách, hiệu lực thanh tra, giám sát chưa cao, thị trường tiền tệ phát triển chậm so với đòi hỏi của nền kinh tế.

- Chưa tạo ra được sự cạnh tranh sôi động giữa các tổ chức tín dụng ; mức độ bảo đảm an toàn phòng ngừa rủi ro trong hoạt động tiền tệ còn thấp.

- Hai Pháp lệnh ngân hàng ra đời và đi vào cuộc sống trong điều kiện mặt bằng pháp lý chưa đồng bộ, thiếu nhiều bộ luật quan trọng của nền kinh tế đang chuyển sang cơ chế thị trường, có sự quản lý của nhà nước. Một số luật ban hành có những điều khoản chưa phù hợp với hoạt động của ngân hàng (như thủ tục cấp giấy phép thành lập, thanh lý, giải thể một số tổ chức tín dụng liên quan đến Luật công ty, Luật doanh nghiệp hiện hành...). Vì vậy, việc triển khai hai Pháp lệnh ngân hàng gặp không ít khó khăn, hiệu lực bị hạn chế.

Nếu chỉ dừng ở hai Pháp lệnh ngân hàng thì chưa đủ hiệu lực về mặt pháp lý, chưa thực hiện sự điều chỉnh có hiệu quả hệ thống ngân hàng theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Cho nên, chúng ta cần nhanh chóng ban hành *Luật ngân hàng* nhằm đáp ứng yêu cầu phát triển nền kinh tế nước ta trong tình hình mới.

Dự thảo Luật ngân hàng được các đại biểu thảo luận sôi nổi, bổ sung, sửa chữa các chương, điều khoản, câu, chữ... Luật ngân hàng sẽ còn được gửi để lấy ý kiến của các nhà khoa học, tổ tư vấn của Chính phủ, các cơ quan hữu quan và dự kiến sẽ trình Quốc hội thông qua vào kỳ họp 11 của Quốc hội khóa IX ❑

P.V

Digitized by Google

QUẢNG CÁO

CẦN THƠ

TIỀM NĂNG VÀ CÁC DỰ ÁN

BẾN NINH KIỀU

CẦN THƠ là trung tâm kinh tế, chính trị, văn hóa, khoa học kỹ thuật của đồng bằng sông Cửu long, là đầu mối giao thông của miền tây Nam bộ.

Diện tích : 296,812 ha

Dân số : 1,856 triệu.

Cần thơ đang phát triển mạnh một cách toàn diện, xứng đáng là một tỉnh có đô thị loại 2.

* Cần thơ có nhà máy điện, sân bay, cảng, hệ thống ngân hàng, khách sạn, khu chế xuất công nghiệp, trường đại học, viện lúa v. v.. đáp ứng ngày càng tốt cho nhu cầu phát triển kinh tế và giao lưu quốc tế.

* GDP năm 1995 tăng 12,75%. Sản lượng lúa đạt 2 triệu tấn/năm. Cam : 200.000 tấn, chuối : 50.000 tấn, mía : 1,7 triệu tấn, dừa : 54 triệu quả, heo : 210.000 con, gia cầm : 3triệu con, trâu bò : 5.000 con, thủy sản : 12600 tấn ; công nghiệp, chế biến, xuất nhập khẩu phát triển : 500.000 tấn gạo, 3500 tấn thủy sản, lông vũ 9 triệu USD/năm, thuộc da 2,5 triệu USD ; ngoài ra còn nhiều sản phẩm khác như trái cây và đường ăn...

* Cần thơ luôn luôn chào đón và sẵn sàng hợp tác với tất cả các nhà đầu tư, sản xuất, kinh doanh trong và ngoài nước.

Digitized by Google

32 DỰ ÁN ƯU TIÊN ĐẦU TƯ Ở CẦN THƠ, VỚI TỔNG SỐ VỐN 524,850 TRIỆU USD

1	Mở rộng Cảng Cần thơ
2	Nâng cấp và mở rộng Sân bay Trà nóc
3	Xây dựng Khu Công nghiệp Tập trung và Khu Chế xuất Cần thơ
4	Phát triển mạng lưới điện tỉnh Cần thơ
5	Phát triển nhà ở đô thị và nông thôn đến năm 2000
6	Phát triển khu du lịch và khách sạn Cần thơ
7	Phát triển khu trung tâm và văn phòng cho thuê
8	Xây dựng Nhà máy đường Long mỹ, 100% vốn nước ngoài
9	Trồng cây ăn quả và chế biến nước quả
10	Chế biến các sản phẩm từ dừa
11	Chế biến và bảo quản gạo xuất khẩu
12	Chế biến thực phẩm xuất khẩu (gồm các loại thịt gia súc gia cầm)
13	Chế biến thức ăn gia súc
14	Sản xuất vật liệu xây dựng
15	May mặc xuất khẩu. Sản xuất Giày da xuất khẩu
16	Sản xuất phụ tùng và lắp ráp nông ngư cơ
17	Sản xuất đồ điện gia dụng
18	Sản xuất các loại hơi kỹ nghệ
19	Lắp ráp thiết bị điện tử và tin học
20	Sản xuất phân vô cơ
21	Sản xuất thuốc thú y
22	Xây dựng trại giống tổng hợp (chăn nuôi, thủy sản, trồng trọt)
23	Xây dựng hệ thống kênh cấp II Ô môn - Thốt nốt tỉnh Cần thơ
24	Dự án cống Giồng Cấm
25	Hệ thống cấp nước sạch các thị trấn, huyện lỵ.
26	Cải tạo và mở rộng mạng lưới hệ thống cấp nước TP. Cần Thơ và mở rộng công suất nhà máy nước Cần Thơ lên 50.000 m3/ng đêm.
27	Nâng cấp xây dựng hương lộ, phát triển mạng lưới giao thông nông thôn
28	Mở rộng và xây dựng hệ thống giao thông nội ô TP. Cần thơ
29	Xây dựng trạm giám sát môi trường tỉnh Cần thơ
30	Xây dựng trạm nước thải đầm An cư, công suất 40.000 m3/ngày
31	Xây dựng nhà máy xử lý rác TP. Cần thơ
32	Xây dựng hệ thống thoát nước TP. Cần thơ, theo quy hoạch chung đến năm 2010

Digitized by Google

CÔNG TY VẬT TƯ BƯU ĐIỆN II

POTMASCO II

TRỤ SỞ : 270 - Lý Thường Kiệt - Quận 10 - TP Hồ Chí Minh
Tel : 640021 - 642864 - 642322
Fax : 84-8-641020

- Phòng xuất nhập khẩu : 642864
- Phòng kế hoạch : 642322
- Trung tâm kinh doanh : 270 Lý Thường Kiệt - Q.10 - Tel : 640019
- Cửa hàng số 1 : 270 Lý Thường Kiệt - Q10 - Tel : 640022
- Cửa hàng số 2 : 27 Nguyễn Bỉnh Khiêm - Q1 - Tel : 290097
- Cửa hàng số 3 : 27B Nguyễn Đình Chiểu - Q1 - Tel : 293638

*** HOẠT ĐỘNG CỦA POTMASCO II :**

- Xuất nhập khẩu và cung ứng thiết bị vật tư kỹ thuật Bưu chính Viễn thông và điện tử tin học liên quan.

- Tư vấn kỹ thuật về các vấn đề liên quan đến BCVT.

- Nhận ủy thác xuất nhập khẩu vật tư thiết bị kỹ thuật BCVT và điện tử tin học.

- Tổ chức lắp đặt, hướng dẫn sử dụng và sửa chữa bảo hành các phương tiện thiết bị do POTMASCO II cung cấp

- Liên doanh liên kết với các đơn vị kinh tế kỹ thuật trong và ngoài nước về lĩnh vực công nghiệp và dịch vụ kỹ thuật BCVT.

- Tổ chức hội thảo, triển lãm giới thiệu sản phẩm cho các nhà sản xuất trong và ngoài nước.

*** CÔNG TY VẬT TƯ BƯU ĐIỆN II (POTMASCO II)** : thành lập từ năm 1987 là một tổ chức kinh doanh xuất khẩu và cung ứng vật tư thiết bị kỹ thuật thuộc lĩnh vực Bưu chính Viễn thông. POTMASCO II trực thuộc Tổng Công ty Bưu chính Viễn thông Việt nam.

POTMASCO II hân hạnh được phục vụ quý khách.

Digitized by Google

Hân hạnh được
đón tiếp quý khách

Công ty Bia SAIGON

187 NGUYỄN CHÍ THANH, QUẬN 5 TP. HỒ CHÍ MINH - ĐT : 8559595 - 12 ĐÔNG DU, QUẬN 1, TP. HỒ CHÍ MINH - ĐT : 8294083

Chất Lượng Thơm Ngon Bổ Dưỡng

Digitized by Google

CÔNG TY CAO SU

ĐỒNG PHÚ

ĐỊA CHỈ : XÃ THUẬN LỢI, HUYỆN ĐỒNG PHÚ, TỈNH SÔNG BÉ
ĐIỆN THOẠI : (84.65)79709 - 79786 ● FAX: 84.65.29620

Công ty Cao Su Đồng Phú

★ Hàng năm sản xuất trên 3.000 tấn cao su và mủ cao su sơ chế
★ Luôn hoàn thành vượt mức kế hoạch trong những năm gần đây.
★ Hợp tác với các bạn trong nước để mở rộng diện tích cây cao su.

CÔNG TY SẴN SÀNG HỢP TÁC LIÊN DOANH VỚI CÁC NHÀ ĐẦU TƯ TRONG VÀ NGOÀI NƯỚC

Giám đốc
NGUYỄN XUÂN LAN

NHIỆT LIỆT CHÀO MỪNG ĐẠI HỘI ĐẢNG CÁC CẤP - ĐẠI HỘI ĐẢNG TOÀN QUỐC LẦN THỨ VIII

▲ VƯỜN CÂY KHAI THÁC MỦ
DÂY CHUYỀN SẢN XUẤT CAO SU ▶

HÂN HẠNH ĐƯỢC PHỤC VỤ QUÝ KHÁCH

Digitized by Google

IN TẠI NHÀ IN TẠP CHÍ CỘNG SẢN CHỈ SỐ 1265- ISSN 0866-7276 GIÁ : 3000 Đ

HX
9
V5
H63
v. 1996
no. 8
MAIN

Received on: 05-09-96
Tap chi cong san : C quan ly luan va chinh tri ca dang cong san Viet-Nam

Tạp chí Cộng sản

8
4-1996

Digitized by Google

CÔNG TY THƯƠNG MẠI KỸ THUẬT VÀ ĐẦU TƯ PETEC

TRỤ SỞ CHÍNH : 194 NAM KỲ KHỞI NGHĨA, Q3, TP. HỒ CHÍ MINH
Tel : 8 299299/8 293633. Fax : 84-8-299686/225991. Tlx : 811251/811241 PET VT.
CHI NHÁNH HÀ NỘI : 26 TĂNG BẠT HỔ, QUẬN HAI BÀ TRƯNG, HÀ NỘI.
Tel : 8 259839/8 256157. Fax : 84-4-266873. Tlx : 412411 PET HN.

CÁC HOẠT ĐỘNG KINH DOANH CHÍNH:

XUẤT KHẨU :

- **GẠO : Xuất khẩu trực tiếp** các loại gạo có chất lượng cao (từ 5% đến 25% tấm). Công ty có hệ thống các xí nghiệp chế biến, đánh bóng gạo xuất khẩu hoàn chỉnh tại Cần thơ, Long an và thành phố Hồ Chí Minh.
- **CÀ PHÊ : Xuất khẩu trực tiếp** các loại cà phê hạt. Nhận ủy thác, góp vốn đầu tư, liên doanh liên kết với các đơn vị sản xuất và xuất khẩu cà phê trong cả nước trên lĩnh vực : **trồng, chế biến và xuất khẩu cà phê.**
- Các hàng hóa nông sản và hàng tiêu dùng khác.

NHẬP KHẨU VÀ PHÂN PHỐI TRÊN TOÀN QUỐC:

- **Các loại xăng dầu đạt tiêu chuẩn quốc gia** : xăng (MOGAS 92RON, 83RON), dầu DO, dầu FO (hàm lượng lưu huỳnh thấp), dầu hỏa, dầu nhớt, khí đốt.
- **Xi măng, sắt thép, phân bón**, các sản phẩm hóa chất công nghiệp.
- Máy móc thiết bị, nguyên vật liệu phục vụ các ngành kinh tế.
- Công ty có hệ thống kho chứa (hóa chất, sản phẩm xăng dầu) và cầu cảng hoàn chỉnh có thể tiếp nhận tàu có trọng tải đến 30.000 tấn tại thành phố Hồ Chí Minh, Đà nẵng và Hải phòng.

ĐẦU TƯ :

- Góp vốn đầu tư, hợp tác, liên doanh, liên kết với các đơn vị kinh tế trong nước về các lĩnh vực : **Bảo hiểm, ngân hàng, vận chuyển hành khách, vận chuyển xăng dầu...,**

Trụ sở chính công ty PETEC tại TP. HCM

Xí nghiệp xăng dầu Cát lái (thuộc công ty PETEC) tại TP.HCM.

PHƯƠNG CHÂM
KINH DOANH
HỢP TÁC
CHẤT LƯỢNG
HIỆU QUẢ

Digitized by Google

Tạp chí Cộng sản

CƠ QUAN LÝ LUẬN VÀ CHÍNH TRỊ CỦA
TRUNG ƯƠNG ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

Số 494

BỘ BIÊN TẬP : *1 Nguyễn Thượng Hiền, Hà nội - Dây nói : 252061 - 252062*
Cơ quan thường trú tại miền Nam : *19 Phạm Ngọc Thạch, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh - Dây nói : 225768*

MỤC LỤC

TIẾN TỚI ĐẠI HỘI ĐẠI BIỂU TOÀN QUỐC LẦN THỨ VIII CỦA ĐẢNG	XÃ LUẬN - Tổ chức tốt việc góp ý kiến các dự thảo văn kiện trình Đại hội VIII của Đảng	3
	Dự thảo báo cáo chính trị của BCH TƯ Đảng khóa VII trình Đại hội lần thứ VIII của Đảng (trích)	5
	NGUYỄN KHÁNH - Dân vận - một nhiệm vụ quan trọng của chính quyền	13
	*** Dân vận khéo thì việc gì cũng thành công	17
NHÂN KỶ NIỆM LẦN THỨ 126 NGÀY SINH CỦA V.I. LÊ-NIN (22.4.1870 - 22.4.1996)	PHẠM VĂN KHÁNH - Di chúc chính trị của Lê-nin	22
	PHẠM VĂN CHÚC - Sự phát triển của Lê-nin về lý luận "cải biến cách mạng" trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội	26
NGHIÊN CỨU - TRAO ĐỔI	ĐÀO THẾ TUẤN - Hợp tác xã là gì ?	31
	NGUYỄN NGỌC LONG - Nhận thức thực chất con đường quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta	35
	LƯU HÀ VĨ - Về trò bịp "phi ý thức hệ" (tiếp theo)	38
THỰC TIỄN - KINH NGHIỆM	NGUYỄN KHOA ĐIỀM - Nghĩ về văn học và con người Việt nam trước chặng đường mới	43
	NGUYỄN KHẮC KHÁNH - Giữ gìn bản sắc văn hóa dân tộc - một vấn đề của toàn xã hội	45
ĐIỀU TRA	MẠC VĂN TIẾN và LÊ XUÂN ĐÌNH - Thực trạng người nghỉ hưu ở nước ta	48
SINH HOẠT TƯ TƯỞNG	VŨ BÌNH MINH - Phương tiện xa dần !	51
THƯ GỬI BỘ BIÊN TẬP	LÊ QUANG - Khía cạnh phản văn hóa của những kẻ phản bội	53
THẾ GIỚI : VẤN ĐỀ, SỰ KIỆN	TRẦN TRỌNG - Xung đột vũ trang và chiến tranh cục bộ sau "chiến tranh lạnh"	56
QUA SÁCH BÁO NƯỚC NGOÀI	CẦU MẠNH QUÂN - Cộng đồng các quốc gia độc lập đang đi dần đến "nhất thể hóa"	59
TÌM HIỂU KHÁI NIỆM	Tăng trưởng, phát triển. Các chỉ số phát triển con người	60
TIN HOẠT ĐỘNG LÝ LUẬN - THỰC TIỄN	Nghiệm thu đề tài "Các điều kiện bảo đảm quyền con người, quyền công dân trong công cuộc đổi mới đất nước"	61

Bìa 1 : Các xô viết và điện khí hóa là cơ sở của thế giới mới - Tranh cổ động

Digitized by Google

СОДЕРЖАНИЕ

К 8ому Всенациональному Съезду Партийных Представителей. Передовая : Хорошо организовать обсуждения на местах проектов документов представленных 8ому съезду партийных представителей. Проект политического доклада 8ого съезда партии (отрывки). НГУЕН ХАНЬ - Работа с массами-важная задача властей. *** Умелая работа с массами - основа всех успехов. По случаю 126ой годовщины со дня рождения В.И. Ленина (22ого Апреля 1870ого года - 22ого Апреля 1996ого года). ФАМ ВАН ХАНЬ - Политическое завещание Ленина. ФАМ ВАН ТЮК - Развитие Лениным теории "Революционное преобразование" в переходный период к социализму. Исследование - обмен мнениями. ДАО ТХЕ ТУАН - Что такое кооператив ? НГУЕН НГОК ЛОНГ - Разузнавание сущности перехода к социализму в нашей стране. ЛЫУ ХА ВЙ - О мошеническом приеме "неклассовой идеологии" (продолжение). Практика - Опыт. НГУЕН ХОА ДИЕМ - О литературе и вьетнамском человеке в новой стадии развития общества. НГУЕН ХАК ХАНЬ - Сохранить национальную самобытную культуру - проблема всего общества. Мир : Проблемы, события - ЧАН ЧОНГ - Вооруженные конфликты и локальные войны после эпохи "холодной войны".

CONTENTS

Toward the 8th National Congress of the Party's Delegates Editorial. Well organizing the discussion and views for the draft documents to be sumitted to the Party's 8th Congress. The Political draft report submitted to the Party's 8th Congress (excerpts) NGUYÊN KHÁNH - Work among population - an important task of the government. A skillful work among population leads to a certain success. *On the occasion of the 126th anniversary of Lenin's Birthday* (22 Apr.1870 - 22 Apr. 1996) PHẠM VĂN KHÁNH - The Lenin's political testament. PHẠM VĂN CHÚC - The Lenin's development of the theory on "revolutionary change" in the transitional period to the socialism. *Research - Exchange of Views* ĐÀO THẾ TUẤN - What is the cooperative ? NGUYÊN NGỌC LONG - The essence of the socialist transition in our country. LƯU HÀ VĨ - On the lie about "a non-class ideology" (continuation) *Practice - Experience* NGUYÊN KHOA ĐIÊM - Reflection on the literature and the Vienamese on the new way forward. NGUYÊN KHẮC KHÁNH - Preserving the national cultural identity - a problem of the whole society. *The World : Its problems and Facts* TRẦN TRỌNG - Armed conflicts and local wars broken out after the "cold war".

SOMMAIRE

Vers le VIIIe Congrès national du Parti. Editorial : Bien organiser des discussions pour apporter des opinions aux documents (projets) à présenter au VIIIe Congrès du Parti. Le projet du Rapport politique à présenter au VIIIe Congrès du Parti (extraits). NGUYÊN KHÁNH- La mobilisation auprès de la population une tâche importante du pouvoir. *** Une fois la mobilisation auprès de la population bien faite, on parvient à tout faire avec succès. *A l'occasion du 126e anniversaire de V.I.Lénine (22.4.1870 - 22.4.1996).* PHẠM VĂN KHÁNH - Le testament politique de V.I.Lénine. PHẠM VĂN CHÚC - Le développement par V.I.Lénine de la théorie sur la "transformation révolutionnaire" dans la période de transition au socialisme. *Etudes - Echange de vues.* ĐÀO THẾ TUÂN - Qu'est-ce que c'est la coopérative ?. NGUYÊN NGỌC LONG - Sur la prise de conscience de la nature de la période de transition au socialisme dans notre pays. LƯU HÀ VĨ- Sur la soi-disant "inconscience de classe" (suite). *Pratique - Expérience.* NGUYÊN KHOA ĐIÊM - Quelques réflexions sur la littérature et l'homme vietnamiens devant une nouvelle étape. NGUYÊN KHẮC KHÁNH- Conserver l'identité culturelle nationale - une préoccupation de toute la société. *Le monde : Problèmes, Evénements.* TRẦN TRỌNG - Conflit armé et guerre locale après "la guerre froide".

SUMARIO

Hacia el Octavo Congreso Nacional del Partido - Editorial. En buena organización los debates de los proyectos de los documentos presentados en el Octavo Congreso Nacional del Partido. Proyecto del Informe Político presentado en el Octavo Congreso Nacional del Partido (extracto). NGUYÊN KHÁNH - Movilización de las masas - una tarea importante del poder. *** Una hábil movilización de las masas dará resultado a cualquier trabajo. *Con motivo del 126 aniversario de Natalicio del V.I.Lenin.* (22.4.1870 - 22.4.1996). PHẠM VĂN KHÁNH - El Testamento político de V.I.Lenin. PHẠM VĂN CHÚC - El desarrollo de V.I.Lenin sobre la teoría "Transformación revolucionaria" en el período de transición al socialismo. *Estudios - Intercambios.* ĐÀO THẾ TUÂN - ¿Qué es la cooperativa ? NGUYÊN NGỌC LONG - Conocimiento de la esencia del camino de transición al socialismo en Vietnam. LƯU HÀ VĨ - Sobre el engaño "la ideología sin clases" (continuación) *Prácticas y Experiencias* NGUYÊN KHOA ĐIÊM - Reflexiones sobre la literatura y el hombre vietnamitas ante el nuevo tramo. NGUYÊN KHẮC KHÁNH - Preservación del carácter de la cultura nacional - un problema de toda la sociedad. *El Mundo : Problemas y Acontecimientos.* TRẦN TRỌNG - Los conflictos armados y guerras locales tras la "guerra fría"

目錄

●迎接黨的第八次全國代表大會 ★★★ ●社論：組織好黨的第八次全國代表大會文件草案的討論。黨的第八次全國代表大會政治報告草案(摘要) ●阮慶：群眾運動是政府重要的任務 ●群眾運動搞得好，什麼事情都能成功 ●紀念弗拉基米爾·伊里奇·列寧誕辰126周年(1870.4.22 —— 1996.4.22) ★★★ 范文慶：列寧的政治遺囑 ●范文祝：列寧關于社會主義過渡時期"革命改變"理論的發展 ●研究和討論 ★★★ 陶世俊：什麼是合作社？ ●阮玉龍：對我國社會主義過渡時期實質的認識 ●劉何偉：一種騙人的把戲——"非意識形態"(續前) ●實踐和經驗 ★★★ 阮科恬：關于新的時期越南文學和人文問題的思考 ●阮克慶：保持民族文化本色——全社會的一個問題 ●世界：問題和事件 ★★★ 陳仲：冷戰"后的武裝沖突和局部戰爭

Digitized by Google

XÃ LUẬN

TỔ CHỨC TỐT VIỆC GÓP Ý KIẾN CÁC DỰ THẢO VĂN KIỆN TRÌNH ĐẠI HỘI VIII CỦA ĐẢNG

Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VIII của Đảng có ý nghĩa lịch sử rất trọng đại, đánh dấu bước chuyển của đất nước ta sang thời kỳ phát triển mới - thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước vì mục tiêu dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, văn minh. Đây cũng là bước chuẩn bị một cách tích cực nhất những tiền đề kinh tế - chính trị - xã hội, những điều kiện vật chất và tinh thần cho đất nước ta đi vào thế kỷ 21 với tầm vóc mới, giành nhiều thành tựu to lớn hơn nữa trong sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ vững chắc Tổ quốc ta.

Để bảo đảm cho Đại hội VIII của Đảng thành công tốt đẹp, một trong những vấn đề quan trọng bậc nhất là chuẩn bị nội dung các văn kiện của Đại hội, đưa ra được những quyết sách đúng đắn, khoa học, sáng tạo. Đây là công việc không đơn giản ; trái lại, nó rất phức tạp và khó khăn, đòi hỏi phải có sự chuẩn bị hết sức công phu, nghiêm túc, thận trọng, phát huy cao độ trí tuệ tập thể của toàn đảng, toàn dân. Vì vậy, ngay từ cuối năm 1994, Ban chấp hành trung ương Đảng đã thành lập các Tiểu ban văn kiện Đại hội VIII để giúp Trung ương chuẩn bị. Các tiểu ban này đã triển khai tổ chức việc nghiên cứu, tổng kết thực tiễn, huy động một lực lượng lớn các chuyên gia, các nhà khoa học, các cán bộ hoạt động thực tiễn. Nhiều cơ quan nghiên cứu khoa học đã được giao nhiệm vụ. Nhiều cán bộ lãnh đạo của Đảng và Nhà nước đã trực tiếp đi khảo sát thực tế, lắng nghe ý kiến của cán bộ và nhân dân. Nhiều cuộc hội thảo khoa học đã được tiến hành, chuẩn bị cơ sở cho công việc soạn thảo. Sau hơn một năm làm việc rất khẩn trương và công phu, qua nhiều lần thảo luận, sửa chữa và bổ sung, với việc tiếp thu nghiêm túc ý kiến của các ban thường vụ tỉnh ủy, thành ủy, các ban cán sự, đảng đoàn, các ban của Đảng, Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể và các tổ chức xã hội, các học viện, các viện nghiên cứu, các trường đại học, các đồng chí Ủy viên Bộ chính trị, bí thư Trung ương, ủy viên Trung ương các khóa trước, các nhà khoa học, văn hóa..., các dự thảo văn kiện đã được hình thành và đã trình Ban chấp hành trung ương Đảng. Hội nghị lần thứ 9 Ban chấp hành trung ương Đảng đã thảo luận và quyết định những nội dung cơ bản, những vấn đề trọng đại trong các dự thảo. Hiện nay các cấp ủy đảng và đại hội các cấp của Đảng đang tiếp tục thảo luận, góp ý kiến. Theo báo cáo tổng hợp bước đầu, việc thảo luận ở đại hội đảng bộ các cấp rất sôi nổi, thiết thực với tinh thần trách nhiệm cao. Để giúp Trung ương có điều kiện xem xét, bổ sung, sửa chữa các dự thảo văn kiện trình Đại hội toàn quốc, Ban bí thư Trung ương Đảng quyết định công bố **Dự thảo báo cáo chính trị** *để nhân dân cả nước cùng thảo luận và góp ý kiến. Đây là một chủ trương rất quan trọng và có ý nghĩa sâu sắc, thể hiện tinh thần thật sự tôn trọng nhân dân, thực sự cầu thị muốn lắng nghe ý kiến của nhân dân, muốn nhân dân cùng tham gia công việc chung của Đảng.*

Cuộc thảo luận **Dự thảo báo cáo chính trị** *của Trung ương trình Đại hội VIII lần này là một đợt sinh hoạt chính trị và vận động dân chủ sâu rộng nhằm phát huy tinh thần cách mạng, ý thức trách nhiệm và lòng thiết tha của nhân dân ta với sự nghiệp chung. Làm tốt đợt sinh hoạt chính trị này sẽ tập hợp và phát huy được trí tuệ của nhân dân, làm cho ý Đảng, lòng dân càng hội tụ, làm tăng thêm niềm tin của nhân dân với Đảng và làm bền chặt hơn mối quan hệ giữa Đảng với nhân dân.*

Nội dung chính của **Dự thảo báo cáo chính trị** *của Trung ương trình Đại hội VIII là : kiểm điểm việc thực hiện Nghị quyết Đại hội VII cũng như việc thực hiện Cương lĩnh, Chiến lược, Điều lệ Đảng ; tổng kết mười năm đổi mới ; đề ra phương hướng, giải pháp thực hiện công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước đến năm 2000 và 2020.*

Digitized by Google

Đánh giá việc thực hiện Nghị quyết Đại hội VII và mười năm đổi mới vừa qua, **Dự thảo báo cáo chính trị** *nêu rõ :*

- Công cuộc đổi mới mười năm qua đã thu được những thành tựu to lớn, có ý nghĩa rất quan trọng. Nhiệm vụ của Đại hội VII đề ra đã được hoàn thành về cơ bản.

- Nước ta đã ra khỏi khủng hoảng kinh tế - xã hội, nhưng một số mặt còn chưa được củng cố vững chắc.

- Nhiệm vụ đề ra cho chặng đường đầu của thời kỳ quá độ là chuẩn bị tiền đề cho công nghiệp hóa đã được hoàn thành về cơ bản ; nước ta chuyển sang thời kỳ mới đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

- Con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta ngày càng được xác định rõ hơn.

Về mục tiêu, nhiệm vụ của giai đoạn mới - công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, **Dự thảo** *nhấn mạnh: Mục tiêu của công nghiệp hóa, hiện đại hóa là biến nước ta thành một nước công nghiệp có cơ sở vật chất - kỹ thuật hiện đại, cơ cấu kinh tế hợp lý, quan hệ sản xuất tiến bộ, phù hợp với trình độ phát triển của lực lượng sản xuất, đời sống vật chất và tinh thần cao, quốc phòng, an ninh vững chắc, dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, văn minh.*

Trong vài ba chục năm, từ nay đến khoảng năm 2020, chúng ta ra sức phấn đấu để biến nước ta về cơ bản trở thành một nước công nghiệp.

Giai đoạn từ nay đến năm 2000 là bước rất quan trọng của thời kỳ phát triển mới. Nhiệm vụ của nhân dân ta là tập trung mọi lực lượng, tranh thủ thời cơ, vượt qua thử thách, đẩy mạnh công cuộc đổi mới một cách toàn diện và đồng bộ, phấn đấu đạt và vượt mục tiêu chiến lược ổn định và phát triển kinh tế - xã hội đến năm 2000: tăng trưởng kinh tế nhanh, hiệu quả cao và bền vững, đi đôi với giải quyết những vấn đề bức xúc về xã hội, bảo đảm an ninh, quốc phòng, vượt qua tình trạng nước nghèo và kém phát triển, cải thiện đời sống của nhân dân, nâng cao tích lũy từ nội bộ nền kinh tế, tạo tiền đề vững chắc cho bước phát triển cao hơn vào đầu thế kỷ sau.

Định hướng phát triển trên các lĩnh vực chủ yếu là : phát triển và chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa ; thực hiện chính sách kinh tế nhiều thành phần ; tiếp tục đổi mới cơ chế quản lý kinh tế ; phát triển khoa học và công nghệ, giáo dục và đào tạo ; xây dựng nền văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc ; chính sách giải quyết một số vấn đề xã hội ; thực hiện nhiệm vụ quốc phòng và an ninh ; chính sách đối ngoại ; thực hiện đại đoàn kết dân tộc, phát huy vai trò làm chủ của nhân dân ; tiếp tục cải cách bộ máy nhà nước, xây dựng và hoàn thiện Nhà nước cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt nam ; xây dựng Đảng ngang tầm đòi hỏi của thời kỳ mới.

Nội dung chính yếu, những tư tưởng, quan điểm và các giải pháp mà Đảng ta nêu ra trong **Dự thảo** *là những vấn đề cốt lõi cần được toàn đảng, toàn dân thảo luận, đóng góp ý kiến.*

Để làm tốt việc tổ chức góp ý kiến vào dự thảo văn kiện của Trung ương trình Đại hội VIII, các cấp ủy đảng cần nêu cao ý thức tôn trọng quyền làm chủ của nhân dân, thực sự cầu thị, động viên nhân dân phát huy tinh thần xây dựng Đảng, coi công việc của Đảng cũng là công việc của chính mình ; đồng thời có kế hoạch thật cụ thể. Kế hoạch đó phải kết hợp việc thảo luận dự thảo văn kiện với việc chuẩn bị và tiến hành tốt đại hội Đảng các cấp, với việc đẩy mạnh các mặt công tác khác ở địa phương, đơn vị mình. Việc góp ý kiến cho dự thảo văn kiện phải được triển khai một cách sâu rộng, thiết thực, với tinh thần xây dựng và có trách nhiệm, bằng nhiều hình thức phong phú ; tránh cách làm đơn giản, hình thức. Không nên có thái độ định kiến đối với những ý kiến ngược ; đồng thời đề phòng những luận điệu xuyên tạc với ý đồ xấu.

Các cấp ủy đảng cần giới thiệu, hướng dẫn, giúp nhân dân hiểu rõ những nội dung cơ bản của **Dự thảo**, *phù hợp với trình độ của mỗi loại đối tượng. Có những hình thức tổ chức thật phong phú, sinh động để mọi công dân đều có thể tham gia ý kiến và mọi ý kiến đóng góp đều được trân trọng, thu thập, lắng nghe.*

Nhân dân ta có tinh thần yêu nước rất cao, luôn gắn bó với Đảng và tin yêu Đảng. Nếu các cấp ủy đảng có sự quan tâm lãnh đạo một cách sâu sát, các cấp chính quyền cùng các tổ chức đoàn thể, các tổ chức xã hội làm tốt việc tổ chức hướng dẫn, thì nhất định nhân dân ta sẽ tích cực tham gia thảo luận và góp được nhiều ý kiến xây dựng cho Đảng.

Chúng ta tin tưởng rằng, với truyền thống yêu nước và cách mạng, với ý thức dân chủ và sáng tạo, toàn đảng, toàn dân ta sẽ cùng nhau thảo luận, đóng góp trí tuệ, chuẩn bị tốt nhất để Đại hội lần thứ VIII của Đảng thành công tốt đẹp, góp phần tích cực vào thắng lợi của sự nghiệp xây dựng và bảo vệ đất nước thân yêu của chúng ta ❑

Digitized by Google

DỰ THẢO BÁO CÁO CHÍNH TRỊ
CỦA BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG ĐẢNG KHÓA VII TRÌNH ĐẠI HỘI LẦN THỨ VIII CỦA ĐẢNG

Lời BBT : Dự thảo báo cáo chính trị *của Ban chấp hành trung ương Đảng khóa VII trình Đại hội lần thứ VIII của Đảng có 4 phần.*

Phần thứ nhất : *Đất nước sau 10 năm đổi mới,*

Phần thứ hai : *Mục tiêu đến năm 2020 và năm 2000.*

Phần thứ ba : *Định hướng phát triển các lĩnh vực chủ yếu.*

Phần thứ tư : *Xây dựng Đảng ngang tầm đòi hỏi của thời kỳ mới.*

Tạp chí Cộng sản xin trân trọng giới thiệu Phần thứ nhất *và* Phần thứ hai *của bản Dự thảo.*

PHẦN THỨ NHẤT
ĐẤT NƯỚC SAU 10 NĂM ĐỔI MỚI

Đại hội lần thứ VIII của Đảng họp vào thời điểm có ý nghĩa cực kỳ quan trọng. Công cuộc đổi mới toàn diện mở đầu từ Đại hội VI trải qua gần 10 năm. Từ đó đến nay, nước ta đã có những thay đổi to lớn và sâu sắc.

Trước Đại hội VI, từ cuối những năm 70, khi nước ta lâm vào khủng hoảng kinh tế - xã hội, Đảng ta, trên cơ sở tổng kết thực tiễn và những kinh nghiệm sáng tạo của nhân dân, đã đề ra nhiều chủ trương có tính chất đổi mới từng phần. Việc thực hiện những chủ trương ấy đã góp phần tăng đáng kể tốc độ phát triển kinh tế trong 5 năm 1981 - 1985. Tuy vậy, những nhược điểm của mô hình xây dựng chủ nghĩa xã hội trước đó về căn bản chưa được khắc phục nên vẫn cản trợ sự phát triển của lực lượng sản xuất ; những tiến bộ về kinh tế chưa đủ khắc phục khó khăn ; đất nước còn bị bao vây, cấm vận ; chi phí về quốc phòng còn lớn. Thêm vào đó, trong quá trình thực hiện những biện pháp cải cách, chúng ta lại phạm một số sai lầm mới nên khủng hoảng kinh tế - xã hội tiếp tục diễn ra rất gay gắt, lạm phát lên đến 774,7% vào năm 1986.

Mặc dù vậy, những thử nghiệm đổi mới từng phần đã cung cấp kinh nghiệm quý báu. Dựa trên cơ sở tổng kết thực tiễn của nước ta và tham khảo kinh nghiệm của nước ngoài, cuối năm 1986, tại Đại hội VI, Đảng ta, với tinh thần "nhìn thẳng vào sự thật, đánh giá đúng sự thật, nói rõ sự thật", đã nghiêm khắc kiểm điểm sự lãnh đạo của mình, phân tích những sai lầm, khuyết điểm, đề ra đường lối đổi mới toàn diện, mở ra bước ngoặt trong công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội ở nước ta.

Năm năm sau Đại hội VI là 5 năm phấn đấu gian khổ, quyết liệt. Công cuộc đổi mới được triển khai mạnh mẽ. Nhưng tình hình diễn biến phức tạp, có lúc khó khăn tưởng chừng khó vượt qua : 3 năm liền lạm phát ba con số ; đời sống của những người hưởng lương và trợ cấp xã hội giảm sút mạnh ; nhiều xí nghiệp quốc doanh và hợp tác xã tiểu, thủ công nghiệp đình đốn, thua lỗ, sản xuất cầm chừng, thậm chí phải đóng cửa, giải thể ; hàng chục vạn công nhân buộc phải rời sản xuất, tự tìm đường sống ; hàng vạn giáo viên phải bỏ nghề ; những vụ đổ vỡ tín dụng xảy ra phổ biến. Những diễn biến quốc tế phức tạp tác động xấu đến tình hình nước ta.

Trong hoàn cảnh ấy, Đảng, Nhà nước và nhân dân ta đã tỏ rõ bản lĩnh vững vàng, ra sức khắc phục khó khăn, giữ vững ổn định chính trị, giải quyết những vấn đề kinh tế-xã hội cấp bách, thực hiện đổi mới các lĩnh vực của đời sống xã hội, từng bước đưa Nghị quyết Đại hội VI vào cuộc sống. Đầu năm 1988 có nạn đói lớn ở nhiều vùng và lạm phát còn ở mức 393,8%, nhưng từ năm 1989 trở đi nước ta đã bắt đầu xuất khẩu được mỗi năm từ 1 - 1,5 triệu tấn gạo ; hàng tiêu dùng ngày càng đáp ứng khá hơn nhu cầu của xã hội ; lạm phát giảm dần, đến năm 1990 còn 67,4%. Việc thực hiện 3 chương trình kinh tế lớn đạt những tiến bộ rõ rệt. Nền kinh tế hàng hóa nhiều thành phần, vận động theo cơ chế thị trường, có sự quản lý của Nhà nước bước đầu hình thành. Đời sống của nhân dân được cải thiện, dân chủ trong xã hội được phát huy, lòng tin của nhân dân từng bước được khôi phục. Quốc phòng, an ninh được giữ vững ; hoạt động đối ngoại được mở rộng, đẩy lùi tình trạng bị bao vây, cô lập. Công tác xây dựng Đảng có tiến bộ...

Tuy vậy, những kết quả đạt được còn nhiều hạn chế và chưa vững chắc, nhiều vấn đề xã hội bức xúc nảy sinh.

Digitized by Google

Đại hội VII của Đảng nhận định : **Công cuộc đổi mới đã đạt được những thành tựu bước đầu rất quan trọng, nhưng nước ta vẫn chưa ra khỏi khủng hoảng kinh tế-xã hội.**

Đại hội VII đã thông qua Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội, Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội đến năm 2000, Báo cáo chính trị và Điều lệ Đảng (sửa đổi). Đại hội đề ra mục tiêu tổng quát cho nhiệm kỳ khóa VII là : **vượt qua khó khăn, thử thách, ổn định và phát triển kinh tế - xã hội, tăng cường ổn định chính trị, đẩy lùi tiêu cực và bất công xã hội, đưa nước ta cơ bản ra khỏi tình trạng khủng hoảng.** Đại hội long trọng tuyên bố : "Việt nam muốn là bạn với tất cả các nước trong cộng đồng thế giới, phấn đấu vì hòa bình, độc lập và phát triển".

Sau Đại hội VII không lâu, Liên xô tan rã đã tác động sâu sắc đến nước ta. Đông đảo cán bộ và nhân dân lo lắng, một số người dao động, hoài nghi về tiền đồ của chủ nghĩa xã hội. Quan hệ kinh tế giữa nước ta với các thị trường truyền thống bị đảo lộn. Trong khi đó, Mỹ vẫn tiếp tục cấm vận. Một số thế lực bên ngoài đẩy mạnh những hoạt động diễn biến hòa bình, gây bạo loạn lật đổ. Một số phần tử phản động trong nước thừa cơ ngóc đầu dậy. Nước ta một lần nữa lại đứng trước những thử thách hiểm nghèo.

Mặc dù hoàn cảnh phức tạp, Đảng ta và nhân dân ta vẫn kiên trì đường lối đổi mới, ra sức thực hiện Nghị quyết của Đại hội VII, phát huy thành tựu đạt được trong những năm trước, vượt qua khó khăn, trở ngại, giành nhiều thắng lợi to lớn mới.

I - THÀNH TỰU

1 - Đẩy nhanh nhịp độ phát triển kinh tế - xã hội, lần đầu tiên hoàn thành vượt mức nhiều mục tiêu chủ yếu của kế hoạch 5 năm.

Nhịp độ tăng bình quân hàng năm về sản phẩm quốc nội (GDP) trong 5 năm 1991 - 1995 đạt 8,2% (kế hoạch là 5,5 - 6,5%). Nhịp độ tăng bình quân hàng năm về sản xuất công nghiệp là 13,3%, sản xuất nông nghiệp 4,5%, kim ngạch xuất khẩu 20%. Cơ cấu kinh tế có bước chuyển đổi : tỷ trọng công nghiệp và xây dựng trong GDP từ 22,7% năm 1990 lên 30,3% năm 1995 ; tỷ trọng dịch vụ từ 38,6% lên 42,5%. Bắt đầu có tích lũy từ nội bộ nền kinh tế. Vốn đầu tư cơ bản toàn xã hội năm 1990 chiếm 15,8% GDP ; năm 1995 là 27,4%, (trong đó nguồn đầu tư trong nước chiếm 16,7% GDP). Đến cuối năm 1995, tổng vốn đăng ký của các dự án đầu tư nước ngoài khoảng 18 tỷ USD, 1/3 số vốn trên đây đã được thực hiện. Lạm phát từ 67,1% năm 1991, còn 14,4% năm 1994 và 12,7% năm 1995.

Hoạt động khoa học và công nghệ gắn bó hơn với nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội, thích nghi dần với cơ chế thị trường. Có thêm những tiến bộ công nghệ được áp dụng có hiệu quả vào sản xuất, đời sống.

Quan hệ sản xuất được điều chỉnh phù hợp hơn với yêu cầu phát triển của lực lượng sản xuất. Nền kinh tế hàng hóa nhiều thành phần, vận hành theo cơ chế thị trường có sự quản lý của Nhà nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa, tiếp tục được xây dựng.

2 - Tạo được một số chuyển biến tích cực về mặt xã hội.

Đời sống vật chất của phần lớn nhân dân được cải thiện. Số hộ có thu nhập trung bình và số hộ giàu tăng lên, số hộ nghèo giảm. Mỗi năm thêm hơn 1 triệu lao động có việc làm. Trong 5 năm, khối lượng hàng hóa tiêu thụ trên thị trường tăng gấp đôi. Thêm nhiều nhà ở và đường giao thông được cải tạo và xây dựng mới ở cả nông thôn và thành thị. Công tác phòng bệnh, chăm sóc sức khỏe ban đầu, ngăn chặn bệnh dịch có tiến bộ. Thể dục thể thao có bước phát triển.

Trình độ dân trí và mức hưởng thụ văn hóa của nhân dân được nâng lên. Sự nghiệp giáo dục, đào tạo, các hoạt động văn hóa, nghệ thuật, thông tin đại chúng, công tác kế hoạch hóa gia đình và nhiều hoạt động xã hội khác đều có những mặt phát triển và tiến bộ.

Tính năng động, sáng tạo của nhân dân được khơi dậy và phát huy. Người lao động chủ động hơn trong tìm việc làm, tăng thu nhập, tham gia các sinh hoạt chung của cộng đồng xã hội. Tính ỷ lại, trông chờ Nhà nước, dựa dẫm tập thể được khắc phục đáng kể.

Phong trào đền ơn đáp nghĩa đối với người có công với nước được toàn dân hưởng ứng ; phong trào xóa đói, giảm nghèo và các hoạt động từ thiện ngày càng mở rộng, đang trở thành một nét đẹp mới trong xã hội ta.

Lòng tin của nhân dân vào chế độ và tiền đồ của đất nước, với Đảng và Nhà nước được nâng lên.

3 - Tiếp tục giữ vững ổn định chính trị, củng cố quốc phòng, an ninh.

Trong bối cảnh phức tạp của tình hình, chúng ta đã giữ vững ổn định chính trị, bảo vệ chế độ, giữ vững độc lập chủ quyền và môi trường hòa bình của đất nước, tạo điều kiện thuận lợi cơ bản cho công cuộc đổi mới. Thành tựu này là kết quả tổng hợp của công cuộc đổi mới, trong đó quốc phòng, an ninh giữ vai trò đặc biệt quan trọng.

Đảng đã xác định rõ hơn phương hướng, nhiệm vụ và quan điểm chỉ đạo sự nghiệp bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới ; tiếp tục thực hiện thành công việc điều chỉnh chiến lược quốc phòng, an ninh. Các nhu cầu củng cố quốc phòng, an ninh, cải thiện đời sống của lực lượng vũ trang được đáp ứng tốt hơn. Chất lượng và sức chiến đấu của quân đội được nâng lên. Thế trận quốc phòng toàn dân được củng cố. Mặt trận an ninh được tổ chức lại và tăng cường ; đập tan các vụ bạo loạn lật đổ và hoạt động gây rối về chính trị.

Digitized by Google

4 - Thực hiện có kết quả một số đổi mới quan trọng về hệ thống chính trị.

Trên cơ sở Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội, đã từng bước bổ sung, cụ thể hóa đường lối đổi mới, củng cố Đảng về chính trị, tư tưởng, tổ chức, tăng cường vai trò lãnh đạo của Đảng trong xã hội. Đã sửa đổi Hiến pháp, sửa đổi và ban hành mới nhiều văn bản pháp luật quan trọng, tiến hành cải cách một bước nền hành chính quốc gia, tiếp tục xây dựng Nhà nước pháp quyền Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt nam. Hoạt động của cơ quan nhà nước các cấp có những đổi mới và tiến bộ theo hướng phát huy dân chủ, tăng cường kỷ cương và nâng cao hiệu lực. Mặt trận, các đoàn thể nhân dân, các tổ chức xã hội từng bước đổi mới nội dung và phương thức hoạt động, đạt hiệu quả thiết thực hơn. Quyền làm chủ của nhân dân trên các lĩnh vực kinh tế, xã hội, chính trị, tư tưởng, văn hóa được phát huy. Đồng bào các dân tộc, các tầng lớp nhân dân cả nước ta ngày càng đoàn kết, gắn bó trong sự nghiệp dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, văn minh. Đồng bào ta ở nước ngoài cũng ngày càng hướng về quê hương vì đại nghĩa ấy.

5 - Phát triển mạnh mẽ quan hệ đối ngoại, phá thế bị bao vây, cô lập, tham gia tích cực vào đời sống của cộng đồng quốc tế.

Triển khai tích cực và năng động đường lối đối ngoại độc lập tự chủ, đa dạng hóa, đa phương hóa ; đã khôi phục quan hệ bình thường và phát triển sự hợp tác nhiều mặt với Trung quốc ; tăng cường quan hệ đoàn kết và hữu nghị đặc biệt với Lào ; phát triển quan hệ với các nước láng giềng khác, các nước trong khu vực, trở thành thành viên đầy đủ của tổ chức ASEAN ; củng cố quan hệ hữu nghị truyền thống với nhiều nước, từng bước đổi mới quan hệ với các nước thuộc Cộng đồng các quốc gia độc lập (SNG) và Đông Âu ; mở rộng quan hệ với các nước công nghiệp phát triển, các tổ chức quốc tế và khu vực ; bình thường hóa quan hệ Việt - Mỹ ; thiết lập và mở rộng quan hệ với nhiều nước Nam Á, Trung Đông, châu Phi, châu Mỹ la-tinh.

Tiếp tục phát triển quan hệ đoàn kết, hữu nghị với các đảng cộng sản và công nhân, các phong trào độc lập dân tộc, các tổ chức và phong trào tiến bộ trên thế giới ; thiết lập và thúc đẩy quan hệ với các đảng cầm quyền ở một số nước. Mở rộng hoạt động đối ngoại của các đoàn thể nhân dân, tổ chức xã hội.

Đến nay nước ta đã có quan hệ ngoại giao với 160 nước, có quan hệ buôn bán với trên 100 nước. Hơn 50 nước và vùng lãnh thổ đã đầu tư trực tiếp vào nước ta. Nhiều chính phủ và tổ chức quốc tế dành cho ta viện trợ không hoàn lại hoặc cho vay để phát triển.

Thành tựu trên lĩnh vực đối ngoại là một nhân tố quan trọng góp phần giữ vững hòa bình, phá bỏ thế bị bao vây, cấm vận, cải thiện và nâng cao vị thế của nước ta trên thế giới, tạo môi trường thuận lợi cho công cuộc xây dựng và bảo vệ đất nước. Đó cũng là sự đóng góp tích cực của Đảng, Nhà nước và nhân dân ta vào sự nghiệp chung của nhân dân thế giới vì hòa bình, độc lập dân tộc, dân chủ và tiến bộ xã hội.

II - KHUYẾT ĐIỂM VÀ YẾU KÉM

Cùng với việc đánh giá đúng thành tựu, cần nhận rõ những khuyết điểm và yếu kém.

1 - Nước ta còn nghèo, nhưng chưa thực hiện tốt cần kiệm trong sản xuất, tiết kiệm trong tiêu dùng ; tích lũy từ nội bộ nền kinh tế quá thấp.

Đến nay nước ta vẫn còn là một trong vài chục nước nghèo nhất trên thế giới, trình độ phát triển kinh tế, năng suất lao động, hiệu quả sản xuất kinh doanh thấp, cơ sở vật chất - kỹ thuật còn nhiều mặt lạc hậu ; nhu cầu vốn đầu tư phát triển rất lớn và cấp bách, nhưng một bộ phận cán bộ và nhân dân còn tiêu xài lãng phí, tiêu dùng quá mức mình làm ra, chưa tiết kiệm để dồn vốn cho đầu tư phát triển. Nhà nước còn thiếu chính sách để huy động có hiệu quả nguồn vốn trong dân. Năm 1995, đầu tư xây dựng cơ bản bằng vốn trong nước (kể cả nguồn vốn khấu hao cơ bản) chỉ chiếm 16,7% GDP, trong đó phần vốn ngân sách chỉ chiếm 4,2% GDP, còn rất thấp so với yêu cầu phát triển kinh tế và để tiếp thu có hiệu quả nguồn vốn bên ngoài. Sử dụng nguồn lực còn phân tán, kém hiệu quả, chưa kiên quyết tập trung sức cho các chương trình, dự án kinh tế - xã hội cần thiết cấp bách.

2 - Trong phát triển nền kinh tế nhiều thành phần, việc lãnh đạo xây dựng quan hệ sản xuất mới có phần vừa lúng túng vừa buông lỏng.

Chậm tháo gỡ các vướng mắc về cơ chế, chính sách để tạo động lực và điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp nhà nước nâng cao hiệu quả hoạt động, phát huy vai trò chủ đạo trong nền kinh tế quốc dân. Chưa quan tâm tổng kết thực tiễn, kịp thời chỉ ra phương hướng, biện pháp đổi mới kinh tế hợp tác, để hợp tác xã ở một số nơi hoàn toàn tan rã hoặc chỉ còn là hình thức, cản trở sản xuất phát triển ; chưa kịp thời đúc rút kinh nghiệm, giúp đỡ các hình thức kinh tế hợp tác mới phát triển. Chưa giải quyết tốt một số chính sách để khuyến khích kinh tế tư nhân phát huy tiềm năng, đồng thời chưa quản lý tốt thành phần kinh tế này. Việc thí điểm cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước làm chậm. Quản lý kinh tế hợp tác liên doanh với nước ngoài có nhiều sơ hở. Có nơi, có lúc đã xuất hiện khuynh hướng muốn tư nhân hóa tràn lan doanh nghiệp nhà nước, không quan tâm chỉ đạo phát triển kinh tế hợp tác.

3 - Cơ chế thị trường còn sơ khai, vai trò quản lý của Nhà nước đối với nền kinh tế - xã hội còn yếu.

Hệ thống quản lý kinh tế còn đang trong quá trình chuyển đổi ; luật pháp, cơ chế, chính sách chưa đồng bộ, nhất quán để thúc đẩy và hướng dẫn nền kinh tế phát triển.

Digitized by Google

Tài chính, ngân hàng, giá cả, các công tác kế hoạch hóa, quy hoạch xây dựng, quản lý đất đai, thủ tục hành chính... đổi mới chậm. Thương nghiệp nhà nước bỏ trống một số "trận địa" quan trọng, chưa phát huy tốt vai trò chủ đạo trên thị trường. Quản lý xuất nhập khẩu có nhiều sơ hở, tiêu cực, một số trường hợp gây tác động xấu đối với sản xuất. Chế độ phân phối thu nhập còn nhiều bất hợp lý. Bội chi ngân sách và nhập siêu còn lớn. Lạm phát chưa được kiềm chế vững chắc.

Quản lý nhà nước đối với các hoạt động khoa học và công nghệ, bảo vệ tài nguyên và môi trường sinh thái, giáo dục, đào tạo, văn hóa, văn học nghệ thuật chưa đem lại kết quả tương xứng với tầm quan trọng của các lĩnh vực này.

4 - Các mặt xã hội còn nhiều điều nhức nhối.

Nạn tham nhũng, buôn lậu, lãng phí của công chưa ngăn chặn được. Tiêu cực trong bộ máy nhà nước, đảng và đoàn thể, nhất là trên các lĩnh vực nhà đất, xây dựng cơ bản, hợp tác đầu tư, thuế, xuất nhập khẩu và cả trong hoạt động của nhiều cơ quan thi hành pháp luật,... nghiêm trọng kéo dài. Sự phân hóa giàu nghèo giữa các vùng, giữa thành thị và nông thôn và giữa các tầng lớp dân cư tăng lên. Đời sống một bộ phận nhân dân, nhất là ở một số vùng căn cứ cách mạng và kháng chiến, vùng đồng bào dân tộc, còn quá khó khăn. Chất lượng phục vụ y tế, giáo dục, đào tạo ở nhiều nơi rất thấp. Người nghèo không đủ tiền để chữa bệnh và cho con em đi học. Tệ nạn xã hội phát triển. Trật tự an toàn xã hội chưa được bảo đảm tốt.

5 - Hệ thống chính trị còn nhiều nhược điểm.

Năng lực và hiệu quả lãnh đạo của Đảng, hiệu lực quản lý, điều hành của Nhà nước, hiệu quả hoạt động của các đoàn thể nhân dân chưa nâng lên kịp với đòi hỏi của tình hình. Bộ máy đảng, nhà nước, đoàn thể chậm được sắp xếp lại, tinh giản và nâng cao chất lượng ; còn nhiều biểu hiện quan liêu, vi phạm nghiêm trọng quyền dân chủ của nhân dân. Công tác tuyển chọn, bồi dưỡng, thay đổi, trẻ hóa cán bộ, chuẩn bị cán bộ kế cận còn lúng túng, chậm trễ. Năng lực và phẩm chất của đội ngũ cán bộ chưa tương xứng với yêu cầu của nhiệm vụ. Điều đáng lo ngại là nhiều cán bộ, đảng viên giảm sút lý tưởng cách mạng, tha hóa về phẩm chất, đạo đức ; sức chiến đấu của một bộ phận tổ chức cơ sở đảng bị suy yếu.

III - ĐÁNH GIÁ TỔNG QUÁT

Xét trên tổng thể, việc hoạch định và thực hiện đường lối đổi mới những năm qua về cơ bản là đúng đắn, đúng định hướng xã hội chủ nghĩa, tuy trong quá trình thực hiện có một số khuyết điểm, lệch lạc lớn và kéo dài dẫn đến chệch hướng ở mức độ này hay mức độ khác, ở nơi này hay nơi khác.

Đất nước đã vượt qua một giai đoạn thử thách gay go. Trong những hoàn cảnh hết sức phức tạp, khó khăn, nhân dân ta không những đứng vững mà còn vươn lên, đạt những thắng lợi nổi bật trên nhiều mặt. Có cơ sở để nhận định rằng:

Công cuộc đổi mới trong 10 năm qua đã thu được những thành tựu to lớn, có ý nghĩa rất quan trọng. Nhiệm vụ của Đại hội VII đề ra cho 5 năm 1991 - 1995 đã được hoàn thành về cơ bản.

Nước ta đã ra khỏi khủng hoảng kinh tế - xã hội, nhưng một số mặt còn chưa được củng cố vững chắc.

Nhiệm vụ đề ra cho chặng đường đầu của thời kỳ quá độ là chuẩn bị tiền đề cho công nghiệp hóa đã hoàn thành về cơ bản ; nước ta chuyển sang một thời kỳ mới đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

Con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta ngày càng được xác định rõ hơn.

IV - NHỮNG BÀI HỌC CHỦ YẾU

Những thành tựu đạt được trên đây là kết quả của cả một quá trình tìm tòi, đổi mới, phấn đấu gian khổ của nhân dân ta từ nhiều năm nay, nhất là từ khi Đảng ta đề ra những chủ trương đổi mới từng phần vào cuối những năm 70 và sau đó đề ra đường lối đổi mới toàn diện tại Đại hội VI. Đó là : Nghị quyết Hội nghị Trung ương 6 khóa IV ban hành những chính sách khuyến khích sản xuất "bung ra" ; Chỉ thị 100 của Ban bí thư khóa IV về khoán sản phẩm cuối cùng đến nhóm và người lao động trong hợp tác xã nông nghiệp ; các quyết định 25, 26-CP của Thủ tướng Chính phủ về nhiều nguồn cân đối và ba phần kế hoạch ; Đại hội V của Đảng với việc xác định lại thứ tự ưu tiên trong phát triển kinh tế, khẳng định nông nghiệp là mặt trận hàng đầu ; Nghị quyết Hội nghị Trung ương 8 khóa V tháng 6-1985 về giá, lương, tiền ; Kết luận của Bộ chính trị khóa V tháng 8-1986 về một số vấn đề thuộc quan điểm kinh tế...

Những thử nghiệm ban đầu về đổi mới từng bộ phận nói trên là tiền đề hình thành đường lối đổi mới toàn diện tại Đại hội VI. Đường lối ấy đáp ứng đúng đòi hỏi của thực tiễn và sự mong đợi của nhân dân nên đã nhanh chóng đi vào cuộc sống.

Song, đổi mới là một sự nghiệp cách mạng đầy thử thách. Ở nước ta khó khăn trong quá trình đổi mới càng đặc biệt gay gắt vì đổi mới tiến hành vào lúc nước ta đang khủng hoảng nghiêm trọng về kinh tế - xã hội, tình hình quốc tế phức tạp và quan hệ đối ngoại có nhiều khó khăn.

Trong quá trình đổi mới, nhất là vào những thời điểm có tính bước ngoặt, Đảng ta đã có những quyết sách rất quan trọng. Đó là những kết luận kịp thời của Hội nghị Trung ương 6 khóa VI về đẩy mạnh đổi mới và khẳng định 5 nguyên tắc của công cuộc đổi mới ; là sự bác bỏ kiên quyết của Ban chấp hành trung ương khóa VI tại các hội nghị Trung ương 6, 7, 8 đối với những mầm mống đầu tiên về đa nguyên chính trị xuất hiện trong Đảng ; những nghị quyết Trung

Digitized by Google

ương nhận định sắc bén và kịp thời về những diễn biến của tình hình quốc tế vào những năm cuối thập kỷ 80, đầu thập kỷ 90 ; việc thông qua Cương lĩnh, Chiến lược, Điều lệ Đảng (sửa đổi) tại Đại hội VII ; thông qua Hiến pháp mới năm1992 ; chỉ rõ thời cơ và nguy cơ, xác định nhiệm vụ đẩy tới một bước công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước ở Hội nghị đại biểu giữa nhiệm kỳ ; các nghị quyết Trung ương khóa VII và nhiều nghị quyết, quyết định lớn khác của Đảng và Nhà nước cụ thể hóa, bổ sung và phát triển đường lối đổi mới trên hầu hết các lĩnh vực. Với những quyết định đúng đắn ấy, toàn đảng, toàn dân ta đã vượt qua khó khăn, trở ngại, đưa công cuộc đổi mới đi đến thắng lợi hôm nay.

Tổng kết chặng đường đổi mới 10 năm qua, có thể rút ra một số **bài học chủ yếu** sau đây :

1 - Giữ vững mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội trong quá trình đổi mới.

Trong quá trình đổi mới phải luôn giữ vững mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội, nắm vững hai nhiệm vụ chiến lược xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, kiên trì chủ nghĩa Mác - Lê-nin và tư tưởng Hồ Chí Minh, giữ vững vai trò lãnh đạo của Đảng.

Thực tiễn chứng minh quyết định đổi mới toàn diện của Đảng tại Đại hội VI là dũng cảm và sáng suốt. Quyết định ấy hình thành trên cơ sở phát huy tinh thần độc lập, tự chủ, bắt nguồn từ thực tế đất nước, từ những kinh nghiệm sáng tạo của nhân dân, hợp với lòng dân.

Điều quan trọng là ngay từ đầu chúng ta đã xác định rõ đổi mới không phải là thay đổi mục tiêu xã hội chủ nghĩa mà là quan niệm đúng đắn hơn về chủ nghĩa xã hội và thực hiện mục tiêu ấy bằng những hình thức, bước đi và biện pháp phù hợp. Kết hợp sự kiên định về nguyên tắc và chiến lược cách mạng với sự linh hoạt, sáng tạo trong sách lược, nhạy cảm nắm bắt cái mới.

Đổi mới phải được thực hiện trên cơ sở bảo vệ, kế thừa và phát huy truyền thống quý báu của dân tộc và những thành tựu cách mạng đã đạt được. Phê phán nghiêm túc sai lầm, khuyết điểm phải đi đôi với khẳng định những việc làm đúng, không phủ nhận sạch trơn quá khứ, không hoang mang, mất phương hướng, từ thái cực này nhảy sang thái cực khác.

2 - Xử lý đúng đắn mối quan hệ giữa đổi mới hệ thống chính trị với đổi mới kinh tế, kết hợp chặt chẽ ngay từ đầu đổi mới kinh tế với đổi mới chính trị.

Xét trên tổng thể, Đảng đã bắt đầu công cuộc đổi mới từ đổi mới về tư duy chính trị trong việc hoạch định đường lối và các chính sách đối nội, đối ngoại. Không có sự đổi mới đó thì không có mọi sự đổi mới khác. Song, Đảng ta đã đúng khi tập trung trước hết vào việc thực hiện thắng lợi nhiệm vụ đổi mới kinh tế, khắc phục khủng hoảng kinh tế - xã hội, tạo tiền đề cần thiết về vật chất và tinh thần để giữ vững ổn định chính trị, tạo dựng niềm tin của nhân dân, tạo thuận lợi để đổi mới các mặt khác của đời sống xã hội.

Trong việc đổi mới tổ chức và cơ chế hoạt động của hệ thống chính trị, chúng ta đã đi những bước thận trọng và vững chắc, bắt đầu từ giải quyết những vấn đề cấp bách nhất và đã chín muồi, vì nhận thức rõ rằng đây là việc rất cần thiết nhưng đặc biệt phức tạp, nhạy cảm và nếu vội vã để xảy ra sai lầm sẽ phải trả giá rất đắt, có khi không cứu vãn được.

Mục tiêu chủ yếu của đổi mới hệ thống chính trị là nhằm thực hiện tốt dân chủ xã hội chủ nghĩa, phát huy đầy đủ quyền làm chủ của nhân dân. Bài học lớn là dân chủ phải đi đôi với kỷ luật, kỷ cương. Khắc phục những hiện tượng vi phạm quyền làm chủ của nhân dân, đồng thời phải chống khuynh hướng dân chủ cực đoan, quá khích. Dứt khoát bác bỏ mọi mưu toan lợi dụng "dân chủ", "nhân quyền" nhằm gây rối về chính trị, chống phá chế độ, hoặc can thiệp vào nội bộ nước ta. Dứt khoát không chấp nhận đa nguyên chính trị, đa đảng.

3 - Đổi mới kinh tế, xây dựng nền kinh tế hàng hóa nhiều thành phần, vận hành theo cơ chế thị trường, phải đi đôi với tăng cường vai trò quản lý của Nhà nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa. Tăng trưởng kinh tế phải đi đôi với tiến bộ và công bằng xã hội, giữ gìn và phát huy bản sắc văn hóa dân tộc, bảo vệ môi trường sinh thái.

Học tập và vận dụng các hình thức kinh tế và phương pháp quản lý nền kinh tế thị trường của các nước tư bản chủ nghĩa là cốt để sử dụng mặt tích cực của nó phục vụ cho mục đích xây dựng chủ nghĩa xã hội, không để đất nước đi theo con đường tư bản chủ nghĩa.

Kinh tế thị trường có những mặt mâu thuẫn với bản chất của chủ nghĩa xã hội. Đó là xu thế phân hóa giàu nghèo quá mức dẫn tới phân cực xã hội, là tâm lý sùng bái đồng tiền, vì đồng tiền mà chà đạp lên đạo đức, nhân phẩm... Đi vào kinh tế thị trường, phải kiên quyết đấu tranh khắc phục những khuynh hướng tiêu cực đó, hạn chế tối đa cái giá phải trả.

Để phát triển sức sản xuất, cần phát huy khả năng của mọi thành phần kinh tế, thừa nhận trên thực tế còn có bóc lột và sự phân hóa giàu nghèo nhất định trong xã hội, nhưng phải luôn quan tâm bảo vệ lợi ích của người lao động, vừa khuyến khích làm giàu hợp pháp, chống làm giàu phi pháp, vừa coi trọng xóa đói giảm nghèo, từng bước thực hiện công bằng xã hội, tiến tới làm cho mọi người, mọi nhà đều khá giả.

4- Mở rộng khối đại đoàn kết toàn dân, phát huy sức mạnh của cả dân tộc.

Cách mạng là sự nghiệp của nhân dân, vì nhân dân và do nhân dân. Chính những ý kiến, nguyện vọng và sáng kiến của nhân dân là nguồn gốc hình thành đường lối đổi

Digitized by Google

mới của Đảng. Cũng do nhân dân hưởng ứng đường lối đổi mới, dũng cảm phấn đấu, vượt qua biết bao khó khăn, thử thách mà công cuộc đổi mới đạt được những thành tựu hôm nay. Để tiếp tục đưa sự nghiệp đổi mới tiến lên, giành những thành tựu lớn hơn, cần thực hiện tốt hơn nữa việc mở rộng khối đại đoàn kết toàn dân, kể cả đồng bào ta ở nước ngoài, huy động tối đa sức mạnh của toàn thể dân tộc vì mục tiêu dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, văn minh.

5 - Tranh thủ sự đồng tình, ủng hộ và giúp đỡ của nhân dân thế giới, kết hợp sức mạnh của dân tộc với sức mạnh của thời đại.

Công cuộc đổi mới của nhân dân ta ngày nay phù hợp với xu thế phát triển của thời đại, được sự đồng tình, ủng hộ của nhân dân các nước. Đi đôi với phát huy cao độ ý chí tự lực tự cường, động viên mọi nguồn lực bên trong, cần triệt để khai thác những điều kiện thuận lợi mới trong quan hệ đối ngoại, mở rộng quan hệ hữu nghị và hợp tác với với các nước vì hòa bình, độc lập và phát triển, tạo môi trường quốc tế thuận lợi và tranh thủ những nhân tố tích cực phục vụ cho công cuộc đổi mới, xây dựng và bảo vệ đất nước. Mở rộng quan hệ quốc tế phải trên cơ sở giữ vững độc lập tự chủ, giữ gìn, phát huy bản sắc và những truyền thống tốt đẹp của dân tộc. Thực hiện đa phương hóa và đa dạng hóa quan hệ đối ngoại. Trân trọng những quan hệ truyền thống.

6 - Giữ vững vai trò lãnh đạo của Đảng, coi xây dựng Đảng là nhiệm vụ then chốt.

Sự nghiệp cách mạng của nước ta do Đảng cộng sản lãnh đạo. Đảng ta là đảng cầm quyền. Những thắng lợi và thành tựu, những thất bại và tổn thất của cách mạng đều gắn liền với trách nhiệm của Đảng. Trong quá trình đổi mới đất nước, Đảng phải nghiêm túc xem xét những sai lầm, khuyết điểm và yếu kém của mình, đổi mới và chỉnh đốn Đảng, nâng cao sức chiến đấu và năng lực lãnh đạo. Các thế lực chống chủ nghĩa xã hội và độc lập dân tộc luôn chĩa mũi nhọn vào Đảng, tập trung sức phá hoại nền tảng tư tưởng và tổ chức của Đảng. Thủ đoạn họ thường dùng là xuyên tạc lịch sử, phủ nhận thành tựu cách mạng, sự hy sinh và công lao của những người cộng sản, thổi phồng sai lầm, khuyết điểm của Đảng, đòi thực hiện nhân quyền và dân chủ kiểu tư sản, đòi phi chính trị hóa bộ máy nhà nước, đòi đa nguyên, đa đảng nhằm tước bỏ vai trò lãnh đạo của Đảng. Họ lợi dụng những kẻ cơ hội, phản bội về chính trị, hoặc thoái hóa về phẩm chất đạo đức để chia rẽ, làm suy yếu, phá hoại Đảng từ bên trong.

Nhận rõ yêu cầu mới của cách mạng và âm mưu thủ đoạn chống phá Đảng nói trên, Đảng ta xác định trong giai đoạn hiện nay lãnh đạo kinh tế là nhiệm vụ trọng tâm, xây dựng Đảng là nhiệm vụ then chốt. Coi trọng tổng kết công tác xây dựng Đảng. Củng cố Đảng về chính trị, tư tưởng, tổ chức, cán bộ ; giữ vững nguyên tắc tập trung dân chủ ; tăng cường giáo dục, bồi dưỡng lập trường, quan điểm giai cấp công nhân và tính tiền phong của đảng viên. Đấu tranh khắc phục mọi biểu hiện tiêu cực, thoái hóa trong Đảng, ngăn chặn khuynh hướng hạ thấp vai trò lãnh đạo của Đảng. Đổi mới phương thức, nâng cao trình độ và hiệu quả lãnh đạo của Đảng đối với hệ thống chính trị và toàn xã hội.

PHẦN THỨ HAI
MỤC TIÊU ĐẾN NĂM 2020 VÀ NĂM 2000
I - BỐI CẢNH CHUNG

1 - Đặc điểm tình hình thế giới.

Sự nghiệp đổi mới, xây dựng và bảo vệ đất nước tiếp tục tiến lên trong bối cảnh tình hình thế giới diễn biến nhanh chóng, phức tạp và chứa đựng nhiều yếu tố khó lường hết được.

Những đặc điểm nổi bật là :

- Chế độ xã hội chủ nghĩa ở Liên xô và các nước Đông Âu sụp đổ khiến chủ nghĩa xã hội tạm thời lâm vào thoái trào, nhưng điều đó không làm thay đổi tính chất của thời đại - loài người vẫn ở trong thời đại quá độ từ chủ nghĩa tư bản lên chủ nghĩa xã hội. Các mâu thuẫn cơ bản trên thế giới vẫn tồn tại và phát triển, có mặt sâu sắc hơn, hình thức biểu hiện có nhiều nét mới. Đấu tranh dân tộc và đấu tranh giai cấp tiếp tục diễn ra dưới nhiều hình thức.

- Nguy cơ chiến tranh thế giới hủy diệt bị đẩy lùi, nhưng xung đột vũ trang, chiến tranh cục bộ, xung đột về sắc tộc và tôn giáo, việc sản xuất và buôn bán vũ khí, chạy đua vũ trang, các hoạt động can thiệp, lật đổ, khủng bố vẫn xảy ra ở nhiều nơi.

- Cách mạng khoa học và công nghệ tiếp tục phát triển với trình độ ngày càng cao, thúc đẩy quá trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế thế giới, quốc tế hóa nền sản xuất và đời sống xã hội.

Các nước đều đứng trước những cơ hội để phát triển ; nhưng do ưu thế về vốn, công nghệ, thị trường, v.v. thuộc về các nước tư bản chủ nghĩa phát triển và các công ty xuyên quốc gia cho nên các nước chậm phát triển và đang phát triển đứng trước những thách thức to lớn ; chênh lệch giàu nghèo giữa các nước ngày càng mở rộng. Cuộc cạnh tranh kinh tế, thương mại, khoa học - công nghệ diễn ra gay gắt.

- Cộng đồng thế giới đứng trước nhiều vấn đề có tính toàn cầu (bảo vệ môi trường, hạn chế sự bùng nổ về dân số, phòng ngừa và đẩy lùi những bệnh tật hiểm nghèo), không một quốc gia riêng lẻ nào có thể tự giải quyết, mà cần phải có sự hợp tác đa phương để xử lý.

- Khu vực châu Á - Thái bình dương đang phát triển năng động và sẽ tiếp tục phát triển với tốc độ cao. Đang diễn ra xu thế tự do hóa thương mại và quá trình liên kết,

Digitized by Google

hợp tác, cạnh tranh kinh tế. Đồng thời khu vực này cũng chịu sự tác động mạnh của các nước lớn và tiềm ẩn một số nhân tố có thể gây mất ổn định.

Trong quan hệ quốc tế, đã và đang nổi lên những xu thế chủ yếu sau đây :

- Hòa bình, ổn định và hợp tác để phát triển ngày càng trở thành đòi hỏi bức xúc của các dân tộc và quốc gia trên thế giới. Các nước dành ưu tiên cho phát triển kinh tế, coi phát triển kinh tế có ý nghĩa quyết định đối với việc tăng cường sức mạnh tổng hợp.

- Các quốc gia lớn, nhỏ tham gia ngày càng nhiều vào quá trình hợp tác và liên kết khu vực, liên kết quốc tế về kinh tế, thương mại và nhiều lĩnh vực hoạt động khác. Hợp tác ngày càng tăng lên và sâu thêm nhưng cạnh tranh cũng rất gay gắt và quyết liệt.

- Các dân tộc nâng cao ý thức độc lập tự chủ, tự lực tự cường, đấu tranh chống lại sự áp đặt và can thiệp của nước ngoài.

- Các nước xã hội chủ nghĩa, các đảng cộng sản và công nhân, các lực lượng cách mạng, tiến bộ trên thế giới kiên trì đấu tranh vì hòa bình, độc lập dân tộc, dân chủ và tiến bộ xã hội.

- Các nước có chế độ chính trị - xã hội khác nhau vừa hợp tác vừa đấu tranh trong cùng tồn tại hòa bình.

Các đặc điểm và xu thế nêu trên đã làm nảy sinh tính đa phương, đa dạng trong quan hệ quốc tế và trong chính sách đối ngoại của nhiều nước.

Tình hình thế giới và khu vực tác động sâu sắc đến các mặt đời sống xã hội nước ta, đưa đến cho chúng ta những thuận lợi lớn và cả những khó khăn lớn.

2 - Thời cơ và thách thức.

Những thành tựu của công cuộc đổi mới đã và đang tạo ra thế và lực mới, cả ở bên trong và bên ngoài để chúng ta bước vào một thời kỳ phát triển mới. Những tiền đề cần thiết cho công nghiệp hóa, hiện đại hóa đã được tạo ra. Quan hệ của nước ta với các nước trên thế giới mở rộng hơn bao giờ hết. Khả năng giữ vững độc lập tự chủ và hội nhập với cộng đồng thế giới tăng thêm. Đó là thời cơ lớn.

Nhưng bốn nguy cơ mà Hội nghị đại biểu toàn quốc giữa nhiệm kỳ (1 - 1994) nêu lên cho đến nay vẫn là những thách thức lớn. Các nguy cơ ấy có mối liên hệ tác động lẫn nhau và đều nguy hiểm, không thể xem nhẹ nguy cơ nào.

Nguy cơ tụt hậu xa hơn về kinh tế so với nhiều nước trong khu vực vẫn là thách thức to lớn và gay gắt do điểm xuất phát của ta quá thấp, lại phải đi lên trong môi trường cạnh tranh quyết liệt. Có những thế lực vẫn tiếp tục mưu toan thực hiện "diễn biến hòa bình", thường xuyên dùng chiêu bài "dân chủ", "nhân quyền" hòng can thiệp vào nội bộ nước ta. Cuộc chạy đua vũ trang, và tranh giành ảnh hưởng trong khu vực châu Á - Thái bình dương cũng như tình hình Biển Đông còn diễn biến phức tạp. Chệch hướng xã hội chủ nghĩa và quan liêu, tham nhũng vẫn đang thật sự là những nguy cơ lớn. Tệ quan liêu, tham nhũng và suy thoái về phẩm chất, đạo đức của một bộ phận cán bộ, đảng viên làm cho bộ máy đảng và nhà nước suy yếu, lòng tin của nhân dân đối với Đảng, đối với chế độ bị xói mòn, các chủ trương và chính sách của Đảng và Nhà nước bị thi hành sai lệch ; đó là mảnh đất thuận lợi cho diễn biến hòa bình.

Thuận lợi và khó khăn, thời cơ và nguy cơ đan xen nhau và cùng tác động tới chiều hướng phát triển. Tinh thần chủ đạo của ta là phải chủ động nắm thời cơ, vươn lên phát triển nhanh và vững chắc, tạo ra thế và lực mới ; đồng thời luôn luôn tỉnh táo, kiên quyết đẩy lùi và khắc phục các nguy cơ, kể cả những nguy cơ mới có thể nảy sinh, bảo đảm phát triển đúng hướng. Cần lưu ý đến những nhân tố có thể làm mất thời cơ. Nếu chúng ta sơ hở hoặc phạm sai lầm trong quan hệ đối ngoại ; nếu quản lý kinh tế, xã hội kém, giải quyết không kịp thời và đúng đắn các mâu thuẫn trong nhân dân ; nếu đội ngũ cán bộ không được đào tạo bồi dưỡng nhanh, không vươn lên ngang tầm; nếu để tệ tham nhũng tràn lan không khắc phục được, gây ra sự mất ổn định chính trị, xã hội thì đó chính là những nhân tố làm mất thời cơ và tăng thêm nguy cơ.

II - MỤC TIÊU

Xuất phát từ tình hình nói trên và căn cứ vào Cương lĩnh của Đảng, cần **tiếp tục nắm vững hai nhiệm vụ chiến lược xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc, đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa.**

Mục tiêu của công nghiệp hóa, hiện đại hóa là biến nước ta thành một nước công nghiệp có cơ sở vật chất. kỹ thuật hiện đại, cơ cấu kinh tế hợp lý, quan hệ sản xuất tiến bộ, phù hợp với trình độ phát triển của lực lượng sản xuất, đời sống vật chất và tinh thần cao, quốc phòng, an ninh vững chắc, dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, văn minh.

Trong vài ba chục năm, từ nay đến khoảng năm 2020, ra sức phấn đấu để biến nước ta về cơ bản trở thành một nước công nghiệp.

Lực lượng sản xuất nước ta đến lúc đó sẽ đạt trình độ tương đối hiện đại, phần lớn lao động thủ công được thay thế bằng lao động sử dụng máy móc, điện khí hóa toàn quốc cơ bản được thực hiện, năng suất lao động xã hội và hiệu quả sản xuất kinh doanh cao hơn nhiều so với hiện nay. GDP bình quân đầu người tăng từ 8 đến 10 lần so với năm 1990. Trong cơ cấu kinh tế, tuy nông nghiệp tiếp tục phát triển mạnh, song công nghiệp và dịch vụ sẽ chiếm tỷ trọng rất lớn trong GDP và trong lao động xã hội.

Khoa học tự nhiên và công nghệ có khả năng nắm bắt và vận dụng được nhiều thành tựu mới nhất của cuộc cách mạng khoa học và công nghệ. Khoa học xã hội và nhân văn có khả năng làm cơ sở cho việc xây dựng hình thái ý

Digitized by Google

thức của xã hội mới. Sự phát triển của khoa học đủ sức cung cấp luận cứ cho việc hoạch định các chính sách, chiến lược và quy hoạch phát triển.

Về *quan hệ sản xuất*, chế độ sở hữu, cơ chế quản lý và chế độ phân phối gắn kết với nhau, phát huy được các nguồn lực, tạo ra động lực mạnh mẽ thúc đẩy tăng trưởng kinh tế, thực hiện công bằng xã hội.

Kinh tế nhà nước thực hiện tốt vai trò chủ đạo và cùng với kinh tế hợp tác trở thành nền tảng trong nền kinh tế với tỷ trọng khoảng 60% GDP. Kinh tế cá thể, tiểu chủ, kinh tế tư bản tư nhân chiếm tỷ trọng đáng kể. Kinh tế tư bản nhà nước dưới các hình thức khác nhau tồn tại phổ biến.

Về *đời sống vật chất và văn hóa*, nhân dân có cuộc sống no đủ, có nhà ở tương đối tốt, có điều kiện thuận lợi về đi lại, học hành, chữa bệnh, có mức hưởng thụ văn hóa khá. Quan hệ xã hội lành mạnh, lối sống văn minh.

Làm được những việc nói trên sẽ là một bước tiến lớn trên con đường quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta.

Giai đoạn từ nay đến năm 2000 là bước rất quan trọng của thời kỳ phát triển mới đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. Nhiệm vụ của nhân dân ta là tập trung mọi lực lượng, tranh thủ thời cơ, vượt qua thử thách, đẩy mạnh công cuộc đổi mới một cách toàn diện và đồng bộ, tiếp tục phát triển nền kinh tế nhiều thành phần, vận hành theo cơ chế thị trường có sự quản lý của Nhà nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa, phấn đấu đạt và vượt mục tiêu được đề ra trong Chiến lược ổn định và phát triển kinh tế - xã hội đến năm 2000 : tăng trưởng kinh tế nhanh, hiệu quả cao và bền vững đi đôi với giải quyết những vấn đề bức xúc về xã hội, bảo đảm an ninh, quốc phòng, vượt qua tình trạng nước nghèo và kém phát triển, cải thiện đời sống của nhân dân, nâng cao tích lũy từ nội bộ nền kinh tế, tạo tiền đề vững chắc cho bước phát triển cao hơn vào đầu thế kỷ sau.

- Đến năm 2000, GDP bình quân đầu người tăng gấp đôi năm 1990. Nhịp độ tăng trưởng GDP bình quân hàng năm đạt khoảng 9 - 10% ; sản xuất nông - lâm - ngư nghiệp khoảng 4,5 - 5%, công nghiệp 14 - 15% và dịch vụ 12 - 13%, xuất khẩu 24 - 28%. Tỷ lệ đầu tư/GDP khoảng 30%. Năm 2000, nông nghiệp chiếm khoảng 19 - 20%, công nghiệp và xây dựng 34 - 35%, dịch vụ 45 - 46% GDP.

Phát huy tốt tiềm lực khoa học và công nghệ ; làm chủ và thích nghi hóa các công nghệ nhập và tích cực chuẩn bị cho bước phát triển cao hơn ở giai đoạn sau. Tốc độ đổi mới công nghệ đạt 10%/năm trở lên.

Đổi mới căn bản tổ chức, quản lý và nâng cao hiệu quả khu vực doanh nghiệp nhà nước. Đổi mới và phát triển đa dạng các hình thức kinh tế hợp tác từ thấp đến cao, mở rộng hình thức hợp tác xã cổ phần. Phát triển các hình thức liên doanh, liên kết trực tiếp giữa các doanh nghiệp nhà nước với nhau, giữa kinh tế nhà nước với kinh tế hợp tác, kinh tế tư bản tư nhân, cá thể và các công ty nước ngoài.

- Tạo việc làm nhiều hơn số lao động tăng thêm hàng năm, giảm đáng kể thất nghiệp ; xóa đói, tiếp tục giảm nghèo. Cải thiện điều kiện ăn ở, học hành, chữa bệnh, đi lại, nâng cao mức hưởng thụ văn hóa của nhân dân, đặc biệt các vùng nông thôn, miền núi. Tới năm 2000, nhịp độ tăng dân số dưới 1,8%. Thanh toán nạn mù chữ cho người trong độ tuổi, phổ cập giáo dục tiểu học, tăng tỷ lệ lao động qua đào tạo, kể cả dạy nghề ngắn hạn lên 22 - 25%. Ngăn chặn tình trạng ô nhiễm môi trường. Đẩy lùi tiêu cực và các tệ nạn xã hội.

- Giữ vững sự ổn định chính trị và định hướng xã hội chủ nghĩa trong quá trình phát triển. Tạo chuyển biến căn bản trong đổi mới và chỉnh đốn Đảng, nâng cao vai trò lãnh đạo của Đảng. Tiếp tục xây dựng và hoàn thiện Nhà nước, trọng tâm là cải cách nền hành chính, nâng cao hiệu lực và hiệu quả hoạt động của bộ máy nhà nước ; mở rộng dân chủ, thiết lập kỷ cương, bảo đảm trật tự an toàn xã hội. Tăng cường khối đại đoàn kết toàn dân.

Củng cố quốc phòng, giữ vững an ninh.

Mở rộng quan hệ đối ngoại, chủ động tham gia các tổ chức quốc tế và khu vực, củng cố và nâng cao vị thế của nước ta trên trường quốc tế.

Trong quá trình đổi mới, phấn đấu đạt những mục tiêu nói trên, **phải xử lý thật tốt các vấn đề sau đây :**

- Phát triển kinh tế nhiều thành phần, vận dụng cơ chế thị trường để xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội, không để đất nước đi vào con đường tư bản chủ nghĩa.

- Nhất quyết phải giữ vững ổn định chính trị, giữ vững chế độ và độc lập, chủ quyền của đất nước, làm thất bại những âm mưu và thủ đoạn của các thế lực chống phá.

- Hội nhập thị trường khu vực và thế giới trong khi trình độ kinh tế của ta còn thấp, phải ra sức phấn đấu và biết phát huy những lợi thế so sánh để giành thắng lợi trong cuộc cạnh tranh trên thị trường ; tranh thủ vốn bên ngoài nhưng phát huy được tốt nhất các nguồn lực bên trong, bảo đảm phát triển kinh tế, trả được nợ, không bị lệ thuộc nước ngoài.

- Lãnh đạo đất nước trong điều kiện mới, đứng trước những nhiệm vụ khó khăn, phức tạp, hàng ngày đối mặt với sự tác động của những nhân tố tiêu cực, Đảng ta nhất định phải giữ vững được bản chất giai cấp công nhân, kế thừa, phát huy những truyền thống tốt đẹp của dân tộc, nâng cao tầm trí tuệ, ngăn ngừa và khắc phục sự thoái hóa, biến chất, bồi dưỡng phẩm chất cao đẹp của người đảng viên.

Làm được như vậy, chúng ta nhất định sẽ giữ vững định hướng xã hội chủ nghĩa, đổi mới mà không đổi màu, hội nhập mà không hòa tan ❑

Digitized by Google

DÂN VẬN - MỘT NHIỆM VỤ QUAN TRỌNG CỦA CHÍNH QUYỀN

NGUYỄN KHÁNH *

NGHỊ quyết 8B của Ban chấp hành trung ương Đảng đã đi vào cuộc sống và đạt được kết quả tốt. Như nhận định của Ban chỉ đạo tổng kết Nghị quyết Trung ương 8B: "Công tác dân vận 5 năm qua đã có bước chuyển biến mới về tư duy, về nội dung và phương thức trong cả hệ thống chính trị". Sự chuyển biến về tư duy, về nhận thức của các cơ quan, các tổ chức, các cán bộ trong hệ thống chính trị là yếu tố quan trọng nhất làm cho Nghị quyết 8B của Đảng đạt được kết quả tốt.

Các cấp ủy đảng đã thấy rõ : trong thực tế phát triển của đất nước, công tác dân vận thực sự quan trọng, công tác dân vận ảnh hưởng trực tiếp đến việc thực hiện các chính sách, chủ trương của Đảng ; công tác dân vận có quan hệ chặt chẽ với cuộc vận động đổi mới và chỉnh đốn Đảng, với việc đổi mới và cải cách bộ máy nhà nước.

Các cơ quan chính quyền, cán bộ phụ trách chính quyền đã thấy được rằng chính quyền giữ một vai trò quan trọng trong mối liên hệ giữa Đảng và nhân dân, công tác quản lý nhà nước không thể tách rời công tác tuyên truyền vận động quần chúng ; người cán bộ làm việc trong bộ máy nhà nước của dân, do dân và vì dân không thể không coi trọng và không biết làm công tác quần chúng. Biết vận động quần chúng là một trong những yêu cầu về trình độ và năng lực của người cán bộ quản lý nhà nước.

Cố nhiên, chưa phải nhận thức đúng và hành động đúng về công tác quần chúng đã đều khắp ở các cơ quan chính quyền. Trong thực tế vẫn còn thái độ xem nhẹ công tác tuyên truyền vận động nhân dân, còn tình trạng quan liêu, cửa quyền, xa dân, còn nạn tham nhũng, còn những hành vi ức hiếp dân. Nhưng đánh giá chung trong phạm vi cả nước, trong các lĩnh vực của đời sống, thì công tác quần chúng của Đảng đã có một bước tiến, một bước phát triển mới.

Quản lý nhà nước bao gồm nội dung quản lý và phương thức quản lý. Với chức năng và nhiệm vụ quản lý nhà nước, hầu hết các hoạt động của cơ quan chính quyền đều có quan hệ với đông đảo nhân dân - nhiều khi quan hệ một cách trực tiếp, tác động trực tiếp đến đời sống vật chất và văn hóa, đến tư tưởng và tình cảm của nhân dân, đến việc thực hiện các quyền và nghĩa vụ của công dân. Cho nên cơ quan chính quyền, cán bộ chính quyền phải làm công tác dân vận, cấp ủy đảng phải lãnh đạo cơ quan chính quyền để tiến hành một cách thường xuyên và có hiệu quả công tác dân vận theo chức trách và khả năng của chính quyền.

Qua thực tế hoạt động của các cơ quan chính quyền ở trung ương và địa phương, tôi thấy cơ quan chính quyền cần phải làm và có thể làm tốt công tác dân vận bằng mấy cách sau đây :

Trước hết, cơ quan chính quyền phải làm tốt việc nghiên cứu, xây dựng và ban hành các chính sách, cơ chế trong tất cả các lĩnh vực kinh tế, văn hóa, xã hội, nội chính, đối ngoại, tạo điều kiện về pháp lý và điều kiện thực tế để nhân dân sống, lao động, sản xuất và kinh doanh một cách thuận lợi. Đây là một trong những nội dung chủ yếu của chức năng quản lý nhà nước.

Chính sách đúng, cơ chế tốt, khi được phổ biến đến dân, dân hiểu rõ thì tự nó tạo ra sự phấn khởi, hào hứng trong nhân dân, củng cố lòng tin của nhân dân vào sự lãnh đạo của Đảng và sự quản lý của Nhà nước. Nhân dân hiểu rằng các chính sách, cơ chế của Nhà nước đều xuất phát từ đường lối, chủ trương của Đảng và từ ý nguyện của nhân dân, từ thực tế của

* Phó thủ tướng Chính phủ

Digitized by Google

đất nước. Chính sách, cơ chế tác động trực tiếp đến đời sống nhân dân, đến tư tưởng và hành động của nhân dân. Chính sách không phù hợp, cơ chế không tốt thì không có phương pháp vận động nào có thể làm cho nhân dân tin tưởng, phấn khởi và hành động có kết quả.

Cơ quan chính quyền và cán bộ chính quyền hiểu rằng chính sách đúng, cơ chế tốt là yếu tố cơ bản và quan trọng của Nhà nước, của cơ quan chính quyền để phục vụ nhân dân và động viên, phát huy sức mạnh của nhân dân, cho nên thời gian qua đã cố gắng nhiều và có nhiều tiến bộ trong việc làm chính sách nhằm thể chế hóa đúng và nhanh các chủ trương, chính sách của Đảng thành các chính sách, cơ chế của Nhà nước. Khi làm chính sách đã coi trọng và xử lý đúng đắn những vấn đề cụ thể có quan hệ đến đời sống, lợi ích của nhân dân.

Tuy vậy, cho đến nay, trình độ, năng lực của các cơ quan chính quyền nói chung còn thấp so với yêu cầu của công cuộc đổi mới. Nâng cao trình độ, năng lực nghiên cứu, xây dựng chính sách, cơ chế là một yêu cầu của cuộc cải cách hành chính mà Chính phủ đang chỉ đạo tiến hành dưới sự lãnh đạo của Đảng.

Một khía cạnh nữa có ý nghĩa về mặt dân vận của việc nghiên cứu, xây dựng chính sách, cơ chế là cơ quan chính quyền tổ chức sự tham gia thiết thực và có hiệu quả của nhân dân, các đoàn thể, các chuyên gia vào việc nghiên cứu, xây dựng chính sách, làm cho chính sách, cơ chế thực sự là do dân, vì dân, sát với nhân dân, biến thành hành động cụ thể của nhân dân. Công việc này gần đây có tiến bộ, nhưng cũng còn phải cải tiến nhiều về tổ chức và phương pháp lấy ý kiến nhân dân tham gia xây dựng các chính sách quan trọng của Nhà nước.

Cùng với nghiên cứu, xây dựng và ban hành các chính sách, cơ chế, các cơ quan và cán bộ chính quyền phải làm việc tốt, giải quyết đúng và nhanh các công việc có quan hệ đến đời sống nhân dân, đến quyền lợi và nghĩa vụ của công dân, với ý thức phục vụ và thái độ nghiêm chỉnh, với trình độ nghiệp vụ phù hợp, với trách nhiệm được giao, với sự thành thạo công việc.

Nhân dân theo dõi, giám sát, đánh giá sự trong sạch, năng lực và hiệu lực của cơ quan chính quyền và cán bộ chính quyền qua kết quả giải quyết những công việc cụ thể. Thái độ, phong cách của cán bộ, công chức nhà nước trong khi tiếp xúc với dân là một yêu cầu trong quy chế công vụ của chính quyền, cũng chính là một yêu cầu về hoạt động dân vận của chính quyền. Cán bộ chính quyền làm việc chậm chạp, vô trách nhiệm, làm hỏng, làm sai, thái độ quan liêu, hách dịch, thậm chí có hành vi tham nhũng thì thực tế làm mất uy tín của chính quyền, ảnh hưởng xấu đến uy tín của Đảng lãnh đạo chính quyền.

Chính quyền phải làm tốt công tác tuyên truyền, thông tin, vận động nhân dân qua các phương tiện thông tin đại chúng, qua các báo, tạp chí, thông tấn, đài phát thanh, đài truyền hình ở trung ương và địa phương. Công cụ báo chí - cả báo viết, báo nói, báo hình - ngày càng có vai trò to lớn trong việc tuyên truyền, giáo dục nhân dân theo đường lối, chính sách của Đảng, tác động mạnh mẽ đến nhận thức, tư tưởng và hành động của các tầng lớp nhân dân. Thời gian qua, Chính phủ và cơ quan chính quyền các cấp đã rất coi trọng tổ chức và chỉ đạo các hoạt động thông tin đại chúng, coi đó là một bộ phận quan trọng trong công tác quản lý của nhà nước. Hoạt động tuyên truyền thông tin đại chúng đã phát triển nhanh về số lượng và tiến bộ nhanh về chất lượng. Một số mặt còn yếu đang được khẩn trương khắc phục.

Chính quyền phải làm công tác dân vận bằng cách phối hợp chặt chẽ với các đoàn thể chính trị - xã hội trong Mặt trận Tổ quốc Việt nam, thực sự coi Mặt trận và các đoàn thể nhân dân là chỗ dựa của chính quyền để thực hiện có kết quả trách nhiệm và chức năng quản lý nhà nước.

Chính phủ và Thủ tướng Chính phủ luôn luôn nhắc nhở chính quyền các cấp rằng các chủ trương, kế hoạch, chương trình kinh tế - xã hội của Nhà nước không thể nào thực hiện được chỉ bằng các văn bản pháp quy, chỉ bằng lực lượng của bộ máy chính quyền và chỉ bằng ngân sách nhà nước, mặc dù đó là những yếu tố rất quan trọng. Các chủ trương, chính sách ấy phải được nhân dân hiểu rõ, đồng tình, hưởng ứng và bằng hành động cụ thể để thực hiện thì mới đi đến kết quả. Việc tuyên truyền, giải thích, vận động nhân dân tự giác và hăng hái thực hiện các chính sách, chủ trương của Đảng và Nhà nước do các đảng bộ, các cán bộ đảng viên trực tiếp làm, do các cơ quan chính quyền làm, do các cơ quan thông tin đại chúng làm, và phần rất quan trọng do công

Digitized by Google

tác vận động và giáo dục của các đoàn thể nhân dân sát với từng nhà, từng người, từng hội viên, đoàn viên ở cơ sở. Các đoàn thể nhân dân không chỉ tuyên truyền giải thích, mà còn giúp đỡ, hướng dẫn, tổ chức hành động cụ thể bằng những hình thức linh hoạt, thích hợp với từng đối tượng, từng hoàn cảnh cụ thể. Thực tế trong việc tổ chức thực hiện các chủ trương chính sách của Đảng và Nhà nước mấy năm qua đã cho thấy rõ vai trò và hiệu quả hoạt động của Mặt trận và các đoàn thể. Vai trò của Mặt trận và các đoàn thể chính trị - xã hội chẳng những là đại diện, tư vấn, phản biện và giám sát xã hội, mà còn phối hợp cùng cơ quan chính quyền tổ chức nhân dân hành động, tổ chức phong trào quần chúng.

Giữa cơ quan chính quyền và các đoàn thể nhân dân ở các cấp đã có sự phối hợp, hợp tác thường xuyên và chặt chẽ để cùng vận động quần chúng thực hiện đường lối, chính sách của Đảng. Mối quan hệ hợp tác, phối hợp này đã được thể chế hóa trong nhiều luật, pháp lệnh của Quốc hội và Ủy ban thường vụ Quốc hội, nghị định, chỉ thị của Chính phủ, đã thể hiện rõ trong việc chỉ đạo thực hiện nhiều chương trình, mục tiêu và dự án phát triển kinh tế, xã hội. Nhưng sự phối hợp, hợp tác giữa chính quyền với Mặt trận và các đoàn thể còn cần được tăng cường, xây dựng thành nền nếp thường xuyên, thành các quy chế cụ thể, để đạt hiệu quả cao hơn.

Có 2 vấn đề mà tôi thấy cần được nghiên cứu sâu hơn và chỉ đạo tập trung hơn trong thời gian tới.

Một là, vận động, giáo dục, thuyết phục, hướng dẫn như thế nào để đông đảo nhân dân và thanh niên ta hiểu đúng về sự phát triển của nước ta đi lên chủ nghĩa xã hội, hiểu đúng về mục tiêu tổng quát dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng và văn minh ; hiểu đúng và có hành động đúng trong cách sống và lối sống của mỗi người, mỗi gia đình và trong quan hệ xã hội.

Cùng với những thành tựu lớn của quá trình đổi mới, đại bộ phận thanh niên nước ta đã phát huy được nhiệt tình, sức sống, ý thức tự lập, thái độ tự tin, tính năng động của tuổi trẻ trong lao động, học tập, hoạt động kinh tế, văn hóa, xã hội, phục vụ quốc phòng, an ninh. Thanh niên ta rất tha thiết với sự nghiệp dân giàu, nước mạnh, mong muốn nước Việt nam ta sớm trở thành một nước phát triển, một nước công nghiệp, không thua kém các nước trong khu vực và trên thế giới. Điều đó thể hiện ý thức tự chủ, lòng yêu nước, lòng tự hào dân tộc được nâng cao.

Nhưng trong không ít người, không ít thanh niên, nhận thức về con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta không được rõ lắm. Ngay đối với nhiều đoàn viên thanh niên cộng sản, nhận thức về định hướng xã hội chủ nghĩa cũng chưa thật rõ ràng. Thực tế là đang có một bộ phận nhân dân, một bộ phận thanh niên phấn đấu làm giàu, tăng thêm thu nhập cho bản thân và gia đình, nhưng đối xử với mọi người một cách ích kỷ, thiếu tình nghĩa, học đòi lối sống cá nhân tư sản phương Tây, quay trở lại mê tín dị đoan.

Tôi cho rằng công tác tuyên truyền, giáo dục thanh niên về nội dung của chủ nghĩa xã hội, về định hướng xã hội chủ nghĩa mấy năm qua chưa có hiệu quả cao. Đề nghị trong thời gian tới, các cơ quan có trách nhiệm về tuyên truyền giáo dục của Đảng, chính quyền và đoàn thể đi sâu hơn vào vấn đề tuyên truyền, giáo dục xã hội chủ nghĩa, cả về nội dung và về phương pháp, làm cho thanh niên ta hiểu rõ mối quan hệ giữa mục tiêu *dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, văn minh* với mục tiêu *xã hội chủ nghĩa* ; mối quan hệ giữa vận dụng cơ chế thị trường và xây dựng nhân sinh quan xã hội chủ nghĩa.

Hai là, từ yêu cầu thực tế và sự phát triển của sự nghiệp đổi mới, tính chất xã hội hóa trong các hoạt động kinh tế - xã hội ở nước ta ngày càng tăng lên. Trong lĩnh vực kinh tế đang phát triển nhanh chóng và sôi động các hoạt động sản xuất, kinh doanh của các thành phần kinh tế, của từng người dân, từng gia đình, từng cộng đồng thôn xóm, xã phường, từng đơn vị kinh tế, từng địa phương. Các hoạt động giáo dục, y tế, văn hóa, chăm sóc người có công với cách mạng, giúp đỡ người nghèo, người gặp khó khăn, phòng chống tệ nạn xã hội... cũng mang tính chất xã hội hóa rộng rãi, được nhân dân tham gia một cách chủ động và tự nguyện, nhiều công việc đã trở thành phong trào quần chúng sâu rộng và có hiệu quả. Những hoạt động có tính chất xã hội hóa ấy đặt ra một nhu cầu về tổ chức và hoạt động của các hội quần chúng theo nghề nghiệp, theo

Digitized by Google

giới và theo lứa tuổi, các tổ chức xã hội nhân đạo, từ thiện.

Cho đến nay, các cơ quan có trách nhiệm của Đảng và Chính phủ chưa xác định được thật rõ các nguyên tắc và các biện pháp chung để chỉ đạo giải quyết vấn đề lập hội và quản lý hoạt động của các hội quần chúng, chưa có các tiêu chuẩn xác định các loại tổ chức : tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội - nhân đạo - từ thiện ; chưa định được nguyên tắc cho loại tổ chức nào chỉ hoạt động ở cơ sở, loại tổ chức nào cần lập ở quy mô toàn quốc, loại tổ chức nào cần lập ở cả 4 cấp, loại nào chỉ lập ở 2 cấp hoặc 3 cấp. Chưa quy định được thật rõ loại tổ chức nào thì Nhà nước bảo đảm các nhu cầu hoạt động, loại tổ chức nào được hỗ trợ một phần, loại tổ chức nào phải tự trang trải chi phí. Cũng chưa định rõ các yêu cầu về lập hội phù hợp với tình hình thực tế của nước ta, bao nhiêu là nhiều, bao nhiêu là ít, loại nào cần khuyến khích. Cơ chế quản lý của Nhà nước đối với các hội, mối quan hệ giữa các hội với các cơ quan chính quyền ở trung ương và các địa phương cũng chưa thật rõ.

Theo tôi, đây là một trong những vấn đề mới trong công tác dân vận của Đảng và công tác quản lý của Nhà nước. Muốn động viên nhân dân tham gia rộng rãi và có hiệu quả vào các hoạt động kinh tế - văn hóa - xã hội, thực hiện có kết quả phương châm "Nhà nước và nhân dân cùng làm", thì cần khuyến khích các hình thức tổ chức quần chúng rộng rãi, ngoài các đoàn thể chính trị - xã hội do Đảng trực tiếp lãnh đạo. Các đoàn thể chính trị không thể làm hết những loại hoạt động xã hội rất phong phú, đa dạng, phù hợp với yêu cầu và khả năng của từng nhóm người, từng đối tượng khác nhau. Nhưng Đảng và Chính phủ phải lãnh đạo và quản lý chặt chẽ việc lập hội và hoạt động của các hội quần chúng, để các tổ chức này hoạt động thiết thực, có hiệu quả, đúng pháp luật của Nhà nước, không để xảy ra tình trạng lạm dụng, tiêu cực, làm trái chính sách, trái pháp luật.

Đề nghị Ban dân vận của Đảng cùng các cơ quan quản lý của Nhà nước phối hợp nghiên cứu để Ban bí thư trung ương Đảng và Chính phủ sớm quyết định các chủ trương, nguyên tắc giải quyết vấn đề này ❑

Dân vận...

(Tiếp theo trang 21)

dân. Giải quyết kịp thời, thỏa đáng những khiếu tố của dân. Xây dựng hệ thống dân nguyện theo yêu cầu mới.

- Thể chế hóa vai trò tham gia quản lý nhà nước của Mặt trận và các đoàn thể ; đặc biệt chú trọng vai trò đại diện, tư vấn, phản biện và giám sát xã hội đối với hoạt động của chính quyền. Nhà nước đầu tư thỏa đáng cho sự nghiệp chính trị và công tác xã hội. Nghiên cứu sửa đổi, bổ sung quy chế để các đại biểu Mặt trận và các đoàn thể thực hiện tốt hơn vai trò đại diện tổ chức của mình trong Quốc hội và Hội đồng nhân dân. Xây dựng và hoàn thiện quy chế phối hợp giữa chính quyền, Mặt trận, đoàn thể ở các cấp.

3 - *Tiếp tục đổi mới tổ chức và hoạt động của Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể và các tổ chức chính trị, xã hội.*

Cần củng cố, mở rộng tổ chức và hoạt động của Mặt trận ; thực hiện tốt việc hiệp thương, phối hợp hành động giữa các thành viên của Mặt trận. Tiếp tục phát triển các hình thức phong phú, đa dạng nhằm tập hợp được đông đảo mọi tầng lớp nhân dân hướng về mục tiêu chung : "dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng và văn minh".

Các đoàn thể và các tổ chức chính trị, xã hội đổi mới tổ chức và hoạt động theo hướng phong phú, đa dạng, thiết thực, sát cơ sở, sát quần chúng.

Chủ tịch Hồ Chí Minh thường nói : "Lực lượng của dân rất to. Việc dân vận rất quan trọng. Dân vận kém thì việc gì cũng kém. Dân vận khéo thì việc gì cũng thành công"(1) Quả thật đúng như vậy ❑

(1) Hồ Chí Minh : *Toàn tập*, Nxb Sự thật, Hà nội, 1985, t 5, tr 301

Digitized by Google

DÂN VẬN KHÉO THÌ VIỆC GÌ CŨNG THÀNH CÔNG

NGHỊ quyết Hội nghị lần thứ tám của Ban chấp hành trung ương Đảng (khóa VII) về "Đổi mới công tác quần chúng của Đảng, tăng cường mối quan hệ giữa Đảng và nhân dân" (gọi tắt là NQTƯ 8B, hay Nghị quyết về dân vận) đến nay đã qua 5 năm thực hiện. 5 năm qua, những nội dung của NQTƯ 8B đã được Đảng ta cụ thể hóa bằng các nghị quyết của Trung ương, của Bộ chính trị về đại đoàn kết dân tộc ; về chính sách và công tác vận động đối với một số giai cấp và tầng lớp nhân dân. Việc đổi mới công tác dân vận của Đảng nói riêng và của cả hệ thống chính trị dưới sự lãnh đạo của Đảng nói chung đã có những bước tiến khá rõ rệt.

1- *Về phần Đảng*, trong những năm qua, Trung ương và các cấp bộ đảng đã có nhiều chủ trương, chính sách và những biện pháp chỉ đạo cụ thể nhằm tăng cường và đổi mới công tác dân vận. Điều đó đã bước đầu tạo ra được sự chuyển biến trong Đảng về nhận thức, trách nhiệm và sự phối hợp trong tổ chức thực hiện cũng chặt chẽ hơn, đồng bộ hơn, đạt hiệu quả cao hơn. Điều có ý nghĩa quyết định là nhiều chủ trương, chính sách của Đảng ngày càng sát thực tế, đáp ứng đúng lợi ích và phát huy được tiềm năng cách mạng to lớn của nhân dân. Các nghị quyết, chỉ thị của Đảng về xây dựng giai cấp công nhân, nông dân ; về công tác thanh niên, phụ nữ ; về vấn đề dân tộc, tôn giáo, người Việt nam định cư ở nước ngoài... nhìn chung được đông đảo nhân dân đồng tình hưởng ứng.

Phương thức lãnh đạo của Đảng đối với bộ máy nhà nước, Mặt trận và các đoàn thể có nhiều đổi mới. Hầu hết các địa phương đã thực hiện chế độ giao ban hằng tháng, hằng quý giữa Đảng, chính quyền và khối dân vận để nắm chắc tình hình nhân dân, giải quyết kịp thời những vấn đề nảy sinh trong nhân dân, phối hợp động viên, tổ chức phong trào quần chúng hành động cách mạng.

2 - *Nhà nước* đã có nhiều chính sách, nhiều chương trình dự án về phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội hợp lòng dân và do đó khi thực hiện có hiệu quả. Quyền làm chủ của nhân dân trong việc tham gia quản lý nhà nước, quản lý kinh tế, xã hội cũng đang từng bước được thể chế hóa. Việc tiếp xúc với cử tri, giải quyết đơn thư khiếu nại, tố cáo của công dân được chú ý hơn. Chương trình cải cách thủ tục hành chính đang được tiến hành ; nhiều sửa đổi bước đầu đã giảm được phiền hà cho nhân dân.

Mối quan hệ giữa chính quyền với Mặt trận và các đoàn thể được quy định rõ trong Hiến pháp và trong Luật tổ chức chính phủ. Chính quyền ở trung ương cũng như ở nhiều địa phương và một số ngành đã phối hợp khá chặt chẽ với Mặt trận và các đoàn thể trong việc vận động nhân dân thực hiện pháp luật, chính sách và chăm lo đời sống, phúc lợi của nhân dân.

3 - Hoạt động của *Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể nhân dân* trong công tác dân vận có nhiều đổi mới cả về tổ chức, nội dung và phương thức hoạt động.

Mặt trận Tổ quốc với chương trình hành động 12 điểm đã chú ý phát huy vai trò xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân vì sự nghiệp đổi mới. Mặt trận đã động viên nhân dân tham gia xây dựng Hiến pháp, luật pháp, tích cực tham gia bầu cử Quốc hội và Hội đồng nhân dân các cấp. Nhiều cuộc vận động cách mạng huy động được đông đảo nhân dân tham gia. Nổi bật là các cuộc vận động : "xóa

Digitized by Google

đói giảm nghèo", "đền ơn đáp nghĩa", "ủng hộ nhân dân Cu-ba", và gần đây là cuộc vận động "toàn dân đoàn kết xây dựng cuộc sống mới trên địa bàn dân cư" đã có tác dụng giáo dục chính trị, nâng cao ý thức cách mạng của nhân dân. Việc chăm lo đời sống những người cao tuổi, những gia đình chính sách ; việc gần gũi, động viên các chức sắc tôn giáo, những nhân sĩ, trí thức, những đại biểu Việt kiều, các già làng, trưởng bản đã có tác dụng tích cực.

Các đoàn thể quần chúng và các tổ chức chính trị - xã hội đã hướng hoạt động của mình vào việc chăm lo lợi ích của đoàn viên, hội viên ; gắn kết lợi ích thiết thân của các tầng lớp nhân dân với các phong trào hành động cách mạng, đoàn kết đoàn viên, hội viên vì sự nghiệp chung của đất nước ; coi trọng những hình thức tập hợp đa dạng ở cơ sở, qua đó mà củng cố và phát triển đoàn viên, hội viên, xã hội hóa các hoạt động của tổ chức mình. *Hội liên hiệp phụ nữ* với *5 chương trình trọng tâm* và *2 cuộc vận động lớn* : "Phụ nữ giúp nhau làm kinh tế gia đình", "Nuôi dạy con tốt, góp phần hạn chế trẻ em suy dinh dưỡng và bỏ học" đã đáp ứng được lợi ích của các tầng lớp phụ nữ, vừa phục vụ yêu cầu trước mắt, vừa thể hiện sự chăm lo phát triển giống nòi. Nhiều dự án, chương trình của Hội được chỉ đạo chặt chẽ đến tận cơ sở đạt hiệu quả cao, tập hợp được đông đảo giới nữ vào sinh hoạt hội với nhiều hình thức phong phú, hấp dẫn. *Công đoàn* với *3 chương trình* đã quan tâm hơn đến việc chăm lo và bảo vệ lợi ích chính đáng của người lao động, tăng cường các hoạt động xã hội, đẩy mạnh phong trào lao động sáng tạo, phát triển thêm nhiều công đoàn ngành nghề mới, bước đầu mở rộng việc tổ chức công đoàn ở các doanh nghiệp ngoài quốc doanh. *Hội nông dân* có nhiều hình thức vận động nông dân sản xuất giỏi, đẩy mạnh các hoạt động khuyến nông, làm kinh tế VAC, thực hiện chương trình "xóa đói, giảm nghèo", xây dựng nông thôn mới. *Đoàn TNCS Hồ Chí Minh* với các phong trào "thanh niên lập nghiệp", "tuổi trẻ giữ nước"... đã có nhiều hoạt động đáp ứng đúng nguyện vọng của thanh niên, cổ vũ thanh niên lập công trên trận tuyến mới. Đoàn chẳng những đã khắc phục được tình trạng giảm sút đoàn viên mà còn phát triển được thêm nhiều đoàn viên mới. *Hội cựu chiến binh* trong thời gian không dài đã mở rộng tổ chức đến hầu hết cơ sở, chăm lo tốt hơn đời sống và phát huy vai trò nòng cốt của các cựu chiến binh trong việc giáo dục thế hệ trẻ, giữ gìn an ninh chính trị ở địa phương. *Liên hiệp các hội khoa học kỹ thuật, Hội liên hiệp văn học nghệ thuật, Liên hiệp các tổ chức hòa bình hữu nghị* đã phát triển thêm nhiều thành viên mới. Các hội đã có nhiều hoạt động giúp nhau phát triển tài năng. Một số hội đã làm được vai trò tư vấn, phản biện khoa học, góp phần giữ gìn và phát huy bản sắc văn hóa dân tộc, mở rộng hợp tác với nhiều nước trên thế giới. Với quan điểm đa dạng hóa các hình thức tổ chức, tập hợp nhân dân, 5 năm qua đã có thêm 50 hội mới ở quy mô toàn quốc, đưa tổng số hội lên 166, chưa kể các hội thành lập ở các địa phương. Hệ thống tổ chức của các hội khá linh hoạt; nhiều hội hoạt động có hiệu quả, đáp ứng được nhu cầu, nguyện vọng của hội viên nên hội viên tham gia một cách tự giác. Hội chữ thập đỏ và Hội làm vườn là những điển hình rõ nét. Những hội này đã tập hợp hàng triệu hội viên ; có mối quan hệ quốc tế, có nhiều thành tích trên các lĩnh vực cứu trợ, hoạt động nhân đạo, phát triển nông nghiệp, nông thôn... *Các hình thức tự quản* trong các làng, xã, phường, buôn, ấp, khối phố với nhiều hoạt động phong phú có sự phát triển tích cực. Hoạt động tự quản về trật tự trị an, hòa giải, vệ sinh môi trường, giúp đỡ nhau trong cuộc sống... đã phát huy được tinh thần đoàn kết, đáp ứng những vấn đề nảy sinh trong cộng đồng. Nhiều hình thức hoạt động như: lễ hội truyền thống, sinh hoạt đồng hương, đồng học, đồng ngũ... phát triển. Vai trò của gia đình trong phát triển kinh tế, giữ gìn truyền thống, đạo đức, chăm lo nuôi dạy con cháu... đã bước đầu được phát huy.

*
* *

Digitized by Google

Do công tác vận động quần chúng được Đảng và cả hệ thống chính trị quan tâm cho nên 5 năm qua, phong trào cách mạng của nhân dân được đẩy mạnh :

- *Trên lĩnh vực kinh tế*, phong trào nhân dân sản xuất kinh doanh khá sôi nổi, tạo nên năng suất, chất lượng và nhịp độ tăng trưởng cao. Ở nông thôn, nông dân phát huy quyền tự chủ xây dựng kinh tế hộ gia đình, tích cực hưởng ứng chủ trương chuyển dịch cơ cấu kinh tế, đi vào thâm canh, chuyển đổi mùa vụ, cơ cấu cây trồng, vật nuôi, nâng cao giá trị sản phẩm hàng hóa. Hàng triệu hộ nông dân đạt danh hiệu "sản xuất giỏi". Ở thành thị và các khu công nghiệp, giai cấp công nhân và các tầng lớp nhân dân chủ động tham gia sắp xếp lại sản xuất, phát triển ngành nghề, đẩy mạnh sản xuất, kinh doanh, dịch vụ, tự tạo việc làm. Nhiều sản phẩm mới ra đời đã cạnh tranh được với sản phẩm của nước ngoài. Nhiều công trình trọng điểm được hoàn thành với chất lượng tốt (dầu khí, thủy điện, đường dây 500 kV...). Đã xuất hiện nhiều điển hình làm giàu chính đáng và những hình thức hợp tác mới, đa dạng trong công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, dịch vụ để giúp nhau giải quyết các yêu cầu về sức lao động, vốn, kỹ thuật, dịch vụ và tiêu thụ sản phẩm.

- *Trên lĩnh vực xã hội* xuất hiện nhiều phong trào có tầm vóc lớn. Phong trào "xóa đói, giảm nghèo" đi đối với khuyến khích làm giàu hợp pháp là phong trào tổng hợp có tác dụng nhiều mặt, thể hiện bản chất tốt đẹp của chế độ ta và truyền thống "lá lành đùm lá rách" của dân tộc. Bằng nhiều biện pháp và với nhiều lực lượng tham gia, mỗi năm cả nước giảm được 2% số hộ nghèo. Phong trào "đền ơn đáp nghĩa", chăm sóc thương binh, gia đình liệt sĩ, những người có công với nước, với rất nhiều hình thức phong phú, sinh động như "ngôi nhà tình nghĩa", "tặng sổ tiết kiệm", "áo lụa tặng bà"... đã thật sự khơi dậy được đạo lý "uống nước nhớ nguồn". Cuộc vận động xây dựng cuộc sống mới ở khu dân cư cũng như cuộc vận động gia đình, ông bà, cha mẹ mẫu mực, con cháu hiếu thảo do Mặt trận Tổ quốc Việt nam phát động đang có triển vọng tốt. Các hoạt động nhân đạo từ thiện, giúp đỡ đồng bào bị thiên tai, người tàn tật, người già cô đơn, trẻ mồ côi,... phát triển rộng ở các địa phương. Chủ trương xã hội hóa giáo dục, y tế, dân số - kế hoạch hóa gia đình, chăm sóc bà mẹ, trẻ em, xây dựng "điện, đường, trường, trạm" ở nông thôn được nhân dân hưởng ứng tích cực. Các hoạt động thông tin đại chúng, văn hóa, văn nghệ, thể dục thể thao cũng được đẩy mạnh. Nhân dân đã góp hàng nghìn tỉ đồng, hàng triệu ngày công cho các công trình phúc lợi chung. Phong trào học ngoại ngữ, kỹ thuật, tin học, nghề nghiệp phát triển mạnh trong giới trẻ ở thành phố, thị xã, thị trấn và các vùng ven đô. Các hình thức lập quỹ khuyến học, khuyến tài được đông đảo nhân dân hưởng ứng.

- *Trên lĩnh vực an ninh - quốc phòng*, phong trào nhân dân tham gia củng cố dân quân, tự vệ, xây dựng quân đội, giữ gìn an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội đã nâng cao một bước sức mạnh chiến đấu của lực lượng vũ trang, củng cố thế trận quốc phòng toàn dân và an ninh nhân dân.

Thực tiễn phong trào cách mạng của nhân dân trong thời kỳ đổi mới cho chúng ta thấy : Phong trào là hành động tự giác của nhân dân. Động lực của phong trào là việc đáp ứng những lợi ích thiết thực, chính đáng của nhân dân trong mối quan hệ hài hòa các lợi ích, thống nhất quyền lợi và nghĩa vụ. Để phong trào có tính bền vững, động lực đó phải gắn với việc không ngừng nâng cao giác ngộ của nhân dân, và trên những lĩnh vực cụ thể, yếu tố khoa học kỹ thuật, yếu tố vật chất cũng có ý nghĩa rất quan trọng. Hình thức của phong trào cũng rất phong phú, đa dạng. Có phong trào không nhất thiết phải ra quân ồ ạt. Nhiều khi chỉ một chủ trương, chính sách hợp lòng dân, được truyền đạt đầy đủ đến nhân dân cũng đã khởi động được một phong trào lớn. Hoặc có khi chỉ từ một sáng kiến của nhân dân ở một địa phương, một cơ sở nào đó phù hợp với yêu cầu, nguyện vọng chung được tổng kết và phổ biến kịp thời

Digitized by Google

cũng có thể trở thành phong trào rộng rãi. Do vậy, để có những phong trào của nhân dân phát triển đúng hướng cần quán triệt các yếu tố cơ bản sau đây : *Một là*, có chính sách, cơ chế hợp lòng dân, hợp quy luật ; tạo được động lực và môi trường thuận lợi để phát huy tính tự giác hưởng ứng của đông đảo nhân dân. *Hai là*, có mục tiêu, nhiệm vụ cụ thể, thiết thực. *Ba là*, có quyết tâm cao, có sự phối hợp đồng bộ trong tổ chức chỉ đạo thực hiện ; đặc biệt là sự phối hợp nhịp nhàng, ăn khớp giữa các cấp, các ngành, với chính quyền, Mặt trận và các đoàn thể dưới sự chỉ đạo tập trung của cấp ủy đảng. *Bốn là*, đầu tư điều kiện vật chất kỹ thuật thích đáng ; đồng thời phát huy mạnh mẽ phong trào "nhà nước và nhân dân cùng làm".

Trong thời gian qua, phong trào cách mạng của nhân dân ở mặt này, mặt khác còn có những hạn chế cũng chính vì chưa hội tụ được đầy đủ các yếu tố cơ bản nêu trên.

*
* *

Phương hướng, nhiệm vụ chung của công tác dân vận từ nay đến năm 2000 là : *Nắm vững đường lối quần chúng và phương pháp cách mạng của Đảng ; tiếp tục quán triệt và phát triển các quan điểm chỉ đạo đổi mới công tác dân vận tạo được sự chuyển biến đồng bộ của cả hệ thống chính trị, nhằm mở rộng khối đại đoàn kết dân tộc, phát huy mạnh mẽ vai trò làm chủ đi đôi với nâng cao trình độ mọi mặt của nhân dân, cần kiệm thực hiện công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, góp phần tích cực ổn định chính trị, không ngừng củng cố mối quan hệ giữa Đảng và nhân dân, xây dựng nhà nước thật sự "của dân, do dân, vì dân", tích cực tham gia mở rộng quan hệ đối ngoại, giữ vững độc lập, chủ quyền quốc gia, phấn đấu thực hiện mục tiêu "dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, văn minh".*

Trên cơ sở phương hướng, nhiệm vụ chung đó, cần thực hiện tốt một số nhiệm vụ cụ thể sau đây :

1 - *Hoàn thiện các chính sách đối với các giai cấp, tầng lớp xã hội ; thực hiện đại đoàn kết dân tộc ở tầm cao mới và chiều sâu mới ; bảo đảm cho các giai cấp và tầng lớp đó đáp ứng kịp với những đòi hỏi mới của thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.*

- Đối với giai cấp công nhân : Cần quan tâm đặc biệt đến việc nâng cao giác ngộ giai cấp mà nội dung chủ yếu là đường lối, chính sách của Đảng trong giai đoạn hiện nay. Bồi dưỡng cho họ truyền thống yêu nước, tinh thần độc lập tự chủ, ý chí tự lực tự cường, tác phong công nghiệp, ý thức tổ chức kỷ luật và tinh thần lao động sáng tạo. Chăm lo đầu tư cho việc xây dựng quy hoạch đào tạo bồi dưỡng công nhân lao động theo yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Sửa đổi bổ sung, hoàn chỉnh các chính sách ; giải quyết kịp thời những vấn đề bức xúc, nhằm ổn định đời sống của công nhân, người lao động và bảo vệ lợi ích chính đáng của họ.

- Đối với giai cấp nông dân : Hoàn chỉnh việc giao đất, giao rừng cho nông dân để họ ổn định sản xuất. Mở rộng các hình thức tín dụng, giúp nông dân vay vốn sản xuất một cách dễ dàng. Có chính sách bảo hộ một số nông sản quan trọng. Lập quỹ bảo hộ nông dân khi gặp thiên tai hoặc có những biến động lớn về giá cả. Thực hiện chương trình xóa đói, giảm nghèo, chăm lo phát triển văn hóa, nâng cao dân trí, mở rộng dân chủ và phổ cập pháp luật cho nông dân. Củng cố kinh tế hợp tác ở nông thôn trên cơ sở tự nguyện, bình đẳng, tương trợ, cùng có lợi và quản lý dân chủ. Xây dựng nông thôn mới.

- Đối với trí thức và văn nghệ sĩ : Đầu tư mở rộng đào tạo đại học và trên đại học với nhiều hình thức ; đặc biệt coi trọng chất lượng đào tạo. Có chính sách giúp đỡ con em công nhân, nông dân và dân tộc ít người được học tập và đào tạo thành những trí thức. Chăm lo bồi dưỡng và trẻ hóa đội ngũ trí thức. Có chính sách trọng dụng nhân tài và các trí thức đầu đàn ; tạo điều kiện cho họ tiếp cận thông tin, tham gia các hoạt động

Digitized by Google

khoa học ở trong nước và quốc tế. Khuyến khích lao động sáng tạo của văn nghệ sĩ ; bảo đảm quyền tác giả ; lập quỹ trợ giúp sáng tạo ; có các giải thưởng và danh hiệu thích hợp đối với văn nghệ sĩ. Đặc biệt coi trọng công tác chính trị tư tưởng đối với trí thức, văn nghệ sĩ và sinh viên.

- Đối với giới kinh doanh tư nhân : Khuyến khích giới kinh doanh tư nhân phát triển sản xuất, kinh doanh trong những ngành, lĩnh vực mà pháp luật không cấm. Kịp thời động viên mặt tích cực, hạn chế mặt tiêu cực của họ trong quá trình phát triển. Mở rộng liên doanh liên kết giữa kinh tế nhà nước và kinh tế tư nhân dưới hình thức tư bản nhà nước. Tạo điều kiện thuận lợi cho các nhà doanh nghiệp tư nhân tiếp thị, tiếp thụ công nghệ mới.

- Đối với thanh niên : Đầu tư hơn nữa cho các loại hình đào tạo, bồi dưỡng lớp trẻ. Có chính sách thu hút, động viên thanh niên thành lực lượng xung kích trong việc thực hiện các chương trình kinh tế - xã hội. Ủng hộ những sáng kiến của Đoàn TNCS Hồ Chí Minh trong việc động viên thanh niên lập nghiệp và bảo vệ Tổ quốc.

- Đối với phụ nữ : Giúp đỡ phụ nữ phát triển kinh tế gia đình, ổn định đời sống. Nâng cao trình độ mọi mặt cho phụ nữ ; đào tạo cán bộ nữ trong các lĩnh vực ; tăng tỷ lệ nữ trong Đảng và trong bộ máy lãnh đạo các cấp. Chăm lo bảo vệ sức khỏe phụ nữ và trẻ em ; xây dựng gia đình no ấm, bình đẳng, tiến bộ, hạnh phúc.

- Đối với người cao tuổi, người có công với cách mạng và các đối tượng chính sách: Bên cạnh việc thực hiện các chính sách chăm lo đời sống vật chất, động viên tinh thần, cần phát huy uy tín và năng lực của các đối tượng này trong việc động viên con cháu, xây dựng cơ sở.

- Đối với dân tộc thiểu số : Thực hiện chương trình phát triển kinh tế - xã hội miền núi, đẩy nhanh tốc độ tăng trưởng kinh tế, giải quyết các vấn đề xã hội bức xúc, tạo ra sự phát triển kinh tế - xã hội cho các vùng đồng bào dân tộc.

- Đối với đồng bào các tôn giáo : Cần quán triệt chính sách tự do tín ngưỡng và tự do không tín ngưỡng ; bảo đảm những sinh hoạt tôn giáo bình thường và đúng pháp luật; chống mọi hành vi vi phạm chính sách tôn giáo cũng như lợi dụng tôn giáo để phá hoại sự nghiệp cách mạng của nhân dân ta. Chăm lo phát triển kinh tế, văn hóa xã hội, xóa đói giảm nghèo cho đồng bào các tôn giáo, giúp đồng bào ổn định và cải thiện đời sống, không ngừng nâng cao dân trí.

- Đối với người Việt nam ở nước ngoài: Mở rộng thông tin bằng nhiều hình thức để đồng bào ngày càng có những hiểu biết đúng đắn về đất nước. Thu hút họ hướng về Tổ quốc bằng các chính sách : ưu đãi trong việc đầu tư vốn, chuyển giao công nghệ về đất nước ; khuyến khích các hoạt động tư vấn, đào tạo chuyên gia cho các cơ sở sản xuất, kinh doanh và các chương trình kinh tế - xã hội trong nước ; tạo điều kiện thuận lợi cho họ dễ dàng về thăm quê hương, gia đình, họ hàng, làng xóm.

2 - *Xây dựng và thực hiện cơ chế bảo đảm quyền làm chủ của nhân dân.*

- Quyền làm chủ của nhân dân được thực hiện thông qua bộ máy nhà nước bằng cơ chế "dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra". *Dân biết* là khâu đầu tiên để dân thực sự làm chủ. Vì thế, mọi chủ trương, chính sách liên quan đến nghĩa vụ và quyền lợi của nhân dân cần được thông tin kịp thời đến nhân dân. Để cho *dân bàn,* cần biết khêu gợi sáng kiến của nhân dân và tiếp thu những ý kiến đóng góp đúng của nhân dân. *Dân kiểm tra* là biểu hiện cao nhất quyền làm chủ của nhân dân. Vì thế, cần đề ra một số chế độ công khai trong hoạt động của cơ quan nhà nước và của những người thừa hành công vụ để dân kiểm tra, giám sát.

- Cần xây dựng và thực hiện quy chế phục vụ nhân dân. Các cơ quan tiếp xúc với dân cần có quy chế, có nơi tiếp dân chu đáo; khắc phục tệ cửa quyền, gây phiền hà cho

(Xem tiếp trang 16)

Digitized by Google

ĐI CHÚC CHÍNH TRỊ CỦA LÊ-NIN

PHẠM VĂN KHÁNH *

CUỐI năm 1922 V.I. Lê-nin ốm nặng. Biết bệnh tình trầm trọng, không thể qua khỏi, Người đã đọc cho ban thư ký của mình ghi lại những suy nghĩ về các vấn đề mà Người cho là "quan trọng nhất". Đó là những bức thư và những bài viết cuối cùng được ghi lại vào khoảng thời gian từ 23-12-1922 đến 2-3-1923 gồm : "Thư gửi Đại hội" ; "Về việc trao chức năng lập pháp cho Ủy ban kế hoạch nhà nước" ; "Về vấn đề dân tộc hoặc vấn đề tự trị hóa" ; "Những trang nhật ký" ; "Bàn về chế độ hợp tác xã"; "Về cuộc cách mạng của chúng ta" ; "Chúng ta phải cải tổ Bộ dân ủy thanh tra công nông như thế nào ?" ; "Thà ít mà tốt"...

Những bức thư và những bài viết nêu trên của V.I. Lê-nin là sự tổng kết kinh nghiệm những năm đầu xây dựng chủ nghĩa xã hội ở nước Nga xô viết ; đồng thời đó cũng là những di chúc chính trị để lại cho Đảng cộng sản, Nhà nước và nhân dân Liên xô, cũng như những người theo chủ nghĩa Mác - Lê-nin trên toàn thế giới. Những bức thư và những bài viết đó gắn bó với nhau một cách hữu cơ. Đó là một thể thống nhất những dòng tư tưởng của Lê-nin về cuộc cách mạng xã hội chủ nghĩa ở nước Nga ; về cương lĩnh, kế hoạch xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Liên xô ; về việc củng cố và nâng cao vai trò lãnh đạo của Đảng cộng sản ; về mối quan hệ giữa các dân tộc trên đất nước xô viết ; về việc củng cố và hoàn thiện bộ máy nhà nước xô viết ; về nguyên tắc để thống nhất các nước cộng hòa xô viết v.v..

Dưới đây, tôi xin tóm lược một số nội dung cơ bản trong những di chúc chính trị của V.I. Lê-nin.

VỀ CON ĐƯỜNG ĐI LÊN CHỦ NGHĨA XÃ HỘI Ở NƯỚC NGA

Cách mạng Tháng Mười thành công, giai cấp công nhân, nhân dân lao động nước Nga, dưới sự lãnh đạo của Đảng cộng sản đã đập tan nhà nước của giai cấp tư sản và địa chủ, lập nên nhà nước chuyên chính công nông đầu tiên trên thế giới. Mấy năm đầu dưới chính quyền xô viết, giai cấp công nhân, nhân dân lao động nước Nga đã làm nên một "sự nghiệp lịch sử vĩ đại" là bảo vệ được Tổ quốc xã hội chủ nghĩa đầu tiên trên thế giới trước sự bao vây, đe dọa, tấn công, phá hoại của bọn đế quốc bên ngoài và bọn phản động trong nước. Nhà nước xô viết non trẻ ngày càng được củng cố vững chắc, nạn đói được đẩy lùi, đời sống của nhân dân dần dần được ổn định, sản xuất bước đầu được phục hồi... Song "đó mới chỉ là nửa nhiệm vụ" của cuộc cách mạng xã hội chủ nghĩa. Tại Đại hội XI Đảng cộng sản (b) Nga, trong Báo cáo chính trị của Ban chấp hành trung ương ngày 27 tháng 3 năm 1922 V.I. Lê-nin đã chỉ rõ : Bây giờ vấn đề là phải bố trí lại lực lượng, là đặt *nền móng cho nền kinh tế xã hội chủ nghĩa*. Đó là nhiệm vụ bức thiết trước mắt, đồng thời cũng là nhiệm vụ lâu dài của toàn Đảng, toàn dân. V.I. Lê-nin còn nhấn mạnh thêm: Nếu không thấy được điều đó, không làm được điều đó thì nước Nga xô viết chắc chắn sẽ bị diệt vong.

Để thực hiện nhiệm vụ nặng nề, khó khăn và lâu dài là đặt "nền móng cho nền kinh tế xã hội chủ nghĩa", V.I. Lê-nin, Đảng cộng sản (b) Nga đã vạch ra cương lĩnh và kế hoạch xây dựng chủ nghĩa xã hội ở nước Nga.

* PTS Triết học, báo *Nhân dân*

Digitized by Google

Những kẻ đối địch, kẻ thù của cách mạng Nga (bọn men-sê-vích, bọn cơ hội chủ nghĩa, bọn cải lương nhát gan) đã tìm mọi cách phủ nhận đường lối cách mạng xã hội chủ nghĩa của Đảng cộng sản (b) Nga và của V.I. Lê-nin. Chúng cho rằng nước Nga "chưa đến độ trưởng thành, chưa có những tiền đề khách quan, cần thiết cho việc xây dựng chủ nghĩa xã hội" ; rằng "lực lượng sản xuất của nước Nga chưa đạt đến trình độ phát triển đầy đủ để thực hiện chủ nghĩa xã hội"... Điều nguy hiểm là tất cả bọn chúng đều tự xưng là người mác xít. Bọn chúng đã nhiều lần nhai đi nhai lại bằng đủ mọi giọng điệu rằng V.I. Lê-nin và Đảng cộng sản định xây dựng chủ nghĩa xã hội ở một nước Nga lạc hậu về kinh tế và văn hóa là việc làm hết sức "điên rồ".

Đập lại những luận điệu đó, V.I. Lê-nin viết : "Tất cả bọn chúng đều tự xưng là mác xít, nhưng chúng hiểu chủ nghĩa Mác một cách sách vở hết chỗ nói. Chúng tuyệt nhiên không hề hiểu điểm căn bản trong chủ nghĩa Mác, tức là : biện chứng cách mạng của chủ nghĩa Mác. Thậm chí chúng cũng hoàn toàn không hiểu ngay cả những lời chỉ dẫn trực tiếp của Mác nói rằng trong thời kỳ cách mạng, cần phải hết sức linh hoạt"[1]. V.I. Lê-nin trên cơ sở thế giới quan của chủ nghĩa duy vật hiện đại, đã phân tích một cách hết sức khoa học tình hình, xu thế phát triển của phong trào cách mạng thế giới và triển vọng của cách mạng nước Nga. Người khẳng định rằng : mặc dù còn lạc hậu về kinh tế và văn hóa so với các nước tư bản phát triển ở Tây Âu, song nước Nga xô viết có đủ điều kiện để xây dựng chủ nghĩa xã hội ; đủ sức mạnh để "xây dựng một xã hội xã hội chủ nghĩa toàn vẹn". Những điều kiện đó là : Nhờ có cuộc cách mạng xã hội chủ nghĩa Tháng Mười, chính quyền xô viết đã được thiết lập và không ngừng được củng cố trên cơ sở vững chắc là khối liên minh công nông không gì phá vỡ nổi. Về mặt địa lý, nước Nga xô viết nằm giữa các nước văn minh, lại có nguồn nhân, tài, vật lực dồi dào. Những lực lượng kinh tế căn bản, những xí nghiệp lớn có tính chất quyết định đều nằm trong tay nhân dân, trong tay Nhà nước xô viết.

Con đường xây dựng chủ nghĩa xã hội mà V.I. Lê-nin chỉ ra cho nhân dân lao động nước Nga xô viết là : công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa đất nước, hợp tác hóa nông nghiệp ; xây dựng và phát triển một nền kinh tế mới xã hội chủ nghĩa ; xây dựng nền văn hóa, khoa học và kỹ thuật tiên tiến. Và V.I. Lê-nin khẳng định một cách hết sức tự tin rằng : "Chúng ta đã vạch ra con đường của chúng ta một cách tuyệt đối đúng".

VỀ CÔNG NGHIỆP HÓA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA, HỢP TÁC HÓA NÔNG NGHIỆP VÀ CÁCH MẠNG VĂN HÓA

Trong những tác phẩm và những bài viết trước đây, khi nói đến cơ sở vật chất của chủ nghĩa xã hội, V.I. Lê-nin đã khẳng định đó nhất thiết phải là một nền đại công nghiệp cơ khí hóa có đủ sức cải tạo cả nền nông nghiệp. Tiếp tục luận điểm này, trong những di chúc chính trị của mình, V.I. Lê-nin lại một lần nữa khẳng định : Công nghiệp hóa là cơ sở chủ yếu và duy nhất của chủ nghĩa xã hội. Nếu không công nghiệp hóa thì nước Nga xô viết sẽ diệt vong, sẽ không còn là một nước độc lập nữa. Vì vậy, Người đề nghị Đảng, Nhà nước và nhân dân xô viết phải làm mọi việc và bằng mọi cách để phát triển đại công nghiệp cơ khí, phát triển điện khí hóa. Người còn yêu cầu Nhà nước xô viết phải tập trung mọi nguồn vốn, phải thực hiện một chế độ tiết kiệm *hết sức nghiêm ngặt để xây dựng nền đại công nghiệp*. Cụ thể là phải tích góp dần dần những món tiết kiệm, tăng thêm thuế khóa, để từng bước khôi phục những con đường sắt, máy móc, nhà cửa, v.v. đã bị phá hủy.

V.I. Lê-nin chỉ rõ : giai cấp công nhân, Nhà nước xô viết muốn xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật của chủ nghĩa xã hội, xây dựng đại công nghiệp thì nhất thiết phải dựa trên cơ sở *của sự liên minh kinh tế với nông dân, phải bảo đảm và nâng cao đời sống vật chất và văn hóa cho nhân dân lao động*, chứ

(1) V.I. Lê-nin : *Toàn tập*, Nxb Tiến bộ, Mát-xcơ-va, 1978, t 45, tr 430

Digitized by Google

không thể tiến hành bằng cách "làm phá sản những người sản xuất hàng hóa nhỏ" hay bằng cách "chiếm các thuộc địa" như một số người đã đề nghị.

Trong kế hoạch do V.I. Lê-nin vạch ra để xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Liên-xô, chương trình cải tạo xã hội chủ nghĩa đối với nông nghiệp, nhằm đưa nền kinh tế tiểu nông lên nền kinh tế nông nghiệp sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa, chiếm một vị trí vô cùng quan trọng. Trong bài báo "Bàn về chế độ hợp tác xã" V.I. Lê-nin đã vạch ra một kế hoạch hợp tác hóa hoàn chỉnh nhằm tổ chức lại nền sản xuất nông nghiệp và đời sống nông dân theo các nguyên tắc của chủ nghĩa xã hội.

Theo V.I. Lê-nin, chế độ hợp tác xã là *con đường duy nhất, giản đơn nhất, dễ dàng nhất và dễ tiếp thu nhất* đối với nông dân đi lên sản xuất lớn, đi lên chủ nghĩa xã hội.

V.I. Lê-nin yêu cầu Đảng cộng sản, Nhà nước xô viết, giai cấp công nhân phải ra sức ủng hộ chế độ hợp tác xã ; phải *để cho hợp tác xã được hưởng một số ưu đãi như : được vay vốn ngang với số vốn đầu tư cho công nghiệp nặng ; lãi suất thấp.*

V.I. Lê-nin cũng căn dặn Đảng cộng sản và Nhà nước xô viết phải từng bước đưa nông dân vào các hình thức hợp tác xã thích hợp và phải triệt để tuân theo nguyên tắc tự nguyện, dân chủ, cùng có lợi. Phải hướng dẫn, giúp đỡ nông dân một cách cụ thể vì hợp tác xã nông nghiệp tuy là một xí nghiệp tập thể, song về thực chất là một xí nghiệp xã hội chủ nghĩa.

V.I. Lê-nin còn khẩn thiết kêu gọi Đảng cộng sản, Nhà nước xô viết, giai cấp công nhân bằng mọi cách thực hiện cho được nhiệm vụ khó khăn, lâu dài và phức tạp là tổ chức toàn bộ nông dân vào hợp tác xã, vì chỉ có như thế nước Nga xô viết mới có thể "đứng vững được hai chân trên miếng đất xã hội chủ nghĩa".

Cách mạng văn hóa chiếm một vị trí rất quan trọng trong công cuộc cách mạng xã hội chủ nghĩa. Không thể công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa, không thể cải tạo được nền kinh tế tiểu nông để đi lên sản xuất lớn ở một đất nước mà đa số nhân dân lao động còn mù chữ ; không có đội ngũ cán bộ khoa học kỹ thuật đông đảo; không có đội ngũ công nhân kỹ thuật lành nghề ; không có đội ngũ chuyên gia giỏi về các lĩnh vực văn hóa, khoa học, kỹ thuật... Nói tóm lại là : Không thể tiến hành công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa khi trình độ dân trí còn ở mức thấp hoặc rất thấp. Song, muốn khắc phục được tình trạng đó, V.I. Lê-nin cho rằng cần phải có cả một thời kỳ lịch sử hàng mấy chục năm. Vì thế, Người yêu cầu Đảng cộng sản và Nhà nước xô viết phải chăm lo hết sức đến việc nâng cao dân trí, phải đào tạo cho bằng được đội ngũ trí thức mới có nhiệt tình cách mạng và trung thành tuyệt đối với lý tưởng cộng sản chủ nghĩa, có năng lực chuyên môn giỏi.

Tiến hành cuộc cách mạng văn hóa, theo V.I. Lê-nin, trước hết cần "tiến hành công tác văn hóa trong nông dân". Bởi vì, xây dựng chủ nghĩa xã hội ở một nước tiểu nông trước hết phải nâng cao trình độ văn hóa cho nông dân, làm cho nông dân thấy rõ sự cần thiết phải tham gia vào hợp tác xã. Thực hiện cuộc cách mạng văn hóa trong nông dân chính là nhằm thực hiện mục tiêu kinh tế, thực hiện chế độ hợp tác xã.

V.I. Lê-nin tin tưởng sâu sắc vào sự thực hiện thắng lợi cuộc cách mạng văn hóa ở nước Nga xô viết. Bởi vì, không có nơi nào trên thế giới, quần chúng nhân dân lại tha thiết vươn tới nền văn hóa chân chính như ở nước Nga xô viết. Mặt khác, chính quyền xô viết, Đảng cộng sản, giai cấp công nhân ở đây sẵn sàng chịu đựng và đang chịu đựng những hy sinh to lớn để thực hiện cuộc cách mạng văn hóa, để đưa nước Nga xô viết lạc hậu về kinh tế và văn hóa trở thành nước Nga xứng đáng với danh hiệu là một nước "Cộng hòa xã hội chủ nghĩa xô viết".

VỀ VIỆC CẢI TIẾN VÀ HOÀN THIỆN BỘ MÁY NHÀ NƯỚC, CỦNG CỐ KHỐI ĐOÀN KẾT CÁC DÂN TỘC TRONG LIÊN BANG CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA XÔ VIẾT

Là người sáng lập và đứng đầu Nhà nước xô viết, V.I. Lê-nin đã thấy rất rõ những yếu

Digitized by Google

kém của bộ máy nhà nước xô viết trong những năm đầu thành lập và những nhiệm vụ trọng đại mà nó phải gánh vác trong công cuộc cải tạo và xây dựng đất nước. Vì thế, trong những di chúc chính trị của mình, V.I. Lê-nin đã thể hiện sự quan tâm sâu sắc tới vấn đề cải tiến và hoàn thiện bộ máy nhà nước. Người vạch ra những nguyên nhân yếu kém và những biện pháp để tăng cường hiệu lực quản lý xã hội, quản lý kinh tế, quản lý toàn bộ nước Nga của Nhà nước xô viết, để nó thật sự xứng danh là "bộ máy xã hội chủ nghĩa, bộ máy xô viết".

V.I. Lê-nin đề nghị việc cải tiến bộ máy nhà nước không nên chạy theo số lượng và không nên vội vàng, mà phải triệt để tuân theo phương châm "thà ít mà tốt". Người yêu cầu phải làm cho bộ máy nhà nước xô viết thật trong sạch, cán bộ nhà nước phải hết sức gương mẫu và được quần chúng tín nhiệm. Muốn thế, phải kiên quyết chống kẻ thù nguy hại nhất là chủ nghĩa quan liêu, bệnh hành chính giấy tờ, chủ nghĩa cơ hội; phải kiên quyết thanh trừng những phần tử gian dối, yếu hèn, quan liêu, cơ hội, đục khoét tài sản của nhà nước và của nhân dân. Phải củng cố và xây dựng nhà nước trên nền tảng của khối liên minh công nông trong đó công nhân lãnh đạo nông dân ; từng bước xây dựng và củng cố lòng tin của nông dân đối với công nhân. Phải làm cho bộ máy nhà nước thật sự gọn, mạnh và có hiệu lực, "thật sự mới và thật sự xứng đáng với danh hiệu là bộ máy xã hội chủ nghĩa".

Để đạt được điều đó, V.I. Lê-nin đã chỉ ra những biện pháp tiến hành cải tiến và xây dựng bộ máy nhà nước là : Tăng cường công tác kiểm tra, củng cố các cơ quan kiểm tra của Đảng và Nhà nước, kết hợp công tác của hai cơ quan đó với nhau thật chặt chẽ. Hợp lý hóa tổ chức, tinh giản biên chế, thực hành tiết kiệm, bỏ bớt các ban bệ quá thừa, lựa chọn và bố trí đúng cán bộ, đưa vào bộ máy nhà nước những người ưu tú lấy từ trong công nhân, Hồng quân, trí thức... Người chỉ ra một nhiệm vụ rất quan trọng đặt trước cán bộ nhà nước là : Học, học nữa, học mãi. Việc học tập phải trở thành một bộ phận khăng khít của cuộc sống, ăn sâu vào trí não của từng cán bộ nhà nước. Học tập ở đây bao gồm học văn hóa, học quản lý kinh tế, quản lý xã hội, học buôn bán văn minh, học khoa học kỹ thuật. Học tập phải gắn với công tác chứ không phải học tập để "mưu lợi cá nhân".

V.I. Lê-nin đề nghị việc cải tiến bộ máy nhà nước phải tiến hành có trọng điểm, tập trung vào những khâu then chốt có ý nghĩa quyết định. Người mong muốn xây dựng được một bộ máy nhà nước thật sự trong sạch, giảm bớt tối đa những cái không cần thiết.

Trong những chúc thư, V.I. Lê-nin quan tâm đặc biệt đến vấn đề kế hoạch hóa nền kinh tế quốc dân. Người yêu cầu Ủy ban kế hoạch nhà nước phải được tăng thêm quyền hạn và phải trở thành trung tâm khoa học về kế hoạch. V.I. Lê-nin đề nghị những quyết định của Ủy ban kế hoạch nhà nước, trong những điều kiện nhất định, phải mang tính chất pháp lệnh. Người yêu cầu Ủy ban kế hoạch nhà nước phải là một ủy ban bao gồm các chuyên viên giỏi, toàn tâm, toàn ý và có quyết tâm thực hiện kế hoạch xây dựng kinh tế và xã hội xã hội chủ nghĩa. Chỉ có như thế "kế hoạch" mới trở thành và phải trở thành "cương lĩnh thứ hai của Đảng".

V.I. Lê-nin cũng rất coi trọng việc xác lập những quan hệ qua lại đúng đắn giữa các dân tộc trên đất nước xô viết. Người đã phê phán quan điểm sai lầm của Xta-lin về vấn đề "tự trị hóa", định đưa các nước U-crai-na, Bê-lô-ru-xi-a... vào Liên bang Nga. V.I. Lê-nin cho rằng làm như vậy là từ bỏ những nguyên tắc của chủ nghĩa quốc tế vô sản và không củng cố được tình hữu nghị giữa các dân tộc xô viết trong quá trình cùng đi lên chủ nghĩa xã hội. Trên cơ sở tổng kết kinh nghiệm xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc ở đất nước xô viết và những nguyên tắc của chế độ liên bang xô viết, V.I. Lê-nin đã đề nghị thành lập Liên bang cộng hòa xã hội chủ nghĩa xô viết theo tinh thần tự nguyện, bình đẳng và tự chủ của các nước cộng hòa xô viết. V.I. Lê-nin kịch liệt lên án chủ nghĩa sô vanh nước lớn trong vấn đề dân tộc và vấn đề liên bang các nước cộng hòa. Người yêu cầu Đảng cộng sản và Nhà nước

Digitized by Google

xô viết phải duy trì và củng cố liên minh các nước cộng hòa xã hội chủ nghĩa ; phải có những biện pháp thực tiễn để thực hiện quyền bình đẳng dân tộc ; phải đoàn kết các dân tộc để xây dựng chủ nghĩa xã hội, chống lại âm mưu tiêu diệt chủ nghĩa xã hội của bọn đế quốc phương Tây và để ủng hộ "cho hàng trăm triệu nhân dân châu Á sắp bước lên vũ đài lịch sử theo bước chúng ta trong một tương lai gần đây"(2).

TĂNG CƯỜNG SỰ THỐNG NHẤT CỦA ĐẢNG VỀ CHÍNH TRỊ TƯ TƯỞNG VÀ TỔ CHỨC ; GIỮ VỮNG NGUYÊN TẮC LÃNH ĐẠO TẬP THỂ ; CHỐNG CHIA RẼ, BÈ PHÁI

Trong những chúc thư gửi Đảng cộng sản Liên xô, V.I. Lê-nin đặc biệt quan tâm đến vấn đề vận mệnh của Đảng cộng sản Nga. Vấn đề đó theo V.I. Lê-nin tùy thuộc vào sự thống nhất đoàn kết hay chia rẽ bè phái trong Đảng.

V.I. Lê-nin chỉ ra rằng Ban chấp hành trung ương và Ban kiểm tra trung ương Đảng, toàn thể đảng viên Đảng cộng sản Nga phải có nhiệm vụ theo dõi và phát hiện kịp thời những nhân tố có thể đưa đến sự chia rẽ, bè phái trong Đảng.

V.I. Lê-nin nhắc nhở rằng bọn đế quốc, bọn bạch vệ, bọn phản động trong nước luôn có mưu đồ chống lại nước Nga xô viết. Chúng trông chờ vào sự chia rẽ trong Đảng. Và, để gây ra sự chia rẽ ấy chúng tìm mọi cách thúc đẩy những bất đồng trong nội bộ Đảng. Tăng cường sự thống nhất của Đảng về tư tưởng và tổ chức, bảo đảm nguyên tắc lãnh đạo tập thể, chống chia rẽ, bè phái, chống chủ nghĩa quan liêu, theo V.I. Lê-nin đó là nhân tố có ý nghĩa quyết định "để tập hợp lại lực lượng", khắc phục khó khăn để giải quyết những nhiệm vụ to lớn, nặng nề và lâu dài của cuộc cách mạng xã hội chủ nghĩa ở nước Nga xô viết nhằm thực hiện thắng lợi đường lối chung và kế hoạch xây dựng chủ nghĩa xã hội mà Đảng cộng sản Nga đã vạch ra ❑

(2) V.I. Lê-nin : *Sđd*, t 45, tr 413 - 414

SỰ PHÁT TRIỂN CỦA LÊ-NIN VỀ LÝ LUẬN "CẢI BIẾN CÁCH MẠNG" TRONG THỜI KỲ QUÁ ĐỘ LÊN CHỦ NGHĨA XÃ HỘI

PHẠM VĂN CHÚC *

LIÊN quan đến bước ngoặt mang nhiều ý nghĩa cả về thực tiễn lẫn lý luận đối với phong trào xã hội chủ nghĩa thế giới, có một luận điểm được biết đến khá rộng rãi của Lê-nin. Trong bài "Bàn về chế độ hợp tác xã" (tháng 1-1923), Người viết : "... chúng ta buộc phải thừa nhận là toàn bộ quan điểm của chúng ta về chủ nghĩa xã hội đã thay đổi về căn bản"(1). "Sự thay đổi căn bản đó là ở chỗ: trước đây chúng ta đã đặt và không thể không đặt trọng tâm công tác của chúng ta vào đấu tranh chính trị, vào cách mạng, vào việc giành lấy chính quyền, v.v.. Ngày nay, trọng tâm ấy đã chuyển sang công tác hòa bình tổ chức "văn hóa" (2). Như vậy, ở đây Lê-nin đã đề cập đến việc chuyển hướng ưu tiên giải quyết nhiệm vụ chủ yếu xây dựng chủ nghĩa xã hội trong điều kiện mới : từ giành và giữ chính quyền công nông sang sử dụng và phát huy nó ; từ mở rộng và thúc đẩy cách mạng vô sản trên phạm vi toàn thế giới sang củng cố và phát triển chế độ xã hội mới ở một nước ; từ đấu tranh chính trị - quân sự sang xây dựng kinh tế - kỹ thuật và văn hóa - giáo dục ; từ "quá độ chính trị" đơn thuần, mà cơ bản là cải tạo bộ máy quản lý nhà nước cũ, sang "quá độ

* PTS, cán bộ Viện Mác - Lê-nin, tư tưởng Hồ Chí Minh

(1) V.I. Lê-nin : *Toàn tập*, Nxb Tiến bộ, Mát-xcơ-va, 1978, t 45, tr 428

(2) V.I. Lê-nin : *Sđd*, t 45, tr 428

Digitized by Google

kinh tế" rộng lớn và phức tạp, tức là xây dựng cả một nền văn hóa vật chất và tinh thần xã hội chủ nghĩa... Điều này không hề nằm ngoài tầm bao quát của chính học thuyết mác xít - lê nin nít về sự phát sinh, hình thành và phát triển của hình thái kinh tế - xã hội cộng sản chủ nghĩa, một học thuyết có sức sống lâu bền bởi nó hàm chứa trong bản thân mình phép biện chứng toàn diện và sâu sắc giữa cái chung và cái riêng, cái tổng thể và cái bộ phận, giữa bên ngoài và bên trong, quốc tế và dân tộc, giữa quá trình, thời đoạn và thời điểm, giữa phong trào và hiện thực, giữa lý tưởng cuối cùng và điều kiện hiện có, giữa mục tiêu và phương tiện, ... trong toàn bộ sự nghiệp xây dựng xã hội mới.

Bên cạnh đó, còn thấy rõ rằng, yêu cầu nhận thức nội dung, mức độ và thực chất việc Lê-nin điều chỉnh, đổi mới, phát triển quan điểm mác xít kinh điển, cũng như những quan điểm của chính mình về chủ nghĩa xã hội là hợp lý, cần thiết và không kém phần quan trọng. Thật vậy, trong giai đoạn ngắn ngủi bắt tay vào sự nghiệp xây dựng xã hội mới (1917-1924), Lê-nin và Đảng bôn-sê-vích không phải chỉ có nhiệm vụ đơn giản, dễ dàng là hiện thực hóa nguyên xi chủ nghĩa xã hội mác xít vào nước Nga. Có hàng loạt vấn đề do thời cuộc mới đặt ra được Người giải quyết hết sức nhạy bén, sáng tạo và đầy hiệu quả. Kinh nghiệm quý giá đó không dễ mai một qua năm tháng, mà trái lại đã thực sự làm nên chất liệu mới, sống động cho kho tàng tư tưởng thuộc truyền thống chủ nghĩa xã hội khoa học. Đặc biệt, trong bối cảnh thế giới cũng như đất nước có nhiều chuyển biến sâu sắc hiện nay thì "sự thay đổi" này có ý nghĩa chỉ dẫn, gợi mở quý giá về lý luận và phương pháp luận. Thậm chí, ở một số nội dung cụ thể nó còn có vai trò, tác dụng nhất định và mang tính thời sự trực tiếp đối với chúng ta. Theo ý nghĩa đó, có thể thấy một số vấn đề đáng chú ý sau :

Xuất phát từ cách nhìn biện chứng duy vật về lịch sử, Mác cho rằng xã hội loài người vận động, phát triển qua các "hình thái kinh tế - xã hội". Do mâu thuẫn nội tại của nó, chủ nghĩa tư bản tất yếu đi đến chủ nghĩa cộng sản. Giữa hai hình thái xã hội này không thể tránh khỏi một thời kỳ quá độ. Tính lịch sử - tự nhiên, khách quan, tính đặc thù, "đặc biệt", tính độc lập tương đối của nó trong quan hệ với hai hình thái xã hội *tư bản chủ nghĩa* và *cộng sản chủ nghĩa* cũng như với hai giai đoạn *thấp* và *cao* của chủ nghĩa cộng sản, được Mác, và về sau là Lê-nin, hết sức nhấn mạnh. Thời kỳ ấy đan xen cả "chất cũ" lẫn "chất mới" đến mức mà mãi tới khi nó kết thúc, hình thái kinh tế - xã hội sau chào đời thì "chất cũ" thậm chí vẫn còn tiếp tục lưu lại tàn tích của mình trong suốt "giai đoạn đầu" thuộc hình thái xã hội này [3]. Cho nên, theo mô hình chung nhất thì xã hội, xét trong tiến trình tất nhiên của nó lúc đó, buộc phải trải qua "những cơn đau đẻ dài" [4], và do vậy, nó chỉ có thể tiến lên bằng phương thức "cải biến cách mạng" [5], cũng như tất yếu phải xác lập một "nền chuyên chính cách mạng" [6] tương hợp với yêu cầu phát triển tiến bộ và khách quan ấy. Trong thời kỳ "đặc biệt" này, xã hội vận động chủ yếu thông qua sự nhảy vọt về chất trên cơ sở tích lũy lượng đủ độ. Điều này có nghĩa là, *thứ nhất*, với tiêu chí vĩ mô về hình thái kinh tế - xã hội, thì khi kết thúc thời kỳ quá độ sẽ có sự đổi mới triệt để ở cấp độ bản chất (Wesentliche) (chất lớn, tổng hợp, cơ bản) ; *thứ hai*, từ sự phân tích vị trí, trình tự lịch sử - cụ thể, thì chính sự đổi mới về bản chất ấy chỉ được thực hiện từng nơi, từng lúc, ở mỗi lĩnh vực xã hội bằng việc chuyển hóa lượng - chất (Qualitat) (chất nhỏ, bộ phận, không cơ bản) trong khuôn khổ riêng của chúng.

Như vậy, một mặt không phải chỉ đến những năm 20 của thế kỷ này, bên cạnh chủ nghĩa lạc quan cách mạng mác xít truyền thống, mới xuất hiện tư tưởng hiện thực năng động của Lê-nin về sự cần thiết phải tiến hành xây dựng chủ nghĩa xã hội trong thời kỳ quá độ một cách thận trọng, khôn khéo, mềm dẻo, đôi khi phải chấp nhận cả sự nhượng bộ, thậm chí thất bại và buộc phải giải quyết một nhiệm vụ trong hai lần, hoặc phải "làm đi làm lại

(3) Xem C.Mác - Ph.Ăng-ghen : *Tuyển tập*, Nxb Sự thật, Hà nội, 1983, t 4, tr 477

(4) C.Mác - Ph.Ăng-ghen : *Sđd*, t 4, tr 480

(5), (6) C.Mác - Ph.Ăng-ghen : *Sđd*, t 4, tr 491

Digitized by Google

nhiều lần những công việc", "làm xong rồi lại sửa đi, rồi lại làm lại từ đầu" [7]. Thật ra, ít nhất là đến mùa xuân năm 1918, trước khi cuộc nội chiến bùng nổ, thì những người bôn-sê-vích đã nhận thức được rằng "nhiệm vụ bây giờ là kiểm kê, kiểm soát, nâng cao năng suất lao động, tăng cường kỷ luật, hơn là tước đoạt bọn đi tước đoạt" ; rằng phương thức "chế độ sản xuất và phân phối quốc doanh... lấn dần từng bước chế độ đối địch" ; rằng có "một con đường rất dài và rất gian khổ" bên cạnh "một con đường tương đối ngắn" ; rằng "phải đi giật lùi", "phải thỏa hiệp" khi quyết định trả lương đặc biệt cho các chuyên gia "theo chế độ, tập quán, tiêu chuẩn phù hợp với quan hệ tư sản, chứ không phải với quan hệ xã hội chủ nghĩa" ; rằng phải cho phép có quảng cáo đối với tư nhân theo ý nghĩa "nhà nước, tức giai cấp vô sản, đã thử chuyển sang những quan hệ xã hội mới bằng cách có thể nói là hết sức tìm cách thích ứng với những quan hệ xã hội tồn tại khi ấy, hết sức tìm cách tiến hành từ từ và không quá mạnh"... Nhận thức này, như Lê-nin khẳng định, không những "thận trọng và cẩn thận hơn nhiều so với nửa cuối năm 1918 và suốt trong những năm 1919 và 1920", mà bản thân chính sách kinh tế mới (NEP) sau này còn "có nhiều cái cũ hơn chính sách kinh tế trước kia"- là chính sách lấy cách hiểu trên làm cơ sở[8].

Mặt khác, cũng cần thấy rõ rằng, cả Mác và Lê-nin đều có kết luận nhất quán về bản chất cách mạng của thời kỳ quá độ, về mục tiêu cơ bản xác lập phương thức sản xuất mới, về điều kiện tiên quyết bảo đảm định hướng xã hội chủ nghĩa cho cả tiến trình này... Chẳng hạn, cùng bàn về chế độ sở hữu, Mác và Ăng-ghen vừa lưu ý rằng không thể xóa bỏ ngay lập tức tư hữu khi đi vào cải tạo cộng sản chủ nghĩa, đồng thời lại vừa nêu cao mục đích lý tưởng cuối cùng là thủ tiêu mọi hình thức chiếm hữu tư nhân. Còn Lê-nin, trong quá trình xây dựng chủ nghĩa xã hội hiện thực, dù là lúc áp dụng "chế độ cộng sản thời chiến", hay khi thi hành "chính sách kinh tế mới", vẫn không hề xa rời nguyên tắc chính trị hàng đầu là bảo vệ, bảo tồn đảng cộng sản và nhà nước chuyên chính vô sản, nhằm tùy tình hình mà phục hồi, phát triển lực lượng sản xuất, hoặc củng cố, nâng cao quan hệ sản xuất một cách thích hợp và đầy hiệu quả... Mọi sự nhầm lẫn, phủ nhận, hoặc tuyệt đối hóa chỉ một trong hai khía cạnh trên của thời kỳ quá độ chính là đã không nắm được đầy đủ, vững chắc phép biện chứng mác xít - lê nin nít về nội dung cơ bản và thực chất tất yếu, khách quan, hợp quy luật của thời kỳ này.

*
* *

Theo Mác, so với các thời kỳ quá độ khác đã từng có trong lịch sử, chẳng hạn từ hình thái kinh tế - xã hội phong kiến sang hình thái kinh tế - xã hội tư bản thì đây là "thời kỳ quá độ chính trị". Đặc trưng của nó là ở chỗ : cuộc cách mạng vô sản là điểm mở đầu, chứ không phải kết thúc cả thời kỳ ; chế độ chính trị mới ra đời lại chính là điều kiện tiên quyết của nền kinh tế mới bắt đầu phát triển ; toàn bộ phương thức sản xuất mới không phải là đã có sẵn từ trước cuộc cách mạng xã hội đó, trong lòng chế độ cũ, mà chỉ được hình thành cùng với tiến trình "quá độ chính trị". "Quá độ chính trị" có nội dung là ngay từ đầu phải xác lập, đồng thời thường xuyên củng cố, phát huy thể chế chính trị mới như một điều kiện và định hướng ưu tiên, bảo đảm vững chắc cho quá trình xây dựng kinh tế. "Thời kỳ quá độ kinh tế" hoàn toàn diễn ra trong khuôn khổ chế độ cũ ; còn "thời kỳ quá độ chính trị" không hoàn toàn chỉ nằm riêng trong một hình thái xã hội nào. Xét theo bản chất của kiến trúc thượng tầng chính trị, nó khác biệt và đối lập, đứt đoạn và tách hẳn khỏi chế độ tư bản chủ nghĩa (tuy điều đó không có nghĩa là thời kỳ này đã trùng khớp hoàn toàn hay một phần với "giai đoạn đầu" của xã hội cộng sản chủ nghĩa, bởi vì theo Mác, trong khi ở "thời kỳ quá độ chính trị" vấn đề chính trị đương nhiên là chủ yếu và thường xuyên phải nóng bỏng, gay gắt, thì giai đoạn ấy "về mọi phương diện- kinh tế, đạo đức, tinh thần - còn mang những dấu vết của xã hội cũ" [9], tức là đến đây "phương diện chính trị" đã được đổi mới, cùng

(7) Xem V.I. Lê-nin : *Sđd*, t 45, tr 514, 278

(8) Xem V.I. Lê-nin : *Sđd*, t 44, tr 195 - 197 ; 246 - 251

(9) C. Mác - Ph.Ăng-ghen : *Sđd*, t 4, tr 477

Digitized by Google

cố vững chắc, và không thể đảo ngược được về căn bản). Nhưng về thực trạng kinh tế - sản xuất, thì thời kỳ quá độ vẫn là sự nối tiếp và liên tục phương thức sản xuất cũ, vì sát trước "giai đoạn đầu" trên, khi xã hội mới vừa được "thoát thai", "lọt lòng" hoàn toàn khỏi xã hội tư bản, còn có cả một thời kỳ "những cơn đau đẻ dài" trong lòng chủ nghĩa tư bản và thuộc về chủ nghĩa tư bản. Như vậy, sở dĩ đây là "thời kỳ quá độ chính trị" không phải vì lúc này không còn nhiệm vụ kinh tế nữa mà chỉ cần giải quyết nhiệm vụ chính trị. Trái lại, vấn đề là ở chỗ, nhiệm vụ chính trị được đặt ra tối đa và tiên quyết, quán xuyến và ưu tiên suốt cả thời kỳ này. Thể chế chính trị mới trở thành nhân tố then chốt định tính và định hướng ở tầm vĩ mô sự phát triển của xã hội, thành phương tiện và điều kiện chủ yếu để tiến hành "cải biến cách mạng" trong mọi lĩnh vực. Còn mục tiêu kinh tế không phải đã tự động đạt được ngay từ đầu. Xét đến cùng, nó quyết định việc tạo dựng phương thức sản xuất mới, làm cơ sở cho sự ra đời, tồn tại vững chắc và phát triển đầy đủ của cả hình thái kinh tế-xã hội mới. Thậm chí, kết thúc thời kỳ quá độ, bước vào "giai đoạn đầu" của chủ nghĩa cộng sản thì nhiệm vụ chính trị về cơ bản đã hoàn thành, nhưng ở lĩnh vực kinh tế vẫn còn phải tiếp tục xóa bỏ những "dấu vết" của chủ nghĩa tư bản.

Tóm lại, bên cạnh việc đề xuất tư tưởng về "thời kỳ quá độ" như một giai đoạn lịch sử đặc thù, có tính độc lập tương đối, ở "giữa xã hội tư bản chủ nghĩa và xã hội cộng sản chủ nghĩa" (10), mà về mặt phân kỳ thì đồng đẳng với hai giai đoạn của xã hội cộng sản, Mác, Lê-nin còn xem xét thời kỳ đó như một sự quá độ đặc thù, hiện thực, gắn bó hữu cơ với những hình thái kinh tế - xã hội nhất định là chủ nghĩa tư bản và chủ nghĩa cộng sản ; đồng thời, phân tích cụ thể nội dung, tính chất, đặc điểm của nó, để vạch ra những điều kiện cơ bản, chủ yếu thực hiện, thúc đẩy chiều hướng tiến bộ trong tiến trình vận động, phát triển khách quan này. Quan niệm mác xít - lê nin nít về thời kỳ quá độ đòi hỏi phải được hiểu một cách biện chứng chứ không phải cứng nhắc, toàn diện chứ không phải một mặt, sống động và cụ thể chứ không phải tĩnh tại và trừu tượng. Ở đây tư tưởng của Lê-nin hoàn toàn phù hợp với tư tưởng của Mác : cũng như Mác khẳng định sự tồn tại tất yếu và duy nhất của "chuyên chính vô sản" trong suốt thời kỳ quá độ, Lê-nin luôn nhấn mạnh tầm quan trọng của chính đảng vô sản, nhà nước xô viết, chính quyền công nông đối với toàn bộ sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội nói chung, và đối với việc tiến hành các nhiệm vụ, biện pháp cụ thể về chính sách kinh tế mới, chế độ hợp tác xã, thuế lương thực, tô nhượng, thương mại, chủ nghĩa tư bản nhà nước... nói riêng. Khi đã nắm chắc quyền lực chính trị và chủ quyền dân tộc, hay như Lê-nin nói, khi "chính quyền là ta", khi "chỉ thừa nhận và sẽ chỉ thừa nhận chủ nghĩa tư bản *nhà nước*, mà nhà nước thì đó là chúng ta, là những công nhân giác ngộ chúng ta, những người cộng sản chúng ta" (11)..., thì tất cả các vấn đề ấy đều mang bản chất và nội dung mới, về căn bản là xã hội chủ nghĩa, khác với những hiện tượng và hình thức cũ của chúng trong xã hội tư bản. Cũng theo tinh thần hiện thực, thực tiễn mác xít ấy mà Lê-nin đã nêu lên phép biện chứng giữa cách mạng và cải lương trong thời kỳ quá độ. Người khẳng định tính tất yếu và hợp lý duy nhất của một số biện pháp dường như là "cải lương" song lại hàm chứa nội dung cách mạng và tầm trí tuệ sâu sắc ; đồng thời phê phán quan niệm giản đơn và cứng nhắc, tả khuynh và nôn nóng, đại dột và lỗi thời về những cuộc tấn công dồn dập, đồng đều, đồng loạt theo kiểu "xích vệ", "xung phong" (trong khi lẽ ra phải "bao vây") kém hiệu quả và gây nhiều tổn thất... Mặt khác, từ lập trường duy vật lịch sử mác xít kiên định và nhất quán, Lê-nin cũng không bao giờ xa rời mục tiêu "nâng cao lực lượng sản xuất", khôi phục "lại nền đại công nghiệp", khôi phục "những lực lượng của giai cấp công nhân" (12)..., để tạo dựng nền tảng văn hóa vật chất và tinh thần cho xã hội mới. Tất cả những điều đó cho thấy rõ tầm vóc vĩ đại và nhãn quan sắc sảo của một thiên tài chính trị - khoa học. Những

(10) Mác - Ăng-ghen : *Sđd*, t 4, tr 491

(11) V.I. Lê-nin : *Sđd*, t 44, tr 485

(12) V.I. Lê-nin : *Sđd*, t 44, tr 264, 129

Digitized by Google

quyết sách thực tiễn cực kỳ táo bạo, cùng các dự kiến và dự báo, tìm tòi và trăn trở trong tư duy của Người chính là sự đột phá, vượt bỏ mọi hàng rào lý luận - tư tưởng giáo điều, kinh viện, nhằm vạch ra phương án tốt nhất, thậm chí có khi là ít xấu hơn, để khắc phục vô vàn tình huống khó khăn, phức tạp trong đời sống hiện thực trực tiếp, sinh động. Song đồng thời, chúng lại mang tính nguyên tắc nghiêm ngặt, vì như đã thấy, mọi chuyển đổi trong đối sách, biện pháp, kế hoạch, quan điểm cụ thể đều dựa trên cả điểm xuất phát là quyền lực chính trị tuyệt đối của đảng cộng sản và giai cấp công nhân lẫn mục tiêu lý tưởng cuối cùng là xây dựng nền kinh tế mới, cơ sở vật chất - kỹ thuật mới với năng suất lao động cao hơn cho chủ nghĩa xã hội.

Tiếp thu tinh thần cơ bản những luận điểm của Mác, xuất phát từ điều kiện lịch sử cụ thể, Lê-nin đã đề xuất một loạt tư tưởng và giải pháp sáng tạo đáp ứng yêu cầu của thực tiễn cách mạng, trong đó thể hiện đặc biệt ở chính sách kinh tế mới (NEP).

Nếu theo sát dòng tư tưởng của Lê-nin thì thấy rõ rằng, NEP được đặt không phải trong toàn bộ "thời kỳ quá độ chính trị", mà chủ yếu trong giai đoạn đầu của thời kỳ này ; hơn nữa là thời kỳ quá độ "kiểu gián tiếp" của nước Nga, với điểm xuất phát không phải từ chủ nghĩa tư bản đã phát triển chín muồi mà chỉ từ chủ nghĩa tư bản chưa phát triển, đơn độc tiến lên chủ nghĩa xã hội. "Sứ mạng" của NEP là tạo điều kiện thực sự đầy đủ, trước hết về kinh tế - kỹ thuật, cho bước quá độ chứ chưa phải là thực hiện ngay chính sự quá độ ấy. Tuy nhiên, nó cũng bao hàm trong bản thân mình nguy cơ chính trị - xã hội đối với nhà nước xô viết, giai cấp vô sản và liên minh công nông, mà để hạn chế, ngăn ngừa thì một số biện pháp riêng lẻ, như chế độ hợp tác xã, đã được Lê-nin hết sức chú ý vận dụng để tạo thành "đối trọng". Vì thế, NEP không phải là mục đích tự thân cuối cùng, mà chỉ là biện pháp thực hiện một số nhiệm vụ cần thiết, tất yếu nhất định trong thời kỳ quá độ. Tuy không phải chỉ là biện pháp tình thế, và đã mang một số tính quy luật xác định, nhưng đây cũng không phải là biện pháp vạn năng, mà chỉ có vai trò, tác dụng trong một giới hạn không gian, thời gian cụ thể, hạn chế của thời kỳ này. Từ đây, một kết luận được rút ra là : không chỉ chủ nghĩa xã hội (hiện thực và lý luận) trước NEP, mà ngay cả chủ nghĩa xã hội của NEP, đến lượt nó, cũng có thể và cần phải được "thay đổi về căn bản và toàn bộ". Bởi vì, đó không phải là tất cả, mà chỉ là những nội dung riêng, cụ thể nhất định trong tổng thể thời kỳ "cải biến cách mạng" để "quá độ chính trị" lên chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa cộng sản theo đúng tinh thần của học thuyết chủ nghĩa xã hội khoa học mác xít - lê nin nít mà thôi.

*
* *

Công cuộc đổi mới do Đảng ta khởi xướng và lãnh đạo trên đất nước ta hiện nay đang diễn ra với bối cảnh trong nước và thế giới có nhiều điểm tương đồng so với tình hình nước Nga đầu những năm 20, dưới sự dẫn dắt của Lê-nin vĩ đại lần đầu tiên khai phá con đường đi lên chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa cộng sản. Tuy nhiên, điểm xuất phát kinh tế - kỹ thuật của chúng ta nhìn chung còn thấp hơn, do đó sự "quá độ" sẽ mang tính gián tiếp nhiều hơn. Mặt khác, Việt nam đã bước vào thời kỳ mới không phải trong "vòng vây" mà với quan hệ quốc tế cởi mở, đa phương và đa dạng. Đặc biệt, tình hình mới đang tạo ra cả cơ hội và thách thức mới. Kinh nghiệm lịch sử hơn 70 năm của chủ nghĩa xã hội hiện thực thế giới, những bài học thành công và thất bại nóng hổi của thực tiễn cách mạng cả bên trong lẫn bên ngoài cùng cơ sở lý luận khoa học của chủ nghĩa Mác - Lê-nin và tư tưởng Hồ Chí Minh, đã cho phép khẳng định một số điều kiện trọng yếu bảo đảm thắng lợi của sự nghiệp đổi mới : 1) Xác lập vai trò lãnh đạo tuyệt đối của Đảng ; 2) Giữ vững bản chất giai cấp công nhân của Đảng ; 3) Nhà nước thuộc về nhân dân lao động ; 4) Củng cố khối đại đoàn kết dân tộc nhằm tích tụ và tập trung mọi nguồn nội lực và mở rộng quan hệ quốc tế để tranh thủ xu thế thời đại ; 5) Phát triển nền kinh tế thị trường nhiều thành phần, và đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa nhằm tạo lập cơ sở "văn hóa vật chất và tinh thần" cho bước quá độ trực tiếp lên chủ nghĩa xã hội tiếp sau ❑

Digitized by Google

HỢP TÁC XÃ LÀ GÌ ?

ĐÀO THẾ TUẤN *

GẦN đây chúng ta bàn nhiều về hợp tác xã kiểu mới. Quốc hội đã thông qua và sắp ban hành luật về hợp tác xã. Tôi xin giới thiệu qua về những vấn đề đã được tranh luận trong phong trào hợp tác xã thế giới để chúng ta có thể hiểu thêm hợp tác xã là gì.

Các nguyên tắc cơ bản của hợp tác xã

Các nguyên tắc cơ bản của hợp tác xã (HTX) đã được 28 người thợ dệt Anh ở Ro-trơ-đên (Rochdale) đề ra năm 1844 khi họ thành lập HTX tiêu thụ đầu tiên. Họ muốn phân biệt HTX với các doanh nghiệp tư bản chủ nghĩa. Các nguyên tắc chính là :

- Gia nhập tự do.
- Quản lý dân chủ, thể hiện bằng quy tắc "một người một phiếu".
- Trả một suất lãi hạn chế cho phần vốn đóng góp.
- Trả lại dịch vụ phí theo tỷ lệ với doanh số do HTX thực hiện.
- Trả hàng mua bằng tiền mặt (vì HTX Ro-trơ-đên là HTX tiêu thụ).
- Sự giáo dục của xã viên.
- Không lệ thuộc về chính trị và tôn giáo.

Các nguyên tắc này cũng đã được thử thách qua thực tế ở các nước có nền kinh tế thị trường.

Nguyên tắc "một người một phiếu" là nguyên tắc quan trọng nhất của HTX, nó bảo đảm tính dân chủ và sự khác nhau giữa HTX và một doanh nghiệp tư bản chủ nghĩa. Doanh nghiệp tư bản chủ nghĩa bỏ phiếu theo số cổ phần, nghĩa là người nhiều tiền có nhiều cổ phần, sẽ kiểm soát được doanh nghiệp. Nguyên tắc bỏ phiếu theo số cổ phần rất được coi trọng ở châu Âu. Ở Mỹ thì 18 trên 50 hãng có lúc bỏ phiếu theo doanh số thay cho theo cổ phần. Về sau, một số nước châu Âu công nhận việc bỏ phiếu theo doanh số (chứ không theo cổ phần). Như vậy, với nguyên tắc "một người một phiếu", HTX là một tổ chức kinh tế mang tính chất *xã hội, tương trợ*, khác hẳn với các công ty trách nhiệm hữu hạn hay công ty cổ phần mang tính *kinh doanh, thương mại.*

Hai nguyên tắc tiếp sau, bảo đảm tính chất không tư bản chủ nghĩa của HTX. *Mục tiêu của HTX không phải là kinh doanh để lấy lãi, mà là giúp các xã viên kinh doanh có hiệu quả.* Do đấy, HTX không có lãi để chia cho xã viên theo cổ phần như các công ty cổ phần. HTX chỉ thu của xã viên một khoản dịch vụ phí (thường bằng 0,25% doanh số của các HTX tiêu thụ nông sản) ; khoản này nếu cuối năm còn thừa, sẽ chia lại cho xã viên (theo doanh số dịch vụ). Trong nền kinh tế thị trường, HTX còn có mục đích giúp nông dân chống lại sự bóc lột của tư thương. Vì HTX không mang tính kinh doanh, nên không phải đóng thuế ; nhờ vậy nó có lợi thế trong đấu tranh với tư thương.

Liên quan tới các nguyên tắc trên có vấn đề : *HTX có phục vụ hay kinh doanh với những người không phải là xã viên không?* Điều này liên quan đến việc HTX được miễn thuế nếu chỉ kinh doanh với xã viên. Thực tế cho thấy, nếu chỉ giới hạn hoạt động của HTX với xã viên không thôi thì khó mà giảm được chi phí dịch vụ. Vì vậy, ở nhiều nước đã bổ sung vào các luật là HTX có thể kinh doanh ở mức 25 - 50% doanh số với người

* GS, Viện sĩ, Viện khoa học kỹ thuật nông nghiệp

Digitized by Google

không phải là xã viên. Việc phục vụ cả cho những người không phải là xã viên, dẫn đến một khó khăn khác : xác định như thế nào tính chất phi lợi nhuận của các HTX ?

Năm 1937, các nguyên tắc chính nêu trên đã được *Liên minh hợp tác xã quốc tế* công nhận như những tiêu chuẩn của các HTX trên toàn thế giới.

Định nghĩa hợp tác xã

Đã từ lâu có hai kiểu HTX khác nhau. Kiểu thứ nhất là kiểu *HTX sản xuất* mà thực chất là các xí nghiệp sản xuất tập thể, xuất hiện từ thế kỷ 19 theo chủ trương của một số nhà xã hội chủ nghĩa không tưởng như Ô-oen, người đầu tiên thành lập một HTX sản xuất công nghiệp. Kiểu HTX này sau này được phổ biến ở các nước xã hội chủ nghĩa. Kiểu thứ hai là kiểu *HTX dịch vụ*, phổ biến ở các nước tư bản chủ nghĩa và đang phát triển. Thực tế cho thấy, kiểu HTX thứ nhất không thể tồn tại lâu dài vì không phù hợp với bản chất của sản xuất nông nghiệp. Vì vậy ở đây xin chỉ bàn kiểu HTX thứ hai.

Nhà lý luận về HTX ở Nga Trai-a-nốp (năm 1927) đã định nghĩa : "HTX là hiệp hội của các hộ nông dân. HTX chỉ xã hội hóa một phần sản xuất, chính phần sản xuất lớn có ưu thế hơn sản xuất nhỏ. Quá trình này có thể thực hiện mà không phá hoại hộ nông dân lao động bằng cách tách ra về mặt tổ chức các ngành và hoạt động mà sự liên hiệp lại trên nguyên tắc hợp tác sao cho có hiệu quả kinh tế. Do đó, HTX nông nghiệp là hình thức bổ sung, phục vụ cho các hộ nông dân tự chủ, nếu không thì HTX không có ý nghĩa".

Nhà lý luận về HTX ở Mỹ là Ê-mê-li-a-nốp (năm 1942) thì cho rằng HTX không phải là một doanh nghiệp tập thể. Một doanh nghiệp là một đơn vị kinh tế nhằm mục đích lợi nhuận. HTX giống công ty cổ phần ở chỗ có vốn do nhiều người góp. HTX có thể có cổ phần, nhưng cổ phần ở đây chỉ có nghĩa là các xã viên cùng góp một số vốn vào để cùng hoạt động. Cổ phần ở đây mang tính hữu danh, chứ không mang tính vô danh như trong các công ty cổ phần có thể chuyển giao cho người khác. HTX không bỏ phiếu theo số cổ phần, và phần lãi trả cho cổ phần ở HTX chỉ mang tính hạn chế. HTX là một *tập hợp* doanh nghiệp, chứ không phải là sự *hợp nhất* các doanh nghiệp. Các hộ nông dân tham gia HTX vẫn giữ được tính độc lập của họ, khác với các bộ phận của doanh nghiệp phụ thuộc hoàn toàn vào doanh nghiệp. Do đấy, các hộ nông dân tham gia HTX với những phần không đều nhau. Và cũng vì vậy, để bảo đảm công bằng, phần dịch vụ phí không sử dụng hết (hay lãi) được chia theo khối lượng dịch vụ mà HTX đã thực hiện cho các hộ, nghĩa là theo doanh số dịch vụ.

Định nghĩa HTX được phản ánh trong luật HTX của các nước. Thí dụ, trong *Luật HTX của Pháp* có ghi :

Điều 1. 521-1. Các hiệp hội hợp tác nông nghiệp mà mục đích là sử dụng chung các phương tiện của nông dân, thì có tác dụng làm dễ dàng hay phát triển các hoạt động kinh tế, cải tiến và tăng thêm kết quả của các hoạt động ấy.

Các hiệp hội hợp tác nông nghiệp và các liên hiệp của chúng thuộc phạm trù các hiệp hội đặc biệt, khác với các hội dân sự hay thương mại. Chúng có tư cách pháp nhân...

Điều 1. 521-3. Chỉ có thể có tư cách và được gọi là hợp tác xã những hiệp hội có điều lệ trong đó ghi :

a) Mỗi thành viên có trách nhiệm sử dụng dịch vụ của hiệp hội trong một thời gian nhất định, và phải nộp một phần vốn tương ứng với sự cam kết hoạt động ấy.

b) Hiệp hội chỉ hoạt động với các thành viên.

c) Hạn chế việc trả lãi cho vốn của các thành viên theo lãi suất pháp lý vào ngày hiệp hội họp đại hội xã viên.

d) Việc phân chia các khoản thừa hằng năm cho các thành viên là theo doanh số mà hiệp hội đã thực hiện.

Digitized by Google

e) Phần vốn của hiệp hội được trả lại theo giá trị lúc thanh lý cũng như lúc chuyển giao cho hiệp hội khác.

f) Mỗi thành viên có quyền bỏ phiếu ngang nhau ở các kỳ đại hội xã viên...

Một vấn đề gây nhiều tranh luận là HTX có quyền kinh doanh như một công ty trách nhiệm hữu hạn không. Thực tế quá trình phát triển của HTX cho thấy, nhiều khi không thể thỏa mãn với các nguyên tắc đã nêu trên. Để giải quyết tình trạng này, cơ quan lập pháp ở Pháp đã quy định các kiểu HTX khác, có quy chế *trung gian* giữa HTX và công ty cổ phần. Có hai loại biện pháp trung gian như vậy:

1 - *Các hiệp hội có lợi ích tập thể về nông nghiệp* *. Năm 1906 ở Pháp đã thành lập các HTX kiểu này để điện khí hóa nông thôn. Sau đó, năm 1936, chúng được mở rộng sang các lò mổ, rồi ngành xây dựng... Loại hiệp hội này có sự tham gia của những người không phải là nông dân. Một đạo luật năm 1960 cho các hiệp hội này có thể có quy chế của công ty vô danh, công ty cổ phần hay công ty trách nhiệm hữu hạn, với điều kiện là nông dân phải có từ 50 đến 80% số phiếu và có ít nhất 50% doanh số.

2 - Đến năm 1967, luật pháp ở Pháp lại công nhận một loại hình doanh nghiệp trung gian khác là các *hiệp hội hỗn hợp có lợi ích nông nghiệp* **. Hiệp hội này có mục đích kết hợp lợi ích về nông nghiệp với lợi ích về thương mại và công nghiệp. Trong các hiệp hội này, nông dân có ít nhất 30% số phiếu. Các hiệp hội này chủ yếu làm dịch vụ chế biến và buôn bán nông sản. Các hiệp hội này hoạt động theo các nguyên tắc của các công ty hữu hạn, các công ty cổ phần.

Như vậy là để phù hợp với sự phát triển của thị trường, có thể thay đổi thể chế, làm cho nó mềm dẻo hơn bằng cách tạo ra các hình thức tổ chức mới.

Về tổ chức hợp tác xã

Về mặt tổ chức, phải làm thế nào để không có mâu thuẫn giữa HTX và hộ nông dân. Hợp tác xã và hộ nông dân không phải là hai thành phần kinh tế khác nhau ; HTX chỉ kéo dài thêm hoạt động của hộ nông dân. HTX thường làm các khâu *sau* và *trước* sản xuất ; còn khâu sản xuất vẫn do hộ nông dân làm. Theo Trai-a-nốp, quá trình phát triển hợp tác hóa là quá trình tách dần từng bước các chức năng và hoạt động của hộ nông dân. Các khâu hoạt động mà thống nhất hợp tác lại thì sẽ có hiệu quả hơn nếu từng hộ làm riêng lẻ. Trước hết, phải tách các quá trình liên quan đến khâu *lưu thông* để hình thành *HTX cung tiêu* ; sau đấy, tách khâu *chế biến* để hình thành *HTX chế biến*. Việc thành lập các HTX phụ trách từng khâu khác nhau của quá trình sản xuất và lưu thông, cũng là quá trình thực hiện việc *nhất thể hóa* (intégration) nông nghiệp để hình thành các *tổ hợp công nông nghiệp*. Quá trình này cần thiết cho việc nâng cao chất lượng của sản phẩm nông nghiệp, tăng thêm giá trị thặng dư cho nông sản. Quá trình liên kết dọc của các hợp tác xã cũng là biểu hiện của quá trình nhất thể hóa của sản xuất nông nghiệp.

Hiện nay ở các nước có các loại HTX sau : HTX *cung ứng vật tư* ; HTX *dịch vụ* (tưới nước, sử dụng máy móc, bảo vệ thực vật, thụ tinh nhân tạo...) ; HTX *chế biến và tiêu thụ sản phẩm*.

Trong quá trình phát triển của HTX, thường xảy ra *hai* quá trình nhất thể hóa : *ngang*, là quá trình các HTX cùng một kiểu hợp nhất lại với nhau thành các HTX có quy mô lớn hơn ; và *dọc*, là quá trình các HTX chuyên môn hóa phát triển thành các HTX kinh doanh nhiều ngành hơn.

Kinh nghiệm ở các nước cho thấy, việc liên kết *dọc* thường có hiệu quả hơn việc liên kết *ngang*. Các HTX liên kết ngang là các HTX đa năng, khó hoạt động, vì rất khó quản lý nhiều ngành nghề khác nhau (đôi lúc rất

* Tiếng Pháp là *Sociétés d'Intérêt Collectif Agricole* (S.I.C.A)

** Tiếng Pháp là *Sociétés mixtes d'Intérêt Agricole* (S.M.I.A)

Digitized by Google

xa nhau, thậm chí không có liên quan với nhau) trong một HTX.

HTX thường bầu ra *hội đồng quản trị* để quyết định các hướng hoạt động của mình. Hội đồng quản trị cử giám đốc để điều hành. Giám đốc thường là người làm thuê được đào tạo có hệ thống.

Liên hợp hợp tác xã quốc tế đã tổng kết, HTX muốn có sức sống phải bảo đảm các điều kiện sau :

- Sự hiểu biết và hòa thuận giữa các xã viên và người hưởng dịch vụ ở các HTX cơ sở.

- Sự hiểu biết trong các xã viên và cán bộ lãnh đạo về các nguyên tắc cơ bản và cơ chế hoạt động của HTX .

- Cán bộ lãnh đạo trung thực và thanh liêm, nắm vững các nguyên tắc của HTX.

- Cán bộ, nhân viên HTX là những người trung thực và có khả năng, được thù lao đúng mức để thực hiện tốt các công việc hằng ngày của HTX.

- Có một khối lượng và tiềm năng vật chất cần thiết để HTX thật sự có sức sống, bảo đảm lợi ích của các xã viên.

- Tiếp cận được thị trường và có một tổ chức tiếp thị tốt.

- Có điều lệ công nhận các nguyên tắc HTX của *Liên hiệp hợp tác xã quốc tế* để HTX có thể hoạt động như một tổ chức kinh doanh độc lập, dân chủ và do xã viên quyết định.

Các *giá trị tinh thần* của HTX là :

- Tinh thần *tự lực* (hoạt động, sáng tạo, trách nhiệm, độc lập, tự làm lấy).

- Tinh thần *tương trợ* (hợp tác, thống nhất, hành động tập thể, tương ái, hòa bình).

- Tinh thần *không vụ lợi* (bảo vệ nguồn lợi, không chạy theo lợi nhuận đơn thuần mà là giảm chi phí các dịch vụ, nâng cao thu nhập cho hộ nông dân).

- Tinh thần *dân chủ* (bình đẳng, mọi người tham gia, công bằng).

- Tinh thần *cố gắng tự nguyện* (phụ trách, sáng tạo, độc lập).

- Tinh thần *quốc tế* (nhìn lợi ích toàn cầu, mở cửa).

- Tinh thần *giáo dục* (kiến thức, hiểu biết, thông cảm).

- Tinh thần *hướng đích* (có lợi cho xã viên).

Vấn đề của nước ta hiện nay

Hiện nay nước ta đang xây dựng lại phong trào HTX ở nông thôn. Thực tế phát triển nông thôn và nông nghiệp những năm qua cho thấy, kinh tế hộ nông dân có tác dụng thúc đẩy sự phát triển rất tích cực. Tuy vậy, muốn tiếp tục thúc đẩy sự phát triển, cần phải có những hoạt động tập thể của nông dân để tự giải quyết các vấn đề của mình. Các tổ chức hợp tác mới có nhiệm vụ thay thế một số việc mà trước đây các cơ quan chính phủ làm, và làm một số việc để chống lại sự độc quyền của thị trường. Sự hoạt động của HTX chính là để bảo đảm định hướng xã hội chủ nghĩa của nền kinh tế.

Hiện nay, tình hình HTX ở các nơi rất khác nhau, có nơi các HTX cũ còn khá mạnh, có nơi HTX cũ hoàn toàn không còn hoạt động. Vì vậy, không thể có một cách xử lý chung, mà phải chấp nhận nhiều hình thức hợp tác khác nhau.

Hình thức hợp tác xã theo đơn vị hành chính, hoạt động nhiều việc như trước đây, khó có thể đạt hiệu quả cao. Kinh nghiệm của các nước cho thấy, nhờ việc liên kết ngang và dọc mà các HTX lớn lên. Hệt như khi nhiều làng đã có quỹ tín dụng tương trợ, nếu hợp các quỹ ấy lại, sẽ có quỹ lớn hơn và mạnh hơn. Trong thực tế, rất khó có thể có các HTX mạnh ở tất cả các làng, vì các vùng, các địa phương phát triển không đồng đều. Nếu xóa địa giới hành chính của HTX, thì nông dân ở các xã yếu vẫn có thể gia nhập các HTX mạnh ❑

Digitized by Google

NHẬN THỨC THỰC CHẤT CON ĐƯỜNG QUÁ ĐỘ LÊN CHỦ NGHĨA XÃ HỘI Ở NƯỚC TA

NGUYỄN NGỌC LONG *

1 - Vì sao dân tộc ta lựa chọn con đường đi lên chủ nghĩa xã hội bỏ qua chế độ tư bản chủ nghĩa ?

Trong thời kỳ cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân, câu trả lời đã sáng tỏ. Phát triển lý luận của chủ nghĩa Mác - Lê-nin về mối quan hệ giữa giai cấp và dân tộc, giữa cách mạng giải phóng dân tộc với cách mạng vô sản, đồng chí Nguyễn Ái Quốc đã chỉ ra rằng : Muốn cứu nước và giải phóng dân tộc không có con đường nào khác con đường cách mạng vô sản. Chỉ có chủ nghĩa xã hội, chủ nghĩa cộng sản mới giải phóng được các dân tộc bị áp bức và những người lao động trên thế giới khỏi ách nô lệ. Và trong thực tiễn, chủ nghĩa xã hội không những đã trở thành động lực tinh thần mà còn là sức mạnh vật chất to lớn góp phần đưa đến thắng lợi của sự nghiệp cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân ở nước ta.

Vì vậy, khi cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp thắng lợi, miền Bắc được giải phóng và thực hiện thành công kế hoạch khôi phục kinh tế (1955 - 1957) thì sự nghiệp quá độ lên chủ nghĩa xã hội được đặt ra như một lẽ đương nhiên.

2 - Tuy nhiên, không nên hiểu một cách đơn giản con đường quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta hoàn toàn giống như "thời kỳ quá độ" mà các nhà sáng lập chủ nghĩa xã hội khoa học đã nói với ý nghĩa là thời kỳ chuyển biến cách mạng từ xã hội tư bản sang xã hội cộng sản.

Ngay cả cho rằng : con đường quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta là "bỏ qua giai đoạn phát triển tư bản" hay "bỏ qua chế độ tư bản chủ nghĩa" thì những vấn đề còn phải tiếp tục giải quyết về mặt lý luận là :

- Quá độ từ đâu ? Ta vẫn nói là từ một xã hội với nền sản xuất nhỏ là chủ yếu. Nhưng sản xuất nhỏ là khái niệm chưa đủ để xác định một chế độ xã hội.

- Điều kiện để "bỏ qua" ? Theo lý luận hình thái kinh tế - xã hội thì chủ nghĩa tư bản như một giai đoạn phát triển tất yếu trong lịch sử loài người. Ăng-ghen đã chế nhạo những người cho rằng : cách mạng xã hội chủ nghĩa có thể tiến hành dễ dàng hơn trong một nước không có giai cấp tư sản. Ông nói : "người đó cần học lại những điều a, b, c của chủ nghĩa xã hội". Cũng theo Ăng-ghen, các nước ở thời kỳ tiền tư bản có thể quá độ lên chủ nghĩa xã hội chỉ với tiền đề do cách mạng vô sản thắng lợi ở Tây Âu (nghĩa là ở những nước tư bản chủ nghĩa tiên tiến) tạo ra. Lê-nin đã từng phê phán kịch liệt những người cho rằng nước Nga chưa đủ trình độ văn minh để thực hiện cuộc cách mạng xã hội chủ nghĩa. Song chính Lê-nin cũng cho rằng nếu chỉ có chính trị tiên tiến thì chưa thể có chủ nghĩa xã hội. Muốn có chủ nghĩa xã hội còn phải phát triển rất mạnh lực lượng sản xuất với năng suất lao động xã hội ngày càng cao (chủ nghĩa xã hội là chính quyền xô viết cộng với điện khí hóa toàn quốc).

Chủ nghĩa tư bản, mặc dù có cơ sở kinh tế mạnh, gần đây có sự điều chỉnh lớn, nhưng vẫn không thể khắc phục được sự bất công xã hội trong khuôn khổ bản thân chế độ xã hội đó. Chúng ta cũng như đông đảo nhân dân thế giới vẫn tin tưởng và hướng tới chủ nghĩa xã hội - một xã hội cao đẹp, mặc dù hiện nay nó đang trải qua cuộc khủng hoảng trầm trọng

* PGS, PTS, Chủ nhiệm khoa Triết, Học viện chính trị quốc gia Hồ Chí Minh

Digitized by Google

nhất trong quá trình lịch sử hình thành và phát triển của nó. Song, nếu như sự phát triển tư bản chủ nghĩa còn là một xu thế khách quan đối với một đất nước kinh tế kém phát triển thì không thể đơn giản đem đối lập chủ nghĩa tư bản là xấu với chủ nghĩa xã hội là tốt một cách trừu tượng.

3 - Vậy vì sao chúng ta không đi theo con đường tư bản chủ nghĩa ?

Hơn một thế kỷ nay con đường tư bản chủ nghĩa luôn tồn tại như một xu thế khách quan đối với nền kinh tế nghèo nàn lạc hậu của nước ta. Nhưng nó đã không có những điều kiện thực hiện theo cách tự nhiên của lịch sử. Nói đúng ra, nó ít nhiều đã được thực hiện, nhưng là thực hiện với những hiệu quả tiêu cực, cản trở sự phát triển của đất nước ta. Chủ nghĩa tư bản đã ít nhiều được thực hiện ở nước ta gắn liền với quá trình mở rộng sự khai thác bóc lột của thực dân Pháp. Chế độ thuộc địa và nửa phong kiến đã không có điều kiện vật chất tinh thần cho sự trưởng thành một giai cấp tư sản bản xứ đủ khả năng lãnh đạo sự nghiệp cách mạng giải phóng nhân dân khỏi ách nô lệ, đưa đất nước đi theo con đường phát triển tư bản chủ nghĩa. Dân tộc ta đã chọn con đường khác để giải phóng và phát triển đất nước : Con đường cách mạng do Đảng của giai cấp công nhân lãnh đạo.

Chủ nghĩa tư bản cũng đã bước đầu được phát triển ở miền Nam nước ta trước năm 1975. Song, nó là thứ chủ nghĩa tư bản biến dạng, phát triển trong điều kiện Mỹ đổ của vào làm cơ sở xã hội cho chế độ thực dân mới của Mỹ. Đó không phải là con đường biến nước ta thành "con rồng". Trong khi đó, quá trình cách mạng do Đảng cộng sản Việt nam lãnh đạo đã tạo những tiền đề cả vật chất và tinh thần để có thể "rút ngắn" quá trình phát triển "lịch sử tự nhiên" của xã hội. Vì thế, một lần nữa, trong sự lựa chọn con đường đi lên cho mình, dân tộc ta đã không thể chọn con đường tư bản chủ nghĩa.

Không thể vin vào một số sai lầm trong mô hình của chủ nghĩa xã hội hiện thực trước đây làm căn cứ để bác bỏ tính tất yếu trong sự lựa chọn của lịch sử. Cũng là sai lầm nếu hiểu con đường quá độ lên chủ nghĩa xã hội bỏ qua chế độ tư bản chủ nghĩa là ngăn cấm và loại trừ sự phát triển lực lượng sản xuất, loại trừ việc sử dụng nhiều thành phần kinh tế, kể cả thành phần kinh tế tư bản.

4 - Như vậy, chúng ta đang đứng trước một mâu thuẫn : quá độ lên chủ nghĩa xã hội lại thực hiện sự phát triển cả thành phần kinh tế tư bản chủ nghĩa ; phát triển thành phần kinh tế tư bản chủ nghĩa nhưng lại không theo con đường tư bản chủ nghĩa.

Đó là thực tế, cái thực tế "bướng bỉnh" mà sự không hiểu biết về nó đã khiến chúng ta mắc sai lầm trong thực tiễn ở một số thời kỳ và trong một số lĩnh vực. Điều này nói lên đặc điểm con đường quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta.

Nền kinh tế của nước ta chứa đựng trong mình *hai khả năng phát triển, hai xu hướng vận động. Một mặt*, xu hướng phát triển vốn có của nền sản xuất nhỏ là tự phát đi lên chủ nghĩa tư bản. *Mặt khác*, trong thời đại ngày nay, có khả năng chủ động và tự giác sử dụng thành phần kinh tế tư bản chủ nghĩa làm khâu trung gian để đưa nền sản xuất nhỏ đi lên chủ nghĩa xã hội. *Ở nước ta, khả năng thứ hai* là *thực tế* vì chúng ta không những có những điều kiện về chính trị - tinh thần, mà còn có cả những tiền đề về kinh tế - vật chất do thắng lợi của cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân tạo ra. Từ chế độ dân chủ nhân dân quá độ lên chủ nghĩa xã hội là một thực tế lịch sử chưa được đặt ra đối với Mác và cả với Lê-nin.

Tự phát phát triển chủ nghĩa tư bản và chủ động sử dụng các thành tựu và một số hình thức kinh tế của chủ nghĩa tư bản làm khâu trung gian để đi lên chủ nghĩa xã hội đều là những xu hướng khách quan của sự phát triển. Cuộc đấu tranh của những mặt đối lập đó quy định con đường hiện thực đưa đất nước ta vượt qua tình trạng kinh tế nghèo nàn lạc hậu.

Những mặt đối lập tạo thành mâu thuẫn của con đường đi lên chủ nghĩa xã hội sinh ra từ thực trạng kinh tế - xã hội hiện có, đòi hỏi chúng ta phải phát hiện và giải quyết. Chúng ta phải xóa bỏ, nhưng lại phải xuất phát từ thực trạng kinh tế thấp kém đó mà cải biến nó, chứ không thể xem nó như cái đối lập tạo thành mâu thuẫn với tính cách là nguồn gốc hay động lực của sự phát triển.

Digitized by Google

Sẽ là không biện chứng nếu nghĩ rằng có thể xóa bỏ hoàn toàn xu hướng tự phát trong sự phát triển tư bản chủ nghĩa. Không thể vì sợ những hậu quả tiêu cực do tính tự phát gây ra mà lại không sử dụng hoặc ngăn cấm sự phát triển thành phần kinh tế tư bản chủ nghĩa. Nhưng thành phần kinh tế tư bản chủ nghĩa được chấp nhận, được phát triển với tính cách là khâu trung gian, nghĩa là phải được thực hiện một cách chủ động tự giác theo định hướng xã hội chủ nghĩa. Thành phần kinh tế tư bản chủ nghĩa không đóng vai trò chủ đạo trong nền kinh tế của xã hội, không tạo cơ sở kinh tế cho việc xác lập một kiến trúc thượng tầng chính trị tư bản chủ nghĩa.

Đó là nội dung thực chất của khái niệm "bỏ qua chế độ tư bản chủ nghĩa".

Từ đó, mâu thuẫn giữa xu hướng phát triển tự phát đi lên chủ nghĩa tư bản với xu hướng chủ động sử dụng thành phần kinh tế tư bản chủ nghĩa trong khuôn khổ của nền kinh tế định hướng xã hội chủ nghĩa, nảy sinh và tồn tại một cách khách quan. Con đường phát triển đất nước ta sẽ như thế nào, đi tới mục tiêu xã hội chủ nghĩa nhanh hay chậm, rốt cuộc tùy thuộc vào sự giải quyết mâu thuẫn này. Nghĩa là tùy thuộc vào trí tuệ và năng lực thực hiện của chúng ta. Nói cách khác, Đảng và Nhà nước phải trở thành nơi tập trung trí tuệ của nhân dân ta. Cùng với việc nâng cao hiệu lực quản lý của nhà nước, việc xây dựng củng cố thành phần kinh tế nhà nước làm cho nó đóng được vai trò chủ đạo trong nền kinh tế là những nhân tố bảo đảm vai trò chủ động tự giác trong sự phát triển. Mặt khác, chính những nhân tố đó lại tăng cường trong khi chủ động tự giác phát triển thành phần kinh tế tư bản chủ nghĩa.

Mâu thuẫn giữa xu hướng tự phát đi lên chủ nghĩa tư bản với xu hướng "tự giác" sử dụng thành phần kinh tế tư bản chủ nghĩa (theo định hướng xã hội chủ nghĩa) không chỉ biểu hiện ở cuộc đấu tranh của nhân dân ta kiên trì mục tiêu xã hội chủ nghĩa với các thế lực thù địch chống độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội ở trong và ngoài nước, mà còn biểu hiện trong mỗi thành phần kinh tế, trên các lĩnh vực của đời sống xã hội. Đó là những hiện tượng tiêu cực, cách làm ăn phi pháp trong các cơ sở kinh tế quốc doanh và kinh tế tư nhân ; khuynh hướng tự do vô chính phủ tồn tại ngay trong một số cơ quan nhà nước cũng như trong xã hội ... Từ đó, cho thấy tính chất phức tạp của cuộc đấu tranh giai cấp trong quá trình đi lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta. Có thể nói, cuộc đấu tranh chống khuynh hướng tự phát trong sự phát triển tư bản chủ nghĩa trên lĩnh vực kinh tế và sự phản ánh của khuynh hướng đó trên các lĩnh vực khác của đời sống xã hội là nội dung chủ yếu của cuộc đấu tranh giai cấp hiện nay.

5 - Con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta có thể gọi là "thời kỳ quá độ" với ý nghĩa là đất nước ta phải trải qua một trạng thái xã hội mang tính trung gian chuyển tiếp; trong đó có sử dụng thành phần kinh tế tư bản chủ nghĩa một cách *chủ động không theo con đường tư bản.*

Tính chất quá độ của cơ sở kinh tế không thể không được phản ánh vào hệ thống chính trị như :

- Chế độ chính trị của chúng ta là cộng hòa xã hội chủ nghĩa. Song, như Lê-nin đã từng nói, điều đó không có nghĩa là chúng ta đã có một xã hội xã hội chủ nghĩa đầy đủ. Tính chất tiên tiến của chế độ chính trị không làm cho hệ thống chính trị không còn là cái bị quy định bởi cơ sở hạ tầng ; trái lại, nó chịu sự chi phối của cơ sở kinh tế mang tính quá độ của nước ta hiện nay. Bản chất giai cấp công nhân của nhà nước ta là ở chỗ nó thực hiện sứ mệnh lịch sử đưa nước ta đi lên chủ nghĩa xã hội, thực hiện lý tưởng xã hội của giai cấp công nhân. Song, sứ mệnh lịch sử đó đòi hỏi còn phải đại diện cho cả lợi ích của các giai cấp, các tầng lớp xã hội của cộng đồng dân tộc ; bảo đảm lợi ích chính đáng của mọi chủ thể sở hữu trong nền kinh tế nhiều thành phần.

- Đảng cộng sản Việt nam là đội tiên phong của giai cấp công nhân Việt nam, đại biểu trung thành cho lợi ích của giai cấp công nhân, nhân dân lao động và của cả dân tộc. Hiện nay giai cấp công nhân của ta chiếm một tỷ lệ rất thấp, phần đông xuất thân từ nông dân. Trong quá trình hình thành cơ cấu kinh tế nhiều thành phần, số công nhân trong các cơ sở kinh tế tư nhân tăng nhanh. Đó là khía

Digitized by Google

cạnh kinh tế - xã hội cần được tính đến trong khi thực hiện đổi mới sự lãnh đạo của Đảng.

- Việc xây dựng một thể chế dân chủ ở nước ta trong quá trình quá độ lên chủ nghĩa xã hội nhằm thực hiện nền dân chủ xã hội chủ nghĩa cũng là quá trình dân chủ hóa trên mọi lĩnh vực của đời sống xã hội, trước hết trên lĩnh vực kinh tế.

Đổi mới tổ chức và hoạt động của hệ thống chính trị là giải quyết những mâu thuẫn giữa kinh tế và chính trị nhằm làm cho kiến trúc thượng tầng phù hợp với yêu cầu phát triển nền kinh tế nhiều thành phần theo định hướng xã hội chủ nghĩa. Đồng thời đó cũng chính là quá trình củng cố và hoàn thiện hệ thống chính trị từ nền tảng kinh tế của nó.

Đương nhiên, quá trình phát triển nền kinh tế nhiều thành phần cũng làm nảy sinh những khó khăn mới. Chẳng hạn, các thế lực chính trị phản động luôn tìm mọi cách lợi dụng sự phát triển kinh tế tư bản tư nhân và giai cấp tư sản của ta để âm mưu chuyển hóa chế độ, xóa bỏ chủ nghĩa xã hội, nhất là trong bối cảnh quốc tế phức tạp như hiện nay. Chúng ta cần chủ động đấu tranh ngăn chặn và làm thất bại mọi sự toan tính đó.

6 - Để tránh giáo điều cứng nhắc trong việc vận dụng lý luận bình thái kinh tế - xã hội vào công cuộc xây dựng đất nước, chúng ta cần "học, học nữa, học mãi" phương pháp Hồ Chí Minh : Trong khi không một phút nào quên mục tiêu lý tưởng xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa cộng sản trên đất nước ta thì điều quan trọng lại là phương pháp, bước đi, để đạt tới mục tiêu lý tưởng từng bước một, mà phương thức, bước đi như thế nào lại tùy thuộc vào sự nhận thức và vận dụng quy luật khách quan trong những điều kiện lịch sử cụ thể của đất nước ta và thời đại chúng ta. Đất nước không được độc lập thì quyền lợi giai cấp vạn năm cũng không đòi lại được. Khi đất nước có độc lập mà dân không ấm no hạnh phúc thì tự do, độc lập cũng không làm gì.

Tiếp bước theo Người, chúng ta phải làm cho đất nước ta phát triển, kết hợp được dân giàu, nước mạnh với xã hội công bằng và văn minh ❑

VỀ TRÒ BỊP "PHI Ý THỨC HỆ"★

LƯU HÀ VĨ *

4. Nếu giai cấp vốn là một vấn đề rối rắm như một "mê cung" - theo cách nói của Lê-nin, thì *vấn đề dân tộc* lại càng bị xuyên tạc và đầu cơ một cách tệ hại bởi các thiên kiến tư sản.

Hơn ai hết, Mác và Ăng-ghen là những người đầu tiên đánh giá công bằng nhất công lao lịch sử của chủ nghĩa tư bản trong tiến trình xóa bỏ tình trạng cát cứ phong kiến cổ hủ để lập nên một trật tự kinh tế - xã hội mới, với những "dân tộc *thống nhất*", "chính phủ *thống nhất*", " luật pháp *thống nhất*", "lợi ích dân tộc *thống nhất*, có tính giai cấp" và "thuế quan *thống nhất*". Chính tổng thể những cái "thống nhất" ấy tạo nên địa bàn phát triển vĩ đại, đến nỗi "trong quá trình thống trị chưa đầy một thế kỷ của mình, giai cấp tư sản đã tạo ra những lực lượng sản xuất nhiều hơn và đồ sộ hơn lực lượng sản xuất của tất cả các thế hệ trước gộp lại" (7).

Nhưng mặt khác, trò bịp của giai cấp tư sản quanh vấn đề dân tộc cũng từ lâu đã bị Mác và Ăng-ghen vạch trần trong *Tuyên ngôn của Đảng cộng sản* và hàng loạt tác phẩm nổi tiếng khác (như "Ngày 18 tháng sương mù của Lu-i Bô-na-pác", "Đấu tranh giai cấp ở Pháp", "Cách mạng và phản cách mạng ở Đức", "Nội chiến ở Pháp" v.v.). Dẫu rằng *dân tộc - tổ quốc* là thiêng liêng thế nào đi nữa đối với mọi thành viên một cộng đồng dân tộc, thì quan niệm mác xít vẫn vạch ra được ranh giới giai cấp giữa các ý thức hệ đối lập nhau quanh vấn đề đặc biệt nhạy cảm này.

Trên bình diện *đối nội*, về thực chất, dân tộc - tổ quốc không thiêng liêng như nhau đối với mọi người thuộc mọi giai cấp. Các quan hệ cộng đồng về lãnh thổ, về ngôn ngữ và về

★ Xem từ số 7 (tháng 4-1996)

* PTS triết học, Trường đại học kinh tế TP Hồ Chí Minh

(7) Xem C.Mác và Ph.Ăng-ghen : *Sđd*, t 1, tr 546

Digitized by Google

văn hóa tự thân chúng không quyết định bản chất cộng đồng ; quyết định bản chất cộng đồng là quan hệ *cộng đồng về kinh tế - cốt lõi* là *quan hệ sở hữu*. Chừng nào và ở đâu còn có sự thống trị của chế độ tư hữu - nghĩa là còn có sự thống trị của thiểu số đối với đa số, thì chừng ấy và nơi ấy vẫn còn *các cộng đồng trọng đối kháng!*

Tuyên ngôn của Đảng cộng sản đã lên án sự vu khống bỉ ổi rằng "cộng sản xóa bỏ Tổ quốc". Chỉ ra mối quan hệ biện chứng giữa hình thức và nội dung quanh vấn đề dân tộc và giai cấp, *Tuyên ngôn* khẳng định : "Cuộc đấu tranh của giai cấp vô sản chống lại giai cấp tư sản, dù về mặt nội dung, không phải là một cuộc đấu tranh dân tộc, nhưng lúc đầu lại mang hình thức đấu tranh dân tộc. Đương nhiên là trước hết, giai cấp vô sản mỗi nước phải thanh toán xong giai cấp tư sản nước mình đã"[8]. Và : "Công nhân không có Tổ quốc. Người ta không cướp của họ cái mà họ không có. Vì giai cấp vô sản mỗi nước trước hết phải giành lấy chính quyền, phải tự xây dựng thành *một giai cấp dân tộc* (do tôi nhấn mạnh - L.H.V.)... tuy hoàn toàn không phải theo cái nghĩa như giai cấp tư sản hiểu" [9].

Trên bình diện *đối ngoại*, chủ nghĩa Mác khẳng định rằng : "một dân tộc đi áp bức những dân tộc khác, không thể là một dân tộc tự do", và kêu gọi : "Hãy xóa bỏ nạn người bóc lột người thì nạn dân tộc này bóc lột dân tộc khác cũng sẽ bị xóa bỏ" ; và "Khi mà sự đối kháng giữa các giai cấp trong nội bộ dân tộc không còn nữa thì sự thù hằn giữa các dân tộc cũng đồng thời mất theo" [10]. Điều đó cũng có nghĩa là một sự hợp tác thành thực giữa các dân tộc chỉ có thể có được khi nào mỗi dân tộc là người chủ tuyệt đối trong nhà mình.

Hơn nữa, là sản phẩm tất yếu của quá trình quốc tế hóa lực lượng sản xuất, cả tư sản lẫn vô sản là những lực lượng quốc tế. Vì thế, khẩu hiệu chiến lược *"Vô sản tất cả các nước liên hiệp lại* !" phải là một nguyên tắc cơ bản cấu thành ý thức hệ vô sản và chính trị vô sản nói chung.

Tính phức tạp và gay gắt gấp bội của cuộc đấu tranh ý thức hệ và chính trị giữa vô sản và tư sản trong thời kỳ đế quốc, suy cho cùng, vẫn không ngoài căn nguyên từ tương quan về lợi ích. Vấn đề dân tộc thời kỳ này, như Lê-nin chỉ rõ, đã trở thành "vấn đề dân tộc - thuộc địa". Đó hoàn toàn không phải là sự "khai hóa văn minh" từ "lòng tốt của các mẫu quốc", như các học giả tư sản vẫn thường rêu rao. Là kết quả không tránh khỏi của quá trình quốc tế hóa và độc quyền hóa tư bản chủ nghĩa trong thời kỳ mới, các thuộc địa (dù kiểu *cũ* hay kiểu *mới*) vẫn là *lý do sống còn* của chính chủ nghĩa đế quốc.

Chính các khoản "siêu lợi nhuận" hay "lợi nhuận bình phương" khổng lồ mà các tập đoàn tư bản độc quyền giành được nhờ sử dụng các thành tựu của cuộc cách mạng kỹ thuật cũng như nhờ nắm độc quyền trong nước và quốc tế về sản xuất các sản phẩm thiết yếu, đã góp phần "vỗ béo" các "công đoàn vàng" của "tầng lớp công nhân quý tộc - quan liêu" - cơ sở xã hội của *thứ chính trị công liên chủ nghĩa với tư cách một biến thể của chính trị tư bản.*

Quốc tế II vốn là thành quả chính trị của phong trào công nhân, nhưng sau khi Ăng-ghen mất (năm 1895), đã trở thành một tổ chức phản động công khai. Đứng hẳn về lập trường tư sản, nó tán dương chiến tranh ăn cướp của chủ nghĩa đế quốc, bỏ phiếu đồng tình cho ngân sách chiến tranh tại các nghị viện tư sản, bác bỏ khả năng và triển vọng của cách mạng vô sản cùng với liên minh giữa vô sản với nông dân và các dân tộc bị áp bức, đặc biệt khi tình thế cách mạng đang chín muồi.

Trái lại, trung thành với học thuyết Mác, Lê-nin và những người bôn-sê-vích cùng với Quốc tế III (thành lập sau Cách mạng Tháng Mười theo sáng kiến của Người) đã giải quyết vấn đề dân tộc trên lập trường vô sản. Lên án sự lẩn tránh xảo trá của Quốc tế II trước sự bất hạnh ghê gớm của các dân tộc thuộc địa, Lê-nin đòi hỏi các đảng công nhân phải đặt "vấn đề dân tộc - thuộc địa" - "điều cơ bản, chủ yếu nhất không tránh khỏi trong thời đại

(8) C.Mác và Ph.Ăng-ghen : *Sđd*, t 1, tr 556 (Và cũng cần hiểu một cách biện chứng quá trình phức tạp này - mà trước hết là "thanh toán" sự thống trị chính trị tư sản để mở đường cho các cải biến cách mạng về kinh tế - xã hội tiếp theo)

(9) C.Mác và Ph.Ăng-ghen : *Sđd*, t 1, tr 565

(10) C.Mác và Ph.Ăng-ghen : *Sđd*, t 1, tr 565

Digitized by Google

đế quốc" - như vấn đề "trọng tâm" trong cương lĩnh của các đảng công nhân. Người cho rằng cuộc đấu tranh chống *chủ nghĩa cơ hội* mà hình thức hoàn thiện nhất của nó là *chủ nghĩa sô-vanh*, phải trở thành vấn đề sống còn của phong trào cộng sản và công nhân quốc tế từ những năm chiến tranh thế giới thứ nhất trở đi.

Tình trạng gay gắt của tổng thể các mâu thuẫn giữa vô sản với tư sản, giữa đế quốc với đế quốc, giữa đế quốc với thuộc địa và giữa hai hệ thống xã hội đối lập sau Cách mạng Tháng Mười - theo Lê-nin - *là động lực mạnh nhất của thời kỳ quá độ*. Trong bối cảnh đó, sự kết hợp một cách tất yếu và đa dạng các lực lượng và mục tiêu đấu tranh vì *độc lập, dân chủ* và *chủ nghĩa xã hội* là vấn đề có tính quy luật, là *biểu hiện mới về chất* trong "tính thế giới" của sứ mệnh lịch sử của giai cấp vô sản. "*Vô sản tất cả các nước và các dân tộc bị áp bức, đoàn kết lại !*", khẩu hiệu chiến lược ấy của Lê-nin đã nâng học thuyết Mác lên một tầm mới, và mãi mãi gắn liền tên tuổi Người với tên tuổi Mác trong ý thức hệ cũng như toàn bộ sự nghiệp vô sản. Thiên tài Lê-nin tỏ ra đặc biệt tinh tế và sắc sảo khi chỉ ra sự đối lập giữa *chủ nghĩa quốc tế vô sản* cũng như quyền *dân tộc tự quyết* với *chủ nghĩa dân tộc tư sản* dưới bất cứ hình thức nào. Lập trường lê-nin-nít nhất quán ở đây là - "chủ nghĩa dân tộc tư sản và chủ nghĩa quốc tế vô sản, đó là hai khẩu hiệu đối lập không thể điều hòa được, thích ứng với hai phe giai cấp lớn lao trong toàn thế giới tư bản chủ nghĩa, và biểu thị *hai* chính trị (hơn thế nữa : hai thế giới quan) trong vấn đề dân tộc" (11).

Mặt khác, tư duy Lê-nin không hề phủ nhận *tính hợp lý lịch sử* của các phong trào dân tộc tư sản và tiểu tư sản như những "quy luật phổ biến của chủ nghĩa tư bản" (12). Theo đó, Lê-nin bảo vệ quan điểm mác xít về sự ủng hộ *có nguyên tắc, có điều kiện* dành cho giai cấp tư sản *nào* giải quyết vấn đề dân tộc tạo điều kiện cho cuộc đấu tranh của giai cấp vô sản phát triển. Nhưng nhiệm vụ đó - theo Lê-nin - chủ yếu là "một nhiệm vụ tiêu cực", vì nếu vượt qua giới hạn đó, nó sẽ là "hoạt động "tích cực" của *giai cấp tư sản* nhằm *củng cố* chủ nghĩa dân tộc" (13).

Lê-nin còn yêu cầu "cần phải phân biệt chủ nghĩa dân tộc của dân tộc đi áp bức với chủ nghĩa dân tộc của dân tộc bị áp bức, chủ nghĩa dân tộc của một dân tộc lớn với chủ nghĩa dân tộc của một dân tộc nhỏ" (14).

Là sản phẩm tất yếu của tiến hóa lịch sử, dân tộc từng gắn liền với *tiến trình cách mạng tư bản thời cận đại*, đương nhiên có thể và cần phải gắn liền với *tiến trình cách mạng kiểu mới thời hiện đại* dưới sự dẫn dắt của ý thức hệ vô sản.

Lịch sử đã và sẽ minh chứng cho luận điểm nổi tiếng của Lê-nin : Nhân loại chỉ có thể trải qua thời kỳ quá độ của chuyên chính của giai cấp bị áp bức, mới có thể xóa bỏ được các giai cấp ; cũng giống như vậy, nhân loại chỉ có thể trải qua thời kỳ quá độ các dân tộc được tự do phân lập, thì mới có thể đạt tới sự hợp nhất tất nhiên giữa các dân tộc.

Triển vọng lịch sử tươi sáng này sẽ bảo đảm cho nhân loại vĩnh viễn vượt bỏ "thời kỳ tiền sử" - nơi thống trị của "vương quốc tất yếu" - và chuyển vào "vương quốc của tự do" trên cả hai phương diện : *giai cấp* và *cộng đồng*... Đó sẽ là một sự phục sinh nhưng dưới một hình thức cao hơn của tự do, bình đẳng và bác ái của những thị tộc cổ đại.

Thật khó tin rằng kết luận tuyệt vời đó lại là của Moóc-gân - tác giả cuốn *Xã hội cổ đại*, một học giả Mỹ phi mác xít, cùng thời với Mác. Thì ra, nếu thực sự cầu thị khoa học, người ta vẫn có thể độc lập tiếp cận "*đường xoắn ốc đi lên*" tất yếu, với tính cách là khuynh hướng phát triển phổ quát của tiến hóa nhân loại - như *quy luật phủ định của phủ định* trong phép biện chứng mác xít từng vạch rõ.

Tiến trình ba cuộc cách mạng Nga hồi đầu thế kỷ này hoàn toàn chứng thực học thuyết Mác - Lê-nin về sứ mệnh lịch sử của giai cấp vô sản trong điều kiện thế kỷ XX. Đó là sứ mệnh cải tạo thế giới cũ bằng cách mạng trong sự kết hợp lôgíc "*ba ngọn cờ*" *độc lập, dân chủ* và *chủ nghĩa xã hội* trên cả bình diện đối

(11) V.I. Lê-nin : *Toàn tập*, Nxb Tiến bộ, Mát-xcơ-va, 1980, t 24, tr 157

(12) V.I. Lê-nin : *Sđd*, t 24, tr 158

(13) V.I. Lê-nin : *Sđd*, t 24, tr 168

(14) V.I. Lê-nin : *Sđd*, t 45, tr 410

Digitized by Google

nội và đối ngoại. Thắng lợi rung chuyển thế giới của Cách mạng xã hội chủ nghĩa Tháng Mười vĩ đại, sự xuất hiện của Nhà nước kiểu mới chưa từng có trong lịch sử - nhà nước của công nông và các dân tộc anh em, sự thức tỉnh của phương Đông từ chấn động Tháng Mười, v.v., những sự kiện tầm cỡ ấy đã làm phá sản thảm hại cái triết lý điển hình phi-li-xtanh của *những người cơ hội cải lương Béc-xtanh* trong Quốc tế II - "mục tiêu chẳng là gì, phong trào là tất cả !".

Từ thắng lợi về lý luận đến thắng lợi về thực tiễn, ý thức hệ vô sản và chính trị vô sản từ sau Cách mạng Tháng Mười Nga buộc phải đương đầu với hướng tấn công *mới*, chủ yếu của chủ nghĩa tư bản là *chủ nghĩa bài xô*. Cùng với cuộc nội chiến ở nước Nga xô viết với sự can thiệp tàn khốc của 14 nước đế quốc, bọn phản bội Cau-xki đã trở thành bồi bút cho giai cấp tư sản trong việc xuyên tạc bản chất của chuyên chính và dân chủ kiểu mới.

Quả thật việc áp dụng "mô hình cộng sản thời chiến" ở nước Nga xô viết ngay sau Cách mạng Tháng Mười cũng như sự phá sản không tránh khỏi của nó đã làm gay gắt thêm bội phần cuộc đấu tranh về ý thức hệ không chỉ với giai cấp tư sản, mà cả ngay trong nội bộ hàng ngũ bôn-sê-vích quanh Lê-nin. Cuộc "tổng khủng hoảng đầu tiên" - nếu có thể gọi như thế - của mô hình trên, một mô hình chủ quan, duy ý chí, hoàn toàn xa lạ với bản chất của chủ nghĩa xã hội khoa học, *suy cho cùng*, là xuất phát từ "bệnh kiêu ngạo cộng sản", mưu toan thay thế các động lực vật chất, kinh tế bằng các động lực *thuần túy chính trị*.

Là kiểu mẫu tuyệt vời của tinh thần tự phê bình bôn-sê-vích, Lê-nin đã thú nhận rằng mô hình đó là "sai lầm về đường lối" và buộc phải thực hiện "một sự rút lui rất nghiêm trọng"(15). Đấu tranh không khoan nhượng với những người cộng sản "tả khuynh", Lê-nin quan niệm rằng *chính sách kinh tế mới* (NEP) hoàn toàn không phải là giải pháp tình thế, mà là một chiến lược lâu dài bảo đảm thắng lợi cho sự quá độ lên chủ nghĩa xã hội không qua chế độ tư bản chủ nghĩa.

Là thành tựu đặc sắc của xã hội học mác xít, học thuyết quá độ phi tư bản chủ nghĩa của Lê-nin gắn liền với NEP đã chứng thực tính biện chứng, tính thực tiễn cũng như tính phê phán sâu sắc từ trong bản chất ý thức hệ và chính trị vô sản.

Song đáng tiếc rằng, cuộc đấu tranh chống "bệnh kiêu ngạo cộng sản" lại không ngã ngũ, đặc biệt từ sau khi Lê-nin mất. Mô hình Xta-lin thực chất là tái lập "mô hình cộng sản thời chiến" trên cơ sở cao hơn của tập thể hóa và công nghiệp hóa cùng biết bao vấn đề tồn đọng trên kiến trúc thượng tầng. Lịch sử không giả định, nhưng tư duy biện chứng vẫn cần giả định. Nếu Lê-nin sống lâu hơn nữa với NEP, như Bu-gláp-xki hình dung, tình hình chắc sẽ *nhẹ nhàng hơn, hiệu quả hơn* và *có tính người hơn*.

Mọi ý thức hệ và chính trị nói chung không thể giản đơn chỉ là những mục đích, lý tưởng trừu tượng, mà quyết định không kém lại là những *phương tiện, con đường, thủ đoạn* tương ứng. Ý thức hệ và chính trị vô sản cũng là như vậy, nhất là trong điều kiện đảng vô sản cầm quyền. Là trí tuệ, lương tâm và danh dự của thời đại chúng ta, những người cộng sản phải học cách hiện thực hóa ý thức hệ và chính trị của mình thành những cương lĩnh hành động, những chương trình nghị sự hợp quy luật và khả thi, thích ứng cả với những đặc thù dân tộc, những xu thế mới của thời đại và cuốn hút được sự tham gia nồng nhiệt của quần chúng.

Giờ đây, khi không ít những lợi thế vẫn còn thuộc về phía chủ nghĩa tư bản, nhất là sau khi chế độ xã hội chủ nghĩa ở Liên xô và Đông Âu bị sụp đổ, tạo "cơ hội ngàn vàng" cho những kẻ thù tư tưởng của chủ nghĩa xã hội, thì trò bịp "phi ý thức hệ" thực tế đã cùng với trò bịp "nhân quyền" phục vụ đắc lực cho chiến lược "diễn biến hòa bình" của chủ nghĩa đế quốc hòng "kết thúc ý niệm cộng sản vào cuối thế kỷ XX" !

Ngoài những điệp khúc cũ mèm như "chủ nghĩa thực chứng", "chủ nghĩa hiện sinh", "thuyết hội tụ", "nhà nước phúc lợi chung", "chủ nghĩa tư bản nhân dân", "chủ nghĩa xã hội dân chủ", "chủ nghĩa duy kỹ", v.v., dàn hợp xướng "phi ý thức hệ" hiện đang dâng lên

(15) V.I. Lê-nin : *Sđd*, t 44, tr 199

Digitized by Google

cao trào với những giai điệu mới có vẻ "thiêng liêng" được bổ sung từ các vấn đề tôn giáo và sắc tộc. Những cái gọi là "làn sóng thứ ba" của A. Tô-phlơ sẽ "tràn qua lịch sử" làm cho "vấn đề sở hữu không còn ý nghĩa gì" và "tê liệt" các hệ thống chính trị ; những "cáo chung lịch sử" của Phu-ku-y-a-ma hay những "tiên tri" của những Ních-xơn, Bút-sơ, Brê-din-xki... về "sự kết thúc của ý niệm cộng sản vào cuối thế kỷ XX" sao mà "tương phùng", "kỳ ngộ" với "ngày tận thế năm 2000" mà các giáo sĩ lang băm đưa ra và yêu cầu phải "sám hối" đến thế!

Mẫu số chung của "mớ hổ lốn" quanh trò bịp "phi ý thức hệ" ấy, xét cho cùng, vẫn không ngoài mưu toan *vì lợi ích của thiểu số chống lại đa số !*

Đáng buồn - nhưng không đáng ngạc nhiên- cho một số ít người lạc lõng trong đội ngũ trí thức nước ta từng được cưu mang và trưởng thành trong lòng một dân tộc, một nhân dân, một sự nghiệp cách mạng mà người đại diện đã kết tinh tất cả những gì là đẹp nhất của MỘT CON NGƯỜI, MỘT NHÀ VĂN HÓA LỚN, MỘT ANH HÙNG DÂN TỘC, MỘT NGƯỜI CỘNG SẢN - HỒ CHÍ MINH. Từ thiếu bản lĩnh, dao động trước thời cuộc đã dẫn đến đối lập với nhân dân và chối bỏ sự thật, số người này đã về hùa với trò bịp "phi ý thức hệ" của các nhà tư tưởng chống cộng. Họ cố tình không thấy *sự hồi sinh đang diễn ra sau những đổ nát.* Đó là cuộc tập hợp lực lượng của những người cộng sản ở Liên xô (cũ) và Đông Âu trên nền tảng một ý thức hệ mác xít trong quá trình lột xác khỏi những giáo điều cũ kỹ và tiếp cận cuộc sống sinh động theo cách mới. Cái giá ghê gớm mà xã hội phải trả cho thang các giá trị hư ảo được En-xin hứa hẹn theo khuôn mẫu "dân chủ phương Tây" đã làm tan biến "giấc mộng vàng" về chủ nghĩa tư bản ! Họ cố tình phủ nhận hoặc bôi nhọ những thành tựu đầy sức thuyết phục trong công cuộc đổi mới ở nước ta. Tuy vẫn còn không ít những bi kịch nhức nhối trong đời sống xã hội, nhưng cuộc khủng hoảng tai ác mà toàn bộ cơ thể xã hội chúng ta phải chịu đựng đang đi vào quá khứ. Đất nước mở cửa và hòa nhập vào thế giới đương đại trên cơ sở kinh tế hàng hóa nhiều thành phần, đặt mỗi chúng ta trước vận hội mới lẫn những thách thức và nguy cơ mới gay gắt và phức tạp chưa từng thấy. Tổng thống Mỹ B.Clin-tơn tuyên bố không úp mở rằng việc thiết lập quan hệ ngoại giao Mỹ - Việt là nhằm đưa Việt nam vào con đường "dân chủ" như ở Nga và Đông Âu. Chỉ riêng điều đó thôi cũng đủ cho thấy con đường phía trước chúng ta là cả hoa hồng lẫn chông gai.

Khẳng định "chủ nghĩa Mác - Lê-nin và tư tưởng Hồ Chí Minh là nền tảng tư tưởng, kim chỉ nam cho hành động của Đảng và của cách mạng Việt nam", Nghị quyết 09 (tháng 2/1995) của Bộ chính trị một lần nữa khẳng định con đường phát triển tất yếu của xã hội Việt nam mà Hồ Chí Minh đã lựa chọn cách đây ba phần tư thế kỷ (từ Đại hội Tua ở Pháp năm 1920). Cùng với những thành tựu bước đầu đầy ý nghĩa của sự nghiệp đổi mới, sự khẳng định này của Bộ chính trị Đảng CSVN càng tạo nên ưu thế mới cho cuộc đấu tranh về ý thức hệ ở nước ta.

Phản bác và phủ định trên lý thuyết đối với một ý thức hệ lỗi thời đã khó. Bảo vệ, phát triển và hoàn thiện một ý thức hệ thực sự khoa học và cách mạng lại càng khó hơn. Vấn đề là ở chỗ các khoa học mác xít phải có những nỗ lực to lớn để sớm *chính xác hóa* và *hiện đại hóa* tất cả các khái niệm, phạm trù và nguyên lý của mình trên nguyên tắc phương pháp luận *số một* là thống nhất lý luận với thực tiễn. Chỉ như vậy, ý thức hệ vô sản mới hy vọng trở thành công cụ tư tưởng đích thực cho nhận thức và cải tạo cuộc sống hôm nay. Và cũng chỉ với điều kiện như vậy, thì đánh giá sau đây của triết gia hiện đại Pháp J.Đê-ri-đa mới thực sự có lý : tác giả bộ *Tư bản* vẫn tuyệt đối cần thiết cho thế kỷ XXI, và hãy trở về với Mác !

Tóm lại, câu chuyện "phi ý thức hệ"cũng hoang đường như "sự cáo chung lịch sử" và "ngày tận thế của nhân loại". Cuộc đấu tranh về ý thức hệ giữa vô sản và phi vô sản đủ loại bắt đầu từ 150 năm qua, giờ đây vẫn tiếp diễn, tất nhiên trong những điều kiện mới và với kịch tính mới ! ❑

Digitized by Google

NGHĨ VỀ VĂN HỌC VÀ CON NGƯỜI VIỆT NAM TRƯỚC CHẶNG ĐƯỜNG MỚI

NGUYỄN KHOA ĐIỀM *

MỘT trong những dấu hiệu tích cực của xã hội Việt nam khi bước vào Đại hội VIII của Đảng là số đông người được hỏi đến dễ đưa ra những nhận xét giống nhau về những chuyển biến quan trọng trong kinh tế - xã hội của nước nhà, cả những khó khăn mà chúng ta cần phải giải quyết sau 10 năm đổi mới. Tâm trạng tích cực thể hiện cả trong đánh giá thành tựu, cũng như khi nói đến khó khăn. Những năm trước đây không dễ có được điều ấy trong số đông. Đó là cái mới của Đại hội VIII, trước khi nói đến cái mới trong chủ trương, nhiệm vụ.

Cũng phải mất 10 năm mới đủ hình thành một tâm trạng mới mẻ, tích cực như vậy. Nhớ lại sau những năm chiến tranh, việc khẳng định chiến thắng mà nhân dân ta giành được đã trở thành tâm trạng hồ hởi chung. Nhưng trên lĩnh vực kinh tế - xã hội, xây dựng đất nước, có được những dòng khẳng định như dự thảo Báo cáo chính trị, mang lại sự đồng tình chung của xã hội, của cả nước, thì đây là lần đầu của sự nghiệp xây dựng nước Việt nam xã hội chủ nghĩa.

Cảm xúc về thắng lợi của đất nước là cảm xúc quan trọng nhất của con người. Nó nâng cao con người lên, thoát khỏi mặt bằng của ngày hôm qua để có thể làm nhiều việc lớn khác.

Hơn nữa, chúng ta làm ra thắng lợi không phải trong điều kiện bình thường. Nguyễn Du từng nói đến "thập tải phong trần" (mười năm dầu dãi), 10 năm của đổi mới không phải chỉ là những ngày hội lớn, mà cũng là 10 năm gian khổ. Chúng ta đã phải vượt qua một loạt những cơn "sốc". Cơn "sốc chính trị" khi một loạt các nước xã hội chủ nghĩa sụp đổ quá nhanh chóng. Cơn "sốc kinh tế" khi một loạt cơ sở kinh tế không còn nhận được nguồn "bao cấp" từ bên trong, lẫn bên ngoài để hoạt động. Cơn "sốc văn hóa" khi cả hệ thống giao lưu kinh tế - văn hóa-công nghệ của ta phải đột ngột tìm kiếm những "đối tác" mới, đẻ ra một thị trường văn hóa hết sức phức tạp, ta chưa từng biết tới. Trong tình thế khó khăn như vậy, bên tai chúng ta còn vang lên không ít những lời hăm dọa, dưới chân chúng ta đã giăng ra không ít cạm bẫy của các thế lực thù địch hòng đẩy nước ta đến bờ vực của sự phá sản.

Mười năm đổi mới, chúng ta thực sự sống những ngày hòa bình mà không hề yên ổn. Đảng, Nhà nước và Nhân dân ta đã làm nhiều việc để thúc đẩy đổi mới, để giữ gìn hòa bình và sự toàn vẹn của Tổ quốc, để bảo vệ cách mạng. Mọi sự nỗ lực được tích tụ theo những định hướng đúng đắn.

Chúng ta đã xác lập cho mỗi người, mỗi tổ chức yêu cầu giữ vững định hướng xã hội chủ nghĩa trong sự nghiệp đổi mới, giữ vững ổn định chính trị, đoàn kết dân tộc, chăm lo cho người nghèo và người có công với nước, nhận rõ 4 nguy cơ ; vạch trần những chiêu bài chính trị giả dối của những kẻ chống lại nước ta... Từ đường lối của Đảng, từ thực tiễn sinh động hằng ngày, chưa bao giờ chúng ta học được một khối lượng tri thức chính trị, kinh tế, văn hóa xã hội, khoa học kỹ thuật... lớn như vậy trong 10 năm thử thách vừa qua. Cũng như chưa bao giờ chúng ta hiểu đầy đủ tiềm lực dân tộc, tấm lòng nhân dân thâm hậu như vậy trong chừng ấy năm tháng. *Sự trưởng thành về ý thức chính trị* và *nhạy bén về kinh tế* là hai phẩm chất của con người Việt nam hôm nay, đáng được coi là thành tựu quan trọng của đổi mới, sau những thành tựu mà dự thảo Báo cáo chính trị đã đề cập. Bởi vì, xét đến cùng cứu cánh của đổi mới là ở con người, động lực của đổi mới cũng là ở con người.

Mười năm qua, trên đại thể, đất nước đã kịp hình thành một lớp người ít nhiều biết làm ăn theo lối mới : *chủ động, tự tin, có chí tiến thủ mạnh mẽ*... Một thời chúng ta từng mong mỏi có phong trào học và làm theo điển hình, nhân tố mới trong sản xuất làm ăn, nhưng không phải khi nào cũng có phong trào như vậy. Ấy thế mà

(*) Tổng thư ký Ban chấp hành Hội nhà văn Việt nam

Digitized by Google

ngày nay việc học theo điển hình, tìm thầy biết làm ăn giỏi, ít nhiều đã trở thành nhu cầu tự nhiên của xã hội. Một thời chúng ta thường nói nhiều về yêu cầu tự lực tự cường, tự lực cánh sinh, sự thực thì chỉ đến bây giờ, khi thoát khỏi cơ chế bao cấp, mỗi người lao động mới có ý thức tự lực tự cường thực sự. Chúng ta cũng thường kêu gọi tiến quân vào khoa học - kỹ thuật ; sau nhiều năm, chúng ta mới nhìn thấy rõ nét khát vọng học hỏi khoa học kỹ thuật trong những người đang làm việc vì lợi ích thiết thân của mình cho hôm nay và mai sau. Thậm chí những phương pháp tư tưởng như tính thực tiễn, cách xem xét sự vật khách quan khoa học, tưởng như nói là làm được, nhưng cũng phải đến khi đi vào đổi mới, được động lực lợi ích thúc đẩy, thì phương pháp tư tưởng lành mạnh mới thâm sâu trong việc làm của mỗi người.

Có thể liệt kê ra nhiều điều nữa để nói về những thay đổi tích cực trong con người Việt nam, mà cộng tất cả những thay đổi đó, chính là sự hoàn chỉnh mẫu người của sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, những con người sẽ xây dựng chủ nghĩa xã hội trên đất nước chúng ta.

Bởi vì, đối với sự nghiệp công nghiệp hóa ngày nay, vấn đề không phải là làm gì, mà chủ yếu là làm như thế nào ? Chẳng hạn như làm ra lúa để ăn thì hàng ngàn năm nay đã làm ; nhưng để có lúa xuất khẩu đem lại lợi ích lớn cho đất nước và bản thân thì phải làm như thế nào, tức là phải tính đến công nghệ mới của nghề trồng lúa. Người nông dân của chúng ta không chỉ đổ mồ hôi vào hạt lúa, mà còn phải có sức nghĩ, tài tính toán, tầm hiểu biết bốn biển, năm châu trong làm ăn, thì hạt lúa của họ mới đủ sức nặng của một hàng hóa hiện đại ; cho dù nó được làm ra từ đồng ruộng. Có thể nói những phẩm chất của con người được định hình dần qua những bước thăng trầm của đất nước đang trở thành nhân tố hàng đầu của công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Con người giàu bản lĩnh và khát vọng, hết lòng vì độc lập, tự do và sự giàu mạnh của Tổ quốc, biết làm đẹp cuộc sống vật chất, tinh thần của mình một cách chính đáng, nối kết mình với truyền thống quật cường của dân tộc và những sức mạnh tốt đẹp của nhân loại, đó là những con người của công nghiệp hóa, hiện đại hóa theo định hướng của chủ nghĩa xã hội.

Cái đáng quý nhất của 10 năm đổi mới là chúng ta đã bước đầu hình thành được một lớp người như vậy. Họ có mặt khắp mọi nơi, từ thành phố đến núi cao, giữa đồng ruộng và nhà máy, trong các viện nghiên cứu và cơ quan nhà nước, trong lực lượng vũ trang và đội ngũ trí thức... Họ hướng về đổi mới mong làm việc hết mình cho đổi mới. Họ sẵn sàng bắt tay vào công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. Họ đem lại biết bao niềm tin và hy vọng.

Nhưng tại sao khi đặt toàn bộ lòng tin vào con người Việt nam hôm nay, trong lòng chúng ta vẫn gợn lên những lo âu, trăn trở ? Tại sao sự vi phạm pháp luật, những tội ác và các loại thói xấu trong xã hội đang tiếp tục tăng lên ? Tại sao nạn tham nhũng không ngăn chặn được? Tại sao sự chênh lệch giàu nghèo tăng nhanh và những người nghèo rất khó khăn trong chữa bệnh, học hành ? Tại sao nhiều trí thức của chúng ta chưa phát huy đầy đủ khả năng của mình, phải tìm đến những nghề tạm thời để kiếm sống ? Và tại sao khi đánh giá về con người Việt nam hôm nay, dù trong một cuộc mạn đàm nhỏ, vẫn có những nhận xét khác nhau, thậm chí trái ngược nhau ?...

Quả là niềm tự hào về con người đang lớn dần lên, nhưng nỗi lo âu về con người chưa giảm xuống. Chúng ta còn phải làm nhiều việc để phát triển nhân tố con người, bảo vệ nguồn nhân lực của đất nước, vun đắp những nhân tố tích cực, lành mạnh trong con người, kiên quyết ngăn chặn những gì đang gặm nhấm tính tích cực, ý thức trách nhiệm, khát vọng sống tốt đẹp trong con người Việt nam hiện nay. Cuộc chiến đấu để giải phóng con người, bảo vệ con người, cũng quan trọng như cuộc chiến đấu để giải phóng dân tộc, giải phóng xã hội. Nếu có được con người Việt nam trí dũng, đức tài thì ngay những lúc nguy nan nhất, chúng ta vẫn đầy đủ lòng tin thắng lợi để nói như các vua Trần trước đòn tiến công của giặc ngoại xâm : "Hoan Diễn do tồn thập vạn binh".

Khi vấn đề con người đặt ra dưới ánh sáng chói chang của đời sống, pha lẫn niềm tự hào và nỗi lo toan, thì chính đây là thời điểm quan trọng của văn học. Mười năm qua, văn học Việt nam không ngừng vươn tới những tìm kiếm để biểu hiện đầy đủ hơn con người Việt nam trước những đổi thay to lớn của đời sống. Bằng tác phẩm, nhiều nhà văn đã chăm chú dõi theo những bước đi của những con người bình thường trong sinh hoạt hằng ngày. Sự nhân hậu, lòng vị tha,

(Xem tiếp trang 47)

Digitized by Google

Giữ gìn bản sắc văn hóa dân tộc một vấn đề của toàn thế giới

NGUYỄN KHẮC KHÁNH *

KHÔNG phải tất cả nhưng số đông đều nhận thức được rằng, giữ gìn và phát huy bản sắc văn hóa dân tộc là vấn đề sống còn của một quốc gia. Đặc biệt trong thời đại quốc tế hóa, toàn cầu hóa về kinh tế và phát triển thì vấn đề giữ gìn bản sắc văn hóa dân tộc càng trở nên bức thiết. Ở Hội nghị Trung ương 4 (khóa VII) đồng chí Tổng bí thư Đỗ Mười nói : "Phát triển tách khỏi cội nguồn dân tộc thì nhất định sẽ lâm vào nguy cơ tha hóa. Đi vào nền kinh tế thị trường, hiện đại hóa đất nước mà xa rời những giá trị truyền thống sẽ làm mất bản sắc dân tộc, đánh mất bản thân mình trở thành cái bóng mờ của người khác, của dân tộc khác". "Vì vậy cùng với việc xây dựng và phát triển nền kinh tế hàng hóa, phải xây dựng và phát triển nền văn hóa tiên tiến đậm đà bản sắc dân tộc theo định hướng xã hội chủ nghĩa với những đặc trưng cơ bản là dân tộc, hiện đại, nhân văn". Bước vào thế kỷ 21 tất cả những gì sẽ xảy ra, có thể chúng ta chưa lường hết được, nhưng có lẽ sẽ là thế kỷ đua tranh của các nền văn hóa. Tàn lụi, đi vào quên lãng hay nở rộ phát triển, điều đó tùy thuộc ở nhận thức và hành động của mỗi dân tộc trong việc bảo vệ, khai thác và phát huy bản sắc văn hóa của dân tộc mình.

Bản sắc văn hóa dân tộc được hình thành trong quá trình lịch sử lâu dài của mỗi dân tộc. Mỗi dân tộc có một bản sắc văn hóa riêng, bởi họ lựa chọn một hệ thống giá trị riêng. Ví như bản sắc chung của các dân tộc phương Tây gắn liền với sức mạnh của cá nhân, còn bản sắc phương Đông lại gắn với ý thức cộng đồng và xã hội. Nói chung, bản sắc văn hóa ngày càng được phát triển, bồi đắp để phong phú, sâu đậm hơn. Nó là kết quả đấu tranh bền bỉ, gian khổ của con người với tự nhiên và xã hội. Mồ hôi, nước mắt, kể cả máu của bao thế hệ đã đổ xuống để vun đắp nên bản sắc văn hóa dân tộc. Vì lẽ đó bản sắc văn hóa dân tộc là cái gì rất riêng của mỗi quốc gia, là tiêu chí cơ bản, sâu xa để phân biệt quốc gia, dân tộc này với quốc gia, dân tộc khác. Trong tương lai, xã hội hiện đại có thể san bằng những khác biệt trong sự phát triển kinh tế, kỹ thuật... nhưng sự khác biệt trong bản sắc văn hóa dân tộc thì mãi mãi trường tồn cùng thế giới văn minh.

Bài học kinh nghiệm rút ra từ sự phát triển của Nhật bản và các nước công nghiệp hóa mới (NICs) đã chỉ rõ, bản sắc văn hóa có ảnh hưởng rất quan trọng đối với sự phát triển. Và đứng về mặt sản xuất vật chất thì các hoạt động cách mạng lớn trong lịch sử đều bắt đầu từ đạo lý dân tộc hay bản sắc văn hóa dân tộc - cái làm nên văn hóa sản xuất chứ không phải bắt đầu từ khoa học - công nghệ. Khi mới bắt đầu duy tân, Nhật bản đề ra khẩu hiệu "Công nghệ phương Tây + Đạo lý Nhật bản". Có nghĩa là động cơ quyết định cho sự chuyển biến đi lên của Nhật bản và các nước công nghiệp hóa mới (NICs) là *nằm trong văn hóa* chứ không *nằm trong công nghệ* ; hiện đại hóa, công nghiệp hóa nhưng phải đặt trên nền tảng giá trị bền vững của văn hóa dân tộc.

Bản sắc văn hóa dân tộc mang một ý nghĩa thiêng liêng, cao quý, nó là tài sản vô giá của dân tộc. Có thể nói, bản sắc văn hóa dân tộc là sự lắng đọng của khí thiêng sông núi, được hun đúc qua bao thăng trầm lịch sử để rồi tỏa sáng, làm điểm tựa cho mỗi dân tộc và con người chúng ta đi lên trong cuộc trường chinh hướng tới tương lai. Nó chính là hiện thân của sự *tồn tại* hay *không tồn tại* của mỗi quốc gia, cũng như của mỗi con người xét về mặt bản chất với đầy đủ những ý nghĩa của khái niệm dân tộc và con người. Ngày nay, cả thế giới đi đến lối sống toàn cầu hóa, nghĩa là có sự dung hòa giữa các nền văn hóa dân tộc, các nền văn minh trên toàn thế giới. Mặt khác, các siêu cường luôn có tham vọng áp đặt lối sống của họ cho toàn thế giới. Vì vậy, vấn đề đặt ra với mỗi dân tộc là phải giữ gìn cho được

(*) Phân viện Hà nội, Học viện chính trị quốc gia Hồ Chí Minh

Digitized by Google

bản sắc văn hóa riêng của mình để làm vốn góp vào lối sống toàn cầu đó.

Bản sắc văn hóa dân tộc thể hiện hết sức đa dạng, phong phú trong muôn mặt của cuộc sống. Nó nằm ngay trong những sinh hoạt hằng ngày gần gũi của con người như : ăn, mặc, ở, vui chơi, làm việc, giao tiếp, yêu đương... cho đến những vấn đề hoặc những hoạt động mang tầm vóc to lớn của con người như : thể chế chính trị, tổ chức nhà nước, đường lối chính sách, hoạt động kinh tế, chính trị, quân sự, ngoại giao... Bản sắc văn hóa dân tộc xuyên suốt và thấm đượm trong toàn bộ đời sống xã hội. Nó có mặt ở khắp nơi, trong đời sống vật chất, trong đời sống tinh thần, và làm thành cốt lõi, linh hồn của cuộc sống mỗi dân tộc. Mỗi tập thể, mỗi cá nhân ít nhiều đều in đậm dấu ấn bản sắc văn hóa của một dân tộc nhất định, khi lắng đọng, khi sôi nổi. Người Việt nam dù ở bất cứ góc bể chân trời nào thì cũng vẫn là người Việt nam với những nét đặc trưng của bản sắc văn hóa Việt nam. Đó là *chủ nghĩa yêu nước và nhân văn ; tinh thần trọng đạo đức, học thức ; thái độ sống vì lợi ích của cộng đồng*. Chỉ lấy ra một ví dụ nhỏ : có lẽ trên thế giới, chỉ riêng dân tộc Việt nam là có truyền thống thờ cúng những người có công với nước, với cộng đồng. Thái độ sống vì lợi ích của dân tộc và lòng biết ơn những người có công với đất nước đã tạo nên một nét đẹp truyền thống trong tinh thần dân tộc Việt : "Uống nước nhớ nguồn". Nét đẹp mang tính truyền thống này là một trong những giá trị văn hóa dân tộc đang được gìn giữ và phát huy mạnh mẽ trong những năm gần đây. Bản sắc văn hóa dân tộc là yếu tố cơ bản hàng đầu kết dính tất cả các thành viên trong cộng đồng thành một khối thống nhất. Sức mạnh của dân tộc cũng có nguồn gốc sâu xa từ bản sắc văn hóa dân tộc. Vì sao chúng ta không bị đồng hóa trong hàng nghìn năm Bắc thuộc ? Vì sao chúng ta lại đánh bại các cuộc xâm lược của Tống, Nguyên, Minh, Thanh ? Vì sao chúng ta lại thắng Pháp, thắng Mỹ ? Tất cả những câu hỏi này chỉ có thể được trả lời rõ ràng, có sức thuyết phục khi nói đến sức mạnh to lớn của văn hóa Việt nam được Đảng Mác - Lê-nin chân chính khai thác và phát huy trong điều kiện của một thời đại mới. Cùng với sức mạnh đó, trong những năm qua chúng ta đã vượt qua được khủng hoảng kinh tế - xã hội để đi lên bằng chính khối óc và trái tim Việt nam, khiến cho bạn bè khắp nơi trên thế giới phải ngạc nhiên, khâm phục.

Chúng ta đang sống trong một thế giới đầy những biến động, đổi thay diễn ra từng phút, từng giờ : cơ may và thách thức ; xấu và tốt ; tích cực và tiêu cực ; tiến bộ và lạc hậu ; cách mạng và phản cách mạng, đan xen nhau. Để nhận diện được và xác định đúng đường đi cho mình cần phải đứng vững trên lập trường của chủ nghĩa Mác - Lê-nin và bản sắc văn hóa dân tộc. Chỉ có như vậy thì mở cửa, đi vào kinh tế thị trường chúng ta mới giữ vững được độc lập, tự do và chủ nghĩa xã hội.

Trải qua 4 cuộc chiến tranh liên tiếp, khốc liệt, kinh tế kém phát triển, trong điều kiện và hoàn cảnh như vậy, có lúc, có nơi khó tránh khỏi sự sao nhãng đối với việc giữ gìn và phát huy bản sắc văn hóa dân tộc. Phương hướng chung thì có nhưng thiếu kế hoạch, tổ chức thực hiện và một phong trào quần chúng sôi nổi. Thành tựu đạt được chưa ngang với tầm vóc của nó và nguyện vọng của nhân dân. Trên thực tế còn có những nhận thức chưa đúng và có nhiều việc làm phương hại đến bản sắc văn hóa dân tộc. Điều này ảnh hưởng tiêu cực đến tâm hồn tình cảm của nhân dân và gây khó khăn cho ngày hôm nay khi chúng ta tiến hành sưu tầm, khai thác và phát huy những giá trị văn hóa đó vào cuộc sống.

Càng đáng trách hơn khi đất nước đi vào đổi mới, mở cửa, do bị choáng ngợp trước sự phát triển của kinh tế, khoa học, kỹ thuật thế giới, nhiều người đã có những nhận thức hết sức sai lầm về vấn đề văn hóa dân tộc. Hoặc cực đoan phủ nhận tất cả những gì của tinh hoa văn hóa nhân loại, bảo vệ văn hóa dân tộc theo kiểu "bế quan tỏa cảng", tự bằng lòng với những gì Việt nam vốn có. Hoặc phủ nhận xem thường bản sắc văn hóa dân tộc, thậm chí một số ít người còn cho rằng nó cản trở đến sự đi lên, phát triển của đất nước. Từ nhận thức như vậy những người này sẵn sàng tiếp nhận tất cả mọi thứ mà không chọn lọc, không phê phán. Chính họ vô tình hay cố ý đã góp phần không nhỏ trong việc phá hoại những giá trị văn hóa dân tộc. Họ quên mất bài học phát triển rút ra từ sự không thành công của những nước theo đuôi, dập khuôn theo phương Tây mà mất đi ý thức giữ gìn bản sắc văn hóa dân tộc trong quá trình phát triển và hiện đại hóa. Họ quên mất một điều chính nhiều người nước ngoài đang hướng đến Việt nam để tìm hiểu văn hóa Việt nam với tất cả những tình cảm tốt đẹp. Nghị quyết Trung ương 4 (khóa VII) đã chỉ rõ: "Phát triển văn hóa dân tộc đi liền với mở rộng

Digitized by Google

giao lưu văn hóa với nước ngoài, tiếp thu những tinh hoa của nhân loại, làm giầu đẹp thêm nền văn hóa Việt nam. Ngăn chặn và đấu tranh chống sự xâm nhập của các loại văn hóa độc hại, bảo vệ nền văn hóa dân tộc".

Từ những nội dung trình bày ở trên, rõ ràng vấn đề bảo vệ, giữ gìn, khai thác, phát huy bản sắc văn hóa dân tộc là một vấn đề hết sức to lớn và có nhiều ý nghĩa trong giai đoạn hiện nay cũng như trong tương lai của đất nước. Nó phải trở thành ý thức, tình cảm và việc làm hằng ngày của toàn xã hội, của tất cả mọi người, từ những nhà lãnh đạo cao nhất đến mọi người dân bình thường, ở bất kể đâu, trên lãnh thổ Việt nam hay ở nước ngoài. Giữ gìn bản sắc văn hóa dân tộc không phải là một cái gì chung chung, trừu tượng, càng không phải là để phô trương hình thức tỏ ta đây là có bản sắc văn hóa dân tộc. Giữ gìn bản sắc văn hóa dân tộc phải được thể hiện ngay trong cuộc sống hằng ngày ở mỗi con người và bằng những việc làm cụ thể. Giữ gìn bản sắc văn hóa dân tộc trong tư duy của những nhà chiến lược, trong tính toán của những nhà hoạch định chính sách, trong hoạt động của những nhà sản xuất kinh doanh, và của tất cả mọi người trong mọi mối quan hệ, ứng xử với quá khứ - hiện tại-tương lai, với tự nhiên - xã hội và chính bản thân mình. Ý thức được như vậy và làm được như vậy sẽ góp phần làm cho bản sắc văn hóa dân tộc ngày càng tốt đẹp, tỏa sáng. Bản sắc văn hóa dân tộc lúc đó sẽ trở thành một động lực tinh thần to lớn đưa dân tộc ta tiến lên phía trước.

Giữ gìn bản sắc văn hóa dân tộc như vậy là thuộc về tất cả mọi người, mọi cấp, mọi ngành, mọi cơ quan, mọi tổ chức xã hội. Ở đây Đảng và Nhà nước đóng vai trò lãnh đạo trong việc vạch đường chỉ hướng ; Bộ văn hóa thông tin tổ chức thực hiện ; những người hoạt động trong lĩnh vực giáo dục văn hóa, văn nghệ là lực lượng nòng cốt. Song cuối cùng mấu chốt vẫn là quần chúng nhân dân. Chỉ khi nào phát động được một phong trào toàn dân giữ gìn bản sắc văn hóa dân tộc rộng lớn và đi vào chiều sâu thì lúc đó bản sắc văn hóa dân tộc mới thực sự được bảo vệ và phát huy trong cuộc sống và trở thành sức mạnh của cách mạng. Cách mạng là sự nghiệp của quần chúng, giữ gìn bản sắc dân tộc không nằm ngoài chân lý đó ❑

Nghĩ về văn học...

(Tiếp theo trang 44)

đức tính can đảm, hy sinh, luôn vươn lên trước mọi nghịch cảnh của con người Việt nam được tái hiện trong nhiều trang viết về nông thôn và người lính. Quan tâm những vấn đề con người, nhiều nhà văn đã xót xa lên tiếng về sự biến dạng không ít trong con người hiện tại, âu lo về những sự xâm phạm phẩm giá con người. Những trang văn học mới cố gắng đánh thức sự thương yêu, đồng cảm trước mọi biểu hiện phong phú của nhân cách. Nhiều cây bút trẻ xuất hiện nhanh chóng trong 10 năm đổi mới đem tới cho văn chương tiếng nói trẻ trung, nhạy cảm về số phận không hề đơn giản của lớp trẻ hôm nay.

Tuy nhiên, phải nhận rằng những trang viết đáng chú ý về đổi mới và con người trong đổi mới còn rất ít ỏi. Cảm hứng do đổi mới đem lại mới kích thích xu hướng phê phán những mặt trái của ngày hôm qua nhiều hơn là phát hiện và cổ vũ vẻ đẹp của con người và việc làm của họ trong hiện tại. Đã có không ít những bức tranh ảm đạm về đời sống, giữa lúc đời sống đang vươn lên mạnh mẽ khác thường và con người đang đứng trước những đòi hỏi tích cực. Có một khoảng cách giữa đời sống và văn học và nhiều nhà văn có tài của nền văn học chúng ta cảm thấy món nợ của mình trước những biến đổi to lớn của đất nước và những trăn trở trong tâm hồn nhân dân.

Đại hội toàn quốc lần thứ VIII của Đảng sẽ khẳng định đầy đủ và mạnh mẽ chặng đường mới của đất nước, vạch ra hướng phấn đấu của sự nghiệp công nghiệp hóa và hiện đại hóa nhằm tạo ra những biến đổi sâu xa, to lớn về sinh hoạt vật chất và đời sống tinh thần của xã hội ta. Đây chính là nghĩa vụ và thời cơ của văn học. Cũng như những năm tháng trước đây, văn học nước ta từng gắn bó hết mình với con người và chiến tranh giải phóng dân tộc ; ngày nay, với những năng lực mới nền văn học đó nhất định làm việc hết lòng cho nhân dân, cho con người Việt nam trong sự nghiệp dân giàu nước mạnh, xã hội công bằng văn minh, đem lại niềm tin và ánh sáng cho tâm hồn con người. Các nhà văn Việt nam và Hội nhà văn đang chuẩn bị nhiều mặt cho mùa văn học mới. Tin vào con người Việt nam, chúng ta càng tin ở các nhà văn của mình ❑

Digitized by Google

THỰC TRẠNG NGƯỜI NGHỈ HƯU Ở NƯỚC TA

MẠC VĂN TIẾN* và LÊ XUÂN ĐÌNH

NƯỚC ta đã bắt đầu thực hiện chế độ bảo hiểm xã hội (BHXH) từ hơn 30 năm nay. Trong đó chế độ cho người nghỉ hưu chiếm vị trí đặc biệt quan trọng. Theo số liệu đã được công bố của Bộ lao động - thương binh và xã hội, số người nghỉ hưu của cả nước hiện nay là 1,4 triệu người. Thời gian qua, nhờ thực hiện chính sách hưu trí đúng đắn, tích cực, đã góp phần vào việc ổn định đời sống của cán bộ, công nhân, viên chức nhà nước, tạo điều kiện để người lao động yên tâm công tác và chiến đấu, tin tưởng vào sự lãnh đạo của Đảng và Chính phủ.

Tuy nhiên, bên cạnh mặt tích cực, việc thực hiện chính sách hưu trí cũng đã bộc lộ một số hạn chế. Ngoài những hạn chế về xây dựng và thiết kế các chế độ nghỉ hưu, khuyết điểm chủ yếu khi thực hiện là tùy tiện, thiếu khách quan, gây lãng phí lớn cho ngân sách nhà nước; thiếu công bằng giữa cống hiến và hưởng thụ.

Cuối năm 1995, chỉ trong một cuộc thanh tra về việc thực hiện chế độ hưu trí và mất sức ở một số địa phương đối với 19 561 trường hợp, chúng ta đã phát hiện 7 806 trường hợp sai phạm (chiếm 36%) ở các mức độ khác nhau (trong đó có 87 trường hợp làm hồ sơ giả mạo; 143 trường hợp đã nhận trợ cấp thôi việc một lần nhưng vẫn hưởng chế độ hưu trí, mất sức; 2 207 trường hợp khai tăng tuổi, tăng thời gian công tác ; 1 220 trường hợp cho hưởng chế độ hưu trí, mất sức không đúng quy định ; 770 trường hợp nâng lương sai chế độ v.v.).

Để có những số liệu chính xác phản ánh trung thực tình hình thực hiện chính sách BHXH, vừa qua Bộ lao động - thương binh và xã hội đã tiến hành điều tra khảo sát về thực trạng những đối tượng đang hưởng chế độ BHXH, đặc biệt là những người nghỉ hưu. Theo quy định, đối với những người lao động trong điều kiện bình thường, nam 60 tuổi và nữ 55 tuổi thì được nghỉ hưu. Những người làm việc ở những lĩnh vực lao động nặng nhọc, độc hại và quân nhân chiến đấu ở các chiến trường (có quy định cụ thể) thì được giảm tối thiểu 5 tuổi và tối đa 10 tuổi cho mỗi giới. Kết quả điều tra ở vùng Đồng bằng sông Cửu long (ĐBSCL) và vùng Miền đông Nam bộ (MĐNB) cho thấy :

Bảng 1 : *Độ tuổi những người đã nghỉ hưu ở ĐBSCL và MĐNB*

(Tính theo %)

ĐỘ TUỔI	Ở ĐBSCL	Ở MĐNB
Dưới 45 tuổi	13,78	2,04
45 - 49 tuổi	13,78	10,69
50 - 54 tuổi	31,35	15,27
55 - 59 tuổi	19,20	17,05
Từ 60 tuổi trở lên	21,89	54,95

Một hiện tượng đáng chú ý là người đã nghỉ hưu ở độ tuổi dưới 50 chiếm 27,56% (ĐBSCL) và 12,73% (MĐNB). Đặc biệt ở một số địa phương số người đã nghỉ hưu ở độ tuổi dưới 45 chiếm tỷ trọng khá lớn, như ở An giang (36,84%) ; Vĩnh long (33,33%). Tình trạng thực hiện sai các quy định của nhà nước về tuổi nghỉ hưu là rất phổ biến (có nơi còn khai man hoặc sửa lại hồ sơ, lý lịch để cho đủ tuổi hưu). Chẳng hạn, cũng cuộc thanh tra cuối năm 1995 phát hiện ở Xí nghiệp chế biến lương thực Nghệ an đã dùng con dấu cũ (hết hiệu lực từ 1974) để hợp lý hóa hồ sơ cho 30 người hưởng chế độ hưu trí sai quy định. Ở thành phố Vinh có 9 trường hợp khai man từ 5 đến 16 năm phục vụ trong quân đội để hưởng chế độ hưu trí, mất sức. Có hiện tượng cán bộ nhận hối lộ để làm hồ sơ giả, như ở Lâm đồng. Nhiều nơi, tuy Nghị định 236/HĐBT (ngày 18-9-1985) của Hội đồng bộ trưởng (nay là Chính phủ) đã hết hiệu lực từ năm 1993, nhưng

* PTS kinh tế, Bộ lao động - thương binh và xã hội

Digitized by Google

vẫn đem áp dụng cho năm 1994 để giải quyết chế độ hưu trí, mất sức cho cán bộ công nhân viên (như ở TP Hồ Chí Minh đã giải quyết cho 3 745 người nghỉ hưu trước tuổi, 1 969 người hưởng chế độ mất sức thường xuyên ; ở huyện Cai lậy và thành phố Mỹ tho (Tiền giang) có 44 người nghỉ hưu trước tuổi...).

Một số cán bộ phụ trách chế độ, chính sách BHXH đã làm việc thiếu nghiêm túc (nếu không muốn nói là tùy tiện, vô chính phủ) đến mức cho qua cả những trường hợp hết sức phi lý : *thời gian công tác xấp xỉ với tuổi đời*. Có thể thấy điều đó qua bảng sau :

Bảng 2 : *Cơ cấu người nghỉ hưu phân theo thời gian công tác và nhóm tuổi khi nghỉ hưu ở ĐBSCL*

(Tính theo %)

Số năm công tác \ Độ tuổi	Dưới 45 tuổi	45 - 49 tuổi	50 - 54 tuổi	55 - 59 tuổi	Từ 60 tuổi trở lên
Dưới 25 năm	9,80	5,88	1,72	1,41	2,47
25 - 30 năm	39,22	25,49	10,34	8,45	4,94
31 - 35 năm	45,10	31,37	27,59	15,49	13,58
36 - 40 năm	5,88	25,49	27,59	18,31	11,11
41 - 45 năm	0,00	11,76	15,52	21,13	20,99
46 - 50 năm	0,00	0,00	13,79	25,35	20,99
Từ 51 năm trở lên	0,00	0,00	3,45	9,86	25,93

Bảng 2 cho thấy : trong số người nghỉ hưu ở tuổi dưới 45 có đến gần 6 % có số năm công tác từ 36 đến 40 năm, nghĩa là 5 hoặc 10 tuổi đã vào biên chế nhà nước ; hoặc ở tuổi 45 - 49 có đến gần 12% có số năm công tác từ 41 đến 45 năm. Những bất hợp lý này diễn ra ở hầu hết các địa phương trong cả nước. Tổng hợp các số liệu điều tra và tính bình quân lại thì mỗi người nghỉ hưu đã nghỉ sớm hơn quy định của nhà nước từ 5 đến 7 năm. Và số năm lãng phí do thực hiện sai chính sách, chế độ tổng cộng lên đến 10 triệu năm. Nếu chỉ lấy mức lương tối thiểu của một người nghỉ hưu là *120 ngàn đồng/tháng* để tính, thì hằng năm chúng ta đã lãng phí mất hàng ngàn tỉ đồng (trong khi năm 1996 Quốc hội quyết định dành 1 000 tỉ đồng để trợ cấp cho một số đối tượng lương thấp có đời sống khó khăn đã thấy đáng kể lắm rồi). Đó là chưa tính đến việc những người "hưu non" này sẽ còn được hưởng chế độ cho đến khi qua đời (ước tính trung bình khoảng 23 - 25 năm sau khi nghỉ hưu), như vậy tổng số tiền mà ngân sách nhà nước phải chi một cách phi lý sẽ còn lớn gấp bội.

Chúng tôi nghĩ, công bằng trước hết phải được hiểu là nghiêm chỉnh chấp hành pháp luật và các chính sách chế độ. Giá mà mọi nơi đều làm đúng chính sách chế độ hưu trí thì chúng ta đã tiết kiệm được một lượng tiền không nhỏ để cải thiện đáng kể đời sống của những người nghỉ hưu đúng chế độ và đãi ngộ xứng đáng những người thực tài, cống hiến cả đời mình cho cách mạng.

Những điều nghịch lý trên có nhiều nguyên nhân. *Một là*, Nhà nước ta phải giải quyết hậu quả chiến tranh quá nặng nề, nhiều người đã cống hiến vô cùng lớn lao, bằng máu, xương và cả cuộc đời vì Tổ quốc. Đối với họ, mãi mãi chúng ta không lấy gì để đền đáp được. Đảng và Nhà nước ta đã cố gắng hết sức để có chính sách đền đáp thỏa đáng đối với những người có công với nước, với dân. Tuy nhiên, những thiếu sót trên không hoàn toàn bắt nguồn từ chỗ đất nước ta còn nghèo, mà còn do sự phân phối không công bằng làm ảnh hưởng đến đời sống của những người có cống hiến thực sự. *Hai là*, trong các chế độ chính sách, do quá trình thiết kế, đặc biệt là thiết kế hệ thống trợ cấp BHXH nói chung và bảo hiểm cho hưu trí nói riêng còn nhiều sơ hở, và mang nặng tính bình quân. *Ba là*, do chính yếu tố chủ quan của những người "cầm cân nảy mực", làm việc tùy tiện, thiếu khách quan vô tư, cố tình làm sai chế độ chính sách, gây lãng phí tài sản xã hội chủ nghĩa và ảnh hưởng xấu đến mục đích của chính sách xã hội của Đảng và Nhà nước ta nói chung.

*
* *

Nhìn chung, những người khi về hưu thường gặp nhiều khó khăn về đời sống, vì ngoài lương hưu ra, họ không còn được hưởng các khoản khác (như thưởng, ăn trưa và các khoản trợ cấp khác) mà hiện nay những người tại chức có được. Riêng ở Hà nội hiện nay có đến 53% số người về hưu chỉ sống bằng lương hưu, mà số người về hưu với mức lương dưới *200 ngàn đồng/tháng* lại chiếm tới 48%. Với mức lương "ba cọc ba đồng" như vậy, ngay người đang làm việc còn khó trang

Digitized by Google

trải đủ cho cuộc sống, huống gì người hưởng lương hưu (nguyên tắc chung là mức trợ cấp BHXH phải thấp hơn mức lương khi làm việc).

Qua khảo sát thực tế, mức lương hưu *trung bình* của người nghỉ hưu ở MĐNB là gần *150 ngàn đồng/tháng*, ở ĐBSCL là *287 ngàn đồng/tháng*, nghĩa là gấp 1,25 lần và 2,39 lần mức lương tối thiểu. Trong các nhóm người về hưu thì số quân nhân hưu trí có mức lương hưu khá hơn cả (trung bình từ 176 ngàn đến 391 ngàn đồng). Theo điều tra xã hội học, mức lương hưu hiện nay thường chiếm từ 45% đến 63% tổng thu nhập của người nghỉ hưu. Nghĩa là, để tồn tại người nghỉ hưu vẫn phải bươn chải làm việc để bảo đảm cuộc sống bình thường. Ở nông thôn, đại đa số người về hưu đều tham gia làm kinh tế hộ, gồm nông, lâm, ngư (chiếm gần 76% số người về hưu). Còn ở thành thị, số người về hưu lại chủ yếu tham gia buôn bán, dịch vụ (chiếm gần 46% số người về hưu).

Đáng lý ra, khi đến tuổi về hưu, người lao động đã có quá trình cống hiến nhiều năm trước đây phải có được một khoản tích lũy đủ để trang trải cho phần cuối đời còn lại. Họ phải thực sự được nghỉ ngơi - "vui thú điền viên". Nhưng vì thu nhập quá thấp, đời sống không bảo đảm, những người về hưu, đặc biệt là người về hưu trước tuổi, buộc phải lao ra làm bất cứ việc gì có thể để kiếm thêm thu nhập.

Theo kết quả điều tra, hiện nay số người về hưu có sức khỏe trung bình chiếm trên 40% và sức khỏe kém chiếm từ 41 đến 50% ; 60 - 70% số người về hưu sức khỏe giảm sút hơn nhiều so với trước khi nghỉ hưu. Do đó, chính sách xã hội không thể không lưu tâm đến lĩnh vực sức khỏe và chăm lo sức khỏe cho người về hưu. Bởi vì, thu nhập đã thấp, hằng tháng họ lại phải dùng từ 10 đến 12% tổng thu nhập để chi cho các khoản thuốc men và khám, chữa bệnh ; đó là chưa kể đến nằm viện hay các dịch vụ đắt tiền như phẫu thuật, chiếu X-quang...

Để nâng cao đời sống vật chất và tinh thần, thực hiện tốt chế độ BHXH đối với người về hưu, chúng tôi xin nêu một số kiến nghị sau :

- Chế độ hưu trí là chế độ BHXH tuổi già, vì vậy cần đổi mới chính sách sao cho người nghỉ hưu có được cuộc sống bình thường bằng chính tiền lương hưu của mình (theo luật định họ hoàn toàn được hưởng quyền lợi chính đáng đó). Theo chúng tôi, người nghỉ hưu đúng tuổi, đúng chính sách chí ít cũng phải được hưởng một khoản tiền lương hưu xấp xỉ với mức sống trung bình thực tế của xã hội trở lên và phải được bảo đảm về mặt chăm sóc y tế, chăm sóc sức khỏe. Ngược lại, đối với những người nghỉ hưu sai chế độ chính sách thì không kể nguyên nhân như thế nào, mức lương mà họ được hưởng một cách phi lý tới nay, cần phải được điều chỉnh, thậm chí có thể cần phải truy thu lại số tiền mà trước nay họ hưởng một cách phi lý.

- Đối với những trường hợp như lao động nặng nhọc, độc hại, quân nhân ở B, C, K, quân nhân chiến trường xa... được nghỉ hưu sớm hơn so với độ tuổi luật định (trước đây thường gọi là *hưu non*), thì mức lương hưu cũng cần được điều chỉnh sao cho hợp lý, hợp tình, bảo đảm tính công bằng giữa cống hiến và hưởng thụ. Đồng thời, cần tổ chức việc làm phù hợp cho những người còn khả năng lao động, để họ có điều kiện vừa cải thiện cuộc sống, vừa làm lợi cho xã hội.

- Để xác định đúng đối tượng nghỉ hưu "thật" và nghỉ hưu "dởm", cần rà soát lại toàn bộ những người đang nghỉ hưu để xếp loại các đối tượng theo các nhóm chính sách và thời kỳ nghỉ hưu. Thiết nghĩ, nhà nước dù có phải chi một khoản tiền lớn cho một cuộc tổng rà soát như vậy, thì cũng nên làm. Bởi vì nếu có tốn kém thì cũng chỉ tốn kém một lần, còn hơn để kéo dài mãi tình trạng lãng phí phi lý và bất công trong thực hiện chính sách BHXH như hiện nay. Hơn nữa, làm như vậy còn thiết thực góp phần vào việc thiết lập trật tự, kỷ cương, buộc mọi người phải sống và làm việc theo hiến pháp và pháp luật. Xét về mặt xã hội, cái được của biện pháp này là rất lớn.

- Đối với những người có trách nhiệm thực thi chính sách BHXH (cơ quan BHXH, cơ quan thuộc Bộ lao động - thương binh và xã hội) cố tình làm sai, lừa dối nhà nước để trục lợi cá nhân, cần nghiêm trị thích đáng. Đối với những người chịu trách nhiệm trực tiếp và

(Xem tiếp trang 52)

Digitized by Google

Phương tiện xa dân !

VŨ BÌNH MINH

HUYỆN tôi thuộc diện nghèo, xa tỉnh ly, đi lại khó khăn. Nó vốn là một vùng "chiêm khê, mùa thối", chuyên độc canh lúa ; ngành nghề tiểu, thủ công nghiệp chậm phát triển. Vì vậy người ta thường gọi huyện tôi là huyện "vừa xấu, vừa xa".

Tôi tuy đã xa quê từ lâu, nhưng thỉnh thoảng khi về thăm họ hàng, thắp nén hương cho mồ mả tổ tiên vẫn thường ghé thăm các anh lãnh đạo huyện. Ngược lại, có dịp lên Hà nội, các anh cũng thường gặp tôi, và mỗi lần như thế các anh thường phàn nàn về nỗi cơ cực của một huyện nghèo trong cơ chế thị trường hiện nay. Trong các cuộc hội họp của tỉnh, cán bộ huyện tôi thường khép nép ngồi "tít" cuối hội trường ; có phát biểu cũng không dám nói mạnh và ít được mọi người chú ý. Đã mấy lần các anh lãnh đạo của tỉnh gợi ý huyện nên đăng cai một vài hội nghị gì đó của tỉnh để "lấy khí thế". Nhưng vì "cái khó bó cái khôn", điều kiện ăn ở không có, hơn nữa không được các huyện bạn nhiệt tình hưởng ứng, cho nên vẫn chịu cái tiếng "chỉ biết của người khác".

Cách đây khoảng 6 - 7 năm, tại đại hội đảng bộ huyện, có khá nhiều đại biểu kiến nghị cán bộ lãnh đạo huyện phải "đổi mới tư duy đối ngoại", "mở cửa ra ngoài", "liên doanh liên kết", "gọi vốn đầu tư", "chiêu hiền đãi sĩ" và phải "chịu chơi"... thì huyện mới có điều kiện phát triển và mới thoát ra được cái vòng luẩn quẩn của đói nghèo. Những ý kiến đó cũng trúng với suy nghĩ của lãnh đạo huyện. Và thế là sau đó một "chiến dịch đổi mới" bắt đầu.

Biểu hiện trước hết của "chiến dịch đổi mới" đó là việc phá trụ sở huyện ủy và ủy ban nhân dân huyện để xây mới hoàn toàn. Thay thế những ngôi nhà ngói một tầng, cấp bốn trước kia là hai ngôi nhà xây ba tầng kiên cố, kiểu dáng đẹp. Các phòng làm việc được trang bị khá hiện đại. Đặc biệt, mấy phòng của cán bộ lãnh đạo chủ chốt đều có máy điều hòa nhiệt độ loại sang, có hệ thống công trình phụ khép kín.

Để cho đồng bộ với cái trụ sở đã được xây dựng mới, khu nhà khách trước đây cũng được phá đi để xây dựng lại một cách hiện đại theo kiểu khách sạn. Cả 20 phòng của nhà khách đều có hệ thống công trình phụ khép kín. Một số phòng dành riêng cho cán bộ lãnh đạo cấp tỉnh và trung ương còn được lắp máy điều hòa nhiệt độ và trang bị cả điện thoại, ti vi, tủ lạnh...

Huyện còn sắm liền một lúc mấy chiếc ô tô Nhật đời mới để dành riêng cho bí thư, phó bí thư thường trực huyện ủy, chủ tịch, phó chủ tịch thường trực ủy ban nhân dân huyện.

Năm ngoái, trong dịp gặp mặt những người con của huyện đang công tác tại các cơ quan trung ương ở Hà nội, đồng chí bí thư huyện ủy vừa thông báo tin vui, vừa ngỏ ý mời chào : "Huyện ta bây giờ khá hơn rồi, mời các anh, các chị bớt chút thời gian về với quê hương, cộng tác cùng chúng tôi, đưa huyện nhà tiến lên."

Tôi mừng thầm. Bấy lâu nay tôi vẫn nung nấu ý định "trả nợ" nơi "chôn rau cắt rốn" của mình bằng những bài báo viết về quê hương. Nhưng huyện cứ lẹt đẹt mãi nên chưa thể viết được. Lần này, nghe đồng chí bí thư huyện ủy nói vậy, tôi liền "kéo" mấy bạn đồng nghiệp đi xe máy về quê quyết tâm thực hiện ý định của mình. Các anh lãnh đạo huyện thấy chúng tôi về thì mừng lắm. Chưa bao giờ cùng một lúc huyện lại được những tờ báo quan trọng quan tâm như dịp này.

Sau hai ngày làm việc với lãnh đạo huyện, được các anh tiếp đón nhiệt tình, hậu hĩ, xuống vài xã, thăm thú một vài di tích lịch sử, chùa chiền, các đồng nghiệp của tôi trở lại Hà nội ; còn tôi thì về quê thăm họ hàng. Tối hôm đó nhà ông anh họ tôi (nguyên là phó bí thư huyện ủy đã về hưu) thật đông người. Tôi vừa bước vào nhà, chưa kịp chào mọi người thì câu đầu tiên ông anh họ hỏi là :

- Chú mày về đây bằng "phương tiện gần dân" hay "phương tiện xa dân" ?

Tôi chưa hiểu nên hỏi lại thế nào là "phương tiện gần dân", thế nào là "phương tiện xa dân". Ông không cắt nghĩa ngay mà bảo rằng để bà con, anh em họ giải thích. Tối hôm đó tôi bị chất vấn đủ điều, phải trả lời đủ loại câu hỏi từ "thượng vàng" đến "hạ cám". Họ cứ làm như tôi là nhà báo thì cái gì cũng biết. Qua buổi trò

Digitized by Google

chuyện tôi được giải thích rằng dân quê tôi đã tìm ra 3 loại phương tiện mà một số cán bộ chủ chốt ở huyện đang rất thích sử dụng. Những thứ đó vô tình đã trở thành những phương tiện làm cho họ xa dân.

Thứ nhất là : *Chiếc máy điều hòa nhiệt độ.* Mấy vị lãnh đạo huyện đã quen xài loại này và thành ra "nghiện". Trên xe hơi gắn máy điều hòa nhiệt độ đã đành. Đến lúc đi ngủ cũng phải có nó thì mới ngủ được, nhất là vào mùa nóng nực. Chính vì "nghiện" mà có vị khi về xã công tác, phải làm việc cả ngày, nhưng buổi trưa cũng cố "cưỡi" xe ô tô về huyện để "tranh thủ" chợp mắt ít phút trong cái phòng có máy điều hòa nhiệt độ.

Thứ hai là : *Chiếc xe ô tô đời mới.* Những năm trước đây, cán bộ lãnh đạo huyện thường xuống với dân bằng xe máy, xe đạp cho nên ngõ ngách nào cũng vào được, nhà nào cũng có thể ghé thăm nên hiểu rõ được thực tế đời sống, nguyện vọng của dân, đồng thời, dân cũng dễ tiếp xúc và gần gũi với cán bộ lãnh đạo. Nhưng nay nhiều vị đi một bước là lên xe ô tô, cửa đóng kín mít. Đường thôn ngõ xóm thì hẹp; trẻ con thấy xe đẹp và lạ chạy theo cả đoàn. Tội cho anh lái, không dám rời xe nửa bước, bởi vì, chỉ sơ ý một chút là tốn tiền triệu như chơi. Có lần "tân" bí thư huyện ủy đi xe "xịn" đến thăm "cựu" bí thư huyện ủy. Xe đỗ ngoài ngõ, đường hẹp. Một chị phụ nữ đi xe đạp do tránh đoàn trẻ con đã loạng choạng lao vào chiếc xe ô tô, để lại trên xe mấy vết xước dài. Và từ đó không bao giờ thấy vị "tân" bí thư đến thăm "cựu" bí thư nữa.

Thứ ba là : *Chiếc máy điện thoại di động.* Bây giờ phương tiện thông tin phát triển, từ tỉnh xuống huyện, từ huyện xuống xã và ngược lại đều có thể ngồi một chỗ nhưng vẫn có được những thông tin cần thiết qua hệ thống điện thoại hữu tuyến. Song, nếu chỉ dùng điện thoại hữu tuyến thì không "oai". Vì thế mấy vị lãnh đạo chủ chốt của huyện lúc nào cũng kè kè bên mình chiếc máy điện thoại di động nhỏ xíu.

Dân quê tôi hoàn toàn không có ý phản đối việc dùng những phương tiện hiện đại trên đây. Họ chỉ muốn nhắc nhở các cán bộ lãnh đạo của huyện một điều là đừng vì những phương tiện đó mà xa dân ❑

Thực trạng...

(Tiếp theo trang 50)

những người có liên đới, gây hậu quả nghiêm trọng, cần có biện pháp xử lý nghiêm minh (biện pháp hành chính và truy cứu trách nhiệm trước pháp luật).

- Về mặt chính sách, cần nghiên cứu xác định độ tuổi nghỉ hưu có tính đến điều kiện sinh học và điều kiện kinh tế - xã hội phù hợp với hoàn cảnh cụ thể của nước ta. Ngoài độ tuổi chuẩn áp dụng cho mọi người lao động trong điều kiện lao động bình thường, cần áp dụng độ tuổi nghỉ hưu "mềm" (tính theo khoảng tuổi) đối với những lĩnh vực lao động đặc thù như lao động nặng nhọc, độc hại, lao động nghệ thuật, lao động sáng tạo và lao động trí óc... Cần có chính sách tận dụng chất xám của những chuyên gia giỏi bằng cách, *một mặt*, nâng tuổi nghỉ hưu lên cao hơn so với tuổi chuẩn (có thể từ 5 đến 7 năm), *mặt khác* cho họ được hưởng chế độ nghỉ hưu "mềm", nghĩa là họ có thể nghỉ hưu vào bất kỳ thời điểm nào trong khoảng tuổi cho phép trên độ tuổi chuẩn. Tuy nhiên, không nên để những người này giữ các chức vụ quản lý hoặc lãnh đạo. Họ có thể làm việc với chế độ linh hoạt về thời gian, hoặc ký hợp đồng tùy theo khối lượng công việc và chất lượng lao động để trả thù lao.

- Để nâng cao đời sống tinh thần cho người về hưu, nên khuyến khích các hình thức sinh hoạt câu lạc bộ và nâng cao chất lượng sinh hoạt của chúng. Đồng thời, khuyến khích việc hình thành các hiệp hội tự nguyện, như hội làm vườn, nuôi ong, nuôi cá, sinh vật cảnh... nhằm thu hút người nghỉ hưu vào môi trường lao động và nghỉ ngơi có ích, tạo tâm lý thoải mái trong cuộc sống, hòa đồng với mọi tầng lớp trong cộng đồng xã hội. Nên đưa các hoạt động của người nghỉ hưu hòa với các hoạt động của những người cao tuổi, như một số nơi đã làm, để các hình thức hoạt động được phong phú hơn và tập trung được các nguồn kinh phí (những người nghỉ hưu sẽ là hạt nhân tích cực trong các tổ chức này). Làm như vậy, sẽ phát huy được tính tích cực của người nghỉ hưu và người cao tuổi trong môi trường sống mới ❑

Digitized by Google

Khía cạnh phản văn hóa của những kẻ phản bội

LÊ QUANG *

SAU sự sụp đổ thể chế xã hội chủ nghĩa ở Liên xô và các nước Đông Âu, kẻ thù hí hửng hò reo mừng thắng lợi. Chủ nghĩa xã hội hiện thực ở các nước còn lại đứng trước thử thách nghiệt ngã, tưởng chừng như không thể vượt qua. Học thuyết khoa học của chủ nghĩa Mác- Lê-nin bị tiến công, xuyên tạc từ nhiều hướng, trên nhiều mặt, với những phương tiện, lực lượng và quy mô chưa từng có.

Ở nước ta cũng có một số người dao động, thậm chí có người đã trở thành kẻ phản bội, chạy ra nước ngoài hoặc ở trong nước, tuyên truyền những quan điểm đối lập với chủ nghĩa Mác - Lê-nin, tư tưởng Hồ Chí Minh, đường lối quan điểm của Đảng cộng sản Việt nam. Những việc làm của họ, dù ở đâu cũng không che giấu được sự quay quắt, phản bội lý tưởng, phản bội sự nghiệp cách mạng của nhân dân.

Ở đây tôi chỉ xin nhấn mạnh một vài khía cạnh phản văn hóa trong những việc làm của họ.

Ai cũng biết, văn hóa là tổng thể những giá trị vật chất và tinh thần do con người sáng tạo ra trong quá trình lịch sử. Văn hóa của nhân loại được biểu hiện thông qua các giá trị tư tưởng khoa học trong các học thuyết, công trình của các vĩ nhân và được thể hiện sâu đậm trong nền văn hóa dân tộc, trong truyền thống đấu tranh chinh phục thiên nhiên và chống ngoại xâm của mỗi dân tộc. Phản văn hóa có nghĩa là phủ nhận các giá trị đó. Còn đối với những kẻ phản bội gần đây thì sự phản văn hóa của họ được biểu hiện ở những nội dung sau đây :

1 - *Xuyên tạc, phủ nhận các giá trị bền vững của chân lý khách quan*. Chân lý là kết quả của quá trình nhận thức, phản ánh đúng đắn hiện thực, là những giá trị văn hóa tinh thần. Trong hơn một thế kỷ qua, nhân loại đã đạt được nhiều thành tựu vĩ đại trong các lĩnh vực khoa học tự nhiên, khoa học xã hội và nhân văn. Sự xuất hiện chủ nghĩa Mác - Lê-nin và sức sống mãnh liệt của nó trong đời sống xã hội là một thành tựu văn hóa điển hình trong lịch sử nhân loại. Cũng chính do nhận thức đầy đủ chiều sâu, tầm cao của chân lý và vai trò của nó trong cải tạo xã hội mà giáo sư người Pháp Giắc Đê-ri-đa cho rằng, chưa có hệ thống triết học nào vượt được tư tưởng triết học của Mác ; rằng sức mạnh lớn nhất của học thuyết Mác là ở tinh thần phê phán.

Học thuyết của Mác - Ăng-ghen - Lê-nin là phản ánh sự vận động của quy luật khách quan trong sự phát triển của xã hội. Nó phân tích những nguyên tắc trong nhận thức và hành động để cải tạo xã hội theo đúng quy luật. Đó là chân lý khoa học đã được thực tiễn kiểm nghiệm. Nhận thức khoa học đó có vai trò to lớn trong chỉ đạo hoạt động thực tiễn, đưa đến thắnh công của cách mạng xã hội chủ nghĩa Tháng Mười Nga vĩ đại và thành công của cách mạng Tháng Tám ở Việt nam. Hệ tư tưởng đúng đắn đó đã đơm hoa và kết trái chủ nghĩa xã hội trong 70 năm ở một loạt nước. Dù chế độ xã hội chủ nghĩa ở một số nước đã sụp đổ, nhưng tính ưu việt của chủ nghĩa xã hội không ai xóa bỏ được, nó vẫn khắc sâu vào tâm khảm của quần chúng nhân dân.

Hiện nay, nếu ai có đầu óc khách quan và thái độ khoa học nghiêm túc đều thừa nhận rằng, nếu không có triết học, kinh tế chính trị và chủ nghĩa xã hội khoa học của chủ nghĩa Mác -

* PTS triết học, Chủ nhiệm khoa triết học, Học viện chính trị - quân sự

Digitized by Google

Lê-nin thì không thể có định hướng đúng đắn để đi lên, nhất là trong một tình hình đầy phức tạp. Thế mà một số người đã mất đi sự sáng suốt, "ăn theo, nói leo", rằng chủ nghĩa Mác - Lê-nin, đã "lỗi thời", rằng chủ nghĩa Mác - Lê-nin cũng chỉ là "một loại tình cảm tôn giáo". Họ muốn "đổi mới" bằng cách nhồi nhét vào đời sống văn hóa tinh thần của xã hội ta những quan điểm xa lạ, phản động. Dưới dạng "hồi ký", "tiểu thuyết", "truyện ngắn", "kiến nghị", họ đã quay lưng lại với chân lý, xuyên tạc sự thật, phủ nhận tính đúng đắn, giá trị thực tiễn của những phát minh vĩ đại của Mác, Ăng-ghen và Lê-nin. Có cách gọi nào khác ngoài cách gọi : đó là một hành động phản văn hóa !

2 - *Xuyên tạc lịch sử, bôi nhọ truyền thống văn hóa của dân tộc, truyền thống cách mạng của nhân dân.* Con người ta ai cũng có mẹ có cha, có quê hương, tổ quốc. Đó là điều vô cùng thiêng liêng, cao quý. Tình cảm, nhận thức đúng đắn đối với Tổ quốc, quê hương, gia đình là một trong những tiêu chí để đánh giá trình độ nhận thức giá trị văn hóa của mỗi con người. Như một lẽ tự nhiên, đất nước, quê hương, gia đình là mảnh đất, là dòng sữa mát nuôi lớn con người về sinh học và văn hóa tinh thần. Và đến lượt nó, mỗi con người cần có niềm tự hào và có nghĩa vụ làm rạng rỡ non sông, đất nước.

Lịch sử phát triển của một dân tộc là chuỗi quan hệ nhân quả giữa con người với xã hội và đất nước. Nền văn hiến Việt nam đã ghi nhận những đóng góp to lớn của bao anh hùng, liệt sĩ. Các chiến công trong chống giặc ngoại xâm, thành tựu trong xây dựng đất nước đã làm rạng rỡ non sông Việt nam. Lịch sử dân tộc, truyền thống văn hóa đó đáng lẽ phải là niềm tự hào của mỗi người con Lạc, cháu Hồng. Song đáng tiếc là những người phản bội đã đánh mất niềm tự hào to lớn bền vững ấy, và dưới các hình thức khác nhau họ đã xuyên tạc lịch sử, bôi nhọ truyền thống dân tộc, truyền thống cách mạng vẻ vang của Đảng và nhân dân ta.

Trong các tài liệu, hồi ký, tiểu thuyết, truyện ngắn, họ cố làm lu mờ đi những nét vàng son đích thực trong truyền thống, đánh vào tư tưởng, tình cảm của nhân dân ta đối với cách mạng, Đảng, lãnh tụ và chế độ chính trị - xã hội. Họ trâng tráo nói, viết những điều bịa đặt đối với văn hóa, truyền thống của dân tộc - một dân tộc luôn ướt đậm mồ hôi và chịu đựng những hy sinh lớn lao để giành lại độc lập, tự do và đang xây dựng cuộc sống mới cho các thế hệ hôm nay và ngày mai.

Nếu những người phản bội muốn có nhiều tiền, muốn nổi tiếng và tham vọng giành giật "một cái gì đó", thì hãy suy ngẫm lại bản thân mình với tư cách là một con người. Một con người có văn hóa không bao giờ quay lưng lại với mẹ mình, Tổ quốc mình và không bao giờ họ làm mờ nhạt đi các giá trị văn hóa vật chất và tinh thần đã đạt được của một dân tộc.

3 - *Ca ngợi một chiều, thần thánh hóa chủ nghĩa tư bản, phủ định tính ưu việt, hợp quy luật của chủ nghĩa xã hội.* Nhận thức đúng và đánh giá khách quan chủ nghĩa tư bản và chủ nghĩa xã hội là một biểu hiện về trình độ văn hóa của chủ thể nhận thức. Trước đây, chúng ta chưa có nhận thức đầy đủ về sự phát triển của xã hội, đến nay chúng ta đã có những bổ sung. Còn những kẻ phản bội đã lợi dụng cải cách, cải tổ, đổi mới để phủ nhận tính quy luật của cách mạng Tháng Mười, phủ nhận tính ưu việt của chủ nghĩa xã hội. Họ cấu kết với các học giả tư sản phương Tây để vu khống buộc tội những người cộng sản, ca ngợi hết lời chủ nghĩa tư bản, thần thánh hóa cái đạt được nhất thời của chủ nghĩa tư bản để đi đến chứng minh tính vĩnh hằng của chế độ đó. Bằng nhiều hình thức khác nhau, họ cố gieo rắc vào nhận thức, tình cảm của nhân dân sự hoài

Digitized by Google

nghi về con đường xã hội chủ nghĩa. Và để chống chủ nghĩa xã hội họ tung ra đủ thứ "cương lĩnh", "kiến nghị" để xuyên tạc, bôi nhọ chủ nghĩa xã hội.

Tại sao những người đó lại không dám nói đúng sự thật về chủ nghĩa tư bản và chủ nghĩa xã hội ? Có nhiều nguyên nhân, song sự chi phối lớn nhất là họ đã ăn phải những thứ "bùa mê, thuốc ngủ" của chủ nghĩa tư bản và các thế lực thù địch đối với chủ nghĩa xã hội. Họ cố tình che giấu những ung nhọt của xã hội tư bản, để biện luận cho sự tồn tại của chủ nghĩa tư bản là hợp quy luật. Chính nhiều nhà lý luận của giai cấp tư sản đã phải thừa nhận *20 bế tắc* của chủ nghĩa tư bản và có thể quy về ba lĩnh vực : kinh tế, thế giới quan và văn hóa. Các nhà khoa học, trí thức trong xã hội tư bản cũng đã khám phá ra *10 khuyết tật* của xã hội tư bản và cho đó là nguyên nhân bên trong của sự tan rã không tránh khỏi của chủ nghĩa tư bản. Vậy mà giờ đây lại có những người vẫn cố tình lẩn tránh sự thật, ca ngợi cái đã lỗi thời, phản động, biện hộ cho cái cần phê phán. Đó là hành động gì nếu không phải là phản cách mạng, phản văn hóa ?

Văn hóa cá nhân cũng như cộng đồng còn là sự nhận thức giá trị đích thực các thành quả của chủ nghĩa xã hội do một phần nhân loại đã làm nên trong hơn bảy thập kỷ qua. Sự phát triển của sản xuất vật chất, văn hóa tinh thần, khoa học kỹ thuật, tính ưu việt của chế độ chính trị - xã hội trong quá trình xây dựng chủ nghĩa xã hội là các giá trị văn hóa chân chính. Không nên vì có những khuyết điểm của quá trình xây dựng xã hội mới mà đi đến phủ nhận các giá trị cơ bản đã đạt được. Thái độ và tình cảm đối với chủ nghĩa xã hội là một trong những thước đo, nấc thang phát triển cả giá trị văn hóa của một con người. Chúng ta không bao giờ tin vào sự đổi thay nhận thức giá trị văn hóa về chủ nghĩa xã hội ở kẻ thù và những người phản bội. Nhưng chúng ta có cơ sở để khẳng định rằng, ca ngợi một chiều chủ nghĩa tư bản, phủ nhận chủ nghĩa xã hội là một hành vi vô văn hóa.

4 - *Phủ nhận những thành tựu đổi mới của nhân dân*. Có thể nói, quan điểm đối với hiện thực cuộc sống của đất nước hiện nay là một nội dung quan trọng trong nhận thức và giải quyết mối quan hệ giữa cá nhân và xã hội, chứa đựng một hàm lượng văn hóa rất lớn. Vừa qua toàn đảng, toàn dân, toàn quân ta đã tập trung mọi sức lực, trí tuệ để vượt qua những khó khăn thử thách, làm nên sự khởi sắc, tạo nên sự chuyển động về kinh tế - xã hội, văn hóa khoa học... Thế mà, những kẻ xấu bụng đã chạy trốn khỏi thực tiễn, lớn tiếng chê bai, phán xét Đảng và Nhà nước ta, kích động nhân dân ta. Họ cố tình xuyên tạc sự thật, phủ nhận các thành tựu, phủ nhận sự phát triển tiến bộ của kinh tế, chính trị - xã hội, tư tưởng và văn hóa ở nước ta. Họ hằn học, bôi nhọ chế độ ta, Đảng ta và các lực lượng vũ trang, kích động quần chúng về sự lựa chọn con đường phát triển, về tự do, dân chủ, nhân quyền, về văn hóa và lối sống. Mục đích của họ là nhằm tha hóa con người Việt nam, kìm hãm sự phát triển của xã hội ta, đưa nhân dân ta một lần nữa làm nô lệ cho nước ngoài.

Thử hỏi trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, trước những khó khăn của đất nước, thời gian qua họ đã làm được gì ? Không có gì hết ngoài sự chê bai, xuyên tạc. Thậm chí họ còn có những hành động ngáng trở sự phát triển của đất nước trên con đường đi tới giàu có văn minh và văn hóa. Họ kích động chúng ta thực hiện đa nguyên, đa đảng, áp đặt những giá trị và lối sống phương Tây vào nước ta... Có phải đó là những hành động phản văn hóa, thiếu tính dân tộc và tính nhân văn hay không ? ❑

Digitized by Google

XUNG ĐỘT VŨ TRANG VÀ CHIẾN TRANH CỤC BỘ SAU "CHIẾN TRANH LẠNH"

TRẦN TRỌNG

"CHIẾN tranh lạnh" được coi như đã kết thúc, mà trên hành tinh hầu như ngày nào cũng có tiếng súng và máu đổ. Một trong những đặc trưng lớn của thời kỳ này là sự rộ lên các cuộc xung đột vũ trang và chiến tranh cục bộ nhỏ với những đặc điểm mới, cả về tính chất, hình thái và phương thức, làm cho các nhà chiến lược và các giới nghiên cứu quan hệ quốc tế phải đặc biệt quan tâm. Qua phân tích, người ta dự báo tình hình này có khả năng kéo dài đến tận năm 2000.

Vậy những đặc điểm mới của các cuộc chiến tranh và xung đột đó như thế nào ? Những nhân tố gì chi phối và tác động đến tiến trình phát sinh, phát triển của chúng ? Và, qua đó có thể rút ra được những kết luận thực tiễn gì về chiến lược ?

*
* *

Theo một số thống kê, từ năm 1991 đến nay trên thế giới đã xảy ra khoảng 38 cuộc xung đột vũ trang và chiến tranh cục bộ nhỏ. Các cuộc chiến chẳng những có mật độ dày hơn trước mà còn mang nhiều đặc điểm mới rất phức tạp. Một số công trình nghiên cứu gần đây đưa ra "nhận định mới" cho rằng đặc điểm quân sự thế giới thời "hậu chiến tranh lạnh" là : chiến tranh nhỏ thay thế cho chiến tranh lớn ; nội chiến thay chỗ cho chiến tranh xâm lược ; chiến tranh dân tộc, tôn giáo thay chỗ cho đấu tranh hệ tư tưởng ; rằng những đặc điểm ấy chẳng những làm đảo lộn phần lớn những giá trị của các học thuyết quân sự truyền thống, mà còn làm thay đổi khá nhiều vai trò, vị trí các vấn đề quân sự và quốc phòng trong chính sách và chiến lược của các quốc gia. Có đúng như vậy không ? Xin được nêu lên mấy nhận xét sau :

Một là, sau "chiến tranh lạnh", nổ ra nhiều cuộc xung đột và chiến tranh cục bộ nhỏ. Bên cạnh một số cuộc mang tính chất xung đột, tranh chấp biên giới hoặc lãnh thổ giữa các quốc gia như giữa Pê-ru và Ê-cu-a-đo, Ấn độ và Pa-ki-xtan, Ru-an-đa và Bu-run-đi, Y-ê-men và Ê-ri-tơ-ri-a, v.v., thì phần lớn các cuộc xung đột và chiến tranh mang tính chất nội chiến : hoặc giữa các lực lượng ly khai, hoặc giữa các dân tộc, bộ tộc, hoặc giữa các giáo phái cùng tôn giáo. Vì sao có sự bùng nổ đó ? Nếu chiến tranh vẫn là sự kế tục của chính trị thì các cuộc xung đột và chiến tranh này là sự kế tục của loại chính trị gì vậy ? Điểm lại một số cuộc chiến này, chúng ta thấy rõ phần lớn các nhóm cầm đầu đeo đuổi những thứ chính trị ly khai, cực đoan, quá khích. Họ lợi dụng ý thức dân tộc hoặc tinh thần đấu tranh của một số bộ phận quần chúng để lao vào cảnh bắn giết "nồi da xáo thịt", "huynh đệ tương tàn", gây đau khổ, tang tóc và hỗn loạn cho nhân dân và đất nước.

Sự kiện chủ nghĩa xã hội hiện thực ở Liên xô và Đông Âu sụp đổ chẳng những làm đảo lộn cán cân lực lượng toàn cầu mà còn tác động mạnh mẽ đến các nước và khu vực khác trên thế giới. Và trong một chừng mực đáng kể, đến khi đó các loại phe nhóm và tổ chức chính trị dân tộc, tôn giáo cực đoan, quá khích mới có thời cơ ngóc đầu dậy, phất cờ tổ chức lực lượng, xưng hùng, xưng bá, với nhiều tham vọng và động cơ chính trị khác nhau, gây ra xung đột và nội chiến.

Nhưng nếu đó chỉ đơn thuần là những hoạt động bạo lực tự phát riêng rẽ, rời rạc thì tình hình không thể dễ dàng dẫn đến sự bùng nổ các cuộc xung đột vũ trang và chiến tranh cục bộ. Phải thấy rằng các cuộc xung đột và chiến tranh đó còn chịu tác động rất quan trọng từ những nhân tố bên ngoài. Tác động đó là gì ?

Tại sao trong hầu hết các cuộc chiến tranh và xung đột sau "chiến tranh lạnh" không thấy có cuộc nào mang tính chất là chiến tranh xâm lược rõ ràng, do các đội quân viễn chinh hiện đại của các thế lực quốc tế xưa nay vốn chuyên đi xâm lược tiến hành ? Có đúng là ngày nay nội chiến, xung đột sắc tộc, chiến tranh tôn giáo đang thay thế cho chiến tranh xâm lược hay

Digitized by Google

không ? Vậy chiến tranh xâm lược có mất đi không ?

Ta có thể nhớ ngay rằng trong thập kỷ 80, trên thế giới có đến 6 cuộc chiến tranh xâm lược (1). Khi "chiến tranh lạnh" kết thúc, các thế lực xâm lược vẫn không từ bỏ tham vọng và mưu đồ của mình. Chúng lợi dụng hoặc kích động các cuộc xung đột và chiến tranh đó để "đục nước béo cò", để tranh thủ mở rộng địa bàn, củng cố thế đứng chân, giành giật nhau để phân chia lại các khu vực của thị trường thế giới, hoặc dùng sức ép chiến tranh để mặc cả lợi ích với nhau ở chỗ này, chỗ khác.

Một câu hỏi khác gây nhiều tranh cãi trong các giới nghiên cứu chiến lược là, vì sao trong nhiều cuộc chiến tranh và xung đột vũ trang, và trong những hoạt động khủng bố gần đây có sự tham gia của một số lực lượng tôn giáo, chủ yếu là một số tổ chức Hồi giáo cực đoan. Theo Hiệp định Đây-tơn về Bô-xni-a, các lực lượng nước ngoài phải rút quân ra khỏi Bô-xni-a, trong đó bao gồm 3000 quân Hồi giáo đánh thuê Mu-gia-hi-đin đang tham chiến. Đây là một bằng chứng thực tế gợi cho dư luận nhiều điều suy nghĩ.

Nếu các cuộc xung đột và chiến tranh hiện nay vẫn là sự kế tục của chính trị thì những điều vừa kể trên đây mới là những nhân tố quan trọng tác động và chi phối các cuộc xung đột. Còn những thứ chính trị ly khai, cực đoan, quá khích như đã nói chỉ là những thứ chính trị "bung xung" bề nổi làm cho người ta dễ ngộ nhận mà thôi.

Hai là, các cuộc xung đột và chiến tranh cục bộ sau "chiến tranh lạnh" tuy quy mô không lớn nhưng diễn biến dai dẳng, khó dập tắt. Trước kia, Ăng-ghen và sau này là Lê-nin, từng nhấn mạnh rằng không có gì phụ thuộc vào kinh tế bằng chiến tranh và quân đội . Nhưng thực tế một số cuộc chiến tranh hiện nay về mặt này khó lý giải. Có thể lấy một số cuộc được coi là điển hình để xem xét.

Trong cuộc chiến tranh Bô-xni-a - Héc-xê-gô-vi-na, xét về nội lực của các phía tham chiến thì mỗi bên đều chưa đủ những tiềm lực độc lập về kinh tế và quân sự của một quốc gia hoàn chỉnh. Kinh tế của cả hai đều què quặt, sản xuất đình trệ. Suốt 4 năm kể từ khi nổ ra chiến tranh, gần 3 triệu người bỏ chạy ra nước ngoài tị nạn. Trong khi đó, các bên tham chiến sử dụng nhiều loại vũ khí và phương tiện chiến tranh rất hiện đại để bắn giết lẫn nhau. Thậm chí họ còn hạ được cả những máy bay phản lực hiện đại siêu đẳng, bắt sống phi công của Pháp trong lực lượng NATO. Đã có lúc Mỹ phải dùng cả tên lửa Tô-ma-hốc vào cuộc chiến đó. Thử hỏi, nếu chỉ dựa vào nội lực thì sức đâu mà các bên đánh nhau, dai dẳng ác liệt đến vậy ?

Cuộc chiến tranh ở Trê-sni-a thuộc Liên bang Nga là một ví dụ khác. Cuộc chiến diễn ra trên vùng lãnh thổ của nước Cộng hòa tự trị Trê-sni-a chỉ có vài triệu dân và chẳng có cơ sở kinh tế, tiềm lực quân sự gì đáng kể. Thế nhưng, chính quyền Liên bang Nga đã phải đổ không ít tiền của vào cuộc chiến này. Theo các giới nghiên cứu quân sự phương Tây, mức chiến phí sau một năm chiến tranh lên tới 25 - 35 tỉ đô la Mỹ. Đến nay, cuộc chiến Trê-sni-a vẫn chưa có dấu hiệu kết thúc. Liên bang Nga tuy có giành nhiều thắng lợi quân sự nhưng lực lượng ly khai vẫn còn sức đề kháng mạnh. Do đâu mà lực lượng ly khai có đủ tiềm lực để duy trì cuộc chiến ? Hẳn là phải có những nguồn lực từ bên ngoài. Vậy ai nuôi dưỡng, tài trợ, ai tiếp sức và hậu thuẫn cho lực lượng ly khai ? Dĩ nhiên, cả trong chiến tranh Bốt-xni-a cũng như trong cuộc chiến Trê-sni-a, cho đến nay chưa có một ai công khai thừa nhận điều đó.

Một nhân tố khác không thể không xem xét đến, là cuộc chạy đua vũ trang sau "chiến tranh lạnh" vẫn tiếp diễn với nhiều đặc điểm, quy mô và tính chất mới như Hội nghị thế giới các chuyên gia và các nhà sản xuất vũ khí các nước vừa họp ở Pa-ri đầu năm nay đã để lộ. Thế giới đang sản xuất ra bình quân mỗi năm 23 tỉ đô la vũ khí. Sản xuất và kinh doanh vũ khí vẫn là nguồn lợi nhuận hết sức béo bở. Chiến tranh bao giờ cũng là thị trường tiêu thụ vũ khí tốt nhất. Đấy cũng là những điều mà các giới kinh doanh vũ khí, các tổ hợp công nghiệp quân sự khổng lồ siêu quốc gia không bao giờ nói ra.

Cũng cần nói thêm rằng : theo tiến độ phát triển của vũ khí học, ngày nay trên hành tinh chúng ta, chiến tranh đã bước sang giai đoạn vũ khí công nghệ cao được đánh dấu bằng cuộc chiến tranh vùng Vịnh (1990 - 1991). Các giới kinh doanh công nghiệp vũ khí đều cho rằng vấn đề cấp bách đặt ra cho lĩnh vực này là từ nay làm sao có thể nhanh chóng tiêu thụ hết các kho vũ khí công nghệ thường để bước sang năm 2000 là kỷ nguyên cạnh tranh của thị trường vũ khí công nghệ cao. Do đó, có thể hiểu được

(1) Ở Grê-na-đa, Pa-na-ma, cuộc tập kích vào Tơ-ri-pô-li, chiến tranh ở đảo Man-vi-nát (Ác-hen-ti-na), I-rắc - Cô-oét và chiến tranh vùng Vịnh

Digitized by Google

ai đã góp phần thúc đẩy và tiếp tay cho sự bùng nổ các cuộc xung đột và chiến tranh kéo dài.

Xét về mặt chiến lược, sẽ là thiếu sót nếu không thấy rằng ba trung tâm kinh tế lớn của thế giới : châu Âu, Bắc Mỹ và Nhật là những đối thủ cạnh tranh quốc tế chủ yếu đang ráo riết chuẩn bị thế và lực để bứt lên giành nhiều ưu thế cho những cuộc quyết đấu vào thế kỷ 21. Trong "luật chơi" của "hội tam cường" này không có "thẻ đỏ" như trong bóng đá nên chẳng có gì bảo đảm rằng trong lúc lo cho mình vượt lên, người ta sẽ không tìm cách chọc khuấy, cản phá để ghìm chân đối thủ. Chẳng hạn như găm vào lãnh địa của đối phương mấy đốm lửa chiến tranh gây mất ổn định là điều không loại trừ.

Tất cả những điều đó tạo thành các nhân tố bảo đảm về kinh tế - vật chất góp phần nuôi dưỡng, tiếp sức cho các cuộc xung đột và chiến tranh hiện nay.

Ba là, các cuộc xung đột và chiến tranh sau "chiến tranh lạnh" thường được quốc tế hóa, bằng dàn xếp hòa bình về quân sự và chính trị thông qua Liên hợp quốc. Lâu nay Liên hợp quốc thường đưa lực lượng giữ gìn hòa bình đến những nơi có chiến sự, nhưng nói chung dư luận đánh giá cách làm này thường ít có hiệu quả. Gần đây nhất, sự can thiệp quốc tế bằng việc một lực lượng gìn giữ hòa bình dưới sự chỉ huy của NATO thay thế binh lính Liên hợp quốc ở Bô-xni-a đã đặt ra nhiều vấn đề mới. Cuộc chiến tranh Bô-xni-a - Héc-xê-gô-vi-na kéo dài 44 tháng đã trải qua nhiều cuộc dàn xếp quốc tế. Cách đây gần một năm "nhóm tiếp xúc"gồm 5 nước đã đưa ra phương án gọi là 49/51 và không được chấp nhận. Đến Hiệp định Đây-tơn mà nội dung cơ bản vẫn là phương án 49/51 thì lại được chấp nhận. Đến thời điểm đó, Liên hợp quốc không có vai trò gì ở đây cả về quân sự và chính trị. Còn NATO là sản phẩm của "chiến tranh lạnh" và không phải là một tổ chức của Liên hợp quốc, bỗng nhiên trở thành khối quân sự đi "kiến tạo hòa bình" ! Chấm dứt cuộc chiến đẫm máu, lập lại hòa bình ở Bô-xni-a là điều ai cũng mong muốn, song không phải vì vậy mà việc "thực thi hòa bình" ở đây không gây ra những nghi vấn trong quan hệ quốc tế.

Trong 6 vạn quân đưa vào Bô-xni-a do NATO chỉ huy thì quân của 4 nước lớn chiếm gần 5 vạn (Mỹ : 2 vạn, Anh : 1,4 vạn, Pháp : 1 vạn, Đức : 4,5 nghìn). Sau khi Hiệp định được ký chính thức ở Pa- ri (12 -1995), bỗng nhiên người ta tuyên bố thành lập "đội quân đa quốc gia" gồm 32 nước ; nghĩa là gọi thêm 28 nước khác, góp tất cả hơn 1 vạn quân vào, cộng với quân của 4 nước trên cho đủ 6 vạn. Điều này không thể không làm cho người ta liên tưởng đến cái gọi là "đội quân đa quốc gia" gồm 30 nước trong chiến tranh vùng Vịnh (1990 - 1991). Có khác chăng là đội quân "đa quốc gia" kia thì đi làm chiến tranh, còn đám quân "đa quốc gia" này lại đi "thực thi hòa bình" ! Tại sao? Có vấn đề gì quan trọng ở đây cần phải che đậy đến nỗi người ta phải cần phô trương lên nhiều "màu cờ sắc áo" đến vậy ? Phải chăng đó không phải vì vai trò "thực thi hòa bình" quá lộ liễu của khối quân sự NATO ? Và, phải chăng nền hòa bình được áp đặt ở đây là phục vụ cho các lợi ích đã được thỏa thuận của một số cường quốc?

Cần nói rõ rằng là địa bàn nối liền châu Âu với Trung Cận Đông, vị trí địa lý chiến lược rất quan trọng đó của Nam tư cũ nói chung và Bô-xni-a nói riêng lâu nay vẫn được nhiều giới chiến lược quốc tế chú ý. Việc NATO tiến quân vào đây bao hàm cả ý nghĩa đó. Hơn nữa, điều dư luận đang rất quan tâm là ở chỗ, việc đưa NATO vào áp đặt hòa bình ở Bô-xni-a là một thử nghiệm mới, đồng thời cũng tạo ra một tiền lệ không hay - nếu chưa muốn nói là có thể nguy hại cho việc dàn xếp hòa bình, giải quyết các cuộc xung đột và chiến tranh cục bộ khác sau "chiến tranh lạnh".

Toàn bộ những điều nói trên nhắc nhở các quốc gia và lực lượng đấu tranh cho độc lập, hòa bình và tiến bộ phải luôn luôn đề cao cảnh giác với các loại phe nhóm và tổ chức theo các khuynh hướng chính trị cực đoan, ly khai, quá khích. Đồng thời khi có tình hình khủng hoảng phải hết sức tỉnh táo, thận trọng, không để bị mất quyền chủ động trong xử lý.

Gần đây trên trường quốc tế đang nổi lên bài học của hai thắng lợi có ý nghĩa to lớn sau "chiến tranh lạnh". Đó là thắng lợi của nhân dân Nam Phi chấm dứt chiến tranh phân biệt chủng tộc, thủ tiêu chủ nghĩa A-pác-thai và quá trình giải quyết hòa bình giữa nhân dân Pa-lét-xtin và I-xra-en (tuy đang gặp nhiều trở ngại), ngăn chặn được xung đột và chiến tranh, xóa bỏ chủ nghĩa Xi-ôn-nít ở Trung Đông. Kết luận quan trọng nhất rút ra từ hai thắng lợi đó là vận mệnh của dân tộc và đất nước nào chủ yếu phải do nhân dân các dân tộc ở đó quyết định.

Trong bối cảnh sau "chiến tranh lạnh", nhân dân các dân tộc và quốc gia cần nhận thức lại chân lý đó qua thực tiễn những bài học thắng lợi nóng hổi nói trên ❑

Digitized by Google

CỘNG ĐỒNG CÁC QUỐC GIA ĐỘC LẬP ĐANG ĐI DẦN ĐẾN "NHẤT THỂ HÓA"

Lời người biên tập : Với đầu đề trên, bài viết của tác giả **Câu Mạnh Quân** đăng trên *Tạp chí Liễu vọng (Trung quốc) số ra ngày 19-2-1996, đã phân tích xu thế tất yếu đi đến nhất thể hóa của cộng đồng các quốc gia độc lập, đồng thời chỉ ra những khó khăn và phức tạp mà tiến trình đó cần vượt qua. Dưới đây là nội dung bài báo đó.*

Mọi người đã thấy một cộng đồng 12 nước của Liên xô cũ đang đi theo con đường nhất thể hóa. Theo Tổng thống Nga Bô-rít En-xin thì "đó là xu thế các nước thuộc cộng đồng tự nguyện đi tới nhất thể hóa". Trong thế giới ngày nay, sự hợp tác khu vực đang được tăng cường, đặc biệt là sự nhất thể hóa về kinh tế khu vực đã trở thành xu thế phát triển. Liên hiệp châu Âu, khu vực mậu dịch tự do bắc Mỹ, tổ chức kinh tế châu Á - Thái bình dương... đều đang tìm kiếm con đường hợp tác mới. Đương nhiên, Cộng đồng các quốc gia độc lập cũng không phải là ngoại lệ. Sự nhất thể hóa lấy kinh tế làm chủ đạo đã trở thành nhận thức chung của các quốc gia này.

Song, con đường đi tới nhất thể hóa rất quanh co khúc khuỷu. Khi mới thành lập, các thành viên của khối liên minh phi quốc gia này đều vì trung thành với độc lập, chủ quyền của chính mình mà dẫn cả cộng đồng đến bờ vực của sự diệt vong. Sự thật rất phũ phàng, do ảnh hưởng của sự sụp đổ của Liên xô, quan hệ kinh tế giữa các nước bị tổn thất lớn, các quốc gia này hầu hết đều rơi vào tình trạng khủng hoảng kinh tế nghiêm trọng. Không ít các quốc gia đã từng hy vọng dựa vào nước ngoài để thoát khỏi cảnh khốn cùng, kết quả là thất vọng, vì lời hứa của phương Tây chỉ là cái "bánh vẽ".

Sau bài học sâu sắc đó và một thời gian vắt óc suy tư, các quốc gia đã từng là "một nhà" ấy, cuối cùng nhận thức ra rằng chỉ liên hiệp lại mới có đường thoát.

Cộng hòa liên bang Nga, quốc gia mạnh nhất trong cộng đồng, với sự điều chỉnh chiến lược ngoại giao, đã phát huy tác dụng quan trọng trong việc đẩy nhanh quá trình nhất thể hóa. Ban đầu, Mát-xcơ-va cho rằng cần xóa bao cấp và bỏ mặc khuynh hướng ly tâm của các nước, nhưng rồi Mát-xcơ-va lại thấy các quốc gia trong cộng đồng đều có quyền lợi thiết thân với mình. Đối với những người anh em trước đây, chỉ có thể lôi kéo về chứ không thể đẩy ra xa. Trong tình hình phương Tây tăng cường hạn chế Nga, đặc biệt là xu thế mở rộng của NATO ngày càng rõ ràng, Nga thấy rõ sự cần thiết phải hợp tác cả về chính trị, kinh tế và quân sự của cộng đồng. Từ năm 1994, chính sách ngoại giao của Mát-xcơ-va đã chính thức ưu tiên hàng đầu cho sự nhất thể hóa mà Nga là chủ thể. Nga hành động như vậy chủ yếu là để bảo vệ quyền lợi của chính mình trong phạm vi thế lực của cả cộng đồng, tăng cường khả năng đối chọi với phương Tây. Ngoại trưởng mới Pri-ma-cốp nói rằng Cộng đồng các quốc gia độc lập thực hiện sự nhất thể hóa toàn diện là yêu cầu của thời đại. Nga cần phải xây dựng thành khu vực kinh tế và quốc phòng thống nhất với các nước này. Vừa nhậm chức xong, ông đã đi thăm các nước trong cộng đồng. Sự cải thiện quan hệ đó đã tạo tiền đề chính trị cho tiến trình nhất thể hóa. Đầu tiên là quan hệ giữa Nga và U-crai-na, hai nước này vốn bất hòa đã dần dần đi đến hợp tác. Vấn đề Hạm đội Biển đen gây tranh cãi từ lâu nay đã tiến gần đến sự ổn thỏa. Trong năm qua, hai nước đã ký hàng chục hiệp định hợp tác về kinh tế, quân sự. Sau đó là sự chấm dứt cuộc chiến kéo dài mấy năm nay giữa A-déc-bai-gian và Ac-mê-ni-a ; nhiều điểm nóng khác trong quan hệ của cộng đồng cũng dịu đi.

Quan hệ kinh tế là tuyến quan trọng nhất và là cơ sở để cộng đồng tiến tới nhất thể hóa. Tiến trình nhất thể hóa về kinh tế là nhanh nhất và đã hình thành hệ thống. Năm 1994, cộng đồng đã thành lập Ủy ban kinh tế liên quốc gia, một bước mới quan trọng của sự nhất thể hóa. Năm 1995, lại có thêm nội dung cụ thể với sự thành lập liên minh về thuế quan, xóa bỏ thuế quan giữa 3 nước Nga, Bê-la-rút và Ca-dắc-xtan. Đầu năm nay, U-dơ-bê-ki-xtan, Tát-gi-ki-xtan và Kiếc-ghi-di-a lên tiếng bày tỏ nguyện vọng gia nhập liên minh thuế quan này. Sự liên minh về tiền tệ và viện trợ giữa các nước cũng đang chuyển từ tự duy sang hiện thực. Sự nhất thể hóa của cộng đồng mang đặc điểm là nhiều loại hình, nhiều tổ hợp và nhiều tầng thứ ; mô hình phát triển giống như Liên minh châu

Digitized by Google

Âu ; quan hệ đa phương, song phương và khu vực cũng phát triển. Không những chỉ có liên minh thuế quan giữa 3 nước Nga, Bê-la-rút, Ca-dắc-xtan, mà còn có tập đoàn hợp tác Trung Á Ca-dắc-xtan, Kiếc-ghi-di-a và U-dơ-bê-ki-xtan.

Sự nhất thể hóa về quân sự chậm hơn, nhưng cũng đang đi lên rõ ràng. Năm 1994, 7 nước đã ký được hiệp ước bảo vệ biên giới vành ngoài cộng đồng. Năm 1995, thành lập được hệ thống phòng không gồm 10 nước tham gia, hình thành cơ cấu hội đồng bộ trưởng quốc phòng, định ra kế hoạch bảo vệ an ninh tập thể. Cộng hòa liên bang Nga có tác dụng chủ đạo rõ ràng trong việc nhất thể hóa quân sự. Đối với Nga, nhất thể hóa về quân sự còn quan trọng hơn về kinh tế, vì nó ảnh hưởng trực tiếp đến an ninh quốc gia. Trước sự mở rộng của NATO, Nga dốc sức cho sự tồn tại quân sự của các nước trong cộng đồng, xây dựng hệ thống phòng vệ chung mà quân đội Nga là chính. Gần đây, Tổng thống Bô-rít En-xin đã công khai chỉ rõ rằng NATO, mà trước hết là Mỹ, đang không ngừng tăng cường tiềm lực quốc phòng của mình, các nước trong cộng đồng chỉ có thể bảo đảm an ninh thông qua hệ thống an ninh chung của cả cộng đồng.

Song, sự nhất thể hóa của Cộng đồng các quốc gia độc lập mới chỉ là tương đối, tiến trình đó chỉ mới bắt đầu, còn phải vượt qua nhiều chướng ngại ở bên ngoài và bên trong. Chẳng hạn, trong cộng đồng thì nước Nga quá lớn, quá mạnh, một số nước lại quá nhỏ yếu ; các nước nhỏ lo sợ rằng sau khi độc lập không lâu lại sẽ bị mất độc lập vì sự khống chế của các nước lớn, nên trong quá trình đi đến nhất thể hóa còn có sự dè chừng và sẽ nảy sinh mâu thuẫn. Mặt khác, do địa vị của từng nước khác nhau, lợi ích về kinh tế, an ninh cũng khác nhau, nên mức độ tham gia vào sự nhất thể hóa cũng khác nhau. U-crai-na có khả năng quân sự tương đối lớn, nên không muốn gia nhập hệ thống an ninh chung. Tuốc-mê-ni-a có khả năng kinh tế tự cấp tự túc, nên không hứng thú với sự nhất thể hóa về kinh tế. Trong khi đó, ở bên ngoài, sự ngăn cản của phương Tây với sự chủ đạo của Mỹ đối với quá trình nhất thể hóa đó ngày càng rõ ràng. Phương Tây lo sợ rằng sự nhất thể hóa này lại đưa tới một Liên xô hoặc một khối Vác-sa-va khác, nên vẫn bằng mọi cách cản trở sự nhất thể hóa. Mỹ đã mấy lần viện trợ kinh tế cho U-crai-na và giúp đỡ các công ty lớn đầu tư hàng chục tỉ USD vào giếng dầu của Ca-dắc-xtan. Việc làm đó bề ngoài là nhằm mục đích kinh tế, nhưng thực chất là nhằm các yêu cầu về chính trị.

Tiến trình nhất thể hóa của Cộng đồng các quốc gia độc lập cho thấy, ý thức hợp tác của các quốc gia này sẽ tiếp tục được tăng cường, nhưng nhất thể hóa không phải là khôi phục lại liên minh trước đây ; chủ quyền chính trị của các nước vẫn được bảo đảm. Quá trình nhất thể hóa của các quốc gia độc lập lấy nước Nga làm trung tâm , lấy kinh tế làm cơ sở với hình thức song phương và đa phương, sẽ đi lên nhưng vẫn gặp ghềnh và khúc khuỷu ❑

Tìm hiểu khái niệm

TĂNG TRƯỞNG, PHÁT TRIỂN. CÁC CHỈ SỐ PHÁT TRIỂN CON NGƯỜI

Những thuật ngữ này mấy năm gần đây thường xuất hiện với tần số cao trong các văn bản của Đảng, Nhà nước và trên báo chí, khi đề cập đến các vấn đề kinh tế - xã hội. Có người đã hiểu khá rõ những khái niệm này, nhưng cũng còn không ít người chưa rõ, hoặc tưởng rằng nội dung của "tăng trưởng" và "phát triển " chỉ là một .

Thực ra, *tăng trưởng* và *phát triển* có chỗ giống nhau nhưng không hoàn toàn đồng nhất. Chỗ giống nhau là cả hai đều nói lên sự chuyển dịch năng động, vượt khỏi trạng thái trì trệ, dậm chân tại chỗ. Chỗ khác nhau là một bên nói lên sự chuyển dịch về số lượng, còn một bên thì nói lên tính chất, chiều hướng, chất lượng của sự chuyển dịch đó. Một nhà nghiên cứu khoa học của nước ta đã viết : "*Tăng trưởng* là sự thay đổi về số lượng, các kích thước vật chất của nền kinh tế. Còn *phát triển* là sự thay đổi về chất lượng của nền kinh tế để tiến tới một trạng thái xã hội đầy đủ hơn, có hiệu quả hơn và tốt đẹp hơn" (1).

Thật vậy, một nền kinh tế có chỉ số tăng trưởng cao, nhưng nếu nó lấy lợi nhuận làm mục tiêu cuối cùng, duy nhất, mà xem nhẹ yếu tố xã hội và hủy hoại môi trường sống thì không thể xem đó là sự tăng trưởng mang tính tích cực, tiến bộ. Bởi thế, Đảng và Nhà nước ta mới chủ trương thúc đẩy tăng trưởng kinh tế đi đôi với tiến bộ và công bằng xã hội ; gắn các chỉ tiêu tăng trưởng kinh tế với các chỉ tiêu phát triển xã hội ; coi tăng trưởng kinh tế là cơ sở vật chất để phát triển xã hội. Chủ trương của Đảng và Nhà nước ta xử lý đúng đắn mối quan hệ giữa tăng trưởng và phát triển rất phù hợp với các quan điểm tiến bộ của nhiều chính phủ, quốc gia trên thế giới.

Ngày nay, thế giới văn minh nhìn nhận sự phát triển của một đất nước không chỉ đơn thuần ở mặt tăng trưởng kinh tế, ở mức thu nhập bình quân cao về GDP hay GNP (2) tính theo đầu người, mà chú ý nhiều hơn đến các chỉ tiêu phát triển xã hội. Một quốc

(1) Xem: Phạm Xuân Nam : *Phương pháp luận về vai trò văn hóa trong phát triển* , Nxb Khoa học xã hội, Hà nội, 1993, tr 30

(2) **GDP** *(Gross Domestic Product) là sản phẩm trong nước ;* **GNP** *(Gross National Product) là tổng sản phẩm quốc gia* (gồm *sản phẩm trong nước* và *vốn đầu tư hợp tác của nước ngoài)*

Digitized by Google

gia muốn được coi là phát triển tốt đẹp, bên cạnh sự tăng trưởng kinh tế, quốc gia đó còn phải đạt những chỉ số chung về mặt xã hội. Trong những chỉ số chung đó, *chỉ số phát triển con người* được đặt vào vị trí trung tâm, quan trọng bậc nhất, mà thông qua đó người ta biết được mức độ phát triển cao hay thấp của một quốc gia.

Các chỉ số cá biệt cấu thành chỉ số chung về phát triển con người là :

- Chỉ số tuổi thọ
- Chỉ số tri thức (gồm tỷ lệ người lớn có học và số năm đi học trung bình).
- Chỉ số thu nhập (gồm thu nhập thực tế và thu nhập đã điều chỉnh theo giá cả sinh hoạt từng nước).

Một nhóm chuyên gia vấn đề phát triển của Liên hợp quốc đã nêu lên một ví dụ về *các chỉ số phát triển con người* như sau:

Các chỉ số	Giá trị	Tối đa	Tối thiểu
Tuổi thọ	77,3 năm	85 năm	25 năm
Tỷ lệ người lớn có học	93,8%	100%	0%
Số năm đi học trung bình	7 năm	15 năm	0 năm
Thu nhập thực tế GDP	$ 7680	$ 40.000	$ 200
Thu nhập điều chỉnh GDP theo đầu người	Xem dưới đây	$ 5385	$ 200

Theo ví dụ này, các chuyên gia cũng đã đưa ra cách tính từng chỉ số :

- Chỉ số tuổi thọ = $\frac{77,3 - 25,0}{85,0 - 25,0} = 0,872$
- Tỷ lệ người lớn có học = $\frac{93,8 - 0}{100 - 0} = 0,938$
- Số năm đi học trung bình = $\frac{7 - 0}{15 - 0} = 0,467$
- Chỉ số tri thức = $\frac{2 \times 0,938 + 1 \times 0,467}{3} = 0,781$
- Thu nhập đã điều chỉnh = $5\,120 + 2\,(7\,680 - 5\,120)^{1/2} = 5\,120 + 101 = 5\,221$
- Chỉ số thu nhập đã điều chỉnh = $\frac{5221 - 200}{5385 - 200} = 0,968$
- Chỉ số phát triển con người = $\frac{0,872 + 0,781 + 0,968}{3} = 0,874$

NGHIỆM THU ĐỀ TÀI "CÁC ĐIỀU KIỆN BẢO ĐẢM QUYỀN CON NGƯỜI, QUYỀN CÔNG DÂN TRONG CÔNG CUỘC ĐỔI MỚI ĐẤT NƯỚC"

Ngày 10-2-1996, tại Học viện chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, Hội đồng khoa học công nghệ cấp nhà nước đã tổ chức nghiệm thu kết quả đề tài *"Các điều kiện bảo đảm quyền con người, quyền công dân trong công cuộc đổi mới đất nước"*. Đây là đề tài thuộc chương trình khoa học công nghệ cấp nhà nước, mang mã số KX07 - 16 do PGS, PTS Hoàng Văn Hảo, giám đốc Trung tâm nghiên cứu quyền con người làm chủ nhiệm, Học viện chính trị quốc gia Hồ Chí Minh là cơ quan chủ trì.

Nội dung chính của đề tài là nghiên cứu các điều kiện bảo đảm quyền con người, quyền công dân trong công cuộc đổi mới đất nước. Dưới các giác độ chính trị học, luật học và xã hội học, các tác giả đã làm sáng tỏ quá trình phát sinh, phát triển của vấn đề nhân quyền xuyên suốt lịch sử nhân loại ; nghiên cứu các quan điểm khác nhau về nhân quyền trong lịch sử và đương đại ; đặc biệt đi sâu nghiên cứu học thuyết Mác - Lê-nin, tư tưởng Hồ Chí Minh và đường lối của Đảng ta về quyền con người, quyền công dân ; phân tích và làm sáng tỏ nội dung, khái niệm quyền con người, quyền công dân ; thực trạng và các điều kiện bảo đảm nó.

Từ cơ sở phương pháp luận khoa học và thực tiễn sinh động, các tác giả đã đưa ra và giải quyết đúng đắn mối quan hệ nội tại giữa chủ nghĩa xã hội và nhân quyền ; khẳng định nhân quyền là ngọn cờ của chủ nghĩa xã hội đích thực, là mục đích của chủ nghĩa xã hội ở nước ta ; tư tưởng của Chủ tịch Hồ Chí Minh đã thể hiện tập trung và sáng rõ nhất về quyền con người, quyền công dân. Sự bảo đảm quyền con người, quyền công dân thể hiện rõ nét và nhất quán trong đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng và hệ thống pháp luật của Nhà nước ta. Quyền con người, quyền công dân là khâu trọng yếu trong chiến lược con người, là động lực, mục tiêu để phát triển kinh tế - xã hội ở Việt nam . Đề tài cũng nêu lên những thành tựu và hạn chế về nhân quyền ở nước ta hiện nay ; đồng thời đưa ra các kiến nghị và điều kiện bảo đảm thực hiện nhân quyền xuất phát từ thực tiễn Việt nam và tham khảo kinh nghiệm các nước trên thế giới.

Hội đồng nhất trí đánh giá kết quả của đề tài là một công trình khoa học có giá trị về lý luận và thực tiễn. Kết quả nghiên cứu của đề tài góp phần giúp cho Đảng và Nhà nước ta trong việc hoạch định các chính sách, pháp luật bảo đảm quyền con người, quyền công dân ; giúp cho các cơ quan chức năng, cơ quan nghiên cứu lý luận và thực tiễn có thêm cơ sở và nhận thức đúng đắn về vấn đề nhân quyền, để đấu tranh chống mọi âm mưu lợi dụng nhân quyền để thực hiện "diễn biến hòa bình" chống phá sự nghiệp cách mạng của nước ta ❑

P.V.

Digitized by Google

QUẢNG CÁO

CÔNG TY ĐIỆN BÁO - ĐIỆN THOẠI

BƯU ĐIỆN HÀ TĨNH

Kể từ khi có Quyết định thành lập, Công ty điện báo - điện thoại Bưu điện Hà tĩnh đã không ngừng nâng cao trình độ chuyên môn, đổi mới về thiết bị kỹ thuật, đáp ứng được nhu cầu phục vụ của đông đảo mọi người.

Công ty điện báo điện thoại bưu điện Hà tĩnh :

- Nhận phục vụ các dịch vụ viễn thông.
- Nhận cung cấp, lắp đặt bảo hành các thiết bị viễn thông và các hệ thống thông tin điện thoại, FAX.
- Nhận chuyển phát điện báo trong nước và quốc tế.
- Cho thuê thiết bị viễn thông, kênh thông tin.
- Giải đáp thông tin kinh tế, xã hội qua điện thoại 108.

Đến với Công ty điện báo - điện thoại bưu điện Hà tĩnh quý khách sẽ được phục vụ nhanh chóng, chính xác và tiện lợi.

ĐỊA CHỈ :
Đường Trần Phú - Thị xã Hà tĩnh
Điện thoại : 856.769 - 855413
FAX : 857616

Digitized by Google

CÔNG TY THOÁT NƯỚC ĐÔ THỊ

THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

URBAN DRAINAGE COMPANY HOCHIMINH CITY

ĐC : 8 BIS PHẠM NGỌC THẠCH - QUẬN 3 - TP.HCM ĐT : 230800 - 292734

NGÀNH NGHỀ KINH DOANH

- Xây dựng thoát nước và xử lý nước thải
- Quản lý, duy tu, sửa chữa và xây dựng mới các công trình thoát nước và nước thải trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh và các tỉnh.
- Kinh doanh vật tư và thiết bị ngành thoát nước

CÁC ĐƠN VỊ TRỰC THUỘC

1. Xí nghiệp thoát nước khu Sài gòn ĐT : 395631
2. Xí nghiệp thoát nước khu Chợ lớn ĐT : 557377
3. Xí nghiệp thoát nước khu Gia định ĐT : 994073

MAIN FIELDS OF BUSINESS

- Constructs drainage system handles waste water drainage
- Manages, maintains, repairs constructs projects and waste water handling with in HCM City and provinces enterprises in materials and equipment in drainage field.

UNITS OF ENTERPRISE UNDERCONTROL

1. Drainage system firm SAIGON Area, Tel : 395631.
2. Drainage system firm CHOLON Area, Tel 557377.
3. Drainage system firm GIADINH Area, Tel 994073.

Digitized by Google

CÔNG TY LIÊN DOANH MOSFLY VIỆT NAM

(MOSFLY VIETNAM COMPANY, LTD.)

Địa chỉ : Quốc lộ 1A - Xã Hiệp Bình Chánh - Huyện Thủ Đức - TP. Hồ Chí Minh
Điện thoại : 669425 - 669938 **FAX : 8.48.669408**

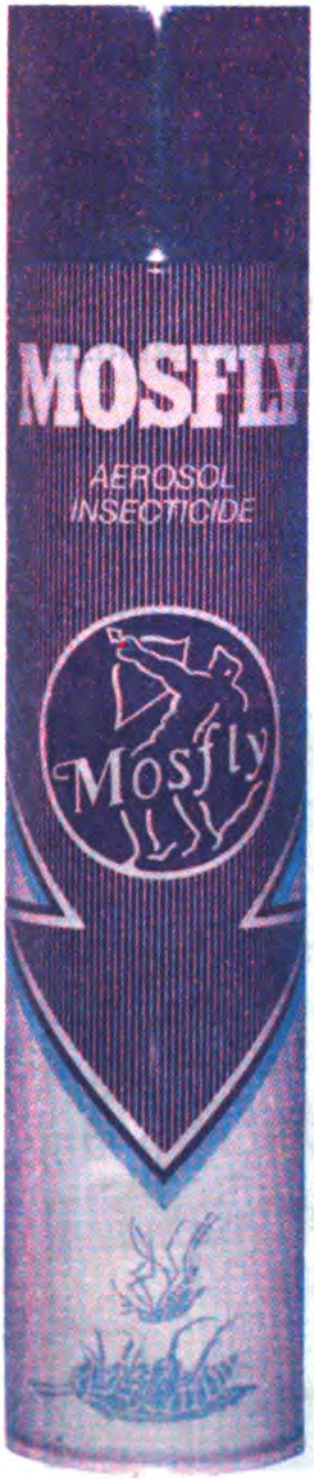

Hãy sử dụng

SẢN PHẨM MOSFLY

ĐỂ BẢO VỆ SỨC KHỎE
VÀ AN TOÀN CHO GIA ĐÌNH BẠN

- HIỆU QUẢ CAO
- MÙI THƠM DỄ CHỊU
- AN TOÀN TIỆN LỢI

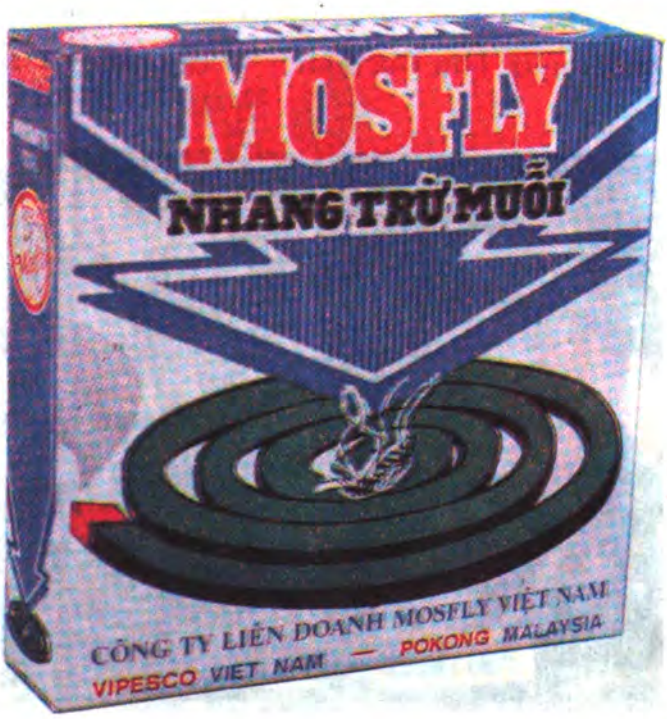

Digitized by Google

Hân hạnh được
đón tiếp quý khách

Công ty Bia SAIGON

187 NGUYỄN CHÍ THANH, QUẬN 5 TP. HỒ CHÍ MINH - ĐT : 8559595 - 12 ĐÔNG DU, QUẬN 1, TP. HỒ CHÍ MINH - ĐT : 8294083

Chất Lượng Thơm Ngon Bổ Dưỡng

Digitized by Google

CÔNG TY CAO SU BÌNH LONG

BINH LONG RUBBER COMPANY

NHIỆT LIỆT CHÀO MỪNG ĐẠI HỘI ĐẢNG LẦN THỨ 8

- THỊ TRẤN AN LỘC
  HUYỆN BÌNH LONG - SÔNG BÉ
- TEL : 01 65 866324
- FAX : 65 866222

- Tiền thân là đồn điền TERRE ROUGE trên vùng đất đỏ màu mỡ.
- 10 năm qua trồng mới 15.500 ha với các loại giống năng suất cao, đã có 9.643 ha khai thác mủ. Năm 1995 ước lượng 9.400 tấn mủ cao su chế biến.
- Công nghệ mủ kem (Latex) đầu tiên của ngành cao su những năm qua.
- 9 nông trường, lao động có tay nghề kỹ thuật cao. Cơ sở hạ tầng, giao thông liên lạc thông suốt, bảo đảm đầu tư phát triển công nông nghiệp.

CÔNG TY CAO SU BÌNH LONG HÂN HẠNH ĐÓN CHÀO SỰ HỢP TÁC LIÊN KẾT PHÁT TRIỂN SẢN XUẤT

Giám đốc công ty : **NGUYỄN VĂN SAO**

- LOCATION ANLOC DISTRICT TOWN.
  BINH LONG DISTRICT, SONG BE PROVINCE.
- TEL : 01 65 866324
- FAX : 65 866222

- Former name is TERRE ROUGE on fertile basaltic soil 15, 500 ha were planted 10 years ago with chigh yeilding cultivars, of which 9,643 ha are exploited. Outyield about 9,400 tons of processed latex in 1995.
- Cream latex technology has been applied firstly and unique in the company.
- Company consist of 9 plantations with skill workers. Well transporation and infractructure assure the investment for ago-industrial development.

WARM WELCOME JOINT - VENTURE AND COOPERATION IN PRODUCTION WITH OUR COMPANY.

Dire **NGUYEN VAN SAO**

7 3715

Digitized by Google

IN TẠI NHÀ IN TẠP CHÍ CỘNG SẢN CHỈ S 1265- ISSN 0866-7276 GIÁ : 3000 Đ

Digitized by Google

Digitized by Google

Digitized by Google

Digitized by Google

Digitized by Google

Digitized by Google